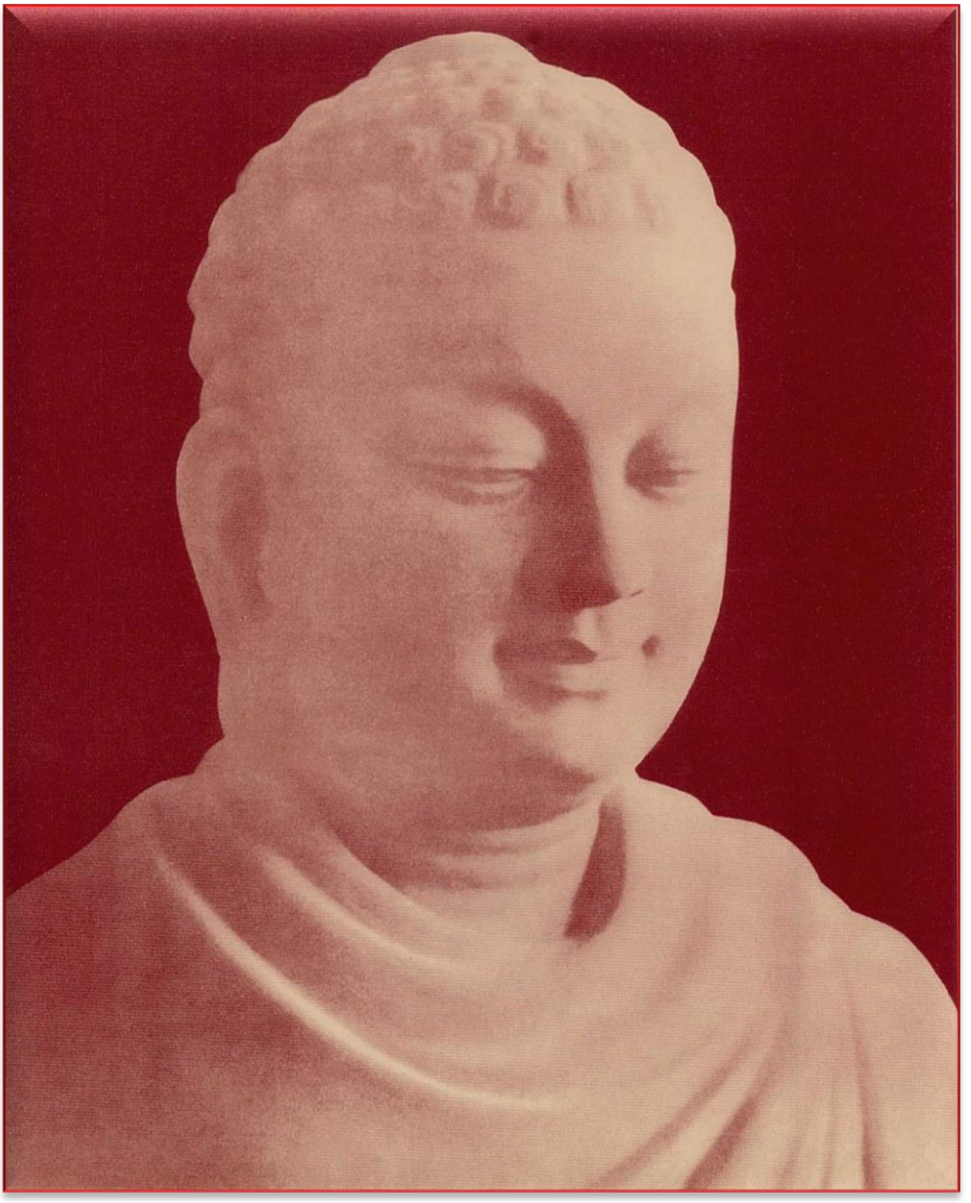


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 69

BỘ KINH TẬP XVI

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 69

BỘ KINH TẬP XVI

SỐ 805 → 847

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ KINH TẬP 16 – T069

SỐ 805 ..... **3**
PHẬT THUYẾT CHIÊN-ĐÀN THỌ KINH **3**
SỐ 806 ..... **6**
PHẬT THUYẾT KHÔ THỌ KINH **6**
SỐ 807 ..... **7**
PHẬT THUYẾT NỘI TẠNG BÁCH BẢO KINH **7**
SỐ 808 ..... **16**
PHẬT THUYẾT ĐỘC TỬ KINH **16**
SỐ 809 ..... **18**
PHẬT THUYẾT NHŨ QUANG PHẬT KINH **18**
SỐ 810 ..... **25**
KINH CHƯ PHẬT YẾU TẬP **25**
QUYỂN THƯỢNG **25**
QUYỂN HẠ **48**
SỐ 811 ..... **77**
PHẬT THUYẾT QUYẾT ĐỊNH TỔNG TRÌ KINH **77**
SỐ 812 ..... **88**
BỒ-TÁT HÀNH NGŨ THẬP DUYÊN KINH **88**
SỐ 813 ..... **94**
PHẬT THUYẾT VÔ HY VỌNG KINH **94**
SỐ 814 ..... **122**
PHẬT THUYẾT TƯỢNG DỊCH KINH **122**
SỐ 815 ..... **147**
PHẬT LÊN TRỜI ĐAO-LỢI THUYẾT PHÁP CHO THÂN MẪU **147**
QUYỂN THƯỢNG **147**
QUYỂN TRUNG **171**
QUYỂN HẠ **184**
SỐ 816 ..... **200**
PHẬT THUYẾT ĐẠO THẦN TÚC VÔ CỰC BIẾN HÓA KINH **200**
QUYỂN 1 ..... **200**
QUYỂN 2 ..... **220**
QUYỂN 3 ..... **234**
QUYỂN 4 ..... **252**
SỐ 817 ..... **265**
PHẬT THUYẾT ĐẠI TỊNH PHÁP MÔN KINH **265**

SỐ 818 297
KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM PHÁP MÔN 297
QUYỂN THƯỢNG 297
QUYỂN HẠ 310
SỐ 819 331
PHẬT THUYẾT PHÁP THƯỜNG TRỤ KINH 331
SỐ 820 333
PHẬT THUYẾT DIỄN ĐẠO TỤC NGHIỆP KINH 333
SỐ 821 349
KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHƯ LAI BÍ MẬT TẠNG 349
QUYỂN THƯỢNG 349
QUYỂN HẠ 367
SỐ 822 381
PHẬT THUYẾT CHƯ PHÁP DUNG VƯƠNG KINH 381
SỐ 823 405
PHẬT THUYẾT NHẤT THIẾT PHÁP CAO VƯƠNG KINH 405
SỐ 824 428
KINH CHƯ PHÁP TỐI THƯỢNG VƯƠNG 428
SỐ 825 457
KINH THẬM THÂM ĐẠI HỒI HƯỚNG 457
SỐ 826 462
KINH ĐỆ TỬ CHẾT RỒI SỐNG LẠI 462
SỐ 827 469
KINH NGƯỜI CÀY RUỘNG LƯỜI BIẾNG 469
SỐ 828 471
KINH VÔ TỰ BẢO KHIẾP 471
SỐ 829 477
ĐẠI THỪA LY VĂN TỰ PHỔ QUANG MINH TẠNG 477
SỐ 830 482
KINH ĐẠI THỪA BIẾN CHIẾU QUANG MINH TẠNG VÔ TỰ PHÁP MÔN 482
SỐ 831 488
KINH BÁNG PHẬT 488
SỐ 832 496
KINH PHẬT NGỮ 496
SỐ 833 500
KINH ĐỆ NHẤT NGHĨA PHÁP THẮNG 500
SỐ 834 515
KINH ĐẠI OAI ĐĂNG QUANG TIÊN NHÂN VẤN NGHI 515

SỐ 835 530
KINH NHƯ LAI SƯ TỬ HỐNG 530
SỐ 836 536
KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG SƯ TỬ HỐNG 536
SỐ 837 542
PHẬT THUYẾT XUẤT SINH BỒ-ĐỀ TÂM KINH 542
SỐ 838 561
PHẬT THUYẾT PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM PHÁ CHƯ MA KINH 561
QUYỂN THƯỢNG 561
QUYỂN hạ 571
SỐ 839 581
KINH CHIÊM SÁT THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO 581
QUYỂN THƯỢNG 581
QUYỂN HẠ 599
SỐ 840 611
KINH XƯNG TÁN ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC 611
SỐ 841 617
KINH THUYẾT DIỆU PHÁP QUYẾT ĐỊNH NGHIỆP CHƯỚNG 617
SỐ 842 621
KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA 621
SỐ 843 659
KINH ĐẠI THỪA BẤT TƯ NGHỊ THẦN THÔNG CẢNH GIỚI 659
QUYỂN THƯỢNG 659
QUYỂN TRUNG 669
QUYỂN HẠ 679
SỐ 844 687
PHẬT THUYẾT ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VỊ TẰNG HỮU KINH, PHẨM PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO 687
SỐ 845 692
PHẬT THUYẾT TÔN-NA KINH 692
SỐ 846 698
KINH NGOẠI ĐẠO VẤN THÁNH ĐẠI THỪA PHÁP VÔ NGÃ NGHĨA 698
SỐ 847 702
ĐẠI THỪA TU HÀNH BỒ-TÁT HẠNH MÔN CHƯ KINH YẾU TẬP 702
QUYỂN THƯỢNG 702
QUYỂN TRUNG 736
QUYỂN HẠ 769

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 69

BỘ KINH TẬP 16

SỐ 805 → 847

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 805

PHẬT THUYẾT CHIÊN-ĐÀN THỌ KINH

Hán dịch: Mất tên người dịch,
nay trích lục nơi bản đời Hán.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo ở nước Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, có cư sĩ theo Phật hiểu rõ pháp nên thỉnh Phật để cúng dường. Đức Phật chú nguyện xong, cư sĩ cung kính ở trước Phật xin được nghe pháp. Đức Phật mỉm cười, từ miệng ánh sáng phóng ra năm màu, vòng quanh thân ba vòng rồi đi vào đỉnh đầu.

Tôn giả A-nan sửa y phục, chắp tay bạch Phật:

–Phật không mỉm cười vô cớ. Mỉm cười tất thuyết pháp, có sự tế độ. Nguyện xin Phật thuyết pháp.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Này A-nan! Vì lòng Từ bi rộng lớn, ta muốn giảng bày rõ ràng chánh pháp cho tất cả chúng sinh. Sa-môn các ông nên giữ gìn oai nghi, nay ta sẽ diễn nói. Hãy lắng nghe và thọ trì.

Thuở ấy, ở nước kia, có năm trăm người vào biển nhặt lấy châu báu rồi để thuyền đi bộ về nhà. Họ phải trải qua rừng sâu, chiều tối dừng ngủ, sắp đặt xong xuôi sáng sớm lại lên đường. Tuy nhiên sáng hôm sau, bốn trăm chín mươi chín người đều cùng nhau đi hết chỉ có một người ở lại. Người này do ngủ say nên lạc đoàn lại gặp trời mưa tuyết, quên mất đường đi, nguy khốn ở trong rừng bèn khóc lóc kêu trời. Bấy giờ, bên cạnh có cây hương Chiên-đàn lớn, thần cây bảo người lạc đường có thể ở lại đây, thần cây sẽ cấp cho y phục, thức ăn, đến mùa xuân rồi đi. Người lạc đường liền ở lại, cho đến ba tháng, liền bảo với thần cây:

–Tôi thọ ân Thần mà được toàn thân mạng. Tôi chưa có chút gì gọi là báo đáp. Tôi vốn có cha mẹ, nay đang ở quê nhà. Thật ra, tôi suy nghĩ muốn được trở về, xin phép được ra đi.

Thần cây nói:

–Được, người cứ tùy ý.

Thần cây cho một miếng vàng và bảo:

–Cách đây không xa sẽ gặp đất nước, người có thể trở về quê hương.

Người nghèo sắp đi liền hỏi thần:

–Cây này hương thơm tinh khiết, hiếm có ở đời. Nay tôi phải trở về, xin biết được tên gọi cây này.

Thần cây bảo:

–Ông không cần phải biết làm gì.

Người nghèo lại nói:

–Nương nhờ bóng râm của cây này mà tôi đã trải qua ba tháng, nay phải trở về đến nước mình, tôi sẽ tuyên dương ân huệ của cây.

Thần liền nói:

–Đây là cây Chiên-đàn. Gốc, nhánh, cành, lá của cây có thể trị được trăm bệnh cho người. Hương thơm của cây bay xa, hiếm có ở đời. Con người thường tham cầu không biết tu đạo.

Người nghèo trở về quê cũ, bà con nội ngoại đều hoan hỷ, vui mừng. Sau đó không lâu, nhà vua bị bệnh đau đầu nhưng dù cúng tế cầu trời, đất, quỷ, thần bệnh vẫn không thuyên giảm. Danh y cho biết nên tìm bằng được hương Chiên-đàn dùng để trị bệnh liền được lành mạnh.

Nhà vua liền tìm kiếm trong nhân gian không có liền truyền lệnh: "Trong nước, ai tìm được hương Chiên-đàn, sẽ được ban cho chức tước, lấy con gái trẻ làm vợ."

Lúc ấy, người nghèo nghe ban thưởng trọng hậu, liền đến chỗ vua thưa: "Bề tôi biết chỗ hương Chiên-đàn". Vua liền ra lệnh cho cận thần dẫn người nghèo đi chặt cây hương Chiên-đàn. Đến chỗ cây, sứ giả thấy cây to lớn cương trực; cành, nhánh sum suê, hoa trái rực rỡ, người đời hiếm được thấy nên không đành lòng chặt. Không chặt thì trái lệnh vua và bệnh của vua không được lành. Chặt thì trong lòng trắc ẩn, lần lữa bồi hồi không biết làm sao. Thần cây ở không trung liền nói: "Hãy chặt đi nhưng để gốc cây lại. Chặt xong lấy máu người bôi lên, lấy gan, ruột phủ ở trên, cây sẽ mọc lại như cũ". Sứ giả nghe thần nói như thế liền ra lệnh cho người chặt cây. Khi đó người nghèo đứng ở bên cây. Cây ngã xuống đất cành cây đánh chết người nghèo. Sứ giả cùng bàn với mọi người: "Vừa rồi thần cây nói phải đem máu, gan, ruột người để tế lễ cây lòng tôi bùi ngùi không biết tìm ai đây! Nay người này đã chết nên dùng vào việc ấy". Người đồ tể liền cắt lấy gan, ruột của người chết làm theo lời thần bảo, cây liền sinh trở lại. Những người ấy, dùng xe chở cây về nước. Lương y liền dùng cây nấu thuốc dâng

lên nhà vua, bệnh của vua tức thì hoàn phục khiến cho nhân dân cả nước đều vui mừng. Sau đó, vua truyền lệnh cho nhân dân trong nước ai có bệnh đều đến cung vua. Vua đem thuốc hương cho họ, bệnh đều được lành. Thân vua khỏe mạnh, dân chúng cũng hết bệnh. Cả nước vui mừng, thái bình như ý.

Tôn giả A-nan rời chỗ ngồi, đảnh lễ bạch Phật:

–Người nghèo này vì sao lại tráo trở, làm trái lời thệ nguyện của thần cây?

Đức Phật nói:

–Xưa kia vào thời Phật Duy-vệ, có ba cha con nhà nọ. Người cha giữ gìn năm giới, hành mười điều thiện, trì Bát quan trai, chưa từng lười biếng. Anh cả thường ở trong đình, đốt hương giữa không trung, cúng dường chư Phật mười phương. Em út ngu si không biết Tam bảo liền lấy áo che trên hương người. Anh nói: "Việc hệ trọng này sao dám sai phạm?". Em út sinh ác ý: "Thề chặt chân anh cả". Người anh cả lại nghĩ: "Sẽ đánh chết em". Người cha nói: "Hai con tranh cãi làm ta đau đầu". Anh cả nói: "Nguyện bổ thân con làm thuốc, khiến cho bệnh cha được thuyên giảm".

Lời đã nói không thể mất đi cho nên đời đời chịu tội. Em út khởi ác ý muốn chặt chân anh, kết quả sau này dẫn người đến chặt cây. Anh cả muốn đánh em chết nay làm thần cây, kết quả là như cây đánh chết người em. Nhà vua đau đầu, lúc ấy là cha của họ, nhờ tinh tấn trì trai nên được tôn quý. Lúc ấy nói làm cho ta đau đầu nên chịu hậu quả đau đầu. Mỗi người tự thọ lấy tai ương của mình.

Đức Phật nói:

–Tội phước báo ứng như hình theo bóng. Đức Phật giảng rộng về giới của thân, miệng, ý cư sĩ liền hướng Tu-đà-hoàn đạo, dẫn vợ con, đem của báu cúng dường Phật. Mọi người đều phát đạo tâm.

Đức Phật thuyết kinh này xong, cư sĩ hoan hỷ cúi đầu đảnh lễ.

-oOo-

SỐ 806

PHẬT THUYẾT KHÔ THỌ KINH

Vào thời Phật Ca-diếp, ở phía Bắc thành Tăng-già-ni, Thâu-bà ẩn chìm ở Kim cang phương dưới. Đức Phật thuyết pháp cho mẹ ở trên trời xong rồi, trở về thành này.

A-nan bạch Phật:

–Phật từ trời xuống do đâu dùng cờ xí?

Phật nói:

–Nay Ta sẽ hiện chứng. Phật liền duỗi cánh tay xuống phương dưới, nắm lấy Thâu-bà nơi Phật Ca-diếp. Thâu-bà này do đá ngọc đủ màu tạo thành gọi là Tăng-già-thi. Cha Phật Ca-diếp gọi là Lập-bà, còn gọi là Từ Tạo, cao ba trăm khuỷu tay, vuông vắn ba dặm rưỡi. Vốn nó do bảy báu làm thành nên có bảy màu sắc. Hiện tại thành lấy tên Thâu-bà này làm danh xưng vậy.

Sở dĩ Ca-diếp, A-nan… chọn nơi này để kết tập kinh là có hai việc không thể xảy ra ở chỗ Niết-bàn. Một là không ở trong loài người; hai là trời, người, bốn loài đến, đều sẽ thương cảm loạn tâm, không bình tĩnh lắng nghe. Kết tập xong, ngay tại chỗ ấy các vua xây dựng Tăng-già-lam gọi là chùa các vua.

Ở phía bắc Thâu-bà, về sau vua Quần-trà không thích Thâu-bà ngăn che cửa thành. Vua muốn phá hoại nó liền ra lệnh sáng mai trong thành đem thuổng để phá hoại đi. Nửa đêm Thâu-bà liền dời đi. Từ trên thành vang lên âm thanh chấn động đất nước. Cách phía Nam của thành khoảng hai mươi dặm, ở giữa vườn cây vị thần khuyến khích vua phá chùa bị giết chết năm họ. Vua thấy tai họa xảy ra, hối lỗi xin làm thiện nam, lại ra lệnh di dời trở lại đã hơn bốn mươi năm. Chùa các vua bị hư hoại, về sau có vua Huỳnh lại tu sửa nó. Ngày nay hiện có.

-oOo-

SỐ 807

PHẬT THUYẾT NỘI TẠNG BÁCH BẢO KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng
Chi-lâu-ca-sấm, người nước Nguyệt Chi.

Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ. Lúc bấy giờ có một vạn hai ngàn Tỳ-kheo Tăng và Bồ-tát bảy vạn hai ngàn vị cùng an tọa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Đức Phật thưa:

–Nay Bồ-tát trong đại hội này muốn nghe Phật dạy những việc làm để nhập vào phương tiện thiện xảo. Do nhân duyên gì Bồ-tát phân biệt biết việc trong ngoài?

Phật bảo, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ông hãy lắng nghe ta giảng nói! Tùy theo tập tục của thế gian mà giáo hóa. Trí Phật không thể lường, kinh pháp không thể tính kể, các hàng A-la-hán, Bích-chi-phật còn có điều không thể nhận biết, huống chi là người thế gian mà nghe biết được. Những việc làm của người thế gian đều đắm nhiễm; việc làm của chư Phật thì không đắm nhiễm, chỉ có Phật với Phật mới có thể cùng thấu tỏ, như kinh pháp của Phật đã nói, như tâm trí tuệ ở trong ngoài thân Phật.

Nhân duyên gì Phật xuất hiện ở thế gian? Do đâu mà phân biệt nhận biết, tuy ở thế gian nhưng không đắm nhiễm, tất vì thế gian làm ánh sáng?

Việc thân làm, lời miệng nói, điều ý suy nghĩ, tùy theo tập tục của thế gian mà hội nhập ngay trong việc làm. Việc làm của chư Phật đã làm không ai có thể hơn được, việc làm của chư Phật không ai có thể đuổi kịp, tùy theo tập tục của thế gian mà hội nhập, không ai có thể thấu đạt được. Phật vì thương xót chúng sinh trong mười phương, nên thị hiện ánh quang minh, tùy theo sự ưa thích của thế gian, vì họ mà giảng nói kinh pháp.

Bồ-tát không từ tinh cha huyết mẹ mà sinh ra, do biến hóa mà có thân, ví như huyễn hóa, thị hiện có cha mẹ, là thuận theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập thị hiện như vậy.

Hào quang của chư Phật không thể lường được, chiếu sáng khắp mười phương, tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện bảy thước

ánh sáng.

Phật chưa từng dùng chân đi trên mặt đất, tướng vân nơi bàn chân lại hiện lên trên đất, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật từ vô số ngàn ức a-tăng-kỳ kiếp đến nay thành tựu Bát-nhã ba-la-mật, tùy tập tục của thế gian mà hội nhập, thị hiện trẻ sơ sinh.

Phật chiếu ánh sáng khắp chúng sinh nơi mười phương ở trong chỗ tối tăm của dâm dục, là tùy theo tập tục của thế gian mà hội nhập, cũng lại thị hiện có vợ con.

Bồ-tát lúc sinh ra vừa chạm đất tự nói: "Trên trời dưới trời không ai hơn ta. Ta sẽ vượt qua mọi người trong mười phương", là tùy theo tập tục của thế gian mà hội nhập, nên cũng lại hỏi đạo. Thái tử lúc ngồi nơi gốc cây ở cõi Diêm-phù-đề, từ đó chịu khổ trong sáu năm, là tùy theo tập tục của thế gian mà hội nhập, thị hiện người tu hạnh khổ như vậy.

Khi Phật sắp thành đạo, an tọa một mình nơi gốc cây là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, phóng ra ánh sáng khiến ma biết việc đó.

Trí tuệ của Phật thành tựu hết thảy, không ai hơn được, tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, được thành Phật ngồi an ổn, thị hiện ở thế gian như vậy.

Tuy được thành Phật, nhưng vì thương xót chúng sinh trong mười phương, nên vì họ giảng nói kinh pháp để hóa độ, Phạm thiên, Đế Thích theo Phật cầu xin thương xót muôn loài, nên khiến Phật giảng nói kinh, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Trí tuệ của Phật không có tăng giảm, tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện trí tuệ nhiều ít như vậy.

Phật cũng không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, trụ nơi chân như vốn không, tùy theo tập tục của thế gian mà hội nhập, nói Phật có ra vào, thị hiện như vậy.

Phật không đến, không trụ, ví như hư không, cũng không đến không trụ, tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, gọi Phật là trụ, thị hiện như vậy.

Chân Phật ví như hoa sen không dính bụi nhơ, Phật rửa chân, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Thân Phật như vàng ròng không dính bùn đất, Phật hiện bày việc tắm rửa, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Miệng Phật vốn trong sạch, ví như hương Uất kim, Phật lại dùng

dương chi súc miệng, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật chưa từng có lúc đói, vì thương xót chúng sinh trong mười phương, mà hiện bày có khi đói, là tùy theo tập tục nơi thế gian để hội nhập, thị hiện như vậy.

Thân Phật như Kim cương trong sạch, không chút cấu uế, không đại tiểu tiện, hiện bày là người có đại tiểu tiện, tức tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Thân Phật không có già, suy yếu, chỉ có các đức, nhưng hiện bày thân già yếu, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Thân Phật chưa từng có bệnh, mà hiện có bệnh, mời thầy, uống thuốc, khiến người cho thuốc được phước vô lượng, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Diệu lực của Phật không gì có thể địch nổi, chỉ dùng một ngón tay là làm chuyển động các cõi Phật trong mười phương. Hiện bày ra người gầy ốm, mỏi mệt, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Trong khoảng một niệm Phật có thể bay đến vô số cõi Phật, nhưng hiện bày sự mệt mỏi, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Thân Phật như huyễn, dùng kinh pháp làm thân, hiện bày người bất định, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật vốn không có sở hữu, theo những điều ưa thích ở đời mà hiện có sở hữu, là tùy thuận tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Diệu lực nơi thân Phật là không thể lường tính được, trọn không có đi, đứng, nằm, ngồi, mà hiện bày là người có đi đứng nằm ngồi, tức tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Thân Phật không bao giờ bị lạnh nóng làm động, theo thời có được lạnh nóng ấm mát là tùy thuận tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật như hư không, hiện bày làm người luôn mặc áo không lúc nào rời, ví như người nơi cõi Phạm thiên luôn mặc áo, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Tóc trên đầu Phật chư từng bị rơi rụng, pháp có tóc là để chỉ dạy cho người, cũng không có ai thấy cầm dao cắt tóc bỏ đi, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật không khi nào ngồi, hiện làm người siêng năng tu hạnh khổ,

ngồi trên tảng đá, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Yết hầu của Phật có tướng vị ngon, chưa từng có lúc đói, vì thương xót chúng sinh trong mười phương, nên hiện bày có người đem cho những vật thô xấu đều nhận hết, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phước đức của Phật là không thể cùng tận, cũng không ai hơn được. Phật vào thành khất thực, trở ra với bát không, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Công đức phước báo của Phật là không thể hết, muốn được y tốt đẹp nhất của cõi trời, cõi người đều có thể được, nhưng mặc y bổ nạp, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật muốn được nhà cửa, giường nệm đồ nằm, điện đền, châu báu nơi cõi trời, cõi người đều có thể được, nhưng hiện bày là người thế gian, ngồi thiền tư trên nệm cỏ ngoài trời, là tùy theo tập tục ở đời để hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật vận dụng oai thần, thổi nước biển đều khiến cho khô cạn, nhưng thấy trời mưa phải cầm dù che, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Trong một niệm, Phật có thể khiến cho ngàn vạn ức các ma không biết nơi Phật, nhưng thị hiện làm người bị ma quấy nhiễu là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật hiểu rõ tất cả kinh pháp hiện có của chư Phật trong mười phương không thể tính kể nhưng thị hiện làm người hỏi đi hỏi lại, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật vì thương xót chúng sinh nơi mười phương cho nên xuất hiện ở thế gian nhằm giáo hóa, độ thoát, lại hiện người cúng dường đạt được phước vô lượng, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật vốn không, nhưng tùy theo sắc tướng mà thế gian ưa thích, nên thị hiện thân như vậy, là tùy theo tập tục ở đời để hội nhập, thị hiện như vậy.

Nhóm họp âm thanh sấm chớp trong mười phương làm thành một âm thanh cũng không thể làm chuyển động một sợi lông nơi Phật, nhưng thị hiện nhập thiền định, Tam-muội ở chỗ không có âm thanh, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Các kinh pháp vốn không có tên, nhưng Phật thị hiện người giảng nói vô số kinh pháp, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Dòng tư tưởng của Phật dù chấm dứt hay thường còn, cũng không lìa Tam-muội, nhưng thị hiện làm người giảng nói từng ấy kinh pháp, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Điều thiện ác mà tiền thân Phật đã làm, chẳng những chỉ nơi tiền thân nhận chịu, mà hậu thân cũng sẽ nhận chịu, nhưng Phật thị hiện người ngoài tự làm tự chịu, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật biết thế gian vốn không có người, tất cả vốn không có hình thể, Phật thị hiện độ thoát vô số người, là tùy theo tập tục nơi thế gian để hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật biết các kinh pháp vốn không, gốc cũng không thật có, thị hiện người lại có sống chết, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Vốn không có việc đời nay, đời sau, Phật thị hiện có việc đời nay, đời sau, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Năm ấm, sáu trần, bốn đại hợp thành một thân vốn không có, Phật thị hiện người ở Dục giới, Sắc giới, Vô tư tưởng giới, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Vốn không có người quá khứ, hiện tại, vị lai, Phật thị hiện người sống chết trong năm đường, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật vì hết thảy chỉ rõ sự ngu si đều chấm dứt nhưng hiện làm người được bố thí, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật biết rõ cội gốc của hết thảy kinh pháp ở quá khứ, hiện tại, vị lai, nhưng Phật thị hiện người có thể giảng nói hoặc không thể giảng nói, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật nhận biết hết thảy nguồn gốc ngọn sâu xa của các kinh, nhưng Phật phân biệt tự giảng nói từng sự việc, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Lời Phật giảng nói không có sai khác, nhưng pháp Tứ đế thì tùy theo chỗ lãnh hội nơi mỗi người mà diễn nói, là tùy thuận tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Các Tỳ-kheo Tăng khó có thể hủy hoại. Giả sử có ngàn vạn ức ma

đến cùng với các việc ác cũng không thể phá hoại được chúng Tỳ-kheo Tăng. Phật hiện bày người phá hoại Tỳ-kheo Tăng, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Kinh pháp vốn không do người học, mà cũng không do người không học, Phật thị hiện dạy người học kinh pháp đây là pháp thọ giới, hoặc không thọ giới, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Hoàn toàn rỗng lặng cũng không bị ràng buộc, cũng không thoát khỏi thế gian, Phật thị hiện người độ thoát, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Niết-bàn của Phật không có nơi hướng đến. Niết-bàn của A-la-hán cũng không có nơi hướng đến. Phật giảng nói pháp chỉ dạy cho người, là tùy theo tập tục nơi thế gian để hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật nói không có sinh, không có diệt, đó là con đường xuất ly, cũng không có cái được, cũng không có cái mất, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật nói Niết-bàn ví như đèn hết cháy, không có hình dáng, chỉ có văn tự mà thôi. Kinh pháp cũng không ai có thể hủy hoại được, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật biết hết các kinh pháp vốn không có hình tướng, Phật hiện bày người giảng nói kinh pháp rất nhiều, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Tâm của chư Phật đều tự tại không có trở ngại, chưa từng lìa Tam-muội, Phật thị hiện người dấy khởi niệm, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật chấm dứt các điều ác, chỉ có đầy đủ các công đức, nhưng Phật thị hiện người chưa dứt điều ác, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Thân làm, miệng nói, tâm suy nghĩ của Phật luôn cùng với trí tuệ tương ưng đó là điều căn bản, nhưng Phật thị hiện người khiến Tỳ-kheo giảng nói pháp, tự mình trở lại muốn nghe, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Sự hiểu biết nơi trí tuệ của Phật là không có giới hạn. Quá khứ, hiện tại, vị lai vốn không, Phật thị hiện người giảng nói kinh pháp, theo chỗ ưa thích của mỗi người mà nói, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Chư Phật hợp một thân, lấy kinh pháp làm thân, Phật hiện người

giảng nói kinh pháp, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật vì hàng Bích-chi-phật, A-la-hán, những người chưa đắc đạo, hiện bày sự sống chết đạt được Niết-bàn, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật hiện bày vì hàng A-la-hán giảng nói đầy đủ kinh pháp, tuy A-la-hán nhận biết đầy đủ về kinh pháp nhưng không bằng Nhất thiết trí, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Trí tuệ của Phật không ai có thể vượt hơn, tất biết không có quá khứ, hiện tại và vị lai, Phật thị hiện nhân duyên nói kinh pháp, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Có người muốn biết Phật và pháp Phật, thì kinh vốn là giềng mối để vào khiến người ấy hiểu rõ Phật, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Bồ-tát cũng không vào trong bụng mẹ, cũng không từ bụng mẹ mà ra. Vì sao? Vì kinh pháp vốn là cảnh giới không gì là không vào. Bồ-tát hiện người vào trong bụng mẹ, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Pháp lạc không từ đâu sinh ra, kinh pháp cũng không từ đâu sinh ra, Bồ-tát hiện người lúc mới sinh, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Bồ-tát ở trong thai mẹ, trụ nơi định không, cùng thọ nhận một cảnh giới Phật. Bồ-tát thị hiện người mỗi mỗi đều do nhân duyên sinh, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật hóa, phân thân vô số không thể tính kể, biến hiện khắp các cõi Phật, nhưng thân Phật cũng không tăng không giảm, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Bồ-tát thường thị hiện là sống không có thời gian chấm dứt, thường an trụ "vốn không", không khổ nhọc, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Trí tuệ, công đức, oai thần của Phật là không thể suy tính. Phật thị hiện người có giới hạn dài ngắn, hơn kém khiến người biết được điều đó, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Kinh pháp vốn là pháp giới, không ai có thể vượt qua được, vì quá khứ, hiện tại và vị lai đều là không, Phật thị hiện người tôn trọng kinh pháp, là tùy theo tập tục nơi thế gian hội nhập mà thị hiện như vậy.

Vốn không có sinh cũng không có diệt, kinh vốn là điều kiện để vào pháp giới, Phật thị hiện cảnh giới của người có lúc bị hủy hoại là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Kinh pháp vốn không từ đâu sinh ra, không có hình tướng để trụ, Phật hiện bày kinh pháp là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Quán pháp vốn không, cũng không có chỗ thấy, cũng không có chỗ để nhìn. Phật xem người đều nhận thấy, đều biết rõ, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Các kinh pháp không có người làm ra, cũng không từ đâu mà sinh ra. Phật hiện bày kinh pháp cho con người vốn không từ đâu sinh ra, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Niết-bàn và không, không có hình tướng, âm thanh, cũng không có tên gọi. Phật hiện bày bốn đại, hình tướng, âm thanh, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Diệu lực của Phật không ai có thể sánh được, cũng không thể suy tính, cũng không có lúc suy giảm, chấm dứt. Phật thị hiện người già suy yếu, cầu người giúp đỡ, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Từ bi của Phật biến hiện khắp, trọn không có lúc nguy nan, cùng cực. Phật hiện bày người si mê không thể gánh vác việc gì là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Mọi công đức của Phật đều thành tựu đầy đủ, Phật thị hiện ít công đức là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Không từ đâu mà sinh ra, vốn từ bên trong, cũng không có nơi sinh ra. Phật hiện bày ba môn, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật hiện bày gốc ngọn không có ngăn ngại, phước đức không ai có thể hơn được. Phật thị hiện người có bố thí cho người, không những được đầy đủ, mà còn thị hiện sự không tham lam, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Người có lòng chí thành, thiện ý niệm Phật, Phật liền vì họ hiện thân không có giới hạn, Phật hiện thân hành đạo Bồ-tát, là tùy theo tập tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật độ thoát người không thể tính kể được, độ hàng a-tăng-kỳ người mà không thấy độ một người nào. Vì sao? Vì vốn là không là tùy theo tập

tục nơi thế gian mà hội nhập, thị hiện như vậy.

Phật giảng nói kinh Trân Bảo Nội Tạng, người nghe không ai là không an ổn, hóa độ vô số ngàn vạn ức như vậy, việc hóa hiện của Bồ-tát là vì mười phương chúng sinh. Bồ-tát đời đời thực hành kinh giới chưa từng có khi nào phạm, thực hành như thế nên đạt được trí tuệ của Phật. Nếu có ai thực hành kinh này thì mau được thành Phật. Bồ-tát thực hành Từ bi, tạo lợi ích khắp mười phương không cùng tận, người nào thực hành như thế tất mau được thành Phật, nên người nào nghe kinh này mà lại không phụng hành? Oai thần của Phật vòi vọi, nên người được nghe kinh pháp thì không ai là không giải thoát.

Phật giảng nói kinh rồi, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và các vị Bồ-tát… thảy đều hoan hỷ, đến trước Phật làm lễ rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 808

PHẬT THUYẾT ĐỘC TỬ KINH

(KINH TRÂU NGHÉ)

Hán dịch : Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Kỳ hoàn A-na-bân-trì-a-lam thuộc Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bị mắc bệnh đang cần sữa trâu. Cách thành không xa có Bà-la-môn giàu có. Đức Phật bảo A-nan:

–Ông đến nhà Bà-la-môn xin sữa trâu.

A-nan vâng lời dạy đi đến nhà Bà-la-môn. Bà-la-môn hỏi A-nan:

–Đến đây cầu cái gì?

A-nan nói:

–Vừa rồi Như Lai bị bệnh trúng gió nên sai tôi đến xin sữa trâu.

Bà-la-môn nói:

–Trâu đang ở trong kia, tự đến đó mà lấy sữa.

A-nan liền đi đến chỗ trâu ở. Có một con trâu cái, tánh thường hung dữ, không ai có thể lại gần.

A-nan liền tự suy nghĩ: "Pháp của ta không nên tự vắt lấy sữa trâu".

Lúc ấy, Đế Thích biết tâm niệm của A-nan, liền đến hóa làm Bà-la-môn đứng cạnh bên con trâu ấy. A-nan đến nói:

–Bà-la-môn lấy giúp sữa trâu cho ta, rồi bảo con trâu:

–Như Lai bị bệnh, ngươi cho Như Lai xin sữa để Như Lai uống. Lành bệnh, ngươi được phước vô lượng không thể tính kể. Như Lai là Bậc Đại Sư của trời, người, thường dùng Từ tâm thương xót tất cả các loài nhỏ nhiệm, muốn cho tất cả được giải thoát khổ não.

Trâu nói:

–Tay ấy sờ mó vú ta, nhất định có khoái lạc. Trước tiên nắm lấy hai vú ta, sau đó lấy sữa mà ta đã để dành cho con ta. Con ta từ sáng đến giờ chưa ăn uống gì cả.

Bấy giờ, trâu nghé ở bên cạnh nghe đến danh Phật liền nói với mẹ:

–Mẹ hãy đem hết sữa để dành cho con dâng cúng Phật! Đức Phật là Bậc Đại Sư của trời, người, rất khó được gặp. Con tự ăn cỏ uống nước đủ để sinh sống. Vì sao? Từ trước đến nay thân con thường uống sữa. Nay làm thân trâu cũng lại uống sữa. Người ngu si ở thế gian nhiều vô lượng. Đời trước con nghe theo lời bạn bè xấu ác không tin kính Phật khiến cho con phải làm thân trâu, ngựa, trải qua mười sáu kiếp, mãi đến ngày nay mới nghe danh hiệu Phật. Mẹ hãy đem phần sữa để dành cho con dâng cúng đầy bát cho Phật đi để cho đời sau con được thông minh, có trí tuệ đắc đạo như Phật.

A-nan mang bát sữa trở về chỗ Phật.

Đức Phật hỏi A-nan :

–Mẹ con trâu ấy có nói gì không?

A-nan thưa:

–Thật là kỳ lạ! Con trâu trước đó rất hung hãn không thể gần được. Có một Bà-la-môn vắt sữa cho con. Trâu liền ôn hòa. Mẹ con con trâu đều nói tiếng người.

Đức Phật dạy:

–Trâu mẹ, trâu con này, đời trước không tin kính Phật nên đọa làm thân trâu, ngựa trong mười sáu kiếp. Nay được nghe danh Phật liền sinh tâm Từ dùng sữa cúng Phật. Mẹ, con con trâu ấy đời sau sẽ gặp Phật Di-lặc xuất gia làm Sa-môn và chứng quả La-hán. Trâu nghé sau khi chết rồi sẽ thọ trì kinh, giới, rải hoa, đốt hương, treo cờ, treo phan bằng ngũ sắc để cúng dường ta. Trải qua hai mươi kiếp sau sẽ được thành Phật, danh hiệu Như Lai Nhũ Quang, độ thoát chúng sinh.

Đức Phật nói:

–Do trâu dùng tâm tốt cúng dường sữa cho Phật nên thoát khỏi các khổ nạn, được vô lượng phước báu. Vì nhân duyên này nên các ông phải nhiệt tâm tin Phật, đọc tụng kinh điển và tinh tấn tu tập. Do vậy, ta muốn nói rộng cho tất cả trời, người đều biết rõ.

-oOo-

SỐ 809

PHẬT THUYẾT NHŨ QUANG PHẬT KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật cùng tám trăm Tỳ-kheo, ngàn vị Bồ-tát du hóa ở nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ quốc vương, đại thần, dân chúng và các hàng Trời, Rồng, Quỷ thần đều cùng tụ hội ở vườn cây Âm nhạc của Phạm chí Ma-điều để luận bàn kinh pháp. Lúc ấy Đức Phật trúng gió nên cần sữa trâu.

Bấy giờ, ở nước Tỳ-xá-ly, Phạm chí Ma-da-lợi có năm vạn đệ tử, lại được quốc vương, đại thần, nhân dân tôn kính. Phạm chí là người tài trí, giàu có, tham lam, ganh tỵ, không tin Phật pháp, không hoan hỷ bố thí nhưng tín ngưỡng đạo khác, thường dùng võng lưới che ở trên phòng và biệt thự của ông ta, làm cho chim không thể vào nhà ăn lúa. Ở chỗ ông ta cách vườn Âm nhạc không xa.

Lúc ấy, Đức Phật liền bảo A-nan đến nhà Phạm chí Ma-da-lợi xin sữa trâu cho Như Lai. A-nan vâng lời, đắp y, ôm bát đến cửa nhà ông ta. Phạm chí Ma-da-lợi cùng năm trăm đệ tử kỳ cựu sắp vào cung diện kiến vua. Vừa ra khỏi nhà gặp A-nan, Phạm chí hỏi:

–Ông sáng sớm đến đây có việc gì?

A-nan đáp:

–Đức Phật Thế Tôn trong thân không được an ổn, sai tôi sáng sớm đến xin sữa trâu.

Phạm chí im lặng suy nghĩ: "Nếu ta không lấy sữa cho A-nan thì mọi người cho ta là keo kiết. Nếu đem sữa cho thì các Phạm chí khác bảo ta cung phụng đạo Cù-đàm." Phân vân đôi đường, do đó ông ta chỉ đến con trâu hung dữ bảo A-nan tự đến lấy sữa. "Lại nữa, Cù-đàm với chúng ta cùng tranh luận công đức, ta thường muốn hơn ông ta thì phải khiến con trâu cái hung dữ này húc chết đệ tử ông ta, có thể làm nhục đạo ấy, làm cho ông ta trừ bỏ kiến chấp. Ta có thể trở lại được mọi người cung kính. A-nan có lấy được sữa hay không cũng làm cho mọi người biết ta không tiếc rẻ.

Vì bị trâu giết hại nên không lấy được sữa. Ý ta đã rõ ràng, đối với ta không có lỗi gì.” Phạm chí Ma-da-lợi mưu tính việc ấy rồi liền bảo A-nan:

–Sáng sớm bò đã thả rồi, ông đến trong chuồng kia để tự lấy sữa con trâu ấy.

Ma-da-lợi lại ra lệnh cho người tớ nhỏ của ông ta:

–Ngươi dẫn A-nan đến chỉ chỗ con trâu ấy, cẩn thận chớ có vắt lấy sữa, thử xem A-nan có lấy được sữa hay không?

Lúc ấy, năm trăm đệ tử nghe lời này rồi đều rất vui mừng, liền cùng nghi ngờ về việc quái lạ. Vừa rồi nghe A-nan đã nói rõ sự việc nên họ nói:

–Sa-môn Cù-đàm thường tự khen mình “Ta là bậc tôn quý nhất trong thế gian, cứu độ già, bệnh, chết trong mười phương”, vì sao thân Phật lại bệnh?

Năm trăm Phạm chí cùng nói như vậy. Xong lúc ấy, Duy-ma-cật muốn đến chỗ Phật, trên đường đi ngang qua trước cửa nhà Phạm chí Ma-da-lợi, do thấy A-nan nên hỏi:

–Vì sao sáng sớm Tôn giả ôm bát đứng đây, muốn xin thứ gì?

A-nan đáp:

–Như Lai trúng gió, cần sữa nên sai tôi đến đây.

Duy-ma-cật liền bảo A-nan:

–Chớ nói lời này! Thân Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác giống như Kim cang, mọi xấu ác đều đoạn tận. Thân Như Lai chỉ có các công đức lành hội tụ, nên có bệnh gì? Im lặng đi! Chớ nói như thế để ngoại đạo chê bai Như Lai. Cẩn thận! Chớ nên nói! Chớ để chư Thiên, Long thần nghe lời này. Chớ để Bồ-tát, A-la-hán mười phương nghe lời này. Chuyển luân thánh vương, pháp luân hiện tại do vô số công đức nên được tự tại. Huống chi từ vô số kiếp, Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác bố thí cho tất cả chúng sinh, vô lượng phước báu hợp thành thân Như Lai. A-nan! Chớ để cho Phạm chí ngoại đạo nghe lời nói không thuận hợp này. Hơn nữa, thân Thế Tôn có bệnh mà không thể chữa lành bệnh thì làm sao có thể cứu độ tất cả già, bệnh, chết. Thân Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác là Pháp thân, chẳng phải thân chưa giải thoát. Phật là Bậc Tối Tôn của trời, người. Phật không có bệnh, đã diệt sạch bệnh. Thân Như Lai có vô số công đức nên tất cả các bệnh tật đã bị trừ diệt. Bệnh ấy có nhân duyên không phải như thế. A-nan! Chớ có xin sữa! Hổ thẹn quá! Hãy nhanh chóng đi đi. Cẩn thận! Chớ nhiều lời!

A-nan nghe rồi, vô cùng hổ thẹn, lo sợ, bỗng giữa hư không có tiếng

nói:

–Này A-nan! Đúng như lời Trưởng giả Duy-ma-cật nói. Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, ở đời ác năm trược, dùng nhân duyên này thị hiện để độ thoát tất cả những chúng sinh hành tham dục, sân nhuế, ngu si trong mười phương. Khi đi lấy sữa, Duy-ma-cật có nói lời ấy, chớ nên hổ thẹn.

Lúc ấy, A-nan cảm thấy kinh sợ, quái lạ, cho là mình nghe sảng, liền suy nghĩ: "Đây hoàn toàn là do oai thần của Như Lai cảm động nên."

Bấy giờ, năm trăm Phạm chí nghe giữa không trung nói lời như thế nên không còn tâm hồ nghi, đều rất vui mừng, phát tâm Bồ-đề Vô thượng chánh chân. Quyến thuộc Ma-da-lợi cùng ngàn người trong tụ lạc đều theo A-nan đến xem trâu. A-nan đến đứng bên cạnh con trâu, niệm thầm: "Nay ta phụng sự Đạo Sư, theo pháp Sa-môn không được tự tay vắt sữa trâu". Vừa nói dứt lời, tòa Thiên đế Đao-lợi ở tầng trời thứ hai lay động. Từ trên trời Thiên đế hạ xuống nhân gian hóa làm Phạm chí trẻ tuổi, y phục chỉnh tề, đứng bên cạnh con trâu. A-nan thấy vậy rất vui mừng, bảo Phạm chí lấy giùm sữa. Phạm chí ấy đáp:

–Tôi chẳng phải là Phạm chí mà là Thiên đế Thích ở tầng trời Đao-lợi thứ hai. Tôi nghe Như Lai muốn có được sữa trâu nên rời trú xứ đến nơi này muốn làm phước.

A-nan nói:

–Thiên đế ở ngôi vị tôn quý, vì sao đến gần chỗ trâu hôi tanh, ô uế này?

Đế Thích đáp:

–Sự hào kiệt của tôi làm sao sánh bằng sự tôn quý của Như Lai không biết mỏi mệt tạo lập công đức, huống chi Thiên đế nhỏ bé này. Ngôi vị của tôi vô thường rồi sẽ mất đi. Ngày nay không biết tạo lập công đức, phước báo sẽ mòn dần, sau không biết nương tựa vào đâu.

A-nan nói:

–Nếu muốn lấy sữa giúp tôi, xin lấy giùm cho.

Đế Thích đáp:

–Vâng.

Đế Thích cầm lấy bình bát đi đến chỗ trâu. Trâu đứng lặng yên, không dám nhúc nhích. Những người đến xem đều kinh ngạc:

–Phạm chí trẻ tuổi này thuộc đẳng cấp nào lại vì đệ tử Cù-đàm mà lấy sữa, hay là muốn con trâu hung dữ này đạp chết? Tại sao không để Sa-

môn đến lấy sữa?

Lúc ấy, Đế Thích vì A-nan mà xin sữa nên nói kệ:

Nay Phật bị trúng gió
Ngươi cho ta xin sữa
Để cho Phật thọ dụng,
Thì được vô lượng phước
Phật là Thầy trời, người
Từ tâm thương tất cả
Loài côn trùng nhỏ nhít
Cũng đều muốn độ thoát.

Lúc ấy, con trâu mẹ nói kệ:

Tay ấy sờ mó ta
Nhất định vui thích lắm
Lấy hai bầu sữa ta
Đến lúc còn dư thừa
Để lại cho con ta
Từ sáng chưa được bú
Dù biết có nhiều phước
Phải bình đẳng tác ý.

Lúc ấy trâu nghé liền nói kệ:

Vô số kiếp đến nay
Con mới nghe danh Phật
Nên đem hết phần con
Cúng dường Đức Thế Tôn
Phật là Thầy muôn loài
Rất khó mà gặp lại
Con ăn cỏ, uống nước
Đủ no ngày hôm nay
Xưa kia lúc làm người
Con uống rất nhiều sữa
Lúc làm loài cầm thú
Cũng uống nhiều như vậy
Người ngu si ở đời
Cũng nhiều như thế đó
Không biết việc bố thí
Sau ăn năn được gì?
Con ở trong đời trước

Tham lam và keo kiệt
Chạy theo bạn xấu ác
Không tin giới kinh Phật
Đọa làm thân trâu ngựa
Cho đến mười sáu kiếp
Nay mới gặp được Phật
Như bệnh gặp lương y,
Nên đem phần sữa con
Dâng cúng đầy bát đi
Mong đời sau có trí
Đắc đạo giống như Phật.

Bấy giờ, Thiên đế Thích lấy sữa đầy bát cho A-nan rồi đi. A-nan có được sữa, rất vui mừng. Phạm chí từ trong ấp đi ra xem, nghe được lời nói này của hai mẹ con trâu thì vô cùng kinh ngạc. Họ nói với nhau:

–Con trâu cái này, thường luôn hung dữ, người không dám gần, tại sao hôm nay hiền lành thuần thục như thế? Chắc là được A-nan cảm hóa. Đệ tử Cù-đàm còn có khả năng thế đó, huống chi Phật có đủ công đức, oai thần, biến hóa nhưng mà chúng ta lại không tin giáo pháp của Ngài.

Ngay lúc ấy họ hết sức tin hiểu Phật pháp. Phạm chí Ma-da-lợi, những người lớn nhỏ trong nhà, nam nữ trong ấp gồm có hơn vạn người đều rất vui mừng, xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh.

A-nan đem sữa trở về chỗ Phật, gặp lúc Phật đang thuyết pháp cho hàng ngàn người nghe. A-nan đến phía trước, sửa sang y phục, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Vừa rồi con vâng lời Thế Tôn đến nhà Phạm chí Ma-da-lợi xin sữa. Trâu mẹ, trâu con đều nói tiếng người. Con nghe lời nói ấy thì rất kinh ngạc và lấy làm lạ.

Phật bảo A-nan:

–Hai mẹ con con trâu này đều nói, tại sao ông lại nghi ngại?

A-nan bạch Phật:

–Ông Ma-da-lợi ấy có một con trâu rất hung dữ muốn đạp chết người. Người trong nhà không ai dám gần. Người chủ dù không lấy được sữa nhưng muốn nó sinh con. Con trâu ấy sinh trâu nghé rất hiếu thảo hơn trăm ngàn lần các con nghé khác. Phạm chí âm thầm sai người cai quản không được cho con lấy sữa. Con suy nghĩ: "Pháp của Sa-môn không nên tự tay vắt sữa" thì đột nhiên ở tầng trời Đao-lợi thứ hai Đế Thích hạ xuống, hóa làm trai trẻ, mặc y phục Phạm chí, đứng gần trâu cái. Con nói: "Nhờ ông

lấy giùm sữa". Đế Thích trả lời: "Vâng". Đế Thích liền đến lấy sữa và bảo trâu mẹ: "Nay, Đức Thế Tôn bị trúng gió nên cần sữa. Ngươi cho Như Lai sữa thì được phước vô lượng." Trâu đáp: "Lấy hai bầu sữa của ta thì còn gì cho con ta". Trâu nghé đứng bên cạnh mẹ, nghe danh hiệu Thế Tôn thì rất vui mừng, liền nói với mẹ: "Đem hết phần sữa của con cúng dường Thế Tôn. Như Lai là Bậc Đạo Sư của trời, người, rất khó được gặp. Lúc con làm người đã uống rất nhiều sữa. Khi làm súc sinh cũng lại như thế. Ở đời rất nhiều người ngu si, không biết bố thí đời sau sẽ được phước. Đời trước con theo bạn ác đánh nhau, không tin kinh pháp cho nên con phải đọa làm thân trâu ngựa, trải qua mười sáu kiếp mới được nghe danh hiệu Phật. Vậy mẹ hãy đem tất cả phần sữa cúng dường Như Lai, nguyện đời sau có được trí tuệ, đắc đạo như Phật." Hai mẹ con con trâu nói như vậy.

Phật bảo A-nan:

–Đúng như lời của hai mẹ con con trâu đã nói. Hãy lắng nghe, ta sẽ giảng nói. Hai mẹ con con trâu này đời trước là trưởng giả, giàu có, sung sướng, rất nhiều của báu nhưng tham lam, keo kiết, không chịu bố thí, không tin giới kinh Phật, không biết nguồn gốc sinh tử, thường ưa xuất tiền cho người vay lấy lãi. Đến hẹn ưa lấy lãi thật nhiều, không có đạo lý, đã trả đủ tiền lại lừa dối người nói chưa trả đủ. Do sống như vậy nên đọa làm súc sinh trong mười sáu kiếp. Nay nghe danh hiệu Phật, hoan hỷ như thế nên tội báo súc sinh cũng không còn. Do nghe danh hiệu Phật liền có Từ tâm, dâng sữa cúng Phật. Nhờ nhân duyên này nên được giải thoát.

Bấy giờ, Đức Phật mỉm cười, từ miệng Phật phát ra ánh sáng năm màu, trời đất chấn động. Ánh sáng chiếu khắp mười phương, trở về vòng quanh thân Ngài ba vòng rồi phân làm hai phần: Một phần đi vào trong rốn, một phần đi vào đỉnh đầu rồi ẩn mất.

A-nan liền quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn không mỉm cười vô cớ, chắc chắn sẽ có nguyên do?

Phật bảo A-nan:

–Lời ông vừa nói rất hay. Vì sao? Vì mẹ con con trâu này sau khi chết đi thì bảy lần được sinh vào cõi trời Đâu-suất và Phạm thiên, bảy lần sinh ở thế gian được làm con nhà giàu có, không bao giờ sinh vào ba đường ác. Tại chỗ sinh ra thường biết được kiếp trước, nên dùng tràng phan, cờ xí, rải hoa, đốt hương cúng dường chư Phật, thọ trì kinh pháp. Do nhân duyên này, trâu mẹ cuối cùng sẽ được gặp Phật Di-lặc, xuất gia làm Sa-môn, tinh tấn tu hành không lâu sẽ chứng quả A-la-hán. Trâu con cũng sẽ

như vậy, trải qua hai mươi kiếp xong sẽ được thành Phật hiệu là Nhũ Quang. Cõi nước tên là Tràng phan quang minh. Khi Như Lai Nhũ Quang làm Phật sẽ độ vô số trời, người và các loài côn trùng nhỏ nhiệm, số ấy như cát sông Hằng. Nhân dân trong nước sống lâu đến bảy ngàn tuổi. Y phục, vật thực tôn quý như ở cõi trời phương Bắc. Phật giáo hóa ở đời đến bốn vạn năm. Sau khi Niết-bàn, kinh pháp tồn tại ở đời đến vạn năm mới dứt.

Phật bảo A-nan:

–Mẹ con con trâu này nhờ có tâm ý tốt cúng dường sữa cho Như Lai nên đều được độ thoát. Loài súc sinh như thế còn có tâm tốt, huống chi loài người đầy đủ sáu căn, có thể phân biệt được tốt xấu mà không biết được từ đâu sinh đến, chết đi về đâu, lại không biết giới kinh Phật, không tin bố thí đời sau có phước. Con người chỉ sống bằng sự keo kiết, tham lam nên trở lại tự khinh khi mình, tâm niệm ác, lời nói ác, việc làm ác. Những kẻ ngu si đều do đó mà không được giải thoát.

Lúc nói kinh này xong, ở trong hội chúng năm trăm Trưởng giả đều phát tâm Bồ-đề Vô thượng Chánh giác, ba ngàn tám trăm Phạm chí vốn không tin Phật pháp nghe xong vui mừng, hoan hỷ liền đắc đạo Tu-đà-hoàn năm trăm người vốn không tin sinh tử, tội phước, thấy Phật biến hóa đều thọ trì năm giới làm thiện nam, tín nữ.

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo, Trưởng giả, Phạm chí, nhân dân đều rất hoan hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 810

KINH CHƯ PHẬT YẾU TẬP

(KINH PHÁP CỐT YẾU CỦA CHƯ PHẬT)

QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa nơi khu rừng cây Nại, nước Ma-kiệt-đà, trú ở núi Nhân-sa-cựu *(đời Tấn dịch là Đế thọ thạch thất)* phía Bắc xứ ấy, cùng với đầy đủ chúng đại Tỳ-kheo năm ngàn vị và hai vạn Bồ-tát, đều an trụ nơi quả vị không thoái chuyển, đạt pháp Nhẫn bất khởi (Vô sinh) thân, khẩu, ý an định gồm thâu ba đời, một mình đi trong ba cõi, giáo hóa chúng sinh, tùy bệnh cho thuốc, ai cũng được chữa lành, như Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát Di-lặc… Lại có tám vạn bốn ngàn chư Thiên, đều tín ngưỡng nơi Phật đạo.

Bấy giờ, bốn Bộ chúng đều đến chỗ Phật, tuy muốn nghe kinh nhưng không thể chuyên tinh, chán pháp đã giảng, ai cũng xao lãng, phần nhiều chạy theo việc riêng, lấy năm trược làm sự nghiệp. Đức Phật suy nghĩ: "Mọi người chán nản đối với giáo pháp đã giảng nói, chẳng chịu đến hỏi để thọ nhận lời pháp, chẳng thấy Như Lai, chẳng nghe chánh kinh, chẳng ghi vào lòng, tâm chẳng tư duy, chẳng thể tu tập!"

Đức Phật lại tự nghĩ: "Ta muốn thị hiện giống như là ở yên một chỗ, chẳng tự hiện hình, rồi đến quốc độ của Phật ở phương khác, cùng với các Đức Như Lai đồng giảng giải pháp cốt yếu của chư Phật".

Đức Phật lại quán sát: Chư Phật Thế Tôn hiện hội ở phương nào? Liền thấy ở phương Đông, cách cõi này tám vạn bốn ngàn ức thế giới chư Phật, nước tên là Phổ quang, Phật hiệu là Như Lai Thiên Vương Chí Chân Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Chư Phật hội ở nơi ấy.

Phật bảo A-nan:

–Như Lai sẽ vào thất nơi núi Nhân-sa-cựu thiền tọa ba tháng. Các

chúng Thiên, Long, Thần, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân, Phi nhân, nếu có ai đến thì giảng giải ý đó, chớ cho vào thất.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Đại Thánh Từ bi, tôn đức cao vời, chư Thiên thần diệu, oai lực của họ thấu suốt, thân hình vi tế, tâm ý khó có thể nhận biết, đi đến nhiều lượt thì không thể nào giữ nổi. Con yếu kém, không có sức thần túc, nếu rời khỏi sự che chở của Ngài thì sự thi triển thần túc không bằng Tôn giả Mục-liên. Như Lai đã khen ngợi Tôn giả Đại Mục-liên là thần thông đệ nhất, bay đi khắp mười phương không hề bị trở ngại, chỉ có thể ủy thác cho sự hộ vệ sau này.

Phật bảo A-nan:

–Đừng nói những lời đó. Như Lai Chí Chân chẳng cần người hộ vệ. Nay Phật quán xét nơi cõi trời và nhân gian, các ma, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, dân chúng, A-tu-luân, không ai có khả năng vận dụng oai lực làm lay động sự kiến lập của Như Lai Vô Thượng Chí Chân. Ông nên im lặng, Như Lai ở trong chúng có khả năng tự bảo vệ, không cần người hộ vệ.

Lại nữa, A-nan! Nếu có thiện nam, tín nữ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, chư Thiên, Long thần, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân, Phi nhân đi đến chỗ ấy mà Như Lai Chí Chân còn thiền tọa, thì ông sẽ vì họ giảng nói chỉ giáo như thế này: Phật pháp khó gặp, hiểu rõ về diệu nghĩa cũng vậy. Thân người khó được, đạo kinh pháp là ít có, Như Lai cứu đời, đúng thời kỳ mới xuất hiện; có thể tin tưởng nơi kinh điển của Như Lai đã giảng dạy, xuất gia hành đạo, gặp được thầy giỏi bạn hiền, luôn theo học hỏi tinh tấn, ưa thích điều ấy, lại cũng khó đạt. Nếu lại mong thấy kinh sáng tỏ, Tỳ-kheo giảng pháp thanh tịnh thì điều này chẳng thể được. Tâm ưa bố thí, nếu gặp bậc Thế Tôn để cúng dường tạo được sự thanh tịnh hoàn toàn tất cũng khó gặp. Giả sử, người hiếu thuận luôn có sự báo ân, lại siêng năng học hỏi, tuân trì giới kinh, trọn đời không hủy phạm, việc ấy cũng khó thấy. Hoặc có người thương xót chúng sinh mà phát tâm cầu đạo Chánh chân vô thượng; vừa phát tâm xong, liền có khả năng hành theo giáo pháp của Phật, rốt ráo đạo Bồ-tát, đó là việc hết sức khó.

Phật bảo A-nan:

–Khi Như Lai thiền tọa, bốn Bộ chúng, chư Thiên, Long, Thần, A-tu-luân… Nhân phi nhân đi đến chỗ ấy nhằm để nghe pháp, thì nên vì họ mà nêu giảng giáo pháp như thế.

Phật lại bảo A-nan:

–Ông tiếp nhận giáo pháp Phật, vì họ mà giảng nói thế này: Như Lai Chí Chân có vô số phương tiện, tùy thời mà hóa độ chúng sinh trừ bỏ tà kiến mê hoặc phi pháp, các ông nên thừa mạng tu theo giáo pháp chánh chân. Này A-nan! Thế nào gọi là tà kiến? Nghĩa là lễ bái yêu thuật, lừa bịp của kẻ khác, theo chư Thiên, thờ cúng quỷ thần, như thần xương khô, cây mục, núi, cây, sông, suối, đá; cúng vái đất trời, nhật nguyệt, các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Bắc đẩu, thổ địa, trăn, rắn, chim, thú, hươu nai, thuồng luồng, rồng, thờ cúng bao nhiêu là yêu tinh kỳ quái khác, đó gọi là tà kiến.

Lại nữa, này A-nan! Chấp chặt nơi ngã và ngã sở, tham đắm thọ mạng của con người; chấp đoạn diệt, chấp thường còn, đó gọi là tà kiến. Nói tóm lại, ta sẽ vì ông mà giảng nói về tà kiến vi tế. Nếu thiện nam, thiện nữ tự dấy khởi vọng tưởng, muốn đắc Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, hay chứng đắc quả Phật, mà bám lấy sự diệt độ, thì gọi đó là tà kiến.

Lại nữa, A-nan! Như Lai Chí Chân đang thiền tọa, thì nên vì họ mà giảng giải pháp yếu này: Các vị là người đang tu học, thường nên tín mộ pháp nghĩa, ưa thích pháp lạc, cho pháp là trên hết, tu niệm thanh tịnh, dốc hết lòng tin, được nhiều điều an vui; biết hổ thẹn, kính cẩn, khép nép sợ sệt, ở trong ba cõi chắc chắn giải thoát; Từ, Bi, Hỷ, Hộ (Xả), thực hành bốn Đẳng tâm (Tâm vô lượng); những chỗ đi qua luôn luôn tùy thời mà nhẫn nhục, hòa nhã, khiêm tốn, nhún nhường; chỉ chú trọng nơi pháp nghĩa, không chọn lấy vẻ trang sức; chỉ quy về trí tuệ, không theo chỗ chấp giữ nơi thức; chỉ theo chỗ mầu nhiệm nơi kinh, không chọn lời hoa mỹ; chỉ quy y chánh pháp, chẳng theo con người, dạy bảo khiến tu theo pháp nhẫn thâm diệu. Gọi là hóa độ giải thoát, đó là ba cửa giải thoát; siêng năng làm theo hạnh không, chẳng chấp ngã và ngã sở; tu tập vô tướng, vứt bỏ mong cầu; thực hành vô nguyện, loại trừ lời thề chấp; nên vì chúng sinh giảng nói mười hai nhân duyên, tất cả các pháp do nhân duyên khởi. Nếu không nhân duyên thì không có sự phát khởi, cũng không có sự hoại diệt. Nên quán sát kỹ sự phát khởi của mười hai nhân duyên, xem xét nguồn gốc của nó mà làm theo. Nếu không quán xét kỹ về mười hai nhân duyên thì sẽ dẫn đến vấn nạn này: "Phải nên quán như thế nào?".

A-nan nên biết! Mười hai mắc xích ấy không có đầu mối. Đã không có chỗ sinh thì đạt được pháp Nhẫn bất khởi. Nếu chẳng khởi niệm thì đó là quán xét kỹ mười hai nhân duyên. Lại nên phân biệt chánh hạnh của bậc Hiền thánh, vì chúng sinh mà thuyết pháp. Thế nào là Thánh đế? Là sự vận hành đúng với sự thật. Thánh đế ấy, nếu dùng tâm lắng nghe suy tính, thì

không thành thật, cũng không giả dối. Cái không thành thật, không giả dối ấy, đó chính là Thánh đế. Ý nghĩa của chân đế là thành thật, nhưng không do đâu sinh. Cái chân đế ấy là sự thật, là chân chánh, là đế lìa dục, là đế tín ly giải, là đế không ngôn từ, là đế không chỗ hành, là đế không tạo nghiệp, là đế không sở hữu, là chân đế phổ biến, không cao, không thấp; tức là chân đế duy nhất; chân đế không lầm lỗi, chân đế không diệt độ, là chân đế vô vi.

Này A-nan! Giả sử hiểu rõ tất cả pháp là chẳng khởi chẳng diệt, hoàn toàn không chỗ trụ, không khác với chúng sinh, thì gọi chân đế Hiền thánh. Vì vậy Như Lai thuyết giảng pháp như thế. Đệ tử hiền minh tu hành vô vi, nhằm hiểu rõ về tuệ, để khổ chẳng khởi, đạt không chốn sinh, thì gọi là Khổ đế. Nếu bị phiền não họa hoạn ở trong khổ thọ, nhưng chẳng tập theo các hành, đoạn dứt nhân duyên, nhân duyên đã đoạn, thì đó gọi là trừ bỏ Tập đế. Nếu có thể diệt hết tất cả khổ, vĩnh viễn không sinh lại, thì gọi đó là Tận đế (Diệt đế). Thế nào là Đạo đế? Nếu tu tập theo nghĩa đạo, chẳng tạo hai nghiệp, pháp thiện và bất thiện, hội nhập nơi một cửa, cầu đạt con đường như thế, thì gọi là ba cửa giải thoát. Chư Phật quá khứ và các đệ tử, do con đường ấy mà đạt đến nơi không có chỗ đến, mà chọn lấy sự giải thoát, vì vậy gọi là tám Thánh đạo: một là chánh kiến, hai là chánh niệm (tư duy), ba là chánh ngôn (ngữ), bốn là chánh nghiệp, năm là chánh hoạt (mạng), sáu là chánh phương tiện (tinh tấn), bảy là chánh ý (niệm), tám là chánh định. Lấy đó để giữ gìn tâm ý, nhân đây giảng nói pháp bình đẳng; tánh đã bình đẳng thì đối với các pháp chẳng còn vọng tưởng. Đây mới gọi là trở về nơi con đường tu tập chính đáng.

Lại nữa, A-nan! Thuyết giảng pháp như thế, các ông siêng năng tinh tấn quay về bốn Ý chỉ, vì các chúng hội ban bố giảng giải ba mươi bảy phẩm Đạo hạnh để kiến lập giáo pháp. Những gì là ba mươi bảy phẩm? Nếu đứng về mặt thuận nghĩa thì đạt được chỗ như nhiên đều nhờ nơi văn tự. Nếu các loại văn tự mà Như Lai dùng để kiến lập các pháp, thì các văn tự ấy cũng tự nhiên không, bất sinh, bất hoại. Nếu có giảng nói hay không giảng nói cũng như nhau, chẳng tăng, chẳng giảm, cho nên văn tự vì như nhau nên bình đẳng. Này A-nan! Giả sử Tỳ-kheo cùng nhận biết văn tự là pháp đạo phẩm thì chỗ trụ là thuận nghĩa.

Lại nữa, A-nan! Khi Như Lai thiền tọa, nếu có Thiên, Long, Quỷ thần, Kiền-đạp-hòa, Nhân phi nhân đến thì nên vì họ mà thuyết giảng về ba đời bình đẳng: Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không dừng, tuy rơi vào điên đảo, nhưng cũng vốn thanh tịnh. Tất cả các pháp cũng đều là

không, không có ba đời, cũng không chỗ trụ; quá khứ đã không, vị lai cũng không, hiện tại cũng không; cũng như không không, không có không cũng không. Cũng như ba đời không, người không cũng như thế. Ba đời không gọi là bình đẳng, nhập vào một nghĩa, không có nhiều nghĩa. Nếu vì họ thuyết pháp phải trừ bỏ ba cõi mới được an ổn. Thế nào gọi là trừ bỏ ba cõi? Nếu có Tỳ-kheo ngay khi tư duy mà quán xét về cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, tâm tưởng phát sinh thì tư tưởng ấy cũng không sở hữu. Hiểu ba cõi là không sở hữu rồi thì không tưởng, không chẳng tưởng, không tinh tấn, không biếng lười, không có kiến lập, cũng chẳng thề nguyện, chẳng xét, chẳng niệm đều rời tâm niệm, đạt ba cửa giải thoát, ân cần tinh chuyên, tu chứng trí tuệ, phụng hành ba môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện. Thế nào gọi là ba môn giải thoát? Chứng đắc trí tuệ, chẳng bỏ bình đẳng, tự tại đối với các pháp, không có tạo tác và chẳng tạo tác, biết tất cả pháp đều trở về tận diệt, vắng lặng, chẳng nhập thiền, ý chẳng đọa lạc, chẳng chấp có một cũng chẳng có nhiều, đó là ba môn giải thoát, chứng đắc trí tuệ.

Lại nữa, A-nan! Nên vì họ giảng nói giáo pháp, khiến trừ bỏ năm ấm là sắc, thống (thọ), tưởng, hành, thức. Nếu thọ những ấm này thì gọi là thạnh ấm, còn không thọ thì là không ấm. Giả sử người tu hành ở chỗ vắng vẻ, nên khởi quán thế này: Như Lai thường nói: Sắc như bọt nước tụ, thống dương (thọ) như bong bóng nước, tưởng như dợn nắng, hành như cây chuối, tâm thức như huyễn hóa. Phật tuệ như mặt trời tỏa chiếu khắp hư không, đích thân thuyết giáo bảo người tu hành, nên khởi quán như vậy. Lời giảng của Như Lai, người có thể lãnh hội nghĩa, nhưng ta thì chẳng hiểu nên chẳng tức thời tỏ ngộ. Cõi Dục như bọt nước tụ, cũng là không, cõi Sắc cũng không, cõi Vô sắc cũng không nên chẳng chấp đắm nơi ba cõi. Người chẳng dựa vào đâu thì không có xứ xở, như bọt nước, không có ngã, không có nhân, không có thọ mạng. Vì vậy cho nên tất cả các pháp đều không có nhân, không có chúng sinh, đều như bọt nước, bong bóng nước, sóng nắng, cây chuối. Thức như huyễn hóa, huyễn ấy cũng không, nên chẳng tham đắm ba cõi. Nếu tự tại nơi các pháp, chẳng đắm chấp ba cõi, không có xứ sở thì không có chỗ nương. Cái huyễn hóa ấy chẳng lại ở ngay nơi ngã, nhân, thọ mạng. Chỗ hiểu rõ sự thật ấy cũng không có gốc rễ của ngã, nhân, thọ mạng. Người nào quán năm ấm không có xứ sở như thế, thì không còn có năm ấm.

Lại nữa, A-nan! Nên giảng nói pháp phân biệt tiêu trừ sáu nhập ở trong và ở ngoài, phân biệt chúng đầy đủ. Những gì là sáu nhập ở trong và ở ngoài? Như Lai thường nói, cái ngã của ta là không. Vì sao? Vì tất cả vốn

thanh tịnh; nhãn, nhĩ, tỷ, khẩu (thiệt), thân, ý cũng không, vốn thanh tịnh vô ngã. Lo vì vốn thanh tịnh, rỗng lặng, không có các nhập thì không có sắc, thanh hương, vị, tế hoạt (xúc), pháp xứ. Nếu không có nhãn, nhỉ, tỷ, khẩu, thân, ý, không duyên vào thức thì không có sáu nhập trong và ngoài. Những gì là sáu nhập ở ngoài? Đối với tất cả pháp đều không có chỗ thọ nhận, cũng không có chỗ xả bỏ, từ tư tưởng phát sinh sáu nhập bên ngoài, chẳng tập theo các nhập thì không có xứ sở.

Phật dạy A-nan:

–Như Lai thiền tọa, nếu có người đến thì nên vì họ mà thuyết giảng pháp nghĩa thế này: Phật thi triển oai thần, hiển thị sự biến hóa; nếu có căn cơ thích hợp và người nên hóa độ, thì đều được nghe pháp ấy. Còn chúng sinh khác chẳng thấy, chẳng nghe, thì chỉ thấy Phật im lặng, miệng chẳng nói gì.

Khi nêu giảng pháp này, năm ngàn Tỳ-kheo lậu dứt hết các lậu, tâm ý khai mở, bốn vạn hai ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn thanh tịnh, ba trăm Tỳ-kheo-ni đắc A-la-hán; bảy ngàn chúng sinh được lìa ái dục.

Bấy giờ, Đức Phật lại bảo A-nan:

–Ông hãy đi đến thạch thất, trải tọa cụ cho Như Lai, chỉ dùng cỏ sô. Như Lai sẽ thiền tọa trên đó ba tháng.

A-nan bạch Phật:

–Nên đặt giường nằm, trải nệm mềm mại, dùng cỏ sô làm gì!

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Thôi thôi! Thôi thôi! Chư Phật Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác quá khứ đều dùng cỏ sô để làm chỗ ngồi, đừng dùng đồ mềm mại, sặc sỡ, cao dày mà làm cho đẹp, vừa ý. Tu hành thuận theo đạo pháp mới là điều an lành lớn.

Tôn giả A-nan vâng lời, liền rời chỗ ngồi, đi khỏi chúng hội, ra ngoài tìm cỏ. Ngay khi ấy, vô số trăm ngàn ức chư Thiên đều mang loại cỏ tốt mềm mại của cõi trời, để trước mặt Tôn giả A-nan, A-nan liền nhặt lấy mang về thạch thất, trải làm chỗ ngồi bằng cỏ sô cho Phật. Trải xong, tức thời vô số trăm ngàn ức chư Thiên đều lấy Thiên y trải lên trên cỏ; y cụ đã trải, số lượng rất nhiều, dù khắp cả nhân gian dùng để mặc cũng không thể hết, nhưng oai thần của Phật đã biến số y được trải đó, cao chỉ bốn tấc!

Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào thạch thất, vô lượng kỹ nhạc, không đánh mà tự hòa tấu, trời tuôn mưa các thứ hoa, khắp cả đại thiên thế giới,

ngập tới đầu gối. Phật vừa tọa thiền, chánh định, thạch thất ấy đều như thủy tinh. Các chúng sinh gốc đức đã thuần thục ở trong tam thiên đại thiên thế giới đều thấy Như Lai an tọa nơi thạch thất, giống như gương sáng thấy rõ mặt mũi hình dáng mình. Phật đưa bàn tay phải phóng ra trăm ngàn ức hào quang. Hào quang này chiếu khắp cả thế giới tam thiên đại thiên khiến ánh sáng mặt trời, mặt trăng đều bị lu mờ. Ngay khi ấy, tất cả chúng sinh đều dứt trừ dâm, nộ, si, chẳng còn tự đại, cao ngạo, ganh ghét, cũng không có nạn tranh tụng khó nhọc, tâm Từ cùng hướng đến nhau như cha, như mẹ, như anh, như em, như con, như thân… Hành trạng Tam-muội của Đức Thế Tôn vĩnh viễn an định, không trụ, không tạo tác, tự nhiên như hư không, không có vọng tưởng, cả tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu cách chấn động. Lúc này, các cõi Phật đều thấy rõ thần lực, oai thần biến hóa của Phật, hai vạn hai ngàn Thiên tử đều phát Đạo ý chánh chân vô thượng (phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng), đều cầm hoa trời rải trên thạch thất để cúng dường Phật và nhiễu quanh thạch thất ba vòng, bỗng nhiên biến mất. Hoa của chư Thiên tung rải, phủ đầy khe, núi, hóa thành chùa Phật. Hương thơm của hoa tỏa khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Phật liền biến thân đến chỗ Như Lai Thiên Vương Chí Chân Đẳng Chánh Giác là thế giới Phổ quang.

Bấy giờ, hằng hà sa số các cõi Phật ở mười phương, vì các chúng sinh nơi đời năm trược khó giáo hóa, nên chư Phật đều đi đến chỗ Phật Thiên Vương, cũng như Đức Như Lai Năng Nhân Chí Chân đã đến. Quốc độ kia cũng giống như ở đây gồm đủ cả dâm, nộ, si, tự đại, kiêu mạn, ngỗ nghịch, bất hiếu, dua nịnh, tà niệm, ý chí thấp kém. Vì sao? Vì chúng sinh ở nơi ấy chẳng đến gặp Phật, chẳng chịu thọ giáo; nếu có được nghe, thì chẳng nghe kỹ, chẳng tiếp nhận, chẳng suy nghĩ, làm theo. Vì vậy nên chư Phật dùng phương tiện quyền xảo, nhập thất thiền tọa, lại biến hóa thân hình đến thế giới Phổ quang, chỗ Phật Thiên Vương, giảng thuyết, phân biệt những pháp cốt yếu của chư Phật.

Thế nào gọi là pháp cốt yếu của chư Phật? Chư Phật Thế Tôn hội nhập hiện bày các hạnh luôn đầy đủ trọn vẹn, lại đạt đến cứu cánh tối hậu, vì thương xót chúng sinh, nên giảng diệu nghĩa nơi kinh điển gọi là pháp cốt yếu của chư Phật. Sau khi Như Lai Chí Chân diệt độ, pháp ấy sẽ vì chúng sinh phát khởi sự che chở. Chư Phật đại Thánh là đấng Pháp chủ, đức hơn Tu-di, trí hơn sông biển, đạo vượt hư không, chẳng thể ví dụ. Do đâu tất cả kẻ ngu tối lười biếng, buông lung, chẳng thuận theo giáo pháp mà lại được thọ nhận kinh điển? Vì sao họ lại bê trễ, bỏ phế, mê mờ, mãi mãi bị che lấp, chẳng thoát khỏi ba đường? Chư Phật Thế Tôn thấy được

nguyên nhân ấy, cho nên tập hợp những pháp cốt yếu để giảng giải.

Khi ấy, tại thế giới Phổ quang kia, vô số chư Phật, chẳng thể tính đếm mà biết được, đều cùng tụ hội nơi ấy. Vì sao gọi là Phổ quang? Cõi ấy hoàn toàn không có tên hàng Thanh văn, Duyên giác mà toàn là bậc Bồ-tát. Bồ-tát ở cõi ấy đều có hào quang sắc vàng ròng, tướng tốt trang nghiêm nơi thân, tỏa sáng soi chiếu khắp, không đâu là không chiếu đến, nên gọi là Phổ quang.

Vì sao gọi là kết tập pháp cốt yếu của chư Phật? Tức là tuân thủ, tôn sùng các pháp đúng như chân đế. Thế nào là các pháp? Thế nào là tôn sùng? Thế nào là tuân thủ? Tất cả các pháp đều là một pháp. Các pháp này cũng không có pháp, cũng không phải là không pháp, cũng chẳng thể nêu bày. Vì sao? Vì cái không pháp ấy thì không có nơi sinh, cũng không có chốn khởi mà vì chúng sinh thuyết giảng pháp thì chẳng tồn tại lâu dài, vì chỉ là mượn lời để nói mà thôi.

Bên trong có sáu nhập, bên ngoài cũng có sáu nhập, năm ấm, các chủng và các nhập, đó gọi là tất cả sở hữu, là do mượn lời nói để phân biệt về chương cú mà thôi. Tất cả các pháp, quán xét đúng với chân đế thì không có năm ấm, bốn chủng, các nhập, không có đoạn diệt, cũng không có thường còn, không có bền chắc, vì vậy nói là các pháp vô ngôn. Tất cả các pháp vốn thanh tịnh, tức không, không có tên gọi. Cái sinh mạng đã nói đó cũng không sở hữu. Tất cả các pháp và tên gọi đều cũng tự nhiên, hoàn toàn không sở hữu, đó là pháp cốt yếu của chư Phật.

Thế nào gọi là tôn sùng? Đó là tôn sùng sự tĩnh lặng hoàn toàn không có chỗ sinh khởi, tôn sùng vô dục, tôn sùng chân đế, tôn sùng vô bản, tôn sùng pháp giới, tôn sùng bản tế, các pháp đều không, tôn sùng chân đế ấy, tất cả các pháp đều không chỗ trú, không có chỗ tập hành, không có hành và chẳng hành nơi oai nghi lễ tiết, không chấp giữ vị lai, không có ngã, không có ngã sở, không có nghiệp phải thọ; do đó không có chủ tể, cũng không có người phục dịch, chẳng thể thấy được, vì rốt ráo là tận diệt vắng lặng cho nên chẳng thể tận diệt. Nhờ có văn từ thì cái vô tận ấy tức không có chỗ sinh, nó vốn thanh tịnh, nghĩa là tâm ý tĩnh lặng cũng không có chỗ sinh. Lìa bỏ chỗ sinh và không chỗ sinh thì cái đã tôn sùng ấy cũng không âm thanh, không tịch tĩnh, không thể đọa lạc, cũng không thoái chuyển, trừ bỏ các khuyến trợ, tức không có sự tột cùng, cũng chẳng không có sự tột cùng, chẳng khởi, chẳng sinh. Giảng nói về bình đẳng, cũng không niệm tưởng; không gần, không xa, cũng không dấu vết, nên gọi là tôn sùng. Chỗ tôn sùng ấy, gọi là hội nhập vào thành

pháp. Tất cả các pháp đều là giả có tên gọi mà thôi, không đến, không đi, không được, không không được, không có dần đi, cũng không có trở về, chẳng chánh, chẳng tà, chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng nghĩ, chẳng biết, chẳng kinh, chẳng sợ, không ái, không xứ, không có cái vắng lặng, chẳng vắng lặng, chẳng thô, chẳng tế, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng đây, chẳng kia, chẳng đến, chẳng ẩn, chẳng đắc nhân duyên, chẳng an, chẳng nguy, đều chẳng hiểu rõ, cũng không có chỗ hành, không có chỗ hưng phế, cũng không dứt bỏ, chẳng khiến phát khởi, chẳng dưỡng nuôi, chẳng ngủ nghỉ, chẳng xét, chẳng tưởng, chẳng đạt, chẳng niệm, không có hạn lượng. Chỗ niệm về vô lượng, không lấy, không giữ, không chỗ gọi đến, chẳng qua bờ kia, chẳng có chốn, chẳng không có chốn, chẳng đoạn diệt, chẳng chấp thường, chẳng mất, chẳng được, không quá khứ, vị lai, hiện tại, không có tuệ, chẳng không có tuệ, chẳng nhiều, chẳng ít, không tiếng, không lời, cũng không chỗ nhập; không sợ không chữ, cũng không nhập nơi văn; chẳng động, chẳng lay, chẳng xa, chẳng gần; không lễ bái, chẳng không lễ bái; chẳng mong tiếng khen, cũng không có ngã của ta, không có thọ mạng của người, chẳng giới, chẳng phạm, chẳng nhẫn, chẳng tranh, chẳng tiến, chẳng lùi; không chỗ nào, cũng chẳng không chỗ nào, chẳng phải trong, chẳng phải không trong; chẳng phải không, chẳng phải không không; chẳng thân, cũng không thân; chẳng giảng giải danh hiệu, ngang bằng hư không; không hết, chẳng không hết, chẳng giáo hóa, chẳng nguyện, chẳng lìa, không tạo tác, không không tạo tác; vì không tai ương nên cũng chẳng trừ tội; không tưởng, không không tưởng; chẳng động, chẳng xả; chẳng cho cũng chẳng nhận; chẳng sơ, chẳng thân; chẳng động, chẳng tĩnh, chẳng diệt, chẳng bằng, chẳng sử, chẳng tận, chẳng trần, chẳng lìa trần, chẳng đọa, chẳng lạc, chẳng nhiễm, chẳng không nhiễm; chẳng quên, chẳng nhớ; chẳng sầu, chẳng lo, không nghĩ, không không nghĩ; không ứng hợp, không không ứng hợp; không đôi, không chiếc; không đi, không ở; chẳng bờ này, chẳng bờ kia; chẳng bỉ, chẳng thử; chẳng biên giới, chẳng lục địa, không đáy, không giữa, chẳng vượt qua, không có cái có thể vượt qua, chẳng tung tích, chẳng chí nguyện, chẳng thoái chuyển, chẳng hợp hội, chẳng đoạn, chẳng hoại, chẳng hợp lại, chẳng sánh nhau, chẳng đắm chấp, chẳng thoát khỏi, chẳng thủ, chẳng không thủ, chẳng không, chẳng không không, sáng tỏ vô cùng; chẳng ái chấp thọ mạng, không người, không giảng dạy; thường nên giảng thuyết bỏ các xứ sở là vào thành pháp; kẻ chẳng vào là mê đắm danh tự Bồ-tát; nói pháp không chấp trước, chẳng thấy trú xứ; như vậy gọi là tôn sùng, là pháp cốt yếu của Phật.

Thế nào gọi là tuân thủ? Các pháp thường trụ trú ở pháp giới. Người có khả năng phụng hành pháp như thế thì gọi là tuân thủ.

Thế nào gọi là pháp? Gọi là pháp tức chẳng nghĩ về pháp, không có chỗ bị phá hủy, chẳng ôm hy vọng, chẳng không hy vọng. Nếu không điều mong cầu thì cũng không nghĩ đến việc báo đáp. Nếu không mong cầu, báo đáp thì diệt trừ tất cả vọng tưởng; chẳng tạo nhiều, chẳng làm ít; chẳng khởi, chẳng đoạn, chẳng nghĩ về quá khứ, chẳng tưởng về vị lai, chẳng trụ nơi hiện tại. Hành giả như thế là bình đẳng nơi ba đời tức không ngôn thuyết, chẳng cần chấp trụ mà đến với chúng sinh, đó gọi là pháp. Vì vậy Như Lai diễn bày ngôn giáo ấy, Phật xuất thế hay không xuất thế, đều cùng an trú như vậy, pháp giới cũng thế. An trú nơi pháp giới là pháp giới vắng lặng. Vì duyên cớ gì mà gọi là pháp? Đạt đến tịch nhiên, dùng sự thuần phục, trong lặng làm dụ, do đó nên gọi là các pháp tịch nhiên.

Thế nào gọi là không thuần? Chấp là ngã sở, tự cho là có thân, nhân duyên nơi các kiến chấp gọi là sắc, tư tưởng, xứ sở, ngôn từ, tri thức, nương tựa, đều là tâm suy lường, cân nhắc, quán xét gốc ngọn, ý tư duy, lãnh nạp năm ấm, bốn đại, các nhập. "Ta sẽ khuyến trợ mở bày giáo hóa ba cõi nên bỏ dâm, nộ, si, gọi là phụng tu đạo giáo, chứng ba môn giải thoát, đạt đến các quả vị Đạo tích (Tu-đà-hoàn), Vãng lai (Tư-đà-hàm), Bất hoàn (A-na-hàm), đến A-la-hán. Ta sẽ suy niệm, tu hành bốn Ý chỉ (bốn Niệm xứ), bốn Ý đoạn (bốn Chánh cần), bốn Thần túc (bốn Như ý túc), năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý cho đến tám Thánh đạo, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, chiếu sáng bốn sự diệt hết phiền não cấu uế", đó là Thanh văn, gọi là chẳng thuần.

Đối với họ, thế nào gọi là tịch nhiên? Hành Bồ-tát thừa, phát tâm rộng lớn: "Ta sẽ thành Phật, dốc cầu trí tuệ, ở nơi sự hành hóa việc này, ta sẽ bố thí, xả bỏ tham keo, ban bố pháp tài, giữ giới thanh tịnh, dứt các thiếu xót, cẩn thận giữ gìn các hành, kiến lập nhẫn nhục, cắt bỏ sân giận, hành hạnh nhu hòa, tu tập tinh tấn, dẹp bỏ cấu bẩn, biếng lười, nỗ lực hành trì; ở nơi vắng vẻ, thực hành thiền định; giáo hóa là chính, lại được nhất tâm. Từ thiền định xuất, suy niệm về Bát-nhã ba-la-mật-đa, phụng hành đúng nghĩa, dùng Trí độ vô cực (Trí ba-la-mật), mở bày, hóa độ chúng sinh, để cầu đạt quả Phật. Tất cả chư Phật đều do Bát-nhã xuất sinh; lại thành tựu quả Phật, hàng phục chúng ma, rồi Chuyển pháp luân độ thoát muôn loài, dùng pháp vô vi của Phật khiến được diệt độ, đạt Phật tuệ rốt ráo. Tu học việc của chư Phật, tuyên dương sự nghiệp của Như Lai mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, các căn, lực gốc, bốn Vô sở úy, bốn Phân biệt biện tài (biện tài vô

ngại) thảy đều thông suốt. Những điều đã nói, đã kiến lập của Bồ-tát nên suy nghĩ để xuất nhập, tiến thoái, đó là điều đúng. Tất cả vọng tưởng, các chỗ lãnh nạp và đem thực hiện thì không đúng, đó gọi là chỗ khởi đầu của sự thuần thục, tịch nhiên. Sự tịch nhiên ấy được gọi là pháp. Đó gọi là pháp cốt yếu của chư Phật.

Phật dạy:

–Lại nữa, gọi là pháp cốt yếu của chư Phật, chính là cái tâm Bồ-tát mới phát khởi, gọi là ngôn giáo. Thế nào là tâm Bồ-tát mới phát khởi? Đó là không từ đâu sinh. Vì sao? Vì trong tất cả tâm nhưng không có tâm. Cái không có tâm ấy là không có chốn sinh ra. Cái không chốn sinh ấy là tâm mới phát, do đạt được pháp Nhẫn không từ đâu sinh (pháp Nhẫn vô sinh). Lại nữa, nếu tâm Bồ-tát mới phát khởi với ý chí vững chắc thì Bồ-tát này phải phát tâm giống như kim cương.

Thế nào là phát tâm như kim cương? Bồ-tát phát tâm có mười việc làm như kim cương. Đó là:

1. Du hóa trong vô lượng hoạn nạn sinh tử.

2. Tất cả mọi sở hữu đều đem bố thí không luyến tiếc.

3. Luôn có tâm bình đẳng đối với chúng sinh.

4. Ta sẽ hóa độ tất cả chúng sinh, lấy sự diệt độ của Phật mà diệt độ cho họ.

5. Độ chúng sinh rồi, cũng không thấy có, người đạt đến diệt độ, vì hiểu rõ tất cả các pháp không có chốn sinh.

6. Phân biệt hiểu rõ tất cả các pháp.

7. Thường gia tăng tinh tấn không có sơ hở thiếu sót.

8. Trí tuệ chiếu khắp, chẳng có gì là không thông đạt.

9. Đầy đủ trí Nhất thiết, thấu suốt nhất môn.

10. Những điều ái trọng không có tăng giảm, chẳng vì tham tiếc, dứt trừ đắm chấp.

Đó là mười việc phát tâm của Bồ-tát, tâm như kim cương, là phát cốt yếu của Phật.

Phật dạy:

Lại có Bồ-tát phát tâm, ở trong ba cõi, chẳng khởi các tưởng, chẳng khởi vô tưởng. Lại nữa, pháp cốt yếu của Phật là phụng hạnh sáu Độ vô cực. Những gì là sáu? Có loại Bố thí ba-la-mật-đa thế tục, bị chìm đắm trong thế tục nên chẳng thể độ đời. Cũng có loại Bố thí ba-la-mật độ đời, chẳng rơi vào thế tục. Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Thiền định,

Bát-nhã ba-la-mật, cũng lại như vậy. Hoặc có người hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thế tục, chẳng thể hóa độ thế gian. Hoặc có người hành Bát-nhã ba-la-mật-đa độ đời, chẳng rơi vào thế tục.

Thế nào gọi là Bố thí ba-la-mật-đa thế tục, chẳng thể độ đời? Khi Bồ-tát có sự bố thí rộng rãi, cung cấp cho các Sa-môn, ngoại đạo Phạm chí, kẻ bần cùng, người ăn xin, kẻ chẳng an thân, người đói thì cho ăn, người khát thì cho uống, xe cộ, voi, ngựa, giường nằm, y phục, vàng bạc, ngọc báu, vợ, con trai, con gái, phố phường, đất nước, ngoài ra, còn bao thứ của cải khác đều không chút nuối tiếc, bố thí tất cả. Nhưng làm việc bố thí như vậy rồi, chấp vào ngã của ta, ỷ vào của bố thí đó cho là ta đã xuất ra, cung cấp, những người kia là kẻ nhận. Ta là thí chủ không chút nuối tiếc, vì theo Phật dạy, thực hành Bố thí ba-la-mật-đa. Nay, chỗ bố thí do trái với tâm bố thí là nguyện đến cho tất cả loài hữu tình, trở lại với sự khuyến trợ: khiến cho sự bố thí của ta sẽ làm cho chúng sinh vĩnh viễn được an ổn. Người làm việc bố thí ấy có ba điều vướng mắc: Một là chấp ngã của ta; hai là chấp nơi tha nhân; ba là vọng tưởng chấp nơi vật bố thí, đó là Bố thí ba-la-mật-đa thế tục, chẳng thể độ đời. Sao vậy? Vì triền miên ở trong thế tục, chẳng được độ thoát.

Thế nào gọi là Bố thí ba-la-mật-đa độ đời, chẳng rơi vào thế tục? Đó là có thể làm thanh tịnh ba phẩm. Những gì là ba?

1. Bồ-tát ấy nếu khi bố thí chẳng chấp ngã của ta.

2. Chẳng thấy có người nhận, có sự nhận lấy.

3. Làm việc bố thí nhưng chưa từng vọng tưởng cầu mong, có sự báo đáp.

Có Bồ-tát bố thí vì để khuyến trợ tất cả chúng sinh. Nếu bố thí cho chúng sinh không thấy có người nhận, có sự nhận lấy, thì cốt là khuyến trợ cho đạo Chánh chân vô thượng. Vị ấy chẳng quán xét thấy sự nhận lấy để dùng. Đó gọi là Bố thí ba-la-mật độ đời. Vì sao? Vì hóa độ được thế gian đạt đến giải thoát.

Thế nào gọi là ở tại thế tục? Nghĩa là bị năm ấm che lấp, có khả năng xả bỏ năm ấm này thì gọi là độ đời. Ai không chấp ngã của ta, không có niệm tưởng, cũng không có chỗ dựa, hoàn toàn không tham đắm, chấp trước, thì gọi là độ đời. Nếu đã thọ giới, cho người khác là hủy giới chẳng xứng pháp hạnh, hoặc tự cho là đã mở bày giáo hóa biết bao đệ tử, nhờ ta mà được độ, ta sẽ thành Phật, cứu giúp chúng sinh, tự cho có thân, chẳng hiểu vốn không, thì đó là Trì giới ba-la-mật thế tục, chẳng thể độ đời. Tuy đã trì giới, chẳng chấp ngã của ta, chẳng thấy người khác hủy pháp phá

giới, đều bình đẳng cứu giúp họ, chẳng bỏ sinh tử, chẳng nương vô vi, tuy độ chúng sinh, nhưng đều rõ vốn là không. Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ cũng giống như thế. Người không tham đắm chấp trước tức xứng đáng độ đời. Người có đắm chấp thì rơi vào thế tục. Lại nữa, đối với các nghề nơi thế gian như trước tác, chú thuật, văn chương, toán pháp, năm kinh, sáu nghề, điển tịch của vua chúa, hành sự của thần tiên, mà có chỗ mong cầu, học hỏi, phát triển trí tuệ, thì đó là rơi vào Bát-nhã ba-la-mật thế tục. Nếu đối với thế gian có chỗ mong cầu, chẳng cho là trí tuệ, hiểu rõ về pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều bình đẳng, ngang bằng với ba đường, hiểu rõ chỉ là một Pháp thân, chẳng ở sinh tử, chẳng trụ diệt độ (Niết-bàn), mở bày giáo hóa tất cả, chẳng trụ vào chốn nào, đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa độ đời, là pháp cốt yếu của Phật.

Khi giảng nói lời này, có bảy na-thuật (na-do-tha) Bồ-tát ở cõi Phật Thiên Vương, đạt được pháp Nhẫn không từ đâu sinh, tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu loại chấn động, trời rải hoa, ánh sáng tỏa chiếu khắp mười phương.

Lại nữa, pháp cốt yếu của Phật là nơi chốn Bồ-tát nhập vào. Thế nào là nơi chốn? Gọi là nhập vào, tức đối với tất cả pháp đều không có chỗ nhập. Các pháp không đến, cũng không đi, tất cả các pháp cũng không mất, chẳng nghĩ về chốn đạo, cũng không có tưởng, tu sửa quả vị mà chẳng thấy có nơi chốn. Thế nào là tu sửa quả vị?

Bồ-tát tu học Trụ thứ nhất, có mười pháp. Những gì là mười?

1. Trong sạch, tánh tình hòa nhã.

2. Thương xót các loài hữu tình.

3. Tâm bình đẳng, nhằm cứu giúp chúng sinh.

4. Ưa thích bố thí, cứu giúp người túng thiếu.

5. Gần gũi bạn lành, học hỏi mãi mãi.

6. Cầu học kinh điển, giải bày chỗ nghi ngờ.

7. Luôn nghĩ về xuất gia, chẳng tham chuộng nghề nghiệp.

8. Chí cầu thân Phật, đạt được vô hình.

9. Khai mở pháp thí vì cho là không gì bằng.

10. Dứt bỏ tự đại, thường giữ thành tín.

Đó là mười pháp tu hành của Bồ-tát mới phát tâm.

Bồ-tát tu hành Trụ thứ hai, thường nên ân cần phụng hành tám pháp. Những gì là tám?

1. Phụng hành giới thanh tịnh, không bị nhiễm ô.

2. Thường tu hiếu thuận, nghĩ báo ân đức.
3. Được có uy lực thì nhẫn nhục làm căn bản.
4. Tuân tu cung kính, thường mãi an vui.
5. Chẳng bỏ tất cả loài chúng sinh.
6. Hiện hành lòng thương bao la chưa từng bỏ quên.
7. Phụng kính sư trưởng, xem như Đức Thế Tôn.
8. Tinh tấn chỉ cầu đạt đến giải thoát (Ba-la-mật).

Đó là tám pháp.

Bồ-tát tu hành Trụ thứ ba, có năm pháp? Những gì là năm?

1. Nghe nhiều, chẳng nhàm chán.
2. Khai mở, chỉ bày pháp xa lìa sự ăn, mặc.
3. Phát huy phước đức gốc, khuyến trợ cõi Phật.
4. Chán ghét vô lượng hoạn nạn nơi sinh tử.
5. Luôn luôn biết xấu hổ, lòng thương thức tỉnh, biết hổ thẹn.

Đó là năm pháp.

Bồ-tát tu hành Trụ thứ tư, lại có mười pháp. Những gì là mười?

1. Tu tập ở chỗ vắng vẻ, tâm chí thường tịch tĩnh.
2. Biết hạn chế, tâm luôn biết đủ.
3. Dứt bỏ đùa giỡn, giễu cợt.
4. Luôn giữ giới cấm thận trọng, chưa từng hủy phạm.
5. Chán bỏ năm dục, ở chỗ điều hòa.
6. Đã phát tâm điều gì quyết đạt đến thành tựu.
7. Tất cả sở hữu đều đem ban phát, tâm không tham chấp.
8. Tâm thường dũng mãnh, chẳng khiếp nhược.
9. Không mến tiếc tất cả sở hữu.
10. Phước đức có được đem ban cho chúng sinh.

Đó là mười pháp.

Bồ-tát tu học Trụ thứ năm, lại có mười pháp. Những gì là mười?

1. Xả bỏ gia nghiệp.
2. Xa lìa Tỳ-kheo-ni.
3. Dứt bỏ tâm niệm tham lam, ganh ghét sẵn có.
4. Xa lìa bè đảng, nơi chốn đông đảo ồn ào.
5. Giải tỏa mọi gốc rễ tranh tụng sân hận.

6. Chẳng tự khen mình, chẳng chê bai người khác.

7. Trừ bỏ ý tưởng nơi mười ác, kiêu mạn.

8. Thường cắt đứt giáo thuyết bốn điên đảo, chẳng thuận.

9. Dứt trừ tham dâm, sân hận, ngu si.

10. Trừ khử vọng tưởng chấp trước chướng ngại.

Đó là mười pháp.

Bồ-tát tu học Trụ thứ sáu, phải đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, chẳng học theo sáu việc. Những gì là sáu?

1. Tâm vắng lặng, chẳng cầu hàng Thanh văn.

2. Tâm sáng suốt chẳng chuộng hàng Duyên giác.

3. Tâm chẳng bỏ tất cả chúng sinh.

4. Thấy người cầu xin, tâm chẳng khiếp nhược.

5. Chưa từng tu hành pháp đem lại lo buồn.

6. Chẳng chuộng tòa ngồi ở chỗ cao có thêu thùa đẹp đẽ.

Đó là sáu pháp.

Bồ-tát tu học Trụ thứ bảy, bỏ hai mươi việc. Những gì là hai mươi?

1. Chẳng chấp thân.

2. Chẳng chấp nơi người.

3. Chẳng chấp về tuổi thọ.

4. Chẳng chấp mạng sống.

5. Chẳng chấp đoạn.

6. Chẳng chấp thường.

7. Chẳng vọng tưởng.

8. Chẳng chấp sự hiểu biết về báo ứng.

9. Chẳng thấy về danh và sắc.

10. Chẳng dựa vào năm ấm.

11. Chẳng tham nơi bốn đại.

12. Chẳng nương vào các trần, nhập.

13. Chẳng đắm nơi ba cõi.

14. Chẳng gần gũi người ác.

15. Vĩnh viễn an ổn, không chấp trước.

16. Không giới hạn việc không làm.

17. Chẳng tham chấp nơi Phật cho đến cứu cánh.

18. Chưa từng thuận theo sáu mươi hai thứ kiến chấp.
19. Hoàn toàn hiểu rõ các pháp, chẳng bài báng không.
20. Biết tất cả vốn là không, chẳng mong cầu nơi đạo.

Để thực hiện những pháp này, phải đầy đủ hai mươi việc.

1. Thấu hiểu hành không.
2. Rõ biết về vô tướng.
3. Phân biệt vô nguyện.
4. Tịnh tu ba đạo tràng.
5. Thường mang tâm Từ bi.
6. Thương xót chúng sinh.
7. Chẳng chấp nơi chúng sinh.
8. Quán các pháp bình đẳng.
9. Hiểu rõ pháp môn chỉ.
10. Pháp Nhẫn không từ đâu sinh.
11. Không vượt Thánh trí.
12. Nói rõ nghĩa nhất phẩm.
13. Dứt bỏ các niệm.
14. Trừ khử vọng tưởng.
15. Xả bỏ tà kiến.
16. Diệt bỏ trần lao cấu uế.
17. Quán cõi tịch nhiên.
18. Tâm ý điều hòa.
19. Chẳng ôm lòng hại.
20. Chẳng nhiễm kết sử.

Đó là hai mươi việc.

Bồ-tát ở Trụ thứ tám, phải thực hành bốn pháp? Những gì là bốn?

1. Tâm đến với chúng sinh, dùng trí tuệ thần thông dẫn dắt giáo hóa họ.
2. Thấy cõi Phật, quán không, khiến cái thấy đạt đến cứu cánh.
3. Kính lễ thân Phật, nhận ra chỗ mình không bằng.
4. Đã thấy thân Phật, nên quán xét kỹ lưỡng.

Đó là bốn pháp.

Lại có bốn pháp:

1. Hiểu biết đầy đủ về nguồn gốc của chúng sinh, tùy theo sự ưa thích của họ mà chỉ bày.

2. Làm nghiêm tịnh cõi Phật, ân cần siêng học Tam-muội như huyễn.

3. Theo sự ưa thích của chúng sinh nên dẫn giải và cứu độ họ.

4. Quán xét nơi năm đường chúng sinh thọ sinh để theo đấy mà độ thoát họ.

Đó là bốn pháp.

Bồ-tát ở trụ Thứ chín, nên phân biệt, tu học về gốc của các nguyện lành, theo điều đã thề nguyện liền được thành tựu. Biết rõ phân biệt ngôn từ đã nói của chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân phi nhân, rồi dùng biện tài, tùy theo từng loại âm thanh mà thuyết pháp cho họ. Ngay trong thai mẹ đều đã biết rõ và khi sinh ra trong chủng tánh, quyến thuộc nào, tại gia hay xuất gia, ngồi nơi cội cây giác ngộ (Bồ-đề) trang nghiêm đạo tràng, tất cả công đức đầy đủ nơi Phật pháp, thảy đều trọn vẹn.

Bồ-tát ở Trụ thứ mười, tức được gọi là Như Lai Chí Chân, nếu đã nhập vào trú xứ này. Quả vị ấy chính là cõi đạo của chư Phật, gọi là pháp cốt yếu của Phật.

Lại nữa, pháp cốt yếu của Phật, bằng với văn tự đã giảng nói, cũng bằng với sự nhập vào của không mà văn tự đã giảng nói. Thế nào là cửa không mà văn tự đã giảng nói? Tất cả các pháp đều là cửa không. Vì sao gọi là không? Vì làm cho các pháp nơi vị lai không phát sinh. Vì nhằm diệt trừ sự đắm chấp nơi cửa dục của các pháp. Sự độ thoát của cửa ấy là tuyên thuyết thông suốt gốc ngọn của các pháp một cách rốt ráo. Sự tu hành của cửa ấy là đối với tất cả các pháp không buông, không bỏ, chẳng mất, chẳng sinh. Danh xưng của cửa ấy là tất cả các pháp đã lìa tên gọi, nên tên nó vốn thanh tịnh, không đạt, không mất. Sự nhẹ nhàng của cửa ấy là vượt qua tất cả sự mê lầm, khinh mạn của các pháp và nguyên do phát sinh cội nguồn ân ái, nhân duyên báo ứng. Sự thuận lợi của cửa ấy là nêu bày thông tỏ sự điều định, hàng phục của các pháp. Sự gắn bó của cửa ấy là hiểu rõ về tất cả pháp, làm phát khởi chỗ tịch tĩnh. Sự thiêu đốt của cửa ấy là thiêu rụi các pháp, khiến được thanh tịnh. Sự tỏa sáng của cửa ấy là đối với tất cả các pháp không có chướng ngại, không đắm không thoát. Sự hướng đến của cửa ấy là đoạn trừ âm hưởng dội lại của các pháp, nhưng chẳng bỏ cội gốc. Chỗ như như của cửa ấy là hiểu rõ về cội gốc, chẳng tiến, chẳng động. Sự tùy thuận của cửa ấy là từ tất cả pháp mà phát khởi. Nơi chốn của cửa ấy là đối với tất cả pháp cũng không có nơi chốn, chẳng hủy hoại lo buồn.

Sự tạo tác của cửa ấy là chẳng thấy các pháp có chỗ tạo tác chủng tánh. Sự bình đẳng của cửa ấy là đối với tất cả pháp, phụng tu bình đẳng, nhưng không thoái chuyển. Sự cấu bẩn của cửa ấy là chấp các pháp đã xa lìa cấu uế, gốc ngọn không lỗi lầm. Sự lãnh nạp của cửa ấy là thâu giữ các pháp mà không sở đắc. Ý chí thâm diệu, đối với sáu nhập và tất cả các pháp đều được vĩnh viễn tịch tĩnh. Bờ bến của cửa ấy là tất cả các pháp khiến vượt qua bờ kia, chẳng thấy kia, đây, độ, chưa độ. Sự sinh khởi của cửa ấy là chẳng bị các pháp sinh, già, bệnh, chết. Sự tư duy của cửa ấy là tất cả các pháp đều là tịch tĩnh, chẳng niệm, chẳng xả, không đắm, chẳng chấp. Pháp của cửa ấy là pháp giới thường trụ, nhưng theo thời mà hưng hiển các kinh. Sự tịch tĩnh của cửa ấy là tất cả các pháp đều ở nơi yên tĩnh, vắng lặng, không có hoạn nạn. Sự rỗng lặng của cửa ấy là tất cả các pháp đều như hư không, không cội nguồn, không chỗ đứng. Sự tận diệt của cửa ấy là các pháp đều diệt tận mà không thoái chuyển, vĩnh viễn tịch diệt. Sự an trụ của cửa pháp ấy là các pháp không động, không thể lay động. Trí tuệ của cửa ấy là do từ trí tuệ đó không có chốn tập, hành, đều không thể biết, cũng không không biết, không nghĩ, không thấy. Sự tách rời của cửa ấy là tất cả các pháp không tương ưng, chẳng ứng hợp, cũng không hợp, không tan, ngôn từ thoáng đạt. Sự xiển dương của cửa ấy là tuy dạo khắp các pháp nhưng diệt trừ các cấu uế. Sự che khuất của cửa ấy là đối với tất cả pháp, trừ bỏ sự che khuất, làm cho hiểu biết về không, không bỏ sáu việc. Sự nhớ nghĩ của cửa ấy là đối với các pháp tiêu trừ chỗ phát sinh, chẳng nhớ, chẳng quên. Sự dừng nghĩ của cửa ấy là các pháp đều do nhân không mà sinh, sợ hãi về các khổ duyên sinh. Sự trừ khử của cửa ấy là đối với tất cả pháp, xả ly chấp trước về đoạn diệt, hữu thường. Số lượng của cửa ấy là đối với các pháp đều chẳng nêu lên chỗ phát sinh, các số lượng đã có không nhiều, không ít. Chỗ đứng của cửa ấy là tất cả pháp trụ nơi chỗ không trụ, dẹp bỏ các nơi chốn. Cái vô của cửa ấy là các pháp không đến, không đi, chẳng đứng, chẳng ngồi, chẳng dạo chơi, chẳng ngủ nghỉ, không tương ưng, chẳng ứng hợp. Sự đầy đủ của cửa ấy là đối với các pháp cái tồn tại đầy đủ là không sáu không độ, chẳng độ, cùng khắp các nơi, giống như hư không. Ấm của cửa ấy là đối với các pháp đều hiểu biết về năm ấm khởi hay không chỗ khởi. Âm vang của cửa ấy là hiểu tất cả pháp không có âm thanh nghĩa là không có âm vang, vĩnh viễn lìa văn từ. Sự sai khác của cửa ấy là hiểu rõ các pháp, tuy ở trong phóng dật mà không dong ruổi. Sự bền chắc của cửa ấy là hiểu rõ các pháp, phá tan sự bền chắc, khiến vĩnh viễn diệt độ. Sự tiêu trừ của cửa ấy là đều thấu đạt các pháp, hiểu rõ giới hạn, nhưng không có nơi chốn, không có đầu, cuối, cũng

không có sinh, giống như Thế Tôn. Chấp vào văn tự thì không thể kham nhận, thêm nhiều ngôn từ cũng không sở hữu, lại cũng không có tên gọi văn tự, không ngôn ngữ, cũng không đàm luận, chẳng chấp nơi mục đích, không viết, không đọc. Vì sao? Vì đều là hư giả không thật. Các pháp như thế do đấy mà có nhập vào Tổng trì. Dựa nơi cái không có ấy mà tuyên thuyết để dẫn vào không. Ai có khả năng hội nhập được như thế là gần với hạnh Bồ-tát, đối với văn tự sẽ hiểu rõ, không vướng mắc nơi dấu vết thì chẳng bị văn tự trói buộc, lần lượt phân biệt nguyên ủy của các pháp, chóng đạt được Thánh tuệ, nguyên do của âm thanh. Giả sử Bồ-tát nhập vào Tích môn không ấn nơi văn tự ấy, hoặc nghe, hoặc thọ trì ghi nhớ, gắn bó vì người khác tuyên thuyết, tâm chẳng đọa lạc thì có khả năng trừ bỏ hai mươi kết sử:

1. Ý chí mạnh mẽ chẳng khiếp nhược.

2. Ý chí luôn thức tỉnh, chẳng bị hoảng hốt.

3. Có thể đi một mình, không bị tai nạn.

4. Tâm kiên cường, chẳng yếu đuối.

5. Chí luôn biết xấu hổ, đầy đủ sự hổ thẹn không gì bằng.

6. Ý chí có khả năng hiểu thấu, không gì là chẳng thông đạt.

7. Trí tuệ cao vời chiếu sáng khắp cả.

8. Ngôn từ biện tài, không có một lời vấp váp.

9. Đạt đến Tổng trì, ghi nhớ những điều đã nghe, chưa từng quên mất.

10. Trừ bỏ lưới nghi không có do dự.

11. Thông đạt chẳng ngần ngại.

12. Ngay chỗ đi hay ở, nơi đông người chẳng làm tăng hay giảm.

13. Ngôn từ nhu hòa, không ai là không kính trọng.

14. Nếu nghe lời nói thô tháo chẳng rầu buồn.

15. Tánh tình chẳng vội vã, nôn nóng mà thường an nhiên, thư thả.

16. Chỗ an trú sáng tỏ, phân biệt âm hưởng.

17. Hiểu rõ nhân duyên báo ứng nơi năm ấm, bốn đại, các nhập.

18. Phân tích các pháp một cách thông suốt và hiểu rõ các pháp, biết tâm niệm người để thuyết pháp cho họ.

19. Biết rõ về nơi chốn, chẳng phải nơi chốn, giới hạn và không giới hạn, thấu đạt trí tuệ, rõ biết phương tiện khéo léo, tùy thời khai mở giáo hóa.

20. Biết phân biệt các việc tiến, thoái, ra, vào, oai nghi, lễ tiết, biết hổ

thẹn, cầm gươm rắn chắc có thể đi vào các cõi hưng phát đạo Chánh chân Vô thượng.

Văn tự được nêu bày này là cửa không ấn, hoặc nghe, hoặc thọ trì, giữ gìn, đọc tụng thì người có đạt được mười công đức:

1. Đời sinh ra không thọ thân nữ.

2. Trừ bỏ các nạn và tám chốn không yên tĩnh.

3. Tại chỗ đi và ở thường được nhàn hạ, chẳng vội vàng, hấp tấp.

4. Thường gặp đời có Phật, được thấy Thế Tôn, lòng sinh vui mừng.

5. Tâm ý an nhiên, cúng dường bậc Đại Thánh.

6. Đức Như Lai thấy chỗ tâm thành nên thuyết giảng kinh điển.

7. Nghe Như Lai nói xong liền phụng hành.

8. Tìm cầu được ngay, vững vàng không thoái chuyển.

9. Hiểu rõ không tuệ đạt pháp Nhẫn vô tùng sinh (vô sinh).

10. Mau chóng thành tựu đạo Chánh chân vô thượng. Đó là pháp cốt yếu của Phật.

Lại nữa, nêu bày về pháp cốt yếu của Phật là bình đẳng nơi ba đời, làm nghiêm tịnh ba đạo tràng đạt vô sở sinh, hiểu pháp chân đế, thấu rõ ba cõi, hết dâm, nộ, si, an nhiên, không ham thích, không đoạn, không thường, không ở, không trụ, quy ba thừa về một cửa, thông đạt các pháp, không điều tranh cãi, đạt đến chỗ cao tột, không đi, không bước, không tư tưởng, không so sánh.

Lại xét về Phật là chưa từng giác ngộ, đạt Tối chánh giác, chẳng xét đoán các pháp, chẳng biết, chẳng đắc. Phật chẳng đạt tuệ, cũng chẳng không có tuệ, chẳng hợp với trần lao, cũng không sân giận, cũng chẳng thủ chứng, chẳng đắc, chẳng ngại, cũng không chỗ hành, chẳng trụ nơi bình đẳng. Phật chẳng đắc đạo, cũng không có cái mất, không pháp, không chúng. Phật chẳng đắc Phật, chẳng tưởng Bồ-tát, chẳng mở, chẳng trói. Tất cả chúng sinh vốn rất thanh tịnh. Phật chẳng thấy pháp, chẳng nghe, chẳng niệm, cũng không dạy gì. Phật không nói gì, cũng không ngôn từ. Hiểu rõ về chư Phật chính là biết về vô ngôn, lúc đầu chẳng diễn nói, ở đời vị lai cũng không chỗ nêu bày, chẳng dạy người nói, không tuệ, chẳng tuệ. Phật chẳng phải là Bậc Thế Tôn, cũng chẳng phải là hoàn toàn thanh tịnh với đức của Thế Tôn. Phật chẳng ăn uống, chẳng bố thí cho người ăn. Phật không có thân, cũng không hình thể, chớ quán Như Lai có sắc thân, không tướng, không hảo, không có kinh điển cùng với pháp giới. Phật chẳng xuất hiện, cũng chẳng thường tồn, chưa từng diệt độ, cũng không có chỗ diệt. Vì sao?

Vì tất cả các pháp là vĩnh viễn diệt độ (vắng lặng). Phật chẳng độc cư, chẳng ở với đại chúng, không thể thấy Phật, cũng không nghe nói, không có cúng dường. Xét pháp của chư Phật không có từng ấy, cũng chẳng phải có một. Phật chẳng đắc đạo, chẳng cầu nơi chốn, chẳng chuyển pháp luân, cũng chẳng thoái lui, Phật như giả hiệu. Xét về Như nơi Phật, âm thanh cũng Như, quá khứ, vị lai âm hưởng không khác. Quá khứ, vị lai bình đẳng, sự bình đẳng ấy không thiên lệch. Đã không thiên lệch. thì cái vô kia là vô lượng. Cái vô kia là vô lượng thì nó không tử vong; do chỗ không tử vong kia nên chẳng hành y dược. Đó là pháp cốt yếu của Phật.

Nhằm để truyền bá pháp Phật đã giảng nói, là vì thương xót muốn cứu độ chúng sinh. Phật không kết tập pháp cốt yếu, cũng không phân biệt, cũng chẳng giảng luận về ý nghĩa của pháp cốt yếu. Đức Như Lai Thiên Vương khi giảng thuyết về ý nghĩa của kinh điển thuộc pháp cốt yếu của chư Phật, có một vạn hai ngàn Bồ-tát ở thế giới Phổ quang đều chứng đắc pháp Nhẫn không từ đâu sinh. Bấy giờ, các vị Bồ-tát đều chẳng tự thấy bao nhiêu ức Phật, chỉ có thấy một Đức Phật là Như Lai Thiên Vương.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở thế giới Kham nhẫn, tự suy nghĩ: Hôm nay, chư Phật Thế Tôn ở mười phương thế giới như cát sông Hằng, đều vân tập tại trụ xứ của Phật Thiên Vương ở phương Đông, cùng tuyên dương pháp cốt yếu của Phật. Ta nên đi đến thế giới ấy để chiêm ngưỡng chư Phật và học hỏi, thọ trì kinh điển. Ta thường đi đến khắp mười phương thế giới kính lễ chư Phật và nghe thuyết pháp. Nay đây, quý Ngài đều vân tập tại một cõi Phật là cơ hội khó gặp, rất hiếm, chưa từng có. Như vậy giống như bậc Thánh vô thượng xuất hiện ở đời, chẳng thể gặp lại, khó có thể thấy, nghe. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Bồ-tát Di-lặc:

–Bồ-tát có thể cùng tôi đi đến cõi Phổ quang của Đức Phật Thiên Vương, nơi ấy có vô số trăm ngàn ức Phật đã vân tập đến, đều cùng tuyên dương pháp cốt yếu của chư Phật, nên cùng đến đó để nghe, thọ trì và chiêm ngưỡng chư Phật. Vì sao? Vì các bậc Đại Thánh đều vân tập tại một nơi khó có thể gặp được.

Bồ-tát Di-lặc đáp lời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát muốn đi thì cứ lên đường, còn tôi thì không đi. Vì sao? Vì chư Phật vân tập, hội đủ đạo đức cao vời, chẳng thể lấy gì ví dụ, thân chẳng thể, cũng không thể thấy hình, nghe tiếng. Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chớ quán chư Như Lai bằng hình sắc, Phật là Pháp thân, Pháp thân thì không thấy, không nghe, không có sự nuôi dưỡng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Bồ-tát không cúng dường Như Lai sao?

Bồ-tát Di-lặc đáp:

–Tôi không cúng dường. Vì sao? Vì Như Lai Chí Chân thì không thể cúng dường. Vốn không có Như Lai nên không có hai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Cái gọi là cái không có hai ấy là gì?

Bồ-tát Di-lặc đáp:

–Cái không hai ấy là không chấp trước, chẳng thể cân đo, không có số lượng. Nói không hai là chẳng tạo hai nghiệp. Hai nghiệp là gì? Phiền não ấy là ôm lòng sân hận, phát khởi các tri kiến sinh diệt thế này: Đây là giữ giới, đó là hủy giới, vọng tưởng kia, đây gọi đó là hai. Đây là Thanh văn, đó là Duyên giác, kia là Đẳng giác, vọng tưởng như thế là tạo ra hai; đây là Thanh văn, là Duyên giác, là Phật, mang ý tưởng như thế gọi là hai. Nên dứt trừ điều này phụng hành pháp nọ, chứng ngộ pháp kia, đó là hai. Phân biệt kia là tuệ kia là chẳng phải giải tuệ. Giả sử Bồ-tát Văn-thù nghĩ chấp hai loại tuệ ấy, ý chí đặt ở việc tiến thoái, cho đến chấp Phật, tức là tạo hai nghiệp. Dù suốt một kiếp hay hơn một kiếp tôi giảng nói về hai nghiệp với tài hùng biện cũng không cùng tận được. Vì sao? Vì chấp vào cái hai nhưng thật không có hai. Quả quyết nêu rõ là đều nhập vào một nghĩa vì tất cả các pháp đều không có số lượng.

Bồ-tát Văn-thù nói:

–Nay Nhân giả đang rơi vào sự điên đảo lớn. Tất cả các pháp đều không có chỗ phát sinh, gắng gượng phân biệt, với biết bao ngôn từ, rồi trở lại than thân là suốt một kiếp hay hơn một kiếp tôi biện thuyết cũng không hết.

Bồ-tát Di-lặc đáp:

–Dựa vào văn tự mà nói là có chấp trước. Quán xét tất cả pháp thật không có tướng sinh, chỗ sinh, chẳng thể lay động.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi gọi các Bồ-tát khác, các thiện nam cùng đến chỗ Phật Thiên Vương để chiêm ngưỡng các Đức Như Lai, lãnh hội, thọ trì giáo pháp. Bồ-tát Biện Tích hỏi Bồ-tát Văn-thù:

–Như Lai Chí Chân chẳng thể thấy được, vì sao Nhân giả nói ra lời này: "Nên cùng đến chiêm ngưỡng Như Lai?" Như Lai ở đâu mà muốn gặp? Đã từng nghe Phật dạy: "Như Lai Chí Chân không đi, không đến". Nay thiết nghĩ, pháp ba đời đều rỗng lặng, không có, nên chẳng thể thấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có lời giảng nói này:

–Đến để chiêm ngưỡng Như Lai, vậy dùng loại mắt nào để chiêm ngưỡng Như Lai? Nhục nhãn thấy chăng? Hay dùng Thiên nhãn? Nếu dùng Nhục nhãn thì Nhục nhãn không thấy. Vì sao? Vì Nhục nhãn là không. Đã là không thì không có cái thấy. Nếu dùng Thiên nhãn thì Thiên nhãn không có niệm tưởng, chẳng dùng niệm tưởng để có thể thấy Như Lai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Như thiện nam nay đã suy nghĩ, không có Như Lai, cũng không có kinh điển, không thấy, không cúng dường. Như chủ ý của Bồ-tát Biện Tích đã nói thì đâu có thể giảng thuyết, phân biệt bằng ngôn từ về "Chư Phật Như Lai". "Chúng sinh qua lại cúng dường, phụng sự" đều là văn tự giả lập, văn tự vốn rỗng lặng, vì vậy gọi đó là bình đẳng. Như Lai không ngôn thuyết, không căn nguyên, không động chuyển, vốn tự rỗng lặng nghĩa là hai sự việc trên đều bình đẳng. Như Lai không ngôn thuyết, không căn nguyên, không động chuyển, ai mà lãnh hội được thì có thể cùng đi, còn ai không đi thì thôi, ta sẽ đi một mình.

Vô hình mà hiện hình
Cũng chẳng trụ ở sắc
Muốn khai hóa chúng sinh
Hiện thân có giáo huấn.
Phật hội nhập vô sắc
Cũng chẳng chấp hữu vi
Đều độ khắp tất cả
Nên Đạo sư hiện thân.

-oOo-

KINH CHƯ PHẬT YẾU TẬP

QUYỂN HẠ

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vì khát khao pháp Phật nên không thấy mệt mỏi, tự đi một mình, không bạn bè. Do thần lực của Phật ngăn cản khiến cho hội chúng kia không một người đi theo. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trong chốc lát, như khoảnh khắc co duỗi cánh tay, bỗng nhiên biến khỏi thế giới Kham nhẫn, đến chỗ Phật Thiên Vương nơi cõi Phổ quang.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhiễu vòng quanh tam thiên đại thiên thế giới bảy vòng, kính lễ chư Phật, lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ, phía phải của Như Lai Thiên Vương có một nữ nhân tên là Ly Ý đang ngồi kiết già, nhập định Tam-muội Phổ nguyệt ly cấu quang minh chánh thọ.

Phật Thiên Vương suy nghĩ: "Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi được chư Phật khen ngợi là vào sâu nhẫn nhục, hành theo không tuệ, không ai sánh kịp, dùng hư tĩnh, vắng lặng làm công đức, nay từ thế giới Kham nhẫn khởi tâm đến đây là rơi vào đại điên đảo, quá chấp vào ngã nên mới tìm đến, ta nên cho lui đứng trên đỉnh núi Thiết vi. Do đó, nay ta giảng nói pháp thâm diệu vô cực, sẽ vì các chúng Bồ-tát ở đời vị lai mà hiển bày đại quang minh. Vì sao? Vì pháp của chư Phật là chẳng thể nghĩ bàn, sáng chói vô lượng, sâu xa chẳng thể đạt tới. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nghe rộng bậc nhất, đạo tuệ siêu việt, như mười phương hư không nên hãy khiến trụ ở đỉnh núi Thiết vi, như vậy mới có thể tạo sự phát khởi nơi tất cả chúng sinh.

Đức Như Lai Thiên Vương bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ông đến đây là muốn xem gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con ở thế giới Kham nhẫn, tâm niệm: "Chư Phật ra đời rất khó được gặp. Giảng thuyết kinh điển cũng lại khó gặp. Chư Phật nơi mười phương số lượng chẳng thể tính đếm, trăm ngàn ức năm mới vân tập đến thế giới Phổ quang, tuyên thuyết pháp yếu, ta nên đến đó để chiêm ngưỡng Như Lai và nghe thuyết pháp". Vì pháp, nên con đến cõi Phật này.

Như Lai Thiên Vương liền nhập định Tam-muội chánh thọ Như kỳ

tưởng, hiện bày thần túc dời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tự nhiên đứng trên đỉnh núi Thiết vi mà Bồ-tát Văn-thù chẳng hay biết ai đã đưa mình lên đỉnh núi này. Khi ấy, Bồ-tát tự nghĩ: "Thật quái lạ, ta đang ở trong đại chúng vời vợi khó lường, oai thần thù thắng, nơi đạo tràng nghiêm tịnh của các bậc Đại thánh, bỗng nhiên đến đứng tại đỉnh núi Thiết vi này. Ai làm việc ấy". Suy nghĩ xong liền biết: Như Lai Thiên Vương đã làm việc này. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nghĩ: "Điềm lành này có là do sự thần biến, nên đang ở trong đại chúng, tự nhiên lại lên đứng ở chốn này. Nữ nhân Ly Ý ngồi bên phải Đức Như Lai Thiên Vương chẳng bị dời, chỉ một mình ta bị chuyển thôi. Nữ nhân kia, hầu như vô đức, vốn ngây thơ, đơn độc mà sự thâm nhập nơi pháp nhẫn Tổng trì vô tận vượt hơn ta chăng? Vì sao chẳng dời nữ nhân kia mà lại dời ta? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nghĩ: "Nay ta hiển bày oai lực thần túc, biến hóa theo Thánh tuệ vô cực, biểu hiện đạo lực để trở lại chúng hội". Tức thì dùng định Tam-muội chánh thọ Như kỳ tượng để hiện thần túc, trong khoảng khởi niệm, vượt qua hằng hà sa cõi Phật ở phương Đông, nhưng chẳng thể rời xa thế giới của Đức Phật kia dù chỉ bằng sợi lông, huống chi là nhập vào lại Phật hội, là việc chưa từng có. Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại đến vô lượng thế giới trong mười phương, tri triển thần biến của đạo lực oai thế, nhưng chẳng thể trở lại nhập vào Phật hội. Vì sao? Vì do oai thần của chư Phật kiến lập. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến khắp vô số ức trăm ngàn cõi nước nơi mười phương, nhưng nhìn lại vẫn đứng trên đỉnh núi Thiết vi. Bồ-tát nghĩ: "Chư Phật, Thế Tôn đã lập Thánh chỉ, oai thần vô lượng, đạo lực cao xa, chẳng thể vượt qua. Thần túc của ta, chẳng thể sánh kịp, chẳng thể thi triển uy lực cùng hiển bày thần túc. Vì sao? Vì chư Phật thuyết pháp không bao giờ hư vọng. Một mình đến mười phương không có bè bạn, chỉ có thân ta thì chẳng bì kịp, đến nỗi làm cho chẳng được nghe pháp, thọ trì giáo pháp. Pháp của chư Như Lai chưa từng chống trái nhau. Tâm bình đẳng của chư Phật luôn hướng đến chúng sinh, thì ta đâu có thể đứng trên đỉnh núi Thiết vi này mà tu tập định ý chánh thọ, bốn Ý chỉ. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nghĩ: "Thế nào gọi là Ý chỉ? Nghĩa là không có ý nghĩ, chẳng nhớ đến các pháp. Các pháp không có xứ sở, cũng chẳng phải là không trụ". Vì sao không trụ? Vì không có xứ sở. Như vậy thì cái gì tạo sự vận hành nơi các pháp thông suốt từ xưa đến nay? Chốn có thể trụ, cũng không có chỗ trụ, đó là chỗ trụ. Bốn Ý chỉ này trụ nơi không có chỗ trụ, đó là không ý cũng không có chỗ nhớ nghĩ".

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khi tu theo bốn Ý chỉ ấy thì có bốn vạn hai

ngàn Thiên tử… đi đến chỗ Bồ-tát cúi đầu đảnh lễ, rải các hoa hương nơi cõi trời để cúng dường, rồi lui ra đứng qua một bên.

Khi ấy có Thiên tử tên là Quang Minh Tràng hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Vừa rồi Bồ-tát nhập định nào, tu tập đạo hạnh gì mà được hưng khởi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Thiên tử nay hỏi ngược lại ta là dùng những định nào để tu hành, mới được hưng khởi? Định để tu hành là chỗ chẳng sở đắc của chư Phật Đại Thánh. Hàng Thanh văn cũng vậy, dùng định ý ấy mà tu hành theo. Do sự tu tập định này, nên khiến cho các chúng sinh, dâm, nộ, si đều luân theo sự tu tập của ta.

Thiên tử Quang Minh Tràng hỏi:

–Tu hành theo loại nào là chỗ chẳng sở đắc của chư Phật Đại Thánh?

Đáp:

–Tu hành về Không, Vô tướng, Vô nguyện là chỗ chẳng sở đắc của chư Phật Đại Thánh.

Thiên tử lại hỏi:

–Chỗ chẳng sở đắc của chư Phật Đại Thánh, nay Nhân giả tu hạnh này chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Giả sử có hạnh thì ta sẽ tu tập hạnh đó. Nhưng cái hạnh để hướng đến thì vĩnh viễn, không có. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều vắng lặng.

Thiên tử hỏi:

–Dùng những định nào để tu hành theo bốn Ý chỉ?

Thiên tử lại hỏi:

–Cái gì gọi là Ý chỉ vì tất cả các pháp là không ý, không niệm?

Thiên tử lại hỏi:

–Giả sử không ý, không niệm thì có cái gì để làm hạnh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Không ý, không niệm là hạnh đệ nhất, chỉ có hạnh này là hạnh bình đẳng. Hạnh ấy bình đẳng nên không thiên lệch, phe nhóm. Đã không thiên lệch, phe nhóm, thì không có năm đường. Đã không có năm đường thì chẳng thấy gốc si. Đã không có gốc si thì chẳng sinh tuệ minh. Chẳng sinh tuệ minh thì có không có sự phát khởi. Đã không có sự phát khởi thì không

có sự hủy hoại. Đã không có sự hủy hoại thì không có luật nghi. Đã không có luật nghi thì không có sự thành tựu. Đã không có sự thành tựu thì không có sự hoại diệt. Đã không có sự hoại diệt thì gọi đó là xưa nay thanh tịnh, là hạnh Hiền thánh, vĩnh viễn xa lìa trần lao.

Lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Trần lao là gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Tâm thức thoái chuyển, ưa thích Phật tuệ, gọi là trần lao. Lãnh nạp tư tưởng mà chấp là có thân, có chỗ nương tựa, rồi khởi tư duy, kiêu mạn, tự đại. Có chỗ nương tựa thì mến ưa, hy vọng, thệ nguyện, tính toán, so đo, mưu xét xa gần, tư duy quán xét nghĩ là nên hay chẳng nên, trừ bỏ cống cao rồi chấp có sự trừ bỏ, tâm nghĩ thường còn; đối với các không chỗ thọ, bám trụ thọ nhận, cho là kiến giải; nắm lấy sở hữu, nhận vô sở hữu cho đến buông lung mọi suy xét, đùa cợt, cân lường, tâm muốn đạt bình đẳng. Chấp các hạnh như thế, đối với Thánh pháp luật đều là trần lao.

Khi ấy, Thiên tử Quang Minh Tràng khen ngợi:

–Hay thay, hay thay! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khéo nêu bày những lời như thế, mới có thể dùng bốn hạnh Ý chỉ ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nói:

–Không được vọng tưởng. Đối với các pháp danh sắc đều không có sự phát sinh, cũng không có chỗ hình thành; lại không hiện tại, cũng chẳng ngôn từ. Nên tùy thời mà nói thì các pháp không trụ, cũng chẳng không trụ, thì sao lại khen hay? Lại nữa, Thiên tử! Chẳng nói về ý chỉ thì chẳng thể nêu bày cũng không thể giảng khiến cho ngôn từ đạt mục đích. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có đối tượng được thuyết giảng. Muốn tuyên thuyết các pháp thì chẳng thể phân biệt, chưa từng có sự giảng dạy, tất cả đều tùy thời mà mở bày giáo hóa.

Thiên tử Quang Minh Tràng hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Trước đây đã nói, thuận theo trụ xứ của hàng phàm phu ngu tối hành dâm, nộ, si trụ ở hạnh ấy mà hưng khởi. Vậy phàm phu ngu tối trụ ở chỗ nào mà hành dâm, nộ, si?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Phàm phu ngu tối trụ nơi vô sở hữu mà hành dâm, nộ, si. Đứng nơi pháp giới thì ở bản tế mà trụ chỗ không gốc. Vì sao? Thiên tử nên biết, pháp giới hiện hữu là chẳng thể phân biệt, cũng chẳng thể nêu bày; không gốc, nên bản tế cũng giống như vậy.

Thiên tử hỏi:

–Bản tế là gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Cội nguồn của chúng sinh gọi là bản tế.

Thiên tử lại hỏi:

–Cội nguồn của chúng sinh là gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Cội nguồn của sinh tử là cội nguồn của chúng sinh.

Thiên tử lại hỏi:

–Đối với họ, cái gì là gốc của sinh tử?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nguồn gốc của hư không là nguồn gốc của sinh tử: Giống như cảnh giới hư không của Thiên tử, bản tế không có đoạn diệt, không có bến bờ, không dài, không ngắn, không thô, không tế, không rộng, không hẹp, không xa, không gần, không vuông, không tròn; cái tên hư không ấy là giả có, thật không có danh. Tất cả các pháp cũng lại như vậy, giống như hư không chỉ có giả danh. Cũng như hư không, chẳng sinh, chẳng thọ, chẳng bệnh, chẳng già, lại cũng chẳng chết; cũng không vãng sinh, không có vọng tưởng, chẳng ôm sân hận, không cái mất, cũng chẳng không mất, chẳng đắm vào đâu, chẳng gồm lo sầu. Tất cả các pháp đều là hướng về. Cái bản tế duy nhất ấy cũng không về đâu, không có số đếm. Thiên tử nên biết! Tất cả các pháp không tiến, không thoái, không hợp, không tan, chẳng thể suy lường, không có nơi chốn. Vì vậy, này Thiên tử! Tất cả các pháp đều không nơi chốn, không có chí nguyện, không dẫn dắt, cũng chẳng không dẫn dắt, không có quy luật. Đó là tất cả các pháp đều bình đẳng, không thiên lệch phe nhóm, nên gọi là không gốc, vốn là không như thế.

Khi giảng nói lời này rồi, các chúng Thiên tử đều đạt được pháp Nhẫn không từ đâu sinh.

Khi ấy, các Thiên tử ở trụ pháp không, biểu lộ sự cung kính, liền rải hoa trời để cúng dường Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Do cùng cảm nhận từ sức oai thần của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nên các hoa đều trụ nơi hư không, không ai cầm nắm, giống như cây được sinh ra.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Quang Minh Tràng:

–Theo ý của Thiên tử thì thế nào, nay các hoa này nương vào đâu mà trụ?

Thiên tử đáp:

–Không nương vào đâu mà trụ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Vì vậy, này Thiên tử! Nên biết các pháp trụ ở chỗ không trụ, như hư không trụ. Như hư không không động, chẳng rơi, chẳng lay, không niệm, không tưởng. Vì sao? Tất cả các pháp đều bình đẳng như hư không. Vì vậy nên không động, không rơi, không lay.

Thiên tử Quang Minh Tràng bạch:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thần túc của Bồ-tát cao vời như thế, chẳng thể ca ngợi hết, trong khoảng phát khởi ý, Bồ-tát đã đến vô số ức trăm ngàn cõi Phật trong mười phương, lại trở về ngay.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Chư Phật chẳng chấp giữ nơi Thần túc mà biến hóa nơi oai thần vô lượng, chư Thanh văn… chẳng thể sánh kịp. Vì sao? Vì hàng đạo tuệ vô biên hãy còn chẳng được nghe, thì sao có thể sánh kịp? Tất cả kẻ phàm phu ngu si luôn đeo đuổi Thần túc; còn tất cả chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn thì trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp đều chẳng chấp giữ, cũng không đeo đuổi và cũng không sẽ chấp giữ. Tất cả kẻ phàm phu ngu si thì luôn riêng chấp giữ. Họ chấp giữ cái gì? Chấp giữ ngã, nhân, thọ, mạng, ý, thức; đoạn diệt chấp là thường còn; chấp giữ về dâm, nộ, si. Điều mà chư Phật Thế Tôn chẳng chấp giữ, tức sự chấp giữ ấy trong đạo không phát khởi; không chỗ sinh lại khiến cho sinh. Vì vậy, này Thiên tử! Cái có thể nắm bắt của tất cả kẻ phàm phu ngu si thì chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác đều chẳng thể đeo đuổi.

Bấy giờ chư Phật thuyết giảng pháp cốt yếu của chư Phật rồi, đều trở về trụ xứ cũ. Khi ấy, Như Lai Thiên Vương tự nghĩ: "Ta có thể ứng hiện để Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trở lại nơi đây!" Tức thì Đức Phật Thiên Vương liền xả Thần túc, từ nơi tay phải của Ngài phát ra ánh sáng vàng tía; ánh sáng ấy chiếu quanh chỗ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảy vòng, nhưng chẳng hiện nơi đỉnh đầu của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi suy nghĩ liền biết là Như Lai Thiên Vương muốn tương kiến. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhân đó bảo Thiên tử Quang Minh Tràng:

–Nên cùng đến chỗ Như Lai Thiên Vương để đảnh lễ thăm hỏi, nhận lãnh ý nghĩa thâm diệu đã hỏi về pháp môn hiện giảng nói.

Thiên tử đáp:

–Hay thay! Hãy đi! Nên biết đã đúng lúc.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chỉ trong khoảng phát ý, cùng với Thiên tử

Quang Minh Tràng bỗng nhiên biến khỏi đỉnh núi Thiết vi, đến trước Như Lai Thiên Vương, đảnh lễ nơi chân, nhiễu quanh ba vòng theo phía phải, lui ra đứng một bên, chắp tay cung kính. Chư Thiên tử trong mười phương thế giới cũng đều làm như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật Thiên Vương:

–Nếu các thiện nam và thiện nữ đều vun trồng cội phước, tu pháp tâm diệu, chẳng nên hoài nghi, đã thành pháp khí, thì tất cả đều nhờ ân. Vì sao? Vì thấy các bậc Đại Thánh đức hơn hàng Long tượng (Bồ-tát). Lại, các bậc Đại Thánh đã cùng tụ hội. Con ở bên ngoài chẳng được tham dự, xa cách pháp nghĩa thâm diệu ấy. Nhưng một mình nữ nhân Ly Ý kia vẫn còn, chuyên ngồi nơi đây chẳng thấy dời chuyển, chẳng hề thoái lui mà con lại bị dời đi. Như thế, điều cốt yếu của kinh điển thì vi diệu, vô tận mà con lại bị dời đi, đứng trên đỉnh núi Thiết vi. Con tự nhớ nghĩ, trong khoảng một bữa ăn sáng, có thể đi đến khắp hằng hà sa cõi Phật không thể tính đến ở phương Đông, đảnh lễ chư Phật, được nghe thuyết pháp, ghi nhớ trong lòng, thưa hỏi chư Phật giải quyết các nghi ngờ điều chưa từng nghĩ biết, nhưng lại bị dời đi ở cõi Phật khác. Chư Phật, Thế Tôn quán sát chí hướng của con, nên đã khuyên nhau ban bố kinh đạo. Nay bậc Đại Thánh lại dời con đến đỉnh núi Thiết vi, nhân có hưng phát giáo hóa vô tận, khiến nhiều người vui vẻ, đều cùng kính ngưỡng hết sức, khát khao tiếp nhận giáo pháp! Tâm con nôn nóng muốn được thấy Như Lai, nhưng lại khởi niệm: Vì sao chỉ dời một mình con rời khỏi chúng hội, còn nữ nhân Ly Ý kia thì an nhiên chẳng dời? Con lại nghĩ rằng, kinh giáo mà Như Lai Chí Chân đã diễn nói chẳng bị chống trái, tâm chẳng phải là không muốn thọ nhận; chỉ là do con chẳng sánh kịp. Giáo pháp chư Phật đã giảng nói chẳng phải là khí cụ nên dời con đến trụ ở nơi này, riêng nữ nhân kia thì chẳng dời?

Như Lai Thiên Vương đáp Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đạo kinh mà chư Phật Thế Tôn đã tuyên nói, Bồ-tát đối với kinh điển ấy chẳng phải là không nên thọ trì. Lại nữa, chư Phật Thế Tôn, đạo tuệ sâu xa thù diệu, chẳng thể nêu đạt, vì vậy nên chẳng thể như thường lệ cùng một lần theo ý mà diễn nói pháp yếu chư Phật. Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Trước kia, khi từ thế giới Kham nhẫn phát khởi đến đây, tâm tự nghĩ rằng: "Nay ở thế giới Phổ quang sẽ giảng nghĩa kinh điển cốt yếu của chư Phật, ta nên đến đó để đảnh lễ chư Phật, nghe diễn nói giáo pháp", thì ngay khi ấy bị rơi vào chỗ khó khăn lớn, tư tưởng vô cùng điên đảo, chẳng thuận hợp. Từ cõi nước ấy đến đây muốn được thấy Phật, nghe pháp, thì lại bị ba việc tự làm vướng mắc, chướng ngại, do ôm giữ ý này đến cõi Phật

đây. Những gì là ba?

1. Chấp giữ về thân mình.

2. Chấp giữ về chư Phật.

3. Đeo đuổi các pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nên biết! Chẳng thể làm việc điên đảo mà đạt đến tuệ hạnh vô ngại của Bồ-tát. Theo ý ông thì như thế nào? Từ xưa đến nay ai có thể thấy Như Lai chăng? Như Lai lại có thể quán sát được chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo pháp quán chân đế thì không có chư Phật và các pháp; tất cả các pháp đều không có nơi phát sinh. Như Lai không thấy, cũng chẳng thể thấy Phật. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có chỗ thấy.

Phật lại hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Dùng mắt nào xuyên suốt các hành để thấy Như Lai? Dùng tai nào thấu rõ các nghĩa để nghe kinh điển Như Lai giảng nói?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lặng thinh không đáp.

Khi ấy, trong chúng hội, các Bồ-tát khác đều nghĩ: "Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thật sự không thể trả lời câu hỏi về pháp nghĩa của Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai vừa rồi có câu nạn vấn mà Bồ-tát chỉ lặng im không đáp."

Như Lai Thiên Vương biết tâm niệm của các Bồ-tát, nên bảo các vị ấy:

–Thôi thôi! Các thiện nam! Chớ tưởng Văn-thù-sư-lợi chẳng thể nêu bày được. Vì sao? Vì đã hiểu sâu xa về pháp nhẫn, trí tuệ quyền xảo đầy đủ, không gì là chẳng thông đạt, trí vượt hư không; làm thinh không nói là để trả lời Như Lai.

Các Bồ-tát hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì ý gì mà tuệ nghĩa đã rốt ráo lại đặt ra câu hỏi ấy?

Thế Tôn đáp:

–Này các thiện nam! Văn-thù-sư-lợi nghĩ rằng: "Nếu mình trả lời là có mắt tai này, có sự nghe thấy kia là chấp có thường. Còn như lại bảo là không nhãn; không nhĩ thì rơi vào đoạn diệt; nếu cho là đoạn diệt hoặc chấp có thường thì chẳng hiểu rõ pháp. Cái đúng như pháp là không có đoạn diệt, cũng không chấp thường còn. Chẳng cho là đoạn diệt, chẳng chấp thường còn thì không có chỗ phát sinh. Đã không có chỗ phát sinh thì không ngôn từ." Vì vậy, Văn-thù-sư-lợi gặp nạn vấn này thì lặng thinh không nói tức là đã trả lời rồi đấy.

Khi Phật giảng nói lời này, có sáu trăm Bồ-tát đã đạt được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nhân giả do ba việc mà vướng vào chướng ngại, vì vậy đưa đến trụ ở đỉnh núi Thiết vi. Lại nữa, Nhân giả nêu hỏi: "Vì nhân duyên gì mà nữ nhân Ly Ý còn lại một mình, không dời?" Đó là vì nữ nhân Ly Ý ấy đã hành pháp thiền định Phổ nguyệt ly cấu quang minh chánh thọ, tâm vĩnh viễn vô niệm; chư Phật đến hoặc không đến, giảng nói kinh pháp hay không giảng nói, hoàn toàn không tưởng Phật, cũng chẳng tưởng Pháp, không có tưởng về bỉ, ngã; trừ diệt hết tất cả các tưởng nơi vọng niệm. Nữ nhân ấy trụ nơi định này nên nghe khắp các Đức Phật thuyết pháp ở vô số trăm ngàn vạn ức các cõi Phật hiện tại trong mười phương, mà không đắm chấp. Pháp đã nghe và thọ nhận rồi thì giảng nói lại cho người khác. Lại nữa, thân nữ ấy chẳng từ cõi Phật này đến cõi Phật kia. Ở ngay nơi quốc độ mà không có tưởng về quốc độ, ở chỗ của chư Phật mà không có tưởng về chư Phật. Có nghe thuyết giảng pháp mà không có tưởng kinh điển; không có tưởng về ngã của ta, không có tưởng về người khác, giống như cung điện mặt trăng chưa từng di chuyển xuống nhân gian mà ánh sáng chiếu khắp, không đâu là không thấy. Ánh trăng chiếu sáng chẳng nghĩ về xa gần, cũng không tưởng niệm là ta nên chiếu chỗ này mà chẳng chiếu chỗ kia. Nữ nhân ấy cũng vậy, trụ nơi định Tam-muội, hiện ở vô lượng, vô biên thế giới, độ thoát, dẫn dắt giáo hóa vô số chúng sinh, có thể hiển hiện ở quốc độ của chư Phật, chẳng tưởng về chúng sinh, bình đẳng giảng nói kinh điển. Trong một kiếp, hay hơn một kiếp, Phật tán thán công đức của nữ nhân Ly Ý này cũng chẳng thể hết được. Công đức hàm chứa của nữ nhân ấy là chẳng thể nghĩ bàn, vời vợi như thế!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Các chúng Bồ-tát của trăm ngàn ức ở các cõi Phật ấy, khi chư Phật tụ hội thì có dời chuyển các vị này đặt ở thế giới khác như con bị dời không?

Phật bảo:

–Hãy nên im lặng! Này Văn-thù-sư-lợi không được so sánh về Thánh tuệ của Như Lai, cũng chớ cân nhắc sự kiến lập, biến hóa của chư Như Lai. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Vì chư Phật đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, giống như mía, tre, lau, lúa, mè, rừng cây, vô lượng chư Như Lai tụ hội cũng như thế. Các chúng Bồ-tát, tám bộ chúng Thiên, Long, Quỷ, Thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân

và Phi nhân ở trong cõi này, không thấy một ai, chỉ thấy có một thân Như Lai ta, lại cũng chẳng nghe chư Phật thuyết pháp, chỉ thấy có thân ta ban tuyên giáo hóa. Văn-thù-sư-lợi nên quán xét, sự kiến lập của Như Lai Chí Chân nơi Thần túc biến hóa là chẳng thể suy lường, thân các Ngài là vi diệu. Chư Phật đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, đâu đâu cũng có. Các chúng Bồ-tát dùng đạo nhãn cũng chỉ thấy mỗi một Như Lai, huống gì là người khác muốn được thấy hết, là việc chưa từng có. Các bộ chúng Thiên, Long, Thần, Kiền-đạp-hòa… và Nhân, Phi nhân, du hành ở tam thiên đại thiên thế giới này, xoay vần qua lại, đứng, ngồi, nằm, ngủ, lặng lẽ, thanh thản, oai nghi lễ tiết, đi đứng tề chỉnh, không hề bị chướng ngại. Thân của chư Như Lai cũng không có ngăn ngại che chắn. Vì vậy, Văn-thù-sư-lợi nên khởi quán như thế này: "Chư Như Lai đều là Pháp thân, không có hình sắc, thân Phật vô lậu, các lậu đã hết nên cũng không có thân. Quán không chủng loại, không sinh, không khởi, không thấy, không nghe, không ý, không xứ, cũng như hư không, không có các lậu, không gốc nhân duyên, không hình tượng, không thấy, chẳng thể nắm bắt; muốn thấy hư không mà chẳng thể thấy được. Không có năm nhãn. Năm nhãn là gì? Một là Thiên nhãn; hai là Nhục nhãn; ba là Tuệ nhãn, bốn là Pháp nhãn, năm là Phật nhãn. Cái tên hư không ấy cũng là giả gọi mà thôi. Thân của Như Lai cũng giống như vậy, không lậu, không sắc, cũng không thấy được, không có cội gốc nên không thấy Như Lai. Phật không có năm nhãn; Như Lai Chí Chân cũng chỉ là giả có tên gọi mà thôi, nên không có sự ứng hiện.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Như Lai ấy, Thần túc biến hóa, thân như hư không, nhưng lại tùy thời thị hiện sắc thân có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Này Văn-thù-sư-lợi! Trước đây đã thấy thân của chư Như Lai đều là do cảm ứng với oai thần của chư Phật mà kiến lập. Vì sao? Vì Nhân giả nên hiển hiện giáo pháp thâm diệu vô tận.

Khi ấy, các Bồ-tát tụ hội ở cõi Phật kia, khác miệng cùng lời, lên tiếng khen ngợi:

–Thật chưa từng có, khiếp sợ mừng vui lẫn lộn! Chư Phật Thế Tôn oai thần biến hóa cao vời như thế! Mười phương Như Lai đều đến tụ hội nơi đây, đầy cả cõi Phật, nhưng Bồ-tát chúng con chẳng thấy một vị Phật nào, chẳng nhớ hình ảnh, âm vang, ai đến, ai đi, đã giải thuyết phân biệt về kinh điển gì, chỉ cùng thấy một Đấng Như Lai này. Cúi xin Đại Thánh, nay cho thấy Thánh tuệ vô cực của Đại thừa, vì tất cả mọi người ở đây dù phải trải qua hằng sa số kiếp chịu thiêu nấu ở địa ngục, chỉ vì hành đạo Bồ-tát

mà phải chịu họa hoạn ấy, nên chẳng thể bỏ trí tuệ như thế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Phật Thiên Vương:

–Nữ nhân ấy từ khi phát tâm Vô thượng chánh chân đạo tâm đến nay đã bao lâu mà chỗ hành hóa tịnh mặc, thệ nguyện cao vời và định ý như thế?

Phật nói:

–Từ khi phát tâm Vô thượng chánh chân đạo ý đến nay là chẳng thể tính đếm. Cần mẫn, siêng năng, dốc lòng tin tưởng, thường không buông thả. Các pháp Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ đều hành trì, đầy đủ theo Phật đạo, đối tượng được hành hóa hoàn bị, theo pháp chư Như Lai, ở nơi Phật quá khứ vun trồng các cội đức, cúng dường vô số ức trăm ngàn các bậc Đại Thánh. Này Văn-thù-sư-lợi! Khi nữ nhân này ra khỏi định, nhân giả có thể hỏi trực tiếp là từ khi phát đạo tâm đến nay đã bao lâu, tức sẽ được trả lời.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nghe lời Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ nữ nhân ấy, chí tâm khảy móng tay, phát ra tiếng lớn, muốn làm cho nữ nhân xuất định nhưng nữ nhân vẫn yên lặng thiền định không xuất. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nhập định Như kỳ tượng, biến ra vô lượng thân, khảy móng tay mạnh hơn; tiếng khảy móng tay ấy vang khắp vô số thế giới trong mười phương nhưng nữ nhân vẫn lặng thinh, cũng chẳng ra khỏi định.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nhanh chóng nhập định Như sắc tượng, hiện đại thần túc, cả ức trăm ngàn tất cả các loại kỹ nhạc của chúng sinh hiện có trong tam thiên đại thiên thế giới nơi người thế gian, chư Thiên, Long, Quỷ, Thần, Kiền-đạp-hòa…, không đánh mà tự vang lên. Lại cũng hóa ra hàng vạn loại kỹ nhạc như đờn cầm, đờn sắc, đờn tranh, ống sáo… cùng lúc tấu lên, âm thanh êm ái, rõ, trong, hòa nhã, bi ai…; các loại kỹ nhạc ấy đều hiện bày vô số âm hưởng, vang khắp vô lượng thế giới trong mười phương, nhưng cũng chẳng làm cho nữ nhân ra khỏi Tam-muội định.

Bấy giờ, các thị giả hiện tại ở bên Phật trong mười phương đều hỏi Phật:

–Hôm nay, vì duyên cớ gì mà vô số, vô lượng âm thanh trong trẻo, êm diệu của các nhạc cụ vang khắp cõi nước của chư Phật? Âm thanh của các khúc nhạc ấy êm ái hòa dịu, bi ai, mọi người nghe được đều vui thích.

Chư Phật bảo các thị giả:

–Thiện nam! Nơi thế giới Phổ quang của Đức Như Lai Thiên Vương có nữ nhân tên là Ly Ý, an tọa bên hữu Đức Phật, hiện đang nhập định

Tam-muội Phổ nguyệt ly cấu quang minh. Có Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi mặc giáp Đại đức, vượt bất thoái chuyển, muốn làm cho nữ nhân này ra khỏi định Tam-muội nên đã ứng hiện như thế. Hàng ức trăm ngàn kỹ nhạc của người thế gian, Thiên, Long, Quỷ, Thần, Kiền-đạp-hòa… đều tự nhiên vang động. Các kỹ nhạc biến hóa cũng lại như thế, chẳng đánh mà tự vang lên, nhằm khiến nữ nhân ấy ra khỏi định Tam-muội nhưng không thể được. Vì vậy nên các loại âm nhạc lớn kia đã hòa tấu, vang khắp thế gian.

Các vị thị giả bạch Phật:

–Thật chưa từng có! Chẳng thể sánh kịp! Tam-muội của nữ nhân này tịch nhiên cao vời, chẳng thể suy lường, với hiện tượng như vậy, biết bao khúc nhạc trong trẻo, êm dịu hòa tấu mà nữ nhân ấy vẫn tiếp tục thiền định.

Chư Phật nói:

–Như lời của các thiện nam đã nói, Tam-muội của nữ nhân này là chẳng thể nghĩ bàn.

Khi nêu bày lời ấy, có vô lượng không thể tính đếm các loại chúng sinh trong mười phương đều phát đạo tâm Vô thượng chánh chân, cùng ca tụng: Xin khắp cho chúng con đạt được định tịch tĩnh như thế, như nữ nhân này, cũng lại đạt được Thần túc biến hóa vô cùng, thông suốt tự tại như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nhập chánh định Như kỳ tượng, biến hóa làm cho núi chúa Tu-di, núi Tuyết, núi Đen, núi Mục-lân, núi Đại Mục-lân, núi Thiết vi, núi Đại Thiết vi trong tam thiên đại thiên thế giới lần lượt va chạm vào nhau, không thể tự yên. Ví như dũng sĩ dùng sức mạnh vỗ hai tay vào nhau, cũng như tiếng sấm lớn; âm thanh kia vang khắp, không đâu là không nghe. Núi Tu-di, Thiết vi và các núi lần lượt chấn động như vậy, tất cả đều sụp đổ. Các núi ngã dài nơi đất, hình dáng đáng sợ, âm thanh của chúng rất thê thảm; lại âm thanh lớn kia vang dội khắp vô lượng, vô biên thế giới, nhưng nữ nhân ấy vẫn không ra khỏi Tam-muội định.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chẳng đến gần nữ nhân kia, chỉ dùng phương tiện quyền xảo, hai tay kéo nữ nhân, muốn khiến cho vị ấy đứng dậy, làm rúng động hằng hà sa các cõi Phật ở phương dưới, nhưng chẳng thể làm xê xích nữ nhân kia, dù chỉ bằng sợi lông, cũng chẳng thể làm cho nữ nhân ra khỏi Tam-muội định, nên Bồ-tát lại thi triển thêm tất cả uy lực, muốn nhấc nữ nhân kia lên, hằng hà sa các cõi Phật đều bị xô ngược, nhưng vẫn không thể khiến nữ nhân kia ra khỏi Tam-muội định.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bèn bứng chỗ đất nơi nữ nhân ngồi bỏ trên tay

phải ném lên cõi Phạm thiên, nhưng ở tại cõi trời Phạm thiên, nữ nhân kia vẫn ngồi trên đất, cũng không thể làm cho vị ấy ra khỏi Tam-muội định.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại từ cõi Phạm thiên nhấc thân nữ nhân lên đặt vào lòng bàn tay phải đưa qua hằng hà sa cõi Phật nơi phương Đông. Hằng hà sa cõi Phật ở các phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng, trên dưới, cũng lại như vậy. Các loại âm thanh kỹ nhạc đều trỗi lên, các núi sụp đổ, âm thanh thật đáng sợ, các hoa trời tuôn xuống; âm thanh sảng khoái không thể ví dụ nhưng chẳng thể làm cho nữ nhân kia rời khỏi Tam-muội định.

Khi đó Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bèn nhấc nữ nhân kia lên ném khắp mười phương, nhưng chẳng thể khiến hay biết, nên trở lại chỗ cũ; Bồ-tát liền chắp tay đến trước, bạch với Như Lai Thiên Vương:

–Kính bạch Đại Thánh! Hạnh tu tập của các Bồ-tát thật chưa từng có, tư duy, suy lường chẳng thể bắt kịp. Con có thể biến hóa khiến các đồ vật trong hư không đứng lên, xoay quanh, đi đến, nói chuyện, nhưng nay hiển hiện thần túc vô cực, biến hóa kích động các âm thanh lớn, phá đổ các núi Tu-di, Thiết vi, bứng các cõi Phật dời đi khắp thế giới trong mười phương mà vĩnh viễn chẳng thể khiến cho nữ nhân kia ra khỏi Tam-muội định. Con phải nhường bước, kính lễ nữ nhân. Lại nữa, chúng Đại sĩ hữu học khác, các thiện nam, thiện nữ, người mới phát đạo tâm Chánh chân vô thượng đã thành tựu, chưa thành tựu, người vừa muốn học, mến mộ đại tuệ vô cực như thế, cũng đều quy kính. Vì sao? Vì việc làm của Bồ-tát là chẳng thể nói hết được.

Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhấc nữ nhân Ly Ý đến các cõi Phật trong mười phương, xoay vần, qua lại, khởi động các âm thanh, nhưng chẳng thể khiến nữ nhân kia ra khỏi Tam-muội định, thì cùng lúc ấy, đã mở bày giáo hóa vô số chúng sinh trong mười phương, khiến họ đều phát tâm Bồ-đề, vô số người thành tựu các cội gốc đức độ.

Như Lai Thiên Vương bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng như lời ông nói! Bồ-tát Đại sĩ đã mặc áo giáp phước đức chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đều chẳng thể biết tới, huống chi là hàng phàm phu có thể đạt được? Giống như tam thiên đại thiên thế giới trở thành cái trống lớn; trống của thế giới khác to lớn cũng như trống ấy, rộng dài vô lượng. Bấy giờ, bỗng có một đại trượng phu, hiện thân cao lớn như tam thiên đại thiên thế giới, cầm một cái dùi lớn như ngàn thế giới, ở trước nữ nhân ấy đánh trống lớn này, mãn một kiếp hoặc hơn một kiếp, cũng chẳng thể khiến cho nữ nhân kia

nghe âm thanh ấy, huống hồ là muốn khiến cho ra khỏi Tam-muội định, là việc chưa từng có.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi muốn biết Tam-muội định của nữ nhân này tịch tĩnh, vững chắc, chẳng thể lay chuyển được, đạo tuệ như thế, oai đức vô hạn nên hỏi Phật:

–Ai có thể đảm nhận việc làm cảm động nữ nhân này ra khỏi Tam-muội định?

Phật đáp:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Chỉ Như Lai mới có thể làm cho người ấy ra khỏi định. Lại có Bồ-tát tên là Khí Chư Ấm Cái cũng có thể làm cho người nữ ấy ra khỏi.

Phật vừa nói lời đó, thì công đức từ âm hưởng của thiện nam ấy đã làm cho tam thiên đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách. Bên cạnh Phật Thiên Vương có một vị Bồ-tát tên là Đăng Minh Vương, là thị giả của Phật, liền đến trước Phật hỏi:

–Do nhân duyên gì mà đại địa chấn động?

Phật bảo thị giả:

–Vừa rồi, khen ngợi danh đức của Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái, nên tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu cách chấn động. Lại nữa, tại các cõi Phật phương khác, các Đức Như Lai ở đấy cũng khen ngợi danh đức của vị Bồ-tát này, đại địa ở các cõi ấy cũng hiện đủ sáu cách chấn động.

Khi ấy, các Bồ-tát trong hội đều khát khao muốn được thấy Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái ở đâu. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cũng vậy. Bồ-tát biết được tâm niệm của các Bồ-tát kia, riêng mình cũng kính mến và muốn nữ nhân kia ra khỏi định, nên bạch Phật Thiên Vương:

–Lành thay! Thế Tôn! Xin hiện bày oai quang, tất cả chúng hội thảy đều khát ngưỡng, đều muốn được thấy Đại sĩ Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái. Như Lai hãy xót thương, hiển hiện Thần túc của Thánh đạo vô cực, khiến cho thiện nam kia đến cõi Phật này diễn giảng pháp mầu cho các Bồ-tát nghe, nhân đó sẽ học tập diệu nghĩa khí chí chân và khiến cho nữ nhân kia ra khỏi Tam-muội định chỉ rõ chỗ chưa đạt tới.

Bồ-tát Đăng Minh Vương hỏi Phật Thiên Vương:

–Thiện nam ấy tại phương nào, nơi cõi Phật nào? Đức Như Lai ở cõi ấy hiệu là gì?

Đức Phật đáp:

–Ở phương dưới, cách đây hằng hà sa các cõi Phật, có thế giới tên là

Cẩm tràng, Đức Phật nơi ở cõi ấy hiệu là Sư Tử Ưng Tướng Đảnh Hống Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Tại cõi Phật ấy, thuần là các Bồ-tát mặc áo giáp Đại đức chẳng thể nghĩ bàn, số lượng đông đảo, luôn được Đức Như Lai tuyên thuyết pháp luân không thoái chuyển. Đại sĩ Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái du hóa ở cõi ấy. Lúc này Như Lai Thiên Vương đang tự tại trên pháp tòa, từ ngón chân cái của bàn chân phải phóng ra hào quang sắc vàng tên là Thỉnh chư Bồ-tát, hào quang vừa phóng ra ấy chiếu xuống hằng hà sa các cõi Phật ở phương Dưới, soi sáng nơi thân Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái, vòng quanh bảy vòng, lên tới đỉnh đầu thì mất. Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái nghĩ: "Nay vì duyên cớ gì mà ánh hào quang vô cực trong dịu, mềm mại vòng quanh ta bảy vòng, rồi lên đỉnh đầu và biến mất?" Suy nghĩ liền biết là Đức Như Lai Thiên Vương rất muốn gặp.

Tức thì, Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái liền đi đến chỗ Như Lai Sư Tử Ứng Tượng Đảnh Hống, cúi đầu sát chân bạch:

–Con muốn đến thế giới Phổ quang của Phật Thiên Vương ở phương trên, nay Đức Như Lai ấy muốn gặp con.

Phật dạy:

–Hãy đi đi! Thiện nam nên biết là đã đúng lúc!

Bên cạnh Như Lai Sư Tử Ứng Tượng Đảnh Hống có Bồ-tát tên là Chúng Cáo Nghĩa, là thị giả Phật tiến đến trước Phật thưa:

–Chúng con muốn thấy thế giới Phổ quang và Như Lai Thiên Vương.

Đức Sư Tử Ứng Thượng Đảnh Hống Chí Chân Chánh Giác liền chấp thuận. Ngay khi ấy, ở giữa đôi chân mày Phật phóng ra hào quang chiếu đến hằng hà sa cõi Phật ở phương Trên, thông tới đến thế giới Phổ quang, ai nấy đều từ xa thấy Đức Như Lai Thiên Vương đang thuyết giảng kinh cho chúng Bồ-tát quyến thuộc vây quanh. Thân Phật nổi bật như núi vàng tía. Hào quang của Phật sáng hơn ánh mặt trời, mặt trăng. Người còn sáng mắt, thấy mặt người đối diện, rõ ràng phân minh, tất cả chúng ở đây đều thấy Phật Thiên Vương và các Bồ-tát cũng giống như vậy.

Lúc này, Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái cùng với năm mươi vạn Bồ-tát, rời khỏi cõi Phật kia, chỉ trong khoảng một ý niệm đã đến chỗ Phật Thiên Vương ở thế giới Phổ quang, Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái và các Bồ-tát đều cùng trịch áo bày vai phải, đầu mặt cung kính đảnh lễ Phật Thiên Vương, nhiễu quanh ba vòng, lui ra trụ nơi trên không.

Khi ấy, các Bồ-tát mới đến đều cùng nhập định Giải liễu chư thân, Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái thì nhập định Như kỳ tượng, ứng hiện điềm lành, hiển bày Thần túc, không trung tuôn rải hoa như mưa, hoa ấy đều rơi khắp

các phía trước, sau, tả, hữu Đức Như Lai Thiên Vương, phát ra âm thanh giảng nói nghĩa vi diệu: "Đức Như Lai Chí Chân Sư Tử Ứng Tượng Đảnh Hống cung kính ân cần thăm hỏi, Thánh thể Như Lai Thiên Vương an khương chăng? Đi đứng nhẹ nhàng, sức khỏe dồi dào chăng?"

Chúng hội của Phật Thiên Vương thì hết sức ngạc cho là chưa từng có. Do oai thần của ai khiến cho các hoa này phát ra lời nói êm dịu, truyền đạt lòng cung kính như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bèn hỏi Phật Thiên Vương:

–Kính bạch Thế Tôn! Do Thánh chỉ của ai mà những hoa rải này phát ra âm thanh diễn nói đều vi diệu?

Phật đáp Văn-thù-sư-lợi:

–Do uy thần biến hóa của Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nay vị đó ở đâu?

Phật đáp:

–Đang ở trên không trung, nhập định Giải liễu chư thân.

Lại hỏi:

–Các chúng Bồ-tát vì sao không hiện?

Phật dạy:

–Vì oai thần của Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái khiến cho không hiện bày.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tâm tự nghĩ: "Ta nên dùng định Tam-muội ấy tìm các Bồ-tát đang ở chỗ nào.

Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái liền nhận biết, bèn ẩn hình rồi bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Theo ý của Đại sĩ thì sao? Chỉ có một định Giải liễu chư thân ấy chăng? Chớ nên khởi ý nghĩ đó! Định Giải liễu chư thân số lượng nhiều không thể kể xiết. Tam-muội vừa rồi chỉ như một giọt nước trong biển lớn mà thôi. Các định Tam-muội nơi thân tôi, ngồi và xả thật không kể xiết, Bồ-tát vừa đến nên chưa nghe danh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại tự nghĩ: "Chắc chắn có thể tư duy, quán xét diệu hạnh mà ta vốn đã tu tập ở đời trước, nhờ đó tất sẽ thành tựu được Tam-muội ấy. Nghĩ như vậy rồi, Bồ-tát bèn vào định Như kỳ tượng, chỉ trong khoảnh khắc khảy móng tay đã thông tỏ đầy đủ các Tam-muội.

Bấy giờ, Phật Thiên Vương bảo chúng Bồ-tát:

–Các thiện nam! Hãy cùng quan sát việc làm tinh tấn này, đạt đến độ

siêu vượt với ý nghĩa thù đặc. Các Bồ-tát khác trải qua cả trăm ngàn ức kiếp siêng tu tích đức mới đạt được định ấy. Nay đây, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chỉ trong khoảnh khắc khảy móng tay đã thành tựu đầy đủ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật Thiên Vương:

–Xin Như Lai bảo Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái hiện thân! Chúng hội Bồ-tát này đều muốn thấy Bồ-tát ấy.

Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái và các Bồ-tát cùng đi đều cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ẩn mất, hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đại sĩ có thấy chăng?

Đáp:

–Chẳng thấy!

Như Lai Thiên Vương bảo Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái:

–Hãy đến đây! Chúng hội đều muốn tương kiến, nên tự nhiên hiện thân!

Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái liền vâng lời, cùng các Chánh sĩ Bồ-tát đều ra khỏi Tam-muội, cung kính đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, lui ra một bên, đúng như sở nguyện, hóa ra hoa sen, rồi ngồi lên trên ấy.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái:

–Hãy tác động cho nữ nhân kia ra khỏi Tam-muội định.

Đáp:

–Thôi! Thôi! Cảnh giới hư không không có Tam-muội, cũng chẳng có việc ra khỏi. Lại nữa, hư không ấy chẳng thể lay động. Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi vừa phát ra lời này: "Tác động khiến nữ nhân ấy ra khỏi Tam-muội định", có thể dùng danh xưng ấy để ra khỏi định chăng? Hoặc dùng sắc? Hay là dùng thức? Nói sắc thì tự nhiên chẳng phải là Tam-muội, cũng chẳng chánh thọ, cũng chẳng hưng khởi. Còn thức thì tự nhiên chẳng phải chánh thọ, cũng chẳng hưng khởi. Tất cả các pháp cũng không gốc tịnh, cũng chẳng chánh thọ, không có hưng khởi. Vậy nay tôi phải khởi pháp nào đây? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Giả sử tôi phải làm hứng khởi các pháp Tam-muội, nhưng vĩnh viễn không có chánh thọ thì sẽ hưng khởi cái gì? Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không hưng, lập, cũng không còn, mất.

Như Lai Thiên Vương bảo Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái:

–Thiện nam! Hãy tác động khiến nữ nhân này ra khỏi Tam-muội định!

–Bạch Phật! Con không thể ở trước Như Lai mà thi thố công phu của mình. Thân con phải nên ẩn tàng. Đức Như Lai Chí Chân nên tác động nữ

nhân này xuất định, mới khiến con có thể làm cho cô ấy ra khỏi Tam-muội định. Như Lai Chí Chân hiểu khắp các pháp, tuệ không chướng ngại, tùy thời thuyết pháp, chẳng có gì là không thông suốt, nên làm cho nữ nhân này ra khỏi Tam-muội định, thấy được oai thần nơi đạo lực của Phật, ai cũng vui mừng, đều phát đạo tâm.

Khi ấy, Phật Thiên Vương phát khởi định ý Tam-muội. Phát khởi định ý này rồi thì ngay khi ấy, những người đang nhập Tam-muội chánh thọ trong hàng Bồ-tát, người thế gian, Long, Thần, chư Thiên ở tam thiên đại thiên thế giới và nữ nhân kia đều ra khỏi định. Sự rời khỏi chỗ ngồi này, cùng lúc làm cho mười phương hiện bày chấn động sáu cách, tất cả đều vọt lên trụ trên hư không. Cùng lúc vô số trăm ngàn chư Thiên đến tụ hội nơi hư không, chỗ nữ nhân kia đang trụ, cùng rải hoa sen xanh, hoa sen hồng, vàng, trắng, cúng dường Như Lai.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với nữ nhân Ly Ý:

–Thật chưa từng có hạnh vắng lặng ấy. Pháp Tam-muội đã chứng đắc hoàn toàn chẳng thể sánh kịp.

Nữ nhân ấy đáp:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thôi! Thôi! Đừng ôm vọng tưởng. Định Tam-muội vắng lặng ấy vĩnh viễn không đạt được. Vì sao? Vì đạo tuệ mà chư Phật, Thế Tôn đã tu đều không có sở đắc. Hễ có chỗ đắc thì có chỗ mất. Chư pháp luôn an nhiên, thinh lặng, tịch tĩnh. Cái tịch tĩnh ấy, lại không có đối tượng được tịch tĩnh. Lại nữa, cái tịch tĩnh ấy cũng chẳng có Tam-muội, không có chánh thọ, cũng chẳng hưng khởi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đúng như lời của nữ nhân, định an tịnh của nữ nhân rất là đặc thù. Nếu không có Tam-muội vi diệu chẳng sánh kịp thì có sở đắc. Đã phát khởi âm thanh vô cùng to lớn sao không khởi?

Nữ nhân hỏi lại:

–Lẽ nào pháp giới có Tam-muội hưng khởi chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Không!

Nữ nhân lại hỏi:

–Cái chẳng phải Tam-muội ấy có thể khiến hưng khởi chăng? Lẽ nào có sắc tượng hình loại sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Nếu không có sắc tượng, hình loại thì ai hành trì Tam-muội?

Nữ nhân đáp:

–Các pháp vốn thanh tịnh là Tam-muội. Lại không có định ý, cũng không có chỗ hưng khởi. Vì vậy các pháp đều như tiếng vang. Ví như bao nhiêu loại nhạc cụ của cõi trời và người nơi thế gian, có thể phát ra âm thanh vi diệu chăng?

Đáp:

–Đúng như vậy!

Lại hỏi:

–Cảnh giới hư không ấy đâu có ý nghĩ là nhạc cụ đã phát ra bao nhiêu loại âm thanh thương cảm, êm dịu?

Đáp:

–Không.

–Vì vậy, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp giống như hư không thì ai nghe âm thanh kia? Hoặc có nhĩ thức thì mới nghe được âm thanh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Người nữ không có tai ư? Tại sao không nghe?

Nữ nhân lặng thinh không nói.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi đến ba lần như vậy. Nữ nhân vẫn lặng thinh không đáp. Rồi sau, nữ nhân mới đáp:

–Chẳng tác động thì chẳng nghe.

Lại hỏi:

–Tại sao lặng thinh?

Nữ nhân đáp:

–Luôn luôn không có sở đắc.

Rồi nữ nhân Ly Ý lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Giống như gió lớn thổi lên, thổi đi khắp nơi, nhập vào cây lớn, không ai có thể thấy hình dáng ra sao. Gió không nghĩ tưởng, cây chẳng suy tư. Gió không nghĩ là ta đã nhập vào cây lớn và làm lay động nó. Cây cũng chẳng nghĩ là gió đã chạm vào thân ta. Bồ-tát cũng như thế, luôn luôn phụng hành trí tuệ đại Bát-nhã ba-la-mật, trừ hết các tưởng, chẳng tự nghĩ rằng: Ta vào định Tam-muội, cũng chẳng nghĩ là ta ra khỏi Tam-muội định. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều vốn thanh tịnh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Ly Ý nên rời hư không xuống đứng trước Đức Như Lai mà nói việc

này.

Nữ nhân ấy đáp:

–Tôi đứng đã là đi, chẳng cần phải đi nơi khác.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Thế nào gọi là đã đi?

Nữ nhân đáp:

–Tất cả chúng sinh đều nương vào hư không. Vì sao? Vì các loài chúng sinh đều nương hư không mà qua qua, lại lại. Chúng sinh cư trú, làm việc, ăn, mặc, mọi động tác đều không rời hư không. Vì vậy, chúng sinh tự nhiên du hành ở hư không. Tất cả các pháp đều hiện trong hư không.

Khi ấy, nữ nhân liền rời hư không đi xuống, lại sang một bên, ngồi trên hoa sen, chẳng lạy Như Lai, cũng chẳng chiêm ngưỡng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Lý Ý nữ nhân quá kiêu mạn, chẳng cung kính, chẳng lễ bái Như Lai, chỉ lặng thinh ngồi xuống sao?

Nữ nhân đáp:

–Xét kỹ về lời dạy của Như Lai, thật không có cung kính. Vì sao? Vì chẳng có tác lễ, cũng chẳng không có chỗ tác lễ. Theo ý Bồ-tát thì sao? Cái vốn không ấy, có thể lễ bái chăng?

Đáp:

–Không!

Nữ nhân lại nói:

–Vì vậy cho nên Phật, chẳng thể lễ. Vì sao? Vì đã cho cái vốn không và Đấng Như Lai là không có hai, nên quán bình đẳng. Lại hỏi tiếp Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đại sĩ thấy Như Lai chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bình đẳng quán Như Lai.

Lại hỏi:

–Lấy gì để quán bình đẳng.

Đáp:

–Dùng gốc không để quán bình đẳng. Vì quán bình đẳng là dùng cái không có hình tượng, cho nên quán bình đẳng là chánh quán của tôi.

Nữ nhân lại bảo:

–Quán bình đẳng như vậy thì thấy những gì?

Đáp:

–Quán như vậy thì không có đối tượng gì để được nhận thấy.

Nữ nhân lại hỏi:

–Vì dùng Nhục nhãn nên không thấy ư?

Đáp:

–Chẳng dùng Nhục nhãn, cũng chẳng dùng Thiên nhãn. Vì sao? Vì mắt không có chỗ sinh, cũng không có nơi dấy khởi, cũng như huyễn hóa, chẳng có, chẳng không, cũng chẳng thể nói về hạnh có, không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi nữ nhân:

–Vì sao nay không chuyển thân nữ?

Nữ nhân đáp:

–Thôi, thôi! Này Bồ-tát Văn-thù! Chớ ôm vọng tưởng, Bồ-tát có tuệ quán, thấu đạt các pháp có nam nữ chăng?

Đáp:

–Không có!

Lại hỏi:

–Lãnh hội về sắc có nam nữ chăng?

Đáp:

–Không có!

Hỏi:

–Thọ, tưởng, hành, thức có nam nữ chăng?

Đáp:

–Không có!

Hỏi:

–Địa, thủy, hỏa, phong có nam nữ chăng?

Đáp:

–Không có!

Hỏi:

–Hư không mênh mông, không có giới hạn, chẳng thấy nơi chốn có nam nữ chăng?

Đáp:

–Không có!

Lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Văn tự đã nói gốc ngọn, trước sau, có nơi chốn có nam nữ chăng?

Đáp:

–Không có!

Nữ nhân lại nói:

–Vừa rồi do đâu phát ra lời này: "Vì sao nay không chuyển thân nữ?" Giả sử, tôi đã tự đạt được thân nữ và thấy có nam, nữ thì sẽ bỏ thân nữ thọ thân nam. Nhưng tôi chẳng chấp giữ thân nữ, chẳng thấy có thân nam thì vì sao lại bỏ thân nữ để thành thân nam? Tư duy về các pháp không hợp, không tán, không gốc, không ngọn. Hư không vắng lặng không hợp, không tan. Tất cả các pháp đều như hư không thì vì lý do gì phải chuyển thân nữ là thân nam? Vì sao? Vì đó là giáo pháp đệ nhất mà Như Lai ban tuyên.

Lại hỏi nữ nhân:

–Mắt không có nam nữ; tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng có không nam nữ. Giả sử các pháp không có nam nữ thì không hợp, không tan tức không nam không nữ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi tiếp nữ nhân:

–Đã phát đạo ý được bao lâu?

Nữ nhân đáp:

–Như huyễn sư biến hóa thần túc vẫn còn, tôi phát đạo ý xa hay gần cũng vậy. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều như huyễn hóa. Vừa rồi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi phát ra lời này: "Đã phát đạo ý được bao lâu?". Hiểu biết như vậy thì chẳng phải là hỏi lý. Vì sao? Vì cái không sinh thì chẳng thể khiến sinh, cũng chẳng biết nơi chốn của tâm. Cái nào không nơi chốn thì cái đó không có chỗ sinh, cũng không có nơi diệt.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Nếu là như vậy thì tuân theo cái gì mới thuận hợp với trí tuệ?

Nữ nhân đáp:

–Không nghe, không nói là hợp với trí tuệ.

Lại hỏi:

–Thế nào là thuận hợp?

Nữ nhân đáp:

–Không có chỗ phát sinh là thuận hợp.

Lại hỏi nữ nhân:

–Đã đắc pháp nhẫn từ bao lâu rồi?

Đáp:

–Không có!

Lại hỏi:

–Có phải đắc pháp Nhẫn vô sở tùng sinh chăng?

Đáp:

–Không!

Lại hỏi:

–Vì sao?

Đáp:

–Đã không có chỗ sinh thì không có chỗ đắc. Vì vậy nên chẳng đắc pháp Nhẫn, cũng chẳng đạt được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Đã thấy ý nghĩa gì mà mặc áo giáp thệ nguyện, phát đạo tâm?

Nữ nhân đáp:

–Vì tất cả chúng sinh nên không diệt độ. Vì vậy, Bồ-tát phát đạo tâm, chỉnh trang áo giáp thệ nguyện sâu xa.

Lại hỏi:

–Vì sao?

Đáp:

–Vì tất cả chúng sinh và các pháp diệt độ rốt ráo. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao chư Phật quá khứ bình đẳng chánh giác mà chẳng độ chúng sinh, vị lai và hiện tại cũng không có chỗ độ? Vì tất cả chúng sinh từ nơi hư vô xuất hiện.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Do nhân duyên gì mà Phật xuất hiện ở thế gian?

Đáp:

–Vì muốn khiến chúng sinh không tạo, không chỗ tạo nên xuất hiện ở thế gian. Vì sao? Vì tu theo điều này thì không tạo tác, cũng chẳng không tạo tác.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Vì sao xuất gia, thọ Cụ túc giới làm Tỳ-kheo?

Nữ nhân đáp:

–Vì muốn có được đầy đủ nghiệp ngũ nghịch.

Lại hỏi:

–Ai sẽ tin lời nói như thế?

Đáp:

–Người nào mà không sinh, khiến không chỗ phát khởi, không chỗ hoại diệt thì mới tin lời này.

Lại hỏi:

–Lấy gì để tin vui?

Đáp:

–Lấy cái không ngôn thuyết để tin vui.

Lại hỏi:

–Cái không ngôn thuyết có gì ràng buộc, chướng ngại?

Đáp:

–Cái không ngôn thuyết thì ngôn thuyết là ràng buộc, chướng ngại.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thật chưa từng có! Khó bì kịp! Biện tài diễn đạt không hề bị trở ngại.

Nữ nhân đáp:

–Thôi, thôi, thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chớ nói điều trái ngược ấy. Nay đang ở trước các chúng mê mờ chướng ngại thì tại sao lại ca ngợi ý nghĩa vô ngại?

Lại hỏi:

–Sao là không nói?

Đáp:

–Do không nói, cho nên nói là thân tôi không chướng ngại.

Lại hỏi:

–Hư không mênh mông an nhiên thì có biện tài ư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi tiếp:

–Chỗ gọi là biện tài là ý nghĩa gì?

Nữ nhân đáp:

–Không chỗ sinh mới gọi là biện tài.

Lại hỏi:

–Thế nào gọi là không chỗ sinh?

Đáp:

–Không chỗ sinh là tuân theo sự tu hành, thuận phụng pháp giới. Bản tế không gốc, gọi là tu hành. Cái không tu hành là tuân theo sự tu hành.

Lại hỏi:

–Thế nào là không chấp sự tu hành?

Đáp:

–Ở trong ba cõi, tu hành mà không có chỗ hành. Còn ở trong ba cõi mà không chấp về chỗ ở. Điều tu hành ấy đều không vướng mắc.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Còn bao lâu nữa mới thành tựu Tối chánh giác?

Nữ nhân đáp:

–Như Phật Thiên Vương thành tựu bậc Tối chánh giác, tôi cũng như thế. Theo ý của Nhân giả thì chỗ nhắm đến là gì? Đạo có thể thành tựu chăng? Đạt đến chốn nào?

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lặng thinh.

Nữ nhân lại nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đã đúng lúc cần nêu bày, chẳng nên làm thinh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đạo thì không ngôn thuyết. Vì vậy nên chẳng thể nhận biết!

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật Thiên Vương:

–Thật chưa từng có! Trời ở trong trời. Trí tuệ của nữ nhân này là chẳng thể nghĩ bàn, đức độ khác lạ không lấy gì nêu ví dụ được, nên nay đã tuyên thuyết thông suốt những điều cao xa như vậy! Từ lúc phát tâm Bồ-đề đến nay lâu xa như thế nào? Sau sẽ thành bậc Tối chánh giác, quốc độ ra sao, Phật hiệu là gì?

Phật nói:

–Trước Nhân giả chín mươi sáu ức trăm ngàn vạn vô số kiếp, đã tu tập đạo hạnh trải qua bao nhiêu kiếp, sau đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mới phát tâm Bồ-đề.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Nữ nhân này đã phát đạo ý (tâm Bồ-đề) từ Đức Phật nào?

Phật nói:

–Từ Đức Như Lai Bảo Thành hưng phát đạo ý. Quốc độ của Như Lai Bảo Thành nghiêm tịnh không thể tả xiết. Giả sử xưng tán trong hằng hà sa kiếp cũng chẳng thể nói hết được sự an lạc nơi công đức tốt đẹp ở cõi ấy. Do từ Đức Phật đó mà phát tâm Bồ-đề.

Lại hỏi:

–Nữ nhân ấy vào lúc thành tựu đạo quả ở thế giới kia cũng là người nữ chăng?

Đáp:

–Chẳng phải vậy. Bấy giờ, nữ nhân này làm Chuyển luân vương tên là Vô Số. Văn-thù-sư-lợi nên biết! Vị này chẳng phải là nữ nhân, cũng chẳng phải là nam tử. Vì sao? Vì đã thấu đạt Tam-muội Như huyễn. Tùy theo ý muốn của chúng sinh, có thể theo lời mà ứng hiện, hóa độ. Này Văn-thù-sư-lợi! Nữ nhân này đã trải qua hàng trăm ngàn vô số kiếp như hoa trái trên đất của tam thiên đại thiên thế giới, sẽ đắc đạo Vô thượng chánh chân, thành Tối chánh giác, hiệu là Phổ Quang Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, ở trong cõi Phật với công đức to lớn, như công đức nghiêm tịnh có được nơi cõi của Như Lai Chí Chân Bảo Thành, nữ nhân này cũng vậy.

Lúc này, Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái bạch Phật Thiên Vương:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tạo nhiều lợi ích mới luôn nghĩ đến các pháp nơi quá khứ, vị lai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đúng như lời Nhân giả nói, việc có thể tạo lợi ích thì không thể cùng tận, vì pháp giới là không thể cùng tận.

Như Lai Thiên Vương bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nhân giả chớ cùng giảng giải biện tài với Bồ-tát Đại sĩ Khí Chư Ấm Cái. Vì sao? Vì thiện nam này đạt được biện tài là chẳng thể nghĩ bàn. Chánh thọ Tam-muội mà Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái đạt được nếu phát khởi thì Nhân giả không bằng. Tam-muội ấy gọi là gì?

Khi ấy, trong chúng hội, các Bồ-tát mới học đều nghĩ: "Chẳng thể sánh kịp Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái, hoàn toàn không ai ngang hàng vì Bồ-tát đã tu hành đạt trí tuệ của Như Lai.

Như Lai Thiên Vương biết tâm niệm của các Bồ-tát mới học, nên bảo Bồ-tát Thiện Điều:

–Này thiện nam! Hợp muôn dân nơi tam thiên đại thiên thế giới tạo thành một sức mạnh. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi như thế nào thì khiến những chúng sinh này cũng như thế, nhưng chẳng thể sánh kịp Tam-muội của nữ nhân kia, dù là trăm lần ngàn lần, vạn ức lần hơn, trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chẳng sánh kịp định Tam-muội nơi nữ nhân kia đã đạt được.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chẳng biết danh hiệu của định ấy. Giả sử khiến cho chúng sinh ở trong tam thiên đại thiên thế giới đạt được định tuệ như nữ nhân Ly Ý, cũng chẳng thể sánh kịp định lực Tam-muội nơi Thánh tuệ mà Bồ-tát Đại sĩ Khí Chư Ấm Cái đã chứng đắc, dù cho trăm ngàn ức lần hơn cũng không ví dụ nổi, cũng chẳng thể quán sát biết được

sức hưng phát về định lực của Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái. Nhưng dù khiến cho tất cả chúng sinh trong mười phương đều đắc định tuệ như Thánh tuệ của Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái thì cũng không bằng sự khai mở giáo hóa bằng những động tác hạ chân, giở chân, cử động tới lui của Đức Như Lai. Thánh tuệ của Như Lai là chẳng thể nghĩ bàn, cao vời như vậy, chẳng thể nêu ví dụ được.

Lúc Đức Phật ca ngợi tuệ đức của chư Phật thì có bảy vạn hai ngàn người đều phát đạo ý Chánh chân vô thượng đồng thanh lên tiếng tán thán:

–Xin khiến cho thân chúng con cũng sẽ đạt được Thánh tuệ như vậy!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thiện Điều:

–Nữ nhân Ly Ý ấy đã khuyến khích, khiến Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi phát tâm Bồ-đề. Giống như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, hằng hà sa thế giới ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng, trên dưới cũng lại như vậy đều được nữ nhân giáo hóa. Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát Đại sĩ Khí Chư Ấm Cái đã khuyên nữ nhân Ly Ý khiến phát đạo ý (tâm Bồ-đề). Tám phương trên dưới hằng hà sa thế giới, cũng lại như thế, những người được mở bày giáo hóa, đều giống như nữ nhân Ly Ý không khác. Nay ta nơi đây đắc thành Phật đạo chuyển pháp luân cũng vốn do thiện nam ấy khuyến hóa, khiến phát tâm Bồ-đề. Cho đến nơi thời quá khứ lâu xa, đời Phật Tu-di-phiên cũng ở đời giáo hóa, giống như ta không khác. Hằng hà sa Như Lai hiện tại hay đã diệt độ không thể kể hết nơi mười phương cũng đều được mở bày giáo hóa.

Vừa nói lời này xong, cả tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách. Các thứ nhạc khí không hầu không đánh mà tự kêu vang. Loài chim bay, cầm thú đều hướng về nhau cất tiếng thương yêu, từ vui mừng vì chim thú được gặp Phật thánh. Các chúng sinh nơi địa ngục, ngạ quỷ đều được giải thoát, trong lòng vui mừng như tối gặp sáng. Vòng ngọc của phụ nữ chạm vào nhau thành tiếng. Ngay khi ấy, thứ gì cũng hân hoan!

Khi giảng nói pháp ấy, ở thế giới Phổ quang, có chín mươi hai ngàn chư Thiên và người đều đạt được pháp Nhẫn vô sở tùng sinh. Bấy giờ, cả thế giới ấy nhờ oai thần của Phật nên lãnh hội hết pháp này, đều cùng được khuyến trợ, luôn được an vui, hân hoan vô cùng. Bồ-tát Di-lặc cũng thọ nhận pháp này tăng thêm cung kính. Ở cõi Phật ấy được nghe pháp này là sáu mươi bốn ức chư Thiên và người đều phát đạo Chánh chân vô thượng. Lại có bảy vạn người đều đạt được pháp Nhẫn vô sở từng sinh, một vạn bốn ngàn Tỳ-kheo ý mở thông lậu dứt sạch, năm trăm Tỳ-kheo-ni tâm cũng được giải thoát, hai ngàn sáu trăm người nơi thế gian đã xa trần lìa cấu, đạt

Pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc này, Phật Thích-ca Văn bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Nhân giả nên thọ trì các điều cốt yếu của kinh điển này. Vào đời mạt pháp sau này ít có người tin, chỉ nên phó chúc cho nhau, khiến giáo pháp được lưu hành rộng rãi.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Con xin thọ trì đúng như lời Phật dạy, chẳng dám trái lệnh.

Phật nói:

–Kinh này nếu ở đời sau, nơi đã được lưu hành rộng rãi, hoặc có người thọ trì, thì công đức là chẳng thể lường tính. Nếu có Bồ-tát cúng dường chư Phật diệt độ trong quá khứ, các bậc Thánh vô thượng nơi hiện tại trong mười phương, các vị phát ý lập chí học đạo, người đang học đạo đều khiến trường tồn, tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát. Hoặc có một người, ở đời vị lai, cúng dường chư Như Lai này tất cả các nhu cầu, đối với chư Phật đời quá khứ, vị lai và hiện tại đều phụng sự như nhau không khác, thì phước ấy nhiều chăng?

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Con nghe ví dụ này, tâm mờ mịt, chẳng biết chỗ hướng tới. Số lượng ấy quá nhiều, chẳng thể tính đếm, phước đức cũng vô lượng.

Phật nói:

–Nếu có Bồ-tát thọ trì đọc tụng kinh này, vì người khác diễn nói, được nghe một lần mà vui vẻ tin theo thì phước nhiều hơn người cúng dường chư Phật kể trên.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Ở đời hiện tại này, sau khi ta diệt độ, giả sử có nữ nhân nghe xưng niệm danh đức của nữ nhân Ly Ý, danh hiệu của Bồ-tát Khí Chư Ấm Cái, Như Lai Thiên Vương và kinh điển này thì nhờ nghe danh đức với những biến hóa như thế, chỉ trong một đời được chuyển thân nữ thành thân nam, chóng thành tựu đạo quả Chánh chân vô thượng, là Tối chánh giác. Trong khoảng thời gian chưa thành Phật, đời đời sinh ra thường gặp Phật xuất hiện ở thế gian, trừ bỏ tám nạn, các lo sự chẳng ngăn ngại, thường biết về đời trước, đạt được pháp Tổng trì; ba mươi hai tướng nghiêm trang nơi thân, chỗ ở, chỗ đi không do bào thai, thường được hóa sinh. Vì sao? Vì các Đại chánh sĩ, oai lực rộng lớn, chẳng thể kể xiết. Nếu có nữ nhân nghe danh hiệu các vị về sau cũng được công đức như thế.

Phật giảng nói như vậy, Bồ-tát Di-lặc, chư Thiên, dân chúng, A-tu-luân nghe Phật giảng nói rồi, ai cũng vui mừng cúi đầu lạy Phật.

-oOo-

SỐ 811

PHẬT THUYẾT QUYẾT ĐỊNH TỔNG TRÌ KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam trạng Trúc Pháp Hộ, nước Nguyệt Chi.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành La-duyệt-kỳ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và tám vạn Bồ-tát. Các vị ấy đều đã chứng thần thông của bậc Thánh, không còn thoái chuyển, thông suốt các pháp, chứng đắc pháp tổng trì, biện tài vi diệu, hiểu rõ và khéo léo tùy thuận các phương tiện, học hoàn toàn những giới cấm của Bồ-tát, thể nhập pháp căn bản sâu xa, thông suốt sự kết nối của mười hai duyên khởi không còn tạo tác. Hơn nữa, đối với Không, Vô tướng, Vô nguyện, các vị không hề sinh khởi khiến cho các pháp quay về nhập thể. Với các thần thông rộng lớn, biển trí tuệ mênh mông. Các vị đã thâu nhiếp tất cả vào Tạng pháp. Ý tưởng các vị rộng lớn bao trùm sự hiểu biết của bậc Thánh, thông suốt mọi nghĩa lý, văn chương từ ngữ trong các cõi nước. Do vậy, nếu có ai hỏi điều gì, các vị đều trả lời tường tận, chính xác. Vả lại, các vị còn hiểu rõ ý tứ của chúng sinh, giải thoát khỏi mọi kết sử ràng buộc, tâm như hư không, không còn luyến ái, oán hận. Các vị xa lìa tất cả cấu bẩn và vĩnh viễn an trú trong tịch lặng, đồng thời rời khỏi mọi lỗi lầm, thành tựu chỗ vi diệu của giáo pháp Đại thừa. Với ánh sáng trí tuệ vô biên, các vị ấy giảng thuyết để hàng phục các học thuyết ngoại đạo, giống như mặt trời làm tiêu tan ánh lửa của con đom đóm và sự lóe sáng của ngọc ma-ni hay điện chớp. Các vị đã thực sự rời xa buông lung, dứt trừ các phiền não, không còn chấp vào hai quán pháp thường hằng và đoạn diệt, biết rõ pháp vô ngã, vô thọ mạng, vô nhân và vô dưỡng, tịch nhiên quán sát các pháp sinh khởi và trải qua vô số kiếp thực hành đạo Bồ-tát, khoác áo giáp công đức khai mở sáu pháp nhằm giáo hóa tất cả chúng sinh và không ngừng tu tập bốn ân. Các vị dùng phương tiện khéo léo đi vào trong sinh tử để khai mở các con đường mê hoặc, chỉ rõ họa phước để cứu vớt chúng sinh loại trừ mọi khổ não, khiến cho họ không còn gây tạo nguồn

gốc sinh tử nữa và hướng đến cửa Tam-muội. Danh hiệu của các vị Bồ-tát ấy là: Bồ-tát Vô Ưu Thủ, Bồ-tát Sư Tử Lạc, Bồ-tát Quang Anh Vương, Bồ-tát Phạm Âm Hưởng Như Lôi Vũ, Bồ-tát Vô Lượng Đức Bảo, Bồ-tát Tạp Hoa, Bồ-tát Nhược Can Anh Lạc Trang Nghiêm, Bồ-tát Thạch Ma Vương, Bồ-tát Pháp Vũ, Bồ-tát Liên Hoa Thủ Tạng Vương, Bồ-tát Hoại Hư Yểm Ý Kiến, Bồ-tát Đại Trí Quang Minh, Bồ-tát Biện Diễn Nhã Can Chủng Vương. Tất cả có tám vạn bậc Bồ-tát như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kinh cho vô số trăm ngàn quyến thuộc vây quanh lắng nghe, pháp môn ấy được gọi là Quyết định tổng trì. Lúc ấy, trong chúng hội có mười tám vị thiện nam đều lắng nghe Như Lai dạy về pháp môn tu tập này. Tất cả họ đều vui mừng phấn khởi, tâm được an ổn, trừ bỏ ngủ nghỉ, thích sống nơi vắng lặng, tu tập thiền định, chuyên tâm đi kinh hành, đêm ngày thường tinh tấn không dám biếng nhác. Nhờ vậy, họ xa lìa sự buông lung, tham dục và siêng năng không hề bỏ phí thời gian tu tập trong suốt bảy năm. Tuy nhiên, sau bảy năm đó, tâm của những người này lại trở nên buông lung, biếng nhác không ngừng. Do vậy, khi nghe pháp môn Tổng trì, họ không đạt được sở nguyện nên tâm sinh nhàm chán, đắm mình trong sự sống dục lạc, từ bỏ nhiệt huyết tu tập pháp môn Tổng trì, không đạt được sở nguyện, tâm ý của họ nhàm chán, tiết kiệm đức sống an nhàn, ưa thích ngủ nghỉ, thường biếng nhác không đi kinh hành, trừ bỏ mong cầu không tu tập pháp môn Tổng trì, khoát áo Sa-môn nhưng không chịu giữ giới, đem tâm trí mê hoặc đi tìm cầu giáo thuyết thấp kém nên tất cả họ đều quay về với đời sống thế tục và tích tập năm nghiệp.

Lúc ấy, biết chắc vua A-xà-thế đắm mình trong tịch lặng suốt bảy ngày đã dứt hẳn mọi nghi ngờ do dự, nên Đức Thế Tôn mới thuyết giảng. Oai nghi của bậc Thánh khiến cho tâm vua không còn buông lung, hoài nghi tranh cãi, trừ bỏ những kiến chấp trói buộc và tất cả những thú chơi xa xỉ của bậc vua chúa. Qua bảy ngày vua cùng với bảy ức người đi đến chỗ Phật, muốn thưa thỉnh, lãnh thọ giáo pháp. Mười vị thiện nam cầu pháp thấp kém cũng theo hầu vua ở trong đại chúng. Khi ấy, trong tòa có một vị Bồ-tát tên là Vô Khiếp Hạnh đã chứng đắc pháp Tổng trì, thành tựu pháp nhẫn trải qua vô số kiếp, đạt được vô sinh không còn điên đảo, biện tài vô lượng, chứng nhập Nhất thiết trí, đạo lực trí tuệ chân chánh, tùy thuận phân biệt, thực hành theo các Độ vô cực, hiểu rõ phẩm môn Tổng trì không thể nghĩ bàn, đều biết rõ mục đích, nguồn gốc tâm tánh của chúng sinh nên có thể giáo hóa, vì họ thuyết pháp mà không làm mất căn bản. Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mang y bày vai phải quỳ xuống sát đất chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Mười vị thiện nam này xuất gia tu đạo, đêm ngày thường tinh tấn suốt bảy năm không mệt mỏi, muốn cầu được pháp môn Tổng trì nhưng không được, mất đi ý chí, bỏ áo Sa-môn trở lại hoàn tục, nghiên cứu về giáo lý thấp kém bậc Thánh; ngưỡng mong Đức Thế Tôn thuyết giảng nghĩa pháp, dùng phương tiện khéo léo để giáo hóa, khiến cho những thiện nam này bỏ những việc đã qua để tu tập ở tương lai, tự quay về đạo lớn vô thượng.

Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh:

–Những thiện nam này ở trong đời quá khứ rất lâu đã hủy báng Phật pháp không chịu lãnh thọ. Do vì hủy báng Phật pháp quá nhiều nên không thể nhanh chóng thành tựu đạo vô thượng. Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh liền dùng kệ thưa Đức Phật:

Con nghe Bậc Đạo Sư,
Vua pháp nói rõ ràng
Việc làm các Bồ-tát
Diệt trừ vô số tội.
Công đức, tuệ lìa sợ
Không ai vượt qua được
Mười Lực không gì bằng
Tuệ Thánh không chướng ngại
Đã thoát khỏi ba cõi
Lại không còn buông lung.
Vì họ thuyết hạnh ấy
Làm thanh tịnh nghiệp đạo
Nay khai sáng vô lượng
Thường giữ tuệ cam lồ
Vì người phân biệt nói
Tâm do dự trói buộc.
Nay xin hỏi Như Lai
Chỉ Phật mới giải quyết
Vì sao các Bồ-tát
Tu hành pháp Đại thừa
Thường siêng năng tinh tấn
Thực hành không biếng nhác
Thu phục quyến thuộc ma
Dứt trừ các cấu uế,
Và tất cả các hạnh
Vì chỉ dạy chúng sinh.

Nên mới phân biệt nói
Cốt lõi của đạo hạnh
Từ ngữ rất vi diệu
Ôn hòa vì người nói
Ở nơi chỗ sinh tử
Độ tất cả tai ách
Lắng nghe lời tán thán
Giải quyết những nghi ngờ
Nguyện tối thắng thuyết giảng
Thực hành các đạo hạnh
Khéo tu đức thanh tịnh
Vốn xa lìa sinh tử.
Thương xót các chúng sinh
Khiến cho họ an ổn
Dứt hẳn chốn sinh tử
Bố thí xe trân báu.
Đầu mắt cùng thân thể
Vợ con cũng như vậy.
Tôn kính hạnh nhẫn nhục
Khéo tu tập giới đức,
Tinh tấn nơi vắng lặng.
Hiểu rõ tâm kiên cố
Thường sử dụng đức này
Nhẫn trăm ngàn tai nạn
Đi lại trong nhân gian
Thông suốt không ngăn ngại
Biết rõ pháp thường hành
Không một lần do dự.
Diệt trừ tham, sân, si.
Hiểu, không gì sánh kịp
Thấy rõ việc xuất gia
Giáo hóa trong sáu đường
Vì chúng sinh nói pháp
Như thể đang hành đạo.

Đức Phật liền bảo Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh:

–Mười thiện nam này ở đời quá khứ đã vi phạm giới pháp và hủy báng kinh điển của các Đức Phật. Sao gọi là vi phạm giới pháp của các Đức Phật? Ở trong đời quá khứ rất lâu trải qua ba mươi hai kiếp có thế giới

Diễm khí có Đức Phật hiệu là Quang Thế Âm Như Lai, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Mười thiện nam này ở trong đời đó làm con của một trưởng giả thật giàu sang. Sau khi Đức Phật diệt độ, ở đời mạt pháp họ lập các công đức, xây dựng năm trăm chùa tháp, giảng đường, tinh xá, mang đủ thứ vật dụng để cúng dường cho Tỳ-kheo Tăng. Mỗi một chùa, tịnh xá có trăm ngàn Tỳ-kheo sống trong đó. Vào thời ấy, có một Bồ-tát hiệu là Biện Tích đã chứng pháp Tổng trì, dùng phương tiện khéo léo đi lại tự tại, ngồi trên tòa cao để thuyết pháp giáo hóa tất cả chúng sinh. Do vậy, hai vị Pháp sư này, được năm trăm Đức Phật trao truyền pháp Biện tài vô ngại và tám mươi ức Thiên tử đã dứt sạch mọi cấu uế tự trang nghiêm thân, ở giữa hư không hóa hiện thành giảng đường kiên cố với các cờ xí, tràng phan để cúng dường. Lúc ấy, Bồ-tát vì thương xót tất cả chúng sinh mà thuyết giảng kinh điển. Bấy giờ, trong pháp hội, có bảy vạn người đạt được tâm không thoái chuyển, sẽ thành đạo Vô thượng Đẳng chánh giác và một vạn người chứng quả Tu-đà-hoàn.

Khi ấy, ở thế giới này có vị quốc vương tên Nguyệt Thi, ưa thích nghe pháp, mong muốn hiểu rõ ý nghĩa của kinh và tự lấy giáo pháp làm niềm vui nên vua dùng đủ mọi thứ cúng dường cho Pháp sư Bồ-tát Biện Tích. Vua ra lệnh cho năm trăm mỹ nữ, quý tộc ở trong cung trỗi các kỹ nhạc, dùng các vật báu làm hoa rải lên pháp tòa, đồng thời dùng hương chiên-đàn xoa vào thân Bồ-tát, rồi dùng năm trăm cái lọng che kín pháp tòa, năm trăm bộ y phục tốt đẹp để cúng dường. Sau đó, vua và những người ấy đứng suốt bảy ngày đêm dường, đứng suốt bảy đêm ngày không dám ngồi xuống, tùy theo sở thích của họ nên được an ổn. Tất cả đều nhận thấy không mất thì giờ khi rất tôn kính bậc Pháp sư với phước đức rộng lớn vô thượng, vượt thoát khỏi mọi lỗi lầm. Lúc ấy, con của người trưởng giả giàu có ngang nhiên phỉ báng Pháp sư Bồ-tát Biện Tích và hủy phạm giới, không giữ gìn giới luật. Do tội này nên rơi vào địa ngục đủ chín vạn năm; được sinh trong loài người thì rơi vào trong biên địa chém giết lẫn nhau năm vạn đời. Vì nhận sai lầm nên gây tạo tội lỗi chồng chất khiến cho sáu trăm đời thường sinh làm người mù, điếc, câm, ngọng, không thể nói được. Sau đó, xuất gia làm Sa-môn, đến bảy trăm đời mới siêng năng tinh tấn tu tập, không tiếc thân mạng nhưng vẫn không đắc được pháp môn Tổng trì. Nay lại sinh vào đời của ta tâm thường tán loạn, không chuyên chú thiền định. Do vì tội báo tai họa đời trước ngăn che mà nay những thiện nam này cũng không thể đắc được pháp Tổng trì. Bởi thế, ta giao phó cho các ông phải trân trọng thọ trì

kinh điển này. Đối với Pháp sư phải hết lòng cúng dường, không có tâm lo buồn và diệt hết độc hại, huống hồ vừa mới nghe qua lại sinh tâm ác độc?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Giả sử có người bắt hết chúng sinh móc cả hai mắt, tội ấy tuy nặng nhưng trải qua nhiều kiếp còn có thể hết. Còn nếu ai có tâm hại đến Pháp sư thì tội này không có giới hạn quá hơn tội kia. Giả sử có người có khả năng giúp các chúng sinh ưa thích việc tranh đấu và gây chia rẽ trở yên ổn thì được vô số công đức. Nhưng nếu gặp Pháp sư một lòng đứng trước mặt thì công đức này hơn hẳn công đức khiến cho chúng sinh ưa thích đấu tranh trở về với sự hòa hợp đến trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần hàng ức vạn lần. Do đó, công đức người kia làm sao sánh bằng việc đem tâm an vui đứng trước vị Bồ-tát. Vì sao? Vì người hủy báng Pháp sư chính là hủy báng Như Lai. Nếu ai muốn cúng dường Như Lai thì phải tôn kính Pháp sư. Muốn tôn kính Như Lai thì nên thuận theo Pháp sư, muốn lễ bái Như Lai thì phải lễ bái Pháp sư. Vì sao? Vì các Bồ-tát đều từ pháp sinh ra mà thành tựu được Nhất thiết chủng trí. Nhờ Nhất thiết chủng trí nên thành Phật Thế Tôn. Sự xuất hiện của Bồ-tát là để làm phát khởi tâm đạo, chứ không vì an trú trong tham dục. Bởi thế, ở nơi trần lao mà được đảnh lễ. Do vì không có chỗ sinh nên cũng chẳng có nơi an trú. Các vị thường tu tập phạm hạnh thanh tịnh nên được cung kính lễ bái; không vì vô sắc Tam-muội để nhận thọ sự lễ bái ở cõi Vô sắc, không vì tai nạn khác mà thuận theo sinh tử. Sở nguyện của các vị đã được tự tại nên đã vãng sinh, thoát khỏi những việc làm tối tăm của phàm phu. Người nào muốn làm Bồ-tát bị những tai họa khác chẳng khác nào làm cho hư không có những hình ảnh cũng tương tự thiện nam này. Ví như long vương A-nậu-đạt khi muốn thấy những con rồng đùa giỡn thì bảo tất cả những con rồng thân thuộc đều nương vào rồng chúa để được an ổn, thường thoát khỏi ba thứ bệnh, không còn hoạn nạn. Bồ-tát cũng vậy, trừ bỏ những ưa thích, đoạn trừ được ba độc (tham, sân, si) diệt hết các phiền não và các khổ não, như thế mới an lạc cứu độ chúng sinh. Ví như thuồng luồng bơi ở trong nước mà không có sợ hãi. Bồ-tát cũng vậy, ở trong ba cõi cũng không còn kinh sợ. Ví như thuồng luồng lặn ở nước sâu, được ở trong đó tha hồ ưa tung tăng uốn lượn mà không bị nước làm hại. Bồ-tát cũng vậy, đến nơi chúng sinh tối tăm, sống và thực hành sở nguyện, chỉ trí tuệ nhận biết, bàn luận không trái hạnh của đạo, không cùng với người ngu mà bị cấu uế, không vì ba cõi để bị chìm đắm. Do đó hành giả phải thường xuyên hộ trì và phụng sự pháp mới được an lạc. Đây là những việc tu tập của Bồ-tát. Lúc ấy, Đức Phật nói kệ:

Ai muốn quy y Phật
Tôn kính các bậc Thánh
Thường cúng dường Bồ-tát
Phụng trì Thầy dẫn đường
Ta nay được y bát
Giường chõng các tọa cụ
Phật đều nhờ cúng dường
Người thuận theo cúng dường
Được đèn Phật vô thượng
Do việc cung cấp này
Mà thành tựu Chánh giác
Đứng đầu trong hàng Thánh
Cho ăn uống xe cộ
Các bậc trí tuệ này.
Vì người mê dẫn đường
Sẽ dùng cam lộ rưới
Tất cả loài chúng sinh
Cho trời, người an ổn
Nếu người mới phát tâm
Không thể báo ân này.

Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có phương tiện khiến cho mười người thiện nam này vừa diệt được tội chướng lại có thể chứng được đạo chăng?

Đức Phật nói:

–Giả như mười người này nhất tâm thọ trì, học tập, tuyên thuyết tu hành pháp luật của Đức Phật, lại làm Sa-môn, siêng năng đọc tụng kệ văn pháp Tổng trì thì có thể thành đạo. Thế nào là kệ văn của pháp Tổng trì?

Tu lắng trong
Câu rõ ràng
Thật trong sáng
Không thọ nhận
Không tạo tác.
Không chỗ đắc
Dẫn mau chóng
Chỉ vừa sinh
Trì tinh tấn
Đi vừa lạy.

Chuyên tu hành.
Trí hiểu rõ
Quán sát kỹ
Không còn khởi
Trừ tai họa
Bỏ quyến luyến
Hay xem thường
Đều thanh tịnh.
Không cấu uế.

Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh:

–Mười người này nhờ tụng trì kệ văn pháp Tổng trì, suốt bảy ngày tu tập công đức nên không còn ở nơi thấp kém của cõi Vô sắc, không ôm lòng sân giận, an lạc chẳng bao lâu đạt đến chỗ không tạo tác, tâm không còn cấu uế bình đẳng, trừ bỏ những vật hiện có, xa lìa năm ấm, diệt trừ tâm niệm Phật tán loạn. Các thiện nam này, giả sử thực hành theo giáo pháp đạo như thế, mười phương thế giới đều có ngàn Phật liền thị hiện trước mặt họ khiến cho họ nhìn thấy, tự trách tâm mình quay về với Thánh hiền, tội chướng có thể tiêu trừ, chứng được trí tuệ của đạo. Các thiện nam khi nghe Đức Phật dạy, họ thuận theo Pháp luật liền bỏ nghề nghiệp thế tục mà xuất gia làm Sa-môn, tụng đọc văn kệ pháp Tổng trì này, đúng như sự dạy bảo của bậc Thánh. Suốt bảy ngày tinh tấn tu tập, hết bảy ngày liền thấy mười phương đều có ngàn vị Phật rõ ràng vì họ mà thuyết pháp để tiêu trừ tội nghiệp, tất cả đều tu tập trí tuệ môn Tổng trì, vượt khỏi nạn của ba mươi sáu kiếp sinh tử chứng được quả vị không thoái chuyển, sẽ thành đạo Vô thượng chánh chân.

Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh:

–Vua của nước Nguyệt Thi lúc ấy, nay chính là Đức Phật A-di-đà, Bồ-tát Biện Tích đó là Đức Phật A-súc. Mười người con trưởng giả hiện tại là người thiện nam ấy. Cho nên, này Vô Khiếp Hạnh! Họ có tâm tu học Đại thừa, siêng năng thực hành đúng như lời dạy của Đức Phật, an trú trong chánh pháp, diệt trừ vô minh, cẩn thận không tìm cầu pháp thấp kém của người khác.

Đức Phật dạy Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh:

–Có bốn việc làm có thể hướng dẫn người tu tập trang nghiêm thanh tịnh đạo Phật. Những gì là bốn?

1. Thực hành pháp không, thường có tâm Từ bi không làm tổn hại chúng sinh.

2. Thương yêu, tôn kính bạn đồng học, không xem thường kiêu mạn.

3. Vì người thuyết pháp, nhờ vào kinh điển bố thí mà không có sự mong cầu.

4. Phải thường xuyên nhất tâm, không phá hoại tâm cúng dường cơm áo.

Đức Phật liền nói kệ:

Tâm họ thường tin tưởng vào pháp không
Tu tập đạo thanh tịnh thật tối thắng
Như ánh mặt trời tùy thời chiếu sáng
Chứng đạo Phật rồi sáng hơn thế nữa.
Chưa từng có người biết lỗi lầm mình.
Làm bậc Thánh đức thọ nhận tất cả
Như vậy thuận theo đạo tràng thanh tịnh.
Bỏ hết cống cao ngã mạn vô lượng.
Tất cả y phục tốt đẹp hiện có.
Đều đem cúng dường người hành đạo Phật.
Cũng không mong sự cúng dường của người
Đây là trang phẩm Phật đạo thanh tịnh
Do không mong cầu thí pháp vô lượng
Thường tu thương xót nhớ đến chúng sinh.
Tâm tánh thường nhớ về nghĩa ân đức
Là trang nghiêm thanh tịnh đạo chư Phật
Giả sử ưa phụng sự tất cả Thánh
Hoặc muốn cúng dường, không thích kinh điển
Thường nên thực hành Phật đạo vô thượng.
Ba ngôi quý cũng từ trong đó sinh.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh:

Lại có bốn việc làm mau thành Phật đạo. Những gì là bốn?

1. Ưa thích rõ nghĩa kinh điển Đại thừa.

2. Xa lìa tham muốn, không tập buông lung.

3. Thường bố thí đầy đủ cho người cùng khổ.

4. Có thể phát khởi ban bố bảy Thánh tài cho người.

Đức Phật liền nói kệ:

Tôn kính Pháp sư
Ngưỡng mộ Đại thừa.
Xa lìa tham dục
Tu hạnh thanh tịnh.

Thương yêu bần khổ
Cứu giúp các nạn
Dùng bảy Thánh tài
Bố thí không mệt.

Đức Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh:

Lại có bốn việc làm mau chứng thành Phật. Những gì là bốn?

1. Thường thực hành đại Bi yêu thương chúng sinh.

2. Thường thương xót nhiều vì họ mà rơi nước mắt

3. Luôn luôn vui vẻ, hiện ra nét mặt hiền hòa đối với chúng sinh.

4. Thường thực hành cứu độ rộng lớn để thoát tai họa sinh tử trong ba cõi.

Đức Phật liền nói kệ:

Thường thực hành đại Bi
Thương yêu các chúng sinh
Nhớ mong cầu thành tựu
Như mẹ thương con mình
Thương yêu trọn cuộc đời
Không sợ các tai nạn.
Năm đường như bọt nổi
Thương xót làm rơi lệ
Vui vẻ nhìn chúng sinh
Nhờ pháp được an lạc
Giáo hóa lìa các khổ
Không khổ, an ổn nhiều
Tùy thuận theo năm đường
Phương tiện dạy thích nghi.
Giải thoát khổ ba cõi
Chứng được đạo Vô thượng.

Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh:

–Nếu có người siêng năng cầu pháp Tổng trì này nên đến nơi pháp hội tu tập vắng lặng, tất cả đều thực hiện hạnh bình đẳng, thanh tịnh, mặc y phục trong sạch, tu tập bốn oai nghi đức hạnh chân chánh, tâm không giải đãi, dùng bao nhiêu vật dụng cúng dường, phụng dưỡng Pháp sư, hết lòng tin Tam bảo, luôn cung kính khiêm nhường, trật tự, chưa từng mỏi mệt, thường thực hành tinh tấn, không có thực hành hạnh tà dua nịnh, tâm thường nhớ Phật không xa lìa, ý chuyên tu tập trừ bỏ những gì hiện có, đã không có sở hữu cũng không nhớ nghĩ về sở hữu

đều hiểu rõ tâm hành của chúng sinh, chuyên cần giữ gìn tâm miệng mình cẩn thận, ưa thích thưa hỏi, thọ trì pháp chư Phật, sám hối lỗi lầm, giữ gìn đức hạnh trợ thêm công đức, oai nghi lễ nghĩa không trái giáo lý của đạo, thích ứng tất cả, nghe tiếng phi nhân chẳng lấy làm lo sợ, không sợ hãi những côn trùng bò cạp, nọc rắn độc, cung kính sư trưởng, tu tập kinh điển này chưa từng mệt mỏi. Khi Đức Phật thuyết kinh này, ba vạn người nguyên chưa từng phát tâm đạo, nay đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, năm ngàn người xa lìa cấu uế đắc các Pháp nhãn tịnh, ba vạn Bồ-tát đắc được pháp Nhẫn vô sinh.

Đức Phật nói:

–Nếu có Bồ-tát nào nghe thuyết giảng kinh pháp này thì được đầy đủ các công đức, vô lượng biện tài. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào học đạo Bồ-tát đều dùng bảy báu trải khắp tam thiên đại thiên thế giới, hằng hà sa kiếp tinh tấn phụng trì Tam bảo, có người nghe kinh điển này phước đức nhiều hơn trên. Nếu có Bồ-tát trải qua trăm ngàn kiếp thực hành năm Độ vô cực mà không được trí tuệ cao siêu, không có phương tiện thiện xảo, chẳng bằng nghe những căn bản của kinh điển này thì phước đức lớn hơn nhiều. Vì thế, này thiện nam! Ta giao phó kinh này cho các ông cùng truyền trao cho nhau ân cần giúp đỡ, tùy thời bảo vệ khiến không quên mất, chớ làm giảm sút mà được tồn tại lâu dài ở đời trì tụng, giảng thuyết phân biệt rõ nghĩa lý cho người. Giả sử gặp tai nạn bị mất thân mạng sẽ cẩn thận với kinh này, chớ quên mất lời dạy của Đức Phật. Đức Phật giảng thuyết như vậy, Bồ-tát Vô Khiếp Hạnh, mười thiện nam, các vị đại Thanh văn, tất cả Trời, Rồng, Quỷ thần, A-tu-la và người nghe kinh rồi hoan hỷ đảnh lễ lui ra.

-oOo-

SỐ 812

BỒ-TÁT HÀNH NGŨ THẬP DUYÊN KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành La-duyệt-kỳ cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo Tăng, vô số Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Quỷ Thần, mười vạn Bồ-tát từ mười phương đến, tất cả tự nhiên đều ngồi trên tòa Sư tử hoa sen bằng bảy báu. Các Bồ-tát mười phương thấy Đức Phật đoan chánh không ai bằng, thân có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Trong tòa có một Bồ-tát gọi là Nhã-na-thi-lợi bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Nhân giả! Nhân giả là người hiểu rõ ý nghĩa sâu xa kinh điển, vậy có thể tự biết vì nhân duyên gì Đức Phật trang nghiêm thân và thành tựu công đức như thế? Các Bồ-tát khắp mười phương khi nghe hỏi vậy đều hết sức vui mừng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền đi đến quỳ trước Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát ở trong tòa có vị đã đạt được trí tuệ không thoái chuyển còn có người chưa đạt được. Tất cả đều thấy thân Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm thân và đoan chánh không gì sánh bằng. Do nhân duyên gì được như vậy? Nguyện xin Thế Tôn thuyết giảng về các công đức Thế Tôn đã làm ở đời trước cho các Bồ-tát. Sau khi nghe xong chư vị sẽ được lợi ích tăng trưởng công đức.

Đức Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Văn-thù-sư-lợi vì lợi ích cho các Bồ-tát mới phát tâm hỏi thế. Hãy lắng nghe ta thuyết giảng về công đức đã làm đời trước:

Bồ-tát đời đời thường đem những vật báu quý lạ đem bố thí cho người, thường đem mắt lành, ý hay giúp đỡ cho người. Do đó, Bồ-tát chứng được trí tuệ Phật, hiểu biết các kinh pháp.

Bồ-tát đời đời thường dùng trân bảo năm màu của người nữ để trang sức, dùng tâm Từ bi để giúp đỡ mọi người cho nên nghe được vạn thứ tiếng

phát ra từ Đức Phật.

Bồ-tát đời đời luôn dùng nguyện tốt, tâm thiện thị hiện làm người ở thế gian. Vì thế, mọi người thấy Phật thị hiện không nhàm chán. Ví như trăng rằm tròn đầy rất đẹp, trông ngắm không chán.

Bồ-tát đời đời luôn vì người thuyết pháp, không từ sự mong cầu mà chỉ nói mục đích làm cho họ được yên ổn, vì thế, khi Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh người nghe thấy vô cùng hoan hỷ.

Bồ-tát đời đời thường không nói những xấu ác của người, cũng không nói cho người khác, do đó, những cấu uế không bám theo thân Phật.

Bồ-tát đời đời thường chịu sự hủy nhục, tuy có sức mạnh nhưng đều nhẫn chịu, vì thế hạnh của Đức Phật thật vĩ đại, nếu làm hạnh thấp kém vì người vẫn là cao thượng.

Bồ-tát thấy người khốn khổ, nguy họa thường cung cấp đầy đủ cho họ, thấy người phá sự an ổn, khiến họ ở trong sự hòa hợp. Vì thế, khi Đức Phật hành đạo ở đâu là thị hiện oai thần như hình tướng vui vẻ.

Bồ-tát đời đời không làm cung, nỏ, đao binh khí khiến người giết hại lẫn nhau, vì thế, khi Đức Phật hành đạo những thứ gai, góc, ngói đá, đồi, gò đất đều tự tan biến.

Bồ-tát đời đời nghe pháp từ vị thầy không dám sai phạm. Vì thế, những việc Đức Phật làm thường được thành tựu viên mãn.

Bồ-tát đời đời thường ưa thắp đèn ở điện Phật và ở trước thầy, cha, mẹ; người có những nghi ngờ liền được giải thích. Do đó, thân của Đức Phật thường phát ra ánh sáng rực rỡ vi diệu không gì bằng, oai thần vời vợi mới như thế.

Bồ-tát đời đời thường thấy người giúp việc liền thuyết giảng kinh cho họ mà không la rầy quở mắng, khiến cho họ bỏ những mặc cảm của mình lại nghe được kinh điển. Do đó Đức Phật thuyết kinh luôn luôn thông suốt không sai lầm.

Bồ-tát đời đời thường không dùng mắt xấu ác để nhìn người, giả sử có sân giận lần lần nhẫn chịu. Do đó, mắt Phật không lớn, không nhỏ, dài rất đẹp, người nào thấy Phật cũng yêu thích.

Bồ-tát đời đời thấy vợ của người đoan chánh, không đem tâm dâm dục hướng về mình. Vì thế, thân Phật tướng tốt đẹp không ai bằng. Ai thấy cũng ưa thích.

Bồ-tát đời đời thường có lúc gặp quả chín và hoa hương thơm đem dâng trên Đức Phật, Tỳ-kheo Tăng, thầy, cha mẹ. Do đó, cây, quả và hoa

thấy Phật đều nghiêng hướng về phía Đức Phật.

Bồ-tát đời đời thấy đường xấu, gò đất liền ban ra bằng phẳng, thấy không có cầu cống lại xây dựng cầu cống, không vì tiền tài làm người sợ hãi. Vì thế, Đức Phật vào cửa nhỏ hẹp thì cửa ấy tự lớn thêm lên.

Bồ-tát đời đời thường thấy nơi hoang vắng không có giếng, cây liền trồng cây, đào giếng và các thức ăn uống khiến cho người có ăn. Vì thế, những nơi Đức Phật thành đạo hiện ra dòng suối nước chảy ra tám vị.

Bồ-tát đời đời luôn thấy kẻ ăn xin đi lang thang ra vào mà không nói xấu xa của người. Vì thế, thân Phật trong sạch không có nhơ bẩn.

Bồ-tát đời đời đem nhiều thứ hương trang điểm thân Phật, dùng tâm tốt cúng dường Đức Phật và chùa, tháp. Vì thế, chư Thiên, người làm gió hương thổi đến để cúng dường Phật.

Bồ-tát đời đời thường đem nước hương đủ loại, thau rửa mặt, tăm, bàn chải để cúng dường Đức Phật và các Bồ-tát. Do đó, trong miệng trên mặt đều có hương thơm, ví như hương chân cất ở phòng kín.

Bồ-tát đời đời thấy người có tâm sân giận tranh cãi với Bồ-tát, thì thường dùng tâm hiền từ để cư xử với họ. Vì thế, khi Đức Phật hành đạo những loài sâu kiến ở dưới chân đều được an ổn, oai thần của Đức Phật cao vời vợi như thế đó.

Bồ-tát đời đời được ở trong nước có nhiều hương hoa y phục tốt đẹp đều đem dâng cúng Đức Phật. Vì thế, có người tung hoa lên thân Phật tạo thành lọng hoa.

Bồ-tát đời đời không phá hoại phòng nhà của người mà còn thích xây dựng nhà cửa. Vì thế, Đức Phật oai lực vững chắc như Kim cang, bốn bên (thân thể) như núi, không ai có thể hại thân Phật được.

Bồ-tát đời đời thấy người đói khát, trước cho ăn uống, sau giảng thuyết kinh pháp. Vì thế, trước chỗ Phật đứng đều có nước hương thơm chảy ra.

Bồ-tát đời đời từ sự mong cầu của người có gì liền ban cho, không còn tiếc lẫn. Vì thế khi Đức Phật thuyết kinh người nghe không còn (đường đột) ngơ dại tất cả đều được lợi ích. Do đó, Đức Phật thu phục các ma.

Bồ-tát đời đời thường thích đem những âm nhạc hay đến Đức Phật và tháp. Vì thế, Đức Thế Tôn thuyết kinh cho đệ tử, người đầy khắp trong một cõi Phật đều nghe được tất cả.

Bồ-tát đời đời làm (tạc vẽ) nhiều loại cây báu vàng bạc lên trên Đức Phật. Do đó chư Thiên, quỷ thần không thể thấy đỉnh đầu của Phật.

Bồ-tát đời đời xây dựng tháp Phật, đem nhiều loại hương thơm sơn quét vào. Do đó, chỗ hành đạo của Đức Phật trân bảo hương hoa rải khắp thân Phật.

Bồ-tát đời đời thấy người bị trúng độc, liền đem tâm Từ bi đến khuyên bảo họ. Vì thế, chỗ hành đạo của Đức Phật, hoặc người, hoặc cây đều an lành.

Bồ-tát đời đời thường theo kinh pháp không sai phạm, tâm luôn ôn hòa nhẫn nhục đối với người. Vì thế, có người cuồng loạn đến chỗ Phật đều được an ổn.

Bồ-tát đời đời đem bao nhiêu thứ hương cúng dường xá-lợi Phật và sơn tháp. Vì thế, thân Phật không có mùi hôi, những thứ nhơ bẩn, tai họa không thể (hại) đến thân Phật, oai thần của Phật cao vời vợi như thế.

Bồ-tát đời đời thường thấy người bị cuồng loạn, hoặc bị quỷ thần nắm giữ quở trách, liền đến cứu giúp, khiến họ thoát khỏi nạn. Vì thế, đến chỗ của Phật, nếu có sâu kiến đều tự bò đi.

Bồ-tát đời đời phụng dưỡng cha mẹ và thầy hoặc thấy nằm ngủ không thức dậy, nếu muốn làm tỉnh dậy thì dùng âm nhạc, hoặc dùng tiếng tụng kinh hay đến đánh thức. Vì thế, Phật ở trong thanh vắng mà chư Thiên, Phạm vương, Đế Thích đem âm nhạc hương hoa đến thức dạy.

Bồ-tát đời đời vì Phật tạo lập tinh xá tốt đẹp, sửa chữa nhiều thứ giường chõng, tọa cụ. Vì thế, loài muỗi, ruồi, ong, rắn, rệp, chí không dám đến gần Phật.

Bồ-tát đời đời thường về mùa đông lạnh vì Phật và các Bồ-tát may y tốt đẹp quý. Vì thế tùy theo không khí, gió thổi đến Đức Phật không lạnh không nóng cũng không làm lay động tơ áo.

Bồ-tát đời đời có những thức ăn ngon ngọt, đều không ăn một mình, nếu gặp thầy, cha, mẹ có thức ăn, không bớt đi để ăn. Vì thế, Đức Phật xả bỏ năng lực thần thông, tuy không ăn nhưng Phật cũng không đói khát, thân không gầy yếu.

Bồ-tát đời đời không phóng lửa ở núi hoang vắng, đều trừ diệt ba độc của người. Vì thế sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn lửa tuy cháy hừng hực mà không thể làm thân Phật biến sắc.

Bồ-tát đời đời thường tôn quý trên thầy, cha mẹ đến người có đạo đức, phòng, nhà y phục, cơm nước gặp người mà hành khất đều cung cấp cho họ. Vì thế, chư Thiên, Quỷ thần và các trưởng giả đem những vật quý báu ở thế gian để dâng lên Đức Phật.

Bồ-tát đời đời vì Phật sửa sang đường hẻm đem nước hương rải trên đất. Vì thế, khi Đức Phật hành đạo nhiều loại hoa đẹp, xếp thành hàng rải trên mặt đất.

Bồ-tát đời đời thường trì giới chưa từng sai phạm. Cũng không bảo người khác phạm. Vì thế, khí gió thổi lên bốn bên mà không thể làm lay động sợi lông của Phật.

Bồ-tát đời đời vì Phật ở trong đạo thường cúng dường màn phướn năm màu, cung thỉnh Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng thọ trai. Vì thế chỗ hành đạo của Đức Phật, chư Thiên giăng phướn năm màu che ngài đi, oai thần của Thế Tôn rộng lớn mới như thế.

Bồ-tát đời đời đem trân bảo quý, giày da với tâm cung kính cúng dường Đức Phật. Vì thế, khi Phật đi kinh hành, chân cách mặt đất bốn tấc không đạp đất, văn tướng hiện ra.

Bồ-tát đời đời thường đem cờ phướn lọng hoa đủ năm màu sắc, dùng trang nghiêm trên tháp Đức Phật. Vì thế, tự nhiên hiện ra cờ lọng nhiều màu che Đức Phật đi.

Bồ-tát đời đời vì Phật sửa sang đường đem nước hương rải trên đất. Do đó, chỗ hành đạo của Phật được loài rồng mang nhiều nước hương phun trên đất.

Bồ-tát đời đời không từng nói về sự bất tịnh của người mà còn giấu kín, giả sử có nói ra với tâm góp ý không làm hại. Vì thế, chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, chim không bay quá trên đất Phật.

Bồ-tát đời đời thấy Phật hoặc Tỳ-kheo Tăng đều (nâng đỡ) thị giả, tôn kính đảnh lễ. Vì thế, chỗ hành đạo của Phật được chư Thiên, Phạm vương, Đế Thích, A-tu-la, Quỷ thần, người ở thế gian đều tôn kính đảnh lễ dưới chân Phật.

Bồ-tát đời đời thường giữ gìn thân, miệng, ý không phạm các việc ác, không những cho mình mà còn ban bố khắp thiên hạ. Vì thế, khi Bồ-tát ở trong bụng mẹ, mùi hôi, cấu uế không dính vào thân, thường an ổn không sợ hãi, cũng không bị nhiễu hại.

Bồ-tát thường đem tâm tốt diện kiến Đức Phật, thấy kẻ oán cũng như cha mẹ tâm đều bình đẳng không có phân biệt. Vì thế, trí tuệ của Phật đều đầy đủ, chỉ vì người thiện không có ác, có nghi ngờ, thắc mắc thưa hỏi, Ngài đều giải rõ.

Bồ-tát đời đời đem các âm nhạc, hương thơm cúng dường Đức Phật và tháp. Vì thế, khi Đức Phật vào thành, các âm nhạc trong thành không đánh mà tự kiêu.

Bồ-tát thường không có tâm so đo tính toán, nên dùng vàng bạc trân báu cung kính dâng lên Đức Phật và tháp, các Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng và người đều đem bố thí, cúng dường, dùng tâm và lời nói ôn hòa vui vẻ. Vì thế, hạnh của Phật rõ ràng cao vượt khỏi hạng thấp kém.

Bồ-tát đời đời vì Phật mà cúng dường xe qua lại khiến Đức Phật đủ phương tiện đến đi, với tâm cung kính diện kiến Đức Phật, lại tán thán công đức của Phật. Vì thế ánh sáng của Đức Phật soi chiếu thì ánh mặt trời, mặt trăng, sao, đều mờ đi, không gì sáng bằng ánh sáng của Đức Phật, oai thần của Phật cao vời vợi đến như thế.

Đức Phật nói:

–Đời trước khi ta còn làm Bồ-tát, đời đời đã làm vô số việc để lợi ích cho mọi người, nói nhiều công đức. Ta từ vô số kiếp đến nay, có tài sản biết vô thường, cho nên đem bố thí cho người, ta thường làm công đức như vậy, Đế Thích, Phạm vương, Trời, Người không thể làm được. Đây là đều do làm những công đức đời trước mà đạt được, hư không có thể đo, núi Tu-di còn có thể tính, nước trong biển có thể lường, công đức của Phật đã tích lũy nhiều ức kiếp, nói không thể hết, không thể lường được. Nếu có người chú tâm nhớ nghĩ công đức của Thế Tôn thì phước của họ không thể lường: Huống nữa lễ bái, tán thán Phật. Người muốn mong cầu thành Phật thì nên thực hành những công đức như vậy.

Đức Phật thuyết kinh này rồi, các Bồ-tát và chư Thiên đều vui mừng đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 813

PHẬT THUYẾT VÔ HY VỌNG KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Tam tạng Trúc Pháp Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa ở núi Linh thứu thuộc thành Vương xá, cùng năm trăm vị đại Tỳ-kheo và sáu vạn Bồ-tát, tất cả đều chứng thần thông của bậc Thánh, thành tựu pháp Tổng trì và Biện tài vô ngại; thuyết giảng kinh pháp thường không sai khác, thần thông biến hóa không thể nghĩ bàn, hạnh nguyện đầy đủ thể nhập cùng khắp. Những vị ấy tên là Bồ-tát Vô Tổn Tấn, Bồ-tát Độ Hưởng Lôi Chấn Oai, Bồ-tát Nhã Dạ Nguyệt Hoa, Bồ-tát Đại Vũ Điện Ngôn Từ, Bồ-tát Quán Vô Để Độ Cảnh Giới, Bồ-tát Siêu Sơn Đỉnh, Bồ-tát Hân Nhạo Linh Duyệt, Bồ-tát Đa Ly Cấu Mạc Năng Đương Quang, Bồ-tát Quyết Chúng Sinh Tánh Nghị Độ, Bồ-tát Đắc Kiên Cường Như Kim Cang, Bồ-tát Ư Chư Âm Hưởng Tối Diệu, Bồ-tát Việt Phạm Oai Thanh, Bồ-tát Xứng Tự Tại Khả Úy Mạc Năng Phạm, Bồ-tát Tích Chư Đức Bổn Như Lũy Bảo, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Đồng chân là những vị đứng đầu trong sáu vạn Bồ-tát.

Trong các Hiền giả! Có Tôn giả Xá-lợi-phất chỉ ở một mình, nhất tâm thiền định từ chỗ ngồi đi đến nơi Đức Phật. Lúc ấy, Đức Thế Tôn ngồi ở dưới gốc cây, đã đạt được Tam-muội chánh định vắng lặng, khi Xá-lợi-phất từ xa nhìn thấy Đức Thế Tôn oai nghi đức hạnh điềm tĩnh hòa nhã, đang tìm tấm tòa bằng cỏ trải ra và ngồi kiết già trên đó, ngay thẳng, thân không nghiêng ngửa nương tựa, Bồ-tát liền nghĩ: "Thật chưa từng có, ánh sáng, oai thần của Như Lai Chí Chân không thể tính kể, an tỉnh trong đạo, nhờ đó chúng sinh được an lạc, có thể đạt được trí tuệ chân chánh vô thượng, nếu có thưa hỏi về công đức, hiểu rõ các pháp đều thông suốt." Bấy giờ, Đức Phật đang yên tĩnh thanh vắng, từ Tam-muội phát ra âm thanh, khi ấy Xá-lợi-phất nghe Phật Thế Tôn phát ra tiếng nói, tâm hoàn toàn an ổn, đạt được bản nguyện, liền đến trước Đức Phật, đứng chí thành đảnh lễ, tâm luôn vui mừng, dùng kệ để tán thán:

Nếu có chúng sinh

Không có mong cầu
Chưa từng chấp niệm
Đối với kinh điển
Du hóa thế gian
Chỉ thích bình đẳng
Thì thường thọ nhận
Những kinh pháp này.
Chúng sinh không bằng
Thấy những lỗi nhỏ
Tin hiểu tất cả
Đều là hư huyễn
Hiểu rõ các pháp
Đều như hư không
Không thấy tôi, ta
Mới an lạc nhiều
Người không suy nghĩ
Tất cả chúng sinh.
Không nhớ chúng sinh
Hoặc không chúng sinh
Chưa từng chứng đắc
Hết thảy suy nghĩ
Không thấy tôi, ta
Mới an lạc nhiều
Từ xưa đến nay
Không tướng hòa hợp
Không vì có tướng
Mà bị mê hoặc
Không làm phát khởi
Cũng không chỗ trú
Chẳng thấy thọ mạng
Được an ổn nhiều
Nếu có trí tuệ
Không dựa mọi người
Ở trong pháp giới
Chẳng có đấu tranh.
Bỏ đi tất cả
Tưởng của chúng sinh
Nhớ nghĩ không còn

Là được an ổn
Người luôn thực hành
Ở trong giới cấm.
Nhân từ tất cả
Thường không bỏn sẻn.
An trú trong pháp
Không còn suy tính
Chẳng thấy sợ hãi
Thế được an lạc.
Hoặc dùng nhẫn nhục
Hòa thuận tất cả.
Người chưa từng có
Ưa thích tranh cãi,
Không được tinh tấn
Cũng không lười biếng
Không nghĩ nhẫn nhục
Thế được an lạc.
An trú kiên cố
Nhất tâm thiền định
Tâm không còn niệm
Trừ hết tán loạn.
Hiểu rõ các pháp
Trú trong các định.
Không nghĩ đến thiền
Thế được an lạc.
Hoặc không thấu hiểu
Cũng không trí tuệ
Cũng chẳng nương theo
Người vô trí dạy
Chẳng thường hiểu rõ
Cũng không mê mờ
Không tưởng trí tuệ
Là được an lạc
Ở nơi thanh vắng
Cũng như xóm làng.
Cả hai nơi ấy
Tu tập bình đẳng.
Cũng không nghĩ xấu

Đây là xóm làng
Không nghĩ nhàn rỗi
Mới là an lạc.
Giả sử khất thực
Đầy đủ thức ăn
Cũng không cho rằng
Ta cầu thức ăn.
Không tự khen mình
Ta hành khất thực.
Không nhớ đến nó.
Mới là an lạc
Đã từ lâu xa
Mặc y hoại sắc.
Lãnh thọ giữ gìn
Che thân thể này.
Không tự cho là
Ta mặc áo thô
Người không kiêu mạn
Mới được an lạc.
Giáo pháp chư Phật
Dạy muốn an lạc
Nương ba pháp y
Không được lìa thân.
Không nhớ nghĩ mình
Thực hành chân chánh.
Chẳng tự vui mừng
Ấy là an lạc.
Có thể giảng thuyết
Các pháp vi diệu.
Không chấp ta, tôi,
Không lệ thuộc người.
Không tự khen mình,
Là đã giảng pháp.
Không theo âm thanh
Ấy là an lạc.
Nguồn gốc các đức
Không ôm vọng tưởng.
Không tưởng bền vững

Không nhớ việc làm.
Chẳng nghĩ sạch dơ
Nhớ nghĩ trong tâm
Thân không tạo tác
Ấy là an lạc.
Hoặc làm phát khởi
Không tưởng đến nó.
Có nơi an trú
Không nhớ chỗ ấy.
Đêm ngày tinh tấn
Kinh hành đúng lúc
Không nói trau chuốt
Ấy là an lạc.
Giả không nhớ nghĩ
Làm và không làm
Thường không vọng tưởng
Niệm thật phi thường.
Như Lai ngoại đạo
Không có sai biệt
Không nghĩ thù thắng
Ấy là an lạc.
Không còn toan tính
Trong tưởng an ổn.
Đều như hư không
Không chỗ vượt qua
Tâm không nhớ nghĩ
Ta và chúng sinh
Chẳng thấy sai khác
Ấy là an lạc
Nếu hiểu huyễn hóa
Như mộng trong đêm
Chứng được biện tài
Tâm không quên mất
Đi vào thế gian
Như trăng trong nước
Không có tiến lùi
Mới được an ổn.
Hiểu rõ phương tiện

Nhận thấy Chân đế
Cho rằng thân này
Không có bền vững
Thì nhận biết được
Các pháp vắng lặng.
Không khởi vọng tưởng
Ấy là an lạc.

Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi Xá-lợi-phất:

–Lành thay, lành thay! Xá-lợi-phất! Sự hiểu biết của ông thật sâu xa, tu hành trí tuệ đạt tới chỗ cứu cánh. Rồi vì các chúng sinh giảng nói chánh pháp khiến cho họ quay về với đạo vi diệu. Tại sao như vậy?

Này Xá-lợi-phất! Từ chỗ thiền định đi đến núi Kỳ-xà-quật vì các người học, Tỳ-kheo, Bồ-tát bố thí pháp ngữ khiến cho chúng hội mở mang trí tuệ và thọ lãnh giáo pháp.

Bấy giờ Xá-lợi-phất liền bạch:

–Kính Bạch Thế Tôn! Con không thể làm cho chúng hội tập họp. Vì sao? Vì ở trong hội này, các vị Bồ-tát có oai đức rất lớn, trí tuệ vô tận vượt thoát khỏi trời, rồng. Con chẳng sánh bằng. Khi ấy Đức Phật từ thân phóng ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, đồng thời các Bồ-tát ở cõi Phật nhờ ánh sáng rực rỡ này, chỉ trong chốc lát đều đến tập trung ở núi Linh thứu; tất cả đi đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, trở lại an trú trên hư không. Các Tỳ-kheo và Bồ-tát từ nơi thiền định đều đến chỗ Phật, đảnh lễ sát đất rồi ngồi qua một bên. Có trăm ngàn nhân dân ở trong thành Vương xá đi đến chỗ Đức Phật đảnh lễ sát chân, liền ngồi qua một bên. Khi ấy thấy vô số chúng đều đến tụ họp, Đức Phật nhìn Văn-thù-sư-lợi liền mỉm cười. Văn-thù-sư-lợi lập tức từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, quỳ gối sát đất chắp tay thưa.

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì Thế Tôn cười, Như Lai Chí Chân chưa từng cười mà không có nguyên do.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Hôm nay, ở núi Linh thứu có vạn Bồ-tát đều thuyết giảng kinh Dụ Tượng, từ xưa cũng chưa từng được giảng.

Hiền giả A-nan nghe Đức Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y phục tề chỉnh, hai chân quỳ xuống, chắp tay hướng về Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Lành thay! Thế Tôn thương xót chúng sinh làm cho họ hoàn toàn an lạc, nguyện xin thuyết giảng kinh Dụ Tượng (Ví dụ về con voi), kinh này khó nghe, mọi người muốn nghe, mong Thế Tôn thuyết giảng

cho các bộ chúng đã về đây tập họp được nghe kinh này, nhất định sẽ chứng được ánh sáng, sâu xa vi diệu. Vì sao? Vì Như Lai Chí Chân trên hết trong ba cõi không ai sánh bằng, trước đây Đức Thế Tôn nhìn thấy Bồ-tát Văn-thù liền cười; ở đây có thật ý nghĩa, không phải hư dối.

Đức Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Này A-nan! Ông mới thấy rõ nguồn gốc công đức châu báu, trí tuệ nhận biết không có giới hạn. A-nan! Hãy lắng nghe suy nghĩ kỹ sẽ vì ông mà giải thích về ý nghĩa cười trước đó.

Khi ấy, A-nan và đại chúng lãnh thọ và lắng nghe. Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu có chúng sinh thích tin hiểu pháp này thì những cử động đi, đứng đều như bước đi của voi. Người tin kinh này đều như bước đi của voi lớn và bước đi của rồng; người vui thích ý nghĩa chân thật của pháp này cũng ví như bước chân của sư tử, đi đứng, cử động nào cũng vĩ đại không ai bằng.

Đức Phật dạy A-nan:

–Kinh này là sự chỗ chính yếu của các Bồ-tát.

Chúng Bồ-tát thuận theo lời dạy trong kinh này thì nên thưa hỏi thọ trì, công đức đời trước hiện ra trước mắt. Sau khi ta diệt độ kinh này hướng đến các Bồ-tát để được giữ gìn, tâm định, ý định cho nên trở về không, miệng tụng tâm suy nghĩ là kho tàng của Bồ-tát, không phải nơi quay về đức mỏng, bế tắc của Bồ-tát, chẳng phải chỗ trở về lòng độc hại, dua nịnh hư dối của Bồ-tát, cũng không phải nơi trở lại nhiều mong muốn vọng tưởng của Bồ-tát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hiện ra tướng đoan chánh nên cảm ứng đến Văn-thù. Văn-thù-sư-lợi liền biết điềm ấy, tự nghĩ rằng: “Ta muốn thưa hỏi Đức Như Lai Chí Chân về pháp sâu xa, tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác không thể sánh bằng, các Bồ-tát thực hành theo như thế thì phải làm thế nào?” Tôn giả Văn-thù-sư-lợi đến trước Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay con muốn thưa hỏi Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác nếu Thế Tôn cho phép con mới dám thưa.

Đức Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Tùy ý thưa hỏi, đại chúng trong hội đều đến tập họp sẽ nhờ ân này.

Văn-thù-sư-lợi liền thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Bồ-tát chứng được pháp công đức; đều

hiện ra tất cả hạnh của Bồ-tát, giáo hóa cho tất cả chúng sinh không thể tính kể, thị hiện vào các cõi nước của Phật như mặt trăng trong nước?

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Văn-thù-sư-lợi đã hỏi tóm tắt về những nghĩa chính yếu, Như Lai sẽ vì người mà phân biệt đầy đủ, khiến cho chúng được các công đức hãy lắng nghe suy nghĩ kỹ.

Văn-thù-sư-lợi và đại chúng vâng lời lắng nghe Đức Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Như có Bồ-tát thực hành sáu pháp đều có thể đầy đủ ý nghĩa của đạo, an trú nơi tất cả công đức. Những gì là sáu?

1. Bồ-tát thực hành hạnh Bố thí ba-la-mật, tất cả đều đem bố thí mà không bỏn sẻn không có hối tiếc, bố thí hoàn toàn không tiếc thân của mình.

2. An trú vào giới cấm không phạm các điều ác, hiểu rõ nghĩa lý không thấy có mình và người.

3. Thành tựu hạnh nhẫn nhục, nhu thuận hòa nhã, tâm không thù hận, hiểu rõ giải thoát tất cả không bị ngưng trệ bởi kết sử.

4. Siêng năng tinh tấn, thân không có chỗ hành, tâm không còn phân biệt.

5. Nhất tâm, chánh niệm hiểu rõ các pháp môn, phương tiện, thiền định chánh thọ tâm hoàn toàn an lạc, không luyến tiếc.

6. Trí tuệ hiểu biết thông suốt để làm đạo nghiệp tự thấy mình không xa lìa năm đường, các chỗ đã sinh đều được cứu giúp.

Đó là sáu pháp. Bồ-tát đã thực hành đầy đủ sáu pháp này, thành tựu được tất cả các công đức.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Lại có sáu pháp khiến cho hạnh nghiệp này được đầy đủ, kiến lập pháp tích lũy tất cả công đức. Những gì là sáu?

1. Bồ-tát đi vào địa ngục cứu vớt tai nạn bị thiêu đốt của chúng sinh khiến được sinh lên cõi trời.

2. Thị hiện vào loài súc sinh hay nhiễu loạn, căm giận, không an ổn, không hiểu rõ nghĩa lý, thâu nhiếp tánh của chúng hiển bày pháp hiền hòa vi diệu.

3. Sinh vào dòng họ nghèo nàn thấp kém để nêu bày địa vị tôn quý thế lực của Chuyển luân thánh vương.

4. Thị hiện vào trong năm đường để cứu độ, mà được sự an lạc hơn tất cả.

5. Bồ-tát hiểu biết đúng thời, thể nhập vào các cõi Phật, nhưng pháp thân không bị lay động, không đến không đi mà thị hiện khắp các cõi Phật.

6. Phát ra vạn ức âm thanh trong suốt để giáo hóa đều khiến cho người nghe tâm định tĩnh, không thiên vị, bênh vực, tâm tánh thanh thản.

Đây là sáu pháp khiến cho Bồ-tát tích lũy được tất cả công đức.

Văn-thù-sư-lợi lại thưa hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào Bồ-tát giáo hóa chúng sinh ở địa ngục khiến họ sinh lên cõi trời?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Đại liên hoa chấp nhận đến địa ngục cứu vớt chúng sinh khiến cho tất cả sinh lên cõi trời được an lạc, vì thấy chúng sinh bị những khổ não nên thị hiện vào cung tuyệt mỹ của trời Đao-lợi, thấy những tai nạn nguy hiểm này mà sinh nhàm chán, để cứu thoát các khổ não, vì những người ở địa ngục mà thuyết giảng kinh này, khiến cho vô số trăm ngàn chúng sinh thoát khỏi khốn khổ ở địa ngục. Đây là Bồ-tát cứu vớt những chúng sinh ở địa ngục khiến cho họ hết sự khổ thiêu đốt rồi thường thuận theo pháp không còn sai phạm.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại thưa Phật:

–Làm thế nào Bồ-tát giáo hóa, cứu vớt loài súc sinh nhiễu loạn thoát nạn mê tối được sinh vào nơi an lạc của người?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Bồ-tát nhập vào Tam-muội tịch tĩnh, nhờ vào Tam-muội chánh thọ này mới có thể cứu giúp loài súc sinh, khiến cho tâm chúng không còn quấy nhiễu, tánh được vui vẻ, được sinh vào cõi người an ổn; giữ gìn ba việc để thuyết kinh này khiến cho vô số loài chúng sinh an trú vào đạo pháp. Đây là Bồ-tát giáo hóa súc sinh thoát khỏi nạn mê tối khiến được sinh trong cõi người.

Văn-thù-sư-lợi lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát thị hiện vào dòng họ nghèo nàn thấp kém, mà được công đức an lạc của Chuyển luân thánh vương?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát thể nhập vào Tam-muội chánh thọ thật sự hoàn toàn thanh lạc tâm ý trở nên thanh tịnh. Nhờ Tam-muội này vượt qua sự thấp kém làm cho thanh tịnh hoàn toàn, tuy sinh vào dòng họ thấp kém nhưng được hưởng được những phước đức an lạc của Chuyển luân thánh vương. Đây là Bồ-tát sinh vào dòng họ thấp kém mà được hưởng

phước đức an lạc của Chuyển luân thánh vương.

Văn-thù-sư-lợi lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát đều thị hiện vào năm đường mà được sự an vui hơn tất cả?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Có Tam-muội gọi là Đem các hạnh chiếu sáng vô cùng. Khi Bồ-tát an trú vào trong Tam-muội này chính là lúc hiện thân vào trong năm đường, hướng dẫn chúng sinh, khiến được các hạnh thù thắng trên hết, tất cả đều phát tâm Vô thượng chánh chân.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào Bồ-tát tùy thời phương tiện đều nhập vào tất cả cõi Phật mà Pháp thân vẫn y nguyên, không bị chuyển dời, không đến, không đi đều thị hiện trong toàn bộ cõi Phật, như mặt trăng hiện trong nước?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Có Tam-muội gọi là Hòa nhập vào các âm thanh, Bồ-tát an trú vào Tam-muội này dùng tâm định tĩnh, nhận biết đúng đắn có khả năng thị hiện thân mình ở khắp mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng và phương Trên, phương Dưới, thân không di chuyển, không đến không đi, an trú vào định ý này thấy được chư Phật Thế Tôn khắp mười phương và nghe thuyết kinh. Đây là Bồ-tát không dời đổi tùy thời phương tiện, hiện vào tất cả cõi Phật, như mặt trăng hiện trong nước không đến không đi. Bồ-tát như thế giáo hóa hoàn toàn cũng không đến đi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào Bồ-tát phát ra vạn ức âm thanh trong suốt để giáo hóa, khiến họ đều được nghe?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát này chứng được vô lượng Tổng trì hồi chuyển hiểu biết tâm tánh chúng sinh không có giới hạn, tùy theo ngôn ngữ họ đều rõ các âm thanh, thông tỏ vô số các âm thanh để giáo hóa, giải nghĩa thích hợp với tâm họ, chứng đạt được pháp Tổng trì này, thuyết giảng được tất cả thứ tiếng khiến người nghe những ngôn từ thuyết giảng đều không lầm lẫn. Đây là Bồ-tát phát ra vạn ức âm thanh trong suốt để giáo hóa, khiến được chứng đắc.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi đến trước Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát có những phương tiện thiện xảo nào từ

khó đến khó đều vượt qua cả không ai sánh bằng ở trong kinh căn bản này nếu Bồ-tát thường lãnh thọ thì nên thực hành gì để được pháp môn giải thoát.

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát muốn học kinh này thì nên tin hiểu pháp hư không.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi Đức Phật.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là hư không?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Hư không nghĩa là trống rỗng, không có tâm cấu uế, không sân giận, tai hại, cũng không quên mất. Tất cả các pháp cũng lại như vậy, không nhiễm ô, không tai hại cũng không quên mất. Giống như hư không là không thành tựu Bố thí, không hoàn toàn Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, hoàn toàn không có chỗ sinh. Như thế, này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp không thành tựu Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Giống như hư không, cho nên không có giải thoát, không đoạn trừ. Tất cả các pháp cũng như vậy, không giải thoát không diệt trừ như hư không. Người đã thực hành thì không có quả vị chứng đắc, các pháp cũng lại như vậy, không có nơi thực hành và không có quả vị chứng đắc. Giống như hư không là không có tối tăm cũng không sáng rực rỡ, các pháp cũng vậy, không tối tăm cũng không sáng rực. Giống như hư không là mênh mông không có giới hạn chẳng thể nắm bắt. Các pháp như vậy đều không có giới hạn, chẳng thể cầm nắm. Giống như hư không là không có đường chánh cũng không có đường tà. Giống như hư không là không lập nên thân xa lìa các hạnh lậu, không học Thanh văn, không chú ý đến Duyên giác, không chấp trước chư Phật, không có Đại thừa trên hết, các pháp cũng như vậy, không học Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa. Giống như hư không là không có tư duy, không còn phân biệt; các pháp cũng vậy, không có vọng tưởng, cũng không có phân biệt. Giống như hư không là không đề cao, không hạ thấp, không tiến nhanh, cũng không giải đãi; các pháp cũng vậy, không tiến nhanh, cũng không giải đãi. Giống như hư không là không ứng mà ứng, không gì bằng mà bằng; các pháp cũng vậy không ứng mà ứng, không gì bằng mà bằng. Giống như hư không, chiếu soi chúng sinh đầy cấu uế khiến cho trong sạch; các pháp cũng vậy, ở trong Niết-bàn hoàn toàn trong sạch. Vì thế cho nên không thể diệt trừ, không thể bỏ đi. Giống như hư không là không có chỗ kiến lập cũng không có chỗ trú,

không lay động, không dời đổi, không nơi chốn.

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát biết rõ chúng sinh không có chỗ trú, không nên quán xét thấy có nơi chốn, đạt được bản tế, không lay động, không dời đổi, không trú mà trú.

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy pháp đó tự nhiên, người muốn thấy Như Lai Chí Chân thì là tà kiến, người tà kiến mong được vào chánh kiến. Người thể nhập vào chánh kiến, đó là Niết-bàn, chẳng phải quả của đại đức không có công đức lớn; chứng được Niết-bàn chẳng phải quả vị của đại đức. Nếu không có công đức cứu giúp chúng sinh, mình cứu giúp họ thì ở trong sự cứu giúp không có mong cầu: Người trong việc cứu giúp mà không có sự mong cầu tức có đầy đủ trí tuệ thanh tịnh như hư không. Mình đã đủ trí tuệ thanh tịnh thì mau chóng thành tựu quả vị Vô sinh pháp nhẫn.

Khi ấy, trong chúng hội có sáu mươi Tỳ-kheo, đều thường kiêu mạn nghĩ rằng: "Hôm nay, Như Lai giảng thuyết đạo tối tăm, lời dạy mê hoặc. Các hoặc thuyết ngoại đạo đều dạy như thế. Làm sao thực hành! Trước đây, Thế Tôn đã thuyết giảng những pháp này. Những ngoại đạo là: Lan-ca-diếp, Ma-ha Ly-cù-gia-lâu, A-di-đế-cơ-gia, Kim-ly-phi-hưu Ca-chiên-tiên Bắc-lô-trì, Ni-kiền tử… đều nói những lời này. Nhân duyên gì Như Lai cũng giảng dạy như thế, có gì đặc biệt. Làm sao để hướng dẫn tu tập, làm sao để thực hành."

Lúc ấy, Đức Phật biết sự suy nghĩ của sáu mươi vị Tỳ-kheo có tâm kiêu mạn này, liền bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Ta là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác giảng thuyết kinh này cùng với các học thuyết ngoại đạo không có gì sai khác, nhưng ngoại đạo không thể phân biệt rõ nghĩa lý chỗ quay về của pháp mà ta đã giảng.

Sáu mươi Tỳ-kheo khi nghe pháp này tăng thêm lòng buồn sầu, không an vui thật không ưa thích giảng thuyết kinh này, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi.

Văn-thù-sư-lợi bảo các Tỳ-kheo:

–Các Hiền giả muốn đi đâu?

Các Tỳ-kheo trả lời Văn-thù-sư-lợi:

–Chúng tôi không hiểu pháp này, chỉ dạy chỗ trở về ở đâu? Khi ấy, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Hiền giả! Lành thay! Nên vì việc này thưa lại Đức Phật về

ý nghĩa này. Chỉ đợi một lát, ta sẽ hỏi Như Lai Chí Chân, vì sao mà thuyết như vậy. Khi các Tỳ-kheo nghe Xá-lợi-phất nói vậy liền ngồi lại chỗ cũ.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất đến trước Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai tuyên thuyết như vậy, khiến cho các Tỳ-kheo ôm lòng do dự. Nguyện xin Thế Tôn rủ lòng thương xót giảng thuyết để giải quyết lưới nghi.

Đức Phật liền bảo Xá-lợi-phất:

–Ý ông nghĩ sao? Nếu có Tỳ-kheo tâm đã diệt sạch các lậu giải thoát không còn phiền não thì nghe lời dạy này mà còn ôm lòng nghi ngờ, kinh sợ chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không. Nếu có Tỳ-kheo thực hành bốn Thánh đế ở trong tất cả âm thanh, các lời nói không kinh không sợ, không nghi ngờ; huống nữa là Tỳ-kheo tâm đã diệt sạch các lậu, giải thoát không còn phiền não trói buộc, nghi ngờ, lo sợ.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu có người ngu si, tâm ý tối tăm chưa từng gặp được pháp, mà thường vọng tưởng được hạnh hư không.

Khi ấy, Xá-lợi-phất thưa hỏi Đức Phật:

–Nguyện xin Đức Thế Tôn, giảng thuyết lại nghĩa lý, câu, văn của kinh này khiến trong chúng hội diệt trừ nghi ngờ, tâm được thanh thản.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu người thấy Như Lai trong mộng thì nhìn kỹ thấy hình người thật chăng. Sự thấy Như Lai ở trong mộng thì chẳng phải chân thật, không phải vững chắc, đều do tư tưởng chấp vào đối tượng suy tưởng thấy không có tưởng "hữu", không có tưởng "hòa hợp", đã không có sở hữu thì hiểu rõ Như Lai không có tưởng phân biệt, không có tưởng tỉ mỉ, không có tưởng về hoài tưởng, không có tưởng hòa hợp, không có sở hữu thì hiểu rõ tất cả chúng sinh vạn vật đều là hư dối, không thấy chân thật, liền có thể hiểu rõ các pháp đều là mê hoặc điên đảo, hỗn loạn, đã hiểu biết các pháp mê hoặc. Cho nên Như Lai tuyên thuyết hoàn toàn là kiến mê hoặc, đã nhận rõ các pháp đều là tà kiến thì không thuận theo sáu mươi hai kiến chấp của tà kiến mê hoặc. Vì thế, Xá-lợi-phất muốn thấy Như Lai Chí Chân thì rơi vào tà kiến. Cho nên, này Xá-lợi-phất! Như Lai đã thuyết như vậy. Nếu ai muốn thấy thân của Như Lai đều rơi vào tà kiến, trừ (kiến, văn, tưởng) thấy, nghe, suy nghĩ, vì thấy Như Lai cho là không tà kiến.

Khi ấy, Xá-lợi-phất thưa hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Thế Tôn khiến cho những người tà kiến hội nhập vào chánh kiến?

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Tất cả kẻ phàm phu tối tăm đối với các vọng tưởng mới cho rằng thích hợp hay không thích hợp. Do vậy, phát khởi bám víu vào kiến chấp nên đối với việc này không thể tin tưởng. Nên biết, không có chỗ kiến lập nên tinh tấn, giải đãi hoặc giống nhau hay không giống nhau. Nếu tự thấy có nhân, ngã, chúng sinh thọ mạng, tức nương bám vào ta mà tham chấp nơi ngã rồi sinh ra hiểu biết phân biệt. Cũng giống như khi thấy, nghe, nhớ, biết các ảnh tượng muôn màu rồi sinh tâm vui vẻ nhưng lại nói tất cả đều không có. Tuy nhiên, từ chỗ có mà suy luận là không có như thế thì dễ tạo điều kiện cho các pháp phát sinh. Rồi nương vào đó suy luận ra không có các pháp phát sinh cho nên thành là hư vọng. Ngay cả lời nói chân thật cũng không có. Kẻ hư vọng này chắc hẳn phải biết rõ. Do vì nói kia và đây không giống nhau, không có hình tượng nên gọi đó là tà kiến.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Người ngu do thấy các hình tượng như thế và biết rõ hư vọng không có mê hoặc rồi chấp vào đó nên gọi là tà kiến. Do vậy đồng với tà kiến của ngoại đạo không khác. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Biết được rơi vào tà kiến là duyên chứng đắc chánh kiến.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào chánh kiến bố thí cho người? Phước đức ấy không nhiều công đức mà không lìa bỏ.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Giả sử có người bố thí bình đẳng như Đức Phật đã bố thí không vì thân thuộc gần gũi thì chứng được pháp vô vi. Pháp vô vi là không có phước ít, không công đức nhiều, không gọi là nhỏ cũng không cho là nhiều. Vì sao? Vì quả vô vi đều xa lìa tất cả quả báo công đức, không có nơi chốn.

Xá-lợi-phất lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai Chí Chân làm sao giảng thuyết pháp vô vi mà không có nơi chốn, tán thán pháp vô vi tối thắng là công đức đặc biệt không có giới hạn.

Đức Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Việc làm của phàm phu si mê chấp thật nhiều về ngã, nhân, thọ, mạng. Vì thế Như Lai dạy về pháp vô vi, công đức vô lượng, hiển bày

khắp nơi, muốn làm cho chúng sinh diệt trừ hoạn nạn nên cho là thù thắng. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nên quán xét Hiền thánh chẳng phải Hiền, chẳng phải Thánh cũng chẳng Như Lai, cần quán xét như vậy mới thành tựu được Hiền thánh. Đức Phật xa lìa ham muốn như người nông dân tùy nơi chốn để gieo trồng các loại cây, do giống lúa tốt mà sinh cỏ, cây gai gốc loài cỏ xấu. Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Vì người nông dân này được quả báo chân thật chăng. Còn loài cỏ cây gai gốc sao.

Xá-lợi-phất bạch:

–Bạch Thế Tôn! Không phải vậy.

Đức Phật nói:

–Như vậy, Xá-lợi-phất! Giả như người nông dân gieo giống xuống đất, nương vào đất hoang này sinh các loại gai gốc, cỏ thần nảy mầm. Như vậy, này Xá-lợi-phất! Hiền thánh bố thí thích an trú trong công đức không vui mừng, đây chẳng phải giống tốt mà không thành tựu quả tốt, sẽ không có chỗ chứng đắc. Nếu không xây dựng ruộng phước thì nên biết rằng là quả báo sinh tử. Cho nên, Xá-lợi-phất muốn đạt được vô vi bình đẳng thì chẳng phải phước lớn, chẳng phải công đức lớn.

Lúc đó, Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao tu pháp vô vi, chẳng có phước lớn, chẳng có công đức lớn. Bố thí như thế làm sao có ruộng phước ở đời.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Giả sử không nhớ tưởng phước ít, không tưởng đến phước nhiều, đây là hạt giống công đức của Thế Tôn gieo trồng. Ta đã gieo trồng những hạt giống công đức thì hiểu rõ không sáng cũng không chịu quả báo, vì Đức Phật là Bậc Vô Thượng đứng đầu trong thế gian. Xá-lợi-phất, thực hành bố thí này là ruộng phước vô tận, không bị giả dối cũng không đắc được chân thật. Vì thế, sự bố thí này chẳng phải phước nhiều, chẳng phải công đức nhiều. Đức Phật ở đời không vị quả báo.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Thế Tôn ở đời chứng đắc quả Phật, mà không chịu quả báo.

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật bố thí đều theo pháp vô vi, lại chấp vào pháp này có báo ứng chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Dạ không. Thế Tôn theo pháp vô vi để bố thí, không

thọ báo ứng thì không có quả chứng. Pháp vô vi tức là không có sự mong cầu, bậc Hiền thánh cũng không có sự mong cầu.

Đức Phật liền khen ngợi:

–Hay thay, Hay thay! Xá-lợi-phất! Nói đúng như khi ta ở đời. Giả sử có người cúng dường ta thì không có sự báo đáp.

Xá-lợi-phất lại thưa.

–Bạch Thế Tôn! Làm sao Đức Thế Tôn có được sự cúng dường mà không báo đáp, thành tựu tuệ không?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Vị nào biết rõ tất cả các pháp đều tự nhiên, nghĩa này là thật hay là huyễn dối.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người nào có thể hiểu rõ các pháp tự nhiên thì có thể phân biệt pháp tự nhiên là huyễn dối. Người biết rõ các pháp như huyễn thì đó đúng là hư dối mà không rõ hư huyễn là không trí tuệ. Vì sao? Vì tất cả các pháp tự nhiên tánh như huyễn. Đức Phật đã thuyết giảng tất cả các pháp đều như huyễn, tánh như huyễn tức là không thật, không thật trí. Vì thế, ta hiểu rõ các pháp tự như như huyễn. Vì sao? Vì chấp vào pháp đó thì không có chỗ thành tựu cũng không có quả vị chứng đắc.

Đức Phật khen:

–Hay thay, hay thay! Xá-lợi-phất! Như ông đã nói, giả sử có pháp thật, có nơi chốn, có nhớ nghĩ thực hành Chân đế thì không biết chúng sinh nhập Niết-bàn vô vi. Tất cả các pháp hư dối chẳng phải không thật mà không chân thật. Vì sao? Giáo hóa hằng hà sa chúng sinh được giải thoát năm đường, khiến họ nhập Niết-bàn mà không giảm sút, đều do chúng sinh vì hư dối mà không sinh lại. Xá-lợi-phất! Vì thế cho nên tưởng của chúng sinh hư dối không thật. Tất cả chúng sinh do suy tưởng không có chứng đắc, nên gọi là hoàn toàn hư dối không trí tuệ. Do đây học cách bố thí của Đức Phật không có quả báo ứng, hoàn toàn hư dối không thật trí.

Khi ấy, Xá-lợi-phất lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao biết hoàn toàn hư dối không thật trí. Vì sao? Vì có thể nhanh chóng chứng pháp Nhẫn vô sinh.

Đức Phật nói:

–Nếu biết các pháp hư dối không thật mà không chứng đắc thì là hư dối hoàn toàn không thật trí. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Sao gọi là hư dối không biết thân hư huyễn, không thật, ngã, nhân, thọ, mạng cũng là hư dối không

thật. Nhận thấy về đoạn, diệt mà chấp có "thường", các việc điều dính nhau cũng là hư dối không thật. Các tưởng về Phật, Pháp, Thánh chúng đều là không thật, vô vi chữa trị các niệm vọng tưởng của tâm ý: Tâm sở buông lung đều là hư dối không thật.

Này Xá-lợi-phất! Ông có thể thưa hỏi những điều tương tự như thế sẽ làm cho chúng sinh có trí tuệ chứng đắc giải thoát.

Này Xá Lợi Phật! Hoàn toàn hư dối không thật trí. Nếu có người nào phân biệt rõ thì sẽ mau chứng pháp Nhẫn vô sinh.

Khi giảng thuyết kinh này có bốn vạn Bồ-tát liến chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, sáu ngàn người phát tâm đạo Vô thượng, ba vạn sáu ngàn Thiên tử đắc trí tuệ dự lưu hướng; sáu mươi Tỳ-kheo Tăng thượng mạn diệt trừ phiền não, các lậu tâm hiểu rõ pháp. Sau đó cùng nhau đồng thanh bạch:

–Bạch Thế Tôn! Từ trước tới nay chúng con thực hành lời dạy của sáu vị thầy ngoại đạo, nhờ đó mà xuất gia. Đức Phật chẳng phải Thầy của chúng con, chẳng phụng trì Pháp, không trở về nương tựa Tăng, từ trước tới nay không có chỗ thực hành cũng không có báo ứng, không tạo thêm tội nặng cũng không có đường ác. Tất cả chúng hội nghe như vậy, vô số người đều kinh ngạc không biết làm sao. Hết thảy nghĩ rằng, những Tỳ-kheo này sẽ mong cầu sự si mê, xa lìa pháp của Phật, trừ bỏ cấm giới theo học thuyết ngoại đạo, cho nên hôm nay mới nói những điều như vậy.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất biết được tâm niệm trong chúng hội liền bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Hiền giả! Sao các người nói những lời này: Từ trước tới nay, thân của chúng tôi không có Phật Thế Tôn. Vì theo học đạo khác mà xuất gia làm Sa-môn.

Các Tỳ-kheo trả lời:

–Từ nay về sau chúng tôi cung kính sáu vị thầy, tất cả đều quay về làm một tướng, không dựa vào sáu nhập, do không gặp nhiều vị thầy, không nghĩ đến xuất gia làm Sa-môn.

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Vì sao chư Hiền lại nói những lời này tức không tôn Đức Phật làm bậc thầy?

Các Tỳ-kheo trả lời:

–Từ nay mới tự tại ở địa vị mình, không do nơi người khác, tự quay về chính mình mà không nương tựa người khác, mình chính là thầy, không theo thầy khác. Cho nên về sau không tôn Phật làm bậc Thầy vĩ đại. Vì

sao? Vì Đức Phật Chánh Giác không xa lìa ngã mà ngã không xa rời Phật.

Khi ấy, Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Chư Hiền Tỳ-kheo! Vì sao lại nói không thọ lãnh giáo pháp, không nương tựa chúng Tăng.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Không có các pháp để đắc, không nhớ nghĩ cũng không tu tập, nên không nương tựa vào chúng Tăng.

Xá-lợi-Phất lại hỏi:

–Chư Hiền giả! Vì sao lại nói: Từ nay về sau đã không tạo nghiệp cũng không có nghiệp để tạo.

Các Tỳ-kheo trả lời:

–Từ trước tới nay hiểu rõ các pháp đều không tạo tác, không tạo tác cũng chẳng phải là không tạo tác. Vì thế cho nên, từ trước tới nay không có sự tạo nghiệp.

Xá-lợi-phất liền hỏi:

–Chư Hiền giả! Trước đây, sao lại nói: Từ trước đến nay không có quả báo.

Các Tỳ-kheo trả lời:

–Si mê không hiểu nên trọn đời ở trong đường sinh tử trói buộc. Chúng tôi mê mờ hết nên không có duyên, không có quả báo. Vì thế cho nên, từ nay về sau không có quả báo.

Khi ấy, Xá-lợi-phất hỏi:

–Chư Hiền giả! Vì sao lại nói những điều này: Từ trước đến nay không bị các tai họa.

Các Tỳ-kheo trả lời:

–Chúng tôi hiểu tất cả các pháp đều vắng lặng. Chúng tôi hiểu tất cả các pháp không có pháp, không có báo. Cho nên, các pháp không có quả báo. Vì vậy nên nói: Từ nay về sau không có tai họa.

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Chư Hiền giả! Vì sao lại nói những điều này: Từ trước đến nay không có đường ác.

Các Tỳ-kheo trả lời:

–Từ trước đến nay, chúng tôi hiểu rõ mục đích của tất cả pháp, hoàn toàn không có ác xấu. Không giáo hóa không phải không giáo hóa không có luật, chẳng phải luật. Vì thế, cho nên từ trước đến nay không có mục

đích ác cũng không không phải mục đích, không luật chẳng phải luật.

Khi các Tỳ-kheo nói như vậy, đã đoạn trừ tăng thượng mạn. Lúc nghe các Tỳ-kheo thuyết có ba ngàn sáu trăm Tỳ-kheo diệt trừ hết lậu tâm được giải thoát. Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi các Tỳ-kheo:

–Hay thay, hay thay! Các ông ở trong các pháp không có sự chứng đắc mới là chứng đắc chân thật.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao đối với các pháp có sự chứng đắc.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nghĩa đắc là chứng được pháp Nhẫn vô sinh.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Nếu có Bồ-tát mong muốn chứng được pháp Nhẫn vô sinh thì sẽ học thế nào và an trú thế nào? Thực hành thế nào?

Đức Phật giải thích về pháp học tối thượng đạt Nhất thiết trí, các thần thông, trí tuệ thì cần tu tập pháp Nhẫn vô sinh. Đức Phật nói kệ:

Tất cả các bậc Thánh
Mong học trí tuệ Phật
Không chấp giữ các pháp
Cũng không pháp để bỏ.
Pháp không thể nắm bắt
Cũng không khởi thành tựu
Các pháp không hiện có
Người ngu muốn có được.
Muốn trừ bỏ việc này
Thuyết pháp cho chúng sinh
Phàm phu sinh các hành
Không tin pháp vô sinh.
Diệt trừ các pháp ma
Chứng quả Phật vô thượng
Chấp chặt sinh ngu si
Nên không hiểu nghĩa này.
Vì sinh rất nhiều pháp
Người ngu thấy khác nhau
Trong đó không có khác
Tất cả là một tướng.
Phật trí sáng ở đời
Vì phàm phu thuyết pháp

Do chấp giữ có ngã
Nên không thể tu tập.
Suy nghĩ sẽ bao lâu
Diệt trừ hết tham dục
Lìa sân giận, ngu si
Khiến ta không cấu uế.
Không có mà tưởng có
Diệt hết chứng Niết-bàn
Giáo hóa tham dục, sân
Thuyết pháp không vắng lặng.
Si hết không còn sinh
Khen ngợi quả Niết-bàn
Phương tiện khéo diệt độ
Lìa xa pháp của Phật
Nghĩ bố thí, trì giới
Nếu mong đạo an lạc
Là không tu pháp Phật
Vì thích học suy tưởng.
Người ngu bị mê hoặc
Không biết rõ pháp không
Các pháp đều một tướng
Và tất cả nhớ nghĩ.
Nếu hiểu rõ pháp này
Các pháp tướng tự nhiên
Như quán năm ngón tay
Chứng đắc đạo không khó.
Đạo không lìa xa người
Cũng lại không ở gần
Siêng chạy theo vọng tưởng
Cho nên lìa xa người.
Kẻ ngu do thấy khác
Bỏ chân thật cầu hư
Người này trì cấm giới
Đây là phạm hung ác.
Khéo thực hành chánh pháp
Hữu vi đều không thật
Không gìn giữ tâm thức
Như huyễn không chỗ thấy

Không có chấp giới tướng
Cũng lại không phạm ác
Các pháp do duyên sinh
Vốn cũng không tôi, ta.
Nếu ở ức ngàn kiếp
Bố thí không ai bằng
Thường nuôi dưỡng giới cấm
Đạo Sư không chấp nhận.
Nếu do lìa các tưởng
Bố thí không mong cầu
Diệt trừ các mong muốn
Sau đó được thọ ký.
Thuyết bố thí được giàu
Trì giới sinh lên trời
Không có chỗ chứng đắc
Đây mới đạo Vô thượng
Người mê do điên đảo
Vọng tưởng có chỗ cầu
Ta sẽ chứng pháp Nhẫn
Không sinh không tạo nghiệp.
Không có pháp để sinh
Tâm không nghĩ sự sinh
Chứng pháp nhẫn không khó
Không trải ngàn ức kiếp.
Giả nói có tên pháp
Các pháp không tạo tác
Vốn không có chỗ trú
Tưởng đều như hư không.
Vô số ức chư Phật
Tuyên thuyết pháp tối thượng
Khiến diệt tham, sân, si
Các pháp không cùng tận.
Giả sử pháp có thật
Sẽ quay về một thể
Vì pháp không thật có
Vì thế không thể chứng.
Vô lượng tham, sân, si
Chấp giữ không giới hạn

Giả không có bờ mé
Thì không có nguồn gốc.
Hạt giống không có mầm
Nhờ đâu sinh hoa thật
Giả như không có lá
Duyên gì sẽ có hoa.
Không có pháp để sinh
Thì không có loài người
Chúng sinh không chúng sinh
Không sinh cũng không diệt.
Giống như người dâm nữ.
Thì họ không có con
Do người không có con
Nên chẳng lo có con.
Hiểu biết rõ như vậy
Các pháp không chỗ sinh
Người liền không kinh sợ
Xoay vòng khổ sinh tử.
Mê bị hư dối lừa
Không hiểu pháp như huyễn
Gánh giữ lấy hư không
Nhàm chán pháp Thánh thiện.
Nếu biết rõ pháp này
Vô lượng không giới hạn
Vô số không thể lường
Như thế không nhàm chán.
Đức Phật nói bản tế
Tuyên dương không bờ mé
Tận vị lai cũng vậy
Bên trong là một tướng.
Không có tưởng là có (Vô tế tưởng hữu tế)
Hư vô không cùng tận
Ta đã hiểu nghĩa này
Thì hiểu không có hai.
Thực tướng của hư không
Người đời không thể bàn
Cõi này…vốn vô hình
Tuệ người không hiểu rõ.

Bởi vì theo vọng tưởng
Do đây tâm thoái chuyển
Phải diệt lưới vọng tưởng
Duyên gì sẽ thành Phật.
Chánh giác không có tưởng
Đó là không chỗ chứng
Các pháp không chỗ sinh
Người mê muốn thành tựu.
Hư không không thể nắm
Và không có xứ sở
Hư không không nơi trú
Vô vi vô hình tượng.
Như nói giữa hư không
Hiểu đạo cũng như vậy
Như thông tỏ về đạo
Hiểu chúng sinh cũng vậy.
Cõi chúng sinh, hư không
Đều bình đẳng như nhau
Có thể hiểu điều này
Thành Phật đạo không khó.
Không tinh tấn cầu thoát
Không chạy theo nhớ, nghĩ
Không mong cầu các pháp
Thành Phật đạo không khó.
Đạo lìa các mong cầu
Diệt tất cả thề nguyện
Tâm không giữ mong cầu
Đạo chư Phật tối thượng.
Bố thí tâm tự nghĩ
Nhờ đó được chứng đạo
Đạo là không chỗ đắc
Vô thượng không quả chứng.
Tâm thường giữ giới cấm
Nghĩ tinh tấn có thật
Không vâng lời Phật dạy
Muốn mong cầu quả báo.
Không siêng tu các pháp
Lại hiện ra tinh tấn

Người không có thực hành
Đây là độ tinh tấn.
Nếu khởi tưởng như vầy
Pháp này không các lậu
Pháp kia nhiễm lậu hoặc
Tâm ấy không tùy thuận.
Giảng thuyết không nhớ pháp
Giảng pháp như hư không
Không trói cũng không mở
Tuệ này là vô thượng.
Người mong cầu giữ giới
Cũng tưởng người phạm giới
Cả hai đều phạm giới
Không phạm giới tối thượng.
Các pháp không có khác
Không tưởng, không thù thắng
Hiểu rõ không kiến chấp
Đây hành lời Phật dạy.
Tâm kia không chỗ sinh
Ví như giữa hư không
Đều hiểu rõ như vậy
Mới là tâm vắng lặng.
Người không còn vọng tưởng
Tất cả không chỗ nghĩ
Tâm không, không chỗ sinh
Chứng Phật đạo không khó.
Người không bị tham dục
Không vì dục sai khiến
Tham tức không chỗ sinh
Chứng Phật đạo không khó.
Nếu không chán kiếp số
Không sợ ức luân chuyển
Chẳng lo nạn sinh tử
Chứng Phật đạo không khó.

Khi Đức Phật thuyết bài kệ này xong, lại bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có Bồ-tát, phàm phu, hết lòng tin kinh này, nghe không nghi ngờ, không do dự, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết đầy đủ nghĩa lý cho người khác, thì hiện tại sẽ đạt được hai mươi công đức. Hai mươi đó là:

1. Chư Thiên thần linh đều ở hai bên trái, phải.

2. Được các đại Long thần đến giúp đỡ.

3. Các quỷ thần lớn đều bảo vệ.

4. Tâm thường an ổn chư từng bị tán loạn.

5. Sinh vào nơi làm người đứng đầu trong chúng tôn kính.

6. Đời đời ở đâu cũng thường biết được đời trước của mình.

7. Sinh ở nơi nào đều đạt được năm thần thông.

8. Nhanh chóng chứng đắc pháp nhẫn và tương lai sẽ gặp Bồ-tát Di-lặc.

9. Thường tinh tấn tu tập những pháp căn bản của kinh này, tâm ý bớt ngủ nghĩ, mệt mỏi.

10. Khi nằm ngủ thường thấy được chư Phật và Bồ-tát ở trong mộng.

11. Do hết lòng tin tưởng kinh này nên mau chóng chứng pháp nhẫn Nhu thuận.

12. Nếu thọ trì những căn bản của kinh này thì hiện tại trừ bỏ được tranh cãi.

13. Nếu đi gặp loài côn trùng, rắn, hổ, độc hại mà nhớ nghĩ kinh này thì hoàn toàn không lo sợ.

14. Nghĩ đến kinh này là hàng phục được oán thù hiềm ghét.

15. Chuyên tu kinh này liền chứng được Tam-muội Phổ quang.

16. Khả năng hiểu rõ kinh này thì nên biết diệt trừ tất cả tội.

17. Giảng thuyết kinh này thì đạt được trăm ngàn pháp môn không thể tính kể.

18. Đời đời được an trú không mất bản tâm.

19. Sinh ở chỗ nào thường diện kiến Phật, chứng được vô lượng pháp môn Tổng trì. Vị ấy suy nghĩ về kinh này thì các ma Ba-tuần chưa từng xuất hiện, mà cũng hiện thân trước Phật.

20. Suy nghĩ về kinh này thì sự mong cầu chắc chắn thành tựu. Loài côn trùng độc hại hai chân, ba chân, bốn chân đều giúp đỡ. Hoặc có phi nhân muốn đến đe dọa; vua, quần thần, phi thi, ác quỷ muốn đến dọa thì tự nhiên giúp đỡ không còn xâm phạm.

Đức Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Đây là hai mươi pháp công đức. Pháp sư, Tỳ-kheo nghe kinh này, vui mừng hết lòng tin tưởng mà không còn nghi ngờ, do dự, nếu thọ trì đọc tụng ghi nhớ trong tâm, suy nghĩ phân biệt

rõ mà giảng thuyết cho người khác được công đức như vậy.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ví như cây thuốc gọi là Phổ liệu, chữa lành tất cả bệnh tật kinh này cũng như vậy, chữa trị tất cả bệnh dâm, nộ, si và tai họa của các tưởng.

Đức Phật khen Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng như lời ông nói không khác! Kinh này thật là đoạn trừ năm ấm, sáu trần, ba độc, năm cái, mười hai nhân duyên, chín mươi sáu ngoại đạo, sáu mươi hai tà kiến của chúng sinh. Vì sao? Vì ở trong đời quá khứ vô lượng kiếp số không thể tính kể, quá hơn số kiếp này, kiếp ấy có một Đức Phật hiệu là Nhạo Sư Tử Bộ đã ở trong đại chúng, có vô lượng vô số nhân dân mà giảng thuyết kinh này. Khi Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác Nhạo Sư Tử Bộ thuyết thì có một vị Bồ-tát tên Kim Cang Tràng đã nghe Đức Phật giảng kinh này, tâm Bồ-tát không còn nghi ngờ do dự, liền thọ trì tu tập công đức này, đọc tụng thọ trì hết lòng tin tưởng, giữ gìn thường không rời tâm. Bồ-tát đi vào quận, huyện, thôn xóm, thành thị nước nhỏ, nước lớn, ai thấy đều vui mừng, cùng nhau nói vị lương y đến chữa trị bệnh cho chúng ta, một lòng tin tưởng vui mừng. Lúc đó, có trăm ngàn người cùng tụ tập đi đến chỗ Bồ-tát Kim Cang Tràng đều mong cầu cứu giúp.

Khi ấy, Bồ-tát vì thấy lòng tin tưởng của họ mà thương xót, dùng thần chú của kinh này bảo với mọi người trì tụng câu thần chú trong kinh này thì sẽ được an ổn.

Văn-thù-sư-lợi lại thưa hỏi:

–Câu thần chú này là gì?

Liền nói chú:

“Không có điều gì làm khuất phục; xa lìa tà vạy; trì giới luật; khéo độ thoát; không có thật; không có xứ sở; lìa mê hoặc; cao như hư không; mênh mông huyễn hóa; không sinh; không thể chứng đắc; từ bi vô hạn; thương tất cả chúng sinh; yêu mến mọi loài; mong cầu kinh điển; nghĩa tinh tấn; không ai xâm phạm; đây là thần chú.”

Đây là câu thần chú sẽ bảo vệ chúng sinh, nếu bị khổ não đến nỗi quẩn bức, đau khổ, tai họa không thể tả, bao nhiêu bệnh tật đều được diệt trừ. Chư Thiên, Rồng, Thần cùng với Phi nhân đều ôn hòa, diệt trừ các loài độc như, trăn, cọp, muỗi, ruồi, sâu, ong. Người thích đọc tụng kinh này thì không còn mắc phải những bệnh mụt ghẻ, bệnh hủi hoặc bị nước cuốn đều được vớt lên.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Khi Bồ-tát Kim Cang Tràng an trú trong kinh này làm cho chúng sinh lành tất cả bệnh, được an lạc. Này Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Khi đó Bồ-tát Kim Cang Tràng là người khác hay quán kinh khác chăng? Vì sao? Vì Bồ-tát hiện tại chính là thân ta. Ta ở trong đời đó thọ trì kinh này, hết lòng ưa thích, đọc tụng giáo hóa làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Do đó, Văn-thù-sư-lợi nên quán tưởng kinh này như là cây thuốc trị bách bệnh.

Văn-thù-sư-lợi thưa hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát lãnh thọ nghĩa lý câu thần chú này thì thọ trì, đọc tụng phải làm thế nào?

Đức Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Bồ-tát thọ trì, đọc tụng câu thần chú này thì người ấy phát tâm thọ trì kinh này, lại không ăn thịt, không dùng hương dầu xoa ướp vào thân mình, thường đem lòng từ bi thương yêu chúng sinh, làm lợi ích cho tất cả như cây Phổ dược, thường gần gũi bậc Nhất thiết trí, các thần thông, trí tuệ khiến không còn khổ não, tai họa được an lạc. Nếu ai đọc tụng kinh này thường được thanh tịnh hòa nhã, tâm người ấy không làm việc ô uế. Khi tụng kinh này, quét sạch hết đất, không còn dơ cấu, được an vui.

Văn-thù-sư-lợi lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát đọc tụng kinh này thì bỏ hết tham ái không tiếc thân mạng, bỗng nhiên như vô hình, như thế là đúng theo lời dạy của Thế Tôn.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng như lời ông nói! Chỉ là một không có khác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Hiền giả A-nan:

–Này A-nan! Ông thọ trì, đọc tụng kinh này làm tăng thêm lợi ích cho vô số chúng sinh. Kinh này được lợi ích vô lượng.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện xin lãnh thọ, sẽ thọ trì đúng lời dạy của Thánh Tôn, giảng thuyết như Đức Phật.

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Hiền giả A-nan! Ông thọ trì, đọc tụng kinh này vì chúng sinh bố thí, làm Phật sự.

Đức Phật dạy như thế rồi, Hiền giả Xá-lợi-phất, A-nan, Văn-thù-sư-

lợi, chư Thiên, Người, A-tu-la, Rồng, Quỷ thần đều nghe Đức Phật thuyết giảng, tâm vui mừng, đảnh lễ rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 814

PHẬT THUYẾT TƯỢNG DỊCH KINH

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp sư Đàm-ma-mật-đa, người nước Kế Tân.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với đại chúng, gồm năm trăm thầy Tỳ-kheo, sáu vạn chúng Bồ-tát, các vị đều là những bậc tri thức, họ đã được các pháp Đà-la-ni, giảng nói không ngại, thuyết pháp không rơi vào hai bên, thành tựu thần thông không thể nghĩ bàn. Tên của các vị ấy là Bồ-tát Vô Giảm Tấn Ý, Bồ-tát Quá Danh Thanh Oai Đức Tạng, Bồ-tát Bảo Nguyệt Hoa, Bồ-tát Đại Vân Lôi Đăng, Bồ-tát Vô Lượng Quán Xuất Nhất Thiết Thế, Bồ-tát Sơn Dũng, Bồ-tát Nhạo Hỷ Sinh, Bồ-tát Tịnh Tý Vô Ngại Quang Minh, Bồ-tát Giải Độ Chúng Sinh Tâm, Bồ-tát Kim Cang Đắc Kiên, Bồ-tát Giải Nhất Thiết Chúng Sinh Ngữ Ly, Bồ-tát Phạm Âm Dũng Oai Đức, Bồ-tát Danh Xưng Diện Oai Vô Ngại Giác, Bồ-tát Nhất Thiết Thiện Căn Bảo Tụ, Văn-thù-sư-lợi Đồng tử cùng với sáu vạn Bồ-tát đều là những vị đứng đầu đồng hội tụ.

Khi ấy, Đại đức Xá-lợi-phất, lúc trời đã về chiều, liền xả thiền đứng dậy, đến viếng chỗ Đức Phật. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi một mình, dưới gốc cây, đang ở trong cảnh Tam-muội vắng lặng.

Từ xa, Đại đức Xá-lợi-phất đã thấy Đức Thế Tôn oai nghi, vắng lặng nên liền lấy cỏ trải làm tòa, kiết già mà ngồi, trong khoảnh khắc đã ngồi yên ngay ngắn.

Lúc này, Đại đức Xá-lợi-phất mới suy nghĩ: "Thật chưa từng có! Đức Như Lai tu hành vắng lặng như vậy, tự mình được an lạc và còn đem an lạc cho chúng sinh. Như Lai hiểu biết hết thảy pháp tánh Tam-muội".

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn an tường ra khỏi Tam-muội, đứng dậy hắng giọng. Đại đức Xá-lợi-phất nghe Đức Như Lai hắng giọng, liền lãnh nhận niềm vui sướng và đạt được tâm xót thương, đến trước Đức Phật đảnh lễ, rồi nói kệ:

Nếu có chúng sinh, không phân biệt

Đối với các pháp, chẳng nhớ tưởng
Nhập vào Tam-muội để tu hành
Được pháp như vậy, thường an nhẫn.
Không thấy chúng sinh có sai biệt
Sự giải thoát giống như huyễn tánh
Phân biệt các pháp, thể rỗng không
Người không ngã tưởng, được an vui.
Ở trong hòa hợp, không đắm tưởng
Không có ngu si, theo vật tưởng
Cũng chẳng có khởi, chẳng không khởi
Không thấy thọ mạng, được an vui.
Với các chúng sinh. không nhớ tưởng
Là chúng sinh, chẳng phải chúng sinh
Với các chúng sinh tưởng, không tiếng
Người không ngã kiến được an vui.
Với chúng sinh, trí không phân biệt
Được vào cõi pháp, không tranh giành
Phân biệt trượng phu, hết thảy tưởng
Kẻ vô lượng giác, được an vui.
Nên khéo ban cho và giữ giới
Tu hành tỉnh giác, không keo bẩn
Trụ ở trong pháp, không ô nhiễm
Chẳng thấy cao thấp, được an vui.
Người nhẫn được, rất là dũng mãnh
Không thấy có hai: thương và ghét
Cũng không tinh tấn và biếng nhác
Người không tư tưởng, được an vui.
Tu hành thiền định rất vững chắc
Cũng không tư duy là tán loạn
Khéo biết nương theo pháp thiền định
Người không tưởng thiền, được an vui.
Không có nhớ tưởng, không trí tuệ
Cũng chẳng không trí, được tự tại
Cũng chẳng thông tuệ, chẳng ngu si
Người không tưởng khác, được an vui.
Chỗ vắng, đông người, cũng như vậy
Với mọi nơi, tu hạnh bình đẳng
Ở trong thôn xóm, không lánh ác

Vắng vẻ, không kiêu, được an vui.
Trong việc khất thực được đầy đủ
Cuối cùng không tưởng có khất thực
Cũng chưa từng tưởng ta khất thực
Người không tưởng cầu, được an vui.
Nếu có "áo phấn tảo" vứt bỏ
Lượm lấy kết lại để che thân
Cũng không nghĩ tưởng mang áo xấu
Không xem thường người, được an vui.
Ca ngợi Thiện Thệ, Phật đã hứa
Hãy khéo thọ trì ba pháp y
Không có nhớ tưởng, ta chánh hạnh
Người không tưởng khác là an vui.
Nếu người khéo nói pháp vi diệu
Không thấy có ta và chúng sinh
Cũng không có tâm: "Ta nói pháp"
Không thật, không chấp, là an vui.
Với các căn lành tưởng không thật
Chẳng có tưởng vật, không tưởng yêu
Không nghĩ, phân biệt các kết sử
Chuyên nhất tu hành, được an vui.
Trong pháp sinh khởi, không khởi tưởng
Tưởng đến lỗi lầm, nơi đang ở
Ngày đêm siêng tu hạnh tinh tấn
Người không hý luận, được an vui.
Cũng chẳng vọng tưởng nơi phi xứ
Cũng không phân biệt, trí tăng thượng
Như Lai, ngoại đạo, không sai khác
Người không cống cao, được an vui.
Vô lượng, vô số không hạn lượng
Cũng không xả lìa, như hư không
Ta và chúng sinh, không tưởng khác
Không thấy tăng giảm, được an vui.
Nếu có được hoặc hành ở mộng…
Được biện tài, giáo hóa ngu si
Qua lại thế gian, như trăng nước
Người không tiến hành, thảy đều vui.
Các thứ phương tiện, nghĩa thứ nhất

Không vướng sinh tử, chấp chặt tưởng
Giác ngộ pháp vi tế vắng lặng
Tu hành không tưởng, được an vui.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ca ngợi Xá-lợi-phất:

–Hay thay, hay thay! Ngươi tu hành, có trí tuệ sâu xa, có thể chuyển vận bánh xe chánh pháp. Này Xá-lợi-phất! Trong núi Kỳ-xà-quật, có các Tỳ-kheo và Bồ-tát… đang ở trong thiền định, ngươi mời họ về nhóm họp.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không dám nhận. Vì sao? Vì các vị ấy đều là bậc tu hành dũng mãnh có oai đức lớn.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn từ trong thân phóng ánh sáng lớn, ánh sáng ấy, chiếu khắp các thế giới, nhiều vô lượng, vô biên, khiến các Bồ-tát, đều cùng nhau đến núi Kỳ-xà-quật. Họ đến, trụ ở giữa hư không. Các vị Tỳ-kheo và các Bồ-tát lúc này đã ra khỏi thiền định, đều đi đến chỗ Đức Phật. Trong thành Vương xá, mọi người rất đông, cũng đến chỗ Phật.

Khi Thế Tôn, biết đại chúng đều đã nhóm họp, liền nhìn thẳng vào Đồng tử Văn-thù-sư-lợi rồi mỉm cười. Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, trịch bày vai bên phải, gối phải chấm đất, chắp tay, hướng về Đức Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì Thế Tôn mỉm cười? Chư Phật Như Lai, Đấng Ứng Cúng Chánh Biến Tri, chẳng bao giờ cười mà không có nhân duyên.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Về quá khứ, ở trong núi Kỳ-xà-quật này, đã có mười ngàn Đức Phật nói kinh Tượng Dịch.

Đại đức A-nan nghe Phật nói, liền từ tòa đứng dậy, sửa y, trịch bày vai áo bên phải, gối bên phải chấm đất, chắp tay hướng về Đức Phật, bạch:

–Lành thay Đức Thế Tôn! Lành thay Đức Thiện Thệ! Nay Thế Tôn sẽ nói kinh Tượng Dịch này! Kinh này thật khó được nghe, nếu được Đức Như Lai giảng dạy, sẽ không còn có người nghi ngờ. Kinh điển này thật là sâu xa mầu nhiệm, rất sáng chói! Bạch Thế Tôn! Vì sao Thế Tôn nhìn Tôn giả Văn-thù-sư-lợi, rồi lại mỉm cười?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Đại đức A-nan:

–Lành thay, lành thay! Này A-nan! Ngươi có trí tuệ khéo phân biệt. A-nan! Nay ông hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ. Ta nay sẽ nói.

A-nan cúi đầu thọ lời Phật dạy.

Đức Phật nói:

–Này A-nan! Nếu có chúng sinh nào nghe, mà hiểu rõ được kinh này, vị ấy sẽ như là sức lực của con voi lớn, sẽ như sức của con rồng lớn. Những chúng sinh hiểu rõ được kinh này, cũng lại như vậy. Này A-nan! Những chúng sinh hiểu rõ kinh này sẽ như con sư tử, bước từng bước, đi đến con đường tốt đẹp. Này A-nan! Với kinh điển này, đời sau, các Bồ-tát ưa thích. Này A-nan! Kinh này có công năng làm cho Bồ-tát thêm mạnh mẽ. Sau khi ta diệt độ, tương lai Bồ-tát sẽ tự tay nắm giữ kinh này, tự tay viết chép, in ấn kinh này. Chỗ nương tựa của kinh này, chẳng phải là hạng Chiên-đà-la, mà Bồ-tát sẽ tự tay giữ gìn. Cũng chẳng phải hàng Bồ-tát ưa những bàn luận đùa cợt mà có thể nắm giữ được, cũng chẳng phải giả danh Bồ-tát mà nắm giữ được.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn hiển hiện một hình tượng, giống như Văn-thù-sư-lợi. Đức Thế Tôn tạo hình tượng ấy rồi, Văn-thù-sư-lợi cũng hiểu rõ như vầy: "Ta nay, nên thưa hỏi Đức Thế Tôn về pháp rất sâu xa, chẳng phải vì hàng Thanh văn, Duyên giác, mà là vì địa vị Bồ-tát".

Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay con có một số câu hỏi, muốn thưa thỉnh Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, nếu Đức Phật hứa nghe cho, con mới dám thưa.

Văn-thù-sư-lợi thưa như vậy rồi, Đức Phật liền bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Ngươi cứ thưa hỏi, tùy theo sở thích của tất cả chúng hội.

Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp, mà Bồ-tát có thể khéo léo ở yên trong các công đức, thị hiện tất cả các hạnh Bồ-tát, giáo hóa vô lượng chúng sinh, trải qua a-tăng-kỳ kiếp, hiện các thân hình của chư Phật như bóng trăng dưới nước?

Văn-thù-sư-lợi sau khi đã thưa hỏi như vậy, Đức Phật liền khen ngợi:

–Hay thay, hay thay! Văn-thù-sư-lợi! Ông có thể tóm lược, hỏi Như Lai ý nghĩa như vậy, ta nay sẽ rộng phân biệt, giảng nói.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ, ta nay sẽ nói.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Như lời dạy của Thế Tôn, con xin thọ giáo lắng nghe.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát thành tựu sáu pháp sẽ được ở yên trong các công đức. Những

gì là sáu?

1. Này Văn-thù-sư-lợi! Khi Bồ-tát bố thí, thì hay xả bỏ tất cả, không thấy gì là của mình, lìa bỏ sự tham lam, keo kiệt.

2. Nếu ở yên vào giới, thì không thấy ta hay lìa nghiệp phá giới.

3. Nếu đã thành tựu nhẫn nhục, thì không còn thấy ta hay xa lìa hành động sân tức.

4. Nếu có tinh tấn thì chẳng phải chỉ siêng năng ở thân tâm này.

5. Nếu biết nhập vào trong hết thảy phương tiện thiền định giải thoát Tam-muội, thì cũng không tự nghĩ đến.

6. Nếu thành tựu sự nhất tâm, tu hành được trí tuệ sáng suốt, tự thấy giải thoát được tất cả con đường sinh tử.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát thực hành sáu pháp này, sẽ khéo được ở yên trong tất cả công đức. Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Còn có sáu pháp, có thể thành tựu được tất cả công đức. Những gì là sáu?

1. Khi Bồ-tát vào trong địa ngục, nhiếp hóa chúng sinh, khiến cho họ được niềm vui trên cõi trời.

2. Bồ-tát hóa làm thân súc sinh thì nhiếp hóa cho hàng súc sinh thọ niềm vui thù diệu của loài người.

3. Bồ-tát sinh vào nhà nghèo hèn, cũng nhận được cái vui sướng của vua Chuyển luân.

4. Bồ-tát hiện thân vào trong các cảnh giới, cũng thọ nhận niềm vui của thánh đạo thù thắng.

5. Bồ-tát cũng thường dạo chơi, qua lại trong tất cả cõi Phật, cũng như hình ảnh mặt trăng trong hồ nước phẳng lặng.

6. Bồ-tát khi phát ra lời nói, thì lời nói ấy khiến cho chúng sinh gần gũi, thương yêu nhau.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát, thành tựu được sáu pháp này, thì tâm an ổn và được tất cả công đức.

Lúc bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát ở trong địa ngục vẫn thọ nhận niềm vui của cõi trời?

Khi hỏi như vậy rồi, Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu Bồ-tát, khi đã nhập vào Tam-muội có tên là Đại liên hoa; khi ấy, ngài ở trong địa ngục sẽ nhiếp hóa chúng sinh, làm cho chúng sinh cảm thọ niềm vui như ở cõi trời; vì các ngài khi thấy chúng sinh thọ nhiều nỗi

khổ, liền hiện ra những thân hình khác nhau, vì họ nói pháp, khiến cho vô lượng chúng sinh đều được giải thoát.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy là Bồ-tát ở trong địa ngục, thọ nhận niềm vui như ở cõi trời.

Văn-thù-sư-lợi lại bạch Đức Phật:

–Như thế nào là Bồ-tát sinh trong loài súc sinh, nhiếp hóa súc sinh, làm cho họ cảm nhận niềm vui của trời, người?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát, khi đã nhập vào Tam-muội, có tên là Vắng lặng. Tuy hiện thân là súc sinh mà không mất cái tâm, nên vẫn thọ niềm vui của trời, người; lại còn tùy mỗi thân hình khác biệt kia mà vì họ nói pháp. Bồ-tát còn đặt để cho vô lượng chúng sinh, khiến họ được an trụ trong chánh pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy Bồ-tát thọ thân súc sinh mà vẫn cảm nhận niềm vui của trời, người.

Văn-thù-sư-lợi lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát sinh trong nhà nghèo hèn mà vẫn cảm thọ niềm vui của vua Chuyển luân?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Khi Bồ-tát đã nhập vào Tam-muội, có tên là Tịnh quá, rồi từ năng lực của Tam-muội này làm cho chúng sinh trong nhà nghèo hèn, cảm nhận được niềm vui của vua Chuyển luân. Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy là Bồ-tát sinh trong nhà nghèo hèn nhưng vẫn thọ niềm vui của vua Chuyển luân.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát thị hiện vào trong các đường mà vẫn cảm thọ niềm vui của Thánh đạo thù thắng?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Khi Bồ-tát đã nhập vào Tam-muội có tên là Kiến nhất thiết hạnh vô tác quang minh. Bồ-tát ở trong Tam-muội này thị hiện vào trong các nẻo đường mà vẫn cảm thọ niềm vui của Thánh đạo thù thắng. Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy là Bồ-tát hiện vào trong các đường mà vẫn thọ niềm vui Thánh đạo thù thắng.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát khéo biết dạo chơi, qua lại, trong tất cả cõi Phật, mà vẫn bất động tại chỗ, cũng không qua lại, vẫn hiển

hiện nơi các cõi Phật, như bóng trăng hiển hiện trong nước?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Khi Bồ-tát đã nhập vào Tam-muội, có tên là Quá ư nhất thiết ngôn thuyết (vượt ngoài nói năng). Bồ-tát trụ trong Tam-muội này thì Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên dưới, trong tất cả mười phương thế giới, ngài sẽ thị hiện thân hình mà vẫn bất động ở một chỗ, chẳng có qua lại. Ở trong Tam-muội này được thấy chư Phật, cũng được nghe pháp. Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy, Bồ-tát khéo biết qua lại, dạo chơi, tất cả cõi Phật mà vẫn bất động ở một chỗ, không có qua lại, hiện ra ở các cõi Phật như trăng trong nước.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát nói ra tất cả ngôn ngữ, mà không có lời nào, không được người nghe ưa thân cận?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát, mà được là Đà-la-ni tên là Vô lượng; được rồi lại luôn thọ trì, nhập vào vô lượng tâm, biết được vô lượng ngôn ngữ; Bồ-tát này được năng lực của Đà-la-ni, nên khi nói ra các thứ ngôn ngữ, ai nghe cũng muốn thân cận. Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy là Bồ-tát nói ra điều gì không lời nào là không được người nghe muốn thân gần.

Lúc bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng là Bồ-tát thực hành pháp phương tiện rất khó. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào khi nhập vào trong kinh này, thì nên dùng những pháp gì để được vào?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Bồ-tát, muốn nhập vào kinh này giống như hiểu rõ được tính chất của hư không.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hư không là như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Hư không thì không nhiễm dục, cũng không sân, không si. Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp, cũng lại như vậy, không nhiễm sân, si.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đúng là hư không, thì chẳng phải do ban cho mà thành tựu; chẳng phải do điều răn dạy mà thành tựu; chẳng phải do nhường nhịn mà thành tựu; chẳng phải do siêng năng mà thành tựu; chẳng

phải do Thiền định mà thành tựu; cũng chẳng phải do trí tuệ mà thành tựu.

Như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp, cũng lại như vậy. Chẳng phải do ban cho mà thành tựu, cũng chẳng phải do răn dạy, nhường nhịn, siêng năng, thiền định, trí tuệ mà được thành tựu.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như hư không, chẳng phải trí, chẳng phải đoạn. Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp, cũng lại như vậy, chẳng phải trí, chẳng phải đoạn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như hư không, chẳng phải tu, chẳng phải chứng. Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp, cũng lại như vậy, chẳng phải cần tu chứng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng giống như hư không, chẳng phải tối, chẳng phải sáng. Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp, cũng lại như vậy, chẳng phải tối, sáng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như hư không, cùng khắp tất cả, mà chúng ta không thể cầm, nắm. Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp cũng lại như vậy, cùng khắp tất cả mà ta không thể cầm nắm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như hư không, chẳng phải tiến đến chánh đạo, cũng chẳng phải tiến đến tà đạo. Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp cũng lại như vậy, không phải tiến đến, dù chánh hay tà đạo.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như hư không, chẳng phải Thanh văn thừa, chẳng phải Duyên giác thừa, cũng chẳng phải Phật thừa. Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp, cũng lại như vậy, chẳng phải Thanh văn, Duyên giác, kể cả Phật thừa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như hư không, chẳng phải suy nghĩ, chẳng phải trí tuệ. Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp cũng lại như vậy, chẳng phải suy nghĩ, chẳng phải trí tuệ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như hư không, chẳng phải động, chẳng phải phát; chẳng phải không động, phát. Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp, cũng lại như vậy, chẳng phải động, phát, chẳng phải không động, phát.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như hư không, chẳng phải động, phát, chẳng phải không động, phát. Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát cũng vậy, đối với hết thảy các pháp, chẳng phải động, phát, chẳng phải không động, phát.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như hư không, không có chúng sinh hay nhiễm ô. Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp, cũng lại như vậy, đó là rốt ráo Niết-bàn, không nhiễm, chẳng phải vắng lặng, chẳng phải không vắng lặng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như hư không, trụ không có chỗ trụ, không

lay không động, không chỗ trụ. Văn-thù-sư-lợi! Các hàng Bồ-tát cũng lại như vậy; thấy các chúng sinh trụ không chỗ trụ, được thật sự không động, không lay, không trụ. Văn-thù-sư-lợi! Đúng với thật tướng của các pháp; nếu muốn thấy Như Lai thì chính là tà kiến. Chính tà kiến này cũng là chánh hạnh. Nếu là chánh hạnh, thì trong việc ban cho không có quả lớn, cũng không có quả báo lớn. Nếu kẻ kia, trong khi ban cho, không thấy có quả báo lớn, thì đúng là ruộng phước ở đời. Nếu là ruộng phước ở đời, thì trong chỗ ban cho không có quả báo. Nếu thí mà không có quả báo, ấy là đầy đủ trí không thật. Người nào đầy đủ trí không thật thì những vị ấy mau được Vô sinh pháp nhẫn.

Khi ấy, trong chúng có sáu mươi thầy Tỳ-kheo Tăng thượng mạn, nghe Đức Phật nói pháp như vậy, họ liền suy nghĩ: "Thật là một con đường tối tăm. Nếu Như Lai giảng nói như thế, chẳng khác gì ngoại đạo nói. Những ngoại đạo: Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê Kiều-xá-da, A-kỳ-đa-xí-xá, Khâm-bà-la San-xà-da, Tỳ-la-đê Tử, Ba-phục-đa Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử… cũng đều nói như vậy. Đức Phật nay cũng nói như vậy!"

Lúc bấy giờ, Thế Tôn biết ý nghĩ của sáu mươi Tỳ-kheo Tăng thượng mạn như vậy, liền bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Đúng như vậy, đúng như vậy! Đức Như Lai, vừa rồi nói pháp, có kẻ hiểu lầm, cho là giống như ngoại đạo; nhưng ngoại đạo thật, thì không làm sao, hiểu được lời Đức Phật nói pháp!

Khi ấy, sáu mươi Tỳ-kheo tăng thượng mạn, nghe Đức Phật nói như vậy, họ càng tăng thêm sầu khổ, lo lắng, không vui, tâm không an ổn; nhưng không sao hiểu được lời pháp của Đức Phật vừa nói. Họ từ chỗ đứng dậy, muốn đi.

Lúc ấy, Đại đức Xá-lợi-phất hỏi các Tỳ-kheo:

–Các Đại đức! Nay muốn đi đâu? Nên hiểu lời dạy như vậy của Đức Như Lai; do nhân duyên gì Đức Như Lai mới nói như vậy? Các Đại đức khoan đi, tôi sẽ hỏi Đức Như Lai, do nhân duyên gì mà Đức Như Lai dạy như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe Đại đức Xá-lợi-phất nói như thế, họ liền trở lại, ngồi vào chỗ của mình. Lúc ấy, Đại đức Xá-lợi-phất mới bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì, Như Lai vừa rồi, giảng dạy như vậy? Mong Thế Tôn giảng nói rộng ý nghĩa trên, để trừ nghi cho các Tỳ-kheo.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ý ông nghĩ thế nào? Nếu có vị Tỳ-kheo, các lậu đã hết, tâm được giải thoát, thì những Tỳ-kheo ấy nghe lời nói vừa rồi, có sinh tâm sợ hãi không?

Xá-lợi-phất nói:

–Bạch Thế Tôn! Không. Nếu có Tỳ-kheo chỉ mới thấy được chân lý của bậc Thánh, nghe tất cả âm thanh giảng nói, còn không kinh sợ; huống gì người mà các lậu đã hết, tâm được giải thoát!

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Chỉ có người còn si mê, chạy theo vọng tưởng, phân biệt, đối với pháp không chân thật, được hạnh trống rỗng, nhưng thật sự chỉ là luống không vô ích.

Xá-lợi-phất thưa:

–Nguyện Đức Thế Tôn giảng dạy ý nghĩa, lời pháp, mà Đức Thế Tôn vừa nói, để các vị hết nghi ngờ.

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu thấy Đức Như Lai là như mộng, như huyễn, ấy là chánh kiến. Nếu người chánh kiến, ở chỗ Như Lai, không sinh khởi tư tưởng chân thật, không khởi tư tưởng vững chắc, không khởi tư tưởng là vật chất, không khởi tư tưởng là danh xưng, không khởi tư tưởng là nhóm họp. Nếu với Đức Như Lai, không sinh khởi tư tưởng chân thật, không tưởng vững chắc, không tưởng vật chất, không tưởng danh xưng, không tưởng nhóm họp. Những hành động khởi tưởng như vậy và tất cả các hành động khởi tưởng khác, đều là do hư vọng mà thấy. Nếu tất cả từ hành động tạo ra, đều là do hư vọng mà thấy; vì vậy cho nên biết tất cả các pháp đều là tà kiến. Nếu biết tất cả các pháp là tà kiến, thì những lời Đức Phật nói ra, cũng là tà kiến. Lại nên biết, tất cả các pháp được thấy đều là tà, thì nhận định ấy cũng là tà kiến.

Như vậy, này Xá-lợi-phất! Do nhân duyên như thế, cho nên muốn thấy Đức Như Lai, gọi đó là tà kiến.

Này Xá-lợi-phất! Vì những người này, không thấy thân bí mật của Như Lai, chỉ biết ôm giữ phân biệt; đối với thân Như Lai, họ tưởng là Xá-lợi của Như Lai!

Này Xá-lợi-phất! Nếu đối với Như Lai mà thấy như vậy, gọi là tà trí.

Liền khi ấy, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao tà kiến cũng gọi là chánh hạnh?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Tất cả phàm phu sinh khởi các giác quán vọng tưởng phân biệt, sự sinh khởi đó, đều nương nơi việc có phát động hoặc không phát động mà khởi ra ngã kiến, chúng sinh kiến, mạng kiến, nhân kiến, rồi dính mắc cho là ta hơn người và các vật thuộc của ta cũng hơn người. Biết sự việc như vậy, kẻ tiểu căn phàm phu bị các việc này lay động, nên mới sinh việc hý luận. Cái biết như vậy đều là không thật.

Này Xá-lợi-phất! Vì vốn không, cho nên nói là không thật; vì không thật, nên gọi là nói dối; vì nói dối nên gọi là tà. Xá-lợi-phất! Các việc như vậy, đều thuộc về không thật. Những tà kiến này, gọi là chánh hạnh.

Này Xá-lợi-phất! Do nhân duyên như vậy, nên tà kiến cũng gọi là chánh hạnh.

Khi ấy, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chánh hạnh ấy thì sự ban cho sẽ không có quả báo lớn, quả báo nhỏ?

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu những người đã được thành tựu được chánh hạnh như vậy, nếu có sự ban cho cùng hướng đến Niết-bàn, thì sẽ nhận ở Niết-bàn từng phần Niết-bàn.

Xá-lợi-phất! Niết-bàn này chẳng phải do quả báo nhỏ, lớn, hoặc có chút ít công đức mà được. Vì sao? Vì Niết-bàn là lìa hết thảy quả báo, không có tính từng phần, cũng không thể phân cho bằng từng phần.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Niết-bàn kia đã không có gì so bằng; sao Như Lai nói công đức tăng trưởng vô lượng, vô biên?

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Hàng phàm phu tạo đủ các phiền não, còn đang tu hành, nên mới luận bàn về ngã, luận bàn về chúng sinh, luận bàn về mạng sống, luận bàn về trượng phu. Vì những chúng sinh như vậy, nên nói cảnh giới Niết-bàn, không có sự phân chia so bằng. Niết-bàn này tăng trưởng lợi ích, công đức vô lượng cho đến việc khiến được họ sinh tâm ưa thích.

Này Xá-lợi-phất! Chẳng phải là Thánh phước điền thì không có thể vào Niết-bàn.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bậc Thánh nhân, lìa tham dục, mới thấy biết ruộng phước.

Này Xá-lợi-phất! Ví như người làm ruộng, gieo giống lúa xuống ruộng, lại mọc lên cỏ giống như lúa và cũng mọc các loại cỏ khác.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Người làm ruộng này được loại cỏ giống như lúa, gọi đó là lúa chăng?

–Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Ví như người làm ruộng gieo lúa mà lại sinh các loại cỏ khác, cùng với loại cỏ tương tợ như lúa. Như vậy, Xá-lợi-phất! Ruộng phước từ sự ban cho của bậc Thánh, tự nhiên sẽ có quả báo lớn, về sau sẽ đoạn các nghiệp hữu lậu, làm khô quả ái dục.

Này Xá-lợi-phất! Những người nông dân này, vốn mong được lúa, nhưng chỉ thấy cỏ giống như lúa, nên tâm không vui vẻ, như vậy chẳng được kết quả và lợi ích.

Này Xá-lợi-phất! Chẳng phải hễ có ruộng là có được quả báo. Này Xá-lợi-phất! Do nhân duyên như vậy, người dùng việc ban cho làm chánh hạnh, thì không có quả, không có báo lớn.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sinh kia ban cho mà không được quả báo lớn thì lấy gì để làm ruộng phước cho đời?

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Chẳng phải tưởng đến quả nhỏ, chẳng phải tưởng đến quả lớn mới là ban cho không sinh tâm. Nếu ban cho không sinh tâm, thì mới có thể, đối với Trời, Người, A-tu-la trong thế gian mà thọ nhận sự cúng dường.

Này Xá-lợi-phất! Đối với ruộng phước vô tận, thì không giữ lấy quả báo, không chạy theo quả báo. Vì vậy, này Xá-lợi-phất! Chẳng nên chấp quả báo lớn hay nhỏ, khi làm ruộng phước cho đời.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là ruộng phước ở đời mà không cần được quả báo?

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Nếu là Niết-bàn, có quả báo không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có. Nếu sự ban cho được quả báo làm nên Niết-bàn, thì các bậc Thánh nhân không gọi là Đấng vô vi.

Đức Phật khen ngợi:

–Hay thay, hay thay! Này Xá-lợi-phất! Do sự việc như vậy, nên việc ban cho mà chấp là ruộng phước ở đời, là không thật có quả báo.

Lúc này, Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu sự ban cho không có quả báo, làm sao đủ thỏa mãn với tâm trí vọng tưởng của chúng sinh?

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Nếu biết hết thảy tánh của các pháp là có thật không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nên biết tất cả các pháp tánh là như huyễn. Bạch Thế Tôn! Nếu biết là như huyễn, thì cũng biết nó là không thật. Vì sao? Vì Như Lai thường giảng nói, tất cả các pháp, tánh vốn như huyễn, tánh đã như huyễn, tức là không thật.

Bạch Thế Tôn! Nếu người biết được tất cả các pháp tánh là không thật, thì trí biết của người này cũng không thật. Vì sao? Vì không có một pháp nào, mà có thể, cho là thật cả!

Đức Phật khen Xá-lợi-phất:

–Hay thay, hay thay! Này Xá-lợi-phất! Đúng như vậy, đúng như vậy. Xá-lợi-phất! Nếu các pháp mà có sự thật, có sự vật, có chân thật, thì sẽ không có chúng sinh nào, có thể vào cảnh giới Niết-bàn.

Này Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp, cũng chẳng phải là thật, chẳng phải là vật, chẳng phải là chân thật, cho nên, này Xá-lợi-phất! Vì vậy mới có hằng hà sa chúng sinh được vào Niết-bàn, vĩnh viễn không trở lại sinh tử, cũng không cần biết là đã hết sinh tử. Chúng sinh cũng không thật. Này Xá-lợi-phất! Nếu tất cả chúng sinh không có tư tưởng ôm lấy cái cho là thật đó, thì mới gọi là đầy đủ trí không thật. Vì vậy, này Xá-lợi-phất! Sự ban cho mà không có quả báo, thì mới có thể thỏa mãn cho trí không thật.

Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là trí đầy đủ đối với trí không thật, để mau đạt được Vô sinh pháp nhẫn?

Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu biết tất cả là không thật, mà cũng không chứng đắc, thì những gì là không thật? Nào là: Ngã kiến, chúng sinh kiến, mạng kiến, nhân kiến, đoạn kiến, thường kiến. Có nhưng vẫn không thật, như tưởng Phật, tưởng Pháp, tưởng Tăng, tưởng Niết-bàn.

Này Xá-lợi-phất! Nếu tâm còn dao động, ưa hý luận, thì tất cả đều là

không thật.

Này Xá-lợi-phất! Như vậy, nhờ nắm được những thứ không thật đó, mà đưa đến giải thoát.

Này Xá-lợi-phất! Do nắm được những việc như vậy, nên mới đầy đủ trí không thật, để mau đạt đến Vô sinh pháp nhẫn.

Khi Đức Phật nói pháp này, có bốn vạn hai ngàn người trong chúng hội, được Vô sinh pháp nhẫn, có sáu vạn Ưu-bà-tắc phát đạo tâm Vô thượng chánh chân; có ba vạn sáu ngàn Thiên tử được hướng đến trí chứng; còn sáu mươi Tỳ-kheo Tăng thượng mạn thì dứt hết tâm hữu lậu, được giải thoát; khi tâm họ đã được giải thoát, họ đều đồng thanh cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ban đầu, con đến với hàng Lục sư (sáu vị thầy ngoại đạo) xuất gia. Từ nay trở về sau đối với Phật, Pháp, Tăng chẳng phải là nơi con tôn trọng nhớ nghĩ. Bạch Thế Tôn! Con từ nay, sẽ nói các pháp là không tạo tác, nói không nhân duyên, nói không có nghiệp, không có điều phục.

Khi ấy, ở trong chúng, có nhiều chúng sinh, đều nói với nhau: "Các Tỳ-kheo này sẽ bỏ giới của Phật, mặc áo ngoại đạo, nên nói quá điên đảo".

Bấy giờ, Đại đức Xá-lợi-phất biết tâm của chúng kia, nên nói với các Tỳ-kheo:

–Các Đại đức! Vì nhân duyên gì, mà nói như vậy? Như nói: "Ta bắt đầu xuất gia với sáu vị thầy ngoại đạo".

Các Tỳ-kheo ấy nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Từ nay về sau, chúng tôi, đối với sáu vị thầy ấy hay các sư khác cũng xem đồng một tướng, không tăng, không giảm. Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Chúng tôi nay đã biết các sư đều không khác, với pháp xuất gia không có phân biệt, cho nên mới nói xuất gia như thế.

Xá-lợi-phất nói:

–Các Đại đức, vì nhân duyên gì các vị nói: "Từ nay, chẳng phải chỉ có Phật là nơi tôn trọng của tôi"?

Các Tỳ-kheo ấy nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Chúng tôi từ nay về sau, tự nhiên được sáng rõ, bừng cháy rực rỡ, không còn phải mượn các thứ ánh sáng khác. Chúng tôi trở về nương tựa chính mình, chẳng trở về nương tựa chỗ nào khác mà chỉ tự trở về với chính mình và tự tôn trọng chính mình. Vì vậy cho nên, chúng tôi nói: "Chẳng phải chỉ có Phật là tôi tôn trọng". Vì sao?

Vì tôi vốn không lìa Phật, mà Phật cũng không lìa tôi vậy.

Xá-lợi-phất lại nói:

–Đại đức vì nhân duyên gì lại nói: "Không nhớ nghĩ Pháp, không nhớ nghĩ Tăng?"

Các Tỳ-kheo nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Chúng tôi từ nay không còn pháp nào để được hoặc để nhớ nghĩ; hoặc để thu về. Vì vậy nên chúng tôi nói: "Từ nay về sau không còn nhớ nghĩ đến Pháp, đến Tăng".

Xá-lợi-phất nói:

–Này các Đại đức! Còn vì sao lại nói: "Tôi từ nay về sau nói các pháp là không tạo tác?"

Các Tỳ-kheo nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Chúng tôi từ nay về sau, đã biết đối với tất cả các pháp, vốn là không tạo tác, mà trong đó chẳng phải tạo tác, cũng chẳng phải không tạo tác. Do vậy nên nói: "Chúng tôi từ nay nói các pháp không tạo tác".

Xá-lợi-phất nói:

–Đại đức vì nhân duyên gì, lại nói: "Từ nay nói không nhân duyên"?

Các Tỳ-kheo nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Chúng tôi từ nay về sau tất cả đã có đường đi, sống theo nhân duyên đã chấm dứt, trong đó cũng không còn có nhân. Vì vậy nên nói: "Chúng tôi từ nay nói không nhân, không duyên".

Ngài Xá-lợi-phất lại nói:

–Đại đức vì sao nói: "Chúng tôi từ nay về sau nói không có nghiệp" (không điều phục)?

Các Tỳ-kheo nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Chúng tôi từ nay về sau biết tất cả các pháp là rốt ráo Niết-bàn; trong đó, không có việc điều phục và chẳng phải vì thế mà không điều phục. Vì vậy, cho nên nói: "Tôi nói vốn không có nghiệp *(do không có nghiệp nên cũng không cần điều phục)*".

Đấy là các Tỳ-kheo, vốn là những vị Tăng thượng mạn; khi luận nói pháp này, có ba ngàn sáu trăm Tỳ-kheo nghe được, liền dứt trừ các lậu, tâm được giải thoát.

Khi ấy, Thế Tôn mới khen ngợi các Tỳ-kheo:

–Hay thay! Hay thay! Đúng thật trong hy vọng đó, không có một

pháp nào có thể đạt được.

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi Đồng tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người nghe lời này, sẽ được pháp gì?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Người đó sẽ được Vô sinh pháp nhẫn.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát muốn được Vô sinh pháp nhẫn, nên học như thế nào? Làm như thế nào? Ở như thế nào? Tu tập như thế nào?

Khi ấy, Thế Tôn muốn trả lời cho Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, về câu hỏi Vô sinh pháp nhẫn, nên Ngài liền nói kệ:

Nếu người mong trí Phật
Và các bậc trí cao
Không có pháp nên lấy
Cũng không pháp đáng bỏ.
Không có pháp để được
Nếu sự sống là có
Không có pháp hòa hợp
Phàm phu muốn hòa hợp.
Nếu đã biết, nên đoạn
Nói pháp vì chúng sinh
Phàm phu sống và làm
Không tin pháp vô sinh.
Xả bỏ pháp của ma
Đạo Bồ-đề trên hết
Phàm phu chấp hai pháp
Không biết pháp, không hai.
Đều là huyễn, không thật
Phàm phu thấy khác người
Trong đó thật không khác
Tất cả đồng một tướng.
Nếu có phàm phu nói
Không hai, làm không hai
Cùng huyễn hóa, bình đẳng
Người hoặc phàm phu nói:
Ta không thể hết dục
Dứt sạch sân, ngu si
Ta nên khéo suy nghĩ

Chẳng vật, sinh tưởng vật.
Hết chấp là Niết-bàn
Diệt tham dục, sân, si
Nói chỉ bày pháp không
Không diệt cũng không sinh
Đây gọi là Niết-bàn.
Người siêng năng, tiến lên
Lìa bỏ xa ngã pháp
Nhớ ban cho, giữ giới
Thích nhớ đến Chánh giác
Là không vào Bồ-đề
Bình đẳng hành tưởng hạnh
Giả dối che phàm phu.
Không biết pháp đều không
Các pháp cùng một tướng
Nên giảng nói nhiều cách.
Nếu rõ biết pháp này
Thể tánh kia, không khác
Như năm ngón là tay
Được Chánh giác không khó
Không xa đạo Chánh giác
Cũng không gần Chánh giác
Phân biệt, không phân biệt
Là cách xa Chánh giác
Phàm phu làm sai khác
Cùng nhau cho đúng sai
Người này giữ giới: Tốt
Kẻ kia phá giới: Xấu
Các pháp cũng như mộng
Pháp hữu vi không thật
Trí tuệ không giữ chặt
Biết đó như huyễn hóa
Trong đó, giới không thật
Phá giới, cũng không thật
Nhân duyên sinh các pháp
Trong đó không có ngã.
Với ngàn muôn ức kiếp
Cho cũng như thọ nhận

Bảo vệ giới trên hết
Chư Phật không thọ ký.
Khi ta lìa vọng tưởng
Cũng không tưởng bố thí
Lìa hết thảy điên đảo
Là ta được thọ ký.
Ban cho được giàu có
Giữ giới, sinh cõi trời
Trong đó không nắm bắt
Là giác ngộ cao tột.
Phàm phu dựa vào có
Ngu si nhớ tưởng dối
Chúng ta được pháp nhẫn
Vì vô vi không sinh.
Trong pháp vô sinh ấy
Cũng không nghĩ là sinh
Trong ngàn muôn ức kiếp
Được pháp nhẫn không khó.
Giả tên để nói pháp
Pháp, không có tác giả
Không chỗ ở căn bản
Tất như tướng không nhàn.
Chư Phật nhiều muôn ức
Muốn dứt tham, sân, si
Diễn nói pháp Vô thượng
Là pháp không thể hết.
Thật pháp, không hư vọng
Mau chóng rồi cũng hết
Như vậy pháp không thật
Là thực tế có được
Dâm dục, sân vô biên
Ngu si cũng quá nhiều
Đều là không thật cả.
Trong cái không thật ấy
Như hạt giống không mầm
Làm sao có lá, quả
Cây đã không mọc lá
Làm sao có trổ hoa

Pháp vô sinh là vậy.
Chúng sinh tuy có con
Không sinh cũng không xuất
Việc này thấy như thật
Giống cô gái bằng đá
Sẽ không có con cái
Mà đã không có con
Cũng khỏi lo về con
Tuệ phân biệt như vậy.
Tất cả pháp không sinh
Nhờ vậy không sợ hãi
Chịu khổ trong sinh tử
Dối lo che phàm phu
Không biết pháp như huyễn
Nặng gánh vác hư không.
Kẻ si, không có trí
Nếu biết được pháp này
Không thật, không bờ mé
Vô lượng a-tăng-kỳ
Như thế mới không si
Có chỗ nói bản tế
Ta nói là vô tế
Hậu tế, cũng như vậy.
Chúng sinh nghĩ biên tế
Không tế, tưởng nhớ tế
Vốn không có biên tế
Do biết ý nghĩa này
Trí kia không có hai
Như tướng hư không tế.
Chúng sinh nghĩ biên tế
Bản tế: ảnh trong gương
Là trí không chỗ biết
Người tu hành phân biệt
Tâm kia nghĩ như vầy:
Khi nào ta hết ác
Đến khi nào thành Phật
Chư Phật vốn vô sinh.
Chẳng phải do hòa hợp

Pháp vốn không hòa hợp
Phàm phu muốn hòa hợp
Vốn không mà tạo có.
Cũng không có chỗ dừng
Hư không chẳng chỗ nương
Không ngại không có vật
Nên gọi là hư không.
Như vậy biết Chánh giác
Như vậy biết Bồ-đề
Biết chúng sinh cũng vậy
Giác ngộ cõi hư không
Cõi chúng sinh giống nhau
Nếu biết được như vậy
Được giác ngộ không khó.
Người không tìm lòng từ
Không suy nghĩ làm lành
Với pháp không chỗ lại
Được giác ngộ không khó.
Giác ngộ không thể cầu
Bỏ tất cả cầu mong
Không có tâm mới được
Ngộ Vô thượng Bồ-đề.
Người suy nghĩ ban cho
Ban cho để giác ngộ
Thì không được giác ngộ.
Người không được giác ngộ
Do suy nghĩ chấp giới
Tưởng siêng năng là thực
Chẳng giỏi tiến Phật pháp
Chấp nhớ tưởng như vậy
Đều là pháp điên đảo.
Ta nếu có điên đảo
Chưa, mới có pháp động
Điều thiện là cao tột.
Nếu có người nhớ tưởng
Pháp này là vô lậu
Pháp đó là hữu lậu
Tâm người này không tốt…

Không suy nghĩ theo pháp
Là đồng với hư không
Không buộc cũng không giải
Trí tuệ là cao thượng.
Tưởng người này trì giới
Nghĩ kia phá giới: Xấu
Cả hai đều phá giới
Giới cao tột, không hai
Các pháp không có khác.
Giới không tướng tăng, giảm
Người đã thấy được tánh
Là bảo vệ Phật pháp
Nếu tâm người không chấp
Như chim bay trong không.
Biết đầy đủ như vậy
Thật đúng pháp Sa-môn
Nếu không nghĩ, nhớ tưởng
Tất cả không nghĩ tưởng
Không tâm, không ngã mạn
Được giác ngộ không khó.
Người muốn khỏi tham dục
Không bị dục dẫn dắt
Cũng không bỏ dâm dục
Được giác ngộ không khó.
Không chán chấp vãng tưởng
Vì không còn sợ nữa
Sinh tử không kinh hãi
Được giác ngộ không khó.

Đức Thế Tôn nói kệ này rồi, bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Bồ-tát tin hiểu kinh này, không có nghi hoặc, thọ trì, đọc tụng, khiến được thông thuộc, rồi vì người mà rộng nói, thì người này được hai mươi công đức. Hai mươi công đức ấy là:

1. Chư Thiên ưa mến, bảo vệ.
2. Long thần ủng hộ.
3. Dạ-xoa giữ gìn.
4. Thường không loạn tâm.
5. Sau khi chết, sinh ra chỗ nào, tự biết kiếp trước.

6. Sau khi chết, sinh ra ở đâu, cũng được dễ dàng.

7. Sau khi chết, sinh ra ở đâu, cũng thấy Bồ-tát Di-lặc.

8. Người nhớ nghĩ kinh pháp này, tâm không tán loạn.

9. Khi ngủ, trong mộng, thấy Đức Phật và cũng thấy Bồ-tát.

10. Người tin hiểu kinh này, sẽ được pháp Thuận nhẫn.

11. Người tụng niệm kinh này, ở ngay đời này dứt trừ được sân hận.

12. Người thọ trì kinh này, ở trong rắn độc, cũng không có chỗ sợ hãi.

13. Người luôn nhớ nghĩ kinh này, hàng phục được voi dữ.

14. Người luôn nhớ nghĩ kinh này, được Tam-muội sáng soi khắp.

15. Người học kinh này, diệt trừ được tất cả các nghiệp chướng xấu ác.

16. Người giảng nói kinh này, sẽ được vô lượng trăm ngàn pháp môn; lại cũng không mất tâm Bồ-đề; lại cũng được vô lượng Triền Đà-la-ni.

17. Người nhớ nghĩ kinh này, hết thảy việc ma, không thể sinh khởi.

18. Lại được sinh ra trong hiện tại ở ngay trước Phật, được đầy đủ các hạnh nguyện tốt lành.

19. Người nhớ nghĩ kinh này, thì những loài không chân, hai chân, ba chân, bốn chân, kể cả các thứ trùng độc, đều ưa mến bảo vệ.

20. Người nhớ nghĩ kinh này, không bị phi nhân khủng bố, vua sân giận, còn được hộ trợ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đấy là hai mươi công đức mà vị Tỳ-kheo thuyết pháp này có được, cũng do trì kinh này mà tâm không nghi hoặc, đọc tụng thông suốt, vì người khác rộng giảng.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như các cây thuốc, trừ được tất cả bệnh. Kinh này cũng vậy, đoạn trừ được hết thảy bệnh của tâm, bệnh của thân.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng như vậy! Này Văn-thù-sư-lợi! Ông đã khéo nói lời này: "Kinh này có thể đoạn trừ tất cả các bệnh". Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Vốn ở đời quá khứ, trải qua vô số kiếp, lại trải qua vô số kiếp nữa, thời ấy có Đức Phật, hiệu Sư Tử Du Bộ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ở đời, ở trước vô lượng trăm ngàn đại chúng, diễn nói kinh này. Này Văn-thù-sư-lợi! Khi ấy, trong chúng, có một vị Bồ-tát, hiệu là Kim Cang Tràng, theo hầu Đức Sư Tử Du Bộ Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến

Tri. Nghe được kinh pháp này, mà tâm không nghi hoặc, nên vị Bồ-tát ấy thọ trì được công đức vi diệu của kinh này, rất thông lợi, hiểu được sự sâu xa và được oai đức lớn và thường đến trong xóm làng, thành ấp, vương cung, tự mình xướng lên:

–Ta là Lương y!

Thời bấy giờ có vô lượng trăm ngàn chúng sinh, bị các thứ bệnh hành hạ, đều đi đến tìm gặp Bồ-tát Kim Cang Tràng. Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Tràng dùng lòng lành, khéo giảng giải và dùng từng chương, từng câu chú Đà-la-ni của kinh pháp này, để tóm thu hết thảy mà bảo vệ cho các chúng sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Câu chú Đà-la-ni đó là:

–A lan, ba trà la, tỳ ny na, tu đát tha, tu phục đa, a nậu trà, tỳ bạn na ê, khư già lưu tha, ma di túc già, a nậu na chiết đà, na lại đà, mật la tu mật la, tố la ê đà, tát bà đa la, mộng già mộng già, yết dã do ha, ma cừu ma y ha.

Bồ-tát dùng câu chú Đà-la-ni này, để giữ gìn, giúp đỡ các chúng sinh kia, dứt trừ các thứ bệnh, hoặc bị rắn độc cắn mổ, hoặc bị bệnh cùi hủi, hoặc bệnh phong bại.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát Kim Cang Tràng, dùng kinh pháp này để giảng dạy, an ủi, trừ bỏ các bệnh ở thân và tâm cho chúng sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông cho rằng, Bồ-tát Kim Cang Tràng thời ấy là ai vậy? Chớ nghĩ ai khác? Vì sao? Vì ta lúc bấy giờ, là Bồ-tát Kim Cang Tràng vậy. Ta thường giảng giải kinh này, làm lợi ích rất nhiều cho chúng sinh.

Lúc ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát thọ trì câu chú Đà-la-ni này, đọc tụng thông thuộc, nên thực hành những điều gì và những pháp tắc nào nữa?

Đức Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Bồ-tát, muốn thông đạt, sử dụng câu chú Đà-la-ni này, nên ưa đời sống trong sạch, không ăn thịt, không thoa dầu bóp chân, không ở chỗ nhiều người, đối với chúng sinh thường phát khởi tâm lành. Đối với người, chớ làm điều phi pháp, không trong sạch mà đọc giảng kinh này. Cũng chẳng ở nơi không sạch sẽ mà đọc tụng kinh này.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát, khi đọc tụng kinh này sẽ không còn tiếc thân mạng?

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy, đúng như vậy! Này Văn-thù-sư-lợi! Đúng như ông đã nói.

Lúc này, Đức Phật bảo A-nan:

–Này A-nan! Ông nên thọ trì, ghi nhớ kinh này, vì kinh này sẽ có lợi ích rất nhiều cho chúng sinh đời sau.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Đức Phật dạy, con xin thọ trì.

Lúc ấy Thế Tôn khen ngợi A-nan:

–Lành thay, lành thay! Này A-nan! Với chúng sinh đời sau, nên tôn trọng dẫn dắt lẫn nhau. Chúng sinh đời sau, nếu được đọc tụng, giảng nói kinh này, như được tiếp thọ từ nơi ta vậy.

Khi ấy, Đại đức A-nan, Đại đức Xá-lợi-phất, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi và các hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe Đức Phật giảng dạy đều vô cùng vui mừng.

-oOo-

SỐ 815

PHẬT LÊN TRỜI ĐAO-LỢI THUYẾT PHÁP CHO THÂN MẪU

QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Tam tạng Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật lên trời Đao-lợi, tại tảng đá trắng Vô cấu dưới cây Trúc độ; vì thương xót mẫu thân, nên thuyết pháp để cứu độ. Suốt trong ba tháng an cư, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo, gồm có tám ngàn vị, đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, được đại thần túc, oai quang rực rỡ, chấm dứt sinh tử, không còn trần cấu, vứt bỏ gánh nặng, việc cần làm đã làm xong, đã được tự lợi, tâm được tự tại, được nhẫn bình đẳng, tâm đã được giải thoát, đạt đến trí tuệ, khắp nơi tôn xưng là chánh sĩ, là ruộng phước thế gian, phần lớn được sự an ổn, chỉ trừ một người là Hiền giả A-nan. Có bảy vạn hai ngàn Bồ-tát. Tất cả đại chúng đã đạt được thần thông; đạt được Tổng trì biện tài vô ngại. Những vị ấy đều từ thế giới của Đức Phật khác, ở các phương khác cùng đến để hội họp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn với vô số trăm ngàn chúng quyến thuộc vây quanh, để nghe thuyết pháp.

Khi ấy, trong chúng hội, có hai Thiên tử, tên là Nguyệt Thị và Nguyệt Thượng. Thiên tử Nguyệt Thị từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, bày áo vai phải, chắp tay, quỳ dài, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn thưa hỏi Đức Như Lai Chí Chân, Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu Đức Thế Tôn cho phép, con mới dám thưa hỏi:

Phật bảo Thiên tử:

–Ông muốn hỏi Như Lai về vấn đề gì?

Thiên tử Nguyệt Thị dùng kệ tụng để thưa:

Đối với loại chúng sinh

Phát khởi lòng thương xót
Để mong cầu Phật đạo
Chí cam lồ không bẩn.
Tự thương nghiệp thân mình
Và thương xót quần chúng
Con vì những việc ấy
Nên hỏi Thích Sư Tử.
Việc làm trong ức kiếp
Đều cố nhẫn, cần, khổ
Tất cả đem ban cho
Chí lặng yên không nghĩ.
Bình đẳng với quần sinh
Đều cứu độ tất cả
Con hỏi thắng nghĩa này
Đem lợi lạc mọi người.
Giả sử thấy đạo này
Tướng đẹp tự trang nghiêm
Ba hai tướng không nhơ
Là ruộng phước đặc biệt.
Người đạt công đức này
Được phụng kính như biển
Nay con hỏi Đại Thánh
Để hiểu về nghĩa này.
Giả sử tâm không khác
Sẽ không có nghĩ khác
Chí luôn cầu tuệ tốt
Bậc cao cả loài người.
Không có ý Thanh văn
Không thích việc Duyên giác
Nay con hỏi nghĩa này
Bậc vững tin không lỗi.
Có lợi hay không lợi
Bình đẳng trước khen, chê
Có danh hay không danh
Khổ vui không lay chuyển.
Tuy sử dụng pháp tục
Mà không bị động chuyển
Nay con hỏi nghĩa này

Bậc xa lìa sợ hãi.
Vì thương việc thân mình
Nên xót thương mọi người
Can ngăn chưa từng có
Hóa độ khắp ba chốn.
Mà tu tập tâm Từ
Không ô uế dua nịnh
Nay con hỏi nghĩa này
Hiền tướng giữ Thập địa.
Tâm luôn siêng năng làm
Bố thí, giới, lìa tà
Thân họ được lặng yên
Giới phẩm không hủy diệt.
Thân, miệng, ý chân chánh
Tướng điều thuận ủng hộ
Nay hỏi thắng nghĩa này
Giữa cấu uế không nhiễm.
Nhẫn nhục, điều nhu đó
Được rồi càng tu thêm
Hay tu sự khổ hoạn
Các huyên náo buông thả.
Cứu độ hết tất cả
Mà không sinh sân hận
Do đó nên con hỏi
Muốn chấm dứt hồ nghi.
Thường siêng năng gắng sức
Cung thuận, không trái nghĩa
Thương xót khắp thế gian
Thí thân không vì mình.
Hành đạo không chán mỏi
Như biển nhận các sông
Nên con hỏi Tối Thắng
Đức ấy như biển lớn.
Tuy tồn tại ba nơi
Không lui theo các tưởng
Dùng trí tuệ Hiền thánh
Trừ sạch các trần cấu.
Lấy diệu thông thiền định

Thần túc tự sướng vui
Nên con hỏi nghĩa này
Bậc khai hóa tất cả.
Trí tuệ đến bờ kia
Thánh đạt không ngằn mé
Vất bỏ các tư tưởng
Xuất gia trừ gốc rễ.
Tự tại không sợ hãi
Hiểu rõ pháp tuệ này
Cho nên nay con hỏi
Bậc Đại Thánh vô cực.
Thần túc được phân biệt
Hiểu rõ hạnh tùy thuận
Du hóa ức cõi Phật
Không có tưởng cõi nước.
Cúng dường nhiều ức Phật
Không có tưởng chư Phật
Nên con hỏi nghĩa này
Khắp mọi người thọ vui.
Đều lìa ma trần, dục
Chợt hóa thân ma ấm
Đã lìa bỏ tử ma
Hàng phục các Thiên ma.
Trừ sạch tất cả ma
Sẽ được thành Phật đạo
Nên con hỏi nghĩa này
Bậc bỏ hẳn tăm tối.
Làm chấn động đất trời
Cây cối và núi non
Ngộ xong thành Phật đạo
Tuệ vô lượng cao tột.
Giả sử được nhất tâm
Tu tập sáng tịch định
Nên con đem nghĩa này
Thưa hỏi Như Kỳ Tượng.
Hiểu rõ tất cả tuệ
Oai quang thật vòi vọi
Nếu ở nơi Phật giáo

Khéo kiến lập pháp hạnh.
Làm lợi ích các Thánh
Chẳng ai chẳng khai hóa
Nên con hỏi nghĩa này
Bậc tế độ ba cõi.

Thiên tử Nguyệt Thị lại hỏi Đức Thế Tôn:

–Kính thưa Đại Thánh! Sao gọi là Bồ-tát được hạnh thần thông đặc biệt cao cả của bậc Đại Thánh, để vượt qua bờ bên kia? Sao gọi là Bồ-tát đạt đến phương tiện thiện xảo, đầy đủ trí tuệ, khuyến khích và hỗ trợ không thể nghĩ bàn? Sao gọi là Bồ-tát, đối với tất cả pháp, chỉ dùng một nghĩa, nhập vào một vị, thú hướng đồng đều, nhập vào một tuệ, nói năng bình đẳng? Sao gọi là Bồ-tát phụng trì cấm giới sâu xa, tu hành không buông lung, để thành đạo Vô thượng chánh chân, là rất Chánh giác?

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Này Thiên tử Nguyệt Thị! Ông vì nhiều lòng thương tưởng, vì nhiều an ổn, thương xót các trời và người trong mười phương, mới có thể thưa hỏi Như Lai những nghĩa như vậy. Các Bồ-tát tu hành trí tuệ Phật đạo chánh chân, mặc áo giáp lớn, xây dựng Đại thừa, nương trên thuyền lớn, vượt qua biển dục lớn, chuyển bánh xe pháp lớn, ban phát pháp vô tận, khôi phục trí tuệ, mưa pháp cam lồ, diễn nói chánh pháp, đánh trống pháp lớn, chí tợ như sấm sét, lập tràng pháp lớn, thổi loa đại pháp, nêu ánh sáng đại pháp, nắm giữ chánh pháp, diễn nói pháp vô cực, đem ánh sáng soi khắp thế gian, khiến cho Đại thừa mãi mãi tồn tại không đứt đoạn, làm cho sự kế thừa được rốt ráo tròn đầy. Nên dùng những công đức vô cùng cực này, để thương xót quần sinh. Cho nên mới hỏi Như Lai như thế. Vậy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ngươi phân biệt giải thích. Việc làm của các Bồ-tát Đại Sĩ và bậc Thánh thông là rất to lớn, đầy đủ giới đức, đã đạt được đạo Vô thượng chánh chân, là bậc Chánh giác cao tột.

Thiên tử Nguyệt Thị và các đại chúng lắng nghe lời chỉ dạy của Phật và đồng thanh, thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Bồ-tát có bốn pháp hạnh, đó là hạnh của bậc Đại Thánh thông, rất đặc biệt và kỳ diệu, vượt qua được bờ bên kia.

Những gì là bốn? Bồ-tát Đại Sĩ hiểu rõ các pháp nên phù hợp với chân đế, đối với tất cả pháp không có chỗ dính mắc hay nương dựa. Bình

đẳng nghĩ đến các pháp, không bao giờ dứt. Đạt được Thánh tuệ để làm ngọn đèn sáng, rong chơi trong tất cả pháp, gần gũi tất cả phép tắc. Tuy ở tại các pháp, nhưng không ra khỏi pháp và không thấy pháp khác.

1. Sao gọi là đối với các pháp được phù hợp chân đế? Như quá khứ là không, tương lai, hiện tại cũng là không. Này Thiên tử! Nếu muốn hiểu rõ cái không ba đời bình đẳng này, thì không có chỗ để tưởng về nó. Những người có trí tuệ, phân biệt nơi chốn, chỗ ở, tạo dựng, mở bày giải thích thông suốt đạo phẩm, thông hiểu chánh nghiệp, nên đạt được nghĩa lý ấy. Đó là nhờ hiểu rõ, nên phù hợp với chân đế.

2. Sao gọi là đối với tất cả pháp, không có chỗ dính mắc hay nương tựa? Tất cả các pháp trụ nơi ngã sở, trụ nơi hiện hữu, đối với ngã mà phi ngã. Đó gọi là Bồ-tát hiểu rõ các pháp, không có tôi ta, không nương tựa nơi thân, cho nên gọi là không có chỗ dính mắc hay nương tựa.

Giả sử Bồ-tát đối với các pháp này, thân không chỗ dính mắc, đã không dính mắc rồi, thì không trụ pháp khác. Họ đối với các pháp không sinh, không trụ, nên mới không có chỗ dính mắc, nương dựa hay ỷ lại. Việc cúng dường các pháp, tức là đối với các pháp không có chỗ để ỷ lại.

3. Sao gọi là Bồ-tát hiểu rõ tất cả đều giống như hư không? Đó là: Ba cõi này đều do tâm làm ra; nhưng cái tâm này không có sắc và hình tượng, không thể xem thấy, không có nơi chốn, không có sự sai khiến, giống như huyễn hóa. Nếu lấy cái gốc tâm này, để cầu các pháp, thì không thể được. Nếu đối với tâm, không cầu nơi tâm, sẽ không đạt được, vì tâm không thể đuổi bắt. Vì không được tâm, tất cả các pháp cũng không thể được; các pháp sẽ không có pháp, tưởng không hình loại, cũng không có ảnh, nên không sở hữu, cùng với thật tế, cũng không chỗ thấy. Vì không chỗ thấy, nên đối với tất cả pháp, tâm không chỗ nhập vào, biết tất cả pháp, là không thể thành tựu, cũng không chỗ sinh ra, ví như hư không.

Do vậy này Thiên tử! Muốn quán sát hư không, hoàn toàn không sinh, không chỗ thành tựu, hiểu rõ tất cả pháp, cũng đều như vậy. Giống như hư không, gọi là hư vô, nó làm cho hoảng hốt. Tất cả các pháp cũng lại như vậy, chỉ là giả danh tự, nó vốn vắng lặng.

4. Sao gọi là Bồ-tát đối với tất cả pháp mà thân cận kinh điển? Bồ-tát Đại Sĩ quán sát và suy nghĩ về tất cả các pháp; thấy nó không hiểu biết, cũng không chỗ để thấy, mắt không biết tai, cũng không có chỗ thấy. Tai không biết mắt, cũng không có chỗ thấy. Mũi không biết lưỡi, cũng không có chỗ thấy. Lưỡi không biết mũi, cũng không có chỗ thấy. Thân không biết ý, cũng không có chỗ thấy. Ý không biết thân, cũng

không có chỗ thấy. Tất cả các pháp, tuy có si, ám, tăm tối, mù mịt, nhưng thấy nơi cõi pháp, tuệ thường bình đẳng, việc làm đầy đủ; với sáu tình giới, có sự chiếu diệu, nên có chỗ tồn tại, xét ở gốc không có nội pháp, giáo huấn bên ngoài như không có pháp ngoài, giáo huấn bên trong thấy cũng như vậy. Nếu thấy được như vậy, sẽ không có pháp, không có sự khởi lên, cũng không có pháp có chỗ tạo ra; nếu có trụ, dù nhìn không chỗ thấy.

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Đó là pháp giới, pháp không có chỗ khởi, cũng không có chỗ diệt, mà cũng không trụ, nên không sở hữu được. Giả sử, có người nghĩ đến các pháp, là không trụ, không sinh, không khởi, không có nơi chốn, người quán như vậy, có đầy đủ trí tuệ chân đế, không có các pháp cùng với pháp giới, không thấy giải thoát. Tất cả pháp này đều gần gũi với kinh điển.

Đó là bốn pháp, Bồ-tát Đại Sĩ được hạnh Đại Thánh thông đặc biệt thù thắng, vượt qua bờ bên kia.

–Sao gọi bốn pháp này là Thánh thông?

Nói là thông, vì đối với tất cả pháp, không tin trí tuệ của người khác, nên mới thưa hỏi.

Nói là tuệ, vì đối với tất cả pháp, không tạo hai việc. Có nghĩa là, nếu không có hai việc này, thì không có tên pháp, không thể biết được.

Này Thiên tử! Giả sử nếu có đầy đủ trí tuệ này, thì Bồ-tát ấy, mau được Thánh thông, để thành tựu bản nguyện, tròn đầy sự hiểu biết. Bồ-tát hiểu rõ trí tuệ như vậy, sẽ được con mắt đạo trong sạch, vượt khỏi trời, người; liền thấy mười phương, vô hạn lượng ức, trăm ngàn các cõi nước Phật, bao nhiêu Thánh chúng của Phật, của Bậc Thiên Trung Thiên, đều nghe chư Phật nói về kinh pháp. Các loại chúng sinh ở trong cõi nước Phật ấy, trong tâm có nghĩ về điều thiện, điều ác, điều tốt, điều xấu, thảy đều biết rõ. Vì nhân dân, bạn nhóm mà hành động như vậy, mới có như vậy, tự biết những nơi kiếp trước họ đã luân chuyển. Dùng trí tuệ sáng, chứng biết bản tế của mình; với những chúng sinh khác, đâu có ngoại lệ, đã sống nơi nào đều chứng minh được hết, bởi do nhân duyên nên nói như vậy.

Phật bảo Thiên tử:

–Bồ-tát Đại sĩ tuy chưa đạt được tất cả thông tuệ, trí Thánh minh cao siêu như vậy nhưng vẫn vì các chúng sinh tạo dựng nên việc Phật, nhanh chóng được đầy đủ tất cả Phật pháp, mau được đạo Vô thượng chánh chân, là bậc Chánh giác cao tột.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài tụng:

Dùng tuệ khéo léo, đạo sáng phương tiện
Sẽ được thành Đại Thánh thông đầy đủ
Mà thường tu hành cấm giới thâm diệu
Liền dùng một nghĩa hiểu tất cả pháp
Phân biệt chân đế, tất cả kinh điển
Những người mắt sáng, không chỗ chấp nương
Thường quán các pháp giống như hư vô
Vì có quán sát tuyên dương đều không.
Tập gần các pháp, pháp đó giả hiệu
Không thấy các pháp là bậc giải thoát
Vì họ không thấy, theo đó bất quán
Đã được Thánh thông, mới thấy như vậy
Giả sử, pháp quá khứ đã là không
Các pháp tương lai cũng không như vậy
Phân biệt hiện tại thì cũng như thế
Như vậy mới gọi cái thấy chân đế.
Tất cả pháp ba cõi luôn là không
Bậc trí sáng ấy không niệm, chẳng niệm
Đã không có ứng, ứng cái không ứng
Họ đã không sợ vì thấy chân đế.
Nếu tuệ như vậy, không chấp phương tiện
Giảng nói kinh pháp, không có pháp tưởng
Ý không chỗ nhớ nên không chỗ chấp
Nhờ không chỗ chấp nên không lay động.
Tất cả các pháp tự nhiên hưng khởi
Nhờ được tự nhiên, vốn sạch, không ngã
Hiểu rõ các pháp nên không ngô, ngã
Nên mới không khởi, không có pháp khác.
Nó đã không sinh, không có, không đến
Xem xét nơi đó, không chỗ ỷ lại
Mà lại giảng thuyết nơi chốn các pháp
Tuy giảng Phật đạo, không nghĩ có ngã.
Tất cả ba cõi thảy đều do tâm
Tâm ấy cũng sẽ không thể thường thấy
Không sắc, không thọ, giống như huyễn hóa
Nên dùng pháp này, để cầu nơi tâm.
Họ dùng pháp này, cầu nơi tâm rồi

Sẽ biết không tâm, cũng không tâm pháp
Giả sử lấy tâm, cầu nơi chốn tâm
Thì sẽ không thấy, tâm ấy vốn sạch.
Người đối với pháp, đã không chỗ đắm
Ở tại dân thường, không theo các tưởng
Tất cả các pháp, không ý, không thành
Thường phân biệt, biết giống như hư không.
Như xem hư không, không sinh không có
Phân biệt các pháp, cũng lại như vậy
Giả gọi hư không, chớ không có thật
Nói về ngôn từ, pháp ấy hư không.
Con mắt chưa từng xem thấy lỗ tai
Lỗ tai cũng không xem thấy con mắt
Lưỡi không thuộc mũi, mũi không thuộc lưỡi
Chúng nó qua lại mà không thấy nhau.
Cái thân chưa từng xét thấy nơi ý
Ý cũng không xét, hình loại của thân
Chúng nó như vậy, không thể biết nhau
Bởi vì như thế nên thường sợ hãi.
Dính mắc các ác, dua nịnh, si mê
Giới của các pháp, vốn luôn bình đẳng
Việc ở trong ấy, không biết bên ngoài
Nên việc ngoài ấy, cũng không biết trong.
Vì lý do ấy, biết pháp về đâu
Thành tựu trí tuệ thường không giới hạn
Quán thấy mười phương ức các Đức Phật
Và các Thanh văn không có tội báo.
Với các kinh điển chư Phật đã nói
Vô lượng bậc Thánh, đạt nghĩa thanh tịnh
Đều được đến nghe, Phật nói lời hay
Có thể thọ trì, rộng tu bình đẳng.
Liền hay biết rõ tâm niệm chúng sinh
Bay đến đủ cả ức vạn cõi Phật
Nhớ biết vô số việc đời kiếp trước
Ức trăm ngàn kiếp như cát sông Hằng.
Đạt thành năm Thánh thông đẹp như thế
Sẽ được thân cận, an trụ nơi tuệ
Họ nhờ Đức Phật nên mới hiển phát

Đạo không buông lung, hưng tạo nghĩa lợi.
Giả sử nghe được, pháp không như vậy
Sinh tâm mừng rỡ, niềm vui vi diệu
Nên ma không thể tìm lỗi người ấy
Có thể mau thành đạo Vô thượng giác.

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Bồ-tát Đại sĩ có bốn việc pháp, cho đến phương tiện quyền xảo không thể nghĩ bàn.

Những gì là bốn? Bồ-tát hiểu rõ pháp qua lại để vượt qua dòng sông. Giống như thân mình có bao nhiêu tai họa, thống khổ, độc hại, thì liền thấy rõ được nguyên nhân; cũng muốn diệt trừ sự khổ của người khác, nên phải tu hành tinh tấn, khuyên các chúng sinh đi vào đường Thánh, khiến cho tất cả pháp lưu tồn tâm đạo, vì các chúng sinh mà chứa dày công đức, đối với ba đời cũng vậy, nên đã khuyến trợ tất cả chư Phật, tập trung hạnh nguyện ba đời, khuyến trợ phẩm công đức, đem gốc lành đã làm mà ban phát cho chúng sinh, phóng, xả, rộng việc ban phát, với những điều đã khai hóa, cũng không sinh tâm. Nếu không khuyến tấn Nhất thiết trí ấy, tâm không lìa thoát, cũng không thấy đạo, tâm không lìa đạo, đạo không lìa tâm. Như tướng của đạo, tướng thân cũng vậy. Dùng tuệ bình đẳng đối với tâm với đạo, cũng không chỗ ỷ lại, thuận với quyền xảo phương tiện, thêm lợi ích gốc đức. Không thấy pháp giới có sự tăng ích. Đối với các pháp không chỗ nghĩ bàn; chứa nhóm công đức, chưa từng mệt mỏi. Không lấy tâm nghiệp để cầu hiểu rõ tâm. Nếu họ ban phát sẽ không vọng tưởng, tu hành cấm giới cũng không để mất, tuân hành nhẫn nhục cũng không chỗ trụ, thực hành tinh tấn cũng không sợ hãi, nhất tâm thiền định, không chỗ ỷ lại, phụng hành trí tuệ cũng không chỗ tu tập, khuyến hóa chúng sinh, cũng không chỗ chấp; vì lòng xót thương nên nghiêm tịnh cõi Phật, mong cầu Thánh quả, không khởi sự mến chuộng, giảng nói kinh pháp cũng không chỗ nhập vào.

Như vậy, này Thiên tử! Bồ-tát đã làm, đã tạo gốc đức, tuy rất ít, nhưng phương tiện thiện xảo thật không hạn lượng, cho đến đạt được đạo lớn.

Sao gọi là Bồ-tát đã tạo gốc đức, tuy là rất ít, nhưng phương tiện quyền xảo đạt được vô lượng, cho đến chứng đắc được đạo lớn?

–Bồ-tát Đại sĩ! Đối với tất cả pháp, sự nhớ nghĩ phát vô lượng, quán sát các pháp, không có giới hạn, nên đạt được biên tế.

Vì sao như vậy?

–Này Thiên tử! Muốn biết tất cả các pháp, nó vốn là Không, Vô tướng, cũng Vô nguyện. Vì nó là không, cho nên cũng vô lượng. Giả sử đạt được tâm vô lượng này, thì dù giảng pháp tuy ít, nhưng phương tiện quyền xảo thì rộng lớn, không có bờ mé.

Vì sao như vậy?

–Vì Phật đạo là vô lượng, khuyến tâm vô hạn, đến pháp không ngằn mé, nên được đạo của chư Phật Thế Tôn.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát Đại sĩ dùng phương tiện quyền xảo, khuyên bảo chúng sinh, khiến cho họ nhập vào chánh hạnh, muốn cho chúng sinh ưa thích với pháp, nên mới khuyến lập. Nếu ban phát những kẻ cần cứu tế, thì nên nói kinh pháp.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát Đại sĩ không dùng sự ban cho mà lại xét kỹ, nói là ngã sở, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, cũng lại như vậy. Không gọi là ngã sở mà có sở thí.

Nếu người trì giới, cũng không chỗ nhớ nghĩ, luôn thuận với cấm giới, đầy đủ nhẫn nhục, thấy người làm điều đúng, điều sai thảy đều nhẫn nhịn cả. Phụng hành tinh tấn, tu hạnh sáng trong, một lòng nghĩ về thiền định, hiểu rõ phương tiện, xem xét trí tuệ.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát Đại sĩ phân biệt, hiểu rõ phương tiện thiện xảo, cùng với Thanh văn mà khai hóa những chúng sinh có những việc làm không vui. Sự tu hành vững chắc, cùng với Duyên giác, không hành động những điều không vui, ý chí vững bền.

Đó là bốn pháp Bồ-tát Đại sĩ đạt được phương tiện quyền xảo, không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài tụng:

Hiểu rõ được hai việc
Thân mình và người khác
Sẽ trừ khổ họa mình
Diệt hết các phiền não.
Thương nhớ các chung sinh
Khuyên họ giữ đạo tâm
Suy nghĩ tất cả pháp
Để nhập vào một nghĩa.
Tất cả chúng sinh vui
Hội họp nơi ba đời
Phổ biến công đức Phật
Đều khuyến trợ tất cả.

Để mọi người hiểu rõ
Mà đem cho chúng sinh
Thật lòng mà cho tuệ
Như trí tuệ của Phật.
Tất cả sự phát tâm
Khuyến trợ vào Phật đạo
Không đánh mất đạo tâm
Thấy các pháp giải thoát.
Xét tâm đối với đạo
Không thấy có hai việc
Tướng ấy vẫn tồn tại
Rõ tâm tướng, đồng nhau.
Pháp đẳng nên bình đẳng
Không hai, không chỗ có
Biết rõ quyền phương tiện
Mãi lợi pháp thanh bạch.
Lợi ích giống vô vi
Pháp giới không thể bàn
Chí cầu nơi Phật đạo
Thường không hề mệt mỏi.
Không lấy tâm niệm tâm
Ta được nghĩa thanh bạch
Không quên mất đạo tâm
Khuyến trợ việc đã làm.
Ban cho không cầu báo
Giữ giới không chỗ nghĩ
Thường tu hạnh nhẫn nhục
Không lập kế hữu nhân.
Mãi siêng năng hầu hạ
Thân, khẩu, tâm vắng lặng
Thiền định không chỗ dựa
Trí tuệ độ không cùng.
Khai hóa thoát chúng sinh
Không sống trong điên đảo
Nghiêm tịnh các cõi Phật
Chí tánh không hung hăng.
Thường mong cầu Phật đạo
Với pháp không chỗ xả

Thọ trì các kinh điển
Trí tuệ không thể bàn.
Thuyết pháp cho chúng sinh
Không chấp nơi văn tự
Nếu tu hành như vậy
Mau thành Phật, không khó.
Tâm không tưởng nơi không
Không mạn, không chỗ nghĩ
Không tướng, không chỗ nguyện
Không thể tính hạn lượng.
Biết việc chúng sinh làm
Tùy theo đó mở bày
Tự tại mà ban cho
Thuyết pháp kẻ đói nghèo.
Ban cho chúng sinh
Không nói ta giúp
Với giới không cao
Không quên nhẫn nhục.
Không mạn tinh tấn
Không chấp thiền định
Mà với trí tuệ
Không chỗ keo kiệt.
Thường thích ban cho
Giảng luận các giới
Tu hành, khiêm nhường
Thường hành dũng mãnh.
Tuy nghĩ theo thiền
Nhưng không chỗ chấp
Hưng phát trí tuệ
Mà dùng ban cho.
Ở nơi Duyên giác
Và trong Thanh văn
Bồ-tát Đại sĩ
Du hóa trong đó.
Giả sử trong ấy
Mà có tạo nghiệp
Đại sĩ mắt sáng
Không thích hạnh ấy.

Nhờ hay tạo dựng
Những pháp như vậy
Mới có thể gọi
Là hạnh Bồ-tát.
Hiểu rõ quyền biến
Không thể nghĩ bàn
Đã lấy tuệ cho
Thật không hạn lượng.

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Bồ-tát có bốn việc pháp. Tất cả các pháp dùng làm một nghĩa, nhập vào một vị, đưa đến bình đẳng, nhập vào một tuệ nên nói bình đẳng.

Những gì là bốn?

1. Hiểu rõ pháp giới không có chỗ phá hoại.

2. Hiểu các pháp không nên du hóa khắp cả.

3. Với nghĩa các pháp, hình tượng khác nhau, bình đẳng giữa mình ta cùng với người khác.

4. Hiểu rõ các pháp thảy đều đáng sợ.

Hiểu rõ tuệ này, mới thấy như vậy. Với pháp thế tục và pháp xuất thế, thảy đều thông đạt, không tạo thành hai sự xem xét; hoặc tội, hoặc phước, có chướng ngại hay không chướng ngại; hoặc nghe hay không nghe, hữu vi hay vô vi. Đối với các pháp ấy, không tạo, không quán; không thấy các pháp có sự thọ nhận, không pháp phàm phu, không pháp La-hán, không có để xem xét. Vì pháp phàm phu thì không thanh tịnh, không xét kỹ pháp La-hán, một mình hiểu rõ, không cao không thấp, phân biệt một nghĩa, vượt qua sự sợ hãi, diễn xướng giảng nói; tung rải tất cả pháp, mà đối với tất cả pháp, không thấy sự tán mất; tu hành một nhẫn, vĩnh viễn không hai; nhờ nhập một nghĩa, nên nhập hết các pháp. Vì cái nhập ấy, không từ đâu sinh.

Cho nên, này Thiên tử! Bồ-tát Đại sĩ được gần kề đạo Vô thượng chánh chân, thành bậc Chánh giác cao tột, cũng không nghĩ rằng: "Ta đã đến gần hay là còn xa?"

Vì sao như vậy?

–Vì không dùng lấy một nghĩa để thấy có sự khác, đối với quần sinh, để xem xét thấy người cùng đạo có sự khác biệt.

Lại nữa, người suy nghĩ mà không nắm bắt được mới chính là đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài tụng:

Đối với pháp giới

Không chỗ phá hoại
Lại pháp giới ấy
Không thể tan nát.
Kể như pháp giới
Các người như vậy
Chỉ giả có tên
Chẳng có gì cả.
Rõ các pháp không
Chỉ như tiếng vang
Hoặc trong hoặc ngoài
Hữu vi, vô vi.
Quán sát pháp ấy
Đều không sở hữu
Phân biệt một nghĩa
Đều biết là không.
Các pháp đã hiện
Hình tượng không đồng
Không chấp thân mình
Cùng với người khác.
Nếu không chấp niệm
Có tôi, ta, người
Hành động chưa từng
Có bao nhiêu tưởng.
Tu hành lặng yên
Chí luôn lo sợ
Khắp xem tất cả
Các pháp tồn tại.
Với tất cả pháp
Im lặng không nhớ
Ở trong lo sợ
Mà không chỗ chấp.
Giảng thuyết hiện tại
Để cứu việc đời
Họ không hưng khởi
Tạo tận, diệt tận.
Hoặc phước hoặc tội
Hoặc nghe, không nghe
Không nhớ nơi pháp

Không giữ âm thanh.
Không ở hữu vi
Cũng không vô vi
Bình đẳng, nhất quán
Không thích hai việc.
Không thấy các pháp
Có chỗ lãnh thọ
Không được phàm phu
Và A-la-hán.
Không nói phàm phu
Si, uế không sạch
Cái đó gọi là
Pháp A-la-hán.
Cũng không nâng cao
Cũng không hạ thấp
Phân biệt một nghĩa
Thảy đều lặng yên.
Hiểu rõ các pháp
Đều không chỗ hoại
Cũng không tan rã
Tất cả pháp giới.
Không khác với nhẫn
Lẽ nào khác không!
Biết chắc các pháp
Tất cả đều không.
Không chấp nơi không
Không dựa nơi nhẫn
Nhờ vào một nghĩa
Đều rõ tất cả.
Nó không khởi lên
Vì vốn trong sạch
Tu hành như vậy
Mau thành Phật đạo.
Sớm được gần kề
Vô lượng Chánh giác
Không chấp có thân
Không nhớ tâm đạo.
Tất cả các pháp

Tôi, ta và người
Đều không chỗ chấp
Được giác bình đẳng.

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Bồ-tát có bốn việc pháp để phụng trì cấm giới sâu dày và thực hành không buông lung. Những gì là bốn?

Bồ-tát Đại Sĩ nên tự nghĩ rằng: "Sao gọi là cấm giới?" để tùy thuận xem xét, suy nghĩ nghĩa ấy? Hoặc thân làm điều lành, lời nói chí thành, tâm nhớ nghĩ dịu dàng thuận thảo. Đó là cấm giới.

Lại nghĩ như vầy: "Sao là thân làm điều lành? Sao là lời nói chí thành? Sao là tâm dịu dàng?" Đó là vì thân không phạm các việc của thân, nên không sát sinh, trộm cướp, dâm dật. Đó là thân làm điều lành.

Miệng không nói lời lỗi lầm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời hung ác, sàm tấu. Đó là miệng nói lời thành thật.

Tâm không nghĩ những điều sai quấy, nghĩ những việc sân hận, tà kiến. Đó gọi là tâm dịu dàng.

Bồ-tát ấy quán sát kỹ, nên tự nghĩ rằng: "Giả sử, có người không phạm thân, miệng và tâm, nhưng không thể phân biệt về nơi chỗ; những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, tía, hồng đang tồn tại, lại chấp nơi con mắt không biết phân biệt; đối với tai, mũi, miệng và tâm, cũng giống như vậy; cũng không biết phân biệt." Vì sao như vậy? Vì nó cũng chẳng sinh, cũng là không sinh; cũng không khởi là cũng chẳng không khởi. Giả sử không có sinh, không bị sinh; cũng không có khởi, không bị khởi, thì sẽ không thể đảm nhận sự phân biệt pháp thức.

Họ lại nghĩ rằng: "Trong khi xem xét sẽ không có sở hữu, cũng không có giới nên không có chỗ hành, đã không chỗ hành nên không thể biết; vì không thể biết, đối với nó, lẽ ra không nên có sự chấp dựa. Nếu tạo hành động ấy, thì không chỗ để thấy. Ngay vào lúc ấy, không thấy có giới, đã không thấy giới mà khuyên người giữ giới cũng là vô sở kiến."

Vì vậy, cho nên này Thiên tử! Đó gọi là Bồ-tát Đại sĩ phụng trì cấm giới sâu dày.

Lại nữa, này Thiên tử! Cũng có Bồ-tát hiểu rõ không tham đắm bản thân, không có thấy thân, cũng không thấy cái thấy, tu sự trì giới, cũng không phạm giới, cũng không chỗ chấp.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát Đại sĩ nhập sâu vào tạng pháp, để giữ giới cấm, oai nghi lễ tiết, đi đứng, tới lui, an nhiên rõ ràng, thuận theo lời

dạy, nên gọi là giới; không tự thấy mình có sự khởi hạnh, không thấy lỗi lầm của người khác, cho nên gọi là giới sâu xa tốt đẹp. Này Thiên tử! Bồ-tát không phạm giới cũng không hủy giới, lại càng không khinh lờn giới. Ai chống lại mình là chống lại giới. Nếu không chống lại mình, thì không chống lại giới. Nếu không chống lại giới, thì không phạm giới. Nếu không phạm giới sẽ không khinh lờn giới, liền không có gì để độ. Sở dĩ không khinh lờn, không vượt qua giới, nên hiểu rõ tất cả pháp đều được độ thoát. Nhờ độ thoát, nên không có ngã, cũng không vô ngã. Đã không có người, thì ai được độ. Đó là bốn pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài tụng:

Thân họ thanh tịnh
Lời không lỗi lầm
Tâm niệm trong sáng
Hành động không dơ.
Thường tự gìn giữ
Cẩn thận khi làm
Vị Bồ-tát ấy
Mới là thờ giới.
Tùy thuận phụng hành
Đối với mười lành
Bồ-tát thông minh
Mới bảo vệ được.
Nên thân miệng ý
Không bị phạm lỗi
Như vậy mới gọi
Phụng giới sáng suốt.
Không chỗ họ tạo
Không khởi, không sinh
Nó không hình sắc
Không có nơi chốn.
Đã không tướng mạo
Nên không chỗ trụ
Liền không thể được
Chỗ nào quay về.
Giới không có tạo
Thường như vô tri
Nên không thể lấy
Khi mắt xem xét.

Tai không thể nghe
Không mũi, không lưỡi
Thân không tách rời
Và tâm nhớ nghĩ.
Dù không phân biệt
Đối với sáu căn
Sẽ tới các nẻo
Không chỗ nương tựa.
Nếu quán như vậy
Là giới thanh tịnh
Chưa từng đạt giới
Có chỗ dựng lên.
Họ không có giới
Không ý, không chỉ
Giữ gìn cấm giới
Không tưởng tôi, ta.
Để nuôi cấm giới
Cũng không tưởng giới
Tu giới quan trọng
Chí được tự tại.
Nhờ hay phân biệt
Nếu thấy có thân
Liền không đọa lạc
Sáu mươi hai nghi.
Không chỗ họ thấy
Không thấy nơi chốn
Phụng thờ cấm giới
Không tự kiêu mạn.
Liền hay thuận nhập
Pháp tạng sâu xa
Những việc lễ tiết
Vì không vọng tưởng.
Khéo tu an tường
Cẩn thận thuận theo
Người giữ cấm giới
Chẳng chấp gì khác.
Không ỷ tôi, ta
Cũng không nương giới

Đã không tôi, ta
Nên không cấm giới.
Không nghĩ thân mình
Cùng với cấm giới
Như vậy mới gọi
Là bậc Pháp khí.
Người không tôi, ta
Không tựa vào giới
Không chấp nơi thân
Không tưởng niệm pháp.
Người không thân kiến
Không có giới tâm
Người không phạm giới
Không thoát giới cấm.
Cũng không tạo dựng
Ở trong giới cấm
Không chấp có thân
Nên không tưởng giới.
Giới rất sâu xa
Nên không để phạm
Giả sử dũng mãnh
Giữ giới như vậy.
Kẻ ấy chưa từng
Có sự hủy phạm
Giữ giới như vậy
Thánh hiền khen ngợi.
Với tất cả pháp
Không chỗ dính mắc
Với kẻ ngu si
Trụ tưởng tôi, ta.
Để giữ giới cấm
Rằng ngã đáng sợ
Làm mất giới báu
Mãi chẳng còn gì.
Lại không độ thoát
Tai họa ba cõi
Giả sử có người
Trừ các lưới kiến

Thì không thấy họ
Chống trái cấm giới
Tâm người ấy nghĩ
Không có tôi, ta.
Thuận thờ cấm giới
Không đọa nghi kiến
Liền không sợ hãi
Rơi vào đường ác.
Nếu biết phân biệt
Cấm giới như vậy
Không thấy kiến chấp
Người phạm cấm giới.
Không xét tôi, ta
Không thấy ba đời
Huống đang xem xét
Hủy phạm cấm giới.

Thiên tử Nguyệt Thị bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là điều chưa từng có! Thưa đấng Thiên Trung Thiên! Đạo pháp rất nhiệm mầu của chư Phật Thế Tôn, là Vô thượng chánh chân, sâu xa khó nghĩ tới. Bồ-tát đã làm điều to lớn đệ nhất ấy, mới có thể thờ phụng tu hành được pháp như vậy; mà thật ra là sự không có chỗ trụ, cũng không có gì để tu; trừ bỏ tất cả các vọng tưởng, lìa bỏ ý niệm tôi, ta tu hành vô số kiếp mà không đọa lạc vào Thanh văn, Duyên giác, không ngược lại ý đạo của Trung đạo, đầy đủ Phật pháp, nhập vào sự tròn đầy không khuyết.

Sao gọi là Bồ-tát phụng hành pháp sâu xa, tu theo kinh điển vi diệu, đối với chân bản tế mà không có sự thủ chứng?

Đức Thế Tôn bảo:

–Thiên tử hãy lắng nghe! Bồ-tát có bốn việc để đi sâu vào pháp nhiệm mầu mà đối với chân bản tế, không có sự thủ chứng.

Những gì là bốn?

–Bồ-tát Đại Sĩ giữ chí nguyện vững chắc, tạo dựng hạnh cốt yếu, đủ tất cả trí, phụng hành tinh tấn mà không khiếp nhược, dù có ở đâu, vẫn không bỏ chúng sinh, vì lòng thương rộng lớn, không bỏ giáo pháp, phương tiện thiện xảo, khích lệ các gốc đức. Đó là bốn hạnh diệu pháp sâu dày mà đối với chân bản tế, không có sự thủ chứng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng:

Với người trí sáng
Chí nguyện kiên cường
Chưa từng chống trái
Cổ xưa đã hiểu.
Là Nhất thiết trí
Ân cần tinh tấn
Trọn không thể có
Hưng phát thừa khác.
Phụng hành tinh tấn
Thường không buông thả
Siêng năng tu học
Tâm không khiếp nhược.
Cũng không vất bỏ
Tất cả chúng sinh
Trải tâm bình đẳng
Các loại quần sinh.
Càng thêm thương xót
Chúng sinh muôn đời
Hay chịu khổ sở
Ý không chuyển dời.
Chí không muốn khiến
Đạo giáo đứt sạch
Giống như có người
Chứa nhiều châu báu.
Mà khéo biết rõ
Phương tiện quyền xảo
Khuyên tạo công đức
Không hề nhàm chán.
Đến chỗ tột cùng
Ôm lòng thương xót
Không phải nửa chừng
Diệt hết các lậu.
Họ đã thọ trì
Với kinh điển này
Bậc Bồ-tát ấy
Gọi là dũng mãnh.
Mà thường tu thờ
Pháp sâu xa này

Họ thật chưa từng
Chấp dựa bản tế.

Thiên tử Nguyệt Thị lại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát phụng hành sự thâm yếu?

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Vị Bồ-tát ấy chưa từng phá hoại pháp của phàm phu mà lại thành tựu ý nghĩa Phật đạo rộng khắp; cũng không hủy báng pháp của phàm phu; cũng không thấy có Phật pháp ích lợi lâu dài; cũng không xa lìa pháp của phàm phu; cũng không cầu mong đạt được Phật đạo, không hưng khởi hạnh này.

–Pháp của phàm phu khác với Phật đạo chăng?

Cũng không nghĩ rằng:

–Pháp của phàm phu ô uế, nhỏ mọn, đạo pháp của Phật là vi diệu chăng?

Cũng không tạo hạnh này:

–Pháp của phàm phu thì có lậu hoặc, đạo pháp của Phật thì không lậu hoặc.

Lại nghĩ rằng: Pháp của phàm phu cùng với đạo pháp, cả hai pháp ấy thảy đều rỗng không vắng lặng, chỉ là giả hiệu; tư tưởng ô uế; pháp của phàm phu cũng không thành tựu, pháp của chư Phật cũng không đầy đủ. Pháp của phàm phu vốn không có thật, cũng không tự nhiên; pháp của chư Phật đều không thật có, cũng không tự nhiên.

Nếu nói đúng lý, thì pháp phàm phu mà không sở tri, cũng không vô tri; không sinh, vô sinh. Nếu ai xem xét kỹ thì hãy suy tìm gốc ngọn của nó. Nếu dùng tuệ của Không, tuệ của Vô tướng, tuệ của Vô nguyện, mà trí tuệ sáng suốt, gọi đó là Phật pháp. Không thể riêng biệt biết nơi chốn của Phật pháp, xem gốc ngọn của nó, thấy rõ là không, không không thấy không, cũng không sở tri, cũng không sở quán, thảy đều trong sạch, nhưng vì vô minh mới khởi lên vậy.

Vì vậy, này Thiên tử! Pháp ấy không pháp, các pháp tự nhiên, lại lập các pháp sợ hãi, pháp sợ hãi ấy không có hai, vì nó không hai nên không phàm phu, cũng không Thanh văn, cũng không Duyên giác, Phật đạo bình đẳng, cũng không có dạy, hạnh cao đẹp ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát chuyên tu, phân biệt chánh giáo, không có một pháp nào là không phải Phật pháp. Vì sao? Vì nói là pháp ấy, tập tục là pháp nhưng không có lời tập tục. Nếu có điều để nói, thì không. Cái không nắm bắt, sẽ không chỗ hưng khởi; vì

không chỗ hưng khởi thì không hình tướng để giáo hóa. Tất cả các pháp đều không hình tượng.

Giả sử các pháp không có hạn lượng thì cũng không lìa Phật pháp.

Cho nên, này Thiên tử! Phải xem xét như vầy:

–Tất cả các pháp đều là Phật pháp, không có tưởng hạnh. Vì cái ý nghĩ tưởng hạnh mà khởi lên cái thức hai việc. Những loại như vậy, nhờ thức mà tu hành được Phật pháp vô lậu, cũng lại đối với nó, mà không tưởng cầu; với họ, sinh khởi hạnh của Thanh văn. Họ hiểu rõ rằng, pháp giới không bụi trần, cũng không vắng lặng; giả sử, đối với pháp mà không thọ pháp, thì sẽ không có pháp; với pháp trần lao và pháp lặng yên có thể có được trần lao và lặng yên chăng? Nếu muốn cầu nó, hoàn toàn không thể được.

Như vậy, này Thiên tử! Bồ-tát hiểu rõ như vậy thì gọi là bậc có hạnh sâu xa tốt đẹp. Họ đối với tất cả pháp, cùng với Phật pháp, không có chỗ thấy. Vì không có chỗ thấy, nên đó là lìa kiến. Cái chỗ thấy ấy là không chỗ thấy.

Giả sử Bồ-tát xem xét như vậy thì ma và quyến thuộc của chúng không thể sai khiến được, không thể chiến thắng.

-oOo-

PHẬT LÊN TRỜI ĐAO-LỢI
THUYẾT PHÁP CHO THÂN MẪU

QUYỂN TRUNG

Thiên tử Nguyệt Thị lại bạch Đức Phật:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Thật là điều chưa từng có. Việc làm của Bồ-tát Đại sĩ rất khó, dùng hình tượng các loài như vậy để xem xét các pháp, đến chỗ rốt ráo như là vô sinh, ngồi đứng, nói năng cũng không nhớ nghĩ.

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Thí như huyễn sư, hóa dùng thuật biến hóa làm cho vật ấy đi lại chạy quanh, ngồi đứng, kinh hành, mà nói ngôn giáo, nó không có tưởng niệm.

Như vậy, này Thiên tử! Họ đã hiểu rõ các pháp đều như huyễn, hiện đủ năm đường, nhưng không có sự sinh ra, họ sẽ không tưởng. Vị Bồ-tát ấy không nghĩ về sinh, cũng không chỗ khởi lên, nhờ dùng bổn nguyện, nên mới có sự tạo dựng, hiện có sự sinh ra.

Thiên tử lại hỏi:

–Như lời dạy của Thế Tôn, Bồ-tát không nghĩ về chỗ sinh, cũng không vãng sinh; vì sao Như Lai, Đại Thánh, Bậc Chí Chân lại thương xót nhớ nghĩ công ân sinh thành của thân mẫu tại cung trời Đao-lợi, suốt cả ba tháng. Như Lai không nhờ Vương hậu Ma-da mà có sinh ra chăng?

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Bồ-tát không phải do Vương hậu Ma-da sinh ra, nhưng như pháp mà tương ưng.

Thiên tử lại thưa:

–Như Lai Chí Chân làm sao sinh ra?

Đức Phật bảo:

–Này Thiên tử! Như Lai từ Trí tuệ độ vô cực sinh ra. Nếu ai xem xét kỹ tới gốc ngọn, quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, thì ai là mẹ chư Phật? Họ sẽ biết rằng Trí tuệ độ vô cực là mẹ của chư Phật.

Vì sao vậy? Này Thiên tử! Vì ba mươi hai tướng Đại nhân chẳng nhờ Ma-da sinh ra. Nhờ học chân đế đại trí tuệ mới được như vậy, tự nhiên thành tựu thân của Như Lai. Mười Lực, cũng không phải nhờ Vương hậu Ma-da sinh ra, vì lúc xưa nhờ phụng hành Trí tuệ độ vô cực.

Nếu có được mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, cũng không phải nhờ Vương hậu Ma-da sinh ra!

Đại Từ, đại Bi, vô kiến đỉnh và cái thấy không hư vọng, Phật nhãn, Phật tuệ, biện tài của Phật; biết tâm niệm con người từ đâu sinh ra, thần túc quyền xảo…, những loại như vậy, không sao tính được, thảy đều nhờ Trí tuệ độ vô cực sinh ra. Vì vậy Như Lai mới gọi là Phật. Các công đức ấy đều không nhờ Vương hậu Ma-da sinh ra.

Thiên tử nên biết! Tất cả những thứ ấy đều nhờ Đại trí độ vô cực. Ông nên học và hành đạo phẩm này.

Như Lai nhờ đó mới đạt đến hình tượng ấy, mới có vô lượng Phật pháp, mới mở rộng đức của Như Lai; do nhân duyên đó nên gọi là Như Lai. Cho nên, này Thiên tử! Ông phải nên xem xét như thế này: Như Lai từ Trí tuệ độ vô cực sinh ra, không phải nhờ Vương hậu Ma-da sinh.

Thiên tử lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trí độ vô cực là pháp không có mẹ, nên không có chỗ sinh cũng không có chỗ diệt, sao Thế Tôn nói Trí độ vô cực sinh ra Như Lai?

Đức Phật bảo:

–Này Thiên tử! Do pháp ấy, nên mới gọi là Như Lai. Pháp ấy vốn không có sinh, cũng không có sự kết thúc; nó chẳng sinh, chẳng diệt, nó không có sinh, trọn không có kết thúc, không khởi, không diệt; vì nó không có sắc pháp, nên phải do Trí độ vô cực sinh ra. Vì vậy nên gọi Trí độ vô cực sinh ra Như Lai. Cái sinh ra ấy, hoàn toàn không chỗ sinh, cũng không kết thúc, cũng không chỗ khởi lên.

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Cái không sinh, không biến mất, không khởi, không diệt ấy; gọi là nơi chốn của Trí tuệ độ vô cực. Trí tuệ độ vô cực ấy, như có chỗ sinh, như có chỗ để hành; nhưng Trí độ vô cực ấy, chưa từng có sinh, cũng không chỗ hành.

Thiên tử lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trí tuệ có tưởng, có phân biệt, mà nương vào trí tuệ, như có sự sinh, như có sự hành chăng?

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Trí tuệ không tưởng, cũng không phân biệt. Giả sử trí tuệ mà có tưởng, có phân biệt, thì không có việc thực hành trí tuệ. Vì sao? Vì người có sự tưởng nhớ, có sự thấy thì sẽ không thể hành. Nếu đối với trí tuệ mà không chỗ tư tưởng, không chỗ phân biệt, người ấy mới được gọi là phụng hành trí tuệ.

Thiên tử lại hỏi Đức Thế Tôn:

–Sao gọi là y nơi hành?

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Người y nơi hành, nếu không có lời nói để nắm giữ, vậy lấy gì để y?

Đức Phật lại nói:

–Này Thiên tử! Nói không nắm giữ ấy là vì buông xả sự sinh của ba cõi. Người ôm giữ lời nói, tức sẽ không lìa sự sinh của ba cõi. Cho nên, này Thiên tử! Mở bày giảng nói giáo pháp này thì không có lời nắm giữ, làm gì có y nơi hành mà sinh ba cõi, khiến có sự nương tựa?

Thiên tử lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là vì các hàng Thanh văn mà giảng thuyết kinh pháp để thoát khỏi ba cõi?

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Ta vì hàng Thanh văn thuyết kinh pháp, nói về nhân duyên ở cõi Dục, nhưng thân của Như Lai không có ở cõi Dục; diễn nói kinh điển cho các Thanh văn ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, nhưng Như Lai thì không ở cõi Sắc và cõi Vô sắc và cũng không chỗ độ thoát, nhưng chúng Thanh văn vẫn được độ thoát ở cõi Dục; Phật cũng không có ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, nhưng chúng Thanh văn vẫn được độ thoát, vượt khỏi cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Lại nữa, này Thiên tử! Không đạt được ba cõi, nên không nương vào ba cõi, chấp nơi pháp Không vô nhu thuận, nên không hiện ở ba cõi. Ở trong ba cõi mà không chỗ mến mộ, sinh nơi ba cõi cũng không chỗ sinh, không biết chỗ đi về.

Này Thiên tử! Muốn biết thế nào là độ thoát? Lời dạy của Thánh hiền chỉ là giả nói thôi. Suy xét nơi chánh nghĩa, thì không có sự độ thoát, không có qua có lại. Vì sao? Vì xét xem tất cả pháp, thì không có sự độ thoát. Ví như hư không, rốt ráo, tự nhiên, không có sự sinh cũng không chỗ chấp, không có tác giả, cũng không chỗ có, cũng không phải

không có. Xem tất cả pháp, cũng nên như vậy.

Khi Đức Thế Tôn nói lời này xong, có bảy vạn hai ngàn các Thiên chúng, xa lìa trần cấu, sinh các Pháp nhãn. Một vạn sáu ngàn Thiên tử, đời trước đã gieo trồng gốc đức, nên nay thảy đều phát đạo ý Vô thượng chánh chân; bảy ngàn Bồ-tát đầy đủ gốc đức, nên được gốc đức pháp Nhẫn bất khởi. Nhờ oai thần của Phật, khiến cho trên áo của họ tự nhiên có hoa; việc xưa nay chưa từng có! Họ đều lấy hoa đó cúng dường Đức Như Lai. Ngay khi đó, các hoa ấy trải khắp nơi trên cõi trời Đao-lợi.

Bấy giờ, Thiên đế đến trước Đức Phật, bạch:

–Con chưa từng thấy những loại hoa như vậy, được các tộc tánh tử phụng cúng Đức Như Lai.

Khi ấy, Thiên tử Nguyệt Thị nói với Thiên đế Thích:

–Này Câu-dật! Hãy lắng nghe, các hoa hiện tung lên cúng dường Đức Như Lai, nhưng mọi người chưa từng thấy được vị Thánh tôn ấy. Vì sao? Vì nếu nhờ tâm, thấy được Đức Như Lai, thì tâm ấy đã diệt theo quá khứ nên không thể thấy.

Cho nên, này Câu-dật! Cái thấy được ấy, cũng như tất cả các pháp đều vốn không, vốn không thể thấy.

Thiên tử lại hỏi:

–Này Câu-dật! Nay ngài có thấy Như Lai chăng?

Đáp:

–Có thấy.

–Này Câu-dật! Hãy xem xét đi! Giả sử Như Lai có sắc hữu vi, thì mới có thể thấy. Giả sử Như Lai có tư tưởng, bệnh tật, thức, sinh tử thì ta thấy được. Còn Như lai là không sắc, thọ (thống), tưởng, hành, thức thì cũng không hợp hội, cũng không sở hữu. Nếu ta có tưởng về pháp năm ấm cũng sẽ không có tưởng, sẽ không thể quán sắc.

Thiên tử lại quay về phía Câu-dật nói:

–Ngài thấy Như Lai chăng?

Đáp:

–Như hiện nay, Như Lai thấy thân tôi vậy. Tôi thấy Như Lai cũng giống như vậy.

Lại hỏi:

–Này Thiên tử! Thế nào là Như Lai thấy thân ngài?

Thiên tử đáp:

–Đức Như Lai đang đứng phía trước, ngài cứ tới mà hỏi.

Khi ấy Thiên đế Thích liền bạch Phật:

–Thế Tôn thấy Thiên tử bằng cách nào?

Đức Thế Tôn bảo:

–Không dùng sắc để thấy; không dùng thức, sinh tử, tư tưởng, khổ, thống để thấy; không thấy quá khứ, tương lai và hiện tại; cũng không dùng pháp phàm phu để thấy; cũng lại không lìa pháp phàm phu để thấy; không thấy sự học và cùng không học; cũng không học thành rốt ráo các pháp; không thấy pháp La-hán, không thấy Thanh văn, cũng không thấy địa vị Duyên giác, không Duyên giác địa. Sự thấy của Phật là như vậy. Nếu ai xem xét như vậy gọi là chánh quán. Nếu ai chánh quán, sẽ không có cái thấy, vì không có cái thấy nên quán đó bình đẳng, không phải tà quán.

Này Câu-dật! Nếu muốn biết sự quán sát của Như Lai, đó là như vậy, vốn không khác. Người quán như vậy, thấy biết tất cả. Gọi là quán sát kỹ lưỡng tất cả. Cho nên Như Lai được gọi là Phật. Nên cái mà Như Lai phát triển không hoại pháp giới. Ý ông thế nào? Như Lai thấy pháp như vậy là thấy những gì?

Thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy, Như Lai không thấy danh hiệu, cũng không có sắc, đối với sự xét xem như vậy, sẽ không có pháp số, không có sự hưng tạo.

Lại hỏi rằng:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Sự thấy của Đức Phật là như vậy. Thiên tử Nguyệt Thị thấy cũng như vậy chăng?

Đức Phật nói:

–Này Câu-dật! Nếu ai đạt được hạnh pháp Nhẫn bất khởi của Bồ-tát; thì đối với các cõi pháp, tùy thuận mà trụ, pháp không thấy pháp nên không sở hữu, đó là pháp tự nhiên.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thiên tử Nguyệt Thị được pháp nhẫn chăng?

Phật bảo Câu-dật:

–Ông nên tự hỏi Thiên tử Nguyệt Thị thì sẽ rõ.

Bấy giờ Thiên đế hỏi Nguyệt Thị:

–Này Nhân giả! Ngài đã được pháp nhẫn bất khởi chăng?

Thiên tử đáp:

–Ý của Câu-dật không từ đâu sinh, vậy có phát khởi chăng?

Đáp:

–Không có.

Lại hỏi:

–Nếu không từ đâu sinh, sẽ không có phát khởi, thì làm sao được pháp Nhẫn bất khởi? Tất cả cõi pháp đều không có chỗ khởi, nên mới nói như vậy. Pháp giới ấy không khởi, không diệt, cũng không nắm bắt.

Khi ấy, trong tâm Đế Thích, tự nhiên suy nghĩ: "Như hiện nay, Thiên tử có sự giảng thuyết, là nhờ đạt được pháp Nhẫn bất khởi, là nhờ gần kề đạo Vô thượng chánh chân chăng?"

Thiên tử Nguyệt Thị biết những suy nghĩ trong tâm của Đế Thích, nên bảo Đế Thích:

–Này Câu-dật! Ông muốn được pháp nhẫn, không phải là gần gũi đạo Vô thượng chánh chân; nếu không khởi pháp nhẫn mới có thể gần kề đạo Vô thượng chánh chân.

Lại hỏi:

–Này Thiên tử! Vì sao ngài nói như vậy?

Đáp:

–Nếu có sự nắm bắt, liền rơi vào điên đảo, nên cũng không có sự nắm bắt. Cái đạo tâm ấy không thể thành Chánh giác, vì không khởi sự nhẫn, nên nói không từ đâu sinh. Cái không khởi lên ấy, mới thành Chánh giác.

Lại hỏi:

–Này Thiên tử! Làm sao cầu được đạo?

Đáp:

–Này Câu-dật! Cái đạo tâm ấy, nên lấy thân tự nhiên của mình để cầu.

Lại hỏi:

–Cái thân tự nhiên của mình, lấy gì để cầu?

Đáp:

–Pháp ấy không sinh, cũng không có người sinh, cũng không chỗ sinh, nên theo đó mà cầu; nên tạo sự mong cầu ấy, cầu như, cầu ý, không cần danh xưng, nên không chỗ cầu, sẽ không có chỗ cầu, sẽ không có chỗ trụ.

Bấy giờ, Thiên đế Thích bạch Đức Phật:

–Thật là điều chưa từng có, thưa Thiên Trung Thiên! Thiên tử Nguyệt

Thị thâm nhập trí tuệ, cao xa không hạn lượng kết thúc nơi đâu, mà sinh ở đây, nơi đây mất rồi, sẽ sinh nơi đâu?

Thiên tử Nguyệt Thị đáp:

–Này Thiên Đế! Giả sử người huyễn do sự biến hóa mà thành nam hay nữ, chấm dứt từ đâu mà sinh đời này, nơi này chấm dứt sẽ sinh về đâu?

Đáp:

–Người biến hóa chẳng đi về đâu, cũng không có sự chết. Vì sao vậy? Người biến hóa không có tư tưởng.

Đáp:

–Này Câu-dật! Giả sử nó không có tưởng, làm sao người huyễn hóa có thể đi đến chỗ khác; mất ở đây, sinh ở kia; mất ở chỗ này, sẽ sinh ở chỗ khác.

Hỏi:

–Nếu nó có suy nghĩ, thì chẳng phải là kẻ có trí sáng làm trò vui cho đời.

Đáp:

–Đúng như vậy, này Thiên tử! Đúng như ông nói. Ngay khi Câu-dật thưa hỏi, cũng lại như vậy.Tất cả các pháp, thảy đều như huyễn, nên mới hỏi Đức Như Lai: Hôm nay đây, Thiên tử, mất ở nơi nào mà sinh ở đâu, rồi đi về đâu? Ý ông thế nào? Vì đã như huyễn, như hóa thì làm gì có đi có lại, há lại có thể thấy được cái đã mất đi chăng?

Thưa:

–Dạ không!

Hỏi:

–Do biến hóa ra, mà muốn có sự hưng khởi, có sự tạo tác chăng?

Thưa:

–Không có sự tạo tác.

Phật nói:

–Đúng vậy! Ai hiểu rõ, tất cả các pháp đều như huyễn hóa, thì có thể thị hiển sự đến, đi, mất, còn. Tuy họ hiện ra điều đó, nhưng không có sự tưởng nhớ, cũng không có chỗ để tạo ra.

Ý ông thế nào? Khi ở trong mộng mà thấy sắc, hoặc nghe tiếng, mũi ngửi mùi thơm, miệng biết vị, thân chạm vật trơn mịn, tâm hiểu biết pháp. Vậy có thể cho rằng, chúng thật có chăng?

Thưa:

–Dạ không.

Thiên tử nói:

–Như vậy, này Câu-dật! Ai hiểu rõ các pháp là như mộng, như tự nhiên, thì dù có thấy nghe, tâm đối với pháp vẫn không có sự nhiễm ô, cũng không lìa trần cảnh; cũng không mong cầu; cũng không sầu lo. Cứ như pháp được nghe, thảy đều phân biệt để nói cho người khác nghe. Đối với tất cả tiếng nói ấy cũng không chỗ chấp giữ.

Bấy giờ, Thiên đế Thích đến trước Đức Phật, bạch:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Thiên tử Nguyệt Thị không có sự sinh, không mất, không còn; vậy lấy nghĩa gì, mà khai hóa chúng sinh. Vì chúng sinh có sinh, nên phải có kết thúc. Trong địa vị Thanh văn, không sinh không mất, cái không sinh, không mất ấy, chẳng phải là địa vị của Bồ-tát. Vì sao Bồ-tát tu hành, phải ở trong sinh tử, trải qua vô số ức trăm ngàn kiếp?

Đức Phật bảo Thiên đế:

–Có Bồ-tát đã được thành tựu pháp Nhẫn bất khởi, không nghĩ đến sự sinh và sự kết thúc. Giống như La-hán đã diệt độ, mà vẫn còn tồn tại đến cả trăm năm. Vì sao vậy? Quán sát Bồ-tát, cũng lại như vậy. Bồ-tát ấy không có tưởng tôi, ta, không có tưởng về người khác. Việc làm của Bồ-tát còn vượt xa hơn nữa, không nghĩ về sự sinh, không tưởng đến sự kết thúc, không có tưởng về tôi, ta, về người khác. Tất cả đều được diệt độ, tất cả các pháp không có gốc ngọn. Nếu ai không hiểu pháp này, sẽ không giác ngộ. Bồ-tát Đại Bi dù trải qua vô số kiếp, đến cả hàng ức trăm ngàn năm, rong chơi nơi khởi đầu và kết thúc, vẫn không mệt mỏi.

Ví như có người nam, ở ngã tư đường, đốt cháy một ngôi nhà lớn chẳng hề thương tiếc. Người thực hành lòng đại Bi, cũng lại như vậy; không tiếc thân mạng, ở trong năm thứ dục lạc mà vất bỏ chúng; vất bỏ dục lạc như lánh xa đống lửa lớn, ở trong lửa ấy mà có thể nhẫn chịu được hết, thì thân họ không bị thiêu đốt.

Ý ông thế nào? Việc người ấy làm có khó không?

Thưa:

–Rất khó, bạch Đấng Thiên Trung Thiên!

Đức Phật nói:

–Này Câu-dật! Việc làm của Bồ-tát, còn khó hơn như vậy, vượt qua tất cả các ham muốn xấu của cõi trần, mà hiện ra đời, để giáo hóa quần chúng. Vì vậy, phải nên xem xét Bồ-tát Đại sĩ là bậc đã vượt qua khỏi tất

cả hàng Thanh văn, Duyên giác; đạt được đạo Vô thượng chánh chân, thành bậc Chánh giác cao tột.

Bấy giờ Đức Phật bảo Thiên đế:

–Vừa rồi, Nhân giả có hỏi: "Mất ở chỗ nào mà sinh đến đây?" Hãy lắng nghe Phật dạy: "Trải qua chín mươi hai ức trăm ngàn cõi Phật về phương Đông, có một thế giới, tên là Tích bảo. Nước ấy, có vô số loại cây báu, cành, nhánh, lá, hoa và quả, thảy đều khác nhau, chỗ kinh hành, ngắm cảnh, lầu gác, giảng đường đều bằng bảy báu. Đất đai nước ấy toàn bằng lưu ly màu xanh. Cùng vô số trăm ngàn các báu hợp thành.

Đức Phật ở thế giới Tích bảo hiệu là Bảo Tràng Oai Thần Siêu Vương Như Lai, là Bậc Chí Chân Chánh đẳng Chánh giác, hiện đang thuyết pháp. Nước của Đức Phật ấy, chỉ dạy cho hai thừa Thanh văn và Duyên giác, có đầy đủ các Bồ-tát hoằng dương khắp cõi Phật ấy.

Khi Đức Phật ấy thuyết pháp trong một hội; có đến ba mươi sáu ức Bồ-tát đã được pháp Nhẫn bất khởi. Khi đã được pháp nhẫn rồi, các vị liền vọt lên hư không cao đến bốn trượng chín thước, làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Lúc ấy có vô số trăm ngàn hoa sen bảy báu, tự nhiên trải khắp mặt đất, không đâu mà không có. Các vị từ trên hư không đến thẳng cõi Phật ấy, cung phụng kính ngưỡng Đức Như Lai Bậc Chánh Giác ở một nước khác, rồi cúi đầu đem thân quay về, thưa hỏi kinh pháp và lắng nghe Phật dạy.

Đức Phật ấy giảng thuyết kinh pháp cho họ nghe, ngày đêm ba lần, suốt mười hai kiếp.

Vì thế, này Câu-dật! Nên quán như vầy: Cõi của Phật ấy, các chúng Bồ-tát nhiều không thể tính được. Các báu càng tích tụ, không hề hao tổn.

Cõi nước Phật ấy, không có tên khác, không có núi rừng, hải đảo, khe suối, hang động, không ai nói năng, không có các hoạn nạn. Các vị La-hán, Duyên giác chẳng có ăn uống gì cả. Vì sao? Vì các Bồ-tát ấy, từ xưa đã dùng pháp lạc để làm món ăn.

Này Thiên tử! Từ thế giới Tích bảo đến cõi trời Đao-lợi này, để ra mắt, đảnh lễ, quy y Đức Phật và thưa hỏi kinh điển, là vì vô số người, phải diễn nói kinh pháp, để rộng giải các nghi ngờ.

Lại nữa, còn muốn khiến cho các Bồ-tát khác, phát sinh pháp nhẫn này, một cách đầy đủ.

Đức Phật nói:

–Này Thiên Đế! Đối với Thiên tử Nguyệt Thị, sau khi Đức Như Lai

diệt độ, sẽ là người giữ gìn chánh pháp, nhận lãnh bảo vệ và thờ phụng cho đến thời sau rốt, lúc chánh pháp sắp chấm dứt. Vị ấy, sẽ ở cõi Diêm-phù-đề này, truyền trao cho nhân dân, hình tượng pháp môn sâu xa này, ưu áo vô lượng tinh tấn tướng dưỡng, hóa độ cả ức trăm ngàn người không thể kể xiết, được an trụ nơi pháp nhẫn này.

Sau khi chánh pháp không còn, cõi nhân gian kết thúc, được sinh lên chỗ Bồ-tát Di-lặc, nơi cung trời Đâu-suất, thưa hỏi, nhận lãnh và giữ gìn sự đạo hóa của chư Phật Thế Tôn ấy. Có vô lượng trăm ngàn Thiên tử lập được pháp Vô tùng sinh, hoặc phát đạo ý Chánh chân vô thượng.

Khi Bồ-tát Di-lặc thành bậc Chánh giác, vị ấy sống ở Diêm-phù-đề mười năm để cúng dường. Đức Như Lai Di-lặc cùng các đệ tử là hai vạn người đã lìa bỏ gia đình, học đạo, làm Sa-môn, nhận lãnh giữ gìn chánh pháp; suốt cả cuộc đời, luôn giữ gìn chánh pháp. Sau khi Phật diệt độ, lấy chánh pháp này, để tế độ quần sinh, sẽ được gặp một ngàn Đức Phật ra đời ở thời Hiền kiếp; rồi lần lượt cúng dường chín trăm chín mươi sáu Đức Phật Thế Tôn và với các bậc Đại Thánh trong sạch tu hành phạm hạnh. Trải qua bảy mươi lăm hằng hà sa kiếp, thì đạt được đạo Vô thượng chánh chân, thành bậc Chánh giác cao tột, hiệu là Nhật Diệu Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, cõi của Phật ấy tên là Nhất thiết cụ túc.

Bấy giờ, Thiên tử Nguyệt Thượng nói với Nguyệt Thị:

–Đức Thế Tôn ấy thọ ký cho Nhân giả, sẽ thành đạo Vô thượng chánh chân. Nhưng sao Đức Như Lai lại chỉ vui vẻ, thương tưởng một cách thiên lệch, thọ ký riêng cho ngài?

Thiên tử Nguyệt Thị trả lời Nguyệt Thượng rằng:

–Đức Như Lai Chí Chân hoàn toàn không có sở dục, cũng không sở nạn, không có nghi kết. Vì đầu Phật có thọ ký cũng không phải là chỗ để mong ước.

Nếu có Bồ-tát học hạnh Khai sĩ, thì Phật sẽ thọ ký cho họ. Do đâu mà Đức Như Lai tự mình vui vẻ thương tưởng một cách thiên lệch, rồi mới thọ ký!

Lại hỏi:

–Này Thiên tử! Lấy gì để tin là ngài vui vẻ để tín cầu?

Rồi nói lại:

–Giả sử ở nơi tâm mà tâm cứ tưởng rồi chấp ở người khác; không có đức tin hoan hỷ nên không có sự nhận giữ; người không nhận giữ là người vui sướng bậc nhất; chấp nơi đức tin kia là không tỳ vết ô uế. Không vui

sướng mới là tín nhạo. Nếu đối với ngôn từ, mà không có lời nói, mới là tín nhạo, kẻ ấy chắc chắn chưa có niềm tin vui sướng, cũng không bị sự hận thù trói buộc.

Cho nên, này Thiên tử! Giả sử có người cầu niềm tin vui sướng, thì phải tu hành pháp không ngôn từ; thực hành sự tinh tấn như chẳng thực hành, cũng chẳng phải là không thực hành, không buồn, không vui. Vì sao như vậy? Vì pháp giới ấy, cũng không có hành, cũng không không hành, không siêng năng, không lười biếng.

Thiên tử Nguyệt Thượng bảo Nguyệt Thị:

–Nói Bồ-tát học đạo là thế nào?

Nguyệt Thị đáp:

–Bồ-tát học đạo thì không có thân, cũng không gìn giữ thể xác; lại không có lưỡi, cũng không có sự gìn giữ miệng; lại không có tâm, cũng không có sự gìn giữ ý. Đó là việc học đầu tiên của Bồ-tát.

Nói là học, đó là không chỗ thọ, cũng không chỗ hành, hay không chỗ khởi, cũng không phải không khởi. Đó gọi là Bồ-tát học đạo.

Lại hỏi:

–Thưa Nhân giả! Học việc Như Lai thọ ký chăng?

Thưa rằng:

–Này Thiên tử! Tôi không học điều đó mà được thấy thọ ký. Vì sao? Người học như vậy, thì không được ngã và ngã sở. Họ không nghĩ: Biết có sự học thì gọi đó là học vậy. Trên trời, trong nhân gian, không thể tìm thấy cái dở, cũng không có sự lỗi lầm.

Nếu có ai nghĩ rằng: "Ta có sự học" thì đối với Chánh nghiệp, đó không phải là nẻo đến; không đạt được bình đẳng, vì tự cho rằng: "Cái học đó của ta".

Lại hỏi:

–Lấy những việc gì gọi là đạt được bình đẳng?

Đáp:

–Này Thiên tử! Giả sử người tu hành, không ở trên, ở dưới, hay ở chính giữa, không chấp chỗ đã làm, không có chỗ để tạo tác. Nếu người có sự làm mà không có chỗ để tạo ra là hạnh Bồ-tát. Nếu ai nghĩ như vậy, đó là tôn pháp, đó là pháp ti tiện đối với các pháp. Hiểu rõ bình đẳng, thì không có hai sự nhớ nghĩ.

Người tu hành như vậy, gọi là đạt được bình đẳng.

Lại hỏi:

–Hiện nay, Nhân giả đạt được những pháp gì, được Như Lai thấy mà thọ ký?

Nguyệt Thị đáp:

–Cũng không trừ bỏ pháp của phàm phu; cũng không thành đạt pháp của chư Phật; vì vậy mà Như Lai thọ ký cho tôi. Đối với pháp ấy, tôi không trừ bỏ, đối với các pháp ấy, tôi cũng không nắm bắt, cho nên được thọ ký.

Lại hỏi:

–Nếu nói như vậy, thì kẻ phàm phu ngu tối, cũng sẽ được thọ ký. Vì sao? Vì họ cũng không trừ bỏ pháp phàm phu. Đó gọi là phàm phu đạt được Phật pháp.

Lại hỏi:

–Làm sao để hiểu pháp phàm phu?

Nguyệt Thị đáp:

–Tôi lấy nghĩa không, làm các pháp giới, để hiểu Phật pháp. Cái bản tế ấy, thật ra không có gốc.

Hỏi:

–Pháp giới của cái không ấy, có thể diệt chăng?

Đáp:

–Không thể.

–Bản tế đã không có gốc, há lại có thể đạt được chăng?

Đáp:

–Không thể.

–Cho nên, này Thiên tử! Ta nói lời này, cũng không diệt trừ pháp của phàm phu, cũng không đạt thành pháp của chư Phật. Do đó, Đức Như Lai thọ ký cho ta.

Lại hỏi:

–Không, cùng với pháp giới bản tế, không bản tế, có ngôn từ chăng?

Đáp:

–Không có.

–Giả sử, không và pháp giới bản tế, không gốc, không có ngôn từ, đạo không ngôn thuyết. Vậy nay, tại sao ngài thọ ký cho nhân giả?

Đáp:

–Này Thiên tử! Nay ngài thọ ký cho tôi, thì giống như nghĩa không; ranh giới của các pháp, bản tế, không gốc. Đó là chỗ quay về của các pháp, như pháp không pháp để thọ ký, cũng như riêng thọ ký, cũng như riêng thọ

ký rồi thì cũng lại như vậy. Chánh đẳng Chánh giác cũng vậy, đạt thành đạo Vô thượng chánh chân, cũng lại như vậy.

Bấy giờ, Thiên tử Nguyệt Thượng đến trước Đức Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thiên tử Nguyệt Thị đã thâm nhập trí tuệ cao xa khó theo kịp.

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Bồ-tát nhờ được thành tựu pháp nhẫn; pháp ấy, như vậy, có sự phân biệt; nên phát ý đạo, diễn nói kinh điển, giảng nói tất cả việc của pháp giới. Lại nữa, pháp giới có thể giảng thuyết ấy, cũng không có ngôn từ, để tuyên dương dạy cho mọi người. Vì sao? Vì lý của pháp giới, không có ngôn từ, cũng không chỗ để nói; đúng như pháp giới, cõi người cũng Như. Như cõi chúng sinh, cõi Phật cũng Như, cõi Phật, cõi pháp cũng Như. Giả sử Bồ-tát thâm nhập nghĩa đó, thì có thể độc lập, không theo người khác để thọ giáo.

-oOo-

PHẬT LÊN TRỜI ĐAO-LỢI
THUYẾT PHÁP CHO THÂN MẪU

QUYỂN HẠ

Lúc đó, Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, phát lời thỉnh mời khuyến vô biên, vô số ức trăm ngàn các chúng Thiên tử, các Thiên nhân dục hành, Thiên nhân sắc hành, ai cũng mau đem hoa hương, hương bột, tạp hương, cờ phướn đi đến chỗ Đức Phật, để cúng dường Thế Tôn. Họ đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, trở về chỗ Đức Phật, cúi lạy sát đất, rồi đứng phía trước.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Ông hãy lắng nghe, Như Lai đã hiện thần túc, chánh giác biến hóa, mà trong kinh gọi là "Sự cảm động, oai thần biến hóa của Như Lai". Hãy khéo suy nghĩ.

Tôn giả Mục-liên thưa:

–Con xin vâng lời lắng nghe.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Tam thiên đại thiên thế giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng; có trăm ức bốn biển lớn; trăm ức núi chúa Tu-di; trăm ức bốn thiên hạ. Đó gọi là tam thiên đại thiên thế giới, là một cõi Phật.

Ý ông thế nào? Có phải Đức Phật, riêng ở tại một cõi Diêm-phù-đề, mà thành Chánh giác chăng? Đừng có nghĩ như vậy. Vì sao? Ta hiện hữu cùng khắp bốn phương thế giới, tùy thuận ứng hóa, tùy các loại chúng sinh mà giảng nói kinh pháp. Hoặc hiện đã thành Phật, hoặc lại thị hiện ở trong bào thai, hoặc lại thị hiện tại trời Đâu-suất, hoặc lại hiện thân đã diệt độ.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Ở tam thiên đại thiên thế giới này, về phía Đông, cách xa một vạn hai ngàn bốn đại thiên hạ, bốn bờ cõi lớn, có thế giới tên là Vô cấu, Đức Phật ở đó, hiệu là Ly Cấu Ý Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Tại bốn bờ cõi lớn của thế giới Phật, các chúng sinh

ở đó, rất ít dâm, nộ, si nên rất dễ khai hóa, có ít người học hạnh Bồ-tát và hàng Bích-chi-phật, nhưng có nhiều Thanh văn.

Lại nữa, này Mục-kiền-liên, Đức Như Lai Ly Cấu Ý ấy cứ mỗi lần tập hội thuyết pháp, hướng dẫn cho chín mươi chín ức các Thanh văn ở tại cõi nước đó; Đức Như Lai giáo hóa như vậy, không ngoài việc giúp họ chứng bốn Thánh quả. Tại cõi nước như vậy, Đức Như Lai không nói về Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Tại thế giới ấy, một lần ngồi nghe kinh, là chứng được sáu Thần thông, cho đến tám môn giải thoát. Lúc họ đã đạt được thần túc, họ liền bay lên hư không, cao tới bốn trượng, chín thước; trong thân bốc lửa, thân thiêu hủy xong thì vui cảnh Niết-bàn và tự nhiên lửa tắt, không có tro khói gì cả. Tại cõi nước ấy, Như Lai luôn nói kinh pháp, không hề ngừng nghỉ. Việc cứu độ quần sinh cũng không hề trễ nải. Các chúng Thanh văn, diệt độ hằng ngày; họ cũng không mua bán để mưu sinh; lúc muốn ăn uống, hễ nghĩ thì liền có, không truyền dạy bằng miệng, y, thực, nhà cửa đều do hóa sinh, giống như trời Đao-lợi, đều tự nhiên sinh, không phải thai sinh, mặt đất bằng vàng tía. Đức Như Lai Ly Cấu Ý thọ đến năm trăm tuổi. Nhân dân nước ấy cũng lại như vậy. Cũng có Trung thiên.

Này Mục-liên! Muốn biết Đức Như Lai đang thuyết pháp ở cõi ấy là ai? Là người nào khác chăng? Ông đừng có nghĩ như vậy. Vì sao? Vì đó chính là thân của ta vậy. Thần túc, oai thần của Phật đã biến ra, thì tất cả Thanh văn, Duyên giác không thể làm được!

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Ở tam thiên đại thiên thế giới ấy, về phía Nam, cách xa mười tám lần bốn đại bờ cõi; có bốn bờ cõi lớn tên là Bảo thành, dùng ba thứ báu là vàng, bạc và lưu ly, làm đất, làm cây. Tại đó, có Đức Phật hiệu là Như Lai Bảo Thể Phẩm Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Đức Như Lai chỉ trình bày và diễn giảng pháp của Duyên giác, ít nói về Thanh văn thừa, các vị học pháp Bồ-tát lại càng ít hơn. Với những vị học Duyên giác thừa, nếu cõi nước ấy bỗng nhiên kết thúc, họ sẽ sinh đến cảnh giới khác, cảnh giới đó không Phật và họ thành đạo Duyên giác.

Này Mục-liên! Ý ông thế nào? Đức Như Lai Bảo Thể Phẩm đang giảng thuyết kinh ấy là người nào khác chăng? Đừng nghĩ như vậy. Vì sao? Vì đó chính là thân của ta vậy. Đức Như Lai đã hiện oai thần, biến hóa, giảng nói kinh pháp ở đó, hàng Thanh văn và Duyên giác không thể biết được!

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Ở tam thiên đại thiên thế giới ấy, về phía Tây, cách xa hai mươi hai lần bốn cõi nước lớn, có cõi nước Tứ vực tên là Bảo cẩm, mặt đất làm bằng bảy báu là kim ngân, lưu ly, thủy tinh, san hô, hổ phách, xa cừ và mã não hợp thành; cây cỏ, quang cảnh ở đó, đều do các báu hóa thành; lầu gác, lan can, vườn tược, nơi kinh hành đều làm bảy báu; trong ao tắm, đầy loại nước tám vị, trong mát, rất đẹp. Giống như cung điện, sự ăn uống và y phục của chư Thiên trên trời Đâu-suất. Nhân dân cõi đó, cũng lại như vậy, hoàn toàn không khác.

Lại nữa, nước ấy không có tên gọi người nữ, cũng không do người nữ sinh ra. Dân chúng ở đó không khởi sinh điều nhơ, xấu ác, đều do hoa sen hóa sinh, họ ngồi kiết già thiền định. Chúng sinh cõi ấy, không có dâm, nộ, si; không có ý tưởng ham muốn; không có ý tưởng sân tức giận dữ; không có tưởng lo sợ bị hại; cũng không vào bào thai. Đức Phật ở cõi đó, hiệu là Bảo Thành Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Điều Đức Như Lai giảng nói hoàn toàn là tạng của pháp điển Bồ-tát, Tổng trì, Kim cang, Phân biệt tam trường, phụng tu Lục độ cực hạnh. Có vô số loài chúng sinh không thể nghĩ bàn đều phát đạo ý Vô thượng chánh chân; có rất nhiều người đạt được pháp Nhẫn bất khởi. Đức Như Lai thọ ký cho vô lượng người được ý đạo Vô thượng chánh chân. Cõi đó không có tên gọi là Nhị thừa, tức là hàng Thanh văn, Duyên giác; mà chỉ toàn là Đại thừa, không có tình dục, thảy đều trong sáng, không có chút xấu dơ nào. Các chúng Bồ-tát đầy cả thế giới. Thọ mạng của Đức Phật ấy, là tám vạn bốn ngàn năm. Chúng sinh cõi đó, sau khi chết không rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, không đạo lạc vào tám nạn. Các Bồ-tát ở đó, lúc thâu thần, mạng chung liền được sinh về cõi Phật thanh tịnh mà Đức Như Lai đang ở, Trời, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-luân, Kiền-đà-la, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc tâm chí đều đồng nhất, hướng đến Nhất thiết trí, các tuệ đều thông; không thích nghĩa khác, chỉ thích Phật pháp. Hình thể y phục của Trời, Rồng, Quỷ, Thần cử động tới lui, không thể phân biệt được, họ chỉ có tên khác nhau mà thôi. Trời, Rồng, Quỷ, Thần cùng với nhân dân ở đó, đều từ một cội nguồn, không có khác nhau.

Này Tôn giả Mục-liên! Ý ông thế nào? Đức Bảo Thành Như Lai ấy đang giảng thuyết kinh đạo, mở bày, giáo hóa chúng sinh ở cõi đó, là ai khác chăng? Đừng có nghĩ như vậy. Vì sao? Vì đó là thân của ta, do thần túc Như Lai biến hóa ra, hàng Thanh văn và Duyên giác không thể nào biết

được.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Ở tam thiên đại thiên thế giới này, về phương Bắc, cách xa ba mươi sáu lần bốn bờ cõi lớn; có bốn bờ cõi lớn tên là Vô khủng cụ. Cõi đó, làm bằng vàng ròng, bạc trắng pha trộn mà thành. Cõi đó, không có các hoạn nạn của hàng địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh; cũng không có tám nơi sợ hãi. Hành động của nhân dân xứ ấy, không phạm cấm giới cũng như tà kiến, chí tánh lễ độ, thuận hòa, không tàn bạo, cũng không có nghe tiếng của chúng ngoại đạo, dị học và tà vạy. Đức Phật ở đó, hiệu là Vô Úy Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Đức Phật đó, lúc mới đến dưới gốc cây, thì đã có bảy mươi hai các loại ma, cai quản cõi Tu-ma-đề muốn chiến đấu với Ngài.

Lại nữa, Đức Như Lai ấy lúc còn làm Bồ-tát tu hành không buông lung, thành tựu các thông tuệ, ma cũng liền đến ngăn chặn. Lúc ấy, Đức Như Lai tùy theo số lượng của ma, mà hóa làm các cây Phật; biến các Bồ-tát cũng nhiều như vậy. Tất cả đều ngồi dưới gốc cây Phật.

Các ma thấy vậy, nên lo sợ, cho là điều chưa từng có. Làm sao biết rõ được thân của Bồ-tát, để chúng ta phá hoại đạo ý của họ?

Các hóa Bồ-tát bảo với chúng ma:

–Tất cả các pháp đều như huyễn hóa, vậy nay các ngươi làm sao náo loạn? Giả sử các ngươi có thể phân biệt được, thì phải phát đạo phước đức, hoan hỷ, Vô thượng chánh chân. Các ngươi đã không khuyến trợ để phát đạo ý, mà trở lại còn ngăn chặn sự phát đạo ý, rồi còn đến đây tạo tội phá hoại, náo loạn với Bậc giác ngộ? Các ngươi không bao giờ làm hại hay phá hoại được!

Các ma hỏi lại:

–Nếu phát đạo ý Vô thượng chánh chân và khuyến hóa người khác, thì người phát đạo lớn ấy, phước đức như thế nào?

Bồ-tát đáp lại:

–Đối với sông ngòi, đất đai của thế giới chư Phật, đầy dẫy bảy báu; nếu đem ban cho hết, thì so với phước đức của người phát đạo ý, không thể nào hơn được.

Lại nữa, nếu của họ đối với cõi nước của chư Phật, nhiều như cát sông Hằng, đều đem cúng dường tất cả cho các chúng học giả, tùy theo ý muốn của họ mà cung cấp đủ cho; đem so với người khuyến hóa phát đạo ý, thì phước đức còn nhiều hơn người cúng dường ở trên.

Ma lại hỏi:

–Giả sử có người phá hoại, não loạn đạo ý, thì bị tội như thế nào?

Các Bồ-tát đáp:

–Nếu có người, móc hết cặp mắt của chúng sinh thì bị tội có nhiều không?

Đáp:

–Rất nhiều!

Các Bồ-tát nói:

–Kẻ phá hoại đạo ý còn bị tội nhiều hơn kẻ ấy.

Khi ấy, vô số ức các chúng ma, nghe lời nói đó, thấy sự biến hóa lớn như vậy, đều phát đạo ý Vô thượng chánh chân đều dùng hoa trời, hương trời, đủ các loại hương, rải hoa, đốt hương, dâng cúng các Bồ-tát, trổi các âm nhạc, có đến trăm ngàn loại. Họ đều khen ngợi:

–Nguyện cho Thánh chúng mau được đạo Vô thượng chánh chân.

Bấy giờ, có một vị Bồ-tát đã thành bậc Chánh giác cao tột, nói với một vị trời:

–Các chúng ma này đều thoát khỏi đường ác, nên mới phát đạo ý.

Đức Như Lai là người ban cho sự không sợ hãi. Vì vậy cho nên, gọi Đức Như Lai là Vô Sở Úy.

Đức Như Lai Vô Sở Úy là ai khác chăng? Đừng có nghĩ như vậy. Vì sao? Vì đó chính là thân của ta vậy.

Đức Phật bảo:

–Này Mục-kiền-liên! Đức Phật biến ra tên gọi thế giới ấy, rồi thị hiện thuyết pháp, là do oai thần của Như Lai cảm ứng mà nên, không phải tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác có thể làm được.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Ở tam thiên đại thiên thế giới này, về phía Đông nam, cách xa tám vạn bốn ngàn bốn bờ cõi lớn, có một nước, tên là Phổ cẩm thái sắc. Đức Phật hiệu là Chúng Hoa Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Ở bốn bờ cõi lớn ấy, có đủ các thứ tốt đẹp, tám sản phẩm ngọc báu làm thành mặt đất, màn báu che ở những giao lộ. Mặt đất mềm mại giống như tấm vải tốt, cỏ bằng ngọc báu, cao tự nhiên cao bốn tấc, trải đầy mặt đất, khi ta đặt chân lên cỏ, thì thấy cỏ phủ lên chân, lúc đưa chân lên, rồi đặt xuống, cũng giống như vậy, mặt đất bằng phẳng giống như lòng bàn tay. Thế giới Phổ cẩm ấy, có thành quách lớn, tên là Thượng hiền, nhân dân đông đúc, an ổn, không có các tai họa, lúa gạo dồi dào, dân chúng sung

sướng. Không kể thứ lớp, nhưng nhân dân ở đó rất phồn thịnh, đông vui. Ở phía Đông, phía Tây thành đó dài một ngàn hai trăm tám mươi dặm; phía Nam, phía Bắc rộng sáu trăm bốn mươi dặm. Nhân dân cư trú trong thành lớn Thượng hiền nhiều vô số kể, còn nhiều hơn cả nhân dân nước An-ca, Ma-kiệt, Câu-lâu-sa.

Đức Như Lai Chúng Hoa thường du hóa ở thành lớn Thượng hiền, mỗi lần thuyết pháp hóa độ có ba na-do-tha người chứng được La hán, có ba na-do-tha người được quả A-na-hàm, có ba na-do-tha người được quả Tư-đà-hàm, giữ hạnh vắng lặng; có ba na-do-tha người chứng được đạo tích, có ba na-do-tha người hóa Duyên giác thừa. Lại có gấp đôi số người trên, đều phát đạo ý Vô thượng chánh chân; có vô số người đều gieo trồng các gốc đức. Tại cảnh giới của bốn bờ cõi lớn ấy, có một loại cây, tên là Mật hợp thành, luôn có hoa quả, mùi vị rất ngon, như món ăn có trăm vị; người nam, kẻ nữ, nếu lấy hoa quả của cây ấy để ăn, thì no cả bảy ngày đêm, không bị đói khát, sắc mặt tốt đẹp, hình sắc biến đổi, tánh khí sung mãn, sức lực cường thạnh, hình thể nhẹ nhàng. Từ lúc ăn hoa và trái cây ấy về sau, cũng không có đại tiện, tiểu tiện, không có nước mắt, nước mũi gì cả; không có cày đất, gieo giống, mua bán, cầu lợi. Khi ăn hoa quả ấy vào, tự nhiên được an ổn; cũng không có sự giàu nghèo; việc ăn uống, nhà cửa, họ hoàn toàn không có sai biệt.

Lại nữa, Đức Như Lai ấy, có các Thanh văn số lượng đến sáu mươi bốn trăm ngàn ức na-do-tha. Còn các chúng Bồ-tát lại nhiều gấp đôi số ấy. Khu vườn, để Đức Như Lai du hành thưởng ngoạn tên là Phổ hoa, cũng là nơi thọ thực của Phật. Đức Phật cùng với Thanh văn và các chúng Bồ-tát ấy, vừa ngồi xuống để thọ thực, thì các cây ấy, liền cong xuống, để đảnh lễ Đức Phật; các hoa quả ấy, tự nhiên rơi vào trong bát của Tỳ-kheo. Khi thọ thực xong, các cây ấy, lại cong xuống đảnh lễ, rồi đứng thẳng như cũ.

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả Mục-liên! Công đức của thế giới ấy vời vợi như vậy. Đức Chúng Hoa Như Lai chính là thân của ta, mãi đến bây giờ, ta vẫn lấy danh hiệu đó, giảng thuyết nghĩa kinh. Điều đó tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác không thể nào biết được.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Tại tam thiên đại thiên thế giới ấy, về phía Tây nam, cách xa bảy lần bốn bờ cõi lớn, có cõi tứ phương tên là Tuyển trạch, cứ mỗi một cõi của phương đó có tám vạn bốn ngàn nước; cứ mỗi một nước có tám vạn bốn ngàn vua; cứ mỗi vua có tám vạn bốn ngàn thành, châu, cõi, xóm làng,

huyện ấp, quận, nước; dân chúng có đến cả ức trăm ngàn na-do-tha, đầy dẫy, đông đúc. Các vị vua ấy, vất bỏ các pháp sai trái; cứ mỗi vị vua có đến tám vạn bốn ngàn phu nhân thể nữ. Đứng đầu tất cả thể nữ trong nước, là Chân ngọc nữ. Mỗi một vị vua, có năm trăm người con hoặc có một ngàn hai trăm người con; mỗi một vị quốc vương, đều lấy chánh pháp để trị dân, không dùng dao gậy, roi vọt, gươm giáo để tra tấn. Các vua đều dùng chánh pháp giáo hóa dân, không ra lệnh mà dân vẫn tuân theo. Đức Phật ở đó, hiệu là Thích Bảo Quang Minh, là Bậc Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác hiện đang thuyết pháp; chỗ Đức Phật ấy du hóa, là tinh xá Tứ phương cõi, hương tòa của Đức Phật ấy cao đến bốn trượng chín thước, cứ mỗi sàng tòa, có mùi thơm ngào ngạt, lan tỏa khắp nơi; ở bốn thiên hạ, có mưa hoa trời, rải trên Đức Thích Bảo Quang Minh Như Lai, có trăm ngàn loại âm nhạc, tự nhiên tấu lên, đất trời bỗng nhiên chấn động mạnh, âm thanh như trời Phạm; Ngài đã tích lũy công đức không thể kể xiết; Đức Phật ấy có trăm ngàn phước đức để chuyển bánh xe pháp, đoạn các trần lao, Niết-bàn không nhơ bẩn, gọi là Tương hộ. Các vị Bồ-tát nghe Đức Như Lai thuyết pháp về tứ đại, có tám vạn bốn ngàn vị vua ở trong cung, cùng với các thể nữ, trai, gái, lớn nhỏ, nghe hiểu đạo nghĩa, đều được xa lìa bụi nhơ cõi trần, sinh các pháp nhãn. Các vợ con của vua ở trong cung và thân quyến vua, đều phát đạo ý Vô thượng chánh chân, đều đồng thanh nói:

–Chúng con hết lòng muốn xuất gia.

Đức Như Lai khuyến khích và ca ngợi họ, khiến họ trong một lúc đều là Sa-môn. Hoặc họ du hóa ở quận, nước, huyện ấp, gò đống, thôn xóm; đời sống của họ cũng không gieo trồng, lúa gạo tự nhiên hóa sinh. Các trời đều đến để cúng dường. Đức Phật ấy, giảng pháp lần thứ nhất, các chúng Thanh văn đều được chứng quả Tu-đà-hoàn, các Bồ-tát thừa đều đạt được Tín nhẫn. Đức Phật ấy thuyết pháp lần thứ hai, các chúng Thanh văn được quả Tư-đà-hàm, các Bồ-tát thừa đều đạt được pháp nhẫn nhu thuận. Pháp hội thứ ba, Đức Phật ấy giảng nói về kinh điển, chúng Thanh văn trụ quả A-na-hàm, các Bồ-tát học đạt đến năm thông. Đức Phật ấy thuyết pháp lần thứ tư, chúng Thanh văn được quả La-hán; các Bồ-tát học được pháp Nhẫn bất khởi.

Lúc ấy, các người nữ và quyến thuộc ở cung vua, đều chuyển thân nữ thành nam. Họ được các Đức Như Lai thọ ký, sẽ được đạo Vô thượng chánh chân.

Ý ông thế nào? Đức Như Lai Thích Bảo Quang Minh ở cõi nước ấy tưởng là ai khác chăng? Đừng nghĩ như vậy. Vì sao? Vì đó là thân ta, với

danh hiệu ấy, ở thế giới ấy, ta thị hiện thuyết pháp là do Đức Như Lai biến hóa ra, chẳng phải là tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác mà có thể biết được.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Ở tam thiên đại thiên thế giới này, về phía Tây bắc, cách xa năm mươi lăm lần bốn cõi phương lớn, có bốn cõi phương hiệu là Hương thổ, nơi ấy lấy hương bột chiên-đàn thật tốt ở cõi Diêm-phù-đề làm đất; tại đó, có loại cây, tên là Phổ hương, mỗi cây đều tỏa hương thơm ngào ngạt, lan xa đến bốn mươi dặm; hoa sen tự nhiên lớn như bánh xe, có vô số cánh, hương thơm tỏa khắp, hết sức khả ái, cánh hoa như lụa, mềm mại tuyệt hảo, màu sắc đủ loại, ánh sáng rực rỡ, cao đến hai thước. Ở mỗi hoa sen, mùi thơm ngào ngạt, lan tỏa khắp bốn thiên hạ, hương tỏa rất nhiều, hương làm lầu gác, hương làm nơi kinh hành, trong ao sinh ra hoa sen. Nơi ấy, không có quận huyện, thành ấp, gò đống, thôn xóm; chỉ có đài cao, vô lượng vô ngàn, đầy khắp cõi ấy. Giống như trời Vô kiêu lạc thứ sáu; mọi vật tự nhiên, nhân dân an ổn; việc ăn uống, nơi ở… hoàn toàn không có sai khác.

Tại đó, khi Đức Như Lai thuyết pháp, chỉ dạy cho các hàng Đại nhân trong sạch, bỏ việc làm của hàng Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát thần thông cùng khắp bốn phương, các chúng Bồ-tát không thể nào nghĩ bàn, đạt được pháp nhẫn. Trong các Bồ-tát ấy, có một Bồ-tát, tên là Biến Chúng Pháp Vương, chí nguyện cao đẹp, được ba oai thần. Nhẫn minh thần thông, biện tài siêu việt, đã từng cúng dường, cúi lạy, đem thân quay về với vô số ức trăm ngàn chư Phật.

Bồ-tát Đại sĩ Biến Chúng Pháp Vương, cầu thỉnh Đức Thế Tôn diễn nói kinh điển. Đức Phật liền chấp thuận và tuyên dương nghĩa đạo ấy. Bồ-tát liền ở trước Đức Phật, từ tòa đứng lên, cao đến bốn trăm dặm, từ mỗi lỗ chân lông trong người, đều phóng ra ánh sáng, chiếu khắp thế giới. Hoa sen tự nhiên được hóa sinh rất đẹp, sinh ra vô số trăm ngàn ức cánh, trải khắp cõi đó; hoa sen ấy cao bốn trượng chín thước. Các loại nhạc của cõi trời không đánh mà kêu, phát ra tiếng của tám bộ âm thanh pháp ấn, mỗi một pháp ấn, chứa đựng lời giáo huấn của tám mươi bốn ức kinh điển, mỗi một kinh điển, thu giữ hai vạn hai ngàn lời dạy sáng suốt, tỏa hương từ trong hư không tự nhiên phát ra; có chín mươi sáu trăm ngàn ức người, lập được không thoái chuyển, sẽ thành đạo Vô thượng chánh chân, đều mau đạt được pháp Nhẫn bất khởi. Các Bồ-tát như vậy có mặt khắp cả cõi đó.

Nhân dân tại đó, không có đui điếc, cũng không bị què quặt, cũng không bị nạn sắc xấu, nhơ bẩn, không bị nghèo khổ. Chúng Bồ-tát tại đó,

có ba mươi hai tướng tốt, để trang nghiêm thân mình, không có thú vui nào khác, chỉ lấy pháp làm niềm vui; cũng không ăn uống, lấy món ăn thiền định để cúng dường. Tại đó không có tám nạn xứ và đường ác. Nếu lúc mạng đã hết, họ chẳng về đâu cả, chỉ trở về con đường của Phật.

Đức Phật nói:

–Này Mục-liên! Ý ông thế nào? Đức Như Lai Thích Hiền Quang Minh ấy, chính là thân của ta vậy. Đức Như Lai ở tại đó đã biến hóa cảm động, chẳng phải là chỗ cho tất cả Thanh văn và Duyên giác có thể biết được.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Tại tam thiên đại thiên thế giới này, về phía Đông bắc, cách xa bốn mươi hai lần, bốn phương cõi lớn, đặc biệt có một cõi lớn tên là Chí nguy; nhân dân tại đó rất dâm, nộ, si, nhiều tệ ác, bỏn sẻn, tham lam, tay cầm dao gậy, không có niềm tin, ganh ghét, phạm giới, sân hận, đa phần cậy thế, biếng lười, cao ngạo, buông lung tâm ý, mà chẳng an lành, chấp có tôi, ta, tham người và thọ mạng, lại không có trí tuệ, chẳng biết thời tiết, không biết hổ thẹn, chí tánh thô bạo, chẳng biết kính nhường; chúng sinh tại đó, hình dáng xấu ác, nhỏ mọn, thấp hèn, bươi móc chuyện tốt xấu của nhau, muốn làm hại nhau, thích mắng chửi, chê bai lẫn nhau; mưa gió không đúng thời, đem lời tà ác dạy cho nhau; mặt đất cứng rắn, thô ác, gai cỏ dơ bẩn lan khắp mặt đất. Nhan sắc hình thể của nhân dân tại đó in như dầu mè, cây cỏ có màu xám tro, y phục thô xấu, đồ ăn uống thô lậu, bần cùng, khốn ách, đất ở đó gọi là Thất hung, nhân dân có ý nghĩ kiêu căng, là bè đảng của nhân dân cung điện trời. Nếu họ được tiền tài châu báu, đều bị tịch thu bỏ vào kho tàng của vua. Nhân dân ở đó, gặp các thứ khổ ách trừng phạt, bị gậy phan đau đớn, chỉ thuần như vậy mà thôi.

Đức Phật nói:

–Này Mục-liên! Nhân dân cõi ấy hiện đang khổ sở, hoạn nạn như vậy. Nếu lúc mạng hết phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

Đức Phật ở cõi đó, hiệu là Tâm Niệm Mẫn Ai Như Lai, là bậc Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác; lúc giảng nói kinh pháp, thì hiện ra mười tám cách biến hóa, để dạy chúng sinh; suốt trong bảy trăm năm vẫn không có một người thọ học giáo pháp. Nhưng Đức Phật Thế Tôn ấy, vẫn không lười biếng, chán nản, Đức Phật ấy phát khởi lòng thương lớn, càng diễn giảng kinh điển nhiều hơn. Những lúc Đức Phật vào huyện, ấp, xóm làng, các cõi trong nước, nhân dân nhìn thấy Đức Phật, thảy đều chửi mắng, chê bai, làm nhục, thóa mạ, liệng đá, ném gạch, đánh Đức Phật. Đức Như Lai

tôn kính ấy, vì muốn khai hóa cho họ, nên chẳng lui bước.

Đức Phật lại diễn nói kinh điển trong suốt bảy trăm năm nữa. Có tám mươi bốn na-do-tha người được chứng quả La-hán; quả Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, quả nào cũng có tám mươi bốn na-do-tha người chứng đắc. Chỉ trong một ngày, mà họ đều làm Sa-môn, thành tựu việc thọ giới. Tất cả hàng Hữu học và Vô học, suốt trong ba tháng không thích đàm luận những việc khác, mà chỉ trong một ngày đều vui Niết-bàn.

Tiếp theo, Đức Như Lai vẫn còn tại thế, lại có năm người học Bồ-tát thừa; có những người, kiếp trước đã từng gần gũi với các bậc giác ngộ khác, sinh vào cõi Phật ấy, nhờ gặp sự khổ não, nên được nghe Phật giảng nói kinh pháp.

Tôn giả Mục-liên bạch Đức Phật:

–Bồ-tát ở cõi đó vì tội gì mà phải sinh vào cõi tệ ác ấy?

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Bồ-tát vì bốn việc, nên phải sinh vào cõi tệ ác, để chịu sự khổ hoạn.

Những gì là bốn?

1. Giả sử Bồ-tát chỉ thích lợi dưỡng cúng dường, không học đạo pháp, phải sinh vào chỗ ác ấy.

2. Bồ-tát lại thích việc chê bai chánh pháp, tự mình đã không chịu học, lại còn khiến cho người khác không được thọ trì.

3. Bồ-tát la mắng, đánh đập kẻ khác vì không chịu cùng mình phỉ báng chê bai.

4. Bồ-tát không biết giữ gìn thân, khẩu, ý.

Vì bốn pháp ấy, nên phải sinh vào chỗ ác, chịu sự khổ não.

Đức Phật nói:

–Đức Phật giảng nói kinh pháp tại thế giới ấy, chính là thân của ta vậy. Với oai thần hiện ra biến hóa cảm động của Như Lai, chẳng phải tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác là có thể biết được!

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Chí Chân chỉ ở tam thiên đại thiên thế giới này, hiện ra làm việc Phật, hay còn ở các cõi Phật nước khác nữa?

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Nay ông đã thấy Đức Thế Tôn thị hiện nói pháp cho hàng Thanh văn. Ta lại còn đối với tam thiên đại thiên thế giới, trăm ngàn ức bốn cõi lớn, tùy theo sự ưa thích của từng người, xem xét kỹ cái gốc của tâm họ mà

thuyết pháp.

Lại nữa, Đức Phật đối với tam thiên đại thiên thế giới này và bốn cõi phương lớn này; hoặc đã dùng sắc tướng của Phạm thiên mà thuyết pháp; hoặc là hình tướng của Như Lai mà hiện thân giáo hóa; hoặc hiện thân bạch y, không đắp ca-sa; hoặc hiện thân Đế Thích mà thuyết pháp; hoặc hiện bốn vua Chuyển luân thánh vương. Như vậy, là đã làm tất cả mọi phương tiện quyền biến, để nói kinh điển. Đức Như Lai ở tam thiên đại thiên thế giới này, đều tùy theo tâm ưa thích của những loại chúng sinh đang được hóa độ mà thuyết pháp, mà khai hóa cho họ và ở vô lượng cõi Phật những phương khác cũng vậy. Tất cả hàng Thanh văn và Duyên giác thừa, không thể nào biết được. Giống như mặt trời, mặt trăng, tuy không di động, mà ánh sáng hiện khắp ở huyện ấp, làng mạc, thôn xóm, gò đống, hải đảo, cảnh giới trong nước. Đức Như Lai cũng vậy, tự ở cõi Phật, không có lay động, đều hóa hiện ở vô số cõi nước của chư Phật, tùy theo tâm nguyện chúng sinh mà hiện thân giảng nói kinh điển.

Tôn giả Mục-liên bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật hiện nay, làm sao để biết là thật, là đang ở trên trời Đao-lợi, ở cõi Diêm-phù-đề, ở trong cung chư Thiên, ở cõi tam thiên đại thiên thế giới, hay tại thế giới của Phật khác, phương khác để thuyết pháp chăng? Thưa đấng Thiên Trung Thiên! Làm sao để biết đó là chân Phật, ban cho những phước hựu to lớn không thể có hạn lượng của Phật?

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Nay ta hỏi ngươi, tùy ý mà trả lời. Ý ông thế nào? Nếu như huyễn sư, hóa làm một người hóa, vậy người hóa đó là nam hay nữ, làm sao để biết cho đúng?

Tôn giả Mục-liên đáp:

–Người đó không có thật, thưa Thiên Trung Thiên: Vì sao vậy? Vì do sức chú thuật biến ra, thật ra không có, không thể phân biệt để biết được.

Lại hỏi:

–Này Mục-liên! Điều được giáo hóa ấy, vậy có thể biện được chăng?

Thưa rằng:

–Biện được, thưa Thiên Trung Thiên!

Đức Phật nói:

–Như vậy, tất cả các pháp cũng như huyễn hóa, không thể phân biệt

để biết, hoàn toàn không có sai khác, cũng không làm ra, giống như huyễn sư, do sức chú thuật biến hóa đủ thứ, đã biến hóa ra, thì hoàn toàn không có sai khác. Oai sức Phật cũng như vậy, dùng Thánh trí tuệ, hiện ra cùng khắp các cõi nước của Phật, tạo những việc làm bình đẳng, không có sai khác, đều là việc Phật. Nếu ai cúng dường cho các Đức Phật ấy, để xây dựng ruộng phước, thì số lượng phước đức như nhau, chư Phật Thế Tôn không có sai khác. Tất cả pháp đều không chỗ sinh, cũng không thật có, giống như huyễn hóa, các pháp khác cũng không có sai khác.

Đức Phật bảo:

–Này Mục-liên! Đức Như Lai chỉ mới khởi ý, thì trong mỗi lỗ chân lông, hiện ra hằng hà sa Đức Như Lai Chí Chân, đủ ba mươi hai tướng tốt, hình dáng tự nhiên, đầy đủ sự tốt đẹp, tùy hình mà hóa, thuyết pháp cùng khắp; miệng Phật nói ra đủ sáu mươi âm thanh. Tất cả Như Lai đều hiểu rõ tâm hạnh của chúng sinh. Nếu tâm ý chúng sinh mà tốt, thì Phật tất sẽ biết được cội nguồn, thuận theo các chúng sinh mà thuyết pháp. Khi Phật thuyết pháp, chúng sinh mà thọ trì thì đều trừ được khổ hoạn. Các Đức Như Lai ấy, đều dùng ba phẩm, để cảm động, biến hóa, nói các kinh pháp. Các ngài đều dùng bốn biện phân biệt tuệ, để hiện oai đức của Đức Phật.

Này Mục-liên! Ý ông thế nào? Vì sao, Đức Như Lai có oai dung, hình tượng, tôn quý bậc nhất, bước đầu rất tối thắng? Đó là Hóa Phật chăng? Hay là Đức Phật đã hóa Như Lai?

Tôn giả Mục-liên đáp:

–Bạch Thiên Trung Thiên! Không có sự cao thấp. Vì sao? Vì đã có sự biến động, thì hoàn toàn không có sai khác. Cho nên không khác nhau về nhan sắc hình dạng, oai dung, biện tài, thánh đạt, thần túc, thuyết pháp, sự độ thoát, không thể phân biệt để nói là có khác nhau.

Đức Phật dạy:

–Cho nên, này Mục-liên! Phải quán như vầy: Nếu có pháp tự nhiên hóa hiện thì không có sai khác, không thể biết riêng biệt.

Đức Phật nói:

–Này Mục-liên! Giả sử hiểu được các pháp tự nhiên hóa ra, thì không phân biệt, nói là khác với phàm phu, huống chi là Phật pháp! Vì sao? Tất cả các pháp đều vốn trong sạch, các pháp đều là không; vì người mê hoặc, nên mới trụ nơi các tưởng, rồi cho là đúng, hay không đúng, theo sự vui thích, rồi chạy theo nó. Mà pháp giới ấy, thì không có chỗ khởi, cũng không có chỗ diệt, pháp giới bình đẳng, Như Lai khéo biết. Nếu ai hiểu nó, đều có thể đứng trước chúng sinh ở Diêm-phù-đề, hóa

hiện hình tượng tướng tốt của chư Phật và các Tỳ-kheo, khiến cho nhân dân không hiểu biết được rõ biết.

Này Mục-liên! Chúng sinh đó là người Diêm-phù-đề vậy. Các Như Lai khiến cho nhân dân, chư Thiên và các chúng sinh, bạn bè họ, hiện nhập vào một lỗ chân lông; biến hóa, thị hiện ở trong loài người và các Thánh chúng; mà loài người thì không ai có thể thấy được, biết được là nhập vào nơi đâu.

Này Mục-liên! Giả sử các loài chúng sinh, ở tam thiên đại thiên thế giới này, làm cho dần dần đều được thân người; tất cả chúng sinh, Tỳ-kheo, Thánh chúng, nhân dân và các bè đảng, được Đức Như Lai khiến cho hiện ở trong một lỗ chân lông, không thể biết nhau, vì sao mà nhập vào được.

Này Mục-liên! Hằng hà sa số các cõi nước của Phật ở phương Đông và thế giới của các loài chúng sinh trong mười phương chư Phật; với vô lượng thế giới đó, tất cả đều biến để được làm thân người, Đức Như Lai làm cho tất cả nhân dân và các Thánh chúng nhập vào trong một lỗ chân lông và khiến cho chúng sinh biết chỗ nhập vào, các loài chúng sinh ở mười phương, trong hằng hà sa cõi nước của các Đức Phật, cũng vậy.

Đức Phật nói:

–Này Mục-liên! Hiện tại, Đức Phật với cặp mắt không bị trở ngại đều thấy cõi nước các Đức Phật ấy, Phật cũng hay dùng Phật nhãn Thánh đạt đầy đủ, chỉ bày bao nhiêu là thần biến, để làm thí dụ, cho dù trong trăm ngàn kiếp, nói về cõi nước của chư Phật, cũng không thể nói hết. Vì các cõi nước của Phật là không có hạn lượng.

Lại nữa, tất cả chúng sinh trong các cõi nước ấy, Phật đều khiến cho được đắc đạo, giống như Duyên giác mà không thể biết được số lượng bao nhiêu; huống chi là hàng Thanh văn! Chỉ có Đức Như Lai, mới có thể biết được, cõi nước ấy nhiều hay ít, rộng hay hẹp, lớn hay nhỏ, xa hay gần, sâu hay cạn, từng phần nhỏ lông, tóc, phân rõ từng vi trần; Phật khiến cho vô lượng vô số, hội chúng, nhiều không thể kể được, như cát của sông ngòi trong tam thiên đại thiên thế giới, chứa đầy vi trần; nhưng với Phật nhãn thì không cùng tận, vì dùng thánh đạt không chướng ngại nên đều thấy tất cả. Các cõi nước chư Phật, còn nhiều hơn thế nữa. Các chúng sinh, trong các cõi Phật này, không có hạn lượng. Cõi người như vậy, chúng sinh rất nhiều, nhiều hơn cả đất đai. Nếu các chúng sinh ấy, dần dần được làm thân người, tất cả đều được làm Chuyển luân thánh vương, mỗi một vị Thánh vương, với số quyến thuộc như số chúng sinh, cũng lại như vậy. Tất cả Thánh vương các quan và quyến thuộc họ; Như Lai đều có thể hiện nhập

họ vào từng lỗ chân lông, cùng các Thánh chúng, mà họ đều không hay, không biết đã bị nhập vào, nhưng đều thấy tất cả lỗ chân lông của Như Lai hiện khắp thân Phật, cùng với Thánh chúng. Đức Như Lai đã biến hiện oai thần, nhưng họ hoàn toàn không bị hao tổn. Chính vì tất cả số kiếp không thể tính được, sự hiện thần biến trong số kiếp là vô hạn lượng; ánh sáng, oai thánh, đạo đức của Như Lai là không thể kể hết, do oai thần cao đẹp vời vợi của Phật, mới làm được như vậy.

Ý ông thế nào? Các Chuyển luân vương cùng với bảy báu, công đức họ đạt được, có tăng nhiều không?

Thưa rằng:

–Bạch Thiên Trung Thiên! Thật nhiều, thật nhiều, điều ấy an trụ vô lượng.

Đức Phật nói:

–Này Mục-liên! Nay ta nói cho ngươi biết, giả như tất cả loại chúng sinh kia, đều là Chuyển luân thánh vương, cùng với phước bảy báu tập hợp lại, cũng không bằng phước của một sợi lông Như Lai đã thành tựu tròn đầy, niềm vui phước lành của Ngài còn vượt xa hơn nữa, không thể ví dụ được.

Bấy giờ Hiền giả Mục-liên bạch Đức Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con tuy được trí tuệ khéo tốt và các phước khác. Nhưng Đức Phật là Pháp sư Thánh Tôn, có oai thần tốt đẹp vô lượng, nên mới được như vậy; oai đức minh đạt đến chỗ sáng không cùng, rạng rỡ, huy hoàng, sáng rọi vô biên, không thể cùng tận.

Lại nữa, bạch Thiên Trung Thiên! Những điều ngài đã hưng tạo, không hề bị hao tổn; đối với tất cả pháp, chẳng pháp nào mà không thông đạt. Con đã đánh mất trí tuệ vô ngại như vậy. Nếu có chúng sinh, được nghe những điều của Phật đã làm, với oai thần biến hóa, một lòng lắng nghe nghĩa của một câu nói, sẽ được niềm vui tốt lành vô cùng. Huống chi họ có thể tin và thọ trì, đọc tụng, thì liền được đầy đủ thần túc, phát khởi đạo Vô thượng chánh chân. Những người như vậy, sẽ đem thân quay về với Thiên Trung Thiên, không còn có sợ hãi, không còn nghi ngờ là sẽ rơi trở lại vào đường ác nữa.

Bấy giờ, hàng Trời, Rồng, Thần, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, theo Đức Thế Tôn, nghe Phật giảng dạy, đã thấy sự hiện rõ, cảm động, biến hóa của Phật; nên khác miệng mà đồng âm cùng thưa:

–Nam-mô chư Phật, quy mạng Thế Tôn! Giả sử có người hay phát tâm ý trong sạch này, chúng con sẽ đều quy y mà đảnh lễ, làm cho đại đạo

lớn mạnh và vị ấy cũng sẽ đạt được đạo lớn này. Nếu họ biến hóa giống như Đức Như Lai, làm cho cảm động, thì chúng con cũng sẽ không nghi ngờ, không do dự trói buộc.

Bấy giờ, hàng Trời, Rồng, Thần, Kiền-đà-la, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, năm vóc cúi sát đất, đem thân nương về kinh này. Họ dốc lòng cung kính, cúi đầu lạy Phật. Khi ấy, trăm ngàn loại âm nhạc, tự nhiên tấu lên, hoa sen xanh được rải tung lên, hoa phù dung cõi trời thì cành hoa trải khắp trời Đao-lợi.

Khi Đức Phật nói kinh này, có bảy mươi hai trăm triệu trời, người, từ xưa đến nay, chưa từng khởi tâm đạo, bấy giờ đều phát đạo ý Vô thượng chánh chân, họ đều tự nói:

–Đời sau, chúng con sẽ ở trước nhân dân của cõi trời, cõi nhân gian mà tuyên bố mở bày, hiện ra tiếng rống đại sư tử cũng như ngày hôm nay, Đức Như Lai đã làm, để phát triển hơn lên tiếng sư tử rống to lớn của Đạo sư.

Lúc ấy, vị trời Nguyệt Thị bạch Đức Phật:

–Nếu có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ nào, thọ trì kinh điển này, đọc tụng, hay rộng nói cho người khác, thì được phước đức như thế nào?

Đức Phật nói:

–Giả sử có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ nào, thọ trì, đọc tụng kinh điển này, rồi nói cho người khác nghe, họ sẽ luôn được gặp Tam bảo, mà không bị đứt đoạn. Vì sao? Vì người nghe kinh này, sẽ không phát tâm Thanh văn, Duyên giác, mà chỉ phát đạo ý Vô thượng chánh chân. Vì sao? Vì người có học kinh này, họ sẽ đạt được nghĩa sâu xa cao đẹp nhất, các căn thông tỏ, chẳng có gì mà chẳng tín ưa.

Cho nên, này Thiên tử! Phải nên xem xét như vầy: Nếu ai thọ trì, đọc tụng, kinh điển này, tức là đã bảo vệ Tam bảo, không để cho đoạn mất. Ý Thiên tử thế nào? Người bảo vệ giữ gìn Tam bảo, không cho bị đoạn mất, thì giả như có một ngàn Đức Phật, đều thọ một kiếp, các ngài khen ngợi công đức của người ấy có hết không?

Thưa rằng:

–Không thể hết được, thưa Đấng Thiên Trung Thiên!

Đức Phật nói:

–Vì vậy, này Thiên tử! Phải hiểu rõ rằng, nếu có người thọ trì kinh điển này, thì phước đức của người ấy là không thể lường được.

Lúc đó, Bồ-tát Từ Thị bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là gì? Làm sao để phụng trì?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Kinh này gọi là Đao-lợi Thiên Phẩm Phật Hiện Cảm Động Oai Thần Chi Biến. Phải như vậy mà thờ phụng.

Đức Phật nói:

–Này Từ Thị! Các ông phải siêng năng thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết kinh này, hoặc phân biệt, giải nghĩa cho người khác nghe, khiến họ được nhiều thành tựu. Nên lưu truyền ban phát kinh điển này cho nhân dân trong thiên hạ, vì kinh này khó mà được gặp.

Đức Phật dạy như vậy xong, Thiên tử Nguyệt Thị, Thiên tử Nguyệt Thượng, Bồ-tát Từ Thị, Hiền giả Mục-liên, các Trời, Rồng, Thần, A-tu-luân và nhân dân thế gian, không ai mà không vui mừng, cùng nhau đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 816

PHẬT THUYẾT ĐẠO THẦN TÚC VÔ CỰC BIẾN HÓA KINH

QUYỂN 1

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng An Pháp Khâm, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa trên trời Đao-lợi, ngồi trên tảng đá lưu ly xanh biếc, dưới cây Ba chất, thuyết pháp cho mẫu thân, suốt ba tháng hạ, cùng đông đủ tám ngàn chúng đại Tỳ-kheo Tăng, đều là bậc A-la-hán, đã dứt các cấu bẩn, đầy đủ thần túc, có thể làm các việc; còn Bồ-tát có bảy vạn hai ngàn vị, đã đạt thần thông, được Đà-lân-ni; đều biết những việc làm, những ham muốn trong tâm của tất cả mọi người, tự tại dạo chơi đến vô số cõi Phật. Khi vô số chúng đệ tử vây quanh nghe Phật thuyết pháp, thì bấy giờ, trong chúng của các trời có hai vị Thiên tử. Một tên là Nguyệt Thiên tử. Hai tên là Nguyệt Tinh Thiên tử cũng đang ngồi ở trong chúng hội. Lúc đó, Nguyệt Thiên tử từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa y phục, quỳ gối, chắp tay, bạch Đức Phật:

–Nay con có những điều muốn thưa hỏi.

Đức Phật bảo:

–Ông cứ tùy ý mà hỏi.

Nguyệt Thiên tử phấn khởi, liền dùng kệ thưa hỏi Đức Phật:

Đại Bi vì tất cả
Được lợi ích sâu dày
Tạo dựng được chí đạo
Cho cam lồ rất sạch.
Tự mình được an ổn
Diệt trừ các bẩn dơ
An ổn cho tất cả
Thế nên xin muốn hỏi:

Ở trong vô số kiếp
Việc làm rất gian khổ
Bỏ hết các chỗ có
Ban cho không nhàm chán,
Tâm Bồ-đề tất cả
Lắng lo cho mọi người
Nay đem những việc này
Muốn hỏi Nhân Trung Tôn.
Có ai thấy thân Phật
Tướng tốt tự trang nghiêm
Đều phát ý phấn khởi
Chỗ được do ruộng phước,
Mênh mông không ngằn mé
Vô lượng hơn biển cả
Thế nên xin muốn hỏi
Đức đó là hơn hết,
Cũng không ý gì khác
Lại không tâm gì khác
Đại hùng trong ba cõi
Biết rõ những nhớ nghĩ,
Thân ấy chỗ nên làm
Chưa từng theo người khác
Thế nên xin muốn hỏi
Bậc Đại Trí ở đời.
Nếu có đức, không đức
Khen ngợi và chê bỏ
Có danh và không danh
Hoặc khổ và cùng vui,
Đều biết tám việc đời
Phân biệt đầy đủ rồi
Thế nên xin muốn hỏi
Đã lìa những sợ hãi.
Lại giúp đỡ mọi người
Thân bình đẳng không khác
Do đó không tăng giảm
Ba cõi đều như vậy,
Lòng lành đến mọi người
Không nghi, không sân hận

Thế nên xin muốn hỏi
Giữ hạnh cũng như đất.
Ban cho và giữ giới
Tâm ấy rất trong sạch
Thà tự bỏ thân mạng
Trọn không phạm cấm giới,
Thân miệng phải làm vậy
Ý cũng lại như thế
Vậy nên xin muốn hỏi
Bậc thoát khỏi thế gian.
Nhẫn nhục điều phục ý
Vững chắc không tự tổn
Đều do trí đã tạo
Thấy mọi chỗ khổ nhọc,
Mọi giận dữ tốt xấu
Tất cả đều nên nhịn
Thế nên xin muốn hỏi
Mọi việc đều làm xong.
Sức siêng năng càng mạnh
Vượt hơn tất cả nghĩa
Vì đời nên cần khổ
Chưa từng nghĩ cho mình,
Ngày đêm thường mong cầu
Như nước chảy vào biển
Thế nên xin muốn hỏi
Biết đức ấy bằng trời.
Đối với các ham muốn
Ba cõi không làm được
Tất cả mọi ân ái
Đều có thể hàng phục,
Thiền tư đều đầy đủ
Thần túc cũng như vậy
Thế nên xin muốn hỏi
Dũng mãnh giữa loài người.
Đối với đại trí tuệ
Đã độ không còn vui
Kiếp kiếp mọi việc ác
Thảy đều nên xả bỏ,

Hoặc ở nơi vắng vẻ
Tự tại biết các pháp
Thế nên xin muốn hỏi
Riêng làm việc thế tục.
Trí công đức thần túc
Diệt sạch mọi hành nghiệp
Từ đây đến cõi khác
Không khen, tưởng Từ tâm,
Cúng dường các Đức Phật
Cũng không tưởng chư Phật
Thế nên xin muốn hỏi
Thương người đời mà hiện.
Khi ấy ma lại đến
Đều cùng vào đại hội
Liền dùng sức đạo pháp
Chúng ma đều tự hoại,
Khi hàng phục ma rồi
Tự chứng thành Chánh giác
Thế nên xin muốn hỏi
Công ấy là hơn hết.
Tất cả ở trong đất
Đất hiện lên tòa vàng
Lúc đó hiểu được đạo
Trí Phật không thể lường,
Liền đi đến chỗ khác
Thảy đều hiểu các nghĩa
Thế nên xin muốn hỏi
Tối thượng trong loài người.
Tất cả trí công đức
Tôn quý trong tôn quý
Đã được ý như Phật
Như pháp mà kinh hành,
Cả hội mong được độ
Đạo Sư vì tất cả
Thế nên hỏi nghĩa này
Ba cõi đều nhờ ân.

Nói kệ khen ngợi Đức Phật rồi, Nguyệt Thiên tử liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát được thần thông trí tuệ và

được độ thoát cùng tột? Thế nào là Bồ-tát được phương tiện khéo léo không thể nghĩ bàn và biết được chỗ bàn luận của tâm người khác? Thế nào là Bồ-tát biết được tất cả pháp, là một hạnh, là một vị, là một nhập, là một lời dạy? Thế nào là được trí tùy ý, vì người khác mà nói? Thế nào là Bồ-tát được giới sâu xa, không có hạnh buông thả, tự đến đạo Vô thượng chánh chân, không xa lìa Phật? Những điều thưa hỏi như vậy, bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con giải thích trình bày.

Đức Phật khen Nguyệt Thiên Tử:

–Hay thay, hay thay! Này Thiên tử! Muốn học sự nghiệp của Như Lai, muốn phát thệ nguyện rộng lớn, muốn vào trong cuộc chiến lớn làm bậc thầy hướng dẫn, muốn độ tất cả, muốn làm vị thuyền trưởng, muốn chuyển bánh xe pháp lớn, muốn làm sự ban phát lớn, muốn làm thân pháp lớn, muốn mưa trận mưa pháp lớn, muốn đốt lửa đại pháp, muốn đánh trống đại pháp, muốn dựng cờ phướn pháp, muốn nói đại pháp giới, muốn phát ra tiếng đại pháp, muốn tu sửa đại pháp anh, muốn hiển hiện trí đại pháp, muốn đoạn sự cúng tế tà kiến, muốn tạo dựng sự cúng kính đúng chánh pháp, những việc làm như vậy không thể tính được.

Nguyệt Thiên tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con vì tất cả, đem nghĩa này thưa hỏi Như Lai.

Đức Phật bảo:

–Này Thiên tử! Hãy lắng nghe lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì ông mà nói: Đại Bồ-tát là bậc đại trí giới rất sâu xa, tự đạt đạo Vô thượng chánh chân, thành bậc Chánh giác cao tột. Này Thiên tử! Hãy lắng nghe Đức Thế Tôn nói.

Lúc đó, Nguyệt Thiên tử cùng các đại chúng, chắp tay lắng nghe để lãnh nhận lời chỉ dạy.

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Bồ-tát có bốn pháp giúp đạt được đại thần thông đệ nhất sai biệt. Những gì là bốn?

1. Biết được những tướng trạng của tất cả pháp, không có sự tăng giảm.

2. Cầu tìm tất cả pháp.

3. Tất cả pháp không có cùng tận, được định an ổn, chứng được sở học.

4. Không thấy tất cả các pháp lìa pháp tánh, ngoài pháp giới không có chỗ mong muốn mà tưởng chắc.

Đó là bốn pháp.

Này Thiên tử! Thế nào là biết tướng trạng của pháp? Biết quá khứ cũng không, tương lai cũng không, hiện tại cũng không, mọi sở hữu cũng đều không, giống như hư không. Này Thiên tử! Luôn ở trong thiền định mà tìm cầu ái không, đều không biết xứ. Đó gọi là hiểu biết. Này Thiên tử! Biết thị xứ gọi là hiểu biết phân biệt; hiểu rồi, đem sự hiểu đó lần lượt truyền trao: Thị xứ, tri xứ, tạo lập xứ, phân biệt xứ, như thị xứ, giải nghĩa xứ, lần lượt truyền cho nhau. Đó gọi là công đức.

Này Thiên tử! Thế nào là được tất cả pháp? Pháp cũng không tưởng ngã, ngã cũng không tưởng pháp, pháp khởi thì khởi, pháp trụ thì trụ. Này Thiên tử! Tất cả pháp như vậy, là ngã sở, chẳng phải ngã sở, tất cả đều không. Bồ-tát như vậy là trước đã chuyển. Vì trước đã chuyển, là không vì cái vui mà khởi lên diệt xứ. Vì sao? Vì mọi sở hữu, là không sở hữu; đối với không sở hữu, ở ngoài các pháp mà suy nghĩ; tuy suy nghĩ, nhưng không đối với các pháp khác mà có sự học, cũng không có sự giảng nói, cũng không có sự trụ; tuy đối với các pháp khác làm ánh sáng lớn, nhưng với pháp cũng không thực hành, cũng không học.

Này Thiên tử! Thế nào là Bồ-tát biết được các pháp bình đẳng, tâm như hư không? Sự tạo tác của ba cõi?

Này Thiên tử! Tâm không có hình thể, cũng không thể thấy nơi chỗ trụ dừng, cũng không thể biết nó như hư huyễn; tâm là tâm pháp, tìm tâm cũng không thể được; như vậy tâm, tâm pháp, tìm tâm rõ ràng là không thể được; tâm ấy lại không thể biết. Tâm của tất cả các pháp là như vậy, cũng không thể được, lại chẳng thể được. Nắm vững pháp đó là không sở hữu, rồi xét kỹ mọi sở hữu đều như huyễn hóa, như hình bóng. Như vậy, biết tất cả các pháp là không thật; đã là không thật, thì tất cả các pháp không học mà tự biết. Như vậy, biết tất cả pháp cũng ngang bằng như hư không. Này Thiên tử! Như hư không thì không thể thấy, cũng không có sinh, cũng không có lớn; biết tất cả các pháp cũng lại thế nên. Như vậy, hư không cũng như hư không, vắng lặng trong sạch. Các pháp cũng vắng lặng và trong sạch như vậy.

Này Thiên tử! Thế nào là Bồ-tát biết được pháp tánh của tất cả các pháp? Này Thiên tử! Bồ-tát nên học như vầy: "Các pháp cũng không thấy, cũng không thể được, mắt cũng không thấy tai, tai cũng không biết mắt, tai cũng không thấy mắt, mắt cũng không biết mắt, mũi cũng không thấy lưỡi, lưỡi cũng không biết lưỡi, lưỡi cũng không thấy mũi, mũi cũng không biết mũi, mũi cũng không thấy thân, thân cũng không biết thân, thân cũng không

thấy ý, ý cũng không biết ý; tất cả các pháp hoặc đi hoặc đứng, pháp ấy như thế nào, mà biết là chỗ của pháp tánh bình đẳng.” Như vậy mắt thấy, biết, phân biệt đối với pháp, lời nói đúng hay là không đúng cũng không theo. Thế nên biết được chỗ thường trụ, đối với pháp cũng không làm suy yếu. Vì sao? Vì ngoài cũng không vào, trong cũng không nhận, đối với suy yếu không suy yếu nên biết như vậy, thấy như vậy; đối với pháp cũng không có chỗ sinh, có chỗ trụ; trụ như vậy thì đều thấy tất cả. Này Thiên tử! Đó là pháp tánh. Như vậy pháp tánh cũng không khởi, cũng không diệt; đối với thị xứ, không sở hữu nhưng lại hiện ra các pháp, vì trụ không chỗ sinh, không chỗ khởi, nên xét kỹ chỉ xứ là như vậy, như mắt đang thấy, thì trí cũng như vậy, cũng không; đối với pháp tánh, cũng không có chỗ thoát, lại hưng thạnh mà dừng trụ, các pháp và pháp tánh kia đều vắng lặng. Này Thiên tử! Đó là bốn pháp, giúp Bồ-tát đạt được đại thần thông trí tuệ, được độ thoát cùng tột.

Này Thiên tử! Thế nào là thần thông? Thế nào là trí?

Này Thiên tử! Thần thông là biết được nghĩa cốt yếu của tất cả các pháp, mỗi mỗi pháp ấy trí đều hiểu rõ. Thế nên, này Thiên tử! Đó gọi là thần thông; đối với tất cả các pháp, tự biết ngã và ngã danh, này Thiên tử! Ngã là không tham bướng. Đó là pháp sáng suốt. Này Thiên tử! Bồ-tát sử dụng sẽ mau được đại thần thông trí tuệ, đối với sở nguyện không nhàm chán. Vì sao? Vì muốn sở nguyện được đầy đủ, như vậy là trí. Này Thiên tử! Bồ-tát hơn mắt người thường, đạt được Thiên nhãn tịnh, đều thấy được mười phương với vô số ức ngàn vạn cõi chư Phật, không thể tính đếm; ở trong các cõi đó; được thấy chư Phật Thế Tôn và các chúng đệ tử; dùng Thiên nhĩ nghe chư Phật Thế Tôn nói pháp, nghe đều hiểu biết; đều biết rõ những việc trên dưới trong ngoài của tất cả nhân dân có học hay không học; hoặc dùng Thần túc dạo chơi đến khắp cõi chư Phật; đều biết rõ chỗ trải qua trong vô số kiếp đời trước; tìm biết trong ý nghĩ của mọi người, ngọn gốc từ đâu sinh ra thảy đều biết hết; Bồ-tát dùng trí này để tự chứng đắc, lại có thể vì tất cả mà nói pháp; như vậy là trí.

Này Thiên tử! Đại Bồ-tát đạt được Nhất thiết trí, được Đức Phật ấn khả thì đều được trụ và mau được pháp của chư Phật, thành đạo Vô thượng chánh chân bậc Chánh giác cao tột.

Bấy giờ, Đức Phật liền nói kệ:

Đối với đại thần thông
Thảy đều được đầy đủ
Khéo quyền biến ban cho

Thấy liền tướng công đức.
Như vậy đều từ một
Biết rõ tất cả pháp
Giới đức rất sạch trong
Cũng đều do đạt được.
Vì lý do như vậy
Mà biết hết các pháp
Trọn không có hành nghiệp
Nhớ nghĩ có vượt qua.
Tất cả không sở hữu
Pháp ấy cũng như vậy
Ví như là hư không
Nghĩa pháp không sai khác.
Với pháp chắc chắn này
Thì mới được thấy pháp
Không sinh nghi pháp giới
Nhờ đó hiểu biết rõ.
Vì không dùng pháp phục
Mà đều biết đầy đủ
Phân biệt hiểu rõ ràng
Tự đạt được thần thông.
Các pháp quá khứ ấy
Đều biết là hư không
Các pháp ở tương lai
Cũng lại không sở hữu.
Nay các pháp hiện tại
Cũng ngang bằng hư không
Người thấy được như vậy
Tất cả đều bằng nhau.
Các pháp ba đời này
Thảy đều như hư không
Cũng chẳng phải ngã sở
Cũng không phải là ngã.
Vì tự biết một đời
Tất cả cũng như thế
Như vậy mọi sở kiến
Khiến tăng thêm niềm tin.
Biết điều đó như vậy

Công đức không gì bằng
Nói pháp, vì tất cả
Cũng không tưởng ở pháp,
Cũng không có sân hận
Không nói đúng hay sai
Cũng không có chỗ nghi
Cũng lại không chỗ học,
Điều ấy đã như vậy
Liền tạo lập các pháp
Với mọi sự tu tập
Đều không còn có gì.
Đối với các pháp khác
Các pháp đều như thế
Không đối với pháp khác
Mà lại có sở kiến,
Như vậy cũng không sinh
Cũng lại không có gì
Cho nên không chỗ vào
Cũng lại không nắm bắt,
Liền đạt được công đức
Vì tất cả nói pháp
Diễn rộng nghĩa các pháp
Với đạo không chỗ nghĩ.
Tâm ấy với ba cõi
Vui thích được kham nhậm
Tâm đã là như vậy
Là điều không thể thấy.
Như hình bóng không sắc
Hình ấy cũng như vậy
Với pháp có chỗ cầu
Tâm ấy là đã dừng.
Nếu có với pháp này
Muốn tìm cầu tâm ấy
Pháp cũng chẳng thấy tâm
Tâm cũng chẳng thấy pháp.
Đối với tâm như vậy
Tâm lại tìm cầu tâm
Tâm đã là như vậy

Đều thấy các tập khí.
Các pháp cũng như vậy
Không thể thấy rõ pháp
Tất cả mọi tư tưởng
Không thể làm ngăn ngại.
Tất cả pháp chưa thành
Ta đều đã biện luận
Pháp ấy như hư không
Luôn trụ không tăng giảm.
Ví như là hư không
Chỗ sinh, không chỗ có
Nó đã là như vậy
Vì thấy tất cả pháp.
Cũng không với hư không
Mà có chỗ làm ra
Như vậy gọi là tốt
Các pháp cũng như vậy.
Mắt cũng không thấy tai
Tai cũng không thấy mắt
Lưỡi cũng không thấy mũi
Mũi cũng không thấy lưỡi
Thân cũng không thấy ý
Ý cũng không thấy thân
Đều ở đúng vị trí
Mỗi mỗi không thấy nhau.
Nếu nghe từ người khác
Hoặc là tự mình biết
Đều có thể như vậy
Vì người nói pháp giới.
Pháp giới là như vậy
Thì mới là bình đẳng
Sáu suy không biết ngã
Ngã cũng không biết suy,
Thảy đều biết như vậy
Học hỏi việc các pháp
Người học được như vậy
Tuệ ấy không thể lường.
Đều thấy khắp mười phương

Vô số ức ngàn Phật
Và cùng chúng đệ tử
Đều nghe Phật thuyết pháp.
Ai đối với pháp này
Vì người, nói rộng khắp
Đó là vô lượng tuệ
Và là rất trong sạch.
Khéo nói công đức giới
Mà được nghe đầy đủ
Hiểu rõ với các nghĩa
Vì phân biệt đầy đủ.
Đều hiểu biết tất cả
Sở niệm của tâm ấy
Liền dùng sức thần túc
Dạo chơi đến các cõi.
Đến muôn ngàn ức kiếp
Vô số cát sông Hằng
Việc làm của đời trước
Thảy đều thấy biết rõ.
Lại đối với hành này
Vì đã được năm thông
Nhân đó được gần kề
Bậc an ổn vô thượng.
An trụ chỗ Đức Phật
Đều là đã được trụ
Người nào chưa được đạo
Nên cầu nghĩa đạo này.
Đối với các pháp quán
Đều rỗng, không chỗ thấy
Liền phát ý phấn khởi
Vui mừng không gì bằng.
Tất cả các chúng ma
Không động đến sợi lông
Mau đạt được Chánh giác
Bậc Tối Tôn Vô Thượng.

Này Thiên tử! Lại có bốn pháp, làm cho Đại Bồ-tát đạt được công đức khéo léo quyền biến phương tiện không thể nghĩ bàn. Bốn pháp đó là:

1. Được công đức trí tuệ đời trước.

2. Thấy có người không chỗ nương tựa, người lạnh (thiếu mặc) người khổ (thiếu ăn) người đau khổ, người sầu lo; thấy các độc khổ này, liền phát ý dũng mãnh cứu giúp và dạy họ khiến cho họ mong cầu Phật đạo.

3. Dùng các pháp thọ trì ý Phật, để tâm tất cả; đem phước công đức xa xưa của đời trước, khuyến khích, giúp đỡ; lại đem phước công đức của tất cả chư Phật ở quá khứ, khuyến khích giúp đỡ họ khiến họ bỏ, xa lìa sầu lo khổ sở để được giải thoát; rồi đem công đức này, hồi hướng cho những người ách nạn chịu mọi điều khổ sở.

4. Chưa từng phát những ý bất mãn với tất cả các nguyện, ý cũng chưa từng phát ý lậu thoát, hoặc khiến người không đến đạo; cũng chưa từng khiến tất cả mọi người không đến đạo. Như tâm ta muốn đến đạo, đạo cũng đón tâm ta; như vậy trí liền đón tâm, tâm liền đắc đạo, trí dùng phương tiện khéo léo đối với công đức làm tăng thêm lợi ích, không ở nơi pháp giới có chỗ hoại; đối với chỗ học của pháp, chỗ nghĩ bàn không có nhàm chán; đối với các công đức cũng không nhàm chán. Như vậy, các công đức tạo được càng tăng thêm gấp bội, không nhàm chán, đối với tâm pháp chẳng có sự quên mất, tâm đối với công đức cũng không chỗ mất; luôn thực hành tâm ban cho trong sạch không có sự mong cầu; luôn thọ trì giới cấm không thiếu, không giảm; đối với sức nhịn nhục không gì lay động; đối với tinh tấn không biếng nhác; đối với thiền định không rối loạn; đối với trí tuệ không ngu si; thường cúng dường tất cả không chút tham tiếc; dùng lòng lành báo ân để không còn chỗ sầu lo; suy nghĩ chỗ sinh đạt đến chỗ không sinh, mong muốn được nói pháp; lo lắng và mong muốn cho tất cả đều độ thoát.

Này Thiên tử! Hạnh của Bồ-tát là như vậy. Nếu có ai biết phước mình còn nhỏ, dùng phương tiện khéo léo để tạo ra vô số phước không thể lường. Này Thiên tử! Bồ-tát đối với tất cả pháp ấy đều đạt được trí không thể tính; đối với các pháp, không có pháp nào mà không biết, không có pháp nào mà không rõ. Vì sao? Vì tất cả các pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện; cái không như vậy không thể tính, tâm đạt được không thể tính, làm một ít công đức, dùng phương tiện khéo léo tạo ra vô số không lường. Vì sao? Vì như vậy, đạo không thể lường, tâm cũng như thế. Như vậy, hành cũng không thể lường, pháp không ngằn mé cũng không thể lường, tùy theo pháp không ngằn mé cũng không thể lường; như vậy, đạo pháp chư Phật Thế Tôn cũng không ngằn mé không thể lường.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát dùng phương tiện khéo léo, nên đối với tất cả hành đều vượt qua hết vượt qua rồi thì tùy theo sự vui thích của tất

cả mọi người–người bố thí, người mong cầu, người thuyết pháp–dùng pháp mà độ thoát họ.

Lại nữa, này Thiên tử! Như vậy Bồ-tát đạt được vô số pháp mà mình đã hành là không thể tính; đối với việc Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ đều đầy đủ. Đối với người khổ sở không có tâm coi thường; đối với giới không có khuyết giảm, dùng giới để có lợi ích lâu dài, vì tất cả mọi người mà nhịn nhục, nếu có người mắng chửi xem thường đều nhịn chịu, từ sự siêng năng mà hợp thành các đức lành; từ thiền định mà đạt được các định, từ trí tuệ mà không còn trở ngại.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát dùng phương tiện khéo léo đối với đệ tử hiện hành, tùy theo pháp ấy mà giáo hóa họ, tự họ không còn chỗ mong cầu; đối với Bích-chi-phật hiện hành, dùng giáo pháp ấy mà giáo hóa họ, giúp họ ở trong pháp ấy không còn chỗ mong cầu. Này Thiên tử! Bồ-tát dùng bốn pháp này, được trí tuệ quyền biến khéo léo không thể nghĩ bàn.

Đức Phật liền nói kệ:

Khổ ấy gồm có hai
Là ta và người khác
Tự diệt khổ chính mình
Và diệt khổ người khác.
Lo nghĩ của mọi người
Khiến tâm ngộ được đạo
Với pháp, tâm cũng vậy
Đều khiến hiểu một nghĩa.
Do phước của mọi người
Ba đời hành khổ nhọc
Chư Phật đã tạo phước
Đều khuyên giúp tất cả.
Dùng phước công đức này
Hồi hướng cho tất cả
Đối với tâm sở nguyện
Mau chóng được Phật tuệ.
Khiến tất cả phát ý
Đều học đạo Chánh chân
Tâm không ở ngoài đạo
Mà không có sự cầu.
Tâm chẳng mong cầu đạo
Nhìn cũng không thể thấy

Tướng đạo tâm như vậy
Tướng tâm cũng như thế.
Pháp bình đẳng như vậy
Với ngã, cũng không ngã
Tự thấy biết công đức
Công đức càng trong sáng.
Với thân không chỗ tăng
Pháp giới khó nghĩ bàn
Thường trụ ở Chánh đạo
Thế mới là cầu Phật.
Tâm ấy chưa từng nghĩ
Tôn trọng được lợi ích
Tâm tồn tại nơi đạo
Siêng năng không biếng nhác.
Bố thí không nhàm chán
Thường giữ gìn giới cấm
Nhẫn nhục cũng như vậy
Chẳng tạo gốc con người,
Ngày ngày siêng năng hành
Thường tự nghĩ thân không
Thiền định được vắng lặng
Trí tuệ độ tất cả.
Nuôi dưỡng hết mọi người
Việc làm như hoa sen
Ban cho giới, đều sạch
Không trông mong người khác.
Thường nguyện cầu Phật tuệ
Các pháp đều biết rõ
Học tập tất cả pháp
Tuệ ấy khó nghĩ bàn.
Vì tất cả nói pháp
Mà không có trở ngại
Nếu có được hạnh này
Đó chính là Bồ-tát.
Hiểu rõ thảy đều không
Cho ít, quả vô lượng
Không tưởng có và không
Tâm chưa từng buông lung,

Đều biết tất cả hạnh
Độ thoát như sở nguyện
Ban cho theo mong muốn
Thuyết pháp giáo hóa họ.
Đã cho thì không hối
Trì giới không thiếu khuyết
Nhẫn nhục và siêng năng
Thiền tuệ không tự đại.
Bố thí và Trì giới
Nhẫn nhục và Tinh tấn
Với Thiền định Tam-muội
Cho Tuệ mà điều phục.
Đối với hàng Thanh văn
Và hàng Bích-chi-phật
Độ thoát theo chỗ muốn
Bên trong không theo cảnh.
Vững trụ ở pháp này
Bồ-tát không chỗ đắm
Quyền tuệ khó nghĩ bàn
Mau chóng độ tất cả.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát có bốn pháp, tất cả pháp là một vị, một nhập, một thuyết, trí ấy đều thấu rõ các nghĩa. Những gì là bốn? Bồ-tát đối với pháp giới, được công đức Nhất thiết trí mà không có chỗ phá hoại; tin tất cả các pháp đều không; đối với pháp giới, cũng không nói, là ta làm, hay chẳng phải ta làm. Vì sao? Vì cái mà ta làm cũng không, chẳng phải cái ta làm đều không. Vì sao? Vì phá bỏ các tập khí chấp trước, liền được trí biết tất cả pháp.

Này Thiên tử! Đó là bốn pháp. Bồ-tát biết được tất cả pháp là một vị, một nhập, một thuyết. Trí như vậy là hiểu đạt nghĩa các trí, nên biết như vậy, thấy như vậy; hoặc đối với thế tục, hoặc đối với dùng lòng từ truyền cho nhau giáo pháp; nếu có hành giả thực hành pháp đó, nên chỉ họ thực hành; nếu người có ân nên báo ân họ; nếu có người trụ lập nên kiến lập cho họ; dùng pháp đại Bi mà chuyển hóa họ; đối với các pháp, không nói hay nghĩ pháp này là cao, pháp kia là thấp, cũng không đối với nhập pháp, cũng không đối với hành pháp, cũng không đối với tất cả pháp mà có sở kiến; học biết pháp của người phàm, liền thực hành pháp của người phàm; đối với pháp của người phàm, cũng không khen, cũng không chê; đối với một việc này, mà hoại pháp tập khí chấp trước cũng vậy; phải nói rộng tất cả

pháp, đối với các pháp giới, không có chỗ hoại. Vì sao? Vì được một nhẫn, là nhẫn đối với không; đối với nhẫn không đó mà không nghi ngờ, như một nhập, các pháp nhập cũng vậy, như nhập không chỗ sinh.

Này Thiên tử! Như vậy Bồ-tát bậc được gần gũi Đức Phật Thế Tôn và đạo Vô thượng chánh chân, nhưng cũng không nghĩ tưởng là gần Phật hay không gần Phật. Vì sao? Vì không thấy một việc nào hoại. Vì sao? Vì cũng không thấy tất cả mọi người khác, cũng không thấy đạo khác, cũng không thấy mọi người, cũng lại không thấy đối với đạo.

Khi ấy Đức Phật lại nói kệ:

Với pháp giới không nói phải, trái
Với pháp giới, cũng chẳng phá hoại
Pháp giới như vậy, thảy đều Như
Nếu không suy nghĩ, không rõ nghĩa,
Đã tin pháp này tất cả không
Sáu suy dài lâu cùng không hôi
Các pháp vắng lặng, được tự tại
Nhất xứ không, các pháp cũng vậy.
Với pháp không thấy, không thể nhìn
Cũng lại không ngã, không thể giữ
Nếu ta học được pháp như thế
Như vậy đạo ý hiểu rõ ràng.
Thực hành vắng lặng, được không tạng
Chỉ cùng tướng, tùy các pháp xứ
Đều biết các pháp là vắng lặng
Với vắng lặng này, đều đạt được,
Đều biết pháp thế gian hơn hết
Như vậy không nghi, không trở lại
Với nguyện không đoạn, nguyện liên tục
Nghe pháp luôn nghĩ không biếng nhác.
Đối với vô số không thể tính
Việc thân ấy làm không tự thấy
Luân hồi năm nẻo, không thấy pháp
Người phàm, La-hán mới được biết,
Người này tu tập thường tụng niệm
Như vậy là thờ pháp La-hán
Cũng lại không khen, cũng không chê
Vắng lặng không thọ trì mới biết.
Tất cả các pháp thảy đều biết

Với pháp giới không có chỗ hoại
Nhẫn nhục, hư không, bằng, không khác
Các pháp hư không đều như vậy.
Hư không, nhẫn nhục, không chỗ nhớ
Tất cả các pháp vào một trí
Không từ đâu sinh, không tập sinh
Thực hành theo đạo không khó gì.
Như vậy gần gũi vô lượng đạo
Do vậy tâm niệm không biếng lười
Hoặc ta hoặc người, pháp như vậy
Chỗ cầu không được mới hiểu đạo.

Này Thiên tử! Bồ-tát lại có bốn pháp, đối với giới sâu dày thực hành không buông thả. Những gì là bốn?

Này Thiên tử! Bồ-tát suy nghĩ: Những gì gọi là giới? Chính mình thấy những việc của thân làm như vậy và đều biết thân làm lành, miệng nói điều tốt, tâm nghĩ tốt. Đó gọi là giới. Thế nào là thân làm, miệng nói, tâm nghĩ? Thân không phạm những việc: Không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục. Đó là thân làm lành. Thế nào là miệng nói tốt? Miệng không nói ác, không nói hai lưỡi, không nói dối trá, không nói thêu dệt. Đó là miệng nói tốt. Thế nào là ý nghĩ tốt? Không ganh ghét, không tức giận, không tà kiến. Đó là ý nghĩ tốt. Như vậy là tự thấy được chính mình. Vì lý do đó, cho nên được đầy đủ sở hành của thân, khẩu, ý là không làm những việc này, thì công đức ấy, không thể nói hết; cũng không có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, mà không lìa sắc, cũng không nhãn thức mà có thể biết, như vậy cũng không ý thức phân biệt mà có thể biết. Vì sao? Vì đối với không sinh, không chỗ sinh; đối với khởi, không chỗ khởi; như vậy, không sinh không chỗ sinh, không khởi không chỗ khởi liền được công đức không thể diễn nói khắp hết được. Khi ấy, tâm sẽ yên ổn không thể lay động, như vậy là không tương phùng, không có thể diễn nói hết; không có thể diễn nói hết được như vậy, cũng không tự nói ta có thể làm, hay là nói ta có thể thực hành, tâm cũng không thể thấy. Như vậy nói tâm, giới cũng lại không thể thấy hết dấu vết.

Này Thiên tử! Như vậy Bồ-tát mau đạt được công đức của giới thâm sâu.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát biết công đức lìa sở kiến thân; biết sở kiến không chỗ khởi; hoặc giới hoặc không giới đều bình đẳng không có chỗ làm.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát được trụ vào pháp yếu sâu dày, nên dò xét như vầy: Mọi việc học được đều phải thực hành hạnh nguyện sâu xa; đối với hạnh của tất cả các thừa đều phải thực hành. Đó là giới, thực hành như vậy, là không tự lừa dối mình, cũng không lừa dối người. Đó là giới thâm sâu.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát được giới không phạm, giới không thiếu sót, giới không quên mất. Thế nào là Bồ-tát được giới không phạm, giới không thiếu sót, giới không quên mất?

Này Thiên tử! Người có khả năng tự bảo vệ chính mình, thì có khả năng bảo vệ và giữ gìn. Này Thiên tử! Người tự biết chính mình, thì có khả năng biết giới, không khinh thường giới; đối với sự học không chỗ khuyết, đối với giới không mất. Vì lý do đó, cho nên, không mất giới và đều biết được pháp của tất cả người khác. Sao gọi là người khác, ta ở tại chỗ nào? Việc không oán giận người khác, cũng vậy. Này Thiên tử! Vì lý do đó, cho nên, có thể độ thoát cho tất cả mọi người. Này Thiên tử! Đó là bốn pháp, Bồ-tát được giới sâu dày mà không buông lung.

Đức Phật lại nói kệ:

Việc thân miệng ý làm
Pháp trong sạch lại sạch
Hạnh ấy hơn ngọc báu
Chính là giới Bồ-tát.
Mười lành là hơn hết
Bồ-tát giữ gìn pháp
Thân miệng ý không khuyết
Giới ấy là rất sáng.
Không làm, cũng không sinh
Với sinh, mà không sinh
Không loài không nơi trụ
Làm sao được vô trí?
Không chỗ tạo tác giới
Mắt nhìn không thể thấy
Chẳng phải tai, mũi, miệng
Chẳng phải thân, ý, thức.
Không tạo gốc sáu tình
Cũng không chỗ để trụ
Giới này rất trong sạch
Giới cũng không chỗ trụ.

Giữ giới không buông lung
Với giới không ngã tưởng
Giữ giới, không nghĩ giới
Nên được giới sâu xa.
Như vậy thấy thân hành
Xa lìa mọi sự thấy
Không mong cầu chỗ thấy
Với giới, không nghĩ, tưởng.
Như luật vào pháp sâu
Hoàn tất được các hạnh
Diệt nghiệp lại hộ giới
Với giới không tưởng khác.
Có ta liền có giới
Không ta cũng không giới
Nói thế là sợ hãi
Biết ta thì có giới.
Không nghĩ giới rỗng lặng
Không chấp giới vắng lặng
Giới rỗng lặng, không thời
Vắng lặng không suy nghĩ.
Giới vô thượng không thiếu
Với giới không cống cao
Giới cũng không ngã tưởng
Đó là giới sâu dày.
Với giới rất dũng mãnh
Giới chẳng làm, chẳng thiện
Giới đầy đủ các hành
Không thể được các pháp.
Giới có tưởng là si
Không giới nói giữ giới
Đó là diệt quả giới
Không thoát khỏi năm đường.
Xa lìa mọi tà kiến
Ngã sở đều không dùng
Giới cũng không chỗ thấy
Không sợ ở năm đường.
Nhìn không thấy là thấy
Giới không thêm không tốt

Với ta mà không bệnh
Đều thấy tu tập giới.

-oOo-

PHẬT THUYẾT ĐẠO THẦN TÚC VÔ CỰC BIẾN HÓA KINH

QUYỂN 2

Lúc đó, Nguyệt Thiên tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất kỳ lạ, chỉ có Đức Như Lai thâm diệu mới được như vậy. Đấy chính là đạo Vô thượng chánh chân của Phật Thế Tôn, chỗ thực hành sự bố thí của Bồ-tát, rất kỳ lạ. Như vậy gọi là mắt thấy các pháp hạnh, không khởi lên hành nghiệp, tự cho mình tốt, lợi ích cho bản thân thì sẽ hoại chánh đạo; từ lâu, hành nghiệp đã đoạn lìa thân tưởng, thực hành trong vô số kiếp mà không rơi xuống địa vị Thanh văn và Bích-chi-phật, lại không rơi vào rốt ráo đối với đạo. Pháp Phật đầy đủ có bao nhiêu pháp. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đối với pháp hạnh sâu xa, chứ không đối với ức, trăm, ngàn, vạn Phật, mà chứng đắc.

Đức Phật bảo:

–Này Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc để được pháp hạnh sâu xa, không đối với ức, trăm, ngàn, vạn Phật làm chỗ chứng đắc. Những gì là bốn?

Này Thiên tử! Bồ-tát vững vàng ở các pháp yếu, dùng Nhất thiết trí xuất gia rống tiếng rống lớn để được tinh tấn, mà không khiếp nhược. Lại vì tất cả, bỏ mọi cái mình có. Trụ vững ở việc bố thí thì liền được đại Bi. Như Đức Phật đã nói, đã hỏi, đều trả lời là mau được quyền biến phương tiện khéo léo đối với tất cả công đức đã thành tựu, lại thành tựu các công đức khác.

Này Thiên tử! Đó là bốn việc, đối với pháp hạnh sâu xa của Bồ-tát, không đối với vô số ức, trăm, ngàn Phật mà cầu chứng đắc.

Đức Phật lại nói kệ:

Đứng vững vào việc làm
Trí ấy cũng như vậy
Đời trước đã được trí
Cũng quyết không buông bỏ.
Nên dùng Nhất thiết trí
Việc làm không sầu lo

Tất cả mọi hình sắc
Đều biết rõ hết thảy.
Việc làm luôn siêng năng
Suốt đời không buông lung
Tâm cũng không mệt mỏi
Các hành cũng như vậy.
Tất cả việc làm ấy
Đều mong cho tất cả
Với chúng sinh như vậy
Thường có tâm bình đẳng.
Luôn khởi lòng thương lớn
Lo nghĩ đến mọi người
Thương xót người đau khổ
Đều muốn khiến an ổn.
Nguyện mau được thành Phật
Chấm dứt mọi khổ não
Đạt được các ngọc báu
Nhiều không thể kể hết.
Thường dùng tuệ thiện quyền
Học hỏi các phương tiện
Siêng năng làm công đức
Thực hành không nhàm chán.
Chỗ làm được rốt ráo
Ứng hợp với hạnh ấy
An ổn nơi chánh đạo
Không nghĩ đến chỗ ở.
Đem các pháp như thế
Giữ gìn cho chắc chắn
Là hạnh của Bồ-tát
Các hạnh đều biết rõ.
Đối với pháp sâu xa
Các hành đều đầy đủ
Với ức trăm ngàn Phật
Việc làm không biếng nhác.

Khi ấy, Nguyệt Thiên Tử bạch Phật:

–Thế nào là Bồ-tát được pháp hạnh sâu xa?

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Bồ-tát không mong cầu pháp của người phàm; cũng không mong cầu của Phật; cũng không nghi ngờ pháp của người phàm; đối với pháp của Phật, pháp của người phàm đều bình đẳng không khác; không cầu pháp của người phàm; cũng không nắm bắt, không quên mất pháp của Phật; đối với người phàm, cũng không khác; đối với pháp Phật cũng không khác, cũng không nghĩ đến điều đó; không nói pháp người phàm là không tôn kính, pháp của Phật là tôn kính; đối với pháp người phàm, cũng không chỗ dứt bỏ, đối với pháp Phật cũng không chỗ dứt bỏ. Như vậy trong cái sinh lại sinh, đó gọi là pháp người phàm; pháp Phật cũng như vậy. Hai pháp này là rỗng không, là vắng lặng, là chắc chắn, như vậy là biết không xứ; đối với pháp người phàm cũng không có chỗ cầu; đối với pháp Phật cũng không có chỗ cầu; đối với pháp của người phàm không có nơi sở hữu; đối với pháp Phật cũng không có nơi sở hữu. Hai pháp này, không thấy có người phàm, cũng không thấy không có người phàm; như vậy cái biết như là mắt thấy, sự thấy đó đều là Không, đều là Vô tướng, đều là Vô nguyện như vậy trí tuệ như chỗ mắt đã thấy; trí như vậy là pháp Phật; đối với pháp Phật cũng không có và không, cũng không nghĩ là có chỗ an ổn, có chỗ khổ, cũng không nghĩ là tốt, là xấu, tất cả đều không, cũng như hư không. Trong cái không, cũng không ở trong cái không mà thấy cái không, cũng không biết, cũng không cầu. Vì sao? Vì đã là tập thì có già, có khởi. Này Thiên tử! Mỗi một pháp, đối với pháp, gọi là pháp trụ, pháp diệt, pháp tịch, lúc đó cũng không tự thấy, cũng không chỗ thấy, cũng không tự biết, cũng không chỗ biết. Vì sao? Vì hoặc người phàm, hoặc đệ tử, hoặc Bích-chi-phật, hoặc Chánh Đẳng Giác, hoặc thọ ký, hoặc hành nghiệp ở các địa.

Này Thiên tử! Bồ-tát chẳng đối với các pháp chẳng không, với pháp Phật chẳng không. Vì sao? Này Thiên tử! Pháp là âm thanh pháp, là âm lành này và âm lành kia, thế nên không thể được và như vậy là không thể được. Đó là vô ngã; vì vô ngã như vậy, cho nên không nói là có trụ, không trụ mà qua. Này Thiên tử! Như vậy, các pháp không thể đếm, pháp Phật cũng không sai khác. Này Thiên tử! Do ví dụ như vậy, nên xem xét các pháp như vầy: Pháp Phật và các pháp phải thường suy nghĩ để thực hành và lại nghĩ như là thực hành vậy, thế nên khởi không phải thức nghĩ, thực hành cũng không thể thức nghĩ, đối với pháp Phật cũng không chỗ suy nghĩ. Như vậy, là từ suy nghĩ mà khởi lên, chẳng phải trí như vậy, đối với pháp giới không có chỗ tăng, cũng không trụ, cũng không phải không trụ.

Lại nữa, trí tập pháp không thể đối với pháp mà có chỗ tăng giảm. Vì sao? Vì nếu có ham thích cầu pháp, không ham thích cầu pháp, đều hiểu

biết. Sao gọi là muốn, sao gọi là không muốn? Vì đã biết rõ đối với pháp ấy, lại không chạy theo. Thế nên, này Thiên tử! Bồ-tát được hạnh sâu xa, nên quán sát như vậy thì trọn không thấy ở pháp, trọn cũng không đối với pháp Phật mà thấy như vậy, quán sát như vậy, vì không thấy nên phải xem xét.

Này Thiên tử! Nói như vậy ma hoặc ma trời không thể nào hoại Bồ-tát. Này Thiên tử! Đức Phật nói như thế đó!

Đức Phật vừa trình bày xong, Nguyệt Thiên tử liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những việc làm của Đại Bồ-tát rất sâu xa kỳ lạ và đặc biệt, biết đầy đủ các việc của trí tuệ; đối với sinh tử biết rõ như vậy mới làm những việc cầu đạo, mà không biếng nhác, như vậy khởi, diệt, trên, dưới mới không thể tận.

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Ví như huyễn hóa; hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc chỗ cầu, hoặc chỗ nói; đều cũng không chỗ có.

Này Thiên tử! Ví như huyễn hóa; muốn biết, tất cả các pháp đều như vậy, tất cả các pháp khởi, diệt, quá khứ, tương lai, hiện tại số kiếp ấy, cũng như vậy. Bồ-tát cũng không nghĩ khởi lên, cũng không nghĩ đến việc mình làm của đời trước.

Thiên tử lại hỏi:

–Tại sao Đức Thế Tôn nói Bồ-tát không nghĩ có khởi lên chỗ sinh? Vì sao Đức Phật lên cung trời Đao-lợi, đến chỗ mẫu thân ở trọn ba tháng hạ, Đức Thế Tôn có phải từ Ma-da sinh ra không?

Đức Phật trả lời Thiên tử:

–Chỗ sinh của Đức Như Lai, không từ pháp sinh tử, mà là trụ vào như như. Như là không đến, không đi; Phật sinh như vậy.

Đức Phật nói tiếp:

–Này Thiên tử! Chư Phật từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra; chư Phật Thế Tôn đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra. Vì sao vậy? Ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, không từ Ma-da sinh ra. Này Thiên tử! Nên học Bát-nhã ba-la-mật như vậy. Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của chư Phật, ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân đều học từ Bát-nhã ba-la-mật.

Nguyệt Thiên tử bạch Phật:

–Con suy nghĩ kỹ, Bát-nhã ba-la-mật không chỗ sinh, không chỗ diệt. Vì sao Đức Thế Tôn nói Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của chư Phật?

Đức Phật nói:

–Như Thiên tử đã nói, Bồ-tát đang học, đã học Bát-nhã ba-la-mật liền được thân tướng chư Phật; ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, đều quy về mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, Tam-muội, bước đi một mình. Trí tuệ của Đức Phật biết ý của người khác đều quy về đó. Như thế, biết Đức Phật không sinh từ Ma-da. Thế nên, này Thiên tử! Nên biết trí tuệ của Phật sinh từ Bát-nhã ba-la-mật, có vô số việc của trí tuệ, không thể đếm, nay chỉ nêu sơ lược về các việc ấy, đều là như vậy.

Thiên tử lại hỏi:

–Pháp của chư Phật Thế Tôn thảy đều đầy đủ. Như vậy, Đức Như Lai như cái Như đó, tùy theo cái Như mà được thành tựu.

Này Thiên tử! Những việc đã thấy là như vậy, thì nên thấy chư Phật sinh từ Bát-nhã ba-la-mật, nhưng cũng không sinh từ Bát-nhã ba-la-mật, đối với pháp không có tưởng căn, cũng không khởi căn, cũng không tranh giành, trừ bỏ.

Thiên tử lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Đức Thế Tôn sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật đáp:

–Này Thiên tử! Như pháp của Như Lai là như như, tùy theo chỗ mà tạo ra pháp, thế nên pháp chẳng sinh, chẳng khởi, chẳng diệt. Này Thiên tử! Pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng khởi, như vậy như vậy, khác là ở trí tuệ. Trí tuệ sinh từ Bát-nhã ba-la-mật, gọi là Như Lai sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật; sinh như vậy, là chẳng sinh, chẳng khởi chẳng diệt. Chẳng sinh, chẳng khởi, chẳng diệt, Bồ-tát học tập sẽ mau gần kề Bát-nhã ba-la-mật. Này Thiên tử! Trí Bát-nhã ba-la-mật không thể tận, lại cũng không thể tận Bát-nhã ba-la-mật.

Thiên tử lại hỏi Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trí tuệ ấy, suy nghĩ thế nào? Làm sao để biết trí Bát-nhã ba-la-mật là không thể tận?

Đức Phật lại bảo Thiên tử:

–Đối với trí tuệ không suy nghĩ mà có trí. Này Thiên tử! Đối với trí tuệ, có suy nghĩ, có trí, thì chẳng phải là trí tuệ, trí tuệ không thể tận. Vì sao vậy? Này Thiên tử! Tâm biết có công lao, trọn không có thể được, không thể biết hết, nên biết như vậy, chẳng phải trí tuệ. Này Thiên tử! Trí tuệ là trí không còn suy nghĩ, nếu trí tuệ có tận thì chẳng phải là trí tuệ.

Thiên tử lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không thể tận, chỗ để hỏi từ đâu, chỗ để biết

từ đâu?

Đức Phật đáp:

–Này Thiên tử! Cái không thể tận, chẳng từ sự buông lung mà tìm cầu.

Thiên tử lại hỏi Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Không buông lung ấy, là những thứ gì?

Đức Phật đáp:

–Này Thiên tử! Làm các điều ác ở ba cõi mà không xả bỏ, cũng không lìa các ác trong ba cõi, lại đã xả bỏ các hạnh ác trong ba cõi. Này Thiên tử! Tất cả đều tùy theo các việc làm không buông lung; quả báo ấy như thế nào? Đối với ba cõi, chẳng khởi, chẳng diệt, là quả báo ấy.

Thiên tử lại hỏi Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có đệ tử, từ đây dạo qua ba cõi, vì người mà nói pháp có được chăng?

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Đối với cõi Dục có thể để đệ tử nói pháp cho đệ tử, nhưng chẳng thể có lợi ích cho cõi Dục; đối với cõi Sắc, cõi Vô sắc mà để đệ tử nói pháp cho đệ tử thì hoàn toàn không lợi ích; dùng Tam-muội dạo ở ba cõi mà nói pháp, thì không thể biết được lời dạy của Đức Thế Tôn, cũng chẳng thấy việc dùng sức Tam-muội dạo ở cõi Dục để có chỗ mà nói ra; nhưng Thiên tử cõi Vô sắc, tuy dạo ở cõi Dục lại không thể có chỗ để mà nói; dùng sức Tam-muội dạo ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, đối với những gì đã nói ở cõi Vô sắc thì không có lợi ích ở cõi Sắc, cõi Vô sắc hoàn toàn không có chỗ giải thoát. Tuy dạo ở ba cõi, chỉ có thể giải thoát cho chính mình, chẳng làm lợi ích cho người khác. Này Thiên tử! Tuy biết ba cõi, nhưng chẳng luyến ái ở ba cõi, mà giữ vững pháp không, cũng không học ở cõi Dục, không thể ở cõi Sắc, lại cũng không ở cõi Vô sắc. Như vậy là không thể ở ba cõi, cũng không sinh ở ba cõi, cũng sinh ở ba cõi, cũng không biết từ đâu mà đến.

Này Thiên tử! Là hạng người bỏ thân nên đối với thị xứ không thể biết, cũng không thấy qua, cũng chẳng thấy lại. Vì sao? Vì tất cả các pháp ở ba cõi, không gặp nhau. Này Thiên tử! Ví như hư không, chẳng sinh, chẳng thể thấy, không có người tạo ra, lại chẳng gặp, vì đã có từ quá khứ. Này Thiên tử! Tất cả các pháp trong ba cõi đều như vậy.

Khi Đức Phật nói pháp này, trong chúng các trời có bảy vạn hai ngàn Thiên tử xa lìa các pháp do cõi trần, được Pháp nhãn tịnh; có một vạn sáu

ngàn Thiên tử, đời trước đã tạo công đức, nay lại nghe nói pháp ấy, nên đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; có tám ngàn Bồ-tát đạt được Bất khởi pháp nhẫn.

Bấy giờ, người ở trong chúng hội, nương oai thần của Đức Phật, đều thấy được việc chưa từng thấy, lấy hoa ở trên áo, tung lên Đức Phật, lúc đó oai thần của Đức Phật làm cho hoa ấy biến khắp cõi trời Đao-lợi. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân đến trước Đức Phật bạch:

–Rất kỳ lạ! Bạch Thế Tôn! Các tộc tánh tử ấy đã rải hoa vốn chưa được thấy.

Bấy giờ, Nguyệt Thiên tử nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Đức Thế Tôn cũng chưa từng thấy, hoa cũng vậy. Vì sao? Này Câu-dực! Dùng tâm ấy để thấy Đức Thế Tôn, tâm ấy là diệt tận, không thể thấy được. Này Câu-dực! Như vậy việc đó có thể thấy, nhưng trước đó chưa từng thấy.

Thích Đề-hoàn Nhân lại hỏi Thiên tử:

–Thưa nhân giả! Thế nào là thấy Phật?

Thiên tử đáp:

–Như vậy là Đức Thế Tôn thấy ta; ta thấy Đức Thế Tôn, cũng lại như vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân lại hỏi Thiên tử:

–Thế nào là thấy?

Thiên tử đáp:

–Này Câu-dực! Đức Như Lai như Như sắc, như Như thọ (thống), tưởng, hành, thức đều là như Như, Ta thấy Đức Như Lai như vậy. Này Câu-dực! Ta không dùng sắc để thấy Như Lai, cũng không dùng thọ (thống), tưởng, để thấy Như Lai, cũng không dùng hành thức để thấy Như Lai. Vì sao? Vì sắc là tự nhiên, chẳng khởi, chẳng diệt; thọ (thống), tưởng, hành, thức cũng vậy. Tướng của pháp năm ấm này, tướng ấy không có tướng, đều "như" chiếu khắp. Này Câu-dực! Đức Như Lai, không thể thấy như vậy. Này Câu-dực! Ông có muốn thấy Đức Như Lai phải giống như Đức Phật thấy ta, ta thấy Đức Phật cũng vậy.

Câu-dực lại hỏi Thiên tử:

–Thế nào là như Đức Phật thấy nhân giả?

Thiên tử đáp:

–Này có Đức Phật ở đây, ông tự thưa hỏi Đức Phật.

Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân đến trước Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao Đức Như Lai thấy Nguyệt Thiên tử?

Đức Phật nói:

–Không dùng sắc để thấy; cũng không dùng thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà thấy; cũng không thấy từ đời trước; cũng không thấy đến tương lai; cũng không thấy hiện tại; cũng không thấy người phàm; cũng không thấy người phàm giải thoát; cũng không thấy nói sự học; cũng không thấy pháp không học; cũng không thấy A-la-hán; cũng không thấy pháp A-la-hán; cũng không thấy ở pháp đệ tử; cũng không thấy nơi quả vị Bích-chi-phật; cũng không thấy quả vị Phật. Đã thấy như vậy, thì này Câu-dực! Như vậy là đã thấy Phật. Thấy Phật như vậy là không chỗ thấy; không chỗ thấy như vậy chính là thấy bình đẳng; thị hiện như vậy gọi là tất cả thị hiện, đúng thật là thị hiện, phải nên xem xét như vậy. Này Câu-dực! Đó gọi là Như Lai. Đức Như Lai đối với pháp giới không chỗ khuyết giảm. Này Câu-dực! Ý ông thế nào? Đức Như Lai thấy như vậy, xem xét như vậy, là thấy những gì?

Câu-dực đáp:

–Đó gọi là thấy Phật. Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai như vậy gọi là không dính mắc đối với sắc; như vậy, Đức Như Lai đối với sắc đó, không có dính mắc, không có chấp trước.

Thích Đề-hoàn Nhân lại hỏi Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy là thấy Phật ư?

Đức Phật nói:

–Này Câu-dực! Bồ-tát đạt được nhẫn không từ đâu sinh, đối với tất cả các pháp giới đều bình đẳng cũng không lìa pháp này mà thấy pháp.

Thích Đề-hoàn Nhân lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyệt Thiên tử này đã đạt được pháp nhẫn không từ đâu sinh chưa?

Đức Phật trả lời Thích Đề-hoàn Nhân:

–Ông tự đem việc này, để hỏi Nguyệt Thiên tử, Nguyệt Thiên tử sẽ trình bày cho ông.

Nghe Đức Phật dạy như thế, Thích Đề-hoàn Nhân quay sang hỏi Nguyệt Thiên tử:

–Thưa Nhân giả! Nhân giả đã được pháp nhẫn không từ đâu sinh, phải không?

Nguyệt Thiên tử hỏi lại:

–Này Câu-dực! Nếu không có chỗ sinh mà có khởi, được không?

Thích Đề-hoàn Nhân trả lời:

–Thưa không.

Thiên tử lại nói:

–Này Câu-dực! Nếu không có chỗ sinh, không chỗ khởi; thì tại sao lại hỏi là có được pháp nhẫn không từ đâu sinh.

Thiên tử lại nói:

–Này Câu-dực! Pháp giới không chỗ sinh, ví dụ đó đúng như vậy. Thế nên, pháp giới cũng chẳng khởi, cũng chẳng diệt, đều không thể biết.

Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân liền nghĩ: "Như Nguyệt Thiên tử đã nói, vì đã được pháp nhẫn không từ đâu sinh, tức là được thân cận Phật và được Chánh đẳng Chánh giác."

Biết được tâm niệm của Thích Đề-hoàn Nhân, Nguyệt Thiên tử liền nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Người không chỗ đạt được nhẫn thì được địa vị Chánh đẳng Chánh giác không khó, người còn thấy được nhẫn thì cách quả vị Chánh đẳng Chánh giác rất xa.

Thích Đề-hoàn Nhân lại hỏi:

–Thiên tử vì sao nói như vậy?

Thiên tử đáp:

–Này Câu-dực! Người đã được nhẫn mới nói như vậy; người chẳng được nhẫn ấy không thể gần quả vị Chánh đẳng Chánh giác, người được pháp nhẫn không từ đâu sinh giống như không chỗ sinh. Như vậy là đạo.

Thích Đề-hoàn Nhân lại hỏi Thiên tử:

–Đạo từ đâu mà cầu?

Thiên tử đáp:

–Này Câu-dực! Đạo đối với ba cõi là không ngã, nên cầu đạo như thế.

Thích Đề-hoàn Nhân lại hỏi:

–Ba cõi vô ngã, làm sao mà cầu?

Thiên tử đáp:

–Như pháp là không sinh, không sinh lại không sinh, nên cầu đạo như thế. Cầu như vậy rồi; cầu như vậy tức là không cầu đối với cầu, người này là không chỗ khởi.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Đức Phật:

–Rất là lạ, bạch Thế Tôn! Những điều Nguyệt Thiên tử nói, rất là sâu

xa, như vậy chết từ đâu, mà sinh ở đây? Cái chết tại đây, lại sinh chỗ nào?

Khi đó, Nguyệt Thiên tử bảo với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Như người làm trò ảo thuật, tạo ra người nam, người nữ; thì họ chết từ đâu, lại sinh ở đây? Cái chết ở đây, lại sinh chỗ nào?

Thích Đề-hoàn Nhân trả lời Thiên tử:

–Đã biết là huyễn hóa thì không khởi, không diệt, không thể thấy, không thể biết, là không có sở hữu.

Thiên tử nói với Câu-dực:

–Như vậy, nói huyễn hóa là từ không có hội hợp lại sinh, diệt cũng không có chỗ hội hợp, huyễn hóa là như vậy. Người trí tuệ, không dùng đến nó, cũng không tiếp cận nó.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Đúng như lời ngài nói.

Thiên tử trả lời Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Như ông đã hỏi, tôi trả lời cũng vậy. Như ông nói, các pháp như huyễn hóa.

Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: "Thiên tử này chết từ đâu mà lại sinh ở đây? Cái chết tại đây thì sinh ở chỗ nào?", nên muốn đem việc này để hỏi Đức Phật.

Thiên tử nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Ý của ông như thế nào? Như Đức Như Lai giáo hóa thì đối tượng để giáo hóa cũng như vậy, hoặc đến, đi, trên, dưới, có thấy biết không?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Này Thiên tử! Không thể thấy được như vậy.

Thiên tử lại nói:

–Như vậy việc giáo hóa này, có tạo ra được không?

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Có thể tạo ra.

Thiên tử lại nói:

–Này Câu-dực! Tất cả các pháp giáo hóa bình đẳng như thế, nếu đến, đi, trên, dưới được xem xét như vậy, thì này Câu-dực! Lúc đó không thể có sự tạo ra. Ý của ông như thế nào? Chẳng như thế, mà thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy, người biến hóa ấy, có thể thấy, nghe, biết việc như vậy không?

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Này Thiên tử! Không thể thấy nghe biết được.

Thiên tử nói:

–Này Câu-dực! Biết tất cả phần số như vậy, thì các pháp cũng như vậy; hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc tâm suy nghĩ pháp, cũng không nhiễm không nhơ, cũng không dừng lại, cũng không tiếp cận, cũng không xa lìa; đối với thấy, nghe, suy nghĩ chỗ nói như vậy, pháp như vậy, vì tất cả mà nói, vì chúng mà nói, không có sai khác.

Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyệt Thiên tử này, nói không có nơi chốn, không sinh, không khởi, không diệt. Nguyệt Thiên tử này, không ở địa vị của đệ tử, không ở địa vị của Bồ-tát. Vì sao Bồ-tát thấy những việc sinh tử phải nhớ nghĩ trong vô số kiếp? Vì sao nuôi dưỡng chúng sinh mà không thể biết được?

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Có Bồ-tát kia, được bất khởi pháp nhẫn, cũng không nghĩ sinh, cũng không nghĩ khởi, cũng không nghĩ diệt, muốn thấy chúng Bồ-tát này, nên quán sát A-la-hán Niết-bàn một trăm năm mà không thể biết được. Vì sao? Vì không nghĩ tưởng người khác, cũng không nghĩ tưởng ta; lại nghĩ tưởng người khác, lại nghĩ tưởng ta, lại như vậy.

Này Câu-dực! Những việc làm của Bồ-tát rất là siêng năng ân cần, khổ hạnh; không nghĩ đến sinh, cũng không nghĩ đến diệt, cũng không nghĩ tưởng đến người khác, không nghĩ tưởng đến ta; vì thể tánh của các pháp, vốn đều Niết-bàn.

Này Câu-dực! Tất cả cũng không trói, cũng không mở, cũng không biết rõ pháp này là Bồ-tát, là như thế là giải thoát, là thị hiện nhớ nghĩ vậy nên liền khởi đại Bi, như thế Bồ-tát chẳng mệt mỏi nhàm chán; ở trong vô số câu-lợi trăm ngàn kiếp, mà chẳng biếng nhác.

Này Câu-dực! Ví như có người rơi trong hầm lửa; lại có người nam có lòng đại Bi, chẳng quý trọng thân thể, chẳng tiếc mạng sống, bỏ năm dục và mọi sự ham thích, liền vào trong hầm lửa, bồng người này ra, người này tự thoát khỏi và cứu người kia cũng thoát khỏi.

Này Câu-dực! Ý ông thế nào? Việc làm của người khác ấy có khó không?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Thế Tôn! Việc làm của người ấy rất khó, rất khó!

Đức Phật nói:

–Này Câu-dực! Việc này chưa phải là khó, việc làm của Bồ-tát lại còn khó hơn nhiều. Bồ-tát đã thoát khỏi các dục, phát ý muốn đem cúng dường đầy đủ, đem tất cả những gì mình có, giúp cho tất cả. Này Câu-dực! Việc này hơn việc trước nữa; dùng ánh sáng của công đức, chiếu sáng mở bày cho tất cả; như vậy là đã hơn tất cả đệ tử và Bích-chi-phật. Đại Bồ-tát tự đến với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Câu-dực! Như vậy, nói chết từ đâu lại sinh ở đây. Câu-dực lắng nghe! Về phương Đông, các cõi này tức từ cõi Phật này, qua chín mươi hai na-thuật trăm ngàn cõi Phật. Cõi đó tên là La-đà-na-tát-già *(đời Tấn dịch là Trân bảo thẩm đế áo tạng)*. Cây cối trong thế giới ấy đều làm bằng báu, cành, lá, hoa, quả của cây đó có vô số màu sắc; chỗ kinh hành, dùng vô số vật báu để tạo thành; trong nước đó, tất cả mọi thứ đều là các vật báu, dùng để trang nghiêm, không chỗ nào thiếu; đất ấy đều là lưu ly xanh biếc, vô số vật báu trang trí xen lẫn nhau.

Lại nữa, này Câu-dực! Có thế giới, tên là La-đà-na-tiên-kỳ *(đời Tấn dịch là Trân bảo tích tụ)*. Này Câu-dực! Đức Phật trong thế giới này, hiệu là La-đà-na-văn-đà-la-đế-da-a-đan-kiệt-la-du *(đời Tấn dịch là Trân bảo hào trường xuất quá thượng tụ)*. Như Lai bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Trong cõi Đức Phật đó, không có người mẹ, cũng không nghe người mẹ, cũng không có đệ tử nương vào nhất giác đạo, mà toàn là Bồ-tát ở trong cõi đó.

Lại nữa, này Câu-dực! Đức Trân Bảo Hào Trường Xuất Quá Thượng Tụ Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn ấy thuyết pháp khiến cho bảy mươi hai câu-lợi Bồ-tát đạt được Bất khởi pháp nhẫn. Bồ-tát được nhẫn này rồi có ý nghĩ là tất cả ngọc báu, nổi tiếng trên cõi trời và của dòng họ lớn đều dứt bỏ không dùng đến; vì thế tất cả cõi chư Phật đều chấn động. Lúc đó, trong cõi tam thiên đại thiên, bao nhiêu là chánh báu hoa sen, nhiều loại hoa với vô số màu sắc rất là tươi đẹp, có đầy trong đó, để tung lên Đức Phật; các hoa ấy ở trên Đức Phật, hóa thành lọng hoa, che trùm cõi Đức Phật rồi. Bồ-tát ấy, ở hư không, quá phấn khởi liền bay đến cõi khác, đứng trước Đức Phật mà cúng dường, đảnh lễ, nhiễu quanh, thưa hỏi, muốn nghe pháp…

Lại nữa, này Câu-dực! Bồ-tát được pháp nhẫn, không thích trụ ở một chỗ, mà có thể đi đến các cõi chư Phật. Bồ-tát không đạt pháp nhẫn thì không thể đến các cõi khác.

Lại nữa, này Câu-dực! Đức Thế Tôn ở cõi ấy, xuất hiện đến mười hai kiếp, chỗ ở của Đức Phật đó, ban đêm luôn có ba thời thuyết pháp, thuyết

pháp rồi thì có bảy mươi hai câu-lợi Bồ-tát đạt được Bất khởi pháp nhẫn. Này Câu-dực! Bồ-tát chưa được Bất khởi pháp nhẫn, không thể đến cõi khác; người được Bất khởi pháp nhẫn, mới có thể đến cõi Phật khác. Như vậy, Bồ-tát mất trong khoảng thời gian đó sẽ sinh qua ở cõi khác. Này Câu-dực! Ông đem những việc này mà so sánh, thì sẽ thấy như thế. Như vậy, không thể tính, ức cõi Phật, chư Bồ-tát thảy đều như vậy.

Này Câu-dực! Châu báu chất chứa trong cõi kia, tất cả mọi cái có được đều không lo sợ rơi vào ba đường ác, trí cũng không có khổ, cũng không có vui, cũng không chỗ để hỏi, cũng không chỗ nói, cũng không khổ sở, cũng không ăn uống. Vì sao? Vì các Bồ-tát vui vẻ, dùng pháp để ăn uống. Trong cõi đó không có A-la-hán, Bích-chi-phật.

Này Câu-dực! Châu báu chất chứa trong cõi ấy, Đức Trân Bảo Hào Trường Xuất Quá Thượng Tụ Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, chính là Nguyệt Thiên tử, nhập diệt từ cõi ấy, lại sinh ở cõi trời Đao-lợi này, lại muốn thấy Đức Phật nên đảnh lễ ta, nhiễu quanh ta, thưa hỏi ta; vì muốn hỏi ta, nên đến đây; nhân chỗ hỏi này, mà gặp vô số ngàn người được chỗ biết sâu rộng. Lại nữa, Bồ-tát ở hội khác đối với Bất khởi pháp nhẫn đều đầy đủ. Này Câu-dực! Nguyệt Thiên Tử này lại thấy Đức Phật, muốn giữ gìn tất cả pháp, muốn thọ trì pháp. Sau khi Đức Phật Niết-bàn, giáo pháp cuối cùng muốn tận, ở khoảng thời gian đó sẽ đắc đạo sinh trong loài người, đem giáo pháp sâu xa mầu nhiệm mà Đức Phật đã nói, soi sáng khắp nơi, truyền trao cả trăm ngàn người; người chưa được Bất khởi pháp nhẫn đều thích muốn học, giáo pháp cuối cùng khi sắp tận sẽ lại sinh ở cõi trời Đâu-thuật thứ tư. Ở chỗ Bồ-tát Di-lặc giảng nói của chư Phật Thế Tôn, không thể tính đếm, trăm ngàn Thiên tử đời trước, chưa từng khởi lên ý đạo, nay nghe nói, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi Đức Di-lặc hạ sinh, được Chánh giác, Bồ-tát ấy hầu hạ Đức Di-lặc một vạn năm. Ở tại gia, thường cúng dường Đức Di-lặc và chúng Tăng; sau đó, cùng đông đủ bốn ngàn người, phát lòng tin xuất gia vì đạo, làm Sa-môn, làm Sa-môn rồi, ở chỗ Đức Di-lặc Như Lai Chí Chân Chánh đẳng Chánh giác, đem hết thân mạng giữ gìn pháp. Sau Đức Di-lặc Niết-bàn, suốt thời pháp trụ, luôn gìn giữ pháp, một ngàn Đức Phật ở trong hiền kiếp, thiếu bốn vị, thường luôn được cúng dường hầu hạ ngay tại chỗ. Lúc đó, chư Phật Thế Tôn nói kinh, nên tu phạm hạnh trong sạch; cuối cùng qua bảy hằng sa kiếp, sẽ được thành Phật, ở một cõi, hiệu là Tự Nguyệt Quang Diệu Như Lai Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác; điều mong ước đã được đầy đủ.

Lúc đó, Nguyệt Tinh Thiên tử nói với Thiên tử:

–Lành thay! Nay được Đức Phật thọ ký, ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông vốn có những ân gì, cúng dường những gì, làm những việc gì? Thương mến, cung kính, ưa thích, vui vẻ cúng dường cho Đức Phật, mới được Đức Như Lai thọ ký riêng ông!

Nghe xong, Nguyệt Thiên tử nói với Nguyệt Tinh Thiên tử:

–Đức Như Lai không lấy việc làm lành mà thọ ký cho người; cũng không có chỗ sợ mà thọ ký cho người; cũng không nói người này là được thọ ký hay không được thọ ký. Bồ-tát phải tự học pháp của Bồ-tát, Đức Thế Tôn sẽ thọ ký cho họ. Vì sao ông hỏi như vậy? Ta có những ân gì với Đức Phật mà được Đức Phật mến thương, nhớ nghĩ, vui vẻ, thương tưởng như vậy.

Nguyệt Tinh Thiên tử hỏi Nguyệt Thiên tử:

–Vui vẻ này từ đâu mà thấy?

Nguyệt Thiên tử trả lời:

–Vui vẻ từ nơi tâm mà cầu.

Nguyệt Tinh Thiên tử lại nói:

–Tâm không nghĩ tâm, thì ai được cái vui đó?

Nguyệt Thiên tử đáp:

–Cái vui không thể nắm bắt, cũng không thể đạt được, đó là cái vui hơn hết, như vậy cái vui tối thượng là không thể đạt được.

Nguyệt Thiên tử nói Nguyệt Tinh Thiên tử:

–Cái vui như vậy, đối với cái vui có chỗ không thể ấy thì chẳng phải là cái vui; cái vui này đối với việc buông lung mà không làm; như vậy ở trong cái vui mà thường vui, lại không phát sinh ý thoái lui. Như vậy, này Nguyệt Tinh Thiên tử! Nên cầu pháp như thế, thì sẽ được cái vui, đối với chỗ làm của pháp mà không buông lung thì đó mới là cầu, không cầu, cũng không lìa cầu. Vì sao? Này Nguyệt Tinh Thiên tử! Đối với pháp giới không cầu, đối với cái mình cầu cũng không.

-oOo-

PHẬT THUYẾT ĐẠO THẦN TÚC VÔ CỰC BIẾN HÓA KINH

QUYỂN 3

Lúc đó, Nguyệt Tinh Thiên tử nói với Nguyệt Thiên tử:

–Bồ-tát học như vậy gọi là học Bồ-tát.

Nguyệt Thiên tử lại hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát học?

Nguyệt Tinh Thiên tử đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát học ở Bồ-tát, là không thân, không thân hành; không khẩu, không khẩu hành, không ý, không ý hành. Đó là Bồ-tát học Bồ-tát. Đối với thân, không có chỗ học, cũng không có chỗ đạt được, cũng không chỗ mất, cũng không chỗ quên.

Này Thiên tử! Bồ-tát học như vậy.

Nguyệt Tinh Thiên tử lại hỏi:

–Thiên tử học như vậy được Đức Như Lai thọ ký ư?

Nguyệt Thiên tử trả lời Nguyệt Tinh Thiên tử:

–Người không học như vậy, thì Đức Như Lai không thọ ký. Vì sao? Vì không nghĩ đến cái học này, không nghĩ là có chỗ nói, cũng không nghĩ ta, cũng không nghĩ có chỗ mong cầu, cũng không nghĩ ta có chỗ học. Đó gọi là học. Một phần của lời nói đối với ở đời, không hợp với chúng hội, thì có nói ta học như vậy cũng là không thật, là chẳng nói; không nghĩ nói có ta, cũng không nói là thật, cũng không nói ta là Bồ-tát học.

Nguyệt Tinh Thiên tử lại hỏi:

–Việc đó có bao nhiêu để được trụ báo chắc chắn?

Nguyệt Thiên tử đáp:

–Đối với điều mình mong muốn, thường đưa lên mà không hạ xuống, cũng không ở giữa; đối với điều mình mong muốn thường ở tại tâm, chưa từng biếng nhác; tuy có đó mà không làm, pháp ấy cao tột là bất như, xét kỹ pháp ấy như vậy rồi hiểu biết, gọi là trụ, là chắc chắn trụ.

Nguyệt Tinh Thiên tử lại hỏi Nguyệt Thiên tử:

–Thọ trì pháp nào thì được Đức Như Lai thọ ký?

Nguyệt Thiên tử đáp:

–Đối với pháp của người phàm không có chỗ bỏ, đối với pháp Phật cũng không có chỗ được; nhờ vậy, nên Đức Như Lai thọ ký.

Này Thiên tử! Như vậy pháp không chỗ bỏ, đối với pháp này, không chỗ được; ta làm như vậy, được Đức Như Lai thọ ký.

Nguyệt Tinh Thiên tử lại hỏi:

–Như vậy người phàm đều được thọ ký? Vì sao? Vì không bỏ người phàm, cũng không bỏ pháp của người phàm, đối với pháp Phật cũng không chỗ được.

Nguyệt Tinh Thiên tử lại hỏi:

–Này Thiên tử! Nhân duyên gì là pháp người phàm? Lại nói pháp không, pháp giới cũng không. Nhân duyên gì là pháp Phật? Như vậy câu-lợi Phật cũng như?

Nguyệt Tinh Thiên tử lại hỏi tiếp:

–Này Thiên tử! Có thể ở hư không giới, ở pháp giới, có chỗ bỏ sao?

Nguyệt Tinh Thiên tử lại nói:

–Này Thiên tử! Người chẳng đối với như như, chẳng đối với câu-lợi Phật là có thể có chỗ được.

Đáp:

–Chẳng phải vậy Thiên tử. Này Thiên tử! Nói tuần tự, đối với pháp của người phàm là không chỗ bỏ, đối với pháp Phật là không chỗ được nhờ vậy mà được Đức Như Lai thọ ký.

Lại nói:

–Vì sao đối với không giới, pháp giới; đối với như đối với câu-lợi Phật, từ đâu mà được thọ ký?

Nguyệt Thiên tử đáp:

–Chẳng phải vậy, Thiên tử!

Nguyệt Tinh Thiên tử lại hỏi:

–Vì sao Thiên tử đối với không giới, pháp giới, như, câu-lợi Phật, mà không được thọ ký? Ngoài ra chư Phật từ đâu lại được thọ ký?

Nguyệt Thiên tử đáp:

–Thọ ký như hằng sa, như không giới, pháp giới, hằng sa câu-lợi Phật. Này Thiên tử! Pháp là pháp như thế, như vậy pháp là pháp, thọ ký đó là thọ ký; vì được thọ ký rồi, thì không lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác,

không lìa Phật trí.

Lúc đó, Nguyệt Tinh Thiên tử đến trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nguyệt Thiên tử này đạt được trí tuệ sâu xa mới nói được như vậy.

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Nói pháp là như vậy. Bồ-tát vì đạt được nhẫn, hoặc mong cầu, hoặc ban bố, hoặc đối với tất cả pháp giới, hoặc nói, hoặc có chỗ để nói; thì không thể đối với pháp giới có sở kiến, không thể có sở ngữ, cũng không thể có sở truyền. Vì sao? Vì đối với pháp giới, không sở ngữ, cũng không sở thuyết. Pháp giới như vậy, nhân giới như vậy, Thiên giới như vậy; đó là lực xứ của Đức Phật; lực xứ của Phật như vậy, tất cả các pháp như vậy, như vậy. Này Thiên tử! Bồ-tát như vậy là trụ như pháp, trụ như vậy chẳng trở lại tin việc khác, cũng chẳng chạy theo việc khác; như vậy do những việc gì, khiến Đức Phật nói ra.

Lúc đó, Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, đang ở trên cung điện Tử-cám của Thích Đề-hoàn Nhân, vì đại chúng chư Thiên nói pháp; Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi, đứng dậy, với tâm niệm khẩn thiết, nói: "Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác, ở cõi Diêm-phù-đề này đã là không; cõi Diêm-phù-đề đó có vô số người khao khát muốn tạo công đức, chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, đối với việc làm không thay đổi". Nghĩ như vậy rồi Đại Mục-kiền-liên dùng thiên nhãn nhìn khắp cõi Diêm-phù-đề liền thấy Đức Như Lai Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác, cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo, ở trong cung vua Bình-sa thọ thực. Khi ấy, Đại Mục-kiền-liên lại tự thấy mình, đang ngồi ở bên trái Đức Phật; lại tự thấy thân thể mình mặc y phục, ngồi ở một bên Đức Phật, không có thêm bớt; rồi lại suy nghĩ: "Mình đã không cùng với Đức Thế Tôn trở về cõi Diêm-phù-đề". Liền nhìn ở dưới cây Ba-chất, thấy Đức Thế Tôn, cùng vô số chư Thiên vây quanh đang vì họ mà nói pháp; thấy Tôn giả Xá-lợi-phất ngồi ở bên phải Đức Phật; Mục-liên tự thấy mình, cùng các Tỳ-kheo, ngồi ở bên trái Đức Phật với đông đủ đại Tỳ-kheo. Lúc đó, Hiền giả Đại Mục-kiền-liên thấy rất là quái lạ! Việc làm của chư Phật Thế Tôn là không thể nghĩ bàn; chư Phật Thế Tôn là bậc oai thần lớn, là bậc có khả năng lớn phân thân ở cõi Diêm-phù-đề để thuyết pháp như vậy, mà chẳng dứt; còn ở trên cõi trời Đao-lợi thứ hai cũng đang vì chư Thiên mà nói pháp! Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại càng nghi ngờ lớn! Liền nhìn kỹ, lại thấy Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, tịnh xá Kỳ hoàn nước Xá-vệ, cùng vô số chúng đang vây quanh nghe nói pháp; lại tự thấy

hình dáng mình ở trong đại hội, như các vị Xá-lợi-phất, Ma-ha Ca-chiên-diên, Phân-nậu, Tu-bồ-đề, Ly Việt, Hiền giả Tử-kiếp-tần-nô; tất cả các chúng đại đệ tử đều được thấy, như ở Xá-vệ, như ở La-duyệt-kỳ, như ở trời Đao-lợi. Lúc đó, Đại Mục-kiền-liên lại suy nghĩ về cõi Diêm-phù-đề một lần nữa, nhìn vào vườn Ni-câu-loại thuộc nước lớn Ca-duy-la-vệ, thấy Đức Phật từ vườn Ni-câu-loại ra vào nước Ca-duy-la-vệ mà đi khất thực; lại thấy có Tỳ-kheo, hình thể giống như Mục-liên. Lúc đó, lại thấy Đức Phật ở nước Duy-da-ly cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo, đang đi đến nhà Đồng tử Ly Cấu Nguyệt thọ thực. Tôn giả Mục-liên lại tự thấy có cả sắc tướng hình dáng của mình, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo. Lúc ấy, Đại Mục-kiền-liên thấy Đức Phật ở nước lớn Ba-la-nại khất thực trở về, cũng tự thấy sắc tướng hình dáng của mình ở trong đó. Lại suy nghĩ và thấy khắp cõi Diêm-phù-đề, những chỗ đang ở, đều thấy có Đức Phật, hoặc dưới cây, hoặc trong hang đá, nhiều khắp trong cõi Diêm-phù-đề đều thấy Đức Phật cùng đông đủ Tỳ-kheo Tăng vây quanh; bao nhiêu trăm ngàn chỗ ở hết thảy xóm làng đều thấy khắp.

Lúc đó, Tôn giả Mục-kiền-liên lại càng nghi cho là kỳ lạ! Liền suy nghĩ, rồi dùng Thiên nhãn xem xét châu Câu-lư phía Bắc, thấy Đức Phật cùng đông đủ Tỳ-kheo Tăng thọ thực, cũng tự thấy thân mình ở trong đó và thấy cả các đệ tử khác; lại nhìn châu phía Đông Phất-vu-đãi cũng thấy Đức Phật ở trong đại chúng mà nói pháp; còn ở cõi châu Tây ngưu hóa cũng lại như vậy, cũng thấy Đức Thế Tôn tọa thiền, với vô số ngàn chúng đang đảnh lễ Phật; các chúng đệ tử mỗi một vị đều tùy theo sắc tướng hình dáng mà nhập chánh định; cũng tự thấy thân mình ở trong đó. Lúc ấy, Tôn giả Mục-liên lại càng tăng thêm mối nghi ngờ quái lạ! Lại ngồi suy nghĩ về chư thần trên đất, lại thấy Đức Phật cùng các chúng đệ tử; cũng tự thấy thân mình ở trong chúng đệ tử đó. Như vậy, trong hư không, chư thần cũng thấy Đức Phật ở trong đó, ở trong hư không vì vô số trăm ngàn chư Thiên, mà nói pháp; cũng tự thấy thân mình cùng với chúng đệ tử ở trong đó. Như vậy, trời đệ nhất Tứ thiên vương, trời Thượng viêm, trời Đâu-thuật, trời Ni-ma-la-đề, trời Ba-la-ni-mật, trời Hòa-da-bạt-trí cho đến Phạm thiên đều thấy khắp, lại thấy Đức Phật ở Phạm thiên cùng vô số trăm ngàn Phạm thiên vây quanh nghe nói pháp; cũng tự thấy sắc thân hình dáng mình và tất cả chúng hội, thảy đều giống như Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, thần túc biến hóa, mọi việc làm đều như vậy. Tự thấy mình ở trong đó, vì tất cả mà nói pháp, đều giống như Mục-liên; lại biến hóa ra người ở trong chúng hội đều giống như Tôn giả Xá-lợi-phất, trí tuệ sáng suốt ở trong đại chúng, rống tiếng rống sư tử. Như vậy, tự mình dùng sức trí tuệ, thuyết pháp cho đại đệ

tử. Khi ấy Đại Mục-kiền-liên kinh sợ, dựng cả chân lông, cho là kỳ lạ! Rồi phấn khởi, vui mừng, liền sinh tâm tốt ba lần tự khen: "Đúng vậy, đúng vậy! Chư Phật Thế Tôn rất là kỳ lạ! Sở hành không trở ngại, việc làm cũng rất là kỳ lạ!". Thấy thế, Tôn giả rất phấn khởi, đảnh lễ năm vóc sát đất, nói lời khen ngợi:

–Nam-mô Phật.

Bấy giờ, âm thanh lớn vang dội làm cho trời Đao-lợi đều chấn động. Lúc đó có vô số trăm ngàn Thiên tử tụ hội đông đủ, đi đến chỗ Phật, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì có đại âm thanh vang động đến cả quả đất như vậy. Do đó, nên con đem việc này, thưa hỏi Đức Như Lai.

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Do Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, hướng về chỗ Đức Phật, lòng vui mừng, phấn khởi, đảnh lễ năm vóc sát đất, nên mặt đất chấn động như vậy.

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Tôn giả Mục-liên đang ở đây đang ở đây, ông nên tự đến đó hỏi.

Lúc ấy, Tôn giả Mục-liên đứng dậy, liền đi đến chỗ Đức Phật đầu mặt cúi sát chân Phật, nhiễu Phật ba vòng, rồi đứng chắp tay làm lễ trước Phật.

Tôn giả Mục-liên nói kệ thưa:

Trì lực không thể lường
Đức Phật đã đạt được
Như việc làm của Phật
Thế Hùng khó nghĩ bàn.
Đã xa lìa ba độc
Tâm ý được điều phục
Bậc Tôn trọng trời, người
Được tất cả cúng dường.
Tuy có trăm ngàn ngày
Khắp cả trong hư không
Người mù không thấy được
Không mong được ánh sáng,
Mười Lực phóng hào quang
Đệ tử nhờ đó thấy
Tất cả các đệ tử

Không bằng ánh sáng Phật.
Không thấy từ trong thai
Hạnh đệ tử cũng vậy
Không biết trí tuệ Phật
Cũng lại không thể giữ.
Tuy có tin thọ trì
Giáo pháp của Như Lai
Vậy mà không thể biết
Không bằng việc Phật làm.
Thí dụ như biển cả
Muốn so nước chân trâu
Đức đó như Tu-di
So nó với hạt cải,
Đem ánh sáng đom đóm
So ánh sáng mặt trời
Đức của Phật Thế Tôn
Đệ tử không sánh bằng
Không thể đem Tu-di
So sánh với hạt cải
Đem ánh sáng đom đóm
So mặt trời, mặt trăng,
Không thể đem biển cả
So với nước chân trâu
Không thể đem Bồ-tát
So sánh với đệ tử.
Ví dụ như người mù
So với người mắt sáng
Nếu có người ăn xin
Đem so Giá-ca-việt,
Đem ánh sáng các sao
So ánh sáng mặt trăng
Công đức của Thế Tôn
Đệ tử không sánh bằng.
Thực hành ở nhân gian
Lại hiện đỉnh Tu-di
Chỗ hiện vì như huyễn
Tất cả nhờ phước đức,
Không biết Phật tại đó

Con nhớ thiên hạ không
Không thể thấy được Phật
Cùng chúng Tỳ-kheo Tăng.
Con ở cung xá này
Thường ngồi ở trong đó
Vì chư Thiên thể nữ
Dạy dỗ nói giáo pháp,
Liền tự dùng Thiên nhãn
Nhìn thấy Diêm-phù-lợi
Liền thấy hơn trăm nước
Đó là Vô phước địa.
Suy nghĩ thiên hạ này
Liền thấy Đức Thế Tôn
Ở tại La-duyệt-kỳ
Cùng đệ tử thọ thực
Tại cung vua Bình-sa
Ở trong cung rộng lớn
Đầy đủ các chúng hội
Quyến thuộc cùng vây quanh.
Lúc đó thấy Đức Phật
Như thấy băng núi tuyết
Tự thấy thân Mục-liên
Đứng bên trái Đức Phật.
Lại thấy Xá-lợi-phất
Hầu bên phải Đức Phật
Và cùng các người khác
Tất cả các đệ tử.
Con tự nhớ đến Phật
Ở dưới Diêm-phù-lợi
Trở về trời Đao-lợi
Đức Phật ở chỗ kia.
Lúc đó tự nhìn kỹ
Dừng ở trời Đao-lợi
Tự mình suy nghĩ kỹ
Ở chỗ Diêm-phù-lợi.
Lại thấy Đức Thế Tôn
Ở tại nước Xá-vệ
Ngồi ở trong đại chúng

Nói pháp cho tất cả.
Lại thấy được thân mình
Đang ở trong đại hội
Cũng thấy Xá-lợi-phất
Và cùng các đệ tử,
Lại hiện ra dòng Thích
Đang thực hành khất thực
Thấy ở Duy-da-ly
Cùng đi đến thọ thực.
Hiện ở Ba-la-nại
Bước đi và ra vào
Tất cả các chỗ đó
Đều tự thấy thân mình.
Đi đến Uất-đơn-việt
Và các chúng đệ tử
Cùng nhau đi khất thực
Thấy đến A-nậu-đạt
Hiện đang ở chỗ kia
Và các chúng đệ tử
Đều cùng ngồi thọ thực.
Lại thấy Đức Thế Tôn
Đi đến Câu-da-ni
Lại ở Phất-vu-đãi
Vì vô số câu-lợi
Mà diễn nói nghĩa ấy,
Đều tự thấy Mục-liên
Đang biến hóa chỗ kia
Tự hiện sức thần túc
Chỉ rõ việc người làm.
Lúc đó các Địa thần
Đã thấy ở chỗ kia
Hư không các Thiên thần
Vì diễn nói pháp lý,
Thảy đều chỉ đầy đủ
Nay thấy pháp vô thượng
Ở tại Tứ thiên vương
Thảy đều nói chánh pháp
Ở trời Viêm đã thấy

Đều cũng lại như vậy
Thấy ở trời Đâu-thuật
Cũng lại thấy Thiên ma
Hiện ở Ni-ma-la
Trời Ba-da-ni-mật
Đều thấy các đệ tử
Cùng với Đức Thế Tôn
Đang ở trên trời Phạm
Chỗ thấy cũng như vậy.
Vì các câu-lợi Phạm
Đều thuyết pháp cho họ
Lúc đó thấy thân mình
Ở khắp trong trời Phạm
Tất cả đệ tử khác
Chúng đó đều như vậy.
Các Đức Phật quá khứ
Chỗ làm đều như thế
Kinh hành ở dưới cây
Hoặc tháp miếu, chỗ nằm
Lúc đó thảy đều thấy
Vô số các Pháp vương
Những hạng người như vậy
Đều như Thích sư tử
Con tự ở chỗ đó
Đã thấy rất quái lạ
Và thấy được Pháp sư
Đặc biệt hơn thế nữa
Các Đức Phật Thế Tôn
Phóng ánh sáng quái lạ
Mới biến hóa như thế
Hơn hết trong thần túc.
Đang ở trời Đao-lợi
Chẳng qua lại thuyết pháp
Khắp cõi Diêm-phù-đề
Nơi nơi thảy đều thấy
Nước ấp cùng quận huyện
Xóm làng và chỗ khác
Luôn luôn được khen ngợi

Vị họ mà nói pháp
Như con đã nhìn thấy.
Vì đều thấy Thế Tôn
Và thấy các đệ tử
Vì đều được vắng lặng
Đại câu-lộ, câu-lộ
Lại cùng với Ly Việt
Ca-chiên-diên, Phân-nậu
Cùng với Đại Ca-diếp
Con thảy đều đã thấy
Các Đức Phật Thế Tôn
Vô số chỗ ngợi khen
Nghe rồi như biển cả
Lúc ấy đều tự thấy
Chính mình ở trong đó
Công đức nhiều vô số
Đạo tràng tụ như thế
Đại âm thanh như vậy
Là ở đảnh Tu-di
Vì thế lễ Thế Tôn
Đức đó khó nghĩ bàn.
Sợ hãi cầu quy y
Lông trên thân dựng đứng
Nay nguyện đem năm vóc
Đầu mặt tự đảnh lễ.
Đại âm thanh như vậy
Tất cả thảy đều nghe
Những ba ngàn cõi ấy
Đều bị chấn động lớn.
Ở tại đảnh Tu-di
Phóng ánh sáng rộng lớn
Con cũng đang ở đó
Thảy đều thấy cùng khắp.
Con kinh sợ như vậy
Vội vã đến chỗ Phật
Lúc đó liền đến nơi
Trước thấy Đấng Trung Tôn
Mà thưa hỏi pháp đó.

Tâm sợ hãi quái lạ
Nên ban cho những gì
Hay biến ứng thế nào
Những gì là việc Phật
Cúi xin, nói cho con.
Diêm-phù-lợi như vậy
Cũng giống như trên trời
Ở Đông, Tây, Nam, Bắc
Bốn phía đều như vậy
Hoặc ở tại trời Phạm
Hư không cũng như thế
Con tự khen có đức
Ban cho là lợi ích
Khi tự mình được đạo
Thần túc không gì bằng.
Con mong cầu mau chóng
Đốt rụi nguồn gốc đạo
Trái với hạnh Như Lai
Xa lìa trí tuệ Phật.
Lúc đó tự nhớ nghĩ
Tâm ấy không giải thoát
Vốn tạo ra như vậy
Phát tâm cầu Phật đạo
Nay ăn năn ích gì!
Thực hành là hiểu rõ
Các tình đều đã dứt
Với Phật pháp không ích.
Ví như người vào biển
Đi tìm cầu của báu
Bỏ ma-ni không lấy
Mà lại lấy bùn dơ
Tự xét trí của mình
Và lại cùng người khác
Bỏ hạnh Đức Thế Tôn
Không cầu làm đệ tử
Hoặc nghi có biếng nhác
Làm vậy không thành Phật
Tinh tấn phát ý đạo

Hiệp thành các đức lành
Thường khổ hạnh như vậy
Vượt qua được ba cõi
Ai thực hành hạnh này
Mau được trí tuệ Phật.
Xin cúi đầu đảnh lễ
Qui mạng các Thế Tôn
Mau chóng đạt được vậy
Giữ tuệ Phật cao tột.
Hay biến hiện vô cực
Chỉ có Thích sư tử
Những ai đã thấy nghe
Vĩnh viễn trừ nghi hoặc.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Hiền giả Đại Mục-kiền-liên về cảnh giới như ông đã nhìn đã thấy.

Lại nữa, này Mục-liên! Cảnh giới của chư Phật Thế Tôn là không thể nghĩ bàn; dù cho tất cả mọi người và cả loài bò, bay, máy, cựa đều đạt được Bích-chi-phật mà phối hợp lại một trí, cùng nhau suy nghĩ thì cũng không thể biết, không thể thấy; huống chi ông chỉ là một đệ tử, làm sao suy lường biết được. Việc làm một chỗ này, ông còn không thể biết; huống chi cảnh giới của Phật mà muốn biết được sao!

Này Mục-liên! Lại nữa, đời tương lai họ đều cùng tụ hội, tụ hội rồi, cùng ngồi một chỗ, để thấy đạo biến hóa. Đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ biến hóa, hiện đạo thần túc, như vậy gọi là Đạo biến hóa thần túc, biến hóa vô cực, biến hóa pháp ngôn sở thuyết.

Mục-liên liền thưa:

–Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên nghe Đức Phật nói rồi, tự thấy thân mình ở trên hoa sen, thân phóng ánh sáng thấu đến trời Phạm. Tuy đang nói ở chỗ đó, mà cả bốn thiên hạ đều nghe.

Bấy giờ, Mục-liên nói kệ:

Phật hiện ở thế gian
Rất là khó gặp được
Vô số ức trăm ngàn
Câu-lợi kiếp, khó đếm.
Ví như Ưu-đàm-bát
Hoa ấy rất khó gặp

Thấy Phật khó như vậy
Thế Tôn còn hơn thế.
Thí dụ như Tôn vương
Bay đến Giá-ca-việt
Luôn nhờ có thần túc
Sức phước đức cũng vậy.
Có ngàn người con kia
Đều đầy đủ bảy báu
Qua đến chỗ Phật ở
Nghe thọ nhận giáo pháp.
Phạm thiên cùng Đế Thích
Chỗ muốn được tự tại
Hoặc muốn vui trên trời
Lại vui ở nhân gian,
Tự sướng vui năm dục
Tâm tự do thích thú
Đi đến chỗ Pháp vương
Nguyện tất cả đều được.
Nếu có thể lìa bỏ
Tất cả mọi ái dục
Đến Niết-bàn vắng lặng
Như uống vị cam lồ.
Ai muốn được cùng tột
Sức thần túc hơn hết
Nên đến chỗ Thế Hùng
Nghe thọ trì giáo pháp.
Đức Phật là hơn hết
Hàng phục bọn ma vương
Nếu có Bích-chi-phật
Và cùng các đệ tử,
Ở trong loài hai chân
Và cùng các quan thuộc
Nên đi đến Như Lai
Để được thấy Pháp vương.

Lúc đó, Đại Mục-kiền-liên khuyến khích vô số na-thuật ức trăm ngàn Thiên tử ở cõi Dục, cõi Sắc mau chóng đem tất cả những hoa trời, hương trời, những hoa trời trang sức, những hương thơm trời, tất cả đem đến chỗ Đức Phật, dùng hoa hương ấy cúng dường, tung lên Đức Phật, rồi đảnh lễ

sát chân Phật, lui đứng một bên.

Lúc đó, Mục-kiền-liên dùng sức thần túc tập hợp chúng chư Thiên lại một chỗ, rồi đi đến trước Đức Phật đảnh lễ sát chân, rồi lui đứng một bên.

Bấy giờ, Đức Phật mới nói với Mục-liên:

–Này Mục-liên! Lắng nghe ta nói Đạo thần túc biến hóa vô cực pháp ngôn.

Đức Phật dạy như thế, Mục-liên liền thọ giáo lắng nghe.

Đức Phật bảo:

–Lại nữa, này Mục-liên! Cõi tam thiên đại thiên này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, biển cả, núi Tu-di, bốn thiên hạ. Gọi là tam thiên đại thiên thế giới, là một cõi Phật. Mục-liên ý ông thế nào? Ông có cho rằng, ta chỉ chứng đạo trong một cõi Diêm-phù-lợi? Mục-liên chớ thấy như vậy. Vì sao? Này Mục-liên! Đối với tất cả bốn thiên hạ, tùy theo chỗ mong ước cao thấp hay ở giữa của họ, mà nói pháp; biết được ai sẽ thành Chánh giác, ai ở trong bụng mẹ, ai ở trời Đâu-thuật, ai được Niết-bàn, thảy đều biết hết.

Lại nữa, này Mục-liên! Lúc đó, ở phương Đông của cõi tam thiên đại thiên cách bốn thiên hạ này một vạn hai ngàn bốn thiên hạ. Thế giới bốn thiên hạ ấy, tên là Vô trần, có Đức Phật hiệu là Tự-tỷ-la-da-ma-đề *(đời Tấn dịch là Như Cảnh Minh Vô Cấu)*, hiện đang thuyết pháp.

Này Mục-liên! Thế giới bốn thiên hạ kia, nhân dân không dâm dục, không giận dữ, không si mê; thường gần gũi đạo, thích nghe pháp rồi thọ trì phụng hành; nhân dân trong cõi ấy, cầu đạo Bồ-tát, ít có ai cầu đạo Bích-chi-phật, rất nhiều người cầu làm đệ tử.

Này Mục-liên! Đức Phật Như Cảnh Minh Vô Cấu kia, mỗi một lần thuyết pháp, có tới chín mươi chín ức người được hiểu rõ đệ tử thừa. Họ không nói bốn đức Sa-môn; như vậy cho nên họ chẳng nghe nói đến bốn đức Sa-môn. Những gì là bốn? Đó là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

Này Mục-liên! Người ở thế giới đó, ngồi một chỗ, đều chứng được sáu Thông, đạt được tám Giải thoát đều tự thiền định nhớ nghĩ mà biết. Vì đã thoát ra khỏi ở sinh tử, nên vui mừng phấn khởi, ngồi cách đất bảy thước ở hư không, mà vui Niết-bàn; trong thân xuất ra lửa, trở lại tự thiêu đốt thân, cũng không có xương, cũng không thấy tro, đều không có tất cả những gì của mình. Này Mục-liên! Như vậy Đức Phật kia, hiện đang thuyết pháp lặng lẽ độ người, lặng lẽ vui Niết-bàn. Thế giới đó không lấy, không cho, hoặc khi đói khát, nghĩ đến món ăn thức uống thì tự nhiên có ở trước; y

phục trang sức giống như ở cõi trời Đao-lợi; hoặc khởi, hoặc diệt, hoặc sinh, không sinh từ bào thai mẹ, không có người nữ, do nơi phước mà tự nhiên sinh ra, đất đó đều một màu vàng ròng.

Lại nữa, này Mục-liên! Tuổi thọ nhân dân ở trong quốc độ của Đức Phật đó, là năm trăm năm có dài, có ngắn. Này Mục-liên! Ý ông thế nào? Ông có biết Đức Phật Như Cảnh Minh Vô Cấu Như Lai kia không?

Mục-liên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không biết.

Đức Phật nói:

–Đức Như Lai ở cõi ấy, chính là ta đây. Ở khoảng thời gian đó, ta đem giáo pháp, dạy dỗ, hướng dẫn cho họ. Này Mục-liên! Như vậy gọi là đạo thần túc biến hóa vô cực, thảy đều vượt hơn tất cả hàng đệ tử Bích-chi-phật.

Lại nữa, này Mục-liên! Lúc đó ở phương Nam của cõi tam thiên đại thiên, cách cõi này, một vạn tám ngàn bốn thiên hạ, có thế giới, tên là La-đà-na-tam-phi *(đời Tấn dịch là Bảo đẳng thế giới)*. Thế giới ấy, có ba thứ báu là vàng ròng, bạc trắng và thủy tinh. Trong thế giới đó có Đức Phật, hiệu là La-đà-na-kiền-đầu (đời Tấn dịch là Bảo Phẩm) Như Lai, Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Này Mục-liên! Đức Như Lai đó vì các hàng Bích-chi-phật mà thuyết pháp; thế giới của Đức Phật đó Bồ-tát rất ít đệ tử tu hành ở cõi này diệt độ rồi sinh ra chỗ không có Phật và chỉ đạt được Bích-chi-phật. Này Mục-liên! Ý ông thế nào? Ông có biết Bảo Phẩm Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác kia không?

Mục-liên thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con không biết.

Đức Phật nói:

–Đức Phật đó, nay chính là ta đây. Ở khoảng thời gian đó, ta thuyết pháp, hướng dẫn, dạy dỗ cho họ. Như vậy, gọi là đạo thần túc biến hóa vô cực. Tất cả đệ tử và Bích-chi-phật cách Phật rất xa.

Lại nữa, này Mục-liên! Lúc đó ở phương Tây của cõi tam thiên đại thiên, cách cõi bốn thiên hạ này, hai vạn hai ngàn bốn thiên hạ. Thế giới đó tên là La-đà-na-chất-đa *(đời Tấn dịch là Bảo ý)*. Thế giới đó có bảy thứ báu, là: vàng ròng, bạc trắng, lưu ly, thủy tinh, mã não, ngọc báu đỏ, xa cừ. Đó là bảy thứ báu. Này Mục-liên! Thế giới đó dùng vật báu làm cây, chỗ kinh hành đều là vật báu; dùng vật báu làm màn che giăng lên ở giao lộ, dùng vật báu làm lan can, để trang nghiêm làm ao tắm, nước trong ao có

tám mùi vị; món ăn thức uống tự nhiên nghĩ đến đều liền có. Mặc y phục và ăn uống giống như ở trời Đâu-thuật. Nhân dân ở cõi đó đều như vậy. Trong cõi đó, không nghe nói có người mẹ, cũng không thấy người mẹ, cũng không có người mẹ sinh khổ; ở trong chúng hội không có nam nữ hội hợp, cũng không buông thả đối với dục lạc, cũng không buông thả đối với của cải, cũng không buông thả đối với lười biếng, cũng không sinh từ bào thai. Tất cả mọi người ở thế giới đó, đều từ tạng hoa sen mà hóa sinh.

Này Mục-liên! Thế giới Bảo ý có Đức Phật, hiệu là Bảo Đẳng Hữu Như Lai, là Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong đó đang thuyết pháp. Đức Như Lai ấy, không nói những việc khác, mà toàn dùng Khiếp tạng của Bồ-tát, khiến tất cả đều phát tâm Bồ-đề; người được Vô sở tùng sinh pháp nhẫn, nhiều như số a-tăng-kỳ, không thể tính; người được thọ ký sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nhiều như số a-tăng-kỳ, không thể tính hết. Thế giới của Đức Phật kia không có đệ tử là hàng Duyên giác đều là Bồ-tát, có nhiều ở trong bốn thiên hạ kia; cũng không có ân ái, tâm cũng không nhớ nghĩ. Bồ-tát đầy trong cõi bốn thiên hạ. Thọ mạng của Đức Phật đó là tám vạn bốn ngàn năm; tuổi thọ nhân dân ở cõi ấy, cũng như vậy, có dài, có ngắn. Người ở nước đó, khi tuổi thọ hết, không đọa ba đường ác, không sinh nơi hiểm nghèo, Bồ-tát ở nước đó, khi thọ mạng sắp hết, lại sinh vào cõi trong sạch, được thấy mặt chư Phật Thế Tôn. Ở cõi ấy, hoặc Trời, Rồng, Kiền-đạp-hòa, tâm họ luôn nghĩ bình đẳng, không khác, đều có Nhất thiết trí. Có Trời, Kiền-đạp-hòa, tuy có tên như vậy, nhưng đều đồng một chí nguyện; tuy có bao nhiêu trí nhưng đều dùng trí vô thượng; có trời, Kiền-đạp-hòa, hoặc người, luôn phục sức bằng trí tuệ. Này Mục-liên! Ý ông thế nào?

Bảo Đẳng Hữu Như Lai kia hiện đang thuyết pháp, ông có biết không?

Mục-liên thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con không biết.

Đức Phật nói:

–Đức Phật đó, nay chính là ta đây, ở khoảng thời gian ấy, ta đem giáo pháp, hướng dẫn, dạy dỗ cho họ. Như vậy, gọi là đạo thần túc biến hóa vô cực. Chẳng phải La-hán, Bích-chi-phật là có thể biết được!

Lại nữa, này Mục-liên! Lúc đó, ở phương Bắc của cõi tam thiên đại thiên, cách thế giới bốn thiên hạ này, ba vạn sáu ngàn bốn thiên hạ, có thế giới tên là Vô khủng cụ. Thế giới đó, có hai thứ báu là: Vàng ròng và bạc trắng. Thế giới của Đức Phật đó, không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh;

không sợ sinh ở nơi hiểm nghèo; người ở cõi ấy, không có khuyết giới, đối với điều được thấy không bị hủy hoại, đối với chủng tánh cũng không hèn hạ, đối với các đạo khác và Ni-kiền ba hòa mà lại có chỗ tin biết.

Này Mục-liên! Thế giới Vô khủng cụ bốn thiên hạ đó, có Đức Phật, hiệu là Vô Úy Hưng Như Lai là Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác, đang thuyết pháp ở đó. Đức Như Lai này, đi đến dưới cây Phật, đến ở dưới gốc cây Phật rồi, có bảy mươi hai ức na-thuật ma đi đến chỗ đó các ma này, muốn làm não loạn. Khi đó, Đức Như Lai hiện ra như một Bồ-tát cầu đạo, chưa được Nhất thiết trí. Lúc ấy, ma liền hóa ra bảy mươi hai ức na-thuật cây, thì Bồ-tát này cũng hóa ra bảy mươi hai ức na-thuật Bồ-tát, mỗi một vị đều ngồi ở dưới một gốc cây, khi ấy ma lấy làm lạ và rất sợ hãi, tự nghĩ: "Nên xét đoán người nào mới chính là Bồ-tát; Lúc đó, ma muốn lôi kéo khỏi chỗ ngồi. Khi ấy, Đức Phật hóa ra Bồ-tát, nói với chúng ma: Tất cả các pháp của chúng ma các ông, đều cũng như vậy. Vì sao các ông lại xét đoán người nào mới chính là Bồ-tát để muốn lôi kéo ra? Trong khoảng thời gian đó, ta sẽ thiền định nhớ nghĩ như ta từ trước đến nay đã tạo phước, thường phát tâm Vô thượng Chánh giác để khuyên người, khiến người phát tâm cầu đạo Bồ-tát. Vì sao các ông không khuyến khích giúp đỡ ý ta, trái lại muốn lôi kéo ta ra? Bồ-tát thiền định suy nghĩ: Nếu ta tạo ra việc ác, không khuyên họ khiến họ cầu Bồ-tát, lại tự nhiên diệt đi thì còn có chỗ để lôi kéo nhau. Vì thế nên chẳng phải là chỗ ông có thể lôi kéo; chớ tự xâm chiếm như vậy.

Lúc đó ma lại hỏi Bồ-tát:

–Ông đã làm được bao nhiêu phước mà phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại có thể khuyên người cầu đạo Bồ-tát?

Bồ-tát đáp chúng ma:

–Thí như cát sông Hằng; một hạt cát là một cõi Phật, ở trong cõi Phật đó có nhiều châu báu nếu đem ban cho dùng ý đó để phát đạo này làm công đức thì công đức kia còn hơn cả việc ban cho này.

Lại nữa, này chúng ma! Ví như hằng hà sa các thế giới, tất cả mọi người đều đông đủ ở trong đó, nếu đem ban cho sự an ổn, cung kính hầu hạ trong ngàn kiếp, dùng phước công đức như vậy để cầu đạo.

Ma lại hỏi:

–Công đức mà ngài tạo như vậy; nếu có ai đòi ngăn cản việc làm ấy của Bồ-tát, thì tội đó như thế nào?

Bồ-tát đáp:

–Như đã nói, hằng hà sa tất cả mọi người ở chỗ đó, mà đòi móc mắt

của người ấy ra, tạo tội như vậy có nhiều không?

Ma nói:

–Rất nhiều!

Bồ-tát nói với chúng ma:

–Có ai ngăn cản Bồ-tát thì tội đó nhiều gấp bội. Vì ngăn cản Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc đó, bảy mươi hai ức na-thuật chúng ma, nhờ phương tiện ấy, thấy Bồ-tát biến hóa, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chúng ma phát tâm Bồ-tát rồi, dùng hoa trời, hương trời, rải hoa trời trang sức, rưới hương thơm trời, tung lên Bồ-tát, trên trời với ngàn thứ âm nhạc trổi lên để cúng dường, vui thích với Bồ-tát. Trong tiếng âm nhạc này đều nghe tiếng nói như vầy: Mau mau làm cho bậc Đạo sư của ba cõi, được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Ca ngợi như vậy rồi, liền thấy Bồ-tát ngồi dưới gốc cây được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc đó, liền có trăm ngàn Thiên tử khác, tâm nghĩ như vầy: "Các chúng ma, nay lại đến được đây, không còn trở lại ba đường ác, cũng sẽ được giải thoát"; nên liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, Đức Vô Khủng Cụ Thí nói:

–Nay ta thành Phật hiệu là Vô Khủng Cụ Như Lai. Vì sao tên là Vô Khủng Cụ Thí? Vì cùng xét rõ không còn sợ sệt nên gọi như vậy. Khi nói danh hiệu Đức Phật này, các thế giới đều nghe biết là Phật đã đắc đạo.

Đức Phật nói:

–Này Mục-liên! Như vậy Đức Vô Khủng Cụ Thí Như Lai kia, chính là ta đây. Ta ở thế giới đó, đem giáo pháp mà dạy dỗ, hướng dẫn cho họ.

Như thế, này Mục-liên! Như Lai gọi là Đạo thần túc biến hóa vô cực, tất cả đệ tử và Duyên giác không thể biết được.

-oOo-

PHẬT THUYẾT ĐẠO THẦN TÚC VÔ CỰC BIẾN HÓA KINH

QUYỂN 4

Lại nữa, này Mục-liên! Lúc đó ở phương Đông nam của cõi tam thiên đại thiên, cách cõi này tám vạn bốn ngàn tứ thiên hạ. Cõi nước đó, tên là Tam-mạn-đà-chất *(đời Tấn dịch là Biến đẳng)*. Đức Phật hiệu là Chất-đa-câu-trùng Hằng-tát-a-kiệt A-la-ha Tam-da-tam-phật *(đời Tấn Dịch là Huyễn Hoa Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác)* hiện đang thuyết pháp. Thế giới bốn thiên hạ đó rất đẹp, Đông, Tây, Nam, Bắc, mười tám ngả đường đều có đầy châu báu, đất mềm mại giống như áo trời, đất mọc cỏ mềm mại cao bốn tấc tất cả những gì mọc trên đất, mỗi một loại đều có màu sắc khác nhau. Có khắp cả các đường đi, nếu chân đạp xuống đất cỏ mềm mại vừa ý, lúc cất chân lên, thì lại như cũ, đất đó bằng phẳng, như lòng bàn tay.

Này Mục-liên! Cả thế giới Biến đẳng ấy đều như thế. Có thành tên là Bạt-đà-uất-trầm *(đời Tấn dịch là Thiện tôn)*. Người trong thành đó vui vẻ, an ổn, giàu có, phồn thịnh, từ Đông qua Tây dài ba mươi hai do-tuần; từ Nam đến Bắc rộng mười hai do-tuần. Này Mục-liên! Thành Thiện tôn kia người người khác cùng ở trong đó, nhân dân đông đúc, số nhân dân nhiều không thể kể xiết.

Này Mục-liên! Đức Huyễn Hóa Như Lai Thế Tôn du hóa đến thành Thiện tôn và dừng nghỉ ở trong đó, mở một hội thuyết pháp, rống tiếng rống sư tử, khiến ba mươi na-thuật người đều đắc A-la-hán; có ba mươi na-thuật người đắc A-na-hàm; có ba mươi na-thuật người đắc Tư-đà-hàm; có ba mươi na-thuật người đắc Tu-đà-hoàn; lại có ba mươi na-thuật người phát hạnh Bích-chi-phật; còn số người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không thể tính hết; lại còn có những chúng sinh khác, nhiều vô số quyết làm những công đức.

Này Mục-liên! Thế giới bốn thiên hạ đó, có cây, tên là Mạt-đầu-tam-phi *(đời Tấn dịch là Thử thọ)*. Hoa trái của cây đó luôn đầy đủ, mùi vị của hoa trái ấy giống như mùi vị của trăm món thức ăn; con trai con gái của

nước ấy có được một hoa một quả mà ăn, ăn rồi, no đủ bảy ngày, không đói, không gầy yếu, sắc mặt hình dáng không giảm, thân thể cường tráng, nhẹ nhàng có khí lực, khi ăn xong rồi như uống cam lồ, cũng không tiểu tiện, đại tiện, cũng không có nước mũi, nước miếng, nhân dân trong cõi ấy không có ruộng trồng trọt, không có buôn bán đổi chác, trong nước đó tất cả đều cùng ăn hoa quả ấy; nước ấy từ xa xưa, cũng không biết đến giàu nghèo; tất cả đều bình đẳng không khác.

Này Mục-liên! Thế giới của Đức Như Lai đó, có chín mươi sáu ức na-thuật trăm ngàn chúng đệ tử; chúng Bồ-tát thì gấp bội chúng đệ tử; có vườn, tên là Tam-mạn-đà-câu-trùng *(đời Tấn dịch là Pháp viên)*, vườn đó có nhiều loại trái cây, để các chúng đệ tử ăn uống, chúng đệ tử luôn ngồi ở trong vườn, chúng đệ tử và chúng Bồ-tát đều ngồi ở dưới gốc cây, khi muốn ăn, cây tự nhiên lay động, hoa quả rơi vào trong bát, ăn uống no rồi, hoa quả không rơi nữa, cây trở lại như cũ.

Này Mục-liên! Tất cả những sự vật trong thế giới ấy còn hơn thế nữa, không thể tính được. Này Mục-liên! Đức Như Lai ở thế giới ấy chính là ta đây. Ta ở thế giới đó, đem giáo pháp mà hướng dẫn, dạy dỗ cho họ. Này Mục-liên! Do vậy mà gọi là Như Lai đạo thần túc biến hóa vô cực, tất cả các đệ tử và Duyên giác không thể biết được.

Lại nữa, này Mục-liên! Lúc đó, ở phương Tây nam của cõi tam thiên đại thiên, cách thế giới bốn thiên hạ này, bảy vạn bốn thiên hạ. Thế giới đó, tên là Tỷ-bảo-bạt-điền *(đời Tấn dịch là Dung thọ)*, có tám vạn quốc vương, mỗi một thiên hạ có tám vạn thành, ngoài thành có tám vạn thôn xóm, có chỗ cho tám vạn vị vua cai trị tám vạn thành, có tám vạn thành nhỏ, mỗi một thành có xóm làng có thành nhỏ và trăm ngàn câu-lợi thành. Các vị vua ở trong đó, thực hành giáo pháp, bài trừ những việc phi pháp. Hết thảy các vị vua ấy, đều có tám vạn bốn ngàn phu nhân, thể nữ, thời bấy giờ, thể nữ rất đoan chánh cao đẹp, mỗi một vị vua có năm trăm thái tử và một vạn hai ngàn người con gái, một vạn hai ngàn người con gái này cũng ngay thẳng cao đẹp, luật pháp của các vị vua ấy không có roi gậy, cũng không có binh khí, mỗi một vị vua đều tự cai trị ở nước của mình.

Này Mục-liên! Thế giới Dung thọ kia có Đức Phật, hiệu là Ba-vật-đa-la-đà-na-lại-tỷ Hằng-tát-a-kiệt A-la-ha Tam-da-tam-phật *(đời Tấn dịch là Bảo Phóng Quang Minh Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác)*, hiện đang thuyết pháp.

Này Mục-liên! Đức Như Lai ấy, khi đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở thế giới bốn thiên hạ này, liền vọt lên hư không, ngồi kiết

già, cách đất bảy thước, một lần, ngồi kiết già, rồi phóng ra ánh sáng lớn, làm cho thế giới bốn thiên hạ, thảy đều thấy nhau, mưa đầy các hoa trời, các khí cụ âm nhạc không đánh tự kêu, mỗi một nhạc cụ phát ra trăm ngàn âm thanh, mặt đất chấn động sáu cách, các tiếng âm nhạc giống như tiếng Phạm âm, khiến người người tạo ra trăm ngàn công đức, không thể tính. Khi Đức Phật Chuyển bánh xe pháp, khiến cho tất cả đều dứt hết các dục cấu nhập vào Vô dư Niết-bàn; Bồ-tát đem chỗ hiểu biết vì chúng sinh mà thuyết pháp. Đức Như Lai đó cũng thuyết pháp cho thế giới bốn thiên hạ này, tám vạn vị vua và phu nhân thể nữ, những người con trai, những người con gái, thấy Đức Phật biến hóa rồi, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong nước đó, tất cả nhân dân, nam nữ, bé trai, bé gái đều xa lìa các bụi nhơ phiền não được sinh pháp nhãn; các vị vua này và phu nhân, thể nữ, trai, gái, theo Phật cầu làm Sa-môn. Khi ấy, Đức Như Lai đều cho những người ấy làm Sa-môn; làm Sa-môn rồi; khi đi đến bất cứ chỗ nào, nơi thành quách, huyện ấp, xóm làng họ đều đi bộ, không dùng xe, ngựa, nghỉ ngơi xong rồi, dậy ăn uống, thường ở trong chùa chiền, lại không có ruộng để trồng trọt, ăn uống tự nhiên, chư Thiên giáng xuống, để cúng dường thức ăn.

Khi Đức Như Lai trở lại hội thuyết pháp, tất cả người thực hành hạnh đệ tử đều được quả Tư-đà-hàm; người thực hành Bồ-tát đều được hoan hỷ nhẫn; khi đến hội thuyết pháp lần ba, thì tất cả mọi người đều được quả A-na-hàm, người thực hành Bồ-tát đạt được năm thần thông, khi đến hội thuyết pháp thứ tư hết thảy đều được A-la-hán, người thực hành Bồ-tát đều được Bất khởi pháp nhẫn, phu nhân, thể nữ, nam, nữ cũng đều được Bất khởi pháp nhẫn. Lúc đó, phu nhân, thể nữ và các người con gái đều chuyển thân nữ thành thân nam, không còn thấy giống hình dạng người nữ nữa. Lúc này Đức Như Lai đều thọ ký cho họ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mục-liên! Ý ông thế nào? Ông có biết Đức Bảo Phóng Quang Minh Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác ở cõi đó là ai không?

Mục-liên thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con không biết.

Đức Phật nói:

–Đức Như Lai đó, chính là ta đây, đó gọi là Như Lai đạo thần túc biến hóa vô cực. Thế nên, này Mục-liên! Tất cả đệ tử và Duyên giác không thể biết được.

Lại nữa, này Mục-liên! Lúc đó, ở phương Tây bắc của thế giới tam

thiên đại thiên cách thế giới này, năm vạn năm ngàn bốn thiên hạ. Thế giới đó, tên là Kiền-đạp-đề *(đời Tấn dịch là Hưng khí)*. Thế giới này, hoàn toàn dùng Chiên-đàn ô-lặc-ca-sa-la, Chiên-đàn đó lớn, trị giá như một tiền. Thế giới đó đang có cây là Tam-mạn-đà-kiền-đà *(đời Tấn dịch là Kỳ hương phổ huân)*, mỗi một cây tỏa hương thơm tới bốn trăm dặm; cõi đó nhiều hoa sen lớn như bánh xe, một hoa có trăm ngàn lá, vô số màu sắc không thể tính, hoa ấy mềm mại như hoa trời Uyển điên, mọc cao hai trượng, mùi thơm của hoa ấy lan tỏa khắp bốn thiên hạ. Chiên-đàn ở thế gian bốn thiên hạ đó đan chéo nhau, chỗ kinh hành cũng đều là hoa Chiên-đàn ba đàm mọc ở hai bên. Thế giới đó không có thành quách, huyện ấp, xóm làng, chỉ có những giao lộ ngăn cách, được lọng che ở trên; nhân dân ở thế giới ấy, ăn uống như trời Ni-mạn-la thứ năm.

Lại nữa, thế giới đó hương thơm bay xông khắp nơi Đức Phật hiệu là Kiền-đà-vật-lại-tỷ *(đời Tấn dịch là Hương Khí Phóng Quang Minh)* Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Thế giới của Đức Phật đó toàn là Bồ-tát hạnh, không có đệ tử thực hành Duyên giác, những người ở thế gian bốn thiên hạ đó, tất cả đều được thần túc. Các Bồ-tát đó đều đắc nhẫn không thể nghĩ bàn; trong số các Bồ-tát này có Bồ-tát tên là Tát-hòa-đàm-vô-duy-quật-la-du *(đời Tấn gọi là Nhất Thiết Pháp Vô Cực Tích Tụ)* đã được nguyện không thể nghĩ bàn, đã được ba nhẫn thần thông, nhờ đó mà báo ân cho tất cả, cúng dường chư Phật rất nhiều không thể tính.

Lại nữa, này Mục-liên! Bồ-tát Nhất Thiết Pháp Vô Cực Tích Tụ đó tự suy nghĩ: "Nay ta muốn thưa hỏi Đức Phật, không biết Đức Phật có bằng lòng nói những gì mà mình muốn hỏi không! Nghĩ như thế rồi, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy, mỗi một sợi lông trong thân đều phóng ánh sáng, chiếu khắp bốn trăm dặm, toàn thân phóng ánh sáng chiếu khắp cảnh giới, có rất nhiều trăm ngàn loại hoa với vô số màu sắc rất tươi đẹp, hoa ấy cách đất bảy thước, ở trên hư không; lòng suy nghĩ muốn đem hoa này để cúng dường, ngay lúc đó, giữa hư không, nghe tiếng âm nhạc dịu dàng giống như nhạc trời, tiếng âm nhạc này, phát ra tám thứ tiếng Pháp ấn; mỗi một tiếng Pháp ấn hiện ra tám vạn bốn ngàn câu-lợi quyển kinh và bảy vạn hai ngàn bài kệ. Lúc đó Bồ-tát rất phấn khởi liền ngồi kiết già giữa hư không, cùng với chín mươi sáu câu-lợi na-thuật trăm ngàn người, đều trụ vào địa vị không thoái lui, đều đạt Vô sở tùng sinh pháp nhẫn, sẽ đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sắc tướng diện mạo của Bồ-tát như vậy. Này Mục-liên! Tất cả mọi người trong thế giới kia, không có người mù, què, điếc, nghèo, xấu xí; tất cả nhân dân đó đều là Bồ-tát, có ba mươi hai

tướng của bậc đại nhân. Trong thế giới đó, không có những người làm các việc, người trong nước đó cũng không ăn uống, chỉ dùng thiền định vui vẻ làm ăn uống; trong nước đó, không có giống người mọi rợ, cũng không có ba đường ác, cũng không có những nơi xa xôi, hiểm nghèo, cũng không ở nơi đây chết, rồi sinh đến cõi nước khác. Nếu khi chết đi thì người ấy liền được Như Lai.

Đức Phật nói:

–Này Mục-liên! Đức Như Lai ở thế giới kia, chính là ta đây. Ta ở cõi đó, đem giáo pháp hướng dẫn, dạy dỗ cho họ; đó gọi là đạo thần túc biến hóa vô cực, tất cả đệ tử và Duyên giác không thể biết được.

Lại nữa, này Mục-liên! Lúc đó, ở phương Đông bắc cõi tam thiên đại thiên, cách thế giới này, bốn vạn hai ngàn bốn thiên hạ. Thế giới đó, tên là Du-mạn-đà-na *(đời Tấn gọi là Ưng thời)*. Nhân dân ở thế giới này, dâm dục rất nhiều nào tham dâm, sân giận, ngu si, tham lam, keo kiệt, ồn ào, nghênh ngang làm các việc tà, không tin, ganh ghét, làm ác, đa nghi, che giấu tội lỗi, tánh tình nóng nảy, biếng nhác, thích muốn gây hại, không biết sợ sệt, chấp có ta, ngã, nhân, thọ mạng, không có trí tuệ. Ví như loài cầm thú, không biết xấu hổ, tâm ý cuồng loạn, không có lễ độ. Những người ở thế giới ấy, diện mạo xấu ác, không có sắc mặt, không có định tĩnh; đất ở cõi ấy, chỉ có bùn nhơ và các thứ không sạch, đời sống khổ sở, áo mặc, cơm ăn không đủ; ưa đấu tranh, lại mắng chửi nhau, sáu tháng mưa một lần, một năm mới mưa lại, ngũ cốc thiếu thốn, việc ác ập đến. Thế giới đó, đất cứng như sắt, đá lồi lõm không bằng, ví như Cổ-tật-lê, người đạp chân lên thì bị tổn thương, ác độc không dừng, đất chỉ sinh gai gốc, tất cả nhân dân chỉ uống nước dơ bẩn, vị mặn của nước đắng hôi nhơ bẩn, áo mặc đều dùng cỏ khô, bần cùng khốn khổ, lại chỉ biết nhìn nhau, sai khiến lẫn nhau. Quốc vương ở thế giới ấy, tánh tình nóng nảy, thường ưa sân giận. Nhân dân trong đó bị sai khiến làm việc rất là khổ sở, đời sống của nhân dân đều phụ thuộc vào ruộng nhưng làm ra lúa thóc, tiền tài đều bị vua đoạt lấy, đánh đập tàn ác, luôn bị tai ương.

Này Mục-liên! Trong cõi nước đó, đời hiện tại chịu tai ương, xót thương đến như thế, nếu so sánh với các loài, lại còn hơn thế nữa; người trong thế giới đó, khi chết đi đều đọa trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

Lại nữa, này Mục-liên! Thế giới bốn thiên hạ đó, có Đức Như Lai hiệu là Chấn-ba-ca-luận-chân-đà-ma-na-ca-lâu *(đời Tấn dịch là Thương Bi Lân Niệm)* Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác đang

thuyết pháp. Này Mục-liên! Đức Như Lai đó hiện ra mười tám đại biến hóa mà thuyết pháp bảy trăm năm; thuyết pháp bảy trăm năm xong mà không có một người nào hiểu giáo pháp. Lúc đó, Thế Tôn cũng thuyết pháp như vậy, không mỏi mệt nhàm chán, thường đem lòng thương xót lớn mà giảng nói. Này Mục-liên! Thế Tôn đó hoặc đến xóm làng, quận quốc, huyện ấp; hoặc ở rải rác, luôn du hóa khắp nơi; nếu đi đến nước kia mà nhân dân mắng chửi, xem thường, có lời nói thô lỗ, có hiện tướng giận dữ, thì Thế Tôn đó, đối với họ đều nhẫn chịu và khuyên nhũ, thương xót, giúp đỡ, muốn làm cho họ được độ thoát đến Niết-bàn. Này Mục-liên! Khi ấy, Đức Như Lai ở trong thời gian đó thuyết pháp giúp đỡ họ; lúc nói pháp có tám vạn bốn ngàn na-thuật người đạt được quả A-la-hán; lại có tám vạn bốn ngàn na-thuật người đạt quả A-na-hàm; lại có tám vạn bốn ngàn na-thuật người đạt quả Tư-đà-hàm; lại có tám vạn bốn ngàn na-thuật người đạt quả Tu-đà-hoàn và tất cả đại chúng trong một ngày đều cạo bỏ râu tóc, làm Sa-môn, thọ đại giới. Như vậy, là hàng có học hay không học, ở trong ba tháng trước đã tạo các việc ác; nay nghe lời dạy của Đức Phật đều được xa lìa, ngay lúc đó tất cả đều được Bát-niết-bàn. Đức Phật đó luôn luôn trụ và thương xót, giúp đỡ hàng Duyên giác và Bồ-tát. Họ đã tạo ra tội ác, nên bị sinh ở cõi ấy, chịu thống khổ đến như vậy, cho đến một lúc họ đều được xa lìa.

Lúc đó Mục-liên bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn! Các Bồ-tát này, tạo ra những tội gì, mà sinh ở cõi đó?

Đức Phật bảo Mục-liên:

–Bồ-tát có bốn việc bị sinh qua cõi đó:

1. Bồ-tát cậy vào danh để cầu cúng dường, không học việc của Bồ-tát.

2. Đối với việc của Bồ-tát, không thực hành lại còn biếng nhác, tuy có thấy cũng không thể nắm giữ.

3. Bồ-tát thấy các Bồ-tát khác, được sự cúng dường, liền ganh ghét, nói vì sao lại được cúng dường, xem thường cắt đứt công đức của người khác.

4. Bồ-tát không thể giữ gìn thân, khẩu, ý. Vì làm những việc như thế, nên bị sinh ở cõi đó.

Đức Phật bảo:

–Này Mục-liên! Đức Phật kia chính là ta đây. Ta ở cõi đó, đem giáo pháp dạy dỗ, hướng dẫn cho họ. Đó gọi là Như Lai quyền đạo thần túc biến

hóa vô cực. Những việc như vậy, đệ tử và hàng Duyên giác không thể biết được. Này Mục-liên! Lúc đó Đức Như Lai làm Phật sự ở cõi tam thiên đại thiên thế giới như vậy, các ông cũng đều không thể biết được. Vì sao? Vì đệ tử không thể thọ trì, cho nên đều không thể thấy.

Lại nữa, này Mục-liên! Lúc đó ở trong tam thiên đại thiên thế giới, trăm câu-lợi thế giới bốn thiên hạ. Đức Như Lai kia tùy theo ý của họ mà thuyết pháp; có lúc giống như hình thể trời Phạm, mặc y phục mà thuyết pháp, thế giới đó Đức Như Lai chẳng xuất gia, cạo bỏ râu tóc. Có lúc lại giống như hình thể của Thích Đề-hoàn Nhân mặc y phục mà thuyết pháp; hoặc giống như hình thể Nhật Thiên vương, mặc y phục mà thuyết pháp; hoặc lại giống như hình thể của vua Giá-ca-việt mặc y phục mà thuyết pháp rất nhiều sự giống nhau như vậy. Này Mục-liên! Lúc đó cả trong tam thiên đại thiên thế giới đều giống như sở nguyện của mọi người mà thuyết pháp, có vô số sự giống nhau như vậy; lại có vô số cõi Phật khác, không thể tính đếm là chỗ mà tất cả đệ tử Duyên giác không thể biết được. Ví như cung điện của mặt trời, mặt trăng, chư Thiên nhật nguyệt đều ngồi trong cung điện đó, không ra, không vào vẫn thấy khắp bốn thiên hạ. Này Mục-liên! Đức Thế Tôn cũng không từ đây đứng dậy cũng không đến chỗ kia mà ngồi, nhưng đều thấy cõi Phật là không thể tính, mọi sự hiện ra để chỉ bày đều tùy theo sở nguyện cao, thấp, ở giữa của tất cả mọi người bảo vệ giúp đỡ, mà nói pháp cho họ.

Khi ấy, Hiền giả Đại Mục-kiền-liên bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nên xét đoán chỗ nào là người của Đức Thế Tôn, hoặc trời Đao-lợi hoặc Diêm-phù-lợi, hoặc cung trời, hoặc ba ngàn thế giới này, hoặc thế giới bốn thiên hạ kia, lại thuyết pháp ở thế giới khác, những chỗ thế giới đó, xét đoán chỗ nào là Đức Phật? Chúng ta nên làm sao để biết nghĩa cùng tột của đại thí và y phục của đại giới, làm sao biết được như vậy?

Đức Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

–Như ông đã hỏi, có thể thọ trì được không? Nay ta vì ông mà nói. Này Mục-liên! Ví như nhà ảo thuật tạo ra người nam hoặc người nữ, vậy ông sẽ xét đoán, chỗ nào là người nam, người nữ?

Hiền giả Mục-liên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không thể xét đoán được người ấy. Vì sao? Vì huyễn ấy là chỗ tạo thành do sức chú thuật, cho nên không thể nắm giữ được.

Đức Phật nói:

–Này Mục-liên! Huyễn ấy, chỗ tạo thành là ai, vậy huyễn ấy, có thể tạo ra được không?

Hiền giả Mục-liên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có thể tạo ra.

Đức Phật bảo:

–Này Mục-liên! Như vậy, tất cả các pháp như huyễn hóa, không nắm giữ được, phải làm thế nào?

Như vậy này Mục-liên! Chỗ làm ra của nhà ảo thuật, sức ảo thuật làm ra huyễn hóa, phải như thế nào? Huyễn ấy đều bình đẳng, không có nắm giữ. Này Mục-liên! Đức Như Lai dùng trí tuệ bình đẳng hiện rõ ở tất cả các cõi, như vậy đều không nắm giữ. Làm tất cả mọi việc đều bình đẳng như vậy mới là làm việc Phật. Vì thế nên được pháp bố thí rất cùng tột, bình đẳng như vậy là được kết quả rất lớn. Này Mục-liên! Chư Phật Thế Tôn đều bình đẳng không thể tính kể, nên so sánh như vậy. Này Mục-liên! Các pháp luôn trụ trong bình đẳng. Các pháp đã trụ bình đẳng như vậy thì sự thành tựu đạo cũng vậy; pháp giới mà không nắm bắt thì cũng không tính đếm. Này Mục-liên! Ông hãy suy nghĩ kỹ, Đức Như Lai, từ nhiều kiếp xa xưa, tìm cầu dấu vết Phật-đà, có thể hóa ra hằng hà sa ba mươi hai tướng của Như Lai, bình đẳng không khác; cũng có thể thuyết pháp sáu mươi việc, cùng lúc nói ra; các Đức Như Lai này thảy đều biết tâm và những việc làm của mọi người; đều biết ai sẽ được giải thoát; như pháp môn giải thoát ứng với căn sáu tình của họ mà thuyết pháp, khiến lần lượt đều đầy đủ trí tuệ. Các Đức Như Lai này vì tất cả mà hiện ra thuyết pháp, để cho những người nghe, biết được mà phụng hành biết các Khổ, Tập đều có thể hết. Các Đức Như Lai này, có ba việc biến hóa thuyết pháp, làm cho bốn phía đều được nghe pháp. Các Đức Như Lai ấy đều hiện ra các việc Phật. Này Mục-liên! Ý ông thế nào? Ngay lúc đó, chư Phật xét đoán chỗ nào là nắm bắt cùng tột. Đức Như Lai huyễn, huyễn Như Lai thì nắm bắt cái gì!

Mục-liên bạch Phật:

–Lúc đó, ở trong Như Lai không thể biết được cái nắm bắt. Vì sao? Vì giống như hằng hà sa, đã như hằng hà sa thì mọi việc làm sẽ không tăng giảm, đối với hằng hà sa bao nhiêu là việc làm như: Màu sắc, hình tượng, báo ân, trí tuệ, thần túc, nói pháp; như để giải thoát cho tất cả mọi người. Như vậy, Đức Như Lai đối với các việc, không thể nói là có bao nhiêu!

Này Mục-liên! Như vậy, mọi việc làm của Đức Như Lai nên thấy như vậy; đều là những phần của huyễn hóa, các pháp cũng vậy. Thế nên, các

pháp chẳng có bao nhiêu, chẳng thể nắm bắt. Này Mục-liên! Biết những phần huyễn hóa này, các pháp cũng như vậy. Người phàm, đối với bao nhiêu việc này, không thể làm được, huống nữa là việc của chư Phật Thế Tôn. Vì sao? Này Mục-liên! Nên học tất cả các pháp; đối với "không" nên nghĩ nhàm chán; không dụng dục, không dục; hoặc có, hoặc không trụ ngay trong đó; có thể chỗ làm cũng như chỗ được; đối với pháp giới cũng không khởi, cũng không diệt. Này Mục-liên! Với pháp giới, Đức Như Lai đều thấy, biết và hiểu. Này Mục-liên! Như cõi Diêm-phù-lợi có nhiều người ở trong đó, Đức Như Lai hiện ra trong đó hiện ra rồi lại biến hóa hoặc làm Như Lai hoặc làm Tỳ-kheo Tăng, những người ở đó lần lượt chẳng tự mình biết là Như Lai hay là Tỳ-kheo Tăng, họ có đầy trong cõi Diêm-phù-lợi. Này Mục-liên! Tất cả các loài đều có thể được sinh đầy trong cõi bốn thiên hạ, như trời, người và các loài bò bay máy cựa…

Này Mục-liên! Chỗ những người đó, đều ở trước Đức Phật; bấy giờ, tất cả những loài ấy, từ đời trước xa xưa, đều trụ ở trước Đức Phật, đều lần lượt hiện ra Như Lai, hoặc Tỳ-kheo nhưng chẳng biết nhau, đầy cả bốn thiên hạ. Này Mục-liên! Lúc đó, trong cõi tam thiên đại thiên, tất cả loài bò bay máy cựa có nhiều ở trong đó, đều được thân người, được thân người rồi, lại khiến được bình đẳng. Này Mục-liên! Được thân người rồi, đều cùng chủng loại đều lần lượt hiện ra Đức Như Lai và Tỳ-kheo Tăng chẳng biết nhau. Này Mục-liên! Đặt ra đó là nhân dân trong cõi tam thiên đại thiên. Này Mục-liên! Phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương phụ, phương trên, phương dưới, tất cả như vậy là mười phương thế giới, cõi ấy rất nhiều, không thể tính hết; khắp tất cả đều khiến được làm thân người, được làm thân người rồi, như vậy, tất cả đều là người.

Này Mục-liên! Mọi người cùng Đức Như Lai là một chủng loại, mỗi một người đều giống như Đức Như Lai, đều lại làm Tỳ-kheo Tăng, lần lượt chẳng thể tự mình biết nhau. Này Mục-liên! Lại đặt ra đó là mười phương trong mười hằng hà sa cõi Phật. Này Mục-liên! Như hôm nay, Đức Như Lai ngồi đây dùng Phật nhãn thấy trong cõi chư Phật, đem cái biết của chư Phật ví như số ấy, đối với trăm ngàn kiếp mà nói thì không thể rốt ráo, cũng không thể tính đếm các cõi Phật như vậy. Với khoảng thời gian đó mà ngồi thấy cõi Phật nhiều như thế thì trí tuệ của Như Lai cũng như thí dụ đã nói; có thể khiến tất cả đều như Bích-chi-phật; cầu không thể biết, không thể đếm, không thể lường, không thể thấy; đối với Bích-chi-phật còn không thể biết huống nữa là hàng đệ tử! Vì thế nên, Đức Như Lai đều thấy biết, thấy biết cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn, câu-lợi trăm ngàn, hằng-ca-la, tần-bạt, a-thọ, a-tăng-kỳ, không thể tính

đếm hằng hà sa như vậy, như vậy… Như thế, các cõi nước trong cõi tam thiên đại thiên thế giới là không thể tính đếm, nó đầy khắp ở trong đó.

Đức Phật nói:

–Này Mục-liên! Số nhiều như vậy nhưng không có chỗ nào làm trở ngại tầm nhìn thấy; nhìn thẳng không liếc nghiêng, cũng không nhìn quay cổ, dùng Phật nhãn mà nhìn, đều thấy khắp cõi mười phương không thể tính, nó vô số không ngằn mé ranh giới khó mà nghĩ bàn. So sánh cõi Phật như vậy, so sánh người dân ở trong đó và các loài bò bay máy cựa, cũng như thế. Như vậy tất cả cảnh giới của Bồ-tát, phần nhiều ở trong đó. Bồ-tát từ xa xưa đời trước, chưa từng có hạnh, khiến được thân người rồi đều lại làm vua Giá-ca-việt, xung quanh mỗi một vị vua Giá-ca-việt đều có quan thuộc, toàn bộ quan thuộc của một vị vua Giá-ca-việt đó, đều như những vị vua Giá-ca-việt khác cứ lần lượt như vậy. Này Mục-liên! Toàn bộ những vị vua Giá-ca-việt và quan thuộc, làm một quan thuộc của vua Giá-ca-việt, giống như số đó đem so sánh đều là Như Lai, hình dáng sắc tướng đó, đều một chủng loại, như vậy, tất cả nhân duyên đều trụ ở trước; mỗi một vị vua Giá-ca-việt và quan thuộc đó ở trước đều tự thấy có Đức Như Lai và các Tỳ-kheo Tăng; các vị vua Giá-ca-việt đều tự gọi: Chỉ có Đức Như Lai, không còn ai khác, mỗi một vị đều tự thấy một Đức Như Lai, ngoài ra không có ai được như thế. Như vậy, các vị vua Giá-ca-việt các quan thuộc đó mỗi một sợi lông trên thân đều là một Đức Như Lai; một Đức Như Lai đều có Tỳ-kheo Tăng. Như thế đều là Như Lai đạo thần túc biến hóa vô cực, ai nghe điều đó không dám ẩn ý nói chẳng phải Như Lai thị hiện biến hóa vô cực, hoặc có khởi lên suy nghĩ, đó là việc làm chân thật của Đức Như Lai thị hiện biến hóa vô cực. Như vậy, là việc làm trí tuệ, không thể tính được. Này Mục-liên! Như vậy, ý ông thế nào? Như ta khiến những người đó, đều đứng ở chỗ vua Giá-ca-việt giống như phẩm Phước phần này, phẩm Phước phần như vậy đều khiến được làm vua Giá-ca-việt, có đầy đủ bảy báu. Như vậy phước phần có nhiều không?

Mục-liên bạch Đức Phật:

–Thưa Đức Thiên Trung Thiên! Rất nhiều, rất nhiều!

Làm cho một người được phước đó đến không thể tính đếm, so lường. Như vậy, với mọi người không thể tính kể, không thể hạn lượng, thì phước đó có nhiều hơn thế nữa.

Đức Phật nói:

–Này Mục-liên! Đã nói là nên thọ trì và suy nghĩ kỹ như vậy. Các Bồ-tát làm vua Giá-ca-việt được phước phần, như vậy phước phần đó rất

nhiều, nhưng cũng không như phước một sợi lông của Đức Như Lai, nó còn vô số hơn thế nữa.

Mục-liên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy, đó là công đức của Như Lai; đó là đại thần túc, đại phân biệt, đại khả năng của Đức Như Lai. Bạch Thế Tôn! Con ăn năn vì không có chỗ theo kịp. Vì sao? Vì đối với pháp thần thông thì đạt được, mà tự mình thấy còn thiếu hụt!

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả những người kia nghe Như Lai đạo thần túc biến hóa vô cực này đều đạt được công đức rất lớn, ai nghe rồi đều một lòng phát khởi suy nghĩ những việc đó; muốn cầu giải thoát, muốn học đầy đủ, muốn được Đạo thần túc biến hóa vô cực thì phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn! Những người như thế, nên cúi đầu đảnh lễ. Vì sao? Vì những người này không bao lâu nữa, dứt khoát không còn sợ đọa vào ba đường ác, cũng không còn nghi ngờ hiểu nghĩa đúng như vậy, cũng không mong cầu Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Kiền-đạp-hòa, cũng không nguyện làm Phạm thiên. Bạch Thế Tôn! Đúng là như vậy.

Lúc đó, Mục-liên nghe Đạo Thần túc biến hóa vô cực, liền đứng dậy, chắp tay thưa:

Nam-mô Phật Thế Tôn! Vì nghe mọi người đảnh lễ, khiến người ấy mau đạt được sở nguyện; người muốn phát tâm, người đã phát tâm đều khiến mọi người này đạt được sự cùng tột, giống như cùng tột của Đức Phật. Lúc đó, khiến tâm không còn thoái chuyển, không do dự, tin chắc chắn, không còn nghi ngờ.

Khi ấy, các Trời, Rồng, Duyệt-xoa, Kiền-đạp-hòa, Thích, Phạm, các vị bảo vệ thế gian đều cúng dường Đức Phật, vì đối với pháp ngôn đều được sở nguyện vui thích. Lúc ấy trăm ngàn các loại dụng cụ âm nhạc, không đánh mà tự kêu; hoa trời Ưu-bát-la, Ba-đàm-câu-văn, Phân-đà-lợi đầy khắp trời Đao-lợi. Khi nghe nói phẩm pháp ngôn này, có bảy vạn hai ngàn na-thuật chư Thiên xưa nay luôn tạo các công đức đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và nói: Chúng ta sau đời vị lai, ở trước chư Thiên và người thế gian, rống lên tiếng rống sư tử giống như ngày nay Đức Thế Tôn đang rống.

Bấy giờ Nguyệt Thiên tử và Nguyệt Tinh Thiên tử đứng trước Đức Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những người nam, những người nữ đối với phẩm pháp ngôn đã nói đó; hoặc thọ trì, hoặc suy nghĩ, hoặc nói rộng khắp ở

trong đại chúng thì sẽ được bao nhiêu phước công đức?

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Đối với Tam bảo, nếu những người nam, những người nữ không dứt bỏ, không quên, luôn luôn mong cầu đối với pháp ngôn ấy, hoặc tự mình thọ trì, hoặc nói cho người khác thì sao? Thì giống như Thiên tử nghe pháp này đối với tâm của đệ tử không có chỗ cầu đối với tâm của Bích-chi-phật cũng không có chỗ cầu, mà tâm thường cầu là trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Thiên tử thọ trì pháp ngôn thanh tịnh giải thoát, được các căn lanh lợi; đối với pháp ngôn này, vì nắm bắt được nên khởi lên tâm đạo, khởi lên tâm vui mừng, đối với giải thoát mà không nghi ngờ. Này Thiên tử! Nên đem pháp ngôn ấy mà nói rộng khắp chớ đoạn Tam bảo mà được trụ; đối với pháp ngôn này, hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng hoặc vì người mà nói. Thiên tử! Ý ông thế nào? Không đoạn Tam bảo mà luôn trụ, đối với pháp ấy hoặc thọ trì, hoặc giảng nói. Thế nào Thiên tử? Không đoạn đối với Tam bảo mà trụ; đối với một ngàn Đức Phật cúng dường những y phục, món ăn, thức uống, giường, đồ ngồi, thuốc men trị bệnh thì sẽ được ở trong trăm ngàn kiếp. Ai có thể tính được công đức của người ấy không?

Thiên tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không ai có thể biết được.

Đức Phật nói:

–Này Thiên tử! Đối với pháp ngôn đã nói, người thông minh có trí tuệ, biết phước ấy không thể tính, không có hạn lượng; nếu có người nào, đối với pháp ngôn này, hoặc thọ trì hoặc đem nói trong chúng thì phước đó sẽ rất nhiều không thể tính được.

Lúc đó, Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp ngôn này tên là gì? Nên thọ trì và thực hành như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Pháp ngôn này tên là Ư Đao-lợi Thiên Sở Thuyết Trì, một tên nữa là Đạo Thần Túc Vô Cực Biến Hóa Trì. Ta giao lại cho ông, ông nên truyền bá cho nhau.

Này Di-lặc! Ông nên suy xét kỹ và giữ gìn ở trong đại hội nên tuyên nói cho đầy đủ.

Này Di-lặc! Tượng kinh như vậy, đối với thiên hạ cõi Diêm-phù-lợi rất khó được nghe. Này Di-lặc! Phải như những gì ta đã nói. Đức Phật nói

như vậy rồi, tất cả vui vẻ, Nguyệt Thiên tử, Nguyệt Tinh Thiên tử, Di-lặc Bồ-tát, Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, các Trời, Rồng, Duyệt-xoa, Kiền-đà-la, A-tu-luân, A-tu-luân-dân, tất cả đều ưa thích được nghe, vui mừng đảnh lễ Đức Phật.

-oOo-

SỐ 817

PHẬT THUYẾT ĐẠI TỊNH PHÁP MÔN KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị và tám ngàn Bồ-tát ở núi Thứu phong thuộc thành Vương xá. Tất cả Đại Thánh đều đã đắc pháp môn Tổng trì, biện tài vô lượng. Các vị đã tạo dựng và phân biệt Thánh tuệ, thông suốt ba môn giải thoát, có trí tuệ thông suốt cả ba đời không bị chướng ngại, đắc định Tam-muội, không chuyển đổi, có mười Lực, Vô úy. Tất cả đều được đầy đủ.

Bấy giờ, trong thành lớn Vương xá, có một người con gái phi thường, tên Thượng Kim Quang Thủ, đoan chánh đẹp đẽ, ai thấy cũng đều thích, hình dáng thon thả, điệu bộ sáng rỡ như hoa. Nhờ quả báo đã tu đức thuở trước, nên thân cô ta tự nhiên có màu vàng rực. Nơi nào cô ta đi dạo, ở, nằm, ngủ, đứng, ngồi, kinh hành thì đất ở nơi ấy, cũng đều biến thành màu, giống như thân cô ta; lụa vải mặc trên thân, tự nhiên cũng chuyển thành màu vàng ròng được vô số người kính trọng. Ai nhìn cô cũng ngây ngất, không biết chán. Cô ta nói năng không cọc cằn, thô lỗ mà rất nhã nhặn dịu dàng, hình dáng sáng rỡ, không tiều tụy. Trong thành lớn Vương xá ấy, dù là quốc vương, thái tử, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, thanh niên… đều yêu thương cô. Họ quyết chí muốn được nhìn thấy cô ta, nên dù cô đi đến đâu nơi công viên, bờ sông, ngõ hẻm, giữa rừng, họ cũng đi theo. Vô số nam nữ lớn nhỏ đều đi theo sau cô ta, để ngắm nhìn.

Một ngày nọ, Thượng Kim Quang Thủ cùng với Úy Gian là con ông trưởng giả mua quà đẹp để tặng nhau, làm những thức ăn ngon mang đến vườn Du quán, có xe bốn ngựa, cờ lọng, châu báu, châu minh nguyệt, vàng ròng, để trang hoàng, trải đồ ngồi tốt đẹp, chở đủ loại hương của hoa Tư-di; các kỹ nhạc cũng theo đến vườn Du-quán, để cùng nhau vui chơi. Đi trước dẫn đầu là trống nhạc, với âm thanh xướng hát, còn đồ cúng dường thì chở theo phía sau. Người đi theo nhìn, nhiều không thể kể.

Khi ra khỏi tịnh thất, Văn-thù-sư-lợi sinh lòng đại Bi, thương xót quần sinh, xem người nào có thể chuyển hóa, hướng họ về với Đại thừa, mà dùng ba phẩm pháp, để làm sáng rỡ đạo, tuệ. Đó là thần túc biến hóa, thuyết pháp biến hóa, truyền dạy biến hóa, rồi hướng dẫn họ vào Giới luật.

Thấy Thượng Kim Quang Thủ kết bạn với Úy Gian con trưởng giả và cùng ngồi chung một xe đến vườn Du quán và biết rõ căn nguyên bản hạnh của cô gái đó có nhiều phước đức, Văn-thù-sư-lợi bèn nghĩ: "Ta nên hóa độ và giảng pháp, chắc chắn cô ta sẽ hiểu rõ thông suốt". Lập tức, Văn-thù-sư-lợi biến thân hóa làm một thiếu niên, cực kỳ đẹp đẽ đi trước. Ai thấy cũng vui thích, mừng rỡ, kính chuộng. Dáng vẻ oai vệ rực rỡ, choáng cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng, dáng kiểu y phục hơn thế gian. Y phục của thiếu niên ấy sáng chiếu cả bốn mươi dặm, từ nơi thân, biểu hiện ra các vẻ đẹp theo ý muốn. Sửa soạn y phục xong, Văn-thù-sư-lợi theo dõi con đường dâm nữ đi, rồi đứng đợi phía trước con đường ấy. Vừa mới đứng ở trước thì xe ngựa của con trưởng giả và Thượng Kim Quang Thủ, lập tức bị ánh sáng, y phục, của Văn-thù-sư-lợi che lấp, không hiện nữa. Ánh sáng của họ tắt mất, giống như khối mực đen ở bên viên minh châu. Thượng Kim Quang Thủ thấy Văn-thù-sư-lợi với dung mạo tuấn tú, ánh sáng trên thân rực rỡ, giống như vị trời, khó sánh nổi, sắc mặt tươi tắn, y phục khác lạ. Vừa thấy vậy, cô nhìn lại mình không khỏi lấy làm lạ. Vì tham y phục của Văn-thù, cô suy nghĩ: "Nên xuống khỏi xe của con trưởng giả này, đến chung vui cùng với người kia. Và lại muốn thân mình có ánh sáng và kiểu y phục ấy". Cô vừa nghĩ xong, Văn-thù-sư-lợi thâu nhiếp oai thần, bảo Thiên vương Tức Ý hóa thành nam tử, nói với cô gái:

–Thôi, thôi! Đừng có tâm phóng đãng ấy nữa. Vì sao? Vì người kia không để tâm vào sắc dục.

Cô ta hỏi:

–Vì sao?

Thiên vương Tức Ý trả lời:

–Vì vị ấy là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Cô gái lại hỏi:

–Vì sao đặt tên là Bồ-tát? Đó có phải là Thiên tử, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-đạp-hòa, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Thích, Phạm hay Tứ thiên vương không?

Tức Ý trả lời:

–Người mà cô muốn biết, đó chẳng phải Trời, Rồng, Thần; cũng chẳng phải Thích, Phạm. Vị đó gọi là Bồ-tát, vì vị ấy làm thỏa mãn tất cả

lời nguyện cầu cho mọi người. Thấy tâm chúng sinh mong cầu điều gì, đều không làm trái ý họ, nên gọi là Bồ-tát.

Cô gái suy nghĩ: "Theo những gì ta nghe được, chắc chắn vị ấy sẽ cho ta y phục tốt đẹp". Nghĩ thế rồi, cô liền xuống xe, đến chỗ Văn-thù-sư-lợi, thưa:

–Thưa Nhân giả! Hãy cho tôi y phục này.

Văn-thù-sư-lợi trả lời:

–Này chị cả! Nếu chị cả phát tâm đạo Vô thượng Chánh chân, thì tôi mới lấy y phục cho cô.

Cô gái nói:

–Xin vâng, sao gọi là đạo?

Văn-thù trả lời:

–Muốn biết, thì chính cô là đạo.

Cô hỏi:

–Là thế nào? Thưa Văn-thù-sư-lợi! Nếu ngài không giảng rộng và phân biệt nghĩa lý thì tôi không sao hiểu được. Vì sao nói rằng, thân của tôi là đạo?

Thượng Kim Quang Thủ liền nói kệ:

Cúi đầu xin ngài
Cho tôi y phục
Mới biết ngài là
Đạo Phật chí sâu.
Như trời không mưa
Hạn hán kéo dài
Nếu người tham tiếc
Chẳng đúng Bồ-tát.

Văn-thù-sư-lợi lại nói kệ:

Nếu cô có thể
Phát tâm đạo Phật
Thì ta sẽ lấy
Y phục cho cô.
Nếu tâm vững chắc
Trụ vào ý đạo
Trên trời, thế gian
Sẽ đều lễ lạy.

Thượng Kim Quang Thủ dùng kệ, hỏi:

Như nói về đạo
Lời lẽ thế nào?
Ai là người nói?
Ai được đắc đạo?
Chí hướng đến nghiệp
Phải tập thế nào?
Để thành Phật đạo
Dạy người chưa ngộ.

Văn-thù-sư-lợi trả lời:

–Thưa chị cả! Nếu muốn biết, thì có Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác hiệu là Thích-ca Văn, hiện đang thuyết pháp, diễn bày sự bình đẳng của thân, để phụng hành theo đạo. Chị cả nghĩ thế nào? Chẳng lẽ chính ta sinh các ấm chủng và các nhập sao?

Nhờ hạnh lành, đức sẵn có, đã chứa nhóm từ kiếp trước, nên vừa nghe Văn-thù-sư-lợi nói vậy, cô ta đạt được ánh sáng của pháp và thưa Văn-thù:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như ngài đã nói, nhờ thân của tôi mà đạt đến các nhập và ấm chủng.

Văn-thù hỏi:

–Ý của chị cả thế nào? Sắc có đối tượng để nhớ nghĩ, có đối tượng để biết không?

Cô gái trả lời:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Chị cả nên biết! Đạo không có đối tượng để nhớ nghĩ, không có đối tượng để phân biệt. Vì sao? Vì sắc bình đẳng, nên đạo cũng bình đẳng. Do đó mà tôi nói chị cả là đạo.

Ý chị cả thế nào? Thọ, tưởng, hành, thức có đối tượng để nhớ nghĩ, có đối tượng để phân biệt không?

Cô gái trả lời:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đạo không nhớ nghĩ, cũng không phân biệt. Thọ, tưởng, hành, thức bình đẳng, nên đạo cũng bình đẳng. Cho nên tôi nói chị cả là đạo.

Ý chị cả thế nào? Chẳng lẽ có thể thấy sắc ở trong, ở ngoài, ở chặng giữa, thấy sắc là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tía, hồng, ở chỗ kia và phương kia sao?

Cô gái trả lời:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đạo cũng không thấy, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa, không ở trong tướng hồng, tía, không ở chỗ kia, phương kia. Vì sắc đã bình đẳng nên đạo cũng bình đẳng. Nên tôi nói chị cả là đạo.

Ý chị cả thế nào? Thọ, tưởng, hành, thức có thể thấy ở trong, ở ngoài, ở chặng giữa, trong tướng năm màu, hay ở phương kia không?

Cô gái trả lời:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đạo cũng như vậy. Không ở trong, ở ngoài, ở chặng giữa và ở trong năm màu; cũng không kia, không đây, không có phương hướng. Vì Thọ, tưởng, hành, thức bình đẳng, nên đạo cũng bình đẳng. Nên tôi nói, chị cả là đạo. Năm ấm như huyễn, giả tạo, điên đảo, do nhân duyên sinh. Nên đạo cũng như huyễn, là âm thanh giả mượn mà thôi. Huyễn là bình đẳng, năm ấm bình đẳng. Huyễn đã bình đẳng, thì đạo cũng bình đẳng. Nên tôi nói, chị cả là đạo. Năm ấm như mộng, không có gốc ngọn, đạo **c**ũng như mộng, vốn không có nơi chốn. Vì mộng bình đẳng, nên đạo cũng bình đẳng. Nên tôi nói chị cả là đạo.

Năm ấm giống như sóng nắng, do giả tạo mà phát sinh nghiệp mê hoặc. Đạo như sóng nắng, nên nó là như vậy; không có người tạo tác, cũng không có báo ứng. Cho nên năm ấm, sóng nắng bình đẳng. Sóng nắng đã bình đẳng thì đạo cũng bình đẳng. Nên tôi nói, chị cả là đạo.

Năm ấm như bóng trong gương. Bóng không sở hữu. Đạo cũng như ảnh trong gương, không sở hữu. Do đó, mà bóng năm ấm trong gương là bình đẳng. Bóng trong gương bình đẳng, nên đạo cũng bình đẳng. Nên tôi nói chị cả là đạo.

Năm ấm giả danh mà thành; đạo cũng giả danh mà gọi tên là đạo. Năm ấm bình đẳng. Nên tôi nói, chị cả là đạo.

Văn-thù-sư-lợi lại nói:

–Hãy lắng nghe! Năm ấm không tạo tác, đạo cũng không tạo tác. Ấm không tự nhiên, đạo cũng không tự nhiên. Ấm không chỗ có, đạo không chỗ sinh. Năm ấm vô thường, hiểu đạo là vô thường. Năm ấm không an, hiểu nghĩa đạo là khổ. Năm ấm trống không, không thật, hiểu đạo là trống không. Năm ấm vô ngã, nếu hiểu rõ nghĩa vô ngã thì đó là đạo. Các ấm mà

lặng lẽ đạm bạc, thì đó là đạo. Các ấm không có người thọ, không có sự thọ, thì đó là đạo. Các ấm không trụ, cũng không có đối tượng để chấp lấy. Không trụ, không chấp, ấy là đạo. Các ấm không đến, cũng không đi, mà không đến, không đi thì đó là đạo. Vì có năm ấm, nên chấp vào Thánh pháp, dựa vào âm thanh giả mà nói là Hiền thánh; nhưng đối với đạo pháp, thì nói ngược lại. Họ đã nói năng nhưng lại không có gì để nói năng. Năm ấm đều không, vì vốn là trong sạch. Hiểu rõ Như Lai cũng vốn trong sạch như vậy mà đạt thành Chánh giác. Nên tôi nói, chị cả là đạo.

Vì vậy năm ấm vốn sạch, đạo vốn cũng sạch. Vì đạo trong sạch nên các pháp vốn cũng trong sạch.

Chị cả! Nay các ấm vốn trong sạch. Đạo chư Phật Thế Tôn vốn cũng trong sạch. Tất cả vốn trong sạch, cũng tự nhiên là như vậy. Cũng vậy, năm ấm của chúng sinh vốn trong sạch. Nên tôi nói, chị cả là đạo.

Đã hiểu rõ năm ấm thì hiểu rõ đạo, đó là đạo của chư Phật. Lại nữa, chư Phật không lìa năm ấm, mới thành Phật đạo. Đạo không lìa năm ấm, nhưng biết rõ năm ấm, nên mới có hiệu là Phật.

Cho nên này chị cả, nên xem xét như vầy: Tất cả chúng sinh đều ở trong đạo. Đạo cũng ở trong tất cả chúng sinh. Đạo không duyên vào lời nói. Cho nên tôi nói, chị cả là đạo. Năm ấm do ngã mà sinh bốn hạt giống. Thế nào là bốn? Đó là đất, nước, gió, lửa.

Hạt giống đất là không ngã, không người, không thọ, không mạng. Vì hạt giống đất là bình đẳng, nên đạo cũng bình đẳng. Vì vốn nó không có đối tượng để thọ, nên gọi là bình đẳng. Hạt giống nước bình đẳng, đạo cũng rốt ráo, gốc ngọn đều là như vậy. Hạt giống lửa bình đẳng, vì đạo là rốt ráo, gốc ngọn không có tỳ vết. Hạt giống gió bình đẳng, vì gốc ngọn của đạo không chỗ thấy.

Chị cả nên biết! Nhờ các hạt giống này, mà Như Lai thành đạo. Hạt giống nước, lửa, gió là hạt giống của Như Lai. Cũng vậy, Như Lai nhờ đấy mà thành đạo. Nên hiểu rõ hạt giống đất và nhờ hạt giống nước, lửa, gió mà được thành Phật. Nên tôi nói, chị cả là đạo.

Các hạt giống đất, nước, lửa, gió là không có tưởng. Đối với bốn đại này, có thể không tư tưởng, cho nên gọi là đạo. Vì thế tôi nói, chị cả là đạo.

Bốn hạt giống nương nơi tôi, ta mà có nhãn, nhĩ, tỷ, khẩu, thân, ý cũng lại như vậy. Nhãn ấy là không, nên hiểu nhãn như vậy. Ai phân biệt được cái không đó, tức là đạo. Nhĩ, tỷ, thân, khẩu, ý cũng thế. Ý là không, nếu hiểu rõ cái không như vậy thì đó là đạo. Vì nhãn trống không, nên không biết tìm cầu sắc. Vì sắc là tự nhiên không, nên đó là đạo. Nhĩ, tỷ,

khẩu, thân, ý cũng như thế. Vì ý trống không, nên không biết tìm cầu thức. Các pháp không dính mắc, pháp tự nhiên không, đó là đạo. Nhãn không tiếp nhận sắc thì đạo cũng vậy. Vì nhãn không có sắc, sáu tình cũng thế, tất cả không được tiếp nhận. Lại cho rằng đạo không có tâm pháp.

Như vậy, này chị cả! Nhãn thức giới đó đối với sắc giới kia không có chỗ trụ; với nhãn thức và sắc giới thì đạo không có chỗ trụ. Thức giới của nhĩ, thức giới của tỷ, thức giới của khẩu, thức giới của thân, thức giới của ý không trụ vào pháp giới, đạo cũng không trụ. Đối với tâm pháp thức giới thì đạo không chỗ tiếp nhận. Do đó, đạo và nhãn thức giới là một. Cũng vậy, nhĩ, tỷ, khẩu, thân, ý thức giới… thì đạo và ý thức giới là một. Nên tôi nói, chị cả là đạo.

Lại nữa, này chị cả! Nếu phân biệt tường tận về nhãn, đó là đạo. Nhãn vốn trống không, trong sạch. Nếu hiểu rõ tự nhiên rỗng không thì đó là đạo. Nhĩ, tỷ, khẩu, thân, ý cũng vậy, vốn tự nhiên rỗng không. Nếu phân biệt, giác ngộ rõ ràng, nó vốn trong sạch, tự nhiên rỗng không thì đó là đạo. Vì nhãn tự nhiên không, nên không bị nhiễm, không kết hận, không bị xâm hại, trừ bỏ được dâm, nộ, si, đó là đạo. Nhĩ, tỷ, khẩu, thân, ý lại như vậy. Ý là tự nhiên, tự nhiên ấy, không chỗ nhiễm, cũng không kết hận, không bị xâm hại, trừ bỏ được dâm, nộ, si, đó là đạo. Nhãn không có chủ tể, không có tôi, ta cũng không chỗ tiếp nhận. Nhĩ, tỷ, khẩu, thân, ý cũng vậy, cũng không có chủ tể, không có tôi, ta, không chỗ tiếp nhận. Đạo cũng không có chủ tể, không có tôi, ta, cũng không chỗ tiếp nhận.

Lại cho rằng, nhãn không phải pháp nam, không phải pháp nữ. Nếu đã hiểu rõ về đạo là không có pháp nam nữ, không nam, không nữ, đó là đạo. Nhĩ, tỷ, khẩu, thân, ý cũng không có pháp nam, không có pháp nữ. Đạo cũng vậy, không có pháp nam nữ. Như Lai đã giác ngộ rõ về nhãn sắc, không có nguồn gốc. Nếu hiểu rõ không nguồn gốc, thì đó là đạo. Nhĩ, tỷ, khẩu, thân, ý cũng vậy. Như Lai đã giác ngộ rõ về ý là không có nguồn gốc. Nếu giác ngộ rõ như thế, thì đó là đạo. Nên tôi nói, chị cả là đạo.

Lại nữa, này chị cả! Chính thân mình không có tôi, ta, không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, không hình, không ý, không tạo tác, không thọ nhận, không thấy, không nghe, không nắm bắt, không buông xả, không được, không biết, thì đạo cũng không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, không nam, không nữ, không thân, không tạo tác và cũng không chỗ thấy; cũng lại không có ý thức về sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đặt để tất cả pháp đó mới gọi là đạo.

Nay chị cả mờ mịt, không trí, với tấm thân hiện có. Giống như cây,

cỏ, tường, vách, gạch, ngói. Với hạt giống đất bên trong và hạt giống đất bên ngoài; Như Lai dùng trí tuệ sẽ thông đạt rốt ráo. Nếu hiểu hạt giống đất ấy thì đạt thành Chánh giác. Cho nên tôi nói, chị cả là đạo.

Này chị cả! Các tư tưởng nhớ nghĩ của tâm ý thức ấy, do tâm sai khiến ý mà có pháp này. Nhưng pháp này, không đến, không đi. Thân không chỗ đến, giáo pháp không có chỗ đạt tới không có nước dãi, không có gân mạch, không xương cốt, lông, tóc; không ở não, không ở tủy, không ở trong, không ở ngoài; không ở giữa, cũng không trong ngoài. Vì nhãn không có chỗ trụ, nên nhĩ, tỷ, khẩu, thân, ý cũng lại không trụ, cũng không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ; không tạo dựng cũng không lìa sự tạo dựng; không có nơi chốn; không có đất đai, không có phương hướng, không sắc, không thấy, không trao, không nhận, không sai khiến, không dạy bảo, không bỏ ra, không dính mắc vào, trong sạch, lắng trong, đó là hiển bày. Tâm thức ấy cũng không dính mắc vào ham muốn, cũng không phải sạch, không dính bụi trần, bản tế trong sạch. Vì thế cho nên, không vào ham muốn, không có sạch ấy, đó là hiển bày, liền không có thân, vì thế cũng không vào ham muốn, không có sạch.

Này chị cả! Các nhập và hạt giống ấm tự nhiên là đạo. Đạo cũng tự nhiên, hiểu rõ phân biệt các nhập và hạt giống ấm. Nếu chính mình, có thể diệt trừ các nhập và hạt giống ấm, thì đó là đạo. Vì sao? Vì đạo không lo buồn, không bị nguy hại. Nếu hiểu rõ như vậy, thì gọi là đạo. Giác ngộ rõ ràng tất cả các pháp bình đẳng, thì đó gọi là đạo.

Khi Văn-thù-sư-lợi nói pháp này, ở vườn Du quán thì ở giữa hư không có năm trăm Thiên tử, đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Đi theo Thượng Kim Quang Thủ, có nam nữ lớn nhỏ. Trong đó có hai trăm người, phát tâm đại đạo, có sáu mươi vị trời và người xa lìa nhơ bẩn bụi trần chứng được Pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, Thượng Kim Quang Thủ rất vui mừng, cả thân thể lạy sát đất, cúi đầu dưới chân Văn-thù-sư-lợi, quy y Phật, Pháp, Tăng, tịnh tu phạm hạnh, giữ gìn năm giới, tâm ngay thẳng, phát ý đạo Vô thượng chánh chân và nói:

–Con xin nghe và làm theo những gì Đại sĩ dạy. Xin Văn-thù-sư-lợi thương xót tất cả loài chúng sinh, không làm đứt đoạn giáo pháp của Phật. Nếu có ai phát tâm đạo lớn, thì cũng nên biết như vầy. Đạo được tạo dựng ra là để thi hành việc ban cho pháp, giáo hóa dân chúng. Lại giảng pháp, để rửa sạch nghiệp tội xấu ác, khiến họ được trong sạch thì tất cả pháp mới được lặng yên không danh lợi; tùy theo sự suy nghĩ, nhưng vốn nó không

khác. Tự để thân tham đắm, làm những việc điên đảo, không hiểu rõ sự bình đẳng, để rồi tập theo sự đam mê sắc. Dục từ thân phát sinh. Vì dục mà chúng sinh có khổ đau.

Thưa Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp và chẳng phải pháp, vốn là trong sạch, vì mê-hoặc-giả-hợp theo nhân duyên hội họp, mà có tham dục. Tôi có thể thâu gom tất cả pháp, tạo lập nơi đạo Vô thượng chánh chân. Vì sao? Vì tất cả nỗi khổ đau, đều do tư tưởng giả tạo mà có. Ai có thể hiểu biết rõ về giả tạo thì có thể diệt trừ sự giả tạo. Lại được nghe Văn-thù-sư-lợi, giảng nói, phân biệt các vấn đề về dục phát sinh ở cõi trần. Nó ví như mây, hạt sương, tự nhiên, không thật. Dục như điện chớp, xẹt đó rồi biến mất. Dục như gió, xét đầu đến cuối, không dính vào đâu. Dục như hư không, dung nạp tất cả cõi. Dục như bọt nước không đứng được lâu dài. Dục như quỷ, biến hóa với suy nghĩ không tốt. Dục như bệnh sốt, hoảng hốt nói bậy bạ. Dục không thật, nó duyên vào vọng tưởng mà sinh. Vì dục như sợi dây trói buộc chấp có tôi, ta. Vì dục không có hình thể, nên chấp dính vào thân. Vì dục như khách đến, không có chỗ xuất phát. Dục như ảo thuật, nó chỉ theo ý tưởng nhớ nghĩ của chúng sinh. Dục như tấm gương do nhiều loại phát sinh ra. Dục không có chỗ sinh, chỉ do tham muốn mà khởi lên. Dục không có sự biết, là từ đó mà sinh ngã. Dục được phát sinh là nhờ các ấm. Dục giới như bụi lửa nhờ ý cảnh mà có. Dục như các ấm sử dụng các nhập. Dục như cái bóng vì sắc là giả danh. Dục không hiểu biết, vì luôn trái với những ý nghĩ chân chánh.

Thưa Văn-thù-sư-lợi! Xét dục như vậy, nếu hiểu rõ sự lười mỏi ấy thì có thể biết đạo. Vì sao? Vì đạo không động chuyển khổ đau phiền não của chúng sinh. Vì dục như sự phá hoại, nên phân biệt rõ về đạo. Vì dục là tâm, nên tâm hiểu rất rõ. Vì dục như cây đàn cầm, nên hiểu rõ. Vì sao? Vì đạo không hoại dục trần mà không hoại tức là thuận với đạo. Ai thấy được dục thì đó là đạo. Vì sao? Vì dục đi vào các cõi, không chỗ nào mà nó không đến. Giả sử, Phật thừa không sở hữu, không có hình tượng, thì dục khổ đau cõi trần cũng vậy, không có hình dáng. Đối với các hữu, dục không có sở hữu, trụ mà không có chỗ trụ. Vừa phát sinh, thì diệt ngay. Tâm như vậy, nên khổ đau cũng vậy. Vì sao? Vì tâm không thể xét kỹ. Nếu nói ra, tức là tâm bị kết chặt vào nhiễm si. Nếu tâm ấy không có thể thấy, thì dục trần cũng vậy cũng không thể thấy. Vì không có chỗ chứa giữ, không có phương hướng.

Bồ-tát Đại Sĩ! Nếu đã hiểu rõ pháp khổ đau phiền não, thì nên vì người quá tham muốn mà giảng giải pháp, để họ không nhàm chán. Nếu

giáo hóa cho những kẻ ngu si và mọi tầng lớp người, thì nên hướng dẫn, khuyến khích, giảng pháp, để họ không mệt mỏi, biếng lười.

Thưa Văn-thù-sư-lợi! Như thân tham muốn của tôi, các dục cũng như thế. Nếu tôi sân giận và ngu si, thì tất cả việc sân giận và ngu si cũng như vậy. Tôi có khổ đau phiền não thì chúng sinh cũng có khổ đau phiền não như vậy. Như lửa dữ thiêu trụi cây cỏ, thì lửa trí tuệ của Hiền thánh cũng thiêu trụi khổ đau phiền não.

Ví như ánh sáng mặt trời, chiếu sáng chỗ tối tăm nhưng không hợp với tối tăm. Cũng vậy, tuệ của bậc Thánh đẩy lùi khổ đau phiền não, nhưng không hợp với khổ đau phiền não.

Ví như ngọn gió đi qua, không bị vướng víu bởi núi non cây cỏ. Cũng vậy, trí hạnh của Bồ-tát không vướng mắc vào tất cả dục của khổ đau phiền não.

Ví như kiếp tận thiêu cháy các hình thể, nhưng không thể đốt cháy hư không. Cũng vậy, tuệ hạnh của Bồ-tát thiêu cháy các ái dục, nhưng không hòa hợp với tất cả khổ đau phiền não.

Ví như nước trong sạch không hòa với ô uế. Bồ-tát cũng vậy, không hòa hợp với khổ đau phiền não.

Ví như hư không giữ gìn trái đất. Trí tuệ cũng vậy, không hòa hợp, xen tạp với dục.

Ví như gió lớn phá hoại núi Thiết vi. Bồ-tát cũng vậy, dùng gió trí tuệ thổi tan các dục.

Ví như có con voi tên Cứu diệm khí, dùng sữa và nước hòa nhau thành một. Bồ-tát cũng vậy, dùng trí tuệ của bậc Thánh vừa diệt khổ đau, vừa giáo hóa họ cho sáng suốt, để hợp thành một tuệ.

Ví như thiên hạ và người thân quen ở phía Bắc núi Tu-di, không buông thả, mà ngồi dưới gốc cây tự phân biệt. Bồ-tát cũng vậy, dùng sự sáng suốt của trí tuệ, thấy và phân biệt căn cơ của chúng sinh.

Thưa Văn-thù-sư-lợi! Tôi nay không sợ dục trần và cũng không bị trở ngại. Vì sao? Vì tôi hiểu dục trần vốn trong sạch. Lại mặc áo giáp công đức lớn của Bồ-tát nên dũng mãnh tinh tấn, không bị chướng ngại.

Ví như người khiếp sợ mới mong có ai cứu giúp. Hạng người này, không cho là dũng mãnh. Bồ-tát Đại sĩ cũng vậy, đối với dục mà lìa là không phải là Bồ-tát.

Ví như người bị giặc hoại, không cho đó là dũng tướng. Cũng vậy, Bồ-tát cũng vậy, hoại ái dục, không phải là Bồ-tát.

Ví như người muốn lấy nước trong sạch, thì bỏ viên minh châu vào trong sông đục dơ, nước liền trong ngay, không bị bùn dơ làm ố nhiễm. Bồ-tát cũng vậy, ở trong trần lao ái dục mà không bị ố nhiễm một tỳ vết nào cả.

Sau khi nói vậy, Thượng Kim Quang Thủ xoay lại, hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Sao gọi là Bồ-tát không có trần lao?

Văn-thù-sư-lợi trả lời:

–Nếu Bồ-tát còn thấy ý sinh hay ý diệt, thì không gọi là Bồ-tát. Ví như người có hạn mà xem bao quát, thì không gọi là đạt vô lượng. Cũng vậy, nếu Bồ-tát thấy khổ đau phiền não mà tâm có sinh, diệt, thì chẳng phải là Bồ-tát vô trần. Vô trần dục là không thấy có trần, không thấy kết hận, không thấy, chẳng thấy, xa lìa tư tưởng nhớ nghĩ mới gọi là vô trần. Nếu tâm ý thức của người tu hành mà được tự tại, thì tất cả cái có được không có ý tưởng về Niết-bàn. Vì sao? Vì tâm không duyên vào với tư tưởng nhớ nghĩ của dục trần, thì mới được tự do. Cũng vậy, đối với những việc tốt, xấu, chỗ hành, không hành, hữu vi, vô vi, có hình, không hình… tất cả đều biết rất rõ. Sinh tử khổ đau phiền não là nhơ bẩn có thừa. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân chạm vật, tâm tiếp pháp. Nếu ý chí được định trong sự tĩnh lặng không còn ham mê danh lợi thì đối với ái dục trần lao không có sự nhơ bẩn. Như thế mới gọi là không buông thả, hiệu là Vô nghiệp. Vì không có gì để tu tập nên nói như vậy. Vô trần lao là lìa hữu vi và vô vi, chính là không bị tỳ vết.

Này chị cả! Nếu thân Bồ-tát không có trần lao, thì có thể độ thoát những cấu dục cho người. Như Lai nói như vậy là không có trần lao. Cứu vớt cái dục của trần lao cho người khác, hướng dẫn họ tu tập theo Bồ-tát, đó mới là tinh tấn.

Cô gái lại hỏi:

–Sao gọi là Bồ-tát tinh tấn ở ngay trước mắt?

Văn-thù-sư-lợi trả lời:

–Quán Không, không thoái chuyển, thì nên sinh lòng thương xót những chúng sinh thấy nhìn không đúng. Quán Vô tướng, không thoái chuyển, thì nên thương xót cứu giúp những chúng sinh ưa có tướng. Quán Vô nguyện, không thoái chuyển, thì nên thương xót cứu giúp những chúng sinh tham lam cầu mong. Quán không chỗ hành không thoái lui, thì nên thương xót cứu giúp những chúng sinh hay chấp vào việc làm. Quán không chỗ sinh không thoái lui, thì nên thương xót cứu giúp chúng sinh còn

trong đường sinh tử. Quán không chỗ khởi không thoái lui, thì nên thương xót cứu giúp chúng sinh khởi diệt. Quán hàng Thanh văn để đạt quả Thanh văn làm cho không thoái lui. Quán hàng Duyên giác để đạt quả Duyên giác làm cho không thoái lui. Quán hàng Bồ-tát thì thương xót tất cả quần sinh. Đó là những việc làm tinh tấn để Bồ-tát tu tập hạnh bình đẳng.

Ví như người vào biển lớn, phải đi rất xa, rất xa thì mới lấy được châu báu. Cũng vậy, này chị cả! Hãy xem xét cho thật kỹ, cho thật đúng về Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô sở hành, không sinh, không khởi, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, để cho người khó tiến làm cho họ tiến lên, đạt quả vị không thoái chuyển, đó mới là lìa nhân duyên.

Lại như, có người vào giữa trận chiến đang khốc liệt, rất khó tiến lên, nhưng vẫn cố gắng phấn đấu hăng hái xông lên, không bị hại, đó mới là khó. Cũng vậy, này chị cả! Xem xét đúng đắn ba môn giải thoát mà không mất sự khéo léo, quyền biến thì cái khó ấy cũng thế.

Cô gái hỏi:

–Sao gọi Bồ-tát là phương tiện quyền biến?

Văn-thù-sư-lợi trả lời:

–Quyền biến phương tiện là biết thời tiết, không lo sợ bộ phận sinh tử, kết bạn Niết-bàn, quyền biến phương tiện là môn sợ hãi, là môn sinh tử, môn Niết-bàn, môn rỗng không, môn của sự thấy, môn không tướng, môn không nguyện, môn chỗ tưởng đó, môn không chỗ hành, môn đạo hạnh, bổn đức tinh tấn, môn không chỗ ra, môn đời hiện tại, môn không chỗ đứng, môn hạt giống các ấm, các nhập không chỗ phát sinh, môn không chỗ diệt, môn không chỗ hành, môn lặng lẽ không ham danh lợi, môn giáo hóa chỉ dạy chúng sinh, môn pháp giới, môn bảo vệ chánh pháp, môn Thanh văn, môn Duyên giác, môn nói đạo Phật, môn độ đạo Phật. Nếu ai làm cho Bồ-tát thấy môn sợ hãi mà không chỗ dính mắc vào các môn, đó gọi là quyền biến phương tiện khéo léo. Nói tóm lại, môn tham dục lìa các ái; môn sân giận là lìa sự kết hận; môn ngu si là lìa cái không sáng suốt; môn trần lao lìa xấu ác; môn các nẻo là không qua lại. Đó là sự quyền biến phương tiện khéo léo của Bồ-tát. Cho đến tất cả hành môn của phàm phu ngu si, có học, không học, Duyên giác, Bồ-tát, Như Lai; nếu ai có thể hiểu rõ các môn đó, thì gọi là quyền biến phương tiện khéo léo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tản bộ kinh hành bên bờ suối của núi Linh thứu; có người theo hầu là Hiền giả A-nan, từ xa Thế Tôn đã có lời khen:

–Lành thay, lành thay! Văn-thù-sư-lợi! Đó là Bồ-tát tu tập hạnh tinh

tấn bình đẳng, ở ngay trước mắt, có được quyền biến phương tiện khéo léo. Đúng như những gì thầy ấy đã nói.

Lúc đó, tiếng lành thay này, được vang khắp tam thiên đại thiên thế giới. Âm thanh này, làm cho tất cả đều chấn động sáu cách. Nghe âm thanh này, có vô số Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân, Phi nhân, Thích, Phạm, Tứ thiên vương đều như nhận sắc lệnh để đến chỗ Phật, đến nơi họ cúi đầu lạy sát chân Phật và đứng qua một bên, rồi bạch Phật:

–Vừa rồi, Đại Thánh đã khen ngợi ai vậy, làm cho cả tam thiên đại thiên đều được nghe và cả đại thiên đều chấn động sáu cách?

Thế Tôn dạy:

–Thiên tử muốn biết ư? Đó là ta khen ngợi sự giáo hóa của Văn-thù-sư-lợi đấy.

Thiên tử hỏi:

–Bây giờ Văn-thù-sư-lợi đang giáo hóa ở đâu?

Phật dạy:

–Ở ngã tư, trong cửa Đông, của thành Vương xá. Văn-thù-sư-lợi đang giảng nói kinh pháp và bàn luận những hướng đi cho Thượng Kim Quang Thủ. Các Thiên tử hãy đến đó để nghe pháp.

Khi ấy, Trời, Rồng, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân và Phi nhân, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, đều vâng lời và cùng nhau đến chỗ Văn-thù-sư-lợi, chỉ hiện ra nửa thân và làm mưa hoa trời, ngập cả thành lớn Vương xá. Lúc này, chư Thiên đều thấy người, người người đều thấy chư Thiên; tất cả đều an ổn, không ai tranh giành ồn ào. Hàng ngàn người trong thành Vương xá, nhặt hoa của chư Thiên rải, đem đến chỗ Văn-thù-sư-lợi.

Vua A-xà-thế cùng bốn bộ chúng hậu cung thể nữ, đại thần, bách quan, các vua nhỏ cũng đều đi đến chỗ Văn-thù-sư-lợi. Lại có cả các Tôn giả, các trưởng giả con, các thái tử, quần thần cùng đến. Thấy Thượng Kim Quang Thủ, với oai nghi rực rỡ, các căn lặng lẽ ngoài vòng danh lợi, các Tôn giả, con trưởng giả, thái tử, quần thần tự phá tan được các trần lao, lìa điên đảo, tự trang nghiêm thân bằng đức diệu kỳ; thấy vậy rồi, không còn dấy lên những ý tưởng ham muốn nữa.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi nói với Thượng Kim Quang Thủ:

–Hôm nay, mọi người đến đây hội họp, vì nguyên do nào mà không còn có sự dính mắc vậy? Trước đây bị trần dục, sao bây giờ được vui tự

tại?

Cô gái thưa Văn-thù-sư-lợi:

–Dục trần lao của tất cả chúng sinh, được tạo dựng nơi ý chí, trí tuệ; thoát bản tế, trụ vào pháp vốn không của pháp giới. Pháp vốn không là như vậy, không có sai khác, không sinh, không diệt, cũng không có chỗ có nơi. Dục trần ấy là bản tịnh, phân biệt, bình đẳng.

Văn-thù hỏi:

–Sao nói dục trần là bản tịnh?

Cô gái trả lời:

–Không tưởng chẳng tưởng, không ứng chẳng ứng, nên dục trần này là bản tịnh. Tuy dục trần tùy thuận với hành, nhưng không chỗ sinh khởi, đó là bản tịnh. Nên biết rằng dục trần là khách qua lại, hiểu rõ Không tuệ, ở chung một nhà với đạo. Tuệ của Vô tướng, tuệ của Vô nguyện, minh của bản tịnh, đều cùng ở chung với nhau; xét cho kỹ, thì hết thảy đều không chỗ có. Ví như con rắn ngậm độc, hại người. Nếu có người mang đến thuốc hay thì có thể trừ được chất độc. Được thuốc, chất độc của rắn không còn nữa. Biết rắn không còn độc, trai gái lớn nhỏ cùng đùa giỡn, quấn nó trong chân, mà không bị hại và cũng không bị nọc độc hại người. Người như vậy, vốn chưa từng nghe pháp luật; nghĩ đến những việc không thích hợp nên bị điên đảo, ở trong trần dục bị thiêu đốt; để cho thân ham muốn tự chìm đắm vào sắc đẹp. Đã xét rõ sắc, như đống bọt, thì biết thân pháp cũng như huyễn hóa. Biết rõ sự vui thú giống như trong mộng, hiểu rõ ái dục như bọt nước. Mạng người như sương mai, vạn vật đều vô thường. Hiểu rõ các ấm đều là tai họa phiền não, biết thân chẳng sạch sẽ, đều là rỗng không. Xem xét tất cả pháp đều không ngô ngã. Suy nghĩ đúng đắn từ gốc đến ngọn đều là giả dối, không hủy báng người khác, cũng không tự khen mình, cũng không tự trói buộc mình, hay trói buộc người khác. Hôm nay, được nghe Đại sĩ giảng pháp, tôi đã tin ưa và được giải thoát. Cho nên mắt thấy mà không bị say đắm. Vì sao? Vì theo những việc cần làm ở trong trần lao mà Đại sĩ đã nói, thì trần không có dục cấu, vậy ai có thể thấy nó?

Thượng Kim Quang Thủ lại thưa Văn-thù-sư-lợi:

–Tất cả chư Thiên, nhân dân trong đại hội, sẽ không lo sợ, vì họ phân biệt đúng như pháp đã giảng. Nay các trời, người hiểu rõ dục trần vốn trong sạch, vậy nên thương xót tất cả, để họ phát tâm đạo Vô thượng chánh chân.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Tuy dục trần vốn trong sạch nhưng người tin ưa rất ít. Vì sao? Vì họ không hiểu. Nếu hiểu thấu trần là trong sạch thì được thành đạo rồi. Ví như

lửa không sinh ra thì không thể thiêu cháy người. Nên biết rằng: Nhớ nghĩ không tưởng, thì không còn chấp ngã; giống như tự làm lửa bùng cháy rồi trở lại thiêu đốt mình. Như vậy nên biết, do những nhớ nghĩ của tư tưởng và tham dục trần lao mà tạo ra thân sinh tử. Giống như từ củi sinh ra lửa, rồi ngọn lửa mới cháy bùng lên. Như vậy nên biết, một khi tà kiến điên đảo phát sinh, thì ba cõi trần lao bị thiêu đốt. Cũng như sau khi lửa đã được dập tắt, thì không còn ánh sáng của ngọn lửa. Như vậy nên biết, điên đảo mà được ngưng lại, thì trần lao không còn phát sinh, tức là ở trong ba cõi, mà không có dính bụi nhơ. Cũng như lửa, đã dập tắt trăm ngàn năm, thì con người không nghi ngờ lo sợ khói tro tàn. Như vậy nên biết, qua nhiều kiếp, đã tập theo nhơ uế của dục trần. Nhưng nếu đã xem xét rõ ràng nó rồi, thì không còn gì để cất giữ nữa, ví như lửa đã dập tắt thì không còn tác dụng nữa. Nếu tuệ sáng và tĩnh lặng, thì trần lao không phát triển. Như lửa nóng ấm trong thân, mặc dầu nó có đầy trong thân, nhưng không bị cháy. Như vậy, xét thấy tâm ấy, vốn trong sạch sáng suốt vời vợi. Dù khách trần muốn nổi lên, nhưng không bao giờ làm ô nhiễm nguồn tâm.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi cô gái:

–Phải quán sắc thân như thế nào?

Cô gái trả lời:

–Như bóng trăng trong nước.

Văn-thù hỏi:

–Quán thân năm ấm như thế nào?

Cô gái trả lời:

–Như hóa Như Lai mà không hóa vậy.

Văn-thù hỏi:

–Quán các hạt giống như thế nào?

Cô gái trả lời:

–Như nước giới, lửa giới.

Văn-thù hỏi:

–Nên quán các nhập như thế nào?

Cô gái trả lời:

–Như những hành động về tội phước mà không ban cho nhân duyên.

Văn-thù hỏi:

–Làm thế nào để quán các hội này?

Cô gái trả lời:

–Làm sáng rỡ tâm tánh của người trong hội.

Văn-thù hỏi:

–Quán trở lại thân như thế nào?

Cô gái trả lời:

–Giống như cha mẹ của mình, xem bình đẳng không có hai.

Lại hỏi:

–Quán thân ta như thế nào?

Trả lời:

–Giống như người mù, không thấy các màu sắc.

Lại hỏi:

–Từng nghe pháp này như thế nào?

Trả lời:

–Đã nghe pháp ấy, như nghe việc thầy ảo thuật hóa người.

Lại hỏi:

–Thế nào? Chẳng lẽ ngươi vì đạo ấy mà phát đạo Vô thượng chánh chân sao?

Trả lời:

–Đạo ấy, tôi không có chí cầu tìm.

Lại hỏi:

–Làm thế nào để thực hành Thí độ vô cực?

Trả lời:

–Tu tất cả các độ để xả bỏ trần lao.

Lại hỏi:

–Làm thế nào để đầy đủ Giới độ vô cực?

Trả lời:

–Làm đầy đủ như hư không.

Lại hỏi:

–Làm thế nào để phụng hành Nhẫn nhục?

Trả lời:

–Tuân hành tất cả, đối với các pháp không sinh không khởi.

Lại hỏi:

–Làm thế nào để siêng năng hành Tinh tấn?

Trả lời:

–Tu hành các pháp không bị ngưng trệ.

Lại hỏi:

–Làm thế nào để tạo dựng Tịch độ vô cực?

Trả lời:

–Với pháp giới thì tạo dựng, trụ mà không có chỗ trụ.

Lại hỏi:

–Làm thế nào để đầy đủ Trí độ vô cực?

Trả lời:

–Chí không cao ngạo xem thường, tâm không tự cho là lớn.

Lại hỏi:

–Hành Từ như thế nào?

Trả lời:

–Hiểu rõ tất cả chúng sinh đều không thật có.

Lại hỏi:

–Nên cầu lòng thương lớn của Bồ-tát ở đâu?

Trả lời:

–Nên cầu trong khổ đau phiền não của chúng sinh. Vì sao? Vì muốn chế ngự khổ đau phiền não của chúng sinh, Bồ-tát đại Bi phải phát tâm đạo Vô thượng chánh chân.

Lại hỏi:

–Nên cầu Bồ-tát hành Hỷ ở đâu?

Trả lời:

–Tâm mình chân thật, chí tánh trong sạch, hóa giải các sầu lo, đó là Bồ-tát Hỷ.

Lại hỏi:

–Làm thế nào để đầy đủ Bồ-tát hành Hộ?

Trả lời:

–Hóa giải trọn vẹn những sự tranh cãi, đấu tranh của chúng sinh, để đưa đến sự hòa thuận.

Lại hỏi:

–Sao gọi là tranh cãi?

Trả lời:

–Vứt bỏ những việc không thật, giả dối của trần lao, lập chí vững vàng với đạo Phật.

Lại hỏi:

–Tranh cãi với ai?

Trả lời:

–Với bọn ngoại đạo, tà kiến, dị học, người không hợp ý.

Lại hỏi:

–Bọn học tà kiến dị học làm những gì?

Trả lời:

–Thấy người khác hưng thịnh lên, mình không nhịn nổi, rồi chạy theo họ.

Lại hỏi:

–Vì sao Bồ-tát nhẫn nhục lập chí hướng?

Trả lời:

–Vì giáo hóa tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì nếu không khai mở, giáo hóa, thì sao gọi là nhẫn nhục để hóa độ chúng sinh. Không sân kết hận, không lo buồn, đó là nhẫn nhục.

Lại hỏi:

–Sao gọi là nguy hại?

Trả lời:

–Tích lũy gốc đức, mà làm việc lo buồn sầu não, đó là nguy hại.

Lại hỏi:

–Sao gọi là vô hại?

Trả lời:

–Các giới không lo, chỉ giữ lấy nhân nghĩa. Đó gọi là vô hại.

Lại hỏi:

–Sao gọi là Bồ-tát chọn lựa chiến đấu?

Trả lời:

–Chọn lựa các pháp, mà không nhận pháp nào cả.

Hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát chiến thắng ma?

Trả lời:

–Vì không chỗ dính mắc nên không diệt trần lao. Vì sao? Vì Bồ-tát chiến thắng năm ấm, nên không tương ưng với trần lao. Do đó mà Bồ-tát chiến thắng ma, dẹp sạch bụi trần, không ô nhiễm, vốn trong sạch, hiểu rõ rốt ráo gốc ngọn các pháp, khai hóa chúng sinh, trừ hoạn nạn lão tử. Và nói

với Thiên tử: Bồ-tát Văn-thù đã xa lìa trí của hết thảy và các thông tuệ tưởng.

Hỏi:

–Bồ-tát khai hóa chúng sinh như thế nào?

Trả lời:

–Chuyên giữ thiện quyền, tu hành trí tuệ.

Hỏi:

–Bồ-tát kiến lập chúng sinh như thế nào?

Trả lời:

–Kiến lập tâm mình đạt được Thánh tuệ, rồi Bồ-tát mới có thể khai hóa tất cả quần sinh.

Hỏi:

–Nay Đại sĩ giảng pháp này, chúng hội đều tiếp thu được tốt chứ?

Trả lời:

–Chúng hội không tiếp thu được tốt. Vì sao? Vì còn ý tưởng về ta và kia, ngược lại họ cố kiến lập nơi thức.

Hỏi:

–Làm thế nào để người nghe pháp được hoàn hảo?

Trả lời:

–Nếu ai tin chính mình như mộng, kinh pháp vị ấy giảng như thầy huyễn, đang biến hóa ra những âm thanh giả, mà không chấp vào âm thanh ấy và không tạo sự giải thoát. Có hai việc ấy, thì mới gọi là tiếp thu pháp một cách hoàn hảo.

Hỏi:

–Làm sao để được thọ lãnh nghĩa lý của pháp?

Trả lời:

–Đó là quy mạng pháp của Văn-thù-sư-lợi.

Nhờ oai thần của Văn-thù-sư-lợi đồng chân tạo dựng cho và nhờ trí tuệ đã tu tập xưa kia, nên Thượng Kim Quang Thủ, ở giữa chúng nói pháp rất hợp lý. Một vạn hai ngàn người phát tâm đạo Vô thượng chánh chân. Năm trăm Thiên tử nhờ đã trồng gốc phước đức từ kiếp trước, lập chí Bồ-tát thừa, nên đạt được Bất khởi pháp nhẫn. Ba vạn hai ngàn trời, người xa lìa các pháp trần cấu, đạt được Pháp nhãn trong sạch.

Sau khi nói pháp xong, cô gái ôm lòng vui sướng liền tự đạt được Nhu thuận pháp nhẫn và cúi đầu lạy sát chân Văn-thù-sư-lợi, thưa:

–Cúi xin đấng Chí thánh, cho con được làm Sa-môn. Hãy thương xót, mà cứu thoát những ý niệm không chính đáng, những hành nghiệp của chúng sinh. Vì đó đều chẳng phải là Hiền quán.

Khi ấy Văn-thù-sư-lợi nói:

–Bồ-tát không cho rằng bỏ râu tóc của mình là xuất gia. Vì sao? Vì phải đoạn trừ trần dục của chúng sinh, để tinh tấn tu hành, đó mới chính là sự xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không cho rằng tự mình mặc áo ca-sa *(ca-sa: đời Tấn gọi là Khử uế)* là xuất gia. Trừ bỏ mọi nhơ bẩn, dâm, nộ, si của chúng sinh, làm cho họ không còn chút tỳ vết và luôn thực hành tinh tấn, đó mới chính là sự xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không cho rằng tự mình giữ gìn các giới cấm là xuất gia. Không những mình giữ gìn, mà còn chỉ dạy chúng sinh, phải giữ gìn cẩn thận, đó mới chính là hạnh xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không lấy việc mình ở nơi thanh vắng là xuất gia. Nếu có thể tùy loại chúng sinh trong năm đường mà tạo dựng cho họ tuệ yên tĩnh, đó mới chính là hạnh xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không lấy việc tướng mạo, hình dung. Oai nghi, lễ bái để gọi đó là xuất gia. Mà giáo hóa các lê dân, khuyên họ sống với lòng lành thương xót, thì đó mới chính là hạnh xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không cho mình có công đức là xuất gia. Mà khuyên dạy làm cho tất cả chúng sinh, thấm nhuần sự vun xới gốc đức, đó mới chính là hạnh xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không cho mình đã giải thoát, lập chí vào Niết-bàn, là xuất gia. Mà giải thoát tất cả tâm tánh chúng sinh để đạt đến Niết-bàn, đó mới chính là hạnh xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không tự cho mình đã trừ bỏ trần lao, là xuất gia. Mà diệt bỏ tất cả trần lao của chúng sinh, đó mới chính là hạnh xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không cho việc giữ riêng thân mình, giữ chặt lấy tâm, là xuất gia. Mà phải bảo vệ tâm chí cho tất cả quần sinh mê muội, đó mới chính là hạnh xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không cho tự mình giải thoát, là xuất gia. Mà độ thoát cho tất cả quần sinh mê muội trong luân hồi, đó mới là hạnh xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không cho việc cứu được nạn sinh tử của chính mình, là xuất gia. Mà độ thoát hết hoạn nạn sinh tử của tất cả chúng sinh, đó mới là hạnh xuất gia của Bồ-tát.

Bồ-tát không cho ý thích Niết-bàn, là xuất gia. Mà phải đầy đủ được các pháp của chư Phật, đó mới chính là hạnh xuất gia của Bồ-tát.

Ban bố lòng lành thương xót chúng sinh, không tìm kiếm lỗi người, không nói những lầm lỗi của họ, khen ngợi đức tin của người, chỉ dạy tín hạnh và đem ban cho tất cả. Nghĩa xuất gia là như vậy. Nếu xuất gia là nương vào người khác, thì đó là Bồ-tát không chỗ nương tựa.

Cô gái hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Sao gọi là xuất gia nương nhờ vào người khác?

Trả lời:

–Người xuất gia nương tựa vào giới cấm, lại không duyên với việc trì giới để gọi là xuất gia, ngươi muốn biết điều này, nên lập chí vào thiền định, ý không buông lung. Người xuất gia, nương vào tuệ, không đi theo bạn ác, tu theo môn giải thoát, đó là xuất gia. Nếu tâm chưa giải thoát, thì không phải là xuất gia.

Cô lại hỏi:

–Sao gọi là Bồ-tát không nương tựa vào người khác?

Văn-thù trả lời:

–Không tin người nào cả, là không nương tựa; cũng không dò xét, để nhìn nhan sắc người. Có trí tuệ gì, đều do sự nhận định sáng suốt của mình. Những người ấy, có đức lạ gì, đều do đạt được các đại tuệ thông, không mong cầu gì cho bản thân mình. Đấy gọi là không dựa vào người khác.

Khi Văn-thù-sư-lợi nói phẩm xuất gia này, thì có năm trăm Bồ-tát cởi hết châu báu, chuỗi ngọc đang đeo nơi thân để cúng dường Văn-thù-sư-lợi.

Tất cả đều nói:

–Nghe Tôn giả khéo léo giảng dạy về giáo lý xuất gia, chúng tôi sẽ nương nơi chánh nghĩa này, mà thực hành đầy đủ hạnh xuất gia.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi nói với Thượng Kim Quang Thủ:

–Cô hãy lên xe tứ mã, đem giáo pháp này, mở bày, giáo hóa cho Úy Gian, con trưởng giả. Đó là hạnh xuất gia của cô đấy.

Bấy giờ, đại chúng đều suy nghĩ: "Chẳng lẽ người còn dục và người ly dục ở chung với nhau sao?". Biết những suy nghĩ trong lòng của đại chúng, cô gái liền vì đại chúng mà phân biệt, giảng nói:

–Bồ-tát ly dục và chúng sinh còn dục, đều phát sinh cùng một lúc, chỉ vì muốn mở bày giáo hóa cho họ sáng suốt.

Các vị nên biết! Bồ-tát lìa sân giận, ngu si, thì sống chung với hạng người sân giận, ngu si. Vì muốn giáo hóa, ban bố lòng lành và sự sáng suốt.

Nếu Bồ-tát đã lìa trần lao, thì cũng phải sống chung với hạng người tham dục, để giáo hóa những kẻ phóng đãng. Ví như con người, mẹ con sống chung với nhau, nhưng không bị ô nhiễm. Bồ-tát cũng vậy, luôn ở chung với tất cả chúng sinh, nhưng không bị ô nhiễm. Ví như người đánh đàn cầm người đánh trống và thầy chú thuật. Mặc dầu phải tập làm theo điều mong muốn nhưng không thích. Bồ-tát cũng vậy, ở trong tư tưởng nhớ nghĩ của ba cõi, như thần chú thuật, không bị dính mắc.

Lúc ấy, Thượng Kim Quang Thủ đã thấu đạt nghĩa pháp, được sáng suốt, lìa các tối tăm, thấy rõ trần lao, chân đế mở bày, liền cúi đầu, lạy sát chân Văn-thù-sư-lợi và đi nhiễu ba vòng, rồi lên lại trên xe, nói kệ:

Bản tánh là trong sạch
Tham dục không làm nhơ
Thì không còn sân giận
Luôn tu theo lòng lành.
Thì không bị ngu tối
Sinh trí tuệ sáng suốt
Đức đạt được như vậy
Rồi sau mới lên xe.
Trước đây theo Úy Gian
Tập tành việc buông thả
Lòng tôi vốn tham dục
Nay đã được thấu rõ.
Các lo sợ khổ nạn
Những ham muốn tiền của
Lên xe là vứt hết
Nên cất tiếng ca tụng.
Ví như mây phủ dày
Làm mưa thấm xuống đất
Mặt trời che cung điện
Mắt người không thể thấy.
Nó sáng rỡ không tối
Không đoạt mất ánh sáng
Do khách mây tạo ra
Để ánh sáng không hiện.
Người ngu, tâm vốn tịnh
Khách trần cũng như vậy
Do vọng tưởng không hiểu
Che ánh sáng trí tuệ.

Ánh sáng ấy thông suốt
Không chừa nơi nào cả
Đã vứt bỏ trần lao
Thì gọi là trí tuệ.
Trí tuệ không kiêu mạn
Tâm sáng không tổn giảm
Suy ra không chỗ đến
Cũng không đi về đâu.
Do niệm không chân chánh
Nên có dục trần lao
Đã nghĩ đúng như pháp
Khởi mà không chỗ đến.
Gọi: không có nơi chốn
Người mà không có thọ
Tức cũng không chỗ sinh
Và cũng không có diệt.
Không cho, không chỗ dứt
Cũng không dựa người khác
Vui thay! Chánh pháp này
Rất vi diệu trong sạch.
Ví như cây đèn dầu
Chiếu vào chỗ tối tăm
Người chỗ tối tăm ấy
Không biết đường quay về.
Trí tuệ cũng như vậy
Diệt trừ các ngu tối
Không thấy chỗ trần lao
Theo ý mà tìm đến.
Ví như thầy thuốc giỏi
Trị liệu các chứng bệnh
Không để thân tăng giảm
Cũng không cho mất mạng.
Bệnh như khách dạo chơi
Bệnh đó rồi hết ngay
Không còn bệnh nào khác
Không biết chỗ chẩn trị.
Thưa ngài cũng như vậy
Dùng âm thanh hòa nhã

Thấy chúng sinh bệnh hoạn
Dùng nhiều thuốc trị liệu.
Phủi nhơ cho trong sạch
Hướng đến cửa trí tuệ
Người có sự biến, tạo
Pháp sai không luận bàn.
Nay năm ấm như vậy
Cùng các hạt giống lớn
Suy nhập đã rõ ràng
Vốn không có khác biệt.
Hạng người này trước đây
Có đủ độc, sân, giận
Nay thì không thương hại
Cũng không đổi bao nhiêu!

Khi ấy, Thượng Kim Quang Thủ cùng Úy Gian, con trưởng giả đi chung xe đến vườn Du quán trong lành.

Văn-thù-sư-lợi giảng nói kinh điển làm cho tất cả chúng hội vui mừng hớn hở, tâm họ được khai mở, bỗng nhiên bừng sáng và họ đều nói:

–Hãy cùng nhau đến chỗ Như Lai để nghe giảng pháp.

Thế rồi, họ rời khỏi vườn Du quán để đến tịnh xá của Đức Phật.

Bấy giờ, Thượng Kim Quang Thủ và Úy Gian con trưởng giả, ở vườn Du quán rải hoa, đốt hương, trang hoàng lọng báu, sắp dọn thức ăn uống, xướng ca hát nhạc, cùng nhau vui chơi. Dùng hương bột pha lộn với nhau để làm phấn xoa ướp. Thấy con trưởng giả và ý người trong hội đã hài lòng, cô gái ấy, dùng sức thần thông, tự hóa thân của mình, lập tức qua đời, nhan sắc biến thành xấu xí, ghê gớm, giống như người chết. Máu mũ trong tai, mắt, mũi, miệng chảy ra. Thân thể sình lên, nát rữa ra, không thể nhìn thấy được nữa. Trong miệng chảy ra mùi hôi thối tanh rình. Tất cả lỗ chân lông hở ra. Bụng nứt ra, ngũ tạng ruột, mật, gan, phèo, phổi, tủy não đều chảy tràn lan. Ruồi nhặng bay đến bu xung quanh thân thể.

Thấy cô gái này biến thân như vậy, Úy Gian rất sợ hãi không yên, muốn tìm chỗ nào để mình nương tựa, thoát khỏi lo sợ. Nay gặp cảnh hãi hùng ghê sợ này, phải đi đâu để tránh khỏi ưu phiền khủng khiếp đây! Lại ôm hai nỗi khó khăn: Người phàm phu thấy các vết dơ về tội lỗi của mình, thì sẽ không được làm vua. A-xà-thế biết sẽ ách hại mạng mình, thì tất cả quyến thuộc và người trong hội sẽ kinh hãi, run sợ. Họ đều nói: Phải tìm ai là Trời, Rồng, Quỷ, Thần hoặc Càn-đạp-hòa, Sa-môn

hay Phạm chí, để cứu thoát đại ách. Con trưởng giả kia, vốn không có đức, đã nghe Văn-thù-sư-lợi nói kinh, nhưng đối với những việc nên thi hành, thì ông ta không hiểu rõ.

Lúc này, oai thần của Văn-thù-sư-lợi Đồng chân được lập nên, làm cho cây trong vườn, tự nhiên phát ra âm thanh khen ngợi:

Những gì thiếu niên thấy
Các pháp tự nhiên thế
Ba cõi rỗng không thật
Như thầy huyễn biến hóa.
Kẻ ngu bị mê hoặc
Che lấp tấm thân khô
Suy nghĩ giả tạo ấy
Kẻ ngu bị ô nhiễm.
Nó như cái bình đẹp
Trong đầy thứ không sạch
Mà người không phân biệt
Đội trên đầu để đi.
Đã biết trong đó có
Đập bể bình sẽ thấy
Thứ không sạch chảy tràn
Không ôm mà bỏ chạy.
Người không trí cũng vậy
Cứ đắm chìm sắc nữ
Nhìn thấy tướng hình dáng
Tư tưởng bị ô nhiễm.
Thiếu niên nay nên quán
Sáng tỏ thân như vậy
Người sáng suốt không chấp
Tỳ vết hôi thối này.
Thiếu niên đừng sợ hãi
Không được sợ giả tạo
Trước đây người đã tập
Các pháp vốn như vậy.
Thế Tôn hiện nơi đời
Ban úy khiến không sợ
Hiệu là Thích Sư Tử
Giảng nói pháp vi diệu.
Ái dục không lâu dài

Ví như tia chớp điện
Tuy thấy mà không thật
Người trí không chỗ chấp.
Ví như nước dòng sông
Muốn lấy đóng bọt nước
Không có ai làm được
Cũng không thành báo ứng.
Danh sắc cũng như vậy
Không có người tạo tác
Vì có duyên tội phước
Nên sinh quả báo ứng.
Thiếu niên hãy tự thấy
Nhan sắc do tụ họp
Không sạch từ đâu đến
Khiến người phải lo sợ.
Pháp này không nơi chốn
Không phương hướng đi về
Không đi cũng không đến
Tự nhiên mà hóa hiện.
Không có người tạo nó
Cũng không có người nhận
Pháp tạo không chỗ thọ
Như huyễn không có hình.
Phóng đảng với người khác
Tuổi nhỏ do đó sợ
Nên tự xem thân mình
Cũng giống như hạng ấy.
Như vui chơi trong mộng
Sung sướng và hớn hở
Những việc vui chơi đó
Liền hiểu đều như mộng.
Thiếu niên có thể đi
Đến với Thích Sư Tử
Thế Tôn đại Thánh nhân
Cứu vớt gốc lo sợ.
Dù cho có cha mẹ
Quyến thuộc và bạn bè
Không thể nào diệt trừ

Hoạn nạn này cho người.
Chỉ có Phật Thế Tôn
Mới ban cho "vô úy"
Đem thân về với Phật
Cùng pháp và Thánh chúng.
Chư Thiên, Kiền-đạp-hòa
Nhân dân đều cúi đầu
Xa lìa tất cả nạn
Đạt an ổn, lợi lớn.

Nghe bài tụng này, con trưởng giả vui mừng hớn hở, liền sinh ý tốt, đem hòm đựng tử thi của cô gái, vứt giữa rừng, rồi bỏ đi.

Vì muốn giáo hóa con trưởng giả, từ nơi thân Đức Thế Tôn phóng ánh sáng, chiếu khắp cõi Ma-kiệt. Lúc này người trẻ tuổi, từ xa thấy Như Lai cùng chúng Tỳ-kheo vây quanh nghe pháp; giống như khi mặt trời vừa mới mọc, đường sá tự nhiên hiện lên bao nhiêu là sự việc thật vời vợi, tốt đẹp, tại hành lang bằng châu báu với đủ các loại hoa, trời Đế Thích đứng phía trước, khen ngợi:

–Chàng tuổi trẻ được lợi ích tốt đẹp, được phước đức vui vẻ, cho nên mới phát tâm và được an vui vậy; muốn thấy Như Lai với đầy đủ thân Phật, người như vậy nên trở về con đường chân chánh, muốn thấy ánh sáng và dung mạo Như Lai, nên phát tâm tu hành.

Nghe những lời khen ngợi và khuyến khích, chàng tuổi trẻ cùng trời Đế Thích đi đến chỗ Phật. Đế Thích đem hoa ý trời đưa thiếu niên và nói:

–Hãy đem hoa này rãi cúng dường Thế Tôn.

Chàng tuổi trẻ liền lấy hoa rải, cúng dường Thế Tôn và cúi đầu sát chân Phật, rồi đi nhiễu ba vòng, đứng thẳng trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nay xin quy y Phật, Pháp và Thánh chúng. Con xin Ngài dùng cái gốc phước đức khuyến khích giúp đỡ đạo Vô thượng chánh chân cho con. Kính thưa Đại Thánh! Có dâm nữ tên Thượng Kim Quang Thủ, cô này, người trong quận, huyện, châu thành, ai cũng đều biết. Cô đang vui chơi nơi vườn Du quán, thì hôm nay nhan sắc tự nhiên biến đổi ghê gớm, rồi qua đời, lìa bỏ tất cả, dòng họ, quyến thuộc, thật đáng sợ hãi, không quốc vương nào tìm đến tra hỏi cả.

Phật nói:

–Thôi, thôi! Vì tham dục nên mới ôm lòng sợ hãi. Ta sẽ ban cho ngươi pháp không sợ. Người đã quy y Phật, không nên sợ hãi. Nếu có sợ hãi, thì phải đoạn trừ tận gốc của nó.

Chàng tuổi trẻ hỏi:

–Do đâu mà lo sợ?

Thế Tôn nói:

–Do dâm, nộ, si mà có sợ hãi. Do chấp ngã thân cao ngạo, cho mình là lớn, thấy điên đảo cùng hội ân ái; chấp tôi, ta dựa vào đó cho là có thật; hoa mắt trước ái ân, tham lam, keo kiệt, dẫn tới tranh giành nhau. Tự thấy thân mình như bị trói chặt, nên vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là vui, không thân tưởng có thân, thấy không tưởng là có thật, nhận lấy năm ấm để tạo nghiệp, xem bốn hạt giống lớn tìm cầu các suy các nhập nên có nơi chốn, không thấy rõ lầm lỗi của thân mà cứ an vui trong thọ mạng. Do đó mới đưa đến sự lo sợ. Hãy vứt bỏ những ý ấy đi. Ngươi có thấy thân hư hoại vữa nát của cô gái ấy không?

Đáp:

–Con đã thấy!

Phật nói:

–Này người tuổi trẻ! Tất cả các pháp đều sẽ dứt lìa, đều là pháp khổ, hoạn, không thường còn. Sự ngu si và tham lam cũng không lâu dài bền vững, thành tựu rồi cũng tan hoại; tội phước báo ứng thì nguy hiểm nhiều, an vui ít. Sắc như huyễn hóa, như mộng ảo, như sóng nắng, làm mê hoặc. Sắc như bóng chiếu vụt qua, ví như bóng trong gương, do nhân duyên hội họp mà có, mà báo ứng tội phước rồi diệt mất. Như trăng trong nước, có đó rồi mất đó. Như âm tiếng vang không lời gặp duyên thì có. Như đi dưới bóng râm bỗng chốc liền mất. Như co tay lại, rồi duỗi tay ra. Tất cả vốn đều sạch trong, tự do mà sinh khởi. Như gió không thể giữ lại được, nó giả tạo không thật, không có gì phải hoảng hốt, vì nó là giả tạo. Theo ý mà đặt tên mà tạo thành tướng. Tất cả các pháp không có chủ tể, chớ nên tham đắm vào nó. Ý của người tuổi trẻ thế nào? Do thói tham dục rồi sinh tư tưởng sao?

Người tuổi trẻ trả lời:

–Bạch Thế Tôn! Kẻ phàm phu ngu si, nghĩ đến nhan sắc đẹp đẽ, ngay thẳng xinh xắn, rồi tư tưởng mới khởi lên lòng tham dục. Đối với nghĩa kinh giáo pháp của Hiền thánh thì thấy có tỳ vết, nên không ưa thích. Nếu không suy nghĩ chín chắn, chân thật, thì sẽ tập theo tham dục, chạy theo buông lung.

Phật nói:

–Lành thay! Người tuổi trẻ nói rất đúng. Chí tánh của thói tham dục

là như vậy. Hãy bỏ tư tưởng tà vạy, suy nghĩ điều chân chánh, rồi tu tập theo nghiệp ấy, đừng tạo nghiệp tà nữa, lìa ngã kiến rồi, nên xem nó đều bình đẳng.

Người tuổi trẻ hỏi:

–Sao gọi tâm Bồ-tát suy nghĩ các pháp thường ưng thuận?

Phật nói:

–Này người tuổi trẻ! Nếu có thể suy nghĩ, phân biệt tham dục, sân giận, ngu si và các trần lao, vốn đều là trong sạch, đó là Bồ-tát cầu Phật đạo. Ví như người tuổi trẻ là một vật hữu hình, rồi dâm, nộ, si, Bồ-tát cũng vậy, hiểu rõ tất cả, phân biệt rõ các pháp, sinh hoạt tự tại. Ba độc đó không có nguồn gốc cũng không có chỗ trụ. Giống như nhà không có chủ, trong nhà vắng tanh, trống rỗng. Do lìa ngã, nhân, thọ mạng, nên không còn có tưởng. Người nào không dính mắc vào ý niệm, tức là đã diệt trừ sự dính mắc rồi; bỏ được sự dính mắc, tức là không nguyện. Tâm chí đã có chỗ mừng vui, thì những suy nghĩ ân ái cũng đều tiêu trừ, nên không có các hành và cũng không có tạo tác. Tánh dâm, nộ, si vốn trong sạch. Bồ-tát cũng vậy, do hiểu rõ tất cả pháp nên được tự tại. Nếu Bồ-tát tu học đúng theo các pháp, thì chỗ phát tâm đều là Đạo. Vì sao? Vì nếu hiểu rõ tâm mình, thì hiểu rõ tâm Như. Biết rõ, phân biệt và hiểu là tất cả pháp không có sắc, không có hình thì không chỉ dạy, tự nhiên như huyễn, nó ở trong hay ngoài đều nương tựa vào nhau, đó cũng là đạo. Vì Bồ-tát không có đạo nào khác, nên phải thi hành để tự hiểu được tâm. Vì sao? Vì nếu hiểu rõ tâm mình, thì có thể hiểu biết tâm tất cả chúng sinh. Tâm mình tĩnh lặng, thì tâm chúng sinh điềm nhiên. Tâm mình vốn trong sạch, thì tâm chúng sinh cũng sạch trong. Tâm mình mát trong, tâm chúng sinh cũng mát trong, tâm mình lìa dục, thì tâm chúng sinh cũng ly dục. Tâm mình không sân giận, thì tâm chúng sinh cũng không sân giận. Tâm mình không si, thì tâm chúng sinh cũng sáng suốt không si. Tâm mình không có bụi dơ, thì tâm chúng sinh cũng không có bụi dơ. Nếu ai hiểu rõ việc như vậy, thì đó là hiểu biết thông tuệ đối với Nhất thiết trí. Ai tu hành đúng như vậy, đó là Bồ-tát. Gần với gốc sạch thì biết suy nghĩ trong lòng của tất cả chúng sinh. Giả sử, có những sự ưa thích, bị khách vọng tưởng trần lao, dựa vào tâm, để làm ô uế, thì không nên nhàm chán mà phải tu hành bằng pháp quán. Nếu có người hiểu rõ đúng đắn, thì khách vọng tưởng trần lao sẽ không còn trần lao nữa.

Đức Phật nói vậy xong, Úy Gian, con người trưởng giả đạt được Nhu thuận pháp nhẫn.

Thấy con trưởng giả được khai hóa, thuận theo giáo nghĩa, Thượng Kim Quang Thủ cùng năm trăm ngọc nữ, đánh đàn trời, trỗi lên các loại nhạc, đến chỗ Đức Phật lễ lạy sát chân, đi nhiễu ba vòng, rồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi nói với Úy Gian:

–Ông biết cô này không?

Úy Gian trả lời:

–Biết.

Văn-thù hỏi:

–Biết thế nào?

Khi ấy, Úy Gian thưa Bồ-tát Văn-thù bằng bài kệ:

Sắc như đống bọt nước
Thọ như bong bóng nước
Biết tưởng như sóng nắng
Tôi hiểu biết như vậy.
Hành rỗng như cây chuối
Thức giống như huyễn hóa
Danh hiệu mượn khách trần
Tôi hiểu biết như vậy.
Thân có gì đáng tham!
Như cỏ, cây, tường, vách
Tâm ấy không thể thấy
Tôi hiểu biết như vậy.
Nó: Không ngã, không nhân
Không thọ, cũng không mạng
Thân do các giống thành
Tôi hiểu biết như vậy.
Không có dâm nộ ấy
Ngu si không có nơi
Trong sạch chẳng phiền não
Tôi hiểu biết như vậy.
Kẻ ngu bị mê hoặc
Nghĩ ngược, vì điên đảo
Người trí không chỗ đắm
Tôi hiểu biết như vậy.
Giống như giữa rừng cây
Thân cô gái hôi thối

Sắc ấy là như thế
Tôi hiểu biết như vậy.
Vốn không có đời sau
Quá khứ và hiện tại
Sinh khởi, không sở hữu
Tôi hiểu biết như vậy.
Thưa ngài hãy lắng nghe
Pháp chân thật giải thoát
Thì tránh khỏi vết dơ
Không còn lui tới nữa.
Không đầu, cũng không cuối
Hiện ở trong sinh tử
Khai hóa cho chúng sinh
Ai không phát tâm đạo.
Như tôi tham dâm nhuế
Các trần lao bất chánh
Tất cả pháp vốn không
Lành thay! Kinh giải thoát.

Thế rồi, Thế Tôn ứng thời mà cười, trong miệng phát ra ánh sáng năm màu; ánh sáng ấy chiếu khắp vô lượng các cõi Phật, rồi quay lại nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi nhập vào đỉnh đầu. Hiền giả A-nan đứng dậy, sửa pháp phục, gối phải sát đất, chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Thế Tôn cười? Các Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác chưa từng cười mà không có lý do?

Phật bảo:

–Này A-nan! Ông có thấy Thượng Kim Quang Thủ không?

A-nan thưa:

–Thưa Đấng Thiên Trung Thiên, con đã thấy!

Phật nói:

–Này A-nan! Vào thời quá khứ xa xưa, Văn-thù-sư-lợi đã khuyến hóa cô gái này khiến cô phát tâm đạo. Nay cô ta trở lại nghe pháp, liền đạt được Nhu thuận pháp nhẫn. Ông có thấy con trưởng giả kia không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thưa đã thấy!

Phật nói:

–Này A-nan! Đời trước ta đã khuyến hóa ông ta làm cho ông ta phát

đạo tâm. Nay trở lại, được nghe Phật giảng pháp, liền đạt Nhu thuận pháp nhẫn.

Này A-nan! Qua chín mươi hai trăm ngàn kiếp, Thượng Kim Quang Thủ sẽ thành Phật, hiệu là Bảo Quang Minh Như Lai Chí Chân, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư. Thế giới tên là Bảo cái, kiếp tên Bảo thành. Trong nước ấy, những thức ăn uống, y phục, nhà cửa giống như trên cõi trời Đao-lợi thứ hai. Cõi nước của Phật ấy, không có châu báu nào khác cả được tạo ra, chỉ lấy Bồ-tát làm châu báu. Tuổi thọ của Như Lai ấy là vô lượng. Sau khi thành Phật, thì con của trưởng giả tên Úy Gian ấy, sẽ làm Bồ-tát, tên là Đức Quang Diệu, lãnh thọ giáo pháp của Thế Tôn ấy. Khi Đức Bảo Quang Minh Như Lai chưa diệt độ, Ngài thọ ký cho Bồ-tát Đức Quang Diệu rồi mới Bát-niết-bàn. Sau đời ta, Bồ-tát Đức Quang Diệu ấy sẽ được thành Phật, hiệu là Trì Diệm Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, giống như cõi Phật, không có khác biệt.

Vừa thọ ký cho Tộc tánh tử này xong thì cả tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, có ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới. Khi đã thọ ký đầy đủ như vậy, thì tám ngàn người nhớ đó mà phát tâm đạo Vô thượng chánh chân.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

–Cúi xin Đại Thánh! Kinh này nên đặt tên là gì và nên phụng hành như thế nào?

Thế Tôn dạy:

–Kinh này đặt tên là Đại Tịnh Pháp Môn Phẩm Văn-thù-sư-lợi Khuyến Trợ Hý Biến. Lại còn gọi là Thượng Kim Quang Thủ Bản Chi Hóa. Nên phụng trì và mở bày cho tất cả.

Phật dạy như vậy xong, Hiền giả A-nan, người tuổi trẻ cùng tất cả người nam, người nữ, Văn-thù-sư-lợi, các Trời, Rồng, Thần, A-tu-la lòng đều vui mừng khôn xiết.

-oOo-

SỐ 818

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM PHÁP MÔN

QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Na-liên-đề-lê-da-xá, người nước Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo và tám ngàn vị Đại Bồ-tát, tập hợp đông đủ tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá. Khi ấy, trong thành Vương xá, có một dâm nữ, tên là Thắng Kim Sắc Quang Minh Đức. Do nhân duyên căn lành đời trước; cô gái này có dáng vẻ đoan chánh, đẹp đẽ, đầy đủ các tướng tốt, toàn thân ánh lên sắc vàng, chiếu sáng rực rỡ, thân hình xinh đẹp, hiếm có trên đời. Cô gái này thông minh, giảng nói không trở ngại, âm thanh trong trẻo, lời lẽ hòa nhã, miệng luôn nở nụ cười, không cọc cằn thô bạo, nhìn ngắm bao dung, đi đứng uyển chuyển dịu dàng; tùy theo chỗ ở, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, mặt đất đều có sắc vàng, chiếu sáng rực rỡ. Dù cô mặc y phục màu xanh, màu vàng hay màu đỏ, cũng đều ánh lên sắc vàng.

Khi ấy, tất cả những người trong thành Vương xá, hoặc là con vua, hoặc là con của đại thần, con của trưởng giả, hoặc là kẻ giàu sang…, người nào nhìn thấy cô rồi cũng sinh lòng mê đắm, mến yêu, không muốn xa lìa. Cô gái sắc vàng này, khi ở trong xóm làng, hay dạo chơi trên đường phố, hoặc ở nơi phố chợ đông đúc, hay bên bờ sông, những nơi dạo chơi trong vườn, dù là con trai hay con gái, đồng nam, đồng nữ… cũng đều đi theo và nhìn cô không chán.

Vào một ngày nọ, có người con của trưởng giả, tên là Thượng Oai Đức, vì ham vui nên đem theo nhiều của cải quý, đặt lên xe tứ mã và hẹn hò với cô gái sắc vàng. Chiếc xe này, toàn dùng các thứ châu báu tốt quý nhất như là vàng, bạc, lưu ly, ngọc ma-ni trang hoàng thật đẹp đẽ; dựng cờ báu, lọng đẹp, tòa báu, kết hoa, rải các loại hương, đốt hương bột. Các thứ hoa, hòa hợp với hương thơm, dùng để xông ướp. Con trưởng giả lại dùng hoa Chiêm-bặc làm chuỗi ngọc trang sức quanh thân, trông

thật oai nghiêm và cùng lên xe đi. Trước xe báu, họ bày các trò ca xướng, nhảy múa, hát vè; phía sau xe, mang theo thức ăn, thức uống ngon ngọt, các thứ y phục, đồ nằm, trước sau cùng đi đến vườn. Lúc ấy, con trai, con gái, đồng nam, đồng nữ trong đám đông đều chạy theo hai bên ngắm nhìn.

Bấy giờ, sau khi xuất thiền, Văn-thù-sư-lợi mở lòng lành thương xót tất cả chúng sinh, mà nghĩ rằng: "Những chúng sinh nào, có thể được giáo hóa trong Đại thừa? Những chúng sinh nào, phải dùng thần thông để giáo hóa? Những chúng sinh nào, phải đem lý nghiệp duyên quá khứ để giáo hóa? Những chúng sinh nào ưa nghe chánh pháp, chịu sự giáo hóa?".

Vừa nghĩ như vậy xong, chợt thấy cô gái sắc vàng và con của trưởng giả đang cùng ngồi trên xe báu để đi đến vườn. Văn-thù-sư-lợi liền xem xét căn tánh sai khác của họ, xem xét sự sai khác căn tánh của họ rồi nghĩ: "Cô gái này, đời trước đã có nghiệp duyên căn lành đã lãnh nhận sự giáo hóa, nếu được nghe giáo pháp của ta thì sẽ tin theo mà thọ trì!".

Văn-thù-sư-lợi liền dùng sức thần thông, từ thân, phóng ra ánh sáng, che khuất tất cả, thậm chí ánh sáng mặt trời, cũng không còn nhìn thấy được, huống nữa là các thứ ánh sáng khác. Khi ấy, y áo của Văn-thù-sư-lợi đang mặc tỏa ánh sáng chiếu khắp các hướng, rộng tới một do-tuần, làm cho mọi người đều thấy rõ, lại dùng đủ các thứ châu báu, chuỗi ngọc, mũ trời, để trang nghiêm thân mình, tay nắm ấn chỉ muốn làm cho mọi người trông thấy, mà sinh lòng ưa thích.

Làm như vậy rồi, Văn-thù-sư-lợi đi đến đoạn đường chỗ cô gái, ánh sáng của Văn-thù-sư-lợi soi chiếu đến chỗ cô gái và con của trưởng giả, làm cho ánh sáng của xe báu tứ mã bị lu mờ, giống như bóng tối so với sắc vàng ròng thì ánh sáng không thể có được!

Cô gái sắc vàng trông thấy các thứ châu báu đẹp đẽ, y phục sáng trong, rạng rỡ ánh sáng của Văn-thù-sư-lợi, thì cho đó là đồng tử trời, rồi sinh chán ghét, không còn ưa thích thân mình và thân của con trưởng giả nữa. Cô gái lại phát sinh lòng tham đắm tấm thân Văn-thù, cả đến y phục. Cô suy nghĩ: "Ta nên gặp người kia để cùng vui thú, rồi tùy theo lòng dục của người này, mà xin y áo kia".

Trong khi cô suy nghĩa, thần lực của Văn-thù-sư-lợi, khiến Tỳ-sa-môn vương, hóa thành người, từ trên không bay xuống, đứng trước cô gái, nói:

–Ngươi không được sinh lòng tham dục với người ấy. Vì sao? Bởi vì người ấy trong sạch, không có sự tham lam ham muốn.

Cô gái sắc vàng hỏi:

–Người ấy là ai vậy?

Tỳ-sa-môn đáp:

–Người ấy là Đồng tử Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Cô gái sắc vàng hỏi:

–Vì sao gọi là Bồ-tát? Xin ngài khéo nói rõ. Bồ-tát là trời chăng? Là Dạ-xoa? Là Càn-thát-bà? Là A-tu-la? Là Ca-lầu-la? Là Khẩn-na-la? Là Ma-hầu-la-già chăng? Là Đế Thích chăng? Là Phạm vương hay là trời Tứ Thiên vương?

Tỳ-sa-môn đáp:

–Chẳng phải trời, chẳng phải Dạ-xoa, chẳng phải Càn-thát-bà, chẳng phải A-tu-la, chẳng phải Ca-lầu-la, chẳng phải Khẩn-na-la, chẳng phải Ma-hầu-la-già, cũng chẳng phải Đế Thích, cũng chẳng phải là Phạm thiên, cũng chẳng phải là trời Tứ Thiên vương. Như vậy, những loại trên đều chẳng phải là Bồ-tát. Bồ-tát là tùy theo mong cầu của tất vả chúng sinh đều làm cho vừa lòng, thỏa ý; không có sự tiếc rẻ hay keo kiệt. Như vậy mới gọi là Bồ-tát.

Lúc ấy, cô gái sắc vàng suy nghĩ: "Như những lời đã nói, ta lúc này xin y, nhất định sẽ được". Cô liền xuống xe, đi về phía Văn-thù-sư-lợi. Đến nơi, cô thưa:

–Văn-thù-sư-lợi! Xin ngài có thể cho tôi áo y ngài đang mặc không?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này cô em! Nếu cô có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì ta sẽ cho cô y phục.

Cô gái sắc vàng hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Thế nào gọi là tâm Bồ-đề?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Thân cô tức là Bồ-đề.

Cô gái sắc vàng hỏi:

–Tại sao thân tôi tức là Bồ-đề? Xin ngài nói rõ cho tôi được hiểu.

Rồi cô bèn nói kệ xin y:

Từ lâu Văn-thù cầu Bồ-đề
Nay cho tôi y đắp trên thân
Nếu không, ngài chẳng phải Bồ-tát
Giống như sông cạn không có nước.

Văn-thù-sư-lợi nói kệ, đáp lại:

Nếu cô phát khởi tâm Bồ-đề
Ta sẽ cho y theo ý cô
Người có tâm Bồ-đề vững chắc
Tất cả trời, người đều cúng dường.

Bấy giờ, cô gái Thắng Kim Sắc lại dùng kệ, hỏi:

Bồ-đề nghĩa là gì?
Bồ-đề do ai được?
Bồ-đề ai ban cho?
Bồ-đề làm sao thành?

Văn-thù-sư-lợi bảo cô gái:

–Hiện nay có Đức Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Phật ấy dạy: Thân và Bồ-đề đều bình đẳng. Vậy nghĩa là thế nào? Thân cô có năm ấm, mười hai nhập và mười tám giới không?

Cô gái này, do nhân duyên căn lành đời trước, liền đạt được Pháp quang. Được Pháp quang rồi, cô liền thưa với Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy, đúng vậy! Thân này của tôi có năm ấm, mười hai nhập và mười tám giới.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Ý cô muốn nói gì? Sắc có thể hiểu, có thể biết không?

Cô gái đáp:

–Không, không thể hiểu, không thể biết được.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Bồ-đề cũng vậy, không thể hiểu, không thể biết được. Như vậy, sắc bình đẳng, Bồ-đề cũng bình đẳng, cho nên ta nói thân cô tức là Bồ-đề.

Rồi hỏi:

–Ý cô thế nào? Thọ, tưởng, hành, thức có thể hiểu, có thể biết không?

Cô gái đáp:

–Không thể hiểu, không thể biết.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Bồ-đề cũng như vậy, không thể hiểu, không thể biết được. Như vậy, thọ, tưởng, hành, thức đều bình đẳng; Bồ-đề cũng bình đẳng. Cho nên ta nói: Thân cô tức là Bồ-đề.

Lại hỏi:

–Ý cô thế nào? Sắc đấy, có thể nói là ở nơi đây, ở nơi kia, ở trong hay ở ngoài, hoặc ở giữa không? Có thể nói là màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, trong suốt hay lẫn lộn sắc không?

Cô gái đáp:

–Không.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Bồ-đề cũng như vậy; không thể nói được. Như vậy, sắc bình đẳng, Bồ-đề cũng bình đẳng, cho nên, ta nói thân cô tức là Bồ-đề.

Lại hỏi:

–Thọ, tưởng, hành, thức có thể nói là ở nơi đây, ở nơi kia, ở trong, ở ngoài hay ở giữa không? Có thể nói là màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, trong suốt hay đủ thứ màu sắc không?

Cô gái đáp:

–Không! Cũng như sắc, không thể nói được, cho đến thọ, tưởng, hành, thức, cũng không thể nói được.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Bồ-đề cũng như vậy, không thể nói được. Như vậy, thọ, tưởng, hành, thức bình đẳng, cho nên Bồ-đề bình đẳng. Vì thế ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, năm ấm như huyễn, thể tánh thì không thật, do điên đảo sinh ra. Bồ-đề cũng như huyễn, thể tánh thì không thật, cũng do điên đảo, nên thế tục nói là sinh; như vậy, hư huyễn bình đẳng, cho nên năm ấm bình đẳng; hư huyễn bình đẳng cho nên Bồ-đề bình đẳng. Vì thế ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, năm ấm như mộng, thể tánh không sinh, Bồ-đề cũng như vậy, thể tánh cũng không sinh. Như vậy, mộng bình đẳng, cho nên năm ấm bình đẳng; mộng bình đẳng, cho nên Bồ-đề bình đẳng. Vì vậy ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, năm ấm như bóng nắng, do nghiệp duyên sinh ra. Bồ-đề cũng như sóng nắng, không có nghiệp duyên, không có quả báo. Như vậy, sóng nắng bình đẳng, cho nên năm ấm bình đẳng; sóng nắng bình đẳng, cho nên Bồ-đề bình đẳng. Vì vậy ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, năm ấm như hình trong gương, thể tánh hoàn toàn không, không đi, không đến. Bồ-đề cũng như vậy, không đi, không đến. Như vậy, ảnh trong gương bình đẳng, cho nên năm ấm bình đẳng; ảnh trong gương bình đẳng, cho nên Bồ-đề bình đẳng. Vì thế ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, năm ấm chỉ là giả danh. Bồ-đề cũng như vậy, chỉ là giả danh. Như vậy, năm ấm bình đẳng, cho nên Bồ-đề bình đẳng. Thế nên ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, năm ấm không có ai tạo ra, nghĩa là xa lìa người tạo ra. Bồ-đề năm ấm không có thể tánh, xa lìa nghĩa thể tánh. Bồ-đề năm ấm không sinh, xa lìa nghĩa sinh. Bồ-đề năm ấm không thường, xa lìa nghĩa thường. Bồ-đề năm ấm không vui, xa lìa nghĩa vui. Bồ-đề năm ấm không trong sạch, xa lìa nghĩa trong sạch. Bồ-đề năm ấm không có ngã, xa lìa nghĩa ngã. Bồ-đề năm ấm vốn trong sạch, xa lìa nghĩa thanh tịnh. Bồ-đề năm ấm không nắm giữ, xa lìa nghĩa nắm giữ. Bồ-đề năm ấm không có nhà, xa lìa nghĩa nhà. Bồ-đề năm ấm không đi, không đến, không có nghĩa đi đến. Đó là pháp luận của Thánh nhân về Bồ-đề năm ấm. Bồ-đề cũng là pháp luận của Thánh nhân. Luận pháp hay chẳng luận pháp, thì thể tánh năm ấm vẫn như vậy?

Như Lai hiểu biết tất cả, nên được gọi là Bồ-đề. Như vậy, thể tánh năm ấm tức là thể tánh Bồ-đề. Thể tánh Bồ-đề tức là thể tánh của tất cả chư Phật. Như trong thân của cô, thể tánh năm ấm, tức là thể tánh của tất cả chư Phật. Thể tánh chư Phật tức là thể tánh năm ấm của tất cả chúng sinh. Vì vậy nên ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, hiểu biết năm ấm, gọi là hiểu biết Bồ-đề. Vì sao? Chẳng phải xa lìa năm ấm mà Đức Phật đắc được Bồ-đề, cũng chẳng phải lìa Bồ-đề mà Đức Phật giác ngộ được năm ấm. Phương tiện này cho biết, tất cả chúng sinh đều đồng với Bồ-đề. Bồ-đề cũng đồng với tất cả chúng sinh. Cho nên ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, tứ đại pháp phát sinh, đó là giới đất, giới nước, giới lửa và giới gió. Giới đất này, chẳng phải ta, chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải là thọ mạng, chẳng phải trượng phu, chẳng phải người. Giới đất bình đẳng là Bồ-đề, không nắm giữ quá khứ. Giới nước bình đẳng là Bồ-đề, nên thể tánh không sinh. Giới lửa bình đẳng là Bồ-đề, nên thể tánh không thể biết. Giới gió bình đẳng là Bồ-đề, nên thể tánh không thể thấy.

Như Lai biết được thể tánh của giới đất, cho nên đắc được Bồ-đề. Như vậy, Như Lai hiểu biết được thể tánh của giới đất, giới nước, giới lửa và giới gió, cho nên đắc được quả Bồ-đề. Hiểu được tánh đất thì được gọi là Bồ-đề. Như vậy, nếu có thể hiểu được tánh của nước, lửa và gió… thì được gọi là Bồ-đề. Vì thế ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, giới đất không biết đến nước, giới nước không biết đến lửa, giới lửa không biết đến gió. Như vậy, các giới không có tên gọi, không thể

nói, thì gọi là Bồ-đề. Thế nên ta nói, thân cô tức Bồ-đề.

Lại nữa, thân cô, pháp của mắt có sinh không? Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý có sinh không? Này cô em! Trong cô đây nhãn không, thể tánh của nhãn cũng không, tức là Bồ-đề. Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý không. Thể tánh của ý không, tức là Bồ-đề.

Lại nữa, nếu thể tánh của nhãn không, thì sắc không thể nói, thể tánh của sắc không tức là Bồ-đề. Như vậy, thể tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý: Không, thì tất cả pháp không thể nói. thể tánh pháp không, tức là Bồ-đề.

Lại nữa, nhãn không giữ lấy sắc, Bồ-đề cũng như nhãn, cũng không giữ lấy sắc. Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng không ôm giữ lấy thanh, hương, vị, xúc và pháp. Bồ-đề cũng như vậy, không ôm giữ lấy tất cả pháp. Như vậy, thức giới của mắt không trụ trong sắc giới; thức sắc giới của mắt cũng không trụ trong Bồ-đề; thức giới của tai, thức giới của mũi, thức giới của lưỡi, thức giới của thân và thức giới của ý, đều không trụ trong pháp giới. Như vậy, pháp giới của ý thức không thụ trong Bồ-đề. Thức giới của mắt và giới của Bồ-đề là không hai, không khác; cho đến giới của ý thức, giới của Bồ-đề cũng không hai, không khác. Cho nên ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, cái hiểu biết về mắt được gọi là Bồ-đề. Như vậy, hiểu biết về tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng được gọi là Bồ-đề. Thể tánh của mắt là không; năng lực hiểu biết thể tánh như vậy cũng không, vậy tức là Bồ-đề. Thể tánh của tai, mũi, lưỡi, thân và ý là không. Năng lực hiểu biết như vậy tức là Bồ-đề.

Lại nữa, thể tánh của mắt là không tham, không sân, không si, xa lìa được tham, sân, si tức là Bồ-đề. Như vậy, thể tánh của tai, mũi, lưỡi, thân và ý là không tham, không sân, không si, xa lìa được tham, sân, si tức là Bồ-đề. Mắt không có chủ, không có chấp giữ. Bồ-đề cũng không có chủ, không có chấp giữ. Như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng không có chủ, không chấp giữ. Bồ-đề cũng không có chủ, cũng không chấp giữ. Trong mắt không có pháp nam, không có pháp nữ, cũng chẳng phải nam, chẳng phải nữ. Như vậy, trong Bồ-đề không có pháp nam, không có pháp nữ, cũng chẳng phải nam, chẳng phải nữ. Trong tai, mũi, lưỡi, thân và ý, không có pháp nam, không có pháp nữ, chẳng phải nam, cũng chẳng phải nữ. Như vậy, trong Bồ-đề, cũng không có pháp nam, không có pháp nữ, cũng chẳng phải nam, chẳng phải nữ.

Lại nữa, nhãn-sắc Như Lai, thấu rõ được cái nghĩa Như này cho nên gọi là Bồ-đề. Như vậy, ý-pháp như Như Lai, hiểu rõ được nghĩa Như này,

cho nên gọi là Bồ-đề. Thế nên ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, thân cô không có ngã, không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có hữu tình, không có phàm phu, không người, không ngã, không người tạo ra, không người lãnh thọ, không người thấy, không người nghe, không người ngửi, không người nếm, không người tiếp xúc, không người biết. Bồ-đề ấy cũng không ngã, không chúng sinh, không thọ mạng, không phàm phu, không hữu tình; không người, không ngã, không người tạo ra, không người lãnh thọ, không người thấy, không người nghe, không người ngửi, không người nếm, không người tiếp xúc, không người biết. Như vậy, cho nên nói, tất cả pháp không có thể biết, tức là Bồ-đề.

Lại nữa, thân này không biết, không hiểu, không tạo ra, giống như cỏ cây, đá ngói, dù ở trong đất giới hay ngoài đất giới, đều gọi là thể tánh của giới đất. Tánh của đất giới, Như Lai dùng trí lực Bát-nhã, đã giác ngộ rồi. Thế nên ta nói, thân cô tức là Bồ-đề.

Lại nữa, này cô em! Như tâm ý cô hòa hợp, suy lường phân biệt mà tâm ý suy lường phân biệt, tại không hiểu, không biết, không ở nơi da, không ở trong máu thịt, không ở trong xương tủy, không ở nơi tóc lông, không ở nơi móng vuốt, không ở trong, không ở ngoài, không ở trong mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ, không phải định trụ, cũng chẳng phải không định trụ, chẳng phải trụ nơi đây, chẳng phải trụ nơi kia, chẳng phải sắc, không thể thấy, không thể nắm bắt, không ngăn ngại, không phân biệt, không thể nắm giữ, không thể hòa hợp; chẳng phải nhà, lìa nghĩa nhà; trong sạch, rất trong sạch. Ánh sáng chiếu rực rỡ tâm ý suy lường phân biệt ấy, không cùng với phiền não hòa hợp, cũng chẳng trong sạch. Vì sao? Vì thể tánh sạch, cho nên không hòa hợp với phiền não, không hòa hợp, cho nên trong sạch sáng rỡ.

Ánh sáng kia không có thân, vì không có thân cho nên không hòa hợp với phiền não, cũng chẳng phải trong sạch. Như vậy, thể tánh của ấm, giới, nhập tức là Bồ-đề. Như vậy, thể tánh của Bồ-đề tức là ấm, giới và nhập. Thế nên, tánh ấm giới, nhập của thân ngươi, gọi là Bồ-đề. Vì sao? Chẳng phải xa lìa tánh ấm, giới, nhập, cho nên được gọi là Bồ-đề. Trong việc xa lìa ấm, giới, nhập cũng không thể đạt được Bồ-đề. Hiểu được ấm, giới, nhập tức là Bồ-đề. Cho nên ta nói, tất cả pháp bình đẳng. Hiểu được điều này, gọi là Bồ-đề.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nói pháp này rồi, trong hư không, có năm trăm vị chư Thiên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những

người đi theo cô gái Thắng Kim Sắc Quang Minh Đức, hoặc là con trai, con gái, đồng nam, đồng nữ có tới hai trăm người, cũng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; lại còn có sáu mươi trời, người ở trong các pháp đạt được Pháp nhãn tịnh.

Khi ấy cô Thắng Kim Sắc vui mừng hớn hở, đạt được tâm trong sạch, nên cả thân thể cúi sát đất, đảnh lễ dưới chân Văn-thù-sư-lợi và thưa:

–Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Quy y Tam bảo rồi, lãnh giữ năm giới phạm hạnh; thọ lãnh giới pháp rồi, cô hết lòng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đã phát tâm rồi, cô bạch với Văn-thù:

–Con nay đã được nghe giáo pháp như vậy, vì tất cả chúng sinh được an ổn, cho nên phát sinh lòng Từ bi; vì không lìa hạt giống Phật, cho nên hết lòng, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng như ngài Văn-thù-sư-lợi đã vì con mà giảng nói pháp Bồ-đề này vậy. Con phải làm theo và cũng nói rõ, vì tất cả chúng sinh sẽ nói pháp như của Văn-thù-sư-lợi đã nói. Như vậy, Phật pháp tịch diệt đại tịch diệt, mà con không biết, nên chạy theo những cái hiểu và thấy xấu, phát sinh có tâm điên đảo, chấp vào thân kiến, tham đắm nơi thân mình, lại còn khiến cho người khác tham đắm. Con nay đã một lòng trong sạch xin sám hối tất cả nghiệp tội. Như Văn-thù-sư-lợi nói, tham pháp tịch diệt thì tất cả các pháp hòa hợp cũng tịch diệt như vậy. Nếu có chúng sinh nào, không biết pháp này, mà phát sinh sự tham đắm, thì con có thể làm cho người này, xa lìa tham đắm, an trụ trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tất cả phiền não cũng như người chết, chỉ do điên đảo, vọng tưởng sinh ra. Nếu không có các vọng tưởng, điên đảo, thì phiền não thảy đều bị diệt. Con nay được nghe pháp quan trọng của Văn-thù-sư-lợi giảng nói, hiểu được tất cả phiền não giống như mây mù, thể tánh nó không thật; phiền não như ánh chớp, dù một niệm cũng không trụ; phiền não như gió, thể tánh nó không sinh; phiền não như vẽ tranh giữa hư không, không thể thấy dấu vết; phiền não như vẽ trong nước, vẽ xong liền mất; phiền não như quỷ Dạ-xoa, phát sinh sự hiểu biết xấu; phiền não như bệnh nóng sốt, điên cuồng nói bậy. Thể tánh của phiền não không có, hiểu biết xấu phát sinh, phiền não khó xả bỏ được, chấp vào ngã và ngã sở, vật không có thật, vọng chấp khách trần; phiền não sinh sự giả dối. Phiền não tùy theo vọng tưởng xuất hiện, ôm giữ những hiểu biết xấu. Phiền não như con mắt, thấy đủ các loại cảnh phát sinh. Thể tánh phiền não không dứt, do tâm bẩn đục phát sinh. Thể tánh phiền não không, do duyên hòa hợp sinh

ra; phiền não như khối tập hợp, từ năm ấm, mười tám giới và mười hai nhập hòa hợp; phiền não không thể nhận biết, không có danh sắc; phiền não không thể biết, không hiểu được điều lành; phiền não như hạt giống, có thể phát sinh Bồ-đề. Vì sao? Vì phiền não là nhân duyên chủ yếu làm cho Bồ-đề tràn đầy.

Này Văn-thù-sư-lợi, Bồ-đề vững như Kim cang, phiền não của chúng sinh, không thể lay động. Bồ-đề như dấu vết Kim cang, tất cả phiền não không thể phá được. Vì sao? Vì pháp giới phương tiện là không thể hoại!

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi! Thấy được phiền não gọi là Bồ-đề. Vì sao? Vì tất cả cảnh giới đều thuận theo Bồ-đề. Như vậy, Bồ-đề không có chỗ trụ, tất cả phiền não cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì sinh tức là diệt.

Văn-thù-sư-lợi! Như thể tánh của tâm là không thể nói rõ; cũng không thể nói, ở chỗ này, ở chỗ kia. Thể tánh của tham, sân, si cũng như vậy, Bồ-tát biết như vậy về phiền não. Đối với những chúng sinh nhiều tham lam, nhiều sân hận nhiều si mê; thì khéo léo giáo hóa, nhưng không bị những chúng sinh này não loạn, cho đến việc giáo hóa những chúng sinh có đủ tham, sân, si; cũng không để cho bị não loạn.

Văn-thù-sư-lợi! Như ta có tham, sân, si; tất cả tham, sân, si của chúng sinh, cũng lại như vậy. Như ta có phiền não, tất cả phiền não của chúng sinh, cũng lại như vậy.

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi! Ví như lửa lớn, không phát sinh sợ hãi, với tất cả cỏ cây. Như vậy, Bồ-tát thực hành trí tuệ, không phát sinh sợ hãi, đối với các phiền não, ví như mặt trời, không tồn tại với bóng tối. Như vậy, Bồ-tát thực hành trí tuệ, không ở chung với các hoặc. Ví như gió lớn, thì dù núi rừng, cây cối, cũng không thể ngăn ngại. Như vậy, Bồ-tát thực hành trí tuệ, thì tất cả cảnh giới phiền não của thế gian, không thể ngăn ngại. Ví như hư không, kiếp lửa không thể thiêu đốt. Như vậy, Bồ-tát thực hành trí tuệ, dù là lửa các phiền não, cũng không thể thiêu đốt được. Ví như có vật báu, gọi là Thiết ái, không trụ, không sạch, tùy theo chỗ nó ở, mà tất cả trong sạch. Như vậy, Bồ-tát thực hành trí tuệ, đối với các phiền não, cũng lại không trụ. Ví như hư không, không hòa hợp với đất. Như vậy, Bồ-tát hành trí tuệ, không hòa hợp với các phiền não và các kết sử. Như núi Thiết vi, thì gió không thể làm lay động; như vậy, tất cả phiền não, không thể làm lay chuyển Bồ-tát hành trí tuệ. Ví như chim hộc, chim dang, đối với hỗn hợp nước và sữa, thì chỉ nuốt sữa mà không nuốt nước; như vậy Bồ-tát hành trí tuệ, dù hòa hợp với tất cả phiền não, nhưng chỉ giữ phần trí, mà không giữ lấy phiền não. Ví như ở nước Uất-đơn-việt, con trai, con gái, hòa hợp

đều đến dưới gốc cây, nếu chẳng phải người thân, thì cành cây rủ xuống che khắp toàn thân họ. Bồ-tát cũng như vậy, không giáo hóa những chúng sinh căn tánh chưa thuần thục.

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi! Nay con không còn sợ hãi đối với tất cả phiền não. Vì sao? Vì đã biết được tánh của tất cả phiền não, vì khéo mặc được áo không biết sợ của Bồ-tát. Ví như người khỏe mạnh, ra trận không sợ hãi. Nếu có lòng sợ hãi, thì chẳng phải là người khỏe mạnh. Bồ-tát cũng vậy; nếu phát sinh lòng sợ hãi đối với các phiền não, thì chẳng phải là Bồ-tát.

Lại như có người vào trận đánh nhau, đã không đánh thắng lại còn bị người kia làm hại, thì không được gọi là dũng mãnh. Nếu các Bồ-tát mà bị phiền não tổn hại, thì không được gọi là Bồ-tát. Văn-thù-sư-lợi! Như ngọc tịnh thủy, nếu thả vào nước đục, nước đục liền trong sạch mà viên ngọc không bị nước đục làm bẩn. Bồ-tát dù hòa hợp với phiền não, cũng không bị phiền não làm ô nhiễm.

Khi nói những lời này rồi, Thắng Kim Sắc nữ hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Thế nào là Bồ-tát hay xa lìa phiền não?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Vị Bồ-tát nào biết phiền não phát sinh, biết phiền não diệt, thì không được gọi là lìa phiền não. Ví như ngọn đèn sáng, có thể làm tan hết bóng tối. Nếu cùng tồn tại với bóng tối, thì không được gọi là đèn. Như vậy, Bồ-tát thấy phiền não phát sinh, thấy phiền não diệt, thì không được gọi là Bồ-tát xa lìa phiền não.

Lại nữa, Bồ-tát xa lìa phiền não, không thấy phiền não, không thấy thanh tịnh, chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy, xa lìa tâm, ý thức; thì được gọi là xa lìa phiền não. Đối với các nơi kia, tâm có phân biệt, cho đến có nghĩ về Niết-bàn thì cũng gọi là không xa lìa phiền não. Vì sao? Vì hoặc là tâm, hoặc là tâm số phát sinh, phan duyên tội phước. Phan duyên này được gọi là tất cả nghiệp tạo tác. Tạo tất cả nghiệp rồi, bị lưu chuyển, pháp lưu chuyển gọi tên là Thật lưu chuyển. Tất cả lưu chuyển, gọi là phiền não.

Lại nữa, gọi hòa hợp là phiền não. Thế nào là hòa hợp? Mắt hòa hợp với sắc, tai hòa hợp với âm thanh, mũi hòa hợp với hương, lưỡi hòa hợp với mùi vị, thân hòa hợp với va chạm, ý hòa hợp với pháp; Tam-muội hòa hợp với phiền não. Vì sao? Ngay hiện tại mà thấy được Tam-muội xuất một tướng thì được gọi là phiền não. Xa lìa cái hiểu ác, được gọi là xa lìa phiền não. Xa lìa tâm hành, gọi là xa lìa phiền não. Không công dụng được gọi là xa lìa phiền não. Xa lìa số lượng được gọi là xa lìa phiền não. Nếu có Bồ-

tát, tự xa lìa phiền não, lại làm cho người khác cũng xa lìa, vì cởi bỏ mọi trói buộc cho tất cả chúng sinh, nên siêng năng thực hành tinh tấn, Như Lai gọi đấy là Bồ-tát tinh tấn, xa lìa phiền não.

Thắng Kim Sắc nữ lại hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Vì sao gọi là Bồ-tát tối thắng tinh tấn?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu có Bồ-tát không chứng được pháp "không". Đối với thân kiến chúng sinh, lòng thương xót, không dứt bỏ, không chứng vô tướng. Đối với ác kiến chúng sinh, lòng thương xót không dứt bỏ, không chứng vô nguyện. Đối với nguyện hạnh chúng sinh, không dứt bỏ lòng thương xót và không chứng vô tác pháp. Đối với tác hành chúng sinh, lòng thương xót không bỏ, không chứng vô sinh pháp. Đối với sinh, lão, tử chúng sinh, lòng thương xót không bỏ, không chứng vô xuất pháp. Đối với sinh diệt chúng sinh lòng thương xót không bỏ và không chứng quả Thanh văn, Bích-chi-phật, trụ ở địa vị Bồ-tát. Đối với tất cả chúng sinh, không dứt bỏ lòng thương xót, thì được gọi là Bồ-tát tối thắng tinh tấn. Ví như biển lớn, dễ vào khó ra. Vì sao? Vì không khéo dùng phương tiện. Như vậy, Thanh văn, Duyên giác vào trong pháp Không, Vô tướng, Vô tác, không có phương tiện thì không thể tự ra được. Bồ-tát tối thắng tinh tấn, có phương tiện, nên có thể vào, có thể ra. Ví như có người vào trận chiến đấu, thân không bị thương tổn mà có thể thoát ra khỏi, như vậy rất là khó. Như vậy, Bồ-tát vào ba cửa giải thoát: Không, Vô tướng, Vô nguyện, có phương tiện, thì có thể thoát ra ngoài, cho nên được gọi là Bồ-tát phương tiện.

Thắng Kim Sắc nữ hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Tại sao gọi là Bồ-tát phương tiện?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Phương tiện có hai loại: Một là không xả bỏ sinh tử; hai là không trụ trong Niết-bàn.

Lại có hai loại: Một là Không môn; hai là Ác kiến môn.

Lại có hai loại: Một là Vô tướng môn; hai là Tướng giác môn.

Lại có hai loại: Một là Vô nguyện môn; hai là Nguyện sinh môn.

Lại có hai loại: Một là Vô tác môn; hai là Chủng thiện căn hành môn.

Lại có hai loại: Một là Vô sinh môn; hai là Thị sinh môn.

Lại có hai loại: Một là Vô xuất môn; hai là Ấm–Nhập–Giới môn.

Lại có hai loại: Một là Tịnh diệt môn; hai là Xuất sinh môn.

Lại có hai loại: Một là Định môn; hai là Giáo hóa môn.

Lại có hai loại: Một là Pháp giới môn; hai là Hộ chánh pháp môn.

Lại có hai loại: Một là Thanh văn môn; hai là Thâm tâm Bồ-đề hành môn.

Lại có hai loại: Một là Bích-chi-phật môn; hai là Tứ vô ngại môn.

Bồ-tát nào, đối với hai loại pháp môn như các loại ở trên, vì người khác mà hiện ra không có chỗ dính mắc; đối với tất cả pháp môn, cũng lại như vậy, thì được gọi là phương tiện.

Lại có hai loại pháp môn: Một là Tham môn; hai là Ly tham môn.

Lại có hai loại khác: Một là Sân môn; hai là Ly sân môn.

Lại có hai loại nữa: Một là Si môn; hai là Ly si môn.

Lại có hai pháp môn: Một là Phiền não môn; hai là Ly phiền não môn.

Lại có hai loại: Một là Nhất thiết sinh môn; hai là Ly sinh môn.

Đấy gọi là Bồ-tát Phương tiện môn.

Lại có hai loại: Một là Nhất thiết phàm phu hành môn; hai là Nhất thiết học, Vô học, Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát Như Lai môn.

Bậc nào có thể biết hai loại môn này, thì được gọi là Bồ-tát Tối thắng phương tiện.

-oOo-

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM PHÁP MÔN

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, cùng với vị Tăng theo hầu là A-nan, từ nơi kinh hành, tại đỉnh núi Kỳ-xà-quật, Đức Thế Tôn từ xa khen ngợi Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Văn-thù-sư-lợi đã khéo nói pháp môn Bồ-tát Tối thắng tinh tấn phương tiện. Đúng như ông đã nói.

Những lời khen ngợi này, khi phát ra âm thanh của Đức Thế Tôn vang khắp tam thiên đại thiên thế giới, tất cả mặt địa có sáu cách chấn động. Lúc ấy có vô lượng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân Phi nhân… Đế Thích, Thiên vương, Đại phạm Thiên vương, bốn Đại Thiên vương, nghe theo âm thanh này, đều đi đến chỗ Đức Phật cung kính, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên và cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vừa rồi, chúng con nghe Như Lai khen ngợi: "Lành thay!", âm thanh vang khắp đại thiên thế giới, mặt đất đều chấn động; nhưng chúng con chưa biết rõ Như Lai khen ngợi ai?

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các đại chúng:

–Vừa rồi, ta khen ngợi Văn-thù-sư-lợi.

Khi ấy, đại chúng lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Văn-thù-sư-lợi nay ở đâu?

Phật bảo:

–Ở trên ngã tư đường, thuộc cửa Đông thành Vương xá, cùng với cô gái sắc vàng, giảng giải trình bày pháp vi diệu cho mọi người. Các ông, người nào thích nghe pháp, nên đến chỗ ấy.

Tất cả Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… Đế Thích, Thiên vương, Đại phạm Thiên vương, Tứ đại Thiên vương… nghe Phật dạy rồi, đều đến chỗ Văn-thù-sư-lợi, mỗi người từ thân mình hiện lên ánh sáng cao đẹp khác lạ, làm mưa hoa trời khắp cả thành Vương xá và khắp cả mọi người.

Bấy giờ, tất cả trời, người và đại chúng, đều cùng được thấy nhau mà không có chướng ngại. Tất cả nhân dân thành Vương xá thấy các chúng

trời và thấy hoa vi diệu, đều cùng nhau đi đến chỗ Văn-thù-sư-lợi. Lúc ấy, vua A-xà-thế cùng oai đức lớn, trang nghiêm bốn bộ binh, cùng các thể nữ ở hậu cung, cũng đi đến chỗ Văn-thù-sư-lợi. Lúc này, trong thành tất cả con vua, con của trưởng giả, con đại thần, con của cư sĩ… thấy cô gái sắc vàng tâm trụ Niết-bàn, họ đều bỏ hết tâm ô nhiễm, năm căn trong sạch, có đầy đủ sự hổ thẹn, không còn phiền não.

Khi thấy những người này, không còn sinh tâm ô nhiễm với Thắng Kim Sắc nữ, Văn-thù-sư-lợi mới hỏi Thắng Kim Sắc nữ:

–Nay ngươi để phiền não ở chỗ nào, khiến con vua cho đến con của cư sĩ… không còn sinh tâm ô nhiễm?

Cô gái sắc vàng thưa:

–Tất cả phiền não và chúng sinh phiền não, đều ở nơi bờ trí tuệ giải thoát, ở trong pháp: "Pháp giới như như bình đẳng". Các phiền não kia chẳng phải có sinh, chẳng phải có diệt, cũng chẳng phải ở yên một chỗ. Tôi biết như vậy, thấy chính xác như vậy về thể tánh phiền não.

Văn-thù-sư-lợi hỏi Thắng Kim Sắc nữ:

–Thể tánh của phiền não là gì?

Thắng Kim Sắc nữ đáp:

–Các thấy biết ác, là thể tánh của phiền não. Phan duyên không trong sạch, nên phiền não phát sinh. Thấy biết được trong sạch nên phiền não như khách. Như vậy, phiền não không hòa hợp với "không trí"; không hòa hợp với vô tướng, vô nguyện. Như rắn độc lớn, khi mắt nó nhìn thấy người, người liền bị cắn chết. Nếu có người trí, giữ thuốc trị độc rắn, đi đến chỗ con rắn ấy, rắn nghe hơi thuốc, liền mất chất độc. Thậm chí đến những đứa trẻ, với các loại xúc não không vì thế mà làm hại. Thưa Văn-thù-sư-lợi! Ngày trước, vì cái thấy hiểu xấu, nên con phát sinh tâm điên đảo, bị lửa phiền não thiêu đốt, yêu đắm thân mình, không biết thân đó như bọt nước, như ngọn lửa, như huyễn, như hóa, như trong giấc mộng; nhận năm thứ sướng vui như nếm mật bôi trên dao. Người ngu ham mùi vị, không biết sẽ bị đứt lưỡi. Lại như sương trên ngọn cỏ, gặp mặt trời liền tan; không biết các hành là vô thường chóng qua, không biết năm ấm toàn là thường và khổ; không biết tánh của thân mình là không trong sạch; không biết tất cả pháp đều xa lìa các thứ sai khác của ngã và ngã sở; không biết mình vô sở kiến nên khiến người khác tối tăm; không biết mình đã tự trói buộc, lại làm cho người khác bị trói buộc. Con chưa được nghe pháp, nên đối với các pháp này, không được giải thoát. Con nay nghe pháp, đạt được trí tuệ rồi, đối với các phiền não đã được giải thoát. Thế nên, tất cả chúng sinh đã

không còn có tâm tham muốn đối với thân con. Văn-thù-sư-lợi! Ví như ánh sáng không ở chung với bóng tối. Như vậy, xa lìa tâm tham, thì phiền não sẽ không còn.

Khi nói pháp này với Văn-thù-sư-lợi xong, Thắng Kim Sắc nữ liền bạch:

–Tất cả trời, người đại chúng đã tập hợp, xin hãy rủ lòng lành thương xót dùng pháp lực nói rõ cho mọi người, làm cho họ biết được thể tánh của tát cả phiền não. Biết được thể tánh phiền não rồi, họ phát lòng thương xót tất cả chúng sinh, làm cho các chúng sinh được an ổn, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thể tánh của phiền não, khó tin, khó hiểu. Vì sao? Vì tánh của phiền não, tức là Bồ-đề. Ví như lửa chưa phát ra, thì không thể đốt được củi. Như vậy, không phát sinh phiền não, thì không bị sự lưu chuyển trong vòng sinh tử. Như lửa mà phát rồi, thì liền có thể đốt cháy củi. Cái hiểu biết xấu mà phát sinh, thì sẽ lưu chuyển trong sinh tử. Như lửa mà thiêu đốt cỏ cây lớn, thì thế lửa khó mà dập tắt. Như vậy, cái thấy xấu, cái tâm độc hòa hợp với phiền não, ở trong ba cõi, nó như lửa dữ, luôn thiêu đốt không có dừng nghỉ. Ví như không có củi, thì lửa không đốt cháy được. Như vậy, xa lìa cái xấu ác và phiền não, thì không sinh vào ba cõi. Ví như lửa đốt, giả sử đến trăm ngàn năm cũng không có lợi ích, cũng không tăng thêm nhiều. Lửa phiền não bùng cháy cũng lại như vậy, cho đến trăm ngàn năm cũng không có lợi ích, cũng không tăng thêm được gì. Ví như lửa tắt, không biết đi về đâu. Như vậy, trí tuệ diệt các phiền não, cũng như vậy, không biết đi về đâu. Ví như lửa dữ, không thể vào được; như vậy tự tánh mà trong sạch thì dù khách trần phiền não có phát sinh, cũng không bị nó làm ố nhiễm.

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi hỏi Thắng Kim Sắc nữ:

–Thế nào là thân kiến?

Thắng Kim Sắc nữ đáp:

–Như thấy trăng ở trong nước.

Lại hỏi:

–Thế nào là thấy năm ấm?

Nữ đáp:

–Như thấy Đức Phật giáo hóa người.

Lại hỏi:

–Thế nào là thấy mười tám giới?

Nữ đáp:

–Như thấy kiếp lửa, thiêu đốt các thế giới.

Lại hỏi:

–Thế nào là thấy mười hai nhập?

Nữ đáp:

–Như không tạo hạnh nghiệp.

Lại hỏi:

–Thế nào là thấy bốn chúng?

Nữ đáp:

–Như thấy hư không ở trên.

Lại hỏi:

–Quán tự thân là thế nào?

Nữ đáp:

–Biết được từ cha mẹ hòa hợp sinh ra.

Lại hỏi:

–Thấy thân mình là thế nào?

Nữ đáp:

–Như người mù thấy màu sắc.

Lại hỏi:

–Cô nay nghe pháp này chăng?

Nữ đáp:

–Như người huyễn nghe pháp.

Lại hỏi:

–Cô phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Nữ đáp:

–Con đã phát tâm, không phát tâm lại nữa.

Lại hỏi:

–Cô thực hành Bố thí ba-la-mật chăng?

Nữ đáp:

–Trong phiền não, không thực hành, cũng không xả bỏ.

Lại hỏi:

–Cô trì giới đầy đủ chăng?

Nữ đáp:

–Đầy khắp, như đầy khắp hư không.

Lại hỏi:

–Cô tu Nhẫn nhục ba-la-mật chăng?

Nữ đáp:

–Đã tu như tất cả chúng sinh, không sinh, không xuất.

Lại hỏi:

–Cô phát hạnh Tinh tấn ba-la-mật chăng?

Nữ đáp:

–Đã phát như tất cả pháp, không thể được.

Lại hỏi:

–Cô trụ Thiền ba-la-mật chăng?

Nữ đáp:

–Đã trụ, như trụ trong pháp giới.

Lại hỏi:

–Cô đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật chăng?

Nữ đáp:

–Đã đầy đủ. Thế nào là đầy đủ? Không tăng không giảm phương tiện trí.

Lại hỏi:

–Cô tu lòng lành chăng?

Nữ đáp:

–Đã tu như tất cả chúng sinh, không sinh.

Lại hỏi:

–Bồ-tát có lòng thương lớn nên cầu ở đâu?

Nữ đáp:

–Cầu ở trong phiền não của tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì nếu chúng sinh, không có phiền não, thì Bồ-tát không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Tâm vui vẻ nên cầu ở đâu?

Nữ đáp:

–Cầu ở trong lòng tin cao cả, vui vẻ, trong sạch Bồ-đề.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Bồ-tát xả tâm thế nào là đầy đủ?

Nữ đáp:

–Xả bỏ, xa lìa mọi sự tranh cãi của tất cả chúng sinh, thì gọi là đầy đủ. Xa lìa tất cả pháp tranh luận, gọi là đầy đủ.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Thế nào là tranh luận?

Nữ đáp:

–Vị Bồ-tát nào tự nói: "Ta đang xả bỏ, xa lìa, tất cả phiền não, độ thoát tất cả chúng sinh", thì gọi là tranh luận.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Tranh luận với ai?

Nữ đáp:

–Với tất cả ngoại đạo.

Lại hỏi:

–Ngoại đạo là ai?

Nữ đáp:

–Chấp nhận theo các tà thuyết, thì gọi là ngoại đạo.

Lại hỏi:

–Tâm nhẫn nhục của Bồ-tát do đâu mà sinh?

Nữ đáp:

–Từ trong sự não loạn của tất cả chúng sinh mà phát sinh. Vì sao? Nếu không não loạn, thì tâm nhẫn nhục không sinh. Bồ-tát bị các chúng sinh mắng chửi, đánh đập, làm nhục; mà tâm Bồ-tát vẫn như đất, không khởi lên sự oán hận, như vậy gọi là nhẫn.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Thế nào là sân hận?

Nữ đáp:

–Sân hận có thể làm tiêu tan các nghiệp lành đã tạo từ trăm ngàn kiếp. Như vậy gọi là sân hận.

Lại hỏi:

–Thế nào là chẳng phải sân hận?

Nữ đáp:

–Ai đối với tất cả cảnh giới của phiền não mà không bị chướng ngại, gọi là không sân hận.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Bồ-tát làm sao vượt được các việc tranh luận?

Nữ đáp:

–Bồ-tát đối với tất cả pháp, không có chỗ phân biệt, cũng không có chỗ để đạt. Như vậy gọi là vượt được các việc tranh luận.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Bồ-tát làm sao xa lìa được ma oán?

Nữ đáp:

–Bồ-tát tuy hiện ra để thực hành ma nghiệp, mà không bị dính mắc. Như vậy gọi là xa lìa ma oán. Vì sao? Bồ-tát, tuy đang sống trong năm ấm phiền não; nhưng không hòa hợp với năm ấm phiền não. Thể tánh không bị ô nhiễm. Bồ-tát, tuy đang sống trong sinh tử, để giáo hóa chúng sinh; nhưng biết tất cả pháp là không đi, không đến. Tuy vì chúng sinh nói thiên ma đạo, nhưng đối với Nhất thiết trí tự thân xa lìa ngã và ngã sở.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Bồ-tát làm sao giáo hóa chúng sinh?

Nữ đáp:

–Bồ-tát nên tu phương tiện Bát-nhã ba-la-mật, là có thể giáo hóa chúng sinh.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Bồ-tát làm thế nào an trụ được tất cả chúng sinh?

Nữ đáp:

–Như Bồ-tát tự an trụ trong trí, tất cả chúng sinh cũng như vậy mà an trụ.

Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Này cô gái, hết thảy mọi người nghe cô thuyết pháp, tâm đều sinh vui thích, yêu mến và cung kính cô.

Nữ nói:

–Thưa Văn-thù-sư-lợi! Không nên cung kính, cúng dường như vậy. Cúng dường như vậy, không gọi là cúng dường. Vì sao? Vì nếu thấy thân mình, thân người và thấy có pháp mà có thể nói, thì không được gọi là cúng dường. Nếu không thấy thân mình, thân người và không thấy có pháp; thì gọi là cúng dường. Như vậy, không nghe, không chấp trước; thì gọi là nghe pháp, cũng gọi là cúng dường.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Thế nào là pháp cúng dường?

Nữ đáp:

–Nếu xem thân như mộng, người nói như huyễn, pháp được nghe tiếng vang. Như vậy, tin rồi, không tạo hai loại giải thoát, thì được gọi là pháp cúng dường.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Thế nào là nghe pháp?

Nữ đáp:

–Cứ như nói mà tu hành, gọi là nghe pháp.

Nhờ sức thần thông của Văn-thù-sư-lợi, lại dùng sức trí tuệ, căn lành đời quá khứ của chính mình, Kim Sắc nữ thuyết pháp đúng như pháp, cho những người kia.

Khi Kim Sắc nữ thuyết pháp này, trong đại chúng có ức ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có các chúng trời, người, đã trồng căn lành sâu xa từ đời trước, số người ấy nhiều đến năm trăm người, đạt được Vô sinh pháp nhẫn, ba vạn ba ngàn trời, người xa lìa bụi nhơ cõi trần, đạt được mắt pháp trong sạch.

Thắng Kim Sắc nữ tâm trong sạch, vui mừng, đắc được pháp Thuận nhẫn. Đạt được pháp Thuận nhẫn rồi, Kim Sắc nữ liền đảnh lễ sát chân Văn-thù-sư-lợi và sinh lòng hổ thẹn sâu sắc, đối với thân mình, cô nói:

–Con đối với chánh pháp giống như người chết, xin hãy rủ lòng lành thương xót, cho phép con xuất gia.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Bồ-tát xuất gia, chẳng phải tự mình cắt tóc mà gọi là xuất gia. Vì sao? Vì nếu phát lòng đại tinh tấn, thì trừ được tất cả phiền não của chúng sinh. Gọi đó là Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia, chẳng phải do tự mình đắp y gọi là xuất gia. Phải siêng năng, đoạn trừ ba độc, làm ô nhiễm tâm của chúng sinh, mới gọi là xuất gia.

Chẳng phải tự thọ trì giới hạnh, gọi là xuất gia, mà có thể làm cho người phá hủy cấm giới, an trụ trong tịnh giới, mới gọi là xuất gia.

Chẳng phải một mình, ngồi ở nơi chùa vắng, suy nghĩ, mà gọi là xuất gia, đối với nữ sắc, lưu chuyển trong sinh tử, phải biết dùng tuệ phương tiện để giáo hóa, làm cho giải thoát, mới được gọi là xuất gia.

Không phải tự thân, giữ gìn luật nghi mà gọi là xuất gia. Nếu phát khởi bốn Vô lượng tâm rộng rãi, làm an ổn chúng sinh, thì được gọi là xuất gia.

Chẳng phải tự thân, tu hành pháp lành mà gọi là xuất gia. Hay làm cho chúng sinh tăng trưởng căn lành mới được gọi là xuất gia.

Chẳng phải được vào Niết-bàn, gọi là xuất gia, mà vì muốn an ổn cho tất cả chúng sinh vào đại Niết-bàn, đó mới gọi là xuất gia.

Chẳng phải tự mình trừ được các phiền não, thì gọi là xuất gia; mà phải siêng năng đoạn trừ tất cả phiền não của chúng sinh, đó mới được gọi là xuất gia.

Chẳng phải tự giữ gìn thân tâm của chính mình, thì gọi là xuất gia, mà phải giữ gìn thân tâm cho tất cả chúng sinh, đó mới gọi là xuất gia.

Chẳng phải tự cởi bỏ phiền não ràng buộc trong thân tâm của mình, thì gọi là xuất gia, mà phải vì sự cởi bỏ phiền não trói buộc trong thân tâm của tất cả chúng sinh, đó mới được gọi là xuất gia.

Chẳng phải tự mình biết sợ hãi sinh tử, để được giải thoát, thì gọi là xuất gia, mà có thể trừ được tất cả sự sợ hãi sinh tử của chúng sinh, làm cho họ được giải thoát, đó mới gọi là xuất gia.

Chẳng phải tự mình vui với Niết-bàn thì gọi là xuất gia, mà phải chuyên cần tu hành tinh tấn, làm cho chúng sinh đầy đủ tất cả Phật pháp, đó mới được gọi là xuất gia.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này cô gái! Người xuất gia, là khởi lòng Từ bi đối với tất cả chúng sinh, thì mới gọi là xuất gia. Xuất gia, nghĩa là không thấy tất cả chúng sinh xấu xa, cũng không chấp giữ lấy tướng, đó là xuất gia. Xuất gia, là không nêu ra tội của người khác, giáo hóa người biết hổ thẹn, khiến họ sám hối, đó là xuất gia. Này cô gái! Người xuất gia khó khăn là vì lệ thuộc người khác; Bồ-tát không như vậy, thân tâm tự tại, nên không có sự lệ thuộc.

Nữ hỏi:

–Tại sao xuất gia lại gọi là lệ thuộc?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người phụ thuộc vào giới, gọi là xuất gia. Người phá giới, không được gọi là xuất gia. Người phụ thuộc thiền định, gọi là xuất gia; người loạn tâm, không được gọi là xuất gia. Phụ thuộc vào trí tuệ, thì gọi là xuất gia, ngu si không được gọi là xuất gia. (Người) phụ thuộc giải thoát, gọi là xuất gia, xa lìa giải thoát, không gọi là xuất gia.

Nữ hỏi:

–Văn-thù-sư-lợi! Tại sao Bồ-tát gọi là không phụ thuộc?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bồ-tát, bên trong tự mình chứng ngộ được pháp, chứ không từ nơi sự học kia, nên gọi là không phụ thuộc. Vì sao? Vì Bồ-tát đối với Nhất thiết trí, tự mình mở ra mà hiểu.

Khi Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp xuất gia này, có năm trăm Bồ-tát tâm sinh vui vẻ, cởi bỏ y phục và chuỗi ngọc trên thân, dâng lên Văn-thù-sư-lợi và khen ngợi:

–Hay thay, hay thay! Nói pháp này, thật sướng thích, ta nên tu hành theo.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bảo Kim Sắc nữ:

–Người có thể lên xe, giáo hóa cho con của Trưởng giả là Thượng Oai Đức. Nếu có thể giáo hóa được con của trưởng giả này, thì mới được gọi là xuất gia.

Khi Văn-thù-sư-lợi nói lời này xong, tất cả đại chúng đều kinh ngạc, nghĩ: "Người con gái này, nay đã lìa bỏ tham dục, vì sao lại sai đến gặp người tham dục?".

Biết ý nghi ngờ của đại chúng, Kim Sắc Nữ nói:

–Bồ-tát xa lìa tham dục, dù vậy, vẫn thường gần với người tham dục để giáo hóa, làm cho họ xa lìa điều ác. Bồ-tát tự mình đã xa lìa sân si, dù có ở chung với người đầy đủ sân si để giáo hóa, cũng không có gì gọi là xấu. Bồ-tát tự mình đã xa lìa phiền não, tuy có gần với người nhiều phiền não mà để giáo hóa họ, thì đó cũng là cách xa lìa điều ác. Ví như mẹ con cùng ở chung, nhưng đâu có sự tham nhiễm. Bồ-tát xa lìa sự tham dục, cũng lại như vậy, gần với người tham dục, cũng không nhiễm cái tham ấy. Ví như kẻ không có nam căn ở chung với con gái thì cũng không có tham nhiễm. Như vậy, Bồ-tát xa lìa ba cõi, dù ở trong cõi Dục cũng không có tâm dục.

Khi đã biết rõ ác pháp phiền não sinh tử, đứng vững nơi ngằn mé của ly dục, Kim Sắc nữ liền đạt được ánh sáng ly dục, trừ được bóng tối tham dục, liền cúi đầu, đảnh lễ Văn-thù-sư-lợi, đi nhiễu bên phải ba vòng, nàng nói kệ, trước khi lên xe:

Con đang lên xe, lìa ba độc
Thể tánh trong sạch không tham nhiễm
Xa lìa sân hận phát lòng lành
Diệt ngu si để được trí tuệ.
Bỏ ham dò xét con trong sạch
Nay sẽ lên xe, đi đến rừng
Trước, con vì tham, tâm mê muội

Đam mê tài sắc, không biết rõ.
Giống như mây lớn che ánh nắng
Nên mặt đất không được chiếu tỏ
Ánh sáng kia, không đến, không đi
Bị mây lớn che, nên không hiện.
Như chúng sinh bị phiền não lấp
Trí trong sạch không, sáng rõ được
Trí kia, không đến, cũng không đi
Biết phiền não rồi, trí sáng ra.
Cũng chẳng phải từ nơi khác đến
Hiểu biết xấu, nên phiền não sinh
Hiểu biết trong sáng, phiền não diệt
Không chấp, cũng không xả, danh, sắc.
Cũng lại không sinh, cũng không diệt
Không đem cho, cũng không giữ lấy
Pháp vị như vậy, rất trong sạch
Giống như đèn sáng, trừ bóng tối.
Bóng tối kia, không đến, không đi
Như vậy, trí tuệ lìa phiền não
Phiền não không đi, cũng không đến
Cũng không sinh và cũng không diệt.
Như thầy thuốc giỏi chữa các bệnh
Trừ cả bệnh lạ, bệnh không sinh
Nhưng không trị được đất, lửa, gió
Văn-thù đúng là thầy thuốc lớn.
Trị bệnh phiền não cho chúng sinh
Trí tuệ, nhân duyên, không phiền não
Phiền não không đi, pháp không mất
Thân con đây, có đủ năm ấm
Và mười tám giới, mười hai nhập
Con trước kia chứa đầy phiền não
Nay đã xa lìa, được sạch trong.

Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp giáo hóa cho đại chúng xong rồi, đại chúng rất là vui mừng. Văn-thù-sư-lợi lại nói:

–Lành thay, lành thay! Đại chúng đã hết lòng nghe pháp.

Khi đã khen ngợi rồi, ở giữa đại chúng, ngài nói:

–Hôm nay ta sẽ đi đến chỗ Như Lai. Đại chúng muốn nghe pháp, thì

nên đến chỗ Đức Phật.

Nói xong, Văn-thù-sư-lợi và các đại chúng, đều trở về chỗ của mình. Khi ấy, Thắng Kim Sắc nữ cùng với tám mươi cô gái theo hầu vây quanh trước sau và cả con của trưởng giả cùng nhau lên xe báu, đi đến vườn. Đến nơi, họ bày ra đủ các loại lọng báu, cờ phướn, hương, hoa, chuỗi ngọc, cùng trăm thứ hương, đốt khắp rừng cây, để làm vui, ca hát, nhảy múa, vui đùa. Lại còn bày ra đủ các thứ thức ăn, thức uống ngon ngọt.

Bấy giờ, Thắng Kim Sắc nữ gối đầu lên đầu gối của con trưởng giả là Thượng Oai Đức, ngủ. Nàng liền dùng thần lực, biến thành thây chết trên chỗ nằm, phình trương, hôi thối, khó có thể đến gần. Chốc lát, gan ruột phanh ra, ngũ tạng lộ liễu, mùi hôi thối đáng ghét, đường đại tiểu tiện chảy tràn thứ nước bẩn. Trong mắt, tai, mũi và các phần khác trên thân cũng như tất cả các lỗ chân lông đều có máu mủ chảy tràn, miệng toát ra mùi hôi thối, mùi phình trướng hôi thối lan khắp khu rừng, xương đầu lâu bể ra, não văng khắp nơi, tay, chân, gân cốt, rã rời đầy khắp; ruồi xanh, giòi bọ rúc rỉa. Các thứ mùi hôi thối, nhơ nhớp đáng ghét, không thể kể hết.

Lúc thấy thây chết này, con của trưởng giả vô cùng sợ hãi, lông trên thân dựng ngược lên và suy nghĩ: "Ta đang ở đây, đối với thây chết này không thể cứu giúp, không thể nương tựa". Xem khắp bốn phương, không biết nương dựa vào ai, càng thêm sợ hãi, con của trưởng giả kêu la hãi hùng. Con của trưởng giả vì hai lý do mà sinh sợ hãi lớn:

Một là, vốn chưa từng thấy việc đáng sợ hãi đến như vậy; hai là, mọi người đều biết ta và cô gái kia, cùng đi đến chỗ này, mà nay bỗng nhiên cô chết, cho rằng ta giết, sợ vua A-xà-thế không xét rõ sự thật, có thể bị giết oan!

Lúc này, con của trưởng giả một mình ở trong rừng, chung quanh không thấy một người nào, lại tự nghĩ: "Ta đang sợ hãi. Hỡi các Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Rồng, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… ai là người có thể cứu ta?!"

Con của trưởng giả kia, dù căn lành đời trước chín muồi, nhưng vì không nghe thấy những pháp của Văn-thù-sư-lợi và Kim Sắc nữ đã nói, nên mới quá sợ hãi như vậy. Văn-thù-sư-lợi thấy vậy, liền dùng thần lực, làm cho các cây rừng đều nói kệ:

Thể tánh của các pháp
Như con trưởng giả thấy
Ba cõi đều giả dối
Như huyễn, đều không thật.

Da che sự xấu bẩn
Phàm phu không hổ thẹn
Do vì hiểu biết xấu
Vọng tưởng sinh tham đắm.
Ví như bình đầy phân
Trang trí đẹp bên ngoài
Người ngu si không biết
Đội lên đầu mà đi.
Bình rơi, liền bể tan
Vật dơ bẩn tràn khắp
Mùi hôi thối khó gần
Hối hận muốn lìa bỏ.
Như vậy, các phàm phu
Qua phân biệt nữ sắc
Thấy dài, ngắn, trắng, đỏ
Ưa nhiễm các biết xấu.
Nếu thấy thật tánh thân
Thân ngươi cũng như vậy
Ai thật thấy có người
Lại tham đắm thây thối.
Ngươi nay, không nên sợ
Pháp này, thể tánh không
Tất cả chẳng chân thật
Ngươi trước đã tham đắm.
Sao nay lại sợ hãi
Thích-ca Văn Đạo sư
Ban an vui cho ngươi
Trong lời pháp cao cả.
Nói các dục: Vô thường
Như sương mù, điện chớp
Năm dục: Dối, không thật
Người trí nào tham đắm.
Như gió kích động nước
Làm bọt nước nổi lên
Chúng không thật tạo ra
Mà chỉ do nhân duyên.
Hòa hợp rồi sinh ra
Như vậy pháp danh sắc

Cũng không thật tạo ra
Do nghiệp lực không mất.
Các pháp hòa hợp sinh
Sắc đẹp, đã từng thấy
Nay đã đi đâu rồi!
Sắc xấu từ đâu lại.
Mà sinh lòng hoảng sợ?
Pháp không có chỗ dừng
Cũng không nơi khác đến
Không đi đến vị lai.
Do tập khởi nên thấy
Trong ấy không người tạo
Cũng không người nhận lấy
Xa lìa pháp tác thọ.
Như huyễn, không, không thật
Ngươi với thân người kia
Không nên sinh sợ hãi
Nếu tự mình xem xét.
Thân ngươi cũng như vậy
Như sướng vui trong mộng
Rất hớn hở, sung sướng
Người thức, đắm dục lạc.
Cũng như mộng, không khác
Ngươi sợ, không dám bỏ
Cũng không người an ủi
Ngươi nay nên mau đến.
Chỗ Đại sư Như Lai
Nỗi sợ lớn của ngươi
Chẳng cha mẹ, họ hàng
Hay bậc trí, cứu được!
Chỉ có Phật, Thế Tôn
Nhổ trừ được gốc rễ
Đem vui, cho người sợ
Và giúp người không giúp.
Ngươi nên quy y Phật
Cùng Pháp, Tăng thù thắng
Nếu có các trời, rồng
Quy y với Thế Tôn

Sợ hãi đều giải thoát
Mau được thân trời, người.

Khi con của trưởng giả là Thượng Oai Đức, nghe bài kệ này rồi, lòng tự cảm thấy vô cùng sung sướng hớn hở không gì tả được; liền bỏ thây người chết đi ra khỏi rừng. Khi ấy, ở nơi đỉnh núi Kỳ-xà-quật, Phật biết Thượng Oai Đức căn lành đã thành thục, có thể lãnh nhận sự giáo hóa, liền phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp nước Ma-già-đà. Trong ánh sáng đó, từ xa, con của trưởng giả, trông thấy thân Phật như mặt trời hiện ra, có đủ mọi người vây quanh nghe nói pháp.

Thấy như vậy rồi, một lòng nhớ nghĩ Phật, con của trưởng giả bỗng nhiên lại thấy con đường làm bằng bảy báu, có lan can hai bên, trải dài đến chỗ Phật. Lại thấy các thứ hoa rất đẹp, rải khắp các ngã đường. Khi ấy, con của trưởng giả muốn tìm đường để đến chỗ Phật. Vừa cất bước, Thích Đề-hoàn Nhân liền chặn lại, đứng ngang giữa đường, nói:

–Này con của trưởng giả, nhà ngươi muốn đến gặp Phật, để nhận lãnh điều lợi lành lớn, Phật cũng sẽ thương xót cho ngươi. Ta phải cùng với ngươi đến chỗ Phật.

Con của trưởng giả, cùng với Đế Thích liền đi đến chỗ Phật. Đến nơi rồi, Đế Thích vạch vạt áo, lấy hoa Mạn-đà-la đưa cho con của trưởng giả để dâng lên Đức Phật. Khi nhận hoa trời rồi, con trưởng giả phát lòng vui vẻ, đem dâng hoa lên Đức Phật, cúi đầu làm lễ và đi nhiễu bên phải ba vòng, rồi đứng qua một bên, mà bạch Phật:

–Con nay hết lòng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Ba lần quy y rồi, con của trưởng giả nghĩ: "Nhờ các loại công đức và căn lành này, nguyện đời sau được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Rồi con của trưởng giả lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mọi người đều biết, với cô Kim Sắc nữ này, con đã vì lòng ham muốn, dùng tiền của, cùng cô ta định vào rừng tìm những vui thú. Đến khu rừng, cô ta gối lên đầu gối con mà nằm và bỗng nhiên chết đi, chốc lát thối nát, tan hoại, hôi thối, đáng sợ. Những người thân thuộc đều bỏ con đi, không người nào nhìn lại. Con sợ vua A-xà-thế biết người con gái này chết, cho rằng con giết, rồi giết oan con, nên con rất là sợ hãi!

Khi ấy, Phật bảo con của trưởng giả:

–Ngươi chớ nên lo rầu, sợ hãi. Ta sẽ ban cho ngươi tất cả sự không biết sợ. Này con của trưởng giả! Ngươi đã quy y Phật rồi, thì không còn sợ hãi ở bất cứ chỗ nào nữa.

Phật bảo:

–Ngươi nên dứt bỏ lý do sợ hãi.

Con của trưởng giả bạch Phật:

–Tất cả sợ hãi từ đâu sinh ra?

Phật nói:

–Sợ hãi từ nhân duyên tham, sân, si sinh ra. Từ những nhân duyên thấy được ở thân, mà sợ hãi sinh ra. Từ nhân duyên thấy cái xấu ác mà sợ hãi sinh. Từ nhân duyên thèm khát yêu thương, mà sợ hãi sinh ra. Từ những nhân duyên ngã, ngã sở, dính mắc ôm giữ, đấu tranh, tham đắm, tự thân trói buộc mà sợ hãi phát sinh. Ở trong vô thường lại tưởng là thường, nên sợ hãi sinh ra. Ở trong pháp khổ mà sinh tưởng vui, cho nên sinh ra sợ hãi. Ở trong cái không sạch mà cứ tưởng rằng sạch nên sinh ra sợ hãi. Ở trong không ngã sinh tưởng ngã, nên sinh ra sợ hãi. Do dính mắc vào nhân duyên của năm ấm, mà sợ hãi sinh ra. Do không quán mười hai nhập, mà sợ hãi sinh ra. Do không quán mười tám giới, mà sợ hãi sinh ra. Do không thấy ác báo ở đời sau, mà sợ hãi sinh ra. Do không thấy nhân duyên trong ngoài của thân, mà sợ hãi sinh ra. Do ưa thích tuổi sống còn của thân mạng, mà sợ hãi sinh ra. Này con của trưởng giả! Như vậy, do các nhân duyên trên, nên tất cả sợ hãi phát sinh. Các việc như vậy, ngươi nên xả bỏ.

Phật lại bảo:

–Ngươi có thấy các sự xấu xa trên thân cô gái này không?

Con của trưởng giả đáp:

–Thưa Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật nói:

–Như vậy, tất cả pháp là vô thường, biến hoại, khổ, không, không thật, chỉ là hư dối. Người ngu si không biết, đó là do nghiệp duyên sinh ra. Sắc tướng nên xa lìa, vì nó như huyễn, không thật. Như sự vui vẻ trong mộng, không phải là sự vui vẻ thật. Như khi trời nắng, sóng nắng bốc lên, chẳng phải nước mà tưởng là nước. Cũng như bóng nước phản chiếu trên tường, nước động thì bóng trên tường động, thật ra không có xao động. Như hình ảnh trong gương, đều do nghiệp lực sinh ra. Như trăng trong nước, nước lặng thì trăng hiện ra, trăng không có thật. Như tiếng vang là do âm thanh phát sinh bị dội lại, không thể nói là có thật. Như cái bóng, không thể hoạt động được. Như thể tánh là huyễn, là không vậy. Như tánh của gió là không thể nắm bắt được… Như vậy, tất cả pháp đều là rỗng, là giả tạm, không thật, không tăng, không giảm. Như vậy, này con của trưởng

giả! Nên biết, tất cả pháp không có chủ, không ai tạo ra, không có người nhận. Ngươi, trước đây muốn hiểu biết, nay sao lại ở đây?

Con của trưởng giả đáp:

–Những gì thấy ở đây: Dài, ngắn, sắc đẹp, … là do nhân duyên từ cái biết xấu. Kẻ phàm phu dính mắc vào; đối với Thánh pháp không phải việc như vậy. Trong pháp của Thánh nhân, chỉ xem là không sạch, như thật thấy, xa lìa cái biết xấu, tham, sân, si dứt sạch.

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Này con của trưởng giả! Thấy được tánh tham nên xa lìa sự thấy hiểu (dò xét) xấu. Xa lìa sự dò xét xấu nên tham, sân, si dứt sạch. Vì vậy, ngươi nên phát lòng trong sạch, tu hạnh phương tiện, phát khởi nghiệp trí tuệ đối với tất cả cảnh, xa lìa sự tham đắm vào thân mình và mê đắm thân người khác.

Con của trưởng giả nói:

–Bồ-tát làm thế nào để phát lòng trong sạch, thực hành hạnh trí tuệ?

Phật bảo:

–Này con của trưởng giả! Bồ-tát phải cầu Bồ-đề ở trong thể tánh tham. Như vậy, cũng cầu Bồ-đề trong thể tánh sân, si. Cũng cầu Bồ-đề trong thể tánh tất cả phiền não. Như vậy, thể tánh của tất cả phiền não, tham, sân, si… là không, là không có vật gì. Bồ-tát phát sinh hạnh trí tuệ, đối với tất cả pháp. Vì thế, này con của trưởng giả! Thể tánh của tham, sân, si không có gốc rễ, cũng không có chỗ trụ, cũng không có chủ, không có ai tạo ra, trong ngoài trong sạch, hoàn toàn không có sở hữu; không có ngã, không có chúng sinh, không có thọ mạng; xa lìa người, không có tướng, xa lìa sự dò xét xấu, nên không có ước mong, xa lìa khát ái và sự nắm giữ. Như vậy, thể tánh của tham, sân, si là không sinh. Bồ-tát phát sinh hạnh trí tuệ đối với tất cả pháp.

Lại nữa, này con của trưởng giả! Trong sạch phan duyên với phương tiện hạnh. Bồ-tát, đối với tất cả tâm pháp của chúng sinh, đều có Bồ-đề. Vì sao? Vì tâm Bồ-tát không có sắc, xa lìa sắc, xa lìa phân biệt. Thể tánh như huyễn, đây và kia; trong và ngoài không có sự tiếp nối. Đấy gọi là Bồ-đề.

Lại nữa, này con của trưởng giả! Bồ-tát không nên biết các việc khác, chỉ biết tâm mình. Vì sao? Vì hiểu biết tâm mình, là hiểu biết tâm của tất cả chúng sinh. Nếu tâm mình trong sạch, tức là tâm của chúng sinh trong sạch. Như thể tánh của tâm mình, tức là thể tánh của tâm chúng sinh. Tâm mình xa lìa bụi nhơ cõi trần, tức tâm chúng sinh cũng xa lìa bụi trần nhơ bẩn. Tâm mình xa lìa tham, tức là tâm tất cả chúng sinh cũng xa lìa tham.

Tâm mình xa lìa sân hận, tức là tâm tất cả chúng sinh cũng xa lìa sân hận. Tâm mình xa lìa si mê, tức là tâm của tất cả chúng sinh cũng xa lìa si mê. Tâm mình xa lìa phiền não, tức là tâm tất cả chúng sinh cũng xa lìa phiền não. Hiểu biết như thế này, gọi là Nhất thiết trí tri giác. Như vậy, trong sạch duyên với phương tiện hạnh. Bồ-tát có thể biết thể tánh của phiền não, làm ô nhiễm tâm tất cả chúng sinh. Như có thuyết nói: Khách trần phiền não liên tục làm nhiễm ố tâm. Bồ-tát tìm thấy các pháp phương tiện, đối với chúng sinh kia, để khéo giáo hóa, để không có não loạn. Nếu chúng sinh kia, mà hiểu biết được khách trần phiền não, thì khách trần phiền não không thể làm ô nhiễm chúng sinh được.

Phật thuyết pháp này rồi, con của trưởng giả đạt được pháp Thuận nhẫn. Khi biết con của trưởng giả đã nhận sự giáo hóa rồi; Kim Sắc nữ đem đến năm trăm xe ngựa, vây quanh trước sau, tấu lên các loại âm nhạc và đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, nàng xuống xe, lạy ba lạy, đi nhiễu bên phải ba vòng, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi hỏi con của trưởng giả:

–Ngươi đã hiểu rõ cô gái này chưa?

Con của trưởng giả đáp:

–Con thực sự đã hiểu rõ cô gái này.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Làm thế nào ngươi hiểu rõ được?

Con của trưởng giả, hướng về Văn-thù-sư-lợi mà nói kệ trả lời:

Thấy sắc như bọt nước
Các thọ như bong bóng
Xem tưởng như ánh nắng
Con hiểu được như vậy.
Xem hành như thân chuối
Biết thức như huyễn hóa
Tên cô, giả đặt ra
Con hiểu được như vậy.
Thân không hiểu như cây
Cũng như cỏ, đá sỏi
Tâm không thể thấy được
Con hiểu ra như vậy.
Chẳng ngã, chẳng chúng sinh
Chẳng thọ, chẳng hữu tình
Mười tám giới liên tục

Con hiểu được như vậy.
Trong ấy chẳng tham, sân
Cũng lại chẳng ngu si
Chẳng nhiễm, chẳng trong sạch
Con biết được như vậy.
Phàm phu như kẻ say
Sinh hiểu biết điên đảo
Người trí không bị nhiễm
Con hiểu được như vậy.
Như thây chết trong rừng
Hôi thối, bẩn, không sạch
Thể tánh thân như vậy
Như thế con hiểu được.
Quá khứ vốn không mất
Vị lai cũng không sinh
Hiện tại không tạm dừng
Con hiểu được như vậy.
Văn-thù xin lắng nghe
Ân đó khó đáp đền
Con vốn nhiều ham muốn
Thấy bẩn, muốn trốn bỏ
Thân kia thật không chết
Vì dạy con hiện chết
Thương người bày ra vậy
Ai thấy chẳng phát tâm
Như vậy tham, sân, si
Và tất cả phiền não
Thể tánh pháp là vậy
Lành thay! Thật nhiệm mầu!

Khi ấy, Như Lai mỉm cười, trên khuôn mặt, phát ra sắc sáng, chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Chiếu sáng rồi thâu lại, nhập vào đỉnh đầu. Thấy ánh sáng ấy, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi, đứng dậy, vạch vai áo bên phải, đảnh lễ Đức Phật, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, hướng Phật, khen ngợi:

–Lành thay, Thế Tôn! Do nhân duyên gì Thế Tôn mỉm cười? Chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đã hiện mỉm cười chẳng phải không lý do!

Phật bảo A-nan:

–Ông có thấy cô Kim Sắc nữ này không?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật bảo A-nan:

–Kim Sắc Nữ này đời quá khứ đã được Văn-thù-sư-lợi giáo hóa, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nay cũng lại ở chỗ Văn-thù-sư-lợi nghe giảng pháp và đắc được pháp Thuận nhẫn.

Phật bảo A-nan:

–Ông có thấy Thượng Oai Đức, con của trưởng giả không?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật bảo A-nan:

–Người con của trưởng giả này, đời quá khứ, từng được ta giáo hóa, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay cũng lại ở nơi chỗ ta, nghe thuyết pháp và đắc được pháp Thuận nhẫn. A-nan! Thắng Kim Sắc Nữ này, hơn chín mươi trăm ngàn kiếp về sâu sẽ thành Phật, hiệu là Bảo Quang Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, thọ mạng vô lượng. Thế giới của Đức Phật này, gọi là Bảo đức sát, kiếp tên là Lạc sinh. Cô gái này, trong tương lai khi thành Phật, chúng sinh ở trong nước của cô ấy, áo quần, thực phẩm, đời sống, thân sắc, đều như các vua trời ở trời Đao-lợi, không khác. Thế giới của Phật này, không có hàng Thanh văn và Bích-chi-phật, thuần nhất một ngôi là Đại thừa Bồ-tát. Khi Bảo Quang Như Lai kia thành Phật, người con của trưởng giả này mang thân Bồ-tát, gọi là Đức Quang, giữ gìn tạng Phật pháp của Bảo Quang Như Lai. Khi Bảo Quang Như Lai sắp nhập Niết- bàn, sẽ thọ ký Bồ-đề cho Đức Quang Bồ-tát và bảo các đại chúng rằng:

–Sau khi ta diệt độ, pháp của ta diệt rồi, Đức Quang Bồ-tát sẽ thành Phật, hiệu là Bảo Viêm Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Khi Như Lai, thọ ký cho hai người rồi, thì tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, áng sáng lớn phóng khắp tất cả mười phương thế giới. Khi Phật nói pháp thọ ký này, có tám ngàn người, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì?

Phật bảo:

–Kinh này gọi là kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn. Cứ như vậy mà thọ trì. Kinh này cũng gọi là kinh Văn-thù-sư-lợi Thần Thông Phấn Tấn Lực. Cũng gọi là kinh Thắng Kim Sắc Quang Minh Đức Nữ Giáo Hóa.

Phật nói kinh này rồi, Tôn giả A-nan, Thắng Kim Sắc nữ, con của Trưởng giả, Văn-thù-sư-lợi và Người, Trời, A-tu-la… tất cả đại chúng sinh đều vui vẻ thọ lãnh để tu hành.

-oOo-

SỐ 819

PHẬT THUYẾT PHÁP THƯỜNG TRỤ KINH

Hán dịch: Mất tên người dịch.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, trong rừng cây Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Pháp luôn luôn tồn tại, dù có Phật hay không có Phật, Pháp vẫn trụ như vậy. Như Lai Chí Chân xuất hiện ở đời để giảng nói trình bày, phân tích, các nghĩa lý sâu xa mà đạt đến trí tuệ. Chuẩn đích ở hàng Tiểu thừa là nói về bốn lý đúng đắn: Khổ, Tập, Tận, Đạo. Sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, chết khổ, cầu không được thì khổ. Nói tóm lại, hễ có ấm thì thân khổ. Nếu không có thân, làm sao có hoạn nạn. Đấy là Khổ đế.

Mắt tham nơi sắc, tai, mũi, thân, miệng, ý cũng lại như vậy. Do nhân duyên này tạo thành sáu suy; từ đó, nhiều đến vô số kiếp sâu xa, mới thấy rõ thật sự điều đó; biết là do tập khí xấu, không có ích gì cho thân. Do giữ gìn những việc làm của thân, đề phòng mười điều ác nơi tâm miệng, nên nhổ sạch được gốc rễ của mười hai nhân duyên, diệt trừ ba độc. Rồi từ: Không, Vô tướng, Vô nguyện mà thành La-hán. Biết rõ sự liên kết, vướng mắc, của mười hai nhân duyên, đoạn trừ nguồn gốc thì thành Duyên giác. Hiểu rõ thân vốn không, thực hành Lục độ không cùng tận, thực hiện bốn Đẳng, bốn Ân, ba mươi bảy pháp Phẩm trợ đạo, không nhờ vào tùy quán, Không, Vô tướng, Vô nguyện thì không thể chứng đắc. Dùng sáu thần thông quyền biến khéo léo để cứu giúp sự nguy ách. Đem tâm bình đẳng, đối với tất cả chúng sinh, không vì mến mộ hay thân sơ, nên gọi là Bồ-tát. Đạt đến địa vị không thoái lui, nên thành đạo Vô thượng chánh chân, là bậc Tối chánh giác, độ thoát khắp cả mười phương, nên gọi là đạo pháp Phật.

Sự tồn tại của hành, phải hòa hợp, không bên này, không bên kia. Giống như các dòng nước, khi chưa chảy đến biển, mỗi dòng đều có tên riêng. Vì sự hòa hợp nơi biển, nên không còn tên riêng. Đạo đức mà được như vậy, thì cùng một Pháp thân với chư Phật ba đời, hành sẽ hợp với đạo. Do vì chúng sinh mà phân biệt, giảng nói ấm suy thì các nhập và mười hai

móc xích đều là tật bệnh. Các Độ không cùng, bốn Đẳng, bốn Ân đều là thuốc pháp lớn, trị được bệnh chúng sinh. Trong suốt như hư không, sáng rực hơn mặt trời, oai đức hơn núi Tu-di. Thần thánh cao vời cũng không thể chê bai. Những tội lỗi tiêu diệt, không còn mắc các khổ não nữa. Đem lòng lành và sự thương xót lớn độ thoát khắp mười phương.

Khi Phật giảng nói như vậy, chúng Tỳ-kheo các lậu đều dứt sạch, tâm được giải thoát. Vô số Bồ-tát chứng đắc Vô sở tùng sinh pháp nhẫn. Khi nghe Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo và Bồ-tát, cùng Trời, Rồng, Thần đều vui vẻ thọ nhận tu hành.

-oOo-

SỐ 820

PHẬT THUYẾT DIỄN ĐẠO TỤC NGHIỆP KINH

Hán dịch: Khất Phục Tần,
Sa-môn Thích Thánh Kiên.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, vô số Bồ-tát, bốn chúng đệ tử, Trời, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-luân hội họp tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, Cấp Cô Độc cùng với năm trăm cư sĩ, ra khỏi thành Xá-vệ, đến thẳng chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân, ngồi một bên, chắp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cư sĩ quản lý gia nghiệp, tài sản, có bao nhiêu loại? Người xuất gia tu đạo, hành động giống hay khác? Phải phụng trì pháp gì để mau thành đạo Vô thượng chánh chân? Lại dùng pháp gì để giáo hóa chúng sinh?

Phật bảo:

–Lành thay! Khéo hỏi. Ta sẽ chỉ bày điều mông muội này để người đời sau học và thi hành. Tài sản có ba loại:

1. Hạ tài.

2. Trung tài.

3. Thượng tài.

Sao gọi là hạ tài?

Có người, quản lý của cải, tích chứa tiền tài, không dám ăn mặc, không chịu tu tập kinh điển, giới luật; không hiếu thuận cúng dường song thân, không thích cung cấp đầy đủ cho vợ con đúng lúc, cho ăn bữa đói bữa no. Người ở thì áo không đủ che thân, cơm không đủ no bụng. Ôm lòng keo kiệt, tiếc của như ong yêu thích mật, không tin bậc Tiên thánh, không thờ phụng bậc Cao sĩ, Sa-môn, Đạo nhân. Không thích bố thí để tạo phước gây đức. Tâm tự cho là thường, không nghĩ suy cho tận cùng. Hợp rồi ắt tan, họa phước tự theo, tham luyến thân thể, không hiểu nó là gốc của phiền não, giây lát chìm đắm vào cửa địa ngục. Thân này sống được nhờ thức ăn,

bốn đại khi mạnh khi yếu, thần thức tạm nương vào thân, chỉ là giả danh. Suy nhược, huyễn hóa, mong manh, không kiên cố, không hiểu vô thường, chạy theo sự vinh quang của thế gian. Vạn nỗi sầu lo, ôm chặt trong lòng, lại gọi là sống lâu. Tâm chấp tôi ta, không thấu đạt nghĩa không, ba cõi còn hư ảo, huống chi người và vật. Miệt mài mê hoặc với tham lam, dâm dục, ganh ghét. Đó là hành động của những người hạ tài.

Phụng dưỡng cha mẹ, với tâm hòa hiếu, an vui, lời nói qua lại, sắc mặt không đổi, sớm tối thăm hầu, thận trọng từng tí, nhớ nghĩ công ân cha mẹ vô cùng lớn lao. Nuôi dưỡng vợ con ăn mặc đúng thời, ân tình qua lại cùng nhau đằm thắm. Vợ con như vậy, trọn không có hành động riêng tư. Coi nô tỳ như quyến thuộc, không để người làm phải đói khổ. Nhưng không tin chết rồi sinh trở lại, cho rằng đã chết là hết, là trở về nơi cõi vô hình. Hiếu thảo với đấng sinh thành, nhớ ân sinh dưỡng. Vợ con cung cấp đầy đủ, ân tình yêu mến. Xem xét tâm người ở, sai việc làm vừa sức họ. Nhưng không biết cung kính Sa-môn, Đạo nhân, không chịu làm việc lành như làm ân, ban cho để tạo phước đức. Đời sau sẽ được phước hơn cả mọi người. Đây là tài sản hạng trung.

Phật nói kệ:

Thường nhớ ân nuôi dưỡng
Hiếu thuận với song thân
Vợ con cung cấp đủ
Theo thời, không để thiếu.
Nô tỳ và người làm
Thăm hỏi không xử ác
Thuận theo ý người hầu
Không làm gì trái đạo.
Nhưng không tin đời sau
Nghe sợ không vui theo
Cho thân tồn tại mãi
Lâu dài trọn không mất.
Ba cõi như huyễn hóa
Nên hiểu rõ điều này
Tội phước mình đã tạo
Theo đó mà nhận quả.

Phật bảo trưởng giả:

–Nghiệp thượng tài là người nào có tiền của, ăn mặc đầy đủ, lại hiếu thuận với cha mẹ, không kể thời tiết, chăm sóc cha mẹ. Không để sắc diện

ưu sầu. Ra không phạm điều giới cấm, vào không trái lễ nghĩa. Việc làm trong sạch, không ô uế, cung kính bậc tôn trưởng, tuân phục người trí. Đón nhận, nghe rộng, với tâm bình đẳng. Những người thấp hèn, bần cùng, nguy khốn, hoặc mê muội, mà bị bạc đãi, thì cung cấp chăm sóc như vợ con, luôn luôn đầy đủ. Diệt trừ các tà niệm, tự sửa thân thể để làm việc đúng. Quan tâm người ở, để họ không bị khổ cực, không đánh đập, chửi mắng bừa bãi mà nên tăng thêm lòng lành thương xót.

Thờ kính bậc Tiên thánh, đến học với bậc Bồ-tát xuất gia, theo pháp Sa-môn Hiền minh. Sớm, tối, hành lễ, luôn luôn chú ý. Bố thí những nơi thiếu thốn để thành tựu đạo đức. Tự giảng kinh điển và dạy dỗ người si mê. Khéo léo dùng phương tiện đúng lúc. Tự thân an ổn, giữ gìn tất cả chúng sinh, giống như con trâu ăn cỏ mà lấy được sữa, sữa làm thành lạc, lạc làm thành tô, tô làm thành đề hồ. Đề hồ là chất rất mềm và đặc biệt nhất. Tự thân được bình an, thương xót khắp mười phương. Đem lòng lành nghĩ nhớ đến nhiều nơi, thì được sự an ổn ở mọi chỗ. Độ thoát mọi sự mê muội cho cả trời, người, nhân dân. Người này là bậc tôn quý vô thượng, không gì sánh bằng, không như hạng thất phu, là bậc đại hùng ở đời, một mình đơn độc không bạn lữ.

Đức Phật lại nói kệ:

Nếu người có nghiệp tài
Tự mình ăn mặc đủ
Cung phụng hiếu cha me
Sắc mặt luôn hòa nhã.
Ra đường không phạm giới
Về nhà không trái lễ
Việc làm luôn trong sáng
Đúng pháp, không mê muội.
Thờ kính bậc tôn trưởng
Tuân hành người sáng suốt
Làm theo người học rộng
Bình đẳng không tà vạy.
Lo vợ con đúng thời
Đều được như sở thích
Thương xót cả người làm
Cho ăn mặc đầy đủ.
Với Sa-môn, Bồ-tát
Ban cho và cúng dường
Nhận pháp hay từ đấy

Lìa bỏ sự si mê.
Thương yêu khắp mọi người
Làm không chỉ vì mình
Luôn giữ mình yên ổn
Cũng biết các ách nạn.
Ví như dầu đề hồ
Vốn từ cỏ sinh ra
Đã biết cách an thân
Hòa hợp không sinh bệnh.
Thương các loài chúng sinh
Với tâm luôn bình đẳng
Thực hành bốn Đẳng này
Mau chóng thành Phật đạo.

Nói rồi, Phật bảo trưởng giả:

–Người xuất gia học đạo có ba hạng:

1. Thanh văn.

2. Duyên giác.

3. Đại thừa.

Sao gọi là Thanh văn?

Sợ khổ, nhàm chán thân này. Suy nghĩ vô số khổ nạn sinh tử, tai họa cùng khắp. Coi thân như oán thù. Bốn đại như rắn độc. Năm ấm như ổ giặc. Ngồi thiền theo dõi hơi thở giữ ý không quanh co. Xét thấy thân xấu xí, hình thể không trong sạch. Sợ sắc dục, vì nó là gốc của thọ, tưởng, hành, thức. Sợ hãi nỗi khổ nơi địa ngục, những nguy ách nơi ngạ quỷ, những hoạn nạn trói buộc ở loài súc sinh, những khổ nạn trong kiếp con người, cách biệt cõi trời, không thể kể hết. Xoay vòng không ngừng, như người ở trong ngục tù. Rất muốn đoạn trừ tội khổ sinh tử cần lao, cầu pháp vô vi an lạc Niết-bàn. Mà chỉ biết lợi ích mình, không nhớ nghĩ đến chúng sinh. Thường giữ lấy lòng lành nhỏ hẹp, không phát triển lòng thương rộng lớn; chỉ dựa vào âm thanh, không hiểu trí tuệ không, ba cõi như huyễn hóa; chỉ tự cứu lấy mình, không xót thương người. Đấy là hàng Thanh văn học.

Khi ấy, Phật nói kệ:

Sợ vô lượng sinh tử
Gian nan trôi cùng khắp
Tâm ôm lòng lo sợ
Chỉ muốn cầu lợi mình.
Ngồi thiền, xét hơi thở

Giữ chí không quanh co
Thấy thân nhiều điều xấu
Có muôn vàn nhơ bẩn.
Vứt bỏ sắc ba cõi
Lìa dục thân được yên
Không tu lòng lành lớn
Chỉ muốn hưởng Niết-bàn!

Phật bảo trưởng giả:

–Duyên giác vốn là bậc phát đại tâm, thực hành hạnh Bồ-tát: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ; nhưng tâm lại vọng tưởng, cầu làm bậc tôn quý trong thiên hạ, làm cho người quay về nương nơi mình. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, oai đức thần lực cao vời, rạng rỡ không ai sánh bằng; nhưng không hiểu sự thị hiện của sắc thân Như Lai, sự thị hiện đó chỉ vì người ngu si ở đời, không biết có đạo lớn, đoạn trừ được dòng sinh tử để không trở lại, để chấm dứt nguồn gốc sinh tử, nên mới hiện thân.

Tướng tốt, dáng trang nghiêm, dùng lời hay để giáo hóa người ngu si, hiện rõ ánh sáng lớn và lại chấp vào tướng tốt đó, nên gọi là xét đoán có sắc tượng. Tuy thuộc hành bốn Đẳng, bốn Ân, sáu Độ vô cực, ba mươi bảy Phẩm, quán mười hai Nhân duyên, muốn nhổ sạch nguồn gốc của nó nhưng lại không hiểu được căn bản đó, nên không hy vọng nơi đạo lớn. Hạng này tích đức như cõi hư không, không được đến cõi Phật. Vì sao? Vì dụng tâm không đạt.

Sao gọi là không đạt? Vì Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, bốn Đẳng, bốn Ân đều có sự mong cầu; dù có nhớ nghĩ cứu giúp tất cả chúng sinh đang bị sinh tử nơi năm đường; dù hiểu rõ các pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện; dù biết tất cả pháp như huyễn hóa, như mộng ảo sóng nắng, như ảnh trong gương, như tiếng vang, cây chuối, bọt nước, đều không thật có; dù biết đạo tuệ vô hình, bình đẳng như hư không, không chỗ tăng, chỗ hoại, độ khắp chúng sinh.

Khi ấy, Phật nói kệ:

Đã phát tâm Bồ-tát
Chỉ mong nghiệp Đại thừa
Chỉ muốn được thân Phật
Không rõ, không thân sơ.
Bố thí, Giới, Nhẫn nhục
Tinh tấn, Thiền, Trí tuệ

Bốn Đẳng, Ân, sáu Độ
Chỉ tự thích vô vi.
Ưa ba hai tướng tốt
Tám mươi vẻ cao quý
Trời, người đều tôn kính
Thoát năm ấm, sáu suy.
Chỉ sợ việc chướng ngại
Không thể xét sâu xa
Tuy muốn độ mười phương
Nhưng tâm miệng trái nhau.
Không rõ pháp huyễn hóa
Bọt, bóng nước, sóng nắng
Như cây chuối, ảnh, mộng
Mọi việc đều vọng tưởng.
Dầu tạo các công đức
Nhiều như cát dòng sông
Tâm hoại Vô thượng chân
Không biết trừ các ma.

Phật dạy trưởng giả:

–Kẻ học Đại thừa kia, phải phát đạo tâm Vô thượng chánh chân. Thực hành lòng lành rộng lớn, bình đẳng như hư không. Còn tu hành lòng thương rộng lớn thì không có thân sơ, không tự lo riêng cho thân mình mà chỉ nhớ nghĩ đến năm đường. Muốn tất cả chúng sinh được an lạc. Thờ phụng giữ gìn bốn Tâm bình đẳng: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Nhân ái, ban cho, thương người, làm điều lợi ích, cứu giúp mười phương. Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ; sáu Độ không cùng nhưng không có chỗ mong cầu. Đem đủ loại, để ban phát cho tất cả chúng sinh. Xem xét qua lại cùng khắp ba cõi, cực khổ, gian nan, không thể tính kể. Nhớ nghĩ chúng sinh như cha, như mẹ, như con, như chính thân mình. Một lòng bình đẳng, không sai khác; tuôn lệ như mưa, vì muốn độ thoát mọi nguy ách, để đến đạo lớn.

Dạy xong, Phật lại nói kệ:

Phát tâm lớn Vô thượng
Hành Từ, Bi, Hỷ, Xả
Xót thương như hư không
Bình đẳng, không thân sơ.
Lập đức không vì mình
Chỉ để cho mười phương

Độ thoát các quần sinh
Đạt đến trí đạo lớn.

Lại có bốn điều để đạt đến Đại thừa:

1. Ban phát, cung cấp cho người nghèo khổ.

2. Không phân biệt giàu nghèo, thực hành với tâm không coi thường nặng nhẹ.

3. Đã ban cho thì không mong cầu có sự báo đáp lại.

4. Đem công đức này mà ban khắp cho chúng sinh.

Rồi Phật nói kệ:

Bố thí giúp người nghèo
Tâm làm không nặng nhẹ
Trí tuệ không mong cầu
Không mong hoàn trả lại.
Nhớ thương hết mọi loài
Qua lại ở cùng khắp
Đem cho công đức này
Khiến được đến đạo lớn.

Phật bảo trưởng giả:

–Giữ giới có bốn điều, mau thành Đại thừa:

1. Giữ miệng, phòng hộ thân tâm, không nhớ nghĩ điều trái quấy.

2. Ra, vào, đi đứng, không mất lễ tiết.

3. Không mong cầu sinh ở địa vị Chuyển luân thánh vương hay Phạm vương, Đế Thích.

4. Đem giới cấm này ân cần ban phát cho chúng sinh.

Rồi Phật nói kệ:

Giữ gìn thân, khẩu, ý
Tâm vững như núi lớn
Khi ra, vào, đi, đứng
Chưa từng mất tiết lễ.
Không mong sinh cõi trời
Thích, Phạm, Chuyển luân vương
Đem việc làm chánh này
Ban cho khắp mọi người.

Phật bảo trưởng giả:

–Nhẫn nhục có bốn điều mau thành Đại thừa:

1. Nếu bị ai mắng chửi, thì không suy nghĩ đến âm thanh làm gì.

2. Nếu bị ai đánh đạp, coi như vô hình.

3. Nếu bị ai chê bai, làm nhục, coi như gió thổi.

4. Nếu bị ai hãm hại, nên ôm lòng thương với họ.

Rồi Phật nói kệ:

Bị đánh chửi, cũng mặc
Tự xét vốn vô hình
Nếu ý sân khởi dậy
Tâm liền thu cho đúng.
Nhan sắc hòa tâm vui
Được mọi người cung kính
Làm vậy được thành Phật
Ba hai tướng sáng chói.

Rồi Phật bảo trưởng giả:

–Tinh tấn có bốn điều:

1. Sớm tối hầu hạ chánh pháp chưa từng có biếng lười.

2. Thà mất thân mạng, không vi phạm lời dạy.

3. Siêng năng đọc tụng kinh điển sâu xa, không để chán nản, mệt mỏi.

4. Rộng muốn cứu giúp nhiều người bị nguy ách.

Phật nói kệ:

Sớm tối giữ gìn pháp
Chưa từng có xao lãng
Thà mất thân mạng mình
Chớ không trái lời dạy.
Tụng tập kinh điển sâu
Không để cho chán, mệt
Cứu giúp người nguy ách
Không để tâm lo sợ.

Phật bảo trưởng giả:

–Thiền định có bốn điều:

1. Ưa thích sự tinh tấn tu tập một mình, ở chỗ yên tĩnh.

2. Thân, khẩu, ý trong sạch khiến không rối loạn.

3. Tuy ở giữa chỗ đông đảo, náo loạn, nhưng có thể tự định tĩnh.

4. Tâm phóng khoáng tự nhiên, không bị sự dính mắc.

Rồi Phật nói kệ:

Tu tinh tấn rất tốt
Chí ở nơi vắng vẻ

Trong sạch thân, khẩu, ý
Chưa từng để náo loạn.
Giữa chúng đông ồn ào
Tâm định, không hoảng hốt
Một lòng thấy mười phương
Đạo tuệ khởi thần túc.

Phật bảo trưởng giả:

–Trí tuệ có bốn điều:

1. Hiểu rõ thân là không, chỉ do bốn đại hợp thành, tan rã, vốn không chủ thể.

2. Biết được ba cõi đều do tâm tạo, tâm như huyễn hóa, chỉ dựa vào hình thể chúng sinh mà đứng vững.

3. Hiểu rõ năm ấm vốn không có nơi chốn, tùy theo đối tượng mà sinh ra các tình thức.

4. Hiểu được mười hai nhân duyên vốn không có nguồn gốc, chỉ do đối đãi mà hiện ra.

Rồi Phật nói kệ:

Hiểu được thân vốn không
Do bốn đại hợp thành
Mất, tan, không nơi chốn
Từ tâm mà được sinh.
Năm ấm vốn không căn
Có tên do dính mắc
Mười hai duyên không mối
Hiểu được tất an vui.

Phật bảo trưởng giả:

–Trí tuệ lại có sáu điều:

1. Biết sắc như bọt nước.

2. Hiểu được thọ như bong bóng nước.

3. Tư tưởng như sóng nắng.

4. Hiểu rõ sinh tử như thân cây chuối.

5. Xét kỹ thức như huyễn hóa.

6. Tâm thần như bóng, tiếng vang, vốn không toan tính, đều không có nơi chốn.

Rồi Phật nói kệ:

Hiểu sắc như bọt nước

Thọ như bong bóng nước
Tư tưởng như sóng nắng
Sinh từ như thân chuối.
Biết thức giả như huyễn
Ba cõi không gì đẹp
Phân biệt đều rỗng không
Vậy nên đến đại đạo.

Phật bảo trưởng giả:

–Tâm Từ có bốn điều:

1. Lòng Từ nhớ nghĩ khắp mười phương.
2. Như mẹ thương con.
3. Rất thương xót nhớ nghĩ.
4. Như thân không khác.

Rồi Phật nói kệ:

Lòng Từ nhớ mười phương
Như mẹ thương con đỏ
Luôn ôm lòng thương xót
Như thân mình không khác.

Phật bảo trưởng giả:

–Tâm Bi có bốn điều:

1. Thương xót chúng sinh.
2. Vì họ mà rơi lệ như mưa.
3. Thân muốn chịu tội thay.
4. Đem thân mạng cứu giúp.

Tâm Hỷ có bốn điều:

1. Nhan sắc hòa thuận.
2. Khéo nói.
3. Thuyết kinh.
4. Giải nghĩa.

Tâm Xả có bốn điều:

1. Dạy bỏ điều ác, thành tựu việc lành.
2. Khuyên dạy người quy y Tam bảo.
3. Khiến phát đạo tâm.
4. Giáo hóa chúng sinh.

Rồi Phật nói kệ:

Thương người rơi nước mắt
Thân muốn chịu tội thay
Bỏ mạng để cứu giúp
Không đem lòng sân hận.
Hòa nhã thuyết pháp lành
Giảng pháp, phân biệt nghĩa
Dạy bỏ ác làm lành
Khuyên quy y Tam bảo.

Phật bảo trưởng giả:

–Có bốn pháp mau thành đạo Vô thượng chánh chân.

1. Hiểu không, học những điều không chỗ mong cầu.

2. Không tướng, không chỗ hy vọng.

3. Không nguyện, không mong sự tái sinh.

4. Đối với nghiệp ba thừa luôn bình đẳng, không có quá khứ, vị lai, hiện tại.

Rồi Phật nói kệ:

Hiểu không, không chỗ cầu
Không tướng, không quả báo
Không nguyện, mong tái sinh
Bình đẳng nghiệp ba đời.

Phật bảo trưởng giả:

–Có bốn pháp mau thành Phật đạo:

1. Tất cả đều vốn trong sạch.

2. Hiểu rõ khắp cả vạn vật, đều như huyễn hóa.

3. Sinh tử dứt sạch đều do nhân duyên.

4. Nhân duyên đó, vốn cũng vô hình.

Rồi Phật nói kệ:

Tất cả vốn trong sạch
Vạn vật như huyễn hóa
Sinh tử từ duyên đối
Nó vốn cũng vô hình.

Phật bảo trưởng giả:

–Có sáu pháp mau thành Chánh giác:

1. Thân thường hành Từ bi, để không oán, không kết.

2. Miệng thường dùng Từ bi, để diễn thuyết trí tuệ sâu xa.

3. Tâm Từ bi, nhu hòa, thương xót, nhớ nghĩ chúng sinh ở mười phương.

4. Giữ giới không vọng tưởng, để mong cầu sự nghiệp Đại thừa.

5. Xem xét đúng đắn để thấy mười phương là không, đạo tục không hai.

6. Ban phát đầy đủ thức ăn để cứu nghiệp thân, giúp nó trong lúc nguy ách.

Rồi Phật nói kệ:

Thân luôn làm lòng lành
Chưa từng gây oán, kết
Miệng nói lời thương yêu
Giảng trí tuệ sâu xa.
Tâm nhu hòa điều thuận
Thương xót khắp mười phương
Giữ giới không vọng tưởng
Chánh quán mười phương không.

Phật bảo trưởng giả:

–Có bốn điều mau thành Phật đạo:

1. Phụng trì tinh tấn, không có chỗ dính mắc.

2. Giáo hóa chúng sinh không dứt đạo tâm.

3. Qua lại vòng sinh tử không nhàm chán, sợ hãi.

4. Đại Từ, đại Bi nhưng không bỏ trí tuệ phương tiện.

Rồi Phật nói kệ:

Tinh tấn không chỗ đắm
Giáo hóa chưa từng dứt
Không nhàm chán sinh tử
Không bỏ tuệ phương tiện.

Phật bảo trưởng giả:

–Khai hóa chúng sinh có bốn điều:

1. Ai không tin việc sinh tử, thì dùng họa phước hiện tại để ví dụ.

2. Ai không tin Tam bảo thì trình bày rõ về đạo lớn.

3. Ai mê hoặc, tà kiến, thì chỉ dạy ba thừa. Phật đạo là trên hết, không bè bạn.

4. Những gì có trong ba cõi đều như huyễn hóa, không một chút chân thật, chắc chắn!

Rồi Phật nói kệ:

Không tin sinh tử, bày phước họa
Ai rơi tà kiến, giảng đại đạo
Phật đạo là duy nhất, không bạn
Ba cõi đều không, như huyễn hóa.

Phật bảo trưởng giả:

–Khai hóa lại có bảy điều.

1. Ai tham lam keo kiệt, thì dạy họ biết bố thí.

2. Ai phạm điều ác, khuyên họ giữ giới.

3. Ai sân hận, khuyên họ nên nhẫn nhục.

4. Ai lười biếng, dạy họ nên siêng năng tiến tới.

5. Ai loạn tâm, dạy họ cách tập trung ý.

6. Ai ngu tối, dạy họ Trí tuệ ba-la-mật không cùng.

7. Ai không biết tùy thời, trình bày cho họ phương tiện quyền xảo.

Rồi Phật nói kệ:

Bỏn sẻn, dạy bố thí
Làm ác, khuyên giữ giới
Sân giận, cần nhẫn nhục
Lười biếng, nên tinh tấn.
Loạn tâm, bày định ý
Ngu tối, dạy học hỏi
Trí tuệ Độ vô cực
Tùy thời phát quyền xảo.

Khi ấy, Bồ-tát Tùy Thời bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao việc học có thượng, trung, hạ? Sao tất cả đều không đến Đại thừa?

Phật nói:

–Với người học, tâm và cái thấy có xa gần; hiểu biết có sâu cạn, ý chí có tốt xấu nên mới bày ra ba thừa. Tánh ra không có ba, chỉ giả nói để làm thí dụ.

Ví như có đại thần, thông minh, trí tuệ, sống vì nước. Việc quan trọng trong triều vua đều cho tham dự, luận bàn việc nước, mạnh dạn giao công việc không chút hoài nghi. Đại thần đó có ba người bạn thân:

1. Con vua.

2. Bậc tôn quý.

3. Người thường dân.

Đại thần xử trị việc nước có đôi điều sơ suất, nhiều người bàn tán, vào thưa với vua là đại thần có mưu đồ phản nghịch. Vua nghi ngờ, hỏi các cận thần: "Nên xử tội gì?" Các quan liền đưa ra nhiều tội nặng; người nói chém đầu; người nói chặt tay, chặt chân; người nói cắt tai và mũi, móc mắt, xẻo lưỡi. Vua nghe các quan luận bàn tội nặng, liền bảo: "Không nên như vậy. Người này thông minh, sáng suốt, nhưng gặp phải lỗi nhỏ, không đáng tội như vậy, chỉ nên bắt bỏ tù". Các quan chỉ biết phục tùng, không dám nói nữa. Vua bảo cận thần: "Mau chóng xuống văn thư, bắt hắn bỏ vào trong ngục".

Khi ấy, bạn thân là người thường dân, nghe được lòng thương xót, muốn cứu ra khỏi ngục. Nhưng vì thế lực yếu, không kham nổi sự việc. Chỉ biết đem y phục, đồ ăn uống, cung cấp hằng ngày, để không thiếu thốn, nhưng không thể làm cho thoát khỏi sự đánh đập tra khảo.

Người bạn tôn quý, khi nghe được cũng rất đau lòng, liền đến chỗ cai ngục, để cố giải thích nhưng không thoát khỏi sự đánh đập khổ sở và cũng không nghĩ được cách gì để cứu ra khỏi ngục tù.

Còn bạn là thái tử, khi nghe điều này, lấy làm tức giận cho rằng, bạn thân của mình không có tội nặng, chỉ vì các quan thù hiềm lẫn nhau, nên gièm pha với vua, tội không đáng bỏ tù. Thái tử bèn đến chỗ vua, phân trần đầy đủ gốc ngọn, cho rằng không có ý định phản nghịch. Cúi xin phụ vương vì con mà xá tội tai ương này. Vua vì thương con, nên mau chóng thả người kia ra khỏi tù. Gặp lại vua, mới biết nghiệp nó làm.

Cho như vậy, vua nước đó, ví dụ là Như Lai, thái tử ấy ví dụ là Trí tuệ độ vô cực khéo dùng phương tiện quyền xảo, là Bồ-tát mau chứng đắc pháp Vô sở tùng sinh nhẫn, nên được tuệ quyền xảo, vượt ra ngoài ba cõi địa ngục, được thành Phật, cứu độ khắp chúng sinh. Bạn thân tôn quý được dụ như là thực hành giới sạch, đã xả bỏ ba đường ác, nhưng không lìa ba cõi; có thể hưởng thọ phước báo ở trời, người, nhưng không đạt đến đạo. Người bạn thường dân được dụ như là nghiệp ban cho. Người này vượt thoát cõi ngạ quỷ, nhưng không thoát được ách nạn ở địa ngục, súc sinh.

Vì sao? Vì chủng tánh nào, thì ở loài đó. Như phát tâm với đạo Vô thượng chánh chân, phụng trì đại Từ, đại Bi không cùng, giáo hóa tất cả, cho nên đạt đến Phật đạo. Chỉ theo đạo lớn, mà không đạt được pháp nghĩa sâu xa, không hiểu rõ sự tiến lui, tự ngưng giữa đường, nên gọi là Duyên giác. Sợ khổ nạn xoay vần trong vòng sinh tử, chỉ muốn tự cứu mình, không nghĩ đến nỗi khổ người khác, cho nên rơi vào Thanh văn. Mỗi hạng, tùy

theo bản hạnh mà được như chí nguyện.

Khi Phật thuyết kinh này, cư sĩ Cấp Cô Độc cùng với năm trăm trưởng giả đều phát tâm đạo Vô thượng chánh chân; có cả ngàn người xa lìa bụi trần nhơ đục; đạt được con mắt pháp trong sạch; các loại âm nhạc, loại đàn không hầu, không đánh tự kêu, chim bay thú chạy đều cất tiếng hòa nhã. Ngay lúc ấy, không ai mà không vui vẻ tự quay về nương nơi Phật.

Cư sĩ lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Người mới học đạo, nên chí tâm vào pháp gì?

Phật nói:

–Trước tiên phải tu tập năm giới, tự quay về nương ở ba ngôi.

Năm giới là gì?

1. Lòng lành thương xót đầy nhân ái, không giết hại.

2. Trong sạch, liêm khiết, không trộm cướp.

3. Trinh khiết, cao quý, trong sáng, không dâm dật.

4. Dốc lòng tin tưởng, tự tánh hòa hợp, không dối trá.

5. Cốt đạt đến tâm chí sáng suốt, không bị loạn động.

Ba tự quy y là gì?

1. Quy y Phật, là bậc Vô thượng chánh chân.

2. Quy y Pháp để tự chế ngự tâm mình.

3. Quy y các Thánh chúng, để thọ nhận sự rộng lớn, giống như biển mênh mông, không gì bọc lại được.

Lại có bốn quả:

1. Đạo tích.

2. Vãng hoàn.

3. Bất hoàn.

4. Vô trước.

Duyên giác cho đến Phật, Vô thượng đại đạo, được thân trời, người đều do từ đây sinh; kế đến thực hành bốn tâm bình đẳng, bốn Ân, bốn Biện tài, sáu Độ vô cực, đại Từ, đại Bi, được thành đạo lớn. Biết đời trước vô cùng, thấy rõ vô hạn, giáo huấn mười phương, đạt hết tất cả trí.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi là kinh gì và phụng hành thế nào?

Phật nói:

–Kinh này gọi là Giải Tục Gia. Tài nghiệp của người xuất gia tu đạo

Vô thượng chánh chân, có ba loại. Vậy tóm lại, gọi là Diễn Đạo Tục Nghiệp.

Phật nói như vậy rồi, Hiền giả A-nan, Cư sĩ Cấp Cô Độc, năm trăm Thanh tín sĩ, hoan hỷ làm lễ rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 821

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHƯ LAI BÍ MẬT TẠNG

QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Mất tên người dịch.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với tám ngàn đại Tỳ-kheo và ba vạn hai ngàn Đại Bồ-tát, ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá.

Các vị đều là bậc có tiếng tăm được nhiều người biết, đều đã đạt Đà-la-ni, biện tài vô ngại; đã chứng được pháp Vô sinh nhẫn; chiến thắng ma oán, sướng tự tại trong tất cả pháp; thông suốt tất cả mọi thần thông biến hóa; tất cả thiền định Tam-muội đều hoàn hảo, ra vào tự do. Vì các chúng sinh, hành động không cần cầu thỉnh xa lìa mọi phiền não, khéo hiểu rõ cái gốc của chúng sinh. Khéo biết nương tựa nơi pháp liễu nghĩa. Trong sáng tu tập sáu pháp Ba-la-mật để đến bờ bên kia. Dạo chơi trong năm đường, giáo hóa chúng sinh, tâm không chán mỏi. Trải qua vô lượng, vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, tu tập các hạnh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật. Được sự hộ trì của chư Phật, giữ vững thành Chánh pháp, không để đứt mất hạt giống giác ngộ. Thường dùng tất cả Đức thánh sướng vui, chuyển bánh xe pháp tốt đẹp. Qua lại dễ dàng vô biên, hầu hạ, cúng dường chư Phật. Rống tiếng sư tử lớn, lèo lái con thuyền pháp lớn, đánh trống pháp lớn, thổi kèn pháp lớn. Khéo tập hợp tất cả phước đức trang nghiêm, tướng tốt trang nghiêm thân; định niệm trí tuệ, sáng suốt tiến tới vững chắc, biết rõ sự hổ thẹn. Tự vui với pháp lành, thành tựu đầy đủ đại Từ, đại Bi. Ánh sáng của các vị ấy, che lấp ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Không bị ô nhiễm bởi tám pháp ở thế gian là: Yếu, phá bỏ, khen, quở trách, ca ngợi, khổ, vui. Không cao, không thấp, khéo dứt sạch yêu ghét, thường dùng phương tiện tương ưng với trí tuệ. Tùy theo căn tánh chúng sinh, mà khéo léo giáo hóa, cứu độ nhưng không thấy có người để cứu độ. Có làm điều gì, đều xem xét kỹ lưỡng. Không bị các khổ hoạn về nghiệp của thân, khẩu, ý. Tu tập định tuệ hoàn hảo trang nghiêm.

Tâm của các vị ấy đều nhu hòa, dịu dàng, giống như rồng lớn, như sư tử lớn, chiến thắng được ngoại đạo. Tinh tấn hướng đến bậc đại trượng phu, xa lìa các sợ hãi. Giỏi về sự quyết cắt đứt những nghi lầm của chúng sinh. Khéo léo khuyến thỉnh vô lượng chư Phật, chuyển xe pháp. An ổn trụ trong nguyện lớn, vĩnh viễn xa lìa nhị kiến. Luôn luôn chuyên cần độ thoát cho tất cả chúng sinh. Biết rõ nhân duyên phát khởi sự trong sạch hay nhơ bẩn. Tu tập sự nhớ nghĩ chân chánh, không khởi sinh nhớ nghĩ về Thanh văn, Duyên giác. Trong tâm không hề xả bỏ trí tuệ quý báu. Tâm ấy thanh tịnh giống như hư không. Thân ấy dịu dàng. Tâm không nhiễm ô, ý không hư hoại. Dù đến chỗ nào, tâm cũng không bị dính mắc. Âm thanh phát ra dịu dàng hòa nhã. Nói ra điều gì đều trình bày rõ ràng, dễ hiểu, lời nói trong sạch, không nói pháp ô nhiễm dù chỉ một câu! Luôn luôn quan sát ân đức người khác, dũng mãnh không bạn, ý chí muốn đến đạo tràng.

Danh hiệu của các vị đó là: Bồ-tát Sơn Cang, Bồ-tát Đại Sơn, Bồ-tát Trì Sơn Nham, Bồ-tát Sơn Tích Vương, Bồ-tát Thạch Sơn Vương, Bồ-tát Đại Tấn, Bồ-tát Tín Tấn, Bồ-tát Cực Tấn, Bồ-tát Hỷ Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Đức Thủ, Bồ-tát Đăng Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Hỷ Căn, Bồ-tát Thường Tư Niệm, Bồ-tát Thường Cần, Bồ-tát Thường Quán, Bồ-tát Pháp Dũng Vương, Bồ-tát Tịnh Bảo Quang Minh Oai Đức Vương, Bồ-tát Ma-ni Quang Vương, Bồ-tát Quá Chư Cái, Bồ-tát Tổng Trì Tự Tại Vương, Bồ-tát Phát Tâm Chuyển Pháp Luân, Bồ-tát Pháp Dũng, Bồ-tát Tịnh Chúng Sinh Bảo Dũng, Bồ-tát Đạo Phân Vị, Bồ-tát Thiệp Biện, Bồ-tát Vô Ngại Biện, Bồ-tát Bất Động Túc Tấn, Bồ-tát Kim Cang Túc Tấn, Bồ-tát Kim Cang Chí, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Tướng Hảo Tích Nghiêm, Bồ-tát Hoại Quỷ Võng, Bồ-tát Thắng Chí, Bồ-tát Đạo Sư, Bồ-tát Hỷ Kiến, Hiền Hộ mười sáu vị Đại sĩ, Di-lặc Bồ-tát Hiền kiếp ở cung trời Đâu-suất-đà Mạn-đà-la hoa hương làm thượng thủ. Ba vạn hai ngàn vị ở Tha hóa tự tại Thiên vương. Các Thiên tử như vậy và những vị khác, đều hướng đến Đại thừa. Chư Thiên ở cõi Dục, cõi Sắc, ở trời Tịnh cư, Thích, Phạm, hộ đời ở tam thiên đại thiên thế giới, tất cả đều tập hợp đông đủ cung kính, cúng dường, lễ bái Như Lai.

Khi Thế Tôn thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng đang cung kính vây quanh, thì ở phương Đông, cách cõi Phật này bảy mươi hai ức, có cõi Phật, tên là Thường xuất đại pháp chi âm. Cõi đó có Đức Phật, hiệu là Bảo Trượng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Giác, đang còn ở tại đó. Nước đó thường phát ra pháp âm rộng lớn. Tất cả nước ở sông ngòi, ao, suối, tất cả rừng cây, tất cả hoa, tất cả lá, tất cả quả, tất cả lâu đài, thường

phát ra pháp âm của pháp bảo vô thượng. Chúng sinh cõi đó, thường nghe pháp âm thù thắng vi diệu.

Nước của Phật Bảo Trượng, thường phát ra pháp âm rộng lớn. Trong nước có vị Bồ-tát, tên là Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương. Bồ-tát này chiêm ngưỡng Phật Bảo Trượng, rồi nhanh như thời gian tráng sĩ duỗi cánh tay, trong chốc lát, ẩn mất trong nước. Thường xuất Đại Pháp Âm ấy. Và chỉ trong một niệm, đã đến thế giới Ta-bà này.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, hóa ra tám vạn bốn ngàn đài báu, làm bằng các loại châu báu xinh đẹp. Bốn phương có bốn trụ, ngang rộng bằng nhau, vô cùng trang nghiêm đẹp đẽ. Mỗi một đài hoa báu, hóa thành tám vạn bốn ngàn cây báu với hoa và trái sum suê. Dưới mỗi một cây đều hóa thành tòa Sư tử báu, phủ lấp bằng các vật báu và được trải bằng trăm ngàn tấm vải mềm mại. Trên các tòa này, đều có Phật ngồi, hình sắc, tướng mạo giống như Đức Thích-ca Mâu-ni.

Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, hóa hiện như vậy rồi, lại biến ra nhiều lọng báu, khắp trong hư không; khắp cả trăm ngàn do-tuần những tấm lụa vuông vức rủ xuống, trang trí bằng lưới đẹp có gắn các chuông nhỏ. Gió thổi các chuông nhỏ phát ra âm thanh nhu hòa, nhẹ nhàng, đáng yêu. Âm thanh đó vang khắp tam thiên đại thiên thế giới chư Phật.

Tam thiên đại thiên thế giới lúc này, bằng phẳng như lòng bàn tay, sinh ra nhiều hoa sen báu, cúng dường Như Lai. Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, dùng tám vạn bốn ngàn đài báu, đến nhiễu quanh chỗ Phật.

Bấy giờ, đại chúng thấy việc biến hóa này là chưa từng có, nên nói rằng: "Theo sự thấy biết như vầy, thì Đại sĩ này đến để trang nghiêm tướng sư, chắc chắn sẽ nói pháp lớn và làm các việc để trang nghiêm tam thiên đại thiên thế giới. Lại có lọng báu lơ lửng giữa hư không che trên Đức Như Lai, làm cho tất cả cung điện trời đều bị che lấp".

Khi đó, Đại đức Ma-ha Ca-diếp nương oai lực Phật, từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa sang y phục, bày vai áo bên phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng về phía Đức Phật, nói kệ:

Ánh sáng sạch trong từ hư không
Che lấp ánh sáng trời Thích, Phạm
Cả mặt trời, mặt trăng hỏa châu
Cúi xin Nhân Tôn giảng tướng này.
Trên không trung hiện lọng báu đẹp
Phủ khắp cả trăm ngàn do-tuần

Trang nghiêm bằng cờ phướn lưới chuông
Nay Thế Tôn rưới trận mưa pháp.
Lưới chuông phát âm thanh vi diệu
Âm đó vang khắp cõi Phật này
Nghe âm thanh ấy, phiền não dứt
Vì lợi ích gì, nói điều này.
Ba ngàn thế giới phẳng như tay
Trăm ngàn hoa sen mọc từ đất
Hương hoa làm sảng khoái thân tâm
Oai đức này là thế nào đây!
Ở phương Đông phóng ánh sắc vàng
Tám vạn bốn ngàn lọng báu đẹp
Tòa Sư tử trong đài cây báu
Thấy như Đạo sư Thích Sư Tử.
Đạo Sư, việc này lợi ích gì?
Ai thấy điều này có ích chi?
Phải chăng trí Phật lại xuất hiện
Đầy đủ vô lượng các thần biến.

Bấy giờ, Phật dạy Đại Ca-diếp:

–Cách đây bảy mươi hai ức cõi Phật, ở phương Đông, có nước tên Thường xuất đại pháp âm. Trong nước đó, có Phật hiệu là Bảo Trượng, hiện đang còn ở đó. Trong nước đó, có Bồ-tát tên là Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương đi đến cõi này, thấy ta, nên lễ bái, thăm hỏi, nghe pháp, vì các Bồ-tát mà sinh đại pháp dục, sinh đại pháp lực, tập đại pháp trí. Muốn hiện ra công đức của nước Thường xuất đại pháp âm và công đức của Phật Bảo Trượng. Vì nhân duyên này, nên Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, đến thế giới Ta-bà này và làm lợi ích cho chúng sinh chỉ một ngày một đêm, mà hơn cả các pháp đại Thanh văn ở khắp tam thiên đại thiên thế giới làm lợi ích chúng sinh. Giả sử số lượng của quý vị, giống như lúa mè, tre, lau, mía, rừng rậm đều làm lợi ích cho chúng sinh suốt một kiếp, cũng bằng như trên, không khác.

Đại đức Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người ở Diêm-phù-đề nếu được nghe danh hiệu Đại Trượng Phu này mà được lợi ích như trên, huống chi là có lòng tin lắng nghe giảng pháp.

Khi ấy, Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương và các đài báu đến đứng trước Như Lai và đảnh lễ sát chân Phật. Lúc đang lễ Phật, tam

thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Trăm ngàn loại âm nhạc, không đánh tự kêu. Tất cả đại chúng đều đảnh lễ sát chân Như Lai. Bấy giờ, Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương nhiễu quanh Phật ba vòng, tám vạn bốn ngàn đài báu cũng nhiễu quanh Phật ba vòng. Nhiễu ba vòng rồi, chắp tay hướng Phật, nói kệ ca ngợi:

Khéo nói lời tốt đẹp trang nhã
Không lẫn, không tạp, sạch không nhơ
Đáng bậc oai đức tuệ thù thắng
Nay con đảnh lễ Đấng cao cả.
Đủ cả trăm ngàn ức công đức
Cho sự an vui diệt các khổ
Từ, Bi, Hỷ, Xả khắp ba cõi
Thuyết pháp đoạn trừ nhơ bụi trần.
Chư Phật mười phương khen Thế Tôn
Phật đắc Bồ-đề đời xấu ác
Cứu độ chúng sinh không mỏi mệt
Độ một chúng sinh đã là khó.
Tất cả chư Phật đều bình đẳng
Trí tuệ thần thông, hiệu Nhân Tôn
Phật pháp sáng trong không gì bằng
Thuận chúng sinh hiện ra thấp hèn.
Nếu cần hiện ra cảnh giới Phật
Tất cả chúng sinh tâm mê loạn
Đại Bi, lợi ích đều như nhau
Tùy theo đối tượng mà thuyết pháp.
Trí lớn Thế Tôn, chúng đều thích
Nhan sắc hiền hòa lời êm diệu
Xét ra đức trời, người không bằng
Cho nên vui vẻ đảnh lễ Phật.
Nhất thiết trí cùng các chúng sinh
Đến tận các pháp, thắng ngoại đạo
Tất cả thấy biết hàng ma oán
Đảnh lễ mười phương, vượt các lực.
Niềm vui chân thật lời chắc thật
Khéo biết như nói như làm
Khổ vui không động như núi, chúa
Con lạy Phật ban vui cho đời.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương nói kệ ca ngợi

Phật xong, rồi thưa với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Bảo Trượng Như Lai thăm hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít phiền não, đi đứng có nhẹ nhàng, hành đạo có được lợi ích an vui không?

Bạch Thế Tôn! Con muốn hỏi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác. Xin Thế Tôn cho phép, con mới dám hỏi.

Phật bảo Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương:

–Này thiện nam! Như Lai đang nghe. Nghi ngờ gì cứ hỏi. Ta sẽ theo lời hỏi của ông mà trả lời để tâm ông được cởi mở.

Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia, con nghe Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác có pháp gọi là Như Lai bí mật tạng. Nếu có Bồ-tát nào, trụ được ở Bí mật tạng này, thì sẽ chứng đắc pháp vô tận, chứng đắc biện tài vô tận, thấy Phật vô tận, có thể khéo léo chứng đắc thần thông vô tận. Vì các chúng sinh làm chỗ nương dựa chân thật. Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con diễn thuyết pháp Như Lai bí mật tạng.

Phật bảo Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam! Có thể hỏi Phật về pháp như vậy. Thiện nam! Ông đã từng ở hằng hà sa chỗ Phật, gieo trồng các căn lành, thưa hỏi, thọ thỉnh. Thiện nam! Nay ông lắng nghe và khéo suy nghĩ. Ta sẽ thuyết pháp Như Lai bí mật tạng.

Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe thọ giáo.

Phật nói:

–Thiện nam! Pháp Như Lai mật tạng, gọi là tâm Nhất thiết trí, đã phát tâm này thì phải giữ gìn vững chắc, không thoái lui, không xả bỏ, không rối loạn, nhớ nghĩ phải hoàn hảo, chỉ đường khuyến hóa mạnh mẽ. Sự dạy dỗ, lấy căn lành làm then chốt, giữ gìn sự an vui, luôn luôn vững chắc, làm những việc đáng làm là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Phương tiện. Lấy tâm làm trụ, không nhiếp, không nhược, không yếu, không hoại, không biếng nhác, không bỏ, không lấy. Thuận theo tâm ấy thì được giác ngộ. Lấy nghiệp lành làm căn bản. Ngay thẳng chất phát không quanh co, đứng thẳng vững vàng, không giả, không dối, làm rồi không nghi, việc chưa làm thì làm. Việc đáng làm là nên siêng năng tu hành, bỏ hạnh bất chánh, cần tu chánh hạnh. Thiện nam! Đấy gọi là nhập vào pháp môn Như Lai bí mật tạng, là giữ vững tâm Nhất thiết trí, phải kiên trì giữ gìn,

không xả bỏ.

Này thiện nam! Những gì là tâm Nhất thiết trí vững chắc? Thiện nam, tâm Nhất thiết trí kiên cố có bốn, đó là:

1. Không nhớ nghĩ đến thừa nào khác.
2. Không kính lễ chư Thiên khác.
3. Không phát tâm khác.
4. Ý chí không chuyển.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Không nhớ nghĩ thừa khác
Lễ Phật, không lễ trời
Không sinh tâm muốn khác
Không lễ bái phàm phu.
Khi tu hành pháp này
Tâm Nhất thiết trí vững
Ma quân và ngoại đạo
Chẳng đụng được lông tóc.

Này thiện nam! Lại có bốn pháp bảo vệ tâm Nhất thiết trí, đó là:

1. Không say đắm sắc đẹp.
2. Không lệ thuộc tiền tài.
3. Không lệ thuộc quyến thuộc.
4. Không say đắm quyền lực.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Chẳng đắm say tài sắc
Quyến thuộc và quyền lực
Ngăn tài sắc, quyền lực
Quyến thuộc không buông lung.
Quán các pháp hữu vi
Tất cả đều vô thường
Không buông thả kiêu mạn
Giữ vững tâm Bồ-đề
Thực hành pháp công đức
Không thoái hướng Bồ-đề.

Này thiện nam! Lại có bốn pháp không lui tâm Bồ-đề:

1. Tu tập các Ba-la-mật.
2. Thân cận Bồ-tát chân thật.
3. Tu tập tâm đại Bi.

4. Dùng bốn Nhiếp pháp để thâu tóm chúng sinh.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Thường tu sáu Độ, không ngừng nghỉ
Lắng nghe, nghe rồi tâm hiền hòa
Tuy sống cõi dục, lìa bạn xấu
Thân cận bạn lành, tùy sở thích.
Thường tu thắng đạo, gần hướng thượng
Luôn tập tâm Bi trụ bốn Nhiếp
Ưa thích ở yên tâm Bồ-đề
Tạo công đức Phật đâu còn khó.

Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ bốn pháp, không bỏ tâm Nhất thiết trí, đó là:

1. Tin công đức Phật.

2. Tu tập trí Phật.

3. Biết thần thông Phật.

4. Không mất hạt giống Phật.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Tin hiểu công đức Phật
Siêng tu tập trí Phật
Biết được thần thông Phật
Luôn giữ giống Bồ-đề.
Hành trì pháp như vậy
Không bỏ tâm Bồ-đề
Tùy chỗ thấy chư Phật
Càng sinh sức tinh tấn.

Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ bốn pháp, trọn đời tâm Bồ-đề không bị rối loạn:

1. Luôn luôn thân cận gần gũi bên Phật.

2. Từ đó được nghe pháp của Như Lai.

3. Thường ca ngợi công đức Phật.

4. Nương dựa vào sự vắng lặng, nhân đó mà luôn nghĩ đến Phật.

Đây là bốn, Đức Phật nói kệ:

Hầu hạ nơi Như Lai
Tôn trọng và cung kính
Nếu có được nghe pháp
Nghe rồi, thực hành theo.

Thường ca ngợi Như Lai
Tin tưởng và yêu thích
Đã được nghe pháp rồi
Người trí nương vào nghĩa.
Ca tụng công đức Phật
Điều ngự cả thế gian
Cần nương tựa vào đó
Nghĩ đúng nơi chư Phật.
Công đức Phật vô số
Luôn xem hành động mình
Thường thích chỗ thanh vắng
Nhớ nghĩ Đức Như Lai.
Khéo giữ pháp như vậy
Tu hành, tâm bất loạn
Người ấy được Tam-muội
Không mất tâm Bồ-đề.

Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ bốn pháp, không quên tâm Bồ-đề, bốn pháp đó là:

1. Tôi cần phải vì tất cả chúng sinh, làm ruộng phước tốt.
2. Tôi phải thuyết đạo pháp.
3. Tôi phải tùy theo chỗ đến của Như Lai mà đến.
4. Tôi phải thật sự biết các hành của chúng sinh.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Ta làm ruộng phước tốt thế gian
Người theo tà đạo, chỉ đường chánh
Phật đi đến đâu, con đến đó
Thường xuyên biết hành của chúng sinh.
Đại sĩ Bồ-tát nhớ đức này
Tâm nhớ Bồ-đề và đạo cả
Mau chóng thành tựu đạo Pháp vương
Đắc trí thần thông, vượt thế gian.

Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ bốn pháp nhớ nghĩ tâm Nhất thiết trí, đó là:

1. Dốc lòng nhớ nghĩ cái gốc của các pháp.
2. Nên nhớ pháp căn bản.
3. Phát tâm Nhất thiết trí là tháp báu ở đời.

4. Nên nhớ tưởng bảo tháp.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Nên dốc lòng hết ý
Nhớ nghĩ điều tốt đẹp
Đó là các pháp gốc
Tất cả tháp thế gian.
Thường nhớ tâm Bồ-đề
Ý trụ, tốt khéo trụ
Đó là mười Lực gốc
Làm tháp cho trời, người.

Này thiện nam! Bồ-tát có đầy đủ bốn pháp, sẽ có tâm Nhất thiết trí, đó là:

1. Dùng sức thần thông tu tập, không để mất bản hạnh.

2. Năm Căn, năm Lực tròn đầy.

3. Thân tâm tinh tấn nhưng không có ngã.

4. Siêng năng thực hành tinh tấn, vì lợi ích người khác.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Được diễn nói bốn pháp
Phát khởi tâm Bồ-đề
Nếu trí tuệ tăng trưởng
Ngăn chặn các phiền não.
Tuệ lực và thông đạt
Siêng năng tinh tấn vậy
Là đã an trụ rồi
Trang nghiêm không biếng nhác.
Không quên lời đã nguyện
Khéo an trụ Căn, Lực
Thân tâm không mệt mỏi
Siêng cầu thân chân thật.
Phát khởi được như vậy
Tâm Bồ-đề lớn mạnh
Trí tuệ được như vậy
Như trời trăng tăng trưởng.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp, khuyến khích phát tâm Bồ-đề:

1. Ở giữa đại chúng khen ngợi, ca tụng tâm Bồ-đề.

2. Làm cho họ hiểu rõ sự phát triển tâm Bồ-đề.

3. Khéo dạy dỗ họ thuận theo sư trưởng, để phát tâm trong sạch.

4. Tất cả phiền não, không còn quấy nhiễu.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Hướng dẫn về tâm đạo
Trước tiên trụ gốc này
Sẽ được Nhất thiết trí
Gọi là biết nguyên nhân.
Là tâm Nhất thiết trí
Luôn trong sạch chiếu sáng
Thường trụ ở trong đó
Nơi thế gian đảnh lễ.
Luôn nói lời hòa nhã
Mau chóng vâng lời dạy
Hỏi các bậc Sư trưởng
Được tâm Nhất thiết trí.
Bản tánh luôn trong sạch
Giữ gìn tâm Bồ-đề
Lìa phiền não sáng trong
Hơn hết không chống trái.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp, rõ bày tâm Bồ-đề, đó là:

1. Đây là chỗ ta trụ.

2. Trụ chỗ này rồi, thì mở bày giảng nói.

3. Biết trong tâm này, có vô lượng công đức.

4. Vì người khác mà thuyết các điều như vậy.

Rồi Phật nói kệ:

Khéo trụ đúng chỗ trụ
Bồ-tát trụ đây rồi
Ca ngợi pháp như vầy:
Tâm tốt của Bồ-đề.
Vô lượng đạo tâm đức
Phát khởi và ca tụng
Khen ngợi rồi làm theo
Chứng đắc theo lời khen.

Thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp, để dạy dỗ, tu tập tâm Bồ-đề, đó là:

1. Không sỗ sàng.

2. Lời nói dịu dàng.

3. Không thô bạo.

4. Sắc mặt vui vẻ.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Giảng nói nghĩa dịu dàng
Không được có sỗ sàng
Sắc vui trụ pháp này
Dạy người phát Bồ-đề.

Này thiện nam, Bồ-tát có bốn pháp, lấy căn lành làm đầu, để xây dựng tâm Bồ-đề, đó là:

1. Thành tựu đầy đủ tướng tốt, mở cửa làm việc ban cho lớn.

2. Tu hành thanh tịnh cõi Phật, thực hành đủ các loại ban phát.

3. Trí tuệ trong sáng, điều phục lòng cao ngạo.

4. Đầy đủ trí tuệ, tu tập sự học rộng.

Rồi Phật nói kệ:

Thường mở cửa đại thí
Tới được bờ tướng tốt
Khéo làm việc ban cho
Được đến cõi Tịnh độ.
Không bao giờ cao ngạo
Mãi cầu trí tuệ Phật
Tập nghe không đầy đủ
Có lợi cho trí tuệ.
Được diệu tướng như vậy
Là cách khởi đạo căn
Tâm khéo tùy chỗ chuyển
Tu tập công đức trước.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp luôn được mừng vui:

1. Vui mừng khi thấy Phật.

2. Thấy các Bồ-tát khác thắng tinh tấn, trong lòng mừng vui.

3. Nói như vầy: "Đến bao giờ, ta mới được thọ ký đạo Vô thượng Bồ-đề! Đến bao giờ ta mới làm Phật sự cho chúng sinh đây!"

4. Sinh mừng vui đối với trí tuệ Phật.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Biết đến bao giờ, ta gặp Phật
Sinh lòng mừng vui muốn thấy Phật
Thấy Bồ-tát thắng tinh tấn khác

Sinh vui ưa tu tinh tấn này.
Đến bao giờ ta mới đủ đức
Để được thọ ký, chứng Bồ-đề
Thắng trí phương nào làm Pháp vương
Bồ-tát thường sinh sướng vui này.
Đến bao giờ làm được việc Phật
Được trí thần thông, đến bờ kia
Tiếng khen vang khắp mười phương cõi
Bồ-tát thường sinh sướng vui này.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn điều không vui lòng, đó là:

1. Không vui, khi được khen ngợi về những công đức không có thật mà được lợi dưỡng.

2. Không vui, khi được hưởng niềm vui sang giàu của Thích, Phạm, Hộ thế và Trời, Người.

3. Không vui, với tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác.

4. Không vui, khi được cúng dường hơn cả ngoại đạo.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Danh dự, lợi dưỡng đều không mừng
Thân mạng, tài sản cũng như vậy
Không vui Thích, Phạm và hộ đời
Các cõi tà này, đều vô thường.
Không vui Duyên giác và Thanh văn
Chỉ một lòng hướng đến Tối thắng
Không thích ngoại đạo, thiền thế gian
Không ưa thân kiến và biên kiến.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp ủng hộ tâm Nhất thiết trí:

1. Giảng giải phải nói đúng như pháp, trụ đúng như pháp, làm đúng như pháp.

2. Đối với các chúng sinh, tâm phải luôn bình đẳng.

3. Sinh tâm rất ham muốn.

4. Bảo vệ pháp lành.

Rồi Phật nói kệ:

Nói, làm, ngừng, nghỉ, đều như pháp
Chúng sinh cầu đạo, tâm bình đẳng
Bốn thắng pháp này, khéo an trụ
Đem lòng giữ đạo, không để mất.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp, rất nên làm:

1. Tu tập việc nghe rộng.

2. Nhớ nghĩ điều nghe rộng.

3. Nói về điều được nghe.

4. Không thoái lui sự vắng lặng.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Luôn cần tu tập điều chưa nghe
Luôn luôn nhớ nghĩ điều nghe rộng.
Đối với nghe rộng thường xuyên nói
Siêng năng tu tập sẽ được thiền.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai pháp để định tâm Nhất thiết trí mà thực hành việc bố thí, đó là:

1. Chuyên tâm nhớ nghĩ về thiền định.

2. Xả bỏ, không mong cầu quả báo.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Đem tâm vui vẻ mà ban cho
Không mong quả báo khi đã cho
Tất cả đều bỏ, hướng Bồ-đề
Cho rồi, tâm định, chứng Bồ-đề.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai pháp, lấy Nhất thiết trí làm đầu, để tu trì Tịnh giới, đó là:

1. Đối với tất cả chúng sinh không có tâm làm tổn hại.

2. Sinh tâm đại Bi đối với người phá giới.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Không sinh tâm hại phá
Trên, dưới, giữa: Bình đẳng
Sinh nhiều lòng thương lớn
Với chúng sinh nghịch ác.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai pháp, lấy Nhất thiết trí làm đầu, để tu hạnh Nhẫn nhục, đó là:

1. Tự bỏ cái vui của mình.

2. Đem niềm vui cho người.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Không cầu vui cho mình
Vì lợi ích người khác
Nhẫn nhục được như vậy

Bồ-đề Phật, làm đầu.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai pháp, lấy Nhất thiết trí làm đầu, để tu hạnh Tinh tấn, đó là:

1. Tâm Bồ-đề làm đầu.

2. Không bỏ các chúng sinh.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Tất cả hạnh trong sạch
Lấy đạo tâm làm đầu
Không thấy ta, chúng sinh
Tinh tấn không hủy diệt.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu hai pháp, lấy Nhất thiết trí làm đầu, để tu hành Thiền định, đó là:

1. Nhập định theo phương tiện.

2. Xuất thiền theo sức của bản nguyện.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Người dũng mãnh luôn khởi
Người trí hành thiền định
Chiến thắng các phiền não
Mãi luôn được thiền định.
Xuất thiền theo sức nguyện
Đáng là bậc Đạo sư
Người có đức như vậy
Chứng đắc nơi thiền định.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu hai pháp, lấy Nhất thiết trí làm đầu, trí tuệ sẽ có:

1. Tự xa lìa các kiến.

2. Đoạn trừ tất cả kiến chấp của chúng sinh để tu hành trí tuệ.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Xa lìa các kiến chấp
Tu vì lợi chúng sinh
Thắng trí được hiện tiền
Trí an ổn hành đạo.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp, Phương tiện sẽ có:

1. Đem lòng lành thương xót chúng sinh, làm việc để cứu độ.

2. Tấm lòng thương xót chân thật, không mỏi mệt.

3. Ưa thích đối với pháp, mà sinh lòng vui vẻ.

4. Xa lìa các phiền não, để không có khiếp nhược.

Đây là bốn.

Phật nói kệ:

Lòng từ không sân tức
Lòng bi không mệt mỏi
Dùng pháp sinh vui vẻ
Bỏ phiền não, không sợ.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp không nhàm chán, đó là:

1. Nghe nhiều không nhàm chán.

2. Tu tập công đức mãi, vẫn không thỏa mãn điều cầu mong.

3. Ở chốn vắng lặng nhưng cũng chưa thỏa mãn điều cầu mong.

4. Hồi hướng cũng chưa đủ sự thỏa mãn mong cầu.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Tạo đức, nghe nhiều, chưa thỏa mãn
Ở chốn vắng lặng chưa thỏa mãn
Hồi hướng phước đức chưa thỏa mãn
Đó là Bồ-tát bốn không chán.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp không đủ:

1. Bồ-tát nhớ nghĩ đến Phật ở thời quá khứ, mà suy nghĩ như vầy: "Chư Phật đều tu tập Bồ-đề tối thắng. Sao mình lại không tu tập?"

2. Nhớ nghĩ đến chư Phật ở đời vị lai, biết mình cũng có ở trong số đó.

3. Nhớ nghĩ Phật ở hiện tại.

4. Khi nhớ nghĩ Phật nên khởi lên suy nghĩ: "Chư vị Phật đã hiểu rất rõ tất cả các pháp, nên trong lúc nhớ nghĩ không có khiếp nhược".

Rồi Đức Phật nói kệ:

Nhớ nghĩ Phật quá khứ
Tâm trí không khiếp nhược
Phật kia đắc đạo quả
Sao mình lại không được.
Nghĩ đến Phật vị lai
Mình cũng trong số đó
Tinh tấn không dao động
Quyết định ở số này.
Hiện tại nhớ Đạo sư
Khi hành Bồ-tát đạo

Mình sẽ trừ phiền não
Chứng Bồ-đề vắng lặng.
Hiểu rõ tất cả pháp
Chỗ trụ như chỗ muốn
Không sinh tâm khiếp sợ
Tinh tấn sinh bội lần.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp không thoái lui, đối với Đại thừa, đó là:

1. Tâm ấy như đất.

2. Tâm ấy như nước.

3. Tâm ấy như lửa.

4. Tâm ấy như gió.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Tâm giống như đất, nước
Tâm cũng như gió, lửa
Làm không làm như nhau
Không đắc đạo, không lui.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp hiểu rõ vô ngã:

1. Bồ-tát suy nghĩ thế này: "Ta phải biết tất cả tư tưởng, hành động trong cảnh giới của các chúng sinh. Ta phải biết các căn trong cảnh giới của các chúng sinh, để vì họ mà nói pháp. Ta phải đoạn trừ tất cả phiền não trong cảnh giới của các chúng sinh, để vì họ mà thuyết pháp.

2. Trí Phật vô lượng, chúng ta cần phải hiểu rõ.

3. Thật chẳng phải thân ta cũng chẳng phải tâm ta, là có thể hiểu rõ được pháp này, các pháp lành của ta, mới có thể hiểu rõ pháp này.

4. Không có ngã, thì gọi là Bồ-tát.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Tâm, hành của chúng sinh
Là không thể nghĩ bàn được
Phiền não vọng phân biệt
Vọng tưởng sinh phải trái.
Trí Phật cũng như vậy
Vô lượng, không nghĩ bàn
Sức của Ta chẳng thể
Hiểu rõ nơi trí Phật
Phiền não khiến ngược lại

Không sắc, không thể thấy
Ta nên đoạn trừ hết
Rõ bày đạo giải thoát.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp không có khiếp nhược:

1. Nguyện làm các căn lành.
2. Tu tập trí tuệ phương tiện.
3. Tu tập tín, tấn, niệm, lực.
4. Tin tưởng nơi đạo Vô thượng.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Khéo vui vẻ, thấm nhuần
Các hương, phương tiện tuệ
Tín, tấn, niệm và lực
Đạt được đạo giải thoát.
Bốn pháp trí tuệ này
Trì pháp không nhàm chán
Không mệt mỏi xa lìa
Cứu giúp cho thế gian.

-oOo-

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG
NHƯ LAI BÍ MẬT TẠNG

QUYỂN HẠ

Này thiện nam! Có bốn pháp chướng ngại, Bồ-tát phải nên biết rõ, đó là:

1. Chê bai chánh pháp.
2. Bỏn sẻn với giáo pháp.
3. Ôm lòng tăng thượng mạn.
4. Tu định Vô sắc.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Có bốn điều chướng ngại
Tổn hại tâm Bồ-đề
Bồ-tát cần phải biết
Nên mau mau xa lìa.
Với chánh pháp: Chê bai
Học rộng mà bỏn sẻn
Tăng thượng mạn, cống cao
Nhập thiền định không tốt.
Nên hộ trì chánh pháp
Học rồi phải truyền dạy
Bỏ kiêu mạn, cao ngạo
Thiền định, xa lìa không.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp cần phải mau chóng hành động, đó là:

1. Phải dùng sự hiểu biết để hành động, không dùng tâm cao ngạo.

2. Có căn lành thì đem hồi hướng đạo Bồ-đề, không nên hướng đến hạ thừa.

3. Đối với các cõi, không sinh tâm dính mắc. Nếu đã có dính mắc vào thì phải một lòng vì chúng sinh ở đó mà hóa độ.

4. Ngày đêm ba thời luôn luôn tu ba phần. Diệt trừ tội lỗi, để không

tạo ác nghiệp ở đời sau.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Dùng trí hành động, không dùng mạn
Hồi hướng vô thượng, không hạ thừa
Người trí không tin, nơi các hữu
Phát tâm lợi ích cho chúng sinh.
Ngày đêm ba thời cũng như vậy
Ba phần hối lỗi, trước diệt ác
Không làm điều ác, tập việc lành
Người trí nên tu nghiệp lành này.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn pháp để được hoàn hảo, đó là:

1. Không tự khen mình.

2. Không coi thường người.

3. Xa lìa điều ác.

4. Trừ bỏ các tánh cao ngạo.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Không tự khen mình, chẳng khinh người
Điều ác đã làm nguyện sám hối.
Không cho mình cao rồi ngạo người
Giữ tâm ngay thẳng, tu hạnh lành.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai pháp mau chóng làm cho ngay thẳng chân chánh, đó là:

1. Nếu có ai hỏi điều gì, thì cứ như thật mà đáp.

2. Trước đã thấy điều gì, thì không nên che giấu.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Trả lời theo câu hỏi
Không giấu điều đã thấy
Thà xả bỏ thân mạng
Quyết không hề nói dối.
Ngay thẳng đối với pháp
Đấy là gốc hiền thiện
Người ấy được chân chất
Mau hiểu đạo Bồ-đề.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai pháp không có nịnh hót, dối trá, đó là:

1. Tuy được nhiều lợi dưỡng nhưng không muốn ca ngợi phước đức của mình.

2. Không được lợi dưỡng cũng không nên tự đề cao mình.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Tuy được nhiều lợi dưỡng
Không tự khen đức mình
Người trí không ham muốn
Không nịnh hót, để được.
Giả sử không lợi dưỡng
Là nghiệp mình vốn vậy
Không muốn hơn người khác
Để nghiệp kia thuần thục.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai pháp, không mong cầu người khác đền đáp, đó là:

1. Ta phải vì lợi ích cho chúng sinh chứ không bao giờ để cho chúng sinh làm lợi ích cho mình.

2. Ta cần phải hiểu biết, chỉ vì để giác ngộ.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Ta vì lợi chúng sinh
Gánh vác cho mọi người
Ta cầu đạo Vô vi
Không mong người trả báo.
Ta không cầu hữu vi
Chỉ cầu đạo Vô vi
Ta bảo vệ thế gian
Chẳng mong được đền đáp.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai pháp, việc không nên làm cần phải làm, đó là:

1. Đối với người không biết ân nghĩa nhưng vẫn thường giúp đỡ.

2. Đối với người biết ân nghĩa, càng phải gánh vác trọng trách.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Chúng sinh không biết ân
Không mong cầu đền đáp
Các ấm, giới và nhập
Đều làm vì Bồ-đề.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai pháp, nên đến những chỗ này, đó là:

1. Thường gặp chư Phật.

2. Thường gặp gỡ đãi ngộ các vị hàng Bồ-tát.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Hai chỗ thường nên gặp
Là nơi tăng chủng tánh
Thường gặp chư Như Lai
Bậc Bồ-tát, hiểu biết.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai pháp, không nên tu, đó là:

1. Không cùng người tu hạnh Thanh văn ở chung.

2. Không sợ hãi những chỗ vắng vẻ, tăm tối.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Không cùng ở chung với
Người tu hạnh Thanh văn
Không sợ hãi các nẻo
Nương nơi chỗ vắng lặng.

Này thiện nam! Đó gọi là mới nhập vào pháp căn bản Như Lai mật tạng. Bồ-tát nào, nếu nhập vào pháp căn bản ban đầu này, thì Bồ-tát đó có thể thành tựu được pháp Như Lai bí mật tạng.

Khi Thế Tôn thuyết pháp ban đầu nhập Như Lai mật tạng này, có sáu vạn chúng sinh trời, người đều phát tâm Vô thượng chánh chân, có mười ngàn Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Có năm trăm Tỳ-kheo không nhiễm thọ các pháp, vĩnh viễn dứt trừ các nhơ bẩn, tâm được giải thoát. Khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới, chấn động sáu cách, hào quang lớn chiếu khắp nơi âm nhạc trời, người không đánh tự kêu. Trời, Người, A-tu-la… đồng thanh xướng lên ba lần như vầy: "Chúng sinh nào được nghe pháp Như Lai Mật Tạng, chắc chắn được lợi ích an lành. Nếu có ai viết chép, thọ trì, đọc tụng, tu hành đúng như lời thuyết, thì các chúng sinh này, sẽ không mất pháp Như Lai bí mật tạng".

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, nghe pháp Như Lai mật tạng này rồi, bèn suy nghĩ: "Ta nên dùng pháp gì, để cúng dường Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri". Rồi lại nghĩ tiếp: "Vật ở ngoài dễ bỏ, vật bên trong khó bỏ. Ta nay nên dùng thân để cúng dường Như Lai, Thế Tôn". Nghĩ rồi, liền bay lên hư không, nói kệ:

Con xin dùng thân này
Cúng dường Chánh Biến Tri
Dùng pháp Xả vô thượng
Nguyện như Bậc Đạo Sư.
Cúng dường Lưỡng Túc Tôn
Việc này không là khó

Cũng chẳng là hiếm có
Đó là thân cúng dường.
Con cúng Bậc Vô Đẳng
Dâng thân, Bậc Từ Nhãn
Vì trời, người cúng dường
Như sư tử trí lớn.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương liền phóng thân đến chỗ Như Lai. Trong lúc đang đi đến chỗ Như Lai nhờ thần lực của Phật nên có nhiều hoa kỳ lạ, với màu sắc đặc biệt khác lạ, chưa từng thấy rất là đẹp, rực rỡ, trang nghiêm, sạch trong rải trên Như Lai. Còn thân Bồ-tát này không rơi xuống đất, cũng không hiện ở hư không. Vì các loại hoa này, bay đến trên thân Phật, tức khắc trở về trụ trong hư không, biến thành tràng hoa lớn, phủ khắp bốn thiên hạ. Trong tràng hoa này, có loại hoa treo lủng lẳng, có hoa xâu thành dây, tất cả đều phát ra ánh sáng lớn. Trong hào quang này, lại hiện ra hoa sen tươi đẹp. Trên hoa sen, có các Bồ-tát ngồi, giống như Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương. Các Bồ-tát này từ trên hoa bước xuống, đảnh lễ sát chân Phật, đồng thanh cất lời thỉnh cầu: "Cúi xin Đức Thế Tôn, nói pháp Như Lai bí mật tạng, để cho chánh pháp không bị cắt đứt và để cho quyến thuộc bảo vệ Như Lai mật tạng".

Bấy giờ, Đại đức Ca-diếp sinh tâm vui vẻ, ca ngợi điều chưa từng có và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, dùng thân trang nghiêm cúng dường Như Lai. Đã dùng thân cúng dường Như Lai rồi, Bồ-tát lại hiện ra các điều trang nghiêm. Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn, làm cho tất cả chúng sinh, cũng được thân trang nghiêm như vậy. Nguyện cầu Như Lai thường trụ ở đời. Bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay rất sung sướng, được lợi ích lớn, mới thấy Đại Trượng Phu và được nghe thuyết pháp.

Phật bảo Đại Ca-diếp:

–Ông thấy Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương không?

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy!

Phật nói:

–Ca-diếp! Thiện nam này đã ở hằng hà sa số chỗ của chư Phật, thường xuyên hỏi đáp luận bàn pháp Như Lai bí mật tạng; ở chỗ chư Phật trong hiền kiếp, cũng sẽ thưa hỏi pháp Như Lai bí mật tạng như vậy.

Đại Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lành thay! Cúi xin Thế Tôn trình bày, diễn nói pháp

Như Lai bí mật tạng, như Bồ-tát này đã thưa hỏi vậy.

Phật bảo Đại Ca-diếp:

–Ông hãy chú ý lắng nghe, một ít phần giáo pháp Như Lai mật tạng. Vì sao? Vì nếu ở trong một kiếp, mà nói hết pháp này, thì không thể hết được.

Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy.

Ca-diếp và đại chúng đều chuẩn bị lắng nghe lãnh nhận lời Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Ý ông thế nào? Ông cho rằng, khi ta hành đạo Bồ-tát, xả bỏ tay, chân, đầu, mắt, mũi, lưỡi, da, thịt, xương, tủy, máu mủ, vợ con; tóm lại là xả bỏ đến tất cả tài sản. Nơi nào, chốn nào, Bồ-tát cũng bị phiền não thúc ép. Các chúng sinh này, không đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và các đường ác. Vì sao? Vì chí nguyện của Bồ-tát vốn trong sạch, đại thệ nguyện cũng trong sạch và có đầy đủ giới, nên đối với chúng sinh này chỉ thuần nhất với lòng thương xót lớn và lòng kiên nhẫn. Vì dùng lòng lành lớn, dùng pháp công đức lớn, kiên cường, tinh tấn, nhất định hướng đến Đại thừa, tự tâm trong sạch phát, nguyện lớn rộng rãi, không chỉ tự vui. Các chúng sinh nào, có quấy nhiễu xúc phạm, đánh chửi Bồ-tát, thì nhờ ân đức của Bồ-tát, vẫn không đọa vào đường ác.

Ca-diếp! Ta dẫn một ví dụ để ông hiểu rõ nghĩa này. Ví như có người bị bệnh, đến lương y cho thuốc nhưng người bệnh này lại chê bai cả thuốc và vị lương y. Trước thì chê bai thuốc, nhưng sau lại dùng thuốc. Ca-diếp! Ý ông thế nào? Thuốc bị chê bai, nên không là thuốc chăng? Bệnh không chữa được chăng?

–Bạch Thế Tôn! Không phải! Tuy bị chê bai nhưng dược tánh của thuốc không mất, nên có thể chữa lành bệnh được.

–Đúng vậy, Ca-diếp! Bồ-tát cũng giống như thuốc và vị lương y kia. Tuy không được cung kính và bị các phiền não bức bách nhưng Bồ-tát này vẫn thuần trong sạch, ý chí không bị khuyết giảm; giống như châu báu được thành tựu, là do tánh chất của nó đã được gạn lọc trong sạch, không có vết bẩn. Nên có trời, người chê bai không cung kính châu báu. Ca-diếp! Ý ông thế nào? Châu báu này bị chê bai có mất năng lực quý báu không?

–Bạch Thế Tôn! Không.

Phật nói:

–Ca-diếp! Châu báu trong sạch này giống như ý chí trong sạch của

Bồ-tát kia vậy. Tất cả chúng sinh tuy không cung kính, nhưng công đức không bị tổn giảm. Giống như đèn dầu lớn, nếu có hàng trời, người phá hoại, nó có bị tối đen đi không?

–Bạch Thế Tôn! Không!

–Ca-diếp! Ý chí thuần sạch của Bồ-tát cũng như vậy. Tuy bị các não bức bách, nhưng không mất đặc tánh ấy. Ca-diếp! Do điều này, nên biết chúng sinh tuy có quấy nhiễu Bồ-tát nhưng không bị rơi vào đường ác. Vì sao? Vì do bản nguyện của Bồ-tát là trong sáng nên chỗ nguyện đó được thành tựu.

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu ý nghĩa lời Phật dạy, là nếu ai khởi lên nghiệp không tốt đối với Như Lai, thì chúng sinh đó cũng không sợ rơi vào đường ác.

–Đúng vậy, Ca-diếp! Nếu có chúng sinh nào, đối với lòng thương rộng lớn của Như Lai, mà sinh lòng tin tưởng, cung kính, tinh tấn thâm nhập, nếu Phật ở hiện tại hay sau khi Phật diệt độ, hoặc có cúng dường Như Lai và tháp; hoặc đem cờ đèn, tràng hoa, hương thơm để đốt để thoa; hoặc vật báu, y phục và thức ăn uống, tùy theo vật dụng ở mỗi nơi, hoặc lấy, hoặc ăn, hoặc tự mình lấy hay bảo người lấy. Ca-diếp! Ta vẫn nói người này, không có phạm tội. Ca-diếp! Bần cùng là điều khổ nhất. Vì không biết cung kính, nên làm việc cướp đoạt, không biết sợ hãi. Không tin tưởng cung kính nên không hiểu gì về nghiệp, không lo sợ quả báo. Vì lòng tham cầu nên khó điều phục. Nhiều tham, sân, si, không biết hổ thẹn, hung dữ, ngang tàn, ác độc; không suy nghĩ Như Lai có lòng đại Từ bi; không tin Như Lai làm nhiều lợi ích cho chúng sinh; nên lấy vật trong tháp Như Lai, cho đến dùng đủ mánh khóe hoặc tự mình lấy hoặc bảo người lấy. Ta nói người này, không phạm tội nhỏ nào. Ta nói người kia, không rơi vào đường ác. Ca-diếp! Nếu chúng sinh nào, đối với vật của Như Lai và vật cúng tháp Phật, mà tự lấy hay bảo người lấy. Như Lai ắt biết người ấy, thấy được người ấy sẽ rơi vào nẻo ác. Lại dùng lý do này để cắt đứt các phiền não. Vì sao? Vì tâm hành của người này là muốn ủng hộ Phật. Ca-diếp! Nếu đối với Như Lai hoặc tháp của Như Lai, có lý do sinh tâm nhớ nghĩ cho đến khởi lên một chút lòng hối cải. Ca-diếp! Tâm chúng sinh này, sẽ tự hối cải. Vì duyên sinh tâm sám hối đối với Như Lai, nên họ lìa khỏi tất cả tội lỗi sinh tử, phiền não được bào mòn. Ca-diếp! Ví như có người rớt xuống mặt đất. Rớt xuống đất rồi, lại dựa vào đất mà đứng dậy được. Cũng vậy, Ca-diếp! Chúng sinh nào đối với Như Lai sinh tâm không tốt rơi ngay vào đường ác. Đã rớt xuống đường ác rồi, nhờ có nhân duyên với Như Lai mà mau chóng

được thoát khỏi tai nạn ấy. Vì sao gọi là nhờ có duyên với Như Lai. Vì họ đã có ân nặng đối với Như Lai.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người này đã dùng tâm xấu ác như vậy, mà có thể sinh tâm nhớ nghĩ đến Như Lai để được lợi ích lớn, huống chi người có tâm trong sạch.

Phật bảo:

–Ca-diếp! Đúng như lời ông nói, nếu có chúng sinh nào, phát khởi một niệm với Như Lai, nhớ nghĩ đến Như Lai, quán tưởng Như Lai, thì tất cả đều sẽ chứng quả Niết-bàn.

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu lời Phật dạy là thà khởi nghiệp không tốt đối với Như Lai, còn hơn làm việc cúng dường, ban phát cho tà kiến, ngoại đạo. Vì sao? Vì nếu khởi nghiệp không tốt với Như Lai, còn có thể sám hối, cuối cùng chắc chắn đến Niết-bàn. Còn theo tà kiến, ngoại đạo, thì sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

–Này Ca-diếp! Đúng như lời ông nói, giả sử có hàng trời, người mạ nhục, muốn trừ khử hương chiên-đàn, nên dùng tay cao đánh, cho nó rớt xuống đất. Ca-diếp! Ý ông thế nào? Người như vậy, còn có hương gì không?

–Bạch Thế Tôn! Người đó vẫn còn hương chiên-đàn.

–Đúng vậy, Ca-diếp! Nếu có chúng sinh nào, dùng mắt thấy, tai nghe và miệng ca ngợi Như Lai. Nên biết, người này có hương giải thoát. Ca-diếp! Nếu có người cầm nắm phân ô uế, rồi dùng các loại ca nhạc, hương hoa, cúng dường Như Lai. Người như vậy có loại hương gì?

–Bạch Thế Tôn! Người này chỉ có mùi phân ô uế hôi thối.

–Đúng vậy, Ca-diếp! Người nào thân cận, cung kính, cúng dường các ngoại đạo; nên biết người đó cũng như vậy, mọi cái thấy đều sợ hãi, sợ ở địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, tin tưởng Như Lai có tấm lòng Từ bi rộng lớn, ân cần, tôn trọng, tin tưởng, cung kính, trừ diệt tâm cao ngạo, không có tham, sân và ngu si, ý chí quyết định, hiểu rõ nghiệp báo, chân thật không giả dối lừa gạt; có lòng tin đối với những cái có được trong sạch của Như Lai. Các căn không tham không dối trá quanh co; ý chí không hư hoại; thành tựu lòng tin trong sạch; tin Phật có lòng đại Bi, đem lợi ích lớn cho chúng sinh; tin bản hạnh Phật; tin tưởng nơi Như Lai, không bỏ tất cả chúng sinh; những người có tâm như vậy, có ý như vậy; giả sử còn thiếu các vật cần dùng như cơm, nước, thuốc men, nên chưa đắc đạo quả, chưa nhập chánh vị.

Nếu được các vật cần dùng mà đắc đạo quả, nhập chánh vị. Hoặc có người đói khát, gầy ốm không thể tu thiện, không đắc đạo quả. Tất cả những người này, nếu lấy những vật cần dùng của Đức Phật như y phục, cơm nước, thuốc men để ăn mặc. Này Ca-diếp! Ta nói những người này, không bị quả ác. Ca-diếp! Đó gọi là pháp Bí mật tạng của Như Lai. Nên biết, để khéo léo bí mật thọ lãnh, giữ gìn, không nên trình bày trước những kẻ bị nhiễm vào chấp kiến, sẽ làm cho họ tăng nặng tà kiến.

Ca-diếp! Sao gọi là hiểu? Nghĩa là hiểu rõ tất cả pháp của Như Lai nói. Sao gọi là trói buộc? Ca-diếp! Trói buộc là do tham đắm. Sao gọi là giải mở? Nghĩa là không tham đắm, không phân biệt có hai. Ca-diếp! Ta nay không nói điều vô trước này gọi là phạm. Vì sao? Ca-diếp! Vì phiền não yếu kém từ hư không sinh ra. Ca-diếp! Nếu điều đó không thật, không bị sinh thì gọi là thật. Ca-diếp! Ta đưa ra ví dụ, để trình bày điều không thật, việc vọng tưởng. Ca-diếp! Ví như có người, đem đốm lửa nhỏ như hạt cải, thổi cho nó lớn ra dần dần, thiêu đốt cả đồ vật, thành đống lửa lớn. Cũng vậy, Ca-diếp, người phàm phu ngu si, chỉ khởi một tí suy nghĩ giả dối bất chánh, chìm đắm, cố chấp, tùy theo sự vọng tưởng tùy vào các nơi, do đó mà tăng trưởng sự ràng buộc của phiền não. Ca-diếp! Nếu có lửa lớn như núi Tu-di, nhưng không dựa vào đâu cả. Ca-diếp! Ý ông thế nào? Lửa như vậy thì lan tràn hay tiêu diệt?

–Bạch Thế Tôn! Lửa này sẽ bị tắt, không có lan tràn.

–Ca-diếp! Các phiền não là ý tưởng giả dối, không thật. Nếu đã không khởi, không dính mắc, không vọng tưởng, không ưa thích, không phân biệt, sẽ dần dần tiêu diệt, không thể tăng trưởng. Ca-diếp! Do việc này, nên biết rõ phiền não là vọng tưởng, yếu kém, không thật, là không chân thật.

Ca-diếp! Ví như có người đến căn nhà có nhiều chất độc hại, dù không bị ngộ độc nhưng vì sợ hãi, ôm nỗi thống khổ, kêu lớn: "Tôi bị ngộ độc rồi, tôi bị ngộ độc rồi". Các vị lương y giỏi đem thuốc không thật đến cho người bệnh này, để trị bệnh không thật, nên người này thoát khỏi các khổ. Ca-diếp! Ý ông thế nào? Nếu vị lương y đó đem thuốc thật đến cho người này, thì người ấy có còn sống không?

–Bạch Thế Tôn! Không. Vì người này thật sự không ăn trúng độc, chỉ sinh tư tưởng ngộ độc, nên chỉ cần thuốc không thật để trị bệnh.

–Đúng vậy, Ca-diếp! Các hàng phàm phu bị khổ não vì phiền não không thật, cho nên Như Lai thuyết pháp không thật.

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thuyết pháp không chân thật sao?

–Ca-diếp! Theo chỗ ông hiểu thì sự chân thật này là không chân thật

sao?

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu là không có chân thật. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì dùng không sạch để chống lại ham muốn. Từ Bi chống lại tức giận, nhân duyên chống lại ngu si. Bạch Thế Tôn! Nếu cái không sạch là thật thì không thể trừ cái ham muốn không thật; cũng chẳng phải ham muốn sinh cái thấy không sạch. Nếu ngu si là thật, khởi tâm ngu si rồi, thì chẳng phải nhân duyên chống lại được, cũng chẳng phải nhân duyên là có thể diệt trừ ngu si. Bạch Thế Tôn! Thế nên, tất cả trói buộc phiền não và pháp đoạn trừ phiền não, cả hai đều không thật, không vật, không định, không có thành tựu. Cho nên các phiền não đều không thật. Đến gần với không thật liền bị trừ bỏ. Bạch Thế Tôn! Phiền não không đi. Vì sao? Vì nếu có trừ bỏ thì là có đi. Nếu đã có đi, liền có đến. Thế nên, bạch Thế Tôn! Tất cả những trói buộc của phiền não là không đi không đến. Vì vậy, nên biết tất cả pháp hữu vi là không đến, không đi, gọi đó là lìa phiền não.

–Ca-diếp! Như Lai mật tạng này nói tất cả pháp, tánh vốn trong sạch.

–Bạch Thế Tôn! Theo lời Như Lai nói, thì mười đường ác, tánh nó không nhơ, bản tánh nó sạch sao?

–Đúng vậy, đúng vậy! Ca-diếp. Vì sao? Vì không có quyền lực mà phạm tội sát sinh; không phải thân tín mà phạm tội trộm cướp; người có chủ, có bảo hộ mà phạm tội tà dâm; chẳng phải vì bảo vệ người khác mà phạm tội nói dối, chẳng phải vì điều phục mà phạm tội nói ác; chẳng phải vì sự phá hoại cao ngạo, khủng bố của tà kiến, ngoại đạo, mà phạm tội hai lưỡi; không vì thức ăn mà phạm tội nói thêu dệt; không dạy điều dối trá, xấu xa mà phạm tội tức giận, không có mong cầu tăng trưởng căn lành mà gọi là tham lam, không có gần gũi người có quyền lực, ý ít nói lời bất chánh mà phạm tội tà kiến. Ca-diếp! Mười đường ác này, nếu không chấp chặt, ta nói người kia không có lỗi. Ca-diếp! Mười đường ác này, nếu không chấp chặt, gọi là không phạm. Như vậy, Ca-diếp, tất cả phiền não nếu không chấp chặt, ta nói không phạm. Ca-diếp! Người không có sự dính mắc gọi là lìa kiến chấp.

–Bạch Thế Tôn! Trong mười nghiệp ác, thì cái nào là nặng nhất?

–Ca-diếp! Trong mười nghiệp ác này, sát sinh và tà kiến là nặng nhất. Ca-diếp! Các điều ác không tốt nó ở bất cứ nơi đâu. Nếu không trụ vững, không giữ vững, không nắm vững, thì tất cả ta đều nói là không phạm. Này Ca-diếp! Nếu có một ít nghiệp ác không tốt lành, mà trụ vững, giữ vững, nắm vững, ta gọi tất cả đó là phạm tội. Ca-diếp! Năm tội về vô gián, nếu không cố trụ vững, cố giữ vững, cố nắm vững, sinh tâm trụ nơi kiến, ta nói

người kia phạm tội. Huống chi chỉ trừ ít nghiệp ác không tốt lành. Ca-diếp! Ta không dùng pháp không tốt lành, mà được Bồ-đề, cũng không dùng pháp lành mà được Bồ-đề. Ca-diếp! Nếu dùng pháp không tốt lành, mà được Bồ-đề thì các phàm phu cũng được Bồ-đề; còn nếu dùng pháp lành mà được Bồ-đề, thì tất cả cỏ, cây, rừng, đều bị thiêu đốt, sẽ được sinh trưởng trở lại. Ca-diếp! Ta hỏi ông, vì sao Như Lai chứng đắc Bồ-đề?

–Bạch Thế Tôn! Phật là pháp căn bản, Thế Tôn là mắt. Thế Tôn là chỗ dựa. Theo lời Thế Tôn mà cùng nhau thờ phụng tu hành.

Phật bảo:

–Ca-diếp! Hiểu rõ phiền não từ nhân duyên sinh gọi là đắc Bồ-đề. Ca-diếp! Sao gọi là hiểu rõ phiền não từ nhân duyên sinh? Hiểu rõ pháp khởi không tự tánh này, là pháp vô sinh. Hiểu như vậy, thì gọi là đắc Bồ-đề. Ca-diếp! Chỉ ví dụ danh từ, gọi là được Bồ-đề, chứ Bồ-đề này, không dùng văn tự, ngôn ngữ nói mà chứng đắc. Nếu không văn tự, không ngôn ngữ, không thuyết giảng, thì không đắc Bồ-đề. Đây là nghĩa thứ nhất. Ca-diếp! Theo lời ông hỏi, trong mười ác nghiệp, điều gì là nặng nhất. Ca-diếp! Ví như người có cha đắc đạo Duyên giác, người con giết cha, gọi là tội nặng trong giới sát sinh. Cướp đoạt vật của Tam bảo, gọi là tội nặng trong giới trộm cướp. Nếu lại có người mẹ xuất gia, đắc đạo La-hán, mà làm điều không trong sáng, đây là tội nặng trong giới dâm dục. Nếu dùng điều không thật chê bai Như Lai, gọi là tội nặng trong giới nói dối. Nếu nói hai lưỡi, làm tổn hại đến Hiền thánh Tăng, đấy là tội nặng trong giới nói hai lời. Nếu mạ nhục Thánh nhân là tội nặng trong giới nói lời ác. Nói lời xấu làm loạn người cầu pháp là tội nặng trong giới nói thêu dệt. Nếu mới phạm năm nghịch tội, là tội nặng của lòng sân tức. Nếu muốn cướp đoạt vật của người giữ giới trong sạch là tội nặng của lòng tham lam. Biên kiến là tội nặng của tà kiến.

Ca-diếp! Mười đường ác đạo này là nặng nhất. Ca-diếp! Như Lai biết mười ác nghiệp này là nặng nhất. Ca-diếp! Nếu có một người phạm đủ mười ác nghiệp này, mà nếu chúng sinh ác này, hiểu rõ pháp nhân duyên Như Lai đã nói, trong đó, không có thọ, mạng, chúng sinh, không nhân, không trượng phu, không ngã, không tuổi nhỏ, không người tạo nghiệp, không người thọ, người khởi, không người biết, không người thấy, không Phúc-già-la, không sinh, không diệt, không hành; đây là tận pháp, không nhiễm, không đắm, không tốt xấu, bản tánh trong sạch. Tất cả các pháp, bản tánh luôn trong sạch, phải hiểu rõ, tin tưởng, thâm nhập. Ca-diếp! Ta không thuyết nẻo đến ác đạo, không thuyết quả ác đạo. Vì sao? Ca-diếp!

Vì pháp không tích tụ, pháp không tập hợp, không não loạn. Ca-diếp! Tất cả các pháp sinh diệt đều không trụ, chỉ do nhân duyên hòa hợp mà sinh khởi, khởi rồi lại diệt. Nếu tâm sinh diệt, thì tất cả ràng buộc của phiền não cũng sinh rồi diệt. Nếu hiểu như vậy thì không có phạm và chỗ để phạm. Nếu phạm mà có trụ, thì không có điều này. Ca-diếp! Ví như có cái nhà rất tối, đã trăm ngàn năm không thắp đèn, căn nhà tối tăm này, không có cửa ra vào hay cửa sổ, cho đến không có một lỗ nhỏ bằng cây kim, không có một ánh sáng nhỏ nào, của mặt trời mặt trăng, có thể lọt vào. Ca-diếp! Nếu trong căn nhà tối tăm đó, được đốt lên bởi ánh sáng của đèn, của lửa, thì bóng tối đó, có thể nói: "Ta ở đây đã trăm ngàn năm rồi, nay không bỏ đi nữa".

–Bạch Thế Tôn! Không thể được. Vì khi thắp đèn lên, đương nhiên bóng tối sẽ tan mất.

–Đúng vậy! Ca-diếp! Đã tạo nghiệp chướng ở trong trăm ngàn vạn kiếp, nếu tin tưởng lời Như Lai, hiểu rõ pháp nhân duyên, tu hạnh quán sát, chuyên tu định tuệ, xem xét kỹ về không ta, không mạng, không người, không trượng phu… Ta nói người này không phạm, không chỗ phạm, không tập. Ca-diếp! Do đây nên biết, các phiền não rất là yếu kém, dùng trí tuệ đốt sáng, nó không thể tồn tại được.

Ca-diếp! Như Lai giảng nói Mật tạng trụ xứ vô thượng này, là rống to tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp trong sáng mà Trời, Người, Ma, Phạm không thể chuyển được. Nếu có chúng sinh nào, tin pháp Như Lai Bí Mật Tạng này, lãnh nhận giữ gìn như vậy, xem xét như vậy, thì người ấy cũng sẽ rống tiếng sư tử như vậy.

Khi ấy, Đại đức A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương này đã tự dùng thân mình cúng dường Như Lai, thì sẽ dùng thân nào để giác ngộ đạo Bồ-đề?

Bấy giờ, các Bồ-tát trong các đài hoa hỏi A-nan:

–Ý ông thế nào? Có thể dùng thân để giác ngộ Bồ-đề sao? Này A-nan! Chớ nên nhận xét như vậy, phải dùng thân tâm để giác ngộ Bồ-đề.

A-nan hỏi:

–Các bậc Trượng phu nếu chẳng phải thân tâm giác ngộ Bồ-đề, thì nên dùng cái gì để giác ngộ Bồ-đề?

Các Bồ-tát đáp:

–Đại đức A-nan! Thật tánh của thân, là thật tánh Bồ-đề. Thật tánh

Bồ-đề là thật tánh của tâm. Thật tánh tâm, tức là thật tánh tất cả pháp, hiểu rõ tất cả các thật tánh này, gọi là giác ngộ Bồ-đề.

Khi ấy, các vị Bồ-tát đang ở trên các đài hoa, đều đảnh lễ sát chân Đức Phật và bạch:

–Bạch Thế Tôn! Khi chúng con đến cõi đất này, thì Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, mới đắc đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ-tát ở trên các đài hoa đến cõi này, đã bao lâu rồi?

Phật bảo A-nan:

–Các vị Bồ-tát này đã đến chỗ chư Phật Như Lai ở phương dưới thế giới và hằng hà sa thế giới, thỉnh vấn pháp Như Lai bí mật tạng này đã nghe rồi hiểu nghĩa.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã bao lâu?

Phật nói:

–A-nan! Ngàn Đức Phật đã xuất hiện, sẽ xuất hiện, trong hiền kiếp này. A-nan, Đức Như Lai cuối cùng, hiệu là Lô-chí. A-nan! Lô-chí Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác, chúng Thanh văn có rất nhiều. Chúng Thanh văn này tăng nhiều hơn chúng Thanh văn của chư Phật trước đó. Đức Lô-chí Như Lai này thọ ký cho Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, thành đạo Vô thượng. Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, trải qua chín mươi tám kiếp sẽ được thành Phật, hiệu là Trang Nghiêm Vương, cũng ở trong cõi này, chứng đắc đạo Vô thượng. Khi Đức Như Lai Trang Nghiêm Vương ngồi ở cõi này, thì các vị Bồ-tát ở trong các đài hoa mới đến cõi này, mới được nghe pháp Như Lai mật tạng này.

A-nan! Khi ấy, thế giới của Như Lai Trang Nghiêm Vương gọi là Vô lượng công đức trang nghiêm. A-nan! Tất cả cung điện các trời đều ở cõi Dục, trong cõi Phật Trang Nghiêm Vương có một đài báu, là thế giới Ta-bà, bấy giờ gọi là cõi Diệu hảo sắc. A-nan! Thọ mạng của Như Lai Trang Nghiêm Vương là một trăm kiếp. Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp trụ đời đủ mười kiếp, chỉ thuần là Bồ-tát tăng.

Khi nói lời thọ ký Như Lai Trang Nghiêm Vương rồi, lọng hoa phía trên Phật, liền biến mất. Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương hiện

ra đứng phía trước Đức Phật.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bảo vệ và giữ gìn pháp này thế nào, để cho pháp được trụ lâu dài ở cõi Diêm-phù-đề, lớn mạnh và lưu truyền cùng khắp, làm cho các bậc Trượng phu, có thể giữ gìn pháp Như Lai mật tạng, thành tựu các công đức mà chứng được pháp này.

Khi ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

–Giả sử, tánh bốn đại đều biến đổi, tất cả không phải là trương phu, không nghe pháp này, mà cả đời ôm lấy, cũng chẳng ích gì. A-nan, nếu người viết chép, lãnh giữ, đọc tụng thì nên biết, người này đã thọ trì pháp của Như Lai. A-nan! Nếu có người, dùng tay phải cầm bảy báu có đầy khắp hằng hà sa cõi Phật; tay trái cũng cầm bảy báu có đầy khắp hằng hà sa cõi Phật; suốt ngày ba lần, đêm ba lần, đem nó ra ban phát. Người này không lúc nào ngừng nghỉ, trải qua hằng hà sa kiếp. A-nan! Công đức ban phát của người này rất lớn, nhưng nếu có người nào, viết chép, lãnh giữ, đọc tụng kinh điển này, thì công đức tạo ra sẽ hơn người ở trên rất nhiều. Cho nên, A-nan! Các ông nên thọ trì, đọc tụng kinh này, làm cho nó trở thành Pháp khí được khắp nơi nghe biết. Những vị này mới đúng là thọ trì pháp Như Lai bí mật tạng.

Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Vô Lượng Chí Trang Nghiêm Vương, Đại đức A-nan, Đại đức Ca-diếp, tất cả đại chúng, Trời, Người, A-tu-la… nghe Phật nói vậy, đều rất vui mừng.

-oOo-

SỐ 822

PHẬT THUYẾT CHƯ PHÁP DUNG VƯƠNG KINH

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp sư Đàm-ma-mật-đa, người nước Kế Tân.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc, Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng với đại chúng Tỳ-kheo Tăng gồm đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị. Những vị này, trước đây, đều là những Phạm chí bện tóc như Ư-lâu-tần-loa Ca-diếp, Ưu-bà-đề-xá, Kiên-luật-đà đều là những bậc đứng đầu. Tất cả đều là bậc Đại A-la-hán, các nhơ đã sạch, không còn phiền não, được tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Tâm của những vị này rất điều hòa, dịu dàng, mạnh mẽ, không ngại, đã đạt đức hiệu A-la-hán, việc làm đã xong, đã bỏ gánh nặng, hoàn thành ích lợi riêng mình, cắt đứt những ràng buộc của phiền não, đạt được đúng con đường giải thoát, thông đạt các pháp, được đến bờ bên kia. Chỉ còn một mình Tôn giả A-nan là chưa chứng rốt ráo.

Lúc bấy giờ, vào ngày mười lăm, trong dịp bố tát thuyết giới, ngay tại chỗ, Đức Thế Tôn ngồi kiết già, trước đại chúng đang tôn trọng, cung kính vây quanh.

Khi ấy, trong hội, có một vị Tỳ-kheo, xuất gia chưa bao lâu, vừa được thọ giới Cụ túc; nhân ngày ấy cũng đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, đi nhiễu bên phải ba vòng, chắp tay chiêm ngưỡng, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con xuất gia chưa bao lâu, nay đã thọ giới Cụ túc, đối với việc xuất gia còn chỗ nghi ngờ chưa rõ, nguyện xin Như Lai, thương xót giải bày.

Bạch Thế Tôn! Là Tỳ-kheo, làm sao để khi tiếp nhận người có lòng tin ban phát cho mình mà không ngu si thụ động? Đã nhận sự ban cho, làm sao báo đáp được ân của người cho? Nếu có thiện nam, có niềm tin trong sạch, phát tâm xuất gia với những pháp mong muốn, làm sao để được thành tựu đầy đủ?

Hỏi rồi, liền ở trước Phật, nói kệ:

Con xuất gia chưa lâu
Đã thọ giới Cụ túc
Với việc này chưa rõ
Xin nguyện thương dạy bảo!
Làm sao nhận tin cho
Làm sao báo đáp lại
Đem lòng tin xuất gia
Làm sao đủ các nguyện?

Khi ấy, Đức Như Lai mới bảo vị Tỳ-kheo:

–Nếu có Tỳ-kheo thành tựu ba pháp, thì khi thọ lãnh của người có lòng ban cho sẽ không có ngu si, thọ rồi thì có thể báo đền ân trong sạch. Các thiện nam, đã có lòng tin tưởng xuất gia đều có thể được đầy đủ những pháp mong cầu. Ba pháp là những gì?

1. Được vào trong hàng Tăng.

2. Siêng tu hạnh nghiệp của Tăng.

3. Đạt được những lợi lành của Tăng.

Nếu vị Tỳ-kheo có thể thành tựu được ba pháp như vậy; thì khi lãnh nhận vật của người ban cho sẽ không có ngu si; thọ rồi, thì có thể báo đáp rốt ráo ân trong sạch đó. Nếu đã có lòng tin xuất gia, thì những nguyện vọng sẽ được đầy đủ.

Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên, nên nói kệ:

Người được vào chúng Tăng
Siêng tu hành Tăng nghiệp
Thành tựu Tăng lợi lành
Cùng tương ưng với tâm.
Những người được như vậy
Báo được ân ban cho
Người xuất gia, nguyện vậy
Thảy đều được đầy đủ.

Lúc bấy giờ, vị Tỳ-kheo ấy lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nay lược nói ý nghĩa này, con còn chưa rõ, xin nguyện Thế Tôn thương xót giảng nói rộng thêm:

Thế nào là Tỳ-kheo được vào trong hàng chúng Tăng?

Vì sao Tỳ-kheo phải siêng tu hành Tăng nghiệp?

Vì sao Tỳ-kheo phải được lợi lành của vị Tăng?

Rồi vị ấy, lại ở trước Phật mà nói kệ:

Làm sao vào Tăng số?
Siêng năng trong Tăng nghiệp?
Đạt được lợi lành Tăng?
Xin Phật phân biệt nói.

Khi ấy, Đức Thế Tôn mới ca ngợi vị Tỳ-kheo:

–Lành thay, lành thay! Ông khéo hỏi nghĩa ấy. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Ta sẽ giảng nói cho ông về Tăng số, Tăng nghiệp và Tăng thiện lợi.

Vị Tỳ-kheo được Thế Tôn hứa giảng nói, đã hết lòng khát khao, chiêm ngưỡng để được nghe. Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo:

–Nếu ai đạt được bốn hướng và bốn quả là vào hàng Tăng báu sẽ luôn được thế gian khen ngợi, người đời và tám bộ chúng sẽ chắp tay cung kính, là ruộng phước cao tột của cõi trời, người.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên mà nói kệ:

Ta nay nói bốn hướng
Nếu được cùng bốn quả
Ấy gọi là Tăng báu
Là ruộng phước cao tột.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Thế nào là Tăng nghiệp?

Đó là việc tu hành bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy phần Bồ-đề, tám phần Thánh đạo, gọi là Tăng nghiệp.

Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Thường siêng tu tinh tấn
Tám Thánh đạo hơn hết
Như vậy thì được vào
Tám bậc Tăng báu trên.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Thế nào là Tăng thiện lợi? Có nghĩa là được bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Đó là, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Đây gọi là Tăng lợi.

Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Thiện lợi, bậc Đại sĩ
Là được vào Tăng số
Đủ bốn quả Sa-môn
Thì trọn báo được ân.

Vị Tỳ-kheo nghe lời ấy rồi, liền thưa:

–Như Đức Phật đã dạy: Nếu có Tỳ-kheo vào trong Tăng số, siêng tu

Tăng nghiệp, được Tăng thiện lợi; người như vậy, mới có thể đủ khả năng thọ nhận hết thảy của ban cho, không có ngu si, thọ rồi thì có thể báo được ân người ban cho. Còn nếu đã một lòng tin tưởng xuất gia, thì sở nguyện sẽ được đầy đủ.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, phát tâm Đại thừa, lòng tin tưởng trong sạch, muốn xuất gia, để cầu Nhất thiết trí. Người như vậy, có được ở trong số của chúng Tăng, siêng tu Tăng nghiệp, được Tăng thiện lợi không?

Đức Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Này Tỳ-kheo! Ông có trí sáng, đặt câu hỏi rất hay. Câu hỏi này, có thể đem lại lợi ích an vui cho trời, người. Nên mới hỏi Đức Như Lai câu hỏi sâu xa như vậy.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Hãy khéo nghĩ nhớ, giữ gìn! Hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói.

Vị Tỳ-kheo bạch Phật:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn! Con nguyện được nghe. Xin Như Lai, khéo phân biệt giảng nói.

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu có những người, phát tâm Đại thừa, tu hành Đại thừa, để cầu được Nhất thiết trí, nên mới có lòng tin xuất gia; người như vậy, không nhập được Tăng số, không tu được Tăng nghiệp và không được Tăng thiện lợi.

Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

Không vào trong Tăng số
Không siêng tu Tăng nghiệp
Không được Tăng thiện lợi
Mới là tu giác ngộ.

Vị Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai vì nhân duyên gì, chấp nhận người như vậy, xuất gia, thọ giới Cụ túc, thọ nhận của vật người ban cho? Bạch Thế Tôn! Người mà không được vào trong Tăng số, không siêng tu Tăng nghiệp, không được Tăng lợi như vậy, làm sao mà báo đáp được ân của người ban cho?

Đức Phật bảo:

–Này Tỳ-kheo! Ngươi nay không nên hỏi việc như vậy.

Vị Tỳ-kheo ấy lại nói:

–Nếu người tu mà không vào trong Tăng số, không siêng tu Tăng nghiệp, không được Tăng lợi như vậy; làm sao báo đáp được ân của những người đã tin và ban cho mình?

Đức Phật bảo:

–Thôi thôi! Không cần hỏi nữa.

Lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba cũng thưa hỏi như vậy.

Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo kia:

–Ông đã ba lần thưa hỏi, lẽ nào không nói.

Khi tuyên bố như vậy rồi, Phật liền dùng sức oai thần, phóng ánh sáng, từ nơi tướng lông trắng giữa chân mày, ánh sáng kia rực rỡ, có trăm ngàn màu sắc, chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, đến những nơi u ám, tối tăm. Chúng sinh ở đó, chưa từng thấy có những màu sắc như vậy; làm cho tất cả đều sáng tỏ. Chúng sinh ở trong các biển lớn, nào là cá, ba ba, giống đi bằng chân, Ma-la, Long vương và Long nữ, các A-tu-la và A-tu-la nữ, các Ca-lầu-la và Ca-lầu-la nữ đông đủ các chúng sinh này, vừa thấy ánh sáng của Phật, thì trong lòng sợ hãi, lông dựng ngược, lấy làm lạ, cho là chưa từng có. Ánh sáng này cũng chiếu đến bốn cõi Thiên vương, đến trời Đao-lợi, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, đến cõi trời Phạm, trời Phạm chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm, trời Quang, trời Quang âm, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Quả thật, trời Thiểu quả, trời Quảng quả, trời Vô lượng quả, trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Diệu kiến, trời A-ca-nị-tra. Từ tướng lông trắng giữa chân mày mà chiếu sáng khắp cùng tất cả, cho đến tam thiên đại thiên thế giới, cũng đều như vậy. Từ bốn cõi Thiên vương, cho đến các trời và cuối cùng là A-ca-nị-tra, đều được chiếu sáng. Như vậy, các trời khi đã thấy thần thông biến hóa của Như Lai rồi, đều đến chỗ Đức Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng, ca ngợi, đảnh lễ dưới chân và bước qua một bên, chắp tay ngồi đó.

Lúc ấy, cũng có vô số vị Tỳ-kheo đang hành hóa đi qua các nước, đã gặp ánh sáng này, đều tụ tập, trở về nơi chỗ Phật đang an trụ; các vị cùng nhau cung kính, cúng dường, tôn trọng, ca ngợi, đảnh lễ dưới chân và bước qua một bên, chắp tay ngồi đó.

Khi ấy cũng có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều thấy thần thông biến hóa như vậy rồi, họ đối với Đức Phật sinh lòng tin tưởng trong sạch, liền đi đến chỗ Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng, ca ngợi, đảnh lễ dưới chân, rồi bước qua một bên, chắp tay mà ngồi.

Cho đến tam thiên đại thiên thế giới, Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Người và chẳng phải người, số đông như vậy đều thấy được Đức Như Lai thần thông biến hóa, nên tất cả đều đi đến nơi Đức Thế Tôn đang ngự; đến nơi tất cả đều cung kính cúng dường, tôn trọng, ca ngợi, đảnh lễ dưới chân, rồi bước qua một bên, chắp tay, theo thứ lớp mà ngồi.

Khi ấy, Đại đức Xá-lợi-phất, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngày nay có vô lượng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; cùng tất cả đại chúng đều đã nhóm họp và có cả các Trời, Rồng, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Người và không phải người cả bốn cõi Thiên vương cho đến trời A-ca-nị-tra cũng đều dự hợp, ngồi ngay ngắn trước Đức Phật.

Thưa Như Lai! Vì nhân duyên gì Như Lai phóng ánh sáng nơi tướng lông trắng giữa chân mày? Cúi xin Như Lai thương xót chúng con, nói rõ nhân duyên đó.

Thưa rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đứng trước Phật mà nói kệ:

Có rất nhiều chúng sinh
Số lượng na-do-tha
Được thấy thần biến lớn
Thảy đều đến tụ tập.
Duyên gì phóng ánh sáng
Nhóm họp các đại chúng?
Xin nguyện rủ lòng thương
Phân biệt nói nguyên nhân.

Khi ấy, Đức Phật mới bảo Xá-lợi-phất:

–Đấy là do một vị Tỳ-kheo, xuất gia chưa bao lâu, đã được thọ giới Cụ túc, đến hỏi ta rằng: "Bạch Thế Tôn! Nếu có người phát tâm Đại thừa, cầu đạt đến Nhất thiết trí, cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu đạo, làm sao khéo léo để thọ của những người tin cho? Thọ rồi tất phải báo đáp phước cho sự ban cho đó? Nếu có thiện nam, phát lòng tin tưởng xuất gia học đạo, thì sự cầu mong đó, bao lâu sẽ được thành tựu?". Này Xá-lợi-phất! Do nhân duyên này, mới có vô lượng đại chúng nhóm họp như vậy.

Xá-lợi-phất thưa:

–Nay đúng là lúc, cầu xin Như Lai phân biệt diễn nói ý nghĩa đó.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ta nay giảng nói đúng ý nghĩa đó; nhưng sẽ có vô lượng trăm

ngàn chúng sinh, sẽ sinh nghi hoặc. Vì sao? Vì đây là sức đạo thần thông, của các bậc Đại long, không thể nghĩ bàn. Đây là tiếng rống của các sư tử, không có sự sợ hãi và cũng không thể nghĩ bàn. Đây là pháp giới của các đấng Đại nhân và cũng không thể nghĩ bàn.

Này Xá-lợi-phất! Pháp giới của chư Phật Thế Tôn là không thể nghĩ bàn. Hết thảy phàm phu, Thanh văn, Duyên giác không thể tin hiểu được.

Này Xá-lợi-phất! Do Như Lai thấy rõ các nhân duyên như vậy, cho nên yên lặng không nói.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, ba lần thưa thỉnh mà Đức Như Lai vẫn yên lặng, không đồng ý giảng nói. Lúc này, Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong đại chúng này, đã có vô lượng, vô biên Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Trời. Rồng, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ca-lầu-la, Ma-hầu-la-già, Người và không phải người… đã rất lâu, đối với Đức Phật, trong tâm, phát sinh niềm tin trong sạch. Cúi xin Như Lai, thương xót các chúng sinh này, phân biệt diễn nói ý nghĩa đó.

Rồi trước Đức Phật, mà nói kệ:

Lành thay! Đấng Vô Thượng
Xin nguyện rủ lòng thương
Rộng vì các Bồ-tát
Nói công đức cao tột.
Có đủ loài chúng sinh
Rất mong cầu giác ngộ
Đã ở trong pháp này
Tâm muốn dày lợi lành.

Khi ấy, Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát nên thọ hết thảy sự cung kính cúng dường của các hàng Trời, Người, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Người và không phải người…

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát đâu cần phải báo ân sự ban cho ấy. Vì sao?

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát mà tâm vốn trong sạch là đã báo ân sự ban cho đó rồi.

Này Xá-lợi-phất! Giả sử Đại Bồ-tát ngày ngày lãnh nhận thứ ban cho của tất cả chúng sinh; cứ mỗi một chúng sinh ban cho, thì thức ăn sẽ nhiều như núi Tu-di, các thứ y áo có thể che cả bốn thiên hạ. Trong một ngày mà lãnh nhận đồ ăn mặc của tất cả chúng sinh như vậy, các vị cũng phải trong

sáng báo đáp hết ân ban cho đó sao! Vì sao?

Này Xá-lợi-phất! Các hàng Bồ-tát, đối với chúng sinh là ruộng phước cao tột, là vị đáng được lãnh nhận sự cúng dường của thế gian.

Này Xá-lợi-phất! Ông có thấy ở thế gian; nào là người giàu có lớn, có nhiều ngọc báu, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ngọc báu, xa cừ, mã não, đủ các vật mềm mại, mịn tốt. Nào là dòng dõi lớn như Sát-đế-lợi, dòng Bà-la-môn, Cư sĩ giàu có, các Tiểu vương, Chuyển luân thánh vương đầy đủ bảy sáu, quyền lực nhất trong loài người. Hoặc bốn cõi Thiên vương, trời Tam thập tam, Thích Đề-hoàn Nhân, Diệm-ma Thiên tử, Đâu-suất Thiên tử, Hóa lạc Thiên tử, Tha hóa tự tại Thiên tử, Phạm tự tại Thiên vương và ngoài ra còn các trời ở cõi Sắc, cõi Vô sắc; hoặc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, quả Bích-chi-phật hoặc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Những chúng như vậy, đều do nhân duyên của Bồ-tát giáo hóa, mới có thể xuất hiện ở đời. Vì sao?

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát, trước là bậc đã phát tâm thực hành đạo giác ngộ, thứ đến sẽ đạt thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi sau đó chuyển bánh xe pháp mà tất cả chúng sinh trong thế gian, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Phạm thiên vương, Ma vương Ba-tuần, không thể nào chuyển vận được.

Khi Bồ-tát nói pháp, sẽ có vô lượng chúng sinh nghe pháp, rồi sẽ được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có người phát tâm Duyên giác và có người phát tâm thành tựu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có người nghe nói về pháp ban phát, rồi siêng năng thực hành; do nhân duyên ấy được sinh vào dòng dõi Sát-lợi, dòng Bà-la-môn, nhà Cư sĩ giàu lớn; hoặc sinh trong cung vua, cung điện của Chuyển luân thánh vương có bảy báu đầy đủ, tự tại trong loài người.

Nếu nghe giảng pháp trì giới thì kiên trì giữ giới. Do nhân duyên này, sẽ sinh vào cõi trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại.

Nếu nghe giảng pháp về bốn Vô lượng tâm, rồi tùy thuận mà tu hành, do nhân duyên như vậy, sẽ sinh lên các tầng trời cõi Sắc.

Nếu nghe giảng pháp về bốn Không định, rồi tùy thuận tu hành, do nhân duyên này, sẽ sinh lên cõi trời Vô sắc.

Này Xá-lợi-phất! Với ý nghĩa này, cho nên phải biết, tất cả đều do Bồ-tát làm nhân duyên, mà hết thảy pháp lành mới xuất hiện ở đời.

Này Xá-lợi-phất! Ví như năng lực công đức của vua rồng A-nậu-đạt-

đa, nên ao của họ đang ở, là nơi phát xuất ra nước của bốn sông lớn: Phương Đông có sông Hằng, phương Nam có sông Tân-đầu, phương Tây có sông Bát-xoa, phương Bắc có sông Tư-đà. Bốn sông lớn này, chảy khắp bốn phương, đổ về biển cả. Sông Hằng và năm trăm nhánh sông phụ, chảy về biển Đông. Sông Tân-đầu và năm trăm nhánh sông phụ, chảy về biển Nam. Sông Bát-xoa và năm trăm nhánh sông phụ, chảy về sông biển Tây. Sông Tư-đà và năm trăm nhánh sông phụ, chảy về biển Bắc.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Bốn sông lớn này chảy khắp bốn phương, tuần tự trước sau chảy vào bốn biển. Chúng sinh trong bốn phương ấy, có được lợi ích không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật sự có lợi ích rất lớn, cho vô lượng chúng sinh, nào là loài chim bay, thú chạy, nào là người cùng với chẳng phải người.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ở hai bên bờ sông, các thứ lúa, đậu, các loại ruộng đất, cũng được thấm ướt. Như vậy, ở ruộng đất sẽ thu hoạch được các thứ lúa tốt, đem lại lợi ích cho vô lượng chúng sinh, cho cả chim bay, thú chạy, cho con người và chẳng phải người.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Nước trong bốn biển lớn, do đâu mà có?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nước trong bốn biển lớn đều do bốn sông lớn đổ vào.

Đức Phật lại bảo Xá-lợi-phất:

–Ý ông nghĩ thế nào? Nước trong bốn biển, đối với chúng sinh, có lợi ích gì không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Nước trong bốn biển thật rất có lợi ích, cho vô lượng, vô biên chúng sinh. Nghĩa là, các loại chúng sinh ở trên đất hay ở dưới nước, các loài cá lớn, nhỏ; các loài thú chạy như cá sấu, rùa, ba ba, tôm, ếch, ngỗng, chim nhạn, chim uyên ương, cũng đều có liên quan với biển nước ấy. Ngoài ra, còn có vô lượng, vô biên chúng sinh, thuộc về loài dưới nước, nhờ biển nước làm hang ổ để trú ẩn.

Này Xá-lợi-phất! Như vậy, ở trong biển lớn, lại còn làm chỗ nương ở, cho một số chúng sinh, như các loài Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la. Biển cũng tạo ra vô lượng, vô biên ngọc báu lợi ích cho loài người và

không phải người như là ngọc trân châu, ngọc kha, ốc quý, ngọc bích, san hô, lưu ly xanh, tỳ-lưu-ly. Ngoài ra, còn có đủ các thứ ngọc báu, dùng làm đồ sử dụng rồi lợi ích cho chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Bốn biển lớn này, do đâu mà có?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Biển này đều do từ ao của A-nậu-đạt.

Khi ấy, Đức Phật khen ngợi Xá-lợi-phất:

–Lành thay, lành thay! Này Xá-lợi-phất! Vua rồng A-nậu-đạt-đa được xa lìa ba điều lo sợ, ba điều ấy là gì?

1. Sợ chim Kim sí.

2. Sợ cát nóng.

3. Loài rồng khi hành dục, liền biến thành thân rắn. Vua rồng A-nậu-đạt không có việc ấy.

Này Xá-lợi-phất! Cung điện, nơi ở của vua rồng A-nậu-đạt-đa, cũng là nơi, các vị có thần thông, đến ở, tọa thiền.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có người được ở chỗ ấy, nên biết, những người này, cũng đều không phiền não.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng là ít có. Cung điện của vua rồng A-nậu-đạt-đa thành tựu được công đức lành như vậy. Đối với ba việc lo sợ muốn có một còn không được, huống nữa là có đủ cả ba. Nếu có chúng sinh nào, ở trong cung điện này, cũng đều được khỏi lo sợ ba việc nêu trên. Nếu các vị có thần thông, khi trụ ở nơi đó mà biết suy nghĩ khéo léo, đó là nơi phát xuất ra bốn sông lớn, nó đối với các chúng sinh sẽ đem lại rất nhiều lợi ích. Do nhân duyên này mà các chúng sinh, như loài sinh trứng, các loài chim, các loài cầm thú, người và loài không phải người, đều dùng nước trong bốn biển đó làm nơi hang ổ, nhà cửa để nương ở.

Bạch Thế Tôn! Ao A-nậu-đạt này đã thành tựu được vô lượng công đức như vậy.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Cũng như vua rồng A-nậu-đạt-đa xa lìa được ba việc sợ hãi, Bồ-tát cũng như vậy, cũng xa lìa ba thứ sợ hãi. Những gì là ba?

1. Sợ đọa địa ngục.

2. Sợ đọa ngạ quỷ.

3. Sợ đọa súc sinh.

Này Xá-lợi-phất! Cũng như do nơi ao A-nậu-đạt phát xuất ra bốn sông lớn, nên đem được vô lượng, vô biên lợi ích cho chúng sinh. Bồ-tát cũng vậy; dùng bốn Nhiếp pháp, tóm thu và giữ lấy chúng sinh:

1. Sự ban phát.

2. Nói lời yêu thương.

3. Cùng làm điều ích lợi.

4. Cùng làm những công việc.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát dùng bốn Nhiếp pháp làm lợi ích cho chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Cũng như do nơi ao A-nậu-đạt chảy về bốn biển lớn, Bồ-tát cũng vậy, do nơi tâm Bồ-đề mà phát xuất biển Nhất thiết trí.

Này Xá-lợi-phất! Cũng như do nơi biển lớn, làm cho các chúng sinh có chỗ nương ở, an ổn sướng vui.

Này Xá-lợi-phất! Nhất thiết chủng trí cũng lại như vậy. Vì chúng sinh trong ba cõi, mà làm chỗ nương tựa, an ổn, sướng vui. Ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Này Xá-lợi-phất! Do Bồ-tát xoay vần giáo hóa, khiến cho tam thiên đại thiên thế giới, tất cả chúng sinh đều được lãnh nhận sự an vui. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Nếu có Bồ-tát xuất hiện ở đời, hành đạo Bồ-tát; do tu hành đạo Bồ-tát, nên được thọ ký, đã được thọ ký; liền được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển vận bánh xe chánh pháp, mà biết hết thảy thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm thiên vương, Ma vương Ba-tuần đều không thể chuyển được. Chúng sinh nghe pháp, theo Phật quy y, mới có bốn chúng là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Do nhân duyên này, bốn chúng được ở trong trời, người, lìa được dục lạc nhưng vẫn thọ tất cả những sướng vui tốt đẹp nhất.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Những pháp thành tựu như vậy, do đâu mà có?

Xá-lợi-phất thưa:

–Đều do nhân duyên tu hành của Bồ-tát mà có.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Những pháp tu hành, lưu truyền trong ba cõi này, do đâu mà có?

Xá-lợi-phất thưa:

–Cũng do nhân duyên của Bồ-tát mà có.

Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

–Ý ông nghĩ thế nào? Trong những pháp ấy, có một pháp nào, chúng ta có thể báo đáp ân đức của Bồ-tát không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể có được. Vì sao? Vì đối với Bồ-tát, đó chỉ là pháp xuất hiện ở đời mà thôi.

Bạch Thế Tôn! Ví như người có rất nhiều của báu, lại có lòng lành, lấy trong kho tàng của mình vô lượng của cải quý báu, trăm ngàn vạn ức na-do-tha vật quý, ban phát cho người nghèo, cứ như vậy, lần lượt cấp cho hai người, ba người, bốn người, năm người, mười người, hai mươi người, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, trăm người, ngàn người, trăm ngàn vạn người. Như vậy cấp cho đến vô lượng chúng sinh, loại có hình sắc và không có hình sắc, người ấy xả bỏ tất cả tiền tài, vật báu, cấp cho vô lượng chúng sinh; và cũng vì họ mà trừ bỏ được hết sự sợ sệt, sự trói buộc, sự đánh đập, la trách và các nẻo ác… lại còn dẫn dắt họ được hưởng niềm vui của trời, người. Có một người, trong chúng sinh đó, chỉ dùng một phần trăm của đồng tiền, đem phần tiền nhỏ ấy, để báo đáp cái ân của người ban cho kia.

Bạch Thế Tôn! Vị đại thí chủ này, đối với chúng sinh, có nhiều lợi ích, còn người này, chỉ mới dùng một phần đồng tiền, để báo đáp ân kia, thì có báo đáp được không?

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất! Không thể được.

Xá-lợi-phất thưa:

–Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Như người giàu kia, vì lợi ích vô lượng chúng sinh và còn vì họ, đoạn trừ hết thảy việc ác, mà chỉ đem một phần tiền nhỏ để báo ân kia sao được?

Bạch Thế Tôn! Người thực hành pháp Đại thừa, cũng lại như vậy. Với vô lượng chúng sinh như vậy, tùy theo ý muốn mà thọ nhận các thứ sướng vui. Người phát sinh ý nghĩ muốn báo ân Bồ-tát, cũng như người kia, muốn đem một phần trăm đồng tiền để báo ân người đã ban cho vậy.

Bấy giờ, Đức Phật ca ngợi Xá-lợi-phất:

–Lành thay, lành thay! Ngươi nay thật sự tùy thuận được hạnh nguyện của ta. Này Xá-lợi-phất! Tất cả chúng sinh hoặc với trăm đời, ngàn đời, vạn đời, trăm ngàn vạn đời, trong mỗi một đời, nếu đem hết thân mạng, xả bỏ các phần của thân như da, thịt, xương, tủy, gân, mạch để cúng dường Bồ-tát, cũng không báo đáp được ân đức của Bồ-tát dù là một phần nhỏ trong trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn ức phần, cho đến không thể dùng toán số

mà có thể rõ biết được ân ấy. Vì sao?

Này Xá-lợi-phất! Ta xem xét hết thảy đại chúng, Trời, Người, A-tu-la, không có ai, có thể báo đáp được ân đức của Bồ-tát, chỉ trừ thiện nam tín nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam, tín nữ, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ làm cho tất cả vô lượng chúng sinh, được thọ dụng rất nhiều lợi ích.

Này Xá-lợi-phất! Như trong cõi Diêm-phù-đề xuất hiện cây Chiên-đàn, khi cây kia mới mọc, có thể trị hết bệnh khổ cho các em bé nam nữ. Khi cây ấy sinh ra lá, thì có thể trị liệu các thứ khổ hoạn cho các đồng nam, đồng nữ. Nếu cây tăng trưởng cành lá, tạo ra được bóng cây che chở mát mẻ, chúng sinh nào ở trong bóng mát ấy, đều được trừ diệt tất cả bệnh khổ. Khi cây này nở hoa, nhờ ảnh hưởng của nó mà trời, người được đầy đủ những sướng vui. Khi quả của cây này chín, thì có ánh sáng lớn, chiếu khắp mười phương; nếu có chúng sinh thấy, rồi sinh nghĩ nhớ và hiểu biết về ánh sánh ấy, liền được đoạn trừ sinh, già, bệnh, chết. Khi cây ấy chết, nếu có các chúng sinh lấy được thân cây, sẽ không còn sợ khổ về đói nghèo. Nếu lấy được cành lá về nhà, thì sẽ không còn có hoạn nạn, đói khát.

Này Xá-lợi-phất! Cây Chiên-đàn này xuất hiện ở đời luôn làm lợi ích cho chúng sinh; khoảng thời gian nào, cũng làm lợi ích. Từ khi cây mới mọc, cho đến lượm lấy cành lá của nó về nhà, cây ấy luôn có lợi ích.

Này Xá-lợi-phất! Các Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Khi các vị mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng Tứ nhiếp pháp, giáo hóa chúng sinh; khi đã phát tâm, các vị ấy trong lòng luôn nương ba môn giải thoát. Ba môn ấy là gì? Là Không, Vô tướng, Vô nguyện vậy.

Khi cây tăng trưởng, nghĩa là Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn. Lúc hoa nở, nghĩa là được thành tựu Nhất thiết chủng trí. Quả được chín, nghĩa là lúc Như Lai vào Niết-bàn. Cây hư ngã, nghĩa là đã Niết-bàn; dùng sức thần thông thiêu rụi thân, lấy xá-lợi, nó quý trong việc chữa bệnh như hạt Đình lịch. Lấy cành lá mang về nhà, nghĩa là Đức Như Lai đã vào Niết-bàn, thu lấy xá-lợi, dựng tháp miếu tôn thờ, chúng sinh được chiêm bái thì tội lỗi tiêu trừ.

Này Xá-lợi-phất! Vì vậy nên biết các thiện nam, tín nữ, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nếu có chúng sinh ở trong đó gieo trồng tất cả căn lành liền được quả báo. Vì sao?

Này Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam, tín nữ, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là muốn cùng nhau tu hành để nối tiếp hạt giống

của Phật. Cũng muốn cho hàng Thanh văn, Duyên giác không có sự đứt đoạn, để cùng với tất cả chúng sinh và trời, người được vô lượng sự an vui và xa lìa phiền não được niềm vui vô lậu.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có người đã cùng với tất cả chúng sinh và hàng trời, người hưởng những sướng vui; và đã lìa phiền não, được niềm vui trong sáng; người như vậy, có thể dùng lời nói hay ví dụ làm rõ ân đức người kia để mà so sánh được không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể so sánh. Bạch Thế Tôn! Không có Trời, Người, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Ma, Phạm cho đến hết thảy vô lượng các chúng; hoặc một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn vạn kiếp, cho đến vô lượng a-tăng-kỳ kiếp mà có thể báo đáp được ân đức phát tâm của Bồ-tát!

Này Xá-lợi-phất! Do vậy cho nên các thiện nam, tín nữ, muốn báo được ân đức cao tột của sự ban cho kia, thì phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam, tín nữ muốn báo đáp ân đức của chư Phật thời quá khứ, cũng nên như vậy, cũng phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam, tín nữ, muốn báo đáp ân đức của các Như Lai vào thời vị lai, cũng nên như vậy, tức cũng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam, tín nữ, muốn báo đáp ân đức mười phương chư Phật thời hiện tại, cũng nên như vậy, cũng phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Chỉ có hai hạng người, có thể báo đáp được ân đức của Phật. Hai hạng người ấy:

1. Người dứt trừ hết các lậu.

2. Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Chỉ có hai hạng người này, mới xứng đáng cúng dường chư Phật Như Lai, cũng khéo báo đáp ân tuệ của chư Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn nêu lại ý nghĩa này nên nói kệ rằng:

Nói là hai hạng người
Hay cúng dường chư Phật
Gọi là A-la-hán
Bồ-tát Ma-ha-tát.

Đấy là hai hạng người
Cúng dường các Thế Tôn
Mà trong ba cõi này
Lại không người thứ ba.
Nếu người hay bình đẳng
Xét kỹ tất cả pháp
Những hạng người như vậy
Gọi là kẻ có trí.
Dùng năm dục tốt đẹp
Đồ cần dùng đáng ưa
Cúng dường Bồ-tát này
Cũng chưa báo ân được!
Cúng dường đấng lìa ái
Thân cuối A-la-hán
Và phát tâm Vô thượng
Thực hành đạo giác ngộ
Ấy gọi là thứ nhất
Ruộng phước rất cao tột.
Trời, người, các Phạm thiên
Đem đồ mình ưa thích
Cúng dường lên Bồ-tát
Cũng không báo ân được.
Hai hạng người như vậy
Kỳ thật không chỗ cần
Tuy được cúng dường nhiều
Mà tâm không dính mắc,
Do nhân duyên như vậy
Tuy cúng, chẳng báo đáp!
Người trí trong thế gian
Nếu muốn cúng dường Phật
Nên phát tâm Bồ-đề
Tu hành pháp nhịn nhục.
Nếu muốn tạo công đức
Số lượng không thể lường
Nên vì đạo Bồ-đề
Hành sự nghiệp Vô thượng.
Nếu muốn được thiền định
Tu bốn Vô lượng tâm

Người này nên siêng năng
Đối với trí tuệ Phật.
Muốn tất cả được vui
Tiêu trừ các khổ não
Những hạng người như vậy
Nên ở trong pháp Phật
Sinh ý muốn sâu dày
Mong cầu đạo Vô thượng.
Nếu muốn được chiêm ngưỡng
Vô lượng các Thế Tôn
Nên sinh tâm cung kính
Mong cầu đạo chân chánh.
Nếu muốn từ một cõi
Đến với vô lượng cõi
Nên siêng năng tinh tấn
Bước vào đạo Bồ-đề.
Muốn thấy Phật quá khứ
Nên sinh tâm hăng hái
Chỉ vì đạo giác ngộ
Khéo thuận mà tu học.
Nếu muốn nhanh được thấy
Chư Phật đời vị lai
Cũng nên vì Bồ-đề
Hết lòng chuyên tu đạo.
Nếu lại muốn được thấy
Các Thế Tôn hiện tại
Nên vì đạo giác ngộ
Khéo sinh tâm mong muốn.
Nên biết những người này
Cao thượng không thấp hèn
Nếu muốn các chúng sinh
Đều thực hành lòng lành
Người này nên siêng năng
Nhanh cầu đạo Vô thượng.
Nếu mong các chúng sinh
Diệt trừ các khổ não
Nên học trí vô thượng
Không phá bỏ nửa chừng.

Nếu muốn cùng chúng sinh
Tất cả được an vui
Người trí vì Bồ-đề
Khéo mong muốn sâu xa.
Nếu muốn ngăn chúng sinh
Ở tất cả nẻo ác
Người trí nên nắm lấy
Tâm giác ngộ rốt ráo.
Chỗ được của người này
Là vô lượng công đức
Nhưng tất cả không ai
Khéo nói ví dụ được
Phải phát tâm Bồ-đề
Muốn thành đạo Vô thượng.

Đức Thế Tôn nói xong bài kệ, đại đức Xá-lợi-phất liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay Thế Tôn nói ý nghĩa kinh này, chúng sinh nghe được, đạt bao nhiêu công đức? Bao nhiêu chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ông không nên hỏi ý nghĩa ấy. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Như Lai nếu nói sự việc của Đấng Nhất Thiết Trí này sẽ làm cho nhiều chúng sinh, tâm sinh nghi ngờ. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì chư Phật Thế Tôn có vô lượng giới, đức, thiền định, trí tuệ và vô biên sức oai thần.

Này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai nói bờ mé, giới hạn của hư không, thì có thể biết, có thể tính, có thể so lường được không?

–Bạch Thế Tôn! Không thể được. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì bờ mé, ranh giới của hư không, chưa có người nào có thể đã biết, đang biết và sẽ biết.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Trí tuệ của Thế Tôn cũng như vậy. Hàng Thanh văn, Duyên giác trước đây không biết, nay cũng không biết và sau này sẽ cũng không biết. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai có trí tuệ cao tột, chẳng phải là cảnh giới có thể đến được của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Xá-lợi-phất thưa:

–Các chúng sinh ấy thật là hiếm có, khéo léo phân biệt được cảnh giới Vô thượng Bồ-đề, để có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đúng như vậy! Đúng như vậy, đúng như ông đã nói! Các chúng sinh ấy thật là hiếm có, có thể khéo léo phân biệt Vô thượng Bồ-đề, để có thể tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Trong cõi Diêm-phù-đề có các chúng sinh, hoặc ở dưới nước, ở trên bờ hoặc bay trên không hay đi trên đất, đều được làm thân người; nếu có người nào giáo hóa cho tất cả họ, được nương vào năm giới và mười điều lành. Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Do nhân duyên này, người ấy có được phước nhiều không?

Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Người này được phước, không thể dùng ví dụ để mà so sánh được.

Này Xá-lợi-phất! Ta nay sẽ nói: Nếu có thiện nam, tín nữ, giáo hóa trong cõi Diêm-phù-đề cho tất cả chúng sinh, được an trú vào trong năm giới và mười điều lành và được các công đức; cũng không bằng có kẻ, chỉ giáo hóa cho một người khiến họ có được niềm tin tu hành (tín hành).

Này Xá-lợi-phất! Tạm để việc này lại. Nếu có thiện nam, tín nữ dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, đều có niềm tin tu hành; cũng không bằng có kẻ, chỉ giáo hóa cho một người được khiến họ hiểu Phật pháp mà tu hành (pháp hành).

Này Xá-lợi-phất! Để việc này lại. Nếu có thiện nam, tín nữ dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề hiểu được pháp mà tu hành theo; cũng không bằng có kẻ chỉ giáo hóa cho một người khiến họ được Bát nhân địa (Bát nhẫn vị).

Này Xá-lợi-phất! Việc này để lại. Nếu có thiện nam, tín nữ dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề được quả Bát nhân địa; cũng không bằng có vị, chỉ giáo hóa giúp một người được đạo quả Tu-đà-hoàn.

Này Xá-lợi-phất! Việc này để lại. Nếu có thiện nam, tín nữ, dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề được đạo quả Tu-đà-hoàn; cũng không bằng có vị chỉ giáo hóa cho một người được đạo quả Tư-đà-hàm.

Này Xá-lợi-phất! Việc này để lại. Nếu có thiện nam, tín nữ dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề được đạo quả Tư-đà-hàm; cũng không bằng có vị chỉ giáo hóa cho một người được đạo quả A-na-hàm.

Này Xá-lợi-phất! Việc này để lại. Nếu có thiện nam, tín nữ dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề được đạo quả A-na-hàm; cũng không bằng có vị chỉ giáo hóa cho một người được đạo quả A-la-hán.

Này Xá-lợi-phất! Việc này để lại. Nếu có thiện nam, tín nữ dạy

bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề được đạo quả A-la-hán; cũng không bằng có vị chỉ giáo hóa một người được quả Duyên giác.

Này Xá-lợi-phất! Việc này để lại. Giả như có thiện nam, tín nữ dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề được quả Duyên giác; cũng không bằng có vị chỉ giáo hóa cho một người tu hành khiến họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Việc này để lại. Giả như có thiện nam, tín nữ, dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng không bằng có vị chỉ giáo hóa cho một người tu hành đạt được không thoái chuyển.

Này Xá-lợi-phất! Để việc này lại. Giả như có thiện nam, tín nữ dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đều đạt được không thoái chuyển; cũng không bằng có vị chỉ giáo hóa cho một người tu hành đạt được Vô sinh pháp nhẫn.

Này Xá-lợi-phất! Để việc này lại. Giả như có thiện nam, tín nữ dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đạt được Vô sinh pháp nhẫn; cũng không bằng có vị siêng giáo hóa cho một người tu hành được thành tựu trí tuệ cao tột.

Này Xá-lợi-phất! Để việc này lại. Giả như có thiện nam, tín nữ dạy bảo chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề khiến họ mau được thành tựu trí tuệ cao tột; cũng không bằng có vị nương kinh điển này mà siêng năng tu tập. Vì sao? Vì kinh này có thể phá tan tất cả chúng ma, có thể phá trừ các ấm, không gần các giới, phân tán các nhập, diệt trừ các phiền não, phát sinh tánh sáng trong, trừ bỏ các pháp gây phiền phức.

Nếu ai hay dùng các phương pháp trong kinh Dũng Vương, lại vì các chúng sinh khác mà rộng rãi, phân biệt, giảng nói, thì sẽ được công đức vô lượng, vô biên, không thể nói hết.

Này Xá-lợi-phất! Hãy để lại các chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, chúng sinh trong bốn thiên hạ, chúng sinh trong Tiểu thiên thế giới, chúng sinh trong trung thiên thế giới và tất cả các chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới.

Này Xá-lợi-phất! Nếu đối với bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc và trên dưới, đều có các thế giới như số cát sông Hằng. Chúng sinh ở trong ấy; hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc; hoặc có tưởng, hoặc không tưởng; hoặc ở dưới nước, trên bờ hay trong hư không; hoặc sinh trứng, sinh thai, sinh thấp, sinh hóa. Các chúng sinh này, lần lượt trước sau được thành thân người. Rồi có thiện nam, tín nữ, giáo hóa cho vô lượng chúng sinh đó, khiến

cho họ đều được an vui ở trong năm giới, mười điều lành.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ thế nào? Thiện nam, tín nữ này do nhân duyên ấy có được phước nhiều không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Công đức của người này không thể dùng thí dụ để so sánh.

Này Xá-lợi-phất! Để việc ấy lại. Nếu giáo hóa chúng sinh trong mười phương thế giới như số cát sông Hằng, giúp cho họ được tín hành, pháp hành, Bát nhẫn địa được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đắc Bích-chi-phật, phát tâm Vô thượng Bồ-đề, không còn thoái lui, được Vô sinh pháp nhẫn, mau thành hết thảy trí tuệ cao tột. Như vậy mà không bằng người, dùng tất cả giáo pháp trong kinh Dũng Vương vì các chúng sinh khác rộng nói, phân biệt, được các công đức; so với công đức khuyến hóa chúng sinh như trên đây, thì nó rất là cao cả đặc biệt, nó cao tột, không gì hơn, rất tốt đẹp, rất tốt lành, cao hơn hết, không gì vượt qua, không có thứ gì để so sánh, không gì ngang bằng.

Này Xá-lợi-phất! Nên biết, pháp này là phương tiện cao tột, có thể giúp cho Bồ-tát quyết định sự tu hành đối với đạo giác ngộ. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát nghe được tất cả pháp trong kinh Dũng Vương, nghe rồi tu hành liền đạt được quả vị không thoái chuyển đối với đạo Vô thượng Bồ-đề. Nên biết, người này luôn làm ruộng phước cho chúng sinh, không có gì hơn được, không lấy gì để so sánh được, đã được giải thoát đến bờ bên kia, được Niết-bàn trong sạch, điều hòa, vắng lặng, là đệ tử chân chánh của Đức Phật, đáng được thọ nhận sự cúng dường; là đấng trượng phu, là sư tử dũng mãnh xuất hiện trong cõi trời, người; là người cao quý trong loài rồng, là vị trời cao tột của loài trời. Vị này không còn dính mắc, không còn bị trói buộc, không còn những trở ngại, việc cần làm đã làm xong, thành tựu tất cả đạo nghiệp, đã thành tựu đầy đủ vô lượng công đức.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn làm rõ lại nghĩa này nên nói kệ:

Người phát tâm Bồ-đề
Đã được đến bờ kia
Như vậy, bậc Đại nhân
Tâm không có nghi ngại.
Ban cho những người này
Được phước báo vô lượng
Muốn được phước như vậy

Nên phát tâm Bồ-đề.
Đã phát tâm Bồ-đề
Nơi hội tụ phước đức
Muốn nêu một phần nhỏ
Cũng không thể tính lường.
Trong vô lượng thế giới
Dạy tất cả chúng sinh
Đều giữ năm giới cấm
Cứ tiếp tục tăng trưởng.
Tuy giáo hóa như vậy
Không bằng pháp Bồ-đề
Ngoài ra khó so bằng
Với người hiểu kinh này.
Nếu học kinh điển ấy
Là ruộng phước tốt lành
Xứng cho trời, người cúng
Vắng lặng khéo điều phục.
Được nghe kinh điển này
Là Phật tử chân chánh
Là siêng năng tinh tấn
Đến bờ vắng lặng kia.
Đấng Sư Tử, trời, rồng
Gọi là Bậc Đại Nhân
Cũng là Thiên Trung Thiên
Tôn quý của chúng sinh.
Nếu người thường giảng dạy
Kinh điển vi diệu này
Vị ấy sẽ được gọi
Đấng cao tột loài người.

Đức Phật vừa nói kệ xong, Đại đức Xá-lợi-phất liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có. Bạch Thế Tôn! Với tất cả pháp vị trong kinh Dũng Vương, nay Ngài lược nói, giáo huấn cho các Bồ-tát. Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát, trong vô lượng kiếp, tu Bồ-tát hạnh, còn rất khó thành tựu được Vô thượng Bồ-đề. Bạch Thế Tôn! Nay trong kinh này, Thế Tôn nói tu đạo Vô thượng không khó lắm?

Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh rất thích điều lợi lành, nay gặp kinh này, là điều lợi lành bậc nhất.

Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh, được nghe kinh này, đọc tụng thông suốt, vì người khác giảng nói rộng rãi, nên biết người ấy đã hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đấy là kinh điển vi diệu. Cúi xin Như Lai thương xót giảng nói. Vì sao? Vì như con rõ được nghĩa lý của Phật nói; hoặc rõ được kinh pháp của Phật đã nói vào thời quá khứ, thì trong các kinh pháp, kinh này là cao tột hơn hết. Với kinh pháp của chư Phật, ở đời vị lai, thì kinh này cũng là đặc biệt hơn hết. Hoặc mười phương chư Phật hiện đang chuyển xe pháp vô thượng, so với với các kinh, thì kinh này cũng là đặc biệt hơn hết.

Bạch Thế Tôn! Con từng giảng nói vô lượng kinh điển và dùng các thứ văn tự; cũng từng theo Đức Như Lai, nghe giảng dạy vô lượng kinh và hiểu nghĩa lý pháp vị của các kinh điển; nhưng chưa từng được nghe kinh điển như thế này.

Lành thay! Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn thương xót, giảng nói rộng rãi ý nghĩa của kinh điển này.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ý nghĩa như vậy, Như Lai đã tự biết. Tùy theo chúng sinh, sinh tâm tin hiểu, ta khi ấy sẽ vì họ rộng nói mà thâu tóm giữ lấy họ.

Này Xá-lợi-phất! Cảnh giới này chỉ có Như Lai mới biết, chẳng phải hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà có thể thấu hiểu được.

Này Xá-lợi-phất! Ta nay giảng nói kinh điển rất mầu nhiệm này, có tám vạn bốn ngàn Phạm thiên và loài người; có ba mươi sáu ức các trời ở cõi Dục chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay đều phát tâm. Ba mươi ức các trời được Vô sinh pháp nhẫn. Các hàng Trời, Rồng, Quỷ, Thần chưa có điều kiện phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nay đều phát tâm.

Này Xá-lợi-phất! Ta thấy thật nghĩa của sự lợi ích như vậy, nên luôn luôn rộng rãi giảng nói kinh điển này.

Khi ấy, trong hội có vô lượng trăm ngàn chúng sinh, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều quỳ xuống, chắp tay, chiêm ngưỡng Đức Như Lai mắt nhìn sững không nháy.

Lúc này, Như Lai tươi vui, mỉm cười. Với pháp của chư Phật, không bao giờ, không có nhân duyên, mà mỉm cười. Như Lai đã mỉm cười. Và từ nét mặt ấy, phóng ra các thứ ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, màu tía; chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới, trên thấu đến cõi trời Phạm, rồi trở về, nhiễu quanh thân ba vòng nhập vào trên đỉnh đầu.

Khi ấy, đại đức Xá-lợi-phất từ tòa ngồi đứng dậy, trịch bày vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật không nhân duyên, không bao giờ cười. Bạch Thế Tôn! Nay có nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nay ông có thấy vô lượng, vô số, trăm ngàn chúng sinh này, cùng các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đang chắp tay đứng hầu, chiêm ngưỡng, hướng về ta, mắt chẳng tạm rời không?

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Các đại chúng này nguyện muốn được nghe hạnh vô thượng mà các Bồ-tát đã tu hành. Này Xá-lợi-phất! Như Lai tùy nghi mà biết hết chỗ suy nghĩ, chỗ hành động của tất cả chúng sinh. Vì vậy cho nên, ta nay sẽ vì họ mà nói.

Này Xá-lợi-phất! Nếu người không thấy tâm của đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Như vậy gọi là hạnh của Bồ-tát.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu lại không thấy tánh, tướng của các ấm, không tham các cõi, không chìm đắm vào các nhập. Này Xá-lợi-phất! Đó gọi là pháp hạnh của Bồ-tát, ấy là điều mà Như Lai Chánh giác muốn nói.

Khi nói về pháp hạnh của Bồ-tát rồi thì tam thiên đại thiên thế giới cõi Phật chấn động sáu cách. Khi ấy, ma Ba-tuần và các quyến thuộc ở trong cung ma kinh hoảng, run rẩy, té lăn xuống đất, rồi tất cả cùng đến trước Đức Phật, nói kệ:

Tôi và các quyến thuộc
Nay đều bị phá hoại
Tất cả đều ngã nhào
Không sao đứng lên nổi.
Nếu Phật nói pháp này
Kinh điển, không bỏ sót
Ma phiền não bị phá
Cả ấm ma, tử ma.
Làm tôi mất thế lực
Tất cả không còn gì
Nghe các pháp vốn không
Ma lực bị suy tổn.
Được trí tuệ vô ngã
Tử ma liền lui tan

Ngộ pháp tánh vốn không
Không còn thọ thân sau.

Ma Ba-tuần lại nói kệ:

Lành thay! Cần tinh tấn
Đấng Rồng lớn cao tột
Con nay cùng quyến thuộc
Đều chịu khổ không lường.
Nguyện xin Phật Từ bi
Thương xót an ủi cho
Con nay nương duyên này
Cửa tử không vào nữa.

Lúc bấy giờ, Như Lai liền vì ma Ba-tuần, mà nói kệ:

Ba-tuần và quyến thuộc!
Nếu muốn thoát cửa tử
Nên với kinh điển này
Lòng trong sạch tin sâu.
Tất cả trong thế gian
Ít có người tin hiểu
Vì vậy nay ngươi nên
Tín thọ và phụng hành.

Khi ma Ba-tuần nghe được bài kệ rồi, vui mừng hớn hở, bỗng nhiên biến mất.

Đức Phật nói kinh này rồi, Đại đức Xá-lợi-phất và các vị Tỳ-kheo đã đứng ra thưa hỏi cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả đại chúng Trời, Rồng, Quỷ Thần, Người và không phải người… được nghe Đức Phật giảng nói, lòng rất vui mừng, đồng thanh ca ngợi: "Lành thay!"

Rồi tất cả đều đảnh lễ, lui ra.

-oOo-

SỐ 823

PHẬT THUYẾT NHẤT THIẾT PHÁP CAO VƯƠNG KINH

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy,
Bà-la-môn Cù-đàm Bát-nhã Lưu-chi.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, đến thành Vương xá, trụ ở rừng trúc Ca-lan-đà. Các vị Tỳ-kheo này, trước kia, đều là những Phạm chí bện tóc, như là Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, tất cả đều là Đại A-la-hán, các lậu đã sạch, không còn phiền não, tâm được tự tại, khéo đạt được tâm giải thoát, tuệ giải thoát, là bậc rồng lớn trong loài người. Những việc cần làm đã làm xong, lìa bỏ các gánh nặng, được lợi mình, dứt hẳn các ràng buộc của phiền não, tâm được chánh trí, giải thoát tất cả, tâm được tự tại, đến bờ bên kia trước nhất.

Bấy giờ, vào ngày rằm trăng tròn, Thế Tôn ngồi bố tát ở giữa đất trống, các Tỳ-kheo vây quanh cung kính cúng dường. Ở đó, lại có một Tỳ-kheo khác, chỉ trong một ngày được xuất gia, thọ giới, đến chỗ Thế Tôn. Đến chỗ Thế Tôn rồi, đem đầu mặt lễ sát chân Phật và đi nhiễu ba vòng. Nhiễu ba vòng rồi, chắp tay hướng về Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con mới xuất gia có một ngày, lại được thọ giới sáng nay. Cúi xin Thế Tôn chỉ dạy cho con. Con ở trong Tăng chúng, phải thọ thực thế nào? Trong Tăng thọ thực rồi, làm sao có thể tiêu, những vật thọ thực đã thọ thực rồi, làm sao có thể tiêu của người cho? Lại nữa, người thiện nam tin vào nghĩa gì mà bỏ nhà xuất gia để được lợi ích?

Vị Tỳ-kheo lạ kia, dùng kệ thưa Phật:

Con mới đi xuất gia
Sáng nay được thọ giới
Cúi xin Phật dạy cho
Làm sao tiêu thức ăn.
Nghĩa nào bỏ được nhà
Xuất gia vào Phật pháp

Xin Phật nói thẳng nghĩa
Sao tiêu của người cho?

Như Lai đáp Tỳ-kheo kia:

–Tỳ-kheo nên biết! Nếu Tỳ-kheo thành tựu được ba pháp, xứng đáng thọ thực ở trong Tăng. Ăn rồi tiêu được của người cho. Thiện nam kia tin nghĩa gì mà bỏ nhà xuất gia, để được lợi ích. Những gì là ba?

Tỳ-kheo nên biết! Gia nhập chúng Tăng, làm việc chúng Tăng và tương ưng với lợi dưỡng của chúng Tăng. Tỳ-kheo nào thành tựu ba pháp này, đáng được thọ thức ăn của chúng Tăng. Ăn rồi sẽ tiêu của đã ban cho. Thiện nam kia tin vào ý nghĩa gì mà bỏ nhà xuất gia được lợi ích lớn?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Người gia nhập chúng Tăng
Hành động như chúng Tăng,
Tương ưng theo lợi dưỡng
Tiêu được của ban cho.

Phật thuyết như vậy rồi. Tỳ-kheo kia lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói sơ lược nghĩa như vậy, con không hiểu rõ. Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo thế nào, mới được gọi là gia nhập chúng Tăng, hành động chúng Tăng và tương ưng với lợi dưỡng chúng Tăng?

Khi ấy, Tỳ-kheo dùng kệ bạch Như Lai:

Thế nào nhập chúng Tăng?
Thế nào hành động Tăng?
Thế nào lợi chúng Tăng?
Xin Phật dạy con rõ.

Phật bảo:

–Này Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ông thuyết giảng rộng rãi về gia nhập chúng Tăng, hành động chúng Tăng và lợi ích của chúng Tăng.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con rất muốn nghe.

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Được gọi là Tăng, phải có bốn hạnh, bốn sự chứng đắc, gồm tám vị. Đó gọi là Tăng, xứng đáng được thọ lãnh sự cung kính, cúng dường của trời, người ở thế gian là ruộng phước cao tột.

Khi ấy Thế Tôn nói kệ:

Có bốn hạnh, bốn đắc

Gồm tất cả tám vị
Mới được gọi là Tăng
Hưởng ruộng phước cao tột.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con chưa biết hành động của chúng Tăng là gì?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy phần Bồ-đề và tám phần Thánh đạo. Tỳ-kheo nên biết, đó là hành động của Tăng.

Rồi Thế Tôn nói kệ:

Nếu thường siêng tu tập
Tám thánh đạo vắng lặng
Tu đạo được như vậy
Là hành động theo Tăng.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con chưa biết lợi dưỡng của chúng Tăng là thế nào?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Lợi dưỡng chúng Tăng là bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn? Nghĩa là quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Tỳ-kheo nên biết! Đấy gọi là lợi dưỡng của Tăng.

Rồi Thế Tôn nói kệ:

Người lớn được lợi lớn
Một người ở trong Tăng
Được bốn quả Sa-môn
Tiêu được của ban cho.

Phật nói như vậy rồi, Tỳ-kheo kia lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, Tỳ-kheo gia nhập chúng Tăng, hành động chúng Tăng và tương ưng với lợi dưỡng chúng Tăng, Tỳ-kheo như vậy, có thể tiêu được thức ăn của người khác. Đồ thọ thực, đã thọ thực rồi, có thể tiêu được vật của người khác cúng dường. Thiện nam kia tin nghĩa gì mà bỏ nhà xuất gia, được lợi ích như vậy?

Bạch Thế Tôn! Người nào mong cầu vào trí của Nhất thiết trí, mà bỏ nhà xuất gia; con chưa hiểu, bạch Thế Tôn! Người đó gia nhập vào chúng Tăng, nhưng không hành động như chúng Tăng và không được lợi dưỡng của Tăng chứ?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Lành thay, lành thay! Ông khéo suy nghĩ. Ông hỏi rất hay. Ông giỏi biện tài mới có thể hỏi Như Lai nghĩa như vậy, làm lợi ích cho nhiều người, an vui cho nhiều người, làm nhiều điều lợi ích cho nhiều người. Ông nay vì thương xót sự lợi ích an vui ở thế gian, vì thương xót trời, người nên hỏi như vậy. Theo lời ông hỏi: "Nếu người nào mong cầu vào trí Nhất thiết trí mà bỏ nhà xuất gia. Người ấy nhập chúng Tăng mà không hành động theo chúng Tăng và không được lợi dưỡng theo chúng Tăng phải không?" Lời hỏi như vậy, ta sẽ vì ông thuyết giảng. Tỳ-kheo nên biết! Người kia không gia nhập chúng Tăng, chẳng hành động như Tăng, không được tương ưng lợi dưỡng như chúng Tăng. Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Người mong cầu Bồ-đề
Không gia nhập chúng Tăng
Không tu nghiệp chúng Tăng
Chẳng tương ưng lợi dưỡng.

Khi Phật nói như vậy rồi, Tỳ-kheo kia bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con chưa hiểu chúng sinh nào, không gia nhập chúng Tăng, chẳng hành động như Tăng, chẳng tương ưng lợi dưỡng chúng Tăng. Bạch Thế Tôn! Vì sao lại cho phép, để người ấy xuất gia, cho phép thọ thức ăn chúng Tăng, thì làm sao người ấy tiêu của ban cho?

Phật bảo:

–Tỳ-kheo! Ông hãy dừng lại. Chớ hỏi như vậy, không cần hỏi điều đó. Vì sẽ có Tỳ-kheo khác lại hỏi: "Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo nào không gia nhập chúng Tăng, chẳng hành động như Tăng, chẳng tương ưng lợi dưỡng chúng Tăng, thì làm sao tiêu của ban cho. Khi ấy, Thế Tôn lại bảo: "Tỳ-kheo! Không cần hỏi điều này?"

Lại có Tỳ-kheo khác nữa, cũng hỏi đến lần thứ ba: "Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo nào không gia nhập chúng Tăng, chẳng hành động như Tăng, chẳng được tương ưng lợi dưỡng chúng Tăng, thì làm sao tiêu của ban cho?"

Thế Tôn dùng lòng ân cần cũng hỏi lại Tỳ-kheo kia ba lần, rồi phóng tướng ánh sáng trắng giữa chặng mày, chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Ánh sáng rực rỡ, biến khắp nơi che khuất núi sông vách đá. Chỉ thấy có ánh hào quang đó tỏa khắp tam thiên đại thiên thế giới. Chúng sinh trong biển của tam thiên đại thiên thế giới này, gồm có cá kình, cá voi, rùa… từ xưa chưa từng thấy; nay đã thấy ánh hào quang rồi, đều sinh lòng kính sợ. Trong biển của tam thiên đại thiên thế giới này còn có Rồng, Rồng nữ, A-

tu-la, A-tu-la nữ, Ca-lầu-la, Ca-lầu-la nữ, từ xưa cũng chưa từng thấy; khi thấy ánh hào quang rồi, đều sinh lòng kinh sợ. Ánh hào quang như thế cũng chiếu đến bốn cõi trời Thiên vương, cõi trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tự tại, trời Phạm thân, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Quang minh, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Thiên quang âm, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Tịnh quảng quả, trời Bất phiền, trời Bất nhiệt, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời A-ca-ni-tra, cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Có hơn ngàn Thiên tử, đều thấy ánh hào quang của Phật. Tất cả đều đến chỗ Phật, cho đến tam thiên đại thiên thế giới, trời Tứ Thiên vương, lần lượt đến các cõi trời Tịnh xứ, tất cả đều một lòng đến chỗ Phật. Đến chỗ Phật rồi, cung kính tôn trọng, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, chắp tay hướng Phật và trụ ở trong hư không.

Khi ấy, lại có nhiều chúng Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, thấy ánh hào quang cũng bèn đến chỗ Phật. Đến chỗ Phật rồi, cúi đầu đảnh lễ sát chân, nhiễu bên phải ba vòng, hết lòng suy nghĩ đúng đắn, ngồi xuống một bên.

Lại có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đã thấy hào quang, cũng bèn đến chỗ Phật. Đến chỗ Phật rồi, cúi đầu đảnh lễ sát chân, nhiễu bên phải ba vòng, một lòng nhớ nghĩ chân chánh, ngồi xuống một bên.

Lại có tam thiên đại thiên thế giới, các loài Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Người và không phải người cũng đều thấy hào quang, cũng đến chỗ Phật. Đến chỗ Phật rồi, cúi đầu đảnh lễ sát chân, nhiễu phải ba vòng, một lòng nhớ nghĩ ngay thẳng, ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ, Tuệ mạng Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục một bên, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều đến tập họp ở đây. Nhiều Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Người và không phải người, bốn Đại Thiên vương, cõi trời Tam thập tam, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tự tại và trời Phạm thiên, cho đến Vô lượng tịnh xứ, Tịnh thân; có hơn ngàn Thiên tử, thấy ánh hào quang của Phật cũng đều đến tập họp. Bạch Thế Tôn! Vì sao Thế Tôn phóng hào quang giữa chặn mày, xin Thế Tôn vì con, giải thích. Rồi Tuệ mạng Xá-lợi-phất dùng kệ, hỏi Phật:

Hơn số ngàn chúng sinh
Cả ức na-do-tha

Đều thấy hào quang Phật
Nên đến chỗ Thế Tôn.
Thế Tôn, vì cớ gì
Lại do nhân duyên gì
Mà ngàn ức chúng sinh
Đến tập họp nơi đây?
Thế Tôn biết nghĩa này
Vì sao họ đến đây
Xin Đại Sư thương xót
Vì con mà giải thích.

Phật bảo Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Xá-lợi-phất! Có người mới xuất gia, trong một ngày lại được thọ giới Tỳ-kheo, hỏi:

–Nếu có Tỳ-kheo nào tu hành hạnh Đại thừa, chuyên tâm mong cầu trí Nhất thiết trí, người đó làm thế nào thọ thực thức ăn của chúng Tăng mà có thể tiêu được của ban cho? Xá-lợi-phất! Nay ta muốn trả lời câu hỏi của Tỳ-kheo kia. Vì lý do đó, nên vô lượng ngàn ức chúng sinh mới tập họp đến đây.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn! Cúi xin Đấng Thiện Thệ! Xin trả lời câu hỏi này.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Nếu ta thuyết nghĩa này sẽ có người mê muội. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì tất cả Bậc đại long là không thể nghĩ bàn được. Dù bậc có thần thông lớn, rống tiếng sư tử lớn, cũng không thể nghĩ bàn, tiếng rống của sư tử không thể nghĩ bàn, bậc đại pháp của chúng sinh cũng không thể nghĩ bàn. Ở đây chẳng phải tất cả phàm phu ngu si, Thanh văn, Duyên giác đều có thể tin hiểu. Cho nên ông hỏi ba lần. Ta đều im lặng không đáp nghĩa này là vậy.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong hội này có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Người và không phải người đều tin nghĩa này. Cúi xin Thế Tôn vì lợi ích những vị này mà giải đáp câu hỏi của con.

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Khi thuyết nghĩa này chúng sinh sẽ mê mờ.

Khi ấy, Tuệ mạng Xá-lợi-phất dùng kệ thỉnh Như Lai:

Lành thay! Xin Phật thuyết
Bồ-tát công đức gì?
Khi hành tâm Bồ-đề
Nghe rồi thêm tinh tấn.

Phật bảo Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát là ruộng phước cao tột của trời, người ở thế gian. Xá-lợi-phất! Chẳng phải Đại Bồ-tát không tiêu của cúng dường. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì Đại Bồ-tát hoàn toàn tiêu được của ban cho. Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát nào ngày ngày thường thọ thực, tất cả thức ăn uống, của tất cả chúng sinh cúng dường, cao như núi Tu-di. Số lượng ca-sa đắp, rộng dài như cõi Diêm-phù, kiếp kiếp thường như vậy. Đại Bồ-tát vẫn luôn luôn tiêu của ban cho rốt ráo.

Xá-lợi-phất! Nếu có Đại Bồ-tát mà chúng sinh ở tam thiên đại thiên thế giới, cứ mỗi một chúng sinh, trong mỗi ngày, đem cúng dường sàng tòa cho vị ấy, số lượng nhiều như bốn thiên hạ, cao như núi Tu-di, có bảy thứ báu. Những gì là bảy? Đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não; trang nghiêm tòa Sư tử bằng bảy loại báu đó, có cả y trời phủ lên trên. Xá-lợi-phất! Nếu có Đại Bồ-tát nào mà mỗi một chúng sinh, trong mỗi ngày, cúng dường như vậy, Bồ-tát thọ nhận, sử dụng tùy ý, hoặc ngồi hoặc nằm. Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thường lãnh thọ như vậy, thường sử dụng như vậy, hoàn toàn tiêu được của ban cho. Vì sao? Xá-lợi-phất! Cho đến Đại Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề, dẫu mới phát tâm một ngày, đã là ruộng phước của tất cả Thanh văn, Duyên giác, chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát được tất cả chúng sinh, trong mỗi ngày, đem cung điện bằng bảy báu, cung điện đó, vuông vức như bốn thiên hạ, là Diêm-phù-đề, Tây-cù-na-ni, Đông Phất-bà-đề, Bắc Uất-đơn-việt vuông vức như vậy; mỗi nơi, đều có xe riêng biệt, rèm bằng bảy báu. Mỗi một nơi, đều có lưới tơ lụa, phướn, lọng bằng bảy báu, trang nghiêm bằng các loại báu của trời. Cung điện kia, cao rộng cho đến cõi trời Tha hóa tự tại. Mỗi một nơi, đều có các cây báu, khắp nơi đều có. Tất cả cây báu kia, tùy ý muốn gì, nó đều cấp đủ. Trong mỗi một cây, đều phát ra âm nhạc. Trong các cây đó, có cây, có thể cho ra các loại hương; có cây, có thể phát ra các loài hoa thơm ngát; có cây, có thể cho ra các loại quả. Cung điện đó có nhiều ao nước, chứa đầy nước tám công đức, cát dưới đáy bằng vàng. Trong ao có rất nhiều hoa sen bằng bảy báu. Tất cả ao đều dùng lưu ly

làm lối đi, chung quanh ao đều xây lan can bằng bảy báu. Bên bờ ao, có nhiều tòa Sư tử, ức na-do-tha, dùng trăm ngàn tọa cụ, để trải lên trên, các loại hoa thơm ngát ở cõi trời, rải khắp mặt đất.

Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát nào được cung điện đẹp như vậy, tòa ngồi đẹp như vậy, chỗ ở đẹp như vậy; hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nói, hoặc im lặng, đều tùy ý. Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát, được tất cả chúng sinh, trong mỗi một ngày, cúng dường cung điện đẹp, tòa ngồi đẹp và chỗ ở đẹp như vậy đều được nhận lãnh mà dùng. Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát như vậy đối với tất cả chúng sinh hoàn toàn tiêu được của ban cho. Như thế cho đến người mới phát tâm. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì Đại Bồ-tát là ruộng phước cao tột của tất cả chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Ông có thấy các vị chủng tánh tôn quý đều giàu sang phú quý và có nhiều an vui. Đó là, dòng họ lớn Sát-lợi, dòng họ lớn Bà-la-môn, dòng họ lớn Trưởng giả, dòng họ lớn Cư sĩ, vua trong loài người, bậc Chuyển luân thánh vương có đủ bảy báu; trời Tứ Thiên vương, trời Tam thập tam, Thích Đề-hoàn Nhân, Diệm-ma Thiên tử, Đâu-suất Thiên tử, Hóa lạc Thiên tử, Tha hóa tự tại Thiên tử, chủ cõi Ta-bà, cho đến tất cả chúng sinh, ở cõi Sắc và Vô sắc. Hoặc có người trụ ở quả thứ nhất, quả thứ hai, quả thứ ba, quả thứ tư. Lại có người chứng đắc đạo Bích-chi-phật. Hoặc có người muốn học đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Xá-lợi-phất! Tất cả những vị đó đều ở trong Bồ-tát, đều do Bồ-tát hóa sinh, nên biết như vậy. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì Đại Bồ-tát đã hành Bồ-tát rồi, lần lượt sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ chuyển xe pháp. Ở chỗ Bồ-tát, được nghe pháp rồi, sẽ được nhập vào quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, lần lượt sẽ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghe pháp ban cho rồi, thì có thể thực hành ban cho. Do sự ban cho ấy mà sẽ được sinh ở dòng họ lớn Sát-lợi, dòng họ lớn Bà-la-môn, dòng họ lớn Trưởng giả, được làm vua loài người, vua Chuyển luân. Nghe thuyết giới rồi, có thể giữ gìn giới. Vì sự giữ gìn giới, nên được sinh ở trời Tứ Thiên vương, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tự tại. Nghe bốn Tâm vô lượng rồi tu hành. Do tu hành, được sinh cõi trời Sắc giới. Xá-lợi-phất! Pháp môn này phải khéo biết như vậy. Vì tất cả pháp đều nương vào Bồ-tát và sự biến hóa của Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Ví như ao của vua rồng A-na-bà-đạt-đa, là nơi xuất phát ra bốn con sông lớn. Những gì là bốn? Đó là sông Cường-già, sông Tân-đầu, sông Bác-xoa, sông Tư-đà. Bốn con sông lớn này, nhập vào trong bốn

biển lớn. Đó là sông Cường-già và năm trăm quyến thuộc, chảy vào biển phía Đông. Sông Tân-đầu và năm trăm quyến thuộc, chảy vào biển phía Nam. Sông Bác-xoa và năm trăm quyến thuộc, chảy vào biển phía Tây. Sông Tư-đà và năm trăm quyến thuộc, chảy vào biển phía Bắc. Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn con sông này, chảy vào bốn hướng như vậy, rồi lần lượt nhập vào trong bốn biển lớn.

Xá-lợi-phất! Bốn con sông kia chảy vào ở bốn hướng, có thuận lợi cho chúng sinh sử dụng không?

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đủ sức cho vô lượng chúng sinh sử dụng. Đó là Sa-môn và Bà-la-môn, người, không phải người. Bạch Thế Tôn! Bốn con sông đó có thể chảy vào ruộng lúa nước, ruộng đậu, ruộng lúa tẻ lớn nhỏ. Đủ các loại đậu và ngũ cốc được phát triển. Lúa đậu và ngũ cốc đó, được nhiều người sử dụng, như là Sa-môn, Bà-la-môn, người và không phải người.

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn biển lớn kia có thuận lợi và tùy cho chúng sinh sử dụng không?

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đủ sức cho vô lượng chúng sinh sử dụng. Đó là chúng sinh ở trên cao, chúng sinh ở đất liền; chúng sinh ở trong nước như cá, rùa, cá kình, tôm, cua, ngỗng, vịt và cá thầy lại còn có vô lượng chúng sinh lớn ở trong đó như Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, người và không phải loài người cũng thừa sức thọ dụng như ngọc, ngọc báu, lưu ly, đá quý, san hô, nhân-đà-ni-la, đại thanh, bảo châu ni, sa-la, bảo ca-la, sa bảo, mã não. Lại có nhiều loại châu báu giá trị khác nhau. Chúng ở trong biển để người thọ dùng.

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào! Bốn biển lớn đó vì lý do gì mà có sức lực như vậy?

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do thế lực của vua rồng A-na-bà-đạt-đa.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Này Xá-lợi-phất! Vua rồng A-na-bà-đạt-đa đã xa lìa ba điều sợ hãi. Những gì là ba? Đó là: Xa lìa nỗi sợ Già-lâu-la, xa lìa nỗi sợ cát nóng của vua rồng khác, xa lìa nỗi sợ khi hành dục thì biến thành hình tướng rắn. Vua rồng A-na-bà-đạt-đa khi hành dục, không có hình

tướng như vậy.

Xá-lợi-phất! Trong cung của vua rồng A-na-bà-đạt-đa, có các Tỳ-kheo ngồi thiền và sống ở đó. Xá-lợi-phất! Trong cung của vua rồng A-na-bà-đạt-đa, các Tỳ-kheo có thần thông, có oai đức cũng sống ở đó. Xá-lợi-phất! Vua rồng A-na-bà-đạt-đa thích sống trong cung nào tùy ý, nếu có ai vào, cũng không thể làm các điều tổn hại.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Cung điện của vua rồng A-na-bà-đạt-đa đã thành tựu pháp chưa từng có như vậy. Thật là hiếm có! Bạch Thế Tôn! Cung điện rồng như vậy, mà ba điều lỗi cũng không có. Thật là hiếm có! Bạch Thế Tôn! Chúng sinh nào vào cung điện đó, cũng thoát khỏi ba điều lỗi. Thật hiếm có! Bạch Thế Tôn! Cung điện vua rồng lại được các Tỳ-kheo thần thông, oai đức, ngồi thiền và sống ở đó. Thật hiếm có! Bạch Thế Tôn! Nơi ao rồng kia, phát ra bốn con sông lớn, được nhiều người sử dụng. Bốn sông lớn, sinh bốn biển lớn. Chúng sinh nhiều nơi, vô lượng trăm ngàn các chúng sinh, đều thọ dụng ở đó. Sa-môn, Bà-la-môn, người và không phải người cũng thọ dụng ở đó. Bạch Thế Tôn! Vua rồng A-na-bà-đạt-đa đã thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Ví như vua rồng A-na-bà-đạt-đa xa lìa được ba điều sợ hãi. Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát cũng như vậy, cũng vượt qua được sự sợ hãi ở ba đường ác. Ba điều sợ hãi là gì? Một là sợ hãi địa ngục, hai là sợ hãi ngạ quỷ, ba là sợ hãi súc sinh.

Xá-lợi-phất! Ví như ao của vua rồng A-na-bà-đạt-đa, phát ra bốn con sông lớn, cho nhiều người thọ dụng. Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát cũng như vậy, cũng có bốn Nhiếp pháp để thu phục giáo hóa chúng sinh. Những gì là bốn? Sự ban cho, nói lời yêu thương, đem lại lợi ích và cùng làm việc. Bốn pháp thu phục này, là chỗ tu hành của Bồ-tát, được nhiều người thọ dụng.

Xá-lợi-phất! Ví như ao vua rồng A-na-bà-đạt-đa là nguyên do để có bốn biển. Bồ-tát cũng vậy. Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát là nơi phát sinh trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi-phất! Ví như ở biển lớn có vô lượng chúng sinh dựa vào đó, để sinh sống an vui. Như vậy, này Xá-lợi-phất! Sự sống chết của chúng sinh ba cõi, cũng nương vào Nhất thiết trí mà được an vui. Ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Xá-lợi-phất! Pháp môn này nên khéo biết như vậy.

Xá-lợi-phất! Sở dĩ chúng sinh, ở tam thiên đại thiên thế giới có được

sự an vui, tất cả đều nhờ Bồ-tát mà sinh, nương vào Bồ-tát mà có. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì phát tâm Bồ-đề là luôn hành, không chấm dứt, liên tục cho đến khi được thọ ký, được thọ ký rồi, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, Chuyển bánh xe pháp. Các Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm, các loài khác, đều không thể chuyển chánh pháp như vậy. Do nghe pháp, nên phát sinh bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Vì lý do đó, nên được vô lượng an vui, trời, người được an vui, an vui trong giải thoát.

Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Pháp này do đâu sinh?

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Từ Bồ-tát sinh ra.

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Được lợi dưỡng từ sự thu phục giáo hóa ở ba cõi, là tùy theo vật gì? Tất cả đều do ân trạch của Bồ-tát, tạo ra trước kia. Làm sao có người lại có thể báo được ân sao?

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không thể báo đáp. Vì sao? Vì Bồ-tát là chỗ phát sinh ra tất cả pháp.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Ví như có người nghèo, không có tiền của. Có người giàu sang, nhiều tiền của, với lòng Từ bi thương xót đã bỏ tiền của ra, giúp đỡ người kia. Hơn cả trăm, cả ngàn, vô lượng vô số. Trăm ngàn vạn ức của cải đều bỏ ra cho. Cứ như vậy, cho đến giúp đỡ người thứ hai, người thứ ba, người thứ tư đến trăm ngàn, vô lượng thứ trăm ngàn chúng sinh, tất cả chúng sinh. Tiền của của người giàu có đó tất cả đều đem cho hết. Lại còn giúp đỡ cho họ, diệt trừ tất cả sự sợ hãi, những oán cừu ràng buộc và đấu tranh. Những nỗi lo sợ như vậy đều thoát khỏi. Lại giúp họ, xa lìa nỗi sợ hãi của đường ác, để cùng vô lượng trời, người an vui. Trong số những người nhận của ban cho đó, có một chúng sinh, vì muốn báo ân, đã chia tất cả của cải nhận được ra làm trăm phần, rồi lấy một phần đem cho người trước đây đã ban cho mình. Đem cho rồi, lại nghĩ rằng: "Ta đã đền ân".

Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Trượng phu này đã làm lợi ích cho tất cả chúng sinh như vậy, thì một chúng sinh đem chia tài vật ra làm trăm phần, rồi đem một phần cho lại người trước đã cho mình, thì báo ân có hết không?

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không thể hết được.

Phật bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát cũng vậy. Người có tâm Từ bi, làm lợi ích cho tất cả, mà một chúng sinh, lại lấy một phần vật trong số trăm phần, đem cho lại người có tâm Từ bi một phần vật, thì cũng vậy, không thể báo đáp hết được. Này Xá-lợi-phất! Có một người ban cho tất cả những sướng vui, để chiêm bái người tu hành Đại thừa. Người ấy, tuy làm việc cúng dường như vậy cho đến hết đời, nhưng không báo ân hết.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Lành thay, lành thay! Này Xá-lợi-phất! Ông đúng là đệ tử chân chánh của ta. Ông tùy ý thuận theo lời dạy của ta, khéo léo giải thích ngôn ngữ của ta. Xá-lợi-phất! Tất cả chúng sinh ở trong Bồ-tát. Nếu tự mình xả bỏ phần thịt, da, gân, xương, thân, có đến cả trăm ngàn lần thì đối với ân Bồ-tát, cũng không thể báo được một phần trăm. Như vậy, cũng không báo được cho đến một phần ngàn, ức phần, trăm ngàn ức phần, vô số phần, dùng toán số, thí dụ cũng không thể sánh được. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì ân Bồ-tát thì cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la cũng không thể đền đáp hết được.

Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ nào phát khởi tâm Nhất thiết trí của Như Lai thì mới có thể báo được ân ấy. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì người nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sinh đều có thể được hưởng dụng.

Xá-lợi-phất! Ví như trong cõi Diêm-phù-đề này mọc lên cây Chiên-đàn. Lúc mới nảy mầm, nó có thể làm thuốc trị bệnh cho trẻ em. Lá nó có thể trừ bệnh cho đàn bà, đàn ông. Đến khi lớn thành cây Chiên-đàn, người qua lại trú dưới bóng mát của nó, sẽ xa lìa được bệnh tật. Cây Chiên-đàn đó khi ra hoa, có thể đem niềm vui cho cõi trời; khi kết trái thì ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới. Ánh sáng đã phát ra sẽ thuận theo tâm ý chúng sinh, nhớ nghĩ điều gì, thì sẽ được, nó là pháp làm cho không già, không bệnh. Cây Chiên-đàn đó nếu có người chặt xuống, tách từng phần, chỉ lấy phần gỗ quý thôi, nhưng người bỏ phí đó cũng không bị nghèo cùng. Cây Chiên-đàn đó nếu có người lấy phần gỗ quý dùng làm nhà, ai vào trong nhà đó sẽ không bị lạnh, nóng, đói, khát. Cứ như vậy, như vậy, này Xá-lợi-phất! Cây Chiên-đàn đó đều rất có ích chứ không phải là vô dụng. Từ lúc mới sinh, đã có ích cho việc sử dụng. Sinh ra, lớn lên có lợi ích, ra hoa, kết trái có lợi ích, chặt phá, chẻ bửa lấy gỗ quý, làm nhà cửa đều có lợi ích.

Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Lúc mới phát tâm Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu bốn pháp thu phục, đã làm lợi lạc cho chúng sinh, như cây Chiên-đàn lúc mới nảy mầm. Đã phát tâm rồi, thì đối với ba cửa giải thoát, tâm được tăng trưởng. Những gì là ba? Là Không, Vô tướng, Vô nguyện, như cây Chiên-đàn ra lá. Sau đó được an trụ ở pháp Vô sinh nhẫn, như lúc cây Chiên-đàn tăng trưởng. Tiếp đến thành tựu trí Nhất thiết trí, như cây ra hoa. Kế đến nhập Niết-bàn Vô dư, như cây có trái. Khi xả bỏ thân mạng, được vô lượng xá-lợi như hạt cải, ở khắp mọi cõi, làm lợi ích cho các chúng sinh, như cây Chiên-đàn kia bị chặt phá để lấy gỗ quý. Xá-lợi của Như Lai, làm lợi ích cho chúng sinh cũng như vậy; như cây Chiên-đàn được lấy gỗ quý làm nhà, ai vào nhà cũng được an vui. Như Lai nhập Niết-bàn rồi, nhiều người tu hành, vào chùa Như Lai, đều trừ được sự nóng bức, hưởng sự mát trong. Xá-lợi-phất! Pháp môn này nên khéo biết như vậy.

Xá-lợi-phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Phật pháp không bị cắt đứt. Tất cả chúng sinh sẽ được an vui, cả cõi trời, người vui giải thoát, sự tu hành không bị đứt đoạn.

Xá-lợi-phất! Nếu như cõi trời, người được vui và vui giải thoát, sự tu hành không bị đứt đoạn, thì làm sao có thể nói là có điều gì đó tương tự với điều ấy, một cách bình đẳng không?

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không thể cùng có sự bình đẳng vì Người, Trời, Ma, Phạm, Tu-la ở thế gian, tuy cho sự an vui nhưng không thể báo ân. Nếu ở trong một kiếp, hay trăm kiếp, ngàn kiếp, ức kiếp, ức ngàn kiếp cũng không thể báo ân.

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn báo tất cả ân của Đấng Vô Thượng, thì người đó nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Xá-lợi-phất! Người phát tâm này, là báo đáp ân Vô thượng. Như tương tự ân đức, tương tự sự báo ân. Không có chúng sinh tương tự, không có chúng sinh để thí dụ. Người muốn báo ân này, phải sinh tâm không tương tự, sinh tâm Vô thượng này.

Xá-lợi-phất! Muốn báo ân cho Như Lai ở quá khứ, thì chỉ nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Xá-lợi-phất! Muốn báo ân cho Như Lai ở đời vị lai, cũng chỉ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Xá-lợi-phất! Muốn báo ân cho chư Phật, ở mười phương thế giới hiện tại các Thế Tôn, các Như Lai Vô Thượng đang trụ, cũng chỉ phát tâm Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất! Có hai hạng chúng sinh cúng dường Như Lai, cúng dường Vô thượng. Một hạng là trừ sạch được tất cả các lậu; một hạng là phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Cúng dường cho Như Lai
Chỉ có hai hạng người
Bồ-tát, A-la-hán
Là hai hạng người này.
Chẳng tài sản thế gian
Chẳng vốn liếng ba cõi
Khéo làm việc cúng dường
Cúng dường bậc Đại nhân.
Dùng sắc, thanh, vị, xúc
Hơn cả trong trời, người
Ban cho Đại nhân đó
Không gọi khéo cúng dường.
Đem của cải dâng cúng
Chẳng cúng dường vô thượng
Nếu phát tâm Bồ-đề
Là cúng dường vô thượng.
Nếu trời, người thế gian
Và Ma, Phạm thế gian
Muốn đem dâng tất cả
Chẳng phải là báo ân.
Đại nhân không thiếu thốn
Không sinh tâm mong cầu
Đại nhân là như vậy
Càng không nhận cúng dường.
Người với tâm hy vọng
Cúng dường Phật vô thượng
Rồi phát tâm Bồ-đề
Vị lai sẽ thành Phật.
Nếu người luôn mong cầu
Muốn tạo vô lượng phước
Nên phát tâm Bồ-đề
Giữ chặt lòng tinh tấn.
Hoặc có người hy vọng

Phát tâm tu vô lượng
Người này luôn tinh tấn
Muốn được Bồ-đề Phật.
Có người thích an vui
Xa lìa tất cả khổ
Người này thường tu tập
Cơ hội đắc Phật đạo.
Nếu muốn thấy vô lượng
A-tăng-kỳ chư Phật
Tâm xem trọng chánh tín
Muốn giữ Bồ-đề Phật.
Nếu người muốn đi đến
Vô lượng thế giới khác
Phải siêng năng tinh tấn
Giữ Bồ-đề của Phật.
Muốn thấy Phật quá khứ
Phải nhớ nghĩ như vầy:
Cần phát tâm Bồ-đề
Tu tập hạnh Bồ-đề.
Nếu người muốn được thấy
Chư Phật đời vị lai
Cũng phát tâm Bồ-đề
Tu tập hạnh Bồ-đề.
Có người muốn cúng dường
Chư Thế Tôn hiện tại
Tâm hồn được an vui
Lợi ích cho chúng sinh.
Người đem lòng Từ bi
Thương xót các chúng sinh
Người này muốn phát khởi
Bồ-đề Phật vô thượng.
Nếu muốn cùng chúng sinh
Vô lượng vui: Vô thượng
Người này muốn phát khởi
Bồ-đề Phật, thứ nhất.
Nếu thấy chúng sinh khổ
Mà sinh lòng xót thương
Người này muốn phát khởi

Nhân duyên Bồ-đề Phật.
Ai sinh tâm như vậy
Ngã giác đạo Vô thượng
Công đức họ vô lượng
Không thể nói tất cả.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuyết pháp hướng về vị lai như vậy, có bao nhiêu chúng sinh, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Ông đừng nên hỏi. Xá-lợi-phất! Ông có dụng ý gì để hỏi như vậy? Vì sao? Xá-lợi-phất! Nếu sử dụng trí Nhất thiết trí của Như Lai để nói nghĩa này thì chúng sinh mê hoặc. Vì sao? Vì Phật Như Lai có vô lượng Giới, vô lượng Tam-muội, vô lượng Tuệ, vô lượng Thần thông, vô lượng Trí.

Xá-lợi-phất! Ví như hư không, không thể lường nắm bắt được. Vì hư không có thể suy nghĩ được sao?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không thể suy nghĩ được. Vì sao? Vì hư không đó, không có người nào đã biết, đang biết và sẽ biết.

Phật bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi-phất! Với sự hiểu biết của Như Lai thì tất cả chúng sinh, tất cả Thanh văn, tất cả Duyên giác, không thể đã biết, đang biết, sẽ biết. Vì sao? Vì sự hiểu biết của Phật chẳng phải là cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có. Chỉ các chúng sinh, mới khéo quyết định tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy.

Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Xá-lợi-phất! Sẽ có Bồ-tát khéo quyết định tâm.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào để khéo quyết định tâm.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề, hoặc ở đồng bằng, hoặc sống trên nước, hoặc sống trong hư không, hoặc sống ở mặt đất. Tất cả chúng sinh như vậy, khi thân cũ chấm dứt, đều được thân người.

Nếu có một người, dạy họ giữ gìn năm giới và mười điều lành. Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Những chúng sinh ấy nhờ nhân duyên này, có được nhiều phước đức không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Không thể dùng ví dụ để nói hết phước đức của họ.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Ta lại nói nữa. Ông nên biết rõ. Người như vậy, đã dạy tất cả chúng sinh ở Diêm-phù-đề, khiến họ giữ năm giới và mười điều lành có được phước đức. Nếu lại có người dạy tất cả chúng sinh an trụ pháp, tin tưởng tu hành đạo, thì sẽ được phước đức hơn người trước rất nhiều.

Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Nếu lại có người, dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề an trụ pháp, tin tưởng tu hành đạo. Người đó nhờ nhân duyên này, có được nhiều phước đức không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Không thể đem dù một phần nhỏ ví dụ, mà nói hết phước đức người đó.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Như vậy, có người nào dạy cho tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề tin tưởng an trụ pháp mà hành đạo, để được phước đức. Nếu lại có người, dạy cho một chúng sinh, trụ vào pháp mà hành đạo, phước đức đó lại hơn người kia rất nhiều.

Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Nếu có người, dạy tất cả chúng sinh, ở cõi Diêm-phù-đề an trụ pháp mà hành đạo, người đó nhờ nhân duyên này, có được nhiều phước đức không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Không thể dùng ví dụ mà nói hết phước đức người đó.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Người như vậy, dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề, an trụ pháp và hành trì đạo để hưởng được nhiều phước đức. Nếu lại có người, chỉ dạy một chúng sinh, an trụ nơi quả thứ nhất. Phước đức người này lại hơn người kia rất nhiều.

Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Nếu có người, dạy tất cả chúng sinh, ở cõi Diêm-phù-đề, an trụ nơi quả thứ nhất thì chúng sinh kia, nhờ nhân duyên này có được nhiều phước đức không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Không thể dùng ví dụ mà nói hết phước đức người đó.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Người như vậy dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề, an trụ ở quả thứ nhất, hưởng được nhiều phước đức. Nếu lại có người, chỉ dạy một chúng sinh, an trụ ở quả thứ hai. Phước đức người này lại hơn người kia rất nhiều.

Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Nếu lại có người dạy cho tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề, an trụ quả thứ hai, thì người đó nhờ nhân duyên này có được nhiều phước đức không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Không thể dùng ví dụ mà nói hết phước đức người đó.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Người như vậy, dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề an trụ ở quả thứ hai, hưởng được nhiều phước đức. Nếu lại có người, chỉ dạy một chúng sinh an trụ ở quả thứ ba. Phước đức người này lại hơn người kia rất nhiều.

Xá-lợi-phất! Nếu lại có người dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề an trụ ở quả thứ ba, hưởng được phước đức. Nếu lại có người chỉ dạy một chúng sinh an trụ ở quả La-hán, phước đức người này sẽ nhiều hơn người kia.

Xá-lợi-phất! Nếu có người nào dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề an trụ ở quả La-hán, hưởng được phước đức. Nếu lại có người chỉ dạy một chúng sinh chứng đắc đạo Duyên giác, thì phước đức người này sẽ nhiều hơn người kia.

Xá-lợi-phất! Nếu có người dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề an trụ đạo Duyên giác, hưởng được phước đức. Nếu lại có người chỉ dạy một chúng sinh an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phước đức người này sẽ nhiều hơn người kia.

Xá-lợi-phất! Nếu có người dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hưởng được phước đức. Nếu lại có người chỉ dạy một chúng sinh an trụ pháp không thoái, thì phước đức người này sẽ nhiều hơn người kia.

Xá-lợi-phất! Nếu có người dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề

an trụ ở pháp không thoái, hưởng được phước đức. Nếu lại có người chỉ dạy một chúng sinh an trụ rốt ráo nơi pháp Vô sinh nhẫn, thì phước đức người này sẽ nhiều hơn người kia.

Xá-lợi-phất! Nếu có người dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề an trụ rốt ráo nơi pháp Vô sinh nhẫn, hưởng được phước đức. Nếu lại có người chỉ dạy một chúng sinh mau chóng an trụ trí Nhất thiết trí, thì phước đức người này sẽ nhiều hơn người kia.

Xá-lợi-phất! Nếu có người nào dạy tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề mau chóng an trụ trí Nhất thiết trí, hưởng được phước đức. Nếu lại có người vì người khác giảng nói rộng rãi các pháp để họ sinh tâm Bồ-đề, phá trừ ma chướng. Chỉ rõ cho họ, ấm là vô ngã, có thể xa lìa các giới, phá tan các nhập, diệt trừ phiền não. Lấy phần hạt giống trong sạch để phá trừ phần ô nhiễm. Pháp môn này là Nhất thiết pháp Cao vương, thì phước đức người này sẽ nhiều hơn người kia.

Xá-lợi-phất! Tạm gác tất cả chúng sinh ở Diêm-phù-đề lại. Này Xá-lợi-phất! Chúng sinh ở bốn thiên hạ thế giới, ở một ngàn thế giới, ở hai ngàn thế giới, ở ba ngàn thế giới, cho đến ở vô lượng trăm ngàn thế giới. Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên dưới, trong từng phương của mười phương như vậy. Chúng sinh ở hằng hà sa thế giới, loài có sắc, không sắc, loài sống trên bờ, trong nước, loài sinh bằng trứng, bằng thai, sinh nơi ẩm thấp, hay hóa sinh. Như vậy, cho đến có tưởng không tưởng. Tất cả chúng sinh như thế, dứt thân cũ, liền được thân người. Nếu có người nào, dạy tất cả những thân người ấy, biết giữ gìn năm giới, làm mười điều lành. Xá-lợi-phất! Người ấy nhờ nhân duyên này, có được hưởng nhiều phước đức không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều! Người kia hưởng được vô lượng a-tăng-kỳ phước đức.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Nay ông nên biết ví dụ như vậy. Xá-lợi-phất! Tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, nếu có người nào, dạy họ tin tưởng, an trú pháp mà hành đạo, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đạo, an trụ Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, an trụ pháp không thoái, pháp Vô sinh nhẫn, trí Nhất thiết trí, hưởng được phước đức. Nếu lại có người, vì người khác giảng nói rộng rãi pháp môn Nhất thiết pháp Cao vương này, hưởng được phước đức, thì phước đức này, sẽ hơn nhiều so với phước đức trên. Nó trong sạch đệ nhất, nó cao cả không gì

sánh bằng.

Xá-lợi-phất! Pháp môn cao cả này, là quyết định tâm tu hành của Đại Bồ-tát. Đây là pháp môn tu hành Bồ-tát nên biết. Xá-lợi-phất! Nếu người nào được nghe pháp môn Nhất thiết pháp Cao vương này, nên biết người đó, tức là Đại Bồ-tát. Người này không thoái lui với đạo Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, là ruộng phước, là bậc không có gì có thể so sánh, là bậc không có sự Tương tự, là người nhớ nghĩ, là người vượt qua, là người Vắng lặng, là bậc Điều ngự, bậc tánh Vắng lặng, bậc Giải thoát, bậc Trượng phu, bậc Sư tử, là Nam tử đệ nhất, là hơn cả Trượng phu, bậc đại Trượng phu, là Rồng, Trời; là bậc Thiên trung thiên, bậc Vô chướng ngại, bậc không còn trói buộc, là bậc đã làm việc nên làm, là bậc mà việc cần làm đã làm xong. Tất cả những gì cần làm đều đã làm xong, đó tức là người thành tựu công đức vô biên.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu chúng sinh quyết định
Thực hành tâm Bồ-đề
Người này lòng không ác
Có trí tuệ Như Lai.
Nếu phát tâm Bồ-đề
Phước này không thể dụ
Tất cả phước thế gian
Không bằng phước Bồ-đề.
Trong vô biên thế giới
Các chúng sinh đều có
Có người dạy Thắng thượng
Lần lần hạnh tăng trưởng.
Người đó cao dần lên
Lên cao được phước lợi
Đó là tâm Bồ-đề
Phước đó như vi trần.
Có người giảng rộng ra
Là kinh điển cao tột
Người nào học kinh này
Người đó là ruộng phước.
Người nào nghe kinh này
Bản tánh sạch hoàn toàn
Người này gọi vắng lặng
Đúng thật là con Phật.

Nếu khi nghe kinh này
Trượng phu thêm khỏe mạnh
Bậc Điều ngự giải thoát
Sư tử trong hàng trời.
Nếu người nói kinh này
Cao tột trong các kinh
Bậc Trời trong các trời
Chúng sinh không gì hơn.

Nghe xong, Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Như Lai mới nói kinh này. Như vậy chỉ mới lược nói hạnh Bồ-tát. Bồ-tát chỉ mới ở trong a-tăng-kỳ kiếp, hành Bồ-tát hạnh, cho nên chưa đắc trí không gì hơn của Phật. Bạch Thế Tôn! Trong kinh này nói về trí không gì hơn của Phật. Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh, nghe pháp môn này, từ miệng của Như Lai, thì chúng sinh đó nhất định sẽ được lợi ích an lành đệ nhất.

Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu ý nghĩa pháp của Phật giảng, dù cho đến quá khứ hay đã nhập Niết-bàn, chư Phật Thế Tôn đã luôn vì chúng sinh, mà thuyết pháp môn này. Pháp môn này là pháp mà Đức Phật đã thuyết trong thời quá khứ, là đặc biệt cao cả bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, chư Phật Thế Tôn cũng sẽ vì chúng sinh thuyết pháp môn này. Pháp môn này là pháp mà Đức Phật sẽ thuyết ở trong đời vị lai, nó là bậc nhất. Đó là, pháp môn Nhất thiết pháp Cao vương. Bạch Thế Tôn! Ở đời hiện tại, vì mạng sống hiện tại, chư Phật Thế Tôn vì chúng sinh nói pháp môn này. Pháp môn này là pháp mà Đức Phật sẽ thuyết trong đời hiện tại nó là bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Con theo Thế Tôn từ trước đã từng nghe nhiều pháp môn. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Nay Thế Tôn lại vì con mà thuyết pháp môn này.

Phật Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Xá-lợi-phất! Kinh này Phật tự biết lúc phải giảng nói. Như tâm chúng sinh, tin, hiểu thế nào, ta sẽ tương ứng để biết tâm đó, mà giảng. Xá-lợi-phất! Đấy là sự hiểu biết của Phật, chẳng phải cảnh giới của các Thanh văn, Duyên giác!

Xá-lợi-phất! Khi thuyết pháp này có tám vạn bốn ngàn người, trước kia chưa từng phát tâm Bồ-đề, nay nghe kinh này, liền phát tâm Bồ-đề. Có sáu mươi ngàn chúng sinh chứng được pháp Vô sinh nhẫn. Có bảy mươi ức chư Thiên ở cõi Dục, trước chưa từng phát tâm Bồ-đề, nay nghe pháp này, liền phát tâm Bồ-đề. Có ba ức chúng sinh được nhu hòa nhẫn nhục.

Vô lượng Trời, Rồng, Dạ-xoa, trước chưa từng phát tâm Bồ-đề, nay nghe pháp này, liền phát tâm Bồ-đề. Xá-lợi-phất! Như Lai xem xét kỹ, biết được ý nghĩa này, cho nên rộng vì chúng sinh mà thuyết pháp môn này.

Bấy giờ, vô lượng trăm ngàn chúng sinh, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chắp tay chiêm ngưỡng Thế Tôn mắt không hề chớp.

Khi ấy, Thế Tôn bỗng mỉm cười vui vẻ. Từ khuôn mặt, phóng ra đủ loại ánh sáng với màu sắc khác nhau, chiếu đến tam thiên đại thiên thế giới. Ánh sáng ấy chiếu khắp rồi trở về, nhập lại trên khuôn mặt Đức Thế Tôn.

Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do gì Thế Tôn lại mỉm cười như vậy. Cúi xin Thế Tôn vì con giải thích!

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Ở đây rất nhiều Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chắp tay nhìn Phật, mắt không rời. Ông có thấy không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Bốn bộ chúng này, tu hành hạnh Đại thừa, tu hành hạnh Bồ-tát. Xá-lợi-phất! Tâm hành như thế nào, ta đều biết hết. Xá-lợi-phất! Hoặc Như Lai ở quá khứ không đắc, vị lai không đắc, hiện tại không đắc. Xá-lợi-phất! Hạnh chúng sinh này, trong ấm không đắc, trong giới không đắc, trong nhập không giữ. Xá-lợi-phất! Hạnh Bồ-tát là cao cả, không gì bằng.

Khi Như Lai thuyết hạnh Bồ-tát, tam thiên đại thiên thế giới, đều chấn động: Động, động khắp, động đều khắp; Vọt lên, vọt lên khắp, vọt lên cùng khắp; gầm rống, gầm rống khắp, gầm rống cùng khắp; nổi lên, nổi lên khắp, nổi lên cùng khắp; thức tỉnh, thức tỉnh khắp; thức tỉnh cùng khắp. Vua ma Ba-tuần lui về cung điện của mình, còn các ma khác lui chạy tản mác. Ở đây có bài kệ:

Sớm phá hoại sức ma
Làm chúng không sinh lại
Lời dạy Bậc Chánh Giác
Phá tan không còn gì.
Ma ấm, ma phiền não
Suy yếu không thế lực
Vì nghe Như Lai thuyết

Tất cả pháp không này.
Các ma thấy sợ hãi
Nghe pháp không giỡn bàn
Pháp kia đã bất sinh
Làm sao lại có tử.

Ma Ba-tuần bèn rơi xuống đất, đến chỗ Như Lai, nói kệ:

Lành thay! Đấng Tối Thượng
Cho con được an vui
Con sợ mạng sống hết
Nên sầu lo trói buộc.

Ma Ba-tuần được Phật ban cho an vui, bỗng nhiên biến mất.

Như Lai thuyết pháp môn này, tâm của Tuệ mạng Xá-lợi-phất rất vui mừng. Tỳ-kheo mới xuất gia không còn sầu buồn, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà nghe Thế Tôn nói rồi, đều rất hoan hỷ.

-oOo-

SỐ 824

KINH CHƯ PHÁP TỐI THƯỢNG VƯƠNG

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng
Xà-na-quật-đa, người miền Bắc Ấn Độ.

Khi thuyết pháp này, Đức Thế Tôn đang ở tinh xá Ca-lan-đà, rừng Trúc lâm, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị, do cựu búi tóc Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp dẫn đầu, tất cả đều chứng A-la-hán, các lậu đã sạch, những việc cần làm đã làm, vứt bỏ gánh nặng, đạt được lợi cho riêng mình, chấm dứt các phiền não, tâm trí chân chánh, giải thoát, đến được bờ bên kia một cách tự tại, chỉ trừ một vị, đó là Mạng giả A-nan-đà.

Lúc ấy, vào ngày rằm Đức Thế Tôn ngồi bố tát giữa đất trống, chúng Tỳ-kheo cung kính vây quanh, hướng về phía Đức Phật. Có một Tỳ-kheo mới, xuất gia chưa bao lâu, được thọ giới Cụ túc, đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, nhiễu phải ba vòng, chắp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con mới xuất gia, hôm nay lại được thọ giới. Xin Thế Tôn vì con thuyết giảng, vì sao thọ thức ăn ở làng xóm gọi là thọ thức ăn lành? Vì sao thọ thức ăn rồi là được ruộng phước sạch, sẽ được lợi ích bậc nhất?

Bạch rồi Tỳ-kheo ấy lại nói kệ:

Con chỉ mới xuất gia
Ngày nay thọ đủ giới
Thế Tôn vì con thuyết
Làm sao được tịnh thí.
Con vì đạo tu hành
Bỏ nhà không chỗ ở
Tịnh thí là như vậy
Vì con thuyết nghĩa này.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ông hãy khéo nghe và khéo nghĩ cho đúng. Ta sẽ giảng nói cho ông. Tỳ-kheo không giả dối, thọ thức ăn ở xóm làng, thọ sự ban cho trong sạch.

Cho nên thiện nam, thiện nữ bỏ nhà đến chốn không nhà, tu hành hạnh vô thượng sẽ được nơi rốt ráo hơn. Tỳ-kheo như vậy, là gia nhập trong chúng Tăng, hành động theo Tăng và cùng hưởng lợi dưỡng của Tăng. Đầy đủ ba pháp này, không uổng thọ thức ăn ở xóm làng, thọ sự ban cho trong sạch, được lợi ích bậc nhất. Rồi Thế Tôn nói kệ:

Chúng sinh nhập chúng Tăng
Nhớ nghĩ, hành động Tăng
Được hưởng lợi của Tăng
Được phước cho trong sạch.

Tỳ-kheo bảo Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con nghe Phật giảng nói giáo nghĩa sơ lược như vậy con không hiểu rõ nghĩa này. Bạch Thế Tôn! Vì sao Tỳ-kheo phải nhập trong chúng Tăng, phải dự vào hành động của Tăng và dự lợi dưỡng của Tăng. Rồi Tỳ-kheo lại nói kệ:

Vì sao nhập chúng Tăng
Thấy và hành như Tăng
Vì con nói Tăng lợi
Nghe rồi, con hiểu rõ.

Phật dạy Tỳ-kheo:

–Hãy chú ý lắng nghe! Ta sẽ nói cho ông rõ về Tăng, hành động Tăng và lợi ích Tăng.

Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con rất muốn nghe điều đó.

Phật nói:

–Sao gọi là Tăng? Tăng là những người đủ bốn hướng, bốn quả là tám Đấng, nên gọi là Tăng. Nên khéo dâng thức ăn và chắp tay hướng về các vị ấy. Đấy là nơi có thể được sự ban cho trong sạch, gọi là ruộng phước. Các trời và người đều phải cúng dường. Rồi Thế Tôn nói kệ:

Nay ta nói về người
Đủ bốn đôi tám đấng
Các vị ấy là Tăng
Là ruộng phước cao tột.

Này Tỳ-kheo! Sao gọi là hành động của Tăng? Hành động của Tăng là thực hành bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy phần Giác ngộ, tám Thánh đạo. Đó là hành động của Tăng. Rồi Thế Tôn nói kệ:

Siêng cầu đạo Tối thắng

Gọi là tám Thánh đạo
Chánh nghiệp của vị Tăng
Được ta nói như vậy.

Này Tỳ-kheo! Sao gọi là lợi dưỡng của Tăng. Những lợi dưỡng của Tăng là bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn?

1. Quả Tu-đà-hoàn.

2. Quả Tư-đà-hàm.

3. Quả A-na-hàm.

4. Quả A-la-hán.

Đấy là lợi dưỡng lớn của Tăng. Nói rồi Thế Tôn nói kệ:

Thân lớn lợi ích lớn
Những vị Tăng như thế
Được bốn quả Sa-môn
Trong sạch nơi phước thí.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo như Thế Tôn đã nói, gia nhập trong chúng Tăng, dự vào hành động Tăng và dự lợi dưỡng của Tăng, thì người kia sẽ khéo thọ những thức ăn ban cho ở các xóm làng, thọ nhận sự ban cho trong sạch, được phước lợi bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Nếu lại có người phát tâm nơi Đại thừa, vì trí Biến tri mà bỏ nhà xuất gia. Những vị đó có dự vào trong Tăng không? Dự vào hành động của Tăng không? Dự vào lợi dưỡng của Tăng không?

Phật nói:

–Lành thay, Tỳ-kheo! Ông một lòng đối với Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, mới có thể suy nghĩ mà hỏi nghĩa này. Tỳ-kheo! Ông là người giỏi khéo biện tài và có sự điềm an lành lớn lao, mới khéo hỏi nghĩa này. Tỳ-kheo! Ông khéo léo nghĩ suy nên mới hỏi Như Lai nghĩa này. Tỳ-kheo! Những điều này, đều nhờ oai lực của Phật, đã khiến cho ông phát sinh biện tài như vậy, muốn hỏi nghĩa này, cũng do nguyện lực từ xưa của ông, mới hỏi được như vậy. Thế nên Tỳ-kheo! Hãy khéo lắng nghe, khéo nhớ nghĩ, ta sẽ nói cho ông rõ.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lành thay! Nay con muốn nghe.

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Ý ông thế nào? Người kia phát tâm Đại thừa vì trí Biến tri, bỏ nhà xuất gia. Người đó có dự vào trong Tăng không? Dự hành

động Tăng không? Được lợi dưỡng của Tăng không? Này Tỳ-kheo! Chúng sinh ấy không được gia nhập trong Tăng, hành động, lợi dưỡng của Tăng cũng không được dự. Rồi Thế Tôn nói kệ:

Người ấy phát Bồ-đề
Không dự hàng chúng Tăng
Không hành động chúng Tăng
Lợi dưỡng, cũng không dự.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do gì mà người đó xuất gia đã cố gắng hưởng thọ thức ăn ở xóm làng, nhưng không dự trong hàng Tăng, hành động, lợi dưỡng của Tăng cũng không dự?

Bạch Thế Tôn! Vì sao những hạng người đó có thể là phước ban cho trong sạch, nhưng không dự vào trong Tăng, hành động và lợi dưỡng của Tăng, đều cũng không được dự?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Ông cần gì phải hỏi điều không nên hỏi.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao có thể là sự ban cho phước trong sạch?

Phật nói:

–Tỳ-kheo! Ông cần gì phải hỏi điều không nên hỏi.

Tỳ-kheo lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Người kia không dự vào trong Tăng, hành động và lợi dưỡng của Tăng cũng không được dự, làm sao có thể là sự ban cho phước lành trong sạch?

Bấy giờ, Thế Tôn thấy Tỳ-kheo kia đã thỉnh cầu ba lần, liền mỉm cười và hiện thần thông. Dựa vào loại thần thông mà biến hiện. Tướng lông giữa chặn mày phát ra nhiều ánh sáng lớn. Ánh sáng đó, lại có vô lượng trăm ngàn màu sắc khác nhau. Sức oai thần của ánh sáng, chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, chiếu sáng đến chúng sinh ở trong biển lớn. Ai chưa từng thấy nghe những ánh sáng này, nay mới thấy, cho nên kinh hãi rợn tóc gáy. Trời Phi tưởng phi phi tưởng cũng đều một suy nghĩ này. "Do sức oai thần của Phật, nên biết những ánh sáng này, phát ra từ giữa chặn mày của Phật, thấy những ánh sáng này rồi, ai cũng kinh hãi, rợn tóc gáy".

Ở tam thiên đại thiên thế giới, từ trời Tứ Thiên vương cho đến trời cõi Sắc, trời cõi Vô sắc tất cả đều đến tinh xá Ca-lan-đà, trong vườn Trúc

lâm, thuộc thành Vương xá. Đến rồi, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu bên phải vô lượng trăm ngàn vòng, đứng trước Phật, chắp tay, cúi mình, cung kính nhớ nghĩ chân chánh, không động không dựa, mắt không hề nháy, sinh tâm tôn trọng, tâm yêu kính, tâm vui mừng, tâm sung sướng, tâm thọ nhận, tâm nhu mềm, tâm trong sạch, tâm không chướng ngại. Rất muốn được nghe pháp, đứng sang một bên.

Khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới, có sức oai thần lớn của các Trời, các Rồng, Dạ-xoa, La-sát, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Người và không phải người, các chủ loài Trời, chủ loài Rồng, chủ Dạ-xoa, chủ Càn-thát-bà, chủ A-tu-la, chủ Ca-lầu-la, chủ Khẩn-na-la, chủ Ma-hầu-la-già, chủ loài người và chủ không phải loài người; từ dưới đất, cho đến trên cao, đều đầy kín không trống một chỗ nào. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của tam thiên đại thiên thế giới cùng đủ loài chúng sinh sống trên mặt đất của các thế gian, nhờ sức oai thần của Phật, đều thấy được những ánh sáng của Phật, lòng kinh hãi rợn tóc gáy. Ví như trượng phu có sức mạnh lớn co duỗi cánh tay trong chốc lát. Cũng vậy, nhờ sức oai thần của Phật, chỉ trong một niệm đều hướng về tinh xá Ca-lan-đà ở rừng Trúc lâm, thành Vương xá, đến đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh phải ba vòng, đứng trước Phật, chắp tay, nhớ nghĩ chân chánh, cúi mình cung kính, sinh tâm tôn trọng, tâm kính yêu, tâm vui mừng, tâm vui hớn hở, tâm thọ lãnh, tâm nhu mềm, tâm trong sạch, tâm không chướng ngại. Chiêm ngưỡng Thế Tôn, mắt không hề chớp, thân đó không động, rồi đứng một bên.

Tam thiên đại thiên thế giới này, hoặc trong, ngoài thành, hoặc chỗ bị che khuất, có nhiều sông lớn nhỏ, từ nguồn xuất phát, các dòng nước đều chảy thuận dòng, âm thanh nhẹ nhàng. Lại ở bên trong, các chỗ bị ngăn che trong hư không, đủ loại chim, cất tiếng hót véo von. Nhờ sức oai thần của Phật, các âm thanh đều hòa hợp tương ưng. Voi, ngựa, trâu, dê cho đến trâu núi, trâu nước; nhờ sức oai thần của Phật, đều ở yên chỗ mình. Các chúng sinh sống ở biển, nhờ sức oai thần của Phật, mỗi loài tự phân chia chỗ sống, không xâm lấn gây khổ cho nhau. Các trời ở thế giới này, nhờ sức oai thần của Phật, đều đứng im lặng, âm thanh cõi trời cũng không vang tiếng. Chúng sinh ở các cõi ác, tánh độc ác mạnh mẽ; cho đến các loài hay chống đối nhau, tất cả đều được an vui; đều nhờ sức oai thần của Phật, nên chỉ trong một niệm mà tất cả đều thương mến nhau, giống như bạn thân, tâm được lợi ích, tâm an vui, tâm nhu mềm, tâm tạo các việc làm tốt, tâm vui mừng, tâm trong sạch, tâm không chướng ngại; hình dạng, mặt mày đều tươi vui, lời nói nhẹ nhàng, không nhanh không chậm, nói ra điều gì, cũng

được mọi người yêu mến. Già trẻ, trung niên đều thích.

Ngay trong lúc này, cả ba ngàn thế giới không có một tiếng tằng hắng. Nhờ sức oai thần của Phật, chúng sinh đều đứng im lặng. Gió thổi nhẹ nhàng mà thơm, chúng sinh thích thú đứng ngắm, lòng rất vui mừng, gió cũng không thổi động các cành cây hoa lá cỏ. Đều nhờ sức oai thần của Phật, mới có việc như vậy.

Giống như bậc La-hán, nhập vào định diệt tận, không còn hơi thở ra vào. Các đại chúng đứng im lặng, cũng như vậy. Vì chúng Tỳ-kheo kia, nhờ vào sức công đức thù thắng đời trước giúp đỡ và nhờ sức công đức thù thắng của Phật giúp đỡ.

Bấy giờ, Mạng giả Xá-lợi-phất biết mọi người đều im lặng, nương sức oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch một bên vai áo, theo cách của chúng Tăng, gối phải sát đất, chắp tay, cúi mình, một lòng ngắm nhìn mến mộ; vì muốn cho đại chúng được lợi ích an ổn, tâm trong sạch không chướng ngại; muốn được nghe pháp môn, mà Tỳ-kheo kia đã hỏi Phật, muốn biết lý do Đức Phật phóng những luồng ánh sáng và cũng vì chư Thiên loài người đều đến tập hợp, nên mạnh dạn thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có nhân duyên gì mà Như Lai mỉm cười và phóng hào quang. Hiện điềm tốt lành là có lý do, cho đến chư Thiên cũng đều đến tập trung rất im lặng. Rồi Xá-lợi-phất nói kệ:

Chư Phật tối thắng có nguyên nhân
Vì sao Phật hiện tướng tốt lành?
Xin Thế Tôn giảng nói nghĩa này
Vì duyên gì hiện thần thông lớn?

Hơn trăm ngàn chúng sinh
Và hơn na-do-tha
Đều đến đây tập hợp
Vì thấy thần thông này.
Thế Tôn vì nhân gì
Mà lại có duyên này?
Cớ gì các đại chúng
Hôm nay đến đây họp?
Phật biết rõ điều này
Do đâu người tập họp
Xin Thế Tôn thương con
Vì con giải nghĩa cho.

Các trời, người thế gian
Đều khởi lòng tôn kính
Chắp tay hướng về Phật
Chiêm ngưỡng Lưỡng Túc Tôn.
Các trời bỏ cung điện
Con trời cùng đến đây
Tôn trọng để nghe pháp
Chiêm ngưỡng Lưỡng Túc Tôn.
Rồng cũng lìa bỏ cung
Vô lượng đều đến đây
Phật nên nói lý do
Nghĩa sự thần biến này.
Dạ-xoa bỏ cung điện
Nhiều Dạ-xoa đến đây
Nay Phật nên giảng nói
Ý nghĩa thần biến này.

Xá-lợi-phất nói kệ rồi, đứng im lặng.

Thế Tôn nói kệ:

Là Trượng phu Phạm âm
Rống tiếng sấm vang động
Vì Xá-lợi-phất, nói
Nghĩa thần biến thế này:
Có một Tỳ-kheo mới
Xuất gia thọ đủ giới
Tỳ-kheo ấy hỏi ta
Các hàng Đại Bồ-tát.
Vì sao khi xuất gia
Hành động như thế nào?
Thọ thức ăn xóm làng
Sao gọi là tịnh thí.
Xá-lợi! Vì nghĩa đó
Hào quang giữa chặn mày
Phóng oai đức rộng lớn
Chiếu khắp cả thế giới.
Chính vì lý do này
Chư Thiên đến tập hợp
Chắp tay rất cung kính
Chiêm ngưỡng Lưỡng Túc Tôn.

Xá-lợi! Chính ý này
Rồng, Dạ-xoa đều đến
Mây sấm chớp nổi tan
Đến chỗ của Như Lai.
Xá-lợi! Chính vì thế
Nhiều chúng sinh tập trung
Đều đắc A-la-hán
Sạch lậu, đến Niết-bàn.
Xá-lợi! Vì nghĩa này
Vô số chúng tập họp
Đều phát tâm như vậy
Điều kiện đến Độc giác.
Xá-lợi-phất! Chính vậy
Vô số chúng tập họp
Mặc áo giáp trang nghiêm
Ở nơi trí tuệ Phật.
Xá-lợi-phất! Chính vậy
Nhiều người đến tập họp
Không thoái tâm Đại thừa
Đắc Bồ-đề tối thắng.
Nghe ý nghĩa này rồi
Nên được Phật thọ ký
Rất nhiều người làm ác
Hối hận quyết không làm.
Nghe nói câu nghĩa này
Ở đời mạt pháp sau
Ngàn ức số chúng sinh
Trụ nơi đạo tối thắng.
Trừ Bồ-tát đã chứng
Ở đời mạt pháp sau
Nếu giữ được kinh này
Trọn không có việc ấy.
Trừ Bồ-tát đã chứng
Ở đời mạt pháp sau
Nếu ai nghe kinh này
Kẻ vô trí, không tin.
Chúng sinh kia tin ít
Không thể phát Bồ-đề

Nếu khi nghe kinh này
Vô số người nghi hoặc.
Nếu không tin kinh này
Thường ở trong sinh tử
Địa ngục là chỗ đi
Súc sinh là vườn rừng.
Ở cõi trời, cõi người
Đều phá, không có phần
Không phá hoại kinh này
Ở đời mạt pháp sau.
Các trời và loài người
Đều chứng A-la-hán
Nếu nói những điều trên
Mà sinh tâm nghi hoặc.
Chứng được đạo Độc giác
Ở khắp mười phương cõi
Nếu nói những điều trên
Tâm không sinh nghi ngờ.
Không có không tu thiện
Được nghe nói như vậy
Nếu thành tựu nghĩa này
Mới nghe được đạo này.
Vì các hàng Bồ-tát
Ta thuyết kinh pháp này
Trong chúng tu hành rồi
Sẽ thành Lưỡng Túc Tôn.

Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

–Vị Tỳ-kheo kia mới xuất gia chưa được bao lâu, ngày nay được thọ giới, đến hỏi ta: "Người phát tâm Đại thừa, làm sao hưởng thọ được thức ăn của xóm làng mà gọi là khéo thọ thực. Thọ thực rồi có thể làm ruộng phước cho thí chủ". Xá-lợi-phất! Vị Tỳ-kheo đó đã hỏi ý như vậy nên vô lượng a-tăng-kỳ, trăm ngàn na-do-tha chúng sinh đến đây tập hợp, muốn nghe ta thuyết nghĩa này.

Xá-lợi-phất! Nay ta muốn giải thích, trình bày, phân biệt nghĩa này, để cho người kém cỏi được dễ hiểu, vô lượng chúng sinh được lợi ích lớn.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay đã đúng lúc, xin Thế Tôn vì con giảng thuyết.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Nếu khi ta nói nghĩa này, hoặc có chúng sinh tâm mê muội là vì sao? Vì vị có lòng bố thí đó, không thể suy nghĩ về sự bố thí, giữ giới, về sự nhịn nhục, sáng suốt tấn tới, thiền định, trí tuệ. Vì bậc có tiếng rống lớn sư tử không thể nghĩ bàn. Vì đại chúng sinh này không thể nghĩ về pháp. Vì các phàm phu và Nhị thừa đó không thể phân biệt, tin tưởng, thâm nhập, hiểu biết, chỉ trừ có Đại Bồ-tát không thoái.

Xá-lợi-phất! Ta thấy việc này như vậy, nên ba lần Tỳ-kheo kia thỉnh cầu mà vẫn im lặng không đáp.

Xá-lợi-phất lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, xin vì con mà giảng nói, để có thể khiến cho nhiều chúng sinh được lòng tin chân chánh.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Nếu khi ta giảng thuyết nghĩa này, chúng sinh mê muội. Vì sao? Vì việc ban cho các pháp đều không thể nghĩ. Vì ta thấy điều này, cho nên tuy ông thỉnh ba lần mà vẫn im lặng không thuyết.

Xá-lợi-phất lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lợi ích an vui của nhiều chúng sinh, vì lòng thương xót họ, cúi xin Thế Tôn, vì con nói nghĩa trên. Ở đời vị lai, có Đại Bồ-tát nào, phát tâm Đại thừa nghe nghĩa này, sinh lòng yêu kính tôn trọng sẽ được niềm tin chân chánh, tu hành nhiều nghiệp lành, mặc áo giáp lớn để tự trang nghiêm thân mình.

Bấy giờ, Thế Tôn thấy Xá-lợi-phất, ba lần cung thỉnh, nên bảo Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát không cần sự tịnh thí. Vì sao? Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến thành đạo, sự tịnh thí luôn rốt ráo. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thành tựu ruộng phước cho các chúng sinh, nên các chúng sinh nhờ đó, được đầy đủ sự an vui, dù có cúng dường Bồ-tát cũng không thể báo được ân của Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

Giả sử như có người
Phát tâm cầu Phật trí
Từ mới phát đến nay
Là ở trong tịnh thí.
Còn nếu như có người

Phát tâm cầu Phật đạo
Không cần tu tịnh thí
Vì vốn đã tịnh rồi.
Các trời, người thế gian
Thường siêng năng tinh tấn
Bậc dũng kiện vâng giữ
Trí tuệ Đại Bồ-tát.
Đạo của trời và người
Đều do Bồ-tát thành
Bậc trí một phát tâm
Đã trong sạch các thí.
Không nương cõi Dục, Sắc
Cùng với cõi Vô sắc
Bằng tâm không nương dựa
Các thí đều đã sạch.

Đọc kệ rồi, Thế Tôn lại bảo Xá-lợi-phất:

–Xá-lợi-phất! Ta sẽ dùng ví dụ, để ông hiểu rõ nghĩa này. Vì sao? Vì ta dùng ví dụ, là để cho người có trí, hiểu rõ nghĩa này, một cách chân chánh. Xá-lợi-phất! Giả sử có Bồ-tát, hưởng thọ y phục của chúng sinh cúng dường, nhiều khắp cả cõi Diêm-phù. Từ lúc mới phát tâm, ngày nào cũng thọ hưởng. Y phục như vậy đều có thể là sự tịnh thí. Vì sao? Vì Bồ-tát đó, là ruộng phước cao tột đối với các chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Ví như có Bồ-tát, hưởng thọ thức ăn của chúng sinh cúng dường, lớn như núi Tu-mê-lưu. Từ lúc phát tâm, ngày nào cũng nhận dùng. Thức ăn như vậy đều có thể là tịnh thí. Vì sao? Vì Bồ-tát, đối với các chúng sinh, là ruộng phước cao tột.

Xá-lợi-phất! Ví như có Bồ-tát hưởng thọ những vật nằm ngồi của chúng sinh cúng dường, nhiều khắp cả bốn châu thiên hạ, cao như núi Tu-mê-lưu, đem bảy báu đến để trang sức, dùng thiên y trải lên, y đó rất mềm mại mịn màng, tất cả cũng chất cao như núi kia. Từ lúc mới phát tâm, ngày nào cũng nhận dùng. Vật nằm ngồi tốt đẹp như vậy đều có thể là tịnh thí. Vì sao? Vì Bồ-tát ruộng phước cao tột đối với các chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Nếu như có cung điện nhiều lầu cao quý báu, cửa sổ của nhiều lầu ấy, trang hoàng bằng cờ, lọng, chuông, rèm, đủ loại màu sắc. Có bảy báu làm thành bảy lớp tường bao quanh, giống như cung điện ở cõi trời Tha hóa tự tại; cũng có vô lượng cây Kiếp-ba, cây Âm nhạc, cây hương hoa quả, cây chuỗi ngọc, mỗi một nơi đều trưng bày vô số bình xông hương,

đủ các loại hoa, ao thì đầy nước tám phần, đẹp mà lại trong vắt, không chút cáu bẩn, không bùn nhơ. Hoa che ở trên, dưới đáy thì cát vàng, màu nước trong suốt, giống như ngọc lưu ly, lan can có bảy báu bao bọc xung quanh bảy vòng. Bốn hướng chính, đều có lối đi, treo các loại tơ lụa và để bình báu, đủ màu sắc rất đẹp. Trong đó, có vô lượng trăm ngàn na-do-tha tòa, làm bằng bảy báu, Đông, Tây, Nam, Bắc đều trải tòa, đốt hương, rải hoa, dùng màn báu che lên.

Xá-lợi-phất! Ví như có tòa báu, cung điện báu như trên, mà chúng sinh đều dâng cúng lên Bồ-tát. Bồ-tát nhận lấy. Từ lúc mới phát tâm, ngày nào cũng hưởng thọ, tất cả đều có thể là sự ban cho trong sạch. Vì sao? Vì Bồ-tát là ruộng phước cao tột đối với các chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Ông nên biết! Pháp lành ở thế gian và xuất thế gian đều do Bồ-tát phát sinh ra. Đó là đại gia Sát-đế-lợi, đại gia Bà-la-môn, đại gia trưởng giả; hoặc vua, vua Chuyển luân; hoặc trời Tứ Thiên vương, trời Tam thập tam, trời Tu-dạ-ma, trời San-đâu-suất-đà, trời Thiện hóa, trời Tha hóa tự tại và trời Sắc giới, Vô sắc giới; hoặc trụ ở quả thứ nhất, cho đến quả thứ tư; hoặc hướng đến Độc giác và đắc Độc giác, đắc đạo Vô thượng chánh biến tri, chuyển pháp luân. Nếu người nào, nghe được chánh pháp đã thuyết, mà thọ giữ tu hành, tu hành thọ giữ rồi, tức là trụ ở bốn quả Thanh văn, cho đến phát tâm cầu Độc giác, hoặc phát tâm Vô thượng Chánh Biến Tri. Nếu nghe nói bố thí, liền tu hạnh bố thí. Tu rồi được sinh trong gia đình Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả cho đến địa vị Chuyển luân vương. Nếu nghe nói về giới liền tu giới nghiệp. Tu rồi, được sinh ở trời Tứ Thiên vương, cho đến trời Tha hóa tự tại. Nếu nghe diễn thuyết về bốn Tâm vô lượng. Nghe rồi tu hành, tu hành rồi, được sinh ở cõi Sắc và Vô sắc. Xá-lợi-phất! Vì thế nên biết, tất cả điều này đều do Bồ-tát phát sinh.

Xá-lợi-phất! Ví như vua rồng A-na-bà-đát-bá-đa, dùng sức oai thần của mình, mà chia ra bốn sông lớn. Đó là sông Hằng-già, sông Tân-đậu, sông Bạc-xoa, sông Tư-đa. Bốn con sông như vậy, mỗi con đều có năm trăm sông nhỏ làm quyến thuộc. Sông Hằng-già và các quyến thuộc, chảy vào biển phía Đông, để biển kia được tràn đầy. Sông Tân-đậu và quyến thuộc, chảy vào biển phía Nam, để biển kia được tràn đầy. Sông Bạc-xoa và quyến thuộc, chảy vào biển phía Tây để biển kia được tràn đầy. Sông Tư-đa và quyến thuộc, chảy vào biển phía Bắc để biển kia được tràn đầy.

Ý ông thế nào? Bốn sông lớn này và quyến thuộc, lần lượt chảy vào biển, thực hành đúng chỗ. Chúng sinh bốn phương có lợi ích không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm được vô biên lợi ích đối với chúng sinh. Người và không phải loài người, đều thấm nhuần được lợi ích lớn. Những ruộng lúa, đậu, mì ở gần sông đều được thấm nhuần.

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn biển kia do ai làm cho đầy đủ tràn trề?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do bốn con sông này làm cho sung mãn.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn con sông đó, có lợi ích, đối với các chúng sinh không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh ở dưới nước hay ở đất liền, đều được lợi ích lớn. Đó là các loại rùa, cá… người bắt cá, đó là Dạ-xoa, La-sát, A-tu-la, Tất-xá-giá-long-xà, Ma-hầu-la-già và vô lượng các loại chúng sinh khác. Hoặc các chúng sinh ở cung điện, nhà cửa. Nơi đó đủ các loại báu vật như san hô, lưu ly, như các báu vật trong suốt ở trời Đế Thích, như xa cừ, ma-ni đủ loại châu báu, cùng vô số các báu vật đều từ biển cả sinh ra, tạo đủ các thứ đồ dùng để làm lợi ích. Lợi ích cho người sử dụng rất nhiều.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Nước của bốn con sông lớn từ đâu chảy ra?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Từ ao A-na-bà-đát-bá-đa phát sinh ra.

Phật nói:

–Xá-lợi-phất! Vua rồng A-na-bà-đát-bá-đa đã thoát khỏi ba điều sợ hãi. Những gì là ba?

1. Sợ chim cánh vàng.

2. Sự cát nóng đốt cháy.

3. Khi muốn hành dâm sợ hóa làm hình rắn.

Ba điều sợ hãi ấy đã thoát rồi.

Xá-lợi-phất! Long cung của vua rồng A-na-bà-đát-bá-đa, chỉ có các vị đạt được thần thông, thiền định ở đó. Nếu có người nào vào, hoặc có người nào thấy, đều không bị thiêu cháy.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Long cung kia, có đầy đủ các pháp thù thắng hiếm có, kỳ lạ. Các rồng khác còn có điều sợ hãi, nhưng vua rồng kia thì hoàn toàn không có điều đó. Chúng sinh ở chỗ ấy không sợ hãi điều gì, nhờ những vị đại thần thông có oai đức đang, ở chỗ đó. Bạch Thế Tôn! Chỉ vua rồng A-na-bà-đát-bá-đa mới có đầy đủ vô lượng công đức, phát ra bốn sông lớn, chảy về bốn hướng biển, làm lợi ích an vui cho chúng sinh.

Phật nói:

–Đúng thế! Đúng thế! Xá-lợi-phất nên biết! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Xá-lợi-phất! Như vua rồng A-na-bà-đát-bá-đa thoát khỏi ba điều sợ hãi. Đại Bồ-tát cũng thoát khỏi ba điều sợ hãi. Những gì là ba?

1. Sợ hãi ở cõi địa ngục.

2. Sợ hãi ở loài súc sinh.

3. Sợ hãi ở cõi ngạ quỷ.

Xá-lợi-phất! Giống như ao lớn A-na-bà-đát-bá-đa phát ra bốn sông lớn, chảy đến bốn hướng. Bồ-tát cũng vậy, dùng bốn pháp thu phục để giáo hóa chúng sinh:

1. Ban cho.

2. Nói lời yêu thương.

3. Cùng tu hành có lợi.

4. Cùng làm việc với nhau.

Xá-lợi-phất! Như biển lớn kia là xuất phát, từ ao A-na-bà-đát-bá-đa. Cũng vậy, Chánh biến tri của chư Phật, phát sinh từ Bồ-tát. Xá-lợi-phất! Như biển lớn kia, có vô lượng trăm ngàn na-do-tha câu-chi chúng sinh đều sống ở đó và được đầy đủ an vui. Nên biết, chúng sinh các loài ở ba hữu này cũng đều nương vào Biến tri của chư Phật mà an trụ. Đó là sự sống chết ở cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Xá-lợi-phất! Do nghĩa này, nên biết các sự an vui ở tam thiên đại thiên thế giới, đều do Bồ-tát phát sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát khi phát tâm, liền tu hành. Đã tu hành, liền được thọ ký. Đã thọ ký, thì đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Chứng đắc Bồ-đề rồi liền chuyển xe pháp.

Xe pháp như vậy, trước đây chưa ai chuyển, dù cho Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm và các chúng sinh khác, cũng không thể chuyển được. Khi đã vì chúng sinh mà chuyển bánh xe pháp, pháp sẽ được vị ấy, giảng nói dù ở đầu, giữa hay sau cuối đều hoàn hảo, nghĩa vị đầy đủ, đơn giản, trong sáng, giảng nói phạm hạnh, để cho bốn chúng biết. Bốn chúng là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Nhờ nhân duyên này mà vô lượng

vô số chúng sinh, hưởng thọ được an vui của trời, người không dứt, chấm dứt các khổ não, không lìa các niềm vui.

Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Pháp vui như vậy, từ đâu phát sinh?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phát sinh từ Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Ông thấy các pháp, được truyền bá trong ba cõi, từ ai mà sinh ra?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phát sinh từ Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Các vật cúng dường ở trong ba cõi, nếu đem dâng cúng tất cả cho Bồ-tát, thì có thể báo được ân đức của Bồ-tát đã làm lợi ích không?

Bạch Thế Tôn! Không! Vì sao? Vì tất cả đều phát sinh từ Bồ-tát. Bạch Thế Tôn! Như có người nghèo, nghèo khổ không có tiền tài phẩm vật. Có người giàu có, phát tâm Từ bi, đem trăm ngàn vô lượng vô số các tài sản vật báu, cho người nghèo kia. Lại có người nghèo thứ hai, thứ ba; cũng ban cho như vậy, cho đến đem hết các tài vật báu, cho cả trăm ngàn, vô lượng vô số các chúng sinh, khiến họ đều được đầy đủ giàu sang và nếu có bị các nỗi khổ sở, lo sợ, tranh giành, trói buộc, bắt bớ, cũng đều làm cho họ thoát khỏi. Lại còn khiến họ thoát khỏi các nỗi khổ nơi đường ác, khiến cho họ được đầy đủ vô lượng an vui ở trời, người.

Trong chúng sinh đó, có một người dùng ngọc thủy tinh, chia làm trăm phần; lấy một phần trong trăm phần ấy, đem đến chỗ vị ân nhân trước và nói:

–Trước, ông đã làm nhiều điều lợi ích cho tôi. Nay tôi đến báo ân ông.

Bạch Thế Tôn! Người kia đối với chúng sinh đã làm lợi ích lớn. Còn một người, mà chỉ dùng một phần tinh châu, đem cho lại bậc Trượng phu đó, đấy có gọi là báo ân không?

Phật nói:

–Không.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy! Bồ-tát kia cũng giống như đại trượng phu làm lợi ích lớn cho chúng sinh. Một người, mà chỉ dùng một phần ngọc thủy tinh, thì không thể báo ân được. Cũng vậy, bạch Thế Tôn! Nếu có người phát tâm Đại thừa, chúng sinh đem lòng

vui tùy ý cúng dường, cho đến cúng dường trọn đời. Dù có làm việc như vậy, cũng không thể báo ân được.

Phật nói:

–Rất hay! Rất hay! Xá-lợi-phất! Ông rất khéo thuận theo lời dạy của Phật. Làm những việc xứng đáng đệ tử Phật. Xá-lợi-phất! Nếu các chúng sinh, đem da thịt, gân, máu, xương, tủy của mình; hoặc xả bỏ thân này, cho đến cả trăm ngàn lần, vì muốn làm lợi ích để báo ân Bồ-tát, thì cũng không báo ân được, dù là một phần trăm, cho đến một phần trăm ngàn, một phần a-tăng-kỳ, toán số, thí dụ… cũng không thể báo ân được!

Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì nếu ai, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều phải làm lợi ích lớn, đối với các chúng sinh. Xá-lợi-phất! Ví như ở Diêm-phù-đề này, có cây Chiên-đàn-na. Khi mới nảy mầm, bé trai, bé gái nào có bệnh hoạn thì lấy mầm cây này dùng sẽ chữa được bệnh hoạn. Khi ra lá, đàn ông, đàn bà, trai, gái có bệnh hoạn, lấy lá cây này dùng, sẽ hết bệnh ngay. Khi cây to lớn, ai đi vào bóng mát của nó, có bệnh cũng đều trừ diệt được. Sau khi ra quả, ánh sáng của nó, chiếu khắp mười phương thế giới. Nếu có chúng sinh nào, nhớ nghĩ đến ánh sáng này, thì sẽ không bị già, bệnh, chết. Nếu chặt cây này lấy gỗ, cũng không sợ bị nghèo khổ. Cây bị chặt rồi, cũng còn có lợi ích. Nếu lấy cây làm phòng nhà. Ai vào trong nhà đó, những sự sợ hãi đều được diệt trừ, cũng không bị lạnh, nóng, đói, khát.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Cây Chiên-đàn-na này, từ lúc nảy mầm, ra lá, hoa, quả, rồi to lớn, cho đến lúc chặt phá để làm nhà, đều làm lợi ích lớn cho các chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Nên biết, Đại Bồ-tát khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, dùng bốn pháp thu phục để giáo hóa chúng sinh. Đó là sự bố thí, nói lời yêu thương, đem lại lợi ích, cùng làm việc với nhau, để làm cho chúng sinh được an vui. An vui rồi, liền tu tập ba môn giải thoát, đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Khi đã tăng trưởng điều đó, liền đạt được hoàn toàn pháp Vô sinh nhẫn, cho đến đạt được rốt ráo quả Biến tri. Đắc quả ấy rồi, sẽ nhập cảnh giới đại Niết-bàn vô dư, rồi diệt độ. Khi diệt độ, tự phân Xá-lợi nhỏ như hạt cải, vậy là vẫn trụ ở đời.

Xá-lợi-phất! Như cây Chiên-đàn-na, phá bỏ các nhánh, chỉ lấy gỗ làm nhà, vậy mà ai đã vào trong nhà đó, thì các nóng bức ham muốn cũng không còn phát sinh lại nữa. Xá-lợi của Như Lai, cũng lại như vậy. Xá-lợi-phất! Nương nghĩa này, nên biết, nếu các thiện nam hay thiện nữ nào, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mới báo được ân đức như đã nói trên

kia. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì ai phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức không cắt đứt giáo pháp của Như Lai, không dứt bỏ địa vị Thanh văn, Duyên giác mà ngược lại có thể đoạn trừ các khổ của chúng sinh và nỗi khổ của hàng trời, người.

Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Có người nào khác, cùng với người kia, giống nhau không?

–Bạch Thế Tôn! Không. Người kia hoặc là Người, Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn hay các chúng sinh khác đem nhiều sự an vui đến cúng dường Bồ-tát, cũng không thể báo được ân đức đã làm trước kia.

–Xá-lợi-phất! Nếu đem hết một kiếp, hoặc ít đi một kiếp, hoặc trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn câu-chi, na-do-tha kiếp cúng dường các sự an vui cho Bồ-tát, thì có thể báo ân được không?

–Bạch Thế Tôn! Không.

–Xá-lợi-phất! Đúng như lời ông nói! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn báo đền ân đức kia, thì nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, mới có thể cùng người kia giống nhau, là báo được ân đức trên.

–Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy! Như người kia đã lấy của ban cho, mà lại lấy rất ít để hoàn trả lại mà gọi là báo ân được sao! Nếu người ở hiện tại, muốn báo ân, chỉ nên phát tâm Vô thượng. Thiện nam, thiện nữ ở đời vị lai muốn báo ân Vô thượng chư Phật, cũng phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy mới được gọi là báo ân.

Xá-lợi-phất! Có hai hạng người đem tâm Vô thượng cúng dường Như Lai. Hai hạng người đó là? Người dứt sạch các lậu và người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy Thế Tôn nói kệ:

Chỉ có hai hạng người
Có thể cúng dường Phật
Sạch lậu, phát Bồ-đề
Đó là hai hạng người.
Các thế gian ba cõi
Cũng không có tài thí
Đem dâng bậc Đại sĩ
Mà gọi là báo ân!
Đủ các sắc, hương, vị
Ưa thích và ca ngợi
Dâng cúng cho vị ấy
Cũng không gọi cúng dường.

Nếu phát tâm Bồ-đề
Thì được quả Bồ-đề
Đấy không phải sự cầu
Là cúng dường trên hết.
Trời, người và thế gian
Và các ma ở đời
Ai cần đều đem cho
Cũng không gọi báo ân.
Dù chỉ có một chút
Cũng không sinh ham muốn
Với các bậc Đại sĩ
Không gọi là cúng dường.
Nếu có người muốn được
Cúng dường cho Đức Phật
Cầu phát tâm như vầy
Cầu nơi đạo Bồ-đề.
Nếu muốn làm công đức
Vô số không thể lường
Nên phát tâm Bồ-đề
Mau làm điều quan trọng.
Nếu muốn cầu thiền định
Muốn tu vô lượng niệm
Nên sinh lòng tinh tấn
Là nhân duyên trí Phật.
Nếu muốn nhiều an vui
Dẹp trừ các nỗi khổ
Cần phải phát tâm này
Là Bồ-đề của Phật.
Nếu muốn thấy vô lượng
A-tăng-kỳ chư Phật
Làm điều tôn quý rồi
Vui sướng phát Bồ-đề.
Nếu người kia muốn đến
Vô biên các thế giới
Nên phát đại tinh tấn
Vui sướng phát Bồ-đề.
Lòng người được sướng vui
Thấy chư Phật quá khứ

Cần phát tâm Bồ-đề
Nên tu hạnh Bồ-tát.
Nếu người muốn mau thấy
Chư Phật đời vị lai
Cần phát tâm Bồ-đề
Nên tu hạnh Bồ-tát.
Nếu người muốn được thấy
Chư Phật đời hiện tại
Người kia luôn được vui
Là do Tu-bồ-đề.
Nếu người khởi lòng Từ
Muốn biến các chúng sinh
Cần sinh tâm như vậy
Là tâm Bồ-đề Phật.
Đối với các chúng sinh
Muốn họ thoát khổ não
Cần phải siêng năng học
Trí tuệ cao tột kia.
Nếu muốn cho chúng sinh
Vô lượng, vô biên vui
Cần phải phát tâm này
Cầu Bồ-đề của Phật
Nếu người muốn xả bỏ
Khổ não các đường ác
Cần phải phát tâm này
Là cầu nơi Bồ-đề
Công đức đó vô biên
Không thể nói hết được
Nếu phát tâm như vậy
Sẽ giác ngộ Bồ-đề.

Phật vừa nói kệ xong, Xá-lợi-phất liền bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói pháp môn này có bao nhiêu chúng sinh, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Ông cần gì phải hỏi sự việc này. Vì sao? Xá-lợi-phất! Với đại trí của Như Lai có giảng nói thì tâm vô biên của chúng sinh đều vẫn mê hoặc. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì giới đức, định lực, trí tuệ,

thần thông của Như Lai đều không thể lường. Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Có người, có thể biết hư không, có biên giới chăng?

–Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì ngằn mé của hư không, ở đời quá khứ đã không thể biết, vị lai, hiện tại cũng không thể biết.

–Đúng vậy! Xá-lợi-phất! Đại trí của Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác, chúng sinh ở vị lai, hiện tại đều không thể biết. Vì sao? Xá-lợi-phất! Vì đấy là trí Phật, chẳng phải cảnh giới của Thanh văn hay Duyên giác.

–Bạch Thế Tôn! Thật là điều chưa từng có. Các chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chắc chắn sẽ hiểu rõ được trí như vậy.

–Xá-lợi-phất! Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Các chúng sinh, Đại Bồ-tát sẽ chắc chắn hiểu rõ trí như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát kia làm sao chắc chắn hiểu rõ trí này?

–Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Nếu tất cả chúng sinh ở Diêm-phù-đề này, hoặc ở đất liền, dưới nước, trên không, trong đất, tu hành lần lần sẽ được thân người. Nếu có người, dạy họ giữ gìn năm giới hoặc an trụ mười việc lành. Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ này nhờ nhân duyên ấy, công đức được nhiều không?

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều! Cho đến không thể ví dụ được.

Xá-lợi-phất! Nay ta lại giảng nói để ông nghe mà được an vui. Chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề đều giữ gìn năm giới và đầy đủ mười nghiệp lành. Người này sẽ được công đức. Nếu có một người, chỉ dạy một người, trụ ở địa "Tín hành", thì thiện nam, thiện nữ này sẽ được công đức nhiều hơn kia.

–Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Nếu có người, dạy hết chúng sinh ở trong cõi Diêm-phù, trụ ở địa "Tín hành", công đức có nhiều không?

Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều! Công đức người kia không thể ví dụ, nhiều hơn người ở trên vô lượng, vô biên.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào chỉ dạy một người, trụ ở địa Tín hành, đã được công đức rất nhiều. Dạy hết chúng sinh trụ ở địa Tín hành, thì công đức càng nhiều vô lượng, nhưng không bằng dạy một người trụ ở Địa thứ ba (địa Bát nhẫn) thì công đức nhiều hơn. Nếu dạy hết chúng sinh, trụ ở địa Bát nhẫn, thì công đức không bằng dạy một người, trụ ở quả thứ nhất. Nếu dạy hết chúng sinh ở cõi Diêm-phù, trụ ở quả thứ nhất, thì công đức không bằng dạy một người, trụ ở quả thứ hai.

Nếu dạy hết chúng sinh ở cõi Diêm-phù, trụ ở quả thứ hai, thì công đức không bằng dạy một người, trụ ở quả thứ ba. Nếu dạy hết chúng sinh ở cõi Diêm-phù, trụ ở quả thứ ba, thì công đức không bằng dạy một người, trụ ở quả thứ tư. Nếu dạy hết chúng sinh ở cõi Diêm-phù, trụ ở quả thứ tư, thì công đức không bằng dạy một người, trụ ở đạo Duyên giác. Nếu dạy hết chúng sinh ở cõi Diêm-phù, trụ ở đạo Duyên giác, thì công đức không bằng dạy một người, trụ tâm nơi Vô thượng Bồ-đề. Nếu dạy hết chúng sinh, trụ tâm Vô thượng Bồ-đề, thì công đức không bằng dạy một người, trụ ở pháp không thoái. Nếu dạy hết chúng sinh ở cõi Diêm-phù, trụ ở pháp không thoái, thì cũng không bằng dạy một người, mau chóng đạt được Biến tri, công đức sẽ nhiều hơn. Nếu dạy hết chúng sinh ở cõi Diêm-phù, mau chóng đạt được Biến tri, cũng không bằng có người, ở trong pháp môn này, sinh trí Bồ-tát, phá các nghiệp ma, bỏ năm tụ, không lệ thuộc cảnh giới, lìa các nhập, phá hoại phiền não, giữ gìn pháp trong sạch, diệt trừ pháp đen tối. Dùng các pháp cao cả, các kinh vua này, mà thuyết giảng cho người khác, thì công đức này nhiều hơn kia vô lượng.

Xá-lợi-phất! Để cõi Diêm-phù cho đến bốn châu qua một bên. Như vậy, nếu chúng sinh ở cả ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, hoặc cả tam thiên đại thiên thế giới, cho đến hằng hà sa số thế giới ở phương Đông; hoặc có sắc, không sắc; có tưởng, không tưởng, chẳng có tưởng, chẳng không tưởng; loài dưới nước, trên đất liền; loài sinh bằng trứng, sinh bằng thai, loài sinh nơi ẩm thấp, loài hóa sinh. Đủ loại như vậy, tu hành lần lần đều được thân người, cho đến tất cả chúng sinh ở mười phương thế giới, cũng tu hành lần lượt được thân người. Nếu người nào hết lòng dạy họ, trụ nơi năm giới và đầy đủ mười nghiệp lành. Thì Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Công đức của người ấy có nhiều không?

Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều! Vô lượng, vô biên, không thể ví dụ.

Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đối với các pháp là kinh vương cao tột này, nghe mà không chê bai hủy báng, lại tăng thêm lòng ưa thích, nghe rồi thọ trì, đọc tụng, dạy cho người khác. Đem công đức trên, so với công đức này, không bằng một phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, phần câu-chi, phần trăm ngàn na-do-tha câu chi, cho đến toán số thí dụ cũng không thể sánh bằng.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu dạy chúng sinh ở mười phương thế giới đều trụ ở pháp Tín hạnh, đều trụ địa vị Bát nhẫn, Tứ quả, Duyên giác cho đến phát tâm, trụ ở pháp không thoái lui, pháp Vô sinh nhẫn, mau đạt được

Biến tri. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, đối với các pháp là kinh vương cao tột mà thọ trì, đọc tụng, giảng rộng cho người khác. Công đức này đối với công đức nói trên là tối hơn hết, là tối hơn cả, là rất lớn, là rất tốt đẹp, là rất diệu kỳ, là không thể so sánh, là không gì cao hơn, là trên sự cao cả, là không có giống nhau. Ở trong các không giống nhau thì được phước cũng không giống nhau.

Xá-lợi-phất! Dùng nghĩa này, thì nên biết, chúng sinh kia, chắc chắn cũng hiểu rõ trí này, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, người nghe pháp môn này sẽ sinh tín tâm. Xá-lợi-phất! Chúng sinh như vậy, nên được gọi là không thoái lui, gọi là giải thoát, là đã tới, là vắng lặng, là Đại Niết-bàn, là trong sạch, là điều phục, là không gì hơn, là trên sự cao cả, là đến Niết-bàn, là đã diệt độ, là có thể nói pháp, là có thể giảng nghĩa, là nói thật, là nói đúng, là làm theo lời nói, là bỏ gánh nặng, là lìa ham muốn, là lìa sân, là lìa si, là không dơ, là đã tẩy rửa trong sạch, là đến bờ bên kia, là người nghe, là vứt bỏ dục, là vứt bỏ sân, là vứt bỏ si, là diệt sạch các ác, là con Phật, là ruộng phước, là dũng mãnh, là trượng phu mạnh mẽ, là chiến thắng phần sắc, là hàng phục được quân khác, là sư tử, là trượng phu, là trượng phu lớn, là trượng phu không gì hơn, là trượng phu không sợ, là trượng phu có ý chí, là trượng phu có ý chí lớn, là trượng phu điều thuận, là vua trâu trượng phu, là trượng phu siêu việt, là trượng phu dũng kiện chiến thắng, là người sư tử, là người trâu, là rồng, là trời, là trời trong loài trời, là Bà-la-môn, là lìa ác, là không trở ngại, là không phiền não ràng buộc, là không keo kiệt, là không độc, là chẳng ngu, là không cùng, là không lìa, là lời nói không tạp, là lời nói có suy nghĩ đúng đắn, là lời nói cao cả, là lời nói trên sự cao cả, là lời nói hơn hết, là lời nói không nhiễm, là lời nói không đắm, là lời nói không trói buộc, là lời nói chắc chắn, là nói điều gì đều thật, nói điều gì đều đúng, là đầy đủ các công đức, là người làm điều nên làm, là người đã làm xong việc cần làm, là các việc làm đều thành đạt, là đầy đủ sự hổ thẹn, là làm nhiều, là làm nhiều lợi ích, là lòng lành, là đầy đủ các pháp công đức, là bỏ các điều chẳng phải công đức, là đầy đủ các việc, là không nhiễm, là không nhiễm cùng khắp, là không khiếp không sợ, là không kinh hãi, là không lo, là không hoảng hốt, là không thể suy nhược, là không buông thả, là vô lượng, vô biên công đức, pháp hạnh đầy đủ, là núi, là núi Tu-mê-lưu, là núi Mê-lưu, là núi Luân, là núi Đại luân, là không thể động, là người cho, là chủ cho, là bỏ những gì đã có, là khéo cho, là nhan sắc dung hòa vui vẻ, là ban cho đầy đủ, là giữ giới, là nhẫn nhục, là tinh tấn, là thiền định, là trí tuệ, là tu thần thông, là thần thông đã thành đạt, là đến các xứ, là đại thế chí, là lực chí, là đến chỗ an ổn, là đã độ đến

bờ kia, là học các việc Phật, là không dứt làm các việc Phật, là đối với các pháp Phật đều được thỏa mãn mong cầu, là phá các oán ma, là các độc hại bị không chế, là làm cho sức lực của ma bị suy yếu, là làm tan rã quân chúng ma, là làm cho quân ma bỗng dưng hư hoại, là ngồi đạo tràng Phật, là đã chế ngự các độc hại, là trừ quân ma đối địch, là tùy thuận giác ngộ, là khiến cho nghịch lưu thành thuận lưu, là bờ, là có thể cứu độ, là đã cứu độ, là tự được giải thoát, là phá u ám, là mặt trăng, là mặt trời, là ánh sáng vô biên, là ánh sáng vô ngại, là ánh sáng không thể nghĩ, là ánh sáng khó ca ngợi, là ánh sáng không thể lường, là ánh sáng đến các nơi, là ánh sáng chiếu khắp, là không dính mắc cõi Dục, là không dính mắc cõi Sắc, là không dính mắc cõi Vô sắc, là giải thoát khỏi địa ngục, là giải thoát khỏi súc sinh, là giải thoát khỏi ngạ quỷ, là làm cho địa ngục được mát mẻ, là làm cho súc sinh được mát mẻ, là làm cho ngạ quỷ được mát mẻ, là có thể cho những gì ai cần, là xả bỏ các điều suy kém, là diệt các khổ, là hiện ra niềm vui, là Chuyển luân vương, là cha thế gian, là vượt thế gian, là giải thoát thế gian, là thoát khỏi thế gian, là hiện ra kín đáo, là tạo dựng Bồ-tát, là phát khởi Bồ-tát, là khai mở kho chứa ngầm, là hiện sự bí mật của chư Phật ở quá khứ, là điều không thể suy nghĩ nơi có thể nghĩ đến, là đầy đủ pháp vô biên, vô tế công đức.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng tâm trong sạch trang nghiêm từ vô số kiếp, phát lời nói với âm thanh đầy đủ công đức. Đó là lời rất cao cả, lời để dạy người, lời thuận nghĩa, lời sâu xa, lời không thể giấu, lời tốt đẹp, lời nghe được, lời vui vẻ, lời trong sạch, lời vui tai, lời hướng tâm, lời đáng yêu, lời đầy đủ, lời được nhiều người yêu thích, lời hoạt bát, lời trôi chảy, lời khéo độ trước sau, lời yêu thích như con mình, lời nói hoàn hảo, lời dễ nghe, câu chữ liên tục rõ ràng, khéo đoạn dứt các việc nghi ngờ, hạnh ngay thẳng sâu dày, lời thấm nhuần, lời tựa âm thanh Phạm thiên, âm thanh đẹp như sấm, lời nói rõ ràng chân thật, âm thanh giống như tiếng chim Ca-lăng-tần-già, lời nói trong trẻo chân thật, lời nói có thể làm trong sạch bạn bè, đoạn dứt vô lượng việc nghi hoặc, lời nói không dựa dẫm, lời nói có thể làm an ổn người khác, lời đáng nghĩ nhớ, lời nói có thể làm mỏng đi các phiền não, lời làm các nhập tròn đầy, lời đoạn trừ các tránh luận, lời nói từ trước đến nay đều đúng, không dối trá, câu không chân thật không phát ra, đủ cả trăm ngàn lời tương ưng; dùng trí tuệ ca ngợi, khiến cho thế gian yêu thích và được an vui, cùng với pháp môn nghĩa thứ nhất, lời không lỗi lầm, lời cùng tương ưng, khéo tương ưng đúng thời, lời có thể kêu, lời không có phân biệt câu chữ, lời chắc chắn các câu chữ sạch, lời diệt trừ nhiều mũi nhọn của dục, lời diệt trừ nhiều mũi nhọn của sân, lời diệt trừ nhiều mũi nhọn

của si, lời có thể hiện ra nhiều nghĩa, lời chứng vô biên nghĩa, lời xa lìa sáu nẻo, lời xa lìa các đạo, lời xa lìa các luận bàn ngoại đạo, nói về sự việc chư Thiên, nói về sự việc của loài rồng, nói về sự việc của Dạ-xoa, nói về sự việc của Kiền-thát-bà, nói về sự việc của A-tu-la, nói về sự việc của Già-lưu-trà, nói về sự việc của Khẩn-na-la, nói về sự việc của Ma-hầu-la-già; thuyết âm thanh Từ bi nhẫn nhục, làm cho người khác hoan hỷ tin tưởng giáo lý; lời không dua nịnh, lời có mặt khắp nơi, lời không chỗ dính mắc, lời không điên đảo, lời tự trọng không láu lỉnh, lời luôn thật đúng pháp định, lời không quanh co, lời không thiên lệch, lìa lời u tối khổ sở, lời khéo tương ưng thành lợi ích, lời dạy người cho đầy đủ, lời tin tưởng hơn hết, lời phá trừ, lưu chuyển hắc ám, lời xa lìa xấu xa chống trái mất câu nghĩa, phát ra lời phân biệt các câu nghĩa, diệt trừ câu nghĩa luận bàn ngoại đạo, lời chắc chắn không nghi hoặc, diệt trừ các pháp khổ, làm cho nó không còn, lời cao cả chân thật, trong sạch, tự nhiên, lời nói cùng tương ưng các pháp lành làm cho vui vẻ, nói các pháp lành cùng tương ưng lời vắng lặng, lời lìa các dơ bẩn, lời thuần sáng tương ưng với nghĩa thứ nhất, lời đoạn nhiều sự nghi ngờ tương ưng, lời trong sạch tương ưng với tâm trong sạch, không tương ưng với lời nói phi nghĩa, lời có thể tương ưng với các ngôn ngữ biện tài, lời nói tùy theo các dục mà diễn rộng ra, dùng các ngôn ngữ thế gian làm cho chúng sinh vui mừng, lời nói được nhiều người yêu kính, lời tương ứng, lời giải thoát, lời khéo giải thoát, lời hơn hết, âm thanh bậc vua chúa, lời khéo tương ưng với âm thanh an ổn, lời thu phục tương ưng với các bạch pháp, lời khéo rốt ráo, lời của ánh sáng vô biên, lời làm ra ánh sáng vô biên, có thể giải thích chỗ hỏi về pháp trí vô biên, lời có thể độ thoát, thuyết tương ưng với pháp lạc; thuyết về câu chữ hoàn toàn, lời khéo rốt ráo, thuyết tương ưng với nghĩa câu chữ, thuyết tương ưng với câu chữ không hoàn toàn, thuyết tương ưng với câu chữ biết đủ, thuyết tương ưng với câu chữ thể hiện sự đầy đủ an vui, lời hiện ra vô lượng căn lành, thuyết tương ưng với vô lượng căn lành, dùng lời trang nghiêm tương ưng với sự trang nghiêm của Phật, thuyết tương ưng với vô biên câu chữ, thuyết câu chữ ngay thẳng không đến không đi, thuyết câu chữ vô ngại, lời khéo rốt ráo; thuyết lời tương ưng với các Trời và A-tu-la để dạy họ không dứt; thuyết tương ưng với câu chữ, lời nói không khiếm khuyết, thuyết tương ưng với câu chữ, lời không tạp loạn; thuyết tương ưng với câu chữ, lời không trì hoãn; hiện ra lời nói rõ ràng, làm việc rõ ràng, hiện ra lời nói cùng việc làm phải rõ ràng, hiện lời nói vượt qua, hiện lời nói hơn cả sự vượt qua, hiện lời nói siêu việt và vượt quá siêu việt; thuyết về hạnh khéo giữ y bát, đối với vị truyền trao giảng dạy cần phải tôn trọng, siêng năng thu

phục để tương ứng; đối với bậc thân giáo sư phải tôn trọng, siêng năng thu phục để được tương ưng. Pháp trí luôn luôn trong sáng, trong sáng rồi, lại làm cho sáng thêm. Lời siêng năng thu phục câu chữ thứ nhất. Khéo thuyết pháp Tổng trì, kinh tạng, khéo thuyết ba tạng kinh điển, Bồ-tát tạng; sinh ra Bát-nhã ba-la-mật-đa, khéo thuyết sự lưu chuyển hoa Ma-ni tạng, khéo thuyết tám vạn bốn ngàn pháp tụ, lại còn hiện ra trăm ngàn pháp, phát khởi Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-đề, nguyện được thấy Phật pháp trong ba đời, không bị nhiễm vào; đã giải thoát, hoàn toàn giải thoát, âm thanh đến cõi Phạm thiên, cõi Phạm âm, âm thanh như tiếng chim hót, xa lìa âm thanh về dục, xa lìa âm thanh về sân, xa lìa âm thanh về si, âm thanh vui theo chư Phật được chư Phật ca ngợi.

Tất cả các loại âm thanh như vậy, đều phát ra, Thế Tôn giữ gìn ba mươi hai tướng Pháp luân vương, Như Lai đầy đủ tám phần đều là bậc nhất. Có vô lượng ngàn loại được dùng để ca ngợi. Ngay lúc ấy Đức Phật nói kệ:

Nếu phát tâm Bồ-đề
Người này quyết định đến
Không cần sinh nghi hoặc
Ta không đắc Như Lai.
Phước người này có được
Là không thể ví dụ
Phước người này có được
Từ Bồ-đề phát sinh.
Vô lượng không ngằn mé
Chúng sinh ở các cõi
Phước này hơn phước trên
Như ta nói ở trên.
Phước người này có được
Cao tột hơn người kia
Với người phát Bồ-đề
Không có phước nào hơn.
Ngoài kinh này đã thuyết
Không có kinh nào hơn
Ai học được kinh này
Gọi là được phước lợi.
Nếu ai nghe kinh này
Phật tử theo lời dạy
Ruộng phước và điều phục
Ta nói là vắng lặng.

Nếu ai nghe kinh này
Là Trời, Rồng, Sư tử
Người dũng mãnh không sợ
Là giải thoát nhu hòa.
Tin tưởng nơi kinh này
Kinh lớn không gì hơn
Trên trời, vượt cả đời
Chúng sinh không gì bằng,
Huống chi là được nghe
Tôn trọng và hay nói
Biện tài của người kia
Cùng cực không thể được
Cũng như với hư không
Không có chỗ tận cùng.
Ai giữ pháp môn này
Nhẫn nhục không có sân
Hành giới không yếu kém
Mắt trí tuệ trong sáng.
Nếu ai tin kinh này
Là được trí vô biên
Tôn trọng vị thầy dạy
Như yêu kính cha mẹ.
Ai giữ được kinh này
Bồ-tát trí tuệ lớn
Không dựa vào cõi Dục
Cõi Sắc và Vô sắc.
Ai giữ được kinh này
Là bậc Đại Bồ-tát
Mau chóng hướng được đến
Vô thượng Bồ-đề tràng.
Ai giữ được kinh này
Đại trí tuệ Bồ-tát
Tan biến những sợ hãi
Chứng Vô thượng Bồ-đề.
Ai giữ được kinh này
Đại trí tuệ Bồ-tát
Sẽ chuyển xe chánh pháp
Mà đời không thể chuyển.

Ai giữ được kinh này
Đại trí tuệ Bồ-tát
Thế Tôn sẽ thọ ký
Sẽ thấy Phật ba đời.
Ai giữ được kinh này
Đại trí tuệ Bồ-tát
Là đã nhập Niết-bàn
Như chư Phật không khác.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có, Như Lai đã lược nói giáo pháp cho các Bồ-tát. Các Đại Bồ-tát dù đã trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu hạnh Bồ-tát, nhưng chưa tỏ ngộ đạo Vô thượng Chánh biến tri, cũng chưa đạt được trí Vô thượng Chánh biến tri. Bạch Thế Tôn! Đối với kinh này, Thế Tôn đã nói đó là pháp không gì cao hơn được, các chúng sinh kia được rất nhiều lợi ích, ở ngay đời hiện tại, được nghe Phật nói kinh cao tột này, đó là pháp môn vua, trên cả các pháp. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Pháp môn như vậy, nay lại được nói. Vì sao? Vì theo hiểu biết của con, về ý nghĩa sự thuyết pháp của Phật, là chư Phật quá khứ khi diệt độ, đã vì các chúng sinh, thuyết chánh pháp này, pháp cao tột, đó là pháp môn vua, trên cả các pháp. Chư Phật ở đời vị lai cũng dùng kinh này, làm pháp cao tột, để giảng nói, đó là pháp môn vua, trên cả các pháp. Con cũng được ở chỗ Thế Tôn, được nghe nói vô lượng pháp môn, đối với nghĩa của câu chữ, nhất định được hiểu rõ, như con đã từng được nghe, pháp này là hơn hết. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã liên tục vì con mà giảng nói pháp môn rất cao cả này.

Phật bảo:

–Xá-lợi-phất! Ta tùy theo từng lúc, tùy theo sự tin tưởng hiểu biết nơi tâm của chúng sinh, tùy theo suy nghĩ nơi tâm chúng sinh, mà thu phục nhận lãnh họ. Xá-lợi-phất! Đây là Phật trí, chẳng phải là cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác.

Khi thuyết pháp môn này, có tám vạn bốn ngàn người, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; có sáu vạn chúng sinh phát tâm Bồ-đề; có bảy mươi câu-chi Dục hạnh thiên, chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nay đều phát tâm; có ba mươi câu-chi chúng sinh đạt được pháp Vô sinh nhẫn; có vô lượng chúng sinh sống trên đất, các trời, rồng… vị nào chưa từng phát tâm Bồ-đề, nay cũng đều phát tâm.

Xá-lợi-phất! Vì nghĩa này, nay ta lại rộng giảng pháp môn cao cả này. Đúng ngay lúc ấy, có vô lượng ngàn chúng sinh, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-

bà-tắc, Ưu-bà-di, đứng im lặng, chắp tay hướng về phía Phật, chiêm ngưỡng dung nhan Thế Tôn.

Khi ấy, Thế Tôn liền mỉm cười. Khi Phật mỉm cười, từ nơi miệng, phát ra ánh sáng đủ loại màu sắc, có vô lượng trăm ngàn màu sắc, đó là màu xanh, vàng, đỏ, trắng, sắc trong như pha lê, chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, nó chiếu khắp cùng che lấp mặt trời, mặt trăng, cho đến cõi Phạm thiên, rồi trở về, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi nhập vào đảnh Phật.

Xá-lợi-phất thấy thần thông của Phật, liền đứng dậy, vạch áo qua một bên, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười. Chư Phật không có nhân duyên thì chẳng bao giờ mỉm cười?

–Này Xá-lợi-phất! Ông thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chắp tay hướng về phía ta, mắt chẳng chớp không?

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy.

–Này Xá-lợi-phất! Bốn chúng này, đều phát tâm Đại thừa, muốn nghe hạnh Bồ-tát. Xá-lợi-phất! Ở trong tâm Như Lai mà hành trí tuệ. Nếu là Như Lai, quá khứ không thể nắm bắt, vị lai không thể nắm bắt, hiện tại không thể nắm bắt; gọi là hành Bồ-tát. Xá-lợi-phất! Nếu không được Bồ-đề, nếu không được tâm, gọi là hành Bồ-tát. Xá-lợi-phất! Không được tụ họp, không dính vào cảnh giới, không ôm giữ lấy nhập; gọi là hành Bồ-tát. Nên tùy thuận theo đó mà hành.

Khi thuyết hành Bồ-tát này, tam thiên đại thiên thế giới, chấn động sáu cách.

Lúc ấy, ma Ba-tuần hoảng sợ, ngã lăn xuống đất, các ma trời khác cũng đều té xuống đất. Do nhân duyên này mà có bài kệ:

Phá ma và quân ma
Chạy trốn không chỗ thoát
Như nay bậc Tối thắng
Thuyết pháp, người đời tin.
Làm sao ma phiền não
Các sức lực đều mất
Đến nay không còn sức
Nghe nói pháp không này.
Ma hoảng sợ cuồng mê
Nghe thuyết pháp vô tác
Bỏ đi, không chỗ hành
Chỗ nào cũng bị chết.

Khi ấy, Thiên tử ma, từ chỗ té, đứng dậy, bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Lành thay! Đại Long! Lành thay! Đại Từ! Đã đem lòng thương xót, làm lợi ích đối với các chúng sinh. Ngày nay, Thế Tôn làm cho con sống lại. Thế Tôn lòng thương lớn, chớ làm cho chúng con phải chết.

Thế Tôn nói kệ:

Này ma mặc áo giáp
Như Lai nói như vậy
Rất ít người tin ta
Nên ở mãi phàm phu.

Bấy giờ, ma Ba-tuần được Như Lai thương xót, vui mừng hớn hở hoàn hồn trở lại thân mình cùng quyến thuộc ẩn mất.

-oOo-

SỐ 825

KINH THẬM THÂM ĐẠI HỒI HƯỚNG

Hán dịch: Mất tên người dịch.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với tám ngàn chúng đại Tỳ-kheo, trú ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn vì đại chúng vây quanh trước sau mà thuyết pháp. Trong hội chúng đó, có một vị Bồ-tát, hiệu là Minh Thiên, rời chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên phải, gối phải sát đất, chắp tay, cung kính bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn, vì con phân biệt giảng nói.

Phật bảo Đại Bồ-tát Minh Thiên:

–Thiện nam! Muốn hỏi điều gì cứ hỏi, chớ đừng phân vân. Như Lai tùy theo lời hỏi mà giải đáp.

Bồ-tát Minh Thiên liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát vốn ít tu hành điều tốt lành mà lại gặt quả nhiều, thành tựu nhiều phước báo, công đức vô lượng?

Phật bảo Đại Bồ-tát Minh Thiên:

–Lành thay, lành thay! Này Minh Thiên! Có thể hỏi Như Lai nghĩa này. Ông đã từng ở trong thời quá khứ, chỗ vô lượng chư Phật, gieo trồng gốc đức, cúng dường chư Phật, thân cận Thiện tri thức, có thể làm cho chúng sinh được phước báo an vui, nên mới hỏi nghĩa sâu xa này. Hãy lắng nghe! Lắng nghe và khéo léo nhớ nghĩ!

Bồ-tát Minh Thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con xin nhận sự chỉ dạy.

Phật bảo Minh Thiên:

–Các Đại Bồ-tát đời quá khứ, hiện tại, vị lai đã ở chỗ chư Phật, thân tu hạnh từ bi, miệng tu hạnh Từ bi, tâm tu hạnh Từ bi, hết lòng nhớ nghĩ Phật, thực hành công đức. Lại nữa, Minh Thiên! Đại Bồ-tát phải nên đến điện thờ Thế Tôn Như Lai, lễ bái, cúng dường, gối phải sát đất, chắp tay,

nhiễu quanh bên phải, rải hoa, đốt hương, treo cờ đèn, phướn lọng, tạo đủ các loại âm nhạc cung kính, tôn trọng. Dùng các loại âm thanh hòa nhã, ca ngợi nghĩa sâu xa của câu chữ, khen ngợi công đức Phật, vui vẻ xưng tụng.

Phật bảo Minh Thiên:

–Vì sao Đại Bồ-tát ở chỗ chư Phật đời quá khứ, hiện tại, vị lai, tu tập cho thân làm điều lành, miệng làm điều lành, tâm làm điều lành, luôn nhớ nghĩ công đức Phật? Thiện nam! Đại Bồ-tát nên nhớ nghĩ: Như Lai là bậc vững chắc, bậc cao cả, bậc tốt đẹp hơn hết, là sư tử chúa dũng mãnh không biết sợ; cứu độ mình và cứu độ người; đem an vui cho mình và cho người, tự mình diệt, diệt cho người; thuyết pháp chân đế, tạo sự an vui cho chúng sinh, tâm không dối trá, đầy đủ giới sạch, sức lực vô úy, biện tài, vĩnh viễn trừ các tập chướng. Tự tại đối với pháp, bình đẳng với mọi người. Hết lòng nhớ nghĩ công đức Phật, nhớ nghĩ như vậy rồi, gối phải sát đất, rải hoa, đốt hương, treo cờ đèn, phướn lọng, trỗi âm nhạc cúng dường. Đấy là Bồ-tát tu tập để thân làm điều lành.

Dùng âm thanh hòa nhã, ca ngợi về câu nghĩa sâu xa khen ngợi công đức Như Lai vô lượng. Đấy là Bồ-tát tu tập để miệng làm điều lành. Rồi nhờ nơi căn lành của thân miệng, mà nhớ nghĩ công đức Phật, chí thành cung kính. Đấy là tu tập để tâm làm điều lành. Minh Thiên! Đấy là Đại Bồ-tát ở chỗ chư Phật, đời quá khứ, vị lai, hiện tại, tu tập để cho thân, miệng, ý làm điều lành và thực hành nhớ nghĩ chân chánh.

Phật lại bảo Minh Thiên:

–Lại nữa, Đại Bồ-tát ở chỗ các chúng sinh đời quá khứ, hiện tại, vị lai cũng nên tu tập để thân làm điều lành, để miệng làm điều lành, để ý làm điều lành và bình đẳng nhớ nghĩ các chúng sinh. Minh Thiên! Vì các Đại Bồ-tát, ở chỗ chúng sinh, trong ba đời, tu tập thân, miệng, ý làm điều lành và nhớ nghĩ chúng sinh. Như vậy, Đại Bồ-tát không sát hại chúng sinh, không trộm cướp tài sản người khác, không ham muốn xấu xa, không nói láo, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, miệng không nói ác, không tham dục, không sân giận, không tà kiến.

Vì sao Bồ-tát không sát hại chúng sinh? Vì đối với tất cả chúng sinh, phải Từ bi thương xót, nhớ nghĩ, biết hổ thẹn, vĩnh viễn xả bỏ dao gậy, không trộm cướp của người. Nếu ở làng xóm, hoặc chỗ vắng, có vật của người bỏ rơi, không phải của mình không được lấy. Không có ý ham muốn xấu đối với người nữ có chủ hay có cha mẹ, anh em, thân tộc bảo vệ, cho dù được cô ta tặng một cành hoa, cũng không được khởi dục tưởng. Không nói dối nghĩa là, nếu ở nơi làng xóm, hoặc chỗ vua mà

làm chứng giúp người, thì nên thành thật, giữ lời, thà chết không nói dối. Không nói hai lưỡi, là thường ở chỗ người này, người kia, khởi tâm tưởng hòa hợp. Nghe được từ chỗ này, không đến nói đằng kia. Nghe từ đằng kia, không đến nói chỗ này. Miệng không nói ác, là lời nói nhẹ nhàng, khuyên lơn, thưa hỏi họ trước. Trọn đời không dùng lời nói đau đớn, ác nghiệt, thô bạo nói với chúng sinh. Không nói thêu dệt, là khi nói phải nói lời chân thật, biết nghĩa mới nói. Vì lợi ích cho người mới nói. Tâm miệng không sai khác. Không tham, đối với tài vật của người, không khởi lòng tưởng tham muốn, thấy ai đến lấy tâm cũng không tham tiếc. Không sân tức là đối với tất cả chúng sinh, diệt trừ các sự sân hận, phát khởi tâm Từ bi thương xót, tâm lợi ích, tâm an lạc cho mọi người. Tùy theo tất cả chúng sinh mà khéo thu phục họ. Không tà kiến, là có cho, có giúp, có thuyết, có cha mẹ, có đời nay, đời sau, có khổ vui, hành động có quả báo ở thế gian. Có A-la-hán, tự biết thân mình sẽ chứng. Đời ta đã hết, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không thọ thân sau.

Minh Thiên nên biết! Vị kia không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm là Bồ-tát tu hành thân làm điều lành. Không nói dối, không hai lưỡi, miệng không nói ác, không nói thêu dệt là Bồ-tát tu hành miệng làm điều lành. Không tham, không sân, không tà kiến là Bồ-tát tu hành ý làm điều lành. Tu hành thân, khẩu, ý là Bồ-tát nhớ nghĩ chúng sinh một cách bình đẳng.

Phật bảo Minh Thiên:

–Đại Bồ-tát ở chỗ chư Phật đời quá khứ, vị lai, hiện tại, tu hành thân làm điều lành, tu hành miệng làm điều lành, tu hành ý làm điều lành. Và ở chỗ tất cả chúng sinh, đời quá khứ, vị lai, hiện tại cũng tu hành thân làm lành, tu hành miệng lành, tu hành ý lành. Được quả báo công đức, cùng tất cả chúng sinh hồi hướng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Minh Thiên! Bồ-tát nào hồi hướng như vậy, gọi là Bồ-tát tu hành điều lành ít, mà được quả báo to lớn, tạo nhiều công đức, phước báo vô lượng.

Phật bảo Minh Thiên:

–Khi Bồ-tát này, thành tựu vô lượng công đức, đem công đức ấy hồi hướng trí tuệ vô lượng. Lại cùng tất cả chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Ba loại công đức này, có ba loại hồi hướng. Những gì là ba? Là quá khứ không, vị lai không, hiện tại không. Không có người hồi hướng, không có pháp hồi hướng, không có chỗ hồi hướng. Đại Bồ-tát nên thực hành sự hồi hướng này. Khi thực hành hồi hướng này,

ba chỗ đều trong sạch. Đem công đức trong sạch này, cùng với tất cả chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Làm việc hồi hướng này, không có phàm phu và pháp phàm phu; không có tín hành, cũng không có pháp hành, không có địa Bát nhẫn; không có Tu-đà-hoàn hướng Tu-đà-hoàn, không có Tư-đà-hàm hướng Tư-đà-hàm, không có A-na-hàm hướng A-na-hàm, không có A-la-hán hướng A-la-hán, không có Bích-chi-phật hướng Bích-chi-phật, không có Phật và người hướng Phật. Vì sao? Vì pháp tánh là không duyên, không sinh không diệt, không chỗ trú. Cho nên, Đại Bồ-tát dùng ba loại hồi hướng này, ba loại công đức trong sạch này hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cho tất cả chúng sinh. Bồ-tát này hồi hướng rồi, lại nguyện: "Tôi sinh ra chỗ nào, cũng luôn được gặp Tam-muội sâu dày của chư Phật, thấy vô lượng Phật, thành tựu được sự học rộng, trí tuệ trong sáng. Thề không bỏ tất cả chúng sinh". Khi nói pháp này, có trăm ngàn trời, người đều nguyện được vãng sinh về nước Phật A-súc.

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Khi ta thuyết pháp môn sâu dày này, có trăm ngàn trời, người đều nguyện vãng sinh về nước Phật A-súc. A-nan nên biết, tất cả đây, kia đều nên nguyện vãng sinh về cõi nước Diệu lạc của Phật A-súc. Từ cõi Phật này, đến cõi Phật khác, cúng dường chư Phật, lắng nghe, giữ gìn chánh pháp, đắc Đà-la-ni, tu hành như điều đã giảng nói, đều được thành tựu trí tuệ không thể nghĩ. Làm Phật trong nước có năm xấu ác đều đồng một hiệu, là Cam Lồ Âm Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nên biết, khi được thọ ký, trăm ngàn chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo chỗ con hiểu, ý nghĩa Phật đã giảng nói, nên biết đại công đức này là công đức vô lượng, là công đức vô biên.

Phật bảo:

–Này Kiều-thi-ca! Pháp này hoàn toàn trong sạch.

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là kinh gì? Thờ kính và gìn giữ thế nào?

–Này Kiều-thi-ca! Kinh này gọi là Đại Hồi Hướng, cũng gọi là Hồi Hướng Pháp Tánh Thậm Thâm, nên thờ kính và giữ gìn như vậy.

Phật bảo Kiều-thi-ca:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào học kinh hồi hướng này, thì nên biết người này ắt sẽ đạt được pháp Vô sinh nhẫn, có thể độ người chưa độ, đem

an vui cho trăm ngàn vô lượng chúng sinh.

Khi thuyết pháp này, chúng Tỳ-kheo, Thích, Phạm thiên, Trời, Người, A-tu-la… nghe lời Phật nói đều vui vẻ lãnh nhận để tu hành.

-oOo-

SỐ 826

KINH ĐỆ TỬ CHẾT RỒI SỐNG LẠI

Hán dịch: Đời Tống,
Cư sĩ Tự Cừ Kinh Thanh

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, một vạn hai ngàn vị Bồ-tát và năm trăm vị đệ tử đầy đủ thần túc, ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc.

Khi ấy, có Hiền giả Ưu-bà-tắc, vốn thờ chín mươi sáu ngoại đạo, chán khổ về việc tế tự, bèn vứt bỏ; vào chánh pháp, giữ giới không phạm, một lòng siêng năng tụng kinh, lòng thích việc ban cho, ý luôn nhẫn nhục, luôn có tâm lành. Đột ngột bệnh nặng, qua đời. Khi tới giờ chết, dặn dò quyến thuộc và cha mẹ:

–Con bệnh, nếu ngày nào chết, chớ nên liệm xác ngay, mà phải để bảy ngày. Nên nhớ lời con, không nên làm sai lời con.

Chẳng mấy chốc, cái chết đột nhiên đến. Cha mẹ thân quyến trong nhà làm theo lời đã dặn. Giữ tử thi bảy ngày. Đến ngày thứ tám, quyến thuộc trong nhà nói:

–Người chết đã tám ngày. Ngủ luôn, không còn biết gì nữa đâu, nên mau tẩm liệm.

Cha mẹ nói:

–Tuy chết đã mấy ngày rồi, mà không bị sình trướng lên, cũng không chỗ nào có mùi hôi. Nên để lại ít nhất là đến ngày thứ chín.

Nói chưa dứt lời, người chết liền sống dậy, mở mắt. Cả nhà, cha mẹ, lớn nhỏ đều rất vui mừng, nhưng chưa có thể cử động được, nên cả nhà đều phải giữ gìn đến ngày thứ mười mới có thể ngồi dậy và nói chuyện dễ dàng. Mọi người hỏi:

–Đến từ chỗ nào? Thấy hết những gì?

Trả lời:

–Có một binh lính đến dắt tôi, đi tới một thành lớn, trong đó có địa

ngục rất lớn, toàn màu đen thui, bốn mặt thành làm bằng sắt, cửa thành đều bằng sắt nung màu đỏ. Người trong ngục đều bị trói, thân ngồi trong đống lửa lớn, bị lửa trên dưới thiêu đốt, nướng lên khói ra màu xanh. Hoặc có người, dùng dao băm thịt người ấy ra để ăn. Trong ngục có chúa hỏi tôi: Ngươi phạm tội gì mà ngồi đây, vì sao đến đây. Ở đây trị người bị tội năm nghịch, không hiếu thảo cha mẹ, không trung tín với việc vua giao, trị các người làm ác. Ngươi có tội nặng gì mà đến đây?" Tôi đáp: "Tôi chỉ có một chút ít tội nhỏ, là từ lúc làm người đến nay, tôi bị người ác mê hoặc, thờ kính hàng ngoại đạo, lại vì một chút ngu si của thế gian, mà sát sinh để cúng tế trời đất, uống rượu. Ở trong chợ thì xén bớt tài sản của người, cân đong đo lường, đều muốn lợi nhiều cho mình. Sau đó, được Đạo sư Thiện tri thức dạy làm điều lành, đưa tôi vào trong đạo Phật, được thấy Sa-môn, đạo nhân, thọ trì năm giới, thờ kính và tu hành mười điều lành. Từ đó đến nay, hằng ngày không phạm điều ác." Nhờ điều đó mà Minh vương thương xót, không phạt tội tôi. Tôi liền cúi đầu.

Minh vương liền đứng dậy vòng tay, gọi tôi: "Thôi, thôi, người trong sạch, trung tín không nên làm vậy". Liền cho tôi ngồi trên tòa. Vua gọi viên quan và nói với người ấy:

–Đây chính là đệ tử của Vô Thượng Chánh Chân. Các ngươi phải nên theo người này, để được độ thoát. Người này khi mạng sống chấm dứt, thân chết nhưng thần hồn vẫn đi theo chỗ khác để thọ sinh. Nếu sinh lên cõi trời thì được thần trời đến nghênh tiếp. Nếu sinh trong loài người, thì loài người đến nghênh tiếp. Người tôn quý này, làm sao lại vào chốn tội phạm năm nghịch này?

Viên quan đáp:

–Thế gian thiếu gì những người này! Họ không sợ phép vua, không sợ bốn thời, năm hành, không bị bắt, quỷ thần trời đất không chỗ bắt giữ họ, không thể hỏi được một hai lời. Người này, hành động ngang tàng, không sợ phép tắc của trời. Có vị Pháp sư, gọi là Sa-môn, cạo tóc, áo mặc thô sơ, dùng pháp, độ nhiều đệ tử, Đông, Nam, Tây, Bắc không chỗ ràng buộc, dời nhà, mai táng, con gái về nhà chồng, không sợ bốn thời, hủy hoại, cải đổi, không sợ vua bắt. Bọn người này phải nên trị.

Minh vương nói:

–Thôi, thôi! Khanh không hiểu rõ pháp này. Người mặc áo pháp, rất đáng quý kính, được người khác khâm phục, là vua trong các trời Thích, Phạm; là mặt trăng, mặt trời; là vua quan, dưới đến thần dân đều tôn kính phụng thờ. Người nào tôn kính, sẽ được phước báo vô lượng, khiến người

được đạo; không được cao ngạo, xem thường người này. Ai xem thường người này, là tự chuốt tội khổ. Nhanh chóng lục xét lại, thọ mạng người này đã hết chưa?

Viên quan tâu:

–Trong bảo lục, mạng người này chưa đáng chết, tính ra còn phải hai mươi năm. Người này, trước kia có thời gian làm tội ác, sau này, nhờ làm điều lành mới giữ được mạng sống, khiến cho bọn con phải hạ mình.

Minh Vương nói:

–Người sống ở đời, ít làm ác, có thể sống đến một trăm năm, còn tội người này, phải thế nào?

Viên quan thưa:

–Người này chỉ có thể sống, chứ không thể chết. Chết thì liền phải chịu tội thống khổ kéo dài thêm ngàn kiếp, vạn kiếp, không được giải thoát.

Minh vương nói:

–Đệ tử Phật, có giữ giới, siêng năng không lười biếng, sẽ được Thiên thần tôn kính. Vì sao? Vì Phật dùng lòng lành lớn, lòng thương xót lớn, bảo vệ tâm dạy dỗ tâm, dùng bốn tâm bình đẳng lo nghĩ khắp mười phương; tất cả nhân dân trong thiên hạ, vạn vật đủ loại như bò bay, cựa quậy, Phật đều thương xót. Công đức lưu truyền đến thiên hạ mười phương, cho nên đệ tử Phật, được Thiên thần, Thổ địa, Quỷ, Rồng quý kính. Đâu phải bị vua bắt gặp bốn thời, năm hành đâu. Ân đức của Phật, như bốn biển, không thể hạn lượng, như nước chảy cả trăm ức, làm sao có thể đong lường hết, để biết hết số đó. Ân đức của Phật cũng không thể lường được.

Viên quan thưa:

–Đại vương! Ngài thờ phụng giới trong sạch của Phật đó sao?

Minh vương đáp:

–Ta không phụng thờ Phật, nên phải chịu tội đến đây làm vua địa ngục này. Khanh thấy trong ngục này, bây giờ, có người số mạng đã hết, không chịu thọ, cũng không dám tiến lên, chỉ chắp tay để phụng thờ, kính ngưỡng; nên xét lại hành động phước lành của mình, thì thần phước tự đến nghinh tiếp. Người chưa đáng chết, tự có bảo vệ, sẽ mau chóng thoát khỏi. Nếu có người đã vào chánh pháp, sau hối hận trở về lại với ngoại đạo, làm các việc sát sinh, cúng tế, tà đạo, ác kiến, người này không được sự bảo vệ. Tuy mạng sống đến một trăm năm, nhưng phải gặp chín lần chết oan, không bệnh, tự chết. Vì sao? Vì thần cứu hộ không giúp đỡ. Người như vậy trọn không được giải thoát. Nên Tỳ-kheo hay Phật tử phải giữ năm giới, siêng

năng hành sáu việc. Những gì là sáu?

1. Đàn ba-la-mật: Thích việc bố thí, không được keo kiệt.

2. Thi ba-la-mật: Giữ gìn giới cẩn thận, chớ phạm.

3. Sằn-đề ba-la-mật: Nhẫn nhục giữ tâm, miệng, ý không cho sân tức.

4. Tỳ-lê-da ba-la-mật: Siêng năng sáng suốt chớ lười biếng.

5. Thiền ba-la-mật: Một lòng tập trung ý, chớ buông thả.

6- Bát-nhã ba-la-mật: Siêng năng tụng đọc kinh, hiểu rõ trí Nhất thiết trí.

Đấy là sáu điều mà Bồ-tát cầu đạo phải làm.

Lại có sáu điều: 1. Mắt; 2. Tai; 3. Mũi; 4. Miệng; 5. Thân; 6. Ý. Người muốn cầu đạo được phước, nên giữ gìn sáu điều này. Giữ gìn mắt, chớ để mắt đắm chìm trước sắc. Giữ gìn tai, chớ để tai say đắm trước âm thanh. Giữ gìn mũi, chớ để mũi mê đắm trước mùi hương. Giữ gìn miệng, chớ để miệng say đắm trước mùi vị. Giữ gìn thân, chớ để thân chìm đắm trước sự trơn láng. Giữ gìn ý, chớ để ý đắm say trước ái dục. Đây là sáu điều cần phải giữ gìn. Cần phải diệt trừ ba điều nữa. Những gì là ba? 1. Dâm dục; 2. Sân giận; 3. Ngu si. Đấy là ba độc.

Lại phải diệt trừ năm điều. Những gì là năm? 1. Thọ; 2. Tưởng; 3. Hành; 4. Thức; 5. Ái dục. Đấy là năm ấm.

Lại có sáu suy. Những gì là sáu?

1. Sắc làm cho mắt suy.

2. Âm thanh làm cho tai suy.

3. Mùi hương làm cho mũi suy.

4. Hương vị làm cho miệng suy.

5. Sự trơn láng làm cho thân suy.

6. Các pháp làm cho ý suy.

Đấy là sáu suy.

Năm ấm, sáu tình, ba độc hợp lại, làm cho trong thân có hai mươi điều; nó luôn tồn tại trong thân con người. Người hành đạo, cần phải luôn dứt tuyệt hai mươi điều này. Nếu không cắt đứt được hai mươi điều này, sẽ rơi vào trong tội chìm đắm. Sáu tình không dứt, sẽ rơi vào mười tám tầng địa ngục. Năm ấm không dứt, sẽ tuần tự ra vào trong năm đường. Ba độc không dứt, sẽ vào trong ba đường ác.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào giữ gìn cấm giới chế ngự hai mươi điều trong thân. Như bụi trên gương, được phủi sạch, không còn cấu bẩn, thì

trong ngoài được chiếu rõ. Thiên hạ trăm ngàn vạn người, có một người là đệ tử Phật không?

Viên quan thưa:

–Thật sự không có.

Minh vương nói:

–Xem xét như vậy, mới biết công đức Phật rất cao lớn, sâu thẳm, rực rỡ, như biển lớn, không thể biết được.

Viên quan thưa:

–Thật đúng như lời vua nói. Kẻ tiểu sứ thật đáng tội, không phân biệt được thật giả. Mời người kia trở về lại.

Minh vương nói:

–Tốt.

Viên quan liền tạ từ, đưa người kia tự trở về. Người kia như từ trên cao rớt xuống, theo vệt sáng, mà sống dậy, liền sinh hoạt được.

Cha mẹ bèn đem xe đưa đến Kỳ hoàn bạch Phật. Phật liền gọi người kia, hỏi những điều đã thấy, như đã nói ở trên.

Phật liền mỉm cười, hào quang năm màu từ trên đỉnh phát ra, nhiễu quanh thân ba vòng, rồi nhập vào trong rốn. A-nan sửa y phục, quỳ gối sát đất, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật không cười vô cớ. Cười là có ý. Cúi xin Thế Tôn thuyết rộng nghĩa này.

Phật bảo:

–A-nan! Lắng nghe và giữ lấy mà tu hành.

A-nan và chúng hội vâng lời dạy, cùng lắng nghe.

Phật bảo:

–Nghe rằng: Thiên hạ ở cõi Diêm-phù vì phạm năm nghịch tội ở đời: Con bất hiếu cha mẹ, thần không trung với vua, vợ chồng dối trá nhau, dối trên gạt dưới, nhân dân lầm than, ít có nghĩa lý, khinh mạn không tiết lễ, dùng sức mạnh lấn hiếp kẻ yếu, giàu có hùa theo với nhau, nghèo khổ khốn cùng, tham lợi keo kiệt, không có lòng lành, chỉ muốn hơn người. Bốn thiên vương cùng giữ, quỷ thần xấu ác làm chủ, bắt người phạm tội phải chết, thần hồn luân chuyển, tùy theo hành động mà lãnh thọ, phải làm ngạ quỷ, súc sinh trong địa ngục, bị đánh đòn đau đớn, khổ sở, chặt, bầm, dội nước sôi, nấu, thiêu, đốt. Nếu ai có phước nhỏ, thì được sinh lên cõi trời, phải ở tầng trời thứ sáu. Phước mỏng, mạng ngắn, không nhận lãnh được giáo pháp. Tuy được làm người, phải làm kẻ nô tỳ thấp hèn, hoặc làm trâu, ngựa,

súc sinh, lừa, lạc đà, voi, hổ, sư tử, chim thú, trùng, kiến. Khổ sở nói không hết. Trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp không được giải thoát. Vừa mới sinh ra liền bệnh, hoặc chết liền. Nếu được làm người, sáu căn không đủ, lưng gù, tàn tật, đui điếc, câm, ngọng, khổ sở vô cùng.

Nay, ở trên đời, có một người, biết thế gian có Phật, nghe kinh pháp, được thấy Tỳ-kheo Tăng, có tâm lành ý tốt, từ tâm cung kính, bỏ chín mươi sáu ngoại đạo, đến với chánh pháp. Tự suy nghĩ, tự khắc phục, để giữ gìn năm giới, tu mười điều lành, diệt mười điều ác. Bấy giờ, có một người đắc đạo, vào thời Phật Duy-vệ, công đức đạt được bằng như người này. Tội của người kia, có đến trăm ngàn vạn kiếp, đều được diệt trừ. Người này, sau khi mạng chung, không bị rơi vào ba đường ác. Giả sử như có phạm tội, theo tội nặng nhẹ mà đến địa ngục. Vua thấy tâm ý cũng kính ngưỡng người này. Đế vương, nhân dân, tất cả đều tôn kính phụng trì. Tuy chưa đắc đạo, nhưng công đức to lớn, trời, người, quỷ, rồng đều ca ngợi.

Phật bảo A-nan:

–Sau khi ta nhập Niết-bàn, phần nhiều người đời không tôn kính pháp; ưa thích sự cao ngạo, cho mình là hơn, khinh miệt mọi người. Coi rẻ chánh pháp, phá hoại, làm nhục Tỳ-kheo, không biết cúng dường, chửi rủa ném đá, không sợ bị bắt. Bọn người này, đều từ trong cõi ma, đến đây sinh làm người, nên ác độc như vậy. Ai mà tin ưa Phật pháp, là do đời trước đã là đệ tử Phật rồi, nên có thể biết thật giả theo đó mà phụng thờ chánh pháp, thọ trì giới kinh, lại diệt trừ được hai mươi điều, những người đó đều là chư Đại Bồ-tát, chẳng phải phàm phu.

Con người có sinh ra, phải có chết, không ai không chết cả. Người khéo giữ giới, không tiếc thân mạng, chỉ nhớ nghĩ đến việc đem lòng từ bi mà cứu giúp tất cả, vì mọi người mà làm thầy hướng dẫn. Bồ-tát không sợ sự biến đổi của sinh tử; vào sinh tử là để cứu độ sự sinh tử; vào địa ngục để giảng giải giới, kinh khiến dừng ác làm lành; vào ngạ quỷ để giảng nói về hạnh bố thí; vào súc sinh để giảng nói về dâm dục. Khi hết thân này, sinh lên cõi trời sẽ dạy dỗ cho các trời. Trong loài người thì dạy pháp bỏ ác làm điều lành.

Con người có tư tưởng địa ngục, thì hành động như địa ngục, người có tư tưởng súc sinh, thì hành động như súc sinh; người có tư tưởng trời, người, thì hành động như trời, người; người có tư tưởng ngạ quỷ, thì hành động như ngạ quỷ; người có tư tưởng loài người, thì hành động như loài người. Tất cả vạn vật đều không có gì là của mình, chỉ dựa vào hình tướng mà đặt tên mà có tư tưởng.

Này Hiền giả! Theo cái thấy của mắt, mà chứng ngộ nó rõ ràng. Đã sinh ra, mà được làm người là có phước đức, nên thờ phụng gìn giữ chánh pháp. Tại sao không nỗ lực hết khả năng, để tự mình đến Phật đạo tôn quý! Sao lại phải chịu nghiệp khổ để đến nỗi thân phải lãnh thọ quả báo. Hối hận có ích gì?

Phật bảo A-nan:

–Pháp được hưng khởi, thì người biết làm lành, pháp bị suy vong, thì người làm ác càng nhiều. Hãy cùng nhau dạy bảo, siêng năng sáng suốt giữ gìn giới kinh. Hãy luôn nghĩ tất cả là vô thường. Sức vô thường thì to lớn, Phật không luôn trụ ở đời. Đã ở trong thế gian thì phải nỗ lực siêng năng tự độ cho mình và có thể cứu độ tất cả cho người và không phải người.

Này các Tỳ-kheo! Các ông và ta ở đời, phải tự mình cố gắng hết sức, chớ nói Phật luôn trụ ở đời. Nay không ra sức cố gắng sau hối hận ích gì?

Nghe Phật nói kinh về người chết sống lại được thấy chân lý. Cha mẹ và người thân đều đắc đạo A-la-hán và được không thoái chuyển, an trụ vững chắc, không gì lay động được. Các đệ tử Tỳ-kheo lớn và Bồ-tát, Trời, Rồng, Quỷ, Thần, nghe kinh đều hoan hỷ, đến trước Phật, làm lễ, rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 827

KINH NGƯỜI CÀY RUỘNG LƯỜI BIẾNG

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Huệ Giản

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và chúng Bồ-tát ở tại vườn Trúc, xứ La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, Phật từ La-duyệt-kỳ đến Xá-vệ, có các Bồ-tát dẫn đường phía trước. Thích, Phạm, y phục mặc ngoài thân thể trông như bốn Đại thiên vương. Các Tỳ-kheo Tăng đều theo sau Phật. Các Trời, Rồng, Thần cúng dường ở trên cao. Rời thành không xa, có một người đang cày ruộng giống, từ xa, trông thấy Như Lai và đệ tử theo hầu, có tướng tốt, ngay ngắn và vô cùng đẹp đẽ, oai thần cao vời, dung mạo đặc biệt tốt đẹp, như trăng giữa các sao. Các tướng tốt này đều có ánh sáng vàng rực, làm đẹp thêm ba mươi hai tướng tốt; tất cả hiện ra thật hoàn hảo. Xa trông thấy Thế Tôn như vậy, tâm liền vui vẻ, muốn đến ngay chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ để học hỏi giáo pháp. Phật ra đời rất khó gặp, rất lâu xuất hiện một lần. Rồi tự nghĩ: "Đất cày chưa xong, xuống giống chưa được, cần phải rãnh rỗi mới gặp được Phật".

Bấy giờ, Phật biết người kia, khởi tâm biếng nhác, Thế Tôn liền cười, phóng ánh sáng năm màu. Ánh sáng này, từ miệng phát phát ra, chiếu khắp cảnh giới mười phương, đem an ổn cho năm đường, rồi ánh sáng đó quay lại tập hợp chỗ Phật, địa ngục được dừng nghỉ, ngạ quỷ no đủ, súc sinh nghĩ đến việc lành, loài người được cứu độ. Các Trời, Rồng, Thần đều đến nghe đạo pháp.

Hiền giả A-nan! Hiểu rõ bảy thời tiết ứng pháp, nên cùng với mọi người đến chỗ Phật, quỳ dài, chắp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có nhân duyên gì Thế Tôn cười? Đã cười tất sẽ có ý nghĩa.

Phật bảo A-nan:

–Ông thấy người cày không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đã thấy!

Phật bảo:

–Người này từng ở cõi Phật Duy-vệ đến đây, chín mươi mốt kiếp làm nghề cày ruộng giống. Cứ mỗi lần thấy Phật, là thường tự sinh lười biếng, hẹn để lần sau lại siêng năng rồi làm. Lần lữa, người cày ruộng giống lại tạo ra tội pháp trong sinh tử. Không hiểu việc cày ruộng là pháp. Ông ta càng không màng đến ruộng! Trải qua sáu đời Đức Phật, ông ta vẫn không được sự cứu độ.

Hôm nay thấy ta, lòng ưa thích phát khởi tâm tốt lành, hối hận hiểu ra, sự làm biếng vui chơi là gốc gây ra đủ loại tội lỗi, nên nghe có Phật từ xa, đã bỏ cày và ruộng, đến ngay chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật, sám hối tội lỗi, tự trách mình, ngu si không biết, đã tạo ra tội quá nặng. Cúi mong lòng thương tưởng của Ngài, giúp con thấy được cội nguồn của tội lỗi này. Con đã vì ngu dốt, tối tăm, để cho sự lười biếng nó dẫn dắt quá lâu. Rất mong được sự cứu độ, để thoát khỏi sinh tử.

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Ông đã có thể hiểu được sự lợi ích của pháp. Trọn không làm cho hao tổn. Phật cũng vì đó mà giảng nói kinh. Rõ ràng làm biếng là xấu dở, sáng suốt tiến tới mới có lợi, phải vui mừng hớn hở tạo nên sự không thoái lui. Các Trời, Rồng, Thần, có tới hàng ngàn vô ương số đều phát tâm đối với đạo Vô thượng chánh chân. Do vậy, việc học đạo là phải luôn sáng suốt tấn tới, chớ để lười biếng nó làm trôi lăn trong sinh tử đến vô số kiếp.

Phật nói như vậy, Hiền giả A-nan, cùng các Trời, Rồng, Thần, A-tu-luân vương… nghe xong đều hoan hỷ, đảnh lễ Phật rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 828

KINH VÔ TỰ BẢO KHIẾP

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi, người nước Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành lớn Vương xá. Bấy giờ, có vô lượng trăm ngàn vạn ức Bồ-tát vây quanh Như Lai, tất cả đều là bậc Đại trí, phương tiện quyền xảo, dũng mãnh tinh tấn, pháp môn Vô tự thông đạt hoàn hảo, khéo léo làm thanh tịnh thị xứ, phi xứ; biết hổ thẹn, giải thoát mọi sự che lấp ràng buộc, điều phục các căn bằng ngà Từ bi. Đem ngà hổ thẹn thương nhớ đến chúng sinh, đắc đại Tam-muội, lấy trí tuệ làm đầu, tôn kính trí tuệ như đảo báu, có kho tàng châu báu lớn, tất cả đều biết hoàn hảo về pháp lành và không lành, hiểu rõ việc ba đời, tất cả đều thành tựu biện tài Vô tự, khéo đạt đến Nhị không, được địa vị thắng diệu. Học hiểu các nghĩa lý, thông đạt thật tế, mạnh mẽ vô biên, không chỗ dính mắc, đều thông đạt tự tánh thượng pháp, suy nghĩ hoàn hảo về hai pháp môn thật và không thật. Sinh bằng thai tạng, vĩnh viễn thoát ly sinh tử, hiểu hoàn hảo pháp bí mật, rõ biết các tướng. Giúp đỡ các nước, được danh xưng lớn, tiếng tăm vang rộng, đắc vô ngôn tạng, ngủ nghỉ luôn luôn được an ổn, ban phát làm cho tất cả đều được an vui. Ai nghe danh tánh thì rời khỏi ba cõi, có thể cứu chúng sinh đang ở ba cõi, hiểu rõ hoàn hảo về chân như, biểu thị hạnh Phổ Hiền, biến thân cùng khắp, các căn trong sạch, hiểu rõ và thông đạt thân mình, thân người, đều thành tựu được trí tuệ sáng suốt.

Đó là Bồ-tát Thắng Hưởng, Bồ-tát Pháp Hưởng, Bồ-tát Thắng Chư Phần, Bồ-tát Pháp Nhãn, Bồ-tát Thiên Tướng, Bồ-tát Biện Tụ, Bồ-tát Thắng Tư Duy, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Trì Địa Tế, Bồ-tát Thâm Nhập Địa Tế Hưởng, Bồ-tát Địa Hưởng, Bồ-tát Cụ Biện, Bồ-tát Thượng Tích, Bồ-tát Hoa Mục, Bồ-tát Ưu-bát-la-mục, Bồ-tát Đảnh Kế, Bồ-tát Văn-thù Hưởng. Nhiều Đại Bồ-tát như vậy, không thể tính kể đều là đồng tử từ phương khác đến không thể quán sát hết, vì có tới hằng hà sa các thế giới đến tập hợp. Tất cả đều an trú lãnh thọ Pháp vương, chức vị thái tử.

Ở chỗ Bồ-tát Thắng Tư Duy, có vô lượng Thích, Phạm vây quanh. Ở chỗ Bồ-tát Phổ Hiền, Hư Không Tạng với bốn đại thần vương và vô lượng Chuyển luân thánh vương vây quanh. Ở chỗ Bồ-tát Đắc Đại Thế Chí, Quán Thế Tự Tại có vô lượng Phạm chúng vây quanh. Ở chỗ Bồ-tát Bất Không Kiến, có nhiều vô lượng Tỳ-sa-môn vương vây quanh. Ở chỗ Bồ-tát Tinh Tú Vương, có vô lượng tinh tú và các vị bảo vệ đời khác vây quanh. Lại có cả Bồ-tát Phá Nghi, Bồ-tát Diệt Nhất Thiết Chướng, tự thân hiện ra thân Như Lai, vây quanh vô lượng chư Phật.

Cùng với Xa-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, tất cả đều là đại A-la-hán. Ở chỗ Bồ-tát Chân Luyện, Bồ-tát Thắng Tư Duy, có vô lượng Thiên nữ vây quanh. Ở chỗ Bồ-tát Dược Vương, Bồ-tát Dược Thượng, có vô lượng quyến thuộc vây quanh. Trong khắp mười phương hằng hà sa thế giới, có cả mặt trăng mặt trời, những kẻ nương nhờ vào oai đức của mình, sinh lòng ngã mạn. Tất cả đều đến chỗ Phật. Đến chỗ Phật rồi, đứng sang một bên, ở trước Như Lai, liền tự thấy thân mình, như không có ánh sáng, giống như màu đen ở gần bên vàng Diêm-phù-na-đề vậy. Các mặt trăng, mặt trời này, ở trước Như Lai cũng như vậy, không tự lộ rõ ánh sáng của mình. Không còn lòng dạ đứng vững cũng không muốn nói, không có oai đức, không thể hiện rõ; ngoài ra còn có Na-la-diên vây quanh nữa. Đại thần, Rồng thần, Đắc-xoa-ca-a-na-bà-đạt-đa các vua rồng lớn có vô lượng loài rồng vây quanh. Thiện Âm Càn-thát-bà vương cũng có vô lượng ức Càn-thát-bà vây quanh. Vô Yểm Túc Ca-lầu-la vương, cũng có bảy ức Ca-lầu-la vây quanh, tất cả đều đến chỗ Phật.

Bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới, các Bồ-tát ở trong hằng hà sa thế giới. Các vị ở các cõi ấy đều cung thỉnh Đức Phật. Thỉnh Phật rồi, bốn chúng vây quanh cùng đến cõi Ta-bà. Đem phẩm vật xuất thế gian, đến chỗ Phật, cúng dường. Các vị Bồ-tát cúng dường Phật rồi, mỗi vị tự ngồi trên tòa hoa sen.

Bấy giờ, có Đại Bồ-tát, tên là Thắng Tư Duy, đến chỗ Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn cho phép và lắng nghe con, con mới dám hỏi Như Lai hai điều.

Phật bảo Bồ-tát Thắng Tư Duy:

–Ta lắng nghe đây, ông cứ tùy ý hỏi; Như Lai đã vì tất cả chúng sinh, nên thành đạo ở đây; chính vì các vị, các đại long tượng, mà Ta xuất hiện ở đây.

Bồ-tát Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có một loại pháp gì mà Bồ-tát nên diệt trừ? Có một loại pháp gì là sự chứng ngộ của Như Lai?

Thế Tôn khen ngợi Đại Bồ-tát Thắng Tư Duy:

–Lành thay, lành thay! Phạm thiên! Ông đã thuần thục vô lượng căn lành, nhờ chư Phật giúp đỡ nên hỏi được nghĩa này. Thiện nam! Nay ông lắng nghe và khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ông mà nói.

Bồ-tát Thắng Tư Duy, đảnh lễ sát chân Như Lai chờ nhận sự chỉ dạy.

Phật nói:

–Thiện nam! Có một loại pháp, Bồ-tát nên diệt trừ. Đó là pháp tham. Thiện nam! Đấy là một pháp, phải nên diệt trừ vĩnh viễn.

Thiện nam! Lại có một pháp, Bồ-tát nên diệt trừ, đó là pháp sân. Thiện nam! Đấy là một pháp, phải nên diệt trừ vĩnh viễn.

Thiện nam! Lại có một pháp, Bồ-tát nên diệt trừ, đó là pháp si. Thiện nam! Đấy là một pháp, phải nên diệt trừ vĩnh viễn.

Thiện nam! Lại có một pháp, Bồ-tát nên diệt trừ, đó là ngã kiến. Thiện nam! Đấy là một pháp, phải nên diệt trừ vĩnh viễn.

Thiện nam! Lại có một pháp, Bồ-tát nên diệt trừ, đó là lười biếng. Thiện nam! Đó là một pháp, phải nên diệt trừ vĩnh viễn.

Thiện nam! Lại có một pháp, Bồ-tát nên diệt trừ, đó là chỉ ưa ngủ nghỉ. Thiện nam! Đấy là một pháp, phải nên diệt trừ vĩnh viễn.

Thiện nam! Lại có một pháp, Bồ-tát nên diệt trừ, đó là tham ái. Thiện nam! Đó là một pháp, phải nên diệt trừ vĩnh viễn.

Thiện nam! Bồ-tát lại phải diệt trừ một pháp, đó là vô minh. Thiện nam! Đấy là một pháp, phải nên diệt trừ vĩnh viễn.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Một pháp gì mà các Bồ-tát ngày đêm thường đề phòng bảo vệ?

Thế Tôn bảo Bồ-tát Thắng Tư Duy:

–Này thiện nam! Điều gì mà Bồ-tát không muốn đến với mình chớ nên bảo người khác làm. Thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, bảo vệ giữ gìn, pháp này thì thiện nam, thiện nữ kia coi như đã bảo vệ, giữ gìn tất cả giới tạng của Như Lai. Vì sao? Thiện nam! Vì có yêu mến thân mạng mình, thì không sát sinh; có tiếc mến tài sản mình, thì mới không trộm cướp; có yêu thương vợ mình, thì không xâm hại đến vợ người. Thiện nam! Các chúng sinh này, phát tâm như vầy: "Ta kính thuận chánh pháp của Như Lai". Thiện nam kia, luôn siêng năng để tâm đề phòng và bảo vệ pháp này.

Nghĩa này thế nào? Thiện nam, nếu có thiện nam, thiện nữ nào, muốn cầu đại Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là người ấy đã cầu sự an vui, chớ không cầu sự khổ não nơi thân. Ở thế gian, chỉ có vui, người phải hưởng thọ niềm vui. Chính là nghĩa này. Ta đã nói: "Các vị nên biết, điều không muốn đến với mình, chớ nên đem đến cho người khác". Thiện nam! Đấy là một pháp, Bồ-tát ngày đêm phải luôn bảo vệ điều đó.

Này thiện nam! Theo chỗ ông hỏi, một pháp gì là sự chứng ngộ của Như Lai? Thiện nam! Không có một pháp gì là sự giác ngộ của Như Lai. Thiện nam! Đối với pháp không ngộ, thì Như Lai ngộ. Thiện nam! Tất cả pháp không sinh thì Như Lai chứng ngộ. Tất cả pháp không diệt thì Như Lai chứng ngộ.

Lại nữa, thiện nam! Pháp tánh xa lìa hai bên, thì Như Lai chứng ngộ, tất cả pháp không thật thì Như Lai chứng ngộ. Thiện nam! Như Lai khéo nói về nhân duyên nghiệp báo. Như Lai khéo chứng nhân duyên nghiệp báo. Sự trói buộc của tất cả pháp nhân duyên thì Như Lai chứng ngộ. Thiện nam! Nhân duyên ấy giống như ánh chớp mà Như Lai chứng ngộ, thì xa lìa nhân, xa lìa duyên. Như Lai nói là không có nghiệp báo, đã được thọ ký để thành Chánh giác. Tất cả pháp sâu rộng trang nghiêm. Đây là sự thuyết pháp của Như Lai.

Này thiện nam! Dùng nghĩa gì, để giảng nói về sự trang nghiêm sâu rộng. Trí tuệ có được của thế gian và xuất thế gian từ đâu sinh? Khi trí tuệ đó, dùng chân thật xem xét kỹ, để thấy đúng đắn Bát-nhã ba-la-mật là sâu dày, thì bấy giờ, pháp ấy, được gọi là tạng.

Này thiện nam! Ta cũng lại nói: Tất cả pháp như huyễn như ánh lửa. Sự giác ngộ của Phật, Pháp của tánh tướng là một vị giải thoát. Sự giác ngộ của Phật, cái có được tánh tướng là một vị giải thoát. Tất cả đó là pháp sâu rộng trang nghiêm.

Này thiện nam! Nếu thiện nam, thiện nữ nào lại có một pháp là sự giác ngộ của Phật, thì thiện nam! Đó là các pháp không đi, không đến, không nhân, không duyên, không sinh, không diệt, không suy nghĩ cái chẳng suy nghĩ, không thêm, không bớt.

Này thiện nam! Nếu pháp rốt ráo, thì pháp tánh của tự tánh, chẳng phải là tự tánh. Pháp thí dụ, không thể nói. Nếu dùng danh tự, cũng không thể nói. Đấy là một pháp mà Như Lai đã giác ngộ.

Khi Phật nói pháp môn Quảng nghiêm thượng vương vô tự bảo khiếp quang nghiêm này, có sự chứng đắc an trụ nơi Địa thứ mười của Bồ-tát, nhiều như số vi trần, mắt thường cũng không thể thấy hết. Các chúng như

vậy, đều được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các chúng sinh như vậy, đều chứng quả A-la-hán. Lại hơn số chúng sinh này, xả bỏ khổ địa ngục, sinh vào trong cõi trời. Vô lượng chư vị Bồ-tát hiện có mặt, chứng trăm ngàn vạn các pháp môn Tam-muội. Huống chi nói nhiều mà không được lợi ích.

Bấy giờ, Phật bảo La-hầu-la:

–Thầy có thể nhận giữ gìn nghĩa chánh pháp này, mà ta đã nói không?

Khi Phật nói lời này, do thần lực của Phật, làm cho chín ức Bồ-tát trong hằng hà sa thế giới, từ chỗ ngồi, đứng dậy, bạch với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con đều có thể nhận giữ gìn pháp môn này. Ngay trong thế giới Ta-bà này, trong thế giới vị lai cũng sẽ vì các chúng sinh mà lưu truyền không dứt, để biết đó là Bồ-tát, là người trí tuệ tài năng.

Bấy giờ, bốn Đại thần vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng có thể nhận giữ gìn pháp nghĩa Như Lai đã nói, khiến cho điều mong cầu của Bồ-tát đó được đầy đủ, ở trong đấy là bậc trí tuệ tài năng.

Khi ấy, Thế Tôn xem xét tất cả chúng sinh ở cùng khắp, rồi nói như vầy:

–Thiện nam! Ta chẳng phải chỉ tu chút đỉnh căn lành mà thành Chánh giác. Các chúng sinh kia nếu có thể nghe chánh pháp này, cũng chẳng phải chỉ tu chút ít căn lành. Mà phải nên nhận giữ gìn pháp môn Quảng bác nghiêm thượng vương vô tự bảo khiếp. Nếu ai nghe kinh này, thì người ấy đã cung kính, tôn trọng, ca ngợi ta rồi. Thiện nam! Thiện nam, thiện nữ này, hai vai gánh vác Bồ-đề, người ấy sẽ được biện tài không dứt, khéo được trong sạch các cảnh giới Phật. Khi chết sẽ được thấy Phật A-di-đà, đại chúng Thanh văn, Bồ-tát vây quanh, hiện ở trước người đó, cũng thấy thân ta ở trong núi Kỳ-xà-quật và thấy chúng Bồ-tát này. Thiện nam! Thiện nam, thiện nữ đó sẽ tự mình chứng đắc đại pháp bảo tạng, không thể dứt tận, được Túc mạng trí không sinh vào đường ác.

Này thiện nam! Nay ta nói điều chưa từng có trên thế gian, là pháp môn khó tin này. Thiện nam! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, giả sử có phạm tội nghịch, thì nên đọc tụng, nhận giữ gìn pháp môn cao cả này một cách hoàn hảo. Hoặc tự viết chép hoặc khuyên bảo người viết chép. Tự mình đọc tụng, khuyên người đọc tụng. Tự mình nhận giữ, khuyên người nhận giữ. Thiện nam! Ta nói người này sẽ không còn thấy đường ác nữa, được tất cả chư Phật thọ ký.

Các Bồ-tát kia đều đắc năm nhãn, các căn đầy đủ, được tất cả chư

Phật nhớ nghĩ bảo vệ, được tất cả Bồ-tát thu nhận. Làm cho diệt trừ được vô lượng phiền não, nghiệp chướng, liền được trong sạch.

Thiện nam! Những lời nói pháp của ta, là sự nói pháp sau cùng. Từ khi ta đắc đạo thành Chánh giác đến nay chưa nói lời này.

Phật thuyết kinh này rồi, Bồ-tát Thắng Tư Duy và các Đại Bồ-tát, vua Đế Thích, các trời và bốn Đại thiên vương, Người, Trời, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Càn-thát-bà, tất cả thế gian, nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng.

-oOo-

SỐ 829

ĐẠI THỪA LY VĂN TỰ PHỔ QUANG MINH TẠNG

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng Pháp sư Địa-bà-ha, người xứ Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quạt, thuộc thành Vương xá, cùng với vô lượng trăm ngàn ức, vô số Đại Bồ-tát, toàn là các bậc đại trí, sáng suốt tiến tới, khéo léo, chứng pháp vô ngôn, rất giỏi biện tài chỗ đúng, chỗ sai rõ ràng, không chống trái với nhau, khéo điều phục thân tâm, đầy đủ các môn giải thoát, luôn dạo chơi bằng Tam-muội mà không lìa bỏ lòng thương xót lớn, biết hổ thẹn với thân, trí tuệ là trên hết; có nhiều lợi lạc như vùng đất báu rộng lớn, thấu rõ các tướng của pháp lành và pháp không lành, không chìm đắm vào câu chữ khi có sự giảng nói, đối với pháp chân đế, tục đế đều thông đạt không chướng ngại, biết rõ sự thật một cách xâu xa, mà không trụ trong đó; có khả năng phân biệt mà không thọ nhận; tuy nhàm chán sinh tử mà vẫn bảo vệ thế gian; khắp cả mười phương, đều có tiếng tăm; đối với tạng chân thật vi diệu, ngơi nghỉ trong tịch nhiên vắng lặng. Tuy hiện đang thọ thân, nhưng vĩnh viễn sẽ ra khỏi tam giới, vẫn đi vào các cõi, khuyên dạy, tế độ chúng sinh, bình đẳng răn dạy mọi người chí luôn hiền thiện; bình đẳng thương xót, tâm không dính mắc; có khả năng khiến mình và người thanh tịnh; thành tựu vô lượng công đức vậy. Tên các vị là Bồ-tát Thắng Tư Duy, Bồ-tát Pháp Chấn Âm, Bồ-tát Diệu Thân, Bồ-tát Pháp Võng, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Đại Xưng Danh, Bồ-tát Cụ Chư Biện, Bồ-tát Thiên Dung Tướng, Bồ-tát Công Đức Sơn, Bồ-tát Liên Hoa Nhãn, Bồ-tát Liên Hoa Diện, Bồ-tát Châu Kê, Bồ-tát Diệu Âm; rất nhiều các Đại Bồ-tát như vậy, đều giống như đồng tử, sắc tướng đẹp đẽ, ngay thẳng trang nghiêm, ở trong chúng hội này, đều là những bậc đứng đầu.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Quán Tự Tại, cùng với các Bồ-tát khác, nhiều như số cát sông Hằng, là những bậc tiếp nối địa vị Thế Tôn: Bồ-tát Thù

Thắng Kiến và cùng vô số Phạm thiên, Đế Thích; Bồ-tát Hư Không Tạng và vô lượng Bồ-tát, vô lượng chúng Thiên vương; Bồ-tát Đại Thế Chí cùng với vô lượng ức chúng Phạm thiên; Bồ-tát Biến Cát Tường, cùng với vô lượng thể nữ; Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Bất Không Kiến, Bồ-tát Tinh Tú Vương, Bồ-tát Ly Nghi, Bồ-tát Tức Chư Cái, Bồ-tát Dược Vương, Bồ-tát Dược Thượng mỗi vị cùng với vô lượng chúng Bồ-tát có mặt đầy đủ. Trong chúng đó, cũng có vô lượng chư Phật, tự biến thân mình, làm thân Bồ-tát; Tôn giả Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, rất nhiều các vị đại A-la-hán như vậy, mỗi vị ấy đều cùng với vô lượng chúng Thanh văn, có mặt đầy đủ, Na-la-diên và vô lượng chúng trời, cho đến chư Thiên, nhật nguyệt trong các quốc đọ, nhiều như cát sông Hằng, oai quang chiếu sáng, đều đến nơi Phật. Đến nơi Phật rồi, oai quang các trời kia không thấy rõ nữa, giống như khối đen đem để bên vàng Diêm-phù, vua rồng Bà-nâu-la, vua rồng Đức-xoa-ca, vua rồng A-na-bà-đạt-đa, vua Mỹ Âm Càn-thát-bà, vua Vô-ưu-trọc-ca-lâu-la, cùng với vô lượng các quyến thuộc cũng đến dự hội này. Tất cả Bồ-tát trong mười phương thế giới, nhiều như số cát sông Hằng, ở quốc độ của mình cũng cung thỉnh Đức Như Lai, cùng với tứ chúng, đồng thời đến đây; mỗi vị cầm theo các món tốt đẹp và đặc biệt hơn hết để cúng dường, những vật này hơn hẳn vật ở thế gian, để dâng lên Đức Phật. Các Bồ-tát dâng rồi, liền ngồi lên tòa hoa sen ở trong hội.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Thắng Tư Duy, từ chỗ ngồi, đứng dậy, bày vai bên phải, gối phải chạm đất, chắp tay, hướng về Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nay muốn hỏi nghĩa của hai chữ, cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương chấp nhận cho.

Phật bảo Bồ-tát Thắng Tư Duy:

–Này thiện nam! Muốn hỏi điều gì, tùy ý ông. Như Lai không vì một chúng sinh nào, xuất hiện ở thế gian này, mà vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sinh, nên mới xuất hiện.

Khi ấy, Bồ-tát Thắng Tư Duy liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là một pháp để các Bồ-tát vĩnh viễn xa lìa? Thế nào là một pháp để Bồ-tát luôn nhận giữ gìn? Thế nào là một pháp để các Đức Như Lai thể hiện sự giác ngộ.

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Ông nương sức oai thần của Như Lai, mới có thể hỏi ta những nghĩa sâu xa như thế. Ông hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Khéo léo nhớ nghĩ về việc này. Ta sẽ vì ông mà diễn nói.

Này thiện nam! Có một pháp mà Bồ-tát nên xa lìa, đó là tham dục.

Thiện nam! Đấy là một pháp mà Bồ-tát nên vĩnh viễn xa lìa.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Bồ-tát nên xa lìa, đó là giận dữ. Đấy là một pháp mà các Bồ-tát nên vĩnh viễn xa lìa.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Bồ-tát nên xa lìa, đó là ngu si. Đấy là một pháp mà các Bồ-tát nên vĩnh viễn xa lìa.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Bồ-tát nên xa lìa, đó là chấp ngã.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Bồ-tát nên xa lìa, đó là ngu si.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Bồ-tát nên xa lìa, đó là sự coi khinh và cao ngạo.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Bồ-tát nên xa lìa, đó là lười biếng.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Bồ-tát nên xa lìa, đó là ham ngủ nghỉ.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Bồ-tát nên xa lìa, đó là đắm vào yêu đương.

Này thiện nam! Như vậy, đó là một pháp mà các Bồ-tát nên vĩnh viễn xa lìa.

Này thiện nam! Ông lại hỏi ta thế nào là một pháp để các Bồ-tát luôn giữ gìn, bảo vệ?

Này thiện nam! Nghĩa là: Cái gì chẳng phải điều an ổn của mình, thì các Bồ-tát không đem cho mọi vật, nếu các Bồ-tát đã giữ gìn pháp này, tức là có khả năng giữ gìn tất cả giới cấm chư Phật Như Lai. Tại sao vậy? Bởi nếu biết yêu mến thân mạng, thì không nên sát sinh; biết tự tôn trọng tài sản, thì không thể trộm của người; biết tự giữ gìn vợ con, thì không nên xâm phạm vợ con người khác; thực hành những điều như vậy, gọi là một pháp.

Này thiện nam! Nếu có người, tôn kính tùy thuận lời nói của Như Lai, thì đối với một pháp này, phải thường nên nhớ nghĩ. Tại sao vậy? Vì không có chúng sinh nào, ưa thích khổ; phàm có việc gì cũng đều cầu sự an vui; cho đến Bồ-tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng là để cho mình, cho người đều được an vui. Thiện nam! Do nghĩa như vậy, nên ta nói lời này: Cái gì chẳng phải là những điều an ổn của mình, thì không nên đem cho mọi vật; đó là một pháp mà các Bồ-tát thường nên giữ gìn.

Này thiện nam! Như điều ông hỏi:

–Thế nào là một pháp mà các Đức Như Lai thể hiện sự giác ngộ? Này thiện nam! Không có pháp nhỏ nào Như Lai giác ngộ. Tại sao vậy? Vì

những điều Như Lai giác ngộ là không chỗ giác. Thiện nam! Tất cả các pháp không sinh, đó là điều Như Lai giác ngộ. Tất cả các pháp không diệt, đó là điều Như Lai giác ngộ. Tất cả các pháp lìa hai bên, đó là điều Như Lai giác ngộ. Tất cả các pháp không thực, đó là điều Như Lai giác ngộ.

Này thiện nam! Tự tánh của các nghiệp, đó là điều Như Lai giác ngộ. Tất cả các pháp từ nhân duyên sinh, đó là điều Như Lai giác ngộ. Pháp nhân duyên giống như điện chớp, đó là điều Như Lai giác ngộ. Do nhân duyên, mà có các nghiệp, đó là điều Như Lai giác ngộ.

Này thiện nam! Tất cả pháp tánh là Phổ quang minh tạng, đó là điều Như Lai giác ngộ.

Này thiện nam! Tại sao gọi pháp tánh là Phổ quang minh tạng? Thiện nam! Vì trí thế gian và xuất thế gian, đều nương vào đó mà phát sinh, như mẹ mang con trong bụng, nên gọi là tạng. Khi trí phát sinh, thì chiếu rọi trở lại nguồn gốc của mình; pháp tánh như vậy là chỗ thu giữ của Bát-nhã ba-la-mật, cho nên gọi là Phổ quang minh tạng.

Này thiện nam! Tất cả các pháp đều như huyễn, như sóng nắng, đó là điều Như Lai giác ngộ.

Này thiện nam! Thật tánh của các pháp, chỉ có một vị giải thoát, đó là điều Như Lai giác ngộ, một vị giải thoát đó, gọi là Phổ quang minh tạng.

Này thiện nam! Pháp một tướng, đó là điều Như Lai giác ngộ. Thế nào là một tướng? Nghĩa là, các pháp không đến, không đi, chẳng phải nhân, chẳng phải duyên, không sinh, không diệt, không lấy, không bỏ, không thêm, không bớt.

Này thiện nam! Tự tánh của pháp vốn không chỗ có, không thể ví dụ được, chẳng phải văn tự mới diễn nói được; một Pháp như thế, là điều mà các Đức Như Lai thể hiện sự giác ngộ. Đang lúc Phật nói pháp môn Trang nghiêm vương ly văn tự phổ quang minh tạng này, nhiều Bồ-tát ở Địa thứ mười nhận thức được như vậy.

Có chúng sinh nhiều như số vi trần, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; lại có chúng sinh, nhiều như số vi trần, cũng phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật; lại có chúng sinh, nhiều như số vi trần, ở trong địa ngục, được lìa khổ, sinh vào cõi trời, cõi người; vô lượng Bồ-tát được nhạp vào Sơ địa; vô lượng Bồ-tát được trăm ngàn Tam-muội, vô lượng chúng sinh đều được lợi ích, không bỏ sót ai.

Lúc bấy giờ, Phật bảo La-hầu-la:

–Thiện nam! Pháp yếu này của ta ông nên nhận giữ. Lúc Phật nói lời đó, trong chúng hội có chín mươi ức Đại Bồ-tát, nương oai thần của Phật,

rời chỗ ngồi, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con thề nguyện sẽ nhận giữ những pháp yếu mà Như Lai đã nói, ở trong thời kỳ cuối cùng của cõi Ta-bà này, thấy có người nào muốn làm cho pháp lưu truyền thì sẽ vì họ mà diễn nói.

Lúc bấy giờ, Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người siêng năng giữ gìn kinh điển này, con sẽ ủng hộ, khiến cho chí nguyện của họ đều được đầy đủ. Tại sao vậy? Vì người siêng năng giữ gìn kinh này, đó là pháp thí.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn xem xét khắp trong chúng hội, rồi nói: Các nhân giả! Ta nói pháp môn sâu xa, rộng lớn, ít có này, chẳng phải để các chúng sinh có chút ít căn lành mà có thể nghe và ghi nhận được; người có khả năng nghe và ghi nhận, tức là đã thờ phụng cúng dường cho ta, cũng là gánh vác Vô thượng Bồ-đề, người đó sẽ được biện tài không ngại, nhất định sẽ được sinh về cõi Phật trong sạch; người đó lúc sắp chết, nhất định chính mình, sẽ thấy được Phật A-di-đà và đại chúng Bồ-tát hiện ở trước mắt. Ta nay ở trong núi Kỳ-xà-quật này, được chúng Bồ-tát vây quanh; người đó lúc lâm chung cũng sẽ thấy như vậy; nên biết người đó, tức là đã được Pháp tạng vô tận; nên biết người đó được Trí túc mạng, nên biết người đó không đọa vào đường ác.

Này thiện nam! Ta nay nói pháp, mà tất cả thế gian khó tin này; giả sử có chúng sinh, tạo năm tội nặng nhất, mà nghe kinh này, rồi biên chép, đọc tụng, vì người khác diễn nói, thì tất cả nghiệp chướng đều sẽ được tiêu trừ, chẳng bao giờ chịu nỗi thống khổ đau trong những nẻo ác, người này luôn được chư Phật, Bồ-tát, nhớ nghĩ và bảo vệ, sinh ra nơi nào, các căn cũng đầy đủ, được Phật quán đảnh, năm nhãn trong sạch.

Này thiện nam! Nói tóm lại, ta thấy người đó chắc chắn thành Phật đạo.

Phật nói kinh này rồi, Thắng Tư Duy và tất cả Bồ-tát, cùng các Thanh văn, trời, rồng, tám bộ đều rất vui vẻ, tin nhận, thờ kính tu hành.

-oOo-

SỐ 830

KINH ĐẠI THỪA BIẾN CHIẾU QUANG MINH TẠNG VÔ TỰ PHÁP MÔN

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng Pháp sư Địa-bà-ha-la, người xứ Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật đang ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá cùng Đại Bồ-tát và Tỳ-kheo Tăng đủ vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chúng. Các Bồ-tát ấy đều là bậc Đại trí, có phương tiện quyền xảo khéo léo đạt được Pháp tạng vô tự, nói năng lưu loát, không trái với chân và tục, sáng suốt dũng mãnh, vĩnh viễn lìa các trói buộc của phiền não, điều phục các căn không còn sự dính mắc, thương xót chúng sinh như thương con một, quý trọng thật trí như đảo báu lớn, biết hổ thẹn với thân, lấy định tuệ làm đầu, dùng đại Từ bi làm thể tánh, biết rõ pháp tốt, pháp xấu, thật không thật, chiếu rõ hai không, trụ địa thắng diệu, danh tiếng vang xa, an ổn vĩnh viễn, quyết định tu hành pháp cao tột, không còn thọ thân thai tạng thấp hèn, thị hiện thọ sinh, bảo vệ đất nước, những gì được ban cho đều bao trùm cả hiền thiện, lìa xa ba cõi nhưng lại cứu giúp ba cõi, khéo đạt hạnh trong sạch cho mình và cho người, được công đức đầy đủ như vậy. Tên của các vị là Bồ-tát Thắng Tư Duy, Bồ-tát Thắng Thú Hạnh, Bồ-tát Diệu Âm, Bồ-tát Mỹ Âm, Bồ-tát Biện Cụ, Bồ-tát Biện Tụ, Bồ-tát Châu Kế, Bồ-tát Thiên Bức, Bồ-tát Pháp Võng, Bồ-tát Pháp Hưởng, Bồ-tát Liên Hoa Diện, Bồ-tát Liên Hoa Nhãn, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Thanh Biến Đại Địa. Rất nhiều các Bồ-tát như vậy, đều giống như đồng tử, đều là bậc đứng đầu trong chúng, mỗi một vị đều có đầy đủ quyến thuộc.

Lúc đó, Bồ-tát Quán Thế Âm cùng vô lượng, vô số các chúng Bồ-tát đã thọ quán đảnh vây quanh. Bồ-tát Đắc Đại Thế, cùng vô lượng ức đại Phạm thiên vây quanh. Bồ-tát Thắng Tư Duy, cùng vô lượng Bồ-tát và Thiên chủ Đế Thích vây quanh. Bồ-tát Hư Không Tạng, cùng vô lượng chúng Tứ Thiên vương vây quanh. Bồ-tát Chúng Sở Tri Thức cùng vô lượng thể nữ vây quanh. Các Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Ly Nghi, Bồ-tát Bất

Không Kiến, Bồ-tát Chỉ Chư Cái, Bồ-tát Vô Lượng Thiện Xảo Dược Vương, Bồ-tát Dược Thượng mỗi vị đều cùng vô lượng chúng Đại Bồ-tát vây quanh. Trưởng lão Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp mỗi vị đều cùng với đại A-la-hán vây quanh. Cho đến mười phương hằng hà sa tất cả các thế giới mặt trời, mặt trăng, các Thiên tử đều dùng oai quang để đến chỗ Đức Phật. Do thần lực của Phật, cho nên các oai quang của chư Thiên không thể phát ánh sáng, cũng giống như một khối đen so với vàng Diêm-phù.

Lại có vô lượng trời Na-la-diên, cho đến các vua rồng Thủy-thiên-thính-xoa-ca, A-na-bà-đạt-đa cũng cùng quyến thuộc vây quanh. Vua Mỹ Âm Càn-thát-bà, cũng cùng vô lượng chúng Càn-thát-bà vây quanh. Có bảy ức quyến thuộc của vua Ca-lầu-la vây quanh. Cho đến tất cả Bồ-tát trong mười phương hằng hà sa thế giới đều thỉnh Đức Phật ở quốc độ mình, cùng đầy đủ quyến thuộc đến thế giới Ta-bà, đem các món ngon nhất, tốt nhất, thế gian không thể có để cúng dường. Cúng dường chư Phật và Bồ-tát xong, tất cả đều lễ Phật, rồi lui ngồi một bên, ngồi trên tòa hoa sen mà chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

Lúc đó, Đại Bồ-tát Thắng Tư Duy từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, hướng lên Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con vì bốn chúng, muốn thưa hỏi Đức Như Lai về nghĩa của hai chữ, cúi xin Đức Như Lai giải thích, để chúng con đều được lợi ích.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Thắng Tư Duy! Lẽ nào Đức Như Lai chỉ vì một chúng sinh mà xuất hiện thế gian! Chính vì lợi ích của vô lượng chúng sinh mà Như Lai xuất hiện thế gian.

Này thiện nam! Nay ông vì bốn chúng mà thỉnh hỏi ta, về nghĩa của hai chữ, vậy tùy ý ông hỏi, ta sẽ trình bày.

Được Đức Phật cho phép, Bồ-tát Thắng Tư Duy thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có những pháp nào mà Đại Bồ-tát nên trừ diệt hay gìn giữ? Lại có pháp nào mà Như Lai được chứng hay là rõ biết? Hai nghĩa này, xin Như Lai giải thích cho!

Đức Phật khen Thắng Tư Duy:

–Hay thay, hay thay! Này thiện nam! Ông đã thành tựu vô lượng phước tuệ, lại được Như Lai ban sức oai thần cho nên mới có khả năng hỏi ta nghĩa như vậy. Vậy hãy lắng nghe! Lắng nghe và nhớ nghĩ cho kỹ, ta sẽ vì ông phân biệt, giảng nói.

Này thiện nam! Có một pháp mà Đại Bồ-tát nên trừ diệt, đó là tham dục. Một pháp mà Đại Bồ-tát phải nên diệt trừ, chính là pháp ấy.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ; đó là sân giận. Một pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ, chính là pháp ấy.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ; đó là ngu si. Một pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ, chính là pháp ấy.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ; đó là ngã chấp. Một pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ, chính là pháp ấy.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Đại Bồ-tát nên trừ diệt; đó là biếng nhác. Pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ, chính là một pháp ấy.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ; đó là ham ngủ nghỉ. Pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ, chính là một pháp ấy.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ; đó là dính mắc yêu đương. Pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ, chính là một pháp ấy.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ; đó là sự nghi hoặc. Pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ chính là một pháp ấy.

Này thiện nam! Lại có một pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ; đó là vô minh. Pháp mà Đại Bồ-tát nên diệt trừ, chính là một pháp ấy.

Này thiện nam! Các pháp đã nói ở trên, Đại Bồ-tát phải nên trừ diệt.

Này thiện nam! Ông hỏi ta, có pháp nào Đại Bồ-tát nên giữ gìn. Vậy nay, ta trình bày về pháp đó.

Này thiện nam! Có một pháp Đại Bồ-tát nên giữ gìn; đó là những gì mình không muốn, thì đừng khuyến khích người khác. Đó là một pháp mà Đại Bồ-tát nên giữ gìn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát giữ gìn pháp này, tức là giữ gìn tất cả giới tạng của chư Phật Như Lai. Như các Bồ-tát đã tiếc thân mạng nên không giết hại ai. Người quý của cải thì không trộm cắp của ai. Người yêu thương vợ mình thì không làm tổn hại vợ người khác. Người trân trọng lời nói chân thật, thì sẽ không làm cuồng loạn người khác. Người thích sự hòa hợp thì không ly gián bất cứ ai. Người luôn ngay thẳng, thì không muốn sự quanh co. Người sống nhỏ nhẹ êm diệu, thì không thể thô bạo, ác độc. Người biết cách dè chừng, thì không sinh tham dục đối với người khác. Người thích lòng nhân từ khoan dung, thì không sân giận với ai. Người luôn nhận biết đúng đắn thì không dạy người khác hiểu biết sai lầm.

Này thiện nam! Như vậy Bồ-tát sẽ phát ý nói rằng: “Nay con kính thuận chánh giáo của Như Lai nên sẽ đem lòng siêng năng giữ gìn pháp

này". Đó gọi là, Đại Bồ-tát giữ gìn một pháp.

Này thiện nam! Ta thấy các Bồ-tát này, muốn cầu đại Bồ-đề vô thượng đều vì ham muốn Bồ-đề, chứ không phải vì khổ sở mà cầu!

Này thiện nam! Vì thế ta nói: "Những gì mình không muốn thì chớ khuyến khích người khác". Các pháp như vậy, Đại Bồ-tát nên giữ gìn.

Lúc đó, Bồ-tát Thắng Tư Duy lại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những pháp nào mà Như Lai có thể được chứng và rõ biết? Cúi xin vì con, trình bày nghĩa đó.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Không có một pháp nào để Như Lai giác ngộ, Như Lai chứng đắc. Vì sao? Vì trong các pháp, không có giác ngộ, không có chứng đắc. Đó chính là pháp Như Lai chứng đắc giác ngộ.

Này thiện nam! Tất cả các pháp Như Lai giác ngộ chứng đắc, vốn không có pháp. Tất cả các pháp Như Lai giác ngộ chứng đắc, vốn không có diệt. Tất cả các pháp Như Lai giác ngộ chứng đắc, tánh lìa hai bên. Tất cả các pháp Như Lai giác ngộ chứng đắc, vốn không thật có.

Lại nữa, này thiện nam! Tất cả các pháp đều từ sức tự nghiệp nhân duyên mà sinh khởi, nhưng nhân duyên đó trong từng niệm lại không trụ, giống như ánh sáng điện chớp. Nghiệp duyên Như Lai giác ngộ chứng đắc là như vậy. Thế nên ta nói, do nhân duyên, nên các pháp sinh khởi; do nhân duyên, nên các pháp diệt. Nếu lìa nhân duyên thì không có nghiệp báo. Như Lai rõ biết các việc như vậy.

Này thiện nam! Giác ngộ được tánh của các pháp như vậy, gọi là kho tàng phóng ánh sáng chiếu khắp tất cả.

Này thiện nam! Cớ gì pháp tánh gọi là tạng? Vì trí của các chúng sinh ở thế gian và xuất thế gian đều nương vào tạng này mà được sinh. Như dùng thật trí, quán pháp tánh ấy; trí nương vào đó mà sinh, cho nên gọi là tạng.

Lại nữa, này thiện nam! Ta cũng nói, tất cả các pháp đều như huyễn, như sóng nắng, như bóng trăng in nước. Những việc như vậy Như Lai đều giác ngộ chứng đắc.

Lại nữa, này thiện nam! Tánh tướng của các pháp, đều một vị giải thoát. Các việc như vậy Như Lai đều giác ngộ chứng đắc.

Này thiện nam! Pháp tánh một vị giải thoát như vậy, gọi là kho tàng phóng ánh sáng chiếu khắp tất cả.

Lại nữa, này thiện nam! Lại có một pháp, mà Như Lai giác ngộ chứng

đắc. Một pháp đó là những gì? Là các pháp không sinh, không mất, không thêm, không bớt, không đến, không đi, không lấy, không bỏ, không nhân, không duyên. Các pháp như vậy, Như Lai đã giác ngộ, chứng đắc.

Lại nữa, này thiện nam! Như Lai biết rõ: Tất cả các pháp, không có tự tánh, không thể thí dụ, không có chữ nghĩa để giảng nói. Như Lai giác ngộ chứng đắc pháp như vậy.

Này thiện nam! Các pháp như trên đã nói, đều là pháp, mà Như Lai đã giác ngộ chứng đắc.

Lúc Đức Phật nói về pháp "Kho tàng vô tự phóng ánh sáng chiếu khắp tất cả", có các Bồ-tát nhiều như số vi trần, được trụ vào Địa thứ mười. Lại còn có vô lượng các Bồ-tát trụ ở các Địa. Lại có vô lượng các Bồ-tát chứng đắc trăm ngàn các đại Tam-muội. Lại có vô lượng chúng sinh nhiều như số vi trần, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có vô lượng, vô biên chúng sinh chứng quả A-la-hán. Lại có vô lượng, vô biên chúng sinh, thoát khỏi mọi khổ não ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được sinh vào cõi trời, cõi người hưởng những an vui tốt đẹp. Các chúng trong hội đều không quên mất, không bỏ qua một người nào cả.

Lúc đó, Đức Phật bảo La-hầu-la:

–Này thiện nam! Pháp quan trọng của ta, ông nên nhận giữ gìn.

Đồng thời trong hội, có chín mươi ức Đại Bồ-tát, nghe lời này rồi, nương vào thần lực của Đức Phật, bạch với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện ở cõi Ta-bà, vào thời điểm cuối cùng, nếu có kẻ tự nguyện nhận lãnh làm pháp khí, vì chúng sinh ấy, con xin được nói rõ kinh này, cúi xin Thế Tôn chớ cho đó là hư dối.

Lúc đó, Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đời đương lai, nếu có thiện nam, thiện nữ nào, nhận gìn giữ kinh điển này, con sẽ ủng hộ và có mong cầu điều gì, cũng đều được mãn nguyện. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này có khả năng thọ trì kinh này thì đã là Pháp khí.

Thấy chín mươi ức các Bồ-tát và Tứ Thiên vương thưa thỉnh như vậy rồi, Đức Thế Tôn liền bảo:

–Này thiện nam! Ta đã nói pháp môn "Kho tàng vô tự phóng ánh sáng chiếu khắp tất cả". Từ khi ta thành Phật đến nay, chưa từng diễn nói; nay vì các ông mới diễn nói.

Này thiện nam! Đời vị lai, nếu các chúng sinh nào, được nghe pháp môn hiếm có này, thì nên biết người này, từ lâu, đã thành tựu được phước

tuệ vô lượng; nên biết, người này thực sự đã hầu hạ cúng dường ta; nên biết, người này gánh vác đại Bồ-đề của Phật; nên biết người này nhất định sẽ thành tựu biện tài; nên biết, người này nhất định sẽ được cõi Phật trong sạch; nên biết, người này khi sắp chết nhất định được thấy Đức Phật A-di-đà, Bồ-tát và đại chúng vây quanh; nên biết, người này cũng luôn thấy thân ta tại núi Linh thứu và thấy các chúng Bồ-tát; nên biết, người này đã được Pháp tạng không cùng; nên biết, người này được Trí túc mạng; nên biết, người này không đọa vào đường ác.

Lại nữa, này thiện nam! Nay ta nói pháp chưa từng có này; đời đương lai, nếu có thiện nam, thiện nữ nào, tạo năm tội nghịch lớn hễ nghe pháp môn này; hoặc ghi chép, đọc tụng, giải thích, trình bày; hoặc khuyến khích người khác ghi chép, đọc tụng, gìn giữ và giải thích, trình bày; thì ta cho rằng, người này không đọa đường ác; các tai ương bởi phiền não và nghiệp báo của người này đều sẽ được trong sạch; đương lai, người này sẽ được năm nhãn; người này nhất định được tất cả chư Phật cùng quán đảnh; người này được chư Phật Thế Tôn và các Bồ-tát nhớ bảo vệ; đương lai, người này dù sinh bất cứ chỗ nào, cũng đầy đủ các căn, không có khiếm khuyết.

Đức Phật nói kinh này xong, Đại Bồ-tát Thắng Tư Duy và các Tỳ-kheo, Trời, Rồng, tám Bộ chúng nghe Phật dạy, đều rất hoan hỷ, tin nhận thờ phụng tu hành.

-oOo-

SỐ 831

KINH BÁNG PHẬT

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi, người nước Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn đang trụ tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và tám mươi ngàn vị Bồ-tát.

Lúc đó, trong hội có Đại Bồ-tát tên là Ly Ưu Bi, đang ngồi trong đại hội, có Đại Bồ-tát Sư Tử Du Hý, Đại Bồ-tát Trí Quang Minh, Đại Bồ-tát Phạm Lôi Âm Hưởng Vân Thanh, Đại Bồ-tát Thiện Tác Công Đức Bảo Hoa Quang Minh, Đại Bồ-tát Sư Tử Du Bộ Vân Lôi Âm Thanh, Đại Bồ-tát Quang Minh Oai Đức Danh Văn, Đại Bồ-tát Vô Biên Trí Tụ Tư Duy Trang Nghiêm, Đại Bồ-tát Vô Biên Bảo Hoa Danh Xưng, Đại Bồ-tát Trí Tuệ Quang Minh Biện Tài Thuyết Ý; mười vị Đại Bồ-tát này đang ngồi trong đại hội, trải qua bảy năm siêng năng sáng suốt tu tập Đà-la-ni, nhưng chưa đạt được, đủ bảy năm rồi, liền sinh buồn rầu, tâm còn không định, huống nữa Đà-la-ni, mong cầu không đạt được nên tâm sinh mệt mỏi. Trong bảy năm, tách rời sự che lấp của ngu si, luôn luôn kinh hành, mong cầu Đà-la-ni, nhưng không thể đạt được; bèn bỏ giới, trở lại đời, lìa pháp Phật, làm việc thấp hèn; đối với giáo pháp của Phật, tâm sinh nghi hoặc. Các vị này có những lỗi lầm như vậy. Đồng thời trong hội cũng có vua A-xà-thế đang ngồi.

Đức Thế Tôn trước đã vì vua A-xà-thế biết ăn năn cắt đứt những ngờ vực. Vua A-xà-thế ăn năn cắt đứt sự ngờ vực rồi, tất cả lo buồn đều được giải thoát, trong bảy ngày đem tiền của ra mà ban phát cho người, bố thí trọn vẹn bảy ngày. Vì muốn nghe pháp, nên bảy ức chúng sinh đều đến chỗ Đức Phật, mười vị Bồ-tát thiện nam, đã mắc tội trong Phật pháp kia, cũng ngồi trong hội.

Lúc đó, trong hội có Đại Bồ-tát tên là Bất Úy Hạnh, được Đà-la-ni, trải qua a-tăng-kỳ kiếp thành tựu được pháp nhẫn, đạt Vô sinh nhẫn, đủ mọi

biện tài, có khả năng biết trí Nhất thiết trí, có khả năng nói các pháp môn, có khả năng biết sự tin hiểu sâu xa trong tâm của chúng sinh, để vì họ mà nói pháp.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Bất Úy Hạnh từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh áo qua một bên, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, hướng lên Đức Phật, thưa:

–Bạch Đại Đức! Mười thiện nam trong hội này, đã trải qua bảy năm, siêng năng sáng suốt tu hành Đà-la-ni, nhưng sở nguyện không thành, rồi xa lìa Phật pháp, làm người thế tục. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin dùng phương tiện giải thích, trình bày, để cho thiện nam này, mau chóng hiểu biết.

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Bất Úy Hạnh:

–Này thiện nam! Nên biết, mười thiện nam này chưa từng được nghe pháp môn chê bai Phật. Do thiện nam này chê bai Phật, cho nên, từ đó đến nay, chưa thể mau chóng được thông đạt.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Bất Úy Hạnh dùng kệ tụng, thưa hỏi Đức Như Lai:

Con thưa hỏi Thế Tôn
Pháp Vương sáng rạng ngời
Nếu tu hạnh Bồ-tát
Ác nghiệp làm sao sạch.
Gọi vô lượng thắng trí
Mười Lực, trí không chướng
Giải thoát không bàn chơi
Nói tịnh hạnh Bồ-tát.
Con hỏi Vô Lượng Trí
Con hỏi Đoạn Ý Ác
Con hỏi bậc Vô Tỷ
Sao gọi hạnh Bồ-tát.
Thoát khỏi mọi trói buộc
Lìa phiền não phá ma
Biết tâm ý chúng sinh
Xin nói hạnh Bồ-tát.
Mỉm cười như hoa nở
Có trí cắt đứt dục
Nói pháp đoạn hữu ý
Xin nói hạnh Bồ-tát.
Ban niềm vui vô lượng
Hạnh lành, công đức lành

Làm lợi ích an vui
Cho tất cả thế gian.
Trải qua vô lượng đời
Bỏ mọi vật yêu mến
Trăm thứ voi, ngựa báu
Cùng vô lượng vợ con.
Lấy nhẫn, tự điều phục
Thích giới hạnh công đức
Quyết định cần sáng suốt
Ý thường không lo buồn.
Dứt sạch trăm thứ khổ
Mãn nguyện việc mong cầu
Nguyện ứng như nói pháp
Cắt bỏ khổ chúng sinh.
Xin nói xa ba cấu
Làm sao xa điều xấu
Xin nói hạnh Bồ-tát
Điều Ngự, lợi chúng sinh.

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Bất Úy Hạnh:

–Này thiện nam! Mười Bồ-tát này vốn từng chê bai Đức Phật.

Bồ-tát Bất Úy Hạnh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chê bai Đức Phật?

Đức Phật bảo:

–Này Bất Úy Hạnh! Mười Bồ-tát này vào đời quá khứ, ở kiếp thứ ba mươi, có Đức Phật, hiệu là Quán Thế Tự Tại Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, ở thế giới Xuất diệm.

Này Bất Úy Hạnh! Mười thiện nam hôm nay ở trong hội này, sau khi Đức Quán Thế Tự Tại Như Lai nhập Niết-bàn đều sẽ làm trưởng giả giàu có, thuộc dòng họ lớn, xây dựng năm trăm ngôi chùa, trong mỗi ngôi chùa đủ cho một ngàn Tỳ-kheo. Lúc đó, có Pháp sư tên là Biện Tích, được Đà-la-ni, ngồi trên pháp tòa, nói pháp cho đại chúng, năm ngàn chư Phật đều cùng biện tài, tám vạn chư Thiên bảo vệ và cúng dường. Chỉ sau một thời nói pháp của Pháp sư Biện Tích, đã làm cho bảy vạn chúng sinh đều đạt được không thoái lui với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và một vạn chúng sinh đắc quả Tu-đà-hoàn.

Này thiện nam! Vào thời điểm đó có vua tên là Nguyệt Đắc, tự mình dẫn theo năm trăm thể nữ đến cúng dường cho Pháp sư Biện Tích. Vì kính

trọng pháp, nên vua cho trổi nhạc ca hát và rải các thứ hoa báu lên các Tỳ-kheo, xoa thân bằng hương chiên-đàn, đem năm trăm y tốt choàng lên các Tỳ-kheo ấy. Tất cả nhạc cụ đều được trổi lên hết lòng cúng dường trọn bảy ngày, cúng dường Pháp sư đúng như pháp đã dạy.

Trong lúc ấy, lại có con của trưởng giả, nói Tỳ-kheo ấy là bậc hủy phá giới sạch. Do nghiệp báo này cho nên chín mươi ngàn năm đọa vào địa ngục lớn. Trong năm trăm đời tuy sinh làm người, nhưng phải chịu thân không thể có con, sinh vào chỗ mọi rợ, sinh vào nhà xấu ác, sáu trăm đời sinh ra chịu mù tối, không lưỡi. Trong bảy trăm đời, tuy lại xuất gia, cầu Đa-la-ni, nhưng không đạt được. Vì sao? Bởi vì đời trước đã tạo ra các chướng ác nghiệp.

Này thiện nam! Ông phải biết pháp môn này cho thấu đáo. Nay ta đã nói, ông đã được nghe rồi. Nếu thấy Pháp sư thật sự có phá giới, thì cũng không nên nổi sân hận, cũng không nên nói, huống nữa chỉ tai nghe mà nói ra ư?

Này thiện nam! Nếu có người, móc mắt tất cả chúng sinh, thì tội đó rất lớn. Nếu lại có người, nhìn Pháp sư bằng tâm sân hận, thì ác nghiệp đó còn hơn người tạo nghiệp trên. Nếu có người, giết tất cả chúng sinh, thì tội đó rất nặng. Nhưng nếu có người, đối với Pháp sư, sinh tâm ác, dù chỉ thể hiện qua nét mặt trong khoảnh khắc, thì tội đó lớn hơn tội người trên rất nhiều; trong trăm phần không bằng một, trong ngàn phần cũng không bằng một, trong trăm ngàn phần, a-tăng-kỳ phần hoặc ca-la phần, số phần cũng không bằng một, thí dụ phần cho đến ưu-ba-ni-sa-đà phần cũng không bằng một. Vì sao? Vì nếu chế nhạo Pháp sư tức là chế nhạo Đức Phật.

Này thiện nam! Nếu có người, mong muốn được cúng dường Đức Phật, người ấy nên cúng dường Pháp sư. Nếu có người muốn cung cấp cho Đức Phật, người ấy nên cung cấp cho Pháp sư. Nếu có người mong muốn bái lạy Đức Phật, thì người ấy nên lễ bái Pháp sư. Vì sao? Vì từ nơi Bồ-tát sinh ra Nhất thiết trí, do từ Bồ-tát sinh chư Phật.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát phát tâm Bồ-đề? Bồ-tát đã phát tâm Bồ-đề rồi, không sống trong cái vui ham muốn, không nhiễm phiền não, không làm tất cả việc chẳng phải là phạm hạnh, nên biết như vậy. Như vậy là Bồ-tát đã nhập vào Vô sắc định không sinh vô sắc. Vì sao? Vì Bồ-tát không theo sức Tam-muội mà sinh; chỉ theo sức của nguyện mà sinh. Như vậy là Bồ-tát giải thoát mọi việc làm ngu si, không định đoạt của phàm phu. Nếu người nào, có khả năng thấy được hình thể hư không, thì người ấy có thể thấy được phiền não của Bồ-tát.

Này thiện nam! Ví như vua rồng A-na-bà-đạt-đa nắm giữ toàn bộ số rồng và hình tướng giống tất cả loại rồng khác. Rồng có ba điểm đặc biệt mà mọi loài đều cách xa.

1. Cát nóng không chôn được đầu của chúng.

2. Hành dục không như thân rắn.

3. Không sợ loài chim Ca-lâu-la.

Này thiện nam! Rồng có ba điểm đặc biệt này không thể nhiễm ô. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, có đầy đủ mọi thứ vui đùa, ở trong ba cõi, phiền não và ham muốn không thể che lấp, nên biết như thế.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như các loại chúng sinh sống trong nước, bắt cá, bơi lội trong nước, thấy vật liền lội vào mà không bị chết đuối.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, sống trong sinh tử, làm hạnh phàm phu, nhưng lại luôn cầu trí hạnh, tu tập chánh pháp, tâm không mê loạn; việc của phàm phu, không thể làm nhiễm ô, cái khổ của ba cõi, không thể nhiễu loạn. Thế nên, Đại Bồ-tát thường tự bảo vệ chính mình, chớ chê bai Pháp sư.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu muốn cúng dường Phật
Hay muốn lễ Như Lai
Nên cúng dường con Phật
Là đệ nhất cúng dường.
Ta nói đem y bát
Tọa cụ, chỗ kinh hành
Cúng dường các thứ ấy
Người phát tâm Bồ-đề.
Như thế cúng dường Phật
Như thế cúng dường Pháp
Phật lớn nhất thế gian
Đều từ Pháp mà sinh.
Là Bậc Trí độc tôn
Ban ánh sáng người mù
Người mê về nẻo chánh
Hướng đến chỗ bất tử.
Đem tất cả của báu
Cúng dường tất cả Phật
Tuy phụng cúng như vậy
Chưa báo được ân Phật.

Nếu từ nay trở đi
Thường cúng dường Pháp sư
Không chê bai nói xấu
Tức báo ân chư Phật.

Lúc đó, Đại Bồ-tát Bất Úy Hạnh bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có cách nào làm cho các ác nghiệp của Bồ-tát này được trong sạch không?

Đức Phật nói:

–Có. Này Bất Úy Hạnh! Có Đà-la-ni, nếu thiện nam này, lập chí xuất gia, chuyên tâm tụng Đà-la-ni, thì ác nghiệp sẽ được trong sạch:

"Đa điệt tha, a chế, a xa bà để, a na tỳ lệ, a thí lê sát, a ngật sử đế, a na do hệ, a hệ, a tỳ, a ly, a bà bà, đầu lâu đường nga ma, do đa nhã đa, nạp ba la phả bế, ni già địa, ưu già la hệ, hầu hầu mê, giá ba lệ, sa trì ma tế, tam ma đề, dư tri, na da ba ly thư, trì đế."

Này thiện nam! Mười vị thiện nam này, nếu có khả năng tụng câu Đà-la-ni này, trong bảy ngày, buông xả tất cả, không ăn món ăn tạp, tâm không tán loạn, không đắm vào các sắc, tâm không phân biệt, xả bỏ sự cao ngạo, tụng mãi không thôi, không làm bất cứ việc gì, không giao tiếp kẻ xấu, thực hành tâm bình đẳng, luôn làm việc lợi ích, tâm thường tu tập, năm ấm vô thường, nhưng không xả bỏ, thường tu niệm Phật. Nếu thực hành đúng như vậy, thì thấy được ngàn Đức Phật hiện trong mười phương.

Nghe Đức Phật dạy như thế, mười thiện nam đang ở trong hội này, liền xuất gia, chuyên tâm tụng câu Đà-la-ni này, trọn bảy ngày, sáng suốt tùy thuận giữ lấy, cũng thường tu tập niệm Phật Tam-muội, thấy ngàn Đức Phật, thành tâm sám hối, dứt sạch nghiệp chướng ác ấy, tức thời đạt được môn Nhất thiết trí tập Đà-la-ni, diệt trừ nghiệp sinh tử trong ba mươi kiếp, không thoái lui Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bất Úy Hạnh! Vua Nguyệt Đắc cúng dường Pháp sư thuở đó, nay chính là Vô Lượng Thọ Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Còn A-súc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, chính là Pháp sư Biện Tích thuở đó. Người chê bai Pháp sư Biện Tích thuở đó, nay chính là mười con của trưởng giả dòng họ lớn. Mười đồng tử, con của trưởng giả thuở đó nay chính là mười vị thiện nam đang ở trong hội này. Mười đồng tử này thuở đó, chê bai Pháp sư Biện Tích phạm tịnh giới.

Các thiện nam này theo các Bồ-tát, dù ở chùa nào, sống trong môi trường tốt xấu, cho đến mất thân mạng, nhân duyên hết, cũng không nói lỗi của các vị ấy. Vì sao? Này thiện nam! Vì Bồ-tát luôn đầy đủ bốn thứ pháp

trong sạch.

1. Tu hành vắng lặng.

2. Đối với tất cả chúng sinh không có tâm phá hoại.

3. Đối với các Bồ-tát thường cùng làm lợi ích.

4. Nói pháp không mong cầu lợi riêng cho đời sống chính mình.

Này thiện nam! Bốn pháp này, Đại Bồ-tát thanh tịnh pháp Bồ-đề.

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn làm sáng tỏ nghĩa trên, liền nói kệ:

Nếu hay tin hiểu: Không
Phật nói pháp đệ nhất
Hạnh trong sạch là vậy
Hạnh không có buông lung.
Không phá hoại chúng sinh
Không nói lời phá hoại
Người ấy được thành Phật
Ánh sáng chiếu thế gian.
Là đạo sáng thứ hai
Nghe rồi làm lợi ích
Nhịn nhục với chúng sinh
Chớ làm hạnh phá hoại.
Có pháp lành, không nhơ
Phát tâm Bồ-tát: Cho
Mà không cầu trả ân
Đạo Bồ-đề thứ ba.
Quyết định sinh Bi tâm
Nói pháp không cầu lợi
Lòng thương xót sâu xa
Đạo trí sáng thứ tư.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đà-la-ni, sống nơi vắng lặng, gần kề với pháp, mặc áo sạch đơn sơ, sống an vui một mình, trong bốn oai nghi, thường luôn suy nghĩ, đem đủ các món cúng dường Pháp sư, sinh lòng tin chân chánh, không biếng nhác, luôn siêng năng, tâm không quanh co, không lìa tâm nhớ nghĩ Phật, tâm không chỗ nắm bắt, khéo tu không tướng, thực hành như đã chỉ dạy, đem tâm tin hiểu, thỉnh Phật để sám hối, tùy hỷ hồi hướng, hạnh luôn chân chánh, không vượt oai nghi, thọ nhận giáo giới, nương tựa bậc cao cả tu hành tất cả, ở trong chánh pháp tu không mệt mỏi.

Lúc Đức Phật nói pháp này, có ba vạn chúng sinh, xưa nay chưa phát

tâm Bồ-đề, nhưng khi nghe pháp này rồi đều phát tâm Bồ-đề; có năm ngàn chúng sinh xa lìa được bụi dơ cõi trần, ở trong các pháp, đạt được mắt pháp trong sạch; có ba vạn Bồ-tát tất cả đều được Vô sinh pháp nhẫn.

Này thiện nam! Nếu các Đại Bồ-tát nghe được pháp môn này, thì được phước rất lớn. Nếu đem bảy báu khắp tam thiên đại thiên thế giới, trong mỗi ngày, cúng dường Tam bảo, cứ cúng như vậy, cho đến Hằng hà sa kiếp, nếu lại nghe được pháp môn này, thì phước này cao tột hơn. Nếu lại trải qua một ngàn kiếp, thực hành kinh "Năm Ba-la-mật", chỉ trừ Bát-nhã ba-la-mật, nếu có người nghe pháp môn này, thì phước cũng cao tột hơn.

Này thiện nam! Nếu lại có người, sớm chiều cúng dường ngàn Đức Phật, tôn trọng ca ngợi như ý mà cung cấp; nếu lại có người nghe pháp môn ấy, thì phước này vẫn cao hơn.

Như vậy, này thiện nam! Phải nên nhớ nghĩ, bảo vệ pháp môn như vậy, nay ta giao phó cho ông, vậy ông phải bảo vệ, nhận giữ, đọc tụng, giải thích, trình bày nghĩa ấy và ghi chép cho đến mất mạng, cũng phải nhớ nghĩ tùy thuận mà tu hành.

Đức Như Lai nói xong, Đại Bồ-tát Bất Úy Hạnh và các Bồ-tát khác, các Tỳ-kheo, tất cả chúng hội, cùng hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà đều rất vui mừng.

-oOo-

SỐ 832

KINH PHẬT NGỮ

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi, người nước Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại lầu Đại lâm, trong thành Tỳ-da-ly, cùng với tám ngàn vị đại Tỳ-kheo và tám vạn bốn ngàn vị Đại Bồ-tát; lại có cả các bậc đạt quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán nhiều vô lượng vây quanh, nghe Phật thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội có một vị Bồ-tát, tên là Long Oai Đức Thượng Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh y phục, bày vai bên phải, gối phải chấm đất, chắp tay hướng về Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trước đây Như Lai đã nói lời của Phật có đủ trong Tu-đa-la các kinh; lại có ý cho lời đó chẳng phải của Phật nói. Bạch Thế Tôn! Như vậy, có nghĩa là gì? Phải nhận giữ gìn như thế nào?

Đức Phật bảo Long Oai Đức Thượng Vương:

–Này thiện nam! Đúng như lời ông đã hỏi! Trong các kinh, ta có nói, lời của Phật và lời chẳng phải của Phật. Này thiện nam! Như vậy chẳng phải lời nói chính là lời của Phật. Này thiện nam! Ông khéo nhớ nghĩ việc này. Ta nay sẽ vì ông mà nói.

Khi đó, Bồ-tát Long Oai Đức Thượng Vương bạch Phật:

–Lành thay! Thưa Thế Tôn! Con rất vui muốn được nghe!

Phật nói:

–Này thiện nam! Nói chẳng phải nói tức là Phật nói. Này thiện nam! Lời của Phật nói chính là điều rất quan trọng đối với nghiệp của thân. Những điều ta nói ra, đều làm lợi ích cho thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Nó không có ngôn ngữ, không thể có sự diễn thuyết, cũng không có lời nói. Này thiện nam! Các ngôn ngữ thuộc về sắc đều chẳng phải là ngôn ngữ của Phật. Này Long Oai Đức Thượng Vương! Sắc chẳng phải là ngôn ngữ, cũng chẳng phải là ngôn ngữ của Phật. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là ngôn ngữ, cũng chẳng phải là ngôn ngữ của Phật. Này thiện

nam! Không ngôn ngữ sắc; không ngôn ngữ thọ, tưởng, hành, thức mới gọi là ngôn ngữ của Phật. Này thiện nam! Như vậy nếu có ngôn ngữ của thân, khẩu, ý nghiệp, thì không gọi là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu không có ngôn ngữ của thân, khẩu, ý nghiệp, mới gọi là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu nói đất, nước, lửa, gió và cõi hư không; tất cả đều có ngôn ngữ, thì đó không gọi là ngôn ngữ của Phật. Này thiện nam! Còn như nói không có ngôn ngữ của đất, nước, lửa, gió và cõi hư không thì mới gọi là ngôn ngữ của Phật. Này thiện nam! Nếu có ngôn ngữ của tham, sân, si thì không phải đó là ngôn ngữ của Phật. Này thiện nam! Còn như nói không có ngôn ngữ của tham, sân, si thì mới gọi là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu có ngôn ngữ của hữu lậu và vô lậu, thì không gọi là ngôn ngữ của Phật. Này thiện nam! Nếu chẳng có ngôn ngữ của hữu lậu hay vô lậu, thì đó mới là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu nói có chỗ mong cầu, lời nói như vậy chẳng phải Phật nói, bởi vì lời Phật nói không có chỗ mong cầu. Này thiện nam! Nếu nói có cao, thấp, nói như vậy mới gọi là Phật nói.

Này thiện nam! Nếu như có việc nói, chẳng có việc cũng nói thì không phải là Phật nói. Này thiện nam! Nếu có ngôn ngữ của phi sự, phi phi sự, thì mới gọi là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu ở trên pháp tự tánh thanh tịnh mà nói có sự chứng đắc, đó chẳng phải là Phật nói. Này thiện nam! Nếu chẳng phải ngôn ngữ tánh mình, chẳng phải ngôn ngữ tánh người, thì mới gọi là Phật nói.

Này thiện nam! Nếu nói có ngôn ngữ thật và ngôn ngữ chẳng thật, thì không phải là Phật nói. Này thiện nam! Nếu nói không có ngôn ngữ thật, không có ngôn ngữ chẳng thật, thì mới gọi là Phật nói.

Này thiện nam! Nếu có lời nói như thế này; đó là ngôn ngữ đã nói ra của kẻ phàm phu; đó là ngôn ngữ của Thánh nhân đã nói, thì không gọi đó là ngôn ngữ của Phật. Này thiện nam! Nếu không phải là ngôn ngữ phàm phu, không phải ngôn ngữ Thánh nhân, đó mới là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu có ngôn ngữ bên trong, bên ngoài và cả bên trong lẫn bên ngoài; thì không gọi là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu không có ngôn ngữ bên trong, bên ngoài, cả bên trong cả bên ngoài; thì mới gọi là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu đối với các pháp, mà có lời nói sắc là chỗ dựa; thọ, tưởng, hành, thức là chỗ dựa; thì đó không phải là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu đối với các pháp, mà nói không thể dựa vào sắc; không thể dựa vào thọ, tưởng, hành, thức; nói như vậy, mới gọi là Phật nói.

Này thiện nam! Nếu có ngôn ngữ ở một vùng, như là ngôn ngữ của ma vương, của dân ma, thì đó không phải là ngôn ngữ của Phật. Này thiện nam! Không có ngôn ngữ thuộc tất cả các xứ; mới gọi là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu có cảm giác phân biệt về sắc mà nói, cảm giác phân biệt về thọ, tưởng, hành, thức mà nói; thì không đó là ngôn ngữ của Phật. Này thiện nam! Nếu không do cảm giác phân biệt về sắc mà nói, không cảm giác phân biệt về thọ, tưởng, hành, thức mà nói, thì mới gọi là Phật nói.

Do vì nghĩa này, mà ma và dân ma không phá hoại được. Lại nữa, này thiện nam! Gọi là Bồ-tát thì đối với sắc là vô ngã, cũng không phân biệt chẳng phải là ngã sở; như vậy thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô ngã, cũng không phân biệt chẳng phải ngã sở. Như vậy, mới gọi là Bồ-tát.

Khi ấy, Bồ-tát Long Oai Đức Thượng Vương, đến trước Đức Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do nghĩa gì, mà có lời nói? Như thế nào là lời nói?

Phật nói:

–Này thiện nam! Đó là lệ thuộc ma Ba-tuần. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Bồ-tát đối với sắc, không sinh nhớ nghĩ là ta đang như vậy. Bồ-tát đối với thọ, tưởng, hành, thức, không sinh nhớ nghĩ là ta đang như vậy. Như vậy, Bồ-tát đối với tất cả xứ đều không có lời nói.

Này Long Oai Đức Thượng Vương và các thiện nam! Có một pháp môn cao tột hơn hết, dứt tất cả ngôn ngữ, cắt đứt tất cả chướng ngại, diệt trừ các ngã mạn, cắt đứt tất cả lưới nghi, xa lìa cái thấy hai bên, xa lìa tất cả tưởng. Đó chính là pháp môn không ngôn. Như thế nào là có lời nói cũng như không có ngôn ngữ? Ở đây chẳng phải ngôn ngữ, tức là ngôn ngữ của Phật. Này thiện nam! Do từ nghĩa này, mà biết đó là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Nếu như không có thân và không có hành động của thân; không có miệng và không có hành động của miệng; không có ý và không có hành động của ý. Không hành, không phải không hành; không chê bai, không phải là không chê bai; không sinh, không khởi, không tưởng, không nơi, không dừng, không mất, không yên lặng, không hành động; lời nói chân lý không động, lại chẳng phải không động, mà cũng không trụ, tự nhiên, không do duyên, nhưng cũng không phải không do nhân duyên. Này thiện nam! Đó là ngôn ngữ của Phật. Vì những điều đó không có khả năng

nói được, nên gọi là ngôn ngữ của Phật.

Này thiện nam! Bồ-tát nên học như vậy, chính là học ngôn ngữ Thượng thượng trí quang minh của Phật. Ngôn ngữ của Phật trong mát, làm mát khắp tất cả thân chúng sinh, khai ngộ tâm ý tất cả chúng sinh, khiến họ hướng đến trí tuệ của chư Phật mà nhận giữ gìn nghĩa pháp. Những Bồ-tát đó, làm vui khắp tất cả các chúng Bồ-tát, mở bày hiểu biết cho những kẻ còn mê, khiến họ khéo nhập vào pháp giới. Đó là những Bồ-tát, khéo quyết định hướng đến xe pháp, chuyển xe pháp, đánh trống pháp lớn, hàng phục các chúng ma, hàng phục oán thù, hàng phục tất cả các chúng ngoại đạo. Những vị đó, có thể cứu độ những người đi theo con đường ác, họ có thể trang nghiêm thế giới của chư Phật. Những vị đó, được tất cả chư Phật ca ngợi, chắc chắn sẽ ngồi đạo tràng. Bồ-tát như vậy đã ngồi đạo tràng, Bồ-tát như vậy đã đạt được các Đà-la-ni của Bồ-tát.

Khi Đức Phật nói pháp môn ngôn ngữ của Phật này, Bồ-tát Thánh Long Oai Đức Thượng Vương đạt được đầy đủ các pháp phần Bồ-đề, tức thời đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Hai vạn sáu ngàn vị Bồ-tát, đạt được Đà-la-ni và các Tam-muội. Tám ngàn Tỳ-kheo đạt được pháp vô lậu. Lại có tám vạn bốn ngàn chúng sinh, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả liền dùng thần lực của mình, mưa nhiều loại hoa để cúng dường Đức Thế Tôn.

Khi Đức Như Lai nói pháp môn này rồi, Bồ-tát Thánh Long Oai Đức Thượng Vương và đại chúng, cõi Trời, Người, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già tất cả đều nghe Phật nói, rồi đều rất vui mừng, tin tưởng, ghi nhận và thực hành.

-oOo-

SỐ 833

KINH ĐỆ NHẤT NGHĨA PHÁP THẮNG

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Bà-la-môn Cù-đàm Bát-nhã Lưu-chi.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, sau khi thành đạo chưa bao lâu, Đức Phật trú tại thành Già-da, cùng với các Tỳ-kheo tối thắng trong hàng tối thắng, với chín mươi chín ức các Bồ-tát, hai mươi tám ức chư Thiên, tám vạn sáu ngàn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc,Ưu-bà-di, sáu vạn lực sĩ, mười hai ức Ni-kiền-đà, tám vạn bốn ngàn Tiên nhân chứng năm thần thông, dùng năm lửa đốt thân, ốm yếu không còn chút thịt, chỉ còn da bọc xương, da bụng dính với xương sống đầu tóc bện thành mảng, lưng gù uốn khúc, mặc áo bằng da nai, hoặc áo bằng vỏ cây tay cầm bình rửa cùng đi đến chỗ Phật, vì muốn tranh luận.

Bấy giờ, ánh sáng tối thắng từ Đức Thế Tôn phát ra rất trang nghiêm rực rỡ, vượt hơn cả các vị tiên, như núi chúa Tu-di giữa núi Đen; như con voi chúa sáu ngà giữa đàn bò; như sự rực rỡ của mặt trời mặt trăng giữa loài đom đóm; như đôi cánh lộng lẫy của chim chúa Ca-lâu-la giữa bầy chim; như hoa Mạn-đà-la giữa các loài hoa thường. Cũng như vậy, Đức Phật trang nghiêm rực rỡ giữa các vị Tiên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập vào Tam-muội Xả báu, thị hiện vô lượng vô số thần thông, hai bên đều phóng vô lượng hào quang, hiện ra vô lượng ức thân Như Lai, vô lượng ức thân Bồ-tát, vô lượng ức thân Đế Thích, Thiên vương, Đại phạm Thiên vương tôn chủ của thế gian, lại hiện ra vô lượng trăm ngàn La-hán, lại hiện ra vô lượng muôn ngàn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, lại hiện ra vô lượng Chuyển luân thánh vương, Đại chuyển luân vương, Tiểu chuyển luân vương, người ở phía Nam. Người được chú thuật Tiên nhân, người thuộc vùng biên giới, hoặc giòng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ hàng trưởng giả, người và phi nhân đủ các loại hình sắc tốt đẹp khác nhau; tất cả đều có tên gọi cho đến cả chúng trời cũng đều từ nơi thân của Đức Như Lai hiện ra.

Bấy giờ, đại chúng đều sinh tâm lo ngại: "Làm thế nào để lần lượt

chiêm ngưỡng đây?". Trong đại chúng ấy, tất cả hàng Bồ-tát đều rất vui mừng, mưa rải các thứ báu, khắp tất cả đều trang nghiêm.

Khi ấy Đức Thế Tôn xuất khỏi Tam-muội Xả báu, như sư tử dũng mãnh nhanh nhẹn quán sát khắp mười phương, ngay khi ấy liền quán sát khắp cả mười phương, cho đến những cảnh giới được thấy bằng Phật nhãn, thấy tất cả chư Phật Thế Tôn trong thế giới chư Phật khắp mười phương, tất cả chư Phật ấy đều quán sát cõi Ta-bà như quán sát lòng bàn tay, tất cả chư Phật ấy đều thị hiện thần thông giống như Đức Thích-ca Mâu-ni đã thị hiện. Các hóa thân mà các Đức Như Lai kia hóa hiện ra hết thảy đều giống như vậy, tất cả đều đi đến nơi chúng hội của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn. Đến nơi, họ đều nhập vào chúng hội của Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, trong hội này có vô lượng Bồ-tát cùng với vô số chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đều đem vô số các vật dụng quý giá cúng dường, đến cúng dường Đức Thế Tôn, cúng dường xong, đứng qua một bên. Cũng như vậy, các vị Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, Người, chẳng phải người thấy các việc thần thông của Đức Thế Tôn, cũng đều đi đến chỗ Phật. Khi ấy, các Bồ-tát trong mười phương dùng vật cúng dường vô thượng đến cúng dường Đức Thế Tôn. Cúng dường xong, các Bồ-tát đi đến tòa ngồi mà an tọa; cứ như thế cho đến hàng người, chẳng phải người, lần lượt theo nhau đi về chỗ ngồi.

Hóa thân của Đức Thế Tôn biến hóa trên từ cung điện các trời ở cõi A-ca-ni-tra xuống dưới đến địa ngục A-tỳ, lại cả đến những nơi trong địa ngục A-tỳ. Các hóa thân của chư Phật trong mười phương hóa hiện ra, tất cả đều nhập vào hết thảy lỗ chân lông của Đức Thích-ca Mâu-ni. Tất cả các hóa thân của Đức Thích-ca Mâu-ni hóa hiện ở cõi này cũng đều nhập vào thân chư Phật trong mười phương.

Bấy giờ, trong chúng hội có một Đại Bồ-tát tên Thắng Âm, từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, gối phải sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, dùng kệ tán thán:

Hiếm thay! Chúa muôn loài
Thị hiện khắp thế gian
Xưa nay chưa từng có
Quân ma đều lẩn trốn.
Nhìn nhau, lần lượt nói:
Việc này rất hy hữu
Ta vì sao đến đây

Để khiến cho tan hoại
Chư Tiên chẳng phải Tiên
Thân gầy da bọc xương
Già yếu không vui vẻ
Không chứng thần thông này.
Bậc thần thông không lường
Trừ chướng ngại pháp Phật
Đệ tử Phật vui mừng
Tôn làm chủ pháp Phật.
Chúng sinh tưởng hy hữu
Tâm thanh tịnh hoan hỷ,
Chúng cõi trời đều nói:
Nguyện được Phật làm chủ.
Ở trong hội chúng này
Đức Văn-thù hướng dẫn
Vô lượng đệ tử Phật
Theo nhau đến hội này.
Văn-thù-sư-lợi đây
Đã từng cúng dường Phật
Phật trong đại chúng này
Thị hiện đủ thần thông.
Đây là tướng pháp gì?
Đức Phật muốn làm gì?
Trong chúng có nghi ngờ
Xin nguyện Phật giảng rõ.

Bấy giờ, Đức Phật Như Lai dùng năng lực oai thần, khiến cho trong chúng hội có Đại tiên tên Quang Minh Cự nói với Bồ-tát Thắng Âm:

–Đồng tử hãy im lặng! Đồng tử hãy im lặng! Hôm nay tôi muốn thưa hỏi, nếu người nào có thể giải thích một cách rõ ràng, thì rất tương xứng với danh hiệu Nhất Thiết Trí. Hoặc trời Na-la-diên, trời Ma-hê-thủ-la được tạo ra bởi mật chú Đà-tỳ-la huyễn hóa, những nhà làm trò huyễn hóa như vậy chẳng có gì đặc biệt cả, trò huyễn hóa phàm con người đều có thể làm được không hẳn là Đức Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn mỉm cười, nhìn khắp các vị Tiên xong, liền bảo với Đại tiên Quang Minh Cự:

–Này Tuệ mạng Đại tiên! Ông hãy nên thưa hỏi, tùy theo năng lực của ông, ta có thể giải thích rõ ràng cho ông.

Khi ấy, Đại tiên Quang Minh Cự thưa:

–Tôi xin hỏi Cù-đàm! Cù-đàm giảng thuyết rõ ràng cho tôi: Tất cả chúng sinh từ đâu sinh ra? Sao gọi là chúng sinh? Vì nhân duyên gì mà có kiếp thiêu tận diệt? Chúng sinh ở quá khứ do hòa hợp ở nơi nào mà sinh ra trong loài người? Dựa vào tướng nào biết được những vi tế bên trong thân chúng sinh? Ngã bằng một khuỷu tay, bằng hai khuỷu tay, bằng hai ngón tay, bằng một ngón tay, bằng hạt lúa mạch lớn, bằng hạt lúa mạch nhỏ, bằng hạt đậu, bằng hạt mè hay bằng hạt cải?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Đại tiên Quang Minh Cự:

–Lành thay, lành thay! Này Đại tiên! Ông đã sống qua sáu mươi kiếp tuổi và luôn luôn tu hành, hôm nay ông có thể đem những điều như vậy để hỏi.

Trong chúng Tiên nhân lại có một Đại tiên tự suy nghĩ: "Mình thường hành đạo trong rừng mà sao không biết không thấy đại tiên Quang Minh Cự này sống ngần ấy tuổi, cũng chưa có người nào nói cả, tại sao Sa-môn Cù-đàm biết được?"

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Đại tiên Quang Minh Cự:

–Đại tiên hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, hôm nay ta sẽ trả lời câu hỏi của ông: "Tất cả chúng sinh từ đâu sinh ra?" Ý nghĩa này không thể dùng văn tự, cũng không thể thuyết giảng được. Nhân duyên từ vô minh cho đến sinh, già, chết mà sinh ra chúng sinh. Lại nữa, này Đại tiên! Từ nhân duyên mà sinh ra chúng sinh, nghĩa là cha mẹ là nhân duyên sinh ra chúng sinh. Lại nữa, này Đại tiên! Cha mẹ hòa hợp là nhân của chúng sinh, nghĩa là trải qua kiếp khởi, cơn gió hành nghiệp được thổi theo vào nữ căn, đây là nhân duyên. Lại nữa, này đại tiên! Nghĩa là bị thâu nhiếp vào bốn Đế: Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế và Khổ diệt đạo đế, nên gọi là chúng sinh, lại bị chi phối của năm thủ ấm, mười tám giới, gọi là chúng sinh. Đại tiên nên biết! Bốn đế, năm ấm, mười tám giới tức là chúng sinh, không khác hành nghiệp, người có hành nghiệp như vậy thì không khác chúng sinh. Đại tiên nên biết! Chúng sinh không giảm cũng không tăng.

Bấy giờ Đại tiên hỏi:

–Này Cù-đàm! Nếu chúng sinh không giảm không tăng thì chúng sinh ấy như thế nào? Hàng trời, người được tự tại, sau đó bị câu thúc, có trở lại làm trời, người được tự tại không?

Đức Phật bảo Đại tiên:

–Ý nghĩa của ông nêu ra không đúng như vậy. Nếu được tự tại thì không còn lệ thuộc người khác. Như vậy, này Đại tiên! Nếu thân được tự

tại thì vì sao sau đó không được tự tại nữa? Này Đại tiên! Cũng ví như con đom đóm khởi lên ý niệm: "Ánh sáng của ta có khả năng chiếu khắp tất cả cõi Diêm-phù-đề", nhưng thực tế ánh sáng của đom đóm kia không đủ nhân duyên để có thể chiếu sáng khắp cõi Diêm-phù-đề. Như vậy, tất cả những ai không điều phục chế ngự được tâm thì không thực sự tự tại. Lại nữa, này Đại tiên! Nếu người tự tại, phiền não diệt, ít bị câu thúc. Còn phiền não, nhiều sự câu thúc mà tự tại thì không phải tự tại cũng là tự tại. Đó là tự tại cũng không phải tự tại. Nếu lệ thuộc vào sự câu thúc, tự tại thì cũng như phiền não đều bình đẳng, đó là chúng sinh không tăng không giảm.

Đại tiên nói:

–Này Cù-đàm! Lẽ nào không đoạn trừ được phiền não chăng?

Đức Phật bảo Đại tiên:

–Phiền não không bao giờ dứt, ta hiểu rõ phiền não nên chẳng phải đoạn trừ phiền não.

Đại tiên nói:

–Nếu như vậy thì Cù-đàm đã được tự tại.

Đức Phật bảo với Đại tiên:

–Đúng vậy, đúng vậy! Do biết rõ phiền não không thật có nên ta được tự tại.

Đại tiên nói:

–Này Cù-đàm! Như lời nói vừa rồi của Cù-đàm, nếu cha mẹ hòa hợp sẽ sinh ra chúng sinh, có nhiều chúng sinh thì có nhiều tướng hòa hợp, nhưng có nhiều sự thọ nhận dục lạc mà ít sinh ra chúng sinh, nghĩa này là thế nào?

Đức Phật bảo với Đại tiên:

–Hôm nay ta dùng ví dụ để hỏi ông. Ví dụ như một hạt giống thì mọc lên một cây, một hạt giống, một cây sinh ra vô lượng quả. Trong vô lượng quả ấy, có quả trở lại làm giống, có quả không làm được, vì sao như vậy?

Đại tiên nói:

–Thưa Cù-đàm! Vì sức mạnh của gió thổi tan mất mầm hạt của cây.

Đức Phật bảo Đại tiên:

–Quả chúng sinh cũng như vậy, bị gió nghiệp thổi tan mất. Đại tiên nên biết! Có chúng sinh ở trong thai tạng bị trùng ăn mất, lại có chúng sinh bị gió nghiệp thổi làm tan rã. Đại tiên nên biết! Loài ấy ít có chướng ngại, nhưng chúng sinh thì rất nhiều chướng ngại. Lại nữa, này đại tiên! Cảnh giới của chúng sinh từ sự phân biệt mà sinh ra. Đại tiên nên biết! Cảnh giới

của chúng sinh do tâm và tâm sở xứ vận hành chuyển biến khắp nơi đều có nhân duyên. Nghĩa này đã nói xong, này Đại tiên! Như vậy là cảnh giới của chúng sinh từ sự phân biệt mà sinh ra.

Nghe xong điều này, Đại tiên liền nói:

–Này Cù-đàm! Đúng vậy, đúng vậy! Cù-đàm đã làm rõ được nghi vấn thứ nhất cho tôi. Lại nữa, này Cù-đàm! Xin giảng thuyết lại ý nghĩa kiếp thiêu như thế nào?

Đức Phật bảo Đại tiên:

–Do vô thường cho nên ta nói về kiếp thiêu của pháp giới như vậy. Đại tiên nên biết! Nếu như pháp giới kiếp thiêu có hai loại đó là có hữu thường cũng có vô thường, nếu người nói như vậy thì tất cả các Đức Như Lai đều nói không chân thật. Lại nữa, này Đại tiên! Nếu tất cả pháp đều vô thường, biến đổi không dừng, thì Như Lai được gọi là Bậc Nhất Thiết Trí.

Khi ấy Đại tiên vì Đức Phật mà nói:

–Tên gọi này mới thực sự thích hợp với danh hiệu của Bậc Nhất Thiết Trí.

Đức Phật bảo Đại tiên:

–Giả sử Đức Như Lai không nói ra kiếp thiêu, thì tất cả chúng sinh không biết rõ thời tiết, không nhận biết tên gọi của kiếp số, không hiểu rõ thời nào loạn lạc, thời nào là bình yên. Đại tiên nên biết! Giả sử Như Lai không nói ra kiếp thiêu thì con người không thể biết quả báo khác nhau giữa thiện nghiệp và bất thiện nghiệp. Lại nữa, này Đại tiên! Nên biết đây là Như Lai phương tiện nói ra kiếp thiêu tận diệt này, những chúng sinh nào tin tưởng có kiếp thiêu tận diệt lo sợ bị thiêu đốt đều phải giữ gìn phước đức, tin vào Đức Như Lai.

Lại nữa, này Đại tiên! Ví dụ như có con trăn gọi là Tiên hô, mắt của con trăn ấy có khả năng thở ra, tai mũi miệng cũng có khả năng thở ra. Cũng vậy, này đại tiên! Như Lai có khả năng dùng bốn nhiếp pháp: Bố thí, ái ngữ, lợi ích và đồng sự.

Lại nữa, này Đại tiên! Ví dụ như có người đặt vàng vào lửa, chẳng phải vì ghét giận vàng mà đem bỏ nó vào lửa, chỉ vì muốn làm cho nó hoàn hảo hơn, thành vật báu tương ứng, nếu vật báu tương ứng thì rất quý giá. Đại tiên nên biết! Đó là lý do đem vàng làm cho thuần thục sáng suốt hơn. Cũng vậy, này Đại tiên! Chư Phật Như Lai cũng phải có nhân duyên để nói ra kiếp thiêu, chẳng phải có chúng sinh nào bị kiếp hỏa thiêu cả.

Bấy giờ Đại tiên Quang Minh Cự nói:

–Thật hy hữu thay! Đức Thế Tôn đặt ra kiếp hỏa thiêu nhưng không có chúng sinh nào bị kiếp hỏa thiêu. Lại nữa, này Đại tiên! Ví như khắp mười phương mưa xuống những hạt mưa rất nhỏ, số lượng các Đức Như Lai lại nhiều hơn số lượng hạt mưa ấy, có số Bồ-tát ở địa thứ mười cũng lại nhiều như vậy, đều an trú cõi ấy xong, đều dùng tay mình cứu vớt chúng sinh, làm cho chúng sinh được giải thoát. Này Đại tiên! Chúng sinh thấy sắc thân trang nghiêm của chư Như Lai và chư vị Bồ-tát, thấy như vậy xong liền thấy kiếp tận diệt, lửa lớn thiêu đốt, thấy tự mình được thoát ra, tâm vui mừng, phát lòng thanh tịnh, thệ nguyện như vầy: "Ta cũng cứu độ chúng sinh như vậy. Ta cũng được sắc thân trang nghiêm như vậy. Ta cũng có thân màu vàng ròng như vậy". Nếu chúng sinh nào phát nguyện với tâm như vậy, thì khi được giải thoát, lập tức chứng quả A-la-hán. Vì thấy có kiếp thiêu, nên tâm sinh nhàm chán, hoặc có người chứng quả Tu đà hoàn, hoặc có người chứng quả Tư-đà-hàm, hoặc có người chứng quả A-na-hàm, hoặc có người chứng quả A-la-hán hoặc có người chứng quả Duyên giác, hoặc có người chứng Pháp nhẫn vô sinh, hoặc có người chứng địa không thoái chuyển, hoặc có người sinh vào cõi bốn vua trời, hoặc có người sinh vào cõi trời Tam thập tam, hoặc có người sinh cõi trời Dạ ma, hoặc có người sinh vào cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc có người sinh vào cõi trời Hóa lạc, hoặc có người sinh vào cõi trời Tha hóa tự tại, hoặc có người sinh vào cõi Phạm thiên, Phạm phụ, Phạm chúng, lần lượt như vậy, cho đến người sinh vào cõi trời Sắc cứu cánh, hoặc có người được làm Chuyển luân thánh vương, Đại chuyển luân vương, Thiên chúc tiểu vương, Đại tiên, cho đến hoặc vào dòng Sát-đế-lợi, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trưởng giả. Đại tiên nên biết! Dùng những phương tiện này khiến cho thấy được tướng sắc thân của Như Lai, khi thấy rồi sinh lòng sợ hãi, muốn được giải thoát. Biết rõ ân đức của Như Lai để báo đáp ân đức ấy, thân cận với các Đức Như Lai để lãnh hội pháp chân chánh, đã lãnh hội pháp rồi thì như hội pháp mà tu tập, không nên phóng túng. Dùng phương tiện như vậy khiến cho chúng sinh không sa vào đường ác. Lại nữa, này Đại tiên! Cho đến có bao nhiêu số Bồ-tát ở Địa thứ mười, những địa giới mà cảnh giới mắt các vị ấy thấy được là còn hơn cả cảnh giới chúng sinh ở cõi này, chúng sinh cõi ấy thấy lỗi sinh tử nên tất cả đều muốn nhập vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Đại tiên nên biết! Do nhân duyên này mà nói ra kiếp thiêu tận diệt.

Bấy giờ, Đại tiên Quang Minh Cự liền suy nghĩ: "Đức Thích-ca Mâu-ni này đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, là Bậc Tối Thắng đệ nhất trong các bậc Đại nhân, Ngài không gọi tên tự của mình ra mà gọi ta là Đại tiên, mình muốn thử thử xem có đúng là Nhất Thiết Trí hay chẳng phải là Nhất Thiết

Trí? Nhưng hôm nay ta thật sự biết rõ chính là Bậc Nhất Thiết Trí, từ nay ta phải nên gọi danh hiệu đích thực của Ngài.”

Khi Đại tiên Quang Minh Cự suy nghĩ xong liền bạch với Đức Phật:

–Kính bạch Bậc Trí Tuệ vô lượng tích chứa công đức lớn! Bậc Nhất Thiết Trí, lại vì con mà thuyết giảng rõ những chúng sinh kia từ nơi nào hòa hợp?

Đức Phật bảo Đại tiên:

–Ông nên biết chúng sinh không có nơi chốn hòa hợp, nên biết chúng sinh từ bình đẳng hòa hợp, gọi đó là hòa hợp, nên biết chúng sinh từ Nhất thừa hòa hợp, gọi đó là hòa hợp, tất cả đều là Bồ-tát hòa hợp, nghĩa là nơi cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Đại tiên nên biết! Như vậy chúng sinh không có nơi chốn hòa hợp. Đại tiên nên biết! Ví như bao nhiêu sông lớn, sông nhỏ chảy vào biển cả đều cùng một vị mặn. Cũng vậy, này Đại tiên! Cảnh giới chúng sinh mà các lậu đã diệt hết, điều chung một vị giải thoát, tất cả Bồ-tát bình đẳng hòa hợp.

Lại nữa, này Đại tiên! Nếu chúng sinh ở trong biển sinh tử mà hòa hợp, thì ta gọi sự hòa hợp ấy chẳng phải là hòa hợp. Lại nữa, này Đại tiên! Ví như loài sâu bướm gió thổi thì hòa hợp, gió tàn cũng chia lìa. Như vậy, này Đại tiên! Cảnh giới của chúng sinh vì nghiệp lực trói buộc, đắp đổi nhau nên thực hành những hành nghiệp địa ngục, sinh trong địa ngục, hòa hợp trong địa ngục. Đại tiên nên biết! Chúng sinh vì nghiệp lực trói buộc đắp đổi nhau nên thực hành các hành nghiệp ngạ quỷ, sinh vào loài ngạ quỷ, hòa hợp ngạ quỷ, hoặc thực hành hành nghiệp súc sinh, hoặc thực hành hành nghiệp của trời người thì sinh vào cõi trời, người hòa hợp với trời người.

Đại tiên lại thưa:

–Thưa Bậc Nhất Thiết Trí! Bậc tự tại tất cả, bậc thích ứng với sự cúng dường của thế gian xin thuyết giảng cho con rõ: Làm thế nào để biết được chúng sinh thuộc loại gì được sinh trong loài người này? Hòa hợp nơi nào mà sinh đến đây?

Đức Phật bảo Đại tiên:

–Nếu có chúng sinh ở trong địa ngục do hòa hợp mà sinh ra trong loài người. Khi gặp gỡ nhau thì sinh tâm xấu ác, những chúng sinh này ghét nhau lại thường gặp gỡ nhau, hoặc bị đau đầu, hoặc phóng đại tiện, hoặc mất tiểu tiện. Đại tiên nên biết! Đây là chúng sinh hòa hợp trong địa ngục mà sinh ra trong loài người, trong loài người nếu có tướng trạng như vậy thì nên biết đó là do hòa hợp trong địa ngục mà sinh đến.

Đại tiên lại thưa:

–Kính bạch Bậc Nhất Thiết Trí! Ánh sáng của thế giới, giảng thuyết cho con rõ: Làm thế nào để biết được những người do trong loài súc sinh hòa hợp rồi sinh ra? Lại có tướng trạng như thế nào?

Đức Phật bảo Đại tiên:

–Nếu người nào thân trước ở trong loài súc sinh, hòa hợp mà sinh trong loài người, khi gặp gỡ nhau thì sinh tâm giận dữ, lại tìm cầu lỗi lầm sai xót, thường muốn dò xét, muốn làm não hại nhau. Đại tiên nên biết! Đây là tướng trạng của chúng sinh ở trong loài súc sinh hòa hợp đến sinh trong loài người. Nếu trong loài người có tướng như vậy, thì nên biết đó là trong loài súc sinh hòa hợp mà sinh đến. Lại nữa, này Đại tiên! Nếu người mà thân trước ở trong ngạ quỷ hòa hợp mà sinh đến trong loài người thì người ấy ưa thích ngửi mùi hôi, tánh ham ăn uống, keo kiệt không bố thí. Người ở trong loài ngạ quỷ sinh đến, thì thấy người khác giàu có liền sinh tâm ganh ghét, mong muốn vật của người khác. Đại tiên nên biết! Đây là tướng trạng của chúng sinh trong loài ngạ quỷ hòa hợp mà sinh ra trong loài người. Trong loài người, nếu có tướng trạng như vậy, tức là chúng sinh trong loài ngạ quỷ hòa hợp mà sinh đến, nên biết như vậy.

Lại nữa, này Đại tiên! Nếu người nào thân trước ở trong loài người nhưng khác nơi chốn, hòa hợp lại sinh trong loài người, những người này gặp gỡ nhau thì sinh tâm ái nhiễm. Nếu trong loài người có tướng trạng như vậy, thì nên biết đó là vốn từ trong loài người hòa hợp mà sinh đến:

Đại tiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu trời hòa hợp trở lại sinh trong loài người, tướng trạng ấy như thế nào? Làm sao biết được?

Đức Phật bảo Đại tiên:

–Nếu có người thân trước ở trong loài trời hòa hợp sinh xuống loài người, mỗi khi gặp gỡ nhau, ưa thích nhìn nhau không rời. Trong loài người, nếu có người có tướng như vậy thì nên biết người ấy vốn ở trong loài trời hòa hợp mà sinh đến. Đại tiên nên biết! Đó là tướng nhân duyên hòa hợp của chúng sinh.

Khi nghe Đức Phật dạy xong, Đại tiên Quang Minh Cự sinh tâm vui mừng bạch với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người không mong cầu Nhất thiết trí, những chúng sinh như vậy, thì mọi tạo tác đều rỗng không, không có kết quả.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại tiên:

–Như ông đã hỏi, cái ngã vi tế bên trong thân của chúng sinh, ông nên lắng nghe, nếu có phân biệt được chúng sinh, thì phân biệt cái ngã vi tế của chúng sinh ấy. Đại tiên nên biết! Ví dụ như có người sinh ra bị mù, không thấy được. Có người đến hỏi: "Thế nào là màu trắng?" Ý ông thế nào? Người mù kia chưa từng thấy màu sắc, thì có thể nói ra một loại màu như thế được không?

Đại tiên đáp:

–Không thể nói được.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Đại tiên! Người mù kia chưa từng thấy màu sắc thì không thể diễn tả được. Cũng vậy, nếu không thấy ngã vi tế bên trong của chúng sinh, thì không thể nói được.

Lại nữa, này Đại tiên! Mắt cũng chẳng phải là chúng sinh. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chẳng được gọi là chúng sinh. Lại nữa, này Đại tiên! Chẳng phải năm năm uẩn được gọi là chúng sinh cũng chẳng phải mười tám giới, mười hai xứ mười hai nhân duyên được gọi là chúng sinh. Lại nữa, cũng chẳng phải nội không, ngoại không, chẳng phải nội ngoại không mà được gọi là chúng sinh.

Đại tiên nên biết! Đối với mắt, mỗi niệm không trụ, biến đổi không dừng. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều ngay trong mỗi niệm không trụ, biến đổi không dừng. Này Đại tiên! Năm uẩn cũng như vậy, một niệm không trụ, biến đổi không dừng. Này Đại tiên! Ba mươi sáu vật bất tịnh của thân cũng đều một niệm không trụ, biến đổi không dừng, cho nên tất cả những thứ trong thân đều không được gọi là chúng sinh.

Lại nữa, này Đại tiên! Vật chất thuộc về sắc hòa hợp với mạng căn gọi là chúng sinh. Nếu đem thân để suy lường, phân tích, quán sát rõ ràng, thì thân này không có được chút mạng sống nào, không có người được nuôi dưỡng, cũng không có người trưởng thành. Đại tiên nên biết! Nếu có chúng sinh, thì Như Lai không giảng thuyết bốn pháp Thánh đế; vì không chúng sinh, nên Như Lai mới giảng như vậy. Nếu người không hiểu rõ pháp thì chấp thủ trong sự hòa hợp và chấp thủ theo tâm.

Bấy giờ, Đại tiên Quang Minh Cự thưa:

–Bạch Thế Tôn! Quang Minh Cự con kể từ hôm nay mong cầu Nhất thiết trí! Bạch Thế Tôn! Nếu lấy một đại kiếp làm một ngày đêm, ba mươi ngày như vậy là một tháng, mười hai tháng như vậy làm một năm, với số năm như vậy làm một kiếp. Bạch Thế Tôn! Con thà trải qua vô số, vô biên kiếp như vậy thường ở trong hầm lửa của núi Tu-di-lâu cao lớn đến tận

cõi trời Sắc cứu cánh, con thà trải qua vô số vô biên kiếp như vậy ở trên ngọn núi ấy, mỗi niệm, mỗi niệm tự gieo mình xuống đất. Cũng như kiếp hỏa thiêu, năm chỗ đều thiêu đốt, con thà ở trong vô số kiếp như vậy thường dùng năm thứ lửa tự thiêu đốt mình. Bạch Thế Tôn! Con thà chịu nhận những thống khổ như vậy, chứ không bao giờ xả bỏ Nhất thiết trí, mong cầu nhân duyên Nhất thiết trí, đối với con, tinh tấn không bao giờ dừng nghỉ.

Bấy giờ, các vị Tiên nhân chứng năm thần thông đang ngồi gần Đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Thế Tôn:

–Chúng con ngày hôm nay muốn cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bằng năng lực của mình để phát tâm chuyên cần tinh tấn.

Bấy giờ, khi các vị Tiên nói lời ấy xong, từ giữa chặn mày, Đức Thế Tôn phóng ra hào quang Tỳ-ni-bà-đế, hào quang này chiếu khắp mười phương. Từ giữa chặn mày của tất cả chư Phật trong mười phương cũng đều phóng ra hào quang như vậy nhờ năng lực của hào quang của Tỳ-ni-bà-đế khiến cho cả đại địa chấn động sáu cách nghĩa là chấn, chấn đều; động, động đều; nổi, nổi đều, phía Tây cao, phía Đông thấp; phía Nam cao, phía Bắc thấp. Chư Phật Như Lai trong mười phương dùng mưa hoa rải lên trên chúng hội của Đức Phật này; trống trời trổi âm thanh vị diệu rất khả ái, vua Càn-thát-bà trổi năm loại nhạc để cúng dường tán thán Đức Như Lai Thế Tôn, gió thổi hương trời để xông lên Như Lai, các Bồ-tát vui mừng dùng các chuỗi anh lạc phóng vào hư không ở trên Đức Như Lai, lại dùng hương, hoa, hương đốt, hương xoa, vòng hoa đẹp, đủ các hương thơm, đủ các loại vải đẹp, cờ, lọng, tràng phan để cúng dường Đức Như Lai. Các vị trời rất vui mừng, từ trên hư không, mưa xuống hoa Mạn-đà-la, hoa Đại-mạn-đà-la tất cả chúng sinh tâm vui mừng, dùng y phục tốt đẹp đang mặc của mình để cúng dường Như Lai.

Bấy giờ, hào quang Tỳ-ni-bà-đế của Đức Thích-ca Như Lai chiếu khắp trên đến cung điện các vị trời cõi Sắc cứu cánh, xuống đến tận địa ngục A-tỳ, chiếu sáng như vậy rồi nhiễu quanh chư Phật Thế Tôn khắp mười phương, rồi sau đó trở lại nhập vào đỉnh đầu của Đức Thế Tôn.

Khi ấy, Tuệ mạng Tu-bồ-đề dùng kệ vi diệu thỉnh Đức Như Lai:

Mặt trời Đức Thích-ca
Ánh sáng chiếu mười phương
Tất cả phải có nhân duyên
Nguyện xin giảng cho con.
Thấy vị chúa dũng mãnh

Mọi người đều sinh nghi
Cũng có ý vui mừng
Tâm thanh tịnh hy vọng.
Hoặc có người chắp tay,
Hoặc nói lời lành thay,
Xin Như Lai thuyết giảng,
Trừ nghi cho chúng sinh.
Vua Đế Thích trong không,
Phạm vương, chủ thế giới,
Đều phát tâm vui mừng,
Tán thán công đức thật.
Chư Thiên trong hư không,
Mưa xuống các hoa báu,
Trổi nhiều thứ âm nhạc,
Không đánh, tự nhiên vang.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với Tuệ Mạng Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Ông có thấy Đại tiên Quang Minh Cự không? Này Tu-bồ-đề! Vị tiên này trong đời vị lai, ở thế giới Nguyệt quang sẽ được thành Phật, hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Trong hiền kiếp này có một ngàn Đức Như Lai, thì vị ấy ra đời cuối cùng. Này Tu-bồ-đề! Nếu có chúng sinh nào nghe được danh hiệu của Đức Tỳ-bà-thi Như Lai đều nương nhờ vào oai lực của Đức Phật này, như ngọc như ý muốn gì cũng được. Này Tu-bồ-đề! Tám vạn bốn ngàn Đại tiên nghe xong pháp môn này đều chứng quả vị không thoái chuyển. Này Tu-bồ-đề! Tất cả các vị trong pháp hội của Đức Phật Di-lặc sẽ chứng đến địa thứ mười của Bồ-tát. Sau ba trăm kiếp, sinh vào thế giới của Đức Phật Tự Đăng Minh Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Này Tu-bồ-đề! Vô lượng Bồ-tát nghe pháp môn này, lập tức đều chứng Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Âm thanh trí, Tam-muội Thọ thắng vị, Tam-muội Như huyễn, Tam-muội Giới thắng, Tam-muội Tuệ vương, Tam-muội Hảo tạng, Tam-muội Địa tạng, Tam-muội Hư không tạng, Tam-muội Đắc quang minh. Này Tu-bồ-đề! Có vô lượng vô số ức chư Thiên đều chứng quả vị Pháp nhẫn vô sinh, vô lượng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chứng quả A-la-hán. Này Tu-bồ-đề! Có vô lượng vô số chúng Trời, Người, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người chẳng phải người… đều phát tâm vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Đây là nhân duyên mà Đức Như Lai phóng hào quang Tỳ-ni-bà-đế chiếu khắp tất cả.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười xuất ra tướng lưỡi che khắp cả mặt. Từ trong tướng lưỡi phát ra vô số các loại sắc màu, nghĩa là màu xanh, vàng, đỏ, trắng, tím, màu pha lê chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới, sau đó trở lại nhập vào chân của Đức Thế Tôn. Khi ấy, Bồ-tát Vô Tận Ý từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, gối phải sát đất, chắp tay bạch với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không có nhân duyên thì Như Lai không cười. Hôm nay Đức Thế Tôn mỉm cười vì nhân duyên gì vậy?

Đức Thế Tôn nói với Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Này thiện nam! Vì lợi ích của chúng sinh không có lòng tin, nên ta xuất ra tướng lưỡi mà cười, những kẻ vọng ngữ chẳng có được tướng lưỡi như vậy.

Bây giờ, Bồ-tát Vô Tận Ý bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người nam người nữ nào, đối với pháp môn này, có khả năng thuyết giảng cho người khác một câu kệ sẽ được bao nhiêu phước đức?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Công đức của người có được đem cúng dường cho tất cả chư Phật hiện có nơi cảnh giới Phật nhãn và tất cả chư Phật được thấy trong mười phương thế giới, tất cả những vật dụng tốt đẹp, cho đến khi chư Phật nhập Niết-bàn thì xây dựng tháp báu, sánh với người có khả năng thuyết giảng cho người khác về thật nghĩa của một câu kệ trong pháp môn này, thì công đức của người này được nhiều hơn của người trước.

Này thiện nam! Nếu có người đối với người thuyết giảng pháp môn tối thắng này mà sinh tâm thanh tịnh, dùng lời khen ngợi: "Lành thay !" với người như vậy tức đã tán thán tất cả chư Phật, nếu lại có thể cúng dường cho vị ấy thì cũng đã cúng dường cho ta không khác.

Bấy giờ, sau khi nhìn khắp tất cả trong chúng hội, Đức Thế Tôn bảo:

–Này các thiện nam! Lời nói chắc thật của ta hôm nay sẽ có những nơi tùy theo nơi nào mà có pháp môn này thì những nơi ấy sẽ được chư Phật nhìn đến. Này thiện nam! Pháp môn này giống như thuốc của chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề vào đời vị lai. Nếu người nào có thể đối với pháp môn này mà tu hành ba việc, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giảng thuyết cho người khác, thì người ấy chẳng khác nào khi Phật còn tại thế thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Này thiện nam! Nếu người có thể biên chép môn này thì người ấy rất

dễ chứng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khó khăn gì, đối với tạng bí mật của chư Phật đều có thể an trú hộ trì. Này thiện nam! Người hành theo con đường xấu ác thì chưa bao giờ nghe đến pháp môn này. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh chỉ có một lần nghe qua pháp môn này, thì khi xả bỏ thân này sẽ được sinh vào thế giới thanh tịnh của Phật. Này thiện nam! Nếu có người cúng dường cho một ngàn chư Phật, gieo trồng căn lành, cũng bằng một người một lần nghe qua pháp môn này. Này thiện nam! Nếu có người nam người nữ nào, nghe được pháp môn này rồi liền sinh lòng tin kính, thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết cho người khác, ta nói người ấy đắc đạo Bồ-đề trong tầm tay, Ta nói người này chắc chắn đạt được năm loại mắt. Từ đây về sau, các căn hoàn hảo, cho đến lúc lâm chung không đánh mất chánh niệm. Người ấy sẽ được Tam-muội Nhất thiết chư Phật hòa tập, Tam-muội Tỳ-lô-giá-na phấn tấn, Tam-muội Đà-la-ni tạng, Tam-muội Châu ấn kế, Tam-muội Thọ ký, Tam-muội Quan thế ấn, Tam-muội Vô tự khiếp; chứng đắc Đà-la-ni Nhất thiết pháp thắng, Đà-la-ni Đoạn nghi, Đà-la-ni Đệ nhất nghĩa quyết định; chứng đắc vô lượng trăm ngàn môn Đà-la-ni như vậy, sẽ đạt được năm thần thông, tùy theo tâm nhớ nghĩ phát sinh tự tại.

Bây giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Ông đã cúng dường rất nhiều chư Phật Thế Tôn thì ông có thể hộ trì pháp môn này, lại có thể ở khắp mọi nơi thuyết giảng cho người khác. Này Văn-thù-sư-lợi! Căn lành hiện có của ông nhờ sự cúng dường, cung kính, cung cấp, thân cận với bao nhiêu chư Phật và được tôn trọng ngợi khen. Này Văn-thù-sư-lợi! Ý ông thế nào? Căn lành ấy có giới hạn hay không? Có thể tính đếm được không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không thể tính đếm được.

Đức Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu vào thời năm trước loạn lạc trong thế giới Ta-bà này, người nào có thể thuyết giảng pháp môn này cho người khác, thì phước đức của người này hơn hẳn phước đức của người kia. Này Văn-thù-sư-lợi! Ông tuy đã đem y phục, thức ăn, giường nằm, toa cụ, thuốc men cần thiết để cúng dường vô số chư Phật, nhưng không thuyết giảng pháp môn này cho người khác thì ông phải bị đắc tội với chư Phật ấy. Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu ông chưa từng cúng dường một vị Phật, mà thuyết giảng pháp môn cho người khác thì chính ông đã cúng dường tất cả các Đức Như Lai.

Khi Đức Phật thuyết giảng xong, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, Đại tiên Quang Minh Cự, hàng Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la, tất cả trong chúng hội được nghe Phật thuyết giảng, đều hoan hỷ cùng tán thán Phật.

-oOo-

SỐ 834

KINH ĐẠI OAI ĐĂNG QUANG TIÊN NHÂN VẤN NGHI

Hán dịch: Đời Tùy, Tam-tạng Pháp sư Xà-na-quật-đa, người nước Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bà-già-bà ở tại thành Già-da, sau khi thành đạo chưa bao lâu, cùng với đông đủ tất cả chúng Tỳ-kheo, trong đó hoặc có người đắc quả vị thứ nhất, quả vị thứ hai, quả vị thứ ba, cho đến quả vị thứ tư, tùy theo sự chứng đắc quả đó, tất cả công đức đều thanh tịnh. Lại có chín mươi chín ức các chúng Bồ-tát và hai mươi tám ức chúng chư Thiên, còn có vô lượng chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, sáu vạn lực sĩ, mười hai ức các Ni-kiền Tử, tám vạn bốn ngàn Tiên nhân đạt ngũ thông, riêng năm trăm vị ngoại đạo… thì đều dùng tro bôi lên thân, để lộ ra bụng, ngực, thịt và mỡ tiêu hết chỉ còn lại da bọc xương, lưng gù, quấn tóc quanh thân, mặc áo bằng vỏ cây, tay cầm bình tưới, tìm cầu ngôn ngữ luận nghĩa khắp chốn.

Bấy giờ như núi Tu-di ở trong Hắc sơn, ánh sáng rực rỡ, oai đức cao vời, Như Lai Thế Tôn cũng lại như vậy, ở trong chư Tiên là bậc nhất. Lại như voi trắng sáu ngà thanh tịnh, hoàn toàn tự tại ở trong đàn dê trắng, như đêm trăng sáng che khuất ánh sáng của loài đom đóm, như hoa Mạn-đà mọc nơi ruộng cỏ lau, như chim Kim sí ở trong bầy quạ, Đức Thế Tôn ở trong chúng chư Tiên kia cũng lại như vậy, oai đức chiếu sáng thù thắng gấp bội.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nhập vào Tam-muội Bảo xả, hiện ra vô lượng thần thông, phóng ánh sáng thanh tịnh, khắp thân sáng chói xoay vòng quanh người. Lại từ nơi thân phát ra vô lượng ức các hóa thân Phật, mỗi mỗi hóa thân lại phát ra vô lượng ức các Hóa Phật. Lại từ trong thân phát ra vô lượng ức các thân Bồ-tát, vô lượng thân Đế Thích, vô lượng thân Phạm vương, vô lượng thân Tứ Thiên vương, vô lượng trăm ngàn thân A-la-hán, vô lượng trăm ngàn thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-

di, vô lượng thân Đại chuyển luân vương, vô lượng thân Tiểu chuyển luân vương, vô lượng thân Túc tán chư tiểu vương, vô lượng thân người nơi biên địa trong châu biển Đông, vô lượng tất cả thân người nơi các cõi hiện có như Nam Thiên Trúc vô lượng hết thảy thân người nơi các chủng tộc lớn như Sát-lợi, Bà-la-môn, các Trưởng giả đại phú, vô số hình loại như vậy với tất cả phục sức, tất cả lời nói, nơi cảnh giới hiện có của hết thảy chư Thiên, tất cả đều từ thân của Đức Như Lai phát ra. Lúc này tất cả đại chúng tâm đều hoài nghi nhìn nhau, còn các Bồ-tát thì rất hoan hỷ, mưa các châu báu làm vật cúng dường, cho đến cúng dường anh lạc cũng lại như thế.

Lúc này, Đức Thế Tôn hiện điềm lành ấy xong, lại từ Tam-muội Bảo xả đứng dậy, rồi như sư tử vương chồm lên cao, ngoái đầu nhìn lui, quán khắp mười phương, tức thời thấy tất cả cõi nước của chư Phật hiện có nơi mười phương thế giới kia và đại thiên thế giới Ta-bà này, do Phật nhãn nên quán thấy rõ ràng, giống như trong lòng bàn tay. Như Đức Như Lai Thích-ca này phóng đại thần thông với vô số biến hiện, hết thảy chư Phật trong mười phương hiện hóa thân Phật cũng lại như vậy. Từ thân hóa Phật hiện ra thân hóa Phật. Tất cả đức hóa Phật hiện có của các Như Lai kia đều vân tập đến, đại hội của Đức Thế Tôn. Lại có vô lượng hằng hà sa các chúng Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vượt hơn các thí dụ đều cầm vô số các loại vật cúng dường, tùy theo chỗ ứng hợp để có thể cúng dường, đều đi đến chỗ Phật. Còn có tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân với tất cả đại chúng tùy theo trụ xứ của họ đều thấy diệu lực nơi thần thông của Như Lai, rồi theo đó đi đến hải hội này.

Bấy giờ, Bồ-tát trong mười phương đi đến pháp hội đều dùng vật dụng cúng dường vô thượng để cúng dường Đức Như Lai. Cúng dường xong, chư vị lại dùng tòa cao Sư tử được thành tựu do sáu Ba-la-mật, tùy theo thân họ xứng hợp với tòa nào thì ngồi vào tòa cỡ đó. Đức Như Lai Thích-ca đã giáo hóa chúng sinh, trên đến cõi trời A-ca-ni-tra, dưới đến địa ngục A-tỳ, tất cả loài chúng sinh đều được hóa độ viên mãn. Ngay lúc đó, do diệu lực của Phật, nên hết thảy đều thấy thế giới của chư Phật trong mười phương giống như một hội. Tất cả chỗ giáo hóa của chư Phật hiện có khắp mười phương, đều nhập vào các lỗ chân lông nơi thân của Đức Như Lai Thích-ca. Chỗ giáo hóa chúng sinh của Đức Như Lai Thích-ca đều nhập vào các lỗ chân lông nơi thân của Đức Phật kia. Hiện ra như vậy rồi, ngay lúc ấy trong chúng hội có một Bồ-tát tên là Thắng Phần, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đứng khoan thai, dung mạo đoan nghiêm, bày vai bên phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, liền nói kệ tụng:

Phật ra đời hy hữu
Vì chúng nên xuất hiện
Việc này chưa từng có
Che khuất tất cả ma.
Xen nhau quán qua lại
Nói rằng việc hy hữu
Vì sao chúng ta đến
Kêu ra lời hủy hoại?
Chúng ta hay luyến tiếc
Chỉ đầu, thân thể, xương
Chúng ta đã suy yếu
Già nua lại mất vui.
Không ngôn tự thần thông
Ngăn che, hủy hoại đạo
Phật tử đại thần thông
Nay tự rõ pháp Phật.
Tâm chúng sinh này nghi
Lại sinh rất hoan hỷ
Nơi hội này nói ra
Chúng ta nguyện thành Phật.
Văn-thù ở trong chúng
Các Phật tử vây quanh
Văn-thù hầu nhiều Phật
Lại nói rõ thần thông,
Vì pháp nào hiện tướng
Nay Phật nói pháp nào?
Tâm đều sinh nghi hoặc
Xin vì chúng con nói.

Khi đó, có một Tiên nhân tên là Oai Đăng Quang, ở trong chúng do bị ma lực, liền thưa Bồ-tát Thắng Phần:

–Đồng tử! Ông chớ nên mặc nhiên, nay tôi sẽ hỏi. Nếu là Sa-môn thì có thể giải quyết chỗ nghi ngờ trong tâm tôi mới có thể được gọi là Nhất thiết trí. Nếu ông không thể giải quyết tâm nghi ngờ của tôi thì làm sao được gọi là Nhất thiết trí? Thần biến như vậy nếu là huyễn hóa thì chư vị Ma-hê-thủ-la, Na-la-diên đã nói những lời. Hàng phàm phu thế gian cho là pháp nên cũng có thể thành tựu vô lượng các việc, như thế có gì là lạ?

Nghe nói như vậy, Đức Như Lai Thế Tôn vui vẻ mỉm cười, rồi quán

khắp chư Tiên, tất cả đại chúng. Quán sát chúng rồi, liền bảo Đại tiên nhân Oai Đăng Quang:

–Này Tiên nhân Oai Đăng Quang! Nay chính đúng lúc tùy ý ông thưa hỏi, theo như trí lực của ta, sẽ vì ông mà giảng nói.

Đại tiên nhân Oai Đăng Quang liền hỏi Đức Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm! Trước hết vì tôi giảng nói về thể tánh của chúng sinh từ đâu sinh ra? Bao nhiêu là thô, bao nhiêu là tế? Trong thể tánh của chúng sinh là một gang tay là một thước, là một ngón tay, cho đến bằng hạt lúa lớn, lúa nhỏ, đậu lớn, đậu nhỏ, thậm chí bằng hạt cải ở trong thể tánh của chúng sinh chăng?

Đức Thế Tôn liền khen Đại tiên nhân Oai Đăng Quang:

–Hay thay, hay thay! Này Tiên nhân Oai Đăng Quang! Ông đã khéo nêu hỏi về ý nghĩa này như người thọ mạng sáu vạn kiếp.

Khi Đức Thế Tôn nêu bày như vậy, các Tiên nhân đều rất sợ hãi, liền suy nghĩ: "Chúng ta cùng với vị Đại tiên kia lâu nay cùng ở một chỗ hãy còn không biết về số lượng thọ mạng của Oai Đăng Quang, nay Sa-môn Cù-đàm này vì sao mau hiểu biết được như thế?"

Đức Thế Tôn liền bảo Đại tiên nhân Oai Đăng Quang:

–Này Đại tiên nhân! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì ông mà giảng nói rõ đầy đủ. Ông hỏi ta rằng: Thể của chúng sinh từ đâu sinh ra? Đại tiên nên biết! Thể thật sự không có lời nói, không có câu chữ để có thể nói chúng sinh. Từ đâu mà đến. Chỉ do là các nhân duyên vô minh, hành… nên khởi lên chúng sinh kia, cho đến do các nhân duyên sinh già, bệnh, chết nên khởi lên các chúng sinh kia. Này Đại tiên! Lại có nhân duyên có thể khởi lên chúng sinh, đó là do mẹ làm nhân, do cha làm duyên nên sinh ra chúng sinh. Lại nữa, do cha mẹ hòa hợp làm nhân, vọng tưởng tà niệm khởi, các gió nghiệp thổi hạt giống thức vào trong thai tạng tức là duyên. Lại nữa, Khổ thánh đế, Tập, Diệt, Đạo thánh đế là chúng sinh. Lại nữa, từng phần nơi năm ấm, mười tám giới hòa hợp là chúng sinh. Lại nữa, này Đại tiên! Không lìa chúng sinh mà có nghiệp, không lìa nghiệp mà có chúng sinh. Chúng sinh là nghiệp, nghiệp là chúng sinh, ông phải biết điều đó. Cảnh giới của chúng sinh là không tăng không giảm.

Đại tiên nhân nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu cảnh giới của chúng sinh không tăng không giảm thì cớ sao chúng sinh xả bỏ thân cấu uế rồi được thân tự tại?

Đức Phật đáp:

–Này Đại tiên nhân! Như ông đã nói thì không thể như thế. Vì sao? Vì nếu người tự tại đạt được tự tại thì không bị đọa lạc, thường ở trong tự tại. Nếu người tự tại mà thân không được tự tại, làm sao gọi là được tự tại? Này Đại tiên nhân! Ví như con đom đóm nghĩ: "Ánh sáng của ta đều có thể chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề". Giả sử con đom đóm thật sự có thể phát ra ánh sáng chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề thì trọn cũng không thể khiến cho tâm người không điều phục để được gọi là tự tại chân thật. Lại nữa, này Đại tiên! Nếu người tự tại được tự tại thì sẽ dứt hết các phiền não cấu uế. Nếu không tự tại thì còn nhiều các phiền não. Nếu các phiền não cấu uế cùng với tự tại hiện hữu bằng nhau, do đó cảnh giới của chúng sinh không có tăng giảm mà có thể thấy.

Đại tiên nhân lại thưa:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm! Ngài đã đoạn hết phiền não chưa?

Đức Phật đáp:

–Này Đại tiên nhân! Ta cũng không đoạn hết các phiền não, cũng lại không làm tăng các phiền não.

Đại tiên nhân thưa:

–Này ngài Cù-đàm! Nếu như vậy thì cũng không nên nói là ta được tự tại.

Đức Phật đáp:

–Này Đại tiên! Đúng vậy, đúng vậy! Đại tiên nên biết! Ta cũng không nói là ta được tự tại. Vì sao? Vì ta không thật nên cũng không tự tại.

Đại tiên nhân thưa:

–Ngài Cù-đàm chớ nói như vậy. Thưa Cù-đàm! Như trước Ngài nói: cha mẹ hòa hợp nên có được chúng sinh, sinh ra, vậy do đâu nhiều người cùng hòa hợp mà chỉ một số ít chúng sinh được sinh ra. Nghĩa này là thế nào?

Đức Phật đáp:

–Này Đại tiên! Nay ta vì ông đưa ra ví dụ, tùy theo khả năng của ông, ta sẽ giảng nói. Này Đại tiên nhân! Như có một hạt mầm mọc ra nhiều cây, lại trong một cây có vô biên nhánh, trong mỗi mỗi nhánh lại có vô lượng hoa, mỗi mỗi hoa ấy đều sẽ kết trái. Cớ sao có kết trái hay không kết trái? Nếu đã kết trái thì trái đều chín, tạo thành hạt giống, cớ sao lại có chín, không chín? Nghĩa này thế nào?

Đại tiên nhân thưa:

–Thưa Cù-đàm! Do gió thổi nên có kết trái, không kết trái. Nếu đã

kết trái thì rụng xuống, nếu không chín thì không thể làm giống.

Đức Phật bảo Đại tiên nhân:

–Do gió nghiệp tự chuyển thổi nghiệp của chúng sinh nên quả bị đọa lạc, có một số ít chúng sinh được sinh chăng? Này Đại tiên nhân! Ông phải biết việc đó, nếu ở trong thai hoặc bị trùng ăn, hoặc bị gió nghiệp chuyển làm hư mất, ông phải biết đều ấy. Cây bị khô héo ngã xuống là số ít chưa đủ để nói. Chúng sinh hiện có vì tai họa bị đọa lạc nhiều không thể nói hết. Lại nữa, này Đại tiên nhân! Do tâm tà nên khởi lên cảnh giới của chúng sinh. Nếu các chúng sinh có từng ấy tâm tưởng chuyển biến thì trở lại có từng ấy số lượng thọ sinh nơi đời sau. Thế nên ta nói tâm tà khởi lên cảnh giới của chúng sinh.

Đại tiên nhân thưa:

–Thưa Cù-đàm! Đúng vậy, đúng vậy! Như tôi đã hỏi, Ngài đã trả lời cho tôi nghĩa này. Thưa Cù-đàm! Lại vì tôi giảng nói, do đâu có kiếp thiêu đốt sạch?

Đức Phật đáp:

–Này Đại tiên nhân! Ông nên biết việc đó, không tạo tác nên gọi là pháp giới. Nếu khi kiếp tận, đại địa chẳng bị thiêu đốt thì pháp giới lại có hai loại: Một ít phần là vô thường, một ít phần là thường. Nếu như vậy thì các Đức Như Lai tức cũng không đúng là thật ngữ. Nếu tất cả là vô thường thì trong pháp vô vi là không thể nghĩ bàn. Vì thế Như Lai được gọi là Nhất thiết trí.

Đại tiên nhân nghe lời này rồi, xoay đầu lại nói với các đệ tử:

–Các ông có biết người này chăng? Đức Cù-đàm đây đúng là Bậc Nhất Thiết Trí.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Đại tiên nhân:

–Nếu khi kiếp tận, tất cả đại địa không bị thiêu đốt thì không được phân biệt đây là lúc đầu, đây là lúc cuối, cũng lại không biết nghiệp tốt xấu, những quả báo thiện ác, ông phải biết điều đó. Khi kiếp này bị thiêu đốt cháy sạch thì đó là diệu lực nơi đại phương tiện tạo tác hành hóa của các Đức Như Lai. Chúng sinh hiện có nếu có thể nghe hiểu tin tưởng về kiếp sẽ thiêu đốt sạch thì số chúng sinh đó được các Đức Như Lai thọ ký, ông nên biết việc ấy. Như thân của đại mãng xà với các phần nơi mắt, tai, miệng, mũi do sức độc đều có thể thâu phục tất cả những loài chúng sinh bay, chạy. Nên biết Đức Như Lai cũng lại như vậy, dùng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, do diệu lực của giáo pháp đều có thể thâu nhận, hàng phục tất cả các chúng sinh.

Này Đại tiên nhân! Lại như có người dùng thỏi vàng kia bỏ vào trong lửa, không vì sân giận mà bỏ vào, do vì không thành thục nên muốn khiến cho thành thục, vì muốn thành tựu vật báu đích thực, vì muốn khiến giá trị tăng lên được nhiều của cải nên đặt vào trong lửa, tôi luyện liên tục làm cho vàng mềm mại, trong sạch. Tất cả các chúng sinh như vậy đều nhân nơi chư Phật, Như Lai, khi kiếp bị đốt sạch mà được điều phục. Khi kiếp sắp tận, đại địa bị thiêu đốt như vậy, thật sự không có chúng sinh nào chịu khổ não.

Đại tiên nhân thưa:

–Thật hy hữu, thưa Thế Tôn! Khi kiếp sắp tận, lửa thiêu đốt cháy bùng hủy hoại đại địa nhưng không có một chúng sinh nào chịu khổ não.

Đức Phật đáp:

–Chẳng phải vậy. Này Đại tiên nhân! Chư Phật Như Lai không khiến một chúng sinh nào chịu các bức bách khổ não. Vì sao? Này Đại tiên nhân! Ví như giọt mưa rất nhỏ có khắp trong mười phương, các giọt mưa kia có nhiều không?

Đại tiên nhân thưa:

–Rất nhiều, thưa Thế Tôn!

Đức Phật nói:

–Này Đại tiên nhân! Chư Phật Như Lai, Bồ-tát Thập địa còn nhiều gấp bội hơn kia. Lúc đó, kiếp tận, đại địa bị thiêu đốt, ở trong hư không, chư vị sẽ dùng Từ bi trí tuệ giải cứu chúng sinh, chẳng khiến khổ não nào xúc chạm nơi thân. Vì sao? Vì chư Phật, Như Lai kia và tất cả Bồ-tát thân tướng đều vi diệu tướng hảo đoan nghiêm, rộng lớn, chúng sinh nào thấy đều hoan hỷ, sinh tâm chánh tín xướng lời như vầy: "Chúng ta nguyện ở trong đời vị lai đều được thành tựu đều được trừ khỏi tai họa như vậy, lại được thành tựu hình sắc như thế, thân sắc tướng hảo đoan nghiêm như thế".

Lúc đó, lại có người tâm đạt giải thoát, được quả A-la-hán, hoặc có người sinh tâm chán lìa, được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Lại có người được pháp Nhẫn vô sinh, có người được quả vị không thoái chuyển, có người được sinh lên các cõi trời Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, lược nói, cho đến có người được sinh lên trời A-ca-ni-trá. Cũng ngay lúc này tất cả Đại chuyển luân thánh vương, Tiểu chuyển luân vương hiện có cùng Túc tán tiểu vương ở các cõi, các Đại tiên nhân cho đến các dòng họ lớn như Sát-lợi, đại Bà-la-môn, Trưởng giả đại phú, thứ lớp như thế do thấy sắc thân vi diệu của Đức Như Lai, lại thấy thân mình ở trong biển sinh tử đầy dẫy sự

sợ hãi, được giải thoát nên sinh tâm hoan hỷ, vui mừng tột bậc ở bên Đức Như Lai khởi tâm biết ân, khởi tâm báo ân; ở bên Đức Như Lai nghe thọ pháp rồi, mỗi mỗi đều ở trong đạo mười thiện tạo hạnh không phóng dật. Do diệu lực nơi phương tiện của nhân duyên ấy nên đối với đạo mười ác mau được lìa bỏ.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát đạt được Thập địa, vì các Bồ-tát này đạo nhãn đã có được, soi chiếu khắp vi trần nơi đại địa. Những vi trần kia tuy lại rất nhiều, mà vào hoàn cảnh đó cảnh giới của các chúng sinh lại rất phức tạp, cho đến nhận biết thể tánh của phiền não bị nhiễm ô, bất tịnh, từ trong đạo vô vi Niết-bàn nhập vào đạo Niết-bàn vô dư gấp bội hơn kia. Nay ông nên biết, chư Phật Như Lai vì những lợi ích lớn như thế mà hiển thị phương tiện kiếp bị thiêu đốt sạch.

Khi đó, tất cả Đại tiên nhân nghe lời này rồi sinh tâm ngạc nhiên, sợ hãi "Thật kỳ lạ thay! Rất là hy hữu! Đại đức Thích tử vừa mới bảo chúng ta, vì Đại tiên nhân mà nêu ra thọ mạng của chúng ta. Khi chúng ta tuy đã nghe sự việc như vậy vẫn cho rằng chẳng phải là Bậc Nhất Thiết Trí. Nay do dùng kiếp nạn ở trong thế gian để vấn nạn đã ban cho đầy đủ, nên chúng ta mới biết Thích tử đúng là Bậc Nhất Thiết Trí. Ngày nay chúng ta dùng danh hiệu chân thật để tán thán xưng dương."

Lúc ấy, tất cả Đại tiên nhân liền phát ra lời này:

–Bậc tích tụ các công đức lớn, bậc Đại trí Vô biên, bậc Nhất thiết trí nhận biết chúng ta, thấy chúng sinh theo nghiệp lưu chuyển mỗi mỗi sai khác, vậy từ nơi chốn nào được thành tựu được sự tích tụ chân thật. Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con giảng nói khiến được khai ngộ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền bảo các Đại tiên nhân:

–Này các Đại tiên nhân, nên biết, không có thời khắc, cũng không có nơi chốn khiến chúng sinh có được sự tích tụ thật sự. Này Đại tiên nhân! Chỉ trong bình đẳng thì chúng sinh mới được tích tụ, chỉ trong đạo Nhất thừa chúng sinh mới được tích tụ, chỉ trong Bồ-tát địa chúng sinh mới được tích tụ, chỉ trong cõi Niết-bàn vô dư chúng sinh mới được tích tụ. Nay các ông nên biết, như có các dòng sông, suối, kênh rạch… tất cả đều chảy vào biển cả, vào biển cả rồi thì đều cùng một vị mặn, không sai khác. Này các Đại tiên! Nay các ông nên biết, cảnh giới của chúng sinh hiện có, nếu ai được dứt sạch các lậu thì hết thảy nơi chốn kia ở trong vị giải thoát đều hơn trụ cùng một vị. Nay các ông nên biết, ta tuy nói rằng ở trong phiền não bình đẳng, chúng sinh mới được tích tụ cũng chẳng phải là tích tụ. Sở dĩ vì sao? Ví như gió mạnh khởi lên, thổi các loài muỗi,

côn trùng…, đã tụ tập, nếu gió dừng thổi thì mỗi mỗi đều phân tán. Tất cả các loài chúng sinh như thế, mỗi mỗi đều bị gió nghiệp trói buộc; hoặc những loài kia bị đọa trong địa ngục mới được tụ tập, bị gió nghiệp trói buộc; hoặc những loài kia ở trong ngạ quỷ mới được tụ tập; hoặc những loài kia ở trong súc sinh mới được tụ tập… như thế.

Tiên nhân lại thưa:

–Thưa Bậc Nhất Thiết Thức, Bậc Nhất Thiết Trí! Xin Ngài vì chúng con mà giảng nói, nếu có như vậy, thì những loài như thế, ở đời trước, đều sinh trong loài người, cùng tụ tập, hiện tại ngày nay, cho đến tất cả, làm sao có thể nhận biết hoặc ở súc sinh, hoặc ở ngạ quỷ, ở đời trước đã từng tụ tập, làm sao có thể nhận biết? Cúi xin Ngài giảng nói.

Đức Phật nói:

–Này các Đại tiên nhân! Tất cả chúng sinh hiện có hoặc ở đời trước từng tụ tập trong địa ngục, nơi đời hiện tại hoặc khi thấy nhau tâm không hoan hỷ, sinh giận dữ kết oán, hoặc khi đau đầu, hoặc lại mất giới cấm với các tiện lợi lớn nhỏ nên biết họ đã ở đời trước cùng nhau tụ tập trong địa ngục. Nếu lúc hiện ra tướng mạo như vậy thì phải nên biết, họ cùng với ta chắc chắn đã từng ở trong địa ngục, cùng ở một chỗ mà đến.

Đại tiên nhân lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả bậc Tăng nhân chứng đại tịch diệt và Nhất thiết trí, xin Thế Tôn vì con giảng nói. Nếu trong đời trước từng ở nơi súc sinh, cùng ngàn vạn thân từ một nơi chốn đến, làm sao có thể nhận biết?

Đức Phật bảo Đại tiên nhân:

–Nếu những người kia sinh trong loài người thì đều thấy nhau, kết thành giận, oán, thường tìm chỗ sơ hở của nhau. Ta nên tìm sơ hở của họ ở chỗ nào? Đó gọi là tướng mạo ở trong loài súc sinh, tướng nhiều thân cùng ở một nơi chốn, nên biết chắc chắn ta cùng với họ ở một nơi chốn trong loài súc sinh đến đây. Hoặc đã ở một chỗ trong loài ngạ quỷ đến đây, thường thích sự hôi nhơ, lại tham ăn nhiều, mong cầu cùng với tâm người khác không lìa bỏ, sinh tham lam keo kiệt, đắm chấp. Hoặc lại thấy họ giàu có, có thế lực, sinh tâm ganh ghét, thường lại mong cầu được tài vật của người kia. Khi nhận thấy tướng này thì chắc chắn biết họ cùng với ta đã ở một nơi chốn trong loài ngạ quỷ đến đây. Nếu ở đời trước, cùng một chỗ trong loài người, hoặc trong hiện tại, nếu lúc thấy nhau liền sinh tâm dục.

Khi ấy, Đại tiên nhân Oai Đăng Quang lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hoặc lúc đời trước cùng ở một chỗ trong cõi trời,

đời nay trong loài người, nếu khi thấy nhau làm sao có thể nhận biết?

Đức Phật bảo:

–Này Đại tiên nhân! Nếu đời trước cùng sinh trong cõi trời, hiện tại trong loài người, khi gặp nhau thường dùng ánh mắt thân giữ tướng từ xa cùng nhau yêu thương. Nếu có tướng ấy thì chắc chắn đã cùng tụ tập trong cõi trời, rồi đến đây. Nếu ai dùng tướng quán sát như thế thì biết được tướng tụ tập của chúng sinh.

Lúc này, Đại tiên nhân nghe lời ấy rồi thì vô cùng vui mừng, sinh tâm hy hữu, liền bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con mới biết những chúng sinh kia lời lẽ nói ra đích thật là đại hư dối. Vì sao họ mê muội, không cầu tu học Nhất thiết trí?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Đại tiên nhân:

–Ông đã hỏi ta trong thể của chúng sinh có bao nhiêu thứ vi tế? Này Đại tiên nhân! Nếu thể tánh của chúng sinh thể đạt được thì thể tánh của chúng sinh kia có được một phần vi tế dài ngắn. Nay ông nên biết, ví như có người sinh ra đã bị mù lòa, lại có một người hỏi người ấy: "Thưa ông, màu trắng thì giống cái gì? Ý ông nghĩ thế nào? Người kia đã không thấy thì có thể nói được sắc này như vậy… như vậy…?

Tiên nhân thưa:

–Người kia đã không thấy rõ sắc thì sao dám quyết định phán đoán như vậy?

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Đại tiên nhân! Các người phàm phu này giống như người mù lòa, không thấy thể tánh của chúng sinh, không thể nói bàn, trong thể vi tế của chúng sinh là dài ngắn, thô rít như vậy. Lại nữa, này Đại tiên nhân! Nhãn chẳng phải là chúng sinh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng chẳng phải là chúng sinh. Hữu vi, ấm phần cũng chẳng phải là chúng sinh, mười tám giới, mười hai nhân duyên cũng chẳng phải là chúng sinh. Danh tự của chúng sinh cũng không thể nắm bắt được, cũng chẳng phải nội không, ngoại không, nội ngoại không cũng không được gọi là chúng sinh. Sở dĩ vì sao? Đại tiên nên biết! Nhãn là giả danh, tạm thời, chẳng hợp nhau. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là giả danh, tạm thời, chẳng hợp nhau. Pháp năm ấm là giả danh, tạm thời, chẳng hợp nhau. Ba mươi sáu thứ bất tịnh, tất cả là giả danh, tạm thời, chẳng hợp nhau. Như vậy, không có chúng sinh có thể thủ đắc cũng chẳng phải các trần như sắc cùng nhau hòa hợp nên có chúng sinh với các trần như sắc… mỗi mỗi sai khác, phân ra ly tán. Những pháp kia cũng chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải là thọ mạng, chẳng phải là

dưỡng dục, không chủ, không nhân, cũng không có ngã, đều không thể thủ đắc.

Lại nữa, này Đại tiên nhân! Nếu có chúng sinh thì các Đức Như Lai này không nên giảng nói bốn loại pháp Tứ đế, vì thật không có tánh của chúng sinh. Thế nên, hết thảy chư Phật, Như Lai đạt được các pháp ấy, tùy thuận như vậy, tu hành như vậy, mới được thân Như Lai.

Khi ấy, Đại tiên nhân Oai Đăng Quang vì muốn cầu được Nhất thiết trí nên phát thệ rộng lớn, nói lời như vầy:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử con ngày nay rơi vào hầm lửa lớn, trọn đời ở trong chỗ đó. Lại có núi lớn giống như Tu-di, núi đó hiểm trở, cao ngất, đứng trơ trọi, cao tới cõi trời A-ca-ni-trá. Trong lúc này, thân con từ trên núi cao rơi xuống vực thẳm, lại có đống lửa lớn kia giống như kiếp tận thiêu đốt, những lửa dữ như vậy bốc cháy hừng hực. Năm thứ lửa nóng đốt thân mà ngày lại dài–một phần trong một ngày bằng một kiếp thì như kiếp ấy lấy ba mươi ngày làm một tháng, đủ mười hai tháng cho là một năm. Như vậy, khi hết số kiếp đó tu khổ hạnh này đều hoan hỷ chấp nhận, trọn không nhân đấy mà bỏ tinh tấn không cầu Nhất thiết trí.

Bấy giờ, khi Đại tiên nhân Oai Đăng Quang nêu bày chí nguyện như vậy thì ở trong đại hội tất cả Tiên nhân ngũ thông đều từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính, chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tiên nhân chúng con từ nay về sau đều dũng mãnh siêng năng tinh tấn, mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tất cả chư Tiên này nói như thế rồi, lúc đó Đức Thế Tôn liền phóng ra các ánh sáng từ giữa chặng mày, ánh sáng đó tên là Vô năng hàng phục. Tất cả chư Phật, Thế Tôn trong mười phương từ chòm lông trắng giữa chân mày phóng ra ánh sáng cũng lại như vậy. Ngay lúc ấy, do nhân duyên từ diệu lực nơi hào quang của Đức Phật, các đại địa đều hiện đủ sáu cách chấn động, đó là: Động, biến động, đều động khắp. Dũng, biến dũng, đều dũng khắp. Giác, biến giác, đều giác khắp. Khởi, biến khởi, đều khởi khắp. Chấn, biến chấn, đều chấn khắp. Hống, biến hống, đều hống khắp. Đông hiện Tây ẩn, Tây hiện Đông ẩn, Nam hiện Bắc ẩn, Bắc hiện Nam ẩn, giữa hiện bên ẩn, bên hiện giữa ẩn, cho đến trên dưới ẩn hiện cũng lại như vậy.

Khi ấy, mười phương chư Phật Thế Tôn ở trong hư không trên chỗ Đức Phật Như Lai Thích-ca mưa các loại hoa, các loại diệu hương, các loại hương trời, khiến chúng hội thấy nghe tùy tâm vui thích.

Lại có Càn-thát-bà vương và vô lượng chúng chư Thiên đều tạo ra

năm thứ âm nhạc làm vui Đức Như Lai. Trong tất cả âm nhạc ấy cùng phát ra các thứ tiếng tán thán, ca vịnh Như Lai. Hương của chư Thiên lại có gió nhẹ từ từ lay động, thổi hơi thơm đó tỏa ra dày đặc ở trước Như Lai che khắp cả hư không.

Lại có các Đại Bồ-tát từ mười phương đến, tất cả đại chúng đều hết mực vui mừng, đều ở trên chỗ Đức Phật mưa các loại hoa, các loại anh lạc, các loại châu báu, các loại tạp hương, các loại tràng hoa, các loại hương thoa, các loại hương bột, các loại y phục, các loại cờ phướn, lọng báu những loại như vậy là vô lượng, vô biên để cúng dường Đức Như Lai.

Lại có vô lượng, vô biên chúng chư Thiên nơi phương khác đều rất hoan hỷ, cũng ở trong hư không mưa các hoa Mạn-đà-la thượng diệu, hoa Ma-ha mạn-đà-la trời, các hoa như vậy đều để cúng dường Đức Như Lai. Khi đó các đại chúng sinh tâm hy hữu, lại lấy các loại y phục tối thắng của mình đang mặc tung rải khắp trên chỗ Đức Phật để cúng dường Như Lai. Lúc này, ánh sáng lớn Vô năng hàng phục chiếu lên đến cõi trời A-ca-ni-trá, dưới đến địa ngục A-tỳ, cùng tỏ khắp mười phương. Tất cả chúng trong đại hội của chư Phật đều vây quanh hết thảy các Đức Như Lai kia. Vây quanh rồi, ánh sáng lớn ấy từ nơi kia tỏa đến, lại nhập vào đảnh của Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Đức Phật, đảnh lễ sát chân. Lễ sát chân rồi, gối phải chấm đất, chắp tay dùng kệ tụng rằng:

Nay Thích-ca đều có nhân duyên
Phóng ánh sáng chiếu khắp các cõi
Xin Phật thương xót cho chúng con
Nhân đại chúng nói trừ tâm nghi,
Vì thấy Thế Tôn hiện oai dung
Hoặc lại hoài nghi, hoặc hoan hỷ
Trong ấy, hoặc là giơ một tay
Hoan hỷ khen công đức Thế Tôn.
Đế Thích, Phạm chúng, Tứ thiên vương
Khen công đức Phật như hư không
Trời mưa nhiều hương hoa, anh lạc
Nhạc cụ không tự nhiên vang.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền bảo Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Nay Tôn giả có thấy Đại tiên nhân Oai Đăng Quang này chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ vâng, thưa Thế Tôn, con đã thấy! Thưa Hành giả chân chánh, con đã thấy!

Đức Thế Tôn lại bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Nay ông nên biết, Đại tiên nhân Oai Đăng Quang này ở đời vị lai, trải qua hiền kiếp ấy, với một ngàn Đức Phật, lại có kiếp tên là Hiền, cõi tên là Nguyệt chủ, ở trong cõi đó sẽ được thành Phật hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, đầy đủ mười tôn hiệu. Này Tôn giả Tu-bồ-đề! Ông phải biết điều đó, khi Đức Tỳ-bà-thi Như Lai kia xuất hiện ở đời, có người nghe được danh hiệu của Đức Phật này đều đạt được lợi ích. Giống như ngọc báu Như ý tùy tâm mãn nguyện.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ông nên biết việc đó. Nay trong pháp hội này, tám vạn bốn ngàn các Tiên nhân nghe pháp ấy rồi đều được quả vị không thoái chuyển. Khi Đức Phật Di-lặc hạ sinh, tất cả đều đầy đủ hạnh nguyện của Bồ-tát Thập địa, trải qua ba ngàn kiếp sẽ được thành Phật hiệu là Oai Đăng Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Nay trong đại hội ở đây lại có vô lượng ức các chúng Bồ-tát nghe pháp này rồi đều đạt được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Thượng thượng trí oai, Tam-muội Như lai thọ vị, Tam-muội Như huyễn hóa, Tam-muội Tứ đại nan hàng phục, Tam-muội Ý vương, Tam-muội Hải tạng, Tam-muội Điều phục trang nghiêm, Tam-muội Chân tam tạng, các Tam-muội Thanh tịnh như vậy. Lại có ức hằng hà sa chúng chư Thiên đều được trụ nơi pháp Nhẫn vô sinh. Vô lượng trăm ngàn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều được quả A-la-hán. Hằng hà sa số chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân người chưa phát tâm đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Nay ông nên biết, ta thấy các đại lợi ích như thế nên phóng ánh sáng ấy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại hiện bày tướng lưỡi che khắp khuôn mặt, từ trong tướng lưỡi kia phóng ra đầy đủ các loại màu sắc, các loại ánh sáng, đó là: lưu ly với các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, lam, tía, sắc của vàng ròng hồng, màu sắc pha lê… Ánh sáng ấy chiếu khắp vô lượng, vô biên các thế giới trong mười phương rồi lại nhập vào dưới chân của Đức Như Lai. Lúc đó, Bồ-tát Vô Tận Ý từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai đều có nhân duyên nên hiện ra tướng lưỡi. Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà giảng nói do nhân duyên gì hiện ra tướng lưỡi, phóng ánh sáng ấy?

Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Này thiện nam! Ta vì các chúng sinh bất tín nên hiện ra tướng lưỡi ấy. Như Lai, Thế Tôn trọn không dùng tướng thiệt căn ấy tạo ra vọng ngữ.

Bồ-tát Vô Tận Ý lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hoặc đời vị lai các thiện nam và thiện nữ, đối với kinh này, hoặc dùng một câu, hoặc dùng một bài kệ, vì người khác giảng nói rõ thì phước đức đạt được là bao nhiêu? Cúi xin Thế Tôn nói cho.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Tất cả cõi của chư Phật hiện có trong mười phương, nhãn quang của chư Phật Thế Tôn đều nhận thấy rõ. Tất cả của cải, vật dụng tạo an lạc nơi các cõi kia đều để cúng dường hết thảy chư Phật Thế Tôn trong mười phương, cho đến nhập đại Bát-niết-bàn, sau khi Bát-niết-bàn rồi lại dùng tất cả các loại vật báu xây tháp xá-lợi để tôn thờ. Lại có người nào ở trong pháp bản chân như này, thậm chí chỉ một câu và một bài kệ, phân biệt, vì người khác giảng nói rõ, sẽ được phước đức nhiều hơn người kia.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu có ai giảng nói pháp bản này, hay ở trong đó khen ngợi: "Hay thay, vui thay!" thì nên biết người kia đều được hết thảy chư Phật cùng tán thán. Nếu có ai cúng dường kinh điển này, nên biết người đó tức đã cúng dường thân ta.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhìn khắp đại chúng, rồi liền bảo:

–Này các thiện nam! Nếu chỗ nào có kinh điển này thì những nơi chốn như thế luôn được tất cả chư Phật nhớ nghĩ đến.

Này các thiện nam! Nên biết kinh này ở đời vị lai là vị thuốc hay cho các chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề. Nếu người nào đối với kinh này, hoặc tự chuyển đọc, hoặc dạy người khác đọc, một lượt, hai lượt và ba lượt thì nên biết người ấy đã tự thỉnh Như Lai chuyển pháp luân vi diệu. Nếu có thiện nam đối với kinh điển này, hoặc tự biên chép, hoặc dạy người khác biên chép, thì nên biết người ấy tức là thọ trì pháp tạng sâu xa của tất cả chư Phật, thường được hoan hỷ, mau được an lạc, ở đời vị lai sẽ được thành Phật. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào bị đọa nơi địa ngục thì trọn không được nghe kinh điển vi diệu ấy. Các thiện nam và thiện nữ nào nếu được nghe kinh điển vi diệu ấy, khi xả thân này rồi sẽ được sinh vào cõi nước thanh tịnh.

Lại nữa, này các thiện nam, thiện nữ được nghe kinh này, nghe rồi hoan hỷ, tinh tấn thọ trì, rộng vì người khác đọc tụng, giảng nói, nên biết người đó mau đạt được Bồ-đề, không lâu tất sẽ đầy đủ sáu căn, với năm

mắt thanh tịnh, đến khi lâm chung không mất chánh niệm, lại được vô lượng, vô biên trăm ngàn môn Tam-muội, Đà-la-ni. Đó là nhập vào Tam-muội của tất cả chư Phật, Tam-muội Phổ chiếu phấn tấn, Tam-muội Tổng trì tạng, Tam-muội Kế châu ấn, Tam-muội Quán đảnh vị, Tam-muội Quán ấn. Lại đạt được Đà-la-ni Vô tự khiếp, Đà-la-ni Nhất thiết pháp vô năng hàng phục, Đà-la-ni Quyết nghi, Đà-la-ni Chân như quyết nghĩa, vô lượng, vô biên trăm ngàn Đà-la-ni. Như thế, lại được năm thần thông, ở nơi sinh tử, luôn được chánh niệm, không loạn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền bảo Đại Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi:

–Này thiện nam! Ông đã cúng dường vô lượng, vô biên trăm ngàn chư Phật. Ta nay đem pháp này phó chúc cho ông, đời vị lai nêu rộng vì những người khác giảng nói pháp ấy. Này Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi! Ý ông nghĩ thế nào? Ông đã ở chỗ chư Phật đời quá khứ, với vô số các thứ cúng dường, các thứ cung kính, các thứ nghênh đón… những phước đức ấy có thể biết được biên vực, có thể lường tính được chăng?

Văn-thù-thi-lợi thưa:

–Dạ không, thưa Thế Tôn!

Đức Phật bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi! Nếu ông ở đời vị lai, trong thế giới Ta-bà này gồm đủ năm thứ ô trược xấu ác ban bố rộng rãi pháp như vậy sẽ được phước đức gấp bội hơn kia. Này Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi! Ông ở chỗ chư Phật đời quá khứ, tuy lại dùng vô số các loại y phục, tứ sự cúng dường luôn được đầy đủ, nhưng ông chưa từng đối với pháp bản này, vì người khác phương tiện giảng nói rõ. Do vậy, nên đối với Đức Phật kia còn nhiều thiếu sót. Nếu ông đối với các Đức Phật quá khứ kia, cho đến một vị Phật chưa từng cúng dường chỉ có thể đối với pháp bản vô cùng thâm diệu này, vì người khác rộng giảng nói, nên biết đó là đối với tất cả chư Phật Thế Tôn đã cúng dường đầy đủ, không còn lỗi lầm.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này xong, Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi, các vị Bồ-tát tất cả Tiên nhân Oai Đăng Quang và quyến thuộc tám bộ chúng trời, rồng, quỷ, thần tất cả đại chúng nghe Phật thuyết giảng đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 835

KINH NHƯ LAI SƯ TỬ HỐNG

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy,
Tam tạng Phật-đà-phiến-đa.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bà-già-bà cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm chín vạn chín ngàn ức vị và chúng Bồ-tát Ma-ha-tát gồm tám vạn bốn ngàn ức na-do-tha trăm ngàn vạn, đều ở trong cung Nhật nguyệt, trên điện Thắng tạng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thắng Tích:

–Ông hãy đến phương Bắc, cách thế giới này sáu ngàn ức hằng hà sa các thế giới chư Phật, lại quá ngoài số đếm trăm ngàn vạn ức thế giới, có một thế giới Phật tên là Hoan hỷ, trong thế giới ấy có Phật, hiệu là Pháp Thượng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, hiện nay đang vì đại chúng mà giảng nói giáo pháp. Đức Phật kia nay muốn nêu giảng pháp môn Phương quảng đại sư tử hống. Ông có thể đến đó mà nghe. Này thiện nam! Pháp môn thù thắng ấy rất khó được nghe.

Bồ-tát Thắng Tích vâng lời Phật dạy, chỗ thuyết giảng tu hành, rồi liền qua thế giới kia đảnh lễ dưới chân Đức Như Lai Pháp Thượng, nhiễu quanh theo phía bên phải bảy vòng, rồi lui ra ngồi một bên. Bồ-tát Thắng Tích an tọa nơi một bên rồi, Pháp Thượng Như Lai biết mà vẫn hỏi:

–Này thiện nam! Ông từ đâu đến đây?

Bồ-tát Thắng Tích im lặng không đáp. Lúc đó, trong chúng hội kia, các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân đều nghĩ như vầy: "Có lý do gì, Bậc Thầy trong ba cõi đã hỏi mà Bồ-tát Thắng Tích vẫn im lặng không đáp?"

Lúc này, Đức Thế Tôn mắt như bông sen xanh dài rộng hiện hình sư tử tự tại nhìn khắp cả mười phương, biết các đại chúng có điều nghi, nên liền phóng ra ánh sáng màu vàng ròng chiếu khắp mười phương vô lượng trăm ngàn vạn thứ sắc xen lẫn, cùng lúc thế giới ấy hiện đủ sáu cách chấn động. Trong mười phương thế giới có các Bồ-tát đều tập hợp tại thế giới ấy, hiện ra các sắc đủ mọi hình trạng vi diệu, thấy Đức Như Lai kia phóng

ra ánh sáng và các việc rồi, liền vân tập về quốc độ đó. Đến nơi, tất cả đều cùng đảnh lễ nơi chân Đức Như Lai. Lễ Phật rồi, mỗi vị tùy theo công đức nơi thiện căn của mình mà ngồi nơi tòa hoa sen.

Lúc ấy, trong chúng có vị Bồ-tát tên Điện Diễm liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục nơi phía vai trái, đến trước Phật, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, hướng lên Phật, hoan hỷ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như hiện nay con thấy Đức Như Lai phóng ra vô lượng ánh sáng, con từ xưa chưa từng thấy ánh sáng lớn ấy. Lành thay! Thưa Thế Tôn! Mong Thế Tôn nói rõ việc này: Do đâu Đấng Đại Bi phóng ra ánh sáng ấy? Xin Thế Tôn giảng nói ý nghĩa đó.

Bồ-tát Điện Diễm dùng kệ hỏi:

Chư Bồ-tát cao tột
Lẽ nào không nhân duyên
Mà phóng ánh sáng này?
Xin vì chúng con nói.
Thương xót nói chân thật
Vì lợi ích chúng sinh
Mà phóng ánh sáng lớn
Nhân duyên gì xin nói.

Bấy giờ, Bồ-tát Điện Diễm thấy thân Như Lai màu Diêm-phù-đàn, phóng ra vô lượng trăm ngàn ức hào quang giống như lá cờ vàng ròng tự tại hiển hiện. Thấy như vậy rồi, Bồ-tát Điện Diễm liền hỏi Như Lai Pháp Thượng:

–Bạch Thế Tôn! Con cũng từng thấy vô số ánh sáng, nhưng con chưa từng thấy vô lượng ánh sáng và các việc thù thắng vi diệu như vậy.

Đức Phật ấy đáp:

–Đúng như thế! Này Bồ-tát Điện Diễm! Như những gì ông nói, sự thật là ít có. Trong các việc ấy có chư Phật Như Lai phóng ánh sáng như vậy, chẳng lẽ không do nhân duyên gì mà hiện tướng như thế. Này Bồ-tát Điện Diễm! Ông nay hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ kỹ. Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Chư Phật Như Lai vì lý do gì đó, nên mới có việc phóng ánh sáng. Này thiện nam! Nếu khi ông nghe rồi chớ sinh sợ hãi. Vì sao? Vì cảnh giới của chư Phật là không thể nghĩ bàn, ý nguyện thù thắng là không thể nghĩ bàn. Việc trang nghiêm là không thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Ông thấy việc này chớ sinh sợ hãi. Điện Diễm nên biết! Bồ-tát Thắng Tích là do Phật Thích-ca sai đến thế giới Hoan hỷ của ta, ông thấy không?

Bồ-tát Điện Diễm bạch:

–Con đã thấy, thưa Thế Tôn! Đã thấy, thưa Thiện Thệ!

Phật bảo:

–Này thiện nam! Bồ-tát Thắng Tích này vừa rồi ta hỏi: "Này thiện nam! Ông từ đâu đến? Mà Bồ-tát ấy cứ im lặng không trả lời ta?" Này thiện nam! Ta vì thấy việc đó nên phóng ánh sáng. Này thiện nam! Vì lý do gì ta hỏi mà không đáp? Đại chúng nghe vậy liền sinh lo sợ nghi hoặc, cứ đứng im lặng.

Phật bảo:

–Này thiện nam! Kẻ tộc tánh này sao Như Lai hỏi mà không đáp?

Bồ-tát Thắng Tích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Đức Thế Tôn ở đời vị lai, trong tánh của các pháp mà hỏi con: "Thiện nam! Ông từ đâu đến?" Pháp được chứng đắc của chư Phật, là không thể nói, tánh của tất cả pháp đều không thể nêu bày. Con không biện tài để có thể nói từ xứ nào đến.

Đức Như Lai bảo đại chúng:

–Này các thiện nam! Như vậy là vị thiện nam này đã lược nói về tất cả pháp, chỉ nẻo chân thật. Bồ-tát Thắng Tích đây, ở trong pháp "không gì sánh bằng" không thể nói, không thể diễn đạt, lìa văn tự, lìa trên dưới, lìa đến đi, tất cả các nẻo đều dứt không thấy chốn A-na-lê-da, lìa tâm ý, ý thức, lìa nhân duyên, không danh xưng, không ngôn từ, không thể giảng diễn, không thể nêu bày, không thể thấy, lìa các tầm nhìn, chẳng phải là chỗ chứa nhóm, chẳng phải là chốn nói năng, chẳng phải là chỗ từng có, lìa tướng và xứ, kể cả một chữ cũng lìa. Đã gọi là chữ thì không thể phô diễn. Như vậy thì lấy gì để trả lời ta?

Bấy giờ, Bồ-tát Quang Âm, nhờ thần lực của Phật, nên bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không thể nêu bày tất cả các pháp, mà có nói ra, thì tất cả những người ngu với những ngôn thuyết hiện có cũng là nói pháp.

Phật bảo:

–Này thiện nam! Chỗ nói như vậy chẳng phải chỉ là tất cả người ngu nói pháp, chẳng phải là người ngu si cũng có nói pháp. Tuy nói như vậy nhưng không hiểu biết.

Bồ-tát Quang Âm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi mong Thế Tôn nói rõ tại sao tất cả chúng sinh nói pháp mà không hiểu biết?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này thiện nam! Ví như có người ở thế gian khi sinh ra đã bị mù, sống dưới ánh sáng mặt trời mà lại không biết vầng mặt trời như thế nào, màu sắc và ánh sáng của nó ra sao. Nếu như có người khác bảo với người mù rằng ánh sáng của mặt trời có tướng như vậy. Như thế thì ánh sáng của mặt trời lìa danh tự, không phải là điều chúng sinh có thể nói ra được, nhờ nhân duyên nên nghe âm thanh ấy.

Này thiện nam! Như núi cao, hang sâu trong thế gian này có các tiếng vang, do nhân duyên cho nên mới sinh. Này thiện nam! Núi hang là không, tiếng vang là không, do nhân duyên cho nên sinh ra tiếng.

Này thiện nam! Ngôn thuyết của chúng sinh đều nằm trong biện luận. Nếu khi chưa nói, tâm chưa khởi thì gọi là Pháp biện. Nếu tâm đã khởi mà chưa nói thì gọi là Nghĩa biện. Nếu lúc tìm tòi pháp để diễn nói thì gọi là Từ biện. Nếu lúc không chướng ngại mà diễn nói thì gọi là Nhạo thuyết biện. Thế nên, này thiện nam! Tất cả ngôn thuyết của chúng sinh hiện có đều không rời nghĩa của bốn pháp môn, cũng không lìa thực tế. Như người mù kia nhờ vào sự chỉ bày của người khác nên mới biết được vầng mặt trời và ánh sáng của nó, từ đó mới bỏ tâm kiêu mạn.

Này thiện nam! Người mong hiểu ý nghĩa thì người ấy ở ngay trong tự thân mà cầu. Này thiện nam! Nếu người muốn cầu giác ngộ thì cầu ngay trong thân ngũ uẩn ấy.

Khi Phật giảng nói pháp nghĩa chân thật này, thì khắp tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu cách chấn động, có ánh sáng lớn soi chiếu khắp thế giới. Như Lai Pháp Thượng bèn hiện tướng lưỡi rộng dài bao trùm tam thiên đại thiên thế giới. Trong ánh sáng kia lại phóng ra trăm ngàn vạn ánh sáng, ánh sáng đó, dưới chiếu thấu các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trên thì đến cõi trời Hữu đảnh, thảy đều chiếu khắp. Lúc này, Đức Phật Pháp Thượng liền thâu ánh sáng trở lại, rồi bảo với đại chúng:

–Này thiện nam! Tướng lưỡi và ánh sáng kia như vậy mà lại có chuyện nói suông sao? Các ông nên khéo tin, khéo suy nghĩ, ta nói lời chân thật.

Bấy giờ, hàng Bồ-tát trụ nơi Thập địa dẫn đầu trong chúng, tất cả chúng đó cùng với tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay đồng thanh, bạch như vầy:

–Cúi xin Đức Thế Tôn giảng nói, mong Đức Thiện Thệ giảng nói về pháp nghĩa như thật, đại chúng chúng con đều nhờ thần lực của Phật, nên không có tâm nghi hoặc.

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Này các thiện nam! Đây chính là tiếng gầm lớn của Sư tử chúa. Nay ta nói là vì muốn tạo lợi ích, an lạc nơi tất cả chúng sinh, cho đến hàng trời, người. Này thiện nam! Ở thế giới Ta-bà kia có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, hiện nay đang vì đại chúng giảng nói pháp. Này thiện nam! Nay thân ta là Như Lai Pháp Thượng, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, cho nên chỉ bày đủ mọi thứ tướng ở thế giới Ta-bà, vì đấy mà nói pháp.

Nghe lời ấy rồi, cả đại chúng đều hoan hỷ hết mực, dùng vô lượng lời tán thán Như Lai:

–Hay thay, hay thay! Thưa Thế Tôn! Mong sao cho tất cả chúng sinh đều gầm lên tiếng gầm lớn của Sư tử, như hiện nay Như Lai gầm lên tiếng Sư tử trong đại chúng này. Thưa Thế Tôn! Nếu có người nào nghe được tiếng gầm của sư tử này, thì nên biết các chúng sinh ấy đã trồng rất nhiều căn lành. Nếu lại có người được nghe Như Lai gầm lớn tiếng sư tử, nghe rồi tin theo hành hóa, huống chi là lại đọc tụng, thọ trì, vì người khác rộng nói, dùng các thứ hương hoa, hương xoa, hương bột, hương đốt và những thứ y phục, trướng báu, lọng báu để cúng dường kinh này. Bạch Thế Tôn! Nên biết, các chúng sinh ấy đều được Phật gia hộ. Nếu có người chỉ nghe một câu trong kinh Đại Sư Tử Hống này, thì chúng sinh ấy cũng đã vun trồng rất nhiều căn lành công đức.

Đức Thế Tôn khen Bồ-tát này:

–Hay thay, hay thay! Này thiện nam! Như những lời ông nói, các chúng sinh kia đã vun trồng rất nhiều căn lành công đức mới được nghe kinh này. Nếu ai có thể nghe Như Lai giảng nói chỉ một câu kinh Đại Sư Tử Hống mà sinh tâm hoan hỷ, cho đến chỉ nói nhỏ một lời khen: Hay thay! Thì này thiện nam! Người ấy được ta gia hộ và Bồ-tát Di-lặc cũng gia hộ. Người ấy dùng vai gánh vác, giữ gìn đạo giác ngộ của ta. Nếu trong đời ác đủ thứ ô trược mà có thể tin tưởng, hộ trì kinh này thì nên biết, người ấy nơi đời quá khứ ta đã từng hóa độ và Bồ-tát Di-lặc gia hộ. Người ấy đã tát cạn biển sinh tử, đã hàng phục chúng ma, diệt trừ phiền não, đã làm chấn động sấm pháp, khua rền trống pháp, đã lìa thân nữ, đã hàng phục các oán địch đã diệt trừ phiền não. Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đủ mười a-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế giới, đem tất cả vật sở hữu để cúng dường chư Phật Như Lai; nếu lại có người nghe nghĩa chân thật nơi câu kinh kia rồi tin theo, thọ trì, do lòng tin nên xướng lên: “Hay thay!” thì được phước đức hơn người trước đây cúng dường chư Phật Như Lai nơi

tam thiên đại thiên thế giới. Vì lẽ đó, này các thiện nam! Các ông có tin lời nói của ta thì nên biên chép, thọ trì kinh này. Thiện nam! Dù ở nơi nào mà biên chép, cúng dường kinh này, nên biết nơi chốn chắc chắn có Như Lai.

Bấy giờ, Bồ-tát Thắng Tích, Bồ-tát Điện Diễm, Bồ-tát Quang Thường, Bồ-tát Tịnh Nhãn, Bồ-tát Vô Úy, Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Cái Nhất Thiết Chướng, Bồ-tát Tác Quang Minh và Bồ-tát Phổ Hiền, như vậy có đến tám vạn bốn ngàn Bồ-tát đồng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, chúng con sẽ rộng nói pháp môn này. Thưa Thế Tôn! Có các chúng sinh nghe kinh này thì những chúng sinh ấy cũng gọi là đạt được Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Nếu ai có khả năng tin thì biết rằng các chúng sinh ấy không phải là mới gieo trồng chút căn lành. Thưa Thế Tôn! Nếu chỉ nghe một câu trong kinh này thôi, huống nữa là đọc tụng, thọ trì đầy đủ, các chúng sinh ấy cũng đã được nhiều công đức, dù có nói ra trong trăm ngàn vạn ức kiếp cũng không thể hết được.

Đức Phật bảo các Bồ-tát Ma-ha-tát:

–Hay thay, hay thay! Này các thiện nam! Các ông nên như vậy mà hộ trì chánh pháp của Như Lai.

Lúc Đức Phật giảng nói pháp môn này rồi, Bồ-tát Thắng Tích và cả đại chúng đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 836

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG SƯ TỬ HỐNG

Hán dịch: Đời Đại Đường,
Tam tạng Địa-bà-ha-la.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bạc-già-phạm đang ở trên điện Thắng tạng trong cung Nhật nguyệt cùng với chín mươi trăm ngàn câu-chi chúng đại Tỳ-kheo và vô lượng Đại Bồ-tát.

Lúc đó, Đức Phật bảo Bồ-tát Thắng Tích:

–Này Bồ-tát Thắng Tích! Phương Bắc cách đây sáu mươi hằng hà sa cõi Phật, câu-chi na-do-tha trăm ngàn vi trần cõi nước, có thế giới tên là Hoan lạc, Đức Phật hiệu Pháp Khởi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hiện đang nói pháp, đem lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh, nay muốn nói kinh Đại Phương Quảng tên là Sư Tử Hống, khó gặp khó nghe, các vị nên đến đó để lắng nghe, lãnh thọ pháp yếu.

Vâng lời dạy của Đức Phật, Bồ-tát Thắng Tích liền đến thế giới Hoan lạc diện kiến Đức Phật Pháp Khởi, đảnh lễ sát nơi chân, nhiễu quanh theo phía bên phải bảy vòng rồi lui ra đứng một bên.

Thấy Bồ-tát Thắng Tích, Đức Phật Pháp Khởi biết mà vẫn hỏi:

–Này thiện nam! Ông từ đâu đến?

Bồ-tát Thắng Tích vẫn lắng lòng đứng yên, không trả lời.

Các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân và khắp cả chúng trong đại hội đều nghĩ: "Bậc Thầy trong ba cõi hỏi sao Bồ-tát Thắng Tích vẫn im lặng, lắng lòng đứng yên?"

Bấy giờ, Đức Phật dùng mắt hoa sen xanh to lớn rộng dài như dáng sư tử trườn mình nhìn khắp mười phương, biết được lòng nghi của đại chúng, liền mỉm cười phóng ra ánh sáng vàng ròng lớn. Ánh sáng ấy đan chéo bằng vô lượng trăm ngàn màu sắc khác lạ, chiếu khắp tất cả quốc độ nơi mười phương, khiến đại địa chấn động.

Khi ấy, các chúng Bồ-tát trong mười phương thấy được thần biến này, với vô số các thứ hình sắc, đủ loại nghi phục, liền đến chỗ Đức Phật đảnh lễ sát chân, dùng phước của chính mình trang nghiêm tạng tọa hoa sen rồi ngồi vào tòa ấy.

Bồ-tát Điện Man từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, hướng lên Đức Phật, vui mừng khôn xiết, thật chưa từng có, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xưa con từng thấy vô lượng thần biến, nhưng chưa thấy ánh sáng làm đại địa chấn động như hôm nay. Hay thay! Thưa Thế Tôn! Nguyện nói về nhân duyên, cớ gì mỉm cười, cúi xin thương xót giải rõ lòng nghi của đại chúng.

Thưa xong, Bồ-tát Điện Man dùng kệ thưa thỉnh:

Bậc Đạo Sư đại Bi
Mỉm cười vì lẽ gì
Xin Phật lợi chúng sinh
Thương xót, quyết định nói.

Lúc này, Đức Như Lai Pháp Khởi đoan nghiêm rực rỡ, ánh sáng Diêm-phù-đàn rạng ngời, phóng ra vô lượng trăm ngàn câu-chi na-do-tha hào quang vi diệu như trụ vàng ròng lớn.

Bồ-tát Điện Man bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con thấy vô lượng ánh sáng thần thông, nhưng ánh sáng hôm nay thì thât từ xưa giờ chưa từng thấy.

Đức Phật bảo:

–Này Bồ-tát Điện Man! Đúng vậy, đúng vậy! Như Lai hiện ánh sáng lớn nơi thần thông này thật là hy hữu. Nếu chẳng phải là đại nhân duyên thì không hiện tướng này. Hãy nên lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói về lý do mỉm cười, ông chớ kinh sợ, chớ mong cầu gì khác, giữ tâm kiên cố, chớ sinh nghi hoặc. Vì sao? Vì cảnh giới của chư Phật là không thể nghĩ bàn, nguyện lực thần thông là không thể nghĩ bàn, vậy ông phải suy nghĩ sâu xa, cẩn thận chớ nên nghi ngờ.

Này Bồ-tát Điện Man! Ông có thấy Bồ-tát Thắng Tích từ cõi của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đến đây không?

Bồ-tát Điện Man thưa:

–Dạ thấy, bạch Thế Tôn!

Này thiện nam! Bồ-tát Thắng Tích này, ta hỏi từ đâu đến nhưng vẫn lắng lòng đứng im lặng không trả lời. Do thấy việc như vậy nên ta mỉm

cười. Nay trong hội này đều sinh nghi hoặc, vì Như Lai hỏi mà không trả lời.

Này thiện nam! Bồ-tát Thắng Tích hiểu như vầy: Tất cả các pháp không đến không đi thì cớ gì Đức Thế Tôn hỏi ông từ đâu đến. Thắng Tích biết rằng các pháp không có ngôn thuyết, không thể thủ đắc thì vì sao nói từ đâu đến.

Này thiện nam! Đây chỉ là trình bày sơ lược về thật tướng của các pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát Thắng Tích đối với tất cả pháp là không chữ, không nêu, vì tánh của chữ là lìa (vắng lặng). Các pháp là không xuất phát, vì tánh của xuất phát là lìa. Các pháp là không thú hướng, vì thú hướng chánh là đoạn trừ. Các pháp là không hiện, vì không có chỗ nương tựa, vượt lên tâm thức, lìa các nhân duyên, không danh tự không ngôn thuyết, không tạo tác, không chỉ bày, vượt quá các nẻo nhận thức như mắt không có tích tụ, lìa tưởng vô sinh, không có xứ sở, lìa các xứ sở, pháp chỉ một chữ. Đó là không chữ vốn không có ngôn thuyết thì làm gì có ngôn thuyết.

Này thiện nam! Nên biết không thuyết giảng mới là thuyết giảng đích thực.

Lúc đó, Bồ-tát Tịnh Thân nương vào thần lực của Phật, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không nói ra mà là thuyết giảng đích thực thì những người câm không nói đều là nói pháp.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy! Này thiện nam! Thật đúng như lời ông nói, chẳng những người câm nói pháp mà người không câm cũng nói pháp, nhưng lại không biết pháp.

Bồ-tát Tịnh Thân bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn nói rõ: Thế nào là tất cả chúng sinh nói pháp mà không biết pháp?

Đức Phật bảo Bồ-tát Tịnh Thân:

–Này thiện nam! Như người sinh ra đã mù sống trong ánh sáng của mặt trời, nhưng không thấy mặt trời, phải nhờ người chung quanh trình bày mới biết rằng có mặt trời. Như vậy, các pháp đều nhập pháp giới, pháp giới không chữ lìa tánh của các chữ, chẳng phải là chỗ có thể tuyên nói, biện bạch của các chúng sinh. Do có nhân duyên nên có ngôn thuyết. Như hang sâu và tiếng vang, hang trống rỗng, không có tiếng, do nhân duyên nên có tiếng vọng lại. Như vậy, này thiện nam! Nhân duyên hòa hợp nên chữ, tiếng

mới hiển hiện. Nhưng cảnh giới của chúng sinh là không, không có danh tự. Này thiện nam! Âm thanh ngôn ngữ hiện có của chúng sinh, nên biết đều nhập vào bốn trí vô ngại. Dùng ngôn thuyết là nhập vào trí pháp vô ngại. Không dùng ngôn thuyết là nhập vào trí nghĩa vô ngại. Dùng ngôn ngữ để phân tích là nhập vào trí từ vô ngại. Tương ưng cùng với sự giải quyết không trì trệ là nhập vào trí khéo nói vô ngại. Chúng sinh với những ngôn thuyết hiện có nên biết đều nhập vào bốn pháp cú này. Nghĩa cú chân thật xưa nay không động. Như người sinh ra đã mù kia, tùy theo lời nói của người khác, cho chẳng phải là cái thấy chân thật. Vì thế, này thiện nam! Người muốn cầu giáo pháp thì nên tự thân mà cầu, muốn cầu Bồ-đề thì nên dùng thân năm uẩn mà cầu.

Khi nói về cú nghĩa này, thì khắp cả tam thiên đại thiên thế giới đều hiện đủ sáu cách chấn động, ánh sáng lớn tỏa chiếu tất cả. Đức Phật đưa tướng lưỡi rộng dài bao trùm tam thiên đại thiên thế giới. Từ tướng lưỡi, phóng ra vô lượng câu-chi na-do-tha trăm ngàn ánh sáng, từ đại địa ngục, trên đến trời Hữu đảnh, ánh sáng soi trùm tất cả thế giới. Đức Thế Tôn thâu lại tướng lưỡi rồi bảo khắp đại hội:

–Các vị nên biết! Tướng lưỡi rộng dài của Như Lai là do thật ngữ mà được. Lời Như Lai nói ra phải nên cung kính lãnh thọ, khởi lòng tin chân thật, chớ có do dự, sinh tâm nghi hoặc.

Lúc đó, chúng Bồ-tát Thập địa và tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân tất cả đại hội đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, đồng bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn giảng nói nghĩa như thật! Cúi xin Đức Thiện Thệ giảng nói nghĩa như thật! Hôm nay chúng con chỉ mong cầu pháp đã chứng đắc của Như Lai chứ không cầu pháp khác, đại chúng chúng con đều không nghi hoặc.

Đức Thế Tôn nhìn khắp cả đại hội ba lần rồi nói:

–Ta vì thương xót tất cả thế gian, tạo lợi ích, an lạc cho đông đảo chúng sinh, đem pháp tài làm lợi ích, an lạc cho hàng trời, người, vậy nay ta nói về pháp Đại sư tử hống.

Này thiện nam! Các vị nên biết, Đức Thích-ca Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở cõi Ta-bà hiện đang nói pháp hóa độ chúng sinh, kiến lập, hộ trì, khiến cho các loài luôn được an ổn. Đức Thích-ca ấy chính là Như Lai Pháp Khởi ta đây. Ta ở cõi Ta-bà, ta hiện đủ loại thân hình đem lại lợi ích cho chúng sinh, tùy theo chỗ thích nghi của chúng mà ứng hợp để độ thoát.

Lúc đó, cả đại hội nghe Đức Phật dạy đều sinh kinh ngạc lạ thường

nên hết sức vui mừng cho là điều chưa từng có, đồng thanh tán thán:

–Hay thay, hay thay! Đức Thế Tôn muốn khiến cho tất cả chúng sinh gầm lên tiếng gầm của sư tử, nên vì đại hội diễn nói pháp Sư tử hống chân thật. Nếu người nào nghe được pháp này thì nên biết người ấy căn lành rất nhiều, huống nữa là thọ trì, đọc tụng, giảng dạy rộng rãi, đem mọi thứ vòng hoa, y phục vật dụng, cờ phướn, lọng báu, xông đốt hương bột, cung kính cúng dường, thì người này nhất định được chư Phật thâu nhận bảo hộ.

Các Bồ-tát vừa tán thán xong, Đức Phật liền khen:

–Hay thay, hay thay! Thật đúng như lời các vị nói, thiện nam, thiện nữ ấy công đức rất lớn. Đây là pháp Sư tử hống chân thật của Như Lai, nếu người nào nghe với lòng thanh tịnh cho đến một lời khen "Hay thay" thì ta đều thâu nhận, gia hộ, cũng được Đức Di-lặc thương tưởng, chiếu cố. Người này hai vai gánh vác sự giác ngộ của ta, ở trong đời năm trược tin thọ kinh này, dù sinh ra nơi nào ta sẽ khiến họ thành thục và cũng được Đức Di-lặc thâu nhận hộ trì. Người này tát cạn biển sinh tử, hàng phục các ma, tiêu trừ các phiền não, đánh trống pháp lớn, vĩnh viễn không còn làm thân nữ, bẻ gãy các oán chướng, chấm dứt các kết tụ. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào trải qua mười a-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế giới nơi vi trần kiếp, đem mọi thứ vật dụng tạo an lạc, cúng dường, cung cấp tất cả các Đức Như Lai, nhưng khi nghe kinh này hiện bày thần thông chân thật mà lại hoài nghi không tin, thì người ấy đối với Đức Phật có lỗi lớn, như thế không gọi là cúng dường chân thật chư Phật.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe nói đức chân thật của Như Lai mà khởi lòng tin thanh tịnh, khen ngợi tán thán, công đức của người này so với người trước gấp trăm ngàn lần. Người này mới là chân thật cúng dường.

Này thiện nam! Các vị nếu đối với ta mà khởi lòng tin thanh tịnh thì nên ghi chép thọ trì kinh này. Kinh này ở chỗ nào thì chư Phật ở chỗ đó.

Lúc đó, Bồ-tát Thắng Tích, Bồ-tát Điện Man, Bồ-tát Thường Quang, Bồ-tát Tịnh Nhãn, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Tác Vô Úy, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Biện Dũng, Bồ-tát Trừ Nhất Thiết Chướng, Bồ-tát Tác Quang, Bồ-tát Phổ Hiền, đều là những vị đứng đầu trong tám mươi bốn câu-chi na-do-tha trăm ngàn Đại Bồ-tát, đồng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Về thời sau cuối, chúng con sẽ xin hết lòng truyền bá kinh này rộng rãi, khiến các chúng sinh giác ngộ nơi đại Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Nếu ai từ lâu đã không trồng căn lành thì kinh này

không thể lọt vào tai. Còn những ai thọ trì kinh này, truyền bá rộng rãi, thì tán thán công đức của chư vị ấy trong trăm ngàn câu-chi na-do-tha kiếp không thể cùng tận.

Nghe thế, Đức Thế Tôn liền khen các Bồ-tát:

–Hay thay, hay thay! Các vị nên như vậy mà tôn trọng lời Phật dạy, thọ trì chánh pháp.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Bồ-tát Thắng Tích và các hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà cùng cả đại hội đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 837

PHẬT THUYẾT
XUẤT SINH BỒ-ĐỀ TÂM KINH

Hán dịch: Đời Đại Tùy, Tam tạng
Xa-na-quật-đa, người xứ Bắc Ấn Độ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bà-già-bà ở tại vườn trúc Ca-lan đà thuộc thành Vương xá cùng với cúng Tỳ-kheo trăm ngàn vị, lại có vô lượng A-tăng-kỳ không thể nêu hết chúng Đại Bồ-tát từ mười phương vân tập đến.

Bấy giờ, tại thành lớn Vương xá có vị Bà-la-môn họ Đại Ca-diếp, trong giấc ngủ, ông ta mộng thấy nơi cõi Diêm-phù-đề hiện ra hoa sen lớn, hoa ấy có ngàn cánh, do bảy thứ báu tạo thành, thật là vi diệu, tối thắng tỏa sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Nơi hoa sen kia có vầng trăng, trong vầng trăng lại thấy có bậc đại trượng phu phóng ra ánh sáng lớn soi chiếu tất cả. Chúng sinh hiện có trong bốn thiên hạ này đều thấy ánh sáng ấy, tâm sinh hoan hỷ, hết mực vui thích vô cùng.

Lúc này, vừa tỉnh giấc, Bà-la-môn Ca-diếp nghĩ lại việc trong mộng, tâm vui nhưng sinh nghi: "Đây là nhân duyên gì, rốt cuộc là sự việc gì? Tướng hiện ra ấy trước nay chưa từng có, từ xưa cũng chưa từng nghe nói việc ta đã mộng thấy". Nghĩ vậy rồi, ông rất hoan hỷ cho rằng điều mình thấy trong mộng là hy hữu. Ông nghĩ tiếp: "Nơi đây có vị Sa-môn Cù-đàm, từ lâu ta đã nghe người khác nói vị ấy tu sáu năm khổ hạnh, hàng phục các ma chứng đại giác ngộ, chuyển bánh xe pháp vi diệu, thu phục hàng ngoại đạo, được mọi người trí tán thán, là bậc thông tuệ khéo léo biết rõ về các sự việc. Nay ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi về điềm mộng này".

Bấy giờ, đêm đã qua, Bà-la-môn Ca-diếp từ thành Vương xá đi tới vườn trúc Ca-lan-đà, là nơi trú xứ của Đức Thế Tôn. Đến nơi, ông đảnh lễ dưới chân Phật, lui ra đứng qua một bên, rồi hướng lên Phật nêu bày rõ việc trong mộng. Đợi cho Bà-la-môn thưa trình đầy đủ rồi, Đức Thế Tôn mới bảo Bà-la-môn Ca-diếp:

–Này thiện nam! Có bốn điềm mộng lành đạt được pháp thù thắng.

Những gì là bốn? Đó là: Trong giấc ngủ mộng thấy hoa sen. Hoặc mộng thấy dù lọng. Hoặc mộng thấy vầng trăng. Hoặc mộng thấy hình tượng Phật. Khi thấy như vậy nên tự vui mừng vì biết mình gặp pháp thù thắng.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa trên nên nói kệ:

Nếu như mộng thấy có hoa sen
Hay là mộng thấy có dù lọng
Hoặc trong mộng thấy rõ vầng trăng
Biết chắc đạt được lợi ích lớn.
Hoặc lúc mộng thấy hình tượng Phật
Thân trang nghiêm đầy đủ các tướng
Chúng sinh thấy được sinh hoan hỷ
Nghĩ tất sẽ làm Bậc Điều Ngự.

Nghe kệ này rồi, Bà-la-môn Ca-diếp liền bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Thế nào là lợi ích lớn cho các chúng sinh? Nếu có thể đạt được lợi ích này để cầu đạo Bồ-đề?

Đức Phật bảo:

–Lợi ích lớn ấy chính là Nhất thiết trí.

Bà-la-môn Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài nói lợi ích lớn ấy là Nhất thiết trí, vậy nhờ nhân duyên gì mà có thể đạt được?

Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn Ca-diếp nên nói kệ:

Ta nay nói lợi lớn
Bà-la-môn lắng nghe
Nếu hòa hợp có lợi
Sẽ làm Đấng Lưỡng Túc.
Hoặc làm vua Chuyển luân
Tự tại khắp thiên hạ
Chúng sinh muốn như vậy
Phải phát tâm Bồ-đề.
Hoặc làm chủ Phạm thiên
Tự tại giữa mọi người
Chúng sinh muốn như vậy
Phải phát tâm Bồ-đề.
Cõi Dục và cõi Sắc
Vô sắc và cõi trên
Chúng sinh muốn như vậy
Phải phát tâm Bồ-đề.

Nếu có các chúng sinh
Như muốn làm thương chủ
Là thương chủ dẫn đường
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Muốn phóng ánh sáng lớn
Phá diệt mọi tối tăm
Nên phát tâm Bồ-đề.
Như có các chúng sinh
Muốn dứt các điên đảo
Hiện có khắp ba cõi
Nên phát tâm Bồ-đề.
Như có các chúng sinh
Muốn trừ mọi chướng ngại
Cùng các thứ pháp ác
Nên phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Muốn diệt trừ vô minh
Và đoạn lưới tham ái
Nên phát tâm Bồ-đề.
Hoặc có các chúng sinh
Nhằm diệt hữu và ái
Đoạn trừ mọi cấu uế
Nên phát tâm Bồ-đề.
Như có các chúng sinh
Muốn dứt bỏ ngã mạn
Và sắc khiến ngã mạn
Nên phát tâm Bồ-đề.
Hoặc có các chúng sinh
Lìa bỏ tâm cao ngạo
Mạng không bệnh, ngã mạn
Nên phát tâm Bồ-đề.
Như có các chúng sinh
Nhằm diệt ngã mạn lão
Mạn vô thường, thường tục
Nên phát tâm Bồ-đề.
Nên có các chúng sinh
Nhằm diệt mạn đa văn

Cùng mạn do trì giới
Nên phát tâm Bồ-đề.
Hoặc có các chúng sinh
Muốn diệt mạn tịch tĩnh
Các mạn như khất thực
Nên phát tâm Bồ-đề.
Như có các chúng sinh
Nhằm diệt mạn tri thức
Mạn thọ y phấn tảo
Nên phát tâm Bồ-đề.
Hoặc có các chúng sinh
Muốn diệt mạn thần thông.
Một bữa ăn làm tịnh
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Muốn diệt tất cả mạn
Mạn hữu vi hiện có
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Muốn được cúng dường Phật
Vào trước lúc diệt độ
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Muốn được cúng dường Phật
Và tất cả Như Lai
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Muốn được Chuyển pháp luân
Thế gian không thể chuyển
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Muốn diệt độ liền diệt
Nên nghĩ điều đáng nghĩ
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Muốn tu hành phạm hạnh
Trước sau được trọn vẹn
Phải phát tâm Bồ-đề.

Nếu có các chúng sinh
Muốn luôn đạt tinh tấn
Tới lui trong các cõi
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Muốn nói các hành khổ
Thấy chúng sinh thọ khổ
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Các pháp không có ngã
Vì chúng sinh giảng nói
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Muốn chuyển bánh xe pháp
Để lên nẻo giác ngộ
Phải phát tâm Bồ-đề.
Nếu có các chúng sinh
Nói Niết-bàn tịch diệt
Chứng Bồ-đề tối thắng
Phải phát tâm Bồ-đề.
Các công đức như vậy
Người phát tâm đạt được
Phạm chí nghe vậy rồi
Nên hành đạo giác ngộ.

Nghe kệ xong, Bà-la-môn Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người phát tâm Bồ-đề gồm thâu được bao nhiêu phước lớn?

Đức Phật dùng kệ tụng trả lời Bà-la-môn Ca-diếp:

Nếu chúng sinh trong cõi Phật này
Khiến trụ lòng tin và giữ giới
Khối phước lớn kia so đạo tâm
Thì không bằng một phần mười sáu.
Nếu chúng sinh trong cõi Phật này
Khiến trụ lòng tin nơi pháp hành
Khối phước lớn kia so đạo tâm
Thì không bằng một phần mười sáu.
Nếu hằng hà sa cõi chư Phật

Thảy đều tạo chùa cầu phước đức
Xây tháp như núi, so đạo tâm
Nhưng không bằng một phần mười sáu.
Nếu có cõi Phật như hằng sa
Các thứ bảy báu đều thí khắp
Khối phước lớn kia, so đạo tâm
Thì không bằng một phần mười sáu.
Như núi Thiết vi cao rộng lớn
Xây tháp vô lượng cúng chư Phật
Chúng sinh cầu phước là như vậy
Không bằng phần mười sáu đạo tâm.
Nếu có chúng sinh trọn cả kiếp
Hoặc đầu hoặc tay thường đội vác
Khối phước lớn kia so đạo tâm
Thì không bằng một phần mười sáu.
Những người như vậy được thắng pháp
Nếu cầu giác ngộ, lợi muôn loài
Các hạng chúng sinh tối thắng đó
Phước này khó sánh, huống là hơn.
Thế nên được nghe các pháp này
Người trí thường sinh tâm ưa pháp
Nên được khối phước lớn vô biên
Nhanh chóng chứng đắc đạo Vô thượng.

Bấy giờ, Bà-la-môn Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Người đã phát tâm Bồ-đề như vậy có thoái chuyển không?

Đức Phật đáp:

–Người phát tâm Bồ-đề như vậy, ở trong đạo giải thoát không có thoái chuyển. Chỉ theo sự thì riêng có ba thứ Bồ-đề: Bồ-đề của Thanh văn, Bồ-đề của Bích-chi-phật và Bồ-đề của Vô thượng Chánh giác.

Này đại Bà-la-môn! Sao gọi là Bồ-đề của Thanh văn? Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không dẫn dạy người khác phát tâm Bồ-đề, không khiến cho người khác an trụ, cũng không vì người khác giảng nói kinh điển như vậy, không tự mình thọ trì cũng không nêu giảng rộng về ý nghĩa cho người khác. Lại hay thân cận với hàng Phú-già-la nhưng không thừa sự cúng dường những thứ cần dùng; hoặc có người đến cũng không đến,

cũng đều không cung kính, đối với điều ấy cũng không khởi tâm tùy hỷ. Do nhân duyên này mà tâm được giải thoát. Này Bà-la-môn! Đó gọi là Bồ-đề của Thanh văn.

Lại nữa, sao gọi là Bồ-đề của Bích-chi-phật? Nếu thiện nam, thiện nữ nào tự phát tâm Bồ-đề nhưng không dẫn dắt người khác phát tâm Bồ-đề, không khiến cho họ an trụ, cũng không vì họ giảng nói kinh điển như vậy, chính mình không thọ trì, cũng chẳng nêu giảng rộng cho người khác, cũng hay thân cận với hàng Phú-già-la nhưng không thừa sự cúng dường những thứ cần dùng. Nếu có người đến hoặc không đến cũng đều không cung kính, không tùy hỷ. Do nhân duyên này tâm chứng đắc Bồ-tát Bích-chi-phật. Thế nên gọi là Bồ-đề của Bích-chi-phật.

Lại nữa, sao gọi là Bồ-đề của Vô thượng Chánh giác? Nếu các thiện nam, thiện nữ tự phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại cũng chỉ dẫn người khác phát tâm như thế đã khiến họ được an trụ, lại giảng nói kinh điển như vậy, chỉ cho họ thọ trì, thân cận với hàng Phú-già-la, thừa sự cúng dường, có người thọ sinh hoặc không thọ sinh đều cung kính, sinh tâm tùy hỷ. Giải thoát như vậy là tự lợi, lợi tha, vì đem lại lợi ích cho nhiều người, vì tạo an lạc cho nhiều người, vì thương xót thế gian, tạo lợi ích an lạc cho các hàng trời, người, nên gọi là Bồ-đề của Vô thượng Chánh giác.

Do ý nghĩa gì được gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề? Vì ngoài pháp này ra, không có pháp thù thắng nào có thể cầu đạt, do đó gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa trên nên nói kệ:

Tự phát tâm Bồ-đề
Không dạy người thọ trì
Nhân nơi tâm lực mình
Rồi sau vào Niết-bàn,
Do gắng sức tự lợi
Không dạy người thọ trì
Thế nên gọi Sa-môn
Con Phật thầy tối thắng.
Người phát tâm Bồ-đề
Giáo hóa sinh hoan hỷ
Cho nên tự được đạo
Biết quả báo như vậy,
Tự độ không độ tha

Phước điền trong chư Tiên
Được gọi là Duyên giác
Bà-la-môn nên biết,
Tự phát tâm Bồ-đề
Giải thoát nhiều chúng sinh
Vì đời tạo lợi ích
Nên gọi Phật, Đạo sư.
Tự thành tựu lợi ích
Lại dạy người giải thoát
Cả hai không sai khác
Nên gọi không nghĩ bàn.

Bấy giờ, Bà-la-môn Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giải thoát đối với giải thoát có sai biệt chăng?

Phật đáp:

–Này Bà-la-môn! Giải thoát đối với giải thoát không có sai biệt. Đạo với đạo không có sai biệt. Thừa với thừa không có sai biệt. Ví như nơi quốc lộ có xe voi, xe ngựa, xe lừa, các loại xe kia lần lượt đi trên đường ấy, cùng đến một thành. Này Bà-la-môn! Ý ông nghĩ sao? Các loại xe như vậy có sai biệt chăng?

Bà-la-môn thưa:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn! Các loại xe ấy thật sự là có sai biệt.

Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Bà-la-môn! Thừa Thanh văn, thừa Bích-chi-phật, thừa Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề có sai biệt nhưng đạo cùng với giải thoát thì không có sai biệt. Này Bà-la-môn! Ví như nơi sông Hằng có ba hạng người đều từ bờ bên này sang tới bờ bên kia. Người thứ nhất dùng cỏ kết làm bè dựa vào đấy mà vượt qua. Người thứ hai hoặc dùng phao nổi, hoặc dùng thuyền nan mà vượt qua. Người thứ ba dùng thuyền lớn cho vào sông trong thuyền này lại chở hàng trăm ngàn người. Người thứ ba ấy lại chỉ dẫn con trai lớn của mình sắp đặt giữ gìn mọi chuyến qua lại của thuyền, hễ có bao nhiêu chúng sinh đến thì phải đưa họ từ bờ bên này sang bờ kia, vì nhằm tạo lợi ích cho nhiều người. Này Bà-la-môn! Ý ông nghĩ sao? Những người qua bờ bên kia có sai biệt chăng?

Bà-la-môn đáp:

–Thưa Thế Tôn, không!

Đức Phật lại hỏi:

–Này Bà-la-môn! Sự chuyên chở này và sự chuyên chở kia có sai biệt không?

Bà-la-môn đáp:

–Những sự chuyên chở ấy thật sự là có sai biệt.

Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Bà-la-môn! Thừa Thanh văn, thừa Bích-chi-phật, thừa Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thật sự là có sai biệt.

Này Bà-la-môn! Như người thứ nhất, nhờ vào bè cỏ nên từ bờ bên này vượt sang bờ bên kia, chỉ có một mình. Nên biết như vậy là Bồ-đề của Thanh văn. Người thứ hai hoặc nhờ vào phao nổi, hoặc nhờ nơi thuyền nan nên từ bờ bên này sang bờ bên kia. Nên biết như vậy là Bồ-đề của Bích-chi-phật. Người thứ ba thành tựu thuyền lớn, cùng chở được nhiều người từ bờ bên này sang bờ bên kia. Nên biết như vậy là Bồ-đề của Như Lai.

Lúc này, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Đường và giải thoát không có hai
Nhưng các thừa đều có sai biệt
Người trí nên so sánh như vậy
Cần chọn thừa tối thắng, tối thượng.
Các pháp dạy như vậy
Đức Phật nói lời này
Chọn lựa các pháp rồi
Người trí cần phải học.

Bà-la-môn Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát hành trì như thế nào, niệm trụ như thế nào để đến Đại thừa?

Đức Phật đáp:

–Này Bà-la-môn! Ông hãy lắng nghe về ý nghĩa này. Nếu các Đại Bồ-tát như niệm tu hành để đạt đến Đại thừa. Này Bà-la-môn! Nếu các thiện nam, thiện nữ tự phát tâm Bồ-đề, cũng chỉ dẫn cho người khác phát tâm Bồ-đề, chính mình vui trong việc tu hành, lại khuyến khích người khác tu tập, an trụ, vui thích trong việc tu hành, lại vì họ mà giải thích ý nghĩa của kinh. Những người Phú-già-la như vậy không đến thân cận để thừa sự tiếp nhận, nên dùng bốn Nhiếp pháp nhằm giáo hóa họ. Những gì là bốn nhiếp pháp? Đó là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên nói kệ:

Đủ mọi bố thí lớn

Tất cả vật sở hữu
Vì muốn thâu nhận người
Bồ-tát, bậc Vô úy
Thị hiện dắt dẫn đường
Chúng sinh không chỗ nương
Nên dùng lời diệu, thiện
Thường thường an ủi họ.
Mình, người đều an lạc
Người sinh nơi cõi lành
Ngày đêm luôn tùy thuận
Các chúng sinh như vậy.
Không tin, khiến họ tin
Pháp giới, khuyên trụ giới
Keo kiệt, dạy bố thí
Mong lợi ích tất cả.
Dạy người hành Bồ-đề
Luôn tinh tấn bền chắc
Cùng với việc lợi ích
Người trí như lời hành.
Người trí tuệ như vậy
Đạo sư của Bồ-tát
Việc làm của người trí
Thường ưa pháp Đại thừa.
Dũng mãnh là tối thắng
Người trí cần phải học
Do pháp thù thắng kia
Tối thượng đến bờ giác.

Bà-la-môn Ca-diếp dùng kệ tụng bạch Phật:

Đại đức dạy pháp tu
Bồ-tát, các Đạo sư
Nên học theo hạnh này
Đạt đến Lưỡng Túc Tôn.
Vì con nói pháp tu
Và chỗ nương các hạnh
Giác ngộ rộng bao la
Thương xót vì con nói.

Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn Ca-diếp:

–Hay thay! Này Bà-la-môn! Các Bồ-tát có ba thứ hạnh là: Thiên hạnh, Phạm hạnh và Thánh hạnh.

Này Bà-la-môn! Sao gọi là Thiên hạnh? Nếu có thiện nam, thiện nữ đem thân nghiệp hành Từ, khẩu nghiệp hành Từ, ý nghiệp hành Từ hành hóa khắp vô lượng thế giới ở phương Đông, đầy đủ, trọn vẹn. Lại có thể khéo đi vào các phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên, dưới, đều đem thân nghiệp hành Từ, khẩu nghiệp hành Từ và ý nghiệp hành Từ đầy đủ khắp tất cả. Đây gọi là Thiên hạnh.

Sao gọi là Phạm hạnh? Đó là bốn Tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đây gọi là Phạm hạnh.

Này Bà-la-môn! Sao gọi là Thánh hạnh? Là ba cửa giải thoát: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đây gọi là Thánh hạnh.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên nói kệ:

Dũng mãnh hành tinh tấn
Đạo sư của Bồ-tát
Nếu có đủ Thiên hạnh
Là người ưa giác ngộ.
Thánh hạnh và Phạm hạnh
Hạnh này bậc Thánh nói
Nếu có người tu hành
Nhất định đạt Bất động.

Bà-la-môn Ca-diếp lại dùng kệ bạch Phật:

Con thích pháp giác ngộ
Nay hỏi Đại Đạo Sư
Các vị này đời sau
Tập các hạnh thế nào?
Vì chúng sinh đời sau
Nên con hỏi Thế Tôn
Ở trong Bồ-đề Phật
Ý con không phân biệt
Vì lợi ích chúng sinh
Nay con phát đạo tâm.

Đức Thế Tôn dùng kệ tụng đáp Bà-la-môn Ca-diếp:

Nói Tu-đa-la này
Khiến phát Bồ-đề lớn
Phạm chí, Phật Bồ-đề
Chưa từng có phân biệt.

Nói Tu-đa-la này
Khiến phát Bồ-đề lớn
Nên đoạn mọi nghi ngờ
Tùy thuận chúng sinh hỏi.
Nói Tu-đa-la này
Khiến phát Bồ-đề lớn
Đoạn trừ tất cả nghi
Khen ngợi các chúng sinh.
Người được nghe kinh này
Nên vào đời vị lai
Thực hành bố thí lớn
Bố thí đến bờ kia.
Người được nghe kinh này
Nên vào đời vị lai
Giữ giới được trọn vẹn
Giữ giới đến bờ kia.
Người được nghe kinh này
Nên vào đời vị lai
Hành nhẫn vì chúng sinh
Nhẫn nhục đến bờ kia.
Người được nghe kinh này
Nên vào đời vị lai
Tinh tấn vì chúng sinh
Tinh tấn đến bờ kia.
Người được nghe kinh này
Nên vào đời vị lai
Thường nhập các thiền định
Thiền định đến bờ kia.
Người được nghe kinh này
Nên vào đời vị lai
Vì người cầu thắng trí
Trí tuệ đến bờ kia.
Từng làm việc cúng dường
Thương xót các chúng sinh
Được nghe kinh điển này
Đời sau đạt đến đích.
Tỳ-kheo trụ Lan-nhã
Ý cầu Phật Bồ-đề

Người được nghe kinh này
Đi sau mà đến trước.
Quá khứ số ức Phật
Đã trì kinh điển này
Vì lợi các Bồ-tát
Phát khởi ý mong muốn.
Nếu có Bà-la-môn
Ham thích Phật Bồ-đề
Lúc ấy được tin tưởng
Kinh này đến với họ.
Ta thấy các chúng sinh
Tất rõ nẻo hành
Cũng biết luôn tên tuổi
Ta thấy đều không ngại.
Tất cả mong nên đủ
Người đời sau lầm
Sợ họ sinh các lỗi
Vì thế nên nói ít.

Bà-la-môn Ca-diếp lại dùng kệ bạch Phật:

Đại đức khéo thọ trì
Khiến sinh ý rộng lớn
Đại trượng phu đời này
Không lâu con sẽ làm.
Quá khứ và vị lai
Những gì Đạo Sư nói
Vì họ sinh thiện lợi
Nên trụ nơi Bồ-đề.

Đức Thế Tôn lại dùng kệ trả lời Bà-la-môn:

Những người trụ trí này
Vì ai mà nói ra
Đã biết tâm hành kia
Ta nay thọ ký họ.
Những ai nghe kinh này
Hiện đang ở trước ta
Người ấy vào đời sau
Kinh này hiện ra trước.
Nếu có các người nữ
Sao chép kinh điển này

Kinh này vào tay họ
Hay sinh giác ngộ lớn.
Ở trước ta đã nói
Tỳ-kheo ưa Lan-nhã
Được thọ kinh điển này
Nơi sau sẽ hiện trước.
Tỳ-kheo nghe kinh này
Rơi nước mắt như mưa
Con trước tạo nghiệp gì
Đời này được lợi ấy?
Con nơi kinh như thế
Chưa từng khéo suy nghĩ
Con đã được thọ ký
Nghiệp gì đạt quả này?
Con xưa Bà-la-môn
Dựa vào Tỳ-kheo sống
Lúc Tỳ-kheo buông lung
Nói Tu-đa-la này.
Phạm chí khi nghe được
Liền đến mà khất thực
Rơi lệ rồi bỏ đi
Khi ấy bèn tâm nguyện.
Con đối với kinh điển
Chép nghĩa và văn tự
Chứng minh cho đời sau
Lại cũng luôn ủng hộ.
Nhờ quả nghiệp thiện ấy
Nên vào đời vị lai
Được kinh điển như vậy
Gìn giữ chắc trong tay.
Lúc đó có Tỳ-kheo
Khóc thương lệ chan chứa
Đương thời nên sám hối
Sau được kinh pháp này.
Nghiệp đời trước diệt sạch
Lúc đó có tướng hiện
Ở trong giấc mộng kia
Được Tu-đa-la này.

Sinh tử, mọi lưu chuyển
Lừa dối, sợ hãi lớn
Đây nhờ A-di-đà
Sức nguyện quả như vậy.
Các Tỳ-kheo phá giới
Bị người khác khinh chê
Lỗi lầm nhiều như vậy
Lưu chuyển rất sợ hãi.
Nhiều nghiệp ác như thế
Nhờ được nghe kinh này
Nên đến biên vực kia
Về sau luôn tỏa sáng.

Bà-la-môn Ca-diếp lại dùng kệ này bạch Phật:

Kinh điển lớn thế này
Khiến phát đạo tâm lớn
Vì con và đời sau
Phân biệt rộng giảng nói.

Đức Thế Tôn lại dùng kệ bảo Bà-la-môn Ca-diếp:

Các âm thanh vị lai
Cho đến lời ta nói
Kinh điển rộng thế này
Vì thế ngươi nên biết.
Nói kinh điển lớn này
Đây nên gọi A-hàm
Nên tạo tạng bí mật
Hàng Thanh văn tu học.
Chỗ nói là chốn này
Và những người đắc đạo
Đây là mẹ các kinh
Phạm chí biết như vậy.
Lúc ấy các Tỳ-kheo
Sau khi ta diệt độ
Tạp và Trường A-hàm
Lại gọi Trung A-hàm.
Lúc đó có A-hàm
Đủ số gọi Tăng Nhất
Lại nói Tạp kinh điển
Nói Kinh tạng Thanh văn.

Lại nên tạo Tỳ-ni
Cũng tạo A-tỳ-đàm
Hoặc đối với Tam tạng
Được gọi các Tỳ-kheo.
Tám vạn lẻ bốn ngàn
Pháp tu ta đã nói
Tất cả từ đây ra
Gọi là kinh Tối Thắng.
Ở đây nói Thanh văn
Và nói về Độc giác
Căn bản của các trí
Kinh điển không nghĩ bàn.
Sở hữu của thế gian
Ba cõi chưa hiện ra
Cội gốc của các phước
Nhờ phát tâm Bồ-đề.
Các công đức thế giới
Hành nhẫn nhục, tinh tấn
Thiền định công đức hơn
Khéo nói trong kinh này
Trí tuệ công đức hơn
Giải thoát, nhẫn, tịch diệt.
Tất cả đều hiện bày
Khéo nói trong kinh này,
Khổ, Tập cùng với đạo
Tịch diệt từ đây hiện.
Các pháp đều pháp Phật
Những điều kinh này nói
Là các khổ, vô thường
Cũng nói pháp vô ngã.
Nói Niết-bàn tịch tĩnh
Tại nơi kinh điển này
Chốn ấy nói Thanh văn
Nơi trụ các nhân duyên.
Kinh điển Đại thừa này
Thâu nhận tất cả pháp
Các pháp rất rộng lớn
Tại nơi tâm Bồ-đề.

Hiện tiền thấy chư Phật
Và vì họ nói pháp
Đương thời ở trước nghe
Là nhờ kinh điển ấy.
Chúng sinh trong ba cõi
Ít được nghe kinh này
Nghe rồi sinh ưa thích
Vì dốc cầu Phật thừa.

Bà-la-môn Ca-diếp lại bạch Phật:

–Thật hy hữu, thưa Thế Tôn! Nếu như các chúng sinh không có trí tuệ được nghe kinh điển vô thượng, vô biên như vậy, cho đến các chúng sinh cũng sẽ không có trí tuệ, đối với kinh điển vô thượng, vô biên như vậy, nghe rồi không có thể ở trong pháp ấy, không sinh ham muốn bền chắc. Thưa Đại Đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì đã có diệu pháp như vậy mà các chúng sinh vẫn còn lỗi lầm, hư giả?

Đức Phật bảo Bà-la-môn Ca-diếp:

–Tam thiên đại thiên thế giới này có hàng trăm ngàn vạn các cung điện của các ma. Mỗi mỗi ma đều có hàng ngàn vạn chúng ma làm quyến thuộc, vây quanh đám ma kia. Chúng ma luôn dốc sức tìm nhiều cách để phá hoại kinh điển này, nên ở chỗ nào chúng cũng tạo ra các chướng. Vì sao? Nếu như trong tam thiên đại thiên thế giới với các chúng sinh hiện có đều được quả A-la-hán; hoặc có thiện nam, thiện nữ được nghe kinh này rồi, sẽ phát tâm cầu đạo quả Vô thượng chánh giác. Này Bà-la-môn! Do nhân duyên này nên khiến cho ngàn quân ma cố sức tìm cách hủy diệt kinh này. Vì sao? Này Bà-la-môn! Vì kinh này là nguồn gốc nơi chủng tánh của tất cả các pháp. Vì ý nghĩa ấy nên trăm ngàn vạn các ma luôn tìm mọi cách để phá hoại.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bà-la-môn:

–Nay có kinh tên là Phá Các Hội Ma. Các ngươi nên thọ trì đọc tụng, thì sẽ phá trừ được các hội Thiên ma. Này Bà-la-môn! Ví như vầng mặt trời khi đã xuất hiện, thì có thể xua tan mọi tối tăm, hắc ám. Như vậy, này Bà-la-môn! Lúc giảng nói kinh Phá Các Hội Ma khiến tất cả các ma đều ẩn mất, không dám lộ diện.

Này Bà-la-môn! Thế nào là kinh Phá Các Hội Ma?

Lúc đó, Đức Thế Tôn liền nói Đà-la-ni:

–Đa trí tha, a nậu mộ đại na, Bồ-đề tam ma đà ba na đa, phục đá hu phục đá đát đát la phục đá, ni hưng già ma, ba la phá, đa la phá đá sĩ hư, đá

long già ma già ma na, tỳ lợi ma, ma tố ma, ti lý bà già ma, tỳ đạt la ma, đại la khúc ma, a la di la y ca xoa la na dụ.

Này Bà-la-môn! Đà-la-ni này là chư Phật, Thế Tôn đời quá khứ, vị lai, hiện tại cùng nói kinh Phá Các Hội Ma. Này Bà-la-môn! Lúc nêu giảng kinh Phá Các Hội Ma này thì tất cả các cung ma đều chấn động, rung rinh mạnh làm cho chúng ma thảy đều từ chỗ ngồi lộn nhào cả xuống, không thể nói năng được. Vì sao? Vì chúng luôn gây tạo những thứ không lợi ích cho nhiều người, thường đem lại khổ não và làm mất lợi ích cho chúng sinh. Vì vậy nên hiện phải quả báo sợ sệt như thế. Như Phật Thế Tôn luôn ban cho tất cả chúng sinh sự an lạc, cho đến Từ, Bi, Hỷ, Xả, nên khiến bọn ma Ba-tuần luôn sinh sợ sệt.

Này Bà-la-môn! Nếu lại có người, có thể chuyển nói kinh Phát Bồ-đề này đến cho người khác nghe đều không bị chướng ngại. Hoặc các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Nhân phi nhân, hoặc ma, hoặc con ma, hoặc quyến thuộc của ma, hoặc gặp nước, lửa, đao binh, hoặc gặp người hành ác, các thú dữ, hoặc thân bị phiền não, hoặc ý có sự khổ mà người kia phải thọ nhận thì không có điều ấy. Tại sao? Vì các thiện nam, thiện nữ đó luôn làm việc lợi ích, an lạc cho nhiều người, luôn thương xót đến mọi người, cũng thường luôn che chở cho hàng trời, người. Đó là diệu lực hành Từ bi của các thiện nam, thiện nữ ấy, nên biết như thế. Này Bà-la-môn! Các thiện nam, thiện nữ kia thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác, nên các việc khổ không thể bức bách thân, tâm họ. Này Bà-la-môn! Nhờ nhân duyên đó nên có thể diệt trừ tất cả khổ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên nói kệ:

Ma cố gắng tìm cách
Muốn phá hoại kinh này
Thế nên kinh điển đây
Phật vì chúng sinh nói.
Làm cho ma mê loạn
Tụ tập ngồi run sợ
Nhìn nhau không nói được
Do quả báo ác ấy.
Thường khủng bố chúng sinh
Luôn ôm lòng làm ác
Điên đảo bị đọa lạc
Thế nên mắc hiện báo.
Người từ bi hòa hợp

Tâm vui nói những gì
Lúc bình đẳng nói pháp
Tâm ý xấu đều tan.
Hàng phục các ma vương
Và xua tan quân ma
Dạ-xoa, các quỷ dữ
Tự nhiên bị đọa lạc.
Dao gậy không hại được
Lửa, nước không chìm, đốt
Chửi bới, trù, rủa độc
Không thể làm tổn hại.
Bức bách thân và tâm
Việc ấy chưa từng có
Luôn luôn phát lời thề
Thân, khẩu trụ như vậy.
Chận đứng các đường ác
Tránh xa tất cả nạn
Tiêu diệt sạch các ma
Vì nói kinh điển này.
Tất cả pháp Trí khéo
Nếu muốn qua bờ kia
Phải nghe kinh điển này
Nghe rồi nỗ lực học.
Nếu siêng học kinh này
Các Bồ-tát vô úy
Giác ngộ đạt tối thượng
Hướng thẳng đến Bồ-đề.

Phật giảng nói kinh này, Bà-la-môn Ca-diếp và cả đại hội, chúng Càn-thát-bà, Trời, Người, A-tu-la nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 838

PHẬT THUYẾT PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM PHÁ CHƯ MA KINH

QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc lâm Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Bí-sô một ngàn hai trăm năm mươi người hội đủ và chư vị Đại Bồ-tát vân tập đến.

Bấy giờ, tại thành Vương xá, có đại Bà-la-môn họ Ca-diếp, vào một đêm, chợt nằm mộng thấy thế giới Diêm-phù-đề này có hoa sen rộng lớn gồm ngàn cánh, bảy báu trang nghiêm, thanh tịnh, đáng yêu thích. Nơi hoa sen lại có vầng trăng lớn, trong lành, đầy đặn, ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ, Bà-la-môn thấy được hình ảnh này, tâm vô cùng hoan hỷ, thích thú, khoan khoái. Từ nơi mộng tỉnh giấc, ông ta suy nghĩ: "Ta nghe Sa-môn Cù-đàm là bậc Đại trí, những người có trí khác không ai hơn được. Ngài cũng gồm đủ đại tuệ cùng các phương tiện thiện xảo, ta nên đến đó để thưa hỏi về hình ảnh kia." Sáng hôm sau, Bà-la-môn đến thẳng chỗ ở của Đức Thế Tôn là tinh xá Trúc lâm Ca-lan-đà. Đến nơi, Bà-la-môn đầu mặt lễ sát chân Phật rồi chắp tay, cung kính đem điều mộng thấy của mình bạch đầy đủ lên Phật.

Đức Thế Tôn bảo Bà-la-môn:

–Như chỗ ông mộng thấy thì hình ảnh này là rất tốt.

Này Bà-la-môn! Ông nay nên biết! Nếu trong mộng, người nào thấy được bốn thứ tướng sau đây thì đều là hình tướng thù thắng, an lành tối thượng. Bốn thứ ấy là gì?

1. Hoa sen trắng.
2. Dù lọng trắng.
3. Vầng trăng.
4. Tượng Phật.

Nếu thấy bốn loại hình ảnh như vậy thì phải hiểu đó là điều lợi lớn trên hết.

Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ:

Trong mộng nếu thấy tướng hoa sen
Và dù lọng trắng đều ân lành
Hoặc thấy vầng trăng lớn thanh tịnh
Người mộng sẽ được lợi tối thượng,
Lại nữa, nếu thấy hình tượng Phật
Tướng này tối thắng trong tối thượng
Ai ai cũng kính người ấy
Các công đức sẽ thường thành tựu.

Bà-la-môn lại bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Những gì gọi là lợi lớn tối thượng? Phật do duyên gì mà nói như vậy?

Thế Tôn liền dùng kệ đáp:

Về lợi lớn nay ta thuyết giảng
Bà-la-môn! Ông hãy lắng nghe
Nếu người nào phát tâm Bồ-đề
Thành Lưỡng Túc Tôn là lợi lớn.
Chuyển luân vương ngôi vị tôn thắng.
Thống lãnh bốn đại châu tự tại
Nếu có chúng sinh ưa thành tựu
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Thiên chủ Đế Thích phước báo hơn
Tự tại trong trời Tam thập tam
Nếu có chúng sinh ưa thành tựu
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Trong ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc
Mỗi cõi phước báo đều tăng hơn
Nếu có chúng sinh ưa thành tựu
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Cảnh giới chúng sinh hiện vô biên
Theo đấy nên khéo hóa độ khắp
Như có tạo mọi lợi lạc rộng
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Đại y vương hiện có thế gian
Trị liệu khắp tất cả các bệnh

Nếu có chúng sinh ưa thành tựu
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Tạo ánh sáng lớn hiện thế gian
Mọi nơi tối tăm đều chiếu sáng
Nếu có chúng sinh ưa thành tựu
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Tuy lại sinh ở trong ba cõi
Đoạn trừ tất cả hành điên đảo
Nếu có chúng sinh muốn lìa khỏi
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Các chướng ngại, phiền não hiện có
Và mọi thứ pháp bất thiện khác
Nếu có chúng sinh vui đoạn trừ
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Ba cõi, các kết sử hiện có
Tùy chỗ tạo tác bị ma thâu
Nếu có chúng sinh vui trừ đoạn
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Nơi vô minh, nếu khéo điều phục
Mọi lưới ái, đều có thể đoạn
Nếu có chúng sinh vui xuất ly
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Pháp tham ái kia nếu đoạn trừ
Tất cả cấu nhiễm đều thanh tịnh
Nếu có chúng sinh vui xuất ly
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Nơi sinh tộc họ cùng sắc, lực
Người ngu dựa đấy sinh kiêu mạn
Nếu có chúng sinh vui đoạn trừ
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Ngu chấp ngã kiến chấp thọ mạng
Nơi tự thiện lợi sinh kiêu căng
Nếu có chúng sinh vui đoạn trừ
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Với các sắc pháp sinh kiêu mạn
Tội lỗi lớn sinh từ nhiễm ái
Nếu có chúng sinh vui đoạn trừ
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.

Đa văn, trì giới và tu hành
Người ngu cậy đó sinh kiêu mạn
Nếu có chúng sinh vui đoạn trừ
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Trụ A-lan-nhã hành khất thực
Với việc như vậy sinh kiêu mạn
Nếu có chúng sinh vui đoạn trừ
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Ứng cúng, tự tại, thần thông đủ
Cậy mình tột bậc sinh kiêu mạn
Nếu có chúng sinh vui đoạn trừ
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Kẻ ngu chấp trước tướng nhân, ngã
Cậy nơi, tướng ngã sinh kiêu mạn
Nếu có chúng sinh vui đoạn trừ
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Thế Tôn, Phật hiện tại, vị lai
Tôn trọng, cung kính mà được phước
Nếu có chúng sinh thích lợi ấy
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Chư Phật xuất hiện nơi thế gian
Chuyển đại pháp luân, hóa độ khắp
Nếu có chúng sinh vui nghe, nhận
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Mọi pháp ác đều cần phải đoạn
Mọi pháp thiện đều cần phải tu
Nếu có chúng sinh vui thành tựu
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Các hành giả cần tu phạm hạnh
Do đấy chứng đắc đạo vô lậu
Nếu có chúng sinh vui thành tựu
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Ta đã thuyết giảng pháp vô thường
Mỗi mỗi nơi thân tự xem xét
Nếu có chúng sinh thích biết rõ
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Ta nói hữu lậu đều là khổ
Người trí thấy khổ sinh chán lìa

Nếu có chúng sinh muốn xuất ly
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Ta vì hữu tình rộng tuyên thuyết
Nên biết mọi pháp đều vô ngã
Nếu có chúng sinh muốn thông đạt
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Nêu bày Niết-bàn, pháp tịch diệt
Chứng ngộ đại Bồ-đề vô thượng
Nếu có chúng sinh muốn thành tựu
Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
Điều ta xưng tán tâm Bồ-đề
Này Bà-la-môn! Cung kính nghe
Như nghe, tin sâu nên phát tâm
Nên gọi là tu hạnh Bồ-đề.

Bà-la-môn sau khi nghe Phật nói kệ này rồi, liền bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Nếu có người phát tâm Bồ-đề thì người này sẽ đạt được bao nhiêu phước?

Đức Thế Tôn lại nói kệ để trả lời Bà-la-môn:

Giả sử hết thảy loài chúng sinh
Tụ tập khắp trong cõi Phật này
Mỗi mỗi tu trì, hành tịnh giới
Đều hay an trú bậc học giới,
Khối phước kia lượng chứa vô biên
Ở trong các phước là tối thượng
Nếu người dốc phát tâm Bồ-đề
Mười sáu phần kia không bằng một.
Giả sử hết thảy mọi chúng sinh
Tụ tập khắp trong cõi Phật này
Mỗi mỗi phát tâm tín thanh tịnh
Thường hay an trụ bất tín hạnh,
Khối phước kia lượng chứa vô biên
Ở trong các phước là tối thượng
Nếu người dốc phát tâm Bồ-đề
Mười sáu phần kia không bằng một.
Giả sử hết thảy mọi chúng sinh
Tụ tập khắp trong cõi Phật này
Mỗi mỗi tu trì, diệu pháp môn

Đều hay an trụ bậc pháp hạnh,
Khối phước kia lượng chứa vô biên
Ở trong các phước là tối thượng
Nếu người hay phát tâm Bồ-đề
Mười sáu phần kia không bằng một.
Giả sử hết thảy mọi chúng sinh
Tụ tập khắp trong cõi Phật này
Rộng tu pháp hành Tu-đà-hoàn
Đều trụ quả vị Tu-đà-hoàn,
Khối phước kia lượng chứa vô biên
Ở trong các phước là tối thượng
Nếu người thường phát tâm Bồ-đề
Mười sáu phần kia không bằng một.
Giả sử hết thảy mọi chúng sinh
Tụ tập khắp trong cõi Phật này
Rộng pháp tu hành Tư-đà-hàm
Đều trụ quả vị Tư-đà-hàm,
Khối phước kia lượng chứa vô biên
Ở trong các phước là tối thượng
Nếu người thường phát tâm Bồ-đề
Mười sáu phần kia không bằng một.
Giả sử hết thảy mọi chúng sinh
Tụ tập khắp trong cõi Phật này
Rộng pháp tu hành A-na-hàm
Đều trụ quả vị A-na-hàm,
Khối phước kia lượng chứa vô biên
Là trên hết đối trong các phước
Nếu người thường phát tâm Bồ-đề
Mười sáu phần kia không bằng một.
Giả sử hết thảy mọi chúng sinh
Tụ tập khắp trong cõi Phật này
Rộng pháp tu hành A-la-hán
Đều trụ quả vị A-la-hán,
Khối phước kia lượng chứa vô biên
Là trên hết đối trong các phước
Nếu người thường phát tâm Bồ-đề
Mười sáu phần kia không bằng một.
Nếu người ở thế giới Phật này

Rộng gom hương Chiên-đàn thượng diệu
Tạo chùa, tháp Phật rất trang nghiêm
Cao, rộng ngang mức núi Tu-di,
Khối phước như vậy cũng vô biên
Là trên hết đốt trong các phước
Nếu người hay phát tâm Bồ-đề
Mười sáu phần kia không bằng một.
Lại nếu tạo lập các tháp Phật
Chỗ nên làm phân lượng như kia
Tùy chỗ tạo rồi rộng trang nghiêm
Chúng sinh này được quả thù thắng,
Mà phước lợi kia rộng vô biên
Là trên hết đối trong các phước
Nếu người hay phát tâm Bồ-đề
Mười sáu phần kia không bằng một.
Lại nếu tất cả loài chúng sinh
Giả sử sống lâu trọn một kiếp
Giúp chúng sinh bằng các thứ vui
Theo ý chúng sinh khiến đầy đủ,
Khối phước như vậy lượng vô biên
Là trên hết đối trong các phước
Nếu người hay phát tâm Bồ-đề
Mười sáu phần kia không bằng một.
Chỗ ta thuyết giảng đều như vậy
Mỗi một đều là pháp tối thượng
Nếu có chúng sinh lòng vui thích
Nên cầu quả Bồ-đề tịch tĩnh
Trụ nơi quả này được lợi lớn
Tối tôn thắng không gì sánh kịp.
Do vậy nếu người nghe pháp này
Phải nên tôn trọng hành chánh tuệ
Rộng tu khối phước lớn như thế
Mau chứng đại Bồ-đề Vô-thượng.

Bà-la-môn nghe Phật Thế Tôn xưng tán về tâm Bồ-đề như vậy, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con ở trong tâm Bồ-đề không một chút pháp nào có thể lay chuyển được.

Phật bảo Bà-la-môn:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Bà-la-môn! Nếu người phát tâm Bồ-đề thì quả thật không một pháp nào có thể chuyển. Tại sao? Này Bà-la-môn, nên biết Bồ-đề có ba loại. Những gì là ba? Ấy là Bồ-đề của Thanh văn, Bồ-đề của Duyên giác và Bồ-đề Vô thượng.

Này Bà-la-môn! Sao gọi là Bồ-đề của Thanh văn? Nghĩa là, như có người tuy phát tâm Bồ-đề nhưng ưa thích với tự lợi, không ưa thích lợi tha. Với lợi tha, tâm không thể phát khởi, không thể tu trì, không thể hướng nhập, không thể an trụ. Đối với kinh pháp ấy không thích lắng nghe, ghi nhận, cũng lại không thể thuyết giảng cho người khác nghe… Trong đời sau không còn thọ thân, đoạn trừ tướng đến, đi cũng không thể đạt được chánh trí bình đẳng, ở nơi đời hiện tại ưa cầu giải thoát. Này Bà-la-môn! Do nghĩa như vậy nên gọi là Bồ-đề của Thanh văn.

Lại nữa, sao gọi là Bồ-đề của Duyên giác? Nghĩa là, như có người tuy phát tâm Bồ-đề, nhưng đối với pháp Đại thừa không thích tu tập, không ghi nhớ, lại cũng tự lợi, hướng cầu chứng quả, không ưa lợi tha. Đối với lợi tha, tâm không thể tu trì, không thể hướng nhập, không thể an trụ. Với kinh pháp ấy không thích lắng nghe, thọ nhận, cũng không thuyết giảng chỉ bày cho ai, không thể an trụ nơi chánh trí bình đẳng, chỉ khởi tâm niệm quán mối liên hệ của các pháp, tùy chỗ quán sát mà được giải thoát. Này Bà-la-môn! Do nghĩa này, nên gọi là Bồ-đề của Duyên giác.

Lại nữa, sao gọi là Bồ-đề Vô thượng? Nghĩa là, như có người, tự mình có thể phát sinh tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, rồi lại khuyên người khác cũng phát tâm như vậy, đối với kinh pháp ấy tự mình lắng nghe, thọ nhận, tu tập, ghi nhớ, lại vì người khác giảng nói cho họ biết về ý nghĩa một cách rộng rãi. Nơi thân luân hồi không sinh nhàm chán mệt mỏi. Vui, muốn vì tất cả chúng sinh tạo mọi lợi lạc. Trụ ở trí bình đẳng, tự giải thoát rồi, lại muốn khiến cho hết thảy chúng sinh đều được giải thoát. Tự lợi, lợi tha đều được an ổn lợi lạc. Đem điều thiện lợi của mình giúp khắp cả đại chúng trời, người. Này Bà-la-môn! Do ý nghĩa ấy nên gọi là Bồ-đề Vô thượng. Tu tập hạnh này gọi là người hành thừa Bồ-tát. Này Bà-la-môn! Ông nay nên biết, lời Phật dạy là hết sức chân thật không có hư dối. Như chỗ ta nói về tâm vô thượng chánh đẳng Bồ-đề là nghĩa tối thượng. Nếu rời tâm đại Bồ-đề này mà phát khởi tâm Thanh văn, Duyên giác thì không thể lợi tha, rốt cuộc không đến được cảnh giới đại Niết-bàn. Vì sao? Vì hàng Thanh văn, Duyên giác, kia do từ chỗ lợi mình lại không sinh khởi hạnh lợi tha cao cả. Do duyên cớ ấy nên không thể hội đủ các phần nơi Phật pháp.

Tuy phát tâm Bồ-đề tự cho là giải thoát nhưng tâm Bồ-đề kia cũng không thể đạt được quả báo lợi tha. Này Bà-la-môn! Nếu người có thể phát tâm Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng thì nơi tự nơi tha thảy đều bình đẳng. Đem chỗ lợi của mình hoan hỷ bố thí tức là đem cái tâm này thâu tóm khắp tất cả chúng sinh nơi thế gian. Chính là lợi lớn tối thượng của thế gian, cũng gọi đây là khéo, chế ngự giáo hóa thế gian. Như vậy, tức có thể trụ ở trí bình đẳng tối thượng, tối thắng không thể nghĩ bàn. Này Bà-la-môn! Đây tức là tâm đại Bồ-đề, ông nên hiểu rõ đúng sự thật là như vậy.

Bấy giờ, Bà-la-môn bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật nói giải thoát vì sao sự giải thoát ấy lại có nhiều thứ loại như thế?

Phật nói:

–Này Bà-la-môn! Sự giải thoát của Như Lai, Thanh văn, Duyên giác không có nhiều thứ loại hình tướng. Này Bà-la-môn! Ví như có người dùng ba loại xe thú nhằm đi đến chốn báu, tuy phương tiện đi lại có sai biệt song nơi chốn hướng đến thì không có khác. Ba con thú kia, đó là lừa, ngựa, voi. Xe lừa thì sức mạnh của nó kém yếu. Do nhân duyên ấy nên người này tuy đến chốn báu nhưng không thể lấy các thứ châu báu ở đây để giúp cho chúng sinh rộng rãi, chỉ vui với cái lợi của mình, chứng đắc Niết-bàn. Xe ngựa thì nhẹ, lợi, nhanh chóng. Do sức ấy, nên người này tuy đến chốn báu cũng lại không thể sử dụng châu báu ở đây để rộng giúp chúng sinh, chỉ cùng với chúng sinh làm phước điền trong sạch. Còn xe voi kia thì bước đi thăng bằng, mạnh mẽ nhiều lực. Do sức lực như thế nên người này đến được tất cả kho báu ở trong thành rộng, lớn. Đến thành ấy rồi bèn suy nghĩ: "Châu báu của ba xe đều từ đây mà ra. Ta sẽ đem châu báu không kể xiết này cứu giúp khắp tất cả chúng sinh vô biên, vì họ mà tạo lợi lạc lớn rộng khắp." Này Bà-la-môn! Người đi trên ba xe kia và người tu pháp ba thừa, cũng lại như vậy. Xe lừa kia tức là thừa Thanh văn. Xe ngựa ấy tức là thừa Duyên giác và xe voi chính là Đại thừa. Ông nay nên biết, nẻo hành nơi ba thừa kia tuy có nhiều loại hình tướng song chỗ chứng Niết-bàn, chỗ đạt được giải thoát thì không nhiều loại hình tướng, cũng không sai khác. Này Bà-la-môn! Lại như thế gian có ba người, đều muốn vượt qua một đoạn sâu của con sông lớn. Người thứ nhất dựa vào một chiếc bè lá nhỏ nổi mà qua sông. Người thứ hai so với người trước thì hơn, ông ta dựa vào tấm ván nổi mà sang sông. Người thứ ba so với hai người trước thì hơn hẳn, ông ta dùng thuyền lớn cùng với mọi người ngồi an ổn mà qua đến bờ bên kia. Điều này giống như người con trưởng của thế gian, khuyên bảo cha mẹ mình, chốn

khỏi phải phòng hộ là ở tất cả nơi nào đã xa lìa các ưu não. Này Bà-la-môn! Người thứ nhất dựa vào bè lá mà qua sông nên biết đó là người theo thừa Thanh văn. Người thứ hai dựa vào tấm ván mà qua sông nên biết đó là người theo thừa Duyên giác. Người thứ ba ngồi thuyền lớn qua sông nên biết đó là người theo thừa Bồ-tát, từ chỗ tự độ lại độ người khác. Này Bà-la-môn! Do vậy, nên biết người theo ba thừa kia, tuy pháp tu hành có nhiều loại hình tướng, song chỗ chứng đắc về Niết-bàn của Thanh văn, Duyên giác và Như Lai không có nhiều hình tướng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này, nên nói kệ:

Ba thừa chứng Niết-bàn
Pháp Niết-bàn chỉ một
Chứng đạo tuy sai biệt
Niết-bàn không hai tướng
Tất cả Phật ba đời
Đạt giải thoát tối thượng
Các pháp nhãn như thế
Bậc Chánh Giác nên giảng
Là pháp trí tối thượng
Sinh ra các phương tiện
Các hành giả tu tập
Phải nên học như vậy.

-oOo-

PHẬT THUYẾT PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM PHÁ CHƯ MA KINH

QUYỂN hạ

Bấy giờ, Đại Bà-la-môn bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Người tu các pháp Đại thừa thì phải tu những hạnh gì?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Hiện như ta đã thuyết giảng phải nên tu hạnh như vậy. Này Bà-la-môn! Ông nay nên biết, nếu có người tu pháp Đại thừa thì sau khi tự phát tâm Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng xong, lại khuyên người khác cũng phát tâm như vậy. Đối với kinh pháp ấy thì vì người khác thuyết giảng chỉ bày một cách rộng rãi. Những người như vậy, phải nên gần gũi, tôn trọng, cung kính. Người ấy đem bốn Nhiếp pháp thâu tóm khắp các chúng sinh. Những gì là bốn? Đó là: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự.

Ở đây, sao gọi là Bố thí? Nghĩa là, ở trong việc đem của cải bố thí hoặc ít, hoặc nhiều, tùy theo chỗ tự lực bố thí ấy mà khởi tâm rộng lớn, đem chỗ bố thí này thâu hóa sự tham lam bỏn sẻn kia. Như vậy gọi là tu Bố thí nơi nhiếp pháp của Đại thừa.

Sao gọi là Ái ngữ? Nghĩa là nơi tất cả xứ, thấy các chúng sinh luôn với vẻ mặt vui vẻ rộng lượng, ngôn ngữ hòa nhã, thuận hợp dùng các phương tiện đem điều thiện đến để an ủi và bằng ái ngữ này, thâu hóa các sự thô ác kia. Như vậy gọi là tu Ái ngữ nơi nhiếp pháp của Đại thừa.

Sao gọi là Lợi hành? Nghĩa là thấy các pháp thiện thì ngày đêm siêng năng thực hành. Đối với mọi loài chúng sinh thì khởi tâm Từ bi, dùng lòng tin trong sạch đã phát sinh để thâu hóa những kẻ không lòng tin. Lấy sự gìn giữ tịnh giới để thâu hóa kẻ phá bỏ giới cấm ở khắp mọi nơi thường đạo lợi ích an lạc. Như vậy gọi là tu Lợi hành nơi nhiếp pháp của Đại thừa.

Sao gọi là Đồng sự? Nghĩa là tất cả mọi nơi, trước hết phải hòa đồng với sự việc đó. Lại dùng phương tiện để giáo hóa nhằm làm cho tâm Bồ-đề thêm tinh tấn, kiên cố. Các người có trí, đối với pháp như vậy phải nên tu

hành như thế. Nếu thực hành như vậy là chỗ tu chánh hạnh của Bồ-tát. Nếu dũng mãnh như thế mới gọi là tối thắng, đến được bờ kia, tất có thể thống đạt pháp môn tối thượng. Như vậy, gọi là tu Đồng sự nơi nhiếp pháp của Đại thừa.

Khi ấy, Bà-la-môn bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát dựa vào những gì để trụ mới có thể thành tựu được hai quả là Phước và Trí? Trụ có bao nhiêu loại? Xin Đức Thế Tôn Phật thuyết giảng các pháp trụ hiện có? Ngài thuyết giảng như vậy tức là đồng thời nêu bày rõ về pháp môn Bồ-đề tối thượng hy hữu.

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ông nay nên biết! Trụ có ba loại, đó là: Thiên trụ, Phạm trụ và Thánh trụ. Sao gọi là Thiên trụ? Nghĩa là chỉ tu hạnh Từ. Nếu người trước ở phương Đông, thân nghiệp hành Từ, ngữ nghiệp hành Từ, ý nghiệp hành Từ một cách mạnh mẽ rộng lớn. Các phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, thượng, hạ cũng lại thực hiện như vậy. Vì thân nghiệp hành động theo Từ, ngữ nghiệp nói năng theo Từ, ý nghiệp suy nghĩ theo Từ một cách mạnh mẽ rộng lớn, nên gọi là Thiên trụ.

Sao gọi là Phạm trụ? Nghĩa là tu bốn hạnh vô lượng. Bốn thứ ấy là gì? Đó là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đây gọi là Phạm trụ.

Sao gọi là Thánh trụ? Nghĩa là tu ba môn giải thoát. Ba môn ấy là gì? Đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đây gọi là Thánh trụ. Đại Bồ-tát phải nương tựa trong Thánh trụ như vậy mà an trụ.

Đức Thế Tôn muốn lập lại ý nghĩa này, nêu nói kệ

Chỗ ta nói ba trụ
Là pháp dũng mãnh nhất
Vì các chúng Bồ-tát
Theo chỗ hợp nêu rõ.
Nếu ở mọi thời điểm
Như lời mà hành hóa
Ta sẽ luôn xưng tán
Người cầu Bồ-đề.
Thiên trụ và Phạm trụ
Thánh trụ cũng như vậy
Ở trong ba trụ này
Tùy thuận mà an trụ
Nếu ai trụ như vậy
Sẽ được pháp không diệt.

Bà-la-môn bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Pháp môn Bồ-tát nghĩa ấy là thế nào? Trong đời vị lai, nếu có chúng sinh hỏi con về nghĩa này, con không có trí tuệ, Phật pháp hiện có không thể thông đạt, vào lúc đó con sẽ trả lời như thế nào? Xin Phật Thế Tôn vì con mà giảng nói rõ.

Đức Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói kệ:

Bà-la-môn nên biết
Chỗ vì ông, ta nói
Chánh pháp rộng lớn này
Khuyên phát tâm Bồ-đề
Các người không trí tuệ
Do đấy mà thu đạt
Nếu hiểu pháp môn này
Tức là nghĩa Bồ-đề.
Chánh pháp được nêu ấy
Khuyên phát tâm Bồ-đề
Tùy chỗ hỏi chúng sinh
Mỗi một đều mở bày
Chánh pháp được nêu ấy
Khuyên phát tâm Bồ-đề
Các nghi hoặc, tà kiến
Tất cả đều đoạn trừ.
Ở trong đời sau cùng
Nếu có người đạt được
Chánh pháp đến với mình
Người này nếu bố thí
Tức tài sản rộng lớn
Hạnh thí đã viên mãn
Do thí được thành tựu
Được đến nơi bờ kia.
Lại nữa trong đời cuối
Có người được điều ấy
Chánh pháp đến với mình
Người này nếu trì giới
Thanh tịnh mà đầy đủ
Tức giới hạnh viên mãn
Do giới mà thành tựu
Được đến nơi bờ kia.

Lại nữa trong đời cuối
Có người được điều này
Chánh pháp đến với mình
Người này nếu nhẫn nhục
An thọ các nhiễu não
Tức hạnh nhẫn tròn đầy
Do nhẫn mà thành tựu
Được đến nơi bờ kia.
Lại nữa trong đời sau
Có người được điều này
Chánh pháp đến với mình
Người này nếu tinh tấn
Dũng mãnh mà phát khởi
Tức tròn hạnh tinh tấn
Do tinh tấn thành tựu
Được đến nơi bờ kia.
Lại nữa trong đời sau
Có người được điều này
Chánh pháp đến với mình
Người này nếu tu định
Trụ Tam-ma-hí-đa
Tức hạnh Định tròn đầy
Do định mà thành tựu
Được đến nơi bờ kia.
Lại nữa trong đời sau
Có người được điều này
Chánh pháp đến với mình
Người này nếu tu tuệ
Hiểu rõ pháp tối thắng
Tức thắng tuệ viên mãn
Do tuệ mà thành tựu
Được đến nơi bờ kia.
Lại nữa trong đời cuối
Có người được điều này
Chánh pháp đến với mình
Thường tôn trọng, cúng dường
Nên biết người như vậy
Gọi là cầu Bồ-đề

Được gần Bồ-đề Phật
Quyết định sẽ thành tựu.
Tám mươi câu-chi Phật
Giữ vững chánh pháp này
Nếu được đến với mình
Đạt pháp tụ tối thượng.
Nếu hiện tại trước Phật
Lãnh hội chánh pháp này
Nên biết người như vậy
Hiểu rõ nghĩa Bồ-tát,
Mến mộ Bồ-đề Phật
Ta biết người như thế
Ta thấy người như vậy
Ta niệm danh tự kia
Ta và tất cả Phật
Cũng chung chỗ xưng tán.
Nếu người nghe pháp này
Không chuyển, vì người giảng
Ai sinh tâm ngã mạn
Tạo lỗi lầm rộng khắp
Nên biết các người ấy
Không tôn trọng chánh pháp.

Khi ấy, Bà-la-môn bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn khéo giảng nói pháp môn này tức là nghĩa Bồ-đề. Nếu người ở trong đời hiện tại, mến mộ hiểu rõ nghĩa như vậy, thì người này không bao lâu sẽ đạt được dũng mãnh lớn trong thế gian này, còn trong đời vị lai khéo giảng nói thắng pháp, an trụ nơi Bồ-đề, rộng vì mọi người tạo lợi ích lớn.

Phật bảo:

–Này Bà-la-môn! Ông nay đã có thể đạt được trí tuệ, chân chánh có thể nói lên những lời lẽ lợi ích như vậy. Này Bà-la-môn! Nếu có người hiện tại ở nước ta, nghe pháp này rồi, sau khi ta Niết-bàn, ở trong đời vị lai, nếu có thể đối với chánh pháp này biên chép gìn giữ, đọc tụng, nên biết người ấy yêu mến Thánh đạo, phát tâm Bồ-đề. Này Bà-la-môn! Vào thuở xa xưa, ta cầu Bồ-đề, ở một nơi vắng vẻ, gặp một Bí-sô thuyết giảng pháp này. Đang lúc ta vừa được nghe qua pháp này, liền xót xa đến rơi lệ ràn rụa, tự nghĩ: "Trong đời quá khứ, ta do nghiệp chướng gì mà chánh pháp này

không được nghe?" Suy nghĩ như thế rồi, ta liền đem thức ăn cúng cho Bí-sô ấy. Sau đó lại thưa: "Nghe Bí-sô giảng pháp như vậy, nhưng tôi không thể hiểu, nay tôi muốn nghe lại, xin Bí-sô vui lòng rộng nói cho". Lúc đó, Bí-sô ấy theo như yêu cầu, đã nói rõ lại cho ta nghe. Này Bà-la-môn! Ngay khi ta được nghe pháp này rồi liền phát nguyện: "Nguyện vào đời vị lai, ta đem chánh pháp này, ở trong đời sau cùng ra sức gìn giữ, hộ niệm, vì chúng sinh mà diễn nói, nêu bày rộng khắp". Này Bà-la-môn! Khi ấy ta lại nghĩ: "Nay chánh pháp này, vào thời điểm nào, đối với chúng sinh thích hợp để thuyết giảng về sau, trong đời cuối cùng, các loài chúng sinh ở đây, ít có thể ái mộ, tu tập. Sau nữa, các đời kế tiếp, Phật không hiện tiền, chánh pháp này vẫn tồn tại ở đời? Đối với việc này, lòng ta vô cùng thương cảm. Này Bà-la-môn! Lúc ta suy nghĩ như thế thì có Đức Phật hiệu là Vô Lượng Quang dạy: "Nhờ nguyện lực nên quả báo sẽ thành tựu". Này Bà-la-môn! Về ý nghĩa này mà ta thương xót tất cả chúng sinh do tích tập si ám nên phải thọ nhận luân hồi sợ hãi, về sau trong đời cuối có các Bí-sô đối với chánh pháp này khởi tâm nhàm chán, xa lánh, hủy hoại giới cấm hành không đúng luật nghi, duyên cớ ấy nên không thể thuyết giảng lưu thông chánh pháp như vậy. Vì thế, này Bà-la-môn! Ta vì đem lại lợi ích cho các chúng sinh nên giảng nói rộng rãi kinh này. Ông nên biết, nay chánh pháp này là pháp môn rộng lớn, thâu tóm chung bốn loại A-hàm. Bốn loại là gì? Đó là Tạp A-hàm. Trường A-hàm. Trung A-hàm và Tăng nhất A-hàm. Như thế là cùng thâu tóm chung tất cả Pháp tạng Thanh văn.

Các hàng Thanh văn nếu ở trong pháp ấy tu học, tức là tạng Thanh văn, từ đấy có thể sinh ra quả vị của Thanh văn thừa, cũng thu tóm cả pháp Bồ-tát phần của Thanh văn. Lại nữa, trong kinh này còn thâu tóm tất cả chỗ nêu giảng về pháp tạng Bồ-tát tối thượng. Cho nên được gọi là mẹ của các pháp. Tạng Tỳ-nại-da và tạng A-tỳ-đạt-ma hiện có cũng được tìm thấy trong kinh này. Cho đến tám vạn bốn ngàn pháp uẩn, mỗi một pháp đều từ trong kinh này mà ra. Lại nữa, kinh pháp này, tức là cội nguồn tối thượng của Nhất thiết trí xuất sinh trí của hàng Thanh văn, Duyên giác. Cội nguồn kia là rộng lớn sâu thẳm, không thể nghĩ bàn. Là ánh sáng lớn chiếu khắp ba cõi, đây tức từ cội rễ của Nhất thiết trí xuất sinh mọi công đức Bố thí hiện có của chư Phật Bồ-tát, các công đức của Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ và sự giải thoát tối thắng kia. Các tạng công đức như vậy đều ở nơi kinh này nêu giảng đúng như lý. Lại nữa, bốn pháp Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo cũng được nêu giảng trong kinh này. Nói tóm lại kinh này, thuyết giảng tổng quát về các hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh. Do ý nghĩa ấy nên, hoặc thừa Thanh văn, hoặc

thừa Duyên giác, hoặc pháp Đại thừa, tùy chỗ ứng hợp, trong đó đã đề cập rộng. Lại nữa, kinh này ở trong các pháp đã tán thán, ca ngợi rộng khắp về tâm Bồ-đề kia, cho nên kinh này là tối thượng, tối thắng.

Này Bà-la-môn! Nếu có người hiện gặp chư Phật, được gần gũi nghe pháp này nên biết người ấy từ vị Phật trước đã được nghe kinh Bảo Nghiêm. Ở trong kinh kia đã được nghe pháp này. Do đó, nay phải hiểu kinh pháp này, ở trong ba đời không hề bị đoạn tuyệt. Mọi chúng sinh theo căn cơ ứng hợp đều được nghe.

Khi ấy, Bà-la-môn bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Pháp của Phật nêu giảng là tối thượng, là sâu thẳm. Nếu các chúng sinh không trí được nghe chánh pháp tối thượng, với tạng công đức vô lượng, như thế không thể sinh tâm yêu thích sâu xa thì người này đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng sẽ dùng nhân duyên gì để có thể thành tựu? Lại nữa, thưa Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà có nhiều chúng sinh, ở trong pháp Đại thừa tối thượng ấy tâm lại sinh nghi hoặc?

Phật bảo:

–Này Bà-la-môn! Ông nay nên biết, trong tam thiên đại thiên thế giới này có hàng trăm câu-chi cung điện Thiên ma, hàng trăm câu-chi Ma vương và mỗi mỗi Ma vương lại hàng trăm câu-chi quyến thuộc của Thiên ma. Đối với pháp môn vô thượng này chúng thường dò xét, tìm kiếm, chỗ thuận lợi để gây ra khó khăn trở ngại không khiến cho chúng sinh biên chép gìn giữ, đọc tụng. Vì sao? Vì trong tam thiên đại thiên thế giới này, có nhiều chúng sinh thủ chứng quả A-la-hán, nay được nghe pháp môn Đại thừa này, có những thiện nam, thiện nữ phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì các công đức trước kia lại cân nhắc, lường xét, so tính tức không bằng chỗ phát tâm Bồ-đề này. Vì thế nên Thiên ma dò xét, tìm cầu gây tạo tai nạn. Ma là nạn, nên có nhiều chúng sinh do nhân duyên này mà sinh tâm nghi hoặc. Này Bà-la-môn! Lại nữa, kinh này là vua trong các pháp, do duyên cớ ấy nên có nhiều khó khăn, trở ngại.

Bà-la-môn bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Dùng phương tiện gì để có thể khiến các ma tự điều phục?

Phật bảo:

–Này Bà-la-môn! Ta có pháp môn Tổng trì bí mật gọi là Phá ma. Nếu khi ta nêu bày pháp môn này thì những gì tất cả ma và ma chúng hiện có thảy đều bị phá hủy. Này Bà-la-môn! Ví như vầng mặt trời phát ra ánh sáng

chiếu rọi thế gian, thì tất cả tối tăm đều tan biến hết. Pháp môn Phá ma cũng lại như vậy. Nếu khi ta nói lên thì tất cả chúng ma đều bị phá trừ hết.

Bà-la-môn bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp môn Tổng trì bí mật gọi là Phá ma là pháp môn như thế nào? Xin Phật vì con thuyết giảng rõ.

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ông phải lắng nghe kỹ về pháp môn Phá ma. Tên gọi ấy là như thế này:

"Na mô a đế đa a na, nga đa bát là đát dụ, đát bán, nê tỳ dược, tát lý phược, một đề, tỳ dụ, bà nga phược nột, tỳ dược, đát ninh tha, ốt lý một na, sa ma lý một, na ốt một na một na, nhất hạ một na, thả đát la, một na, nhĩ nga ma, đa la hí, lạp một đà, đát đát la, một, đát lỗ hạ nga đa, nga ma na trí, ma hí, nậu sa ma, nột nột, ma phược la tô kha, a la di, đa y ca la xoa".

Khi Đức Thế Tôn nói pháp môn Tổng trì bí mật gọi là Phá ma này, thì tất cả cung điện của ma đều bị chấn động lớn. Tất cả ma vương và chúng ma thảy đều lay động, kinh hãi run rẫy tâm sinh khổ não không thể ngồi yên, đều suy nghĩ "Thế Tôn vì tất cả chúng sinh, thương xót, tạo lợi ích, khiến đều được an ổn, lấy Từ, Bi, Hỷ, Xả làm lợi ích cho khắp chúng sinh. Vì sao hiện giờ, các ma chúng ta không có được lợi ích ấy mà chỉ nhận lấy khổ não, không thể ngồi yên?

Lại nữa, này Bà-la-môn! Như Lai nay cùng chương cú Tổng trì bí mật này mà củng cố, gìn giữ kinh điển Đại Thừa Phát Tâm Bồ-đề. Về sau, trong đời cuối, ở tất cả mọi chốn khi thuyết giảng kinh này, không bị tất cả hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân dò xét tìm chỗ tiện lợi để gây trở ngại, khó khăn, nên nêu bày rõ, lưu truyền khắp, không bị chướng ngại. Nếu có người biên chép, gìn giữ, đọc tụng chánh pháp này, thì người này lìa xa hết thảy các nạn vua quan, nạn giặc cướp nạn: Nước, lửa, trùng, thú… Vì sao? Vì nay chánh pháp bí mật tối thượng này Như Lai vì thương xót tạo lợi lạc cho tất cả chúng sinh, nên đã nêu giảng rõ như vậy. Này Bà-la-môn! Phật không bao giờ xa lìa Từ, Bi, Hỷ, Xả, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu thiện nam, tín nữ, như chỗ đã thuyết giảng mà tu tập đúng như lý thì những người này sẽ được ba nghiệp hành thiện, diệt trừ các tội, lúc nào cũng xa lìa khổ não. Này Bà-la-môn! Do nhân duyên ấy nên ông phải biết, nay chánh pháp này có thể trừ tất cả khổ, có thể diệt tất cả tội, có thể phá trừ tất cả ma, thành tựu tất cả pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lập lại ý nghĩa này nên nói kệ:

Ma đối người tu thiện
Thường dò tìm chỗ kém
Nhằm gây các trở ngại
Phá hoại pháp thiện kia.
Nếu nghe thuyết kinh này
Một câu hoặc một kệ
Các chúng ma ác kia
Thảy đều tự điều phục.
Run rẩy, rất kinh sợ
Khổ não không ngồi an
Do nhân nghiệp tội ấy
Gặt quả báo như vậy,
Với tất cả chúng sinh
Thường khởi tâm não hại
Các pháp thiện cách ngăn
Nhân ấy, quả không mất.
Nếu người, với pháp này
Biên chép, giữ đọc tụng
Người này sẽ xa lìa
Nạn vua và nạn giặc
Nạn nước, lửa, thú, trùng
Các nạn không thể xâm
Cho đến nhân phi nhân
Dò không được chỗ kém
Thân, ngữ, tâm hành thiện
Đoạn trừ hết thảy tội
Ở trong tất cả thời
Không sinh các khổ não
Xa lìa các ma sự
Không thấy các tướng ma
Và lìa các phiền não
Là do trì kinh này.
Nếu nghe kinh này rồi
Khéo tu học như nghe
Khéo hiểu tất cả pháp
Tiến đến nơi bờ kia.
Nếu người tu pháp này
Hạnh Bồ-đề thông đạt

Từ đạo Bồ-đề tới
Thành tựu Chánh đẳng giác.

Phật thuyết giảng kinh này rồi, Đại Bà-la-môn họ Ca-diếp, các Bồ-tát, Thanh văn, các hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… ở thế gian tất cả đại chúng nghe lời Phật dạy, đều vô cùng hoan hỷ, tin, nhận, phụng hành.

-oOo-

SỐ 839

KINH CHIÊM SÁT THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO

QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Bồ-đề Đăng.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng tất cả bậc trí ở trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá, đã dùng năng lực thần thông thị hiện đạo tràng rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh vô ngại, cùng vô lượng, vô biên các đại chúng, giảng thuyết pháp môn căn bản sâu xa. Bấy giờ, trong chúng hội có một Bồ-tát gọi là Kiên Tịnh Tín, từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y phục ngay thẳng, bày vai phải chắp tay thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con ở trong hội này muốn có đôi điều thưa hỏi, nguyện xin Thế Tôn cho phép.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Tùy theo ý ông để hỏi.

Bồ-tát Kiên Tịnh Tín thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng như lời Thế Tôn đã dạy con ở đời quá khứ sau khi chánh pháp diệt, tượng pháp sắp diệt cho đến đời sau cùng (mạt pháp) như vậy chúng sinh phước mỏng nhiều khổ não, đất nước có nhiều loạn lạc, tai họa đều dấy khởi, nhiều nguy hiểm kinh sợ đe dọa làm nhiễu hại, các đệ tử của con quên nhớ nghĩ thiện, chỉ tăng thêm tham, sân, si, tật đố, ngã mạn, giả sử có thì cũng tương tự như thực hành pháp thiện, chỉ cầu lợi dưỡng ở thế gian, được gọi lấy danh lợi làm căn bản, không thể phát tâm tu tập pháp chính yếu. Lúc ấy, chúng sinh thấy tai họa nổi loạn ở đời tâm thường khiếp sợ, lo sợ thân mình và các thân thuộc không có cơm, áo đầy đủ để nuôi thân, do những điều này mà có nhiều nhân duyên làm chướng ngại, ở trong Phật pháp, căn cơ thấp kém, lòng tin rất ít, người chứng đạo rất hiếm, cho đến ở trong ba thừa dần dần lòng tin cũng rất ít, sự tu tập thiền định ở thế gian thành tựu các thần thông biết được mạng sống kiếp trước lại càng không có. Như thế về sau ở trong đời mạt pháp trải qua lâu mới đắc được

đạo, lòng tin thiền định, các thần thông, tất cả hoàn toàn không có. Hôm nay, con vì tượng pháp sắp diệt ở đời ác vị lai này và trong đời mạt pháp có căn lành kém ít, xin thưa hỏi Như Lai, dùng phương tiện gì để giáo hóa chúng sinh khiến cho họ phát lòng tin diệt trừ các tai họa, não hại. Do chúng sinh gặp nhiều điều ác xấu, có nhiều chướng ngại mà bỏ mất tâm thiện của mình, ở trong pháp nhân quả thế gian và xuất thế gian, phát sinh nhiều nghi hoặc, không có tâm kiên cố mong cầu pháp thiện, những chúng sinh như vậy đáng thương yêu, đáng cứu giúp, với lòng đại Bi và Nhất thiết chủng trí của Thế Tôn, nguyện xin Thế Tôn thị hiện phương tiện, ví dụ để họ hiểu rõ khiến xa lìa lưới nghi hoặc, diệt trừ chướng ngại, lòng tin được tăng trưởng, nương theo (xe) thừa nào mà chứng đắc pháp không thoái chuyển.

Đức Phật bảo Bồ-tát Kiên Tịnh Tín:

–Lành thay, lành thay! Những điều ông hỏi rất hay, rất hợp ý ta. Hôm nay, ở trong chúng này có vị Đại Bồ-tát gọi là Địa Tạng, ông nên đem những câu này thưa hỏi, vị ấy sẽ vì ông thị hiện phương tiện để giảng thuyết giáo hóa, đúng với sở nguyện của ông.

Khi ấy, Bồ-tát Kiên Tịnh Tín lại thưa Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn trí tuệ vĩ đại, vì sao Thế Tôn không giảng thuyết mà muốn để Bồ-tát Địa Tạng đó giảng thuyết.

Đức Phật bảo Bồ-tát Kiên Tịnh Tín:

–Ông chớ sinh suy nghĩ cao thấp. Thiện nam này đã phát tâm đến nay trải qua vô lượng, vô biên, a-tăng-kỳ kiếp không thể nghĩ bàn, từ lâu đã chứng đắc Nhất thiết trí như biển, công đức đầy đủ, chỉ do bản nguyện, năng lực tự tại nên phương tiện, quyền xảo thị hiện giáo hóa khắp mười phương, tuy đến khắp tất cả các quốc độ thường thực hành các công đức, mà ở trong năm thứ ô uế ở đời để giáo hóa lợi ích về sau; cũng do năng lực, bản nguyện đã tu tập, do đó, chúng sinh lãnh thọ sự giáo hóa. Vị Bồ-tát đó từ mười một kiếp đến nay trang nghiêm thế giới này, chúng sinh được thuần thục. Cho nên ở trong chúng hội nay, thân tướng đoan nghiêm, oai đức lạ thường, chỉ ngoài Như Lai ra thì không ai sánh bằng, lại ở trong thế giới này sự thị hiện giáo hóa, chỉ có Bồ-tát Quán Thế Âm và các Đại Bồ-tát, còn không ai sánh bằng. Vì thế năng lực thệ nguyện của Bồ-tát mau chóng hoàn thành tất cả sự mong cầu của chúng sinh, diệt trừ hết thảy tội nặng của chúng sinh, vượt qua chướng ngại hiện tại được an ổn, Bồ-tát này gọi là Thiện An Úy. Có nghĩa là khéo léo giảng thuyết pháp sâu xa, có thể hướng dẫn những người mới học phát tâm mong cầu Đại thừa, khiến không còn khiếp sợ, do nhân duyên này mà ở

trong thế giới ấy, tôn trọng, lãnh thọ sự giáo hóa nên được giải thoát. Do đó, hôm nay, ta chỉ bày cho ông thưa hỏi.

Bấy giờ, Bồ-tát Kiên Tịnh Tín đã hiểu rõ ý của Phật liền thưa hỏi Đại Bồ-tát Địa Tạng:

–Lành thay, thưa Hiền giả Cứu đời! Lành thay, bậc Bồ-tát đại trí tuệ! Như tôi đã hỏi, chúng sinh ở đời ác dùng phương tiện gì để giáo hóa họ; khiến xa lìa chướng ngại và được lòng tin kiên cố. Hôm nay, Như Lai muốn khiến cho Hiền giả giảng thuyết về phương tiện này, nên phải biết thời thương yêu, vì họ mà thuyết.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Địa Tạng nói với Đại Bồ-tát Kiên Tịnh Tín:

–Thiện nam! Hãy lắng nghe! Tôi sẽ vì người mà thuyết; sau khi Đức Phật nhập diệt trong đời ác, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đối pháp nhân quả thế gian và xuất thế gian chưa có lòng tin chắc chắn không thể tu học, tưởng vô thường, tưởng khổ, tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, hiện ra hoàn toàn; không thể siêng năng quán xét pháp bốn Thánh đế và mười hai nhân duyên, cũng không chuyên cần quán xét về các pháp thật tế chân như, không sinh, không diệt, vì không siêng năng quán xét những pháp như vậy nên không chứng được Niết-bàn không tạo mười điều ác nguồn gốc của tội lỗi, đối với công đức Tam bảo, đủ các cảnh giới, không có lòng tin trong ba thừa đều không có hướng nhất định. Những người như vậy, thì có đủ các thứ chướng ngại, càng tăng thêm sự lo âu, hay nghi hoặc đối với tất cả, tâm không hiểu rõ, nhiều mong cầu, nhiều khổ não, các điều trói buộc sinh khởi không định, suy nghĩ, lo buồn, rối loạn, bỏ mất việc tu tập. Người có những chướng nạn này thường dùng pháp tướng mộc luân để chiêm nghiệm về nghiệp thiện ác trong đời trước, những việc tốt, xấu, sướng khổ ở hiện tại đều do duyên hợp nên có chia lìa tức là diệt. Nghiệp tùy tâm tích tập, tướng hiện, quả sinh khởi, tướng không mất không hoại nên không sai khác. Chiêm nghiệm kỹ về nghiệp thiện, ác như vậy thì hiểu rõ tâm mình, những việc nghi ngờ lấy đó để biết rõ. Nếu đệ tử Phật, chỉ cần tu tập pháp tướng này, chí tâm nương tựa những pháp quán ấy thì sẽ thành tựu, không nên từ bỏ pháp này, mà trái lại chạy theo những việc bói số xem tướng tốt, xấu ở thế gian, tham trước, ưa tích tập. Nếu người ưa thích tích tập sâu xa thì làm chướng đạo Thánh.

Này thiện nam! Nếu muốn học tướng mộc luân, trước hết phải khắc vào cây khoảng ngón tay nhỏ, khiến cho dài ngắn đều bằng một tấc, nằm ở giữa, bốn bên đều bằng, còn hai đầu xiên thừa thì bỏ đi để sát giữa bàn tay ngữa, gieo xuống làm cho nó thay đổi do nghĩa này nên gọi là luân. Lại

nữa, dựa theo tướng này có thể phá trừ lưới nghi hoặc của chúng sinh, quay về chánh đạo, đạt được nơi an ổn. Vì thế gọi là chuyển. Tướng luân này có ba loại sai khác. Những gì là ba?

1. Tướng luân có thể chỉ bày những sự khác nhau của nghiệp thiện ác đã làm đời trước, tướng luân này có mười loại.

2. Tướng luân hiển bày sự sai khác nhỏ, lớn, mạnh, yếu đã làm gần nay hay lâu đã tích chứa nghiệp đời trước, tướng luân này có ba loại.

3. Tướng luân có thể hiển bày sự chịu quả báo khác nhau trong ba đời.

Luân này có sáu loại. Nếu muốn chiêm nghiệm sự sai khác của nghiệp thiện, ác đã làm đời trước thì nên khắc vào cây mười luân (vòng) dựa vào luân này viết tên của mười thiện, mười thiện căn bản ở trong một luân, ghi vào mỗi mặt. Tiếp đến dùng mười ác viết đối diện với mười thiện làm cho tương xứng cũng viết vào một mặt. Mười thiện là tất cả các pháp thiện căn bản có thể tóm thâu hết các pháp thiện khác. Mười ác là tất cả pháp ác căn bản có thể hàm chứa hết những pháp ác khác. Nếu muốn chiêm nghiệm tướng luân này thì trước hết phải học chí tâm đảnh lễ tất cả chư Phật mười phương, nhân đó lập nguyện, nguyện làm cho hết thảy chúng sinh mười phương mau chóng đều thân cận, cúng dường thưa hỏi, lãnh thọ chánh pháp. Lại nữa, phải nên học chí tâm kính lễ Tạng pháp mười phương; nhân đó liền lập nguyện, nguyện làm cho tất cả chúng sinh khắp mười phương mau chóng được thọ trì đọc tụng đúng như pháp tu hành và vì người khác thuyết pháp. Lại nữa, phải học chí tâm kính lễ tất cả Hiền thánh khắp mười phương, nhân đó liền lập nguyện, nguyện làm cho tất cả chúng sinh mười phương mau chóng được gần gũi cúng dường phát tâm Bồ-đề, chứng được quả vị không thoái chuyển. Sau đó, phải học chí tâm lễ kính Đại Bồ-tát Địa Tạng ta, liền lập nguyện, nguyện làm cho tất cả chúng sinh mười phương nhanh chóng diệt trừ nghiệp ác, tội nặng xa lìa các chướng ngại các vật dụng đời sống đều đầy đủ. Kính lễ rồi, tùy theo những thứ hương hoa mình có nên tu tập cúng dường. Tu tập cúng dường là tưởng nhớ đến ba ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng, thường lễ bái khắp tất cả, nguyện đem hương hoa này đồng trong pháp tánh đều tỏa khắp tất cả cõi chư Phật, cúng dường làm Phật sự. Lại nghĩ tất cả mười phương luôn luôn được cúng dường đầy đủ. Hôm nay, con sẽ đem tất cả thứ hương hoa, chuỗi hạt cờ lọng báu các thứ trang sức, trân báu đẹp, âm nhạc, đèn đuốc lửa, thức ăn, nước uống, y phục, giường nệm, thuốc thang cho đến tất cả thứ trang nghiêm hiện có ở mười phương đều cúng dường đầy đủ, thường nhớ nghĩ cùng với chúng sinh vui

vẻ cúng dường, thường nhớ tu tập cúng dường trong tất cả thế giới. Hôm nay, con tùy hỷ, nếu người chưa tu tập cúng dường nguyện được giáo hóa khiến cho thực hành cúng dường. Lại nguyện, thân con mau chóng biến hiện khắp tất cả cõi nước. Đối với hết thảy Phật, Pháp, Tăng đều đem hết vật dụng cúng dường trang nghiêm, cùng tất cả chúng sinh vui vẻ thực hành cúng dường tất cả Pháp thân, sắc thân, xá-lợi, hình tượng, những nơi tháp miếu của chư Phật, tất cả việc Phật, cúng dường tất cả Pháp tạng hiện có và thuyết pháp khắp nơi. Cúng dường tất cả chúng sinh Hiền thánh tăng, nguyện cùng với tất cả chúng sinh tu tập thực hành cúng dường như vậy, dần dần thành tựu sáu pháp Ba-la-mật, bốn Vô lượng tâm, hiểu biết sâu xa những pháp xưa nay vốn vắng lặng, một vị bình đẳng, không sinh, không diệt, xa lìa nhớ nghĩ thanh tịnh hoàn toàn viên mãn. Lại nên, biết rõ tâm cúng dường Đại Bồ-tát Địa Tạng ta. Lại nữa, nên xưng tán danh hiệu hoặc nhớ nghĩ, nhất tâm đọc tụng "Nam-mô Địa Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát". Xưng tán như thế, đạt được một ngàn kinh, ngàn niệm rồi mà cho rằng: Lòng đại Từ, đại Bi của Đại Bồ-tát Địa Tạng nguyện xin cứu giúp cho con và tất cả chúng sinh mau tiêu trừ các chướng ngại, tăng trưởng lòng tin thanh tịnh. Hôm nay, sự quán tưởng, xưng tụng khiến được tương ứng, nói như vậy rồi, sau đó, tay cầm mộc luân ở trên vật trong sạch mà gieo xuống trong đó. Như vậy muốn chiêm nghiệm pháp cho mình, hoặc muốn chiêm nghiệm người khác đều cũng làm như thế. Nên biết về luân tướng này là tùy theo nghiệp hiện tại, nên mỗi một đế đều quán tưởng suy nghiệm, hoặc thuần mười thiện hoàn toàn hoặc thuần mười ác hoàn toàn hoặc thiện ác hỗn tạp, hoặc thuần thiện không hoàn toàn, hoặc thuần ác không hoàn toàn. Như vậy các loại nghiệp nhân không giống nhau, các quả báo tập khí đều sai khác. Đúng như Phật Thế Tôn đã giảng thuyết nơi khác, nên phải nhớ kỹ; tư duy quán xét các nghiệp ở hiện tại cùng quả báo đời này trong kinh, những việc khổ, vui, tốt và xấu, với tập khí phiền não đều tương xứng nhau gọi là tương ứng. Nếu không thích đáng nghĩa là không chú tâm gọi là nói trống rỗng. Nếu chiêm nghiệm luân tướng mà nghiệp thiện ác đều không hiện ra thì người này đã chứng tâm trí vô lậu thường cầu pháp xuất ly, lại không thích chịu quả báo thế gian, các nghiệp hữu lậu thay đổi yếu nhỏ dần, không thể tăng trưởng. Do đó, không thể hiện ra được, lại thuần thiện không hoàn toàn, thuần ác không hoàn toàn thì hai hạng người này nghiệp thiện ác không thể hiện ra, đều nhỏ yếu chưa có khả năng trở thành quả, vì thế không thể hiện ra. Nếu ở đời đương lai, đệ tử chư Phật đã chiêm nghiệm quả báo thiện ác đắc được điều tương ưng. Ở trong năm dục được điều vừa ý, chớ chẳng phải tự mình phóng túng mà khởi tâm buông lung, nên suy

nghĩ, do nghiệp thiện đời trước của ta như vậy, nên hôm nay được quả báo này. Hôm nay, ta có thể thay đổi, càng tinh tấn tu tập không nên dừng nghỉ. Nếu gặp những việc nguy hiểm, não hại, không tốt quấy phá, lo sợ không được vừa ý, nên phải chịu đựng không nghi ngờ, hối tiếc, thoái mất việc tu tập nghiệp lành, liền suy nghĩ đời trước ta tạo nghiệp ác như vậy, ngày nay gặp quả này. Hôm nay, ta nên hối cải tu tập sửa đổi nghiệp ác và thường thực hành việc thiện khác không ngừng nghỉ. Nếu biếng nhác, phóng túng thay đổi thì càng tích chứa nhiều khổ tập. Đây gọi là chiêm nghiệm Pháp luân tướng ban đầu. Này thiện nam! Nếu muốn chiêm nghiệm nghiệp đã tích chứa trong quá khứ đến lâu hay mau, sự tạo tác khác nhau mạnh, yếu, lớn, nhỏ thì nên khắc vào bảng gỗ ba vòng (luân), dùng thân, miệng, ý, làm căn bản ở mỗi vòng, viết chữ vào đó lại ở giữa mỗi vòng vẽ một bức họa, lớn, dài xén bỏ đi các viền. Lại nữa, mặt thứ hai vẽ một bức họa nhỏ, ngắn khiến cho đến viền. Lại nữa, mặt thứ ba, khắc một bên như bức họa kia, làm cho đường lớn, sâu, mặt thứ tư cũng khắc vào bên làm cho đường nhỏ, cạn; nên biết nghiệp thiện trang nghiêm giống như bức họa, nghiệp ác hại suy yếu giống như giảm lần. Bức họa lớn dài là hiển bày tích chứa thiện đến rất lâu, thực hành lanh lợi, làm được tăng trưởng. Bức họa nhỏ, ngắn đến rất gần, từ trước tu tập cơ bản thuần thiện, sự tạo ác rất ít. Bức họa được khắc lớn và sâu, biểu thị việc ác đến rất lâu, các tai họa phát triển. Cuối cùng, bức họa nhỏ và cạn là biểu thị việc thiện đến mau giảm đi trước kia tích chứa pháp ác gây các nghiệp chưa đến mức lớn mạnh, hoặc tuy đã làm các tội ác nặng nhưng đã từng hối lỗi, sữa đổi. Đây có nghĩa là tội nhỏ. Này thiện nam! Nếu ban đầu chiêm nghiệm chuyển tướng là chỉ biết sự sai khác của nghiệp thiện ác đã tạo đời trước mà không thể biết tích tập lâu, mau những nghiệp lớn, nhỏ, mạnh, yếu đã tạo. Vì thế nên chiêm nghiệm tướng luân thứ hai, nếu chiêm nghiệm tướng luân thứ hai nên dựa vào trong tướng luân ban đầu nghiệp đã hiện ra, nếu thuộc về thân thì rơi vào luân tướng của thân, nếu thuộc về miệng thì rơi vào luân tướng của miệng, nếu thuộc về ý thì rơi vào luân tướng của ý, không được đem ba tướng luân này, chiêm nghiệm cùng một nên phải tùy theo nghiệp căn bản, nhớ mỗi một thiện ác dựa vào sự khác biệt thuộc luân nào mà quán xét.

Lại nữa, chiêm nghiệm trong luân tướng ban đầu chỉ có nghiệp thiện của thân, thì ở trong luân thứ hai này là việc ác của thân nghĩa là không có chí tâm không được tương ứng gọi là nói trống rỗng. Lại nữa, không tương ứng là chiêm nghiệm trong luân tướng ban đầu đắc được nghiệp không giết hại và nghiệp không trộm cắp, quán xét về nghiệp không giết hại, trước hết,

ý làm chủ mà trong luân tướng thứ hai (thấy) bị ác của thân thì gọi là không tương ứng.

Lại nữa, nếu quán hiện tại từ khi sinh đến về sau không thích giết hại, không tạo tội giết hại nhưng ý làm chủ nghĩ nghiệp giết hại, nhưng ở trong luân tướng thứ hai, thân mắc nhiều tội ác, gọi là không tương ứng, ngoài thân ra, nghiệp trong miệng, nghĩa không tương ứng cũng lại như vậy. Thiện nam nên biết! Nếu đời vị lai, các chúng sinh muốn mong cầu giải thoát sinh, lão, bệnh thì ban đầu học phát tâm, tu tập thiền định, trí tuệ vô tướng thì trước hết phải chiêm nghiệm nghiệp ác đã tạo đời trước nhiều, ít cho đến nhẹ hay nặng, nếu nghiệp ác nhiều thì không được học thiền định trí tuệ, nên biết trước phải thực hành pháp sám hối. Vì sao? Vì người này đã tích chứa tâm ác rất mạnh mẽ. Hiện tại chắc chắn tạo nhiều tội ác, hủy phạm giới cấm, do phạm giới trọng, nếu không sám hối để được thanh tịnh mà tu tập trí tuệ thiền định thì có nhiều chướng ngại không thể đạt được, hoặc tâm bị tán loạn, hoặc vị ngoại đạo tà kiến làm não hại, hoặc lãnh thọ pháp tà kiến, tăng trưởng ác kiến; vì thế trước phải thực hành pháp sám hối. Nếu (giữ) giới căn bản thanh tịnh tội trọng đời trước rất ít thì xa lìa các chướng ngại. Này thiện nam! Người muốn tu tập pháp sám hối nên an trú nơi vắng lặng, tùy theo năng lực có thể tôn nghiêm Đức Phật ở trong phòng và trang trí kinh pháp, treo cờ lụa, lọng, tìm những hương hoa để cúng dường, tắm tẩy thân thể và mặc y phục giặt sạch chớ để mùi hôi xông lên. Ở trong thất này ngày đêm chia ra ba thời đọc tụng danh hiệu. Nhất tâm đảnh lễ bảy Đức Phật ở quá khứ và năm mươi ba Đức Phật, lại quay mặt về mười phương, mỗi một phương tâm đều suy nghĩ, đảnh lễ khắp tất cả sắc thân, xá-lợi, hình tượng, nơi tháp miếu của chư Phật, tất cả những việc của Phật. Lại nữa, đảnh lễ tất cả chư Phật trong ba đời mười phương, tâm nghĩ đảnh lễ hết Tạng pháp ở mười phương, tâm nên nghĩ đảnh lễ tất cả Hiền thánh khắp mười phương. Sau đó, càng biết rõ tụng danh hiệu, lễ bái Đại Bồ-tát Địa Tạng ta, đảnh lễ như vậy rồi nên nói những tội đã làm, nhất tâm cầu khẩn; nguyện xin chư đại Bi mười phương tôn chứng biết cứu giúp, hôm nay, con xin sám hối lại không dám tạo tội nữa, nguyện con và chúng sinh mau chóng diệt trừ mười ác, bốn tội trọng, năm tội nghịch điên đảo hủy báng Tam bảo, tội Nhất-xiển-đề đã gây từ vô lượng kiếp đến nay; lại nên suy nghĩ tánh tội như vậy, chỉ theo vọng tưởng hư dối, tâm điên đảo khởi, không có thật nhất định mà có thể đạt được bản tánh vắng lặng của hư không. Nguyện con và tất cả chúng sinh mau đạt được bản tánh của tâm, diệt trừ hoàn toàn nguồn gốc tội lỗi, lại thường nên phát nguyện, nguyện cho tất cả Bồ-tát mười phương chưa thành Chánh giác thì mau chứng thành

Chánh giác, nếu chứng thành Chánh giác rồi nguyện thường an trú ở đời để chuyển bánh xe chánh pháp, không nhập Niết-bàn, lại nữa nên phát nguyện tùy hỷ, nguyện con và tất cả chúng sinh trừ bỏ hoàn toàn tâm ganh ghét, ở tất cả cõi Phật trong ba đời thường tu học các công đức, tất cả thành tựu đều tùy hỷ. Lại nữa phát nguyện hồi hướng, nguyện tất cả những công đức đã tu tập của con, các vật dụng đều ban cho hết thảy chúng sinh, cùng chứng được trí tuệ của Phật đến thành Niết-bàn. Đã phát nguyện hồi hướng như thế rồi lại đến ngồi ngay thẳng giữa tịnh thất yên tĩnh, chú tâm hoặc đọc tụng hoặc nhớ nghĩ danh hiệu của ta thì sẽ giảm bớt ngủ nghỉ, nếu nhiều hôn mê (mê tối) nên ở trong tịnh thất đạo tràng đọc tụng liên tục. Lại nữa, ban đêm phân chia từng thời, nếu có ánh sáng của đèn đuốc thì làm việc cũng chia ra ba thời, cung kính cúng dường, sám hối tội lỗi và phát nguyện. Nếu không đủ ánh sáng để làm việc thì phải ngồi trong tịnh thất chú tâm tụng niệm, mỗi ngày thường thực hành pháp sám hối, chớ có biếng nhác. Nếu người đời trước từ bỏ các việc căn bản thiện thì tạm thời gặp phải nhân duyên ác nên tạo pháp ác, tội chướng có chút ít nhưng tâm người đó có năng lực rất mạnh mẽ, sau bảy ngày liền được thanh tịnh diệt trừ được chướng ngại. Như vậy, những nghiệp của chúng sinh có dày (nhiều) mỏng (ít), các căn lợi, độn sai khác vô lượng, hoặc trải qua mười bốn ngày mới được thanh tịnh, hoặc trải qua hai mươi mốt ngày, cho đến bốn mươi chín ngày mới được thanh tịnh. Nếu ở quá khứ, hiện tại đều tăng trưởng các tội trọng thì trải qua trăm ngày mới được thanh tịnh, hoặc trải qua hai trăm ngày cho đến ngàn ngày mới được thanh tịnh. Nếu căn cơ quá thấp kém, tội chướng lại rất nặng thì phải nên phát tâm dũng mãnh không tiếc thân mạng, đêm ngày thường xuyên đọc tụng liên tục bỏ bớt ngủ nghỉ, làm lễ sám hối phát nguyện, thích tu tập cúng dường không lười biếng, không bỏ phế cho đến bỏ mất thân mạng cũng không thoái lui, tinh tấn như vậy ở trong ngàn ngày, chắc chắn được thanh tịnh.

Này thiện nam! Nếu muốn đạt được tướng trí tuệ thanh tịnh, thì tu tập thực hành qua bảy ngày mỗi một ngày vào buổi sáng sớm đem luân tướng thứ hai đặt ở trong bàn tay thường ném xuống ba lần, nếu thân, miệng, ý đều toàn thiện thì gọi là được thanh tịnh. Như vậy các chúng sinh ở vị lai có thể tu tập sám hối từ quá khứ lâu xa đến nay, ở trong Phật pháp đã thực hành điều thiện, tùy theo sự tu tập có những công đức gì, nghiệp có nhiều, ít, nhiều loại sai khác. Vì thế, những người đó được thanh tịnh thì tướng cũng không giống nhau, hoặc có chúng sinh ba nghiệp được (thuần) hoàn toàn thiện, liền được các tướng tốt khác, hoặc có chúng sinh ba nghiệp

được tướng đẹp thì ở trong một ngày, một đêm lại thấy ánh sáng chiếu khắp cả tịnh thất, hoặc nghe những mùi hương thơm ngào ngạt lạ thường, thân ý vui vẻ, hoặc sinh mộng lành, trong mộng thấy sắc thân Đức Phật đến làm lễ ấn chứng, cầm tay, xoa đầu khen ngợi rằng, lành thay, hôm nay, ông được thanh tịnh ta đến ấn chứng cho ông, hoặc trong mộng thấy thân của Bồ-tát đến làm ấn chứng, hoặc mộng thấy hình tượng Đức Phật phóng hào quang làm ấn chứng. Nếu người chưa được tướng lành của ba nghiệp, trước hết chỉ nghe thấy những việc này thì là nói hư dối vọng ngữ mê hoặc, lừa gạt chẳng phải tướng lành. Nếu người đã từng có căn lành xuất thế, giữ gìn tâm mạnh mẽ. Bây giờ, ta tùy theo người đáng độ để thị hiện thân phóng ánh sáng đại Bi khiến họ được an ổn, xa lìa các nghi ngờ, lo sợ, hoặc thị hiện các loại thần thông biến hóa, khiến cho họ tự nhớ lại những việc thiện ác đã làm đời trước, hoặc tùy theo sự ưa thích của họ để thuyết giảng những pháp căn bản sâu xa, người ấy liền hướng về Đại thừa có lòng tin chắc chắn, hoặc dần dần chứng được quả đạo Sa-môn.

Lại nữa, những chúng sinh đó, tuy chưa thấy ta thị hiện thân thuyết pháp, nhưng phải tu học nhất tâm, khiến thân, miệng, ý đều được thanh tịnh: Ta cũng cứu giúp khiến chúng sinh đó nhanh chóng diệt trừ các chướng ngại, Thiên ma Ba-tuần không đến phá hoại được; cho đến làm thầy chín mươi ngoại đạo tà kiến, tất cả quỷ thần cũng không đến quấy nhiễu. Năm triền cái dần dần giảm đi, thật có khả năng tu tập các trí tuệ thiền định.

Lại nữa, nếu các chúng sinh ở đời vị lai tuy không vì cầu trí tuệ thiền định, phát ra từ đạo chính yếu, chỉ vì những người bị nguy hiểm, bần khổ, thiếu thốn, lo buồn, khổ não dày vò thì cũng nên cung kính lễ bái cúng dường, sám hối việc làm ác, thường phát nguyện, đối với tất cả thời, tất cả nơi, siêng năng nhất tâm đọc tụng danh hiệu của ta, làm thật chí thành cũng sẽ nhanh chóng thoát khỏi khổ não, xả bỏ thân mạng này rồi sinh vào nơi tốt lành.

Lại nữa, đời vị lai những chúng sinh tại gia hoặc xuất gia, muốn cầu thọ giới thanh tịnh vi diệu, nhưng trước đó đã phạm tội trọng quá nhiều thì không được thọ; cũng phải như phương pháp sám hối trên, làm một cách chí tâm, thân, miệng ý đều lành, liền có thể thọ giới. Nếu những chúng sinh đó muốn tu tập đạo Đại thừa, mong cầu thọ giới trọng căn bản của Bồ-tát nguyện đều thọ tất cả giới cấm của tại gia và xuất gia, nghĩa là Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới, Nhiếp hóa chúng sinh giới, mà không thể gặp được Thầy truyền giới hoàn hảo, giảng thuyết rộng rãi Tạng pháp của

Bồ-tát, trước hết phải tu tập thực hành, phải chí tâm cung kính cúng dường trong đạo tràng, ngưỡng mong Bồ-tát chư Phật mười phương làm thầy chứng minh, nhất tâm lập nguyện ca ngợi giới tướng, trước hết nói về mười giới trọng căn bản, thứ đến nên thuyết hết ba loại tụ giới (Tam tụ tịnh giới) tự mình phát nguyện mà thọ giới, ở đây cũng được đắc giới.

Lại nữa, các chúng sinh ở đời vị lai muốn cầu xuất gia và đã xuất gia, nếu không thể gặp được thầy truyền giới hoàn hảo và Tăng chúng thanh tịnh, tâm của người ấy nghi ngờ không được đúng như pháp thọ trì cấm giới, chỉ có thể học phát tâm đạo vô thượng, cũng đã làm cho thân, miệng, ý đều thanh tịnh. Người đó chưa xuất gia mà phải cắt tóc mặc y pháp phục như đã lập nguyện trên, tự mình phát nguyện thọ trì ba loại tụ giới luật nghi của Bồ-tát thì gọi đắc được đầy đủ giới Ba-la-đề mộc-xoa. Giới xuất gia gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, tức là tìm cầu Tạng luật Thanh văn và Tạng luận, tu tập Bồ-tát, thọ trì, đọc tụng, quán xét tu hành. Nếu tuy xuất gia mà tuổi chưa đủ hai mươi, trước hết nên phải phát nguyện thọ mười giới căn bản và thọ giới khác là Sa-di và Sa-di-ni, đã thọ giới cũng gọi Sa-di, Sa-di-ni, tức cần thân cận cúng dường, thị giả những vị xuất gia trưởng thượng, học tâm Đại thừa thọ giới cụ túc, tìm thầy nương tựa, thưa hỏi giáo giới thực hành oai nghi như pháp Sa-di, Sa-di-ni, nếu người không được như vậy thì nguyện được gần gũi Bồ-tát, thực hành Tạng luận, đọc tụng, suy nghĩ, quán xét, tu tập, siêng năng cúng dường ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng. Nếu Sa-di-ni tuổi đã được mười tám cũng nên phát nguyện thọ sáu pháp giới Thức-xoa-ma-na trong Tạng luật và học hết tất cả giới tụ của Tỳ-kheo-ni. Người ấy nếu đủ hai mươi tuổi, có thể như trên thọ tất cả ba loại giới tụ của Bồ-tát, sau đó được gọi Tỳ-kheo-ni. Nếu chúng sinh đó tuy học sám hối mà không thể chí tâm, không được tướng tốt, giả sử đã thọ giới đều không gọi đắc giới.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kiên Tịnh Tín hỏi Đại Bồ-tát Địa Tạng:

–Tôn giả thuyết giảng về sự sai khác của chí tâm có mấy loại? Chí tâm đắc được tướng tốt là thế nào?

Đại Bồ-tát Địa Tạng bảo:

–Này thiện nam! Ta đã thuyết giảng tóm lược về chí tâm có hai loại. Hai đó là:

1. Ban đầu mới tu tập chí tâm mong cầu.

2. Giữ gìn tâm ý thường tinh tấn, chí tâm tương ứng thành tựu mạnh mẽ.

Hoàn thành được hai loại chí tâm này thì có thể đắc được tướng tốt.

Hai loại chí tâm này lại có ba hạng sai khác là thượng, trung, hạ. Ba hạng là:

1. Nhất tâm, có nghĩa trói buộc vọng tưởng, tâm an trú không tán loạn.

2. Tâm dũng mãnh, nghĩa là thường mong cầu không lười biếng, không kể thân mạng.

3. Tâm sâu xa, nghĩa là cùng với pháp tương ứng hoàn toàn không thoái lui.

Nếu người tu tập pháp sám hối này mà không được chí tâm bậc hạ thì hoàn toàn không được tướng tốt thanh tịnh. Đây gọi là chiêm nghiệm pháp luân thứ hai.

Này thiện nam! Nếu muốn chiêm nghiệm bị sự sai khác của quả báo trong ba đời thì phải khắc vào bảng gỗ sáu luân (vòng). Ở luân thứ sáu này dùng một số một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một, mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy, mười tám viết vào đó. Mặt thứ nhất viết số một làm gốc, còn ba mặt khác, viết tuần tự không sai, không lẫn lộn, nên biết các số này đều từ một số mà phát sinh, dùng số một làm gốc, những số như vậy đều biểu thị tập hợp sáu căn của chúng sinh, tất cả từ một cảnh giới thật với tâm thanh tịnh, tự tánh tạng của Như Lai mà sinh khởi, nương vào một cảnh giới thật để làm căn bản gọi là nương vào cảnh giới thật. Người bị vô minh không hiểu rõ một pháp giới, nhớ nghĩ sai lầm hiển bày cảnh giới vọng tưởng, phân biệt chấp trước nhân duyên của nghiệp tập, phát sinh sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Vì do sáu căn bên trong tiếp xúc sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bên ngoài phát sinh sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thân thức, ý thức, vì nương sáu thức nên đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh khởi tưởng trái nghịch, tưởng thuận, những tưởng chẳng trái, chẳng thuận, phát sinh mười tám thọ. Nếu đệ tử chư Phật đời vị lai chịu nhân quả báo trong ba đời muốn rõ được ý nghi ngờ thì phải gieo ba lần vào luân tướng thứ ba này, chiêm nghiệm, tánh số kết hợp, dựa vào cách tánh số để quyết định thiện ác. Như vậy thấy được tướng quả báo thiện ác trong ba đời, gồm có một trăm tám mươi chín loại. Tất cả là:

1. Cầu pháp Thượng thừa chứng bậc không thoái chuyển.

2. Mong cầu quả hiện tại sẽ chứng đắc.

3. Cầu Trung thừa được quả vị không thoái chuyển.

4. Cầu pháp Hạ thừa chứng đắc bậc không thoái chuyển.

5. Mong cầu thần thông được thành tựu.

6. Tu tập thành tựu bốn Phạm thiên.
7. Ở đời tu tập thiền được thành tựu.
8. Mong muốn thọ giới được giới vi diệu.
9. Đã từng thọ giới cụ túc.
10. Mong cầu vị, trụ, tín của Thượng thừa.
11. Mong cầu vị, trụ, tín, của Trung thừa.
12. Mong cầu vị, trụ, tín của Hạ thừa.
13. Đã chọn (thấy) người làm bạn tốt.
14. Như đã nghe chánh pháp.
15. Thấy người là bạn xấu.
16. Như đã nghe chẳng phải chánh pháp.
17. Thấy người có công đức chân thật.
18. Đã biết được người không có công đức chân thật.
19. Biết rõ được nghĩa không sai lầm.
20. Biết rõ nghĩa là sai lầm.
21. Đọc tụng không bị sai sót.
22. Đọc tụng bị sai trái.
23. Sự tu tập không bị lầm lẫn.
24. Sự thấy nghe đều tốt.
25. Sự chứng đắc là thật chứng.
26. Sự học bị sai lầm.
27. Sự thấy nghe chẳng tốt hoàn toàn.
28. Sự chứng đắc chẳng phải là chánh pháp.
29. Có sự bảo vệ của thần tà.
30. Có thể thuyết giảng bàn luận với trí hiểu sai lầm.
31. Sự huyễn hóa biết chẳng phải năng lực của người.
32. Trước phải tu tập biết rõ về trí đạo.
33. Trước phải tu tập đạo thiền định.
34. Thấy sự học không có chướng ngại.
35. Thấy sự học là chỗ thích nghi.
36. Thấy sự học là chẳng phải nơi thích hợp.
37. Quán xét sự học là tích chứa đời trước.
38. Quán thấy sự học chẳng phải tích chứa đời trước.

39. Quán thấy sự học hoàn toàn tăng trưởng.
40. Quán thấy sự học ít phương tiện.
41. Quán thấy sự học không có mục đích tiến lên.
42. Sự mong cầu quả hiện tại chưa chứng đắc.
43. Cầu mong được đi xuất gia.
44. Cầu nghe pháp được chỉ giáo.
45. Cầu được đọc tụng kinh.
46. Quán xét việc làm là việc của ma.
47. Quán xét việc làm đã thành tựu.
48. Quán thấy việc đã làm chẳng thành.
49. Mong cầu thật giàu tài sản đầy tràn.
50. Mong cầu địa vị quan sẽ thành tựu.
51. Cầu mạng sống lâu thì tuổi được kéo dài.
52. Cầu phật ở đời được thành tựu.
53. Thông tỏ nhiều về học vấn.
54. Ít thông suốt về học vấn.
55. Tìm cầu thầy, bạn được như ý.
56. Cầu đệ tử được vừa ý.
57. Cầu cha mẹ được như ý.
58. Cầu nam nữ được bằng lòng.
59. Cầu vợ cả vợ lẽ được như ý.
60. Cầu bạn đồng hành được như ý.
61. Được cùng chung sự suy nghĩ.
62. Quán thấy tâm người thường giận dữ.
63. Mong cầu không căm hờn được vui vẻ.
64. Cầu hòa hợp được như ý.
65. Quán thấy tâm người hoan hỷ.
66. Biết rõ tất cả những suy nghĩ của người.
67. Suy nghĩ của người không thể hiểu được.
68. Kêu gọi đều đến tụ tập.
69. Oán ghét được xa lìa.
70. Thương kính được gần gũi.
71. Quán thấy sự tích chứa dục thì được nhóm họp.

72. Quán thấy sự tích chứa dục không được tích tụ.
73. Kêu gọi không đến.
74. Kỳ hẹn người chắc chắn sẽ đến.
75. Hẹn người dừng lại không đến.
76. Thấy người được an lạc.
77. Thấy người không được an ổn.
78. Thấy người không có thân hình.
79. Mong cầu thấy thì được thấy.
80. Tìm kiếm gì liền thấy được.
81. Cầu được nghe lời nói an lành.
82. Tìm thấy không được như ý.
83. Thấy được nghi ngờ tức là sự thật.
84. Thấy sự nghi ngờ là không phải sự thật.
85. Thấy người không hòa hợp.
86. Mong cầu Phật sư sẽ đạt được.
87. Cầu cúng dường sẽ có được đầy đủ.
88. Cầu vật dụng sinh sống đều được như ý.
89. Mong vật dụng sinh sống có rất ít.
90. Những sự mong cầu đều sẽ được.
91. Những sự mong cầu sẽ không có.
92. Sự mong cầu ít có được.
93. Những sự mong cầu được như ý.
94. Sự tìm cầu mau được thành tựu.
95. Sự mong cầu lâu mới thành tựu.
96. Sự tìm cầu lại hao tổn.
97. Sự mong cầu được lợi lành.
98. Sự mong cầu lại chịu khổ.
99. Bị mất đi tìm sẽ có lại.
100. Bị mất rồi thì mãi mãi không có được.
101. Thấy mình bị mất được trả lại.
102. Cầu xa lìa nguy hiểm liền thoát khỏi nạn.
103. Cầu xa lìa bệnh liền được tiêu trừ.
104. Thấy sự trừ bỏ không còn chướng ngại.

105. Thấy sự trừ bỏ có chướng ngại.
106. Thấy chỗ an trú được an ổn.
107. Thấy nơi an trú không được an ổn.
108. Đến nơi nào là được an vui.
109. Đến nơi nào là có sự nguy hiểm.
110. Đến nơi nào là lưới ma.
111. Đến nơi nào khó giáo hóa.
112. Đến nơi nào có thể giáo hóa.
113. Đến nơi được lợi cho mình.
114. Đi đường không bị quấy phá.
115. Đi đường bị quấy rối.
116. Vua, dân, xấu, ác đói khát sinh khởi.
117. Vua dân xấu ác có nhiều bệnh dịch.
118. Vua dân tốt đất nước phồn vinh an lành.
119. Vua không có đạo đức đất nước bị tai nạn, hỗn loạn.
120. Vua tu tập công đức thì diệt trừ tai họa, hỗn loạn.
121. Vua làm ác thì đất nước sắp phá hủy.
122. Vua làm việc thiện thì đất nước vững an toàn.
123. Quán thấy để tránh mà thoát được nạn.
124. Quán sát để tránh mà không thoát được nan.
125. An trú ở đâu mọi người được an ổn.
126. An trú ở đâu đều có chướng nạn.
127. Nương vào chúng tụ họp không được an.
128. Sống nơi vắng lặng không có các tai nạn.
129. Thấy điều quái dị không có sợ hãi.
130. Thấy việc quái dị bị tổn hại.
131. Thấy đều quái dị tinh tấn an ổn.
132. Thấy điều trong mộng không có tổn hại.
133. Thấy điều trong mộng có sự tổn hại.
134. Thấy điều trong mộng tinh tấn an ổn.
135. Thấy điều trong mộng là (thuận lợi) tốt lành.
136. Thấy chướng ngại hỗn loạn mau được xa lìa.
137. Thấy chướng ngại hỗn loạn dần dần được từ bỏ.

138. Thấy chướng ngại hỗn loạn không thể xa lìa.
139. Thấy chướng ngại loạn động nhất tâm đoạn trừ.
140. Thấy tai nạn mau được thoát khỏi.
141. Thấy tai nạn lâu được thoát khỏi.
142. Thấy khó khăn chịu khổ não.
143. Thấy khó khăn tinh tấn thoát khỏi.
144. Thấy tai nạn đến thân mạng sẽ chấm dứt.
145. Thấy tai họa lớn không thể khắc phục.
146. Thấy tai họa chẳng phải khổ não của người.
147. Thấy những tai họa chẳng phải người.
148. Thấy các tai họa có thể sửa chữa.
149. Thấy các tai họa khó có thể cứu chữa.
150. Quán thấy bị nạn thiếu tinh tấn.
151. Quán thấy tai nạn đau khổ lâu dài.
152. Quán thấy bị tai họa thì mình sẽ khác.
153. Quán thấy bệnh hoạn thì đến thầy thuốc giỏi để chữa trị.
154. Thấy bệnh hoạn thì chữa trị.
155. Thuốc men phải có hiệu lực.
156. Thấy bệnh hoạn được diệt trừ.
157. Gặp vị thầy thuốc không thể chữa trị.
158. Quán thấy bệnh ghẻ không thể chữa trị.
159. Thuốc men không có hiệu lực.
160. Thấy thân bị bệnh hoạn sẽ hết.
161. Đến từ trong đường địa ngục.
162. Đến từ trong đường súc sinh.
163. Đến từ trong đường ngạ quỷ.
164. Đến từ trong đường A-tu-la.
165. Đến từ trong loài người.
166. Đến từ trong hàng chư Thiên.
167. Đến từ ở nhà.
168. Đến từ trong xuất gia.
169. Từng đến gặp Phật cúng dường.
170. Từng đến gần gũi cúng dường hiền thánh.

171. Đã từng đến nghe Pháp sâu xa.
172. Xả bỏ thân này rồi vào địa ngục.
173. Xả bỏ thân này làm súc sinh.
174. Xả bỏ thân này làm ngạ quỷ.
175. Xả bỏ thân này rồi làm A-tu-la.
176. Xả bỏ thân này rồi sinh làm người.
177. Xả bỏ thân này rồi làm vua mọi người.
178. Xả bỏ thân này sinh làm chư Thiên.
179. Xả bỏ thân này sinh làm vua cõi trời.
180. Xả bỏ thân này rồi nghe được Pháp sâu xa.
181. Xả bỏ thân này được xuất gia.
182. Xả bỏ thân này gặp được Thánh tăng.
183. Xả bỏ thân này sinh vào cõi trời Đâu-suất.
184. Xả bỏ thân này sinh vào cõi Phật thanh tịnh.
185. Xả bỏ thân này được diện kiến Phật.
186. Xả bỏ thân này an trú vào Hạ thừa.
187. Xả bỏ thân này rồi an trú vào Trung thừa.
188. Xả bỏ thân này rồi được chứng quả.
189. Xả bỏ thân này rồi an trú vào Thượng thừa.

Này thiện nam! Đây là một trăm tám mươi chín tướng sai khác của quả báo thiện ác. Pháp chiêm nghiệm này tùy theo tâm, thấy tâm sở làm chủ các niệm. Nếu số hợp với ý tương đương thì không bị sai lầm. Nếu chiêm nghiệm rơi vào số hợp, cùng quán tâm sở làm chủ các niệm mà không tương đương thì gọi là không chí tâm, gọi là hư dối. Người nào có ba lần thả xuống nhưng đều không thấy hiện ra thì người này được gọi là được vô sở đắc.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu mình phát tâm quán chiếu người khác, lãnh thọ những quả báo cũng lại như vậy. Nếu người khác không thể chiêm nghiệm cho mình mà muốn đến nhờ mình quán xét thì nên quán xét lường tánh tâm mình. Không tham luyến thế gian, trong tâm thanh tịnh; sau đó, mới có thể quay về cung kính, tu tập và cúng dường như trên. Nhất tâm phát nguyện để chiêm nghiệm, không nên tham cầu danh lợi thế gian, thực hành giống như Đạo sư để mình ngăn ngừa tán loạn. Nếu trong tâm không thanh tịnh, thì giả sử có chiêm nghiệm vẫn không tương ứng, chỉ là hư dối. Lại nữa, nếu chúng sinh ở đời vị lai tất cả đều chiêm nghiệm đều không

được tốt lành, sự mong cầu không chứng đắc, những suy nghĩ lo buồn làm đau khổ, sợ hãi, thì đêm ngày phải thường siêng năng đọc tụng nhớ nghĩ danh hiệu của ta. Nếu nhất tâm được thì chiêm nghiệm tốt lành, thành tựu tất cả sự mong cầu, diệt trừ khổ não ngay hiện tại.

-oOo-

KINH CHIÊM SÁT THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kiên Tịnh Tín hỏi Đại Bồ-tát Địa Tạng:

–Làm thế nào hướng dẫn cho người tìm đến Đại thừa, mau chóng đạt mục đích phương tiện?

Đại Bồ-tát Địa Tạng bảo:

–Này thiện nam! Nếu có chúng sinh hướng đến Đại thừa thì trước hết phải biết thực hành pháp căn bản. Người ấy ban đầu thực hành pháp căn bản gọi là nương tựa vào một cảnh giới thật để tu tập tin và hiểu, nhờ năng lực tin, hiểu mà tăng trưởng nên nhanh chóng thể nhập chủng tánh của Bồ-tát. Một cảnh giới thật, nghĩa là tâm tánh chúng sinh từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh không sinh, không diệt, không chướng, không ngại, giống như hư không, xa lìa phân biệt, bình đẳng khắp nơi, không nơi chốn, không sinh ra, khắp cả mười phương đều là một tướng, không hai không khác, không biến, không đổi, không tăng, không giảm, vì tất cả tâm chúng sinh, tâm Thanh văn, tâm Bích-chi-phật, tâm Bồ-tát, tâm chư Phật đều đồng không sinh, không diệt, không cấu nhiễm, tướng chân như vắng lặng. Vì sao? Vì tất cả tâm sinh khởi phân biệt giống như huyễn hóa, không có chân thật; có nghĩa là thức, thọ, tưởng, hành ý niệm nhờ vào thiền định biết được các pháp, tâm có nhiều loại mà chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, chẳng phải màu hỗn hợp, không có dài, ngắn, vuông, tròn, lớn, nhỏ, cho đến tất cả cảnh giới mười phương hư không để tìm hình tướng của tâm không có một phạm vi có thể nắm bắt; chỉ vì chúng sinh vô minh mờ ám huân tập các nhân duyên hiện ra cảnh giới vọng tưởng làm sinh khởi niệm tham chấp, nên tâm này không thể biết mình, mê mờ tự cho là có, sinh khởi nhận biết qua tưởng chấp ngã và ngã sở mà thật không có tướng về nhận biết. Do tâm vọng tưởng này hoàn toàn không có tánh, không thể thấy. Nếu không có trí tuệ phân biệt thì không có tướng sai khác của tất cả cảnh giới ba đời mười phương, vì tất cả pháp đều không thể tự có (hình thành), chỉ dựa vào tâm vọng tưởng phân biệt mà có. Cho nên, tất cả cảnh giới đều không giống nhau tự suy nghĩ là có, biết đây là mình, biết kia là người. Vì thế các pháp không thể tự

có thì không thể sai khác, chỉ do tâm vọng tưởng không biết, không rõ bên trong tự nó không có. Nghĩa có cảnh giới bên ngoài trước rồi vọng tưởng sinh ra đầy đủ tưởng về pháp như: gọi là có, là không, là đó, là đây, là đúng, là sai, là tốt, là xấu và mê vọng sinh ra vô lượng, vô biên tưởng về pháp, nên biết như vầy, tất cả các pháp đều do vọng tưởng sinh, dựa tâm vọng tưởng làm căn bản, nhưng tâm vọng này không có tự tướng, cũng nương vào cảnh giới mà có, nghĩa là do suy nghĩ; nhận biết về cảnh giới trước nên gọi là tâm.

Lại nữa, tâm vọng này cùng với cảnh giới trước, tuy nương tựa lẫn nhau sinh khởi, nhưng không có trước sau, nên tâm vọng này có thể là nguồn gốc của tất cả cảnh giới. Vì sao? Vì do tâm vọng không nhận rõ pháp giới là một tướng, nên cho tâm có vô minh, do năng lực của vô minh hiện ra cảnh giới vọng tưởng, cũng do vô minh diệt nên tất cả cảnh giới diệt, chẳng phải dựa vào tất cả cảnh giới do mình không hiểu rõ cho là cảnh giới có vô minh, cũng chẳng phải do cảnh giới sinh ở trong vô minh, vì tất cả chư Phật ở trong các cảnh giới không phát sinh vô minh.

Lại nữa, không nương vào cảnh giới diệt nên vô minh tâm diệt, vì tất cả cảnh giới từ xưa đến nay bản thể tự diệt chưa từng có. Do nghĩa này nên nói tất cả các pháp nương tâm làm gốc, phải biết các pháp đều gọi là tâm, do nghĩa bản thể không khác là đối tượng của tâm sở.

Lại nữa, tất cả các pháp từ tâm sở sinh khởi, cùng với tâm tương ưng hòa hợp mà có, cùng sinh cùng diệt, đồng không có chỗ trụ, do tất cả cảnh giới chỉ phụ thuộc vào tâm duyên với những niệm liên tục, nên được dừng nghĩ tạm thời cho là có. Như vậy đã thuyết giảng về ý nghĩa của tâm có hai loại tướng. Đó là:

1. Tướng trong tâm.

2. Tướng ngoài tâm.

Tướng trong tâm lại có hai loại. Đó là:

1. Chân.

2. Vọng.

Chân có nghĩa là bản thể của tâm cùng với như như không khác, thanh tịnh hoàn toàn, không chướng, không ngại, vi diệu khó nhận biết. Do kiến tất cả nơi, thường hằng không hủy hoại, kiến lập sinh trưởng tất cả pháp. Nghĩa vọng là sinh khởi niệm phân biệt hiểu biết duyên với những điều vọng tưởng suy nghĩ, tuy là tương tục có khả năng phát sinh tất cả cảnh giới nhưng bên trong hư dối không có chân thật, không thể nhận biết. Nghĩa tướng bên ngoài của tâm là tất cả các pháp, những cảnh giới đều tùy theo

sự suy nghĩ mà cảnh giới hiện ra trước mắt, biết có trong tâm và bên ngoài tâm sai khác. Vì thế nên biết tướng vọng tưởng bên trong thì làm nhân, làm thể, tướng vọng tưởng bên ngoài làm quả, làm dụng, do những nghĩa này nên ta thuyết giảng tất cả các pháp đều gọi là tâm.

Lại nữa, nên biết tướng tâm bên ngoài đều như thấy các cảnh giới trong mộng, do suy nghĩ tâm, tạo thành nên việc bên ngoài không có thật, tất cả cảnh giới đều cũng như vậy, tất cả đều do vô minh, nhận thấy những điều vọng tưởng trong mộng. Lại nữa, nên biết bên trong tâm thường nhớ nghĩ không ngừng sự nhận biết đã duyên tất cả cảnh giới, cũng đều do tâm thường suy nghĩ không ngừng, cho nên gọi tâm sinh thì tất cả pháp sinh, tâm diệt nên hết thảy pháp diệt, mà tướng sinh diệt chỉ có danh tự thật không thể nắm bắt, vì tâm không đến với cảnh giới, cảnh giới cũng không đến ở nơi tâm, như ảnh ở trong gương không đến cũng không đi, nên tất cả pháp cầu tướng sinh, diệt, không thể nắm bắt, nghĩa là các pháp hoàn toàn không có thể tánh, xưa nay thường vắng lặng thật không sinh diệt, như thế tất cả pháp thật không sinh diệt thì không có tướng sinh diệt của các cảnh giới, thuần nhất một vị gọi là Chân như Đệ nhất nghĩa đế, tự tánh thanh tịnh của tâm, vắng lặng hoàn toàn vì không có tướng phân biệt. Không có tướng phân biệt thì ở tất cả nơi đều an trú cả, có khắp mọi nơi để có thể nương tựa phát sinh tất cả pháp.

Lại nữa, tâm đó gọi là tạng Như Lai, nghĩa là đầy đủ vô lượng, vô biên điều công đức vô lậu thanh tịnh không thể nghĩ bàn. Do Pháp thân của chư Phật từ xưa đến nay không chướng, không ngại tự tại không diệt, tất cả đều thị hiện các việc công đức, thường phát triển chưa từng dừng nghỉ, nghĩa là có mặt khắp tất cả thế giới để giáo hóa thực hành, mỗi mỗi sự hóa hiện càng tăng dần, vì một thân Đức Phật tức là tất cả thân chư Phật, tất cả thân chư Phật tức là một thân Đức Phật, nên tạo các nghiệp cũng đều là một. Nghĩa là không có tướng phân biệt, không nhớ nghĩ, bình đẳng như vậy không có hai, do tánh của một pháp nên các việc làm giống nhau, tự nhiên hiện ra thể tánh không có sai khác, tùy theo sự chết đây sinh kia của chúng sinh thường chính là y báo. Ví như hư không đều có thể dung nạp tất cả loại hình tượng màu sắc, vì tất cả các loại hình tượng màu sắc đều do hư không mà có, xây dựng phát triển an trú trong hư không, vì hư không là nơi thu nhận tất cả. Do hư không là thể nên không có khả năng phát sinh cảnh giới hư không khác, phải biết trong màu sắc hình ảnh, cõi hư không, không thể hủy hoại, màu sắc hình ảnh hủy hoại thì trở về hư không, mà hư không vốn không tăng, không giảm, không động, không đổi. Pháp thân chư Phật cũng lại như vậy, đều có thể dung chứa hết thảy quả báo của chúng

sinh; vì tất cả quả báo của chúng sinh đều do Pháp thân chư Phật mà có, phát sinh tăng trưởng đều trú trong Pháp thân, vì Pháp thân là nơi thâu nhận tất cả, do Pháp thân là thể, không thể phát sinh phạm vi Pháp thân thì nên biết tất cả trong thân chúng sinh và Pháp thân của chư Phật không thể hủy diệt, nếu phiền não đoạn trừ thì trở về Pháp thân mà Pháp thân căn bản là không tăng, không giảm, không động, không biến, chỉ từ vô thỉ đến nay tâm bị vô minh, năng lực huân tập nhân duyên u tối nên hiện ra cảnh giới vọng tưởng, vì do nhân duyên huân tập cảnh giới vọng tưởng phát sinh mê vọng cùng tương ứng với tâm chấp ngã và ngã sở, tạo các nghiệp chịu khổ sinh tử, Pháp thân này gọi là chúng sinh. Nếu chúng sinh huân tập Pháp thân mà có năng lực thì phiền não giảm dần, có thể nhàm chán thế gian, mong cầu đạo Niết-bàn, tin tưởng quy y chuyên tu tập sáu pháp Ba-la-mật, tất cả pháp Bồ-đề phần, gọi là Bồ-tát. Nếu Bồ-tát như vậy thực hành tất cả pháp thiện hoàn toàn, xa lìa được vô minh ngủ nghỉ, lại gọi là Phật, nên biết chư Phật, Bồ-tát, chúng sinh như vậy chỉ do thế gian giả gọi nên có sai biệt; nhưng thể của Pháp thân hoàn toàn bình đẳng không có tướng sai khác.

Này thiện nam! Đây nói tóm lược nghĩa của cảnh giới Phật. Nếu như muốn nương vào một cảnh giới thật tu tập tin hiểu thì nên thực hành hai loại quán. Đó là:

1. Duy tâm thức quán.

2. Chân như thật quán.

Học Duy tâm thức quán, nghĩa là tất cả thời tất cả nơi tùy theo thân, miệng, ý đã tạo tác nghiệp, đều phải quán xét biết được do tâm này, cho đến tất cả cảnh giới, nếu tâm nhớ nghĩ đều phải quán xét để biết, chớ khiến cho tâm vô ký theo duyên mà không tự biết, ở trong từng niệm đều nên quán xét tùy theo sự suy nghĩ của tâm sở lại phải làm tâm chạy theo niệm ấy khiến cho tâm biết mình, biết trong tâm mình tự phát sinh nhớ nghĩ vọng tưởng, chẳng phải tất cả cảnh giới có nhớ nghĩ tức có phân biệt. Nghĩa là trong tâm tự sinh dài, ngắn, tốt, xấu, đúng, sai, được, mất, yếu, mạnh, có, không thấy nhiều vô lượng tưởng, mà hết thảy cảnh giới chưa từng có sinh khởi tưởng phân biệt, nên biết tất cả cảnh giới tự nó không có tưởng phân biệt, tức là chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng tốt, chẳng xấu, cho đến chẳng có, chẳng không, xa lìa tất cả tướng. Quán xét như vậy thì tất cả pháp chỉ do tâm vọng tưởng sinh. Nếu lìa âm thì không có một pháp, một tướng, mà tự mình thấy có sự khác biệt, thường giữ trong tâm như thế biết được do niệm vọng tưởng cảnh giới không thật, chớ để dừng nghỉ gọi là tu tập Duy tâm thức quán. Nếu tâm vô ký không biết tâm niệm của mình, tức là có cảnh

giới trước, không gọi là Duy tâm thức quán. Lại giữ trong tâm thì biết được tưởng tham, tưởng sân và tưởng tà kiến mê lầm, biết rõ tâm thiện, bất thiện vô ký, suy nghĩ nhiều về các khổ. Nếu ngồi tùy theo đối tượng của tâm duyên, quán từng niệm mới biết tâm sinh diệt. Ví như nước chảy đèn đốt không có tạm dừng, từ đây chứng được Tam-muội Sắc tịnh, được Tam-muội này rồi thì tâm tu tập theo quán thiền Chỉ (Xa-ma-tha) và tu theo thiền Quán (Tỳ-bà-xá-na). Người nào tâm tu tập theo thiền Chỉ suy nghĩ về trong tâm không thể thấy tướng đầy đủ, không động, không đến, không đi, bản tánh không sinh lìa phân biệt, tâm tu tập theo thiền Quán, thì tưởng thấy sắc trong và ngoài, tùy theo tâm sinh, tùy theo tâm diệt cho đến tưởng tu tập thấy sắc thân chư Phật cũng lại như vậy, tùy tâm sinh, tùy tâm diệt, như huyễn như hóa, như trăng trong nước, như ảnh trong gương, chẳng phải tâm, không xa lìa tâm; chẳng phải đến, chẳng phải không đến; chẳng phải đi, chẳng phải không đi; chẳng phải sinh, chẳng phải không sinh; chẳng phải làm, chẳng phải không làm.

Này thiện nam! Nếu có thể tu tập tâm theo hai quán này thì mau chóng đạt được đạo Nhất thừa, nên biết chỉ có quán tâm thức (nhận biết) gọi là pháp môn trí tuệ tối thượng. Nghĩa là có khả năng làm cho tâm đó mau chóng phát triển năng lực tin hiểu nhanh thể nhập vào nghĩa không, được phát tâm đại Bồ-đề vô thượng. Nếu tu học Chân như Phật quán thì suy nghĩ về tánh của tâm, không sinh, không diệt, không trụ, sự thấy, nghe, biết hoàn toàn xa lìa tưởng phân biệt dần dần có thể vượt qua những tướng cảnh giới định Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạt được Tam-muội tương tự không; đạt được Tam-muội tương tự không thì tướng phân biệt thô của thức, thọ, tưởng, hành không xuất hiện. Tu học này là bậc Thiện tri thức đại Từ bi giữ gìn, bảo vệ nên không xa lìa các chướng ngại, siêng năng tu tập không ngừng nghỉ tuần tự có thể nhập vào Tam-muội Tâm tịch, đạt được Tam-muội này rồi, lại có khả năng nhập vào Tam-muội Nhất hành, được Tam-muội Nhất hành rồi thấy vô số chư Phật phát tâm thực hành rộng lớn, sâu xa, an trụ ở quả vị Kiên tín. Nghĩa là hai loại thiền định: thiền Quán và thiền Chỉ, tin hiểu dứt khoát, khả năng được quyết định hướng, tùy theo sự tu tập thế gian đối các thiền định Tam-muội không còn chấp trước, cho đến tu tập hết thảy căn lành pháp Bồ-đề phần, ở trong sinh tử không còn khiếp sợ không thích Nhị thừa, nhờ nương vào khả năng tu tập hướng đến hai quán tâm. Đã nương các trí tuệ phương tiện thiện xảo vi diệu thực hành các pháp căn bản.

Lại nữa, người tu học tin hiểu như trên lại có hai hạng. Đó là:

1. Căn tánh lanh lợi.

2. Căn tánh thấp kém.

Người lợi căn trước đã biết các thế giới bên ngoài chỉ do tâm sở tạo thành nên hư dối không thật như huyễn như mộng, quyết định không còn nghi ngờ, ấm, cái rất ít, tâm ít tán loạn, những người này phải tu học chân như thật quán. Người căn cơ thấp kém ban đầu chưa thể biết tất cả cảnh giới bên ngoài đều do tâm này hư dối không thật, tham chấp sâu dày ngăn che khởi tâm khó điều phục, ban đầu phải tu học chỉ quán về tâm thức. Nếu người tuy học tin hiểu như vậy mà căn lành còn kém chưa thể tiến đến mục đích, các phiền não ác không thể kiềm chế, tâm người ấy còn nghi ngờ khiếp sợ rơi vào ba đường ác, sinh ở nơi tám nạn, thường lo không gặp được Phật Bồ-tát, không thể cúng dường thọ trì chánh pháp, sợ hạnh Bồ-đề khó có thể thành tựu. Những người có nghi ngờ và các chướng ngại thì nên ở trong tất cả thời, tất cả chỗ thường siêng năng đọc tụng danh hiệu ta, nếu được nhất tâm căn lành mới tăng trưởng, ý lanh lợi, nên quán Pháp thân ta và Pháp thân của tất cả chư Phật cùng bản thể của mình đều bình đẳng, không hai không khác không sinh, không diệt, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh công đức viên mãn, đáng có thể quay về nương tựa.

Lại nữa, quán xét thân tâm mình đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, như huyễn như hóa, đáng để nhàm chán xa lìa. Nếu người có thể tu tập quán như vậy mau chóng tăng trưởng lòng tin thanh tịnh, bị các chướng ngại dần dần dần giảm bớt. Vì sao? Vì người này học tập nghe danh hiệu của ta, cũng có thể tu học nghe danh hiệu của chư Phật mười phương, gọi là người học được tâm lễ bái cúng dường ta, cũng là người học tâm lễ bái cúng dường chư Phật mười phương. Gọi là người học nghe kinh Đại thừa sâu xa. Gọi là người học chấp trì viết chép cung kính cúng dường kinh Đại thừa thâm sâu. Gọi là người học thọ trì đọc tụng kinh Đại thừa sâu xa. Gọi là người học xa lìa tà kiến ở trong chánh pháp uyên thâm không có hủy báng. Gọi là người học tin hiểu hoàn thành Đệ nhất nghĩa đế thâm sâu. Gọi là người có khả năng diệt trừ các tội chướng. Gọi là người được vô lượng công đức tụ. Người ấy khi bỏ thân này hoàn toàn không rơi vào đường ác, ở nơi tám nạn, trở lại nghe chánh pháp tu tập thực hành, cũng tùy theo hạnh nguyện mà sinh đến cõi Phật thanh tịnh ở phương khác. Lại nữa, người ấy muốn sinh ở phương khác hiện ở cõi nước thanh tịnh thì nên phải tùy theo danh hiệu Phật của cõi ấy chuyên tâm tụng niệm nhất tâm không tán loạn như quán xét ở trên, chắc chắn được sinh vào cõi Phật đó thanh tịnh, căn lành tăng trưởng nhanh

chóng chứng quả vị không lui sụt, phải biết nhất tâm buộc niệm như trên suy nghĩ về pháp thân bình đẳng của chư Phật, trong các căn lành việc làm là trên hết. Nghĩa là siêng năng tu tập dần dần có thể đạt được Tam-muội nhất hướng. Nếu người đạt đến Tam-muội nhất hướng thì thành tựu được tâm hạnh vi diệu rộng lớn, gọi là đắc pháp tương tự Vô sinh pháp nhẫn, do đã nghe được danh hiệu ta, cũng đã nghe được danh hiệu chư Phật mười phương; do đã chí tâm lễ bái cúng dường ta, cũng chí tâm lễ bái cúng dường chư Phật mười phương; do đã nghe được kinh điển Đại thừa sâu xa; có khả năng viết chép cung kính cúng dường kinh điển Đại thừa uyên thâm, có thể thọ trì đọc tụng kinh điển Đại thừa sâu rộng, đã an trú hoàn toàn trong Đệ nhất nghĩa đế sâu xa không sinh lo sợ xa lìa hủy báng, tâm được chánh kiến có khả năng hiểu biết, chắc chắn diệt trừ các tội chướng, hiện tại chứng được vô lượng công đức tụ. Vì sao? Nghĩa là tâm Bồ-đề không còn phân biệt, vắng lặng trí tuệ phát sinh các phương tiện thực hành đầy đủ hạnh nguyện. Người có khả năng nghe danh hiệu ta, có nghĩa tin chắc chắn thực hành sẽ có lợi ích, cho đến những người có được tất cả khả năng khác đều có thể chứng được nhân của quả vị nhất thừa không thoái chuyển. Nếu tâm còn tán loạn cấu uế, dù đã tụng niệm danh hiệu ta nhưng không gọi là nghe, vì không có khả năng tin hiểu dứt khoát, chỉ được phước báo lành ở thế gian, không được lợi ích sâu xa rộng lớn. Như vậy tâm tán loạn cấu uế, tuy người đã tu tập tất cả việc lành mà không thể được lợi ích rộng lớn.

Này thiện nam! Phải biết người siêng năng tu tập thiền định vô tướng như trên thì không bao lâu đạt được lợi ích sâu rộng, lần lần thành tựu được lợi ích to lớn của Đức Phật. Có nghĩa là thể nhập quả vị Kiên tín, thành tựu pháp Tín nhẫn, thể nhập quả vị Kiên tín, thành tựu pháp Thuận nhẫn rồi thì nhập vào quả vị chân chánh chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Người thành tựu Tín nhẫn thì có khả năng trở thành chủng tánh của Như Lai. Người thành tựu Thuận nhẫn có thể hiểu rõ hạnh của Như Lai. Người thành tựu Vô sinh nhẫn thì thực hành được hạnh của Như Lai, tuần tự trở thành Phật. Nói tóm lại có bốn loại. Những gì là bốn?

1. Tin tưởng pháp hoàn toàn nên thành Phật. Nghĩa là nhớ vào địa chủng tánh tin tưởng chắc chắn vào các pháp không sinh, không diệt thanh tịnh bình đẳng không thể mong cầu.

2. Hiểu rõ hoàn toàn các pháp nên thành Phật. Có nghĩa nhờ địa giải hạnh hiểu sâu xa về pháp tánh biết rõ nghiệp Như Lai không tạo, không gây ở trong sinh tử, Niết-bàn, không sinh khởi hai tưởng, tâm không còn lo

sợ.

3. Chứng đắc pháp hoàn hảo nên thành Phật. Nghĩa là nhờ vào địa tịnh tâm để được trí không phân biệt pháp vắng lặng, không thể nghĩ bàn, thực hành tự nhiên không mong cầu tưởng.

4. Tất cả hạnh công đức đầy đủ nên thành Phật. Nghĩa là do an trú hoàn toàn địa Bồ-tát có thể diệt trừ hết thảy chướng ngại, vô minh, mộng ảo.

Lại nữa, nên biết người tu học thiền định ở thế gian có ba loại. Đó là:

1. Không có phương tiện năng lực tin hiểu, thích thọ nhận công đức của các thiền định mà sinh kiêu mạn, là thiền trói buộc mong cầu lại thế gian.

2. Không có năng lực phương tiện tin hiểu, do thiền này phát sinh đầy điều nhàm chán xa lìa; sợ hãi sinh tử lại rơi vào Nhị thừa.

3. Có năng lực phương tiện tin hiểu. Nghĩa là do dựa vào một cảnh giới thật, tu tập thân gần với hai loại: thiền Chỉ và thiền Quán, có thể tin hiểu tất cả pháp, chỉ do tâm sinh khởi tưởng đều như mộng như huyễn, tuy được các công đức thiền định ở thế gian mà không chắc chắn, lại không mong cầu quả ba cõi, lại hiểu rõ sinh tử tức Niết-bàn, cũng không khiếp sợ thoái lui mà cầu Nhị thừa.

Tu học tất cả pháp môn các thiền định Tam-muội thì nên biết có mười loại thứ đệ tướng môn, đầy đủ tóm thâu các pháp thiền định, có khả năng làm cho người học thành tựu thích ứng không sai lầm, không xảo trá. Những gì là mười?

1. Giữ niệm tướng phương tiện.

2. Muốn an trú vào tướng cảnh giới.

3. Ban đầu an trú cảnh giới phân biệt biết rõ phát ra tướng trú nhập.

3. An trú cảnh giới hoàn toàn đạt được tướng kiên cố.

5. Suy nghĩ phương tiện mạnh mẽ lại cầu tướng tiến thú.

6. Tâm dần dần được điều thuận vui vẻ, diệt trừ nghi hoặc hiểu biết tướng tự an úy.

7. Được thăng tiến, ý chuyên nhất ít phân biệt cùng với sự hiểu biết đắc tướng lợi ích.

8. Thay đổi sự tu tập kiên cố, trí tuệ tăng trưởng đạt được tướng thắng công đức đối trị thành tựu.

9. Tùy theo tâm suy nghĩ phát ra những công đức bên ngoài giống như ý muốn được tướng không sai lầm, dối trá.

10. Nếu người tu lại sửa đổi khác trước mà khởi phương tiện tuần tự thành tựu tướng xuất nhập tùy tâm siêu việt tự tại.

Đây gọi là mười loại thứ đệ tướng môn, tóm thâu các việc thiền định.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kiên Tịnh Tín hỏi Đại Bồ-tát Địa Tạng:

–Hiền giả làm sao thuyết giảng pháp sâu xa khiến cho chúng sinh xa lìa khiếp nhược?

Đại Bồ-tát Địa Tạng bảo:

–Này thiện nam! Phải biết ban đầu học phát tâm cầu đến Đại thừa, chưa từng có lòng tin thì đối với pháp sâu xa của đạo vô thượng thích sinh nghi ngờ khiếp sợ. Ta thường dùng phương tiện thiện xảo tuyên thuyết nghĩa chân thật nên được an ổn xa lìa hèn yếu; vì thế gọi ta là Thiện An Úy. An Úy là thế nào? Nghĩa là chúng sinh căn cơ thấp kém, tâm hẹp hòi, nghe đạo tối thắng vô thượng vi diệu, ý tuy ưa thích phát tâm nguyện hồi hướng nhưng lại suy nghĩ cầu đạo Vô thượng cần phải tích tập công đức rộng lớn khó thực hành khổ hạnh, tự độ mình, độ người, trải qua số kiếp dài lâu ở trong sinh tử thường chịu khổ mới chứng đắc. Vì thế tâm chúng sinh hèn yếu. Ta liền vì họ thuyết giảng nghĩa chân thật, nghĩa là tất cả các pháp tự tánh vốn không, rốt ráo không ngã, không tạo tác, không thọ nhận, không mình, không người, không đi, không đến, không có nơi chốn, cũng không có quá khứ, hiện tại, vị lai và vì họ thuyết giảng về mười tám không, không có sinh tử Niết-bàn, tất cả các pháp tướng chân thật nhưng không thể nắm bắt.

Lại nữa, vì họ thuyết tất cả các pháp như huyễn, như hóa, như trăng trong nước, như ảnh trong gương, như thành Càn-thát-bà, như hư không dung chứa các tiếng vang, như ánh sáng mặt trời, như bọt nước, như sóng nắng, như đèn, như mắt bị nhặm, như mộng, như tia sấm, như mây, phiền não sinh tử tánh rất vi tế, có thể diệt.

Lại nữa, phiền não sinh tử hoàn toàn không có thể tánh mong cầu không thể được, xưa nay không sinh, hiện tại không diệt, tự tánh vắng lặng tức là Niết-bàn, thuyết giảng như vậy có thể diệt trừ tất cả các kiến, bớt tự ngã và tâm chấp trước vào tưởng, nên xa lìa hèn yếu. Lại có chúng sinh không hiểu nghĩa lý lời nói của Như Lai mà sinh lo sợ, người nên biết ý chỉ, lời nói của Như Lai. Có nghĩa Như Lai thấy một cảnh giới thật, hoàn toàn đã xa lìa sinh, già, bệnh, chết, các pháp xấu, chứng được Pháp thân ấy luôn luôn trong sáng không biến đổi được vô lượng tụ công đức. Lại có thể thấy rõ tất cả trong thân chúng sinh đều có công đức thanh tịnh vi diệu chân thật như vậy, nhưng vì vô minh mê mờ đã che kín làm chướng ngại, mãi

chịu vô lượng các khổ sinh già, bệnh, chết, nên Như Lai đã khởi tâm Từ bi rộng lớn này muốn làm cho hết thảy chúng sinh lìa các khổ, đều được Pháp thân an lạc Đệ nhất nghĩa, mà Pháp thân này là không còn phân biệt, xa lìa các suy nghĩ, chỉ diệt trừ hư dối vọng vọng tưởng, không khởi niệm tham chấp quả vị chứng. Nhưng tất cả chúng sinh thường thích phân biệt chấp giữ các pháp, vì điên đảo vọng tưởng nên chịu sinh tử. Cho nên Như Lai vì muốn làm cho họ xa lìa tưởng phân biệt chấp trước, thuyết giảng tất cả pháp thế gian, thể hoàn toàn trống rỗng, không hiện có, cho đến tất cả pháp xuất thế gian, thể cùng hoàn toàn trống rỗng không hiện có. Nếu giảng thuyết rộng rãi là như mười tám không. Như vậy trình bày tất cả pháp đều không lìa thể Bồ-đề. Thể Bồ-đề là chẳng có, chẳng không, chẳng phải không có, chẳng phải không không, chẳng có chẳng đủ, chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải không một, chẳng phải không khác, chẳng phải một khác với tất cả, cho đến rốt ráo không có một tướng mà có thể nắm bắt, thì do lìa tất cả tướng. Lìa tất cả tướng có nghĩa là không thể dựa vào lời nói chấp giữ. Do trong pháp Bồ-đề không có thu nhận lời nói và không thể nói thuyết giảng; lại không thể dựa vào tâm niệm để biết, vì trong pháp Bồ-đề không có thể nhận giữ, không mình, không người xa lìa tướng phân biệt. Nếu người có tưởng phân biệt thì gọi là hư dối, không gọi là tương ứng. Thuyết giảng như vậy chúng sinh căn cơ thấp kém không thể hiểu rõ là Pháp thân Như Lai đạo Vô thượng, chỉ là pháp trống rỗng hoàn toàn rốt ráo không có sở hữu. Tâm người ấy hèn yếu, lo sợ đọa lạc không có chỗ trú, hoặc sinh tưởng đoạn diệt làm giảm bớt kiến chấp lại phát sinh hủy báng xem nhẹ người khác. Ta liền vì họ thuyết giảng tự tánh Pháp thân của Như Lai chẳng phải không mà có bản thể chân thật, đầy đủ vô lượng công đức thanh tịnh, từ xưa đến nay tự nhiên viên mãn, chẳng tu tập, chẳng tạo tác, cho đến trong thân của tất cả chúng sinh cũng đều đầy đủ, không biến, không khác, không sinh, không diệt. Họ nghe thuyết như vậy trừ bỏ hèn yếu. Đây gọi là An Úy.

Lại nữa, chúng sinh mê mờ chấp giữ nặng nghe thuyết pháp này cũng sinh hèn yếu. Vì cho Pháp thân của Như Lai từ xưa đến nay đầy đủ chẳng phải tu, chẳng phải tướng nên khởi không có tướng thật mà sinh hèn yếu, hoặc suy tánh tự nhiên rơi vào tà kiến điên đảo, ta liền thuyết giảng thực hành tất cả pháp thiện được tăng trưởng đầy đủ sắc thân của Như Lai vô lượng quả báo công đức thanh tịnh, nghe thuyết giảng khiến họ xa lìa hèn yếu. Đây gọi là An Úy.

Ta đã thuyết nghĩa sâu xa, chân thật thích hợp không có lỗi lầm, để xa lìa lời nói sai lầm. Làm thế nào biết rõ để xa lìa tưởng sai lầm? Nghĩa là

Pháp thân của Như Lai, dù không có diễn tả về cảnh giới lìa suy nghĩ của tâm chẳng phải không, chẳng phải chẳng không và không có tất cả tướng không thể dùng lời nói để trình bày, mà căn cứ vào nhân duyên huyễn hóa của Thế đế, giả gọi pháp trong tương đối, đối đãi, tức có thể dùng phương tiện hiển bày để giảng thuyết. Vì Pháp thân này tánh chân thật không có phân biệt, xa lìa tướng mình và tướng người, không phải không, không phải không không, cho đến xa lìa tất cả tướng nên nói thể của pháp đó hoàn toàn không, không có sở hữu, do lìa tâm suy nghĩ phân biệt nên tất cả không có một tướng mà có thể tự thấy tự biết là có. Vì thế nghĩa không này, nhất định chân thật thích hợp không sai lầm.

Lại nữa, trong nghĩa không đó, do xa lìa tâm niệm vọng tưởng phân biệt nên hoàn toàn không có một tướng nên có thể trống rỗng, vì chỉ có chân thật tức là không phải không, có nghĩa là lìa bỏ nhận biết của tưởng, không có các tưởng hư dối, tất cả thường không biến không khác. Do không có một tướng có thể hủy hoại có thể diệt, xa lìa tăng giảm. Người đó không còn phân biệt cái thể chân thật, từ xưa đến nay đầy đủ vô lượng việc công đức tự nhiên, thành tựu thích ứng không xa lìa, không giải thoát, nên thuyết là không phải không, thể chân thật các công đức như vậy thì tất cả chúng sinh đều có nhưng vì vô minh che lấp mà không thấy biết, không thể được công đức lợi ích, lại cho khác nhau, gọi là chưa có. Do không thấy biết thể của pháp ấy nên những việc làm công đức lợi ích, chẳng phải chúng sinh đó có thể thọ dụng, không cho là thuộc của họ. Chỉ dựa vào việc tu tập hết thảy pháp lành, đối trị các nhận thấy sai lầm làm chướng ngại Pháp thân ấy. Sau đó được công đức lợi ích, vì thế nói tu tập tất cả pháp lành sinh được sắc thân của Như Lai.

Này thiện nam! Như nghĩa lý sâu xa ta đã thuyết giảng nhất định chân thật xa lìa những sai trái lỗi lầm, phải biết như vậy.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Địa Tạng thuyết giảng những pháp môn chính yếu thâm sâu, phương tiện thù thắng này thì có mười vạn ức chúng sinh phát tâm Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh Giác, an trú trong quả vị Kiên tín. Lại có chín vạn tám ngàn Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Tất cả đại chúng đều đem hương hoa của trời cúng dường Đức Phật và cúng dường Đại Bồ-tát Địa Tạng.

Lúc ấy, Đức Phật bảo các đại chúng:

–Các ông đều phải biết thọ trì pháp môn này, tùy theo nơi an trú lưu truyền rộng rãi. Vì sao? Vì pháp môn này rất là khó được, có nhiều lợi ích. Nếu người nào nghe được danh hiệu Đại Bồ-tát Địa Tạng này và tin tưởng

những pháp Bồ-tát đã giảng thuyết thì nên biết người ấy mau chóng diệt trừ tất cả các điều chướng ngại, mau chứng đạo vô thượng.

Cả đại chúng cùng nhau thưa:

–Chúng con sẽ thọ trì lưu truyền pháp này ở thế gian không giám làm quên mất.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kiên Tịnh Tín thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy sáu căn tụ ở trong kinh gọi pháp môn gì? Pháp chân thật chính yếu này con sẽ thọ trì khiến cho đến đời vị lai, tất cả đều được nghe.

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Kiên Tịnh Tín:

–Pháp môn này gọi là Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo; cũng gọi là Diệt Trừ Các Chướng Ngại; Tăng Trưởng Lòng Tin Thanh Tịnh; cũng gọi là Khai Thị Giáo Hóa Tìm Đến Đại Thừa; Tiến Đến Mục Đích Phương Tiện; Hiển Bày Nghĩa Sâu Xa Rốt Ráo Chân Thật; cũng gọi là Thiện An Úy làm xa lìa hèn yếu mau chóng thể nhập pháp môn Kiên tín quyết định. Nương vào nghĩa này, ông nên thọ trì. Phật giảng thuyết pháp môn này rồi, tất cả đại chúng vui vẻ, tin tưởng thọ trì.

-oOo-

SỐ 840

KINH XƯNG TÁN ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Đời Đại Đường,
Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bạc-già-phạm, trụ ở điện Đại công đức, trang nghiêm bằng các thứ báu, trong Pháp giới tạng, là nơi chốn hành hóa của chư Phật, cùng với vô số chúng đại Thanh văn, Đại Bồ-tát và vô lượng đại chúng chư Thiên, Người, A-tố-lạc… trước sau vây quanh Phật.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Bồ-tát thị hiện làm thân nữ tên là Đức Nghiêm Hoa, nương nơi oai thần của Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ Phật, thưa:

–Thế nào gọi là ác hữu của Bồ-tát để Bồ-tát mới học biết rõ nhằm xa lìa?

Đức Phật nói với Đức Nghiêm Hoa:

–Ta quán xét thế gian, không có Thiên, Ma, Phạm thiên, Đế Thích, Sa-môn, Bà-la-môn nào… cùng với các Bồ-tát mới học đối với đạo Bồ-đề vô thượng là tri thức ác, như những người ưa thích thừa Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Vì phàm là Bồ-tát, chắc chắn tạo lợi lạc cho các loài hữu tình, siêng năng cầu đạo Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, còn những hạng người ưa thích hàng Nhị thừa, thì ý chí thấp kém, chỉ cầu tự chứng nơi niềm vui Bát-niết-bàn. Vì nhân duyên đó, Bồ-tát mới học không nên cùng với hạng người kia ở chung một chùa, cùng nghỉ một phòng, cùng kinh hành một chỗ, cùng dạo chơi trên một đường. Nếu các Bồ-tát, đối với pháp Đại thừa đầy đủ sự đa văn, có được lòng tin vững chắc, ta sẽ chấp nhận cho người kia cùng ở chung với họ, vì họ dẫn dắt phát tâm hướng đến đại Bồ-đề, nếu Bồ-tát kia, các căn lành chưa thành thục thì không nên vì họ nói pháp Đại thừa, khiến họ sinh tâm phỉ báng, mắc vô lượng tội.

Bồ-tát mới học chỉ nên thân gần học pháp Đại thừa với Bồ-tát đa văn, tu học pháp Đại thừa đã lâu vì đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô

thượng, chỗ vun trồng các căn lành, sẽ mau thành thục; không nên thân gần với những người ưa thích hàng Nhị thừa. Tại sao vậy? Vì họ làm chướng ngại tâm Bồ-đề của Bồ-tát; họ khiến lìa bỏ tâm Bồ-đề, họ làm khuyết tổn tâm Bồ-đề, họ khiến hủy phạm hạnh Bồ-tát. Bồ-tát thà hủy bỏ thân mạng chớ không hủy bỏ tâm đại Bồ-đề để phát khởi ý hướng cầu Nhị thừa. Nếu Bồ-tát khuyên các hữu tình bỏ tâm Bồ-đề hướng tới quả vị Nhị thừa, nếu Bồ-tát khuyên các chúng sinh bỏ tâm Bồ-đề làm các nghiệp ác, thì đều bị đọa địa ngục, nhận các khổ thảm khốc.

Bồ-tát thà giữ tâm đại Bồ-đề, tạo ra năm tội vô gián, chịu khổ nơi địa ngục, chứ trọn kiếp không lìa bỏ tâm đại Bồ-đề, để hướng cầu chứng quả Dự lưu. Bồ-tát thà giữ tâm Đại Bồ-đề, trăm ngàn đại kiếp chịu khổ nơi địa ngục, chứ trọn kiếp không lìa bỏ tâm đại Bồ-đề mà hướng cầu chứng quả Nhất lai. Bồ-tát thà giữ tâm đại Bồ-đề, nhận kiếp súc sinh, hoặc làm ngạ quỷ, chứ trọn kiếp không lìa bỏ tâm đại Bồ-đề để hướng cầu chứng quả Bất hoàn. Bồ-tát thà giữ tâm đại Bồ-đề tạo mười nghiệp ác, đọa vào đường ác, chứ trọn kiếp không lìa bỏ tâm đại Bồ-đề để hướng cầu chứng quả Vô sinh. Bồ-tát thà giữ tâm đại Bồ-đề vào hầm lửa dữ, cứu độ các loài hàm thức, chứ trọn kiếp không lìa bỏ tâm đại Bồ-đề, để cùng với hạng Nhị thừa vào cảnh giới Niết-bàn.

Bồ-tát thương xót tất cả hữu tình luân chuyển ở trong sinh tử không được cứu độ, lúc mới phát tâm Bồ-đề Vô thượng, tất cả hàng Trời, Người, A-tố-lạc… đều nên cúng dường, vì đã chứng được quả vị cuối cùng của Thanh văn, Duyên giác đã bẻ gãy, hàng phục tất cả quân ma, các ác, ma vương đều kinh sợ.

Lúc đó, Đức Nghiêm Hoa nghe Phật giảng nói như vậy rồi, lại hỏi Phật:

–Thế nào là quân ma? Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót vì con mà giảng nói.

Phật bảo Đức Nghiêm Hoa:

–Nếu có người nghe nói về giáo pháp Đại thừa, mà không sinh tùy hỷ, không thích nghe, không cầu ngộ nhập, không thể tin, nhận, trở lại xem thường, chê cười, mắng nhiếc, lăng mạ, ly gián, phỉ báng, đánh đập, đuổi đi, thì nên biết những hạng đó đều là quân ma, đó gọi là những người ưa phi pháp. Người tâm tánh thô lậu, kém cỏi, người cầu ngoại đạo, người thực hành hạnh tà, người phá hoại chánh kiến, nên biết những hạng người đó đều hủy báng Đại thừa, sẽ bị đọa địa ngục khổ não dữ dội, từ địa ngục ra khỏi thì sinh làm ngạ quỷ, trải qua trăm ngàn kiếp,

luôn ăn phân nhơ, sau sinh trong loài người bị mù, điếc, câm, ngọng, thân thể không đầy đủ, mũi tẹt, ngu độn không biết gì, hình dáng lùn xấu. Như vậy dần dần tội chướng tiêu trừ, luân chuyển khắp mười phương, hoặc gặp chư Phật, gần gũi, cúng dường, lại nghe pháp Đại thừa, nghe rồi hoặc có thể tùy hỷ tin nhận, nhân đấy liền phát tâm đại Bồ-đề, dũng mãnh tinh tấn, siêng năng tu hạnh Bồ-tát, dần dần tiến học cho đến giải thoát.

Chư Phật Thế Tôn không sinh ý phân biệt, vì loài hữu tình nói pháp năm thừa, do diệu lực từ bản nguyện nương thân pháp giới, ở bất cứ lúc nào, từ các lỗ chân lông tự nhiên phát ra vô lượng pháp quang, dùng một âm thanh vi diệu, tưới mát bằng pháp vũ cho vô lượng hữu tình trong một chúng hội. Từ xưa đến nay, những người tin, ưa thích Thanh văn thừa thì nghe Phật giảng nói pháp của Thanh văn thừa. Từ xưa đến nay, những người tin ưa thích Độc giác thừa thì nghe Phật giảng nói pháp của Độc giác thừa. Từ xưa đến nay, những người tin ưa thích Vô thượng thừa thì nghe Phật nói pháp Vô thượng thừa. Từ xưa đến nay, những người tin ưa thích tất cả thừa thì nghe Phật giảng nói pháp của tất cả thừa. Từ xưa đến nay, những người tin ưa thích Nhân thiên thừa thì nghe Phật giảng nói pháp của Nhân thiên thừa. Bàng sinh, ngạ quỷ… cũng nghe Như Lai tùy theo loại âm thanh, vì chúng mà giảng nói pháp. Nếu có người từ xưa đến nay chưa nghe pháp, người ấy chỉ thấy Phật ở trong chúng im lặng. Người từng nghe pháp Đại thừa mà phỉ báng, trải qua vô lượng kiếp bị đọa vào các nẻo địa ngục lớn, bàng sinh, ngạ quỷ và trong hàng trời, người chịu đầy đủ các khổ rồi, nghe pháp Đại thừa liền có thể tùy hỷ, phát sinh lòng tin thanh tịnh, vững chắc, nên phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lúc đó, Đức Nghiêm Hoa nghe Phật giảng nói rồi, lại hỏi Phật:

–Thế nào gọi là Đại thừa? Đại thừa này ý nghĩa là gì?

Thế Tôn đáp:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát có thể thích lãnh hội công đức của Đại thừa, hãy lắng nghe cho kỹ, khéo suy nghĩ về việc ấy. Như Lai sẽ vì Bồ-tát mà phân biệt, giải nói.

Đại thừa này có các ý nghĩa sau:

Thừa ấy thâu tóm, gom góp tất cả mọi sự lớn rộng không còn sót lại, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này công đức rất sâu xa, vi diệu, vượt qua các số lượng nên gọi là Đại thừa.

Thừa này vững chắc, phân biệt hư vọng không thể làm khuynh động, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này chân thực, cùng tận đời vị lai không chấm dứt, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này cũng như lưới hư không rộng lớn, bao quát khắp cả pháp giới, không có giới hạn, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này như biển thâu nạp, chứa nhóm vô số công đức báu, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này như núi làm khu vực trấn giữ đám tà đạo không cho quấy nhiễu, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này như hư không bao hàm tất cả loài hữu tình và chẳng phải loài hữu tình, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này như đất có khả năng sinh trưởng tất cả pháp thiện thế gian và xuất thế gian, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này như nước làm thấm nhuần tất cả, khiến không khô khan, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này như lửa, thiêu diệt các thứ chướng hoặc, khiến không còn tập khí sót lại, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này như gió, quét sạch tất cả mây mù sinh tử, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này như ánh sáng mặt trời soi chiếu tất cả mọi vật khiến đều thành thục, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này như mặt trăng hay trừ các thứ phiền não nóng bức, phá các tà ám, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này tôn quý, tám bộ chúng Trời, Rồng…, đều tôn kính phụng thờ, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này luôn làm cho chúng Càn-thát-bà ca vịnh tán thán, ngợi khen, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này luôn làm Tứ Thiên vương, Phạm vương, Đế Thích lễ kính, tôn trọng, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này luôn làm cho các Long, Thần… cung kính, tôn thờ, phòng hộ, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này luôn làm cho các hàng Bồ-tát siêng năng tinh tấn tu học, nên gọi là Đại thừa. Thừa này giữ gìn các giống Phật thánh, lần lượt tăng trưởng, thạnh hành, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này viên mãn đầy đủ đại oai đức, chiếu rọi tất cả, nên gọi là Đại

thừa.

Thừa này chu cấp cho tất cả chúng sinh, không còn thiếu thốn, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này oai lực cũng như cây thuốc cứu trị các bệnh, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này có công năng hủy hoại tất cả giặc phiền não của chúng sinh, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này có thể chuyển pháp luân vô thượng tạo lợi ích cho tất cả, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này vi diệu, sâu xa, bí mật, không thể diễn nói hết, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này thần dụng, tiếp nối hạt giống Tam bảo khiến không bị dứt, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này có khả năng làm sáng tỏ nghĩa lý thù thắng của thế gian, hướng đến cứu cánh, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này có thể làm sáng tỏ đầy đủ các hạnh Bồ-tát, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này có khả năng làm sáng tỏ công đức nơi quả vị Phật, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này tạo mọi lợi lạc cho tất cả chúng sinh đến tận cùng đời vị lai, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này có công năng tột bậc dựng nghĩa lớn, diệu dụng không cùng tận, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này cao xa, vi diệu, người nào tâm ý thích chỗ thấp kém thì không thể tin, nhận, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này bình đẳng, người nào có tâm ý ưa thích tăng thượng mới có thể tin, nhận, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này rộng lớn, người ngu kém không thể lường xét được, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này cao quý, bậc thượng trí mới có khả năng đạt được cảnh giới quý báu, nên gọi là Đại thừa.

Thừa này vượt hẳn Độc giác thừa … trên hết, không gì có thể so sánh được, nên gọi là Đại thừa.

Khi Phật giảng nói về danh nghĩa, thể, dụng, các công đức thù thắng của Đại thừa như vậy, thì ngay lúc đó, tam thiên đại thiên thế giới, hiện đủ sáu cách chấn động. Trong hư không, trăm ngàn loại nhạc trời, không tấu

mà tự kêu vang. Chư Thiên rải đủ loại hoa, vô lượng Thiên tử, vô số Thanh văn nghe pháp âm này, thấy điềm ứng lạ thường ấy, nên đều phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng, trăm ngàn vô số chư Bồ-tát mới tu học cùng lúc chứng được pháp Nhẫn vô sinh.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay cung kính, thưa:

–Nay, pháp môn này rất ít có, tạo lợi ích cho khắp tất cả chúng sinh, nên gọi tên gì để phụng trì lưu hành rộng rãi?

Phật bảo:

–Kinh này gọi là Xưng Tán Công Đức Đại Thừa, cũng gọi là Nói Rõ Nghiệp Chướng Hủy Báng Chánh Pháp. Tên gọi như vậy, ông nên theo đấy mà phụng trì.

Lúc Đức Bạc-già-phạm giảng nói kinh này rồi, Tôn giả A-nan-đà cùng với vô lượng Thanh văn, Đức Nghiêm Hoa, cùng với vô số Bồ-tát và chư Thiên, Người, A-tố-lạc, tất cả đại chúng nghe Phật nói, đều rất vui vẻ tin, nhận, phụng hành.

-oOo-

SỐ 841

KINH THUYẾT DIỆU PHÁP QUYẾT ĐỊNH NGHIỆP CHƯỚNG

Hán dịch: Đại Đường, Sa-môn Thích Trí Nghiêm, chùa Chí Tướng.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật đang ở nơi đạo tràng Vô biên, thuộc điện Pháp giới tạng là chỗ của chư Phật hội họp, cùng với chúng đại Tỳ-kheo và chúng Đại Bồ-tát hội đủ.

Lúc đó, trong đạo tràng có một phu nhân tên là Công Đức Trang Nghiêm Khai Phu Hoa chắp tay hướng lên Đức Phật, rồi lui ra ngồi một bên, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát mới phát tâm tu học thì không nên sống chung với những hạng không phải là Thiện tri thức nào?

Đức Phật bảo:

–Này phu nhân! Trong ba cõi, tất cả Phạm, Thích, Tứ vương, Sa-môn, Bà-la-môn đều là những bậc Thiện tri thức đối với Bồ-tát đang tu tập, chỉ trừ hàng Thanh văn không phải là Thiện tri thức, sợ rằng Thanh văn sẽ làm thoái lui Bồ-tát tu hành hạnh Đại thừa. Vì sao? Vì Thanh văn, Duyên giác đều là tự lợi, khuyến khích hướng dẫn Bồ-tát mới tu hành quay về Tiểu thừa, thế nên người tu Thanh văn thừa không phải là Thiện tri thức.

Phu nhân nên biết! Bồ-tát mới tu hành không nên ở chung cùng phòng xá với Tỳ-kheo Thanh văn, không ngồi chung giường, không đi chung đường. Nếu Bồ-tát mới tu hành mà trí tuệ sâu rộng thì phân biệt không hai, tỏ ngộ pháp Đại thừa lại vì phương tiện, khuyến khích, hướng dẫn Thanh văn vào Đại thừa, lúc đó mới cho ở chung. Nếu Tỳ-kheo Thanh văn phước trí mỏng manh mà tu hành Bồ-tát thì không nên giảng nói pháp Đại thừa sâu xa vì sợ họ sẽ phỉ báng.

Lại nữa, người tu hạnh Bồ-tát không nên xem kinh luận Tiểu thừa. Vì sao? Vì sẽ làm chướng ngại Phật đạo.

Phu nhân nên biết! Tu hạnh Bồ-tát thà xả bỏ thân mạng chứ không

bỏ tâm Bồ-đề để nhập Thanh văn, cầu đạo La-hán. Bồ-tát khuyến thỉnh tất cả chúng sinh rồi, lúc đó nếu bỏ tâm Bồ-đề, riêng cầu đạo khác nhập vào đạo quả Thanh văn La-hán, hoặc nhân não loạn mà Bồ-tát thoái tâm Bồ-đề, thì cả hai đều bị đọa vào địa ngục Vô gián.

Đức Phật nói:

–Này phu nhân! Người tu hạnh Bồ-tát thà phạm năm đại tội như sát sinh… chứ không học quả Tu-đà-hoàn, không thoái lui việc tu hành Bồ-đề. Bồ-tát thà trong một kiếp, trăm kiếp cho đến ngàn kiếp chịu khổ nơi địa ngục chứ không học đạo quả Tư-đà-hàm, không thoái lui việc tu hành Bồ-đề. Bồ-tát thà bị đọa nẻo súc sinh chứ không học đạo quả A-na-hàm, không thoái lui việc tu hành Bồ-đề. Bồ-tát thà giết hại chúng sinh bị đọa vào địa ngục, chứ không tu đạo quả A-la-hán, lui sụt Bồ-đề. Hàng La-hán, chỉ riêng mình chứng đắc riêng nhập Niết-bàn, ví như loại cắp vặt lén vào nhà người khác. Người tu hạnh Bồ-tát phát tâm Bồ-đề nhiếp hóa chúng sinh, thà vào hầm lửa chứ không trụ nơi Niết-bàn tịch diệt của Thanh văn, không lui sụt Bồ-đề. Vì ý nghĩa đó, cho nên Bồ-tát luôn thâu tóm chúng sinh khiến họ vào Phật đạo. Như vậy người tu hạnh Bồ-tát được tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la tôn trọng, xứng đáng thọ nhận sự cúng dường siêu việt hơn Thanh văn, nên quyến thuộc của tà ma không thể nhiễu loạn, não hại.

Lúc đó, phu nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là quyến thuộc của tà ma?

Đức Phật bảo:

–Này phu nhân! Những nơi diễn nói kinh điển Đại thừa, nếu có chúng sinh nghe mà tâm không ham thích, trái lại khinh thường hủy báng, nên biết những hạng người như thế là quyến thuộc của tà ma. Người có tâm phỉ báng kinh điển Đại thừa, sau khi chết bị đọa địa ngục A-tỳ chịu khổ vô lượng, lại sinh làm ngạ quỷ ăn đồ nhơ, chịu khổ trong vô lượng kiếp xong, sau sinh làm người phải chịu đui điếc, câm ngọng, mọi thứ ghẻ lở. Các chúng sinh này sau khi mạng chung, trải qua vô lượng kiếp mới được gặp Như Lai, thân cận cúng dường, ở chỗ chư Phật lại được nghe kinh điển Đại thừa, thuần nhất không xen tạp. Lúc đó, nơi các lỗ chân lông của chư Phật đều phát ra âm thanh ngôn từ, mỗi mỗi lỗ chân lông lại phóng ra vô lượng ức trăm ngàn ánh sáng chánh pháp, lại có vô lượng Pháp âm nói kệ tán thán. Khi ấy, trong chúng hội nếu có Thanh văn thì nghe pháp của Thanh văn thừa; nếu có người tu Duyên giác thừa thì nghe pháp của Duyên giác thừa; nếu có người tu hành Đại thừa thì nghe pháp của Đại thừa vi diệu; các loài chim thú cũng tùy theo

âm thanh của chúng mà nghe pháp Phật. Lúc đó, trong hội nếu có chúng sinh nơi thời quá khứ chưa từng nghe pháp Phật, thì đều thấy Đức Như Lai im lặng không nói; còn các chúng sinh khác nơi quá khứ từng hủy báng kinh điển Đại thừa, tuy trong nhiều kiếp chịu khổ ở địa ngục, ngạ quỷ, do vì nghe pháp Đại thừa mà hủy báng, thế nên nay đích thân nghe Phật nói pháp Đại thừa, tâm sinh hoan hỷ phát tâm Vô thượng Bồ-đề, cuối cùng thành tựu Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, phu nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại thừa là gì? Vì sao gọi là Đại thừa?

Phật khen:

–Hay thay, hay thay! Phu nhân ham thích pháp Đại thừa cao độ, do đó nên phải suy nghĩ kỹ lưỡng, ta sẽ trình bày về danh hiệu Đại thừa.

Đại thừa gồm:

1. Khiến người hết lòng ham thích, đó là Đại thừa.

2. Không lay động, đó là Đại thừa.

3. Không lỗi lầm, đó là Đại thừa.

4. Vô lượng, đó là Đại thừa.

5. Như bốn biển cả, đó là Đại thừa.

6. Được các loại Kim sí điểu, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già và các loại khác cung kính, đó là Đại thừa.

7. Được chúng Càn-thát-bà ca ngợi, đó là Đại thừa.

8. Được chư Thiên cung kính, đó là Đại thừa.

9. Phạm thiên quy y, đó là Đại thừa.

10. Trời Đế Thích kính trọng, đó là Đại thừa.

11. Tứ Thiên vương thâu giữ, đó là Đại thừa.

12. Long vương cúng dường, đó là Đại thừa.

13. Bồ-tát phụng trì, đó là Đại thừa.

14. Thành tựu Phật tánh, đó là Đại thừa.

15. Hiền, Thánh quy y, đó là Đại thừa.

16. Tất cả đều dốc sức thọ nhận, đó là Đại thừa.

17. Như cây thuốc hạng nhất, đó là Đại thừa.

17. Cắt đứt mọi phiền não, đó là Đại thừa.

19. Có khả năng chuyển pháp luân, đó là Đại thừa.

20. Không ngôn không thuyết, đó là Đại thừa.

21. Như tướng hư không, đó là Đại thừa.

22. Không cắt đứt chủng tánh Tam bảo, đó là Đại thừa.

23. Chúng sinh độn căn không thể tin nổi, đó là Đại thừa.

24. Vượt qua tất cả, đó là Đại thừa.

Lúc Đức Phật giảng nói về danh hiệu, oai lực của Đại thừa, tam thiên đại thiên thế giới đều hiện đủ sáu cách chấn động, trăm ngàn nhạc cụ không tấu mà tự kêu vang, trên hư không chư Thiên mưa hoa. Vô lượng trăm ngàn Thiên tử phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Vô lượng trăm ngàn vị Thanh văn đều phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác. Lại có Bồ-tát mới thọ giới chưa ngộ chánh pháp, nay đều thông hiểu.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này tên gọi là gì và nên phụng trì như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Tôn giả A-nan! Kinh này tên là Đại Thừa Cự Noa Thắng, nên thọ trì như thế. Lại còn có tên Diệu Pháp Quyết Định Nghiệp Chướng phải nên theo như thế mà thọ trì.

Đức Như Lai giảng nói kinh này xong, Tôn giả A-nan và phu nhân Công Đức Trang Nghiêm Khai Phu Hoa cùng tám bộ chúng chư Thiên, Rồng… đều rất hoan hỷ, thọ trì, phụng hành.

-oOo-

SỐ 842

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

Hán dịch: Đời Đại Đường,
Tam tạng Pháp sư Phật-đà-đa-la

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn nhập vào chánh định tên là Kho tàng ánh sáng vĩ đại của thần thông. Kho tàng ấy là chỗ ở giữ một cách sáng chói tôn nghiêm của các Đức Thế Tôn, là tánh tuệ giác vốn rất trong suốt, sạch sẽ của các loại chúng sinh. Đức Thế Tôn nhập vào chánh định ấy nên thân tướng và tâm trí đều vắng lặng, đồng nhất với bản thể phổ biến của vũ trụ, nghĩa là thích ứng với sự bất nhị. Chính sự bất nhị này biểu hiện thế giới trong sạch. Đức Thế Tôn ở nơi thế giới trong sạch này và cùng ở có mười ngàn vị Đại sĩ mà các bậc đứng đầu là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Phổ Nhãn, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, Bồ-tát Uy Đức Tự Tại, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng, Bồ-tát Phổ Giác, Bồ-tát Viên Giác, Bồ-tát Hiện Thiện Thủ; các vị này và các vị tùy thuộc, cùng nhập vào chánh định, nên cùng dự pháp hội bình đẳng của Đức Thế Tôn.

Lúc ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Con xin Thế Tôn vì các vị đến dự pháp hội này mà nói về việc làm căn bản sơ khởi của Đức Thế Tôn là thế nào? Lại nói về các vị Bồ-tát ở trong Đại thừa phát tâm như thế nào mới trong suốt, tách rời bệnh hoạn? Và thời kỳ cuối cùng, những người cầu pháp Đại thừa phải như thế nào mới khỏi sa vào kiến thức sai lầm?

Tác bạch rồi, Bồ-tát Văn-thù gieo xuống sát đất tất cả năm bộ phận của thân thể, kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vì các vị Bồ-tát mà hỏi đến việc căn bản sơ khởi của Như Lai, lại vì những người cầu pháp Đại thừa trong thời kỳ cuối cùng mà hỏi làm cách nào để được sự trú ở chính xác, không sa vào kiến thức sai lầm. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn nói:

–Thiện nam! Đức Pháp Vương Vô Thượng có pháp Đại tổng trì tên là Viên giác, tuôn ra tất cả các pháp trong sáng là Chân như, Bồ-đề, Niết-bàn và Ba-la-mật, để dạy cho các vị Bồ-tát. Việc làm căn bản sơ khởi của chư vị Như Lai là y theo viên giác, y theo theo tuệ giác trong suốt và chiếu soi trọn vẹn ấy mà diệt trừ vô minh một cách vĩnh viễn, mới thành đạt tuệ giác Phật-đà.

Này thiện nam! Vô minh là gì? Là những điên đảo có từ vô thỉ đến giờ của các loại chúng sinh, những điên đảo tựa như một kẻ ngộ nhận thì bốn phương hướng biến đổi vị trí tất cả. Do đó mà ngộ nhận sự tổ hợp của bốn đại chủng làm tự thân, ngộ nhận sự nhận thức về sáu đối cảnh làm tự tâm, khác nào mắt bệnh thì thấy không gian có hoa đốm, hay thấy mặt trăng có mặt trăng thứ hai chồng lên. Nhưng không gian thật không có hoa đốm, hoa đốm chỉ do người bệnh ngộ nhận: vì sự ngộ nhận sự thực của không gian, lại còn ngộ nhận cả xuất xứ chính xác của hoa đốm và vì như vậy mà có sự sinh tử luân hồi, có một cách không thật, nên gọi là vô minh.

Này thiện nam! Vô minh như vậy là không phải có thật, y như nhân vật trong mộng, mộng thì thấy là có mà tỉnh thì biết là không. Không đây là như hoa đốm mất đi trong không gian, thì không thể nói không có cái vị trí biến mất, vì lẽ không gian vốn không có cái vị trí sinh ra. Trong sự không sinh không mất như vậy, các loại chúng sinh thấy lầm có sinh có mất, nên gọi là sinh tử luân hồi; còn việc làm căn bản sơ khởi của chư vị Như Lai là tu theo Viên giác: Biết là hoa đốm thì biết sinh tử luân hồi là không, thân tâm lãnh chịu sự sinh tử luân hồi ấy cũng là không. Không, không phải làm cho không đi mới không, mà là thực chất vốn không. Biết là hoa đốm, cái biết ấy cũng là không; cái biết cũng là không như vậy cũng chỉ là sắc thái hoa đốm; và như thế thì cũng không thể nói rằng không biết gì cả: Có và không đều loại bỏ thì gọi là thích hợp với tuệ giác trong sáng. Tuệ giác trong sáng là vì bản thể vốn như không gian, vĩnh viễn bất động, nghĩa là Như Lai tạng không có sự sinh ra và sự mất đi, không có cái thấy biết phản ảnh sự sinh ra và sự mất đi, mà là

bản thể của vũ trụ vốn tuyệt đối, trọn vẹn và phổ biến.

Như thế đó là việc làm căn bản sơ khởi của Như Lai. Bồ-tát y theo căn bản ấy, ở trong Đại thừa phát tâm trong suốt. Và những người thời kỳ cuối cùng y cứ căn bản ấy mà tu hành thì không sa vào kiến thức sai lầm.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói những lời kệ sau đây:

Văn-thù nên biết,
Tất cả Như Lai
Căn bản sơ khởi
Vận dụng tuệ giác:
Biết rằng vô minh
Chỉ như hoa đốm
Nên hết luân hồi,
Khác nào cảnh mộng
Mộng mị thấy có
Thức tỉnh toàn không.
Cái biết trên đây
Vốn cũng là không,
Bình đẳng, bất động,
Phổ biến mười phương:
Ấy là thành đạt
Tuệ giác Phật-đà.
Huyễn ảo biến mất
Thì không vị trí,
Tuệ giác thành đạt
Cũng vốn là không,
Vì lẽ bản thể
Vốn là tròn đầy.
Y cứ vào đây
Các vị Bồ-tát
Có thể phát ra
Tâm đại Bồ-đề;
Những người sau này
Theo đấy mà tu
Thì khỏi sa vào
Kiến thức sai lầm.

Lúc ấy, Bồ-tát Phổ Hiền ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy,

đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Con xin Thế Tôn vì các vị Bồ-tát trong đại hội này, lại vì những người tu hành Đại thừa trong thời kỳ cuối cùng mà dạy cho họ biết, nghe nói viên giác trong sáng như vậy thì tu hành cách nào? Nếu họ biết là huyễn ảo cả, thì thân thể và tâm trí cũng là huyễn ảo, làm sao đem huyễn ảo tu hành huyễn ảo? Nếu thực chất huyễn ảo là hủy diệt tất cả, thì thân thể và tâm trí cũng là không, như vậy ai là người tu hành để nói sự tu hành cũng như huyễn ảo? Nếu người tu hành cũng không, có nghĩa chúng sinh không tu hành, vĩnh viễn đắm mình trong cảnh huyễn ảo của thế giới sinh tử luân hồi, không hề thấu hiểu chân lý huyễn ảo, như vậy làm sao thoát được tư tưởng ngộ nhận? Con lại thỉnh cầu Đức Thế Tôn dạy cho những người sau này biết tu hành chánh định Như huyễn bằng phương tiện gì và thứ tự nào để vĩnh viễn thoát bỏ huyễn ảo?

Tác bạch rồi, Bồ-tát Phổ Hiền năm vóc gieo xuống đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Hiền:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vì các vị Bồ-tát và những người sau này mà hỏi Như Lai, rằng họ phải tu tập phương tiện và thứ tự của chánh định Như huyễn như thế nào để thoát bỏ huyễn ảo. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho.

Bồ-tát Phổ Hiền vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn nói:

–Thiện nam! Hết thảy huyễn ảo của chúng sinh đều phát sinh nơi viên giác, nơi cái tâm vi diệu mà Như Lai chứng ngộ, tương tự hoa đốm có trong không gian. Nhưng hoa đốm huyễn ảo thì hủy diệt mà không gian thì không hủy diệt: Vô minh huyễn ảo thì hủy diệt vì thân tâm huyễn ảo, huyễn ảo hủy diệt mà viên giác bất động. Đối với huyễn ảo mà nói viên giác, thì viên giác ấy cũng là huyễn ảo; nói viên giác là có thì vẫn thuộc phạm trù huyễn ảo, nói viên giác là không thì cũng y như thế. Huyễn ảo hủy diệt mới là viên giác bất động. Thế nên hết thảy Bồ-tát và những người sau này, phải thoát bỏ cho được mọi sự huyễn ảo.

Nhưng cố chấp vào ý thức thoát bỏ thì cái ý thức thoát bỏ này cũng phải thoát bỏ. Sự thoát bỏ cái ý thức thoát bỏ này cũng phải thoát bỏ. Và

sự thoát bỏ cái sự thoát bỏ này cũng phải thoát bỏ. Không còn gì để thoát bỏ nữa thì mọi sự huyễn ảo hủy diệt. Ví như người kéo cây lấy lửa, hai cây cọ xát với nhau, lửa phát thì hai cây cháy cả, cháy đến khói cũng tản, tro cũng bay: Đem huyễn ảo diệt trừ huyễn ảo cũng tương tự như vậy. Và huyễn ảo mất hết mà không nhập vào cái loại kiến thức sai lầm chủ trương mọi sự đều mất hẳn.

Này thiện nam! Biết là huyễn ảo thì thoát bỏ huyễn ảo, không làm phương tiện gì khác; huyễn ảo thoát bỏ thì viên giác trong sáng, không có thứ tự nào cả. Các Bồ-tát và những người sau này, y theo sự chỉ dẫn trên đây mà tu hành mới vĩnh viễn thoát bỏ huyễn ảo.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Phổ Hiền nên biết,
Vô minh huyễn ảo
Là có ở nơi
Diệu tâm viên giác,
Tương tự hoa đốm
Có trong không gian,
Hoa đốm hủy diệt
Không gian bất động;
Huyễn ảo phát sinh
Ở nơi viên giác,
Huyễn ảo hủy diệt
Viên giác trọn vẹn,
Vì lẽ viên giác
Bản tánh bất động.
Nên các Bồ-tát
Và người sau này
Thoát bỏ cho được
Mọi sự huyễn ảo.
Huyễn ảo thoát bỏ
Là như một kẻ
Kéo cây ra lửa,
Lửa phát cây cháy
Cây cháy hết cả
Lửa cũng không còn.
Viên giác thì không
Phương tiện gì cả,
Và cũng không cả

Cái sự thứ tự.

Lúc ấy Bồ-tát Phổ Nhãn ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh Thế Tôn ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Con xin Thế Tôn vì các Bồ-tát trong đại hội này và vì những người trong thời kỳ cuối cùng, chỉ dạy phương tiện thứ tự mà Bồ-tát tu hành: Họ phải tư duy như thế nào? Phải trú ở như thế nào? Và truyền đạt như thế nào cho người chưa biết? Bạch Thế Tôn! Nếu họ không biết tư duy và trú ở chính xác theo phương tiện chính xác, thì nghe chánh định Như huyễn của Đức Thế Tôn dạy, họ sẽ mờ mịt, lầm lẫn, không thể nhập vào viên giác. Xin Đức Thế Tôn thương tưởng, vì chúng con và vì những người sau này mà chỉ dạy phương tiện ấy.

Tác bạch rồi, Bồ-tát Phổ Nhãn năm vóc gieo sát đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Nhãn:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vì các Bồ-tát và những người sau này, hỏi Như Lai về phương tiện thứ tự của sự tu hành. Hỏi cách tư duy và cách trú ở của sự tu hành, hỏi cách truyền đạt những sự ấy. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho.

Bồ-tát Phổ Nhãn vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

–Thiện nam! Các Bồ-tát mới tu học và những người thời kỳ cuối cùng, muốn phát hiện viên giác mà Như Lai đã chứng ngộ thì phải có sự nhớ nghĩ chính xác, nhớ nghĩ về sự thoát bỏ huyễn ảo, bằng cách trước hết phải y cứ pháp hạnh Xa-ma-tha, pháp hạnh tập trung tư duy của Như Lai; phải nghiêm giữ giới luật, sắp đặt đồ đệ cho yên và thường ngồi trong phòng thất yên tĩnh, nhớ nghĩ luôn như thế này: Thân thể của ta đây chỉ là sự tổ hợp của bốn đại chủng. Những gì là cố thể thì thuộc về đất, những gì là dịch thể thì thuộc về nước, những gì là nhiệt lực thì thuộc về lửa, những gì là động lực thì thuộc về gió. Nhưng bốn đại chủng ấy tách rời với nhau, thì gọi thân là cái gì? Suy nghĩ như vậy thì biết cái thân ấy cứu cánh không có cá thể, chỉ là một hình thái tổ hợp, thực chất là huyễn ảo.

Do bốn đại chủng làm những yếu tố tương quan mà tổ hợp lại một cách không thật nên có ra sáu giác quan, có cũng một cách không thật. Rồi

sáu giác quan ở trong và bốn đại chủng ở ngoài tổ hợp với nhau mà có một cách không thật những sự vin theo đối cảnh và tụ lại tựa như có ấn tượng: Như thế giả gọi là tâm thức. Tâm thức không thật như vậy nếu không có sáu đối cảnh thì không thể có được. Nhưng bốn đại chủng phân tán thì sáu đối cảnh cũng không thể có. Đại chủng và đối cảnh phân tán thì rốt cuộc cũng không có tâm thức có thể tìm thấy.

Này thiện nam! Người ấy thấy thân thể như huyễn ảo hủy diệt thì tâm thức như huyễn ảo hủy diệt, tâm thức như huyễn ảo hủy diệt thì đối cảnh như huyễn ảo hủy diệt, đối cảnh như huyễn ảo hủy diệt thì sự hủy diệt như huyễn ảo cũng hủy diệt, sự hủy diệt như huyễn ảo cũng hủy diệt thì cái không phải huyễn ảo sẽ không hủy diệt, giống như lau gương, nhơ bẩn lau hết thì trong sáng hiện ra: Phải biết thân tâm toàn là hình thái nhơ bẩn, hình thái nhơ bẩn diệt hẳn thì vũ trụ trong sáng.

Này thiện nam! Như khối ngọc trong suốt phản ảnh đủ cả năm màu, mỗi màu hiện một phía, vậy mà kẻ ngu tối thì nói khối ngọc thật có năm màu. Tương tự như vậy, viên giác trong sáng ảnh hiện thân tâm thích ứng từng loại, vậy mà người ngu tối nói viên giác thật có các hình thái thân tâm. Do đó mà họ không thể thoát bỏ huyễn ảo nhơ bẩn và với họ, Như Lai nói thân tâm đều là huyễn ảo nhơ bẩn; đối lại, ai thoát bỏ huyễn ảo nhơ bẩn thì Như Lai gọi là Bồ-tát; và huyễn ảo nhơ bẩn hết rồi thì sự đối lại cũng không còn, không còn nhơ bẩn, không còn người thoát bỏ nhơ bẩn, không còn người giả bày tên gọi.

Này thiện nam! Các vị Bồ-tát và những người sau này, khi thực hiện được trạng thái huyễn ảo hủy diệt, thì bấy giờ thấy sự trong sáng vô biên, được biểu hiện bởi viên giác trong sáng vốn như không gian vô hạn.

Viên giác trong sáng nên tâm thức trong sáng, tâm thức trong sáng nên sự thấy trong sáng, sự thấy trong sáng nên nhãn căn trong sáng, nhãn căn trong sáng nên nhãn thức trong sáng; nhãn thức trong sáng nên sự nghe trong sáng, sự nghe trong sáng nên nhĩ căn trong sáng, nhĩ căn trong sáng nên nhĩ thức trong sáng; nhĩ thức trong sáng nên sự hay và sự biết trong sáng, nghĩa là tỷ căn tỷ thức, thiệt căn thiệt thức, thân căn thân thức và ý căn ý thức đều trong sáng cả. Căn và thức trong sáng nên cảnh trong sáng: sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp đều trong sáng cả. Sáu cảnh trong sáng nên bốn đại trong sáng: đất, nước, lửa, gió đều trong sáng cả. Bốn đại trong sáng nên mười hai xứ, mười tám giới và hai mươi lăm hữu, đều trong sáng cả.

Các pháp trên trong sáng nên mười Lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại,

mười tám pháp Bất cộng, ba mươi bảy Bồ-đề phần, cho đến tám mươi bốn ngàn môn Tổng trì đều trong sáng cả.

Này thiện nam! Toàn bộ các pháp bản thể trong sáng nên một thân trong sáng, một thân trong sáng nên nhiều thân trong sáng, nhiều thân trong sáng nên cho đến mười phương chúng sinh toàn là viên giác trong sáng.

Này thiện nam! Thân trong sáng nên thế giới trong sáng. Một thế giới trong sáng nên nhiều thế giới trong sáng, nhiều thế giới trong sáng nên cho đến cùng không gian mười phương và suốt thì gian ba đời toàn bộ đều trong sáng.

Này thiện nam! Không gian bất động, nên viên giác bất động, bốn đại bất động nên viên giác bất động và y như vậy, cho đến tám mươi bốn ngàn môn Tổng trì đều bất động nên viên giác bất động.

Này thiện nam! Viên giác trong sáng, bất động và phổ biến nên sáu căn phổ biến pháp giới, sáu căn phổ biến pháp giới nên sáu cảnh phổ biến pháp giới, sáu cảnh phổ biến pháp giới nên bốn đại phổ biến pháp giới và y như vậy, cho đến tất cả môn Tổng trì đều phổ biến pháp giới.

Này thiện nam! Viên giác phổ biến nên căn và cảnh không hủy hoại nhau không hỗn tạp nhau, căn và cảnh không hủy hoại nhau, không hỗn tạp nhau nên cho đến hết thảy môn Tổng trì đều không hủy hoại nhau không hỗn tạp nhau. Sự thể ví như hàng trăm hàng ngàn ngọn đèn chiếu sáng một phòng, ánh sáng ngọn đèn nào cũng phổ biến cả phòng mà không hủy hoại nhau không hỗn tạp nhau.

Này thiện nam! Bồ-tát thành đạt viên giác như vậy, nên không buộc các pháp, không mở các pháp, không chán sinh tử, không ham Niết-bàn, không kính giữ giới, không ghét phá giới, không trọng tu lâu, không khinh mới học, vì lẽ toàn thể đều là viên giác. Sự thể ví như mắt thấy cảnh vật, sự thấy ấy thấy toàn diện mà không ghét không ưa, vì lẽ thực chất của sự thấy không có hai ý thức ấy.

Các Bồ-tát và người sau này, tu tập mà thành đạt viên giác như vậy, thì đối với chính viên giác ấy đã không tu tập và không thành đạt, chiếu sáng một cách tròn đầy mà trong lặng, không có những khái niệm đối lập lẫn nhau. Chính trong cái trạng thái chiếu sáng này mà hằng sa thế giới y như hoa đốm nổi lên hay mất đi với bao nhiêu là hình thái, thấy các pháp không dính líu không tách rời, không trói buộc không cởi mở, thấy chúng sinh vốn là Phật-đà, sinh tử với Niết-bàn đều như giấc mộng. Vì đều như giấc mộng nên đối với sinh tử và Niết-bàn thì thấy không nổi không tan, không đến không đi; đối với chân lý sở chứng thì thấy không được không

mất, không lấy không bỏ; đối với tuệ giác năng chứng thì thấy không làm không ngưng, không buông không dứt; đối với sự chứng ngộ thì thấy không chủ thể chứng không đối tượng được chứng, cứu cánh không có sự chứng ngộ là vì toàn bộ các pháp đều bình đẳng và không hủy hoại nhau.

Này thiện nam! Các Bồ-tát hãy tu hành theo phương tiện thứ tự như vậy: Hãy tư duy như vậy, hãy trú ở như vậy, hãy đem những sự ấy truyền đạt cho người cầu pháp, thì những người này cũng không mù mờ, rốt trí.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Phổ Nhãn nên biết,
Thân tâm chúng sinh
Như huyễn ảo cả:
Thân thuộc bốn đại,
Tâm nhờ sáu cảnh;
Bốn đại rời nhau
Thì gọi cái gì?
Là sự tổ hợp.
Tu dần như vậy
Tất cả trong sáng,
Bất động, phổ biến
Không làm không ngưng
Không buông không dứt
Không người chứng ngộ.
Hết thảy thế giới
Chỉ như hoa đốm
Ở trong không gian,
Quá khứ, hiện tại
Cùng với vị lai
Bình đẳng tất cả,
Cứu cánh không đến
Mà cũng không đi.
Bồ-tát mới tu
Và người sau này
Muốn được nhập vào
Tuệ giác Phật-đà
Thì phải nỗ lực
Tu tập như vậy.

Lúc ấy, Bồ-tát Kim Cang Tạng ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng

dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Thế Tôn đã khéo vì các vị Bồ-tát mà tuyên dương đại Tổng trì Viên giác là căn bản sơ khởi của Thế Tôn, lại chỉ dạy phương tiện thứ tự để tu tập đại Tổng trì ấy. Thế Tôn đã khai phá chỗ mù mờ cho chúng sinh. Mọi người trong đại hội này nhờ vâng lãnh huấn dụ Từ bi của Thế Tôn mà màng huyễn ảo tiêu tan, mắt tuệ giác trong sáng. Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sinh vốn là Phật-đà thì vì sao lại có vô minh? Nếu vô minh là chúng sinh vốn có thì vì sao Đức Thế Tôn nói chúng sinh vốn là Phật-đà? Nếu chúng sinh vốn là Phật-đà, sau đó mới nổi lên vô minh, như thế thì chư vị Thế Tôn lúc nào trở lại phát sinh phiền não? Kính xin Đức Thế Tôn không xả bỏ lòng thương cao cả vốn không ngăn chận ai hết, vì các vị Bồ-tát mà khai mở cho họ được thấy kho tàng viên giác bí mật, lại làm cho những người sau này được nghe kinh pháp viên giác liễu nghĩa, ai cũng hết hẳn mọi ngờ vực.

Tác bạch rồi, Bồ-tát Kim Cang Tạng năm vóc gieo xuống đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Kim Cang Tạng:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vì các vị Bồ-tát và những người sau này mà hỏi Như Lai về viên giác rất sâu xa và sự cứu cánh của viên giác ấy. Viên giác ấy là giáo huấn tối thượng và Đại thừa với diệu nghĩa trọn vẹn truyền đạt cho Bồ-tát, có năng lực làm cho mười phương các vị Bồ-tát đang còn tu học và tất cả mọi người thời kỳ cuối cùng, được lòng tin cố định, hết hẳn nghi ngờ. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho.

Bồ-tát Kim Cang Tạng vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

–Thiện nam! Chúng sinh và thế giới của chúng sinh, mở đầu hay kết cuộc, phát sinh hay hủy diệt, lúc trước hay lúc sau, hiện hữu hay trống không, tụ lại hay tan ra, nổi lên hay ngưng lại, những hình thái này nối tiếp với nhau ngay trong từng đơn vị thì gian chỉ như sự thoạt hiện hay thoạt biến của ý nghĩ, qua lại liền liền, lấy bỏ đủ cách, toàn là luân hồi. Chưa vượt luân hồi như vậy mà nói viên giác, thì tính cách viên giác ấy cũng là tính cách luân hồi, vậy mà mong thoát khỏi luân hồi thì thật vô lý. Sự thể ví như hoa mắt thì nước đứng mà thấy ra xao động, đờ mắt thì lửa quay mà thấy thành vòng tròn, mây bay mà thấy trăng chạy, đò

lướt mà thấy bờ đi…; những trạng thái xoay đảo của sự thấy như vậy nếu chưa đình chỉ mà muốn những thứ được thấy phải đứng lại trước, thì ý muốn đó còn không thể nào thực hiện được, huống chi cái tâm trí luân hồi chưa được lắng trong, thì nhìn vào viên giác của Như Lai làm sao khỏi thấy xoay đảo. Đó là lý do lầm lẫn trong ba câu hỏi của ông.

Này thiện nam! Ví như con mắt bị bệnh màng mắt, nên nhìn không gian thấy có hoa đốm. Khi bệnh màng mắt đã lành vĩnh viễn thì không nên hỏi màng mắt đã mất đó bao giờ lại nổi lên nữa, vì lẽ con mắt với màng mắt không phải đi đôi với nhau. Hơn nữa, hoa đốm đã mất đi trong không gian, thì khi ấy không nên hỏi lúc nào không gian lại nổi lên hoa đốm, vì lẽ không gian vốn không có hoa đốm, vì lẽ bản thể của không gian vốn không phải nổi lên hay mất đi. Mà sinh tử với Niết-bàn thì chỉ như sự nổi lên hay mất đi của hoa đốm, còn viên giác thì vốn không có hoa đốm và màng mắt. Phải biết không gian mà còn không phải có một cách tạm thời, cũng không phải không một cách tạm thời, huống chi viên giác mà Như Lai chứng ngộ là bản thể bình đẳng của các pháp trong đó có không gian.

Này thiện nam! Như lọc quặng vàng thì vàng không phải do lọc mới là vàng, là vàng đã lọc thành vàng ròng thì không bao giờ trở lại làm quặng nữa, để lâu đến mấy vàng ròng đó cũng không hư hoại. Như vậy không thể nói vàng vốn không phải là vàng… Viên giác mà Như Lai chứng ngộ cũng tương tự như vậy.

Này thiện nam! Viên giác mà Như Lai chứng ngộ vốn không có Bồ-đề với Niết-bàn, vốn không có sự thành Phật-đà hay sự không thành Phật-đà, vốn không có sự luân hồi và sự không phải luân hồi. Thiện nam! Sự viên thành của các Thanh văn là tiêu diệt tất cả thân tâm ngôn ngữ, mà không bao giờ đạt đến viên giác của Như Lai đích thân chứng ngộ, huống chi tâm trí tư duy thì làm sao lường được viên giác ấy. Đem lửa đom đóm đốt núi Tu-di thì không bao giờ đốt được: Vận dụng tâm trí luân hồi phát sinh kiến thức luân hồi mà mong nhập vào biển cả vắng lặng vĩ đại của Như Lai thì không bao giờ vào được. Vì lý do ấy, Như Lai nói rằng tất cả Bồ-tát và những người sau này, việc phải làm trước hết là loại trừ gốc rễ luân hồi.

Này thiện nam! Tư duy xuất từ tâm thức, tư duy ấy toàn là ảo tưởng vin theo sáu đối cảnh, không phải đích thực là tâm thể. Tư duy ấy đã như hoa đốm, vận dụng tư duy ấy mà mong đạt được viên giác của Như Lai chứng ngộ, thì không khác gì hoa đốm sinh trái đốm: Ảo tưởng sinh ảo tưởng, không thể đạt được viên giác. Thiện nam! Ảo tưởng có lắm

kiến thức khéo léo, không thể là phương tiện của viên giác. Nên lối phân tích như ông không phải đặt đúng vấn đề.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Kim Cang Tạng này,
Nên biết bản thể
Viên giác vắng lặng
Như Lai chứng ngộ
Vốn không mở đầu
Cũng không kết cuộc.
Đem tâm luân hồi
Tư duy viên giác,
Ấy là luân hồi,
Chỉ đến luân hồi,
Không thấu biển cả
Vắng lặng của Phật.
Như lọc quặng vàng,
Vàng không do lọc
Mới được là vàng;
Vàng vốn là vàng,
Nhưng phải do lọc
Mới thành vàng ròng;
Khi vàng lọc quặng
Đã thành vàng ròng,
Thì không bao giờ
Trở lại làm quặng.
Sinh tử, Niết-bàn
Chúng sinh, Phật-đà
Đồng là hoa đốm
Ở trong không gian.
Cái sự tư duy
Đã như huyễn ảo,
Huống chi còn đem
Sự tư duy ấy
Chất vấn những sự
Huyễn ảo khác nữa.
Nếu tự hiểu được
Sự tư duy ấy,
Sau đó mới mong

Nhập được viên giác.

Lúc ấy, Bồ-tát Di-lặc ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Thế Tôn đã khai mở một cách rộng rãi kho tàng bí mật cho các vị Bồ-tát, làm cho đại chúng này tỉnh ngộ sâu xa về luân hồi, phân biệt được sự lầm lẫn và sự chính xác. Thế Tôn đã ban cho những người thời kỳ cuối cùng con mắt tuệ giác không còn e sợ, làm cho họ phát sinh lòng tin cố định đối với Niết-bàn vĩ đại, không còn tùy theo sự luân hồi mà nổi lên kiến thức xoay đảo. Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ-tát và những người thời kỳ cuối cùng, muốn du hành trong biển cả vắng lặng vĩ đại của Đức Thế Tôn, thì họ phải hủy diệt như thế nào đối với căn bản của luân hồi? Trong luân hồi có mấy đẳng cấp? Tu tập tuệ giác Phật-đà có mấy chủng tánh? Khi quay lại, trở vào nơi bụi bặm mệt nhọc, thì phải vận dụng mấy phương tiện hóa độ để hóa độ chúng sinh? Xin Thế Tôn đừng bỏ lòng thương cao cả cứu độ người đời mà làm cho những người tu tập, là các vị Bồ-tát và những người sau này, được con mắt tuệ giác trong sáng, được đài gương tâm trí chiếu tỏ, tỉnh ngộ một cách tròn đầy về sự thấy biết Vô thượng của Thế Tôn.

Tác bạch rồi, Bồ-tát Di-lặc năm vóc gieo xuống đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vì các vị Bồ-tát và những người sau này, mà hỏi Như Lai về ý nghĩa sâu kín tinh tế, để làm cho các Bồ-tát rửa sạch con mắt tuệ giác, lại làm cho những người sau này diệt hẳn luân hồi và tâm ngộ thực tướng bằng tuệ giác Không sinh. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho. Bồ-tát Di-lặc vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

–Lành thay! Vô thỉ đến giờ, chúng sinh vì có mọi thứ ái dục nên có luân hồi. Mọi loài chúng sinh trong mọi thứ thế giới, sinh bằng trứng, sinh bằng thai, sinh bằng thấp khí, sinh bằng biến hóa, tất cả toàn do dâm dục làm động lực chính mà có tánh mạng. Do đó mà biết gốc rễ luân hồi là ái. Ái được dục hỗ trợ nên làm cho sinh tử liên tục: Dục do ái, mạng do dục; chúng sinh ái mạng nên quay lại ái dục, ái dục là nhân, ái mạng là quả.

Vì đối với đối cảnh của dục mà nổi dậy sự chống đối hay sự thích

ứng. Đối cảnh trái với ái thì chống đối bằng sự ghét bỏ, gây ra mọi thứ nghiệp ác, đó là lý do có địa ngục, có ngạ quỷ, có súc sinh. Biết dục đáng chán ghét, ái sự chán ghét ba đường đi của nghiệp ác, ghét bỏ nghiệp ác mà ưa thích nghiệp lành, nên có chư Thiên, có nhân loại. Lại biết mọi sự ái đều đáng ghét bỏ, ghét bỏ cái ái và ưa thích cái bỏ, nghĩa là vẫn trở lại thêm cho gốc ái, nên có những thiện quả hơn lên và vẫn là nghiệp tạo ra, nên toàn là luân hồi, không thành đường đi của các Thánh giả.

Vì vậy, chúng sinh muốn thoát khỏi sinh tử luân hồi thì trước hết phải hủy diệt dục và ái. Còn Bồ-tát sinh trong luân hồi thì không phải do ái mà là do Từ bi, muốn làm cho chúng sinh bỏ ái nên mượn dục để vào lại sinh tử luân hồi. Những người thời kỳ cuối cùng bỏ được dục, trừ được ái gồm cả sự ghét bỏ và sự ưa thích của nó, hủy diệt luân hồi vĩnh viễn, bằng cách siêng cầu viên giác của Như Lai chứng ngộ, thì thế là đối với tâm thể trong sáng ấy họ được tỏ ngộ.

Này thiện nam! Chúng sinh do ái dục phát triển vô minh mà hình thành năm chủng tánh khác nhau và do hai chướng ngại mà trình bày sâu cạn.

Hai chướng ngại là gì?

1. Chướng ngại chân lý, chướng ngại cho sự thấy biết chính xác.

2. Chướng ngại sự dụng, tiếp nối cho sự sinh tử luân hồi.

Năm chủng tánh là gì? Nếu cả hai chướng ngại chưa được hủy diệt, thì gọi là những kẻ chưa thành Phật-đà. Nếu vĩnh viễn bỏ ái dục, hủy diệt chướng ngại sự dụng mà chưa hủy diệt chướng ngại chân lý, thì chỉ nhập vào Thanh văn, Duyên giác, chưa nhập vào Bồ-tát. nếu muốn du nhập biển cả viên giác vĩ đại của Như Lai chứng ngộ nên trước đó lập chí nỗ lực hủy diệt hai chướng ngại, hai chướng ngại đã hàng phục thì nhập vào Bồ-tát, còn lại hai chướng ngại đã hủy diệt vĩnh viễn thì nhập vào viên giác của Như Lai, tròn đầy đại Bồ-đề và đại Niết-bàn. Tất cả chúng sinh đều có khả năng chứng ngộ viên giác, nhưng gặp thầy bạn tốt và tu tập theo pháp hạnh căn bản sơ khởi của họ, nên sự tu tập ấy có liền liền và có dần dần, nếu gặp Như Lai chỉ dẫn con đường tu tập chính xác về tuệ giác Vô thượng, thì bất kể trình độ cao thấp, toàn là thành tựu quả vị Phật-đà. Nếu người nào dẫu cũng đi tìm thầy bạn tốt, nhưng gặp phải kẻ kiến thức sai lầm, thì người ấy chưa được tỏ ngộ chính xác, như thế gọi là chủng tánh ngoại đạo và đó là lỗi của thầy bạn sai lầm, không phải của người ấy. Như thế đó gọi là năm chủng tánh khác nhau của chúng sinh.

Này thiện nam! Bồ-tát chỉ lấy đại Bi làm phương tiện mà vào các thế

giới luân hồi, khai phát cho những người chưa tỏ ngộ. Đến nỗi biểu hiện thân thể đủ mọi thứ hình tướng, biểu hiện cảnh ngộ đủ mọi sự thuận nghịch, biểu hiện đồng việc với họ mà giáo hóa cho họ trở thành Phật-đà. Tất cả sự biểu hiện này toàn là sức mạnh của đại nguyện xuất từ đại Bi.

Những người thời kỳ cuối cùng, nếu nổi lên tâm chí tăng thượng đối với đại viên giác, thì phải phát đại nguyện trong sáng của Bồ-tát. Nên nói như vầy: Cầu nguyện cho con này đứng trong viên giác của Phật, tìm và gặp được thầy bạn tốt, không gặp phải ngoại đạo và Nhị thừa. Rồi y theo đại nguyện như vậy mà tu tập, thì dần dần hủy diệt hai chướng ngại. Hai chướng ngại hủy diệt hết cả thì đại nguyện tròn đầy, thế là bước lên chánh điện trong sáng của đại giải thoát, nhập vào thành trì tráng lệ của đại viên giác.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Di-lặc nên biết!
Chúng sinh không được
Giải thoát vĩ đại
Là vì ái dục
Làm cho sa vào
Sinh tử luân hồi.
Nếu diệt ái dục
Gồm cả ưa ghét
Của ái dục ấy
Là tham, sân, si,
Thì bất kể đến
Chủng tánh dị diệt,
Tất cả vẫn được
Tuệ giác Phật-đà.
Muốn diệt vĩnh viễn
Hai loại chướng ngại,
Nên tìm và gặp
Vị thầy xứng đáng,
Thì sẽ có được
Tỏ ngộ chính xác,
Thuận với đại nguyện
Của các Bồ-tát,
Và rồi trú ở
Trong đại Niết-bàn.
Bồ-tát vận dụng

Đại Bi đại nguyện,
Thị hiện nhập vào
Sinh tử luân hồi.
Những người tu tập
Trong thời hiện tại,
Và người tu tập
Trong thời cuối cùng,
Nếu biết nỗ lực
Hủy diệt ái kiến,
Thế là quy về
Viên giác quảng đại.

Lúc ấy, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Thế Tôn đã nói cho chúng con, một cách rộng rãi về những sự ngoài tầm tư duy thảo luận mà trước đây chúng con chưa được nghe thấy. Ngày nay chúng con nhờ sự huấn dụ khéo léo của Đức Thế Tôn mà thân thể và tâm trí đều thư thái, được đại ích lợi. Con thỉnh cầu Đức Thế Tôn chỉ dạy thêm nữa cho đại chúng này biết, đối với viên giác của Đấng Pháp Vương, các loại chúng sinh, các vị Bồ-tát và các Đức Thế Tôn, thực hiện khác nhau thế nào? Sự chỉ dạy này của Đức Thế Tôn sẽ làm cho người thời kỳ cuối cùng, đối với viên giác, có thể tùy thuận, tỉnh, ngộ và tuần tự mà nhập vào.

Tác bạch rồi, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ năm vóc gieo xuống đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vì các vị Bồ-tát và những người sau này, mà hỏi Như Lai về thứ tự sai biệt trong sự thực hiện viên giác. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

–Thiện nam! Bản thể viên giác không phải là các chủng tánh, nhưng chủng tánh nào cũng có viên giác, nên tùy các chủng tánh phát khởi mà có sai biệt, chứ thật ra không có thủ chứng gì hết. Vì lẽ trong viên giác, Bồ-tát và chúng sinh không phải có thật; Bồ-tát và chúng sinh toàn là huyễn ảo:

Khi huyễn ảo hủy diệt thì không có ai là kẻ thủ chứng, tựa như con mắt đâu có tự thấy con mắt. Nên đặc tánh của viên giác là không sai biệt, một sự không sai biệt không phải do ai tạo ra. Nhưng chúng sinh mê mờ, điên đảo, chưa thể hoàn toàn hủy diệt huyễn ảo và trong giai đoạn chưa hủy diệt mà đang hủy diệt đó, công phu tự lộ ra sai biệt. Đến khi thích ứng được với viên giác dứt bặt của Như Lai thì không còn sự dứt bặt, không còn người dứt bặt.

Này thiện nam! Vô thỉ đến giờ, chúng sinh ảo tưởng nơi tự ngã và đam mê tự ngã, không bao giờ tự biết tự ngã chỉ là trạng thái phát sinh và hủy diệt liên tiếp trong từng đơn vị ngắn nhất của thế gian, do đó mà nổi lên mặt thì ghét bỏ mặt thì ưa thích, vướng mắc năm thứ dục lạc. Nếu gặp được thầy bạn tốt dạy cho biết bản thể viên giác trong sáng, phát giác thực chất của sự nổi lên và sự hủy diệt, tức thì thấu hiểu đời sống này tự nó tạo ra tư tưởng mệt nhọc và ước mong hủy diệt tư tưởng mệt nhọc ấy bằng cái biết bản thể viên giác trong sáng. Nhưng cái biết này tự chướng ngại cho họ, nên họ không được tự tại đối với viên giác. Đó là sự thích ứng viên giác của phàm phu.

Này thiện nam! Các Bồ-tát thì biết cái biết trên là chướng ngại, dẫu hủy diệt chướng ngại của cái biết trên, nhưng còn đứng nơi cái biết của mình, nên cái biết biết sự chướng ngại này lại thành chướng ngại mà chưa được tự tại. Đó là sự thích ứng viên giác của các Bồ-tát bước chưa tới Thập địa.

Này thiện nam! Cái biết nào cũng là chướng ngại, nên các Bồ-tát thường biết mà không đứng lại nơi cái biết, thì cái biết và người biết cùng lúc vắng lặng, tựa như có người tự chặt đầu mình, đầu đứt rồi kẻ chặt dứt cũng không: Đem cái biết biết sự chướng ngại mà tự diệt sự chướng ngại, sự chướng ngại diệt rồi, cái biết diệt chướng ngại cũng không. Biết kinh pháp cũng chỉ như ngón tay chỉ mặt trăng, hãy nhìn mặt trăng và biết ngón tay không bao giờ là mặt trăng; biết mọi ngôn ngữ của Như Lai chỉ dạy cho Bồ-tát toàn là như vậy. Đó là sự thích ứng viên giác của Bồ-tát bước đã tới mười địa.

Này thiện nam! Biết một cách triệt để về mọi sự chướng ngại: Chánh niệm với vọng niệm toàn là giải thoát; hoàn thành với thoái thất toàn là Niết-bàn; tuệ giác với u mê toàn là Bát-nhã; Bồ-tát thành đạt với ngoại đạo thành đạt toàn là Bồ-đề; chân như với vô minh toàn là bản thể; giới, định, tuệ với dâm, nộ, si toàn là phạm hạnh; chúng sinh với quốc độ toàn là pháp tánh; địa ngục với Thiên cung toàn là Tịnh độ; có chủng tánh với không

chủng tánh toàn thành Phật-đà; tất cả phiền não cứu cánh là giải thoát; biển cả tuệ giác soi tỏ những khái niệm đối lập lẫn nhau toàn như không gian. Đó là sự thích ứng viên giác của Như Lai.

Này thiện nam! Các Bồ-tát và những người thời kỳ cuối cùng, nếu có ai không lúc nào nổi lên vọng niệm, đối với vọng niệm cũng không trừ khử, sống trong vọng cảnh mà không phân biệt, cũng không nói không phân biệt là thật, thì người này nghe pháp thoại viên giác này sẽ tin tưởng, lý giải, tiếp nhận, ghi nhớ, không kinh ngạc và như thế chính là thích ứng viên giác. Thiện nam! Ông nên biết người này đã hiến cúng trăm ngàn vạn ức hằng sa Phật-đà và Đại sĩ, gieo trồng gốc rễ công đức và Như Lai gọi người này là người thành tựu tuệ giác Biết tất cả chủng loại.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Thanh Tịnh Tuệ này,
Nên biết bản thể
Tuệ giác viên mãn
Không có thủ chứng,
Không có Bồ-tát
Không có chúng sinh;
Vì đang chứng ngộ
Hay đã chứng ngộ,
Do đó mà có
Thứ tự khác nhau.
Phàm phu thì bị
Cái biết chướng ngại;
Bồ-tát cấp thấp
Chưa rời cái biết;
Bồ-tát mười địa
Vĩnh viễn dứt bặt,
Không còn đứng lại
Mọi cái biết trên;
Như Lai đại giác
Mới trọn thích ứng.
Những ai sau này
Tâm không vọng niệm,
Như Lai tuyên bố
Những người như vậy
Hiện tại đã là
Một vị Bồ-tát,

Quá khứ hiến cúng
Hằng sa Phật-đà,
Và có đủ cả
Mọi phẩm trên đây
Đều được gọi là
Thích ứng viên giác.

Lúc ấy, Bồ-tát Uy Đức Tự Tại ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Thế Tôn đã vì chúng con mà phân tách những sự thích ứng viên giác như vậy, làm cho các vị Bồ-tát tuệ giác sáng tỏ, nhờ tiếng nói tròn đầy của Thế Tôn mà không qua sự tu tập vẫn được ích lợi tốt đẹp. Bạch Thế Tôn! Ví như thành trì to lớn, phía ngoài có bốn cửa, ai cũng có thể tùy phương hướng mình muốn mà đi vào thành trì ấy, chứ không phải chỉ có một đường. Các Bồ-tát cũng vậy, trang hoàng quốc độ và hoàn thiện tuệ giác, hai sự đó không phải chỉ bằng phương tiện duy nhất. Do đó, con thỉnh cầu Thế Tôn dạy cho chúng con biết, có bao nhiêu phương tiện và người thực hành phương tiện ấy? Dạy về điều này, Thế Tôn sẽ làm cho các Bồ-tát trong đại hội này và những người thời kỳ cuối cùng cầu pháp Đại thừa, mau chóng tỏ ngộ, du ngoạn trong biển cả vắng lặng mênh mông của Thế Tôn.

Tác bạch rồi, Bồ-tát Uy Đức Tự Tại năm vóc gieo xuống đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Uy Đức Tự Tại:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vì các Bồ-tát và những người sau này, mà hỏi Như Lai về các phương tiện như vậy. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho. Bồ-tát Uy Đức Tự Tại vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn nói:

–Thiện nam! Viên giác vô thượng, khắp cả mười phương, xuất sinh Như Lai và các pháp, nên bản thể vốn đồng đẳng. Bản thể ấy, đối với những người tu hành, thật là nhất trí; nhưng phương tiện thích ứng bản thể ấy thì có vô số và qui nạp lại, phân loại theo khuynh hướng của người tu hành thì có ba.

Này thiện nam! Các Bồ-tát tỏ ngộ viên giác trong sáng, đem cái tuệ giác tỏ ngộ ấy nắm lấy sưu cực tĩnh làm chủ yếu, làm cho các vọng niệm

lắng xuống, nên thấy rõ tâm thức là phiền động, tuệ giác cực tĩnh phát sinh. Bụi bặm thân tâm từ đây diệt hẳn, bên trong liền phát ra sự thư thái tĩnh lặng. Do tĩnh lặng như vậy mà tâm thể Như Lai mười phương quốc độ biểu hiện trong đó như hình ảnh trong đài gương. Phương tiện như vậy gọi là mặt cực tĩnh Xa-ma-tha.

Này thiện nam! Các Bồ-tát tỏ ngộ viên giác trong sáng, đem cái tuệ giác tỏ ngộ ấy biết tâm thức và căn cảnh toàn huyễn ảo, nên nổi lên huyễn ảo để diệt trừ huyễn ảo, biểu hiện mọi phương tiện huyễn ảo mà hóa độ cho chúng sinh huyễn ảo. Vì nổi lên huyễn ảo như vậy nên bên trong phát ra sự thư thái đại Bi. Các Bồ-tát đều từ đại Bi này mà khởi lên việc làm, tuần tự tiến tới. Biết sự quán sát huyễn ảo là không phải huyễn ảo, rồi biết sự quán sát không phải huyễn ảo đó cũng là huyễn ảo: như vậy là huyễn ảo vĩnh viễn thoát bỏ. Việc làm tinh tế như thế này của các Bồ-tát tựa như đất đai tăng trưởng lúa má. Phương tiện như vầy gọi là mặt cực động Tam-ma-bát-đề.

Này thiện nam! Các Bồ-tát tỏ ngộ viên giác trong sáng, đem cái tuệ giác tỏ ngộ ấy, không nắm lấy biểu hiện và tĩnh lặng, mà biết thân tâm toàn là chướng ngại. Cái biết ấy không như cái biết của các giác quan, không dựa vào thân tâm chướng ngại, nên vĩnh viễn siêu việt sự bị chướng ngại và sự không chướng ngại, thụ hưởng được trạng thái này: Thân tâm và thế giới của thân tâm tuy còn ở trong lĩnh vực bụi bặm, nhưng, như tiếng ở trong hồng chung đã được đánh lên, kêu vang ra ngoài, phiền não với Niết-bàn không thể chận giữ người ấy và bên trong phát ra sự thư thái vắng lặng. Vắng lặng như vậy là cảnh giới thích ứng của tuệ giác tinh tế, thân tâm của mình hay của người đều không thấu được, tướng chúng sinh hay tướng thọ giả, những khái niệm ấy toàn là ảo tưởng. Phương tiện như vậy gọi là mặt cực thuần Thiền-na.

Này thiện nam! Ba phương tiện trên đây toàn là sự thích ứng thân nhất đối với viên giác. Mười phương Như Lai do ba phương tiện ấy mà trở thành Phật-đà. Bao nhiêu phương tiện của mười phương Bồ-tát và tất cả sự đồng nhất hay sự dị biệt của bao nhiêu phương tiện ấy, toàn y cứ ba phương tiện như vầy. Ba phương tiện như vầy viên chứng được là được viên giác. Thiện nam! Giả sử có người tu tập tuệ giác thuần khiết, giáo hóa thành tựu trăm ngàn vạn ức La-hán và Duyên giác, không bằng có ai nghe ba pháp môn vô ngại này của viên giác mà thích ứng tu tập, dầu chỉ trong một đơn vị ngắn nhất của thì gian.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Uy Đức Tự Tại
Ông nên biết rằng
Viên giác Vô thượng
Bản thể đồng nhất,
Phương tiện thích ứng
Lại có vô lượng.
Như Lai bao quát
Thành ra ba mặt:
Về mặt cực tĩnh
Như gương soi hình,
Về mặt cực động
Như đất lớn lúa,
Về mặt cực thuần
Như tiếng hồng chung.
Cả ba pháp môn
Tinh tế như vầy
Toàn là phương tiện
Thích ứng viên giác.
Mười phương Như Lai
Cùng các Đại sĩ
Nhờ phương tiện ấy
Thành Vô thượng giác
Ba phương tiện ấy
Nếu viên chứng được
Là được viên chứng
Niết-bàn cứu cánh.

Lúc ấy, Bồ-tát Biện Âm ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Phương tiện mà Thế Tôn khai thị trên đây thật là hiếm có. Bạch Thế Tôn! Đối với phương tiện ấy, nghĩa là đối với cửa ngõ của viên giác, các Bồ-tát có mấy cách tu tập để nhập vào? Con thỉnh cầu Thế Tôn khai thị cho đại chúng này và cho cả những người thời kỳ cuối cùng, làm cho ai cũng tỏ ngộ đích thực.

Tác bạch rồi, Bồ-tát Biện Âm năm ấm gieo xuống đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Biện Âm:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vì các Bồ-tát và vì cả những người sau này, mà hỏi Như Lai cách thức tu tập ba phương tiện. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho. Bồ-tát Biện Âm vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

–Thiện nam! Viên giác trong sáng mà chư Như Lai chứng ngộ vốn không có sự tu tập và người tu tập. Các Bồ-tát và người sau này, dựa vào năng lực huyễn ảo của tuệ giác tỏ ngộ nhưng chưa hoàn toàn tỏ ngộ mà tu tập, thì khi ấy có ra hai mươi lăm bánh xe thiền quán trong sáng.

1. Nếu Bồ-tát chỉ nắm cực tĩnh, do sức mạnh cực tĩnh mà diệt hẳn phiền não một cách cứu cánh hoàn thiện, không rời khỏi chỗ của mình mà nhập Niết-bàn liền, đó là Bồ-tát tu riêng mặt cực tĩnh.

2. Nếu Bồ-tát tu riêng chỉ quán như huyễn, do sức mạnh Phật-đà mà biểu hiện mọi thứ thân cảnh tùy theo nhu cầu của các thế giới chúng sinh, làm đủ mọi thứ việc làm trong sáng tinh tế của Bồ-tát mà không mất cái nhớ cực thuần và cái biết cực tĩnh đối với các pháp Tổng trì, đó là Bồ-tát tu riêng mặt cực động.

3. Nếu Bồ-tát chỉ diệt trừ mọi sự huyễn ảo, nghĩa là không nắm lấy sự biểu hiện mà chỉ triệt đoạn phiền não, phiền não triệt đoạn là chứng ngộ thật tướng, đó là Bồ-tát tu riêng mặt cực thuần.

4. Nếu Bồ-tát trước nắm cực tĩnh, sau đem tuệ giác cực tĩnh chiếu soi huyễn ảo, thì trong sự chiếu soi này nổi lên việc làm Bồ-tát, đó là Bồ-tát trước tu cực tĩnh, sau tu cực động.

5. Nếu Bồ-tát đem tuệ giác cực tĩnh chứng ngộ bản thể cực tĩnh, thì phiền não dứt liền, sinh tử thoát hẳn, đó là Bồ-tát trước tu cực tĩnh, sau tu cực thuần.

6. Nếu Bồ-tát đem tuệ giác cực tĩnh, lại dùng sức mạnh huyễn ảo biểu hiện đủ cách mà hóa độ chúng sinh, rồi hủy diệt phiền não mà nhập vào Niết-bàn, đó là Bồ-tát trước tu cực tĩnh, giữa tu cực động, sau tu cực thuần.

7. Nếu Bồ-tát dùng sức mạnh cực tĩnh mà hủy diệt phiền não, rồi nổi lên việc làm tinh tế và trong sáng của Bồ-tát mà hóa độ chúng sinh, đó là Bồ-tát trước tu cực tĩnh, giữa tu cực thuần, sau tu cực động.

8. Nếu Bồ-tát dùng sức mạnh cực tĩnh, rồi hóa độ chúng sinh và xây dựng quốc độ mà hủy diệt phiền não, đó là Bồ-tát trước tu cực tĩnh, sau cùng lúc tu cực động và cực thuần.

9. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh cực tĩnh giúp cho sự nổi lên mọi cách biểu hiện, sau đó hủy diệt phiền não, đó là Bồ-tát cùng lúc tu cực tĩnh và cực động, sau tu cực thuần.

10. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh cực tĩnh giúp cho sự dứt bặt, sau đó nổi lên mọi cách biểu hiện, đó là Bồ-tát cùng lúc tu cực tĩnh và cực thuần, sau tu cực động.

11. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh biến ảo thích ứng đủ cả, sau đó nắm lấy sự cực tĩnh, đó là Bồ-tát trước tu cực động, sau tu cực tĩnh.

12. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh biến ảo biểu hiện đủ cả, sau đó nắm lấy sự dứt bặt, đó là Bồ-tát trước tu cực động, sau tu cực thuần.

13. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh biến ảo làm mọi việc Phật làm, rồi đứng trong sự tĩnh lặng mà hủy diệt phiền não, đó là Bồ-tát trước tu cực động, giữa tu cực tĩnh, sau tu cực thuần.

14. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh biến ảo mà hoạt động vô ngại, rồi hủy diệt phiền não và sống trong sự cực tĩnh, đó là Bồ-tát trước tu cực động, giữa tu cực thuần, sau tu cực tĩnh.

15. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh biến ảo mà hoạt động bằng mọi phương tiện, rồi thích ứng với sự cực tĩnh và sự dứt bặt, đó là Bồ-tát trước tu cực động, sau cùng lúc tu cực tĩnh và cực thuần.

16. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh biến ảo nổi lên đủ mọi tác dụng giúp cho sự cực tĩnh, sau đó hủy diệt phiền não, đó là Bồ-tát cùng lúc tu cực động và cực tĩnh, sau tu cực thuần.

17. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh biến ảo giúp cho sự dứt bặt, sau đó sống trong sự tĩnh tâm trong sáng và bất động, đó là Bồ-tát cùng lúc tu cực động và cực thuần, sau tu cực tĩnh.

18. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh dứt bặt mà phát cực tĩnh và sống trong sáng, đó là Bồ-tát trước tu cực thuần, sau tu cực tĩnh.

19. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh dứt bặt mà nổi lên hoạt động, sự hoạt động đối với cảnh ngộ nào cũng vẫn thích ứng cực thuần, đó là Bồ-tát trước tu cực thuần, sau tu cực động.

20. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh dứt bặt mà đặt mọi tánh cách biểu hiện vào trong sự tĩnh tâm, rồi nổi lên mọi sự biểu hiện, đó là Bồ-tát trước tu cực thuần, giữa tu cực tĩnh, sau tu cực động.

21. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh dứt bặt, từ bản thể bất động mà nổi lên hoạt động, hoạt động có đặc tánh trong sáng ấy lại quy về sự tĩnh tâm cả, đó là Bồ-tát trước tu cực thuần, giữa tu cực động, sau tu cực tĩnh.

22. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh dứt bặt làm cho mọi sự đều trong sạch, rồi đứng trong sự tĩnh tâm mà nổi lên mọi sự biểu hiện, đó là Bồ-tát trước tu cực thuần, sau cùng lúc tu cực tĩnh và cực động.

23. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh dứt bặt giúp cho sự cực tĩnh mà nổi lên mọi sự biểu hiện, đó là Bồ-tát cùng lúc tu cực thuần và cực tĩnh, sau tu cực động.

24. Nếu Bồ-tát đem sức mạnh dứt bặt giúp cho sự biểu hiện, rồi từ đó phát sinh đối cảnh và tuệ giác trong sáng của sự cực tĩnh, đó là Bồ-tát cùng lúc tu cực thuần và cực động, sau tu cực tĩnh.

25. Nếu Bồ-tát đem trí tuệ viên giác mà hóa hợp tất cả, tất cả đặc tánh và sự dụng không rời viên giác, đó là Bồ-tát tu cả ba phương tiện thích ứng trong sáng và viên giác.

Này thiện nam! Hai mươi lăm bánh xe của Thiền quán mà tất cả Bồ-tát tu tập là như vậy. Nếu các vị Bồ-tát và những người sau này, muốn y cứ vào hai mươi lăm bánh xe ấy, thì trước phải giữ phạm hạnh, lắng tĩnh tư duy, khẩn thiết sám hối. Ba tuần bảy ngày làm như vậy, đem hai mươi lăm bánh xe này mỗi thứ ghi riêng, gấp lại, chí thành khẩn cầu tha thiết, dùng tay mà lấy, mở ra thì biết bánh xe lấy được là tính cách tu tập liền liền hay tính cách tu tập dần dần. Làm như vậy mà len vào một thoáng ngờ vực là bất thành.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Biện Âm nên biết,
Tuệ giác trong sáng
Của các Bồ-tát
Sinh từ thiền quán,
Thiền quán ba mặt
Cực tĩnh cực động
Cùng với cực thuần,
Tu tập liền liền
Hay là dần dần
Thành hăm lăm cách.
Chư vị Như Lai
Trong mười phương hướng,
Những người tu hành
Thuộc ba thì gian,
Không ai không nhờ
Phương tiện như vầy

Mà được thành tựu
Tuệ giác Bồ-đề.
Chỉ trừ những người
Tỉnh ngộ liền liền
Cùng với những kẻ
Không chịu Phật pháp,
Còn các Bồ-tát
Và người sau này
Thường xuyên nắm giữ
Phương tiện như vầy,
Thích ứng, nỗ lực,
Và tu tập theo,
Thì nhờ sức mạnh
Từ bi của Phật,
Sẽ không bao lâu
Chứng được Niết-bàn.

Lúc ấy, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Thế Tôn đã nói cho chúng con một cách rộng rãi về những sự ngoài tầm tư duy và thảo luận, đó là nói về căn bản sơ khởi của Đức Thế Tôn và những gì liên hệ đến căn bản sơ khởi ấy. Thế Tôn đã làm cho chúng con được sự chưa từng có: thấy được mọi việc siêng khó của Đức Thế Tôn trong bao kiếp như cát sông Hằng, thấy rõ như mới xảy ra một thoáng trước đây. Do vậy mà chúng con vui mừng và được an ủi một cách sâu xa. Bạch Thế Tôn! Bản thể viên giác là trong sáng, vì sao lại có cái nhược điểm là làm cho chúng sinh mê loạn không thể nhập vào? Con thỉnh cầu Đức Thế Tôn dạy cho tất cả chúng con biết được thực chất việc ấy. Xin Thế Tôn tạo con mắt tương lai cho chúng con và cho cả những người sau này.

Tác bạch rồi, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng năm vóc gieo xuống đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vì các vị Bồ-tát và những người thời kỳ cuối cùng, mà hỏi Như Lai về yếu tố tu chứng như vậy. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho.

Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn nói:

–Thiện nam! Vô thỉ đến giờ, chúng sinh vì tưởng lầm nên cố chấp nơi tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, nhận bốn khái niệm điên đảo này làm cái ngã thật của mình. Do đó mà tự nhiên sinh ra hai sự ghét bỏ và ưa thích. Vậy là điên đảo thêm điên đảo. Hai lớp điên đảo này hợp lực tạo ra nghiệp và đường đi của nghiệp, nghĩa là có cái nghiệp điên đảo nên có cái thấy điên đảo là thấy luân hồi. Rồi chán bỏ luân hồi thì có cái thấy điên đảo khác là thấy Niết-bàn. Do vậy mà không thể nhập vào viên giác trong sáng. Chứ không phải viên giác kháng cự những người nhập vào. Vì có ai nhập vào thì cũng không phải do viên giác làm cho nhập vào. Thế nên dấy động nghĩ nhớ cùng với ngăn chận nghĩ nhớ đi đến sảng loạn, vì sao, vì có vô minh chủ động trong đó. Chúng sinh sinh ra là đã không có con mắt tuệ giác, thân thể và tâm trí toàn là vô minh: vô minh không chịu diệt trừ vô minh, cũng như có kẻ không chịu tự chặt thân mạng của mình. Do đó, phải hiểu thương yêu tự ngã ngã ghét, ưa ghét đó nuôi dưỡng vô minh, nên làm cho sự liên tục thì hợp với ngã ngã ưa, trái với ngã tìm cách chứng ngộ viên giác không thể thành tựu.

Này thiện nam! Tướng ngã là tự biết về tự ngã. Ví dụ có kẻ cơ thể điều hòa thì như quên mình đi, nhưng chích đốt chút xíu là thấy có ngã liền. Vậy là chính tự biết mới hiện ra tự ngã. Thiện nam! Tự biết như vậy biết đến Niết-bàn đi nữa cũng là tướng ngã.

Này thiện nam! Tướng nhân là tự hiểu về sự tự biết nói trên. Nhưng hiểu rằng tự biết mới có tự ngã, thì hiểu tự ngã ấy không đáng nhận; lại hiểu rằng tự ngã không đáng nhận, thì hiểu tự biết mới có tự ngã, sự tự biết ấy cũng không đáng nhận. Cái hiểu vượt hết những cái đã biết như vậy gọi là nhân tướng. Thiện nam! Cái hiểu ấy hiểu đến Niết-bàn của sự tự biết cũng là ngã tướng đi nữa, vẫn còn sự tự hiểu tinh tế để hiểu hết cái lý của sự tự biết, nên toàn là tướng nhân.

Này thiện nam! Tướng chúng sinh là tự rõ cái mà sự tự biết và sự tự hiểu đều không thấu đến. Ví dụ có người nói tôi là chúng sinh, thì chúng sinh mà người này nói là không phải ngã không phải nhân: tôi là chúng sinh thì chúng sinh ấy không phải tự ngã của tôi, tôi là chúng sinh thì chúng sinh ấy không phải tự ngã của ai. Thiện nam! Tự biết cái ta là ngã tướng, tự hiểu sự tự biết ấy là nhân tướng, tướng ngã và tướng nhân không thấu mà vẫn tự rõ sự không thấy ấy, là tướng chúng sinh.

Như thế nào, tướng thọ giả là tuệ giác trong sáng của chúng sinh, giác ngộ sự tự rõ cái không thấu nói trên. Tuệ giác còn tánh biến động như vậy thì giác ngộ tất cả mà không tự giác ngộ, tuệ giác ấy là tướng thọ giả. Thiện nam! Tuệ giác ấy cũng là một thứ bị bụi bặm làm cho nhơ bẩn, vì còn giác ngộ và còn những cái được giác ngộ thì vẫn thuộc lĩnh vực bụi bặm, tuệ giác ấy cũng phải lọc cho sạch. Nên, y như đun sôi để làm rã cả khối nước đá, thì không thể còn để chút ít nước đá nào trong khối nước đá ấy để biết khối nước đá ấy rã hết; nếu còn tự ngã để giác ngộ tự ngã tận diệt, thì cũng như còn để chút ít nước đá.

Này thiện nam! Những người thời kỳ cuối cùng không thấu triệt bốn tướng, nên siêng khó tu tập mấy kiếp đi nữa, cũng chỉ là sự tạo tác chứ không thành sự chứng ngộ, vì thế mà gọi là thời kỳ cuối cùng của Phật pháp. Bởi lẽ họ nhận những sắc thái biến tướng của ngã làm Niết-bàn, họ cho sự tự biết tự hiểu những sắc thái ấy là tuệ giác, khác nào nhận giặc làm con, nên tài sản vàng ngọc không bao giờ tạo được. Yêu thích tự ngã mà yêu thích Niết-bàn, thì cho tạm dẹp yêu thích tự ngã đã là Niết-bàn; ghét bỏ tự ngã nên ghét bỏ sinh tử, đâu biết đó cũng là một cách yêu thích tự ngã và sự yêu thích này thật là gốc gác sinh tử, nên ghét bỏ sinh tử như vậy không gọi là giải thoát. Còn yêu thích Niết-bàn tại sao cũng không gọi là giải thoát? Thiện nam! Vì những người thời kỳ cuối cùng tu tập tuệ giác Bồ-đề mà cho cái biết chút ít của mình đã là trong sáng, thì thế là vẫn chưa loại hết gốc gác ngã tướng. Ai khen cái biết của họ thì họ mừng và thích hóa độ, ai chê cái biết của họ thì họ giận và muốn cự tuyệt. Như thế thì biết tướng ngã vẫn được giữ chặt, ẩn núp trong tạng thức và ngao du nơi các giác quan, chưa gián đoạn bao giờ. Những kẻ tu tập tuệ giác mà tướng ngã như vậy không trừ bỏ đi, thì không thể nhập vào viên giác trong sáng.

Này thiện nam! Nếu biết tướng ngã là không thì không thấy ai là người chê ngã. Nếu thấy ngã thuyết pháp thì biết tướng ngã đang còn. Tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả cũng y như vậy. Thế nên, thiện nam! Những người thời kỳ cuối cùng thuyết về bệnh mà cho đó là pháp thì thật đáng thương và nỗ lực tinh tiến thì chỉ tăng thêm bệnh hoạn, không thể nhập vào viên giác trong sáng.

Này thiện nam! Những người thời kỳ cuối cùng không thấu triệt bốn tướng, nên dẫu đem cái hiểu cái làm của Như Lai làm cái hiểu cái làm của mình mà không bao giờ thành tựu. Có kẻ chưa được tự cho đã được, chưa chứng tự cho đã chứng, thấy ai hơn lên thì lòng sinh ganh ghét, ấy là vì họ chưa loại trừ sự yêu thích tự ngã, nên không thể nhập vào viên giác trong

sáng.

Này thiện nam! Những người thời kỳ cuối cùng ước mong thành đạt tuệ giác, thì đừng cố cầu sự tỏ ngộ bằng cách chỉ tăng thêm đa văn để lớn thêm tướng ngã, mà phải siêng năng tinh tiến để loại trừ phiền não; phải dũng mãnh lớn lao để được cái chưa được, mất cái chưa mất; tham lam, sân hận, yêu thích, ngạo mạn, dua nịnh, ganh ghét, những thứ này đối cảnh không sinh ra nữa, bỉ, thử ân oán dứt bặt tất cả. Như Lai nói những người như vậy sẽ tuần tự thành đạt tuệ giác và tìm gặp thầy bạn tốt thì không gặp phải những kẻ kiến thức sai lầm. Tìm gặp thầy bạn tốt thì đừng thiên kiến mà sinh ra ghét bỏ hay ưa thích, bởi vì như thế thì không thể nhập vào biển cả viên giác trong sáng.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Tịnh Chư Nghiệp Chướng
Ông nên biết rằng
Chúng sinh giai do
Cố chấp tự ngã,
Vô thỉ đến giờ
Luân hồi vô lối.
Thế nên chưa trừ
Bố tướng chấp ngã,
Thì không thành đạt
Tuệ giác viên giác.
Tâm sinh ưa ghét
Lòng còn cong queo,
Nên có lắm kẻ
Đâm ra bối rối,
Không thể nhập vào
Thành trì viên giác.
Muốn về cho thấu
Đất nước viên giác,
Thì phải trừ khử
Cả tham sân si,
Và ghét sinh tử
Hay ưa Niết-bàn,
Cả hai sự ấy
Không còn trong lòng,
Thì mới tuần tự
Thành đạt tuệ giác.

Tự ngã tự thân
Vốn không có thật,
Thì ưa với ghét
Có ra từ đâu?
Những người như vầy
Tìm thầy bạn tốt
Thì không bao giờ
Gặp phải tà kiến,
Tìm mà thiên kiến
Không thành gì cả.

Lúc ấy, Bồ-tát Phổ Giác ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Thế Tôn đã chỉ dạy một cách thích thú về bệnh hoạn của Thiền quán, làm cho đại chúng này được sự chưa từng có, tâm ý thư thái và ổn định lớn lao. Bạch Thế Tôn! Những người thời kỳ cuối cùng cách thời đại của Thế Tôn quá xa, Hiền thánh ẩn giấu, lý thuyết sai lầm bùng cháy thêm lên; để làm cho những người mù mờ trong thời kỳ ấy khỏi sa vào lý thuyết sai lầm, con xin Thế Tôn dạy cho họ biết nên tìm người nào? Nên cứ pháp nào? Nên làm việc gì? Nên trừ bệnh gì? Nên phát tâm nào?

Tác bạch rồi, Bồ-tát Phổ Giác năm vóc gieo xuống đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Giác:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể hỏi Như Lai về sự tu hành như vậy, khiến cho những người thời kỳ cuối cùng con mắt tuệ giác không còn e sợ, làm cho họ thành được tuệ giác của các vị Thánh giả. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho. Bồ-tát Phổ Giác vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn nói:

–Thiện nam! Người thời kỳ cuối cùng, khi sắp phát tâm vĩ đại và tìm thầy bạn tốt để tu hành, thì nên tìm người thấy biết chính xác: lòng không sống theo khuôn khổ phàm phu, không vướng vào lĩnh vực Nhị thừa, biểu hiện bụi bặm mà tâm thường trong sáng, biểu hiện tội lỗi mà tán dương phạm hạnh, không làm cho người sống không giới luật. Tìm được người như vậy thì được tuệ giác Vô thượng. Người thời kỳ cuối cùng gặp người

như vậy thì nên phụng sự đến tánh mạng cũng không tiếc. Người thầy bạn tốt này đi, đứng, nằm, ngồi luôn luôn trong sáng thì nên kính trọng, giả sử biểu hiện tội lỗi thì đừng khinh thường, huống chi chỉ quan tâm đến của cải thân thuộc. Thiện nam nào không có ý xấu đối với thầy bạn tốt thì có năng lực thành đạt trọn vẹn tuệ giác chính xác, bông hoa tâm trí phát sáng, chiếu soi tất cả.

Này thiện nam! Hãy y cứ vào pháp của thầy bạn tốt, cái pháp phải tách rời bốn thứ bệnh.

1. Bệnh làm, là nếu ai nói tôi chủ tâm làm mọi việc để cầu viên giác; nhưng viên giác không phải làm như thế mà được, nên nói như thế là bệnh đó.

2. Bệnh buông, là nếu ai nói tôi không loại sinh tử không cầu Niết-bàn, đối với Niết-bàn và sinh tử tôi không có ý niệm phát động hay hủy diệt, tôi buông thả tất cả, mặc kệ các pháp để cầu viên giác; nhưng viên giác không phải buông như thế mà có, nên nói như thế là bệnh đó.

3. Bệnh ngưng, là nếu ai nói tôi ngừng mọi ý niệm, nắm lấy vắng lặng của toàn bộ các pháp để cầu viên giác; nhưng viên giác không phải ngừng như thế mà hợp, nên nói như thế là bệnh đó.

4. Bệnh dứt, là nếu ai nói tôi dứt bỏ phiền não, không cả thân tâm, huống chi những thứ căn cảnh huyễn ảo, tôi dứt bặt hết thảy để cầu viên giác; nhưng viên giác không phải dứt như thế mà chứng, nên nói như thế là bệnh đó.

Pháp của ai tách rời bốn bệnh như vậy thì biết pháp ấy trong sáng. Và xét như vậy là xét chính xác, xét khác đi là xét sai lầm.

Này thiện nam! Những người thời kỳ cuối cùng muốn tu hành thì phải suốt đời phụng sự thầy bạn tốt có cái pháp tách rời cả bốn bệnh như vậy. Thầy bạn tốt muốn thân gần thì đừng khinh lờn, muốn rời xa thì đừng oán hận. Trước cảnh nghịch hay cảnh thuận lòng như không gian, với thân thể và tâm trí biết toàn không thật, coi tất cả chúng sinh đồng bản thể với mình. Làm như vậy mới mong nhập vào viên giác.

Này thiện nam! Những người thời kỳ cuối cùng không thành đạt tuệ giác là vì chưa loại bỏ những hạt giống ghét ưa đối với bản thân cũng như đối với người khác, đã có từ vô thỉ. Ai nhìn kẻ thù như nhìn cha mẹ, lòng không bỉ, thử, thì trừ khử được mọi thứ bệnh hoạn trong sự tu hành. Những sự ghét ưa đối với các pháp cũng phải trừ khử như vậy.

Này thiện nam! Những người thời kỳ cuối cùng muốn cầu viên giác thì phải phát tâm, bằng cách nói như vầy: Cùng tận không gian, bao nhiêu

chúng sinh trong đó, con nguyện làm cho họ nhập được viên giác; trong viên giác, con không chấp có người chứng ngộ, con nguyện loại trừ mọi sắc thái nơi tướng ngã, tướng nhân. Phát tâm như vậy thì không rơi vào kiến thức sai lầm.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Phổ Giác nên biết,
Những người sau này
Cầu thầy bạn tốt
Phải cầu những người
Thấy biết chính xác
Tâm vượt Nhị thừa.
Đối với pháp tu
Phải loại bốn bệnh
Bệnh làm bệnh ngưng
Bệnh buông bệnh dứt.
Và thầy bạn tốt
Thân, mình đừng kiêu
Sơ, mình không hận,
Và nhìn mọi sự
Của thầy bạn tốt
Lòng thấy hiếm có;
Có thầy bạn tốt
Như Phật xuất hiện.
Không phạm những gì
Trái với uy nghi,
Gốc rễ giới luật
Vĩnh viễn trong sáng.
Nguyện độ chúng sinh
Nhập vào viên giác,
Không có ngã tướng
Nhân tướng cũng không,
Y cứ tuệ giác
Chính xác như vậy
Thì vượt qua được
Mọi thứ tà kiến:
Tuệ giác chính xác
Thì nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, Bồ-tát Viên Giác ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy,

đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Thế Tôn đã dạy cho chúng con một cách rộng rãi về những phương tiện của viên giác trong sáng, làm cho những người thời kỳ cuối cùng được lợi ích tăng thêm một cách lớn lao. Bạch Thế Tôn! Hiện tại chúng con đã được tỏ ngộ, nhưng Ngài diệt độ rồi, thời kỳ cuối cùng, những người chưa được tỏ ngộ thì họ nên thiết lập đạo tràng an cư như thế nào để tu tập viên giác? Cách đầu tiên tu ba mặt thiền quán trong sáng của viên giác là gì? Con thỉnh cầu Thế Tôn, với lòng thương cao cả, chỉ dạy những điều ấy, ban cho đại chúng này và người sau này, sự ích lợi lớn lao.

Tác bạch rồi, Bồ-tát Viên Giác năm vóc gieo xuống đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Viên Giác:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể hỏi Như Lai về phương tiện như vậy của viên giác, cống hiến ích lợi lớn lao cho bao chúng sinh. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho.

Bồ-tát Viên Giác vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn nói:

–Thiện nam! Hoặc thời kỳ Như Lai đang còn ở đời, hoặc thời kỳ Như Lai đã diệt độ, hoặc thời kỳ cuối cùng của Phật pháp, tất cả mọi người ai có chủng tánh Đại thừa, tin và muốn tu viên giác vĩ đại của Như Lai chứng ngộ, mà ở nơi tự viện, nếu có việc phải lo cho Tăng chúng và tín đồ, thì tùy khả năng của mình, hãy tư duy thiền quán theo những cách thức Như Lai đã chỉ ở trước. Nếu không có việc gì, thì thiết lập đạo tràng mà an cư, với ba kỳ hạn: kỳ hạn dài một trăm hai mươi ngày, kỳ hạn vừa một trăm ngày, kỳ hạn ngắn tám mươi ngày. Bằng cách nếu Như Lai đang ở đời thì hãy suy nghĩ chính xác đến Như Lai, nếu Như Lai đã diệt độ thì treo cờ, chưng hoa, thiết trí hình tượng của Như Lai, chủ tâm nơi hình tượng ấy, mắt nhìn cho rõ rồi nhắm lại tưởng tượng hình tượng ấy, tâm trí nghĩ nhớ chính xác đến Như Lai, như thế thì cũng như ngày Như Lai còn ở đời. Trải qua ba tuần bảy ngày, kính lạy hồng danh Phật-đà mười phương, tha thiết sám hối, cảm được hiện tượng tốt thì tâm trí thư thái. Qua ba tuần bảy ngày này rồi, vẫn một mạch tập trung tư duy để tu tập những cách đầu tiên của ba thiền quán.

Nếu kỳ hạn như trên mà gặp đầu hạ ba tháng an cư, thì phải làm theo sự an cư trong sáng của Bồ-tát, bằng cách trong tâm tách rời Thanh văn, không dựa đồng chúng. Đến ngày an cư thì đối trước hình tượng Như Lai mà tác bạch như vầy: Nay con là Tỳ-kheo, hay Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, có tên như vậy, nguyện nương Bồ-tát thừa mà tu tịch diệt hạnh, để được đồng nhập thật tướng trong sáng. Vì bản thể Niết-bàn không tùy thuộc đâu cả, nên con nguyện lấy viên giác vĩ đại làm chốn tự viện, cả thân thể lẫn tâm trí đều an cư trong viên giác bình đẳng ấy. Con kính xin không nương tựa các Thanh văn, chỉ nương tựa chư Thế Tôn và Đại sĩ để an cư ba tháng và vì lý do to lớn là tu tập viên giác vô thượng như các vị Bồ-tát đang tu, nên con không tùy thuộc đồng chúng.

Này thiện nam! Như thế đó là thiết lập đạo tràng mà an cư và mỗi năm hết một trong ba kỳ hạn rồi, đi lại tùy ý.

Này thiện nam! Những người thời kỳ cuối cùng đi theo đường đi của Bồ-tát, bước vào một trong ba kỳ hạn an cư, thì hiện tượng nào không phải cái họ đã nghe, họ tuyệt đối không nên chấp nhận.

Này thiện nam! Ai tu cực tĩnh Xa-ma-tha, trước hết nắm sự tĩnh lặng, bằng cách không nối dậy mọi sự nghĩ nhớ, thì tĩnh cực là giác phát. Trạng thái tĩnh đầu tiên này phát triển từ một bản thân đến một thế giới, thì trạng thái giác cũng phát triển như vậy. Trạng thái giác cùng khắp một thế giới, thì trong thế giới ấy một chúng sinh nào nổi lên một ý niệm gì cũng biết được cả. Trạng thái tĩnh và giác cùng khắp trăm hay ngàn thế giới thì cũng y như vậy. Thế nhưng hiện tượng nào không phải cái họ đã nghe, họ tuyệt đối không nên chấp nhận.

Này thiện nam! Ai tu cực động Tam-ma-bát-đề, trước hết tưởng nhớ mười phương Như Lai và Đại sĩ, y theo những môn Tổng trì của chư vị đã tuần tự tu tập về tinh tấn, khổ hạnh và thiền quán, mà phát nguyện cao cả, thì tự huân tập thành cá tánh của mình…. Thế nhưng hiện tượng nào không phải cái họ đã nghe, họ tuyệt đối không nên chấp nhận.

Thiện nam! Ai tu cực thuần Thiền-na, trước hết nắm lấy sự đếm kể, bằng cách trong tâm tự biết rõ số lượng của ý nghĩ phát sinh, tồn tại và diệt mất. Cứ như vậy, mọi cử động đi, đứng, nằm, ngồi đều biết rành rẽ số lượng của ý nghĩ, không một ý nghĩ nào không biết. Rồi tuần tự bước tới, cho đến lúc biết được cả một giọt mưa trong trăm ngàn thế giới mà y như nhìn thấy đồ dùng trước mắt. Thế nhưng hiện tượng nào không phải cái họ đã nghe, họ tuyệt đối không nên chấp nhận.

Như thế đó là những cách đầu tiên của ba thiền quán. Ai tu khắp cả

ba thiền quán ấy một cách siêng năng tinh tấn, thì đối với người ấy Như Lai xuất thế.

Trong thời kỳ cuối cùng, những người trình độ chậm chạp, muốn cầu tuệ giác mà không thành đạt, ấy là vì nghiệp cũ gây ra chướng ngại. Họ phải siêng năng sám hối, phải luôn luôn hy vọng và trước đó phải đoạn tuyệt những sự ghét bỏ, yêu thích, ganh ghét, dua nịnh và luyện tập tâm lý thắng thượng. Rồi trong ba thiền quán, tùy khả năng mà tu lấy một. Một thiền quán ấy không thành thì tu thiền quán khác. Quyết ý không buông không bỏ, tuần tự mà cầu chứng ngộ.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Viên Giác nên biết,
Chúng sinh muốn cầu
Tuệ giác Vô thượng,
Trước hết họ phải
Ấn định lấy một
Trong ba kỳ hạn.
Rồi trong ba tuần
Đầu mỗi kỳ hạn,
Họ phải sám hối
Nghiệp chướng lâu đời;
Sau đó tư duy
Thiền quán chính xác
(Mà hiện tượng nào
Không phải đã nghe,
Thì họ tuyệt đối
Không nên chấp nhận):
Thiền quán cực tĩnh
Tĩnh lặng hết mức,
Thiền quán cực động
Tưởng nhớ chính xác,
Thiền quán cực thuần
Đếm kể rõ ràng.
Đó, cách đầu tiên
Của ba thiền quán;
Siêng tu tập cả
Như Phật xuất hiện.
Trình độ chậm chạp
Tu tập không thành,

Thì phải siêng khó
Sám hối tội chướng;
Tội chướng tan biến
Cảnh Phật hiện ra.

Lúc ấy, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi quỳ thẳng, chắp tay tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lòng thương cao cả! Thế Tôn đã khai thị một cách rộng rãi như trên, cho chúng con và những người thời kỳ cuối cùng, về những sự ngoài tầm tư duy và thảo luận. Bạch Thế Tôn! Kinh pháp Đại thừa này nên mệnh danh là gì? Nên phụng trì cách nào? Ai tu tập thì được công đức gì? Chúng con hộ trì cách nào cho những người phụng trì kinh này? Kinh này đi đến đâu?

Tác bạch rồi, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ năm vóc gieo xuống đất kính lạy Đức Thế Tôn. Bồ-tát thỉnh cầu như vậy đến ba lần, mỗi lần thỉnh cầu xong lại làm lại từ đầu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Hiền Thiện Thủ:

–Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vì các vị Bồ-tát và những người sau này mà hỏi Như Lai về danh hiệu, công đức và những gì liên hệ đến kinh pháp như thế này. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ nói cho.

Bồ-tát Hiền Thiện Thủ vâng lời, hoan hỷ, cùng cả đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Thế Tôn nói:

–Thiện nam! Kinh này được trăm ngàn vạn ức hằng sa Phật-đà tuyên thuyết, được Phật-đà quá khứ, hiện tại và vị lai hộ trì, được Bồ-tát mười phương quy y, vì là con mắt trong sáng của cả mười hai loại khế kinh.

Kinh này gọi là kinh nói về Tổng Trì Viên Giác, thuộc loại cực kỳ cao rộng; cũng gọi là kinh Nói Về Nghĩa Lý Cứu Cánh Của Khế Kinh; kinh Nói Về Chánh Định Chúa Tể Bí Mật; kinh Nói Về Cảnh Giới Quyết Định Của Như Lai; kinh Nói Về Đặc Tánh Và Sắc Thái Của Như Lai Tạng. Các ông hãy nhớ như vậy.

Này thiện nam! Kinh này chỉ nói cảnh giới của Như Lai, chỉ Như Lai mới nói cùng tận. Các vị Bồ-tát và những người thời kỳ cuối cùng, y cứ kinh này mà tu hành thì tuần tự bước tới, đến tận địa vị Phật-đà.

Này thiện nam! Kinh này là Đại thừa Đốn giáo, nên chúng sinh đốn cơ thì tỏ ngộ do kinh này. Nhưng kinh này cũng bao gồm các loại tiệm cơ.

Bể cả thì đâu có kén sông bé, muỗi mòng hay Tu-la, loài nào uống nước biển cả cũng no đủ hết thảy.

Này thiện nam! Giả sử có ai đem bảy thứ quý báu chất đầy cả đại thiên thế giới mà bố thí, cũng không bằng có người nghe danh hiệu hay một câu một nghĩa của kinh này. Lại giả sử có ai giáo hóa một trăm hằng sa chúng sinh được tuệ giác La-hán, cũng không bằng có người tuyên thuyết kinh này bằng cách phân tích nửa bài kệ.

Này thiện nam! Ai nghe danh hiệu kinh này mà thôi, mà tin một cách không còn bị mê hoặc, thì ông phải biết người ấy không phải chỉ gieo trồng phước đức và tuệ giác nơi một vài Đức Phật, mà đã gieo trồng những căn lành như vậy và đã nghe kinh này, nơi hằng sa Phật-đà. Thiện nam! Các ông nên hộ trì người ấy, đừng để ma vương và ngoại đạo quấy rối thân thể và tâm trí của họ, làm cho họ lùi bước, khuất phục.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên nói kệ sau đây:

Hiền Thiện Thủ này,
Ông nên nhận thức
Kinh này là do
Chư Phật tuyên thuyết,
Và do Như Lai
Cùng chư Như Lai
Trân trọng giữ gìn,
Vì là con mắt
Của mười hai loại
Khế kinh của Phật.
Kinh này tên là
Tổng Trì Viên Giác,
Thuộc về thể loại
Pháp đại Phương quảng,
Nói về cảnh giới
Của chư Như Lai.
Những ai tu hành
Y theo kinh này
Thì tăng tiến lên
Đến địa vị Phật,
Y như đại dương
Nạp hết sông ngòi,
Ai uống nước ấy

Cũng sung mãn cả.
Giả sử bố thí
Bảy thứ quý báu
Nhiều bằng cái lượng
Đại thiên thế giới,
Cũng không bằng phước
Được nghe kinh này.
Và nếu giáo hóa
Hằng sa chúng sinh
Đều thực hiện được
Tuệ giác La-hán,
Cũng không bằng phước
Nói nửa bài kệ.
Trong thì vị lai
Các người hãy giữ
Cho người tuyên thuyết
Duy trì kinh này,
Đừng để cho họ
Phải bị thoái thất.

Bấy giờ, trong đại hội có tám mươi ngàn Kim cang lực sĩ, đứng đầu do Kim cang lực sĩ Hỏa Thủ, Kim cang lực sĩ Tồi Toái, Kim cang lực sĩ Ni-lam-bà. Các Kim cang lực sĩ đứng đầu này, cùng thuộc hạ của họ, tức thì từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thời kỳ cuối cùng sau này, có ai phụng trì được kinh pháp Đại thừa quyết định như thế này, thì chúng con nguyện giữ người ấy như giữ con mắt của mình. Những chỗ người ấy thiết lập đạo tràng thì chúng con tự thống suất bộ hạ sớm tối giữ gìn, không để họ bị thoái chuyển. Chỗ họ cư trú thì không bao giờ bị tai nạn và mọi sự chướng ngại khác, những loại bệnh truyền nhiễm cũng tan biến, tài vật phong phú, sung túc, không bao giờ thiếu thốn gì cả.

Cũng vào lúc Đại phạm Thiên vương và hai mươi tám vị Thiên vương khác; chúa tể Tu-di sơn là Đế Thích Thiên vương, cùng bốn vị Thiên vương hộ vệ thế giới loài người, cũng tức thì từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng nguyện hộ trì cho những người

phụng trì kinh này, làm cho họ luôn luôn yên ổn, không thoái chuyển tâm trí.

Lại có Đại lực quỷ vương tên Cát-bàn-trà cùng với mười vạn Quỷ vương, cũng tức thì từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đỉnh đầu của mình lạy ngang chân Đức Thế Tôn, theo chiều bên phải đi quanh ba vòng, rồi tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện hộ trì những người phụng trì kinh này, sớm tối hầu hạ gìn giữ, làm cho những người ấy không thoái chí, khuất phục. Những người ấy ở đâu thì trong chu vi một do-tuần của chỗ ấy, nếu có quỷ thần độc ác xâm phạm, chúng con sẽ làm cho họ nát như vi trần.

Khi Đức Thế Tôn nói kinh này xong các Bồ-tát, tám bộ chúng Thiên, Long mà trong đó có Đế Thích Thiên vương và Đại phạm Thiên vương, cùng tùy thuộc của họ, toàn thể đại hội nghe những điều tuyên thuyết của Đức Thế Tôn, ai cũng rất hoan hỷ, tín thọ và phụng hành.

-oOo-

SỐ 843

KINH ĐẠI THỪA BẤT TƯ NGHỊ THẦN THÔNG CẢNH GIỚI

QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng với năm mươi vạn đại Tỳ-kheo ở tại cung Bồ-tát Pháp Giới Quang Minh. Các vị Tỳ-Kheo ấy đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, an trụ trong vắng lặng, tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát, như rồng chúa lớn, những việc cần làm đã xong, vứt bỏ gánh nặng, được thiện lợi lớn, chấm dứt mọi kết sử, chánh trí không ngại, tâm tư tịch tĩnh, thần thông đầy đủ.

Lại có chúng Đại Bồ-tát từ các nơi đến hội chúng này. Đó là những vị đạt đến địa vị không thoái chuyển, là bậc Nhất sinh bổ xứ, sẽ được thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng giác, an trụ trong vô biên thần thông biến hóa của Như Lai, tiến lên Bồ-đề, không đắm chấp diệu hạnh, tất cả chúng sinh đều rất yêu thích, trụ trong tuệ chánh niệm, nhập trí phổ biến, đủ hạnh bình đẳng, thành tựu vô lượng các công đức, chứng được pháp môn bình đẳng của Như Lai, chuyển bánh xe diệu pháp, khéo léo dạy dỗ vô biên học chúng, đạt được công đức của tất cả pháp thiện, khéo biết tâm ý của tất cả chúng sinh, hiểu rõ trình độ cao thấp của chúng sinh, đã đến bờ tự tại tối thượng, thành tựu đầy đủ các pháp thiện và hoàn tất sự nghiệp của chư Phật. Đó là các vị: Đại Bồ-tát Phổ Hiền, Đại Bồ-tát Phổ Tràng, Đại Bồ-tát Phổ Bộ, Đại Bồ-tát Phổ Tín, Đại Bồ-tát Phổ Nhãn, Đại Bồ-tát Phổ Ngộ, Đại Bồ-tát Phổ Quang, Đại Bồ-tát Phổ Hương, Đại Bồ-tát Phổ Ý Âm, Đại Bồ-tát Phổ Chiếu, Đại Bồ-tát Phổ Niệm, Đại Bồ-tát Phổ Trí Tràng, Đại Bồ-tát Phổ Duyên Quán, Đại Bồ-tát Pháp Đại Bồ-tát Giới Phổ Quang,… gồm một vạn hai ngàn vị. Lại có các Thiên tử như: Thiên tử Trí Tràng, Thiên tử Phổ Hoa Tràng, Thiên tử Phổ Quang, Thiên tử Châu Kế, Thiên tử Bảo Tích Mani Phong… gồm một vạn vị cùng đến hội chúng này. Những Thiên tử ấy

đều đã từng trồng các căn lành nơi các Đức Phật đời quá khứ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập định Phổ biến quang minh. Ra khỏi định này, Đức Thế Tôn phóng ánh sáng rộng lớn chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới và tất cả các cõi Phật ở mười phương. Lúc ấy, tất cả chúng sinh ở những thế giới này đều nhờ ánh sáng Phật mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Những người đã phát tâm thì được an trụ trong quả vị không thoái chuyển.

Khi ấy, các chúng Bồ-tát gần gũi chư Phật Thế Tôn trong tất cả cõi Phật ở các thế giới khắp mười phương, thấy ánh sáng này đều thưa cùng Đức Phật của mình:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì, do thần lực gì mà ánh sáng này chiếu khắp các cõi nước?

Các Đức Phật nói:

–Này các thiện nam! Các ông nên biết, có thế giới tên Ta-bà, Đức Phật cõi ấy hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Có các Bồ-tát đang tập hợp nghe pháp, Đức Phật ấy sắp nói chánh pháp về cảnh giới không thể nghĩ bàn. Do nhân duyên này nên ánh sáng chiếu sáng khắp các cõi nước.

Các vị Bồ-tát ấy lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con muốn đến cõi Ta-bà để chiêm ngưỡng cung kính Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tùy hỷ nghe nhận chánh pháp về cảnh giới không thể nghĩ bàn và muốn được thấy các chúng Bồ-tát ở đó.

Các Đức Phật nói:

–Các ngươi hãy đi, nay đã đúng lúc, theo ý muốn của mình.

Khi ấy, tất cả các vị Bồ-tát gần gũi chư Phật trong các cõi Phật ở mười phương đều dùng thần thông của hàng Bồ-tát, hiện các sự biến hóa cùng vô số Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà… cung kính vây quanh đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni. Đến nơi, các vị Bồ-tát ấy đều ân cần đảnh lễ sát chân Phật và thưa:

–Bạch Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn, chúng con nghe tên chánh pháp nói về cảnh giới không thể nghĩ bàn thì đều mong mỏi tùy hỷ nghe nhận, giảng nói và muốn chiêm ngưỡng cung kính Đức Thế Tôn, được gặp các chúng Bồ-tát. Vì nhân duyên ấy nên chúng con đến cõi Ta-bà.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường ở cõi Phật Bảo Tràng, thuộc thế giới Đại bảo nơi phương Đông lại nghĩ: “Hiện nay trong cõi Phật Thích-ca

Mâu-ni ở thế giới Ta-bà nơi phương Tây, có chúng Đại Bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng nơi các cõi nước khắp mười phương đều tập hợp để nghe Đức Phật ấy thuyết giảng chánh pháp về cảnh giới không thể nghĩ bàn. Ta cũng nên đến đó để đảnh lễ, gần gũi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và tùy hỷ nghe nhận pháp môn chân chánh này, đồng thời được gặp các Bồ-tát Đại sĩ. Vì sao? Vì tất cả cõi Phật ở mười phương, những nơi tập hợp lợi ích, ta đều đến, không nơi nào là ta không đến. Vả lại, chư Phật và Bồ-tát tập hợp thuyết pháp mà ta thường thấy không giống như ngày nay. Trong cõi Phật đó có vô lượng vô biên Bồ-tát Đại sĩ tập hợp như thế, ta xét tướng trạng này thật khó có, được thấy nghe càng khó hơn. Vì thế hôm nay ta cũng nên đến đó.” Nghĩ thế, Bồ-tát Diệu Cát Tường thưa với Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Bồ-tát Từ Thị nên biết! Hiện nay trong cõi Phật Thích-ca Mâu-ni có vô số trăm ngàn câu-chi na-du-đa Đại Bồ-tát tập hợp nghe nhận giảng nói chánh pháp về cảnh giới không thể nghĩ bàn. Chúng ta nên đến đó chiêm ngưỡng, đảnh lễ Đức Thế Tôn và gặp các vị Bồ-tát Đại sĩ. Vì sao? Vì các vị Bồ-tát ở các thế giới trong mười phương được tập hợp tại một nơi thì thật là việc khó có.

Bấy giờ Đại Bồ-tát Từ-Thị thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Cõi Phật hôm nay Bồ-tát sẽ đến không phải là nơi tôi đến. Vì sao? Vì việc này rất khó. Các vị Bồ-tát trong hội Phật đó đều đạt được pháp Đà-la-ni, trụ trong trí vô trước, đủ các pháp lành, dù hội chúng ấy có các tướng có thể thấy, nghe được, tôi cũng không có khả năng đó.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nên biết! Dù sắc thân của Như Lai có các tướng để có thể thấy được thì thật sự cũng không thể thấy. Vì thế tôi nay không thể thấy. Hoặc dù Pháp thân của Như Lai có các tướng để có thể thấy Pháp thân chính là pháp tánh thì trong pháp tánh ấy không thấy, nghe được, không thể cúng dường, không thể chiêm ngưỡng, đảnh lễ và cũng không thể hiểu biết hoàn toàn.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Bồ-tát nên tùy thuận tới đó để cúng dường Đức Như Lai.

Bồ-tát Từ-Thị nói:

–Không đâu! Bồ-tát Diệu Cát Tường, không phải tôi cúng dường Như Lai. Vì sao? Vì không có Đức Như Lai để có thể cúng dường. Như Lai chính là pháp chân như. Trong pháp chân như không có hai tướng. Pháp chân như chính là Như Lai.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Pháp này không có hai tướng sao Bồ-tát lại nói được?

Bồ-tát Từ-Thị đáp:

–Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Một tánh phiền não và các tánh ở đây nói là hai. Nhưng nếu hiểu được một tánh chính là các tánh thì đó là pháp không hai. Nếu phân biệt đây là phiền não, đây là pháp xuất thế gian. Hiểu như thế là hai tướng. Lại nữa, nếu phân biệt đây là trì giới, đây không phải là trì giới, đây là pháp Thanh văn, đây là pháp Duyên giác, đây là bố thí, đây không phải là bố thí, đây là chánh đạo, đây là tà đạo, đây là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đây là Duyên giác, đây là Bồ-tát, đây là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, đây là pháp đoạn diệt, đây là pháp hữu tưởng, đây là pháp quyết định, đây không phải là pháp quyết định, đây là pháp do trí hiểu biết, đây là pháp do thức hiểu biết, đây là pháp chứng đạo giác ngộ, đây là pháp chứng đạo Niết-bàn. Phân biệt như thế là hai tướng. Hai tướng đó thay đổi theo thức. Nếu không phát khởi những tướng như thế gọi là pháp không hai.

Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Giả sử tôi dùng biện tài trí tuệ để nói pháp không hai này thì dù một kiếp hoặc hơn một kiếp cũng không thể nói hết và cũng không thể biết được biên vực của nó. Vì sao? Vì tất cả pháp xa rời các tánh dù ở trong hoặc ở ngoài cũng không thể thấy và nắm bắt được.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Thật lớn lao thay! Bồ-tát Từ-Thị! Bồ-tát đã được pháp Nhẫn vô sinh nên nói như thế. Đúng vậy! Đúng vậy! Giả sử tôi phải trải qua một kiếp hay hơn một kiếp nói pháp không hai này thì cũng không có trí tuệ biện tài nào có thể nêu bày hết được.

Bồ-tát Từ-Thị nói:

–Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Đừng chấp trên văn tự mà sinh vọng tưởng, tất cả các pháp xa lìa văn tự, là tướng không sinh, không bị biến đổi.

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường nói với các Bồ-tát trong cõi Phật ấy:

–Này các Thiện nam! Bây giờ các vị nên cùng đến cõi của Phật Thích-ca Mâu-ni để chiêm ngưỡng đảnh lễ Đức Phật gặp trăm ngàn câu-chi na-du-đa các chúng Bồ-tát, tùy hỷ nghe nhận chánh pháp về cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Khi ấy, có Bồ-tát tên Biện Tích Tràng Vương thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Như Lai không có tướng để có thể thấy được, vì sao nay lại nói chúng ta đến gặp Như Lai? Vì sao Như Lai lại có thể thấy được? Lại do nghĩa gì mà gọi là Như Lai? Vì sao? Vì Như Lai không phải là tướng mà quá khứ, hiện tại, vị lai có thể nắm bắt được. Các pháp ấy cũng không thuộc

ba đời, vì tất cả đều không. Trong pháp không đó không có chủ thể nhận thấy. Như lời Bồ-tát Diệu Cát Tường nói: Như Lai có tướng, có thể thấy, nhưng nay làm sao để thấy Như Lai? Dùng mắt nào để chiêm ngưỡng? Nếu dùng nhục nhãn để có thể chiêm ngưỡng thì nhục nhãn là không, trong tánh không đó không có đối tượng được thấy. Hoặc dùng Thiên nhãn để chiêm ngưỡng Như Lai thì Thiên nhãn cũng lại do tưởng mà có. Còn nếu sự quán sát không do mắt thì làm sao gọi là thấy? Vì thế chúng ta nay không thể đi đến cõi ấy.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này Thiện nam! Nếu Bồ-tát nay trụ trong pháp bất bình đẳng mà nói như thế, thì đối với Phật Như Lai tức không thể thấy và cũng không cúng dường. Còn nếu Bồ-tát trụ trong tướng không chấp trước mà nói đúng như thật thì có thể thấy được, có thể đến và có thể cúng dường Đức Như Lai. Vì không chấp trước, nơi tướng của tất cả văn tự và cũng không ra ngoài tướng của văn tự, vì tự tánh của nó là không. Do vậy, Ta đứng trên pháp bình đẳng mà nói như thế. Chư Phật Như Lai vốn thanh tịnh, không bị biến đổi. Các vị dù trụ trong pháp nhẫn ý hay không trụ trong pháp nhẫn ý cũng đều nên đến cõi đó.

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường lại vì chúng Bồ-tát, tìm phương tiện để giảng nói. Nhờ thần lực của Phật, các vị Bồ-tát đó đối với các pháp đều đạt được Vô sở trụ. Bồ-tát Diệu Cát Tường lại nghĩ: "Ta không nên một mình đến cõi Ta-bà. Vì sao? Vì chúng sinh hiện có ở cõi đó tạo nghiệp bất thiện, ít hiểu biết, không sinh tịnh tín. Ta nay nên hiện các sắc tướng và những việc hy hữu để đến đó, khiến cho chúng sinh thấy được, phát sinh tín tâm, đạt điều chưa từng có, được thiện lợi rộng lớn." Nghĩ thế, Bồ-tát Diệu Cát Tường liền nhập định Vô cấu phổ quang. Trong định, Bồ-tát hiện ra vô số trăm ngàn vị Đại Bồ-tát cùng vây quanh, có Phạm Thiên vương và Thiên chủ Đế Thích cầm phất trần báu đứng hầu hai bên. Lúc này, từ nơi mỗi lỗ chân lông trên thân Bồ-tát xuất hiện hoa sen cõi trời lớn như bánh xe, trong mỗi mỗi hoa đều có Đức Thế Tôn ngồi kiết già, mỗi mỗi Đức Thế Tôn cầm hoa sen báu. Khi ấy, chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều rất hoan hỷ, Bồ-tát Diệu Cát Tường thấy được tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh cũng đồng thấy được Bồ-tát Diệu Cát Tường và đều đạt được tâm không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hiện các tướng ấy rồi, Bồ-tát Diệu Cát Tường xuất định, từ cõi Phật Đại Bảo nơi phương Đông đi đến cõi Ta-bà này. Những cõi Phật đi qua, Bồ-tát đều hiện thần thông biến hóa như vậy, làm cho tất cả đều được lợi

ích lớn. Bồ-tát thấy nơi các cõi Phật đó, các Đức Như Lai đều cầm hoa sen báu thuyết pháp cho chúng sinh. Hoặc thấy có cõi Phật, thấy những chúng sinh chịu khổ ở địa ngục, được Đức Phật cứu độ thoát khỏi mọi thống khổ. Những loài súc sinh, ngạ quỷ ăn nuốt lẫn nhau hết sức khổ não cũng đều dứt hết khổ, cho đến trong cõi Diễm-ma, những chúng sinh đang chịu khổ bức, Đức Phật đều tùy ý nguyện của họ mà thuyết pháp, khiến cho tất cả chúng sinh ấy xa lìa khổ bức, phát tâm hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc thấy có cõi Phật, Đức Như Lai tùy ý nguyện của tất cả A-tu-la mà thuyết pháp, làm cho chúng chuyển được thân A-tu-la. Có cõi Phật, Đức Như Lai trụ trong cảnh giới thần thông Diệu cát tường, tùy ý nguyện của các dòng họ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả mà thuyết pháp, làm cho họ được lợi ích. Hoặc tùy ý nguyện của Thiên chúng ở cõi trời Tứ Đại vương mà thuyết pháp, Phật bảo các Thiên tử: "Các vị nên biết! Tất cả hành đều vô thường, đừng nghĩ đó là pháp cứu cánh". Những người nghe pháp này đều được lợi ích. Có cõi Phật, Đức Như Lai trụ trong cảnh giới thần thông Diệu cát tường, tùy ý nguyện của Thiên chủ Đế Thích ở cõi trời Tam thập tam và các Thiên tử mà thuyết pháp, cũng nói: "Các hành là vô thường, không phải là pháp cứu cánh. Những kẻ có trí phải biết như thật, đối với pháp ấy đừng nghĩ đó là cứu cánh". Những người nghe pháp này đều được lợi ích. Có cõi Phật, Đức Như Lai trụ trong cảnh giới thần thông Diệu cát tường, tùy ý nguyện của các Thiên tử nơi cõi Trời: Dạ-ma, Tri túc, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Phạm chúng, Phạm phụ, Đại Phạm vương… cho đến các Thiên tử ở cõi trời Sắc cứu cánh mà thuyết pháp, những người nghe pháp đều được lợi ích. Hoặc thấy Đức Như Lai trụ trong cảnh giới thần thông Diệu cát tường, tùy ý nguyện của chúng Đại Bồ-tát Sơ địa mà thuyết pháp. Hoặc tùy ý nguyện của chúng Đại Bồ-tát trụ Địa thứ hai, trụ Địa thứ ba, trụ Địa thứ tư, trụ Địa thứ năm, trụ Địa thứ sáu, trụ Địa thứ bảy, trụ Địa thứ tám, trụ Địa thứ chín, trụ Địa thứ mười và Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, sắp thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác mà thuyết pháp, chủ yếu là muốn cho họ tiến tới trụ không thoái chuyển và an trụ viên mãn trong cảnh giới đại Niết-bàn.

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường hiện các tướng thần thông biến hóa như thế, tất cả chúng sinh ở những cõi Phật mà Bồ-tát đi qua thấy được tướng ấy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Năm trăm Tỳ-kheo được dứt hết các lậu, tâm giải thoát hoàn toàn, tám ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh, mười ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh. Lúc ấy, các vị Bồ-tát đạt được lợi ích, đồng thanh nói kệ:

Thấy việc thần thông biến hóa này
Ai cũng thỏa nguyện, chưa từng có
Cảnh giới Bồ-tát Diệu Cát Tường
Tất cả chúng sinh được lợi ích.

Bấy giờ, các chúng Bồ-tát từ các cõi Phật ở mười phương đã đến đại hội, đều dùng sức thần thông thấy các việc rất hy hữu này, cùng bạch Đức Thích-ca Mâu-ni:

–Ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới và việc hy hữu kia là do thần lực gì biến hóa ra? Xin Phật Thế Tôn nói cho chúng con nghe.

Đức Phật bảo các Đại Bồ-tát:

–Này các Thiện nam! Các vị nên biết có Đại sĩ Bồ-tát tên Diệu Cát Tường, là người trụ trong địa không thoái chuyển, đã được pháp Quán đảnh, từ phương Đông đang đến cõi này. Do thần thông của vị ấy đã hiện ra những điềm tốt đẹp kia. Lại nữa, này các thiện nam! Người nào nghe được danh hiệu Diệu Cát Tường thì được trụ nơi tâm không thoái chuyển, huống chi là được thấy, thật là việc khó.

Lúc Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói lời này cho các Đại Bồ-tát, thì Bồ-tát Diệu Cát Tường liền dùng thần lực hiện đến đại hội này. Đến nơi, Bồ-tát đảnh lễ sát chân Phật, thưa:

–Bạch Đức Thích-ca Mâu-ni! Thế Tôn được khỏe mạnh, thư thái, nhẹ nhàng và an lạc chăng? Con từ cõi Phật Bảo Tràng thuộc thế giới Đại bảo nơi phương Đông đến đây để lễ lạy, gần gũi Đức Thế Tôn và nghe chánh pháp.

Khi ấy, trong đại hội, Thiên tử Phổ Hoa Tràng từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các chúng Đại Bồ-tát nên tu pháp môn nào để thành tựu sự nghiệp thần thông, biện tài, trí tuệ sâu xa tối thắng như Bồ-tát Diệu Cát Tường?

Đức Phật bảo Thiên tử Phổ Hoa Tràng:

–Đại Bồ-tát nào muốn thành tựu sự nghiệp thần thông ấy thì nên tu tập đầy đủ bốn pháp môn:

1. Tùy hỷ nghe nhận pháp sâu xa.

2. Rộng nói pháp sâu xa cho mọi người.

3. Nghe pháp nên hỏi về nghĩa lý.

4. Nghe rồi thì tin, hiểu, tu hành đúng lý.

Lại có bốn pháp phải tu tập đầy đủ:

1. Quyết định nắm giữ các kinh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng.

2. Vui thích tu tập các kinh pháp.

3. Ghi nhớ không quên các kinh pháp.

4. Giảng nói rộng lưu truyền các kinh pháp.

Lại có bốn pháp phải tu tập đầy đủ:

1. Nghe nhận chắc chắn pháp môn chân chánh.

2. Sinh tâm tôn trọng Pháp sư.

3. Cung kính phụng sự người trì pháp không sinh lười mỏi thoái chuyển.

4. Luôn tán thán Pháp sư, không hề mỏi mệt.

Lại có bốn pháp phải tu tập đầy đủ: Đó là luôn phát khởi bốn tâm:

1. Tâm bình đẳng.

2. Tâm nhu hòa, dịu dàng.

3. Tâm không biếng trễ.

4. Tâm không gây hại.

Bồ-tát nào tu tập bốn pháp môn đó, sẽ đạt được sự nghiệp thần thông biến hóa tối thắng và có thể thành tựu trí tuệ biện tài.

Khi Đức Phật giảng nói về bốn thứ pháp môn đó, có năm ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh, bốn ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu được Pháp nhãn tịnh. Các Bồ-tát và chư Thiên được lợi ích rồi, đều nói: Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được an trụ trong cảnh giới của chư Phật, tin hiểu sâu xa pháp môn chân chánh, ghi nhớ, thọ trì chánh pháp đã nghe, ở đời vị lai đạt đại thần thông như Diệu Cát Tường, nơi các cõi Phật biến hóa tự tại.

Khi ấy, Thiên tử Phổ Hoa Tràng hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Bồ-tát từ đâu đến đại hội này? Cõi Phật mà Bồ-tát an trụ tên là gì? Đức Phật hóa chủ nơi cõi ấy tên hiệu là gì?

Bồ-tát Diệu Cát Tường bảo Thiên tử Phổ Hoa Tràng:

–Ông đừng nên hỏi từ đâu đến. Vì sao? Thiên tử nên biết! Pháp giới không đến, cũng không có nơi đi, không biến động, không an trụ, tất cả đều không vướng mắc, tánh của pháp giới là không chỗ nghi hoặc lìa các hý luận.

Thiên tử! Nếu nói có đến, có đi, có chỗ trụ thì đó là pháp hý luận.

Bấy giờ Thiên tử Phổ Hoa Tràng và đại chúng, nghe Bồ-tát Diệu Cát Tường giảng nói pháp này, đều khen là việc chưa từng có, nên đồng thanh nói kệ:

Tối thượng, hy hữu Diệu Cát Tường
Phát xuất từ nơi Phật Thế Tôn
Đầy đủ thần thông các pháp môn
Người thấy, người nghe đều lợi lạc.
Đại sĩ nay hiện các tướng này
Tuyên thuyết pháp vi diệu sâu xa
Được thấy, nghe tôi đều tùy hỷ
Hôm nay có được lợi ích lớn.
Chúng tôi xưa từng nghe Đại sĩ
Nay thấy thần thông, sắc tướng đẹp
Bồ-tát là ánh sáng pháp lớn
Hiện ra tất cả các pháp Phật.
Đã được viên mãn mọi thứ hành
Trang nghiêm bằng y phục hổ thẹn
Tự lợi, lợi tha Diệu Cát Tường
Công đức tối thắng khó nghĩ bàn.
Bồ-tát như Từ phụ thế gian
Tất cả chúng sinh đều quy phục
Khai thị môn phương tiện Niết-bàn
Làm cho chúng sinh đến bờ giác.
Bồ-tát giống như đại sư tử
Một tiếng phá được các ngoại luận
Viên mãn các công đức chánh pháp
Thanh tịnh tất cả pháp nhiễm ô.
Bồ-tát như mặt đất thế gian
Sinh ra tất cả các pháp lành
Lại là Đại y vương tối thượng
Cứu chữa các bệnh cho chúng sinh.
Bồ-tát như trăng rất trong mát
Xua tan nhiệt não, được thanh tịnh
Lại như ánh mặt trời rực rỡ
Chiếu soi tất cả Tam-ma-địa.
Bồ-tát, đại Đạo sư đại lợi
Chỉ dẫn chúng sinh đạo Bồ-đề
Thường sinh tâm Từ bi bao la
Cứu khổ chúng sinh nơi cõi ác.
Bồ-tát luôn là nơi nương tựa
Hiểu rõ tâm tất cả chúng sinh

Trí Nhất thiết trí, diệu pháp môn
Dạy khắp chúng sinh đều giải thoát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thiên tử Phổ Hoa Tràng và đại chúng:

–Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói, Bồ-tát Diệu Cát Tường có những công đức như vậy.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA BẤT TƯ NGHỊ THẦN THÔNG CẢNH GIỚI

QUYỂN TRUNG

Khi ấy, Thiên tử Phổ Hoa Tràng lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường phát tâm Bồ-đề đã được bao lâu?

Đức Phật bảo:

–Này Thiên tử! Bồ-tát Diệu Cát Tường đã phát tâm Bồ-đề trong vô lượng vô biên kiếp, như cát nơi sông Hằng. Này Thiên tử! Nay ta sẽ lược nói một việc của vị ấy cho ông cùng đại chúng nghe.

Thiên tử Phổ Hoa Tràng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Phật đúng như lý mà giải nói cho con và tất cả chúng hội.

Đức Phật bảo:

–Này Thiên tử! Trải qua vô số kiếp như vi trần trong đời quá khứ, ở cõi Ta-bà này có Đức Phật ra đời tên là Phổ Quang Thanh Tịnh Âm Vương, là Bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Trong pháp của Đức Phật ấy có một Tỳ-kheo tên Thanh Tịnh Âm, xuất gia tu đạo đạt năm thần thông. Trong bốn vạn hai ngàn năm, vị Tỳ-kheo ấy đem những thứ hương hoa, dầu đèn và các vật vi diệu cúng dường Đức Phật, trồng căn lành này rồi, lại phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Thiên tử! Ý ông thế nào? Tỳ-kheo Thanh Tịnh Âm khi ấy đâu phải người nào lạ nay chính là Bồ-tát Diệu Cát Tường. Các ông nên biết! Bồ-tát Diệu Cát Tường này đã phát tâm Bồ-đề nơi vô lượng vô biên hằng hà sa số Đức Phật Thế Tôn, đã độ thoát hằng hà sa số chúng sinh, khiến họ trụ trong quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đã độ hằng hà sa số chúng sinh trụ trong quả Duyên giác, đã độ hằng hà sa số chúng sinh trụ trong Sơ địa, cho đến đã độ hằng hà sa số chúng sinh trụ trong mười Địa. Bồ-tát Diệu Cát Tường đã trồng các căn lành như thế và thành tựu các pháp thiện.

Lại nữa, này Thiên tử! Giả sử có người đem bảy báu đầy cả tam thiên

đại thiên thế giới cúng dường Như Lai thì phước đức có được là thật nhiều. Nhưng nếu có người nào nghe được danh hiệu của Bồ-tát Diệu Cát Tường, rồi cung kính thọ trì, cho đến tùy hỷ xưng niệm, nên biết người này được phước nhiều hơn người trước.

Lại nữa, này Thiên tử! Nếu ai làm cho tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều đạt quả Tu-đà-hoàn… A-la-hán thì người ấy được phước đức rất nhiều. Nhưng nếu người nào nghe được danh hiệu Bồ-tát Diệu Cát Tường rồi thọ trì thì được phước đức nhiều hơn người trước.

Lại nữa, nếu ai làm cho tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều đạt quả Duyên giác, người ấy được phước đức rất nhiều, nhưng nếu người nào nghe được danh hiệu của Bồ-tát Diệu Cát Tường, rồi thọ trì, thì được phước đức nhiều hơn người trước. Vì sao? Vì nếu có người nào xưng tán thọ trì danh hiệu chư Phật và có người xưng tán thọ trì danh hiệu Bồ-tát Diệu Cát Tường thì cả hai được phước đức giống nhau, không khác.

Nghe Đức Phật giảng nói thế, Thiên tử Phổ Hoa Tràng cùng với bốn vạn Thiên tử đều chắp tay cung kính thưa:

–Lành thay! Bồ-tát Diệu Cát Tường. Rất hay! Rất hay! Chúng tôi xin chí thành quy mạng, đảnh lễ.

Khi các Thiên tử nói lời này, âm thanh đó vang khắp tam thiên đại thiên thế giới, đều nghe được.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe được tiếng này, bèn đến chỗ Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hiện nay tam thiên đại thiên thế giới đều nghe được tiếng xưng tán này, là do thần lực gì mà hiện bày việc hy hữu như thế?

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Ông nên biết! Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường ấy đã trụ trong quả vị không thoái chuyển, mặc áo giáp lớn, là Đại sĩ tối thắng trong chúng hội này. Các vị Thiên tử xưng tán danh hiệu của Bồ-tát ấy nên âm thanh vang khắp tam thiên đại thiên thế giới. Này Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Nếu có người ở bất cứ nơi nào, xưng tán, thọ trì danh hiệu của Bồ-tát Diệu Cát Tường thì tam thiên đại thiên thế giới đều rung động.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật hy hữu! Đại Bồ-tát này thành tựu việc không thể nghĩ bàn như thế, mặc áo giáp lớn, dũng mãnh tinh tấn, làm cho các loài hữu tình đều đầy đủ Phật Pháp. Bạch Thế Tôn! Nếu người nào có ít căn lành thì không thể đạt đầy đủ pháp Đại Bồ-tát một cách viên mãn như thế.

Lúc Đức Phật nói pháp này cho Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, bỗng nhiên xuất hiện hoa sen báu lớn đầy cả cõi Ta-bà, mỗi mỗi hoa sen to bằng bánh xe, có đủ loại màu sắc, hương thơm, được trang nghiêm bằng các lưới báu. Trong số hoa ấy, lại có một hoa sen xuất hiện rất cao rõ và đẹp, tất cả hội chúng đều thấy được.

Lúc này, Tôn giả A-nan thấy hoa sen đẹp đẽ thù thắng bỗng nhiên xuất hiện, liền thưa cùng Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao trong chúng hội lại xảy ra sự kiện này trước?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy xét kỹ, không bao lâu nữa sẽ có sáu vạn Đại Bồ-tát từ cõi Phật Cát Tường Đức Vương ở thế giới Phổ biến quang minh đến đây. Mỗi vị đều ngồi kiết già trên hoa sen báu của mình. Còn trên hoa sen cao rõ nhất kia hiện có Bồ-tát tên Biến Chiếu Tạng ngồi kiết già. Các vị Bồ-tát đó sắp xuất hiện trong hư không nên hiện tướng hoa sen báu này trước.

Bấy giờ, các vị Bồ-tát, tất cả đại chúng trong hội đều khen là việc chưa từng có, ai nấy đều chắp tay hướng lên hư không đảnh lễ. Lúc này, trong hư không có Phạm vương, Đế Thích đều cầm hoa sen báu vây quanh Đại Bồ-tát Biến Chiếu Tạng, Bồ-tát ấy cùng các Đại sĩ vụt hiện thân trên hư không, cao bảy cây Đa-la, tất cả đại hội đều thấy. Các vị Bồ-tát ấy từ trên hư không rải hoa báu đủ màu sắc, hương thơm thù diệu nhất để cúng dường Đức Phật. Cúng dường hoa xong, từ hư không phát ra tiếng:

–Bạch Thế Tôn! Đức Cát Tường Đức Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác hỏi thăm Đức Thích-ca Mâu-ni có khỏe mạnh, thư thái, nhẹ nhàng, được mọi an lạc, khí lực khinh an chăng?

Đức Cát Tường Đức Vương thăm hỏi như thế, nay Đại Bồ-tát Biến Chiếu Tạng và sáu vạn Bồ-tát cùng đến cõi này, để đảnh lễ, gần gũi Đức Thế Tôn, tùy hỷ nghe nhận chánh pháp về cảnh giới không thể nghĩ bàn. Trong hư không phát ra tiếng như vậy rồi, Đại Bồ-tát Biến Chiếu Tạng cùng các Bồ-tát lập tức từ hư không hạ xuống, đảnh lễ sát chân Phật và đứng trước Phật.

Đức Thế Tôn đã biết rõ việc này nhưng vẫn hỏi Đại Bồ-tát Biến Chiếu Tạng:

–Các thiện nam! Hôm nay các vị vì nhân duyên gì đến đây?

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con ở cõi của Phật Cát Tường Đức Vương thuộc thế giới Phổ biến quang minh, nghe cõi Ta-bà của Đức Phật Thích-

ca Mâu-ni tập hợp các Bồ-tát Đại sĩ giảng nói chánh pháp về cảnh giới không thể nghĩ bàn, chúng con muốn chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn và nghe chánh pháp. Vì nhân duyên đó mà đến cõi này.

Bấy giờ, trong đại hội, Tôn giả Đại Ca-diếp thưa với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cõi Phật Cát Tường Đức Vương thuộc thế giới Phổ biến quang minh cách cõi đây không xa chăng? Vì sao? Các vị Đại sĩ này, chỉ trong một thời gian ngắn đã có thể đến cõi này.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng thưa Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả nếu dùng định lực thần thông của mình để đến cõi kia, thì dù trọn đời cũng chưa có thể đến được. Do vậy nên biết, cõi Phật ấy là xa hay gần.

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Cách cõi này khoảng sáu mươi hằng hà sa số cõi Phật, là đến cõi Phổ biến quang minh. Các vị Bồ-tát này dùng diệu lực thần thông tối thắng của mình nên đến đây nhanh.

Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay thích muốn đến cõi kia.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Này Tôn giả! Sao lại có sự biến động trong tâm tưởng đến đi? Tôn giả cho rằng sắc pháp có đến đi sao? Thọ, tưởng, hành, thức có đến đi chăng?

Đại Ca-diếp nói:

–Thiện nam! Sắc không có đến đi, thọ tưởng, hành, thức cũng không có đến đi. Ở trong tâm định chỉ rõ về tướng đến đi. Người trụ trong tâm định không thấy các sắc. Vì không thấy sắc nên không có tướng đến đi. Này thiện nam! Người trụ trong tâm định thì đạt được pháp môn thắng nghĩa.

Lại nữa, này thiện nam! Các vị đến đây lâu rồi chứ?

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng đáp:

–Chúng tôi đến đây chưa lâu. Bằng thời gian Tôn giả đạt lậu tận, chứng tâm giải thoát.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Đại sĩ! Thật hy hữu thay! Đại sĩ đã đạt thần thông lớn.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng hỏi:

–Thời gian Tôn giả đạt tâm giải thoát bao lâu rồi?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Giải thoát đã lâu.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng hỏi:

–Tôn giả đạt tâm giải thoát dựa trên ý nghĩa gì để gọi là tâm?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Này thiện nam! Cũng chẳng biết nên nói thế nào.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng nói:

–Tâm bị ràng buộc, sao gọi là giải thoát?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Nếu như là thế, thiện nam! Có sự ràng buộc nơi tâm thì không gọi là giải thoát, cũng không được gọi là giải thoát tri kiến.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng nói:

–Tôn giả Đại Ca-diếp! Tâm vốn không bị ràng buộc thì có gì là giải thoát?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Từ trong không ràng buộc mà thấu tỏ đúng như thật thì gọi là giải thoát.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng hỏi:

–Tôn giả Đại Ca-diếp! Dùng tâm gì để hiểu? Quá khứ? Vị lai? Hay hiện tại? Nếu là tâm quá khứ thì nó đã diệt rồi. Nếu là tâm vị lai thì chưa đến, còn nếu là tâm hiện tại thì không dừng. Tách rời ba đời, còn dùng tâm gì để hiểu?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Chỗ tâm pháp diệt không phải là phần vị của tâm.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng hỏi:

–Tôn giả Đại Ca-diếp! Ngay chỗ tâm diệt đó mà có thể hiểu biết chăng?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Chỗ tâm diệt thì không thể nhận biết được.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng nói:

–Tất cả các pháp đều như tâm diệt, vì thế không thể có sự thấu tỏ.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Này thiện nam! Bồ-tát đã đạt được biện tài lớn, trả lời theo từng câu hỏi. Tôi không có được biện tài ấy.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng hỏi:

–Tôn giả Đại Ca-diếp! Theo ý Tôn giả, thế nào là có biện tài? Do thấy nghe mà có được chăng?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Không đạt được, không nghe được. Vì sao? Vì là tánh duyên sinh.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng hỏi:

–Không phải tất cả các pháp đều như thế sao?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Thiện nam! Các pháp đều như vậy.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng hỏi:

–Tôn giả Đại Ca-diếp! Theo ý Tôn giả do thấy nghe mà biện tài người đó không gián đoạn sao?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Không hư hoại, cũng không gián đoạn.

Bồ-tát Biến Chiếu Tạng nói:

–Tôn giả Đại Ca-diếp! Đúng thế! Đúng thế! Biện tài của Bồ-tát tùy lời hỏi mà không gián đoạn, hư hoại. Tôn giả Ca-diếp nên biết! Các Đại Bồ-tát giả sử có trải qua số kiếp trả lời theo từng câu hỏi thì biện tài của vị ấy cũng không thể đoạn, hoại.

Khi Bồ-tát Biến Chiếu Tạng và Tôn giả Đại Ca-diếp giảng nói về pháp này có năm mươi vạn chúng sinh đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác, hai trăm Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kính thỉnh Đức Thế Tôn tùy ý nguyện của Bồ-tát Diệu Cát Tường và đại chúng trong hội này mà thuyết pháp để mọi người mãi đạt được lợi ích lớn, nhất định chứng được pháp tánh.

Lúc này, trong chúng hội có Bồ-tát tên Biện Tích từ chỗ ngồi đứng dậy thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Bồ-tát Diệu Cát Tường! Vì sao Tôn giả Đại Ca-diếp lại tinh tấn và khéo giảng nói chánh pháp?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Vì Tôn giả Đại Ca-diếp đã đạt được vô úy trong pháp Thanh văn.

Bồ-tát Biện Tích hỏi:

–Vì sao Tôn giả Đại Ca-diếp không trụ trong pháp Đại thừa.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Thiện nam! Tôn giả Đại Ca-diếp không phải là không thể trụ trong pháp Đại thừa, mà vì Tôn giả đã được giải thoát trong pháp Thanh văn.

Bồ-tát Biện Tích hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Thế nào là pháp Thanh văn?

Bồ-tát Diệu Cát Tường đáp:

–Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai ở cõi Ta-bà này đã nói pháp ba thừa cho chúng sinh: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Đại thừa. Vì sao? Vì có những chúng sinh phát tâm tinh tấn còn yếu kém để mong cầu giải thoát nên Đức Phật theo phương tiện chỉ bày ba thừa.

Bồ-tát Biện Tích hỏi:

–Bồ-tát Diệu Cát Tường! Vì sao Như Lai giảng nói rộng về vô lượng giải thoát môn Không, giải thoát môn Vô tướng, giải thoát môn Vô nguyện?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này thiện nam! Như Lai dùng phương tiện khéo léo rộng nói về vô lượng pháp môn, giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện làm cho chúng sinh tu hành đúng như lý.

Khi Bồ-tát Diệu Cát Tường giảng nói pháp này cho Bồ-tát Biện Tích thì trong đại hội, những hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà… thảy đều chắp tay cung kính, đồng thanh thưa với Đức Phật:

Tất cả những vật để cúng dường
Áo báu, vật báu, những trang sức
Bồ-tát Cát Tường trang nghiêm thân
Chúng con khen ngợi những công đức.

Bấy giờ, Thiên tử Phổ Hoa Tràng lại thưa với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Diệu Cát Tường phát tâm Bồ-đề lần đầu tiên nơi cõi Phật nào?

Phật bảo Thiên tử Phổ Hoa Tràng:

–Ông nên biết! Hằng hà sa số kiếp trước ở đời quá khứ, có thế giới tên Kim diệm quang minh, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Vô Cấu Nhật Diệm Quang Minh gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Này Thiên tử! Đức Phật ấy sống chín trăm chín mươi vạn câu-chi na-du-đa kiếp, thuyết giảng ba thừa giáo cho chúng sinh, đó là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa.

Đức Phật ấy thuyết pháp, hội thứ nhất có tám trăm bốn mươi vạn câu-chi na-du-đa chúng sinh trụ Thanh văn thừa đạt quả A-la-hán, các lậu đã

hết, vứt bỏ gánh nặng, được thiện lợi lớn, chấm dứt các thứ kết phược, đạt thánh trí không ngại, tâm thiện giải thoát. Hội thứ hai có bảy mươi vạn câu-chi na-du-đa Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thứ ba có sáu trăm năm mươi vạn câu-chi na-du-đa Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Trong pháp của Phật ấy có một nửa chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và một nửa là chúng Đại Bồ-tát. Các vị Bồ-tát ấy đều là những người trụ trong quả vị không thoái chuyển, đều đạt pháp Nhẫn vô sinh, đều nhập vô biên môn Tam-ma-địa, đầy đủ pháp thiện, lại đạt vô biên môn Đà-la-ni. Đức Như Lai thuyết giảng pháp luân không thoái chuyển cho họ, huống gì là những vị mới phát tâm Đại thừa thì số lượng rất nhiều, trong số đó có vô lượng chúng sinh trụ nơi pháp Duyên giác.

Này Thiên tử! Đức Vô Cấu Nhật Diệm Quang Minh Như Lai dùng vô số vô lượng pháp hành tương ưng để giáo hóa chúng sinh. Cõi Kim diệm quang minh ấy phần nhiều được trang nghiêm bằng vàng ròng, trụ cột của các lầu gác, cung điện đều được làm bằng vật quý, vườn rừng, cây cối đều trang sức bằng vật quý, luôn phát ra âm thanh vi diệu, khen ngợi pháp sâu xa không thể nghĩ bàn. Đó là tiếng không, vô tướng, vô nguyện, vô tánh, vô trước, không sinh, không khởi. Phát ra những tiếng khen ngợi chánh pháp như thế, tất cả chúng sinh nghe tiếng ấy đều yêu thích. Sau khi Đức Phật diệt độ, chánh pháp trụ thế đủ một ngàn năm. Này Thiên tử! Nơi cõi Kim diệm quang minh kia có vị Chuyển luân thánh vương tên Tối Thắng Biện Tài, làm chủ bốn châu thiên hạ. Khi ấy, trong cõi Phật Vô Cấu Nhật Diệm Quang Minh, nhà vua đem các thứ ẩm thực ăn uống, y phục, đồ nằm, cờ phướn, lọng báu… những vật cúng dường vi diệu để cúng dường Phật và tất cả chúng Thanh văn, Duyên giác, Đại Bồ-tát. Cúng dường như thế đủ một câu-chi năm, trồng căn lành sâu xa nơi cõi Phật ấy. Khi nhà vua làm những việc lành đó, có tám vạn bốn ngàn chúng sinh và ba trăm hai mươi vạn hậu phi quyến thuộc trong cung phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Thiên tử! Chuyển luân thánh vương Tối Thắng Biện Tài đó có ngàn người con, trước đã phát tâm tin hiểu trong pháp Thanh văn, sau lại phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác, chứng được pháp Nhẫn vô sinh.

Vua còn có một người con gái tên Đại Tuệ, đầy đủ biện tài, tin hiểu sâu xa. Đại Tuệ cùng bảy ngàn hai trăm cung nữ quyến thuộc cung kính vây quanh đến chỗ Đức Phật Vô Cấu Nhật Diệm Quang Minh. Đến nơi, Đại Tuệ cùng quyến thuộc đảnh lễ sát chân Phật. Nhờ căn lành ấy, Đại Tuệ

phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Phát tâm xong, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác, nhưng hiện giờ con không thể chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng giác bằng sắc thân người nữ. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy cho con pháp môn nào tu hành đúng như lý, làm cho con chuyển được thân nữ thành thân tướng nam tử, mau đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bấy giờ, Đức Phật Vô Cấu Nhật Diệm Quang Minh bảo Đại Tuệ:

–Này thiện nữ! Có một pháp, nếu ai hành đầy đủ thì chuyển được thân nữ thành thân nam. Đó là phát tâm đại Bồ-đề, tâm Vô đẳng đẳng, tâm Nhất thiết tam giới tối thắng thượng, cho đến khởi tâm tùy thuận nơi tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Lại có một pháp, nếu ai hành trì đầy đủ thì sẽ chuyển được thân nữ thành nam. Đó là thường nghĩ nhớ Đức Như Lai không hề xa lìa, nghe nhận pháp Phật không mỏi mệt.

Này Đại Tuệ! Lại có mười pháp nếu ai hành trì đầy đủ thì sẽ chuyển được thân nữ thành nam. Đó là nên tu đầy đủ mười đạo nghiệp thiện, sẽ thành tựu hạnh từ, lại mãi thọ học không mỏi mệt, nghe pháp không biếng nhác, luôn luôn gần gũi Pháp sư. Người nào hành đầy đủ các pháp như vậy thì sẽ chuyển được thân nữ thành thân nam.

Khi Đức Phật giảng nói pháp ấy, ở trước các quyến thuộc, công chúa Đại Tuệ chuyển được thân nữ thành thân nam, liền chắp tay cung kính bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã chuyển thân nữ, muốn được xuất gia trong pháp Phật, giữ giới Tỳ-kheo. Cúi xin Phật chấp nhận cho con.

Khi ấy, Đức Phật bảo đồng tử Đại Tuệ:

–Lành thay! Tỳ-kheo! Ngay nơi sát-na ấy, tóc của Đại Tuệ đều rụng hết, thân mặc áo ca-sa, thành tướng Tỳ-kheo, oai nghi đĩnh đạt như Tỳ-kheo trăm hạ. Ở nơi pháp hội này, Đại Tuệ chứng được pháp Nhẫn vô sinh.

Những người con của vua nghe được việc này liền sinh tâm hy hữu, đến chỗ Phật cầu xin xuất gia. Đức Phật liền chấp nhận, tùy ý nguyện của họ mà thuyết giảng pháp yếu.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Đại Tuệ nói với các Vương tử:

–Hôm nay tôi được lợi ích tối thượng, vĩnh viễn không phát khởi kiến giải của Thanh văn, chắc chắn hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác, tu hạnh đại Bi, đem lại lợi ích cho chúng sinh. Trong số các vị, người nào phát tâm Thanh văn thì nên như tôi mà phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nên

phát tâm tu hành trong chánh đạo, trung đạo.

Tỳ-kheo Đại Tuệ tùy theo ý nguyện của các Vương tử mà thuyết pháp, các Vương tử đều được không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bảo Thiên tử Phổ Hoa Tràng:

–Đồng nữ Đại Tuệ của Chuyển luân thánh vương Tối Thắng Biện Tài trong cõi Phật Vô Cấu Nhật Diệm Quang Minh đâu phải là người nào xa lạ? Chính là Bồ-tát Diệu Cát Tường này. Ngàn người con của vua hiện nay đã thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng giác và đang thuyết pháp giáo hóa chúng sinh chính là ngàn vị Phật. Đó là:

Ở phương Đông có: Siêu Quá Hành Như Lai, Vô Biên Quang minh Như Lai, Phổ Quang Như Lai, Cát Tường Vương Như Lai, Thật Tướng Như Lai, Bảo Thượng Như Lai, Bảo Minh Như Lai, Bảo Tràng Như Lai, Bảo Chiếu Như Lai.

Ở phương Nam có: Tối Cực Cao Như Lai, Đại Quang Minh Như Lai, Vô Lượng Thọ Như Lai, Vô Lượng Thanh Như Lai, Đại Danh Xưng Như Lai, Vô Biên Danh Xưng Như Lai, Bảo Quang Như Lai, Thanh Tịnh Vô Biên Thọ Như Lai, Nguyệt Tướng Như Lai, Nguyệt Quang Như Lai.

Ở phương Tây có: Vô Cấu Minh Như Lai, Thanh Tịnh Quang Như Lai, Nhật Minh Như Lai, Vô Biên Bảo Tối Thượng Như Lai Phạm Cao Như Lai, Kim Sắc Quang minh Như Lai. Phạm Tự Tại Vương Như Lai, Long Tự Tại Vương Như Lai, Nhất Thiết Bảo Hoa Tự Tại Vương Như Lai, Sa-la Thọ Vương Như Lai.

Ở phương Bắc có: Kiên Cố Dũng Mãnh Như Lai, Ly Trần Như Lai, Cát Tường Tạng Quang Như Lai, Vô Lượng Hương Quang Như Lai, Sư Tử Âm Vương Như Lai, Đại Thế Lực Tinh Tấn Xuất Sinh Như Lai, Diệu Cao Bộ Như Lai, Đại Bảo Tụ Như Lai, Bất Thoái Chuyển Luân Như Lai, Bảo Cú Nghĩa Cát Tường Như Lai, Phổ Biến Đại Nhật Như Lai, Thắng Đắc Như Lai.

Các Đức Như Lai như vậy, với các danh hiệu, hiện đang thuyết pháp giáo hóa chúng sinh nơi các thế giới khắp mười phương.

Đức Phật bảo Thiên tử Phổ Hoa Tràng:

–Như lời ông hỏi, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác lần đầu tiên ở cõi Phật Vô Cấu Nhật Diệm Quang Minh thuộc thế giới Kim diệm quang minh.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA BẤT TƯ NGHỊ THẦN THÔNG CẢNH GIỚI

QUYỂN HẠ

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Từ đó về sau, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường đã phát tâm Bồ-đề ở bảy mươi hai hằng hà sa số cõi Phật. Ban đầu có Đức Phật ra đời tên Thi-lân-nại-la Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, vị ấy đã phát tâm Bồ-đề ở cõi Phật này. Về sau có Đức Phật ra đời hiệu Bảo Quang Hành Cát Tường, lại có Đức Phật ra đời tên Liên Hoa Thượng Biến Hóa Cát Tường, Đức Phật tên Vô Biên Bảo Cát Tường, Đức Phật tên Đại Bảo Cát Tường, Đức Phật tên Hư Không Đăng, Đức Phật tên Đại Pháp Vương, Đức Phật tên Chúng Bảo Tụ Trì Diệu Sắc Tướng, Đức Phật tên Năng Nhân Chủ, Đức Phật tên Công Đức Quang Minh Trang Nghiêm Cát Tường, Đức Phật tên Đại Quang Cát Tường, Đức Phật tên Vô Lượng Quang Quảng Đại Trang Nghiêm, Đức Phật tên Tác Biến Hóa Vân Thiên Âm Thanh Vương, Đức Phật tên Tối Thượng Nhật Quang Cát Tường, Đức Phật tên Tối Thượng Ý, Đức Phật tên Đa Chủng Quang Minh Cát Tường Vương lần lượt xuất hiện ở đời, vị Bồ-tát ấy đã phát tâm Bồ-đề ở nơi bảy mươi hai hằng hà sa số Phật. Lại trong chín mươi mốt kiếp được gặp chư Phật, phát tâm Bồ-đề. Lại ở nơi các Đức Phật: Hỏa Đĩnh, Chúng Tôn, Tác Trang Nghiêm, Ẩm Quang, phát tâm Bồ-đề, trồng các căn lành.

Này Thiên tử! Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường đã ở vô lượng vô số cõi Phật phát tâm Bồ-đề, dùng phương tiện rộng lớn, trồng các căn lành, sau cùng đã ở trước ta, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, dùng thần thông biến hóa làm Phật sự.

Bấy giờ, Thiên tử Phổ Hoa Tràng bạch với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những chúng sinh nào muốn trồng căn lành, nếu có thể mà phát tâm tin hiểu, nghe nhận, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ về chánh pháp rộng lớn ấy, rồi giải nói cho mọi người, nên biết người ấy khéo được thân người, khéo gặp chư Phật, khéo nghe chánh pháp, làm lợi ích cho thế gian, chứ chẳng để đời mình luống qua. Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh đối

với chánh pháp này, làm sao có thể phát tâm tin hiểu?

Đức Phật bảo Thiên tử Phổ Hoa Tràng:

–Ông nên hỏi việc này với Bồ-tát Diệu Cát Tường, vị ấy sẽ giảng nói đúng lý cho ông nghe.

Thiên tử Phổ Hoa Tràng thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Làm sao khiến cho tất cả chúng sinh phát tâm tin hiểu chánh pháp này?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này Thiên tử! Không có pháp nào để có thể sinh tâm tin hiểu. Vì tự tánh của các pháp là không, không chỗ phát sinh. Nếu tự tánh của các pháp là không, không chỗ phát sinh thì căn cứ vào đâu để sinh tín, hiểu?

Thiên tử Phổ Hoa Tràng thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Xin Đại sĩ hãy lược nói về pháp hành của Bồ-tát cho chúng con nghe.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Thiên tử nên biết! Vô hành là hành của Bồ-tát, lại nữa, tất cả các pháp là hành của Bồ-tát.

Thiên tử Phổ Hoa Tràng hỏi:

–Vì sao tất cả các pháp là hành của Bồ-tát?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Thiên tử nên biết! Tất cả các pháp chính là bốn Niệm xứ, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo. Nói gọn thì các pháp này là hành của Bồ-tát, nói rộng thì có vô lượng vô số. Các vị Đại Bồ-tát đạt được pháp này gọi là hành của Bồ-tát chân thật.

Thiên tử Phổ Hoa Tràng thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Bốn Niệm xứ là gì?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này Thiên tử! Bồ-tát nếu quán thân như hư không, không lệ thuộc thân tướng, trụ trong pháp bình đẳng. Đó là Niệm xứ quán thân trong thân.

Bồ-tát quán các pháp thọ bên trong, bên ngoài, ở giữa, đều không thể nắm bắt, vì chúng là không. Đó là Niệm xứ quán thọ.

Bồ-tát nếu quán đúng như thật về tâm ở trong tên gọi ấy không sắc có thể thấy, tức không thể nắm bắt được tướng của tâm nơi đối tượng quán. Đó là Niệm xứ quán tâm trong tâm.

Bồ-tát nếu nhận biết đúng như thật về tất cả các pháp, dù thiện hay

bất thiện, tự tánh của chúng đều là không. Đó là Niệm xứ quán pháp trong pháp.

Này Thiên tử! Đó là bốn pháp Niệm xứ.

Thiên tử Phổ Hoa Tràng lại thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Tám Chánh đạo là gì?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Bồ-tát quán tất cả các pháp không phải là tướng của cảnh giới, không hai, không phân biệt, không một pháp nhỏ nào có thể nắm giữ. Đó là Chánh kiến.

Bồ-tát quán tất cả pháp xa lìa mọi sự phân biệt và nghi ngờ, tương ưng với chánh hạnh không chỗ quán. Đó là Chánh tư duy.

Bồ-tát quán tất cả pháp, tự tánh của nó là chân thật, không phải hữu biên, không phải vô biên, tất cả đều bình đẳng, giảng nói đúng như thật. Đó là Chánh ngữ.

Bồ-tát quán tất cả pháp tánh lìa đối tượng tạo tác, thì không thể nắm bắt được, nếu như chỗ tạo tác, hoặc chẳng phải chỗ tạo tác, thảy đều bình đẳng, trụ trong nghĩa như thật. Đó là Chánh nghiệp.

Bồ-tát biết tất cả pháp vốn không tương tục, nên không sân giận, vui mừng với các pháp, cũng không chấp trước, an trụ trong pháp bình đẳng chân thật. Đó là Chánh mạng.

Bồ-tát hiểu tất cả pháp không có tạo tác, lìa các tướng, tương ưng một cách như thật với hạnh tinh tấn. Đó là Chánh tinh tấn.

Bồ-tát không khởi niệm đối với các pháp, thấu tỏ các nghiệp tự tánh là thanh tịnh, trụ trong không chỗ niệm. Đó là Chánh niệm.

Bồ-tát thấu biết tự tánh của tất cả pháp là bình đẳng, xa lìa tất cả tướng của đối tượng duyên, quán sát đến tột cùng thì hiểu chúng không thể nắm bắt được. Đó là Chánh định.

Đây là tám Chánh đạo.

Thiên tử Phổ Hoa Tràng lại thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Năm Căn là gì?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Bồ-tát hiểu tất cả pháp vốn không chỗ sinh, tự tánh của nó là chân thật, không tiến, không thoái, tin hiểu một cách như thật trong pháp bình đẳng. Đó là Tín căn.

Bồ-tát không có tâm yêu thích tất cả pháp, xa lìa ý tưởng gần gũi, trụ

trong tánh chân thật. Đó là Tinh tấn căn.

Bồ-tát hiểu tất cả pháp không phải do ý tạo ra, vì là tướng của đối tượng duyên, tánh xa lìa mọi thứ. Do tánh xa lìa nên không sinh các niệm. Đó là Niệm căn.

Bồ-tát hiểu các pháp là không chỗ niệm, không chỗ thủ đắc, tương ứng với chánh định. Đó là Định căn.

Bồ-tát nơi tất cả pháp lìa tướng của đối tượng sinh và tướng không sinh, quán sát kỹ các pháp tự tánh là không. Đó là Tuệ căn.

Này Thiên tử! Đó là năm Căn.

Thiên tử Phổ Hoa Tràng lại thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Năm Lực là gì?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Bồ-tát không khởi phân biệt hư vọng về tất cả các pháp. Đó là Tín lực.

Bồ-tát có thể học hỏi nghĩa lý thù thắng như thật của tất cả các pháp. Đó là Tinh tấn lực.

Bồ-tát đối với tất cả pháp xa lìa thất niệm, tương ưng với chánh niệm. Đó là Niệm lực. Bồ-tát không có tâm biếng nhác đối với tất cả pháp xuất thế. Đó là Định lực.

Bồ-tát không mất niềm tin về nghiệp báo. Đó là Tuệ lực.

Này Thiên tử! Đó là Năm lực.

Thiên tử Phổ Hoa Tràng lại thưa với Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Bảy Giác chi là gì?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Bồ-tát hiểu tất cả hành vốn không chỗ sinh, quán tánh chân thật của các pháp hỷ lạc. Đó là Hỷ giác chi.

Bồ-tát không có tâm tham ái, chấp trước nơi các pháp, quán chúng là tướng của đối tượng duyên, không thể nắm bắt. Đó là Khinh an giác chi.

Bồ-tát hiểu tự tánh của các pháp là vô niệm, không chỗ tác ý. Đó là Niệm giác chi.

Bồ-tát suy tìm các tướng của tất cả các pháp, hiểu rõ chúng không thể thủ đắc, ghi nhớ các pháp thiện và thể hiện ra một cách như thật. Đó là Trạch pháp giác chi.

Bồ-tát quán tánh của ba cõi nên không chấp giữ tướng của ba cõi. Đó là Tinh tấn giác chi.

Bồ-tát quán tâm không chỗ thủ đắc, đối với các pháp cũng không có chỗ thấu tỏ. Đó là Định giác chi.

Bồ-tát hiểu tất cả pháp vốn không chỗ dựa nên không có chỗ trú, không có chỗ sinh ra cũng không có chỗ hiểu biết, cho nên tất cả pháp đều không chỗ quán, không thể nắm bắt, trụ trong xả bình đẳng. Đó là Xả giác chi.

Này Thiên tử! Đó là bảy pháp Giác chi.

Lược nói về các pháp bốn Niệm xứ, tám Chánh đạo, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi như vậy. Những pháp môn này nếu của Bồ-tát tu tập thì gọi là Bồ-tát hạnh, còn hàng Thanh văn tu tập thì gọi là Thanh văn hạnh. Giả sử có Bà-la-môn tịnh hạnh nào tu tập các pháp này thì gỡ được các thứ oán kết, trừ diệt mọi gai gốc, dứt các phiền não, xa lìa bệnh khổ, không sinh lo sợ, hướng về Phật đạo, trụ trong hạt giống Phật. Còn những Sa-môn đa văn đệ tử của Phật tu tập pháp này thì vượt khỏi luân hồi đạt đến bờ giác, lìa các trần cấu, được thân vô tướng, vứt bỏ gánh nặng, đến nơi an lành, được nhiều diệu lạc. Nếu các Bồ-tát quán tưởng như thật, đúng lý, tu hành đầy đủ những pháp môn này thì những Bồ-tát đó đáng nhận sự cúng dường rộng lớn của tín thí ở cõi trời, cõi người.

Vì thế các Bồ-tát ở bất cứ nơi nào trên cõi đời đều không bỏ phí cuộc sống mà luôn tạo lợi ích lớn. Lại nữa, những ai muốn vượt khỏi luân hồi, phá các ma binh, hàng phục ngoại đạo, thổi pháp loa lớn, đánh trống pháp lớn, chuyển bánh xe pháp lớn, dựng cây phướn lớn, giải thoát các khổ, đạt đại Niết-bàn thì nên tu hành đúng như lý các pháp môn thù thắng vi diệu đó.

Này Thiên tử! Trước kia ông hỏi về hạnh Bồ-tát thì các pháp này là hạnh Bồ-tát.

Khi Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường giảng nói pháp môn này cho Thiên tử Phổ Hoa Tràng nghe, trong chúng hội có ba vạn hai ngàn Thiên tử nghe pháp tin hiểu, trụ nơi pháp bình đẳng, tức thì tuôn mưa hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la và những hoa quý khác cúng dường Đức Thế Tôn và Bồ-tát Diệu Cát Tường. Cúng dường hoa xong, bèn thưa:

–Hôm nay trong pháp Phật, chúng con vừa được nghe pháp của hạnh Bồ-tát này, hãy còn được lợi ích thù thắng như vậy, huống gì là người nhất tâm lãnh hội chánh pháp này, phát sinh tin hiểu thanh tịnh, tu hành đúng như lý, nên biết người này thuận hướng về Phật đạo, đầy đủ thần thông như Bồ-tát Diệu Cát Tường.

Bấy giờ, Thiên tử Phổ Hoa Tràng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn làm cho chánh pháp này được lưu truyền rộng rãi ở đời sau, cúi mong Thế Tôn dùng oai thần lực gia trì hộ niệm.

Đức Phật bảo Thiên tử Phổ Hoa Tràng:

–Đúng thế! Đúng thế! Chư Phật Như Lai luôn tự biết thời.

Đức Thế Tôn bèn quán sát khắp đại chúng, nói:

–Các Thiện nam! Trong chúng hội đây, ai sẽ giữ gìn sự giác ngộ của Phật, hỗ trợ chánh pháp trong vô số trăm ngàn câu-chi na-du-đa kiếp?

Lúc này, trong chúng hội có ba mươi hai câu-chi chúng Đại Bồ-tát đồng thanh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nhờ thần lực của Phật xin sẽ giữ gìn sự giác ngộ của Phật, hỗ trợ chánh pháp trong lúc Phật trụ thế cũng như sau khi Phật Niết-bàn.

Lại nữa, trong chúng hội có Phạm Thiên tử tên Thắng Tư Duy từ chỗ ngồi đứng đậy, đến trước bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Đại Bồ-tát nhờ tu tập đầy đủ phước đức gì mà có thể thọ trì, đọc tụng, lưu truyền rộng rãi và giảng nói cho mọi người về chánh pháp sâu xa này?

Đức Phật bảo Thiên tử Thắng Tư Duy:

–Đại Bồ-tát tu tập đầy đủ mười Lực của Như Lai, dũng mãnh, kiên trì chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh thì nên biết vị ấy có thể giữ gìn sự giác ngộ của Phật và hỗ trợ chánh pháp.

Phạm Thiên tử Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo sự hiểu biết của con về nghĩa lý mà Phật giảng nói, người nào nghe chánh pháp về cảnh giới không thể nghĩ bàn này mà không sinh tin hiểu thanh tịnh, con biết người này không phải là Đại sĩ, không tương ưng với chánh pháp, vì vậy không được Đức Thế Tôn thọ ký.

Đức Phật bảo:

–Này Phạm Thiên tử! Đúng như lời ông nói.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Từ Thị từ nơi cảnh giới khác trở về nơi pháp hội, cùng Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong năm trăm năm sau, cúi mong Thế Tôn dùng diệu lực từ oai thần gia trì hỗ trợ chánh pháp này, làm cho chánh pháp được lưu truyền rộng rãi nơi thế gian, đem lại lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh, dù các ma muốn phá hoại cũng không thể được.

Khi ấy, vì muốn gia trì hỗ trợ chánh pháp này, nên Đức Thế Tôn quán sát khắp tất cả chúng hội một lần nữa, lập tức hằng hà sa số cõi Phật nơi

mười phương hiện đủ sáu thứ chấn động, hằng hà sa số các Đức Phật ở mười phương hiện đang nói pháp, biết được việc ấy, đều dùng thần lực gia trì hộ niệm pháp môn chân chánh này.

Lúc này, Thiên chủ Đế Thích đến trước bạch Phật:

–Thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn! Chánh pháp và cảnh giới sâu xa không thể nghĩ bàn này được chư Phật Như Lai dùng thần thông oai lực gia trì.

–Bạch Thế Tôn! Trong đời vị lai, bất cứ ở thành ấp, thôn xóm nào có thiện nam rộng giảng nói chánh pháp này cho mọi người, thì con cùng quyến thuộc sẽ đến chỗ Pháp sư ấy, âm thầm gia hộ, làm cho vị ấy tinh tấn, ngồi tòa Sư tử, dũng mãnh không sợ, không để các loại ma hại được. Con sẽ dùng Đại minh bí mật hỗ trợ, liền nói chú: Đát diệt tha, ôn khiết, mục khiết, tô mục khiết, bát ra ma lị na xưng, bạn nhạ xưng, tam bạn nhạ xưng, phược lị sa thiết na xưng, vị đát ra phạt đế mạt một đề.

Bạch Thế Tôn! Bất cứ nơi nào có Pháp sư thuyết pháp, con sẽ ở xung quanh người ấy tụng chú này, thực hiện trì ấn Kim cang gia hộ, để chánh pháp được lưu thông rộng rãi.

Bấy giờ, trong cõi trời Tam thập tam có một Thiên tử tên Ngu-bát-ca, sinh lên cõi trời ấy chưa bao lâu, đã đến pháp hội này, ở trên hư không, nghe được chánh pháp và thấy việc hy hữu liền mưa hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, các thứ hoa quý và những thứ châu báu đặc biệt để cúng dường Đức Thế Tôn, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng pháp được nêu giảng. Cúng dường xong, vị ấy từ nơi hư không đi xuống, nhiễu quanh Phật ba vòng, đảnh lễ sát chân Phật, đem vòng trân châu dài năm trăm khuỷu tay, vòng ấy được trang sức bằng những vật báu để cúng dường Đức Thế Tôn, rồi thưa:

–Thật hy hữu thay! Đức Thế Tôn! Chánh pháp sâu xa rộng lớn này sẽ tạo nhiều lợi ích cho chúng sinh đời vị lai. Ở bất cứ thôn xóm, thành ấp nào có các thiện nam thọ trì chánh pháp này, nên biết người ấy từ Phật sinh ra, giữ gìn sự giác ngộ của Phật, chuyển bánh xe pháp lớn.

Đức Phật bảo Thiên tử Ngu-bát-ca:

–Thật đúng như lời ông nói. Ở đời sau, tại bất cứ thành ấp, thôn xóm nào có các thiện nam thọ trì pháp này, ta nói người ấy từ Phật sinh ra, giữ gìn sự giác ngộ của Phật, chuyển bánh xe pháp lớn.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Ông hãy thọ trì chánh pháp về cảnh giới không thể nghĩ bàn này.

Lại bảo:

–Ông nên thọ trì chánh pháp về cảnh giới không thể nghĩ bàn này. Vào đời sau, ông hãy lưu truyền rộng rãi, đừng để dứt mất, khiến cho chúng sinh được lợi lạc.

Bồ-tát Diệu Cát Tường bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, con nguyện phụng trì. Như lời Phật dạy con nguyện phụng trì. Lúc Phật còn ở đời và sau khi Phật nhập diệt, trong năm trăm năm vào thời kỳ chánh pháp cho đến thời kỳ sau cùng, chánh pháp sắp diệt, nhờ oai lực gia trì của Như Lai, con sẽ hỗ trợ, giảng nói lưu truyền. Nếu có thiện nam nào thuyết giảng chánh pháp này cho mọi người, con sẽ đến chỗ vị ấy, ẩn thân không hiện, nghe chánh pháp vị ấy giảng, rồi tùy hỷ phổ biến, khen ngợi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy thọ trì chánh pháp này, diễn thuyết, lưu hành khắp cho mọi người. Này A-nan! Chúng sinh nào thọ trì, đọc tụng một bài kệ bốn câu nơi chánh pháp này, nên biết người ấy chắc chắn sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác, thường được chư Phật xem xét. A-nan! Giả sử có người đem mọi châu báu hiện có trong tất cả cõi Phật nơi mười phương để cúng dường chư Phật thì phước đức có được không bằng phước đức người phát sinh tịnh tín, nghe nhận pháp này. Phước đức đó thật vô lượng vô biên.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gì? Chúng con nên phụng trì thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này tên là Chánh Pháp Về Cảnh Giới Không Thể Nghĩ Bàn, hay Phổ Hoa Tràng Thiên Tử Sở Vấn Bồ-tát Diệu Cát Tường Du Hý Thần Thông, Như Lai Bí Mật Pháp Ấn Bất Thoái Chuyển Pháp Môn, nên thọ trì như thế.

Nghe Đức Phật nói kinh này xong, các Đại Bồ-tát như Diệu Cát Tường và Thiên tử Phổ Hoa Tràng cùng các hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà…. tất cả đại chúng đều vui mừng khôn xiết, tín thọ, vâng làm.

-oOo-

SỐ 844

PHẬT THUYẾT ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VỊ TẰNG HỮU KINH, PHẨM PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ

Bấy giờ, có Bồ-tát Ma-ha-tát tên là Đại Ý, ở trong chúng hội, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay cung kính, đến trước Phật đảnh lễ, rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các vị tu hạnh Bồ-tát, theo những phương tiện gì để khỏi bị nhiễm đắm nơi cảnh của năm dục? Tuy thường tiếp xúc nhưng không bị chướng ngại?

Đức Thế Tôn liền khen Bồ-tát Đại Ý:

–Lành thay, lành thay! Này Bồ-tát Đại Ý! Ông gọi là hơn hẳn nên thấy được ý nghĩa tối thượng ở trong chúng hội đã hỏi Đức Như Lai về việc này. Các vị tu hạnh Bồ-tát, nơi đời vị lai, ở chỗ Phật gieo trồng nhiều căn lành, nên gọi là phương tiện thiện xảo, được các Đức Phật gây dựng.

Bồ-tát Đại Ý lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong đời vị lai, các vị tu hạnh Bồ-tát, ở chỗ của chư Phật, làm thế nào để gieo trồng nhiều căn lành? Vì lợi lạc cho tất cả chúng sinh, cúi xin Thế Tôn nêu bày rộng rãi.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ giảng nói. Nếu như có người hành bố thí một phần nhỏ, lại có thể khởi sự tăng trưởng, rộng vì tất cả chúng sinh phát huy tâm thiện tối thắng, công đức có được đều đem hồi hướng cho tất cả chúng sinh, thì thiện lợi như vậy là không có cùng tận.

Ví như trận mưa lớn tuôn xuống biển cả, như vậy số lượng những hạt mưa không thể nhận biết, nó cứ liên tục rơi xuống, không có cùng tận. Công đức có được của người thực hành bố thí, khéo đem hồi hướng cho tất cả chúng sinh, cũng lại như vậy. Các pháp lành cứ lần lượt phát triển cũng lại vô tận, cho đến thành Phật, các điều thiện đều được viên mãn.

Lại nữa, này Bồ-tát Đại Ý! Nếu lại có người, thấy nơi đàn tràng liền

cúng một nén hương. Khi cúng nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh đều được giới hương tối thượng, tất cả niềm an lạc đều được như ý."

Nếu cúng dường một đóa hoa, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh dù ở cõi trời hay cõi người, đều thọ sự cúng dường bình đẳng.

Nếu cúng dường một ngọn đèn, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh mở bày được mắt mù, dứt trừ hết tối tăm, được ánh sáng lớn chiếu khắp, như ánh sáng mặt trời, mặt trăng.

Nếu cúng dường hương xoa dùng để trang sức, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh sẽ được tướng màu vàng ròng, được hương xoa trời để trang sức.

Nếu cúng dường y phục, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh đầy đủ sự hổ thẹn, lìa xa mọi lỗi lầm.

Nếu cúng dường một nắm cơm, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh đều được cam lồ quý giá, nhất định đạt được pháp tối thượng, đầy đủ vị cam lồ diệu lạc.

Nếu cúng dường chuông, linh, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh đều được Phạm âm tối thượng, thanh tịnh vi diệu, làm cho người nghe thích thú.

Nếu cúng dường dù lọng, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh xa lìa mọi nạn mưa gió, được sự mát mẻ bao trùm tất cả.

Nếu cúng dường cờ phướn, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh thân như vầng trăng sáng, trong suốt, quang đãng, ánh sáng ấy chiếu khắp, khiến mọi người trong thế gian đều ưa thích.

Nếu cúng dường phất báu, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh lìa mọi trần cấu, thân luôn thanh tịnh, có tiếng tốt, an lành tối thượng, mọi chỗ thích ứng đều đầy đủ.

Nếu cúng dường vật trang nghiêm, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh sẽ đạt được công đức báu của tất cả chư Phật, các vật dụng trang nghiêm của chư vị Bồ-tát.

Nếu cúng dường ca nhạc, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh được nhĩ căn thù thắng, thường nghe âm thanh vi diệu của chư Phật.

Nếu cúng dường thuyền bè, xe cộ, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh được xe tối thượng, lại tùy theo chỗ ưa thích của chúng sinh mà bố thí hết thảy, được tướng đồng tử, nhu hòa, dịu dàng, tươi đẹp, thọ hưởng mọi diệu lạc của chư Thiên, những việc bố thí đều thích hợp vui vẻ, tự tại.

Nếu cúng dường hương chiên-đàn, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh trang nghiêm đầy đủ ba mươi hai tướng Đại trượng phu, cho đến tuôn ra hương vi diệu từ tướng Vô kiến đảnh.

Nếu cúng dường tọa cụ, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh thọ hưởng mọi giàu có, sung sướng của chư Thiên, dù ở nơi nào cũng được ngồi nơi tòa Kim cang tối thắng, tối thượng.

Nếu cúng dường ngọa cụ, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh được niềm vui vừa ý, tối thượng.

Nếu cúng dường tăng phòng, nhà ở, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, được ở nơi lầu gác báu vi diệu, vừa ý, đầy đủ bốn Thần túc.

Nếu cúng dường đất trống, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh sẽ được an trụ nơi bậc mười địa tối thắng vi diệu, mau đạt được Phật địa viên mãn, tối thượng.

Nếu cúng dường bà con quyến thuộc, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh luôn được sự hộ vệ bền chắc, không thể phá hoại của các hàng Trời, Người, A-tu-la…. ở thế gian. Những việc bố thí tối thắng, tối thượng không gì sánh bằng.

Nếu cúng dường thuốc thang, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh cũng như cây thuốc lớn, lìa xa mọi thứ bệnh khổ, sẽ được thân Kim cang bất hoại, trang nghiêm tất cả, luôn được sự vui thích diệu lạc tối thượng.

Nếu cúng dường gương sáng, nguyện cho tất cả chúng sinh sáng như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, chiếu soi khắp tất cả.

Nếu cúng dường bình đựng nước, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh được bình lớn tốt, luôn tuôn ra nước pháp, làm thấm nhuần hết thảy.

Nếu cúng dường cây cối, vườn rừng, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh thân như cây đại thọ sống lâu.

Nếu cúng dường tô, lạc, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, được thọ hưởng vị an lạc tối thượng.

Nếu cúng những vật ngon ngọt, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh được lạc vị an lạc, nhẹ nhàng, đáng ưa thích tối thượng.

Lại nữa, các vị tu hạnh Bồ-tát, nếu thấy tất cả nam nữ nô tỳ, nên khởi lên ý này: "Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa xa mọi nỗi ưu não khổ bức bị trói buộc của ái ân, hết thảy đều được diệu lạc tự tại."

Nếu khi chứng kiến cảnh khổ, nên khởi lên ý này: "Nguyện cho tất cả chúng sinh lìa bỏ các khổ, được giải thoát tự tại bằng với chư Phật."

Nếu đối với tất cả chúng sinh nên khởi lên ý tưởng cung kính, tôn

trọng như Cha mẹ, Sư trưởng, A-xà-lê… Như vậy nơi đời vị lai, dù sinh ra ở cõi trời hay cõi người, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, luôn điều phục được các căn, xa lìa tất cả khổ.

Nếu ở trong cảnh của năm thứ dục lạc, nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh luôn được như ý với những gì mình mong muốn, tất cả đều đầy đủ hạnh thù thắng của Bồ-tát."

Nếu lúc tắm rửa, nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh lìa xa mọi trần cấu, được thanh tịnh không uế nhiễm, ngang bằng với chư Phật."

Nếu vào vườn rừng nơi chùa chiền, phòng xá và các nơi chốn khác, nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh được vào pháp môn giải thoát tối thượng."

Nếu ra khỏi mọi nơi chốn nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, mau ra khỏi luân hồi, trụ nơi pháp an lạc."

Nếu khi ăn uống nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, lìa các nẻo ác, cắt đứt ý tưởng ăn uống."

Nếu đối với quyến thuộc, nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, tránh xa mọi tranh chấp, tạo thương yêu, kính mến lẫn nhau, cùng làm Thiện tri thức, từ hòa, bình đẳng với nhau."

Khi mở cửa nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, mở cửa giải thoát, tất cả đều được vào."

Khi đóng cửa, nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, đóng cửa nẻo ác, không còn phạm vào nữa.

Lúc đi đường, nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, tu hành đúng lý, thuận theo đường chánh."

Nếu khi đi thuyền hay đi xe nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, luôn được đi xe tối thượng, tiến đến đường Chánh giác."

Nếu khi sắp qua sông, nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh vượt qua khỏi các khổ của địa ngục, không còn bị đọa lại nữa."

Nếu có những lúc bàn luận nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh luôn chánh niệm trong hiện tại, các pháp được viên mãn."

Nếu thấy người nổi giận, liền sinh hoan hỷ, khởi ý nghĩ như vầy: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh chấm dứt mọi giận dữ độc hại, tránh xa sự nhiễu loạn của ma quỷ."

Nếu lúc thuyết giảng pháp thiện nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh đạt được trí tuệ biện tài vô ngại của chư Phật."

Nếu ở nơi chốn vui cười, ca nhạc, ngâm vịnh, nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, lúc nào cũng sẵn niềm hoan hỷ, luôn thọ hưởng mọi giàu có, vui sướng, tự tại."

Khi ngủ nghỉ nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh luôn khởi tâm tối thượng, lìa xa mọi thứ đen tối, vô trí, trần cấu, khi làm các việc gì cũng đều được Phật hộ niệm và trụ vào trí viên mãn."

Lúc đi kinh hành, nên khởi lên ý này: "Nguyện cho khắp tất cả chúng sinh, luôn bước trên nẻo Thánh đạo."

Nghe pháp này rồi, Bồ-tát Đại Ý liền sinh hoan hỷ, lại bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn khéo giảng nói pháp ấy, làm cho nghiệp thân, khẩu, ý của người hành Bồ-tát hạnh có làm việc gì cũng đều là thiện, luôn được chư Phật cùng thâu nhận. Tất cả chúng sinh nơi các đường ác đều được Phật cứu độ. Bạch Thế Tôn! Như Ngài nói, ở đời vị lai các vị tu hạnh Bồ-tát, khéo nêu bày phương tiện, nếu hợp với việc làm này thì mới gọi là tu hạnh Bồ-tát.

Đức Phật khen Bồ-tát Đại Ý:

–Đúng vậy, đúng vậy! Các vị tu hạnh Bồ-tát, nếu học như vậy liền được lòng tin kiên cố, không còn bị thoái chuyển, chủng tử đầy đủ, phát ra hiện hành. Bồ-tát Đại Ý nên biết! Đây là tướng thù thắng của Bồ-tát, lại là phương tiện thiện xảo tối thượng. Vậy nên các ông, đối với chánh pháp này phải hết sức siêng năng tu tập cùng đem diễn nói cho người khác.

Nghe Phật giảng nói pháp này xong, Bồ-tát Ma-ha-tát Đại Ý hoan hỷ khen ngợi, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, rồi lui ra đứng một bên.

-oOo-

SỐ 845

PHẬT THUYẾT TÔN-NA KINH

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Thuở nọ, Đức Thế Tôn ở tại rừng Cù-sư-la, thuộc nước Kiều-thiểm-di. Khi ấy có đại Tôn giả Tôn-na đến chỗ Phật chí thành cung kính đảnh lễ sát chân Phật. Lễ rồi, đứng sang một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Công đức vô tận có thể đạt được chăng? Cúi xin Thế Tôn vì con giảng nói rõ.

Đức Phật liền khen Đại Tôn giả Tôn-na:

–Lành thay, lành thay! Ông có thể hỏi Đức Như Lai về công đức vô tận. Vậy ông hãy lắng nghe, Ta sẽ giảng nói.

Này Tôn-na! Công đức vô tận đó thật là hết sức sâu xa vi diệu, tiếng tăm được vang khắp. Nếu người có tâm quy kính thì nhất định sẽ gặt được quả báo lớn. Công đức này có bảy thứ, ai tu tập được thì tiếng tăm vang khắp nơi. Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát tâm chí thành, thực hành đầy đủ pháp này thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, công đức đó không thể nghĩ bàn, không thể so sánh. Những gì là bảy?

Này Tôn-na! Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào phát lòng tin rộng lớn, cúng dường vườn rừng, ao tắm để làm nơi kinh hành, tới lui ngơi nghỉ cho chúng Tăng bốn phương. Này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ nhất. Ai được như vậy thì nhất định quả báo lớn và tiếng tăm vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành đầy đủ pháp này thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát lòng tin rộng lớn, xây cất tịnh xá ở trong rừng để cho chúng Tăng, có chỗ an nghỉ, này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ hai, được như vậy nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến tiếng tăm được vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ

nào thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát lòng tin rộng lớn, cúng dường ngọa cụ, giường ghế, mền, nệm, áo quần và những đồ cần dùng trong tinh xá cho chúng Tăng, này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ ba. Được như vậy, nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến tiếng tăm vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát tâm chí thành thực hành đầy đủ pháp này thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát lòng tin rộng lớn, cúng dường của cải, lúa gạo cho chúng Tăng ở nơi tinh xá ấy, này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ tư. Được như vậy, nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến tiếng tăm vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát lòng tin rộng lớn, thường lui tới chỗ ở của chúng Tăng, cúng dường những đồ cần dùng, này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ năm. Được như vậy, nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến tiếng tăm vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát tâm chí thành thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát lòng tin rộng lớn: Hay bố thí cho những người bệnh khổ và cũng bố thí cho những ai thăm bệnh, này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ sáu. Được như vậy, nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến danh tiếng vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát tâm chí thành thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát lòng tin rộng lớn, sắm sửa các thứ thức ăn uống, thuốc thang, ngọa cụ, giày dép… đem cúng dường, cung cấp cho chúng Tăng, trong lúc gặp cảnh sương tuyết ngưng đọng, giá buốt, gió mưa lạnh rét, để cho chúng tăng không còn bị mưa gió làm ướt rét nữa, nhờ sự cúng dường ấy nên được an lạc. Này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ bảy. Được như vậy nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến tiếng tăm vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát tâm chí thành thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức

vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Này Tôn-na! Bảy công đức vô tận này, nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm chí thành thực hành đầy đủ các pháp này, thì nhất định sẽ thu đạt được công đức vô tận, không thể nghĩ bàn, không thể kể hết. Do công đức ấy quá nhiều nên gọi là "khối công đức lớn".

Này Tôn-na! Ví như năm con sông lớn nước thường tuôn chảy, đó là sông Căng-già, sông Diêm-mẫu-na, sông Tát-la-dụ, sông Ái-la-phược-đế và sông Mạt-sí. Nước của năm con sông ấy không thể lượng tính. Như vậy, nước của năm con sông này, cho đến đối với dụng cụ đựng đầy nước, thì số lượng nước nơi sông kia gấp trăm, ngàn, trăm, ngàn, ức. Vì lượng nước quá nhiều nên gọi là khối nước. Công đức vô tận cũng lại như vậy.

Này Tôn-na! Nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành trọn vẹn bảy thứ công đức vô tận này thì sẽ thu đạt công đức là không thể nghĩ bàn, không thể kể hết, cho đến danh tiếng và phước báo cũng rất to lớn. Do công đức quá nhiều nên gọi là "khối công đức lớn".

Khi ấy, Tôn giả Tôn-na lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Công đức vô tận ấy, nếu người nào thực hành một cách đầy đủ về pháp chân thật không hư dối này, thì nhất định thu đạt được quả báo lớn và danh tiếng sẽ vang khắp.

Đức Phật bảo Đại Tôn giả Tôn-na:

–Theo như lời ông nói, thì chắc chắn là thu đạt được công đức và quả báo đúng như vậy.

Phật nói:

–Này Tôn-na! Lại có bảy thứ pháp công đức vô tận, nếu ai hành trì thì sẽ thu đạt quả báo lớn và danh tiếng vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, phát tâm chí thành thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Những gì là bảy?

Này Tôn-na! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin thanh tịnh, nghe Như Lai giảng nói pháp hoặc chúng Thanh văn kinh hành các chốn hay nghỉ lại nơi các làng xóm, thành, ấp giảng nói, nghe rồi thì tâm sinh hoan hỷ, khởi lên ý thiện, phát tâm Bồ-đề. Này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ nhất. Như vậy thì nhất định thu đạt quả báo lớn, tiếng khen vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành đầy đủ pháp này, thì trong

bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin thanh tịnh, nghe Như Lai và chúng Thanh văn hoặc ở tại các làng xóm, hay đến những thành ấp giảng nói pháp, nghe vậy rồi tâm sinh hoan hỷ, khởi lên ý thiện, phát tâm Bồ-đề. Này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ hai, được như vậy thì nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến danh tiếng vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ có lòng tin thanh tịnh, thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin thanh tịnh, nghe Như Lai hoặc chúng Thanh văn ở nơi đường rẽ giảng nói pháp, nghe vậy rồi tâm sinh hoan hỷ, khởi lên ý thiện, phát tâm Bồ-đề. Này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ ba. Được như vậy thì nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến danh tiếng vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin thanh tịnh, nghe Như Lai hoặc chúng Thanh văn đến xóm làng hoặc thành ấp giảng pháp, nghe rồi tâm sinh hoan hỷ khởi lên ý thiện, phát tâm Bồ-đề. Này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ tư. Được như vậy thì nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến danh tiếng vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin thanh tịnh, nghe Như Lai và chúng Thanh văn ở nơi xóm làng hoặc tại thành ấp giảng nói pháp, đích thân đến gần gũi, lễ bái, chiêm ngưỡng. Chiêm ngưỡng rồi sinh tâm hoan hỷ, khởi lên ý thiện, phát tâm Bồ-đề. Này Tôn-na! Đây là công đức thứ năm. Được như vậy thì nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến tiếng tăm vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin thanh tịnh, đến chỗ Phật hay đến chỗ các Thanh văn để lễ bái chiêm ngưỡng, nghe diệu pháp. Nghe rồi, sinh tâm hoan hỷ, khởi lên ý thiện, phát tâm Bồ-đề. Này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ sáu. Được như vậy, nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến danh tiếng vang khắp. Nếu thiện nam, thiện nữ

nào thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Lại nữa, này Tôn-na! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin thanh tịnh, nghe giáo pháp từ Phật hay Thanh văn, rồi khởi lên ý thiện, quy y Phật, Pháp, Tăng, lại còn thọ trì giới pháp thanh tịnh của Như Lai. Này Tôn-na! Đây là công đức vô tận thứ bảy. Được như vậy, nhất định thu đạt quả báo lớn, cho đến danh tiếng vang khắp. Này Tôn-na! Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát tâm chí thành thực hành đầy đủ pháp này, thì trong bốn oai nghi, công đức vô tận của người ấy luôn được tăng trưởng, không thể nghĩ bàn, không thể so sánh.

Này Tôn giả Tôn-na, bảy thứ pháp công đức vô tận như vậy, nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành đầy đủ, thì nhất định sẽ thu đạt được công đức không thể hạn lượng.

Này Tôn-na! Bảy thứ pháp công đức vô tận này, nếu có thiện nam, thiện nữ nào, phát tâm chí thành thực hành một cách đầy đủ, thì công đức vô tận đạt được là không thể so lường. Thế thì công đức, danh tiếng và quả báo lớn đó rất nhiều nên gọi là "khối công đức lớn".

Lại nữa, này Tôn-na! Ví như năm con sông lớn nước thường chảy là sông Căng-già, sông Diêm-mẫu-na, sông Tát-la-dụ, sông Ái-la-phược-đế và sông Mạt-sí. Nước của năm con sông này là không thể lượng xét. Như vậy, nước các sông ấy, cho đến những vật đựng đầy nước, dù cho số đếm đến trăm, ngàn, trăm ngàn, ức cũng không thể tính đếm được, vì lượng nước ấy rất nhiều nên gọi là khối nước. Công đức vô tận cũng lại như vậy.

Này Tôn-na! Bảy thứ pháp công đức vô tận, nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành một cách trọn vẹn, thì công đức đạt được là không thể nghĩ bàn, không thể kể hết, cho đến danh tiếng vang khắp, công đức nơi quả báo cũng rất nhiều, nên gọi là "khối công đức lớn".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tu thiền định thanh tịnh
Chỉ tu theo Thánh tích
Được báu nhiều hơn biển
Như sông giúp muôn loài.
Nước sông không hạn lượng
Các sông chảy từ nguồn
Bố thí được nhiều phước
Như sông chảy ra biển.

Nghe Phật giảng nói rồi, Đại Tôn giả Tôn-na hoan hỷ đảnh lễ, tín thọ

phụng hành.

-oOo-

SỐ 846

KINH NGOẠI ĐẠO VẤN THÁNH ĐẠI THỪA PHÁP VÔ NGÃ NGHĨA

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Pháp Thiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong đại chúng. Khi ấy, có ngoại đạo không hiểu về hạnh Đại thừa, có điều nghi ngờ muốn được giải bày, nên đến chỗ ở của Đức Phật, cúi đầu cung kính chắp tay hỏi về nghĩa của vô ngã:

–Đại Trượng Phu là Bậc Nhất Thiết Trí, thường giảng nói thân này vô ngã. Nếu thân vô ngã, bản tánh cũng không thì tại sao nói có các việc buồn, khóc, vui, cười, yêu, ghét, nói hai lưỡi…?

Những sự việc ấy do đâu sinh ra?

Điều này làm tôi nghi ngờ, xin Như Lai thương xót giải trừ cho.

Theo lời Như Lai đã giảng nói, thân và bản tánh có hay không như thế nào?

Phật bảo ngoại đạo:

–Nay ông hãy lắng nghe và ghi nhận. Ta sẽ vì ông, giảng nói rõ.

Phật nói:

–Thân và bản tánh, thể của nó vốn không, nói có hoặc không thì trở thành hai pháp. Nói có thì đấy là hư vọng.

Phật nói:

–Nên quán sát về toàn thân từ tóc, móng, da, lông, hai tay, hai chân, cho đến thịt, gân, ruột, gan, xương, tủy, các thứ khắp bên trong, bên ngoài, cũng không thấy có bản tánh.

Ngoại đạo nói:

–Này Bậc Đại Trượng Phu! Nếu Ngài nhìn những thứ đó, không thấy bản tánh thì tôi dùng nhục nhãn làm sao có thể thấy được. Vậy dùng Thiên nhãn thì có thể thấy được bản tánh chăng?

Phật bảo:

–Thiên nhãn nhìn những thứ ấy thì thấy không có sắc, không có tướng, không có trụ. Đây là thấy mà chẳng phải thấy.

Ngoại đạo hỏi:

–Nếu nói như vậy, thì Đại Thánh vọng ngữ. Nếu chúng chẳng có thật thì tại sao thấy có khóc, cười, vui đùa, tức giận, yêu ghét, nói hai lưỡi…? Như thế tại sao nói là không? Lại nói hoặc có hoặc không thì trở thành hai nghĩa.

Lại hỏi:

–Này Bậc Đại Trượng Phu! Nếu không thể nói được là có hay không, thì tại sao nói có chỗ vướng mắc, không chỗ vướng mắc? Lại hỏi về không ấy, nghĩa như thế nào?

Phật nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Không chẳng phải là sự thật, thể của nó không thể đạt được.

Ngoại đạo nói:

–Nếu như vậy thì các sự việc như cười, khóc, đùa vui, tức giận, yêu, ghét, nói hai lưỡi… mà tôi thấy được là như thế nào?

Phật bảo:

–Nó như mộng, như huyễn, như biến hóa, như tướng của ảnh tượng.

Ngoại đạo hỏi:

–Tướng của mộng như thế nào? Tướng của huyễn hóa, tướng của ảnh tượng như thế nào?

Phật nói:

–Huyễn hóa chẳng phải là thật tướng, hư không không thể nắm giữ, mộng vốn không, như bóng nước, ảnh tượng không có hình sắc, hư dối không thật. Chỗ thấy là như vậy, cho đến tất cả các sự việc đều như huyễn, như hóa, như mộng, như ảnh tượng, nên thấy như vậy.

Lại nữa, có hai loại kiến giải: Trang nghiêm, Chân như. Trang nghiêm ấy đây gọi là ngã, đây gọi là người, gọi là nhân ngã, gọi là người thế gian, tư duy, cho đến tài sản, nam nữ, anh em, thê thiếp, đều do tâm tư duy mà trang nghiêm. Các pháp vừa nói kia vốn không có ta, không có người, không có nhân, không có thọ mạng, không có nhân ngã, không có hữu tình, không có thế gian, không có kiến giải, không có tài sản, không có nam nữ, không có bạn bè, không có thê thiếp, tất cả những thứ đó đều không thấy có tự tánh. Thế nào là xuất thế gian? Trang nghiêm quả báo có thiện ác sinh diệt. Dùng chân như trang nghiêm quả báo không có thiện, không

có ác, không sinh, không diệt, không có phiền não, không có diệu lạc, mà các pháp kia mỗi mỗi là như vậy. Lại nữa, thế gian và xuất thế gian, hai thứ trang nghiêm này khiến các loài hữu tình, nhân nơi trang nghiêm mà sinh phiền não, khiến ở trong luân hồi xoay vần nhiều kiếp, không biết về chân như. Người biết pháp, suy nghĩ về sự trang nghiêm thì sợ hãi khổ thọ này, vì điều ác của khổ thọ ấy làm xa lìa giải thoát, không thấy được đạo.

Loài hữu tình ngu si, do mê chấp bị luân chuyển theo sinh tử, đọa trong cõi ác, hành động theo các pháp thế gian không thấy chân như, nên luân hồi mãi, cũng như dệt lưới, dùng sợi chỉ cho chạy đi chạy lại. Như mặt trời, mặt trăng xoay chuyển có ngày và đêm, thay đổi ở trong thế gian. Các hành vô thường, không bao lâu thì bị hoại diệt. Luân chuyển xoay vần trong sinh tử, cũng lại như vậy, nhưng thể của chân như thì lìa trang nghiêm. Lại như Người, Trời, Càn-thát-bà… và hàng nữ giới ở cõi trời do quả báo trang nghiêm bị đọa trong tất cả các cõi. Nhưng cũng có người thọ trì thần chú thành tựu. Dạ-xoa, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, tất cả vì quả báo trang nghiêm nên bị đọa địa ngục. A-tu-la hoặc dùng thần thông của mình mà tạo công đức, dùng tất cả để có quả báo trang nghiêm hoặc sinh vào cõi trời kia. Như vua Đế Thích, vua Chuyển luân, có đầy đủ đức tối thượng, tất cả vì quả báo trang nghiêm nên bị sinh trong loài súc sinh. Bậc trí trong mọi lúc, cần phải xa lìa cái vui tối thượng ở cõi trời, thường quán tâm Bồ-đề sáng rõ thông suốt, không có tự tánh, không chướng ngại, cũng không chỗ trụ, tất cả đều không, cũng xa lìa tất cả hý luận.

Này ngoại đạo! Tướng của tâm Bồ-đề là không cứng, không mềm, không nóng, không lạnh, không tiếp xúc được, không nắm bắt được. Lại nữa, tướng của tâm Bồ-đề là không dài, không ngắn, không tròn, không vuông, không mập, không ốm. Lại nữa, tướng của tâm Bồ-đề là không trắng, không đen, không đỏ, không vàng, không màu sắc, không hình tướng. Tâm Bồ-đề kia không có tướng tạo tác, không hiển bày, không tánh, không trói buộc, cũng như hư không, không có màu sắc, tướng của tâm Bồ-đề lìa mọi sự quan sát.

Này ngoại đạo! Ông nên biết, tâm Bồ-đề và Bát-nhã ba-la-mật-đa tương ứng nhau! Lại nữa, tướng của tâm Bồ-đề tự tánh thanh tịnh, không vật gì có thể ví dụ được, không thể nhìn thấy. Đây là chỗ tối thượng. Lại nữa, tướng của tâm Bồ-đề không như hình tượng các vật, cũng không phải vật tương tự, như bọt nước tụ lại, tuy thấy nhưng nó chẳng thật có, như huyễn hóa, như bóng nước. Ví như nặn đất làm thành những vật dụng, đặt đủ thứ tên nhưng tất cả chỉ là hý luận. Tham, sân, si… cũng là huyễn hóa,

chỉ có một vị là không. Như sự dừng lại của ánh điện chớp, chỉ trong sát-na là không còn nhìn thấy, quán Bát-nhã ba-la-mật và làm các việc thiện cũng lại như vậy. Cho đến nói, cười, đùa vui, ca múa, sung sướng, ăn uống, ái dục, tất cả đều như mộng. Các hành của loài hữu tình, cuối cùng thể của nó cũng là không, tâm cũng ví như hư không, thì nghi ngờ do đâu phát sinh. Thực hành hạnh Bát-nhã, thường thuận theo pháp quán này, thấu rõ tánh của tất cả các pháp, như vậy tự nhiên giải thoát, đạt đến chỗ tối thượng.

Chư Phật đã dạy Bồ-đề vô thượng do đấy sinh ra. Nên quán pháp này, người quán pháp này đạt được Niết-bàn tối thượng. Cho đến quá khứ đã tạo các tội lỗi đều được tiêu trừ, sinh khởi công đức vô lượng, ở trong đời này không nhiễm các lỗi lầm, tinh tấn quan sát, thực hành, quyết định thành tựu. Nếu không tương ứng với chân như, nên niệm chú Phi chân như và ấn Kim cang linh chân như vô sinh mà phát khởi, thực hành tạo tương ứng với chân như, quyết định đạt được công đức viên mãn như trên.

Bấy giờ, ngoại đạo nghe Phật giảng nói như vậy, rồi suy nghĩ quán sát kỹ lời dạy đó, lưới nghi kia được đoạn trừ. Ngoại đạo quán sát như vậy rồi được trụ vào Đại thừa, chiêm ngưỡng Thế Tôn, vui vẻ đảnh lễ mà lui ra.

-oOo-

SỐ 847

ĐẠI THỪA TU HÀNH BỒ-TÁT HẠNH MÔN CHƯ KINH YẾU TẬP

Hán dịch: Đời Đường,
Sa-môn Thích Trí Nghiêm.

QUYỂN THƯỢNG

Tập yếu các kinh gồm có bốn mươi hai bộ.

Môn của Bồ-tát hạnh gồm có sáu mươi sáu điều, nêu đủ ra như sau:

1. Rút ra từ kinh Tượng Dịch *(nói rõ ba hạnh)*:

-Hiểu rõ sáu hạnh Ba-la-mật.

-Bồ-tát tu hạnh vì chúng sinh nên sinh vào sáu nẻo, thọ mọi diệu lạc.

-Hạnh Bồ-tát dụ như hư không.

2. Rút ra từ kinh Diệu Pháp Quyết Định Nghiệp Chướng *(nói rõ ba hạnh)*:

-Chỉ dạy hạnh Bồ-tát, biểu thị Thiện tri thức, không thoái chuyển nơi nhân Bồ-đề.

-Tuy hủy báng chánh pháp, nhưng pháp đã hội nhập nên sẽ thành tựu Phật đạo.

-Hiểu hai mươi bốn thứ danh hiệu của Đại thừa.

3. Rút ra từ kinh Duy-ma-cật Sở Vấn *(nói rõ hai hạnh)*:

-Hiểu chủng tánh của Phật, nhân đó phát khởi tu hạnh Bồ-tát.

-Hiểu nhân duyên công đức của sự xuất gia.

4. Rút ra từ kinh Phương Quảng Như Lai Trí *(nói rõ hai hạnh)*:

-Hiểu chẳng phải là Thiện tri thức thì không nên ở chung.

-So sánh đạo hạnh của Thanh văn và tu hành hạnh Bồ-tát, có cạn sâu.

5. Rút ra từ kinh Thắng Nghĩa Đế Phẩm *(nói rõ hai hạnh)*:

-Bồ-tát tu hạnh phát khởi mười loại, hạnh nguyện, mau thành tựu Phật đạo.

-Hiểu Bồ-tát tu hành mười loại giới hạnh, thành tựu sáu Ba-la-mật.

6. Rút ra từ kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa *(nói rõ bốn hạnh)*:

-Bồ-tát tu hạnh mới đầu tu Bố thí ba-la-mật, nhân không tán loạn, phát khởi Bồ-đề.

-Hiểu Bồ-tát tu hành sợ tâm Bồ-đề bị tán loạn nên thâu giữ niệm nơi sáu Ba-la-mật.

-Giải thích nhân duyên của phiền não.

-Hiểu rõ về Bồ-tát tu hành mới đầu là phát khởi tâm Bồ-đề, chuyên trì sáu Ba-la-mật.

7. Rút ra từ kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thiện Tài Đồng Tử *(nói rõ một hạnh)*:

-Nêu thí dụ: Bồ-tát mới tu hành phát khởi Bồ-đề, đối chiếu với đạo hạnh của hàng Thanh văn.

8. Rút ra từ kinh Bảo Kế Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Hiểu Bồ-tát tu hành trì giới thanh tịnh, thực hành sáu Ba-la-mật.

9. Rút ra từ kinh Diễn Pháp Sư Phẩm *(nói rõ hai hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành so sánh với giáo pháp Thanh văn.

-Lại hiểu rõ về môn tu hành Bồ-tát hạnh nơi các cõi.

10. Rút ra từ kinh Quyết Định Tỳ-ni *(nói rõ hai hạnh)*:

-Hiểu Bồ-tát tu hành và người hành Thanh văn giữ gìn giới hạnh như thế nào.

-Hiểu rõ về nhân nặng nhẹ của ba độc.

11. Rút ra từ kinh Biến Thanh Tịnh Tỳ-ni *(nói rõ hai hạnh)*:

-So sánh về giới hạnh của Bồ-tát tu hành với giới hạnh của Thanh văn.

-Điều phục nơi tâm.

* Mười một bộ trên gom vào quyển Thượng.

-oOo-

12. Rút ra từ kinh Hải Tuệ Bồ-tát Sở Vấn *(nói rõ tám hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành, giả sử phạm sáu Ba-la-mật, thì dùng phương tiện thiện xảo để có thể thành tựu, không phạm.

-Đức Phật nói nghĩa thâm diệu của Bát-nhã ba-la-mật, dẫn dụ để so sánh chỗ hơn kém của Thanh văn và Bồ-tát.

-Bồ-tát tu hành mới phát tâm Bồ-đề, thật sự có thể nhẫn nhục, không để hàng tà ma làm thoái chuyển mất Bồ-đề.

-Hiểu rõ về nhẫn, ba nghiệp thân, khẩu, ý bất động, thành tựu sáu Ba-la-mật.

-Hiểu rõ về môn niệm quán hành thành tựu sáu Ba-la-mật.

-Hiểu rõ về dụ tám loại công đức và phiền não hòa xen lẫn nhau.

-Hiểu về bốn loại hạnh thiện.

-Hiểu rõ về đối tượng tu đạo hạnh của Bồ-tát tu hành, có hai mươi loại tà ma ương-câu-xa-câu gây chướng ngại đạo.

13. Rút ra từ kinh Hý Lạc Nghiêm *(nói rõ một hạnh)*:

-Hiểu rõ về phương tiện thiện xảo của Bồ-tát tu hành nơi nhân duyên của năm dục, tức nên khuyên phát khởi Bồ-đề nhân đó độ thoát vô lượng chúng sinh.

14. Rút ra từ kinh Thiện Xảo Phương Tiện *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành học theo hạnh Thanh văn là nhân phạm chướng ngại nặng.

15. Rút ra từ kinh Thắng Tích Phẩm *(nói rõ một hạnh)*:

-Dụ Bồ-tát tu hành thoái nhập vào hạnh Thanh văn.

16. Rút ra từ kinh Như Lai Tạng *(nói rõ một hạnh)*:

-Quán niệm về nhân quả nhẫn nhục của Như Lai.

17. Rút ra từ kinh Kim Quang Thượng Thắng Tỳ-ni *(nói rõ một hạnh)*:

-Đồng nữ Kim Quang Thắng phát mười thứ hạnh nguyện hành xuất gia, tâm mở ý không.

18. Rút ra từ kinh Hàng Phục Ma *(nói rõ một hạnh)*:

-Ma vì Bồ-tát nói hai mươi thứ ma chướng, phải nên tự giác, không chấp giữ.

19. Rút ra từ kinh Phú-lâu-na Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành bị tri thức ác nên có bốn loại nhân duyên thoái bỏ Bồ-đề chọn lấy nẻo giải thoát của Thanh văn.

20. Rút ra từ kinh Bảo Đồng Tử Thiên Nhân Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-So sánh về đạo hạnh của Bồ-tát tu hành cùng với Thanh văn, về bốn loài thật ngữ không hư dối, không nhàm chán các hành.

21. Rút ra từ kinh Bảo Tích *(nói rõ một hạnh)*:

-So sánh về pháp hành của Bồ-tát tu hành cùng với Thanh văn.

* Mười bộ trên nhập vào quyển Trung.

-oOo-

22. Rút ra từ kinh Hư Không Tạng Bồ-tát Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Nói Bồ-tát tu hành có bốn mươi lăm thứ ma chướng, nếu có thể giác ngộ thì có thể vượt qua bốn thứ ma.

23. Rút ra từ kinh Như Lai Cảnh Giới *(nói rõ một hạnh)*:

-Có các Tỳ-kheo được nghe pháp từ Đức Như Lai Ca-diếp, nên ở đời nay không quên, sẽ sinh vào ba hội của Phật Di-lặc.

24. Rút ra từ kinh A-xà-thế Phẩm *(nói rõ một hạnh)*:

-Hiểu rõ nhân của Bồ-tát nơi tạng của ba thừa, lại hiểu nhân của Thượng tọa.

25. Rút ra từ kinh Ly Cấu Bồ-tát Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Trong hư không có chúng Bồ-tát, đi xuống chỗ Phật, hiện thân là người nữ, vì phát tâm Bồ-đề nên chuyển thành thân nam.

26. Rút ra từ kinh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu tập hai thứ hạnh đạt được mười thứ thiện căn lợi ích.

27. Rút ra từ kinh Quang Minh Biến Chiếu Phẩm *(nói rõ một hạnh)*:

-Có các Tỳ-kheo theo Đức Phật ở trong rừng Thệ-đa, không thấy thánh đức oai thần của Như Lai. Dụ cho các Bồ-tát phước lực thù thắng so với Thanh văn.

28. Rút ra từ kinh Xuất Sinh Bồ-đề *(nói rõ hai hạnh)*:

-Nói về ba thứ Phật địa.

-Lại nói về nhân duyên cao thấp của ba thừa.

29. Rút ra từ kinh Bảo Tụ *(nói rõ một hạnh)*:

-Người mới phát tâm Bồ-đề, công đức nhiều như số cát sông Hằng, hàng A-la-hán không thể sánh bằng.

30. Rút ra từ kinh Na-la-diên Phẩm *(nói rõ một hạnh)*:

-Nói Bồ-tát tu hành sinh nơi bốn thứ trụ địa.

31. Rút ra từ kinh Tập Nhất Thiết Công Đức Phẩm *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành đưa đao xin giết, nguyện làm thay đổi sinh tử, cứu độ chúng sinh, không lìa ba cõi.

32. Rút ra từ kinh Mật Nghiêm *(nói rõ một hạnh)*:

-So sánh Thanh văn với Bồ-tát tu hành, hành nghiệp có sâu cạn.

33. Rút ra từ kinh Phạm Sát *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành luôn phát đại hạnh nguyện nhẫn nhục, mau đạt đến Bồ-đề.

34. Rút ra từ kinh Nhất Thiết Chư Phật Sở Niệm *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành nhẫn nhục ba nghiệp thân, ngữ, ý luôn biết hổ thẹn chẳng tái phạm.

35. Rút ra từ kinh Pháp Tập *(nói rõ hai hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành giữ gìn mười giới hạnh.

-Lại có mười loại giới hạnh.

36. Rút ra từ kinh A-sai-da-mạt Bồ-tát *(nói rõ một hạnh)*:

-Giới lực của người hành đối với tất cả các sắc đều có lúc cùng tận, chỉ có giới lực của Bồ-tát tu hành thì không cùng tận.

37. Rút ra từ kinh Tập Hội Phẩm *(nói rõ một hạnh)*:

-Hiển bày giáo pháp của ba thừa.

38. Rút ra từ kinh Úc-già Trưởng Giả Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Nói về Bồ-tát tại gia nhân duyên không xuất gia nên tu bốn thứ hạnh công đức.

39. Rút ra từ kinh Thù Thắng Cụ Giới Phẩm *(nói rõ hai hạnh)*:

-Bồ-tát mới tu hành mới phát tâm Bồ-đề nên cùng ma chiến đấu, mới đủ sức thọ nhận vô lượng y phục, thức ăn, giường nằm, ngọa cụ đều không bị chướng ngại.

-Lại giải thích Long vương A-nậu-đạt tạo thành bốn con sông lớn.

40. Rút ra từ kinh Giải Thâm Mật *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành tu sáu Ba-la-mật, hành trụ địa.

41. Rút ra từ kinh Thắng Man *(nói rõ một hạnh)*:

-Phu nhân Thắng Man dùng kệ tán thán Đức Như Lai. Như Lai hiện ra để phu nhân được thọ mười đại hạnh nguyện.

42. Rút ra từ kinh Xuất Sinh Vô Biên Môn *(nói rõ ba hạnh)*:

-Nói người trì kinh, chú này, khi mạng chung được tám mươi ức chư Phật đến nghênh tiếp.

-Lại biểu thị ba thân của Như Lai.

-Lại nói Bồ-tát tu hành tu tập bốn sự: Bốn sự hành môn vô tướng, mau chóng thành tựu Phật đạo.

* Hai mươi mốt bộ sau thuộc về quyển Hạ.

-oOo-

Nếu muốn tra cứu, nên dựa theo thứ lớp kinh văn đã dẫn chứng.

1. Rút ra từ kinh Tượng Dịch *(nói rõ ba hạnh)*:

- Hiểu rõ về Bồ-tát tu hành hạnh không của sáu Ba-la-mật.

- Bồ-tát sinh vào sáu đường để cứu độ chúng sinh nên thân thọ nhận dục lạc.

- Bồ-tát tu hành, dụ như hư không.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có chỗ nghi ngờ, cúi xin Như Lai vì đại chúng giảng nói.

Phật bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Tùy ý ông cứ hỏi, Như Lai sẽ vì ông giảng nói nghĩa ấy, khiến ông và đại chúng hoan hỷ phụng hành.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành làm thế nào để trụ nơi pháp vi diệu thù thắng, hiển thị hết thảy hạnh môn của Bồ-tát, có thể thành tựu đầy đủ cho vô lượng chúng sinh, dụ như trăng tròn hiện ra nơi tất cả cõi Phật?

Đức Thế Tôn khen Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Này Đồng tử Văn-thù-sư-lợi! Những lời thưa hỏi của ông, ta nay vì ông giảng nói rộng về chỗ còn nghi ngờ. Ông nên lắng nghe, khéo suy nghĩ.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Cúi xin Thế Tôn dạy bảo, con xin lắng nghe.

Phật nói:

–Bồ-tát tu hành có sáu thứ pháp tương ưng, khéo an trụ nơi tất cả nẻo pháp thâm diệu. Những gì là sáu?

1. Nếu Bồ-tát tu hành ưa thích bố thí, không tiếc lẫn, không thấy tâm keo kiệt và thân có khác, thân và tâm keo kiệt đều không chỗ thủ đắc.

2. Kiên trì giới hạnh, không thấy thân và chẳng phải giới có khác nhau, thân và chẳng phải giới đều không chỗ thủ đắc.

3. Khéo trụ nơi nhẫn nhục, giữ gìn tự tâm, không thấy tự thân và sân hận khác nhau, thân cùng sân hận đều không chỗ thủ đắc.

4. Siêng năng tinh tấn khéo hành trì không thấy tự thân và kiêu mạn có khác nhau, thân và biếng trễ, kiêu mạn đều không thủ đắc.

5. Theo phương tiện an trụ thanh tịnh nơi thiền định Tam-muội, không thấy tự thân, xa lìa các hành, cũng không hòa hợp. Tâm định nơi Tam-muội và tất cả các pháp đều không thủ đắc.

6. Chánh trí đối với tất cả pháp là không thủ đắc, cho đến không cầu Niết-bàn, không thấy tự thân và thân chúng sinh có khác, ở trong sáu nẻo thấy thân không khác.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nên biết! Bồ-tát tu hành do sáu pháp này nên thành tựu tất cả pháp hành sâu xa.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát tu hành lại có sáu pháp hành tương ưng, khéo hội nhập vào tất cả pháp hành thâm diệu. Những gì là sáu?

1. Bồ-tát tu hành nếu sinh vào địa ngục thì thọ nhận diệu lạc của cõi trời.

2. Nếu sinh vào hàng súc sinh thì thọ nhận an lạc thượng diệu của nhân gian.

3. Nếu sinh vào nhà nghèo thì thọ nhận an lạc của bậc Chuyển luân thánh vương.

4. Nếu sinh vào sáu nẻo, đều hiện rõ bản thân đoan nghiêm, thù thắng, không ai sánh bằng.

5. Dùng phương tiện khéo léo đi đến các cõi của chư Phật khắp mười phương không đến, không đi, an nhiên bất động. Nơi hết thảy cõi Phật thị hiện thân mình.

6. Tùy theo âm thanh của mỗi loài, diễn nói các pháp, không hề tạp loạn.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nên biết! Bồ-tát tu hành dùng sáu pháp này nên khéo đạt được tất cả pháp hạnh sâu xa.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành làm thế nào sinh nơi địa ngục mà thọ nhận được diệu lạc của cõi trời?

Phật bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát tu hành có Tam-muội tên là Ma-ha bát-đầu-ma đạt được Tam-muội này rồi, vì các chúng sinh, vào nơi địa ngục nhưng thọ nhận diệu lạc cõi trời. Người nơi các địa ngục này thấy Bồ-tát kia chịu khổ của địa ngục. Bồ-tát do phước lực nên giảng nói pháp cho hết thảy tội nhân, độ thoát vô lượng trăm ngàn chúng sinh.

Văn-thù-sư-lợi nên biết! Bồ-tát tu hành sinh nơi địa ngục nhưng thọ nhận diệu lạc của cõi trời.

Lại nữa, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát tu hành sinh vào hàng súc sinh mà thọ nhận an lạc thượng diệu của nhân gian?

Phật bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát tu hành có Tam-muội tên là Biến tịch tĩnh. Đạt được Tam-muội này rồi tức sinh nơi súc sinh mà không mất niệm kia, nhưng thọ nhận an lạc thượng diệu của nhân gian. Bồ-tát do thân súc sinh nên cùng với các súc sinh kia giảng nói pháp Phật, độ thoát vô lượng trăm ngàn chúng sinh.

Văn-thù-sư-lợi nên biết! Bồ-tát tu hành vì chúng sinh nên sinh nơi súc sinh nhưng thọ an lạc thượng diệu của nhân gian.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát tu hành sinh trong cảnh nghèo nàn mà thọ diệu lạc của Luân vương?

Phật bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát tu hành có Tam-muội tên là Ly duyên tịch tĩnh. Đạt được Tam-muội này rồi nên sinh vào nhà nghèo cùng với chúng sinh nơi các làng nghèo giảng nói pháp cho họ, từ bỏ tham lam keo kiệt không giữ giới, tán dương nhân thiện của bố thí, trì giới, độ thoát vô lượng trăm ngàn chúng sinh, nên thân thọ diệu lạc của bậc Chuyển luân thánh vương.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát tu hành ở trong sáu nẻo, vì các chúng sinh, tùy theo mỗi loài hiện ra vô số hình tướng, thọ nhận các diệu lạc đều được thù thắng?

Phật bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát tu hành có Tam-muội tên là Nhất thiết biến quang minh. Đạt được diệu lực của Tam-muội này nên sinh khắp sáu nẻo, dùng phương tiện thị hiện nhiều loại thân hình, thọ nhận mọi tướng trạng diệu lạc thù thắng.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát tu hành, dùng phương tiện thiện xảo đi đến khắp tất cả cõi Phật, không đến, không đi, an nhiên bất động, như ánh trăng trong nước hiện ra nơi các cõi Phật?

Phật bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát tu hành có Tam-muội tên là Nhiếp nhất thiết ngữ ngôn. Đạt được diệu lực của Tam-muội này, nên phân thân hiện khắp các cõi Phật, nơi mười phương mà không đến, không đi, an nhiên bất động. Hiện nơi cõi Phật, thấy các Đức Như Lai đều nghe pháp yếu. Như vậy là Bồ-tát tu hành

dùng phương tiện thiện xảo đi tới khắp tất cả các cõi Phật mà không đến không đi, an nhiên bất động, như ánh trăng trong nước, hiện nơi các cõi Phật.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát tu hành, đối với tất cả các loài chúng sinh khác nhau tùy theo tiếng của mỗi loài, vì họ giảng nói pháp nhưng các ngôn âm ấy không hề tạp loạn?

Phật bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát tu hành có Đà-la-ni tên là A-nan-sí-phạt-đa. Đạt được Đà-la-ni này rồi, Bồ-tát tu hành tức có thể biết rõ về tâm của vô lượng vô biên chúng sinh đều hiểu rõ về ngôn ngữ ấy không có tạp loạn.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành dùng phương tiện thiện xảo rất khó nhận biết rõ. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành cầu pháp thâm diệu thân cận những pháp hành nào để có thể hiểu biết?

Phật bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có Bồ-tát tu hành ưa thích nhận biết về ý nghĩa của pháp này, dụ như hư không.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hư không như thế nào là thích hợp?

Phật nói:

–Ví như hư không không tham, sân, si. Văn-thù-sư-lợi nên biết! Các pháp như sắc… cũng lại như vậy, không tham, sân, si, chẳng khác tướng Niết-bàn.

Lại nữa, ví như hư không, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ đều không hòa hợp, vì không có tướng. Tất cả các pháp như sắc… cũng lại như vậy, không chỗ tương ưng. Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Định, Tuệ, chẳng khác tướng Niết-bàn. Niết-bàn cũng không hòa hợp.

Lại nữa, ví như hư không, không bỏ, không khác. Văn-thù-sư-lợi nên biết! Các pháp như sắc… cũng lại như vậy, không bỏ, không khác. Niết-bàn cũng vậy, không bỏ, không khác.

Lại nữa, ví như hư không, không biết, không theo. Văn-thù-sư-lợi nên biết! Tất cả các pháp như sắc… cũng lại như vậy, không biết, không theo. Niết-bàn cũng vậy, không biết, không theo.

Lại nữa, ví như hư không, không sáng, không tối. Các pháp như sắc… cũng lại như thế, không sáng, không tối. Niết-bàn cũng vậy, không sáng,

không tối.

Lại nữa, ví như hư không, ở khắp mọi nơi, không có chỗ chấp, thủ đắc, nên biết các pháp như sắc… cũng lại như thế, không có chỗ chấp, thủ đắc. Niết-bàn cũng vậy, không có chỗ chấp, thủ đắc.

Lại nữa, ví như hư không, không phải chỗ đạt được của đạo, không phải là chỗ đạt được của phi đạo. Các pháp như sắc… cũng lại như thế, không phải chỗ đạt được của đạo, không phải chỗ đạt được của phi đạo. Niết-bàn cũng vậy, không đạo, không phi đạo.

Lại nữa, ví như hư không, chẳng học về giải thoát của Thanh văn, của Duyên giác, của hạng Đại thừa. Các pháp như sắc… cũng lại như thế. Nơi chốn của thừa là không chỗ học. Niết-bàn cũng vậy, là không chỗ học.

Lại nữa, ví như hư không, không có xin dựa, thọ nhận. Các pháp như sắc cũng lại như vậy, không có xin dựa, không thọ nhận. Niết-bàn cũng vậy, không xin dựa, không thọ nhận.

Lại nữa, ví như hư không, không lấy, không bỏ. Các pháp như sắc… cũng lại như vậy, không lấy, không bỏ. Niết-bàn cũng vậy, không lấy, không bỏ.

Lại nữa, ví như hư không, không có thể tánh, không có đục loạn, vì thế tất cả chúng sinh đối với thể tánh của Niết-bàn đều không đục loạn. Niết-bàn cũng vậy, không đục, không loạn.

Lại nữa, ví như hư không ở khắp mọi nơi, không vướng, không động. Văn-thù-sư-lợi nên biết! Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Nên biết tất cả chúng sinh đối với hết thảy các pháp không có chỗ chấp trước. Niết-bàn cũng vậy, không có chỗ chấp trước.

Nếu có thể tỏ ngộ thấu đạt về chánh trí như vậy, nên biết chấp tưởng các pháp tức là Niết-bàn, là nhận biết vô thường.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp đã không có thật tướng, nếu ai muốn thấy thân Phật, thì không nên như vậy. Nếu chẳng phải là chỗ thấy thì đạt được chánh vị. Người đạt chánh vị nếu ở trong chấp tướng mà hành thí, như vậy thì chẳng phải là đại phước điền, cũng chẳng phải lợi tha. Như thế, người bố thí chẳng đạt được phước nhiều, không có lợi ích. Nếu có chỗ bố thí không cầu được phước lợi nhiều. Đó là khất sĩ của thế gian ở trong chỗ bố thí phước lợi vô giá. Đã được phước lợi vô giá tức đạt được tự mình không thủ đắc, thành tựu phước trí. Đã được tự mình không thủ đắc thành tựu phước trí rồi, thì có thể mau chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh.

-oOo-

2. Rút ra từ kinh Diệu Pháp Quyết Định Nghiệp Chướng *(nói rõ ba hạnh)*:

-Hiểu rõ về tri thức thiện không thoái chuyển nơi Bồ-đề.

-Hiểu rõ về tà ma, tùy nghe pháp mà hủy báng. Vì nhờ đã được nghe pháp nên về sau sẽ thành Phật.

-Hiểu hai mươi bốn thứ danh hiệu của Đại thừa.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật tại điện Pháp giới tạng, là đạo tràng vô biên, nơi chốn hội họp của chư Phật, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo và các vị Đại Bồ-tát.

Khi ấy, nơi đạo tràng này có một phu nhân tên là Công Đức Trang Nghiêm Khai Phu Hoa, chắp tay hướng về Đức Phật, lui ra ngồi qua một bên. Rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát mới tu hành, thì những người nào chẳng phải là Thiện tri thức không nên sống chung?

Phật bảo phu nhân:

–Nếu trong ba cõi các hàng Phạm, Thích, Tứ vương, Sa-môn, Bà-la-môn đều cùng với Bồ-tát tu hành làm Thiện tri thức, chỉ trừ hàng Thanh văn chẳng phải là Thiện tri thức, vì sợ Thanh văn thoái mất tu hành đạo hạnh của Bồ-tát Đại thừa. Vì sao? Vì hàng Thanh văn, Duyên giác chỉ tự lợi, khuyên dẫn những Bồ-tát mới tu hành trở về với Tiểu thừa. Vì thế, hàng Thanh văn thừa chẳng phải là Thiện tri thức.

Phu nhân nên biết! Bồ-tát mới tu hành không nên cùng với Tỳ-kheo Thanh văn ở chung phòng xá, không cùng ngồi nơi giường, không cùng đi chung đường. Nếu Bồ-tát mới tu hành, trí tuệ rộng khắp, phân biệt không hai tỏ ngộ pháp Đại thừa, vì phương tiện khuyên dẫn hàng Thanh văn khiến vào Đại thừa thì mới cho cùng trụ. Nếu Tỳ-kheo Thanh văn phước trí hẹp, kém thì Bồ-tát tu hành không nên vì những vị ấy giảng nói pháp Đại thừa sâu xa, sợ các Tỳ-kheo Thanh văn kia hủy báng.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành không nên luôn xem kinh luận của Tiểu thừa. Vì sao? Vì làm chướng ngại nơi Phật đạo.

Phu nhân nên biết! Bồ-tát tu hành thà xả bỏ thân mạng, chứ không bỏ Bồ-đề để vào Thanh văn cầu đạo La-hán.

Bồ-tát khuyến thỉnh tất cả chúng sinh rồi, khi đó nếu bỏ tâm Bồ-đề là nhân não loạn khởi lên đạo khác, nhập nơi Thanh văn, cầu quả La-hán.

Bồ-tát lui sụt tâm Bồ-đề, cả hai đều bị đọa vào địa ngục Vô gián.

Đức Phật bảo phu nhân:

–Bồ-tát tu hành thà phạm năm thứ tội lớn như sát sinh… chứ không học quả Tu-đà-hoàn, không thoái chuyển nơi sự tu hành Bồ-đề.

Bồ-tát thà ở trong một kiếp, trăm kiếp, cho đến ngàn kiếp bị khổ nơi địa ngục, chứ không học quả Tư-đà-hàm, không thoái chuyển nơi sự tu hành Bồ-đề.

Bồ-tát thà bị đọa nơi hàng súc sinh, chứ không học quả A-na-hàm, không thoái chuyển nơi sự tu hành Bồ-đề.

Bồ-tát thà giết hại chúng sinh, bị đọa vào địa ngục, chứ không tu quả A-la-hán, không thoái chuyển nơi sự tu hành Bồ-đề.

La-hán chỉ riêng chứng đắc, chỉ riêng nhập Niết-bàn.

Ví như tên trộm nhỏ lén vào nhà người, Bồ-tát tu hành tâm Bồ-đề thâu tóm các chúng sinh, thà cùng nhau rơi vào hầm lửa, chứ không trụ nơi Niết-bàn tịch diệt của Thanh văn, không thoái chuyển đạo quả Bồ-đề. Vì ý nghĩa đó, nên thâu tóm chúng sinh khiến họ đi vào Phật đạo. Bồ-tát tu hành như vậy, nên được hết thảy các hàng Trời, Người, A-tu-la nơi thế gian đều tôn trọng, xứng đáng thọ nhận cúng dường, vượt qua Thanh văn, tức quyến thuộc của các thứ tà ma không thể quấy nhiễu, não hại.

Bấy giờ, phu nhân bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là quyến thuộc của tà ma?

Phật bảo phu nhân:

–Ở những nơi chốn diễn giảng rộng về kinh điển Đại thừa nếu có chúng sinh nghe nêu giảng mà tâm chẳng muốn lãnh hội, lại chê cười, hủy báng, nên biết đó là quyến thuộc của tà ma. Vì tâm hủy báng kinh điển Đại thừa, nên sau khi chết bị đọa vào A-tỳ chịu khổ vô lượng. Lại sinh vào hàng ngạ quỷ ăn lửa, phân dơ, trong vô lượng kiếp chịu khổ hết rồi, sau sinh nơi loài người thì bị đui điếc, câm, ngọng, đủ thứ bệnh hoạn. Các chúng sinh ấy, sau khi mạng chung trải qua vô lượng kiếp mới gặp được Như Lai, lui tới thừa sự cúng dường, ở chỗ các Đức Phật trở lại được nghe kinh điển Đại thừa, tâm ý thuần nhất không tạp loạn.

Lúc này nơi các lỗ chân lông của Đức Như Lai đều phát ra âm thanh, mỗi mỗi lỗ chân lông đều phát ra vô lượng ức trăm ngàn ánh sáng chánh pháp, lại phát sinh vô lượng pháp âm, kệ tán.

Khi ấy, trong hội này, nếu có hàng Thanh văn thì nghe pháp của Thanh văn thừa, nếu có hàng Duyên giác thì nghe pháp của Duyên giác

thừa, nếu có người hành Đại thừa thì nghe diệu pháp của Đại thừa. Các loài chim thú, đều tùy theo tiếng của chúng mà nghe pháp Phật. Cũng ở trong chúng hội đó, các chúng sinh hiện có, nơi đời quá khứ chưa từng được nghe pháp Phật, đều thấy Đức Như Lai im lặng không nói, các chúng sinh còn tại nơi đời quá khứ đã từng hủy báng kinh điển Đại thừa, tuy trong nhiều kiếp bị đọa nơi địa ngục, ngạ quỷ, chịu nhiều khổ não, do khi hủy báng chánh pháp, thì pháp Đại thừa đã nhập vào người. Vì thế, ở nơi chỗ Phật, đích thân nghe pháp Đại thừa tâm sinh hoan hỷ, phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, rốt ráo thành tựu tuệ giác Bồ-đề.

Phu nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giảng nói về Đại thừa, vậy thế nào là Đại thừa? Vì lý do gì mà nói Đại thừa?

Phật khen ngợi phu nhân:

–Lành thay, lành thay! Phu nhân hâm mộ Đại thừa, vì ý nghĩa này, nên khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ vì phu nhân giảng nói danh hiệu của Đại thừa.

1. Người yêu thích một cách sâu xa. Đó là Đại thừa.

2. Chẳng động. Đó là Đại thừa.

3. Không lỗi lầm. Đó là Đại thừa.

4. Vô lượng. Đó là Đại thừa.

5. Như bốn biển cả. Đó là Đại thừa.

6. Chỗ tôn kính của các loài Kim sí, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già. Đó là Đại thừa.

7. Chỗ tán thán của hàng Kiền-thát. Đó là Đại thừa.

8. Chư Thiên cung kính. Đó là Đại thừa.

9. Phạm thiên quy y. Đó là Đại thừa.

10. Chỗ tôn kính của Thiên đế Thích. Đó là Đại thừa.

11. Chỗ thâu tóm của Tứ vương. Đó là Đại thừa.

12. Long vương cúng dường. Đó là Đại thừa.

13. Bồ-tát phụng trì. Đó là Đại thừa.

14. Thành tựu Phật tánh. Đó là Đại thừa.

15. Thánh hiền quy y. Đó là Đại thừa.

16. Kham nhận được tất cả. Đó là Đại thừa.

17. Như Dược thọ vương. Đó là Đại thừa.

18. Đoạn trừ các phiền não. Đó là Đại thừa.

19. Có thể chuyển pháp luân. Đó là Đại thừa.

20. Vô ngôn từ không thuyết giảng. Đó là Đại thừa.

21. Như tướng hư không. Đó là Đại thừa.

22. Chủng tánh của Tam bảo không bị dứt mất. Đó là Đại thừa.

23. Chúng sinh độn căn không tin. Đó là Đại thừa.

24. Vượt qua tất cả. Đó là Đại thừa.

Khi Đức Phật giảng nói về oai lực nơi các danh hiệu của Đại thừa, tam thiên đại thiên thế giới này đã chấn động sáu cách, trăm ngàn thứ kỹ nhạc không tấu mà tự vang lên, ở trong hư không chư Thiên tuôn mưa hoa, vô lượng trăm ngàn Thiên tử đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô lượng trăm ngàn Thanh văn đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có Bồ-tát mới thọ giới chưa hiểu về pháp, đều được tỏ ngộ thông hiểu.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này tên là gì và phụng hành như thế nào?

Phật bảo:

–Kinh này tên là Đại Thừa Cự Noa Thắng, nên theo đấy mà thọ trì. Lại gọi là Diệu Pháp Thuyết Quyết Định Nghiệp Chướng nên theo đấy mà thọ trì.

Đức Như Lai giảng nói kinh này rồi, Tôn giả A-nan và phu nhân Công Đức Trang Nghiêm Khai Phu Hoa, cùng các chúng trời, rồng, tám bộ đều rất hoan hỷ thọ trì, phụng hành.

-oOo-

3. Rút ra từ kinh Duy-ma-cật Sở Vấn *(nói rõ hai hạnh)*:

-Hiểu rõ về nhân duyên nơi chủng tánh của Phật, phát khởi Bồ-đề.

-Hiểu rõ công đức của nhân duyên xuất gia.

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa nhân giả! Nhân giả khéo hiểu rõ về chủng tánh của Như Lai. Ý của nhân giả như thế nào? Những gì là chủng tánh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này thiện nam! Chủng tánh của chư Phật là chủng tánh của năm ấm, chủng tánh của vô minh sinh tử, chủng tánh của tham, sân, si, chủng tánh của bốn vọng tưởng điên đảo, chủng tánh của năm thứ ngăn che, chủng tánh của sáu nhập, chủng tánh của bảy thức phiền não, chủng tánh của chín

phiền não hoại diệt thân tâm, chủng tánh của mười điều ác, bất thiện.

Này thiện nam! Nói tóm lại, sáu mươi hai thứ kiến chấp và tất cả phiền não đều là chủng tánh của Như Lai.

Trưởng giả Duy-ma-cật lại hỏi:

–Thưa nhân giả! Nghĩa này là thế nào? Vì sao tất cả phiền não là chủng tánh của Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này thiện nam! Nếu chấp thấy vô vi, rồi trụ vào định diệt, thì người ấy không thể phát khởi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ-tát trụ nơi phiền não, thấy được thật tướng của chánh vị thì người ấy có khả năng phát khởi được đạo quả Bồ-đề. Ví như đất liền chẳng mọc hoa sen, nhưng ở trong bùn dơ mới mọc lên hoa sen. Thiện nam! Cũng lại như vậy, nếu hàng Thanh văn, Duyên giác trụ vào định diệt vô vi thì mầm hoa nơi chủng tánh của Phật không thể mọc được. Nhưng ở trong ao bùn dơ phiền não có thể phát khởi Bồ-đề, vì nhân nơi phiền não nên mầm nơi chủng tánh của Phật mới sinh.

Này thiện nam! Ví như trong hư không thì hạt giống chẳng sinh, nhưng nơi đất có phân bón thì hạt giống mới có thể nảy mầm tươi tốt. Thiện nam! Cũng lại như vậy, không phải ở nơi định diệt vô vi mà sinh Bồ-đề. Nếu khởi lên ngã sở, chẳng phải là ngã sở, tâm bất động như Tu-di thì mới có thể phát sinh Bồ-đề, sinh khởi vô lượng trí tuệ của giống Phật.

Này thiện nam! Ví như chẳng vào nơi bốn biển cả thì không do đâu mà lấy được châu báu vô giá. Thiện nam! Cũng lại như vậy, nếu không vào biển cả của phiền não thì không do đâu mà lấy được châu báu Phật tánh. Nếu biết chủng tánh của Bồ-đề vốn từ trong phiền não mà ra.

Khi ấy, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng như lời nói chân thật, chẳng hư dối của Nhân giả. Như thế, chủng tánh của Phật đều là chủng tánh của phiền não. Vì sao? Hàng Thanh văn chúng ta lại không có khả năng phát sinh Bồ-đề, vì chúng ta đã hủy diệt chủng tử của phiền não nơi ba cõi. Chúng ta thà tạo tội ngũ nghịch vô gián, chứ không nên đoạn trừ phiền não ở thế gian. Vì sao? Vì nếu người đã tạo tội ác ngũ nghịch, thọ nhận tội báo hết rồi, trở lại phát sinh tâm Bồ-đề, đích thân nghe pháp Phật hiện rõ Phật sự. Còn nếu hàng A-la-hán đã diệt hết phiền não, không còn thân sau thì không thể phát khởi được Chánh đẳng Chánh giác.

Ví như có người năm căn đều bị hủy hoại, tâm thức của người ấy không thể khởi lên được. A-la-hán cũng vậy, hoại diệt hết các phiền não,

trừ bỏ các kết sử. Đã không có năng lực nên không thể kham nổi việc giữ gìn Vô thượng Bồ-đề. Vì ý nghĩa ấy, nên hàng phàm phu thân cận nơi Đức Phật, còn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật thì xa lìa Bồ-đề. Vì sao? Vì phàm phu thường được nghe vô lượng chủng tánh nơi oai lực của Tam bảo nên phát tâm Bồ-đề, chẳng đoạn tâm Vô thượng Chánh giác. Còn như hàng Thanh văn, Duyên giác, tuy từng nghe nói về Thánh đức của Như Lai như mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, cũng không có khả năng phát khởi được Bồ-đề.

Đức Phật bảo Tôn giả La-hầu-la:

–Tôn giả nên đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Tôn giả La-hầu-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không thể đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ lại khi trước, nơi thành Tỳ-xá-ly có các tộc tánh tử đi tới chỗ con, cúi đầu đảnh lễ, hỏi:

"–Thưa Tôn giả La-hầu-la! Tôn giả là con của Phật, bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia vì đạo, thì sự xuất gia ấy có những lợi gì?

"Con theo như pháp giảng nói về nhân duyên công đức của sự xuất gia cho các tộc tánh tử kia. Khi nói pháp ấy, Trưởng giả Duy-ma-cật đến chỗ con, đảnh lễ nơi chân con và bảo:

"–Thưa Tôn giả La-hầu-la! Nay Tôn giả không nên giảng nói về công đức xuất gia như vậy. Vì sao? Vì phàm là xuất gia thì không lợi, không công đức, đó là xuất gia.

"Về pháp hữu vi thì có thể nói là có lợi, có công đức. Còn xuất gia là pháp vô vi, mà pháp vô vi thì không lợi, không công đức, xa lìa tất cả hành xứ. Đối với Niết-bàn, người trí hướng đến để lãnh thọ nẻo hành xứ của bậc Thánh, hàng phục chúng ma, vượt qua năm đường làm thanh tịnh năm mắt, an định năm căn bố thí vô úy, không não hại kẻ khác, không nhiễm các ác, phá trừ các ngoại đạo, vượt lên mọi giả danh, ra khỏi chốn bùn nhơ phạm giới, không chấp trước ngã sở, không ngã sở, không chỗ thọ nhận, cũng không nhiễu loạn, điều phục thân tâm, thấy giữ mọi người, tùy thuận thiền định, lìa lỗi lầm bên ngoài nơi tất cả xứ không chỗ chấp giữ. Nếu có thể xuất gia như vậy, mới gọi là chân xuất gia.

"Các ông ở trong chánh pháp nên cùng xuất gia, khéo học luật nghi, giáo pháp của chư Phật. Vì sao? Vì thân người khó được, Phật ra đời là khó gặp, Bồ-đề Vô thượng lại càng khó phát khởi.

"Lúc này, các tộc tánh tử ấy thưa Trưởng giả Duy-ma-cật:

"–Chúng con nghe Đức Phật dạy: Nếu cha mẹ không cho thì không được xuất gia?

"Trưởng giả Duy-ma-cật bảo các đồng tử:

"–Các ông chỉ nên phát tâm Vô thượng chánh giác, thường tu phạm hạnh. Đó tức là công đức của xuất gia.

"Bấy giờ, ba mươi hai tộc tánh tử đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con không thể đối đáp được. Vì lý do đó, nên con không thể đến thăm bệnh ông ta."

-oOo-

4. Rút ra từ kinh Phương Quảng Như Lai Trí *(nói rõ hai hạnh)*:

-Bồ-tát hiểu rõ về tri thức thiện, ác không nên sống chung với Thanh văn.

-Hiểu rõ Bồ-tát tu hành cùng với Thanh văn so sánh về đạo hạnh cạn sâu.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Này thiện nam! Nên biết, Thiện tri thức đã chỉ dạy các pháp cho Bồ-tát nên đạt được Vô thượng Bồ-đề. Vì thế Bồ-tát mới tu hành không nên học theo giáo pháp Tiểu thừa của hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì mọi người phá giới, tà hạnh đều là Thiện tri thức của Bồ-tát.

Nếu các Thanh văn, Duyên giác làm chướng ngại Phật đạo thì chẳng phải là Thiện tri thức. Vì sao? Vì người phạm giới không thể phá được chánh hạnh của Bồ-tát, vì pháp của người phạm giới, tà hạnh ấy còn sức lực nên không thể làm chướng ngại nơi Phật đạo của Bồ-tát.

Nếu hàng Thanh văn, Duyên giác, dùng vô ngã của Thế đế, lại không có phiền não, cho đấy là Trí có thể khiến cho Bồ-tát mới tu học nhập vào giáo pháp của hàng Thanh văn. Nên biết, Thanh văn chẳng phải là Thiện tri thức của Bồ-tát. Bồ-tát tu hành thà giao du với những kẻ phá giới, tà hạnh chứ không cùng với hàng Thanh văn, Duyên giác thọ pháp. Vì sao? Vì với những kẻ phạm giới, tà hạnh tuy cùng giao du nhưng thân tướng xa lìa. Còn với hàng Thanh văn thì đi đứng nằm ngồi chẳng lìa. Ví như giặc ở trong nhà không hề rời nhau. Vì ý nghĩa đó nên Bồ-tát không cùng với hàng Thanh văn học tập, qua lại.

Ví như loài dã can không thể sống chung với sư tử. Nên biết Thanh văn cùng với Bồ-tát cũng lại như vậy. Vì sao? Vì hàng Thanh văn tu học chỉ cầu lợi cho chính mình. Còn như Bồ-tát tu hành thì chuyên cầu Phật

đạo, độ thoát chúng sinh. Thanh văn chỉ thấy thân mình đi trên đường.

Còn như Bồ-tát thì khéo đi trên con đường chánh, nhằm dẫn dắt chúng sinh, Thanh văn chỉ làm thanh tịnh nơi tâm mình. Còn như Bồ-tát thì có thể làm thanh tịnh tâm mình, cũng lại làm thanh tịnh cho chúng sinh. Thanh văn chỉ tự dứt trừ phiền não. Còn như Bồ-tát thì tự diệt trừ phiền não, cũng có thể trừ diệt phiền não của chúng sinh. Thanh văn đi vào con đường tà, chỉ riêng xa lánh thế gian. Bồ-tát tự đi vào con đường chánh, dẫn dắt chúng sinh.

Thanh văn chỉ dứt trừ tập khí phiền não. Bồ-tát thành tựu quả vị Đẳng chánh giác, tập khí đều diệt, phiền não đều trừ.

Thanh văn dị đạo nhập nơi Niết-bàn. Bồ-tát tự chứng chánh đạo Niết-bàn vô dư. Thanh văn nhập nơi Niết-bàn tịch diệt, thì pháp kia cũng diệt. Bồ-tát thành tựu Chánh đẳng Chánh giác rồi, nhập Niết-bàn vô dư, pháp vẫn không diệt; mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, bốn Thánh đế, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng thần thông Phật sự không diệt. Nên biết, Thanh văn và Bích-chi-phật đều không có công đức đó.

-oOo-

5. Rút ra từ kinh Thắng Nghĩa Đế Phẩm *(nói rõ hai hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành phát khởi mười hạnh nguyện, mau thành tựu Phật đạo.

-Hiểu rõ Bồ-tát tu hành mười loại giới hạnh, thành tựu sáu Ba-la-mật.

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Hiền nói với Bồ-tát Phổ Trí:

–Phật tử! Bồ-tát tu hành vì cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên phát khởi mười thứ hạnh nguyện. Những gì là mười?

1. Nguyện độ tất cả chúng sinh.
2. Khiến họ xa lìa tất cả phiền não.
3. Trừ diệt tập khí tương tục.
4. Đối với tất cả pháp Phật không còn nghi hoặc.
5. Đoạn trừ, cứu độ tất cả khổ tụ của chúng sinh.
6. Nguyện cứu độ chúng sinh nơi ba đường, tám nạn.
7. Quy y, thân cận, phụng sự, hết thảy chư Phật.
8. Nguyện học tất cả giới hạnh của Bồ-tát
9. Bay lên hư không nơi đầu sợi lông thị hiện vô lượng Phật sự.
10. Dùng trống pháp lớn khua vang động tất cả cõi Phật.

Chúng sinh nào nghe được thì tùy theo căn cơ của họ, mau nhập vào Niết-bàn vô dư. Nên biết, Bồ-tát mới tu học phải tu tập như vậy. Nếu trụ ở quả vị này thì không bao lâu sẽ phát khởi hạnh nguyện của Như Lai.

Lại nữa, này Phật tử! Bồ-tát tu hành lại có mười thứ giới hạnh. Những gì là mười?

1. Hoàn toàn không thoái chuyển nơi Bồ-đề, đó là giới hạnh.

2. Xa lìa bậc Thanh văn, Bích-chi-phật.

3. Thường làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

4. Khiến hết thảy chúng sinh trụ vào hạnh Phật.

5. Thọ trì giới hạnh của Bồ-tát, không hề khuyết, phạm.

6. Mở bày ngộ nhập tất cả các pháp.

7. Công đức đã tu tập hồi hướng cho khắp mười phương, nguyện thành Phật đạo.

8. Không nên phân biệt Pháp, Thể của Như Lai.

9. Không tham đắm nơi tất cả pháp thế gian.

10. Luôn giữ gìn sáu căn, không khiến bị nhiễm vướng.

Phật tử! Đó là mười thứ giới hạnh của Bồ-tát tu hành. Nếu Bồ-tát có thể trụ vào nơi quả vị này thì không bao lâu sẽ viên mãn giới hạnh nơi sáu Ba-la-mật, thành tựu Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành có mười con đường mê làm thoái chuyển đạo, phải nên xa lìa, luôn tự xét tâm mình. Những gì là mười?

1. Không tôn kính Sư tăng, Hòa thượng và Thiện tri thức. Đó là con đường mê lầm.

2. Sợ hãi sự khổ nơi thế gian. Đó là con đường mê lầm.

3. Giới hạnh đã tu tập chợt sinh tâm hối tiếc. Đó là con đường mê lầm.

4. Không ưa thích an trụ nơi cảnh giới của chư Phật. Đó là con đường mê lầm.

5. Không ưa thích Thiền định. Đó là con đường mê lầm.

6. Tu một ít công đức liền cho là đủ. Đó là con đường mê lầm.

7. Phỉ báng Đại thừa. Đó là con đường mê lầm.

8. Xa lìa giới hạnh của Bồ-tát. Đó là con đường mê lầm.

9. Ưa thích đạo quả A-la-hán và Bích-chi-phật. Đó là con đường mê lầm.

10. Nếu thấy Bồ-tát tu hành sinh ganh ghét. Đó là con đường mê lầm.

Phật tử! Mười con đường mê lầm của Bồ-tát như vậy, nếu có thể xa lìa, thì không lâu sẽ hội nhập pháp môn giải thoát.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành có mười loại hạnh nguyện. Những gì là mười?

1. Nguyện ta vì các chúng sinh tận cùng nơi kiếp vị lai trụ ở nhân gian. Nguyện như vậy là nguyện lành rộng khắp.

2. Nguyện ta nơi thân sau cùng luôn gần gũi, phụng sự cúng dường hết thảy chư Phật. Nguyện như vậy là nguyện lành rộng khắp.

3. Nguyện ta khiến cho tất cả chúng sinh trụ nơi hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền. Nguyện như vậy là nguyện lành rộng khắp.

4. Nguyện ta tích tập được tất cả công đức giới hạnh. Nguyện như vậy là nguyện lành rộng khắp.

5. Nguyện ta tu tập hết sáu Ba-la-mật. Nguyện như vậy là nguyện lành rộng khắp.

6. Nguyện ta hành trì đầy đủ giới hạnh Bồ-đề. Nguyện như vậy là nguyện lành rộng khắp.

7. Nguyện ta làm trang nghiêm thanh tịnh tất cả cõi Phật. Nguyện như vậy là nguyện lành rộng khắp.

8. Nguyện ta sinh ở cõi Phật trong mười phương. Nguyện như vậy là nguyện lành rộng khắp.

9. Nguyện ta cầu đạt một cách sâu xa hết thảy pháp Phật khéo tự thông tỏ. Nguyện như vậy là nguyện lành rộng khắp.

10. Ở nơi cõi của chư Phật, thành tựu đạo quả Đẳng chánh giác. Nguyện như vậy là nguyện lành rộng khắp.

Phật tử! Nên biết đó là mười loại đại nguyện của Bồ-tát tu hành. Nhờ nguyện lực, nên mau đạt được đầy đủ hạnh nguyện của Bồ-tát.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành có mười loại ma chướng. Những gì là mười?

1. Chợt sinh tâm thoái chuyển, nói: "Ta chẳng thể thành Phật". Đó là ma chướng.

2. Phát khởi siêng năng, tu hành chân chánh, bỗng nhiên xả bỏ. Đó là ma chướng.

3. Có một ít công đức lại sinh tâm chán đủ. Đó là ma chướng.

4. Ưa thích trụ nơi ẩn giấu, lánh bỏ hạnh thiện. Đó là ma chướng.

5. Xả bỏ tất cả nguyện lành. Đó là ma chướng.

6. Đoạn trừ phiền não, thích tu diệt định. Đó là ma chướng.

7. Cắt đứt pháp thế gian. Đó là ma chướng.

8. Thoái bỏ đạo hạnh của Bồ-tát. Đó là ma chướng.

9. Không thích khuyến hóa chúng sinh. Đó là ma chướng.

10. Phỉ báng Phật pháp. Đó là ma chướng.

Phật tử! Nên biết, mười loại ma chướng ấy của Bồ-tát tu hành nếu Bồ-tát xa lìa những chướng ấy, thì không bao lâu sẽ được Đức Phật thọ ký mười loại quả vị.

-oOo-

6. Rút ra từ kinh Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật *(nói rõ bốn hạnh)*:

-Bồ-tát mới tu hành trước hết tu học Bố thí ba-la-mật, phát khởi tâm Bồ-đề.

-Hiểu rõ về Bồ-tát tu hành sợ tâm Bồ-đề bị tán loạn nên thâu giữ niệm nơi sáu Ba-la-mật.

-Hiểu nhân duyên của phiền não.

-Hiểu rõ Bồ-tát tu hành mới phát tâm Bồ-đề thọ trì sáu hạnh Ba-la-mật.

Bấy giờ, Thánh giả Xá-lợi-phất nói với Thánh giả Phú-lâu-na:

–Lại nữa, này Phú-lâu-na! Bồ-tát tu hành trước hết phải nên tu học Bố thí ba-la-mật. Vì sao? Vì nghiệp tham tiếc nơi thế gian là tập khí có từ vô thỉ. Nếu Bồ-tát tu hành bố thí, thì bỏ được tâm keo kiệt, nhân đấy có thể phát khởi tâm Bồ-đề. Khi đã phát tâm Bồ-đề thì có thể dần dần tăng trưởng, thành tựu. Nếu dần dần tăng trưởng, thành tựu thì dần dần xa lìa Nhị thừa. Nếu dần dần xa lìa Nhị thừa thì lại tiến nhanh đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ví như trong cơn mưa đặt bình hứng nước, giọt nước mưa đầu tiên và giọt nước mưa sau cùng rơi vào bình ấy, chẳng phải là hai giọt nước trước sau, làm duyên khiến bình đầy, mà chính là trong thời gian mưa, các giọt nước mưa dần dần rơi vào nên bình đầy nước.

Phú-lâu-na nên biết! Cũng lại như vậy, như Bồ-tát tu hành không nên cho nhờ phát tâm Bồ-đề đầu tiên mà thành Phật đạo, cũng không cho lần sau cùng an tọa nơi cội Bồ-đề mà thành Phật đạo, do ý nghĩa ấy nên mới phát tâm Bồ-đề, cho đến lần sau cùng, trong khoảng thời gian đó, Bồ-tát dần dần chứng đắc Phật đạo, trong ba a-tăng-kỳ phát khởi vô số hạnh thiện, tu hành tạo lợi ích, hỗ trợ cho Phật đạo. Vì thế, nhân giả Phú-lâu-na! Bồ-tát tu hành không nên để tâm tán loạn, dứt mọi đắm nhiễm.

Bấy giờ Thánh giả Phú-lâu-na nói với Thánh giả Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát tu hành làm thế nào để thâu giữ tâm không bị tán loạn?

Thánh giả Xá-lợi-phất nói:

–Vì Bồ-tát hỗ trợ cho Phật đạo. Nếu phát khởi tà hạnh, ác kiến để làm thiện lợi thì nên biết: Nay ta đã khởi hạnh ác, làm lợi ích cho Bồ-đề. Vì sao? Vì nhờ tà kiến ấy mà ta không đoạn sinh tử ở thế gian, thế nên thân ta biến đổi nơi thế gian, theo phương tiện làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Vì ý nghĩa đó nên Bồ-tát tu hành có trí tuệ như vậy, tâm không tán loạn.

Thánh giả Phú-lâu-na nói với Xá-lợi-phất:

–Nếu tâm Bồ-đề của Bồ-tát bị tán loạn thì tướng trạng ấy như thế nào để có thể nhận biết?

Thánh giả Xá-lợi-phất nói:

–Tâm ấy bị tán loạn là người của thừa Thanh văn, Duyên giác, làm chướng ngại nơi đạo. Nếu cầu đạo quả Nhị thừa thì nên biết, đó là tâm tán loạn. Vì sao? Vì đạo hạnh của hàng Nhị thừa không phải là Bồ-đề. Nếu Bồ-tát tu hành có kiến giải về tham, sân, si hãy còn không tán loạn. Vì sao? Vì kiến giải về độc ấy là hỗ trợ cho Phật đạo, chuyển đổi sinh tử tạo lợi ích cho Bồ-đề. Do kiến giải ấy nên sinh nơi thế gian, dùng phương tiện thiện xảo để hành hóa đầy đủ sáu Ba-la-mật. Bồ-tát tu hành hỗ trợ cho phiền não nên chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Phú-lâu-na nên biết! Nếu Bồ-tát tu hành thâu giữ tâm niệm mà sinh chướng ngại nẻo thiện thì nên biết đó là tán loạn. Lại có Bồ-tát thâu giữ tâm niệm tương ưng với Thanh văn, Bích-chi-phật, đó cũng là tán loạn. Nếu chẳng phải thâu giữ những niệm ấy, lại không đoạn sinh tử, hỗ trợ cho đạo thì chẳng phải là tâm tán loạn. Vì sao? Vì đã thâu giữ niệm. Bồ-tát tu hành ở nơi thế gian, dùng phương tiện thiện xảo, thâu giữ niệm liên tục, không đoạn sinh tử ở đời, sinh rồi thì thọ Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ ba-la-mật. Tu học như vậy, thâu giữ niệm hỗ trợ cho nẻo sinh tử ở thế gian. Bồ-tát tu hành phải nên tu học truyền trao như thế cho đến thành tựu Phật đạo cũng không xả bỏ.

Phú-lâu-na nên biết! Bồ-tát tu hành không nên chán lìa phiền não. Vì sao? Vì trí thức khác với phiền não. Nên suy nghĩ như vầy: Những phiền não ấy tạo lợi ích cho thân ta, giúp ta thành Phật. Nếu các phiền não này có hình tướng thì có thể dùng các thứ thượng diệu để cúng dường. Vì sao? Vì các phiền não này, nên Bồ-tát tu hành luôn được phiền não giúp đỡ. Vì ý nghĩa đó, nên phải dùng trí để nhận biết về nhân của phiền não. Vì sao? Vì ta dùng phương tiện thiện xảo, không thâu giữ mọi sự trói buộc của ba cõi, khiến ta được tăng trưởng, viên mãn sáu Ba-la-mật, mau chứng đắc Bồ-đề. Nếu sáu Ba-la-mật dần dần tăng trưởng, thì ta giải thoát khỏi mọi sự trói

buộc nơi sinh tử của thế gian, đạt được tự tại.

Phú-lâu-na nên biết! Ví như xe chở vật nặng, do xe nặng nên trục xe liên tục quay vòng thì vật chở mới vào đến thành. Khi tới nơi rồi, trục xe mới dừng; nên biết, nhân nơi phiền não nên ba cõi mới có sinh tử. Bồ-tát tu hành nhờ nơi phiền não nên liên tục sinh nơi thế gian, sáu Ba-la-mật tức được tăng trưởng viên mãn. Nếu sáu Ba-la-mật dần dần được viên mãn thì phiền não nơi sinh tử dần dần được giảm bớt: nhẹ, mỏng. Nếu phiền não nơi sinh tử giảm dần thì có thể quyết định đến gần quả vị Phật. Nếu Bồ-tát tu hành, ngồi nơi cội Bồ-đề rồi thì phát khởi trí Nhất thiết trí, phiền não trước và sau đều được đoạn trừ, không còn sinh trở lại. Các phiền não ấy, chỗ tạo tác đã xong, Bồ-tát thành tựu đạo quả Chánh giác thì phiền não không có cơ hội để tái sinh. Ví như xe chở vật nặng vào thành rồi, tất nhiên xe dừng. Bồ-tát tu hành nếu thành tựu đạo quả Chánh giác rồi cũng lại như vậy, phiền não được diệt sạch không có cơ hội tái sinh. Vì thế nên biết, đó là lợi ích. Trong khoảng thời gian đó, Bồ-tát tu hành không đoạn trừ phiền não, cho dù bị giận dữ, bị mắng chửi, trái lại từ chỗ mong cầu những thứ cần dùng đều là thiện duyên hỗ trợ đạo để phát khởi tâm Bồ-đề. Nếu thâu giữ tâm trí A-la-hán cũng là hỗ trợ Phật đạo cho Bồ-tát tu hành. Nếu không có môn hạnh của A-la-hán thì Đức Như Lai từ đâu chế ra việc tu tập đạo quả A-la-hán. Vì chế ra pháp tu tập mà hỗ trợ cho Phật đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở nơi kệ tụng của Ma-ha Bát-nhã đã giảng nói, ví như nơi thế gian, nếu cây cối không có mầm thì không có thân cây. Nếu không có thân cây thì cành, lá, hoa, quả không do đâu mà được tươi tốt. Nên biết, chúng sinh nếu không có hạt giống Bồ-đề thì chư Phật chẳng xuất hiện ở đời. Phật không xuất hiện ở đời thì hàng Thanh văn từ đâu mà phát khởi?

Ví như đèn sáng chính là nhờ vào tim đèn, nhưng tim đèn ấy chẳng nhân nơi ngọn lửa thứ nhất mà có thể cháy hết, cũng chẳng phải là không nhân nơi ngọn lửa đầu tiên mà cháy hết, lại chẳng phải do nơi ngọn lửa sau cùng cháy rụi mà dứt hết, cũng chẳng nhân nơi ngọn lửa sau mà cháy hết. Vì ý nghĩa đó nên ngọn lửa cháy liên tục trước, giữa, sau, cho đến khi tim đèn hết.

Bồ-đề cũng như vậy, chẳng phải duyên với tâm trước mà thành tựu Phật đạo, cũng chẳng phải duyên với tâm sau, mà là tâm trước, sau, giữa liên tục mới có thể thành tựu Phật đạo. Vì sao? Vì trong mỗi mỗi sát-na, tâm Bồ-đề đã thành tựu Phật đạo. Nếu Bồ-tát tu hành bố thí không chấp

trước nơi tướng ngã, tướng nhân, tướng thọ giả, tâm không mong cầu, không keo kiệt, bố thí như vậy dù là bố thí một phần ít đều là bố thí vô lượng. Đó là Bồ-tát tu hành đầy đủ hạnh Bố thí ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành luôn nghĩ về uy thần viên mãn của Đức Như Lai, hiển dương Thánh đức, tức giới hạnh sâu xa của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát giảm dần nơi lời Phật dạy thì giới tướng bị khiếm khuyết, Bồ-tát tu hành nếu thuận theo pháp thế gian, tuy thọ năm dục nhưng tâm luôn nhớ nghĩ về tam quy, do thế, ta nguyện thành tựu đạo quả Đẳng chánh giác cứu độ chúng sinh, đây tức là hạnh Trì giới ba-la-mật.

Bồ-tát tu hành trí tuệ như vậy, tâm niệm không phạm, thì không gọi là phạm giới. Nếu Bồ-tát tu hành ở trong hàng ức kiếp tuy thọ trì giới hạnh mười thiện nhưng ưa thích quả A-la-hán của Thanh văn, nên biết đó là sự trói buộc tăng trưởng phạm thiếu đối với Đại thừa. Đó là tu hạnh Bồ-tát Trì giới ba-la-mật.

Lại nữa, nếu Bồ-tát tu hành phát tâm rộng lớn, thấy các chúng sinh bị giam nhốt nơi lao ngục, gông cùm, xiềng xích, roi gậy đánh đập, trong chốc lát các phần trên thân như đầu, cổ, tay, chân, tai, lưỡi… bị cắt đứt.

Khi ấy, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta nguyện chịu thay các khổ kia, khiến cho hết thảy chúng sinh đều được an lạc. Nếu có kẻ bức não ta, những điều khó nhẫn ta cũng có thể nhẫn chịu được, tâm không thù hận". Nên biết, Bồ-tát tu hành như vậy là hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành nguyện vì các chúng sinh ưa thích ở thế gian, tạo mọi thành tựu đầy đủ cho họ, làm thanh tịnh cõi Phật, hành khổ hạnh, bức não nhưng không hề mệt mỏi. Nên biết, đó là Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành nếu bị năm thứ dục là thanh, hương, vị, xúc trói buộc nhưng không ưa thích đạo quả A-la-hán của hàng Thanh văn mà chuyên niệm nơi Bồ-đề, nên biết người ấy luôn ở trong hạnh Thiền định ba-la-mật.

Lại nữa, ví như người đi buôn muốn vào biển cả nhưng thuyền bè không được tu sửa thì người buôn và của cải sẽ bị rơi chìm mất hết. Nếu dự định tu sửa thuyền rộng lớn, bền chắc thì người buôn và của cải đều đạt tới bờ an toàn.

Bồ-tát tu hành tuy có tâm đạo, nếu trí tuệ không kiên cố thì không bao lâu sẽ thoái mất tâm Bồ-đề. Do Trí tuệ ba-la-mật ấy nên Bồ-đề thành tựu, không bị thiếu mất, mau thành đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là Bồ-đề vô thượng của một niệm trong sát-na. Đó là Bồ-tát tu hành

hạnh Trí tuệ ba-la-mật, vượt hơn vô lượng công đức của hàng Nhị thừa.

-oOo-

7. Rút ra từ kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát mới tu tập phát khởi tâm Bồ-đề, dụ cho hàng Thanh văn không thể sánh bằng.

Này thiện nam! Ví như sư tử là vua trong loài thú, vì các loài thú nên gầm lên tiếng gầm lớn. Do tiếng gầm đó nên sư tử con mới sinh mập mạnh khỏe khoắn chạy nhảy nhanh. Các loài thú nghe tiếng gầm lớn kia thảy đều chạy trốn. Bồ-tát mới tu hạnh dụ như sư tử con mới sinh, Bồ-tát gầm lên tiếng Bồ-đề cũng lại như vậy. Vì thế, Đức Như Lai với trí Nhất thiết trí vì Bồ-tát mới tu hành, nên gầm lên lời tán thán Phật tánh, đều nhờ Đức Như Lai khéo dạy dỗ, dẫn dắt, nên Bồ-tát có được trí tuệ dũng mãnh, tăng trưởng Bồ-đề. Nếu các chúng sinh tham chấp nơi phiền não, tự mình làm tổn giảm. Ví như gân của thân sư tử đem làm dây đàn, khi âm thanh đó được tấu lên thì các dây đàn khác đều đứt hết. Đức Như Lai dùng Ba-la-mật làm thành thục Bồ-đề khiến phát khởi tâm, nếu có kẻ tán thán về năm tình đều đoạn, tán thán về đạo hạnh của Nhị thừa cũng thảy đều dứt hết. Ví như lấy nhiều loại sữa của voi, bò, đổ đầy trong ao lớn, nếu lấy đúng một giọt sữa của sư tử nhỏ vào ao thì các loại sữa kia đều chảy ra khỏi ao. Sữa của tâm Bồ-đề cũng lại như vậy. Trong trăm ngàn kiếp, nghiệp tích chứa tội ác. Do tâm Bồ-đề của sư tử nên tội chướng đều được hủy diệt không còn sót, giải thoát của hàng Nhị thừa và chủng tánh Bồ-đề không thể ở chung.

Này thiện nam! Ví như chim Ca-lăng-tần-già còn ở trong trứng, nếu phát ra tiếng kêu thì tiếng của loài chim lớn nơi núi tuyết không sánh bằng, Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Ở trong trứng sinh tử phát khởi tâm đại Bồ-đề, uy lực đại Bi nơi công đức đã tu tập thì hàng Thanh văn, Duyên giác không thể sánh bằng.

Này thiện nam! Ví như Kim sí điểu chúa, con của nó mới sinh nhưng mắt đã sáng tỏ, lanh lợi, bay đã mau, mạnh, tất cả các loài tuy sinh đã lâu, đã lớn, nhưng không loài nào sánh bằng. Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Phát tâm Bồ-đề làm bậc Pháp vương tử, trí tuệ thanh tịnh, đại Bi dũng mãnh, hết thảy hàng Nhị thừa, tuy đã trải qua nhiều kiếp tu tập đạo hạnh, nhưng đều không thể sánh bằng.

-oOo-

8. Rút ra từ kinh Bảo Kế Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Hiểu rõ về Bồ-tát tu hành có một loại trì giới, hành Ba-la-mật thanh tịnh.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Bảo Kế:

–Này thiện nam! Sao gọi là Bồ-tát tu hạnh Trì giới ba-la-mật thanh tịnh?

Này thiện nam! Bồ-tát tu hành có một loại hành trì giới thanh tịnh. Một loại ấy là gì? Nghĩa là đối với Bồ-đề vô thượng mà lại có tâm xả. Tâm ấy, nếu nơi sự việc không tương ưng thì có thể làm cho tương ưng. Tâm ấy, ở trong ba cõi là tối thắng, tối thượng. Tâm ấy, vượt hơn hẳn hàng Thanh văn, Duyên giác. Tâm ấy, có thể cứu độ hết thảy chúng sinh trong ba cõi, đạt đến bờ giác. Tâm ấy có thể giống như ngọc báu vô giá, không gì so lường. Tâm ấy, sâu nặng giữ gìn không bỏ, khiến không hề quên.

Thiện nam nên biết! Bồ-tát tu hành thực hành mười loại Giới ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là mười? Đó là: Ba loại thân hành thanh tịnh; bốn loại khẩu hành thanh tịnh; ba loại ý hành thanh tịnh. Đây là mười giới thanh tịnh vô tận.

-oOo-

9. Rút ra từ kinh Diễn Pháp Sư Phẩm *(nói rõ hai hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành so sánh với giáo pháp của Thanh văn.

-Bồ-tát tu hành nơi các cõi tu học môn Bồ-tát hạnh.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu như có người tự nói: "Tôi có thể vào trong biển cả, ngồi nơi đáy biển". Người ấy đã thấy biển rồi, tức đối với phần nước trong dấu chân bò tay chân huơ múa tự nói: "Tôi học cách bơi lội". Người khác bảo: "Trước thì ông tự nói là sẽ vào biển cả, ngồi nơi đáy biển. Vì sao ông lại không vào?" Người kia đáp: "Tôi trước hết là ở trong phần nước nơi dấu chân bò để học bơi, sau đó mới vào biển cả". Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Chỗ người ấy đã tạo nên là tà hay chánh? Do không phỏng theo tác giả, dùng phương tiện thiện xảo, không còn chỗ chấp, tôi vào nơi đáy biển, nhưng trước thì ở trong phần nước nơi lỗ chân bò để tập bơi.

Xá-lợi-phất thưa:

–Chẳng phải vậy, thưa Thế Tôn! Nếu người muốn vào biển cả, tất phải vào biển để tập bơi.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Cũng lại như vậy, sau khi Như Lai nhập Niết-bàn. Đời có Pháp chủ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, lúc đó học có tâm tin tưởng cúng dường kinh điển Đại thừa, hiển dương trí tuệ của Như Lai, cung kính tôn trọng Thánh đức. Đã duyên với nghĩa thâm diệu của Đại thừa, thì hàng trí tuệ hạn hẹp, không thấu đạt về chỗ sâu xa, không lãnh hội được ý nghĩa đó. Thời sau nương vào Thanh văn để tu tập, học hỏi không chuyên về kinh luận A-hàm, vì tiếng tăm lợi dưỡng nên cùng với các đàn-việt qua lại. Nếu có các Tỳ-kheo, không học hỏi kinh điển Đại thừa, tùy thuận thay đổi, khởi tâm nịnh dối, bị bạn bè dẫn dắt, ưa thích học theo hàng Thanh văn, là học tập bơi lội trong phần nước nơi dấu chân bò.

Này Xá-lợi-phất! Do ý nghĩa đó, nếu Bồ-tát tu hành gắn liền với kinh điển Đại thừa để cầu đạt Phật trí, thì Bồ-tát tu hành phải nên học tập hành oai nghi của Như Lai. Nếu Như Lai ở trong chúng vô trí, thì không qua lại với họ, cũng không thọ nhận, ngoại trừ pháp bố thí thì mặc nhiên không nói, Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Như nghe nơi cõi của chư Phật hiện có chư Đại Bồ-tát, giữ gìn trăm ngàn phương tiện thiện xảo, đối với trăm ngàn cõi nước học tập, dạy dỗ hàng trăm ngàn chúng sinh, khiến được diệu lực nơi đại thần thông và thiện hạnh công đức.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu hành phải nên ở nơi các cõi, vâng theo các Bồ-tát học tập pháp hạnh, lại nên học hành nghiệp oai nghi, thiền định giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-bát-đế, phương tiện thiện xảo, oai thần nơi năm thông giải thoát, tùy theo đó tu học. Đối với nơi chốn vắng vẻ tịch tĩnh tâm niệm về các Đại Bồ-tát nơi mười phương quốc độ, tùy theo căn cơ phương tiện, không nên ưa thích nhập vào trí tuệ của hàng Thanh văn thọ trì, học tập.

-oOo-

10. Rút ra từ kinh Quyết Định Tỳ-ni *(nói rõ hai hạnh)*:

-Hiểu rõ về Thanh văn và Bồ-tát, chỉ dạy, trao truyền về giới, hành luật nghi tương ưng như thế nào?

-Lại hiểu về ba loại độc định rõ chỗ nặng, nhẹ khinh trọng.

Bấy giờ, Thánh giả Ưu-ba-ly xả thiền định, đứng dậy đến trước Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, lui ra ngồi một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con an tọa nhập định, có điều suy nghĩ. Bạch Thế Tôn! Trước hết vì người của hàng Thanh văn, Duyên giác thừa

và người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát, vì họ mà chế ra giới luật nghi thanh tịnh. Đức Như Lai đã dạy: "Thà bỏ thân mạng, không được phạm giới". Con đối với tạng Luật Tỳ-ni được cho là hàng thượng thủ. Nay Đức Như Lai còn tại thế, sau này vào Niết-bàn, con sẽ chỉ dạy trao truyền giới luật như thế nào? Nếu người của hàng Thanh văn thì lại phải như thế nào? đối với người mới tu Đại thừa, hành Bồ-tát, thì phải chỉ dạy về tu trì, hộ giới như thế nào?

Bạch Thế Tôn! Vì thế nên con nói rộng về giáo tích. Nay con âm thầm được Đức Phật thọ ký. Con nhờ nơi diệu lực từ oai thần của Phật, nên mạnh dạn tự chế, nếu con thâu giữ, trao truyền, cấm, đoạn luật nghi, xin Phật từ bi vì con giảng nói rõ. Thế nào là phạm giới? Thế nào là không phạm? Nay trong pháp hội này có vô lượng chúng Thanh văn, Bồ-tát tụ hội, có thể nhận được lời dạy của Đức Thế Tôn.

Khi Ưu-bà-ly nói lời ấy xong, Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

–Ông là hàng Thanh văn căn cơ ứng hợp nên nói riêng về giới hạnh thanh tịnh. Lại nữa, vì người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát nên dùng phương tiện thiện xảo tùy theo căn cơ nói riêng về giới hạnh thanh tịnh. Vì sao? Này Ưu-ba-ly! Nếu hàng Thanh văn trì giới, nên biết đó là giới hạnh sai khác. So với người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát thì giới tướng trái ngược, tức chẳng phải là tịnh giới của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát mới tu Đại thừa trì giới thanh tịnh tức cùng với giới hạnh của Thanh văn trái ngược, chẳng đồng, nên chẳng phải là tịnh giới. Vì sao? Vì năng lực chí nguyện của hàng Thanh văn cho đến trong từng sát-na chẳng cầu sinh tử ở thế gian, cũng không ưa thích, cũng không phát nguyện, đó là giới hạnh thanh tịnh của hàng Thanh văn, Còn như Bồ-tát mới tu hành Đại thừa, thì hiện bày sức mạnh chí nguyện, nguyện trải qua vô lượng kiếp ở trong biển khổ này cứu độ chúng sinh, tâm không mệt mỏi. Đó là người mới tu Đại thừa hành giới hạnh thanh tịnh của Bồ-tát.

Vì ý nghĩa đó, Ưu-ba-ly nên biết! Tùy theo căn cơ nên giảng nói giới cấm. Nếu là người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát thì nói giới thuận theo tâm người khác, không gây não hại cho chúng sinh. Nếu vì hàng Thanh văn nói giới thì chỉ nhằm lợi mình, không thuận theo tâm của người khác. Nếu vì Bồ-tát mới tu Đại thừa thì nên theo phương tiện nói giới mở rộng. Hoặc vì hàng Thanh văn nói giới cấm, không khoan dung. Hoặc vì Bồ-tát mới tu Đại thừa nói giới thì có thể dùng vô tướng rộng lớn để nói. Nếu vì hàng Thanh văn nói giới thì có thể dùng chỗ nghiêm khắc, chấp thấy có tướng mà nói.

Này Ưu-ba-ly! Vì sao nơi người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát phải thuận theo ý của người khác để tu học? Vì sao đối với hàng Thanh văn không thuận theo ý nơi người khác để tu học?

Ưu-ba-ly nên biết! Người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát mỗi mỗi đều tùy theo căn cơ dẫn dắt, hóa độ chúng sinh, vì thuận theo tâm của người khác nên không còn gây não hại, khiến cho tu trì giới hạnh. Nếu là hàng Thanh văn thì chẳng phải tâm người khác để tu trì giới hạnh. Vì sao người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát thì giới hạnh khoan dung, không phạm? Vì sao giới cấm của hàng Thanh văn, thì hạn hẹp, nghiêm khắc?

Ưu-ba-ly nên biết! Nếu người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát, từ sáng sớm có phạm, phải nên kết tội đến giờ ngọ, tâm Bồ-đề không gián đoạn, giới tích thành tựu, thì chẳng phạm.

Nếu vào giờ ngọ có phạm, thì đợi đến hoàng hôn, tâm Bồ-đề không gián đoạn, giới tích thành tựu, thì chẳng phạm.

Nếu vào lúc hoàng hôn có phạm thì đợi đến đầu đêm, tâm Bồ-đề không gián đoạn, giới tích thành tựu, thì chẳng phạm.

Nếu vào đầu đêm có phạm thì đợi đến giữa đêm, tâm Bồ-đề không gián đoạn, giới tích thành tựu, thì chẳng phạm.

Nếu vào giữa đêm có phạm, thì đợi đến cuối đêm, tâm Bồ-đề không gián đoạn, giới tích thành tựu, thì chẳng phạm.

Ưu-ba-ly nên biết! Người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát thì giới hạnh rộng rãi, hòa hoãn. Nếu có Bồ-tát kết tội là có phạm, thì không nên hối hận, sợ hãi. Lại nữa, nếu hàng Thanh văn phạm giới thì giới tướng diệt, không còn nguyên vẹn. Vì sao? Nếu hàng Thanh văn trì giới, trừ bỏ phiền não, giống như cứu lửa cháy đầu, cháy áo, tâm mau chóng kiên trì giới hạnh, cầu Niết-bàn tịch diệt. Vì sao người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát, tu tập lâu xa về không tướng, không chấp trước, chẳng lìa thế gian? Vì sao Thanh văn chấp tướng, một đời dứt diệt hiện tiền tu học?

Này Ưu-ba-ly! Nếu người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát, dụ như hằng hà sa kiếp tuy thọ nhận diệu lạc của năm dục, nhưng tâm Bồ-đề không hề xả bỏ, nên biết, đó là giới hạnh không khuyết của Bồ-tát. Vì sao? Vì người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát, về sau tâm Bồ-đề thành thục, nếu ở nơi phiền não theo năm dục hãy còn không bị cấu nhiễm, huống nữa là ở nơi giác ngộ.

Vì sao? Vì nếu người mới tu Đại thừa hành Bồ-tát không phải một đời mà có thể đoạn trừ hết toàn bộ phiền não. Nếu Bồ-đề thành thục thì phiền não tự diệt. Còn như Thanh văn tu tập đạo hạnh còn chưa thành thục,

thì những tâm ấy trong sát-na chẳng nguyện sinh lại ở thế gian, vì thế nên trong một đời mau chóng tu hành, dụ như cứu lửa cháy dầu.

Ưu-ba-ly nên biết! Bồ-tát mới tu hạnh Đại thừa từ lâu xa tâm không hề nhàm chán mệt mỏi, tùy thuận, hội nhập để tu tập. Còn hàng Thanh văn một đời tạm thời tu học.

Vì ý nghĩa đó, này Ưu-ba-ly! Nếu ông Bồ-tát mới tu hành Đại thừa, chỉ dạy truyền trao, thuyết giới rộng rãi, thuận theo ý người khác nêu dạy về chỗ sâu xa, rộng lớn để họ tu học. Nếu vì hàng Thanh văn thì nêu dạy, truyền trao, nói giới không phải thuận theo người khác, cũng không rộng rãi hòa hoãn. Vì sao? Vì Bồ-tát mới tu hạnh Đại thừa là đại nhân duyên, pháp khí của sự tu tập nên thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát không nên nhàm chán, sợ hãi về thế gian. Ta nguyện trải qua vô lượng kiếp dài lâu vì chúng sinh nên chịu mọi thứ khổ nơi sinh tử. Thế nên Đức Như Lai chẳng vì Bồ-tát tu hành giảng nói nhân duyên ra khỏi biển khổ sinh tử nơi ba cõi. Vì sao? Vì Đức Như Lai đã vì Bồ-tát tu hành nên tâm vui mừng giảng nói nhân duyên thanh tịnh sâu xa, không lỗi lầm, không trói buộc, không chướng ngại, không tướng, như vậy cùng với ngôn thuyết. Nếu Bồ-tát lãnh hội chỗ nêu giảng này rồi thích trụ nơi thế gian, không nhàm chán, mệt mỏi, cho đến thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Khi ấy, Thánh giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nói có ba loại tội nặng theo ba độc, hoặc duyên với chỗ tương ưng của tham dục, hoặc duyên với chỗ lôi kéo trói buộc của sân, hoặc vì ngu si. Sao gọi là rất nặng? Sao gọi là rất nhẹ? Xin vì Bồ-tát mới tu hạnh Đại thừa dùng phương tiện giảng nói về giới hạnh khinh trọng kia.

Đức Phật bảo Thánh giả Ưu-ba-ly:

–Nếu Bồ-tát mới tu hạnh Đại thừa, do hằng hà sa kiếp thường phạm các loại tội về tham dục, nếu tín thọ pháp Đại thừa mà sinh khởi niệm tâm sân thì kết tội nặng, nơi tham dục. Vì sao? Này Ưu-ba-ly! Nếu tâm sân phát khởi thì có thể từ bỏ chúng sinh. Nếu bỏ sân hận, tâm tham dục phát khởi thì thâu giữ chúng sinh, Bồ-tát không còn ách nạn. Vì sao? Này Ưu-ba-ly! Nếu phạm tham dục, lìa bỏ một ít kiêu mạn thì phạm tội càng nhẹ. Nếu phạm sân hận xa lìa càng nhanh thì mắc tội rất nặng. Nếu phạm ngu si lìa bỏ càng nhanh thì mắc tội càng sâu.

Ưu-ba-ly nên biết! Ba độc nặng nhẹ như vậy. Bồ-tát tu hành tâm phải nên giữ gìn, dùng phương tiện trí tuệ khéo léo, nên không còn khuyết phạm.

-oOo-

11. Rút ra từ kinh Biến Thanh Tịnh Tỳ-ni *(nói rõ hai hạnh)*:

-Giải thích về hạnh Bồ-tát và hạnh Thanh văn, mỗi mỗi đều phải làm thế nào để điều phục tâm họ.

-Nêu những tội khinh trọng của hàng Nhị thừa.

Bấy giờ, Thiên tử Tịch tĩnh thưa Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát mới tu hành làm thế nào để điều phục tâm họ? Nếu là Tỳ-kheo Thanh văn làm thế nào để điều phục tâm họ?

Văn-thù đáp:

–Chán lìa ba cõi tâm kinh sợ, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ. Nếu thâu giữ trao truyền vô lượng pháp ở thế gian, không đoạn sinh tử nơi hết thảy chúng sinh, bố thí vô úy, làm lợi ích cho họ ưa trụ ở thế gian, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu chán lìa công đức nơi hành trang tu tập đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu không nhàm chán tích tập trí nơi công đức của hành trang tu tập, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu thấy chán đối với tất cả phiền não, đó là Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu thâu giữ phiền não của hết thảy chúng sinh, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu không vì chúng sinh, không nghĩ đến Thánh đức của chư Phật, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu vì tất cả chúng sinh, nên hiển hiện ra Thánh đức của chư Phật, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu chỗ tu hành tạo nghiệp đối với chư Thiên không chứng biết, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu chỗ tu tập tạo nghiệp, đối với chư Thiên khắp tam thiên đại thiên thế giới đều chứng biết nghe khắp, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu trừ bỏ hết thảy quân ma, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu nơi tam thiên đại thiên thế giới, với các thứ quân ma, hiện có đều khiến chúng phát động, Bồ-tát có thể hàng phục phá trừ, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu không sáng suốt lường xét thân tâm mình, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu nêu rõ Thánh đức của chư Phật Như Lai nơi tất cả các cõi, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu chỉ vì tự thân, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu vì chúng sinh tu tập, thâu giữ nhớ nghĩ về Thánh đức của hết thảy chư Phật, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu vì Tiểu thừa, mau chóng đạt giải thoát, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu dùng trí tuệ, trong từng sát-na để thành tựu Bồ-đề, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu đoạn diệt chủng tánh của Tam bảo, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu tu học về chủng tánh của Tam bảo, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu dụ như cái bình đất bị phá vỡ không còn nguyên vẹn, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu dụ như vật dùng bằng vàng bị phá hoại, tu sửa lại như cũ, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu dùng phương tiện thiện xảo không đầy đủ, tức là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu các phương tiện thiện xảo đều tương ưng, tức là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu mười Lực, bốn Vô sở úy không đầy đủ, tức là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu dùng mười Lực, bốn Vô sở úy, tương ưng với tâm, tức là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu lánh bỏ thế gian như tránh hầm lửa, tức là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu thích trụ nơi thế gian như dạo chơi các vườn hoa, như ở trong điện, đường, tức là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu không đủ sáu Ba-la-mật và bốn Nhiếp sự, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu tu sáu Ba-la-mật và bốn Nhiếp sự, kiên trì thâu giữ niệm, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nếu không đoạn trừ mọi tập khí của duyên từ đời trước, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu đoạn trừ mọi thứ tập khí tương tục, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Nói tóm lại, nếu tâm vướng mắc nơi số lượng, thân cận nơi pháp suy lường, học tập về hữu lượng về giới hạnh, Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, đó là hàng Thanh văn điều phục tâm họ.

Nếu chẳng phải là số lượng, cũng không ràng buộc nơi số lượng, gần gũi vô lượng dùng phương tiện thiện xảo, để tu học về giới hạnh, Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, đó là Bồ-tát tu hành điều phục tâm họ.

Bấy giờ, Đức Như Lai khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Như lời Bồ-tát đã nêu bày, đây là Bồ-tát tu hành bắt đầu nhập vào pháp hành điều phục tâm, do ý nghĩa gì, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Lãnh hội điều ta giảng nói, cho đến giải thoát, nghĩa điều phục ấy đã được thành tựu viên mãn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ví như hai người cùng ở một nơi, một người khen ngợi nước nơi bốn biển cả, một người khen ngợi phần nước nơi dấu chân bò. Này Văn-thù-sư-lợi! Ý ông thế nào? Người khen ngợi phần nước nơi dấu chân bò, nước đó có nhiều không?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Nước nơi dấu chân bò ít, cạn, làm sao so sánh với nước nơi bốn biển cả mà nói nhiều hay ít.

Phật bảo:

–Nếu hàng Thanh văn điều phục nơi hiện tướng, cũng lại như vậy. Ví như nước nơi dấu chân bò tự nó ít, không thể so sánh với nước nơi bốn biển cả được. Nên biết, chỗ khinh trọng của Tiểu thừa cũng như vậy. Còn chỗ tán thán của người kia về nước nơi biển cả. Văn-thù-sư-lợi! Ý ông thế nào? Người ấy có thể khen ngợi về biển cả được không?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Công đức nơi biển cả là vô lượng, sự khen ngợi cũng vô lượng.

Phật nói:

–Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, nên chỗ ứng hiện tu hành là vô lượng. Ví như biển cả không thể nhận biết về số lượng từng giọt nước, công đức của Đại thừa cũng lại như vậy.

Khi Đức Phật giảng nói pháp này, một vạn hai ngàn Thiên tử đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả đều phát ra lời như vầy:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con từ nay hành xử theo Bồ-tát tu hành để có thể tu học, đi đến nơi nguyện dẫn dắt hết thảy chúng sinh khiến vào Phật đạo.

-oOo-

ĐẠI THỪA TU HÀNH BỒ-TÁT
HÀNH MÔN CHƯ KINH YẾU TẬP

QUYỂN TRUNG

12. Rút ra từ kinh Hải Tuệ Bồ-tát Sở Vấn *(nói rõ tám hạnh)*:

-Hiểu rõ về Bồ-tát phạm giới mà có thể thành tựu sáu Ba-la-mật.

-Hiểu nghĩa sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật, so sánh với chỗ cạn sâu của Thanh văn.

-Hiểu rõ về người mới phát tâm Bồ-đề, thật sự có thể nhẫn nhục, tà ma không làm thoái chuyển Bồ-đề.

-Hiểu rõ về ba nghiệp thân, khẩu, ý; thành tựu sáu Ba-la-mật.

-Hiểu rõ về môn niệm quán hành thành tựu sáu Ba-la-mật.

-Hiểu về dụ tám loại công đức cùng với phiền não lẫn lộn.

-Hiểu rõ về bốn loại môn hành thiện.

-Hiểu rõ về môn hành của Bồ-tát có mười hai thứ ma chướng lôi kéo.

Bấy giờ, có một Thiên tử bạch Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Giả như có Bồ-tát mới tu hành, tâm luôn keo kiệt thì có thể thành tựu Bố thí ba-la-mật không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Có người thực hành được việc này.

Thiên tử thưa:

–Do ý nghĩa gì mà có người ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Bồ-tát tu hành thành tựu đầy đủ cho chúng sinh, không bỏ Bồ-đề. Do không bỏ Bồ-đề tức là keo kiệt, đem tâm bố thí, thành tựu đầy đủ cho chúng sinh nên có thể thành tựu Bố thí ba-la-mật.

Thiên tử lại bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có Bồ-tát tu hành hiện phạm giới thì có thể thành tựu Trì giới ba-la-mật chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Có người thực hành được việc này.

Thiên tử thưa:

–Vì ý nghĩa gì mà có người ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bồ-tát tu hành thâu giữ, tạo thành tựu đầy đủ cho chúng sinh, dù giới không đầy đủ nhưng họ vẫn thành tựu Giới ba-la-mật.

Thiên tử lại bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có Bồ-tát tu hành, xả bỏ nhẫn nhục mà có thể thành tựu Nhẫn ba-la-mật không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Có người thực hành được việc này.

Thiên tử thưa:

–Vì ý nghĩa gì mà có người ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Bồ-tát tu hành, xả bỏ hành của ngoại đạo, chuyên học pháp nhẫn Bồ-đề vô thượng, tức có thể thành tựu Nhẫn ba-la-mật.

Thiên tử lại bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có Bồ-tát tu hành, tâm ngã mạn tự cao mà có thể thành tựu Tinh tấn ba-la-mật không?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Có người thực hành được việc này.

Thiên tử thưa:

–Vì ý nghĩa gì mà có người ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Bồ-tát tu hành, không thích quả vị Bích-chi-phật và A-la-hán, nhưng vì để hiển dương trí Nhất thiết trí nên ưa thích Đại thừa, tâm không lười biếng, tích tập điều lành, nhớ nghĩ về Bồ-đề vô thượng thì sẽ có thể thành tựu Tinh tấn ba-la-mật.

Thiên tử lại bạch Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có Bồ-tát tu hành, tâm bị tán loạn mà có thể thành tựu Thiền ba-la-mật không?

Thiên tử lại bạch Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có Bồ-tát tu hành, tâm bị tán loạn mà có thể thành tựu Thiền

ba-la-mật không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Có người thực hành được việc này.

Thiên tử thưa:

–Vì ý nghĩa gì mà có người ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Bồ-tát tu hành cho đến khi ngủ nghỉ cũng không ưa thích quả vị Bích-chi-phật và A-la-hán, chỉ chuyên cầu Bồ-đề vô thượng thì có thể thành tựu Thiền ba-la-mật.

Thiên tử lại bạch Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có Bồ-tát tu hành ngu si vô trí, mà có thể thành tựu Trí tuệ ba-la-mật không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Có người thực hành được việc này.

Thiên tử thưa:

–Vì ý nghĩa gì mà có người ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Bồ-tát tu hành trí tuệ hẹp kém thấy nơi thế gian với bao thứ mê hoặc, trù yếm khởi lên, nhiễu động làm kinh loạn tâm người khác, mà Bồ-tát không có trí của phương tiện cứu giúp nhưng nhờ tâm Bồ-đề, nên thâu giữ nhớ nghĩ về Phật địa, tức có thể thành tựu Bát-nhã ba-la-mật.

Khi ấy, Đức Như Lai khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đúng như lời ông đã nói, ông đã có thể phân biệt Bồ-tát mới tu hành điều nên làm, không nên làm về hành nghiệp tu tập chân thật chẳng hư dối. Vì sao? Nay ông nghe ta lược nói về Trí tuệ ba-la-mật giải thoát viên mãn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ví như có người trong một ngày nhẫn chịu đói khát, không nếm thức ăn có độc, Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Thà giữ keo kiệt, chẳng trì giới, tâm sân giận, biếng nhác, chẳng thâu giữ niệm, nhưng tâm không ưa thích đạo hạnh của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nếu tâm thích tu sáu Ba-la-mật thì không nên như vậy. Vì sao? Vì trong thời gian tu hành đó Bồ-tát phải có ách nạn.

Thiên tử lại bạch Đức Thế Tôn:

–Bồ-tát tu hành không nên sợ hãi phiền não.

Phật nói:

–Bồ-tát tu hành thật sự là sợ hãi phiền não, sợ nhập vào quả vị Thanh văn. Này Thiên tử! Ý ông thế nào? Ví như có người chí muốn bảo tồn thân mạng, bỗng nhiên bị hại, nên đoạn đầu hay đoạn thân?

Thiên tử bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu muốn bảo tồn mạng sống thì thà cắt thịt nơi thân chứ không đoạn đầu. Vì sao? Vì còn đầu thì hãy còn có thể tu tập công đức, dấu vết thiện hiện bày. Do công đức được hiện bày nên được sinh lên cõi trời. Nếu đoạn đầu thì mọi dấu vết thiện đều mất hết.

Phật bảo Thiên tử:

–Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, thà bỏ oai nghi, giới hạnh chứ không thoái chuyển nơi Bồ-đề. Thà cùng với phiền não tương ưng chứ không vào pháp môn đoạn phiền não của hàng Thanh văn.

Thiên tử bạch Đức Thế Tôn:

–Bồ-tát tu hành tu tập hành nghiệp như thế thế gian rất hiếm có, rất khó tin. Hành nghiệp tinh tấn của hàng Thanh văn, Duyên giác cũng xem như Bồ-tát tu hành phạm giới.

Phật nói:

–Đúng như lời ông đã nói! Ví như cơm của nhà nghèo thường ăn, Chuyển luân vương nếu chỉ nếm đồ ăn đó thì khác nào uống thuốc độc. Như hàng Thanh văn kiên cố tinh tấn, trừ diệt phiền não, đối với Bồ-tát tu hành giới hạnh cũng lại như vậy.

Lại nữa, ví như có người dốc cầu sự nghiệp để nuôi sống, trang sức nơi thân, người ấy không thể giàu nhất trong một nước, huống nữa là các thế gian khác. Hàng Thanh văn cũng vậy, tâm đã trừ phiền não, tuy thực hành tinh tấn nhưng không thể tạo lợi ích cho chúng sinh nơi cõi Diêm-phù-đề, huống nữa là các thế gian khác.

Lại nữa, ví như chủ buôn giàu sang, có nhiều quyến thuộc, kẻ hầu người hạ, rất siêng năng bố thí, có thể tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Thiên tử nên biết! Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Tu tập Từ bi, tâm Bi tinh tấn, vì thế tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nơi Thắng nghĩa đế, Thế tục đế, đều bố thí khắp mọi sự an lạc cho muôn loài.

Bấy giờ, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hàng Thanh văn tu đạo, chứng quả vô vi, Bồ-tát tu hành còn ở nơi hữu vi, vì nghĩa gì mà Bồ-tát tu hành có thể hơn người chứng quả vô vi?

Phật nói:

–Ca-diếp nên biết! Vì ông, ta sẽ nêu ví dụ, người trí nhờ ví dụ mà mau hiểu biết. Ví như sữa đầy khắp trong bốn biển cả, nếu có người lấy một sợi lông bò phân làm trăm phần, dùng một phần của đầu sợi lông để lấy một giọt sữa kia. Này Tôn giả Ca-diếp! Ý ông thế nào? Người kia lấy sữa bằng đầu sợi lông có nhiều hơn sữa trong bốn biển cả chăng?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

–Dạ không, thưa Thế Tôn!

Phật nói:

–Này Ca-diếp! Ý ông thế nào? Hai phần sữa đó, bên nào là nhiều, là quý, là tối tôn, tối thượng?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

–Nếu lấy sữa nơi đầu sợi lông, đem so sánh với sữa ở trong bốn biển cả, thì vượt hơn hàng ức trăm ngàn, sữa ấy thật là tối thượng, tối tôn, rất nhiều rất quý, còn sữa nơi đầu sợi lông thì không thể so sánh được.

Phật nói:

–Này Ca-diếp! Ví như đã lấy được sữa hàng trăm phần nơi đầu sợi lông, trí tuệ vô vi của hàng Thanh văn đối với trí của Phật cũng lại như vậy. Bồ-tát tu hành tu tập công đức hữu vi, hạnh nguyện vô vi nhập khắp nơi trí Phật. Ca-diếp nên biết! Ví như loài muỗi và kiến, chỉ có thể lấy được một hạt cơm, nếu lại có người trong ba tháng trồng nhiều ruộng lúa, ý ông thế nào, cái gì là nhiều?

Ca-diếp thưa:

–Số lúa nơi ba tháng đã trồng được đến mùa thu thì thu hoạch vô lượng, đem lại lợi ích cho chúng sinh, còn một hạt cơm kia chưa đủ lợi cho mình, huống nữa là lợi cho chúng sinh.

Phật nói:

–Ca-diếp nên biết! Ví như muỗi, kiến chỉ tha nổi một hạt cơm, hàng Thanh văn cũng vậy. Còn như ba tháng trồng lúa thì thu hoạch rất nhiều, Bồ-tát tu hành công đức nơi sáu Ba-la-mật và bốn Nhiếp sự cũng lại như vầy. Nếu an lập, thành tựu đầy đủ rồi, thì tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Nơi Thắng nghĩa đế và Thế tục đế đều bố thí khắp mọi sự an lạc mới có thể thành tựu Niết-bàn vô thượng.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ví như có trăm ngàn xe cộ ngựa thồ chở châu ngọc lưu ly vào thành ấp. Lại có một viên ngọc báu vô giá đặt trong thuyền nơi biển cả, nếu không bị chướng ngại thì ngọc báu kia sẽ đến cõi Diêm-phù-đề, chúng sinh nơi

cõi ấy nhờ ngọc báu này mà được giàu có, tạo nhiều lợi ích cho người nghèo khổ.

Này Ca-diếp! Ý ông thế nào? Trăm ngàn xe cộ ngựa thồ chở châu ngọc Lưu ly giá trị kia có thể hơn một viên ngọc báu vô giá này không?

Ca-diếp thưa:

–Dạ không, thưa Thế Tôn!

Phật nói:

–Các châu ngọc Lưu ly kia không có nhiều giá trị. Hàng Thanh văn tu tập nhập vào giải thoát vô vi cũng lại như vậy.

Ca-diếp nên biết! Ví như ngọc báu vô giá còn ở nơi thuyền, nếu không bị trở ngại sẽ đến cõi Diêm-phù-đề, tức có thể khiến cho hết thảy chúng sinh được giàu có. Nếu Bồ-tát tu hành khiến cho chủng tánh của Tam bảo luôn nối tiếp không gián đoạn, thì có thể phát khởi Bồ-đề vô thượng, dụ như được viên ngọc báu vô giá tạo lợi ích vô lượng.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Hải Tuệ:

–Thế nào là mới phát tâm Bồ-đề, thật sự có thể nhẫn nhục, không thoái chuyển Bồ-đề? Vì sao tâm Bồ-đề không bị chướng ngại?

Hải Tuệ nên biết! Nếu Bồ-tát tu hành đã phát tâm Bồ-đề, gặp tri thức ác hoặc ma Ba-tuần, hoặc quyến thuộc của ma, hoặc kẻ thờ tà ma, hoặc đi với ma, bị chúng nhiễu hại, cướp đoạt tâm thiện, Bồ-tát tu hành tâm có nghi hoặc thì những thứ tà ma ấy đến não hại Bồ-tát. Khi ấy, tâm Bồ-tát không thoái tán, lại chẳng xa lìa Bồ-đề vô thượng, cũng không đoạn tuyệt việc giải thoát chúng sinh, do đại Bi nên tinh tấn tụ tập, cũng không đoạn tuyệt chủng tánh của Tam bảo, cũng không đoạn tuyệt tất cả hạnh Phật, cũng không đoạn tuyệt ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Đức Như Lai; thứ lớp tu hành, hiển bày hành trang công đức đã tích tập hiện ra cõi của chư Phật thanh tịnh, hộ trì pháp thiện để tu tập thành tựu đầy đủ cho chúng sinh rồi mới bỏ thân mạng, không thích nhiễm đắm nơi dục lạc của thế gian. Nếu Bồ-tát tu hành vì chúng sinh nên tâm hành đại Bi, nhẫn nhục kiên cố, lại bị người khác khinh chê, nhục mạ, không thể nói hết, đánh đập gây khổ sở đều có thể nhẫn chịu, có khả năng gánh vác việc nặng cho chúng sinh, không giấu, không thiếu, tinh tấn không thoái chuyển.

Tâm đó dũng mãnh, đạt đến bờ giác, cũng không mỏi mệt, tu trì tinh tấn, phát khởi phương tiện, tâm chuyên chú, kiên cố, người khác não hại mình nhưng mình không não hại người, nếu có người đánh đập mắng nhiếc thì tự mình không sân hận họ.

Vì diệu nghĩa của Đại thừa khác hẳn thế gian, nên tâm ấy chánh niệm, lường xét về đường thiện, vì chúng sinh thuận theo hành của ba cõi, ta nay nên dốc cầu hành nghịch, chúng sinh trong ba cõi đều trái với ta, ta nên cùng với họ tương ưng hòa hợp. Tâm sân của những chúng sinh ấy dữ dội, ta cầu nhẫn nhục tâm luôn tùy thuận chúng sinh, làm chuyển đổi mọi dối lầm nơi thế gian.

Ta nay chỉ nghĩ đến trí tuệ viên mãn. Nếu có chúng sinh trong mười phương tụ hội, mỗi mỗi đều cầm binh khí như đao, kiếm, thương, giáo… theo ta mà đi, đều mang tâm đối nghịch. Bồ-tát tu hành này hoặc đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc phát tâm Bồ-đề, hoặc phát tâm bố thí, hoặc phát tâm trì giới, hoặc phát tâm nhẫn nhục, hoặc phát tâm tinh tấn, hoặc phát tâm thiền định, hoặc phát tâm trí tuệ, hoặc phát tâm học tập kinh điển, hoặc phát tâm tu trì công đức.

Khi Bồ-tát tu hành suy niệm về tâm ấy, thì những kẻ kia cũng nghĩ: "Chúng ta nên chặt đứt đầu ấy, cắt nhỏ thân xác ấy ra như lá cây táo". Những chúng sinh ấy chuyên mang tâm giận dữ, ý muốn giết người. Bấy giờ, Bồ-tát tu hành chuyên tâm tự nghĩ: "Nay ta đối với người khác không hề có tâm hiểm oán, ta vì nhẫn nhục nên không thù ác. Do ý nghĩa gì, thân ta từ vô thỉ đến nay ở trong ba cõi, chuyển đổi theo sinh tử số lượng vô biên tất đã trải qua các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu vô lượng khổ, hoặc sinh trong loài người tham đắm nơi năm dục, không chút lìa bỏ, hoặc nghe phi pháp mà tùy thuận theo tâm kẻ khác?" Do nhân duyên ấy uổng phí bị mất tánh mạng, thân thể bị mổ xẻ, chia cắt làm trăm phần. Khi thọ khổ như vậy thì nghĩ tưởng đây kia đều không lợi ích: "Nay đã cắt xé phần thân của ta, đoạn mạng căn của ta, nếu có thể đến tận đời vị lại, không dừng, ta cũng luôn không lìa bỏ Bồ-đề vô thượng. Vì lý do gì, nên nay ta phải chịu cắt đứt các chi phần khổ sở khó nhẫn? So ở địa ngục, cái khổ ở đó còn gấp trăm lần, nên ta nguyện vào địa ngục, chứ không lìa bỏ Bồ-đề, là do đại Từ bi nhằm cứu độ chúng sinh. Vì sao? Vì Đức Như Lai đã dạy: "Chỉ có một phần nhỏ tâm đều có thể thành tựu việc lớn. Nay chúng sinh nơi thế gian bạn ác rất nhiều, bạn lành thì ít, phải biết là không nên thân với bạn ác. Vì sao? Vì ta cùng với chúng sinh không có oán ghét, không sinh tâm sân hận, kẻ khác có liên hệ với người ta có liên hệ với kẻ khác. Kẻ khác chỉ trao cho người sân hận, ganh ghét. Ta chỉ dùng từ nhẫn trao cho người. Ta nay nên hiện ra sức mạnh nơi nhẫn không giết hại, không sinh sân giận, nếu có thể xả bỏ thân mạng thì mau được Bồ-đề vô ngại".

Đối với thân mạng tham ái, nhiễm đắm nơi năm dục mạng sống đoạn

hết, thì tự dứt trừ tâm sân, nếu khởi lên thì nên biết để trừ bỏ liền, để có thể nhập vào pháp môn ấy.

Nên biết, Bồ-tát tu hành như vậy thì có thể nhẫn chịu mọi não loạn của tất cả chúng sinh, không cùng với chúng sinh đoạn tuyệt, thường có thể nhẫn nhục ba thứ khổ não. Những gì là ba?

1. Nhẫn chịu khổ não nơi thân.

2. Nhẫn chịu khổ não nơi miệng.

3. Nhẫn chịu khổ não nơi ý.

Lại nữa, sao gọi là nhẫn chịu những não loạn nơi thân? Nếu bị cắt đứt thân mà có thể nhẫn chịu, chỉ để tâm nơi thế gian, quán pháp nghĩ đến chúng sinh bị cắt thân thể. Nếu Bồ-tát tu hành, dùng trí tuệ phương tiện chính vào lúc bị cắt đứt thân thì quán nghĩ về sáu Ba-la-mật. Tâm quán như vậy là xả bỏ của cải, thân mạng, bố thí thân mạng, không tiếc thân mạng, tức có thể thành tựu hạnh Bố thí ba-la-mật.

Nếu bị hại mà có tâm bi hiện bày khắp, tuy có đau đớn nhưng tâm không tán loạn, thì có thể thành tựu hạnh Trì giới ba-la-mật.

Nếu khi bị cắt thân phần, nguyện hóa độ người này, nhẫn chịu không oán giận, thì có thể thành tựu hạnh Nhẫn nhục ba-la-mật.

Nếu do tinh tấn kiên cố, không bỏ tâm Bồ-đề, không chán thế gian, tu các công đức thì có thể thành tựu hạnh Tinh tấn ba-la-mật.

Nếu khi bị cắt thân phần, phải nên thâu giữ niệm: "Thân này giống như cỏ, cây, ngói, đá, như bóng bức vách, như huyễn, vô thường, vô ngã, chốc lát hoại diệt". Quán như vậy rồi thì có thể thành tựu hạnh Trí tuệ ba-la-mật.

Bồ-tát Hải Tuệ nên biết! Nếu Bồ-tát tu hành dùng phương tiện thiện xảo như vậy thì có thể làm viên mãn sáu hạnh Ba-la-mật, không thoái chuyển nơi Bồ-đề. Đó là Bồ-tát thành tựu thân hành nhẫn nhục.

Lại nữa, thế nào là Bồ-tát tu hành nhẫn chịu khổ nào nơi miệng?

Nếu Bồ-tát tu hành bị mắng chửi, không nên nói lại. Tất cả mọi thứ tranh chấp sân giận, nghi ngờ, khinh khi, đánh đập, quanh co đều không nên nói lại. Nghe người nói ác không khởi lên sân giận, đều có thể nhẫn chịu. Đó là Bồ-tát thành tựu khẩu hành nhẫn nhục.

Lại nữa, sao gọi là Bồ-tát tu hành nhẫn chịu khổ não nơi ý?

Nếu Bồ-tát tu hành dùng phương tiện thiện xảo tương ưng với trí tuệ bị người chê bai, mắng chửi, hủy nhục, sân giận, chê trách đều không hề đáp lại. Bồ-tát nghe rồi, ý có thể nhẫn nhục. Đó là Bồ-tát tu hạnh thành tựu

ý hành nhẫn nhục.

Lại nữa, này Bồ-tát Hải Tuệ! Bồ-tát tu hành trí tuệ, phương tiện thiện xảo viên mãn như thế nào để có thể thành tựu môn niệm hạnh quán của sáu Ba-la-mật?

Nếu Bồ-tát tu hành nghe người khác mắng nhiếc khó nghe, khó nhẫn, miệng nói ác, sân giận chê trách, không thể nói hết. Bồ-tát phải nên quán niệm: "Người ấy nay mắng chửi ta là do trong đời quá khứ ta đã keo kiệt, ganh ghét, chẳng gặp duyên lành, chẳng truyền trao sự học tập, chẳng từng cúng dường Tam bảo. Nay người mắng chửi ta, ta phải nên trừ bỏ tâm phiền não, sân hận, giận dữ kia. Ta nay có thể bỏ tâm độc ác, ganh ghét, không còn tham tiếc, cầu Thiện tri thức, tu học đường thiện, thân cận người lành, răn cấm, thận trọng lỗi lầm nơi miệng. Tức có thể thành tựu Thí ba-la-mật".

Lại nữa, Bồ-tát tu hành nên niệm như vầy: "Người ấy phạm giới không hiểu biết tội lỗi. Ta đã thọ giới, không nên khởi sân, nhất tâm niệm Phật, quán thọ tội báo" tức có thể thành tựu Trì giới ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành nên niệm như vầy: "Người ấy tánh đã gắn theo nhiều sân, ác, do đấy nên mắng chửi ta, ta nay không oán định. Tâm từ hướng đến họ" tức có thể thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành nên niệm như vầy: "Người ấy không đủ hạnh thiện do đấy đã mắng chửi ta. Ta nay tự thân tâm mình phải gắng sức làm việc, nhất tâm chánh niệm, không quên Bồ-đề. Những người ác ấy đã kết đại nhân duyên, làm lợi ích cho ta, ai chưa điều phục sẽ làm cho điều phục, ai chưa nghĩ thiện khiến họ nghĩ thiện, ai chưa dừng điều ác khiến họ dừng điều ác". Tâm nghĩ như vậy thì có thể thành tựu Thiền ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành nên niệm như vầy: "Người ấy hoàn toàn vô trí, kiến chấp có tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng tham nhận tài sản. Do đó đã mắng chửi ta, ta nay như pháp tự nghĩ: Trong đó ai là người mắng chửi ta? Người mắng chửi cùng với người thọ nhận đều là không. Đã không có ta và người thì tự trừ diệt tất cả hạnh tà nơi pháp tướng, không còn oán giận, có thể nhẫn chịu tức có thể thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật.

Phật bảo Bồ-tát Hải Tuệ:

–Nếu Bồ-tát tu hành gồm đủ trí tuệ, nghe người khác dùng lời thô ác mắng chửi, hủy nhục mà mình không nhận, Bồ-tát có thể an tâm nhẫn chịu, nên hạnh nguyện thành tựu viên mãn Ba-la-mật, an định, không lìa Đại thừa, thì có thể thành tựu nhẫn nhục các khổ não nơi miệng.

Bồ-tát Hải Tuệ thưa Phật:

–Sao gọi là Bồ-tát tu hành nhẫn chịu khổ não nơi ý?

–Vì hết thảy ma chướng khiến Bồ-tát kia xa lìa Bồ-đề, khiến sinh tâm thoái chuyển. Hoặc là tất cả ngoại đạo do tham danh lợi, tu tập tà hạnh, khiến Bồ-tát kia xa lìa Bồ-đề. Bồ-tát đã ngộ chánh hạnh, tâm không tán loạn, chẳng lìa Bồ-đề cho dù các kẻ kia hóa hiện ra thân Phật, nhưng tâm Bồ-tát không hề thoái chuyển.

Lại nữa, tà ma có sức mạnh, chê trách Bồ-tát, khiến sinh tà niệm, chúng nói Bồ-tát: "Ông chẳng có sức để tích tập Đại thừa, trọn không thể thành Phật, mau bỏ gánh nặng và sự tinh tấn ấy đi. Bồ-đề khó được, Thánh đức của Như Lai cũng lại khó cầu, khó nhẫn chịu vô lượng khổ não của thế gian. Người đã vào Niết-bàn, hiện thọ diệu lạc, ông là đại trượng phu nên cũng mau nhập Niết-bàn."

Hải Tuệ nên biết! Bồ-tát tu hành chân chánh, khi bị ma khuyến thoái mất Bồ-đề, Bồ-tát không chạy theo tâm người khác, không bỏ chánh niệm. Bồ-tát nghĩ như vầy: "Ta nhất định an tọa nơi cội Bồ-đề, nhất định sẽ phá trừ hàng phục chúng tà ma, nhất định sẽ thành tựu đạo quả Đẳng chánh giác, chuyển đại pháp luân, diễn giảng pháp Phật ở tam thiên đại thiên thế giới. Ta sẽ khuyến khích thúc đẩy hết thảy chúng sinh, khiến thành Chánh giác, nguyện khắp thảy chúng sinh ở nơi ta thọ nhận pháp thí thanh tịnh hoặc hết thảy chư Phật, tâm của các bậc Hiền thánh đều biết ta thành tâm theo hạnh nguyện Bồ-đề. Ta nay dùng tâm Bồ-đề này, nên đối với thân nhẫn nhục, không dám dối lừa với chư Phật, Hiền thánh và tất cả chúng sinh, cho đến tự thân mình." Bồ-tát tu hành thâu giữ tâm nhẫn chịu như vậy, không thoái mất Đại thừa, không đoạn tâm báu Bồ-đề.

Hải Tuệ nên biết! Phát khởi tâm Bồ-đề báu như vậy thì có thể phát khởi Nhẫn nhục ba-la-mật, lại không thoái chuyển nơi Tinh tấn ba-la-mật, viên mãn hai hạnh. Đó là Bồ-tát nhẫn nhục mọi khổ não nơi ý.

Bồ-tát Hải Tuệ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là công đức tương tục nơi thế gian cùng với phiền não hòa lẫn mà có thể thành tựu đầy đủ? Con và tất cả chúng sinh do nghĩa gì mà gọi là công đức tương tục nơi thế gian cùng với phiền não hòa lẫn?

Phật nói:

–Có tám loại công đức tương tục nơi thế gian cùng với phiền não hòa lẫn. Những gì là tám?

1. Bồ-tát tu hành đối với hành trang của công đức không nhàm chán.

2. Thích thọ nhận sinh tử ở thế gian.

3. Nguyện được gặp chư Phật Như Lai.

4. Nguyện thành tựu đầy đủ cho chúng sinh không hề mệt mỏi.

5. Giữ gìn pháp Phật, học tập tu hành.

6. Tâm siêng năng thâu giữ trao truyền hạnh thiện cho chúng sinh.

7. Ưa thích pháp Phật, không bỏ Bồ-đề.

8. Tâm luôn gắn bó với các hạnh Ba-la-mật.

Hải Tuệ nên biết! Tu hành về công đức tương tục nơi thế gian hòa lẫn với phiền não như vậy thì Bồ-tát tu hành này đối với phiền não ác kiến không còn bị nhiễm chấp.

Bồ-tát Hải Tuệ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các công đức ấy vì sao hòa lẫn với phiền não?

Phật nói:

–Nên biết, chỗ kiến lập ba cõi đều nhân nơi phiền não mà được thành tựu. Bồ-tát tu hành ấy dùng sức của công đức nơi phương tiện thiện xảo, nguyện trụ nơi thế gian, cứu độ chúng sinh, luôn ở ba cõi thâu nhận phiền não, Bồ-tát không để tự thân mình bị nhiễu loạn. Vì ý nghĩa ấy nên công đức hòa lẫn với phiền não.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy là vô lượng hạnh nguyện của Bồ-tát nương vào trí tuệ phương tiện, chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, rất hiếm, khó có. Bạch Thế Tôn! Lại nữa, Bồ-tát mới tu hành nên biết trí của Đức Như Lai, tùy theo các chúng sinh, tu hành vô lượng mọi thứ hành nghiệp. Rất khó, rất khó! Không thể nghe, không thể nói. Nếu Bồ-tát tu hành, nhẫn những khó khăn như vậy mà không kinh, không sợ thì việc ấy lại càng khó hơn.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Như sư tử con nghe tiếng gầm rống của sư tử cha, có kinh sợ không?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Dạ không, thưa Thế Tôn!

Phật nói:

–Xá-lợi-phất nên biết! Bồ-tát tu hành nếu nghe Sư tử Bồ-đề gầm rống vang lên mà không kinh, không sợ nên nếu nghe vô lượng hành nghiệp của vô số các loài chúng sinh khác biệt cũng không kinh, không động.

Này Xá-lợi-phất! Như một ít lửa nhỏ không sợ tất cả cỏ cây rừng rậm, cũng chẳng nghĩ: "Ta không có sức để đốt cháy mọi thứ cỏ cây ở thế gian." Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Dùng một ít lửa trí tuệ để cứu các chúng

sinh, không sợ tất cả phiền não, cũng chẳng nghĩ: "Ta không thể trừ diệt phiền não của chúng sinh nơi thế gian". Vì sao? Vì nếu hiểu rõ về tất cả phiền não của chúng sinh thì các phiền não ấy lại hỗ trợ cho lửa trí tuệ.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ví như tất cả cỏ cây, cành lá, thân rễ… nơi thế gian, đều cùng nhau nói rằng: "Bảy ngày nơi kiếp sau tất cả cây cỏ nên cùng với lửa đánh nhau, bên nào cũng giành lấy phần thắng. Khi đó, các cỏ cây này tích tập củi và cỏ chất cao như núi Tu-di rồi nói với lửa: "Cây cỏ tích tập cao như núi Tu-di, lửa của ông vì sao không tích tập sức lực, chắc chắn củi và cỏ sẽ hơn". Lửa nói: "Tôi không tích tập. Vì sao? Vì cỏ cây là bạn bè của tôi, nếu cỏ cây nhiều thì tôi tăng thêm sức lực, nếu cỏ cây ít thì tôi sẽ bị diệt".

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Vì vô lượng phiền não của chúng sinh nên có thể làm cho đuốc lửa trí tuệ bùng cháy, Bồ-tát tu hành dần dần có sức mạnh. Nếu hiểu rõ về nghĩa của phiền não rồi, thì giữ lấy phiền não làm đuốc trí tuệ. Nếu Bồ-tát tu hành không thích phiền não mà lại xả bỏ, liền rơi xuống hàng Thanh văn, Duyên giác.

Xá-lợi-phất nên biết! Nếu Bồ-tát tu hành chánh niệm, quán sát tất cả phiền não thì Bồ-tát tu hành dần dần có sức mạnh. Nghe lời này rồi, không kinh sợ, không dao động, nên biết Bồ-tát đã thành tựu trí tuệ nơi phương tiện thiện xảo.

Lại nữa, Bồ-tát tu hạnh có bốn loại hành thiện tương ưng. Những gì là bốn?

1. Tinh tấn tu tập sáu Ba-la-mật.

2. Dùng tâm đại Bi thành tựu đầy đủ cho chúng sinh.

3. Kiên trì tạo công đức đạt thành tựu viên mãn.

4. Trong vô lượng kiếp luôn giữ gìn ba cõi, cũng không mệt mỏi, tích tập tất cả hành trang của công đức.

Nếu Bồ-tát tu hành có thể thành tựu bốn loại công đức như vậy, thì nhất định đó là hành nghiệp của Bồ-tát.

Phật bảo Bồ-tát Hải Tuệ:

–Này thiện nam! Ông nhận biết về tà ma Ba-tuần Ương-câu-xa-câu không?

Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con hiểu biết về chướng ngại của tà ma ấy.

Phật nói:

–Ông nay muốn nghe về nghĩa giải thoát của tà ma tạo chướng ngại

dẫn dắt không?

Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Con rất muốn nghe!

Phật nói:

–Nếu có Bồ-tát nghe nghĩa này rồi thì được giải thoát khỏi chướng ngại của tà ma dẫn dắt. Lại có thể hàng phục, phá trừ tất cả quân ma, mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Hải Tuệ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay nương nơi oai thần của Phật, muốn nói về mười hai loại tà ma Ương-câu-xa-câu để cho Bồ-tát mới tu hành đạo được nghe. Những gì là mười hai?

Một là nếu Bồ-tát tu hành tu Thí ba-la-mật, đối với vật đáng yêu thích sinh tâm luyến tiếc, vật không yêu thích mới đem bố thí, nếu là người thân quen thì tâm ý vui vẻ bố thí, nếu chẳng phải người thân quen thì tâm không bố thí. Người bố thí, người nhận thí đều sinh phân biệt. Bạch Thế Tôn! Đấy là chướng ngại thứ nhất nơi bố thí bị ma dẫn dắt của Bồ-tát tu hành.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành khéo hành tinh tấn, kiên trì giới hạnh, đầy đủ oai nghi. Khi thấy người kia có phạm tội chút ít, thân tâm mình vẫn thanh tịnh, bình đẳng học giới. Hoặc thấy Tỳ-kheo, Bà-la-môn tinh tấn thì sinh tâm cúng dường, cùng với họ học tập. Nếu thấy người phạm giới thì sinh tâm sân hận, hiềm oán, chê bai, là tu hành tạo nghiệp tự khen mình, chê người. Bạch Thế Tôn! Đấy là chướng ngại thứ hai nơi trì giới bị ma dẫn dắt của Bồ-tát tu hành.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành thân nhẫn, khẩu nhẫn nhưng tâm ý không nhẫn, trái lại sinh sân hận. Hoặc thấy người cậy dựa nơi tộc họ hiển dương đức của mình thì vì họ mà nhẫn chịu; còn như thấy những kẻ thấp kém lại sinh sân hận, tâm không nhẫn. Tuy tạm nhẫn chịu nhưng tâm luôn kiêu mạn, sân, hận không bỏ. Bạch Thế Tôn! Đấy là chướng ngại thứ ba nơi nhẫn nhục bị ma dẫn dắt của Bồ-tát tu hành.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành tâm siêng học tập để giáo hóa chúng sinh, khiến vào hàng Thanh văn, Duyên giác thừa, lại không chỉ dạy pháp Đại thừa, khen ngợi quả vị Thanh văn Bích-chi-phật, chuyên học Tục đế, xả bỏ pháp môn Thắng nghĩa đế, che giấu Đại thừa, chuyên tu danh lợi theo thế gian, cúng dường cờ phướn, âm nhạc, hương hoa, tôn trọng, bao dung để cầu danh tiếng, chẳng xem pháp Đại thừa, chẳng cầu Phật pháp. Bạch Thế Tôn! Đấy là chướng ngại thứ tư nơi tinh tấn bị ma dẫn dắt của Bồ-tát tu hành.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành khởi lên bốn thiền định Tam-ma-bát-đề, ngồi yên, vắng lặng, thành tựu thiền định mà bị hủy báng về chỗ tạo thành tựu đầy đủ cho chúng sinh, hủy báng nơi giảng nói pháp Phật, hủy báng nơi cùng ở với chúng sinh, hủy báng nơi khéo thực hành công đức hữu vi, đối với pháp vô vi bất động chỉ tu học một phần ít, chẳng cầu thiền định. Trái lại, thấy cõi Dục và cõi Vô sắc, ưa thích cõi trời Vô sắc, do tâm trì độn nên mong được sống lâu, hoặc sinh lên cõi trời Vô tưởng, hàng trăm ngàn Đức Phật thành Chánh giác, người này do không được gặp chư Phật, không được nghe pháp Phật, không gặp chư Tăng, không thể thành tựu được chúng sinh, cũng không thọ nhận được diệu pháp của Như Lai, không tích tập được hành trang của công đức, lại không có trí tuệ, ngu si, lười biếng, ngã mạn, nếu thọ mạng nơi cõi trời Vô tưởng hết rồi, rồi sinh xuống nơi thiếu trí, thấp kém. Bạch Thế Tôn! Đấy là chướng ngại thứ năm nơi thiền định bị ma dẫn dắt của Bồ-tát tu hành.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành trí tuệ rộng khắp, hiểu rõ về tập tánh, nhận biết nhân duyên sinh khởi nên các pháp hiện có là không đi, không trụ lại hủy báng công đức hữu vi, nên mất trí tuệ của phương tiện thiện xảo, hoặc không tu tập Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, chỉ khen Bát-nhã ba-la-mật, tự nói: "Bát-nhã là tối thắng", đối với năm Ba-la-mật kia tâm sinh phân biệt, không nhiếp hóa chúng sinh bằng bốn Nhiếp sự; tâm thường vô tướng, vô vi, cho là tối thắng, vi diệu. Người ấy trí chưa thành thục nên lại rơi xuống đường tà. Bạch Thế Tôn! Đấy là chướng ngại thứ sáu nơi Bát-nhã bị ma dẫn dắt của Bồ-tát tu hành.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành tu tập hạnh A-lan-nhã ưa thích ở nơi tĩnh lặng, nơi rừng núi vắng vẻ, không hề đắm chấp. Lại hoàn toàn không gồm chứa, không ở nơi đạo tục, an nhiên, không dụng công, không động trí, cũng chẳng học tập về nghĩa sâu xa, cũng chẳng thành thục cho chúng sinh; cũng chẳng nghe pháp Phật, cũng chẳng lường xét về con đường hướng đến. Nếu có nơi giảng giải nghĩa thâm diệu cũng chẳng đi đến nghe, cũng chẳng hỏi han, cũng chẳng tìm kiếm các bậc Thiện tri thức. Do thích ở chốn A-lan-nhã nên tâm còn nhiều phiền não. Nếu không trừ bỏ các chủng tử phiền não để đạt đến tám con đường Thánh đạo, thì Bồ-tát tu hành như vậy tuy ở nơi vắng lặng, nhưng không tạo được lợi ích cho mình và người. Bạch Thế Tôn! Đấy là chướng ngại thứ bảy nơi A-lan-nhã bị ma dẫn dắt của Bồ-tát tu hành.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành giảng nói pháp thâm thúy, lời hay ý đẹp, oai đức gồm thâu tóm mọi chúng. Hoặc có chúng sinh có thể

thọ nhận giáo pháp, lại không truyền trao. Hoặc thấy những kẻ căn trí ám độn ngu si không thể lãnh thọ giáo pháp thì lại đem pháp Phật hiển thị. Bạch Thế Tôn! Đấy là chướng ngại thứ tám thuộc phần quy y biển pháp bị ma dẫn dắt của Bồ-tát tu hành.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành tập học các thứ luận giải của ngoại đạo thế gian, xả bỏ nghĩa lý thâm diệu nơi Đại thừa, tán dương các học thuyết của ngoại đạo. Hoặc thấy có người sáng suốt, an nhàn bàn luận về ngoại đạo thì thích nói, ưa nghe, cho là đức tốt. Khi ấy, trong hội chúng, chư Thiên thích nghe pháp Đại thừa nên đi đến đạo tràng, nhưng lại nghe giảng nêu về luận giải của ngoại đạo, tâm sinh áo não, quay về bổn cung, nói lời như vầy: "Thiện nam này nay đã hủy diệt pháp thiện giáo của Như Lai, Bồ-tát tu hành đối với pháp rường cột như vậy, cớ sao lại nêu dạy luận thuyết của ngoại đạo nơi thế gian, ưa thích hý luận, xả bỏ Đại thừa? Vì sao? Vì pháp thâm diệu của chư Phật Như Lai thành bậc Đẳng chánh giác chẳng nhân nơi hý luận của ngoại đạo thế tục mà thành tựu Bồ-đề."

Bạch Thế Tôn! Nhưng Bồ-tát tu hành ấy học theo tất cả ngôn luận của ngoại đạo mà che giấu pháp của Như Lai. Người như vậy đối với sự giáo hóa của pháp Phật để thành tựu Đẳng chánh giác chỉ chuyên thực hành việc hủy diệt. Bạch Thế Tôn! Đây là chướng ngại thứ chín về sự ngăn che pháp thâm diệu của Phật, lại tán dương các thứ hý luận của ngoại đạo bị ma dẫn dắt nơi Bồ-tát tu hành.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành chạy theo bạn ác, cho là Thiện trí thức, cùng kết làm bạn bè; bạn ác kia chuyên khiến Bồ-tát xả bỏ chúng sinh, không khiến thành tựu đầy đủ, lại chẳng khiến hộ trì pháp Phật, dạy ở nơi chốn vắng lặng, thiếu công sức, luôn đem pháp hạnh của hàng Thanh văn để trao truyền, nếu có ý nghĩa sâu xa tương ưng với Đại thừa thì chẳng phải nêu giảng truyền bá. Hoặc Bồ-tát tu hành học tập Đại thừa, trụ nơi vắng lặng nhằm tiến đến Bồ-đề, bạn ác muốn gây chướng ngại nên khiến Bồ-tát duyên dựa vào thế gian, nói rằng: "Bồ-tát tu hành hợp với pháp duyên dựa vào thế gian, nếu dạy học theo pháp thế gian, thì khiến trụ nơi vắng lặng" được hiện bày để ngộ nhập vào quả vị của người khác, không nhằm hiển thị hạnh môn vô thượng, quyết định của Bồ-tát".

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là hạnh môn vô thượng quyết định của Bồ-tát? Hạnh môn đó có mười loại. Những gì là mười?

1. Dựa vào tín căn, nhận Thiện tri thức chỉ dạy.

2. Siêng cầu diệu pháp như cứu lửa cháy đầu.

3. Đối với pháp thiện thì chỉ dạy, thích trụ nơi chánh niệm, thường

siêng năng tu học.

4. Chánh cần tinh tấn, đã được pháp đó rồi thì tâm không bỏ.

5. Không thích cái vui của riêng mình, chỉ ước muốn tạo mọi thành tựu đầy đủ cho chúng sinh.

6. Vì cầu giáo pháp nên không tiếc thân mạng.

7. Đối với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp làm thanh tịnh cõi Phật, tu tập các thứ hành trang công đức, không nhàm chán.

8. Oai nghi tổng trì thành tựu viên mãn.

9. Nơi hết thảy địa vị của thế gian tâm không đắm nhiễm, nên tu tập hạnh đại Bát-nhã ba-la-mật.

10. Vượt hơn tất cả trí tuệ nơi phương tiện thiện xảo của quả vị Thanh văn và Duyên giác.

Bạch Thế Tôn! Đây là mười hành nghiệp vô thượng quyết định của Bồ-tát. Bồ-tát tu hành phải nên tu tập. Các thứ bạn ác ấy, không hiển thị việc thiện, trái lại gây tạo chướng ngại đạo, nói với Bồ-tát: "Nếu ông siêng năng, tu tập khổ nhọc thì có thể thành Phật. Tâm không nên biếng trễ, ngã mạn, nên có thể thành tựu Phật đạo. Ông nếu trong tám kiếp cho đến mười kiếp, chẳng thành tựu Bồ-đề, tất không thể cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác".

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành khổ hạnh tinh tấn, bị người khác làm chướng ngại nơi đạo, khiến thoái chuyển vào quả vị Thanh văn. Đây là chướng ngại thứ mười nơi chẳng phải là Thiện tri thức, bị ma dẫn dắt của Bồ-tát tu hành.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành tâm cao ngạo ngã mạn, vì cao ngạo nên không chịu khiêm tốn đối với các Sư tăng, Hòa thượng, Yết-ma oai nghi, môn đồ, đàn-việt, cho đến cha mẹ, tâm không điều phục. Nếu thấy Bồ-tát tu hành đã vượt qua hạnh môn của Bồ-tát, ngộ đạt hạnh thiện, đã được oai nghi, tổng trì viên mãn thì không muốn gần gũi, không cùng học tập thiện giáo, cũng không tìm cầu để thỉnh vấn. Nếu thấy người từng tu hạnh Đại thừa đã bị ma dẫn dắt, tâm lại chấp trước theo ma. Do ý nghĩa ấy, nên người đó lại tu theo là hạnh, ưa thích bạn tà, chuyên hành đường tà, thoái mất Bồ-đề, như con dê mẹ ngu si không bước tới phía trước. Ví như vào lúc thời tiết khô hạn, có người nơi vùng đất cao, khô đã trồng cây Thiệm-bộ, lại không tưới nước cho dù có dòng kênh mương nhưng bị đập đất ngăn chận lấp bít. Người ấy tuy trồng mà không tưới nên cây không mọc được.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Trước phát tâm Bồ-đề, sau sinh tâm cao ngạo ngã mạn nên thoái chuyển, quên mất lời dạy của bậc Thiện tri thức, không nghe pháp Phật. Hoặc đã nghe, thọ nhận, lại không tu tập. Ví như nước biển, chỗ nào sóng dữ không động thì địa thế nơi ấy trũng thấp, nước lại rất sâu, mọi sông ngòi, suối nguồn đều đổ về đó.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Đối với Sư tăng, cha mẹ, tâm nên khiêm cung, dụng một ít công sức mà đạt được pháp lớn sâu tùy chỗ ghi nhớ khiến pháp nhập vào tâm. Nếu cao ngạo ngã mạn, không tôn kính Sư tăng, cha mẹ, nên biết người ấy đã bị ma lôi kéo, chấp trước vào ma.

Bạch Thế Tôn! Đây là chướng ngại thứ mười một do cao ngạo kiêu mạn bị ma dẫn dắt.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát tu hành tướng mạo đoan nghiêm, chúng đều kính ngưỡng, giàu sang danh giá kẻ hầu người hạ, kho tàng châu báu vô lượng. Bồ-tát này chẳng cầu hành trang tích tập trí tuệ. Do sức mạnh nơi sự giàu sang tiếng tăm nên say đắm, biếng trễ, kiêu mạn, chẳng thấy con đường chánh. Nếu thấy người xuất gia mới tu tập giới Bồ-tát, đã ra khỏi phiền não, siêng năng hành trì nhờ vào sức trí tuệ làm hành trang dốc tâm vì pháp nhập định suốt ngày, máu thịt khô cạn, xương lộ rõ, gầy yếu, sớm tối tu tập như cứu lửa cháy đầu. Như vậy, Bồ-tát tu hành cao ngạo kiêu mạn kia, nếu thấy người hành trì như trên thì sinh tâm chê bai, khinh rẻ, không cùng làm bạn, không theo thọ giáo vì tâm ngu muội, ám độn, vô trí.

Bạch Thế Tôn! Đây là chướng ngại thứ mười hai vì tâm say đắm bị ma dẫn dắt của Bồ-tát tu hành.

Khi ấy, Bồ-tát Hải Tuệ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đây là mười hai loại ma chướng Ương-câu-xa-câu khiến Bồ-tát tu hành bị chướng ngại nơi đạo. Nếu Bồ-tát tu hành không hiểu, không biết, không xa, không lìa bỏ vô minh như vậy hãy còn không thể gắng sức học tập, theo đuổi hành nghiệp bước đầu của Bồ-tát, huống hồ là có thể thành tựu được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế, Bồ-tát mới tu hành phải nên tinh tấn, thâu giữ tâm, tự giác, vượt qua mười hai thứ chướng ngại dẫn dắt của tà ma.

-oOo-

13. Rút ra từ kinh Hý Lạc Nghiêm *(nói rõ một hạnh)*:

-Hiểu rõ về phương tiện thiện xảo, bố thí năm thứ dục lạc nên khuyến hóa tất cả chúng sinh, khiến phát Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, trưởng lão Tu-bồ-đề bảo phu nhân:

–Này thiện nữ! Chồng của phu nhân hiện nay ở nơi chốn nào?

Phu nhân đáp:

–Trưởng lão Tu-bồ-đề nên biết! Con nay chẳng phải chỉ có một người chồng. Vì sao? Vì chúng sinh trong thế gian bị năm thứ dục trói buộc chạy theo mọi vui chơi đều là chồng của con.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Sao gọi là phương tiện thiện xảo tùy ý vui chơi?

Phu nhân đáp:

–Trưởng lão Tu-bồ-đề nên biết! Nếu có chúng sinh tham cầu năm dục, con sẽ dùng của cải để hỗ trợ, giúp đỡ, nhưng lại khuyến hóa khiến phát tâm Bồ-đề. Nếu có chúng sinh tâm dục hừng hẫy, con sẽ trở lại bố thí tình ái vui chơi. Thế nên gọi là phương tiện thiện xảo tùy ý vui chơi.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Đức Như Lai không cho chúng sinh đam mê nơi dục lạc.

Phu nhân đáp:

–Con nghe trong kinh của Đức Như Lai đã nói: Nếu có Tỳ-kheo thọ trì ca-sa, tích trượng, ngọa cụ, nhiều loại thuốc để trị các bệnh và các thứ lặt vặt, không nên giữ nhiều. Lúc đó, đồng tử kia cùng các đàn-việt đi đến xóm làng, được cung cấp đầy đủ nhiều món thượng diệu, cúng dường Sư tăng, Hòa thượng, chúng Tăng cùng ở, tùy theo đó mà vui nhận. Nếu nhân nơi một vật này, hạnh ác diệt trừ mà đạo được trường tồn. Vì ý nghĩa ấy nên Đức Như Lai chấp thuận cho Tỳ-kheo nhận giữ vật như vậy.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Đúng như phu nhân đã nói, là chân thật không đối.

Phu nhân đáp:

–Hết thảy sự tham đắm vui chơi nơi năm dục, Đức Như Lai vì phương tiện ấy, nếu có lợi thì cũng chấp thuận, không ngăn chặn.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Này thiện nữ! Có bao nhiêu chúng sinh nhận nơi phương tiện thiện xảo ấy, thọ nhận sự vui chơi mà thành tựu đầy đủ đạo quả Vô thượng Bồ-đề?

Phu nhân đáp:

–Nếu nơi hư không trong tam thiên đại thiên thế giới, số lượng tinh

tú hiện có cho đến tận cùng biên vực, hãy còn nhận biết được số lượng ấy, còn như cùng với phương tiện thiện xảo của con thọ nhận sự vui chơi ở thế gian theo đấy để điều phục, khuyến hóa họ đều phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề, thì số lượng của những chúng sinh đó nhiều hơn số tinh tú nơi hư không kia.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Này thiện nữ! Phu nhân làm sao có thể khiến các chúng sinh đạt được an lạc?

Phu nhân đáp:

–Trưởng lão Tu-bồ-đề nên biết! Có các chúng sinh thích thờ Phạm thiên, con dùng hỷ lạc nơi Tứ thiền tùy theo ý họ mà bố thí, sau đó khuyên phát tâm Bồ-đề. Lại có chúng sinh thích thờ Đế Thích, con sẽ dùng những diệu lạc của Đế Thích để bố thí, sau đó khuyên phát tâm Bồ-đề. Lại có những chúng sinh thích ở nơi các hàng chư Thiên, Long vương, Dạ-xoa, Tu-la, Kiền-thát, Kim sí điểu cùng các loài rắn lớn để vui chơi thì con sẽ tùy theo chỗ ưa thích của họ mà bố thí đầy đủ, sau đó khuyên phát tâm Bồ-đề. Lại có chúng sinh vui thích với những hoan lạc của bậc Chuyển luân thánh vương, cho đến hàng quan lớn, con của tộc họ nổi tiếng nơi xóm làng, thành ấp, các hàng Bà-la-môn cùng với dân chúng, các chúng sinh như vậy, con đều tùy theo ý thích của họ mà thí khắp chẳng khiến thiếu sót, sau đó khuyên phát tâm Bồ-đề. Lại có chúng sinh vui thích đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Lại có chúng sinh ý muốn tham đắm nơi các thứ tràng hoa, chuỗi anh lạc, hương bột, hương thoa, y phục, tơ lụa dùng để trang sức. Lại có chúng sinh tham đắm nơi tiền của, vàng bạc, châu ngọc, pha lê, mã não, trống nhạc, đàn ca… Như vậy, chúng sinh nào ý đã vui thích nơi năm dục, con đều thí cho họ, sau đó khuyên phát tâm Bồ-đề.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Thiện nữ nên biết! Những thứ năm dục lạc ấy làm chướng ngại tám Thánh đạo và con đường hướng đến Niết-bàn khéo đạt được Vô sở đắc. Những thứ năm dục ấy khi chánh thọ, cũng có chúng sinh do nhân duyên này nên khéo điều phục, khuyên hội nhập vào Bồ-đề. Nghĩa này theo thứ lớp là rất khó nghĩ.

Này thiện nữ! Vì việc tu tập của Đại Bồ-tát là rất khó, khiến Bồ-tát tu hành ấy thành tựu việc thiện nên biết cũng là rất khó. Vì sao? Vì những việc như vậy đều là một loại làm chướng ngại đạo đối với chúng sinh. Cũng có các loài chúng sinh trở lại nhân nơi đấy mà điều phục, được nhập vào đường thiện.

Bấy giờ, trong pháp hội nơi tinh xá có hai trưởng giả tử đã từng giao du với phu nhân, được phu nhân dùng phương tiện thiện xảo tùy chỗ ý thích vui chơi mà khuyên vào Bồ-đề vô thượng.

Lúc đó, hai trưởng giả tử này bạch Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Chớ lấy trí của mình đem so với trí của người khác. Thưa Trưởng lão Tu-bồ-đề! Ý trưởng lão thế nào? Nếu trong đèn còn một ít dầu, Tôn giả có thể dùng miệng thổi tay quạt để đèn tắt không?

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Có thể thổi tắt.

Trưởng giả tử thưa:

–Nếu các thiện nam, thiện nữ hành pháp Thanh văn, dùng một ít trí tuệ sáng suốt thì dùng một trí tự tại là có thể diệt, cũng lại như vậy.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nên biết! Ví như khi kiếp mạt, có bảy mặt trời hiện ra, do các mặt trời chiếu soi dữ dội khiến thế gian khởi lên lửa cháy lớn, lửa này có thể dùng nước nơi sông Hằng dập tắt được không?

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Trăm ngàn nước biển còn không thể dập tắt, huống nữa là nước nơi sông Hằng.

Trưởng giả tử thưa:

–Trưởng lão Tu-bồ-đề nên biết! Ánh sáng nơi trí tuệ vô lượng, vô biên, ánh sáng nơi công đức vô lượng vô biên của Bồ-tát cũng như vậy. Nếu Bồ-tát tu hành ở trong hằng hà sa số kiếp, đem năm thứ dục vui thích, thọ nhận hoan lạc nơi thế gian thì Bồ-tát tu hành trí tuệ sáng suốt, công đức sáng suốt này không thể gắng nhận nhưng có thể diệt được. Ví như có một người nghèo bệnh, đi tìm thầy thuốc để chữa trị. Do người nghèo khổ mà thầy thuốc lại ở xa xôi, lúc đó, người nghèo bệnh kia muốn trừ khỏi bệnh thì phải có tiền mua thuốc uống mới hết bệnh. Vì sao? Vì người nghèo bệnh ấy do không còn sức lực tiền bạc. Hàng Thanh văn cũng vậy, thâu giữ tâm tu mười hai hạnh Đầu-đà, một mình ở nơi A-lan-nhã, thích mặc y xấu, sau đó giải thoát khỏi phiền não ở thế gian.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nên biết! Giống như người nghèo khổ bị bệnh, thầy thuốc giỏi tùy theo bệnh mà chế ra thuốc để chữa trị, Thanh văn cầu giải thoát cũng lại như vậy.

Lại nữa, ví như quốc vương dòng họ Sát-lợi đã thọ pháp Quán đảnh, nếu vua lâm bệnh, lương y vì vua hòa hợp thuốc quý như: quang trạch,

hương mỹ, thần khẩu, cam điềm tứ chi, an thái… đem cho vua uống. Vua uống thuốc rồi, lại phụng hiến âm nhạc, hương hoa vui thích, lấy đó làm hoan lạc. Nhờ phương tiện này mà quốc vương khỏi bệnh.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nên biết! Cũng giống như vậy! Như có Bồ-tát tu hành dùng phương tiện thiện xảo, tùy ý vui thích thọ năm thứ dục lạc, do hoan lạc mà thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nên biết! Như vua bệnh, phải cho uống loại thuốc thượng diệu, Bồ-tát tu hạnh cũng lại như vậy, nhờ diệu lực nơi trí tuệ theo phương tiện thiện xảo nên được giải thoát.

-oOo-

14. Rút ra từ kinh Thiện Xảo Phương Tiện *(nói rõ một hạnh)*:

-Nguyên nhân phạm trọng chướng của Bồ-tát tu hành theo học hạnh Thanh văn.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Thượng Tuệ:

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo tu hạnh Bồ-tát mà phạm các trọng tội, rồi dùng phương tiện thiện xảo nên có thể diệt trừ. Vì ý nghĩa đó nên nay ta giảng nói về nhân duyên không phạm.

Bồ-tát Vô Thượng Tuệ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành vì sao bị phạm?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Nếu Bồ-tát tu hành tu tập pháp hạnh của hàng Thanh văn, giả sử trong trăm ngàn kiếp, uống các loại cỏ thuốc, hoa quả, có thể nhẫn chịu các lời nói thiện ác của chúng sinh, tu tập pháp định của hàng Thanh văn, Duyên giác. Đây là Bồ-tát tu hành phạm tội rất nặng.

Này thiện nam! Ví như hàng Thanh văn phạm bốn trọng tội rồi, hiện rõ nơi thân năm ấm, lại không có khả năng vào được Niết-bàn. Thiện nam! Cũng lại như vậy, nếu Bồ-tát tu hành không lìa bỏ Thanh văn, không sám hối tội kia, khi ấy Bồ-tát tu hành lại không thể thành tựu đạo quả Đẳng chánh giác, không thể nhập vào Niết-bàn Vô dư nơi quả vị của Phật.

-oOo-

15. Rút ra từ kinh Thắng Tích *(nói rõ một hạnh)*:

-Nêu Bồ-tát tu hành mà thoái chuyển vào trong hạnh Thanh văn.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người bị đau mắt, trải qua một

tháng dùng thuốc chữa trị, mắt dần dần lành, thấy được. Nhưng lại có người thù hằn dùng ngọn lá tất-bát phẩy vào trong mắt, khiến người ấy mắt sáng bị mù tối như cũ. Nếu Bồ-tát tu hành, lúc tu Đại thừa, thoái chuyển vào hàng Thanh văn, căn ám độn ấy giống như người vô trí, dùng bột trắng chiên-đàn hòa lẫn với bùn dơ thoa lên thân thể, chiên-đàn trắng kia hòa với ác khí nên mùi của nó trước kia không còn nghe nữa. Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, do học tập hạnh của Thanh văn nên hành trang của công đức bị cấu nhiễm ô, khó gặp hạnh Phật, lại không thể tụ hội với các Bồ-tát đạt quả vị thanh tịnh trong chúng hội.

-oOo-

16. Rút ra từ kinh Như Lai Tạng *(nói rõ một hạnh)*:

-Quán niệm về nhân quả nhẫn nhục của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

–Ví như có người ngã xuống đất rồi trở lại dùng đất chống đất mà đứng dậy. Ca-diếp nên biết! Cũng lại như vậy, nếu ở trong giáo pháp của Phật mà điên đảo thì bị đọa vào địa ngục Vô gián. Nếu thọ trì Thánh đức của Như Lai thì từ trong địa ngục lại được ra khỏi. Sao gọi là nương tựa nơi Đức Như Lai, lại có thể nhất tâm nhớ nghĩ về Thánh đức của Phật, y theo lời dạy để tu hành?

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử dùng tâm không thanh tịnh để quán sát Đức Như Lai hãy còn tự đạt được đại lợi ích, huống nữa là dùng tâm thanh tịnh quán sát Như Lai thì phước đó là vô lượng.

Phật bảo:

–Đúng như lời ông đã nói, chỉ có dùng vô số các thứ ý hành quán sát Như Lai đều sẽ vì đây mà giảng nói về con đường hướng đến Niết-bàn.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp thưa:

–Nay con đã hiểu lời chỉ dạy của Như Lai, thà ở trong giáo pháp của Phật mà phạm tội, còn hơn là thờ ngoại đạo và học các hạnh ác. Vì lý do đó, nếu ở trong giáo pháp của Như Lai hành tội phi pháp, đã khởi lên hành ác thì nhân của Niết-bàn có thể bị diệt. Nếu thờ ngoại đạo, khởi lên hành ác thì đều đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu các báo ác.

Phật nói:

–Đúng như lời ông đã nói! Ca-diếp nên biết! Ví như có người chê bai cây Tử đàn hương, vứt bỏ ném xuống đất, hủy báng cho là không thể thọ

dụng. Này Ca-diếp! Ý ông thế nào? Tử đàn hương kia lại có thể tỏa mùi thơm tới người chê bai kia chăng?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Mùi thơm của Tử đàn hương đó bay tới người chê bai kia, giống như trước không khác.

Phật nói:

–Ca-diếp nên biết! Nếu có chúng sinh chuyên nhớ nghĩ về Như Lai, hoặc thấy Như Lai, hoặc nghe danh hiệu của Như Lai, thì những chúng sinh ấy đều được huân tập pháp môn giải thoát, cũng lại như vậy.

-oOo-

17. Rút ra từ kinh Kim Quang Thượng Thắng Tỳ-ni *(nói rõ một hạnh)*:

-Đồng nữ Kim Quang Thắng với nhân duyên của mười thứ hạnh nguyện xin xuất gia.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nói với Đồng nữ Kim Quang Thắng:

–Ngươi vì sao nên nghe Phật pháp?

Đồng nữ đáp:

–Do thích nghe pháp, nên nghe pháp của Đức Như Lai đã giảng nói để tu hành.

Khi ấy, Đồng nữ nương vào oai thần của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, cùng diệu lực nơi công đức trí tuệ của thiện căn mình, ở trong pháp hội kia thuyết pháp liên tục, nhân đó, một vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có năm trăm hàng trời, người, trước ở trong tạng Bồ-tát tu tập căn lành, lúc đó là những Bồ-tát giác ngộ về pháp môn Vô sinh. Lại có ba vạn hai ngàn hàng trời, người, xa lìa phiền não, dứt hết trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc này, Đồng nữ thuyết pháp làm cho tâm họ đều vui mừng, nên nhập vào pháp môn giải thoát tùy thuận tỏ ngộ sâu xa. Đã hiểu pháp rồi, trở lại đối trước Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đảnh lễ, năm vóc sát đất, xin xuất gia:

–Cúi xin Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đem tâm đại Từ bi thuận nghe về pháp ấy. con nguyện đời này được dự vào hàng xuất gia.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đồng nữ nên biết! Nếu Bồ-tát tu hành tự mình vui thích xuất gia, cạo bỏ râu tóc, thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Trước hết là vì

tất cả chúng sinh, cắt đứt mọi phiền não, khiến càng tinh tấn. Đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, dùng nước sạch nhuộm màu sắc, tạo ra y phục, ca-sa, ngọa cụ thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Vì trước hết là dứt trừ màu sắc tham, sân, si của hết thảy chúng sinh, khiến càng tinh tấn, đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, thọ cụ túc giới thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Vì nếu thấy chúng sinh phạm giới, thì khiến họ thâu giữ các hạnh, dứt điều ác, tu tập điều lành, đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, một mình ở nơi tịch tĩnh, thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Vì Bồ-tát trước hết trừ diệt mọi ngu si của chúng sinh nơi năm đường khiến họ trụ vào trí tuệ. Đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, trụ vào hình tướng oai nghi, thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Do trước hết là vì chúng sinh phát tâm đại Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, tu tập tinh tấn tạo công đức thiện căn thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Vì phải khuyến hóa chúng sinh phát khởi căn lành, tu tập công đức. Đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, ý cầu Niết-bàn, thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Trước hết là vì hết thảy chúng sinh kiên tâm dốc cầu con đường hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, diệt trừ phiền não nơi tự thân thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Trước hết nên vì tất cả chúng sinh, siêng năng cầu tinh tấn để dứt trừ phiền não cho họ. Đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, nguyện tỏ ngộ nơi thân tâm, thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Trước hết vì tạo mọi thành tựu đầy đủ cho chúng sinh nên khiến tỏ ngộ về thân tâm. Đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, để giải thoát ách nạn cho mình, thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Trước hết là nhằm cứu ách nạn của chúng sinh, khiến họ được giải thoát. Đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, chán lìa phiền não, thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Trước hết vì tạo thành tựu trọn vẹn cho tất cả chúng sinh, thích trụ ở thế gian. Đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Nếu Bồ-tát tu hành tự mình thích xuất gia, nguyện vào Niết-bàn, thì không nên xuất gia như vậy. Vì sao? Trước hết là làm viên mãn hết thảy công đức thiện căn của Như Lai. Đó gọi là Bồ-tát xuất gia.

Lại nguyện cho tất cả chúng sinh mau được xuất gia, đó là xuất gia.

Lại có thể không còn thấy lỗi lầm của chúng sinh, đó là xuất gia.

Lại xả bỏ tất cả mọi trở ngại trừ diệt tội lỗi, đó là xuất gia.

Phàm là xuất gia buộc tâm lệ thuộc nơi người khác, nếu Bồ-tát tu hành thì chẳng phải bị lệ thuộc.

Đồng nữ thưa:

–Vì sao xuất gia gọi là lệ thuộc nơi người khác?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Phàm người xuất gia phải lệ thuộc nơi giới cấm, phải gìn giữ không phạm. Đó là lệ thuộc nơi người khác.

Phàm người xuất gia lệ thuộc nơi thiền định, không nên tán loạn. Đó là lệ thuộc nơi người khác.

Phàm người xuất gia lệ thuộc nơi trí tuệ, không nên ngu si. Đó là lệ thuộc nơi người khác.

Lại lệ thuộc nơi giải thoát, đó là lệ thuộc nơi người khác.

Không nên bị trói buộc, đó là lệ thuộc nơi người khác.

Đồng nữ thưa:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như thế nào là Bồ-tát tu hành chẳng bị lệ thuộc người khác?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Nếu Bồ-tát tu hành, không thọ nhận hành người khác thì chẳng phải lệ thuộc người khác, cũng chẳng chạy theo sắc của người khác, cũng chẳng phải trí của người khác, hay lời nói của người khác. Bồ-tát tự có trí Nhất thiết trí, vì thế không nên lệ thuộc người khác.

Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói pháp xuất gia này, có năm trăm Bồ-tát đều tự cởi ca-sa thượng diệu trên thân đem dâng cúng cho Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khoác trên thân Bồ-tát, nói như vầy:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã giảng nói về nhân duyên xuất gia hoàn toàn chân thật không hư dối. Chúng ta từ nay phải nên tu học.

Bấy giờ, đồng nữ Kim Quang Thắng đắc pháp về bản nguyện hóa độ đạt đến bờ giác, được ánh sáng trí tuệ, diệt trừ tối tăm, thấy rõ tội lỗi nơi sinh tử, duyên khởi của phiền não, liền đảnh lễ Đồng tử Văn-thù-sư-lợi,

nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lên xe quay về bản cung.

-oOo-

18. Rút ra từ kinh Hàng Phục Ma *(nói rõ một hạnh)*:

-Ma vì Bồ-tát tu hành nói hai mươi loại ma chướng. Bồ-tát nên nhận biết không chấp giữ.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Kiên ở trong chúng hội thấy ma Ba-tuần hóa hiện hình Phật ngồi nơi đạo tràng, Thiên tử hỏi Ba-tuần:

–Vừa rồi, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã nói về ma Ba-tuần hay tạo chướng ngại nơi hành nghiệp của Bồ-tát tu hành. Xin Ma vương nói cho, sao gọi là Bồ-tát tu hành bị ma chướng?

Khi nói lời này rồi, thì ma Ba-tuần như chợt tỉnh lại hóa ra hình cũ, thưa với Thiên tử:

–Bồ-tát tu hành gồm có hai mươi loại ma chướng:

1. Cầu giải thoát, sợ hãi thế gian, cúng dường và tu học các luận của Du-già. Nên biết, đó là ma chướng.

2. Tìm cầu tướng không, xa lìa không sinh. Nên biết, đó là ma chướng.

3. Tu pháp vô vi, không thích thiện căn, công đức của pháp hữu vi. Nên biết, đó là ma chướng.

4. Chỗ tu tập thiền định, không thích môn định của thế gian. Nên biết, đó là ma chướng.

5. Chỗ hiển bày giáo pháp, không khiến phát tâm đại Từ. Nên biết, đó là ma chướng.

6. Tìm cầu con đường tinh tấn có đức, đối với người phá giới lại sinh giận dữ, chê bai. Nên biết, đó là ma chướng.

7. Tán dương đạo hạnh của Thanh văn, ngăn che Đại thừa. Nên biết, đó là ma chướng.

8. Tán dương Thế đế đã giảng nói, nếu nghe về nghĩa không không chấp trước, vô tướng của Đại thừa thì có thể che lấp. Nên biết, đó là ma chướng.

9. Đã hiểu rõ con đường hướng đến đạo Bồ-tát, lại không cầu sáu Ba-la-mật. Nên biết, đó là ma chướng.

10. Tự khen ngợi về tinh tấn, không khuyên chúng sinh từ bỏ biếng trễ ngã mạn. Nên biết, đó là ma chướng.

11. Tu tập công đức, không nhớ nghĩ về Bồ-đề vô thượng. Nên biết, đó là ma chướng.

12. Tu tập thiền định, chánh kiến. Không thấy rõ về chánh kiến của chúng sinh. Nên biết, đó là ma chướng.

13. Chí cầu dứt trừ phiền não, chẳng nguyện ở trong ba cõi. Nên biết, đó là ma chướng.

14. Tuy dùng trí tuệ quán sát Từ bi mà không thực hành. Nên biết, đó là ma chướng.

15. Chỗ tu tập hạnh thiện, nếu chẳng phải là theo phương tiện thiện xảo. Nên biết, đó là ma chướng.

16. Không tu học kinh điển nơi Bồ-tát tạng của Đại thừa mà lại học tập các luận của thế gian, ngoại đạo. Nên biết, đó là ma chướng.

17. Thông đạt tuệ học nhưng tiếc giữ kinh pháp, sợ người khác học tập và hiểu biết. Nên biết, đó là ma chướng.

18. Tận tâm đối với các việc thế gian, vốn không có ý học hỏi pháp vi diệu. Nên biết, đó là ma chướng.

19. Nếu Bồ-tát tu hành thấy giảng nói về Đại thừa. Lại không cung kính, học tập, cũng không cúng dường. Nếu thấy người hành thừa Thanh văn, Duyên giác thì theo họ học tập, tương ưng, hòa hợp. Nên biết, đó là ma chướng.

20. Nếu Bồ-tát tu hành đạt được danh tiếng vang khắp, không chỗ thiếu sót, hoặc chính mình gặp các bậc Thích, Phạm, Tứ vương, Đế chúa, đại thần, trưởng giả, đều không hiển bày vô lượng Thánh đức của Như Lai, không cúng dường, cũng không kính thuận. Nên biết, đó là ma chướng.

Thiên tử nên rõ! Bồ-tát tu hành có hai mươi loại ma chướng rất lớn như vậy, phải nên thâu giữ tâm, giác ngộ như giáo pháp đã dạy. Bồ-tát tu hành nhập vào thứ vị của Đại thừa rồi, phát tâm Bồ-đề, tu Thiền định ba-la-mật, hoặc đang ngủ nghỉ hãy còn không muốn nhập vào quả vị của hàng Thanh văn.

-oOo-

19. Rút ra từ kinh Phú-lâu-na Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành bị tri thức ác nên có bốn loại nhân duyên thoái bỏ Bồ-đề, nhập vào nơi giải thoát của hàng Thanh văn.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Thánh giả Phú-lâu-na:

–Phú-lâu-na nên biết! Bồ-tát tu hành có bốn thứ pháp tương ưng

khiến thoái bỏ Bồ-đề, trở lại nhập vào quả vị Thanh văn. Những gì là bốn?

1. Nếu Bồ-tát tu hành bị bạn tri thức ác cùng học hạnh ác. Những bạn ác này khiến Bồ-tát xa lìa hạnh Phật, xả bỏ chúng sinh, nói với Bồ-tát: "Ông có thể chán đủ về hành nghiệp như vậy, ba cõi xa vời khổ não vô cùng, thế gian thọ sinh, phiền não kết chứa không chút dừng nghỉ, thành Phật rất khó, tại gia từ bỏ thế tục lại càng rất khó, chỉ khiến tâm mệt nhọc, quá lâu xa nên chớ tu tập. Ông cũng chưa được thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ông nay sức lực yếu đuối, không thể vượt qua con đường của năm cõi, giữa đường không thể đoạn tuyệt." Bồ-tát tu hành nghe lời này rồi tâm sinh thoái lui, mang nỗi sầu lo, tức ở trong Bồ-tát hạnh, tâm không vui thích.

Phú-lâu-na nên biết! Đó là pháp thứ nhất, Bồ-tát tu hành thoái bỏ Bồ-đề, nhập vào nẻo giải thoát của hàng Thanh văn.

2. Nếu Bồ-tát tu hành không nghe đạo hạnh của Bồ-tát, chẳng nghe kinh điển nơi Bồ-tát tạng công đức tích tập của Bồ-tát, chỗ nêu bày về giới cấm của Bồ-tát, hướng đến con đường sáu Ba-la-mật, tương ưng với pháp chứng đắc, đều chẳng từng nghe. Đã chẳng từng nghe nên không thể như pháp tu tập, không biết dùng hạnh môn gì để tu hành, hạnh môn gì để xa lìa, nên theo pháp thứ lớp nào để tạo tác, pháp như thế nào không nên học tập. Sao gọi là pháp hành của Thanh văn? Sao gọi là pháp môn của Bồ-tát? Đã chưa rõ ràng, chẳng biết pháp nào để tu, nên tu thì không tu, không nên tu lại tu. Bồ-tát tu hành như thế thì Bồ-đề dần dần tổn giảm, đạo tâm dần dần phóng túng, trong lòng khiếp sợ, xả mất hạnh nguyện xưa, thoái mất Bồ-đề.

Phú-lâu-na nên biết! Bồ-tát tu hành thoái mất Bồ-đề như vậy mà nhập vào nẻo giải thoát của hàng Thanh văn.

3. Nếu Bồ-tát tu hành khởi lên dị kiến, nhàm chán thân mình, chấp hai bên tà và chánh, không lìa hạnh này, nên nghe pháp yếu vô thượng thâm diệu để được khai ngộ, trái lại sinh phỉ báng, khinh chê, bất tín. Do hủy báng pháp nên chết bị đọa vào địa ngục Vô gián, lại không thấy nghe Phật pháp, lại không tu Đại thừa, không gặp Thiện tri thức. Vì không gặp Thiện tri thức cho nên hạnh thiện bị lui sụt, nhập vào hạnh ác, cách xa bạn lành, hòa hợp với người ác, quên mất bản niệm, bỏ quả vị Bồ-tát thừa, không cứu độ chúng sinh trong ba cõi, không theo hành nghiệp của Đại thừa.

Phú-lâu-na nên biết! Đấy là pháp thứ ba tương ưng nên thoái mất Bồ-đề, nhập vào nẻo giải thoát của hàng Thanh văn.

4. Nếu Bồ-tát tu hành nghe pháp yếu thâm diệu không giảng nói cho

chúng sinh, biếng trễ, ngã mạn, giấu kín, sụt lùi, tâm không muốn nêu giảng chỉ dùng một ít công sức để tu học, keo kiệt pháp của Phật, không thâu giữ chúng sinh. Do tội này, nên chỗ suy niệm dần dần tiêu diệt, niệm hành diệt rồi nên không thể lường xét về pháp nghĩa, cũng không gắng nhận một phần giáo pháp, khi bỏ thân này, thoái mất Bồ-đề.

Phú-lâu-na nên biết! Đây là pháp thứ tư tương ưng khiến thoái mất Bồ-đề, nhập vào giải thoát của Thanh văn.

-oOo-

20. Rút ra từ kinh Bảo Đồng Phu Nhân Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành bốn loại thật ngữ không hư dối, vượt qua các hành của Thanh văn, không nhàm chán.

Bấy giờ, Đức Phật bảo phu nhân Bảo Đồng:

–Bồ-tát tu hành có ba loại thật ngữ không hư dối. Những gì là ba?

1. Không lừa dối chư Phật, Như Lai.

2. Không lừa dối tất cả chúng sinh.

3. Không lừa dối chính mình.

Phu nhân nên biết! Như thế nào là Bồ-tát tu hành không lừa dối Như Lai, không lừa dối tất cả chúng sinh và không lừa dối chính mình?

Nếu Bồ-tát tu hành, phát tâm Bồ-tát rồi, sau đó phát nguyện muốn chứng qua Thanh văn, A-la-hán phu nhân nên biết. Bồ-tát này là lừa dối Như Lai, lừa dối chúng sinh và lừa dối chính mình.

Sao gọi là không lừa dối?

Nếu Bồ-tát tu hành, phát tâm Bồ-đề rồi, dù gặp các khổ não bức bách, cho đến bị tà ma, ngoại đạo Ni-kiền đùa cợt, mắng chửi, hủy nhục, dùng lời nói hình dung ra như dao, kiếm, thương, giáo, đâm vào tâm tổn thương… nhưng Bồ-tát tu hành không kinh sợ, không động loạn, không giấu diếm, không thiếu thốn, không sầu lo, không ăn năn, đều có thể nhẫn chịu, kiên cố không bỏ tâm báu Bồ-đề, không dời đổi, không lay động, ở trong ba cõi cứu độ chúng sinh, quy y Vô đẳng Vô thượng Bồ-đề, cho đến trong từng sát-na không nghĩ gì khác, thường nghĩ về chư Phật, nguyện chuyển pháp luân, thâu nhận chúng sinh, sinh đại oai lực, hiện rõ sức mạnh lớn, hạnh thiện bền chắc tu tập tinh tấn, chẳng chạy theo lời nói của người khác, không gì có thể hàng phục.

Phu nhân nên biết! Bồ-tát tu hành như vậy là không lừa dối chúng sinh, không lừa dối chính mình. Nếu có Bồ-tát hành trì như vậy, đó là thật ngữ tối đại, vô thượng.

Lại nữa, có bốn loại nhân duyên khiến Bồ-tát tu hành không lừa dối Như Lai:

1. Tâm kiên cố.

2. Tâm oai lực.

3. Có sức mạnh không biếng trễ.

4. Trì giới tinh tấn.

Lại có bốn loại nhân khiến không lừa dối tất cả chúng sinh:

1. Tu học kiên cố.

2. Tâm Từ ban vui.

3. Tâm Bi cứu khổ.

4. Thâu nhận giáo hóa chúng sinh.

Lại có bốn loại nhân khiến không lừa dối chính mình:

1. Tâm kiên cố.

2. Tâm kiên cố gấp bội.

3. Tâm không dua nịnh, mê hoặc.

4. Tâm không dối trá.

Phu nhân nên biết! Bồ-tát tu hành tức hội nhập vào quả vị thật ngữ bậc nhất, không lìa bỏ Bồ-đề, hạnh nguyện quá khứ cũng chẳng dời đổi, chẳng lay động.

Khi ấy, phu nhân Bảo Đồng thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả có thể dùng thân nữ để thuyết pháp cho chúng sinh không?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Nay ta hãy còn chán thân nam tử, huống nữa là thọ thân người nữ.

Phu nhân thưa:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả thật sự chán thân này chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Thật sự là chán thân này.

Phu nhân nói:

–Vì ý nghĩa này nên Bồ-tát tu hành vượt hơn hẳn tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì nếu hàng Thanh văn chán, riêng Bồ-tát thì không có tâm chán. Nếu hàng Thanh văn có chỗ nghi hiềm, Bồ-tát thì không thế.

Thanh văn chán lìa năm ấm, sáu nhập, Bồ-tát thì không chán lìa.

Thanh văn chán việc thâu giữ thân phần, Bồ-tát thì không chán.

Thanh văn nhàm chán sự nhiếp hóa ba cõi, Bồ-tát thì không chán.

Thanh văn chán sinh tử ở thế gian, Bồ-tát thì không chán.

Thanh văn chán lìa công đức hữu vi, Bồ-tát tích tập mọi hành trang của công đức, không chán.

Thanh văn chán tạo duyên với chúng sinh, Bồ-tát làm thành thục tâm chúng sinh nên kết duyên không chán.

Thanh văn chán lìa xóm làng, Bồ-tát không chán luôn hội nhập nơi

các quốc ấp, xóm làng, cung vua.

Thanh văn tự chán về phiền não, Bồ-tát có thể thâu giữ chúng sinh, không chán phiền não.

Tôn giả Xá-lợi-phất nên biết! Thanh văn đã nhàm chán xa lìa các hành, Bồ-tát đều có thể thâu nhận, giáo hóa nên không chán.

Xá-lợi-phất nói:

–Bồ-tát tu hành như vậy, dùng oai lực gì, do khí thế gì mà tâm không nhàm chán?

Phu nhân đáp:

–Bồ-tát tu hành tâm có tám loại tương ưng khiến không nhàm chán. Những gì là tám?

1. Đối với các chúng sinh luôn hiện bày oai lực tâm Từ không não hại.

2. Uy lực nơi tâm Bi thành tựu đầy đủ cho chúng sinh.

3. Khéo tu tập hạnh nguyện vô tác.

4. Uy lực của trí tuệ nên trừ diệt phiền não.

5. Uy lực của phương tiện thiện xảo, không có mệt mỏi.

6. Uy lực nơi công đức nên không thoái chuyển.

7. Uy lực của trí tuệ nên diệt trừ ngu si.

8. Uy lực của tinh tấn đầy đủ hội nhập, không bỏ nguyện xưa.

Tôn giả Xá-lợi-phất nên biết! Bồ-tát tu hành có tám loại năng lực hạnh nguyện tương ưng nên tâm không nhàm chán.

-oOo-

21. Rút ra từ kinh Bảo Tích *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành so sánh với con đường của Thanh văn.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Giống như mặt trăng cùng với ngôi sao, không thể bỏ mặt trăng để trước hết nghĩ về các ngôi sao. Người trí cũng vậy, Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Vì tu tập nên chẳng phải xả bỏ niệm trước về Thanh văn. Lại nữa, giống như chư Thiên và người nơi thế gian cùng đem sức mài dũa ngọc lưu ly làm cho sáng trong, nhưng không do đâu làm biến đổi ngọc báu pha lê, dù có lau chùi, mài dũa rồi cũng trở lại như cũ.

Ca-diếp nên biết! Hàng Thanh văn cũng lại như vậy. Giả sử trì giới thanh tịnh hành mười hai hạnh Đầu-đà, hết thảy thiền định tương ưng,

nhưng không thể làm được việc an tọa nơi cội Bồ-đề thành tựu bậc Đẳng chánh giác.

Này Ca-diếp! Ví như mài dũa ngọc báu pha lê trị giá vô lượng trăm ngàn, làm lợi ích cho vô số chúng sinh. Ca-diếp nên biết! Cũng lại như vậy, nếu Bồ-tát tu hành đạo hạnh thanh tịnh rồi, khi ấy, khiến cho vô lượng trăm ngàn Thanh văn, Duyên giác nhập vào pháp môn giải thoát.

-oOo-

ĐẠI THỪA TU HÀNH BỒ-TÁT
HẠNH MÔN CHƯ KINH YẾU TẬP

QUYỂN HẠ

22. Rút ra từ kinh Hư Không Tạng Bồ-tát Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hạnh do nhận biết bốn mươi lăm loại ma chướng, nên vượt qua bốn ma.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Này Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu hành có thể hàng phục hết thảy tà ma, có thể vượt qua bốn ma?

Nếu Bồ-tát tu hành dùng trí tuệ nhận thấy tất cả các pháp giống như huyễn hóa thì có thể vượt qua Ấm ma.

Nếu nghe pháp thâm diệu của Phật rồi nương vào văn tự tìm cầu thì có thể vượt qua Uẩn ma.

Nếu tỏ ngộ về thường, lạc, ngã, tịnh thì có thể vượt qua Tử ma.

Nếu không lìa tâm Bồ-đề thì có thể vượt qua Thiên ma.

Như thế là Bồ-tát tu hành này có thể hàng phục tất cả ma chướng.

Sao gọi là Bồ-tát có thể hàng phục phá trừ ma chướng, không bị tà ma nhiễu loạn?

Thiện nam nên biết! Ma chướng gồm có bốn mươi lăm thứ, làm chướng ngại chánh hạnh:

1. Nếu Bồ-tát tu hành tâm thích quả vị Thanh văn. Đó là ma chướng.
2. Không nhớ nghĩ về Bồ-đề. Đó là ma chướng.
3. Đã bố thí mà còn phân biệt. Đó là ma chướng.
4. Cầu sinh chốn cao quý. Đó là ma chướng.
5. Mong muốn thân tướng đoan nghiêm. Đó là ma chướng.
6. Dốc cầu việc thế gian. Đó là ma chướng.
7. Hành thì thiền định chấp vào sự vui thích. Đó là ma chướng.

8. Dùng trí khinh chê những phần công đức nhỏ, ít. Đó là ma chướng.

9. Không thích sinh tử nơi thế gian. Đó là ma chướng.

10. Chỗ tu tập công đức mà không hồi hướng nơi Vô thượng Bồ-đề. Đó là ma chướng.

11. Thấy chán nơi phiền não. Đó là ma chướng.

12. Che giấu chỗ phạm tội không thể sám hối. Đó là ma chướng.

13. Đối với Bồ-tát tu hành khởi tâm ganh ghét. Đó là ma chướng.

14. Phỉ báng Phật pháp. Đó là ma chướng.

15. Lừa dối, làm mê hoặc chúng sinh. Đó là ma chướng.

16. Không tu sáu pháp Ba-la-mật. Đó là ma chướng.

17. Đối với pháp của chư Phật không thích nghe. Đó là ma chướng.

18. Keo kiệt trong khi truyền bá giáo pháp của Phật. Đó là ma chướng.

19. Vì lợi dưỡng nên giảng nói Phật pháp. Đó là ma chướng.

20. Chẳng dùng phương tiện để giáo hóa chúng sinh. Đó là ma chướng.

21. Không thâu nhận chúng sinh. Đó là ma chướng.

22. Đối với người phạm giới tỏ ra ganh ghét, khinh chê. Đó là ma chướng.

23. Đối với người trì giới tinh tấn, tâm không kính trọng. Đó là ma chướng.

24. Tu tập hạnh Thanh văn. Đó là ma chướng.

25. Thuận theo hạnh của hàng Độc giác. Đó là ma chướng.

26. Ý tu đạo nghiệp không đúng thời. Đó là ma chướng.

27. Bỏ đại Từ bi mà cầu Niết-bàn. Đó là ma chướng.

28. Thích tu vô vi. Đó là ma chướng.

29. Nghi ngờ, chê bai pháp hữu vi. Đó là ma chướng.

30. Chẳng hỗ trợ hạnh thiện của chúng sinh. Đó là ma chướng.

31. Ngã mạn cao ngạo. Đó là ma chướng.

32. Nói hai lưỡi, gây tranh chấp. Đó là ma chướng.

33. Dối trá đối với chúng sinh, vọng nói chuyện thị phi. Đó là ma chướng.

34. Dua nịnh, quanh co, nói dối, chỗ thích không chân thật. Đó là ma chướng.

35. Đối với các chúng sinh, tâm không chân thật, ngay thẳng. Đó là ma chướng.

36. Tâm biến đổi hung ác. Đó là ma chướng.

37. Tâm thay đổi thô dữ. Đó là ma chướng.

38. Thấy người tạo tội không khuyên sám hối. Đó là ma chướng.

39. Báng pháp, bất tín. Đó là ma chướng.

40. Tùy theo dục lạc của mình. Đó là ma chướng.

41. Thích làm những việc phi lý. Đó là ma chướng.

42. Ưa thích phi pháp. Đó là ma chướng.

43. Tất cả nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng hiện có trói buộc, tích chứa, không khiến cho tan diệt. Đó là ma chướng.

44. Không trừ bỏ tâm cấu uế. Đó là ma chướng.

45. Cùng duyên với thế tục. Đó là ma chướng.

-oOo-

23. Rút ra từ kinh Cảnh Giới Như Lai *(nói rõ một hạnh)*:

-Có các Tỳ-kheo ở nơi trụ xứ của Phật Ca-diếp đã được nghe pháp nên gặp giáo pháp của Đức Như Lai Thích-ca hóa độ. Vào vị lai, nếu có chúng sinh ở trong pháp Phật nghe nói về Đại thừa thì sẽ sinh vào ba hội của Phật Di-lặc.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Những Tỳ-kheo ấy đã nói lời chân thật không hư dối. Tu-bồ-đề nên biết! Khi Đức Như Lai Ca-diếp xuất hiện ở đời, các Tỳ-kheo ấy đều theo Phật, nghe pháp. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi do theo Phật, chỗ pháp thâm diệu được nghe ấy không có quên mất, thiện căn, trí tuệ được thành tựu viên mãn. Đời vị lai, trong giáo pháp của ta, nếu có người lãnh hội pháp sâu xa, nghe rồi thì nhớ nghĩ, chúng sinh như vậy đều ở trong số đông nơi ba hội của Phật Di-lặc, tuần tự đều nhập vào, huống nữa là Bồ-tát tu tập Đại thừa. Nếu có thể tu tập hạnh Đại thừa rồi, thì những người ấy thông đạt pháp nhẫn sâu xa.

-oOo-

24. Rút ra từ kinh A-xà-thế Phẩm *(nói rõ một hạnh)*:

-Hiểu rõ về tạng Bồ-tát, tạng Thanh văn và tạng Duyên giác. Lại hiểu rõ về nhân của Thượng tọa.

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Nhật nói:

–Này thiện nam! Hành nghiệp của Đức Như Lai là chẳng thể nghĩ bàn, đối với pháp Đại thừa không thể xem thường, phải điều phục, học hỏi để ngộ nhập. Nếu Bồ-tát tu hành cho đến trong khi ngủ nghỉ cũng không thích hành nghiệp của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nếu là thật tướng của Như Lai thị hiện nơi chúng sinh thì không nên keo kiệt, có thể nghĩ như vầy: "Nguyện cho tất cả chúng sinh đều tu học Đại thừa, nhưng tâm vô đẳng này lại không tổn giảm". Do chẳng tiếc giáo pháp, nên phải giác ngộ về nghĩa lý sâu xa nơi Đại thừa của Như Lai.

Này thiện nam! Ví như trồng cây, rễ bám sâu xuống đất thì cành lá hoa quả ắt sẽ sum suê, Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Đã có thể kiên trì nơi tạng Bồ-tát, nên cũng hiểu rõ hết thảy các thừa. Đó gọi là vô lượng thiện căn pháp khí của tạng Bồ-tát.

Này thiện nam! Sao gọi là Bồ-tát tạng? Nhân nơi gì mà gọi là Bồ-tát tạng?

Ví như trong biển cả có vô lượng giọt nước vô số tạp báu, các chúng Rồng, Dạ-xoa, Kiền-thát-bà, A-tu-la, Kim sí điểu chúa, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, cá Ma-kiệt…, vô lượng đủ các loài đều ở trong đó. Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy. Vô lượng pháp bảo ấn chứng như Bố thí, Trì giới, Thiền định, Trí tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến đều trụ trong đó. Thế nên gọi là Pháp tạng Bồ-tát. Ví như nơi biển cả, chỗ sinh ra nhiều loài chúng sinh, những loài chúng sinh ấy không thể uống nước nơi những sông khác. Nếu Bồ-tát tu hành, tu tập tạng Bồ-tát rồi, cũng không nên dùng pháp vị nơi thừa khác. Do vậy nên gọi là Pháp tạng của Bồ-tát.

Thiện nam nên biết! Gồm có ba tạng là tạng Thanh văn, tạng Duyên giác và tạng Bồ-tát Đại thừa.

Sao gọi là tạng Thanh văn?

–Là nương theo chỗ thuyết giảng của người khác, nương theo chỗ nghe nơi người khác mà đạt được đạo hạnh.

Sao gọi là tạng Bích-chi-phật?

–Là nương theo sự giác ngộ của chính mình để hội nhập môn diệt định thường, lạc, ngã, tịnh.

Sao gọi là Pháp tạng Bồ-tát?

–Là tỏ ngộ thông đạt về vô lượng pháp của chư Phật, phát khởi tâm Bồ-đề Vô thượng.

Này thiện nam! Nên biết, người theo thừa Thanh văn, Duyên giác không thể đạt được danh vị của ba tạng, chỉ có thể được gọi là ba thừa giáo. Nếu ai nghe vị pháp sư giảng nói về ba thừa giáo, đều tùy theo chỗ nghe mà được Niết-bàn. Do nơi ba thừa đều thọ nhận vâng theo, đủ ba thừa này nên gọi là ba tạng, nhưng chẳng phải là làm rõ nghĩa lý sâu xa của Đại thừa. Nếu Bồ-tát tu hành khi giảng nói pháp dùng pháp nơi ba thừa giáo hóa chúng sinh khiến vào Niết-bàn, thế nên Bồ-tát gọi là tam tạng.

Này thiện nam! Có ba loại học:

1. Học của hàng Thanh văn.

2. Học của hàng Bích-chi-phật.

3. Học của hạnh Bồ-tát.

Sao gọi là học của hàng Thanh văn?

–Là phân biệt khiến tỏ ngộ tự tâm.

Sao là học của hàng Bích-chi-phật?

–Là hành theo trung phẩm, không có tâm bi.

Sao gọi là học của hạnh Bồ-tát?

–Là tùy thuận đại Bi, tự tỏ ngộ về trí nên tinh tấn hành thiện. Hàng Thanh văn, Duyên giác không theo hạnh môn của Bồ-tát, cũng không nhận biết về nghĩa. Còn Bồ-tát thì biết rõ về hành môn nghĩa lý của hai thừa, nhưng không nhiễm chấp. Bồ-tát tu tập, thâm tâm thích an trụ, có thể thị hiện ra con đường hướng đến giải thoát của Thanh văn, Bích-chi-phật mà không nhập vào quả vị đó.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát tu hành học hỏi như vậy, đó gọi là tạng Bồ-tát thừa.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đắp y, cầm bát, nói với Trưởng lão Ca-diếp:

–Nhân giả nên đi trước, chúng tôi theo sau. Vì sao? Vì như Trưởng lão Tu-bồ-đề được Đức Như Lai ngày trước độ xuất gia đã lâu, các vị tuổi đời, hạ lạp đều tôn quý. Trưởng lão từ ngày trước ấy phát nguyện: Nay tôi được độ để xuất gia, là nương và thế gian và các bậc A-la-hán. Này Trưởng lão Ca-diếp! Nhân giả nên đi trước, chúng tôi theo sau.

Lúc đó, Trưởng lão Tu-bồ-đề thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ở trong pháp của Phật không nên cho tuổi già là trên trước, sống lâu là trên trước. Vì sao? Bồ-tát Văn-thù nên biết, ở trong pháp của Phật, trí tuệ là trên hết. Trí tuệ trên hết nên sở học cũng là trên, oai đức cũng là trên, những giáo pháp thâm diệu cũng là trên. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Trí

tuệ của Bồ-tát là trên, giáo pháp là trên, oai đức vô ngại, quán khắp căn tánh thiện, ác của tất cả chúng sinh, tri kiến luôn sáng tỏ. Vì thế nên biết, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là tối tôn, tối thượng, Nhân giả nên đi trước, chúng tôi theo sau.

-oOo-

25. Rút ra từ kinh Ly Cấu Bồ-tát Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Các Bồ-tát từ trong hư không đi xuống. Thuở xưa người nữ do phát nguyện Bồ-đề, nên hiện chuyển thân thành nam tử.

Bấy giờ, Đức Phật bảo phu nhân Tịnh Quang:

–Phu nhân nên biết! Nếu có người nữ, dùng một hạnh, mau có thể lìa bỏ thân người nữ, thọ thân trượng phu. Một hạnh là gì? Là ý nguyện kiên cố, phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Vì sao? Phu nhân nên biết, tâm Bồ-đề là đại trượng phu, là đại nam tử, chẳng phải là tâm bình thường, nên có thể xa lìa hạnh A-la-hán, hàng phục, bẻ gãy tất cả các thứ quân ma, ngoại đạo, ở trong ba cõi là bậc vô thượng đoạn trừ hết các phiền não, tập khí. Nếu có người nữ chánh niệm, quy y Phật, khởi tâm Bồ-đề, thì không còn trở lại thọ thân người nữ, tâm thanh tịnh nên thân người nữ này trở lại chuyển thành thân nam, căn lành như vậy là hồi hướng cho tất cả người nữ. Vì hồi hướng, ban cho công đức ấy, nên cũng đều hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Phu nhân nên biết! Do một hạnh nguyện ấy nên mau chóng lìa thân nữ chuyển thành thân nam.

Lúc đó, từ trong hư không thuộc pháp hội này có các Bồ-tát cùng đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát chân rồi lui ra ngồi một bên. Thuở xưa, các vị Bồ-tát này đều là người nữ, hiện đã chuyển thành thân nam. Lúc này, các vị Bồ-tát ấy ở trong chúng hội, thấy các người chồng từ thuở trước nay đều là người xuất gia nên cùng an ủi:

–Các ông là Thiện tri thức của chúng tôi, nên mau phát tâm Bồ-đề vô thượng. Chư Phật ra đời khó có thể gặp, tu tập nhân công đức tạo, duyên hội họp này là rất khó. Nếu đối với chúng sinh khởi đại Từ bi, phát khởi tâm Bồ-đề vô thượng thì có thể thành tựu viên mãn, cúng dường hết thảy chư Phật đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Khi các vị Bồ-tát nói lời ấy rồi, các Tỳ-kheo kia thưa các Bồ-tát:

–Hay thay! Đại trượng phu! Các vị đối với chúng tôi là Thiện tri thức, cứu độ tất cả chúng sinh, nay còn khuyên chúng tôi phát tâm vô thượng.

Chúng tôi do lời khuyên của các vị nên khéo suy nghĩ, quy y hết thảy chư Phật. Chúng tôi nguyện vào đời vị lai thành tựu quả vị Đẳng chánh giác, đều như Đức Thích-ca Mâu-ni.

Chư vị Đại Bồ-tát và các Bồ-tát tu hành bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Phật Từ bi độ chúng con được xuất gia.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Bồ-tát Di-lặc! Hãy độ cho những thiện nam này được xuất gia.

Bồ-tát Di-lặc nói:

–Như Phật đã dạy, con xin độ hết.

-oOo-

26. Rút ra từ kinh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Giải Nghĩa *(nói rõ một hạnh)*:.

-Bồ-tát tu hành tu tập hai loại hạnh, đạt được mười thứ căn lành lợi ích.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát tu hành do hai loại hạnh tương ưng nên không thoái chuyển nơi nguyện lành, tùy theo nguyện, vãng sinh đến cõi của chư Phật, không còn chướng ngại. Những gì là hai hạnh?

Nếu Bồ-tát tu hành không thích hành nghiệp của hàng Thanh văn, cũng không học tập, qua lại, không nói xen lẫn giáo pháp của bậc Thanh văn, cũng không khuyến hóa chúng sinh khiến vào trong pháp của Thanh văn và Duyên giác, chuyên vì Bồ-đề vô thượng để khuyến hóa chúng sinh tu học, thành tựu Thánh đức của Như Lai.

Nếu Bồ-tát tu hành khuyến hóa chúng sinh, khiến vào nơi Phật thừa thì đạt được mười loại lợi ích. Những gì là mười?

1. Xa lìa hàng Thanh văn, Duyên giác, cho đến thành Phật, du hóa nơi các cõi.

2. Gặp pháp của Bồ-tát thanh tịnh thì tập hợp lại.

3. Thành Phật rồi, được chư Phật thâu giữ, hộ trì.

4. Tiếng tăm vang khắp mười phương, trong pháp hội của chư Phật đều tán dương.

5. Phát khởi tâm tối thắng, vi diệu không gì sánh kịp.

6. Chỉ thọ thân của Phạm thiên, Đế Thích.

7. Nếu sinh trong loài người, được ngôi vị Chuyển luân vương.

8. Thường được gặp chư Phật, Như Lai.

9. Được hàng trời người cung kính.

10. Tích tập vô lượng công đức thiện căn.

Này Xá-lợi-phất! Nếu chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều được khuyên hội nhập vào quả vị La-hán và Bích-chi-phật. Nếu lại có người, chỉ khuyên một thiện nam, thiện nữ khiến an trụ vào quả vị Phật, thì công đức của người này nhiều hơn người trước kia. Vì sao? Xá-lợi-phất nên biết! Chủng tánh của Phật không phải do Thanh văn, Duyên giác phát khởi mà có thể bị đoạn tuyệt. Nếu Đức Như Lai không xuất hiện ở đời thì hàng Thanh văn, Duyên giác không có. Nếu chủng tánh của Phật không dứt thì Đức Phật xuất hiện ở đời, hàng Thanh văn, Duyên giác mới xuất hiện. Bồ-tát tu hành ở trong quả vị của Phật an lập cho người khác, nên được mười loại thiện lợi này. Vì thế, hai loại công đức tương ưng nên chẳng lìa hạnh nguyện, tùy theo nguyện, vãng sinh nơi các cõi.

-oOo-

27. Rút ra từ kinh Quang Minh Biến Chiếu Phẩm *(nói rõ một hạnh)*:

-So sánh về phước lực của Bồ-tát và Thanh văn.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Tỳ-lô-giá-na Nguyện Quang Minh:

–Ví như hai bên bờ sông Hằng có vô lượng trăm ngàn ngạ quỷ, bị đói khát bức bách, lõa hình lộ thể, dùng lửa cháy làm áo, thịt nơi thân luôn bị thiêu đốt, hình tướng khô gầy. Lại có các thứ diều hâu, quạ, bồ cắt bay vòng quanh, tranh nhau ăn thịt, cùng những thú dữ, chó sói giành giật bắt lấy. Do tội của ngạ quỷ nên chúng chẳng thấy sông Hằng. Ví như có chỗ thấy thì nước kia khô cạn, hoặc thấy là tro. Vì sao? Vì do các tội chướng nên chịu các khổ não nói không thể hết. Hàng đệ tử là Thanh văn, tuy cùng ở trong rừng Thệ-đa nhưng chẳng thấy thần lực quảng đại của Như Lai, chẳng nghe Đức Phật giảng nói về Bồ-tát tập hội, so sánh về pháp nghĩa. Vì sao? Vì mắt kia đã bị màng vô minh che lấp, chẳng từng gieo trồng các căn lành của quả vị Nhất thiết trí.

Này thiện nam! Ví như có người ở trong đại hội, đang ngủ say bỗng chốc mộng thấy nơi đỉnh núi Tu-di, chỗ ở của Đế Thích với thành lớn Thiện kiến, các cung điện, vườn rừng… tất cả đều trang nghiêm đẹp đẽ, trăm ngàn vạn ức Thiên tử, Thiên nữ, tung rải nhiều hoa trời biến khắp trên mặt đất đó. Vô số các cây y phục tao ra y phục vi diệu, vô số các cây hoa nở ra hoa

vi diệu, vô số các cây âm nhạc tấu lên nhạc trời. Các thể nữ cõi trời ca hát rất hay, vô số chư Thiên đều ở trong các chốn đó vui chơi. Người kia tự thấy mình mặc y phục trời trụ dừng nơi khắp tất cả mọi xứ. Khi ấy, tất cả mọi người trong chúng hội, tuy cùng ở một chỗ mà chẳng biết, chẳng thấy. Vì sao? Vì ở đây là người nằm mộng thấy, chẳng phải là chỗ có thể nhận thấy của đại chúng kia. Hết thảy Bồ-tát và các vị vua ở thế gian, cũng lại như vậy. Do từ lâu tích tập diệu lực nơi căn lành, nên phát nguyện rộng lớn về Nhất thiết trí tu học công đức của tất cả chư Phật.

Bồ-tát tu hành trang nghiêm đạo pháp, làm viên mãn pháp của trí Nhất thiết trí, hành trì đầy đủ các hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, hướng đến quả vị trí tuệ của tất cả Bồ-tát, hiển bày diệu dụng nơi các Tam-muội của Bồ-tát, đã có thể quan sát về cảnh giới trí tuệ của hết thảy Bồ-tát không bị chướng ngại. Thế nên, đều thấy Thánh đức thần biến tự tại chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Tất cả hàng Thanh văn nơi các đại đệ tử không thể thấy biết, vì không có mắt thanh tịnh của các Bồ-tát. Ví như Tỳ-kheo tâm được tự tại, nhập định diệt tận, sáu căn tạo nghiệp đều dừng lại, tất cả lời nói đều chẳng rõ, chẳng biết, nhờ định lực giữ gìn nên chẳng Bát-biết-bàn, do ở trong định nên không hiểu các pháp thế gian. Tất cả hàng Thanh văn cũng lại như vậy. Những vị đại Tỳ-kheo ấy cùng ở trong rừng Thệ-đa, sáu căn đầy đủ, lại chẳng thấy Thánh đức thần biến của Như Lai, chẳng thấy Bồ-tát tụ hội so sánh về pháp nghĩa. Vì sao? Vì chư Phật, Như Lai và Đại Bồ-tát có diệu lực tự tại sâu xa, nên hiếm thấy, khó gặp, công đức thiện căn của ở đời quá khứ thanh tịnh không xen tạp. Nếu là Thanh văn, Duyên giác thì không dự được phần này. Vì thế các Tỳ-kheo, tuy ở tại rừng Thệ-đa, dưới chân Như Lai mà chẳng thấy Thánh đức thần biến của Như Lai, cũng chẳng thấy Bồ-tát tụ hội so sánh về pháp nghĩa, do không tương ưng với trụ nơi quả vị Bồ-đề vô thượng.

-oOo-

28. Rút ra từ kinh Xuất Sinh Bồ-đề *(nói rõ một hạnh)*:

-Nói về ba loại Phật địa.

-Giải thích về chỗ cao thấp của ba thừa.

Bấy giờ, Bà-la-môn Ca-diếp Ngao-đát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người đã phát tâm Bồ-đề rồi còn có thoái thất không?

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

–Nếu đã phát tâm Bồ-đề rồi thì không thoái thất. Vì sao? Bà-la-môn nên biết, có ba loại Bồ-đề:

1. Bồ-đề của Thanh văn.

2. Bồ-đề của Duyên giác.

3. Bồ-đề vô thượng của chư Phật.

Sao gọi là Bồ-đề của Thanh văn?

Nếu có thiện nam, thiện nữ ở trong hàng của Thanh văn, tuy phát tâm Bồ-đề cũng chẳng khuyến hóa, an lập cho chúng sinh khiến họ phát tâm Bồ-đề, cũng không hiển thị nghĩa lý sâu xa của Đại thừa, không kính người thực hành pháp Đại thừa, không cùng tu học, cũng không cúng dường, nếu thấy người đến chẳng đón, chẳng vui. Do hạnh này nên chỉ một mình giải thoát. Đó gọi là Bồ-đề của Thanh văn.

Lại nữa, này Bà-la-môn! Sao gọi là Bồ-đề của Duyên giác?

Nếu có thiện nam, thiện nữ ở trong hàng của Duyên giác, tuy tự mình đã phát tâm Bồ-đề, nhưng không khuyên chúng sinh khiến họ phát tâm Bồ-đề, không tu học giáo pháp Đại thừa sâu xa, cũng không chỉ dạy trao truyền cho người khác, không kính trọng người hành Đại thừa, không cùng học tập, cũng không cúng dường, nếu thấy người đến thì chẳng đón, chẳng vui. Do hạnh này nên chỉ một mình giải thoát. Đó gọi là Bồ-đề của Duyên giác.

Lại nữa, này Bà-la-môn! Sao gọi là Bồ-đề vô thượng?

Nếu có thiện nam, thiện nữ tự mình phát tâm Bồ-đề rồi, lại khuyên các chúng sinh cùng phát tâm Bồ-đề, điều phục an lập tu học pháp nghĩa của Đại thừa, vì người khác diễn nói rộng. Nếu thấy người hành Đại thừa thì hoan hỷ nghênh đón. Bà-la-môn nên biết! Những người ấy giải thoát cho các người khác, rồi an lập nơi hàng trời người, làm lợi ích thế gian. Đó là Bồ-đề của Đại thừa vô thượng.

Vì sao gọi là Bồ-đề vô thượng? Vì ở trong ba cõi tất cả đã làm xong lại về chỗ cầu đạt là vô thượng. Thế nên gọi là Bồ-đề vô thượng.

Khi ấy, Bà-la-môn Ca-diếp Ngao-đát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giải thoát của giải thoát có hai nghĩa chăng?

Phật nói:

–Giải thoát của giải thoát nghĩa không có khác. Lại nói đạo cùng với đạo nghĩa cũng không hai, vì người ở trong ba thừa nên có phân biệt.

Bà-la-môn nên biết! Ví như đi đường có ba loại xe: thứ nhất là xe voi, thứ hai là xe ngựa, thứ ba là xe lừa. Ba loại xe này tuần tự cùng đi vào cửa thành.

Này Bà-la-môn! Ý ông thế nào? Ba cỗ xe ấy có cao thấp không?

Bà-la-môn thưa:

–Có cao thấp, thưa Thế Tôn!

Phật nói:

–Như ba thừa: thừa Thanh văn, thừa Duyên giác và Phật thừa vô thượng có cao thấp cũng lại như thế. Do vậy, đạo cùng với giải thoát không có cao thấp.

Này Bà-la-môn! Ví như ba người cùng vượt qua sông Hằng, đến bờ bên kia. Một người qua được nhờ bè cỏ nổi, một người qua được nhờ phao nổi, còn người thứ ba thì tạo thuyền lớn, cùng với trăm ngàn chúng sinh qua được đến bờ bên kia. Sau đó giao cho người con trưởng trông coi thuyền ấy, dặn bảo: "Người đến đều phải chuyên chở đưa họ qua sông đến bờ bên kia."

Người thứ ba đó tự mình đến bờ bên kia, lại có thể cứu giúp chúng sinh trong một nước.

Này Bà-la-môn! Ý ông thế nào? Chỗ đưa qua sông của ba người cùng lợi ích chăng?

Bà-la-môn thưa:

–Dạ không, thưa Thế Tôn!

Phật bảo:

–Này Bà-la-môn! Ý ông thế nào? Lợi ích của ba thừa có cao thấp không?

Bà-la-môn thưa:

–Có cao thấp, thưa Thế Tôn!

Phật bảo:

–Bà-la-môn nên biết! Thừa Thanh văn, thừa Duyên giác và thừa Vô thượng Phật, chỗ lợi ích có cao thấp, chẳng giống nhau.

-oOo-

29. Rút ra từ kinh Bảo Tụ *(nói rõ một hạnh)*:

-Mới phát tâm Bồ-đề, so sánh với Thanh văn, La-hán cùng Bồ-tát tu hành về số lượng cao thấp, bất đồng.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới này đều chứng đắc quả A-la-hán. Lại có chúng sinh nơi tam thiên đại thiên thế giới đều được

thành Phật, đối trước chư Phật này đều đặt một vị La-hán, mỗi mỗi vị ấy đều cúng dường các Đức Như Lai kia, hoặc trải qua một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến trải qua hằng hà sa kiếp. Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Huống nữa là cúng dường vô lượng vô viên các Đức Như Lai, thì phước đó là rất nhiều, nói không thể hết.

Phật nói:

–Nếu có vô lượng vị A-la-hán như vậy, cúng dường vô lượng chư Phật như thế. Lại có người mới phát tâm Bồ-đề thì công đức của người ấy nhiều hơn công đức nơi số A-la-hán kia, huống nữa là do Bồ-đề không bị đoạn mất, nên cúng dường chư Phật và các đệ tử, Sư tăng, Hòa thượng, Thiện tri thức… cả đến bố thí một nắm cơm cho loài súc sinh, so công đức đó với công đức cúng dường của các vị A-la-hán thì trăm phần, ngàn phần không bằng cúng dường một người mới tu tập tâm Bồ-đề.

-oOo-

30. Rút ra từ kinh Na-la-diên Phẩm *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành trụ nơi bốn thứ Trụ địa, tu tập bốn thứ Hành.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Na-la-diên:

–Bồ-tát Na-la-diên nên biết! Ví như ngọc báu Phệ-lưu-ly, nếu đặt nó trong đồ đựng các vật xen tạp thì ánh sáng vốn có của ngọc báu lưu ly chẳng mất. Na-la-diên nên biết! Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, chỗ trụ trong Tam-muội, dù là y phục thế gian cũng gọi là xuất gia, không lìa đạo hạnh của pháp giới.

Khi Đức Phật nói lời này rồi, Bồ-tát Na-la-diên thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát trụ nơi địa nào mà không bị tổn giảm, tích tập công đức của các Tam-muội đạt được hành trang của trí tuệ vô tận?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Bồ-tát Na-la-diên:

–Bồ-tát có bốn loại trụ địa. Những gì là bốn?

1. Đối với thân mạng không hề tiếc lẫn.

2. Không thích danh tiếng, lợi dưỡng.

3. Không thích mọi hoan lạc cho mình.

4. Không nguyện thọ sinh mọi dục lạc của chư Thiên.

Đó là bốn loại trụ địa.

-oOo-

31. Rút ra từ kinh Tập Nhất Thiết Công Đức *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát vì các chúng sinh nên không lìa ba cõi.

Bấy giờ, lại có Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như nhiều người đều phạm tội hình, đến giờ hành quyết lại có một người đến giải thoát cho họ khỏi bị chết. Sau, người này trở lại, đến chỗ đao phủ bảo: "Ông hãy cầm dao giết tôi đi, giết tôi đi!"

Bạch Thế Tôn! Đó là ba cõi không khác với nơi chốn của pháp nhân. Hàng phàm phu ngu độn cũng như người phạm tội chết, Bồ-tát giải thoát cho thế gian, rồi trở lại tạo mọi đầy đủ cho các chúng sinh, như người phạm tội hình được thoát khỏi, rồi lại đi đến chỗ tử hình. Bồ-tát cũng lại như vậy, chẳng hề lìa ba cõi. Vì thế, chư Phật Như Lai đại Từ, đại Bi tương ưng với tâm Bồ-đề, nên Bồ-tát tu hành, vượt qua tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì hàng Thanh văn, Duyên giác không có tâm đại Bi ấy, cũng không có phương tiện thiện xảo.

-oOo-

32. Rút ra từ kinh Mật Nghiêm *(nói rõ một hạnh)*:

-Hiển bày việc so sánh hạnh môn của Thanh văn và Bồ-tát.

Nếu có Bồ-tát, đối với các pháp, khéo dùng phương tiện thiện xảo để hiểu sâu xa pháp nghĩa thì sẽ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu thành tựu Đẳng chánh giác rồi thì hiển dương chánh pháp. Nếu thấy năm ấm lìa nơi tự thân, quán thể tánh của các pháp là không có nhân, ngã, cũng không có chỗ động. Đây là giải thoát của hàng Thanh văn.

Nếu Bồ-tát tu hành nơi tất cả pháp hạnh, quán nơi hai biên, xa lìa mọi biên vực thì những vị ấy mau chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác. Nếu thấy rõ về biên vực nơi dục lạc rồi, thì đối với các chúng sinh không có tâm Từ bi, lìa bỏ duyên thế gian. Người như vậy, thành Phật rất là khó. Vui thay, trí tuệ của Như Lai, khiến các chúng sinh đạt được an lạc! Ví như hoa sen, tuy mọc lên ở nơi bùn dơ, nhưng rất thanh tịnh, tuy sinh ở chỗ bùn nhơ, mà sinh ra là để cúng dường chư Phật, Thánh hiền. Bồ-tát cũng lại như vậy, sinh ở chốn bùn nhơ là ba cõi, nếu thành Phật rồi thì được chư Thiên tán thán. Nếu Bồ-tát tu hành sinh trở lại ở thế gian thì sẽ được ngôi vị Chuyển luân vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ. Nếu sinh lên trời thì tự làm Thiên chủ vua Càn-thát-bà. Vì không đoạn mất mà tương ưng với pháp Đại thừa nên chỗ sinh ra thường nhận được ngôi vị tối thắng hơn hết. Thế

nên, Bồ-tát tu hành phải thâu giữ pháp Đại thừa, sẽ được ngôi vị thù thắng, rốt ráo thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-

33. Rút ra từ kinh Phạm Sát *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành phát đại hạnh nguyện nhẫn nhục.

Khi ấy, Đức Phật nói:

–Bồ-tát mới tu hành phải nên luôn phát hạnh nguyện tương ưng với phát Bồ-đề vô thượng, làm khô cạn mọi thứ khổ não của chúng sinh, vì phát đại thệ nguyện với tâm nhẫn nhục, nên tạo thành tựu đầy đủ cho các chúng sinh, nguyện cho đất nơi tam thiên đại thiên thế giới đều bằng Kim cang, thân ta phân tán ở trên đất đó. Ví như cỏ lau, cây mía, hoặc như mầm lúa, nhiều thân như vậy, đều chịu pháp khổ vui của thế gian, luôn nương nơi tất cả chúng sinh, biến làm sức mạnh của Na-la-diên, dùng sức mạnh đó, nên nguyện đối với thân ta sinh nhiều sân giận, ganh ghét, đều cầm chày Kim cang đêm ngày ba thời nghiền nát thân ta, giống như thuốc An-thiện-na nhãn nghiền nát rồi lại sinh, dựa theo như trước, không bỏ. Đối với những chúng sinh này, tâm ta không hiềm oán, ta nguyện chịu thay khổ ách này cho tất cả chúng sinh, không có gián đoạn, khiến xa lìa hết các khổ phiền não, không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Bồ-đề, không vào đạo quả của Thanh văn, Duyên giác, ta nguyện thành tựu quả vị Đẳng chánh giác để độ thoát tất cả chúng sinh.

-oOo-

34. Rút ra từ kinh Nhất Thiết Chư Phật Sở Niệm *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành nhẫn nhục, thận trọng nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý chẳng phạm trở lại.

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Đẳng Quán bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát tu hành trụ nơi hạnh môn nhẫn nhục, hổ thẹn?

Phật nói:

–Nếu Bồ-tát tu hành, do thân hành ác thì tự mình thận trọng hổ thẹn, do khẩu hành ác thì tự mình thận trọng hổ thẹn, do ý hành ác thì tự mình thận trọng hổ thẹn. Cùng với hàng Thanh văn, Duyên giác đàm luận hạnh ác thì tự mình thận trọng hổ thẹn.

Này thiện nam! Đó là nơi chốn hổ thẹn của Bồ-tát tu hành. Nếu có thể thận trọng hiểu biết rõ thì đạt đến quả vị Bồ-đề vô thượng.

-oOo-

35. Rút ra từ kinh Phát Tập *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành tu trì mười loại giới hạnh, lại có mười loại giới hạnh khác.

Bấy giờ Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Vô Sở Phát:

–Này thiện nam! Ý ông thế nào? Sao gọi là Bồ-tát tu hành nói lời chân thật? Bồ-tát nếu đã phát tâm Bồ-đề rồi thì thà bỏ thân mạng chứ không bỏ Bồ-đề, đối với các chúng sinh chẳng hành phi pháp, đó là không vọng ngữ. Nếu Bồ-tát tu hành phát tâm Bồ-đề vô thượng rồi, sau lại trái với chí nguyện trước, nói lời sai trái, khinh dối, tức là Bồ-tát tu hành thoái thất Bồ-đề.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành sao gọi là niệm hành trì giới?

1. Thích nghe pháp Phật, thành tựu viên mãn được bốn Tâm vô lượng. Đó là niệm hành trì giới.

2. Chí cầu pháp Phật, thành tựu viên mãn được tâm khiêm tốn. Đó là giới.

3. Cúng dường Thiện tri thức, thành tựu viên mãn được các thứ kỹ nghệ không khuyết. Đó là giới.

4. Tu tập các hạnh Ba-la-mật, thành tựu viên mãn được trí Phật. Đó là giới.

5. Nghe kinh điển, vì người khác mà giảng nói, thành tựu viên mãn nên có thể rộng nói kinh điển Đại thừa. Đó là giới.

6. Thường nhớ nghĩ về pháp Phật, thành tựu viên mãn oai lực tổng trì sáng suốt. Đó là giới.

7. Chuyên tu Bồ-đề, thành tựu viên mãn việc diệt trừ các tội chướng. Đó là giới.

8. Không ganh ghét chúng sinh vì thế nên không mất Bồ-đề. Đó là giới.

9. Không thoái chuyển Bồ-đề, là không mất giới, Tam bảo hiện tiền.

10. Niệm giới như như, quán xét tất cả, không khuyết.

Này thiện nam! Bồ-tát tu hành thường phải nên dùng tâm niệm về giới thiện như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát tu hành có mười loại tâm Giới Bồ-đề:

1. Vì cầu lợi ích cho tất cả chúng sinh, không phải vì lợi ích của riêng mình.

2. Đạo nghiệp đã tu tập hồi hướng cho chúng sinh, nguyện mau chóng thành Phật, không phải chuyên vì riêng mình.

3. Dùng hạnh kiên cố lợi tha làm sự nghiệp, cũng không phải vì mình.

4. Giới hạnh thanh tịnh, Bồ-đề tăng trưởng, trải qua nhiều kiếp nhẫn nhục, không có mệt mỏi.

5. Bố thí là giới, cho đến có thể xả bỏ đầu, mắt, tủy, não… để làm lợi ích cho chúng sinh.

6. Trì giới là giới, Bồ-tát cũng không lìa bỏ các chúng sinh không giữ giới.

7. Nhẫn nhục là giới, Bồ-tát không sợ tất cả quân ma.

8. Tinh tấn là giới, vì chúng sinh nên tích tập Phật đạo, không hề mệt mỏi.

9. Thiền định là giới, Bồ-tát dù bị các âm thanh làm náo loạn, tâm định cũng không lay động.

10. Trí tuệ là giới, Bồ-tát thấy các pháp thế gian tướng đồng với tướng không của Bồ-đề là giới. Bồ-tát không nhiễm thế gian, Từ bi là giới, không vào Niết-bàn, đó là pháp tập.

-oOo-

36. Rút ra từ kinh A-sai-da-mạt Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành giới hạnh vô tận, người thực hành giới năng lực có tận.

Bấy giờ, Bồ-tát A-sai-da-mạt nói với Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát tu hành trì giới vô tận. Xá-lợi-phất nên biết! Tương tục, không đoạn kiến.

Vì sao hàng phàm phu trì giới được sinh lên cõi thiện, giới lực diệt hết?

Nhân gian trì giới mười thiện, thọ rồi thì giới lực diệt hết?

Nếu giới nơi sáu cõi trời thuộc Dục giới với công đức quả báo hết thì giới lực diệt hết.

Nếu giới nơi các cõi trời Tứ thiền sắc giới diệt thì giới lực diệt hết.

Nếu giới của bốn Tam-ma-bát-đế ở cõi Vô sắc diệt thì giới lực diệt

hết.

Nếu giới của Tiên nhân đạt ngũ thông mất thì giới lực của ngũ thông cũng diệt hết.

Nếu giới của tất cả hàng Thanh văn nhập vào Niết-bàn thì giới lực cũng diệt hết.

Nếu giới của Bích-chi-phật không có đại Bi thì giới lực bị diệt hết.

Xá-lợi-phất nên biết! Giới hạnh của Đại Bồ-tát là vô tận. Vì sao? Vì tất cả giới tịnh đều nhân nơi giới của Bồ-tát, thâu giữ để hiện tiền. Ví như hạt giống dần dần tạo được nhiều lợi ích, vô tận.

Xá-lợi-phất nên biết! Tâm Bồ-đề cũng như hạt giống, giới hạnh của chư Phật, Như Lai là vô tận, bậc Đại trượng phu ấy gọi là giới hạnh vô tận.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu hành ấy trì giới, nên giới hạnh là vô tận.

-oOo-

37. Rút ra từ kinh Tập Hội Phẩm *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành ở trong ba thừa, thấu rõ khắp các phương tiện thiện xảo.

Sao gọi là Bồ-tát tu hành ở trong tất cả các thừa đều dùng phương tiện thiện xảo?

Gồm có pháp ba thừa để đạt được giải thoát. Những gì là ba?

1. Thừa Thanh văn.

2. Thừa Duyên giác.

3. Đại thừa.

Lại có hai thừa là: Thiên thừa và Nhân thừa.

Nơi ba thừa kia, sao gọi là Bồ-tát tu hành ở trong thừa Thanh văn mà có phương tiện thiện xảo?

Nếu Đức Phật không xuất hiện ở đời thì thừa Thanh văn không thành tựu. Vì sao? Vì nương theo người khác để nghe pháp, nên hiện ra Thanh văn.

Sao gọi là nghe pháp, trì giới, nhẫn nhục tích tập viên mãn?

Nếu tích tập giới viên mãn thì có thể tích tập thiền định viên mãn.

Nếu tích tập định viên mãn thì có thể tích tập trí tuệ viên mãn.

Nếu tích tập tuệ viên mãn thì có thể tích tập giải thoát được viên mãn.

Nếu tích tập giải thoát viên mãn thì có thể tích tập giải thoát tri kiến được viên mãn.

Theo các phương tiện như vậy, đó là phương tiện thiện xảo của Thanh văn. Thanh văn lại có phương tiện thiện xảo nơi phước đức bất động, các pháp không thuận hợp. Ở trong ba cõi sinh chán lìa, tất cả các hành vô thường, chán lìa phiền não, tất cả các pháp vô ngã, nên chuyên cầu Niết-bàn tịch diệt, cho đến trong trong từng sát-na chẳng cầu sinh tử nơi thế gian, luôn sợ vô thường, năm ấm, các hành không có tướng, nên dụ năm căn như tướng mãng xà, mười hai nhân duyên như xóm làng trống vắng, tâm không ưa thích tất cả sinh tử.

Hiển bày pháp ấy rồi, Bồ-tát tu hành tức nhận biết phương tiện thiện xảo trong thừa Thanh văn.

Sao gọi là Bồ-tát tu hành ở trong thừa Duyên giác mà có phương tiện thiện xảo? Do nhân duyên gì, Duyên giác được xuất hiện ở đời? Bồ-tát tu hành nên biết duyên khởi ấy là gì? Gia hạnh thích tu tinh tấn, thiền định, không trụ nơi chỗ tích tập hành trang công đức. Không trụ ở chỗ tích tập hành trang trì giới, nghe pháp một phần ít để tu tập; cũng không thân cận, cúng dường chư Phật, trí bậc trung ấy thường là xuất gia, tâm thấp kém nên tu tập ít dùng công lực, không thích lường xét về pháp tập, thích an trụ một mình nơi chốn vắng lặng, dốc cầu, khó nhập vào ngôi vị đại quán đảnh, thích đi khất thực, luôn nghĩ về pháp thường, lạc, ngã, tịnh, ra khỏi ba cõi, tìm cầu Niết-bàn, nên tự trí mình ngộ nhập vào định. Thích tu Tam-muội, chẳng phải nhờ người khai mà tự ngộ, dùng trí để tỏ ngộ rõ về chỗ dấy khởi nơi biên vực nhân duyên của tất cả các hành. Khi rõ pháp này rồi, Bồ-tát tu hành tức nhận biết phương tiện thiện xảo trong thừa Duyên giác.

Sao gọi là Bồ-tát tu hành ở trong Đại thừa dùng phương tiện thiện xảo?

Nếu hành Đại thừa thì phương tiện là vô lượng vô biên, nay ta chỉ lược nói. Công lực của thừa này, làm vì tất cả chúng sinh, khiến họ nhập vào thừa ấy, tích tập thiện căn làm hành trang của công đức, vì các chúng sinh thanh tịnh thâu nhận các Ba-la-mật, khiến nhập vào tất cả pháp. Do hành trì Phật đạo không gián đoạn, nên thừa này là vô ngại, ánh sáng chiếu khắp. Nếu tất cả chúng sinh của Đại thừa này đều là Khất sĩ, thì vượt hơn tất cả, không sợ đường tà. Thừa này là Thánh đức của Như Lai, thường ở trước mặt, có thể hàng phục tất cả tạp hạnh của các thứ tà ma, ngoại đạo, lại được hạnh thiện của Như Lai hỗ trợ, như lá cờ báu hiện rõ nơi cây không có gián đoạn. Thừa này có thể trừ diệt vọng tưởng chấp giữ về vô tướng, vô thường, kết sử, nghi hoặc, nhị biên trong ba cõi, đều có thể trừ đoạn về

chỗ thủ đắc nơi thừa Như Lai, Phật là không chướng ngại. Thừa này có thể đối với tất cả pháp tích tập, thân cận Tam bảo, lợi ích người đời, đều được nương tựa, đi trên con đường không bị lừa dối, tất cả chúng sinh đều có phần. Vì sức kiên trì đại Bi của quá khứ nên thị hiện nơi này, dùng mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân, khẩu, ý, đầy đủ ánh sáng tươi đẹp, vì mọi nơi không nghi ngờ, không lỗi lầm.

Đó là Bồ-tát tu hành dùng phương tiện thiện xảo trong Đại thừa.

-oOo-

38. Rút ra từ kinh Úc-già Trưởng Giả Sở Vấn *(nói rõ một hạnh)*:

-Nói Bồ-tát tại gia nên tu bốn loại hạnh là nhân duyên không xuất gia.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Trưởng giả Úc-già:

–Bồ-tát tu hành tại gia, dùng bốn loại hạnh tương ưng mà được quy y nơi Như Lai. Những gì là bốn?

1. Không bỏ tâm Bồ-đề.

2. Không phát bỏ hành trì Tam-ma thiền.

3. Không đoạn đại Từ, đại Bi.

4. Không nhiễm tạp các thừa.

Đó là bốn loại hạnh tương ưng thành tựu sự quy y nơi Như Lai

Lại có bốn loại hành nghiệp tương ưng để quy y Pháp. Những gì là bốn?

1. Cúng dường Pháp sư.

2. Tôn trọng việc nghe pháp.

3. Lắng nghe pháp rồi, thì dốc tìm cầu đúng đắn.

4. Nếu được nghe pháp yếu thì vì chúng sinh mà giảng nói rõ, lưu truyền hồi hướng bố thí cho chúng sinh thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác.

Lại có bốn loại hạnh tương ưng để quy y Tăng:

1. Chẳng ưa thích pháp Thanh văn, chuyên cầu Bồ-đề vô thượng.

2. Nếu có chúng sinh tu hạnh nghiệp khác thì khuyên khiến tu học Phật đạo chân chánh.

3. Không thoái chuyển nơi tâm Bồ-đề.

4. Cúng dường Tăng chúng, tìm cầu hạnh nghiệp của bậc Thanh văn

mà không thủ chứng nẻo giải thoát của Thanh văn.

Nếu Bồ-tát tu hành xả bỏ tất cả tài vật rồi thì trí phát sinh tâm bố thí, suy nghĩ như vầy: "Nếu có người đói khát đến xin đồ ăn thức uống đều nên thí cho." Giả sử bố thí những vật cần dùng cho người, lại nghĩ như vầy: "Nhờ tất cả chỗ mong cầu mà thành tự Bố thí ba-la-mật."

Bồ-tát tu hành tại gia thâu giữ giới hạnh như vậy.

Khi ấy, Phật bảo A-nan:

–Ông có thấy trưởng giả Úc-già cúng dường Đức Như Lai, tu tập pháp có thể bố thí các vật mình thích không?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy việc này.

Phật nói:

–A-nan nên biết! Trưởng giả Úc-già trong Hiền kiếp này, có tất cả một ngàn Đức Phật xuất hiện ở đời, đều đem vô lượng của cải cúng dường đầy đủ, nên đã thâu giữ Phật pháp, tuy ở tại gia mà tu hạnh Tăng sĩ hành trì Phật đạo rộng khắp.

Lúc đó, A-nan hỏi Trưởng giả Úc-già:

–Này trưởng giả! Vì ý nghĩa gì mà ở thế gian giống như oán tặc, chỗ ở nơi thế gian có thể ưa thích? Nay gặp nhân duyên xuất gia sao tâm không vui nhận?

Trưởng giả đáp:

–Con không ưa thích thế gian. Vì sao? Vì Bồ-tát tu hành luôn tương ưng với đại Bi chẳng cầu dục lạc, dù nhẫn nhục, khổ não nhưng không bỏ chúng sinh.

Phật bảo:

–A-nan nên biết! Trưởng giả Úc-già tuy là tại gia, nhưng đã từng thành tựu đầy đủ cho số lượng chúng sinh, trăm ngàn vị Bồ-tát khác không thể có được sự thành tựu đầy đủ như vậy. Vì sao? Vì trăm ngàn vị Bồ-tát kia đều không có oai lực thiện xảo như một vị trưởng giả Úc-già.

-oOo-

39. Rút ra từ kinh Thù Thắng Cụ Giới *(nói rõ hai hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành mới phát tâm có thể thọ nhận vô lượng sự cúng dường về y phục, thực ăn uống, giường nằm, tọa cụ, phước đó vô lượng.

-Lại giải thích về thần lực của Long vương A-nậu-đạt-đa.

Bấy giờ Phật bảo các thiện nam:

–Này các thiện nam! Nên cùng ma tranh biện để tìm cầu Thánh vị. Nếu Bồ-tát tu hành khi thành tựu đầy đủ cho chúng sinh thì trước phải cùng với tà ma giao chiến, khiến tạo mọi biến hóa để tương ưng với hạnh thiện, chẳng tìm cầu thầy khác. Đó là pháp hành.

Các thiện nam nên biết! Nếu có người chê, nghi đối với hạnh Thanh văn thì các ông chớ nên chê, nghi. Nếu có người ưa thích tu hạnh Thanh văn thì các ông cũng chớ nên ưa thích.

Khi ấy, các Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là chê, nghi về hạnh Thanh văn, nhưng Bồ-tát thì không như thế? Hàng Thanh văn cầu đạt mà Bồ-tát thì không cầu?

Phật nói:

–Nếu hàng Thanh văn chê, nghi về sinh tử thì các ông không nên chê nghi. Nếu sở nguyện của hàng Thanh văn là ưa thích Niết-bàn thì các ông cũng không nên ưa thích. Đó là pháp hành.

Lúc đó, Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát tu hành đối với các chúng sinh trong khắp thế gian mỗi ngày đều trao cho họ ca-sa, y phục, ý ông thế nào, sự bố thí như vậy là bố thí hoàn toàn thanh tịnh, chẳng như Bồ-tát mới tu hành mới phát tâm và phát tâm Bồ-đề vô thượng, từ đó về sau tức thành tựu tối thượng, Bồ-tát tu hành mới có thể thọ nhận sự bố thí y phục thanh tịnh như vậy.

Nếu Bồ-tát mới tu hành mỗi ngày nhận từng phần cơm thanh tịnh của người khác tích chứa như núi Tu-di tức có thể thọ nhận thanh tịnh, chẳng bằng Bồ-tát mới tu hành phát khởi tâm Bồ-đề, từ đó về sau thành tựu tối thượng, Bồ-tát tu hành mới có thể thọ nhận thức ăn thanh tịnh như vậy.

Nếu Bồ-tát mới tu hành thọ dụng tòa ngồi cao, rộng như bốn cõi thiên hạ, cao như núi Tu-di do bảy báu tạo thành như: Kim, ngân, pha lê, trân châu, mã não, kim cương… lại chạm trổ bằng đủ loại ngọc báu, dùng Thiên y để giăng che bên trên, ở nơi tòa kia, mỗi ngày đối với các chúng sinh thọ dụng thanh tịnh, chẳng bằng Bồ-tát mới tu hành phát khởi tâm Bồ-đề vô thượng, từ đó về sau, vì các chúng sinh sẽ thành thí chủ mới có thể thọ nhận tòa cao ấy.

Xá-lợi-phất nên biết! Ví như bốn phía cung của Long vương A-nậu-đạt-đa sinh ra bốn con sông lớn:

1. Sông Hằng.

2. Sông Tư-đồ.

3. Sông Bạc-xoa.

4. Sông Tân-đô.

Chúng đều chảy vào biển cả, khiến nước biển luôn tràn đầy. Bốn con sông lớn ấy đều có quyến thuộc:

Sông lớn Hằng hà có năm trăm sông nhỏ là quyến thuộc, chảy vào biển cả ở phương Đông.

Sông lớn Tư-đồ có năm trăm sông nhỏ làm quyến thuộc, chảy vào biển cả ở phương Nam.

Sông lớn Bạc-xoa có năm trăm sông nhỏ làm quyến thuộc, chảy vào biển cả ở phương Tây.

Sông lớn Tân-đô có năm trăm sông nhỏ làm quyến thuộc, chảy vào biển cả ở phương Bắc.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn sông lớn ấy tùy theo hướng mà chảy ra trước khi đổ về biển cả, đã dẫn nước đến khắp đồng rộng, có thể tạo lợi ích cho chúng sinh ở thế gian?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bốn sông lớn ấy đã tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, nhân và phi nhân…

Như vậy, các sông lớn nhỏ chảy khắp trong thiên hạ làm thấm nhuần ruộng đất với các thứ lúa gạo, ngũ cốc, rau đậu, dầu, mè, các thứ cây nông nghiệp… đều nhờ nước của các con sông ấy dẫn vào đồng ruộng.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn biển cả kia được tràn đầy ra sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Nhờ bốn con sông lớn đó mà biển cả tràn đầy.

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn con sông lớn kia, ở trong biển cả có thể tạo lợi ích cho chúng sinh ra sao?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Trước hết là tạo lợi ích cho vô số chúng sinh ở dưới nước và đất liền như cá, ba ba, cá sấu, giải, rồng, cá ma-kiệt, mãng xà, nhiều loại hình thù khác nhau ở trong biển… đến các hàng nhân, phi nhân đều được lợi ích. Còn có nhiều loại châu báu đầy khắp trong biển như trân châu, pha lê, mã

não, mạt yết, xà cừ, hổ phách, mai khôi, san hô… đều đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Bốn biển cả này từ đây mà có?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do Long vương A-nậu-đạt-đa mà có.

Phật nói:

–Này Xá-lợi-phất! Long vương A-nậu-đạt-đa này chẳng gặp ba nạn.

1. Chẳng sợ Kim sí điểu ăn thịt nuốt thân.

2. Các nóng chẳng rơi trên thân.

3. Khi hành dục không biến thành rắn.

Còn các Long vương khác đều có ba nạn ấy, chỉ mỗi Long vương A-nậu-đạt-đa thì không bị ba nạn này. Cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa thường có những bậc thần thông thiền định tìm đến. Tất cả chúng sinh vào trong cung đó, cát nóng chẳng rơi trên thân.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa do đâu mà có được oai lực công đức kỳ diệu như thế? Vì sao các Long vương khác, ngày đêm sáu thời đều bị ách nạn, chỉ có Long vương A-nậu-đạt-đa và nơi cung điện kia là không có nạn như vậy? Lại có vô lượng thiện căn công đức là nơi phát xuất của bốn sông lớn tạo lợi ích cho vô lượng sản nghiệp của chúng sinh.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đúng như lời ông đã nói! Long vương A-nậu-đạt-đa là Đại Bồ-tát, là Bồ-tát tu hành Bồ-tát lớn lao.

Này Xá-lợi-phất! Ví như Long vương A-nậu-đạt-đa đối với ba thứ nạn kia đều được giải thoát. Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, cũng được giải thoát khỏi ba thứ ách nạn, đó là nạn địa ngục, nạn ngạ quỷ và nạn súc sinh. Ví như từ nơi ao của Long vương A-nậu-đạt-đa xuất phát bốn con sông lớn làm thấm nhuần rộng khắp đồng ruộng. Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, dùng bốn Nhiếp sự thâu giữ, giáo hóa các chúng sinh. Bốn Nhiếp sự đó là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự.

Này Xá-lợi-phất! Ví như nước nơi bốn biển cả, do bốn con sông lớn xuất phát từ Long vương A-nậu-đạt-đa mà được thành tựu, Bồ-tát mới tu hành cũng lại như vậy. Do phát sinh tâm Bồ-đề nên thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ví như trong bốn biển cả vô lượng vô biên trăm ngàn ức chúng sinh tương ưng với an lạc.

Xá-lợi-phất nên biết! Chúng sinh nơi ba cõi được an lập trong pháp Phật cũng lại như vậy. Nên thấy chúng sinh nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, hoặc chúng sinh nơi tam thiên đại thiên thế giới thọ nhận an lạc đều nhân nơi công đức của Bồ-tát mà hiện ra.

-oOo-

40. Rút ra từ kinh Giải Thâm Mật *(nói rõ một hạnh)*:

-Bồ-tát tu hành tu tập sáu Ba-la-mật trụ nơi hạnh địa.

Bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát tu hành ấy gồm có bao nhiêu trụ địa để tu học? Bồ-tát nên học như thế nào để có thể thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng?

Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Này Thiện nam nên biết! Bồ-tát tu hành học nơi trụ địa lược ra có sáu loại, đó là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ.

Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sáu thứ trụ địa tu học như thế bao nhiêu là thuộc về Giới học, bao nhiêu là thuộc về Định học và bao nhiêu là thuộc về Tuệ học.

Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Này thiện nam! Nên biết, ba loại học Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, là thuộc về Giới học. Một loại Thiền định là thuộc về Tâm học tăng thượng. Còn Trí tuệ thì thuộc về Tuệ học tăng thượng. Riêng Tinh tấn thì ta nói là hiện bày khắp tất cả ba học.

Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sáu thứ trụ kia tu học như vậy, bao nhiêu là hành trang của công đức, bao nhiêu là thuộc về hành trang của trí tuệ?

Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Này thiện nam! Nếu nhân nơi phần thuộc về giới học, đó là thuộc về hàng trang của công đức. Nếu tu học nơi phần thuộc trí tuệ thì đó là thuộc về hành trang của trí tuệ. Ta nói tinh tấn, thiền định, thì có mặt khắp tất cả, cũng nhập vào hành trang của công đức, cũng nhập vào hành trang thuộc về trí tuệ.

Bồ-tát Quán Thế Âm lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với sáu loại ấy một là, đầu tiên đối với Ba-la-mật của Bồ-tát tạng do hạnh nguyện kiên cố, tương ưng với chánh pháp vi

diệu. Hai là lần lượt ở nơi mười loại pháp hạnh, tinh tấn tu tập, dùng văn, tư, tu để thành tựu diệu trí. Ba là giữ gìn tâm Bồ-đề. Bốn là thân cận cúng dường Thiện tri thức đích thực không gián đoạn, siêng năng tu tập thiện phẩm.

Bạch Thế Tôn! Vì sao sáu loại trụ địa tu học ấy cả sáu thứ nguyện nhận biết nhân của nó.

Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Này thiện nam! Có hai nhân duyên:

1. Tạo lợi ích cho chúng sinh.

2. Đối trị các phiền não.

Bồ-tát Quán Thế Âm nên biết! Trong sáu loại học ấy, ba loại trước: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục là tạo lợi ích cho chúng sinh. Ba loại sau: Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ là đối trị về nhân của tất cả phiền não. Trong đó Bồ-tát tu hành dùng ba loại trước là bố thí tức cung cấp vô số vật dùng cần thiết để thâu giữ nuôi dưỡng chúng sinh. Do trì giới, nên chẳng làm tổn hại, bức bách, não loạn, để khiến họ xa lìa oan gia. Do nhẫn nhục nên dù người khác đến muốn gây hại, bức bách, gây khổ não… đều có thể chịu đựng nhằm thâu giữ, cứu giúp chúng sinh.

Bồ-tát Quán Thế Âm nên biết! Ba loại đã nói ở trước là nhân của sự thâu tóm, bố thí cho chúng sinh. Ba loại sau là để đối trị phiền não. Bồ-tát tu hành do tu học tinh tấn, nên khiến phiền não bị khuynh động, tu học để có thể đối trị, nên dũng mãnh tu các phẩm thiện. Do tu học thiền định nên có thể tẩy trừ tâm phiền não. Do tu học trí tuệ nên trừ hẳn phiền não. Ba loại sau này là để đối trị nhân của phiền não.

-oOo-

41. Rút ra từ kinh Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện Phương Quảng *(nói rõ một hạnh)*:

-Phu nhân Thắng Man phát mười đại thọ nguyện tán thán Đức Như Lai, Đức Như Lai liền xuất hiện.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi tin pháp chưa lâu, cùng nhau nói:

–Con gái của ta là phu nhân Thắng Man, căn tánh thông minh, lanh lợi, mau tỏ ngộ, nếu được gặp Đức Phật, ắt chóng hiểu rõ về pháp, tâm không nghi ngờ. Nên kịp thời khiến tin tưởng phát đạo tâm.

Phu nhân thưa:

–Nay thật đúng lúc.

Vua và hoàng hậu đưa thư cho Thắng Man, tóm lược tán thán về công đức vô lượng của Như Lai.

Liền sai người hầu trong cung tên là Chiên-đề-la đem thư đến nước A-du-xà vào trong cung trao thư cho Thắng Man. Phu nhân Thắng Man được thư, hoan hỷ thọ nhận, đọc tụng, thọ trì, sinh tâm cho là ít có, rồi hướng đến Chiên-đề-la nói kệ:

Ta nghe âm thanh Phật
Ở đời chưa từng có
Quả lời thư chân thật
Phải nên tu cúng dường.

Cúi xin Đức Thế Tôn
Xuất hiện ở thế gian
Nên rủ lòng thương xót
Nguyện cho con được thấy.

Lúc sinh khởi niệm này
Phật hiện nơi hư không
Phóng ánh sáng chiếu khắp
Hiện rõ thân vô thượng.
Thắng Man và quyến thuộc
Đầu mặt lễ sát chân
Đều dùng tâm thanh tịnh
Tán thán công đức Phật.
Thân Như Lai nhiệm mầu
Thế gian không ai bằng
Vô thượng không nghĩ bàn
Thế nên con kính lễ.
Sắc Như Lai vô tận
Trí tuệ cũng như thế
Tất cả pháp thường trú
Thế nên con quy y.
Hàng phục tâm lỗi, ác
Cùng với thân bốn loại
Đến bậc khó điều phục
Thế nên lễ Pháp Vương.
Là Đấng Nhất Thiết Trí

Thân tự tại trí tuệ
Thâu giữ hết thảy pháp
Thế nên con kính lễ.
Kính lễ quá xưng lường
Kính lễ khôn sánh ví
Kính lễ pháp vô biên
Kính lễ khó nghĩ bàn.
Thương xót che chở con
Khiến giống pháp tăng trưởng
Đời nay và đời sau
Nguyện Phật thường thâu nhận.

Ta an lập cho con
Đời trước đã khai ngộ
Nay lại thâu nhận pháp
Đời vị lai cũng vậy.

Con đã tạo công đức
Hiện tại và vị lai
Các gốc thiện như vậy
Cúi xin được thâu nhận.

Khi đó, phu nhân Thắng Man nghe Phật thọ ký rồi nên cung kính đứng yên, thọ mười đại giới:

–Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, chỗ giới con đã thọ không hề có tâm hủy phạm.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, đối với các bậc tôn trưởng, con không khởi tâm kiêu mạn.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, đối với các chúng sinh con không khởi tâm sân giận.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, đối với thân sắc người khác và những vật dụng bên ngoài con không khởi tâm ganh ghét.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, đối với các pháp trong ngoài, con không khởi tâm keo kiệt.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, con không tự vì mình nhận giữ của cải. Nếu có nhận giữ đều vì thành tựu đầy đủ cho chúng sinh nghèo khổ.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, con chẳng tự vì mình mà thực hành bốn nhiếp pháp mà tất cả chúng sinh, dùng tâm không ái nhiễm, tâm không chán đủ, tâm không ngăn ngại để thâu nhận chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, nếu thấy các chúng sinh cô độc, tối tăm bệnh tật bị trói buộc cùng vô số các thứ khốn khổ ách nạn, con trọn không hề bỏ họ, mà thảy khiến họ được an ổn, dùng nghĩa tạo lợi ích khiến họ giải thoát các khổ, sau đó mới xả.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, nếu thấy những người gây tạo nuôi dưỡng các luật nghi ác và phạm giới, con trọn không lìa bỏ. Khi con có được năng lực, đối với mọi nơi chốn, gặp các chúng sinh ấy người nên hàng phục thì hàng phục họ; người nên thâu nhận thì thâu nhận họ. Vì sao? Vì do hàng phục thâu nhận nên khiến pháp được an trụ lâu dài. Pháp được trụ lâu dài thì nơi cõi trời người thêm đông đúc, cõi ác giảm dần. Ở chỗ Như Lai đã chuyển pháp luân mà được tùy chuyển, thấy rõ lợi ấy, nên cứu giúp, thâu giữ không bỏ.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay cho đến ngày chứng quả Bồ-đề, con xin thâu nhận chánh pháp, trọn không hề quên mất. Vì sao? Vì người quên mất pháp thì quên mất Đại thừa. Người quên mất Đại thừa thì quên mất Ba-la-mật. Người quên mất Ba-la-mật thì không thích Bồ-tát Đại thừa. Người không quyết định Đại thừa thì không thể thâu giữ chánh pháp, muốn thuận theo chỗ ưa thích thì vĩnh viễn không kham nổi địa vị vượt phàm phu. Con thấy vô lượng lỗi lầm lớn như vậy, lại thấy các Đại Bồ-tát đời vị lai thâu nhận chánh pháp phát sinh vô lượng phước lợi, nên con thọ mười đại nguyện này.

Bạch Thế Tôn! Xin hiển hiện làm chứng cho con. Chỉ mỗi Đức Thế Tôn là hiện tiền chứng biết. Các chúng sinh, thiện căn vốn mỏng manh, ít ỏi hoặc vượt qua lưới nghi, dùng mười đại nguyện rất khó độ thoát. Các chúng sinh ấy như những kẻ trong đêm dài tăm tối làm những lợi ích phi nghĩa nên không được an lạc. Để tạo sự an lạc cho họ nên nay con đối trước Đức Phật, thệ nguyện nói lời thành thật. Nếu con thọ mười đại nguyện này đúng như lời nói mà hành trì thì do thệ nguyện này, xin ở trong đại chúng sẽ được mưa hoa trời và phát ra âm thanh trời vi diệu.

Khi nói ra lời này rồi, thì nơi hư không mưa các loại hoa trời, phát ra âm thanh vi diệu, nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như phu nhân đã nói là chân thật, không khác.

Do thấy hoa và nghe âm thanh kia, tất cả chúng hội đều trừ dứt mọi

nghi hoặc, hết mực hoan hỷ cùng phát nguyện: "Thường cùng với phu nhân Thắng Man kết hợp, hành trì." Đức Thế Tôn đều thọ ký cho tất cả đại chúng theo như sở nguyện của họ.

Bấy giờ, phu nhân Thắng Man lại đến trước Đức Phật, phát ba đại nguyện, nói như vầy:

–Dùng nguyện chân thật này làm an ổn vô lượng, vô biên chúng sinh. Do thiện căn này, đối với tất cả đời đều được trí lãnh hội chánh pháp. Đó là đại nguyện thứ nhất.

Con được trí lãnh hội chánh pháp rồi, đem tâm không chán bỏ vì các chúng sinh giảng nói. Đó là đại nguyện thứ hai.

Con thâu nhận chánh pháp, xin xả thọ mạng, của cải để hộ trì chánh pháp. Đó là đại nguyện thứ ba.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền thọ ký về ba đại thệ nguyện của phu nhân Thắng Man. Giống như hết thảy các sắc đều nhập vào cõi "không", hằng sa các thệ nguyện của Bồ-tát như vậy, đều nhập vào trong ba đại nguyện này. Nguyện này là chân thật, rộng lớn.

-oOo-

42. Rút ra từ kinh Xuất Sinh Vô Biên Đà-la-ni Môn *(nói rõ ba hạnh)*:

-Nói người hành trì Đà-la-ni nơi kinh này đến khi mạng chung có tám mươi ức chư Phật đến nghênh tiếp.

-Lại biểu thị ba thân của Như Lai.

-Lại nói Bồ-tát tu hành tu bốn hạnh môn vô tướng, mau chóng thành tựu Phật đạo.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nếu các Bồ-tát tu hành vì cầu đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề, phải nên phát tâm rộng lớn, không còn nhiễm chấp, không lấy, không bỏ, thọ trì tụng niệm Đà-la-ni này.

Thế Tôn liền nói Đà-la-ni:

–Tả đà thể đàm, a noa ma noa, a khê ma khê, sa mạn đa mục khê, sa đê la dương, tảo dương, dục ngật đê, nê lỗ ngật đê, nê lỗ ngật đa bát tỳ, ế lê dương lê hê lê, khả lập tỵ, khả lập báng nê, khả lập bả tê, sa lê sa la hòa đê, hê la hê lê, hê lễ lê, hê la hể lễ lê, chiến đề, già hòa đê, giả lê già la noa, già la già la noa, a giả lê, án đê, án đa dê, khả la noa, a la noa, a tán đê, niết mạn nê, niết mạn đát nê, niết mục ngật đê, niết điện đê, niết đà lê, niết ha

lê, niết ha la phục ma lê, niết ha la thiêu đà nê, thiêu đà nê, thi la thiêu đà nê, bát kiết đê mạt nê, bát kiết đê nê bả nê, bà hòa phục bà hòa nê, a tăng nghê, na dương, sai dương, vi bô la bát tỳ, tang cát tỷ noa, điệt lê, điệt điệt lê, ma ha điệt điệt lê, nê na nê, bà hòa phục bà lê nê, bà hòa nê, ma ha bà hòa nê, ngật tra nê, ma ha ngật tra nê, da xa hòa đê, giả lê, a giả lê, ma giả lê, sa ma giả lê, điệt trà tán nê, tốc tư thể đê, a tăng già tỳ ha lê, a tăng già tỳ ha lê, sa mạn đa mục khê, niết ha lê, niết ha la dục ngật đê, nê ha la phục ma lê, nê ha la thiêu đà nê, diệt trà tán nê, tốc tư thể đê, tảo dương tống ma hòa đê, tư đãng dương, tư đãng ma hòa đê, tư tham bà hòa đê, điệt trà tư thảng dương, tư đãng ma bát ty đê, ma ha bát tỳ, sa mạn đa bát tỳ, tùy ma la bát tỳ, tỳ ma la thấp dương, sa mạn đa mục khê, tát bà đát la nữ hạt đê, đấu na xả đà bát la đê bà nê, đà la ni nê đà nê, đà la ni mục kháng nô tán nê, tát bà bột đà bà sắt đê, tát bà bột đà diệt sắc sỉ đê, nê đà na ngao đê lê, sa ha.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nếu Bồ-tát nào tu trì Đà-la-ni này, thì không nên phân biệt pháp hữu vi, vô vi, cũng không chấp trước, không tăng giảm, không thành, không hoại, không hợp, không tán, không sinh, không diệt, cũng không nghĩ các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng không tích tập, thâu giữ các pháp, chỉ nên tư duy về chư Phật chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc, chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng. Bồ-tát không nên cùng các hàng Nhị thừa chấp giữ sắc thân của Phật. Vì sao? Vì hàng Thanh văn, Duyên giác chấp giữ tướng trang nghiêm nơi sắc thân của Phật. Bồ-tát thì không như vậy. Vì sao? Vì thân của Như Lai là tướng vô sinh, vì khắp chúng sinh, đối với tất cả pháp, do không soi chiếu về tư lương của tập trí, hiện rõ Pháp thân là tướng hư không, tướng vô sinh. Pháp thân của Như Lai dùng tướng vô sinh làm sắc uẩn, lại do ý nghĩa thâm diệu của tướng vô sinh, là thể của các pháp. Nhưng các Bồ-tát chẳng nên ở nơi phi sắc mà chấp tướng của Như Lai. Nếu do nơi phi sắc chấp giữ tướng của Như Lai thì đồng với Thanh văn, tức cho Đức Phật vào Niết-bàn tịch diệt thì sắc thân đoạn mất, không còn sinh nữa. Bồ-tát thì chẳng như vậy. Vì sao? Vì thân của Đức Như Lai là tướng vô tận, vì khắp chúng sinh nơi tất cả pháp, do chẳng soi sáng mà hiện rõ sắc thân, dùng pháp tạo tướng tích lập tư lương phước đức. Do sắc thân của Như Lai là tướng vô tận. Đó là sắc uẩn vô tận, thế nên, tướng của các pháp cũng là vô tận. Nếu độ thoát chết chưa hết cảnh giới của chúng sinh thì Như Lai luôn hiện ra sắc thân vô tận.

Này Xá-lợi-phất! Đối với phần Đà-la-ni trong kinh này thường sinh

ra vô lượng diện môn. Bồ-tát tu hành nếu được nghe kinh này thì đối với đạo quả Vô thượng Bồ-đề đều không thoái chuyển. Vì sao? Vì trong ấy đã hiển thị tất cả thần thông Thánh đức của Như Lai. Lại nhân nơi kinh này mà tăng thêm lợi ích từng phần giới hạnh cho chúng sinh, giữ gìn pháp vô sở đắc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ tụng:

Các ông chớ đắm trước
Hết thảy các pháp không
Nơi chư Phật Bồ-đề
Cũng không khởi phân biệt.
Đối Bồ-đề Niết-bàn
Cũng không sinh nghi hoặc
Nếu hay tu hạnh này
Mau được Đà-la-ni.
Nghe trong Khế kinh ấy
Tập trí, không vô tướng
Không sinh cũng không diệt
Nên mau chứng Bồ-đề.
Bồ-tát trì kinh này
Hiểu rõ vô lượng pháp
Được sinh cõi chư Phật
Thân cận bậc Tối thắng.
Nếu được Đà-la-ni
Quyết định nghĩa sâu xa
Tâm không sinh sợ hãi
Thọ trì pháp vô tận.
Tất cả mười phương Phật
Nói pháp đều nghe hết
Nghe rồi nên thọ trì
Cung kính mà phụng hành.
Nếu thọ trì kinh này
Đối văn tự, danh cú
Nghĩa vi diệu đã nêu
Trọn không còn nghi ngờ.
Như ánh sáng nhật nguyệt
Soi chiếu khắp mọi nơi
Biết rõ pháp môn này
Thông đạt vô lượng nghĩa.

Nên trì tụng kinh này
Liền tự mình hiểu biết
Tất cả pháp tối thắng
Diệu môn Đà-la-ni.
Giả sử trong một kiếp
Hết thảy các chúng sinh
Những nghi hoặc hiện có
Đều hỏi người trì kinh.
Khi Bồ-tát trì kinh
Đều vì họ giảng giải
Đã đoạn trừ lưới nghi
Trí Bồ-tát vô tận.
Nên ưa thích kinh này
Mau thân cận Bồ-đề
Đó là chân Phật tử
Hộ trì tạng bí mật.
Trì Đà-la-ni này
Chúng sinh đều cung kính
Chư Phật cùng ngợi khen
Danh vang khắp mười phương.
Vì do trì kinh này
Đến lúc sắp mạng chung
Thấy tám mươi ức Phật
Đều đưa tay dắt dẫn.
Cùng phát lời như vầy:
Ông sinh qua cõi ta
Do tụng trì kinh này
Hiện được phước như vậy.
Nếu trăm ngàn ức kiếp
Tạo tội, phải nên biết
Tụng Đà-la-ni này
Một tháng được thanh tịnh.
Bồ-tát trong ức kiếp
Siêng học các công đức
Tụng kinh này một tháng
Phước đó hơn người kia.
Khéo nghĩ, tuệ tinh tấn
Tam-muội Đà-la-ni

Vì kinh thường hiện tiền
Cho đến Như Lai địa.
Các chúng sinh ba cõi
Một thời đều là ma
Lo tụng trì kinh này
Đều không còn chướng ngại.
Trong kinh này giải thích
Tất cả các pháp môn
Mà nói Nhất thiết trí
Nhân đấy thành Chánh giác.
Ta nhân nghe kinh này
Nhiên Đăng thọ ký ta
Rằng ông sẽ thành Phật
Giải thoát các chúng sinh.
Lúc đó, thấy chư Phật
Số nhiều như hằng sa
Nghe như Phật thuyết pháp
Đều có thể hiểu rõ.
Nếu muốn được thọ trì
Pháp chư Phật đã nói
Siêng tu học kinh này
Mau thành lực như vậy.
Cõi trang nghiêm thù thắng
Đại hội các thánh chúng
Tướng ánh sáng diệu tộc
Đều từ kinh này được.
Nếu người qua bảy ngày
Suy nghĩ kinh này kỹ
Tám mươi ức chư Phật
Đều nói pháp như thế.
Nghĩ tà, đừng nên nghĩ
Không nên nghĩ, chớ nghĩ
Dùng trí nghĩ chân chánh
Mau được kinh điển này.
Siêng năng tu pháp môn
Chớ sợ xa Bồ-đề
Như người đến "chốn báu"
Tùy ý nhặt châu ngọc.

Nếu trì Đà-la-ni
Đừng nói không báo lành
Trời người đầy đủ vui
Gần Phật đạo chẳng khó.
Nếu nguyện mau thành Phật
Nên trì kinh điển này
Rốt ráo ắt sẽ được
Đại Bồ-đề vô thượng.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp nhất định sẽ được Đà-la-ni này. Những gì là bốn?

1. Không thích ái dục.

2. Không sinh ganh ghét.

3. Đối với các chúng sinh hay xả tất cả, không có giận dữ.

4. Ngày đêm vui vẻ, hết lòng ưa thích cầu pháp.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì được Đà-la-ni ấy.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì đạt được Đà-la-ni này. Những gì là bốn?

1. Trụ hạnh A-lan-nhã, vắng lặng.

2. Ngộ nhập vào pháp nhẫn sâu xa.

3. Không thích danh tiếng lợi dưỡng.

4. Có thể xả bỏ các vật yêu thích, cả đến thân mạng.

Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì đạt được Đà-la-ni ấy.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì đạt được Đà-la-ni ấy. Những gì là bốn pháp? Đó là nhập vào nghĩa của tám chữ. Tám chữ là gì?

1. Chữ Bả: Nghĩa thứ nhất này là nhập vào nghĩa vô ngã của tất cả các pháp.

2. Chữ La: Là nhập vào Pháp thân vô sinh của Đức Như Lai. Do không soi chiếu về hành trang của Tập trí là tướng không chốn nhập, nên dùng tướng vô sinh làm sắc thân, dùng tướng vô tận làm nghĩa nhập của sắc uẩn.

3. Chữ Ma: Là nhập vào nghĩa pháp pháp trí tuệ, ngu si tạo nên cùng loại.

4. Chữ Khả: Là nhập vào nghĩa phân biệt nghiệp báo, cũng không nghiệp báo.

5. Chữ Xà: Là nhập vào nghĩa tỏ ngộ về sinh, già, bệnh, chết, chẳng sinh chẳng diệt.

6. Chữ Đà: Là nhập vào nghĩa thông tỏ, giác ngộ thể của pháp Đà-la-ni là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vắng lặng như Niết-bàn.

7. Chữ Xả: Theo pháp Xa-ma-tha, trụ vào tướng tịch định. Nơi Tỳ-bát-xá-na thấy đúng tướng của các pháp.

Như thế nào để được trụ vào tịch định? Là phải ngày đêm siêng năng, tinh tấn không gián đoạn quán hình tượng của Đức Phật, không nên chấp tướng, nên nghĩ nơi Tỳ-bát-xá-na, do trí tuệ nên thấy chân chánh.

Nếu hành giả thấy Đức Phật hiện ra, bèn cho là Phật thật, nên nghĩ như vầy: "Đức Phật này đã từ phương nào đến? Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương phụ, trên, dưới?"

Nếu cho Đức Phật ấy là do người tạo ra thì nên nghĩ như vầy: "Đức Phật này, đó là đất, cây, làm ra chăng? Hay là vàng, bạc, đồng, thiếc làm ra?"

Quán như vậy rồi, Phật được biết thấy chỉ là do ta ở trong tinh xá. Quán hình tượng Đức Phật, ngày đêm nhớ nghĩ, thế nên hình Phật thường hiện ra trước mắt. Do thế, nên biết, ta thường thấy nghe tất cả các pháp, bèn cho là thật, đều tự nơi tâm mình nhớ nghĩ mà khởi lên. Tức là Bồ-tát tu hành, thứ nhất là luôn tu tập định không trụ, cho đến địa Hoan hỷ.

Vì sao quán hình tượng Đức Phật, cùng trụ vào môn Thắng nghĩa đế? Nên nghĩ như vầy: "Ta nay đã thấy hình tượng của Phật, không phải là tướng của chủng loại nơi Phật hiện có. Đây chỉ là ta hiện đang quán sát nhân duyên của hình tượng, nên thấy hình tượng Phật, được vào trong định nhận biết tất cả các pháp cũng lại như vậy."

Vì ý nghĩa đó nên thấy hình tượng Phật, không phải là hoàn toàn không thấy. Nên biết chữ Xả cùng với tất cả các pháp là không sai khác, đều cùng nhập vào nghĩa của pháp môn.

Tám là chữ Xoa là nhập vào nghĩa các pháp đều không, chẳng sinh chẳng diệt. Vì sao? Vì hiểu rõ các pháp xưa nay là vắng lặng, tự tánh là Niết-bàn.

Nghĩa của tám chữ ấy nên thọ trì như vậy, tùy theo nơi chốn nào có kinh này thì phải nên tôn trọng, cung kính, cúng dường, cứ mỗi nửa tháng thì đọc tụng diễn nói. Nếu thấy người đọc tụng kinh điển này thì nên tán

dương, khuyên họ tinh tấn.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có Bồ-tát tu hành, tu tập bốn pháp ấy thì đạt được Đà-la-ni.

-oOo-